

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

地理全书

Bình Giải Văn Hóa Thần Bí

Giải Thích Họa Đồ Bằng Bạch Thoại







MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LƯU BÁ ÔN
VÀ CÁC TÁC GIẢ

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Biên dịch : **Lê Khánh Trường**
Lê Việt Anh
Hiệu đính : **Đặng Đức Lương**

In lần thứ ba có sửa chữa, bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
2001

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TỰA

Phong thủy, thời cổ đại còn gọi là Thanh ô thuật, Thanh điểu thuật, Địa lý, Âm dương, Kham dư, v.v... Trong xã hội Trung Quốc thời xa xưa, phong thủy là một hiện tượng văn hóa không thể xem thường, luôn luôn lưu truyền, nếu thực sự muốn truy tìm khởi nguyên, thì có thể nói rằng ngay từ thời công xã thị tộc đã xuất hiện những hình thức ban đầu của nó. Từ thời đại Thương, Chu đã có thể nhận biết các hình tượng loại này. Chẳng hạn, các nhà phong thủy học hậu thế còn mãi thích thú với bài "Công Lưu Thiên Mân" trong Kinh Thi nói về ký ức của dân tộc Chu về sự di chuyển của tổ tiên. Mỗi khi nhắc đến sự di chuyển ấy, người Chu lại xướng :

"Đốc công lưu, vu lư tư nguyên, kỳ thuận nãi tuyên... trắc tắc tại nghiễn, phục giáng tại nguyên".

"Đốc công lưu, kỳ phổ kỳ trường, kỳ cảnh nãi cương, tương kỳ âm dương, quan kỳ lưu tuyền... độ kỳ thấp nguyên... độ kỳ tịch dương, Mân cư doãn hoang".

("Đốc lòng lưu lợi ích chung, thế nên chọn chốn đất bằng, đã thuận lại thông, lên cao đi tới đỉnh đồi, xuống thấp đi tới đồng bằng.

Đốc lòng lưu lợi ích chung, chọn đất rộng dài, đồi núi tươi đẹp, lại hợp âm dương, có nguồn suối chảy. Dẫn đo nơi trũng thấp, chốn tịch dương mà định cư ở vùng đất Mân".)

Đủ thấy khoa phong thủy vốn có từ mấy ngàn năm về trước, nằm trong bối cảnh văn hóa xã hội thâm hậu, cho nên suốt mấy ngàn năm nay, kinh nghiệm phong thủy vẫn được lưu truyền tận hang cùng ngõ hẻm ở Trung Quốc, thậm chí vẫn hiện diện trong sinh hoạt thường ngày của các dân tộc ít người. Đáng tiếc là từ đầu thế kỷ hai mươi đến giờ, xã hội từng có những giai đoạn trừng phạt thuật phong thủy. Nhưng cũng may nó hoàn toàn không mất ảnh hưởng, chính vì phong thủy đã là một tín ngưỡng có cơ sở tâm lý bám rễ chắc chắn trong lòng người, cho nên khi gặp cơ hội thích hợp, nó lại trỗi dậy.

Điều trọng yếu là, trước phong thủy như một hiện tượng văn hóa, người ta nên có thái độ và góc độ nhìn nhận như thế nào. Đến nay khoa học không còn là khu vực cấm. Trước một hiện tượng văn hóa từng tồn tại trong lịch sử và hiện thực xã hội nhiều đời, nếu chưa đi sâu quan sát nghiên cứu, đã tùy tiện phê phán, thì thật là thiển cận và phi khoa học. Hegel đã nói : *"Tồn tại là hợp lý"*. Hợp lý, nghĩa là có lý do để tồn tại. Nếu cho rằng nó là căn bã xấu xa, cũng phải hiểu rõ căn bệnh, mới có thể kê đơn điều trị. Cho nên, phải kiến lập một ngành khoa học chuyên nghiên cứu phong thủy, đó vừa là yêu cầu tất nhiên để phát triển khoa học, vừa là nhiệm vụ vô cùng trọng yếu trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc của chúng ta. Ở nước ngoài, đã sớm hình thành một môn khoa học rõ ràng nghiên cứu khoa phong thủy của Trung Quốc. Ví dụ, một chuyên gia nghiên cứu văn hóa khoa học kỹ thuật cổ đại Trung Quốc là tiến sĩ Leeaoxơ đã biểu thị sự quan tâm rất lớn đến khoa phong thủy của Trung Quốc. Hiểu biết của tiến sĩ Leeaoxơ về lịch sử khoa phong thủy của Trung Quốc cực kỳ sâu sắc, khiến chúng ta vô cùng thán phục. Lời tổng kết việc nghiên cứu phong thủy của ông như sau : *"Kham dư thuật, trong số các thuật chiêm bốc, là uyên thâm nhất của các thời đại văn hóa Trung Quốc"*.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngoài ra, chúng ta phải bất đắc dĩ thừa nhận rằng các công trình nghiên cứu phong thủy ở nước ngoài lại rộng lớn, sâu sắc hơn so với ở chính trong nước ta. Có thể nói, các nhà nghiên cứu phong thủy thật sự lại không ở Trung Quốc. Dù vào thập niên 50, giới khảo cổ coi Túc Bạch tiên sinh là đại biểu mở đầu cho việc nghiên cứu phương diện kỳ diệu thần bí về phong thủy, song đó chẳng qua chỉ là bước khởi đầu. Dù chúng ta ca ngợi Túc Bạch tiên sinh hết lời, nhưng cũng phải thấy rằng đến tận hôm nay, phong thủy vẫn chưa trở thành một môn khoa học chân chính. Đây là trách nhiệm của các nhà nghiên cứu hay là của những người khác ? Có lẽ là của mọi người.

Ở nước ngoài, các nhà nghiên cứu Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu hơn cả. Vì Âm Dương ngũ hành đã được truyền nhập vào Nhật Bản từ thế kỷ VI, thuật phong thủy chiêm bốc đã thịnh hành từ thế kỷ VII, nên các nhà nghiên cứu Nhật Bản có điều kiện thuận lợi hơn cả. Trong số học giả nghiên cứu phong thủy Trung Quốc, người đạt thành tựu cao nhất là giáo sư Biên Hán Hùng(*), cũng là nhà bác học nổi tiếng thế giới.

Ở Mỹ, tại trường Đại học Chicago cũng có các học giả nghiên cứu lĩnh vực này.

Trong giới khoa học Trung Quốc hiện nay, người thực sự đột nhập vào khu cấm địa để nghiên cứu phong thủy là giáo sư Vương Kỳ Hưởng ở trường Đại học Thiên Tân. Giáo sư Vương Kỳ Hưởng là người đầu tiên nghiên cứu áp dụng thuật phong thủy vào lĩnh vực thiết kế kiến trúc. Ông cho rằng thuật phong thủy vốn là tinh hoa lý luận kiến trúc của Trung Quốc cổ đại.

Cỗ xe đã có người đẩy, cuối cùng đã chuyển bánh, dù còn quá ư nặng nề, ì ạch.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1

Chúng ta hãy thử tiến hành truy tìm khởi nguồn của khoa học phong thủy một cách đơn giản và sơ lược.

Cuốn "Táng Thư", do Quách Phác đời Tống (thế kỷ III) viết, mở đầu bằng câu : *"Táng giả, thừa sinh khí dã"*, nghĩa là : "Người đã chôn, sinh khí vẫn còn".

"Kinh" viết :

> "Khí thừa phong tắc tản, giới thủy tắc chỉ, cổ nhân tụ chi sử bất tản, hành chi sử hữu chỉ, cố vị chi phong thủy"
>
> (*"Khí nhân gặp gió ắt tiêu tán, gặp nước ngăn lại ắt dừng. Cổ nhân tụ tập lại mà không cho tản mát, cho đi rồi bắt có dừng, nên mới gọi là phong thủy"*).

"Thanh nang" tương truyền cũng là của Quách Phác, vì thế các sư môn hậu thế tôn xưng Quách Phác là tổ sư của mình khi hành nghề phong thủy.

Căn cứ các tài liệu ghi trên giáp cốt văn còn đến ngày nay, thì khoa phong thủy có lẽ khởi nguyên từ việc xây dựng thôn ấp. Phong thủy thoạt đầu liên quan đến tri thức về địa thế sơn thủy xung quanh. Trong bốc từ đời nhà Ân và nhà Thương, có thể thấy nhiều ghi chép về chiêm bốc kiến trúc, mà những người chuyên trách chiêm bốc gọi là bốc trạch.

Download Ebook Tại: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ví dụ Ân Vương xây thành ấp, bốc từ ghi :

> Tý bốc, Tân trinh, ta xây ấp ? ("Ất" 583)
> Ất Mão bốc, tranh trinh, Vương xây ấp, đế nhược ? (Từ) Đường. ("Ất" 570)
>
> *[Trích dẫn từ "Ân Dung Bốc Từ Nghiên cứu - Khoa học kỹ thuật biên". Tỉnh Tứ Xuyên, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tháng 12 năm 1983, trang 379, 380]*

Điều này chứng tỏ khi Ân vương xây dựng thành ấp, muốn bói vấn Thượng đế, xin Thượng đế đồng ý (đế nhược), mới dám quyết định khởi công xây ấp vào thời gian nào, ở địa điểm nào.

Tuy người đời Chu có thái độ kính nhi viễn chi đối với quỷ thần, nhưng khi xây dựng vẫn chọn phương pháp chiêm bốc. Bài "Công Lưu Thiên Mân" dẫn trên là một ví dụ. Một ví dụ khác : Khi Chu Thành Vương xây dựng kinh đô lạc ấp, cũng "Ngã bốc hà sóc lê thủy, Ngã nãi bốc giản thủy đông; triển thủy tây, duy lạc thực. Ngã hưu bốc triển thủy đông, diệc duy lạc thực. Bình lai, dĩ đồ cập hiến bốc". (Xem "Thượng Thư")

> *["Trẩm bói ngày (tháng) con nước, trẩm đón giản thủy đông, triển thủy tây, chỉ nhằm sao cho yên vui no đủ. Trẩm lại đoán triển thủy đông, cũng chỉ lo sao cho no đủ yên vui. Do vậy, lấy bản đồ địa hình ra mà bói"].*

Cuối thời Chiến Quốc, ở đất Tề, Yên, thuyết Thần Tiên nổi lên mạnh mẽ, các phương sĩ lại dùng âm dương ngũ hành để chiêm đoán nhân sự, thuật phong thủy bị mất dần yếu tố duy vật của Tướng Trạch thời Chu, mà mang thêm sắc thái huyền bí và duy tâm. Phải đến đời Lưỡng Hán, học thuyết Sấm húy lưu hành mới thúc đẩy thuyết Ngũ hành. Nho học hợp lưu với thuyết Âm dương ngũ hành, lại hấp thụ phương thuật tôn giáo nguyên thủy, khiến vào thời Hán, Nho học trở thành một thứ Kinh học chuyên giảng về sự cảm ứng Thiên - Nhân, mà Đổng Trọng Thư là đại biểu. Lại thêm Đạo giáo bước vào thời kỳ hưng khởi, các phương thức ứng vận mê tín phổ biến trong dân gian, thuật phong thủy trở thành một thuật số gắn liền với việc xem thiên tượng.

Giai đoạn này có một phát minh trọng đại là bàn chỉ nam, một công cụ biểu thị phương hướng, cũng là dụng cụ tối cần thiết của các sư môn phong thủy hậu thế, tiền thân của chiếc la bàn ngày nay.

Lý luận phong thủy đời Hán đại lược gồm hai bộ phận. Trong "Hán Thư Nghệ văn chí" có "Kham dư kim quý" và "Cung trạch địa hình", tiếc rằng nay đã thất truyền. Phần đầu quy ngũ địa loại vào một trong sáu thuật. Phần sau quy vào hình pháp loại. Lý luận phong thủy hậu thế về mặt lý pháp và hình pháp đại để dựa vào hai bộ phận này. Kham dư, một lĩnh vực hoạt động của các chiêm gia đời Hán, chủ yếu là chiêm bốc kiến trúc. Hình pháp bao gồm các phương diện Tướng trạch, Tướng nhân, Tướng vật. Về hình pháp, nêu lên thế cửu châu để lập thành hình dáng nhà cửa, lấy độ số và khí vật của người và lục súc mà hình dung, xác định quý tiện, cát hung. Từ đó, phạm vi áp dụng của nó ngày một rộng rãi.

Thời kỳ Ngụy Tấn, do tình hình xã hội chính trị bất an, nhiều văn nhân bị hãm hại, nên những người có tài thường ở ẩn, sống cuộc đời thanh đạm. Sau đó, khi nhà Tấn dời về Giang Nam, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa cũng di chuyển theo, miền đông nam sơn thủy (phong cảnh) đẹp đẽ, khí hậu ôn hòa, nên lý luận phong thủy cũng phát triển mạnh mẽ. Tuy không thấy có trước tác chuyên về phong thủy (như "Táng thư" của Quách Phác đã kể), nhưng cũng xuất hiện nhiều tác phẩm của các ẩn sĩ như Nguyễn Tịch, Kê Khang... Tư tưởng âm dương không chỉ lộ rõ, mà còn là nguồn gốc của nhiều điển tích phong thủy sau này.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thời đại Đường Tống, do kinh tế phát đạt, hơn nữa, bản thân thuật phong thủy đã trải qua hàng nghìn năm phát triển, nên thuật này đã hình thành những trường phái nhất định. Giai đoạn này "Táng Thư" được lưu truyền khá phổ biến, la bàn được sử dụng rộng rãi.

Phúc Kiến và Giang Tân là hai trung tâm phong thủy, tạo nên hai trường phái lớn.

1. Trường phái Giang Tây

Còn gọi là Loan thể phái, Hình thế phái. Sách "Cai dư tùng khảo" đời Thanh viết : *"Giang Tây pháp phát sinh từ các ẩn sĩ Giang Tây như Vương Quân Tùng, Tăng Văn Địch, Lại Đại Hữu, Tạ Tử Dật, là chủ thuyết về hình thế mà định hướng vị, chuyên nói về sự phối hợp Long, Huyệt, Sa, Thủy"*.

Người đặt nền móng, tổ sư của phái Giang Tây là Dương Quân Tùng, được coi là nhân vật trọng yếu trong lịch sử phong thủy, nhưng thân phận của ông rất mơ hồ. Trong "Tứ Khố Toàn Thư Tổng Mục Đề Yếu" chỉ ghi : *"Quân Tùng không thấy trong sử sách truyền lại, duy trong "Thư Lục Giải" của Trần Chấn Tôn có nhắc đến người này, (Tống sử, Nghệ văn chí) thì gọi là Dương Cứu Bần, nhưng cũng không rõ lắm. Các thuật gia cho rằng, Quân Tùng là người Ích Châu hoặc Đậu Châu, làm quan đến chức Kim Tử Quang Lộc đại phu, phụ trách về địa lý. Tại Quảng Minh, gặp loạn Hoàng Sào, vội giấu Ngọc Hàm bí thuật mà chạy loạn, sau đến Độ Châu. Lời vô căn cứ, không đủ tin cậy"*. Dương Quân Tùng và Tăng Cầu Kỷ truyền thuật phong thủy cho Dư Khâu Đình Hàn và Tăng Nhất Hạnh, Dư Khâu và Nhất Hạnh lại truyền cho Trần Hi Di (tức Trần Đoàn), Trần Đoàn truyền cho Ngô Khắc Thành, Khắc Thành truyền cho Ngô Cảnh Loan, Cảnh Loan truyền cho con gái, người con gái lại truyền cho Liêu Kim Tinh.

Các trước tác chủ yếu của phái Giang Tây gồm Nghi Long Kinh, Hám Long Kinh, Táng Pháp Thập Nhị Trượng, Thanh Nang Ảo Ngữ, v.v...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Trường phái Phúc Kiến

Còn gọi là Tông Miếu Pháp, Ốc Vũ Pháp. "Cai Dư Tùng Khảo" của Triệu Dực đời Thanh viết : *"Nói đến Ốc Vũ Pháp thì khởi thủy từ dải Mân (tức Phúc Kiến), chủ về Tinh quái, Dương sơn dương hướng, Âm sơn âm hướng, đơn thuần dựa vào Ngũ tinh Bát quái để xác định cái lý Sinh - Khắc"*.

Phái Phúc Kiến cực thịnh thời Nam Tống, nghiên cứu nguyên lý Trạch Pháp, đề ra các pháp như Thiên Môn, Địa Hộ, Quỷ Môn, Nhân Môn v.v... có ảnh hưởng rất sâu sắc tới lý luận phong thủy sau này.

Đến thời đại Minh, Thanh, thuật phong thủy đạt tới giai đoạn cực thịnh. Phong thủy thâm nhập mọi phương diện của đời sống con người. Những người trong hoàng tộc cũng say mê thuật phong thủy. Các bộ sách lớn như "Vĩnh Lạc Đại Điển", "Tứ Khố Toàn Thư", "Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành", v.v... đều thu thập các điển tích phong thủy. Thời kỳ này, không chỉ một số văn nhân nghiên cứu và hiệu đính các sách phong thủy, mà trong dân gian xuất hiện tràn lan các bản khắc thư tịch phong thủy.

Thời Càn Long, khắp nơi trong nước đều có phong thủy sư hành nghề. Nhìn chung có thể chia ra hai đại lưu phái : một là Hình pháp, kế thừa thuyết của phái Giang Tây, hai là Lý pháp, kế thừa thuyết của phái Phúc Kiến.

Tóm lại, Hình pháp thực ra là quan sát kết cấu thủy thổ xung quanh công trình kiến trúc, cùng sự sắp xếp bố cục của bản thân công trình. Lý pháp là dựa vào hai phương diện thời gian và không gian để khảo sát quan hệ biến hóa giữa Nhân thể với Khí hậu địa lý, sóng từ địa cực.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

2

Dưới đây, chúng ta hãy xem xét mấy khái niệm chủ yếu của thuật phong thủy.

Trước hết là Địa Lý Ngũ Quyết.

Ngũ Quyết là gì ? Là Long, Huyệt, Sa, Thủy, Hướng, các hoạt động tương ứng là Mịch Long (tìm mạch), Sát Sa (xét đất cát), Quan Thủy (quan sát nước), Điểm Huyệt, Lập Hướng.

Long là gì ? Long là mạch lạc của núi, đất là thịt của Long, đá là xương của Long, thảo mộc là râu tóc của Long. Tìm Long phải tìm tổ tông cha mẹ, xét khí mạch, phân biệt sinh khí, âm dương. Tổ tông sơn là xuất xứ của sơn mạch, là nơi khởi nguyên của dãy núi. Phụ mẫu sơn là chỗ nhập thủ của sơn mạch, xét khí mạch tức là xem sơn mạch có liền hay đứt quãng, sống lưng của sơn mạch có luân vựng hay không, có luân có vựng là cát, không có là hung. Ngoài ra, tìm Long trước hết phân biệt cửu thế, có chín Long thế là Hồi Long, Xuất Dương Long, Giáng Long, Sinh Long, Phi Long, Châm Long, Ẩn Long, Đẳng Long, Lãnh Quần Long. Lai Long phải là sơn thế khúc chiết, uyển chuyển chạy ra xa là cát.

Phán đoán hình thế núi còn có thuyết ngũ tinh, thuyết cửu tinh, v.v... Ngũ tinh là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Cửu tinh là Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phù, Hữu Bật.

Sa là gì ? Sa là tiểu sơn (núi nhỏ) ở quanh chủ long. Sa ở mé bên tả gọi là Thanh Long, Sa ở mé bên hữu gọi là Bạch Hổ, Sa ở đằng trước gọi là Chu Tước, Sa ở đằng sau gọi là Huyền Vũ. Nếu căn cứ hướng gió, lại còn phân biệt Thượng phong sa và Hạ phong sa. Sa sơn ở phía trước chủ long, nếu gần gọi là Án sơn, nếu xa gọi là Triều sơn.

Thủy là gì ? Là dòng nước (hà lưu) chảy theo sơn mạch. "Thủy tùy sơn nhi hành, sơn giới thủy nhi chỉ" (*Nước theo núi mà chảy, núi chặn nước dừng lại*). Quan sát Thủy trước tiên là nhìn thủy khẩu, bản thân thủy khẩu lại có chỗ nước chảy vào và chỗ nước chảy ra. Chỗ chảy vào nên rộng, chỗ chảy ra nên phong bế. Tiếp đó cần quan sát thủy thành, thủy thành là hình cục của thủy. Tiếp đến quan sát hình thái cụ thể của thủy, yêu cầu phải "tròn trịa, vuông vức".

Huyệt là gì ? Huyệt phân ra Dương huyệt và Âm huyệt. Dương Trạch là chỉ nền nhà, gọi là Dương cơ. Âm huyệt là nơi đặt phần mộ của người chết. Nhưng nói thẳng ra, Huyệt thực tế chỉ sinh thực khí của phụ nữ, là phản ánh điển hình quan niệm sùng bái sinh thực khí ở Trung Quốc cổ đại.

Bốn khái niệm trên là các phạm trù cơ bản nhất trong khoa phong thủy Trung Quốc thời cổ đại, mọi điều khác đều từ đó mà phát triển ra, độc giả sẽ tự hiểu được.

3

Chúng ta tự hỏi : Cuối cùng, quan niệm phong thủy đã sản sinh ra như thế nào ?

Trung Quốc bước vào xã hội nông nghiệp rất sớm. Người Trung Quốc thời cổ đại rất sớm quen thuộc với văn hóa nông nghiệp, có thể nói quen thuộc từ tuổi nhi đồng, ngay từ sớm đã biết quan sát hoàn cảnh xung quanh mình. Hai thứ thuyết pháp "Thanh ô" và "Thanh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

điểu" chính là phản ánh quan hệ mật thiết giữa thuật phong thủy thời kỳ viễn cổ với nền văn hóa nông nghiệp.

Chúng ta đều biết Trung Quốc thời cổ đại sùng bái thần Thái Dương, coi Thái Dương là chủ thể (điểu này còn di lưu đến tận hiện nay). Ban ngày có điểu (chim chóc), đó cũng là một truyền thuyết phổ biến, điểu này là thanh ô (quạ đen). Bản thân Thái Dương là điểu (chim), nên Thái Dương là Thanh ô (quạ đen). Điều này phản ánh quan niệm phong thủy không thể tách rời khỏi lịch pháp thiên văn.

Phong thủy vừa khởi đầu đã kết duyên bền chặt với lịch pháp thiên văn và địa lý. "Ngẩng xem thiên văn, cúi xét địa lý" là hai đặc trưng lớn của nó.

F. Ăng-ghen nói : *"Bản thân sự sinh sản (của loài người) có hai phương diện. Một là các tư liệu sinh hoạt như thức ăn, y phục, nhà ở cùng các công cụ tất yếu tương tự. Hai là sự sinh sản tự thân của nhân loại, tức là sự sinh dẻ"*. Hơn nữa, trong xã hội nguyên thủy, hai phương diện sinh sản này không tách rời, mà liên quan chặt chẽ với nhau tới mức khó phân biệt. Do đó trong phong thủy, "tính" (giống nòi, tính dục) là chủ đề không thể thay thế. Ví dụ, phong thủy cuối cùng được quy về "huyệt". Huyệt là gì ? Chính là sinh thực khí của phụ nữ. Huyệt trường thực chất là sự mô phỏng cung sinh thực khí của nữ giới.

Trong xã hội nguyên thủy, thoạt đầu thuật phong thủy có sứ mệnh thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, mà chữ tính (tính dục) có liên quan mật thiết với sự phát triển, thai hóa sự vật. Do đó, người thượng cổ thường gắn sản xuất của nông nghiệp với tình dục. Điều này không có gì lạ. Chẳng hạn đến nay, ngay ở một số địa phương, còn giữ tập tục khi lúa sắp kết hạt, vợ chồng phải ra ngủ ở bờ ruộng một đêm và giao hợp để thúc đẩy lúa chắc hạt, mau chín, cũng là thứ tư duy hệt như người xưa.

Cùng với sự phát triển của lý luận phong thủy và hoạt động thực tiễn, cự ly giữa phong thủy với thực tế phát triển nông nghiệp bắt đầu xa dần, nếu từ thuật phong thủy hiện tại mà nhìn lại, có lúc rất khó nhận ra nội dung của văn minh nông nghiệp. Nhưng trong tín ngưỡng dân gian, người ta vẫn bảo lưu thứ tư duy trên. Người viết những dòng này, tại một địa phương nọ, từng được nghe kể một truyền thuyết phong thủy như sau :

> Gia đình nọ nhờ một ông thầy địa lý chọn nơi mai táng người nhà bị chết. Ông thầy sau khi chọn đất xong rồi, mới bảo mấy tay thợ đào huyệt : *"Khi đào tới chỗ gặp một tảng đá xanh thì không được đào bới thêm"*. Đến bữa trưa, ông thầy được gia chủ mời về nhà dùng tiệc rượu. Mấy tay thợ đào huyệt không tin vào lời ông thầy, lúc gặp tảng đá xanh bèn lật nó lên, thì phát hiện bên dưới có một vũng nước trong vắt, có hai con cá vàng nhỏ bơi lội ở đó. Vũng nước mau chóng cạn khô, khiến hai con cá vàng bị chết. Mấy tay thợ hoảng sợ, biết là gặp họa, vội đặt phiến đá vào chỗ cũ. Gia chủ và ông thầy địa lý không hề hay biết, cứ mai táng người chết ở đấy. Ít lâu sau, gia đình nhà kia gặp đủ mọi tai họa.
>
> Hôm ấy, người kể cho chúng tôi nghe chỉ tay về địa điểm đó, nói : *"Kia, chính là chỗ đất hoang kia !"* Chúng tôi khảo sát nơi đó, thấy đây là một vùng đất đồi khô cằn, sản lượng lương thực không cao, hàng năm thường bị hạn hán. Điều này chứng tỏ câu chuyện của nông dân kia rất xa thực tế.

Đáng tiếc, những tài liệu điền dã để tác nghiệp và nghiên cứu quá ít, khó có thể xác định rõ trong tín ngưỡng phong thủy những gì là đáng tin cậy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

4

Bộ sách "ĐỊA LÝ TOÀN THƯ" được in lần này là theo bản in do Thượng Hải Trung Nguyên thư cục ấn hành năm Dân Quốc thứ 22, nguyên đề do "tiên sinh Long Vụ Trâu Đình Du biên tập", nhưng đây là sự nhầm lẫn của nhà xuất bản. Bởi vì quyển thượng của "Toàn Thư" lại đề "Ngụy lý Hứa Vinh cửu nhất quả am phủ mạn đề vu học ngu trai", xem lại Toàn Thư, đều là "Ngụy lý Hứa Minh tử viễn đạm viên thị đính chính" hoặc "Ngụy lý (nam) Hứa Vinh cửu nhất quả am phủ đính chính". Hứa Vinh là con của Hứa Minh. Như vậy, người biên tập Toàn Thư phải là Hứa Minh cùng con là Hứa Vinh, chứ không phải là do Long Vụ Trâu Đình Du biên tập và đính chính.

"Địa Lý Toàn Thư" gồm 23 mục :

- Địa lý đại toàn nhập môn yếu quyết
- Long kinh
- Nghi Long kinh
- Phong thủy nghĩa
- Can lộ đởm kinh
- Hám Long kinh
- Táng kinh
- Thanh nang kinh
- Thiên ngọc kinh
- Thủy pháp xuất nhập thần sát luận
- Phát vi luận
- Chân Long danh tủy kinh
- Bạt sa kinh
- Ngọc chỉ kinh
- Tuyết tâm phú
- Xích đình kinh
- Hội tổn tinh vi
- Địa lý huyệt pháp đại toàn
- Địa lý dương trạch đại toàn
- Diên đàn tử địa học chính nghĩa
- Thiết đàn tử Linh thành tinh nghĩa truyền tâm
- Kim đàn tử Thần bảo chân kinh truyền tâm
- Ngọc đàn tử Nguyên khu chân kinh truyền tâm

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tổng cộng 23 mục, bao quát tinh hoa địa lý phong thủy lịch đại. Chúng tôi phiên giải, chú thích và xuất bản bộ Địa Lý Toàn Thư này hoàn toàn không phải để tuyên dương "Phong Thủy", cũng không phải góp thêm ngọn sóng vào "cơn lũ phong thủy như triều dâng" hiện thời, mà là muốn cống hiến cho việc sơ bộ nghiên cứu khoa phong thủy, để độc giả thưởng thức. Chúng tôi cũng không phủ nhận trong bộ sách này còn những điều dở, nhưng chúng tôi tin rằng bạn đọc sẽ có thể phán xét được. Trong quá trình phiên giải, chú thích bộ sách này, chúng tôi đã hết sức cố gắng trong mọi khâu biên tập, lược giản, duyệt kỹ từng điểm, từng chữ, nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, mong bạn đọc lượng thứ.

Bộ sách này được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các vị Chu Ngọc Kỳ, Dương Nghĩa, Hà Thiện Thuận, Lý Liên Vinh. Chính nhờ sự giúp đỡ của các vị đó mà bộ đại thư này đang nằm trong tay độc giả.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỊA LÝ LỤC PHÁP ĐẠI TOÀN TỔNG TỰ

Hiện tại xem phong thủy quả là khó. Có người quá câu nệ về hình thế, có người câu nệ về lý khí, có người chỉ chú ý đến thiên tính, có người còn lợi dụng một cách dung tục, không hiểu gì về phong thủy, song sao chép trộm được một vài điều liền giở thủ đoạn lường gạt dối trá đối với người cả tin. Vừa trông thấy một dãy núi đẹp, đã hoa mắt lên, chẳng quan sát kỹ, xem long mạch của dãy núi ấy là âm hay dương, hình thế dàn trải là tán hay tụ, nghĩa là họ câu nệ vào loan đầu (tức thuyết hình thế). Ngẫu nhiên bốc được một quẻ chuẩn xác đã tự cho mình nắm vững tuyệt kỹ, không hề tiến thêm một bước, xem tinh thể là thiện mỹ hay tà ố, huyệt pháp là tử diệt hay trùng sinh, tức là họ chỉ câu chấp vào lý khí (tức thuyết lý khí). Thấy long mạch bao hàm khí đẹp, tưởng như đã vớ được vật báu, không chịu xét kỹ long mạch là khúc khuỷu hay thẳng thắn, sa pháp liên hoàn hay phản nghịch, tức là chỉ câu nệ vào thiên tinh. Những cách xem phong thủy như thế đều xuất phát từ lòng tham trần tục, gây tổn hại cho thuật phong thủy chân chính. Nghe lỏm được vài lời phiến diện, đã đi loan truyền khắp nơi, tự cho là kỳ. Thuộc được dăm câu khẩu quyết của bậc tiền bối, đã lập môn hộ, tự cho là dị. Rồi bèn viết sách lập thuyết, tận lực tuyên truyền những quan điểm tầm thường dung tục, phá hoại phương pháp khoa học thực sự. Kiểu làm đó khiến cho thuật xem phong thủy bị hạn chế rất nhiều. Có kẻ đem việc xem Âm Dương nhị trạch làm mồi nhử mà bất chấp cát hung lợi hại, dùng ngôn từ tướng thuật để đưa đẩy, lợi dụng gia chủ. Nếu gia chủ có chút am hiểu, y sẽ liệu gió lái thuyền. Nếu gia chủ không am hiểu, thì y sẽ thao thao bất tuyệt, nói những chuyện kinh thiên động địa để hù dọa. Bộ "Địa Lý Toàn Thư" này nói rõ Tam Tài : Tinh tú khởi thủy là Thiên, ranh giới ứng hợp với Địa, ảnh hưởng trực tiếp đến Nhân. Khởi thủy tại Thiên là Thiên tinh, ứng hợp với Địa là Loan đầu, ảnh hưởng trực tiếp đến Nhân là Lý khí. Địa lý phong thủy chính là hợp mà phân, phân mà hợp như vậy. Chỗ tinh diệu của phong thủy là khái quát âm dương. Tinh nghĩa của nó khởi từ Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, Cửu Cung, cơ hồ khó bề biết được thấu đáo. Liệu có thể ra khỏi Thái Cực được chăng ? Nếu tách ra được thì đã có thể chia ra làm ba phần Thiên tinh, Loan đầu và Lý khí. Vì không thể phân giải được nên các bậc tiền bối của chúng ta đề xuất hai phương diện Thể và Dụng. Người ta có khi chú trọng Thể, có khi lại chú trọng Dụng là vì sao ? Chính là vì muốn đem ba bộ phận hợp nhất thành một. Như thế càng lúc càng phải thuyết minh rõ ràng. Nhưng ngôn ngữ có đặc điểm sự biểu ý không thật tỏ tường, ít ai thấu hiểu hết hàm nghĩa bên trong. Có nhiều đạo lý phân tích trong thư tịch phải thông qua quan sát địa lý cụ thể mới chứng minh được. Lấy cơ thể người mà nói, phải phân tích thân thể một con người cụ thể mới minh bạch. Sở dĩ nói Thiên Nhân hợp nhất, tức giả định thân thể người là một tiểu Thái Cực (tiểu Vũ Trụ). Thân thể sau khi thụ thai ít lâu đã có đủ ngũ quan bách hài, chẳng lẽ chưa phải là một cơ thể hoàn chỉnh hay sao ? Đến khi hai tay đã có thể cầm đồ vật, hai chân có thể đi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lại, hai mắt có thể nhìn rõ mọi vật, hai tai có thể nghe thấy âm thanh, tâm tư có thể minh xét mọi chuyện, chẳng lẽ không phải là do Lý và Khí đang vận hành liên tục hay sao ? Quan sát người ấy, thấy tướng mạo đoan trang xinh đẹp, tính khí thông minh linh mẫn, chẳng phải đã được Thiên phú và tinh tú cao chiếu hay sao ?

Xem địa lý giống như hiểu rõ nhân thân. Thiên tinh, Loan đầu, Lý khí, ba thứ ấy nếu là một thể, thì sao còn phân chia ? Nhưng các thư tịch lại không đề cập vấn đề này. Bổn nghĩa đích thực của sự vật đều nằm ngoài ngôn từ. Tỉ như phần đầu "Tuyết Tâm Phú" nói : Hai thứ khí chuyển vận xảo diệu trong địa lý phong thủy hợp thành một lý, cùng song hành mà không lấn át nhau. Cái lý này là bản thể và căn cứ tự thân, khi ẩn khi hiện. Văn nhân thời cổ khi viết sách giống như "chính binh"; vận dụng sách vở thì giống như "kỳ binh". Người đọc sách hiện nay xét lý thì giống như kết hợp "chính binh" với "kỳ binh". "Chính" không ngoài việc kết hợp với Long mạch tạo thành chỗ xảo diệu của Trạch cục. "Kỳ" không ngoài việc né tránh hung họa, tận dụng cát lợi. Thiên văn, Địa lý và Nhân sự là sự kết hợp "Chính", "Kỳ" đến mức tối ưu. Nếu chẳng phải là bậc thức giả thông kim bác cổ, thì không đủ tư cách thông hiểu. Người hành nghề phong thủy phải hội đủ tam hảo, đó là nhãn hảo, túc hảo, tâm hảo. Quan sát phong thủy phải có trực giác linh mẫn. Nhãn hảo (mắt tinh) là do trời phú, chẳng thể khiên cưỡng. Túc hảo (chân dẻo) mới đủ sức lặn lội. Tâm hảo (lòng tốt) sẽ không làm hại người đời.

Tác giả của các loại sách về phong thủy đều không rõ xuất xứ, mà sách thuyết minh về phong thủy lại rất nhiều. Vậy nên giữ loại nào, bỏ loại nào ? Không thể có bí quyết cho việc này. Trong các sách phong thủy, cách xem địa lý là dựa vào bậc tiền bối nào, thảy đều chưa rõ. Điều này khiến cho đạo lý tinh diệu khó lưu truyền cho hậu thế. Vì thế bộ sách này nêu lên sáu phương pháp cơ bản để xem phong thủy, khiến ai nấy đều có thể nắm vững những điểm tinh túy. Phàm các thế hệ con cháu dựa theo sáu phương pháp này mà mai táng cha ông của mình. Khi đó, những kẻ câu nệ về Loan đầu, Thiên tinh, Lý khí sẽ hết làm mưa làm gió, mê hoặc người đời. Được như vậy, chúng tôi thực lấy làm mãn ý.

Ngày 15 tháng Tám năm Kỷ Mùi
Hứa quả am mạn đề vu cụ Thuận Đường

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TỔNG MỤC LỤC
ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

Tựa

Địa lý lục pháp đại toàn tổng tự

Địa lý đại toàn nhập môn yếu quyết

Mục thứ

Đầu quyển

Quyển 1 Long pháp

Quyển 2 Huyệt pháp

Quyển 3 Sa pháp

Quyển 4 Thủy pháp

Quyển 5 Dương trạch

Quyển 6 Ngũ hành

Quyển 7 La kinh giải

Địa lý đại toàn tập yếu

Tập liệt

Tổng mục

Quyển 1 Tổng luận

Quyển 2 Long kinh

Nghi Long kinh

Phong thủy nghĩa

Quyển 3 Can lộ đởm kinh

Hám Long kinh

Quyển 4 Táng kinh

Thanh nang kinh

Quyển 5 Thiên ngọc kinh

Thủy pháp xuất nhập thần sát luận

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 6 Phát vi luận

Chân Long danh tủy kinh

Bạt sa kinh

Quyển 7 Ngọc xích kinh

Quyển 8 Tuyết tâm phú

Quyển 9 Xích đình kinh

Quyển 10 Hội tỏa tinh vi

Địa lý lục pháp đại toàn

Tổng tự

Tổng mục

Quyển 1 Cao sơn Long huyệt đại toàn pháp

Quyển 2 Bình Long dương huyệt đại toàn pháp

Quyển 3 Bình dương Long huyệt pháp

Quyển 4 Thủy kiếm huyệt pháp đại toàn

Quyển 5 Hướng Thủy chân quyết đại toàn

Tư Mã Thủy pháp

Quyển 6 Sa Thủy phương vị cát hung pháp đại toàn

Bình dương bình dương (hải) bất khả táng liệt

Địa lý dương trạch đại toàn

Tổng mục

Tường mục

Quyển 1 Bí quyết

Quyển 2 Tướng hình

Quyển 3 Trạch pháp

Quyển 4 Phân phòng

Tam đàn tử

Tử đàn tử tự

Thiết đàn tử

Kim đàn tử

Ngọc đàn tử

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN

NHẬP MÔN YẾU QUYẾT

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nội dung

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN
NHẬP MÔN YẾU QUYẾT

Trang

Đầu quyển

Chứng minh Âm Dương 23

Phân biện hình đồ Âm Dương 26

Quyển 1

LONG PHÁP

Luận tam đại cán Long, (kèm) đồ hình 30
Luận Nam cán mạch lạc 32
Luận Trung cán mạch lạc 32
Luận Bắc cán mạch lạc 33
Chi cán tổng luận 33
Luận cán Long 33
Luận chi Long 37
Chi Long tổng luận 37
Luận Long bàng, chính 40
Luận Long chân, giả 40
Luận Long quý, tiện 40
Luận Long trường, đoản 41
Luận Long lão, nộn 41
Luận Đế đô hợp tinh viên, đồ hình 42
Luận Thái tổ, Thiếu tổ sơn, đồ hình 43
Luận vô Thiếu tổ sơn, đồ hình 44
Luận Phụ mẫu, thai tức, dưỡng tức, đồ hình 45
Luận Long nhập thủ, đồ hình 45
Luận Long xuất thân, đồ hình 46
Luận Long khai trướng, đồ hình 47
Luận Long bác hoán 47
Luận Long quá hiệp, đồ hình 48
Luận Long nghênh tống 49
Luận giang giáp 50
Luận Long chi cước náo trạo 51
Luận Long hộ tống 54
Luận Long đình dịch 54
Luận Long hành chỉ 54
Luận Long bối diện 55
Luận Long phân phách 55
Luận Long tân chủ, đồ hình 56
Luận Long nỏ tòng, đồ hình 58
Luận Long phân tam thế, đồ hình 58
Luận Long dư khí, đồ hình 59
Luận Long tam lạc 60
Luận Long hình thế thập tam cách, đồ hình 61
Luận Long xuất mạch tam cách, đồ hình 62
Luận Long thụ huyệt tam cách 64
Luận Long nhập thủ ngũ cách, đồ hình 65
Luận Thiểm Long nhập thủ 66

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Luận Long nhập huyệt thập nhị mạch 66
Luận Long kết huyệt ngũ cục 67
Luận Kết huyệt phân tam tụ, đồ hình 68
Luận chung về Ngũ tinh 68
Luận hình Ngũ tinh 69
Luận tên Ngũ tinh để phân thanh, trọc, hung 69
Luận tam cách của Ngũ tinh : binh cương, binh chi, cao sơn 70
Luận Ngũ tinh thể tính 71

Quyển 2

HUYỆT PHÁP

Luận Biến oa cách 72
Luận Phân kiếm, Hợp kiếm cách 72
Luận Thiểm nhũ, Trắc nhũ cách 73
Luận Cốt đột, Tịnh đột cách 73
Luận Oa kiếm nhũ đột bất táng 73
Luận thập nhị Đảo trượng pháp 78
Luận Huyệt tam đại cách 79
Luận Triều sơn chứng huyệt 80
Luận Minh Đường chứng huyệt 80
Luận Thủy thế chứng huyệt 81
Luận Lạc sơn chứng huyệt 81
Luận Quỷ tinh chứng huyệt 82
Luận Long Hổ chứng huyệt 83
Luận Triền hộ chứng huyệt 83
Luận Chiến thần chứng huyệt 83
Luận Phản hợp chứng huyệt 84
Luận Thập đạo thiên tâm chứng huyệt 85
Xú huyệt tổng luận 85
Luận Quái huyệt 86
Luận Ngũ tinh thốn kim huyệt pháp 96

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quyển 3

SA PHÁP

Sa pháp tổng luận 101
Luận Thanh Long Bạch Hổ 107
Tổng luận Triều Án 107
Luận Triều sơn 108
Luận Án sơn 109
Luận Bình nguyên vô triều án 110
Luận Sơn cốc bất kiến ngoại dương 110
Luận Triều sơn ám củng 110
Luận Triều sơn loạn tạp 111
Luận Cô phong độc tú 111
Luận Tả Phụ Hữu Bật 112
Luận Thiên Môn Địa Hộ 112
Luận La Thành Viên cục 112
Luận Lạc sơn 113
Luận hạ thủ sa 114
Luận thủy khẩu sa 115
Luận Cản môn 115
Luận Hoa Biểu 116
Luận Bắc thần tinh 117
Luận La tinh 118
Tổng luận về Quan, Quỷ, Cấm, Diệu 119
Luận Quan tinh 120
Luận Diệu tinh 120
Luận Quỷ tinh 121
Luận Cấm tinh 122
Luận quý tiện của Sa 122

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 4

THỦY PHÁP

Thủy pháp tổng luận 138
Luận Thủy phát nguyên 139
Luận Thủy đáo cục 139
Luận Thủy xuất khẩu 139
Luận Triều thủy 140
Luận Khứ thủy 140
Luận Tụ thủy 140
Luận Hải triều 140
Luận Hoàng Hà thủy 141
Luận Trường Giang thủy 141
Luận Hồ thủy 141
Luận Khê giản thủy 141
Luận Trì đường thủy 142
Luận Bình điền thủy 142
Luận Câu hức thủy 142
Luận Thiên trì thủy 142
Luận Chú mạch thủy 143
Luận Nguyên đầu thủy 143
Luận Tứ như thủy 144
Luận Xú uế thủy 144
Luận Né tương thủy 144
Luận Nhiễu Long thủy 144
Luận Can lưu thủy 144
Luận Hợp khẩm thủy 144
Luận Cực vượng thủy 145
Luận Nguyên thần thủy 146
Luận Thiên tâm thủy 146
Luận Chân ứng thủy 146
Luận Lộc trữ thủy 147
Luận Chư tuyền 147
Luận cát hung của Thủy hình 147
Luận Thủy thành 152
Luận Ngũ tinh bối thành 153
Luận Minh Đường 154
Luận tiểu nạp đào thủy cát hung đoán 157
Luận cửu tinh quản cục hai mươi tư sơn khởi Tham Lang 158
Luận thất diệu thu nạp tương thế thủy 159
Luận hoàng tuyền sát thủy phản phục địa chi 160
Luận Bạch Hổ thủy 160
Luận Tổng Miếu Đại Ngũ Hành Thủy pháp 161
Luận Bát Diệu thủy 163
Luận Thôi Quan thủy 164

Quyển 5

DƯƠNG TRẠCH

Dương cơ tổng luận 165
Luận Dương cơ Long Huyệt Sa Thủy 165
Luận Bình chi Dương cơ 166
Luận Sơn cốc Dương cơ 166
Luận Bát trạch Chu thư khai môn phóng thủy 167
Luận Môn lâu kinh 183
Luận Lục súc phương vị 184

Quyển 6

NGŨ HÀNH LUẬN

Ngũ Hành luận 185
Hồng Phạm giải thích Ngũ Hành Bát quái 186
Nạp âm Ngũ Hành 187
Luận Bát quái Ngũ Hành 189

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chính Ngũ Hành 190
Huyền Không Ngũ Hành 191
Song Sơn Ngũ Hành 191
Hỗn thiên Ngũ Hành 192
Tinh độ Ngũ Hành 192
Thôi Quan Long pháp 193
Thôi Quan Huyệt pháp 194
Thôi Quan Sa pháp 195
Thôi Quan Thủy pháp 197

Quyển 7

LA KINH LƯỢC GIẢI

Luận La Kinh lược giải 198
Luận Thiên trì, tầng 1 198
Luận Tiên Thiên, Hậu Thiên Bát quái, tầng 2 199
Luận Mười hai Địa Chi, tầng 3 199
Luận Am Dương Long, tầng 4 199
Luận Cửu tinh, Thiên tinh, Viên cục, tầng 5 200
Luận 24 sơn chính châm, tầng 6 200
Luận 72 xuyên sơn, tầng 7 201
Luận Chính châm phân kim, tầng 8 201
Luận 24 tiết khí, tầng 9 201
Luận Thái dương triển độ phân dã nguyệt tướng, tầng 10, 11, 12 201
Luận ngoại bàn phùng châm, tầng 13 203
Luận Thiên tinh tác hướng, tầng 14 203
Luận Phùng châm phân kim, tầng 15 203
Luận Độn giáp, tầng 16 203
Luận Thấu địa 60 bình phân Long, tầng 17 204
Luận Thấu địa quái, Trì thế tú, tầng 18 204
Luận Ngũ thần, Sa Thủy, tầng 19 205
Luận Quý Nhân, Lộc Mã, tầng 20 205
Luận Tam Kỳ Tứ Cát, tầng 21 206
Luận Bát môn tinh độ Ngũ Hành, tầng 22 206
Luận Khai hỷ 206
Luận Nhị thập bát tú độ số 207

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

CHỨNG MINH ÂM DƯƠNG

Đạo lý Âm và Dương bắt nguồn từ Hà đồ Lạc thư. Định số Cơ và Ngẫu được dùng để định vị. Dương do Cơ sinh ra, còn Âm từ Ngẫu mà nên. Đạo lý này đã thành định luật, không còn gì phải hoài nghi. Muốn phân biệt Âm Dương, có thể dựa vào ngưỡng (ngửa) và phúc (sấp) của sự vật mà phán định. Ba triều đại trước, chúng ta chưa biết thế nào. Nhưng đến nhà Tần, Chu Tiên Đào viết "Sưu Sơn Ký"; Thanh Ô đời Hán viết "Táng Kinh", Hoàng Thạch công viết "Thanh Nang Chính Kinh", "Thanh Tùng Tử Tăng Truyện". Đến thời Đông Tấn, Trịnh Cảnh Thuần viết "Táng Thư", Đào công viết "Tróc Mạch Phú". Năm bộ sách ấy tuy thuộc ba triều đại khác nhau, nhưng đều đàm luận về Âm Dương, song cuối cùng vẫn không phân tích minh bạch đạo lý Âm Dương biến hóa. Nhà Đường là thời cực thịnh, những người như Dương, Tăng xuất hiện rất nhiều, bên vấn kẻ đáp thảy đều minh bạch, mới làm sáng tỏ cái chỗ nan giải của Âm Dương biến hóa. Từ đó về sau các trước thuật cứ theo đó mà xuất hiện, nhiều tới mấy chục nhà. Tuy thi, ca, từ, phú có tính năng khác nhau, song kỳ thực đều thống nhất một lý, cuối cùng đều qui về một mối. Vì sao đến thời Liêu công lại bắt đầu trở nên hoài nghi ? Có lẽ từ Liêu công Kim Tinh trong sách "Tiết Thiên Cơ" mới bắt đầu biện luận cái lý Âm Dương, nếu sách đó do ông viết. Quan điểm của Liêu công bất đồng với Dương công. Tới nay khiến người ta vẫn chưa biết nên nghe ai. Ta vô tình kiếm được quyển sách ấy, thì thở dài, thầm nhớ đến câu nói của các nhà chiêm bốc : "Thiên địa bác đại vô biên, hai khí Âm Dương xảo diệu vận hành trong trời đất. Núi sông an bài theo một trật tự rõ ràng, không hề tùy tiện". Nếu đúng như bộ sách "Tiết Thiên Cơ" nói, thì Âm Dương điên đảo, tức là một mình Liêu công tương phản với quan điểm của Dương, Tăng. Nhưng thông qua những chứng cứ mà ta dốc sức sưu tập, thì có phải như vậy chăng ? Vậy nên ta bèn đọc kỹ lại "Hành Thực Lục" của Liêu công :

Năm 40 tuổi, Liêu Kim Tinh là một môn hạ tầm thường của Trương Minh Thúc tại Kiến Châu. Trong dịp tu sửa Kiến Châu phủ, Liêu công nói đâu trúng đó. Phu nhân họ Trương biết chuyện thì vui mừng hỏi thăm, thương cho ông là người tài năng chưa được trọng dụng, bèn đem bí lục mà phụ thân bà là quốc sư Ngô Cảnh Loan đời Tống truyền hết cho Liêu công. Sau khi học xong bí thuật, Liêu công vì quá nghèo, bèn đến núi Kim Tinh tìm đất cầu phúc. Mảnh đất ấy có thể trong vòng một vài năm làm cho ông trở thành đại phú gia, nhưng nếu để quá hai mươi năm không cải tạo, thì gia tộc sẽ bị tuyệt diệt. Từ đó trở đi, danh tiếng của Liêu công nổi như cồn, gia tộc ngày một thịnh vượng. Dân chúng coi ông như một vị thánh, ngày nào cũng mời ông đi xem phong thủy. Năm Mậu Thân thuộc Hi Ninh nguyên niên, nhà họ Trương mời Liêu công tới nhà và dùng lễ thượng khách mà hậu đãi. Liêu công cũng muốn tận lực giúp nhà họ Trương. Trong vòng 18 năm, ông đã chọn cho họ Trương 74 mảnh đất quý về phương diện phong thủy. Đến tháng 8 năm Nhâm Tý, ông thỉnh cầu họ Trương để ông được hồi hương, tu tạo lại phần mộ tổ tiên, vì ông sợ rằng sắp tới kỳ hạn 20 năm. Nhưng họ Trương khẩn khoản giữ ông ở lại thêm bốn năm nữa. Đến khi Liêu công trở về núi Kim Tinh, thì đại họa đã xảy ra. Tất cả các con ông đã chết, chỉ còn bà vợ già và đứa cháu nhỏ, cùng đứa cháu ngoại họ Tạ là sống sót. Vì thế ông đau buồn thành bệnh, được ít lâu thì qua đời, thọ 62 tuổi. Liêu công học xong thuật phong thủy năm 40 tuổi, dùng thuật đó hành nghề 22 năm, được mọi người tôn kính, vì ông đem lại cho họ nhiều ích lợi. Tất cả những việc này đều được ghi lại.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trước thư lập thuyết là đại sự của đời ông, lẽ nào người đời bỏ quên ?

Chúng ta hãy xem nguồn gốc thuật phong thủy mà ông học được là từ đâu ?

Liêu công học từ con gái Ngô Cảnh Loan.

Ngô Cảnh Loan học được từ Hi Di Trần Đoàn.

Trần Đoàn học được từ Tăng Văn Địch.

Tăng Văn Địch học được từ Dương Quân Tùng.

Dương Quân Tùng và Tăng Cầu Kỷ vốn là chỗ thâm giao. Vào khoảng những năm cuối cùng của Đường Hi Tông, loạn Hoàng Sào nổi lên, đánh tới kinh đô Trường An, hai người Dương, Tăng nhân lúc chiến tranh loạn lạc, lén đánh cắp "Quốc Nội Thiên Cơ thư" trong Quỳnh Lâm khố. Họ đọc xong mới biết cuốn sách này nguyên là của Khâu Đình Hàn dâng cho triều đình.

Khâu Đình Hàn vốn là người huyện Vân Hi tỉnh Hà Đông, từng được thần tiên truyền cho kinh sách nên thông hiểu đạo lý Âm Dương. Khâu Đình Hàn dựa vào kinh sách mà thực hành thuật phong thủy, luôn đạt kết quả tốt đẹp. Vì vậy Khâu Đình Hàn bèn thu nhận học trò, truyền thụ "Thiên Cơ thư", lại đích thân viết ba quyển "Lý Khí Ẩn Tâm Kinh" dâng lên cho Đường Huyền Tông. Huyền Tông hoàng đế vô cùng thích thú, cất vào hộp ngọc, rương vàng, đặt trong Quỳnh Lâm khố của Hoàng cung, đời đời coi là quốc bảo. Nhờ đó hai người Dương, Tăng tinh thông thuật phong thủy, tiếng tăm trở nên lừng lẫy.

Từ điểm này ta thấy nguồn gốc thuật phong thủy của Liêu công vốn xuất phát từ Dương, Tăng hai người; làm sao có lý luận hoàn toàn tương phản với điều mình được học ? Đó là chứng cứ thứ nhất.

Tiếp đó khảo sát "Tiết Thiên Cơ thư", lời bạt của tác giả ở cuối sách lại không phải là do tự Liêu công viết ra. "Tiết Thiên Cơ" viết về thuật phong thủy vốn xuất phát từ Dương Quân Tùng, Dương Quân Tùng truyền thụ cho Tăng Văn Địch, Tăng Văn Địch truyền cho Tiều Tăng công, mà Liêu Vũ ắt là đệ tử của Tiều Tăng công. Thuật phong thủy mà họ truyền thụ đều là xem đất cát, hình thế, theo lối truyền khẩu trực tiếp, không hề viết sách lập thuyết. Liêu Vũ công sợ rằng để lâu năm, nếu chỉ dựa vào đồ hình mà thuyết giảng, e sẽ mất phong thủy chân truyền. Cháu ngoại của ông là Tạ Vĩnh Tích có được đồ hình phong thủy do ông vẽ, cất giữ ở trong nhà. Hai người hầu gái là Trần Thất và Hồ Ngũ vốn không biết chữ, chỉ nhờ theo gót Liêu Vũ công từ nhỏ, nên ghi nhớ được thuật phong thủy, do đó cũng bắt đầu nổi danh, thực hành thuật phong thủy thảy đều linh nghiệm.

Đinh Ứng Tôn ở Lâm Xuyên lại học được thuật phong thủy từ Trần Thất, về sau Đinh Ứng Tôn truyền cho một người họ Đàm, không rõ tên. Đàm công truyền cho Cốc Tất Hữu, Cốc Tất Hữu lại truyền cho Ngô Thuấn Cử, Ngô Thuấn Cử truyền cho Lưu Sư Vân, Lưu Sư Vân truyền cho Dư Chí Tôn.

Dư Chí Tôn dựa theo lý luận phong thủy của Cốc Tất Hữu viết thành lời ca, phân ra Long, Huyệt, Sa, Thủy tác pháp, bát quái, giải thích thuật phong thủy cực kỳ toàn diện.

Dư Chí Tôn lại truyền cho Hoàng Xung Lý, Hoàng Xung Lý truyền cho Trình Văn Cương. Trình Văn Cương truyền cho Ngô Văn.

Ta là đệ tử của Ngô Văn tiên sinh. Chẳng ngờ trải qua binh đao loạn lạc, tàng thư trong nhà bị cháy sạch, chỉ còn lại một bổn thư này may sao không bị cháy, phải chăng là trời còn đoái thương ? Ta vội vàng sao chép, in ấn, nên trong sách có nhiều câu chữ bị nhầm lẫn, câu văn có không ít những thiếu sót. Ta thường nhớ đến việc này. Năm Ất Tỵ mới có thời gian sửa chữa, cải chính, bổ sung những điều nhầm lẫn và thiếu sót. Chỉ vì ta tuổi già, mắt mờ, nên thời gian làm việc đó kéo dài mãi đến tháng 6 năm Đinh Mùi, mới đem toàn bộ bổn thư viết vào mặt sau của thư quyển. Sau đó xem lại "Thiên Cơ Truyền Phái Ca" ở mặt trước của thư quyển, thì thấy : "Dương công khai

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sáng bổn phái, Tăng công kế thừa ngọn nguồn. Truyền cho Hoàng, Lệ hai người, chỉ có Liêu công học được tinh hoa, mãi mãi truyền danh, trời còn đoái thương văn nhân, kẻ sĩ thanh nhã mới tiếp thụ được tinh hoa".

Nho sĩ tiền bối tựa hồ lĩnh hội được thâm ý bài ca này, hơn nữa còn nhận ra chỗ thiên lệch của nó, bèn ghi chú vào cuối bài : "Ý tứ của "Tiết Thiên Cơ" dường như là do kẻ sĩ thanh nhã viết nên, thực ra không phải vậy. Liêu công chẳng lẽ tự khoe khoang đã học được tinh hoa hay sao ?" Lại đọc câu : "Chỉ kẻ sĩ thanh nhã mới tiếp thụ được tinh hoa", thì điều đó càng rõ ràng. Nếu xem thêm câu kết của "Lập Minh Nghi", thì thấy : *"Hải Đại Thanh Sĩ Dư Chi Tôn cẩn bạt"* (Hải Đại Thanh Sĩ Dư Chi Tôn kính cẩn viết lời bạt này). Dựa vào đó, ta khỏi cần tìm thêm chứng cứ. Theo lời văn của bổn thư, thì ngọn nguồn của bổn thư đã được sắp xếp dâu ra đó. Giờ lại từ đầu một lượt, đương nhiên không thể che giấu sự thực. Huống hồ trong sách còn có "Nhập Thức Ca", phân thành các loại Long Huyệt, Sa Thủy, Đường Khí, lại có thể dùng làm chứng cứ. Đã gọi nó là "Nhập Thức Ca", Dư Chi Tôn ắt kế thừa bài ca do Cốc Tất Hữu viết ra. Có thể xác định "Tiết Thiên Cơ" do Dư Chi Tôn viết, sửa chữa những chỗ nhầm lẫn, bổ sung những chỗ khiếm khuyết mà thành, cho nên hiển nhiên Ngô Văn là hậu bối của Dư Chi Tôn.

Nhớ lại khi hiệu đính những chỗ sai sót, bắt đầu từ năm Ất Tỵ, kết thúc năm Đinh Mùi, từng mấy lượt dẫn đo cân nhắc, nếu vẫn còn sai sót, thì sẽ gây mối nghi hoặc cho bao đời sau. Người viết sách cũng đã nghĩ tới điều này.

Từ Côn Vương viết ra "Tu Trì Thiên", khi vẽ họa đồ giải thích "Lưỡng Nghi", nhân thấy hai chữ Liêu công, thì không dám tự ý thay đổi lời văn vốn có, ngoài mục "Lưỡng Nghi", đem chữ "Oa" giải thích thành "Nhũ đầu", còn lại vẫn theo lý luận của Dương Quân Tùng coi "Dương là Ngưỡng, Âm là Phúc". Nếu sự nhận thức của họ Từ là đúng, vì sao còn viết "Trác Ngọc Phủ", không lưu tâm nghiên cứu kỹ càng, lại tôn sùng lý luận của Liêu công coi "Dương là động, Âm là tĩnh", mà chê trách lý luận của họ Dương? Lại còn "Chí Bảo Kinh" của Lưu Đông Giang, "Đảo Trượng Thi" của Tạ Giác Trai, "Phát Vi Luận" của Đỗ Thụ Đường, "Kim Hàm Phú" của Lưu Đôn Tố, "Thai Phục Luận" của Dương Mậu Thúc, "Thích Ngọc Xích Kinh Chú" của Lưu Thanh Điền và Lại Bố Y, các loại quan điểm lý luận ấy, lẽ nào họ Từ không lý gì đến ư ? Lại có người viết "Đinh Môn Châm" bài xích họ Dương, mà tôn sùng quan điểm cực đoan về lý luận Âm Dương của họ Liêu, mà không biết rằng lý luận của họ Dương xuất phát từ Khâu công. Học thuyết của họ Liêu hoàn toàn là vay mượn, chứ không phải lý luận thực sự của Liêu công.

Ta lại trực tiếp hỏi hậu duệ đời thứ 15, 16 của Liêu công. Một người là Cấn Phong, người thứ hai là Kế Mai, trong nhà họ còn cất giữ những sách gia truyền về thuật âm dương phong thủy. Những sách này đều phù hợp với thuyết pháp của Dương công, mà khác hẳn với "Tiết Thiên Cơ". Thiên hạ làm sao lại có hậu duệ ngược lại với tổ tiên ? Không thể có chuyện đó. Huống hồ, trong sách gia truyền của Liêu công, còn có Lộc Tồn, Văn Khúc, chia thành Sinh Tử, Nội Kiếp, Ngoại Kiếp, biện luận Cát Hung, giống y như những điều Tăng công truyền lại. Tại sao không nhắc một lời đến "Tiết Thiên Cơ" ? Sở dĩ ta đưa ra các chứng cứ vừa rồi, chỉ là để chứng minh "Tiết Thiên Cơ" là ngụy thư.

Ta chỉ e một sự nhầm lẫn hiện tại sẽ dẫn đến hàng vạn sai lầm cho hậu thế, nên mới đem lý luận của Dương, Tăng, Liêu, Tạ... phân biện ý nghĩa thực sự của biến hóa Âm Dương mà liệt kê ra đây.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

PHÂN BIỆN HÌNH TƯỢNG ÂM DƯƠNG

Khởi đầu từ hỏi đáp của Dương Quân Tùng và Tăng Nhất Hạnh

Tăng công hỏi :

"Âm là gì ? Dương là gì ?"

Dương công đáp :

"Hai chữ Âm Dương là cốt lõi của phong thủy, là Hình và Khí được tạo rồi hóa mà thành. Hình là dùng để thể hiện Khí. Khí dựa vào tượng mà thành Hình. Hình và Khí đã phân minh, thì có thể khảo sát được sự biến hóa trong đó. Dương khí có Hình dạng lõm (oa), Âm khí có Hình dạng lồi (đột). Âm biến hóa thành Dương là Oa, Yêm, Kiên, Kiềm. Còn Dương biến hóa thành Âm, ắt là Phì, Đột, Mãn, Nhũ. Nếu là Dương Long lai (đến), thì Âm thụ huyệt, Âm Long lai (đến), thì Dương thụ huyệt. Lai tức là từ phía trên nghiêng đổ (phúc) xuống. Thụ tức là Ngưỡng (ngẩng mặt) lên đón. Âm Dương, Hình Khí, đạo lý của tạo hóa chính là như vậy".

Tăng công lại hỏi :

"Âm lai dương thụ là gì ?"

Dương công đáp :

"Khi Mạch lai có Tích (sống lưng), khi tiến nhập vào huyệt có oa (chỗ lõm), thì gọi là Âm lai dương thụ".

Hỏi :

"Còn Dương lai âm thụ là gì ?"

Đáp :

"Thế đến của Mạch tương đối bình hòa, ở chỗ nhập huyệt có đột (lồi), thì gọi là Dương lai âm thụ".

"Thiên Bảo Kinh" của Lưu Giang Đông viết :

"Thuận ứng và phân ly, cần phân biệt rõ chỗ khác biệt của cường và nhược. Ví dụ về mạch cường, thì thế đến hoàn toàn âm, trông như mũi kiếm, sống kiếm, hình dáng và khí thế cực kỳ cương mãnh, hiển lộ rõ ràng không chút ẩn giấu, chỉ có thế đến mà không hề có ý tiếp thụ, như vậy tức ngụ ý kẻ tiểu nhân, cũng gọi là Cường.

Ví dụ về nhược. Thế đến hoàn toàn dương, mềm mỏng, tựa hồ không kham nổi, tình thế ẩn giấu chứ không lộ liễu, khí thế chỉ có ý tiếp thụ chứ không cương mãnh, như vậy là ngụ ý bậc quân tử, cũng gọi là Nhược".

Lại viết :

"Nếu khí thế lúc đến giống bàn tay đặt ngửa là Dương, giống bàn tay úp sấp là Âm".

"Chí Bảo Kinh" viết :

"Phàm khi xem Huyệt, phải phân biệt rõ sự khác nhau giữa "đáo huyệt âm dương" và "lai mạch âm dương".

Tích là âm, Ngưỡng là dương. Khí thế Âm cương mãnh, khi mạch đến thì cường kính (hùng hổ) gấp gáp, do bên trên sinh ra bên dưới, như thế gọi là *"Thiên khí hạ giáng"*. Khí thế Dương thì nhu nhược, tình thế như bàn tay đặt ngửa, như những vật hình tròn trầm xuống, từ dưới sinh lên gọi là "Địa khí thượng đằng".

Tạ Giác Trai trong "Đảo Trượng Thi" viết:

"Âm từ trên trời mà xuống, mạch thế đâm thẳng, biến hóa sâu xa trong lúc tăng hoặc giảm. Khí ở trong Huyệt giao tiếp giống như thân kiếm trực tiếp lộ liễu, như nụ hoa hoặc cành cây đâm thẳng đều là Âm. Sống kiếm thuần âm giống như một tép hành hoặc một con tôm cong cong. Có ai hiểu rõ đạo lý thăng giáng thì quý hơn ngàn vàng.

Dương khí nguyên từ dưới lòng đất phát sinh mà lớn lên, từ dưới hướng lên mới là chân hình. Hoặc oa hoặc ngưỡng, thảy đều khác nhau, hoặc nhược hoặc nghênh cũng có khinh trọng. Nếu thuần dương thì khí mạch

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sẽ ẩn tàng, thôi thúc nguyên khí tăng mạnh lên, dù sinh ra chu, nhũ (vật hình tròn) cũng hết sức trầm tĩnh, tế vi (nhỏ bé). Đạo lý của tiền nghênh và thừa thụ, nhất định phải làm rõ.

Hai chữ Âm Dương rất khó làm rõ. Mấy ai hay biết cái tinh của tạo hóa trong đó! Âm nhũ giống như dương vật của nam, Dương oa giống như sản môn của nữ. Nếu giống như Âm nhũ của nam, thì không được làm thương tổn phần đầu. Nếu giống như Dương oa của nữ, thì không được làm hỏng hai môi. Căn cứ vào Thổ Tú (sao), bức tranh địa hình mà nhận biết Huyệt vị. Thiên cơ tới đây, Càn Khôn chuyển vận.

Nếu hỏi ta trong địa huyệt, cái gì cường hơn, Cường chính là âm, hơn nữa mạch tượng cương mãnh. Cường và Âm vốn là một lý, sai một phân sẽ dẫn đến nguy hiểm. Mạch tượng tế vi vốn là khí thuộc thuần dương, thấy dương thì không nên ẩn vào trong nhược, nếu nhược ẩn trong nhược thì sẽ thoát khí. Nên biết : nghênh hợp giao tiếp mới là cát phương".

"Thai Phục Luận" của Dương Mậu Thúc viết :

"Thai Phục là thư, hùng song long. Thai sinh trước, hòa hợp với Dương mà thành Thư, thần tinh (sao) của nó chiếu lên trên. Phục sinh sau, hòa hợp với Âm mà thành Hùng, thần tinh của nó cúi xuống. Thai và Phục trước sau ứng chiếu, thần khí dung hòa với nhau, Kim Thủy bao quanh đẹp đẽ, thai nghén trong đó đã thành. Nghênh hướng lên cao thì thành Dương, cúi xuống dưới thấp thì thành Âm. Hai loại thần tinh của Thai và Phục giá trị ngàn vàng".

Lưu Đôn Tố trong "Kim Hàm Phú" viết :

"Âm là cường, Dương là nhược. Nhược gần cường mà sinh thành vạn sự vạn vật. Dương tính nhu nhuyễn, Âm tính cương kình. Cương kình mà gần tế nhược hóa thành sinh khí".

Lại viết :

"Dương lấy âm làm bản tính. Âm lấy dương làm hình thể. Tính thì chủ về động, thể thì chủ về tĩnh. Ở trên trời thì Dương vận động, mà Âm đứng yên (tĩnh). Ở dưới đất thì Dương tĩnh, Âm động. Bản tính vì có hình thể mới Tĩnh. Hình thể vì có bản tính mới Động, cho nên Dương mới thư tản, Âm mới gấp gáp. Dương tính thì nhu hòa, Âm tính thì cương mãnh".

Họ Trúc có viết trong "Phát Vi Luận" :

"Phàm địa hình có thể thụ Huyệt thì, nết giống oa (lõm), kiểm (kẹp), phi (mở ra), tinh khí phát ra bên ngoài ắt thành Dương. Nếu giống nhũ (lồi), ngực (vồng lên), đột (nhô lên), tinh khí đọng lại bên trong ắt thành Âm. Nhưng trong oa (lõm) có chỗ đột (lồi), như vậy gọi là "Dương lai âm thụ". Phần đầu của nhũ (chỗ lồi) có oa (chỗ lõm), như vậy gọi là "Âm lai dương thụ".

Tư Mã Đà viết :

"Hai loại khí Âm Dương, có thể so sánh với sự đơm hoa kết trái. Cây cối nảy mầm, đâm chồi, ra lá, là khí vận hành bên trong, tỉ như Hành Long. Sau đó đơm hoa, kết trái, là kết quả của khí ngừng vận hành, tỉ như kết Huyệt. Nụ hoa nở bung thành đóa hoa, chẳng phải là khí tán phát ra ngoài hay sao ? Có thể nói đại khái dương tính của oa và kiểm như vậy. Quả chín rụng xuống, chẳng phải khí đọng lại bên trong hay sao ? Đại khái âm tính của nhũ và đột là như thế".

Đạt Tăng viết :

"Khai là gì ? Là oa và kiểm. Hợp là gì ? Là nhũ và đột. Hình thế khi mở ra (khai), Dương sẽ phát tán ra ngoài, khí của nó trôi nổi, cho nên thuộc Dương. Hình thế khi khép lại (hợp), Âm sẽ tích tụ bên trong, khí của nó trầm uất, cho nên thuộc Âm. Khí khi thuộc Dương, tầng lớp sẽ mỏng, dễ dẫn dắt nó, hợp lại như cố định nó. Khí khi thuộc Âm, tầng lớp sẽ dày, dễ khai thông và phát tán nó ra. Đây là chỉ long phân định Âm Dương, luận định chính xác sự dày mỏng !"

Khảo sát lại luận chứng của "Tiên Phát Vi" về vấn đề phù trầm, thì thấy phù thuộc Âm, mà trầm thuộc Dương. Nay Đạt Tăng lại viết phù thuộc Dương, trầm thuộc Âm, thế là hoàn toàn ngược lại, tựa hồ như hai tác giả khác nhau, nhưng lý luận trong "Phát Vi" lại căn cứ vào sự ẩn tàng hoặc hiển lộ của Mạch để khu biệt Âm Dương. Âm mạch

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

có sống nổi lên (xương sống), mà hình chất trôi nổi (phù), Dương mạch bằng phẳng, mà hình chất trầm uất. Nay Đạt Tăng viết dựa vào sự thăng giáng của Khí để phân biệt Âm Dương. Âm nhu hình úp xuống, khí vận hành từ trên xuống, nên hình thể trôi nổi mà khí trầm uất. Hình thể Dương oa ngửa lên, Khí vận hành từ dưới lên, nên hình thể trầm, mà khí thì phù. Quan điểm này tương đồng với quan điểm trong cuốn "Phát Vi".

Diệp Thất Tiên có một ví dụ :

"Âm diệp giống như nam nhân, sinh ra đã thuộc về Dương, chỉ có ngọc hành là thuộc Âm, sinh khí của nó phát tán ra ngoài, cho nên phàm là Nhu, Đột có hình cầu giống như ngọc hành, không được làm thương tổn nó. Dương diệp giống nữ nhân, sinh ra đã thuộc về Âm, duy chỉ có sản môn thuộc Dương, hình thế ẩn tàng, sinh khí động ở bên trong, cho nên Oa, Kiểm giống như sản môn, nhất định phải thu vào bên trong mới có thể đạt được khí trung hòa".

"Tứ Tự Kim" viết :

"Bàn tay ngửa là Dương, Khí ngưng kết ở bên trên mà tiêu tán ở bên dưới. Bàn tay úp là Âm, Khí tiêu tán ở trên mà tụ kết ở bên dưới. Ta từng xem phong thủy, thấy oa yêm[1] nhiều thì lấy làm Thiên Huyệt, nhũ đột nhiều thì lấy làm Địa Huyệt. Như thế có nhiều linh nghiệm".

"Nhất Lạp Túc" viết :

"Khi Dương khí đến thì giống như bàn tay ngửa, khi Âm khí giáng thì giống như sống kiếm. Khi Cương tới, thì Nhu có thể khắc chế nó. Khi Nhu tới, thì Cương cũng có thể khắc chế. Lúc khí dồi dào, không thể không dung nạp nó. Lúc khí thiếu hụt, thì dù ở gần cũng không đạt được. Trong phạm vi phân tấc, khi vận hành không chậm, cũng không mau. Bí quyết nói : "Khí thuần âm thế đến như sống kiếm, bản tính nó cương mãnh. Khí thuần dương đến thế đến như bàn tay ngửa, bản tính nhu nhược", điều đó có nghĩa là khí chứa bên trong từ đầu đi vào".

"Long Cốt Kinh" viết :

"Táng pháp nhất định phải phân rõ hoãn và cấp. Khí của Mạch từ phía sau (Âm mạch) chạy đến, Khí thế của nó giống như sống kiếm, không thể dao động, gọi là "Cô Âm bất thành địa". Hoặc giả chỗ dao động có nơi bằng phẳng, thì chính là trong Âm có Dương, có thể đặt nó bên dưới vật hình cầu. Phương pháp của nó là phải mở ra xung quanh ba thước, mới tạo thành sinh khí. Nhưng nếu có Dương mạch từ phía trước chạy tới, khí thế như bàn tay ngửa, thì gọi là hoãn mạch, cũng cần phân thủy, táng dưới đường phân thủy. Hoàn toàn không thể để nó tán phát ra ngoài". Phải xét kỹ hai chữ "phân thủy", nó là tinh hoa của Mạch pháp, trong Dương có Âm mới đạt được cách "bất tử nhi sinh".

Trịnh Thụy tiên sinh khi viết câu :

"Địa quý bình di" trong "Táng Thư", có chú thích bên dưới : "Sự vật có bản tính là Dương thì tương đối nhu nhược, theo lý thuyết thì phải nhờ vào nó. Nhưng nếu bản tính của nó tương đối cấp thúc (gấp gáp), thì phải rút lại một vài thước, để hóa giải sự cấp thúc kia". Giải thích câu : "Sơn giả thế hiểm", bên dưới có viết : "Sự vật thuộc Âm, bản tính cương cường, vốn phải thu rút lại. Nhưng nếu bản tính hoãn mạn (chậm chạp), thì cần nới rộng bảy, tám tấc, để thôi thúc bản tính hoãn mạn của nó".

Họ Lưu nói "rút lại", có ý đặt vào hình cầu, hướng phía trước, dựa cho gần Âm khí. Còn nói : "Sự vật thuộc Dương cần phải rút lại một, hai phân, hoãn hòa thì phải nới rộng bảy, tám tấc", đủ thấy Âm nhũ phải tránh sát (giết) mạch, không được nghênh diện thẳng lên. Vậy là rất minh bạch.

Họ Tạ giải thích câu : *"Một không thể sinh ra sự vật, muốn sinh ra sự vật mới, tất phải có hai"* trong "Tuyết Tâm Phú" như sau:

"Phàm là hình thể và khí thế của Long Mạch khi chạy đến giống như sống kiếm, gọi là "Cô Âm"; nếu khi chạy đến giống như bàn tay ngửa, thì gọi là "Độc Dương".

(1) Yêm ở đây là bùn lầy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lại chú thích :

"Âm và Dương không tương giao, chẳng khác gì người nam không có vợ, người nữ không có chồng, làm sao sinh đẻ ? Cho nên mới nói : "Nhất bất năng sinh, sinh vật tất lưỡng" (Một chẳng thể sinh sản, vật muốn sinh, ắt phải có hai). Trong Âm phải cầu Dương, trong Dương phải cầu Âm, Âm và Dương phải giao với nhau, mới không tuyệt diệt, đất lớn do đó mới được sản sinh".

Họ Lại giải thích câu : "*Sơn là Thể, Thủy là Dụng, thành Thể dụng nhất khí*" ở trong "Ngọc Xích Kinh" như sau :

"Các nhà phong thủy cho rằng cao là Âm, thấp là Dương, địa thế cao vút là Âm, bằng phẳng tròn trặn là Dương; sấp xuống là Âm, ngửa mặt là Dương; vật có mũi nhọn là Âm, vật có chỗ lõm xuống là Dương. Như vậy nguyên nhân coi Tĩnh là Âm, Động là Dương là xuất phát từ phương tiện thể chất và tính tĩnh của sơn thủy mà ra".

Lưu Thanh Điền lý giải Âm Dương trong "Ngọc Xích Kinh" như sau :

"Lý luận địa lý phong thủy cho rằng cao là Âm, thấp là Dương, sấp xuống là Âm, mà ngửa mặt là Dương. Cao vút lên là Âm, mà bằng phẳng dàn trải là Dương. Duy chỉ có địa thế bình nguyên không có Âm, mà lại có chỗ các dòng nước hội họp, tức là có Âm tồn tại, thật là xảo diệu".

Đỗ Mục Đường trong "Phát Vi Luận" viết:

"Tam Âm từ trên trời hạ giáng, vì gốc rễ của Âm có ở trong Dương, cho nên Âm mạch phải là trên nhỏ dưới lớn. Tam Dương từ dưới đất thăng lên, vì gốc rễ của Dương có ở trong Âm, cho nên Dương mạch phải là trên lớn dưới nhỏ. Do vậy, một khi Dương thở ra khí, vạn vật sẽ sinh ra, một khi Âm hít khí vào, vạn vật sẽ sinh thành".



Hình 1-1 : Âm Dương thăng giáng

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LONG PHÁP

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên thị
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên thị
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Hạo Lục thị
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiên Dung thị

LUẬN TAM ĐẠI CÁN LONG

[Các nhà phong thủy đàm luận về Long mà không biết trong thiên hạ chủ cán Long là gì. Cho nên họ chỉ thấy những cái ở ngay trước mắt, chứ không nhìn xa trông rộng, chỉ nghiên cứu sơ sài chứ chẳng đi sâu, những gì quan sát được thì vô cùng hạn hẹp. Cho nên trước hết hãy luận về ba đại cán Long để hiểu những nét đại thể.]

Có thể nói Trung Quốc có ba đại cán Long là Trường Giang, Hoàng Hà và Áp Lục Giang. Toàn bộ địa thế Trung Quốc theo sát ba dòng sông này. Đại Long có thể luận "đại quan lan", Tiểu Long có thể luận "tiểu quan lan". Đại quan lan rộng tới mấy ngàn dặm. Quan lan càng lớn thì càng xa, như quan lan của Dực Châu nằm mãi tận vùng Kiệt Thạch. Quan lan của Trường An ở tận Kinh Sơn, quan lan của Lạc Ấp ở Thái Hoa Sơn. Đấy là những đại quan lan. Có thể nói đại cán của Trung Quốc không nhiều. Lại nói qui mô của đại cán Long quá xa và rộng, điều này các nhà phong thủy có kiến thức nông cạn, tầm nhìn thiển cận, khó lòng nhận ra. Vì đại cán Long vốn là nơi chân tàng, thần bí, lại thêm được thần nhân bảo hộ. Thấy địa hình cao rộng không thể tùy tiện bảo đấy là cán Long. Người luận cục thế cũng chưa thể coi nó làm chuẩn mực. Tóm lại, phải lấy thế kẹp chặt là quý, phải tận mắt nhìn thấy một cách bao quát mới được.

Cát Khê viết :

"Núi Tu Di là sống lưng của trời đất, ở trong liền với trung tâm của trời mà tạo thành một vùng nội địa rộng mênh mông, tứ chi mới phân thành bốn đại thế giới, chỉ có Đông Long tiến vào Trung Quốc, Nam Long xuất phát từ núi Côn Luân, Long tử, Long tôn cũng đều có thể phân biệt được".

Chu Thổ Viễn viết :

"Địa Mạch trong khắp thiên hạ đều khởi nguồn từ núi Côn Luân. Đất đai rộng lớn của Trung Quốc đều chỉ nằm ở một vùng hẻo lánh về phía đông nam. Cho nên mọi dòng sông đều chảy về phía đông. Luận về Trung Quốc, thì Long lấy Thủy làm giới hạn. Trường Giang, Hoàng Hà, Áp Lục Giang là ba ranh giới lớn. Thế đi của Long từ Thiểm Vân, Tứ Xuyên chạy dài về phía Đông, do vậy nước đều chảy về đông. Dương nhiên cũng có dòng chảy về phía bắc và tây, nhưng người ta không thể đi tới đó, mắt chẳng nhìn thấy. Chỉ vì nước đều chảy về phía đông, nên các giao điểm rất phức tạp. Trung Quốc có hai kinh đô, 13 tỉnh. Lấy ví dụ một Huyệt trường rất nhỏ. Hà Nam là nhũ, Sơn Đông, Bắc Trực (Hà Bắc) là Tả Sa, Ngô Việt, Mân Quảng là Hữu Sa, biển Đông Hải là Minh Đường, Lã Tống, Lưu Cầu, Kinh Châu, Nhật Bản là Ấn Tinh; Trường Giang, Hoàng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1–2

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hà là Hà Tu Thủy (hai cái râu tôm) ở bên cạnh Huyệt. Đăng Châu, Lai Châu trải dài ra biển. Tả Sa là Diệu Khí, Quá Mạch và Thúc Khí còn nằm ở bên ngoài vùng Thiểm Vân. Chỉ những người tài năng trí tuệ mới có thể thấu hiểu được đạo lý bên trong của nó vậy".

LUẬN NAM CÁN MẠCH LẠC

Trường Giang và Đông Hải kẹp Nam Cán Long vào giữa, phần đuôi chấm dứt tại phía nam Đông Hải. Long mạch của nó bắt đầu từ Mân Sơn, ngoằn ngoèo tiến về hướng tây, rồi chuyển qua địa vực Vân Nam ở phía Nam, vượt qua Dạ Lang, xuyên suốt Quế Linh, chạy tới Linh Lăng, đây chính là Cửu Nghi Sơn, lại tiến vào Quế Liên, qua Đại Sưu Lĩnh, xuất phát tới Nam Hùng, qua Thinh Châu, Thiệu Võ, đến Quảng Tín, xuyên tới Vi Châu, kéo dài về phía đông tới Thiên Mục Sơn, trong đó một chi của chi mạch biến thành sông Tiền Đường, một chi khác tách ra tiến vào Hải Môn.

Dương công nói :

"Hải Môn khí thế thịnh vượng, thông liền Phúc Kiến với Quảng Đông, Nam Long và Chi Long giao tiếp với nhau. Đây vốn là Mạch Lạc phương nam của Hải Môn, sơn mạch chủ về phát tài, phúc cùng bá quan văn võ, thì xen kẽ giao nhau ở giữa. Trong đó một chi Long mạch khởi thủy từ Kiến Khang, chạy thẳng tới Giang Âm, một chi từ Linh Sơn quay đầu chạy về bên hồ Phiên Dương, nguồn nước của nó chính là: Nước sông Tương phát nguyên từ huyện Linh Lăng, Vĩnh Châu chạy thẳng đến Động Đình Hồ rồi chảy vào Trường Giang".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN TRUNG CÁN MẠCH LẠC

Phần nằm giữa hai dòng sông Trường Giang và Hoàng Hà là Trung Cán Long, chạy thẳng ra tới Đông Hải. Nam sông Hoàng Hà và bắc sông Trường Giang là nơi sở tại của Trung Cán Long, bắt đầu từ Tây Khuynh, qua miền tây Cam Túc, trải qua Phụng Tường.

"Kinh" viết :

"Các dãy sơn mạch liên miên bất tuyệt, chạy thẳng tới Đại Tản Quan, có thể thấy rõ núi sông ngang dọc ở giữa, vây bọc tới tận cửa Hàm Cốc, nước sông chảy từ trung lưu Hoàng Hà tựa như chuỗi ngọc đẹp đẽ".

Một chi sơn mạch của Trường An phát nguồn từ Năng Nhĩ, đây chính là Trưng Nhạc Tung Sơn. Từ Hạ Lương thẳng tới Duyễn Châu là Thái Nhạc Sơn.

"Kinh" viết :

"Hoàng Hà ở phương bắc, mà Trường Giang ở phương nam, kẹp địa vực hai dòng sông này vào giữa, sinh khí triển miên. Long mạch chạy đến đất Thanh Tề bỗng trồi lên, hai núi Duyễn Châu và Đông Nhạc đứng sừng sững ở đó, hình thế của phân chi Long Mạch rất đẹp, đất Lỗ có nhiều bậc thánh hiền vậy !"

Còn một chi Long mạch chạy tới địa Đăng Châu và Lai Châu, một chi tới Thượng Châu, liền với Trực Khang, nguồn nước của nó là Tế Thủy, khởi từ huyện Viên Khúc, chảy tới huyện Ôn thì nhập vào Hoàng Hà, lại từ phía nam Hoàng Hà tách ra thành Vinh Hà, từ đông bắc chảy thẳng tới Thanh Châu thì đổ ra biển. Hán Thủy chảy tới Hán Dương thì hội nhập với Trường Giang, Hoài Thủy chảy tới Hoài An thì đổ ra biển.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN BẮC CÁN MẠCH LẠC

Kẹp giữa hai sông Hoàng Hà và Áp Lục Giang là Bắc Cán Long. Bắc Cán Long khởi thủy từ núi Côn Luân, trải dài qua Liêu Hải Hà Bắc, thẳng đến phía tây huyện Bạch Đăng. Một chi trong đó là Hồ Khẩu Đông Nhạc Thái Sơn, một chi khác trải về phía nam là Tích Thành, quay đầu về phía tây là Lôi Thủ. Sau đó một chi tạo nên Thái Hành Sơn, một chi là Hằng Sơn, tiếp nữa một chi tạo nên Yến Nhiên Sơn chạy thẳng tới Bình Loan Kiệt Thạch mới dừng lại.

"Sơn Kinh" viết :

"Côn Luân chạy mãi tới vùng sơn cước Nhan Sơn, mỗi sơn mạch đều là đất của chiến tranh. Sơn mạch liên miên bất tận, chạy dài tới tận sa mạc rộng lớn ở phía bắc. Phong tục nơi ấy còn hủ lậu, con người thô lỗ. Trẻ con tới mười tuổi phải học cưỡi ngựa bắn cung, mọi đứa trẻ đều được rèn luyện thành người có tính cách cương cường, thân thể tráng kiện".

Nguồn nước ở nó là Phần Hà ở Sơn Tây, phát nguyên ở Quản Châu và Giáng Châu, chảy ra biển Đông. Ba cán Long nói ở trên đều khởi thủy từ núi Côn Luân, chia ra tiến vào Trung Quốc, trải khắp địa vực chín châu. Như vậy, ranh giới của Bắc Cán Long là ở địa vực của Yên, Dực, Trung Cán Long giới định địa vực của Ung, Dự, Từ, Thanh, Nam Cán Long giới định tại địa vực của Lương, Kinh, Dương.

CHI CÁN TỔNG LUẬN

Chi cán, nghĩa là nói Long có lớn cũng có nhỏ, như cây có thân có cành vậy. Mà trong chi cán lại phân ra hoặc lớn hoặc nhỏ, nên mới có đại cán Long, tiểu cán Long, đại chi Long, tiểu chi Long. Đây chính là ý tứ của câu : *"Trong cán có cán, trong cán lại có chi; trong chi có cán, trong chi lại có chi"*.

Ngô công viết :

"Sự khác biệt của chi và cán có rõ ràng thì mới xác định được chính thứ. Sau khi xác định được chính thứ, thì lực lượng tiềm ẩn của chúng tự lộ ra, nên nguyên do phân ra cán Long và chi Long là vì muốn xác định, quan sát sự khinh trọng của lực lượng tiềm ẩn ấy. Nhưng cách thẩm định Long phải dùng nguồn nước (thủy nguyên) làm tiêu chuẩn.

Phàm là đại cán Long thì xem hai dòng sông lớn kèm hai bên, tiểu cán Long thì xem khe, suối lớn giáp bên mà xác định; đại chi Long xem khe, suối nhỏ giáp bên, tiểu chi Long thì xem những dòng nước nhỏ như mương, lạch. Thấy nguồn nước dài, ngắn ra sao, thì có thể xác định độ lớn nhỏ của cán Long và chi Long.

LUẬN CÁN LONG

Cán Long có hai loại : đại cán Long chính là cán Long ở trong cán Long. Tổ sơn (núi tổ) của chúng khởi nguyên từ một danh sơn (núi nổi danh), chạy qua mấy mươi quận huyện, rộng tới vài ngàn dặm. Chính khí trong đó sung mãn, đẹp đẽ lạ thường, sơn thế sừng sững, nguy nga, có thể phát hiện trên núi có mây mù che phủ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Kinh" viết :

"Thoạt tiên phải phát hiện ra khí mù, rồi sau mới có thể biết rõ Long chân xác".

Đây là cách để khảo sát tổ tông của cán Long. Nếu biết rõ tổ tông của nó rồi, còn phải thẩm định nơi rời xa tổ tông có hình dáng thế nào, núi tổ tông phải có khí thế nguy nga hùng vĩ, tráng lệ, khí hàm chứa trong đó phải thực sung mãn, giữa các sơn mạch phải nối liền với nhau, chứ không phải kéo dài từ các đỉnh xung quanh. Còn có các chi cước mạch lạc, cửa khẩu hộ vệ, các hiệp cốc ở hai bên, hàng lối sắp xếp có thứ tự. Các ngọn núi xung quanh cao vút, sừng sững trông tựa bậc đế vương xa giá tuần du, bá quan văn võ đứng hầu hai bên và theo sau. Kẻ có kiến thức nông cạn vốn không biết hình thế và trạng thái của cán Long, vừa thấy các ngọn núi bốn bề thanh tú tươi đẹp đã vội mừng rỡ. Kỳ thực, dù họ có thu hoạch kết quả, thì cũng chỉ thấy được các tiểu huyệt của chi mạch mà thôi.

"Kinh" viết :

"Trên mình cán Long không sinh ra các đỉnh núi dị dạng, nếu có đỉnh núi, cũng chỉ là vài Chi Long ở xung quanh mà thôi".

Cho nên, phàm là cán Long thì phải có sơn mạch cao vút, đỉnh núi nguy nga cùng nối liền mà tiến tới, có khi dài hơn trăm dặm, có lúc bảy, tám mươi dặm, có khi lại chỉ hai, ba chục dặm, ở giữa chỉ có một nơi đứt đoạn, mà nơi đứt đoạn này tất nhiên sẽ là cương giới nối liền giao thông liên tục, là nơi dòng người qua lại không ngừng. Từ xưa đến nay dựa vào số người qua lại nhiều ít mà biết hiệp cốc lớn hay nhỏ, lại căn cứ vào độ lớn của hiệp cốc mà đoán định sự lớn nhỏ của Long".

Cán Long một khi đứt đoạn thì chui xuống dưới lòng đất, có khi hơn mười dặm, có khi vài chục dặm, địa thế trên mặt rất bằng phẳng, nên tổng tích của cán Long rất kỳ bí, không biết nó chui chạy về hướng nào, hoặc giả xuyên qua vùng bình nguyên rộng lớn, thì bên dưới lòng đất nó không hề gián đoạn; hoặc ở trung gian có cầu đá bắc qua dòng sông trên mặt, tạo thành các địa mạch thông qua hồng thủy. Hoặc giả ở chỗ này chỗ nọ chỉ lấp lộ vết tích; hoặc giả mạch lạc có thể tản lạc trên mặt đất mà ẩn dấu tổng tích cán Long. Đi xa về phía trước, chợt lại thấy núi cao, núi cao trải dần xuống thấp, xa về đằng trước. Ở đấy lại gặp chỗ đứt đoạn, sau khi đứt đoạn lại trồi lên. Cứ vậy liên miên bất tuyệt, vừa xa vừa dài, có khi ngoài ngàn dặm, có khi mấy trăm dặm".

Liêu công viết :

"Nơi sở tại của cán Long cần phân rõ xa và gần. Cán Long xa ngàn dặm là đại đô thị, xa hai ba trăm dặm là châu phủ; cán Long thông qua nơi đó là có thể xuất hiện nhiều đại quan. Xa trăm dặm chỉ có thể là huyện thành. Gần nữa là trấn. Các chi Long tách ra từ chủ Cán, cũng cần tùy theo sự lớn nhỏ của chủ Cán mà phân biệt. Hướng đi của chính cán Long có thể coi là Kinh đô. Các tiểu cán Long từ thân Long tỏa ra là các tỉnh thành, từ tỉnh thành lại phân ra các chi Long là các quận huyện, thôn ấp".

"Long Tủy Kinh" viết :

"Khí độ của đại Long quả chẳng tầm thường. Sau khi ly khai tổ tông Long, chân tay (thủ cước) sẽ vươn ra thật dài và xa, ngang dọc tới vài ngàn dặm hoặc mấy trăm dặm, tối thiểu cũng phải trăm dặm. Các nhánh cây tối thiểu có thể làm châu, phủ, huyện, mà địa vực của đại chi có thể sinh ra bậc đế vương". Hơn nữa, đại cán Long, từ chủ cán đến chi, từ đầu đến chân, đều có chỗ dung kết tinh khí.

Tử Vi nói :

"Tiểu địa phương từ tay đến chân đều có địa huyệt, đó là mạch khí sung mãn của đại Long".

Song một đại cán Long qui mô như thế, nhưng cũng có khi chạy nhanh đến chỗ khả dĩ kết huyệt, thì lại không có chạc cây dùng được, chỉ có một diện tích rộng lớn bằng phẳng, một chi Long mạch ở trên mặt đơn độc trải dài về phía trước tới mấy chục dặm. Sơn mạch dù bị ngăn cách bởi châu phủ, bởi sông nước, vẫn tiến đến nghênh tiếp chi Long mạch, dù ở xa mấy chục dặm vẫn hô ứng với nhau. "Kinh" nói :

"Sơn mạch dù cách sông nước vẫn tương giao ứng hộ với cán Long".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Họ Bốc viết :

"Muốn cầu được như ý ta muốn, nhất thiết phải là nghịch thủy Long, chỉ là chi Long thì được. Cán Long hai bên đều bị kẹp bởi sông nước, làm sao mà nghịch thủy ? Chỉ khi đến chỗ sắp nhập thủ, cán Long mới quay mình ngược thủy mà đi xa mấy dặm hoặc quay mình ngược thủy vài đốt (đoạn). Ở chỗ đó mà kết huyệt là tốt nhất. Như thế nên bảo là từ "thuận thế" chuyển thành "nghịch thế". Khi đến chỗ có thể kết huyệt, tất nhiên sẽ có sự tương ngộ vồ vập của sơn thủy, hoặc giả sơn mạch quành ngoặt lại, thủy cũng quành ngoặt theo, mà thủy khẩu thì ổn định vững chắc, minh đường trải rộng bằng phẳng, nội cục tụ tập dày đặc, ngoại dương rộng rãi thoải mái, thủy tới triều bái, sơn mạch châu đầu vào. Nếu gặp địa thế như vậy, thì có thể tìm được nơi sở tại của Huyệt. Khi chính mạch của cán Long sắp tiếp cận với nơi kết huyệt, ắt sẽ có chỗ đứt đoạn khá rộng; không có nơi đứt đoạn liên tục, mạch khí mới có thể dung kết. Nếu không phải như vậy, Long mạch sẽ kéo dài lan mát ra bình nguyên, để tụ kết thành đất tốt, phải ở gần sông lớn. Nhưng dù vậy, nếu ở gần sông lớn, lại không phải xuất đầu lộ diện, thì nhất định phải có sơn mạch xung quanh liền hô hậu ủng".

Cho nên "Long Tủy Kinh" mới viết :

"Văn võ bá quan theo đó mà sắp xếp, đây chính là khí tượng huy hoàng của triều đình".

Cũng có Long mạch quay mình đối mặt với tổ Long kết huyệt. "Kinh" viết :

"Long mạch quay đầu uyển chuyển trông giống móc câu, triều bái trước khi đến chỗ kết huyệt. Ngọn núi được triều bái là tổ Long, hết thảy Long mạch đều không phải từ ngàn dặm xa tới đây nghênh tiếp".

Cũng có cán Long không quay mình lại mà trực tiếp kết huyệt. "Kinh" viết :

"Cũng có cán Long chạy giữa hai dòng sông, Long mạch không thể quay mình, thì có thể trực tiếp kết huyệt. Song địa thế hộ vệ ở hai bên ắt không giống nhau, nhất định sẽ có nơi giao kết bí ẩn".

Cũng có Long mạch quay đầu sang một bên, mượn quỷ an Huyệt. "Kinh" viết :

"Nếu gặp quỷ sơn (núi dị dạng), Long mạch sẽ quay đầu sang nơi có địa thế rộng rãi mà an Huyệt".

Tuy mấy loại kết huyệt này khác nhau, nhưng điều chủ yếu nhất là phải có địa phương lấy nơi giao hội của hai dòng sông làm chỗ tận cùng. Đó chính là nơi thụ huyệt, lại tuyệt đối không thể tìm kiếm tại nơi mà Long mạch hoàn toàn biến mất. Phạm Việt Phụng viết :

"Huyệt địa đại phú, đại quý chắc chắn không ở những nơi tận cùng. Nơi tận cùng của Long mạch nhất định xảy ra những biến động mạnh".

"Kinh" viết :

"Tìm Long mạch, lúc đến chỗ tận cùng của cán Long, nơi hai dòng sông giao hội, huyệt địa ắt có gió dữ. Nếu có phong xuy (gió thổi) và thủy kiếp (nước xiết) thì không thành thiện địa, ta nên suy xét kỹ, rằng đây là thứ Long mạch đại khả nghi". Cho nên, khí thế của cán Long hùng vĩ mênh mông, thì ở ngoài, xa địa thế có thể kết huyệt, nhất định sẽ có sơn mạch của nó hàm ẩn tinh khí dư thừa, hoặc giả ở xa vài chục dặm, hoặc ở xa mấy trăm dặm, tất cả đều là các loại tiếp hộ, ám củng (ngầm châu đầu vào nhau, quấn quít bảo vệ nhau), đều có thể là chính huyệt dụng thần, có địa thế theo cách "hạ thủ", có địa thế theo cách "thác lạc", có địa thế "quan hiệp", có địa thế chạy thẳng đến sơn khẩu, tạo thành cách "môn hộ". Mỗi cách đều có tiểu địa huyệt, lũy theo chúng có hàm ẩn bao nhiêu tinh khí, mỗi cách đều có chỗ linh dị, nhưng dù gì cũng không thể so sánh với cách kết huyệt chính. Nhưng nơi cán Long này kết chính huyệt là nơi trời đất ẩn giấu bí mật khó thấy, đại đa số có hình dạng xấu xí, kỳ dị, ẩn khuất, có nơi kết địa huyệt trên núi cao, ngẩng lên thấy được thế hùng vĩ, là chỗ xảo diệu của trời đất; có nơi kết huyệt lại bình địa như linh quy náu mình trong bùn; có nơi kết thành kỳ Long; có nơi thành thạch động; các loại tông tích dị thường này cực kỳ ẩn khuất khó kiếm, có chỗ sa thủy tán loạn, có chỗ sát khí bốc lên, có chỗ diệu khí ngoằn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ngoèo, có chỗ địa thế khoáng đạt, có nơi thời gian kết huyệt quá dài, khiến mấy thế hệ đầu gặp nhiều bất lợi, lại thêm cung vị không hợp với vị trí bình thường. Đây vốn là chỗ khiếm khuyết của tạo hóa, không nên vì thế mà bỏ đi các địa huyệt tốt".

Về đại thể, chân huyệt của cán Long, tuy tông tích tương đối ẩn khuất, nhưng nhất định tự thân sẽ hiển xuất điềm báo kỳ diệu, tinh khí tú mỹ tự nhiên của nó không ngừng thấu lộ ra, môn hộ và các thứ khác hoàn toàn không giống nhau, có khi có mãnh cầm dã thú phong tỏa phòng thủ; có khi là nhật nguyệt bảo vệ môn hộ; có khi bên trên có Biểu Hoa Bắc Thần phòng thủ, huyệt hộ tương ứng ở phía dưới; có khi lâu đài, cổ giác (chòi canh có trống trận và tù và) bố trí quanh La thành; có khi lại có hòm sắt và ấn ngọc xếp đặt ở hai bên, tự nhiên có rất nhiều khí tượng vô cùng cao quý, linh tú, điềm báo hiển thị khác hẳn bình thường. Dù người có nhãn lực tinh tường nhận biết địa huyệt ấy, cũng không thể tùy tiện chỉ cho người khác, mà phải chờ đến khi gặp người đức hạnh, bởi lẽ nơi ẩn tàng tinh khí của trời đất thì một người bình thường chẳng thể cứ cầu là được.

Mấy tiểu cán Long ấy là phân chi trong cán, cũng là do đại cán Long phân lưu mà ra. Tại địa phương phân mạch, nhất định sẽ có đại tinh tú, hoặc sơn mạch và sơn lãnh (đỉnh núi) cao lớn làm tổ tông của nó. Tử Vi nói :

> "Địa phương phân Long nhất định có đại tinh tú xuất hiện, nên tìm tiểu cán Long ở đằng trước hoặc đằng sau hiệp cốc".

"Kinh" viết :

> "Nguồn nước cũng có dài, có ngắn, dài thì có thể lấy làm châu quận, ngắn thì có thể lấy làm huyện thành. Các đoạn nhỏ trên chi là các thôn trấn. Trên cán có khi xuất hiện chỗ đứt đoạn. Phân chi từ các chỗ ấy sẽ dẫn xuất một bộ phận Long mạch, trong cán có chi, trong chi lại có cán. Nơi xa một trăm dặm thì tự có tiểu cán Long, hai dòng sông kẹp tiểu cán Long vào giữa, trên Long mạch của tiểu cán Long khả dĩ tìm thấy bờ sông quanh co. Bờ sông quanh co nhất định sẽ có dòng chảy ôm lấy đầu Long, ở địa thế đó có thể tìm được địa huyệt mà tinh khí không tán phát".

Bên trên đã nói về cán Long, tuy có sự khác biệt giữa đại cán Long và tiểu cán Long, nhưng hình thể và khí thế của chúng có rất nhiều điểm tương đồng. Nên xem nguồn nước kẹp Long mạch dài hay ngắn mà đoán định cán Long lớn hay nhỏ.

"Ngọc Tủy Kinh" viết :

> "Khí thế của tổ tông rộng lớn, khí thế của con cháu cũng theo đó mà rộng lớn. Thiên Long tiến tới cùng đón cùng đưa (tương nghênh tương tống), nhất định sẽ cách sông nước, núi ở ngoài châu ngoài huyện là bạn hữu của nó. Hộ vệ cũng chia ra lớn nhỏ. Điều này tùy theo độ dài ngắn của Long mạch mà định. Long mạch dài thì núi hộ vệ cũng dài theo".

Phàm phương thức mà đại Long hành tiến, như tiến tới, tỏa ra, quay đầu, biến hóa, cũng giống như hoàng đế xuất trưởng, nhập trướng. Các cốt tiết (đốt xương sống) của Long mạch không ngừng khởi phục biến ảo, xuyên qua hiệp cốc, chạy suốt bình nguyên, thân Long dàn trải uốn uốn lượn lượn, không có định quy, khi ẩn khi hiện. Khi mạch lạc ẩn tàng, tông tích thật kỳ dị, ở giữa có thể có các tảng đá nhô cao, Thiên Hà và Thiên Hoàng hộ vệ hai bên tả hữu, sinh ra suối nước trong lành, mọi thứ xảo diệu đều có ở đây. Lại có các loại cây khí thế như hổ phục rồng chầu, loan bay phượng múa. Long nha và Long trảo (răng và vuốt rồng) rải ra khắp nơi, không ngừng hoán cốt thoát thai, thiên hình vạn trạng.

"Táng Kinh" viết :

> "Huyệt tôn quý giống như vương hầu có vạn thặng, huyệt phú túc giống như phú gia có thiên kim. Huyệt như thế chẳng khác gì bên trong chứa nhiều báu vật, mà bên ngoài không chút lộ liễu".

"Kinh" viết :

> "Phàm luận đến những chuyện lớn về phong thủy đại địa, người tu luyện thấp kém vừa nghe xong đã run sợ; người tu luyện trung bình nảy sinh hồ nghi, còn các bậc tu luyện

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thượng thừa thì suy xét thường thức. Tại sao không thử xét những đại gia tộc cao quý ? Con cháu họ đời đời hưởng thụ phú quý vinh hoa, chính vì khí thế phong thủy của tổ Long vô cùng rộng lớn, nên họ chẳng phải lo sinh kế, mà chỉ việc thừa kế quan chức, tước danh của gia tộc. Dù là tiểu huyệt địa, cũng sẽ có tiểu phú quý, nhưng chỉ sau hai đời thì chấm dứt. Đến đây mới hiểu rằng vì sao tiểu phú quý chẳng bền lâu vĩnh viễn như đại phú quý".

LUẬN CHI LONG

Chi Long là phân chi của sơn mạch. Cán Long rất ít, mà chi Long thì rất nhiều. Do vậy, luận địa khí, chỉ nên xét đến chân giả, mà không chỉ xét đến lớn nhỏ.

"Phát Huy" viết :

"Sơn hình địa huyệt nhỏ bé, hoặc dạt tới ba, bốn, năm, sáu tiết (đốt) Long mạch, chưa thể tính là có gần Long tâm hay không, cũng không thể cho đó là ở Long thủ, Long cước. Mỗi khi địa hình có Long tiết duỗi ra, thì có thể coi là kết huyệt; vì địa hình như vậy vẫn còn có núi triều bái, đối diện, hai bên có núi hộ vệ, giống như vậy là có thể an táng. Sau khi an táng, có thể xuất hiện một vài bậc tôn quý, sự giàu sang duy trì được vài chục năm, điều này cần xem tinh khí của nó hàm ẩn nhiều hay ít mà định. Chi Long, dù là đại chi, tiểu chi hay bằng chi, nếu có tinh khí tụ kết ở bên trong, cũng đừng bỏ qua. Chỉ cần phía trên có tinh tú sáng sủa, hình trạng phân minh, rõ ràng, vu hồi khúc chiết, quân bình. Tiếp đó, dàn trải ra bên ngoài chỉnh tề, có thứ tự, thì nơi đó ắt có địa huyệt ẩn tàng. Các điểm báo đều rất minh bạch, đằng trước có núi nghênh tiếp, triều bái, đằng sau có núi tương tống (tiễn đưa), địa thế hai bên tả hữu cũng đều phân rõ lớp lang, minh đường bằng phẳng ngay ngắn, xung quanh có thủy thành bao quanh minh đường, bốn loài thú cương mãnh uy vũ, sa phía dưới vững chắc ổn định, thủy khẩu được phong tỏa nghiêm mật, la thành trùng trùng điệp điệp, mới là cát địa. Còn như thân Long không lượn sóng, tinh tú không sáng sủa, cục thế của địa huyệt cũng không phân minh, sa thủy tán loạn, sa bên dưới không ổn định vững vàng, minh đường gồ ghề, thủy khẩu lại quá rộng lớn, tinh khí sẽ không tụ kết ở địa thế đó, thì loại địa huyệt này khỏi cần lưu tâm đến".

Còn một loại địa huyệt tuyệt diệu, Long mạch chỉ duỗi ra vài tiết đã hình thành địa thế khả dĩ kết huyệt, chẳng phải cán Long, cũng không phải chi Long, thì gọi là tùy Long huyệt luôn ở sát tỉnh thành, phủ quận. Đại cán Long, thường thường kết huyệt ở địa phương có rất nhiều sơn và thủy tụ kết, trong đó mạch khí rất vượng, mỗi tấc đều là ngọc xích yếu huyệt, khi đó không thể không tìm Long mạch ở đây. Đôi khi chỉ có vài tiết Long mạch đã có địa thế kết đại huyệt, nó có chung một tổ tông với đại cán Long, lai lịch của nó vốn rất tôn quý, tinh khí hàm ẩn bên trong cũng rất vượng, tựa như các vị quý nhân ở bên cạnh bậc đế vương.

CHI LONG TỔNG LUẬN

Nói đến chi Long, là Long trên bình địa. Lũng Long là Long trên núi cao. Chi Long trong phạm vi ngàn dặm rộng lớn mênh mông, thì khó nhìn thấy chỗ tận cùng. Long mạch do vậy cũng khó nhận biết rõ ràng, đôi khi ở giữa cao vọt lên, đường phân thủy rất rõ, sống lưng của mạch phân minh, Long mạch kiểu này là rất tốt. Nếu Long mạch cao thấp không đều, mạch thế đột nhiên đứt đoạn, đường phân thủy mơ hồ, thì đó là giả Long mạch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Họ Ngô viết :

"Chi Long cúi đầu xuống như ngủ, duỗi thân tới địa phương có cát linh chiếu, thì sẽ ngước đầu lên".

"Tăng Kinh" viết :

"Muốn chiêm bốc chi Long thì phải tới đầu Long; muốn chiêm bốc Lũng Long, thì phải tới chân Long. Khi táng cốt trên thân mình chi Long, thì phải táng ở chỗ cao nhất của nó. Còn với lũng Long thì phải chôn (táng) ở dưới chân núi".

Lại viết :

"Cát địa thường là nơi bằng phẳng rộng rãi, cát địa cũng là nơi có chi Long; nơi chi Long bắt đầu duỗi thân, cát địa cũng tùy theo tinh khí của chi Long mà dàn trải, nơi chi Long đến, cũng là chỗ cát địa kết tụ nhiều tinh khí. Phép quan sát chi Long là xem Long mạch có nhấp nhô uyển chuyển, lộ rõ sự huyền diệu hay không. Nếu có cát khí, thì cát địa sẽ nổi lên theo nó. Chi Long chứa đựng tinh khí sung mãn, sông nước cũng đi theo bên cạnh nó. Khí thế của nó rất thuận đạt, sơn thế rất linh động. Nếu mai táng tại địa huyệt y theo đúng phép, thì vĩnh viễn có cát tường, không lo hung hiểm".

Dương công viết :

"Địa thế xung quanh chi Long giống như một vùng nước mênh mông cuồn cuộn; khiến chi Long như chìm trong một đại bình nguyên. Trên toàn bộ bình nguyên nước mênh mông bao la nối liền trời với đất, chi Long uốn mình ngoằn ngoèo, có lúc chỉ nổi lên như một sợi chỉ mảnh, có lúc chìm đi đứt đoạn, rồi lại nổi lên. Ở phía trước sẽ gặp sự hội lưu của thủy thành, nhất định phải có cách định địa huyệt phân minh. Chi Long từ chỗ cao hội tụ đến chỗ bằng phẳng, phân chi của sa và thủy cũng tương nghênh ở hai bên, từ phía trước mà tới".

"Thập Lục Mạch" viết :

"Nói đến Tiên Chưởng mạch, rất ít ai biết. Dù ở chỗ đất bằng cũng không sợ gió thổi từ bốn phương tám hướng, chỉ cần khảo sát xem tinh khí có chân tàng ở chân mạch hay không, khỏi cần nghe người khác nói xấu hay tốt. Nếu Thủy bao bọc Long, Long cũng bao bọc Thủy, thì ta có thể chọn nơi kết huyệt ở đâu cũng được".

"Tam Thập Lục Huyệt" viết :

"Tìm huyệt trên đại bình nguyên, đến chỗ nào thấy địa hình lồi lên cao, thì trên đỉnh của nó thực sự là vô cùng tuyệt diệu. An táng ở trên đỉnh là hay nhất, dòng nước tương nghênh ở xung quanh cũng sẽ từ phía trước mà đến triều bái".

Có "Ca" rằng :

"Bình nguyên mênh mông bao la, tìm không thấy Long và Hổ. Muốn tìm Long mạch, hỏi phải tìm địa phương nào ? Địa sư chỉ việc dùng lưu thủy làm tiêu chí, nơi mà hai dòng nước hội lưu, chính là Long mạch đó".

"Nhập Thức Ca" viết :

"Trên bình nguyên mênh mông không có Long và Hổ, phải tìm Long mạch ở đâu ? Tại phương hướng đông tây, chỉ cần lấy hà lưu làm chân Long (Long thực sự), đem hài cốt táng trong cát huyệt, thì sẽ sản sinh quý nhân sau này làm đến chức Tam Công".

Họ Liêu viết :

"Nếu là cục thế đại bình nguyên thì sao ? Ta sẽ nói thế này. Thần tinh vốn xuất ở chỗ núi cao. Long mạch cũng rời khỏi chỗ núi cao. Quy luật của Long đi dưới bình nguyên cũng giống như vậy. Nhưng nếu Long mạch tản lạc, lạc chỗ bình nguyên, thì dĩ nhiên có điểm bất đồng, tuyệt đối không được để mất tông tích thật sự của nó. Phàm là ở bình địa có chỗ cao chỗ thấp giống như sơn và thủy, tiết và mục cũng đều nằm trên cùng một Long, núi xa và thủy gần đều hộ tống ở hai bên, Long mạch tựa như tơ vương của ngó sen. Thân Long lúc nổi lúc chìm, khi nhô lên, khi lặn xuống. Tìm được Long mạch như thế thì quý hơn ngàn vàng. Hình dạng của bình địa Long cần xem khí thế của thủy lưu, dựa vào thủy đến mà nhận biết Long thì sẽ không bao giờ lầm".

Lại viết :

"Long mạch giống như chuỗi ngọc quý nằm rải trên đất rộng, thấy hạt này nổi lên tiếp đến hạt khác nổi lên thì chính là nó".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Họ Bốc viết :

"Tìm Long mạch, leo lên núi cao ngàn trượng, không bằng kiếm một cái gò đồi ở dưới bình nguyên. Thủy tinh đa phần nằm ở nơi bình địa, cát địa cũng là ở đấy, nó duỗi thân uốn lượn giữa đại bình nguyên bao la nếu thấy chỗ nào từ từ nhô lên cao, chính là địa phương kỳ diệu. Long mạch là như vậy, cứ chợt cao chợt thấp, uốn lượn khúc chiết. Chỗ lõm xuống nhất định phải kỵ lưu tuyền (suối chảy). Ở nơi đất bằng phẳng, chợt nổi lên một cái gò cao, hai phía đông tây đều là bình địa, thì hãy khảo sát kỹ lưỡng, không nên đào khoét đến chỗ có nước chảy. Đất cát lún xuống, nước cứ đọng lại, bờ đất nổi dập dềnh, tính cách của nó không sợ gió thổi, giống như sóng dâng dập dềnh, thì há tất phải lên tận núi cao ? Long mạch giống như một cái dây thắt lưng, há tất phải tìm mãi trên đỉnh núi cao ngất ?"

"Huyệt pháp" viết :

"Dưới đất bằng có địa thế nổi cao lên, tinh khí ắt sẽ toát ra, tuyệt đối hơn hẳn nơi núi cao ngàn trượng, dù thần tiên cũng chẳng nhận ra tình thế ấy. Chỉ cần xem thủy thế, sẽ biết ngay tinh túy thật sự : nếu nước chảy đi, không hề chảy vòng lại, thì khỏi cần tìm địa huyệt".

Đào công viết :

"Sơn thế của chi Long tương đối bình hoãn, giống như rễ cây cỏ, tựa hồ Long co rụt móng vuốt vào thân mình, ẩn ẩn hiện hiện như không có đầu, không có mặt. Nhưng một khi gặp thủy lưu thì tuyệt diệu vô cùng, như rồng gặp mây. Vừa nhìn đại bình nguyên, thấy địa thế uốn lượn nhấp nhô, triều bái tứ phía, vừa đắc thủy vừa tàng phong, thật là địa thế người đời ít gặp. Xung quanh có tiếng gà gáy chó sủa, thị trấn, thôn trang huyên náo, lúc nhô cao, lúc xuống thấp, trải dài nhấp nhô, ở giữa có chỗ đứt đoạn rồi lại nhô lên, chạy dài một bên sơn cước. Long mạch thấy có hình dạng đặc biệt, ly kỳ, dù ngàn vàng cũng chẳng mua nổi. Long mạch giống như một chuỗi ngọc rơi vung vãi, tinh túy ẩn hiện, không chừng đứng ngay bên cạnh địa huyệt mà chẳng biết ! Long mạch vốn dùng để bổ sung chỗ khiếm khuyết, là do tạo hóa sinh sản, chỉ dành cho các bậc đại thánh nhân, dù hiền nhân tiền bối cũng khó mà biết".

Tử Vi viết :

"Long mạch đi tới vùng bình địa ở Trung Nguyên thì mất hút, khó tìm. Dù tìm ra Long mạch, cũng không biết kết huyệt ở đâu. Trước mặt là đại bình nguyên bao la, tìm không ra địa phương tương ứng. Địa thế kiểu này gọi là "Thiên Bình", chỉ có thể xem thủy thế. Nơi thủy lưu quanh co uốn lượn chính là cát huyệt. Nếu còn định bỏ thủy đi tìm địa huyệt khác, xung quanh đều là bình địa, căn bản sẽ không có tổng tích cố định. Long huyệt gặp thủy lưu, huyệt sẽ vuông vắn, nếu không có thủy lưu đến cắt Long mạch, thì đừng lý đến nữa. Chư vị tiên sinh nên nhớ kỹ, loại Long mạch này không giống như Long mạch của sông lớn, núi cao".

Trương Lạc Phách viết :

"Long mạch trên bình địa, khí thế dàn trải hòa hoãn, thoáng đãng rộng rãi trông giống như ô qui ẩn nấp trong bùn. Có lúc Long mạch lặn sâu xuống mặt đất, có khi lại lẩn tránh khiến ta không thấy tung tích. Gặp trường hợp này, ta cần phải dựa vào trí lực tâm cơ cùng sự am hiểu về địa lý để tra xét rõ ràng, địa thế cao hơn một tấc là Long mà thấp đi một tấc là thủy, phải nhìn rõ chi Long khởi đầu từ đâu, xét rõ chi Long kết thúc tại chỗ nào. Nếu Long mạch kết thúc mà cũng là chỗ tận cùng của dòng nước, ranh giới phải phân minh, thì đây chính là nơi kết huyệt. Luận về Lũng Long, đường ra của Lũng Long phải rộng lớn, khí thế của Long mạch phải hùng vĩ, tinh phong phải thanh tú, đẹp đẽ. Địa thế trong khi hành tiến phải khúc chiết uốn lượn, sơn mạch hộ tống phải có thứ tự, địa huyệt phải có tinh khí tụ kết, khí thế xung quanh phải bình ổn hòa hoãn. Hành Long một khi tản ra trên bình địa, nếu nhấp nhô, uốn lượn khúc chiết, thế đến thẳng thắn thì cát. Nếu Long mạch gặp khúc đứt đoạn, địa thế dị dạng, sơn thạch hỗn loạn thì hung hiểm".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG BÀNG, CHÍNH

Long có Bàng Long và Chính Long. Nói tới Chính Long nghĩa là Long mạch thừa hưởng tinh khí của trời đất mà tiến về phía trước, sơn mạch bốn phía đều tới ủng hộ, hộ tống. Cho nên dưới một tổ sơn ắt sẽ có vài Long mạch. Người quan sát Long, cần phải phân biệt rõ đâu là Chính Long, đâu là Bàng Long cùng các sơn mạch theo hộ tống.

"Táng Kinh" viết :

"Nơi núi cao đẹp đẽ sẽ có quần Long hội tụ ở bốn phía".

Ngô công viết :

"Ba hoặc năm, hoặc bảy Long mạch cùng tiến tới thì Chính Long ắt sẽ ở giữa. Lại xét về tinh tú sẽ hiểu rõ thêm về sự đặc biệt của Chính Long. Quan sát khi Chính Long xuyên qua khe núi, hai bên ắt sẽ có sơn mạch hộ tống".

Nhất Hạnh Thiền Sư viết :

"Thông qua sự ngắn dài, cao thấp thì có thể thấy được đâu là Chính Long, nếu nó ngắn thì hãy quan sát từ nơi dài, nếu nó dài thì quan sát từ đoản sơn. Sơn mạch cao thấp đều có khẩu quyết. Song chỉ cần quan sát các sơn mạch triều bái là được, nếu sơn mạch triều bái không tương ứng với Long mạch thì đó chính là Bàng Long".

LUẬN LONG CHÂN, GIẢ

Long cũng có Chân Long và Giả Long. Nếu thấy tinh tú linh động, cấu tạo của địa huyệt phân minh, minh đường rộng rãi, trước mặt thông thoáng, khoáng đạt, thủy thành và thủy khẩu đều hợp với phép tắc của phong thủy, đó mới là Chân Long.

"Ngọc Tủy Kinh" viết :

"Cũng có Long mạch hùng vĩ, khí thế cao vút từng không; tinh tú bên trên cũng đẹp đẽ, Long mạch uyển chuyển khúc chiết, nhưng nó không kết huyệt, đây là Giả Long".

"Tấn Tây" viết :

"Nhiều người ngộ nhận giữa Chân Long và Giả Long. Sơn thế của Giả Long hùng vĩ, ẩn hàm tinh khí nên khiến ta chú ý, xem ra Chân Long và Giả Long gần như giống nhau. Song Giả Long chỉ là một huyệt xấu trên mình Chân Long mà thôi".

LUẬN LONG QUÝ, TIỆN

Long có Quý Long và Tiện Long. Khi quan sát Quý Long và Tiện Long cần phải phân biệt rõ tổ tông và phụ mẫu của Long, nó cũng giống như xem tổ tiên của người vậy.

"Long Kinh" viết :

"Con cháu đời sau sẽ giống tổ tiên vì chúng đều được tổ tiên lưu truyền lại".

"Ngọc Tủy Kinh" viết :

"Thai khí của Quý Long chẳng phải tầm thường, con cháu sinh ra cũng được thừa hưởng tinh hoa của tổ tông. Trải qua bao phen biến đổi, cải tạo, càng lúc tinh hoa càng được đúc kết. Do vậy có thể xét đoán phú quý. Giữa trùng điệp núi đồi, Long mạch đi xuyên qua trung ương, nếu không xuyên qua ở vị trí trung ương, thì sẽ không sinh ra Quý Long. Long mạch xuyên qua giữa trùng điệp đồi núi, uyển

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

chuyển khúc chiết mới thực là Quý Long, Quý Long nếu không ở chính giữa thì tinh khí ẩn tàng sẽ khuyết thiếu".

Họ Bốc viết :

"Tổ tông hùng vĩ uy nghi, con cháu sẽ rất tôn quý".

"Kinh" viết :

"Trên đỉnh núi có hồ nước, đó là tinh khí Chân Long kết tụ. Hồ nước thường được mây mưa bổ sung nước, nơi này được gọi là Thiên Hán Tinh. Nếu hồ nước lại nằm trên đỉnh Quý Long ở trung ương thì giá trị vô cùng".

"Táng Kinh" viết :

"Loại địa thế này giống như trong mình mang muôn vàn châu báu mà bề ngoài lại rất tầm thường vậy".

Dương công viết :

"Nếu Long mạch, không xuyên qua trùng điệp các sơn mạch mà tiến tới thì cần phải có hồ nước bình lặng".

Ngô công viết :

"Nếu Long mạch xuyên qua trung tâm các sơn mạch thì sẽ sản sinh ra bậc quý nhân; nếu Long mạch đi ra từ phía dưới địa thế Hoa Cái, cũng rất cao quý vậy".

Nhất Hạnh Thiền Sư viết :

"Phàm sơn mạch tiến về phía trước, nhưng trong đó ắt sẽ có quý tiện. Bên trên Quý Long sẽ có rất nhiều linh tú sáng sủa, đẹp đẽ. Tiện Long tự thân cũng từ trung tâm mà ra, nhưng sơn mạch xung quanh hỗn tạp, nên dù có địa huyệt thì cũng chẳng có gì cao quý".

LUẬN LONG TRƯỜNG, ĐOẢN

Long cũng phân biệt Trường Long và Đoản Long. Trường Long kết thành đại huyệt, mà Đoản Long kết thành tiểu huyệt.

"Ngọc Long Kinh" viết :

"Tiểu Long có khi kéo dài không dưới năm mươi dặm, song hai mươi, ba mươi dặm cũng là đất tốt. Long mạch chỉ cần kéo dài năm dặm cũng có địa huyệt, vậy thì cần gì phải tìm Long mạch có độ dài mấy trăm mấy ngàn dặm ?"

Dương công viết :

"Khi tìm Long mạch, vài ngàn dặm cũng không kể là dài, mà chỉ vài ba trăm dặm cũng không gọi là ngắn".

Liêu công viết :

"Nơi Cán Long cư trú phải phân xa gần, từ ngàn dặm trở lên là đại quận; hai ba trăm dặm là châu, nếu vượt qua số này thì có thể sản sinh ra quý nhân mà Long mạch chỉ dài trong vòng một trăm dặm chỉ có thể là huyện thành, nhỏ hơn nữa là trấn là thôn".

Tử Vi viết :

"Đại Long dài từ một ngàn dặm trở lên, muốn tìm được Long huyệt của nó phải mất rất nhiều tâm lực, Long dài vài trăm dặm chỉ có thể là quận thành".

LUẬN LONG LÃO, NỘN

Long mạch rộng lớn hùng vĩ là Lão Long; nhỏ bé thanh tú là Nộn Long. Kéo dài, trải rộng là Lão Long; thu nhỏ theo trật tự là Nộn Long. Do vậy sơn mạch của Lão Long trông

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thô, tinh tú bên trên cũng khi tỏ khi mờ; mà Nộn Long thì linh hoạt, đa dạng, thường sinh ra chi Long và cước Long, có thể tìm kiếm địa huyệt ở nơi này.

Liêu công viết :

"Lão Long là đại sơn mạch, trông bề ngoài thô kệch, Nộn Long là sơn mạch luôn luôn thay da đổi lốt. Trên thân mình Lão Long sinh ra chi cước mới thì đó chính là Nộn Long".

LUẬN ĐẾ ĐÔ HỢP TINH VIÊN



Hình 1-3 : Hình thức Tử Vi viên địa

Dương công viết :

"Tử Vi ngoài có tiền môn và hậu môn; Hoa Cái và Tam Đài có tiền vệ và hậu vệ. Ở giữa có dòng nước đi qua, gọi là Ngự Câu, chảy quanh thành thị, uốn lượn uyển chuyển".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nói tới đế đô có nghĩa là kinh thành nơi thiên tử cư trú, là nơi vạn sự vạn vật trong thiên hạ hội họp. Đó là nơi ban bố mệnh lệnh và chính sách ra khắp bốn phương tám hướng, quản lý văn võ bá quan, thống lãnh muôn dân, đó là nơi cao quý nhất trong thiên hạ. Do vậy bên trên nó sẽ kết hợp với cục thế của thiên tinh, bên dưới sẽ có tinh khí thịnh vượng của chính mạch. Tinh khí trên trời cao sẽ là tinh cung của đế tòa, dưới đất sẽ là đế đô. Cũng có nghĩa là trên trời có khí tượng, dưới đất có hình thế của nó. Do vậy, phải quan sát kỹ lưỡng thiên văn cùng địa thế mới có thể thấu hiểu địa lý tinh diệu.

(Hình 1-3 - Hình 1-5)

Dượng công viết :

"Viên cục vuông vức chỉnh tề gọi là Thái Vi, sông nước chảy ngang qua thành, vượt qua Thái Vi cục thế. Đông Hoa và Tây Hoa, môn phía trước có sông chảy qua, bên ngoài sông nước bốn bề đều có núi non sắp xếp. Đây đều là Chấp Pháp tinh, lại phân ra hai bên làm bình vệ".

Liêu công viết :

"Thái Vi Viên cục cần nhất là vuông vắn, hai bên tả hữu có Chấp Pháp tinh, còn có Đại Phiên của Tây Phương. Thượng tướng, Thứ tướng còn có Thượng tương và Thứ tương. Thượng tương nối liền cùng Đông Phiên, Thượng tương và Thứ tương cùng liên kết, Thượng tướng và Thứ tướng cũng tương liên. Tây Phiên Cửu Môn chia thành Thập tinh, một con sông chảy vòng qua Viên thành".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-4 :
Hình thức Thái Vi viên địa

Dương công viết :

"Viên cục của bốn tòa môn gọi là Thiên Thị, hết thảy sơn mạch, sông nước đều tới hội tụ".



Hình 1-5 :
Hình thức Thiên Thị viên

Liêu công viết :

"Thiên Thị viên có tổng cộng hai mươi hai tinh tú giáng hạ xuống Quốc và Địa. Giữa Quốc và Địa có bốn tòa môn, phân làm Đông, Tây, Nam, Bắc, tách rời các dòng chảy, các con sông đều tới đây tụ hợp. Thái Hà chảy về phương Đông, Đế tòa cư tại phương Bắc. Viên cục như thế được xem là đại cát".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN THÁI TỔ, THIẾU TỔ SƠN

Nói tới phép tắc tìm Long mạch, cần phải tìm ra nơi khởi thủy của nó. Do vậy, trước tiên phải quan sát núi tổ tông, phân biệt rõ chúng xa hay gần, dài hay ngắn, nhẹ nhõm hay nặng nề, dày hay mỏng. Tinh khí nhiều ít ẩn hàm trong Long mạch đều phải xét đoán dựa trên mấy điều vừa nêu. Nhưng, Thái tổ sơn kéo ra quá dài, chỉ e không thể thấy rõ diện mạo chân thực của nó, nên mấy phép tắc này thích hợp với Thiếu tổ sơn hơn. Quan sát Long mạch của nó khởi nguồn từ đâu rồi sau đó hãy luận đoán nó tốt hay xấu vậy.

(Hình 1-5 - Hình 1-7).



Hình 1-6 :
Kiểu Thái tổ, Thiếu tổ sơn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Sa" viết :

"Tìm kiếm Long mạch phải tìm tổ tông, không phân biện được tổ tông thì dừng nên nội nhiều".

"Phú" viết :

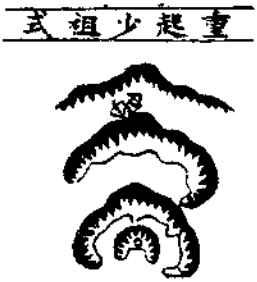
"Tìm kiếm tổ tông sơn không được giữa chừng bỏ dở, gốc rễ, tổ sơn thô kệch, chi Long lại quá nhiều; nguồn nước sâu, sông chảy quá dài. Tổ tông cao vút sừng sững, con cháu đời sau ắt sẽ tôn quý vô cùng".

"Long Tủy Kinh" viết :

"Chỉ cần xem nơi phát nguồn có tốt hay không là được, như vậy núi tổ tông nhất định phải tốt mới có thể làm cơ sở cho đời sau".

Liêu công viết :

"Tổ tông cao lớn hùng vĩ gọi là Lâu Điện, thường có mây khói hiển hiện ở trên".



Hình 1-7 :
Kiểu Trùng khởi Thiếu tổ

Liêu công viết :

"Nếu khí kết tụ tại huyệt của sơn mạch, nhất định sẽ có chủ sơn cao vượt lên. Nếu huyệt kết thành trong ba, bốn tiết Long mạch, thì phúc trạch ẩn chứa trong đó rất lớn, nếu số tiết rời xa, thì phúc trạch sẽ kém đi, cần phải có chủ sơn vượt lên mới coi là cát. Sự lớn nhỏ của chủ sơn tương hợp với Long cách".

downloadsachmienphi.com

LUẬN VỀ THIẾU TỔ SƠN

Phàm chi Long quá nhiều, lại đều trải dài ra khúc chiết, nếu khí độ hành tiến uốn lượn thì cũng không nhất thiết chúng phải có Thiếu tổ sơn, có thể gọi chúng là "Đại Địa". Chỉ cần mạt đất khi sắp nhập huyệt, trong một vài tiết Long mạch có chỗ đứt đoạn rời ra, thu



Hình 1-8 :
Kiểu Vô Thiếu tổ



Hình 1-9 :
Kiểu Huyệt gần Thiếu tổ



Hình 1-10 :
Kiểu Thiếu tổ bất cát

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nạp tinh khí, hội họp sơn thế qua mạch như vậy cũng có thể xem là Thiếu tổ sơn. Long mạch của bình địa cũng là như vậy, nhất định sau huyệt phải có đứt đoạn mới có thể xem là cát, đường phân thủy cũng phải rõ ràng, như thế mới có thể thu giữ được tinh khí, tiến vào địa huyệt, vì trên bình nguyên phần lớn tinh khí đều tản mát, do vậy phải có nơi thu hồi, giữ lại mới là quý. Nơi bình địa không có núi non để có thể xem là Thiếu tổ sơn, nên cần phải dựa vào những nơi đứt quãng lưu giữ tinh khí làm tiêu chuẩn, hoặc cũng có thể tìm kiếm các mạch lạc có đinh bạc (ngân đinh), tơ nhện (thù ti), móng ngựa (mã đề), chúng tựa con rắn lẩn nấp trong đám cây cối hoặc giống sợi tơ vương lại khi ngó sen đứt lìa, hoặc sẽ có hình dạng như sống lưng trâu, có như vậy thì mới thu hồi tinh khí, tụ tập đến huyệt. (Hình 1-8 - Hình 1-10).

LUẬN PHỤ MẪU, THAI TỨC, DỰNG TỨC

Sơn mạch dù có vài dặm, cũng đều bắt nguồn từ tổ tông sơn mạch mà ra, thoạt đầu kết thành thai nghén tại phụ mẫu sơn, đến khi sinh trưởng rồi mới có thể biến thành Long hình. Nếu muốn nhận rõ Long thế, chọn lựa huyệt địa, muốn biết rõ phụ sơn sinh thế nào, mẫu sơn dưỡng ra sao, chỉ cần dựa vào sao Huyền Vũ ở phương Bắc, tên cửa nó gọi là phụ mẫu, nơi lạc mạch là thai, cũng như thừa hưởng huyết mạch của phụ mẫu mà thành thai vậy. Nơi tinh khí lưu kết, tụ hợp gọi là "tức", cũng giống như phụ mẫu hoài thai dưỡng dục nó. Lại hướng về sao Huyền Vũ bắc phương, tựa như thai nhi sắp tới lúc thành nam hay nữ vậy, đã có đủ hình dáng đầu, mặt cùng tứ chi rồi. Địa huyệt mà tinh khí kết tụ chính là nơi sinh ra, giống như thai nhi sắp chào đời.



Hình 1-11 :
Kiểu Tổ tông phụ mẫu thai tức nãi tức

Họ Bốc viết :

"Tìm tổ tông Long mạch, làm sao có thể đến nửa chừng thì dừng lại ? Phụ mẫu hoài thai, mọi thần thông biến hóa trong đó thực ảo diệu vô cùng". (Hình 1-11).

LUẬN LONG NHẬP THỦ (ĐẦU)

Nói tới Long mạch từ ngoài ngàn dặm tới đây, chỉ cần xem nơi Long mạch tới kết tụ. Do vậy, phàm quan sát Long mạch xấu hay đẹp cùng các loại cách Long chỉ cần dựa vào tiêu chuẩn ba bốn tiết Long mạch khi nhập thủ, cho tới Thiếu tổ sơn thì được. Các loại cách Long cao quý giống hình ngựa phi, chuỗi hạt, chữ ngọc ( ), chữ cá ( ), chữ chi ( )...; hoặc giả có Long cách trì hoãn, nhu nhược... lại thể hiện ra ngoài vẻ thô kệch, hung ác, kéo rất dài mà không có Long cước Long chỉ, đây là các loại Long hung ác.

(Hình 1-12, Hình 1-13).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Đây là Long mạch từ xa tới không thật tốt. Khi sắp nhập thủ gần huyệt, bộc biến thành Long tốt thì mới cát lợi. Chỉ đến năm nào đó tìm ra nơi Long mạch hạ lạc, nơi không tốt sẽ phát sinh tán lạc, lúc này mới nên tìm kiếm cát địa tiếp phúc khí.



Hình 1-12 :
Kiểu Nhập thủ cát Long

Đây là Long mạch đẹp từ xa tới, sắp sửa nhập thủ cận huyệt. Nếu như biến không tốt thì sẽ không cát lợi. Chủ hung hiểm, do vậy nơi này không thể định huyệt.



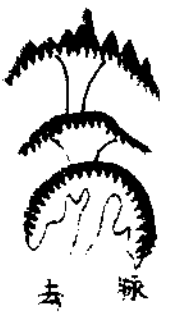
Hình 1-13 :
Kiểu Nhập thủ hung Long

LUẬN LONG XUẤT THÂN

Phàm quan sát sự xuất thân của Long cần phải xem xét nơi Thiếu tổ sơn phát tán mạch lạc. Vì phía dưới một tổ sơn, nhất định sẽ có rất nhiều "Kì Long" (Long nhánh). Kì Long xấu hay đẹp, cát hay hung, mọi đặc điểm báo hiệu đều xuất hiện ở đây. Nếu Kì Long kỳ dị, thì gọi nó là "xuất thân". Nếu Long mạch từ đây trải ra, ắt là nơi kết huyệt phú quý.



Hình 1-14 :
Kiểu Kì Long xuất thân



Hình 1-15 :
Kiểu Lũng Long xuất thân

(Hình 1-14, Hình 1-15).

"Ngọc Tủy Kinh" viết :

"Tổ tông khi sinh Long sẽ cùng lúc sinh ra một trăm Long, khi chúng vừa sinh ra đã có khinh có trọng. Đại Long vì tương đối trọng sẽ tọa lạc tại Trung tâm, số còn lại giống như cành lá sẽ tản mác bên ngoài".

Ngô Bạch Vân viết :

"Đi tìm cát địa thì tất phải tìm tổ tông, còn phải ở chỗ rời xa tổ tông mà tra xét hành tung của chúng. Long mạch ẩn tránh xuống nước, núi cao tú mỹ vô cùng. Nếu thấy trước được tiền đồ, thì có thể thấy dị khí là đẹp tốt hay không".

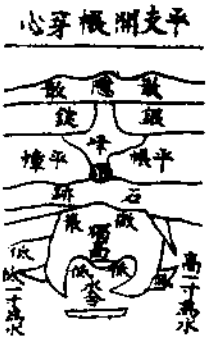
Tử Vi Viết :

"Nếu Long không có linh diệu, trải ra dưới thấp thì đó là Long xuất thân bần tiện".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG KHAI TRƯỚNG



Hình 1-16 :
Bình chi khai trướng xuyên tâm

Phát Vi viết :

"Phàm Long "khai trướng", "xuyên tâm", thì hai bên cần phải nổi lên hai vai, chót đuôi phải như móc câu giống như người có hai vai vậy. Bất luận là ở hai bên tả hữu hay chính diện cũng cần khoáng đạt mới có thể gọi là "chính xuyên tâm". Do vậy Long mạch "khai trướng xuyên tâm" nhất định là đại phú đại quý". (Hình 1-16, Hình 1-17).

Liêu công viết :

"Chân Long khai trướng tiến ra ngoài rất có khí thế, thủy tinh phải kém một chút. Loại Long mạch này hình dạng phải rộng rãi, hai góc phân minh, lại có rầu rủ xuống mới là chân Long tốt nhất. Có tảng đá lớn bên tả là đại quan (cửa lớn), ở bên hữu là địa phố. Thân Long phải như quy xà, xuyên chân, ấn kiếm, nhật nguyệt mới xem là xảo diệu".



Hình 1-17 :
Sơn long khai trướng xuyên tâm

LUẬN LONG BÁC HOÁN

Nói tới Long bác hoán tức là nói tới Long biến hóa. Long biến từ lão ra nộn, từ thô ra thanh, từ hung thành cát, đây đều là những chỗ xảo diệu của biến hóa vậy. (Hình 1-18)

Dương công viết :

"Trải qua quá trình thay da đổi lốt, Long biến từ thô ra thanh, từ lớn thành nhỏ. Long đổi lốt giống như người thay áo mới".

Liêu công viết :

"Khi Long lột da, từ thô ra thanh, hung tinh cũng biến thành cát khí".

"Phú" viết :

"Thần tinh lấy bác hoán làm quý vậy !"



Kim tinh phát tổ thành Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, đây là huyệt địa đại phú đại quý.

Hình 1-18 :
Kiểu Long bác hoán

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG QUÁ HIỆP

Thuật xem phong thủy cần phải nắm vững phép tắc quan sát Long mạch, đặc biệt phải biết xét đoán "Hiệp".

Thiệu Tử viết :

"Thủy là huyết mạch của Long, Thạch là xương cốt của Long, Thổ chính là da thịt vậy. Do đó huyết vận hành trong da thịt mà không vận hành trong xương cốt. Huyết khiến da thịt tốt tươi mà da thịt nuôi dưỡng xương cốt. Dùng thân Long dẫn tinh khí thì không có gì là không đạt được. Vì thế xét Long "quá hiệp" phải chú trọng đến tinh khí của chân Long, dù chân Long có xyên qua bao nhiêu hiệp thì nguyên khí không hề hao tổn. Chỉ cần quan sát kỹ hiệp cốc thì biết ngay tinh khí có tụ kết hay không".

(Hình 1-19 - Hình 1-41)

"Phú" viết :

"Nếu thân Long nhấp nhô, ở giữa lại đứt đoạn, đến nơi tận cùng ắt sẽ xuất hiện dấu tích kỳ dị".

"Kinh" viết :

"Thân Long nếu có một đoạn, hai đoạn nối liền với chỗ đứt đoạn thì nó gọi là phong yêu, hạc tích, đó là huyệt địa cát lợi".

Từ công viết :

"Tìm kiếm diệu quyết của chân Long thực không khó, chỉ cần tìm kiếm nơi hiệp cốc những đạo lý huyền diệu thì được. Người thầy nếu bằng lòng truyền thụ diệu quyết của hiệp cốc, thì chính là coi nhẹ những gì mình nắm được, đã tiết lộ thiên cơ".

Dương công viết :

"Nơi khuyết hãm dừng để gió thổi lật, kỵ địa thế gặp thủy kiếp".

Hiệp cốc nơi bình địa không có gì khác biệt với hiệp cốc nơi sơn địa, chỉ cần lấy đường phân thủy làm tiêu chuẩn. Nếu địa thế bình dương không có hiệp cốc thì không phải là chân Long.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 1-19 :
Dương hiệp



Hình 1-20 :
Âm hiệp



Hình 1-21 :
Khúc hiệp



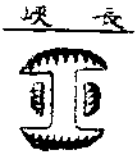
Hình 1-22 :
Hạc tích



Hình 1-23 :
Hoành thạch



Hình 1-24 :
Trực hiệp



Hình 1-25 :
Trường hiệp



Hình 1-26 :
Đoản hiệp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

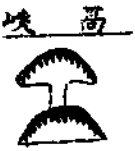
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-27 :
Khoát hiệp



Hình 1-28 :
Viễn hiệp



Hình 1-29 :
Cao hiệp



Hình 1-30 :
Xuyên sơn



Hình 1-31 :
Độ thủy



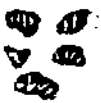
Hình 1-32 :
Phong yêu



Hình 1-33 :
Tiết mục



Hình 1-34 :
Mã tích



Hình 1-35 :
La bạng



Hình 1-36 :
Giao giác



Hình 1-37 :
Chữ Chi ( )



Hình 1-38 :
Chữ Dã ( )



Hình 1-39 :
Chữ Xuyên ( )



Hình 1-40 :
Chữ Thập ( )



Hình 1-41 :
Đoạn tục

@
downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN NGHÊNH TỐNG

Long mạch từ trên núi phân ra, bên cạnh còn có núi hộ tống thì gọi là "Tống mạch xuất thân". Trên Long mạch có đỉnh núi cao vượt lên mà hai vai ngoảnh đầu nhìn gọi là "Nghênh mạch quá hiệp". Thân thể Long mạch ngay ngắn thẳng thắn, chỉ duỗi dài về phía trước, chỉ có chi cước là chuyển hướng về phía sau, lại có một hai "cố hiệp" (cố là quay lại), chính tình mà nó ẩn chứa thuận thế lên phía trước, chi cước theo thân thể cực kỳ nhiều, lại rất dài (Hình 1-42 - Hình 1-48).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hồ Trục viết :

"Có một loại nghịch Long là nghênh tiếp, cánh tay phản lại song song ôm lấy bên sườn, chúng sẽ nghênh tiếp lấy Long mạch, chúng tự hình thành cát địa của mình đó đều là cành lá tốt trên thân Long. Nghịch Long tuy là nghịch chuyển, nhưng hoàn toàn không có hại. Có một loại địa thế tương tiếp gọi là Long hiệp, chúng đều là phú quý Long. Hai bên tả hữu rất cân đối, Long thì nằm ngay trung tâm".



Hình 1-42 : Đơn tống đơn nghênh



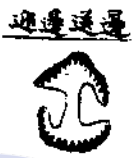
Hình 1-43 : Song tống song nghênh



Hình 1-44 : Hữu tống vô nghênh



Hình 1-45 : Hữu nghênh vô tống



Hình 1-46 : Biên tống biên nghênh



Hình 1-47 : Biên đơn tống biên song nghênh



Hình 1-48 : Biên song tống biên đơn nghênh

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách

LUẬN GIANG GIÁP



Hình 1-49 : Bốn sơn giang giáp



Hình 1-50 : Ngoại sơn giang giáp

Nói tới giang giáp, Long mạch từ khoảng giữa xuyên qua, núi hai bên tiến tới hộ tống. Phía trước bản sơn có tư thế nghênh tiếp đặc biệt, đối diện tương ứng với nó gọi là "Giang". Ngoại sơn cách sông nước tiến tới hộ tống, núi tiếp ứng đó gọi là "Giáp". Phàm núi giang giáp phải có hình dạng nhất định, giống như Thái dương, Thái âm, Kim tương Ngọc ấn vậy. Nếu hai bên tả hữu có đá lớn thì gọi là "Tí Kiên Cổ"; nếu núi non hai bên tả hữu cao vượt lên thì gọi là "Thiên Hổ Thiên Giác". (Hình 1-49 - Hình 1-52).

Liêu công viết :

"Long quá hiệp" như đã nói, Long mạch có bốn dải thì chủ Long chính là Long mạch ở giữa, còn lại là thứ Long. Thân Long quay đầu nhìn về Tổ sơn chính là kỳ Long, hình thế của núi chuyển biến thì hình thế của Long chuyển theo".



Hình 1-51 : Viễn lai ngoại sơn



Hình 1-52 : Ngoại thạch giang giáp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG CHI CƯỚC NÁO TRẠO

Long có phân biệt quý, tiện; xấu, đẹp. Từ chi cước có thể nhìn ra được điều này, vì chi cước là tinh khí của Long mạch phân hóa mà ra.

(Hình 1-53 - Hình 1-66)

Chi cước trên thân Long mang theo hung hiểm, như vậy cần phân biệt rõ.

"Tiệp Kinh" viết :

"Phàm nơi các chi cước của chi Long rủ xuống, chi cước sắc nhọn thì mang theo sát khí, chi cước này sẽ có hình dạng hẹp, thân núi phình ra xấu ác, lớn nhỏ không có thứ tự, thuôn dài, nhọn tựa trường thương, xoắn xít như sợi thừng, lại có chi cước trông giống như đầu ngòi bút, tất cả các loại chi cước này đều mang theo nguy hiểm, dù nó có địa huyệt cũng không thể mai táng".

Đồ hình Tiền 1-55 : Thân Long đới chư quý cách



Hình 1-53 :
Kiểu Long thân chi cước đới chi quý



Hình 1-55 :
Kiểu thân Long đới chư quý cách
tác triều án đối cổ tổ



Hình 1-54 :
Kiểu Long thân chi cước đới chư hung

"Minh Sơn Bửu Giám" viết :

"Thiên Ất và Thái Ất là nguồn cội của quý nhân; Thiên Lộc và Thiên Mã là nơi nhiệm dụng của phú quý; Văn quan và Võ khố là nơi ứng dụng của phú quý; Tả Phù và Hữu Bật là cơ sở duy trì của phú quý".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Tiệp Kinh" viết :

"Phàm nơi chi cước của Hậu Long phát tán thì sẽ có Tinh Thần nổi lên thành hình tượng của đại phú đại quý. Long hộ vệ tiến về phía trước, nhất định sẽ kết thành địa huyệt đại phú đại quý".

"Nhất Lạp Tục" của Dương công viết :

"Thân Long nhìn thấy được thì chẳng có gì đáng quý, tôn quý chính ở chỗ không nhìn thấy được".

Họ Bốc viết :

"Chỉ có chi cước của bản thân chân Long mới trọng yếu. Thân Long không thấy được mới là tôn quý, phúc khí ứng nghiệm chẳng phải tầm thường".



Hình 1-56 :
Ngô đồng chi

Dây là cách chi cước của thân Long cân xứng, cực quý.

Tử Vi Viết :

"Chỉ có Ngô đồng chi mới có thể cân xứng, song nghênh song tống, thân Long lúc này hóa thành Xuyên Tâm, tổ tiên và con cháu đều phi thường".



Hình 1-57 :
Vô chi cước

Long thân uốn lượn hoạt bát, giống con rắn vừa bò khỏi hang. Bản thân lại có Thanh Long Bạch Hổ quấn quit cạnh địa huyệt, cách này là lối tôn quý.

Tử Vi viết :

"Cũng có một loại thiên chân Long cực quý gọi là Quyển liêm điện. Bất kể chi cước của nó đều có thiên lệch hay không tất cũng chủ quản hoàng giáp (đậu tiến sĩ) và làm quan".



Hình 1-58 :
Quyển liêm điện



Hình 1-59 :
Dương liễu chi

Thân Long loại này nghiêng lệch, không cân xứng nhưng cũng sinh ra quý nhân.

Tử Vi viết :

"Lại có một loại Dương liễu chi, nghiêng lệch, một bên quấn quit, trông rất kỳ dị, song nếu có địa huyệt thì con cháu hậu thế nhất định cũng sẽ đa phú quý".



Hình 1-60 :
Khởi tử chi

Ở Khởi tử chi, hai bên tả hữu Long xuất hiện chi cước giao nhau, phúc khí ẩn chứa trong đó tương đối ít, nhưng cũng sinh ra quý nhân.

Tử Vi viết :

"Bên tả có, bên hữu không có, hướng trước từng tiết cũng tiến tới. Bên hữu có, bên tả không có cũng không có gì khác. Loại Long này danh từ nguyên gọi là Khởi tử chi, sơn thế hình chữ chi (之) và hình chữ huyền (玄) cũng không có gì khác biệt".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

枝藥芍



Hình 1-61 :
Thược dược chi

Loại Thược dược chi thì chi cước dài ngắn không đều, cũng sinh ra quý nhân.

Tử Vi viết :

"Lại có Long tên Thược dược chi, chi cước hai bên tả hữu tuy không đều nhưng giống nhau, nơi phát tán tròn trặn, sáng sủa có cành có lá, phân tán giao hỗ theo đạo lý cũng khá đồng đều".



Hình 1-64 :
Chi cước đoản

Chi cước đoản - Long mạch này nếu núi hộ vệ tương đối gần cũng sẽ có cát lợi.

Tử Vi viết :

"Hai bên nếu có núi hộ vệ thì rất quý, núi bên ngoài cũng phải kín đáo. Long mạch nhất định phải tới nơi tận cùng khai khẩu kết huyệt, huyệt trướng nên ấm áp mới có thể định huyệt mai táng. Long mạch này còn gọi là Ngô Công Tiết cách[1]".

枝葭蒹



Hình 1-62 :
Liêm hà chi

Loại Liêm hà chi thì chi cước này cũng phát xuất giao nhau, rất cân xứng, cũng rất tôn quý.



Hình 1-65 :
Bàng tổ trường

Loại chi cước này, một bên đẹp đẽ, một bên lại xấu xí, dù địa huyệt rất cát lợi cũng không thể sử dụng, chủ đại hung.

Tử Vi viết :

"Bên tả có, bên hữu không có, cũng không có gì khác lạ, trước sau cân xứng đất tốt tương đối. Long này tên gọi là Liêm hà chi, nhưng nhất định vị trí của thần tinh và vị trí trên đất tương hợp mới được".

downloadsachmienphi.com
Đọc Sách Online

式偏全



Hình 1-63 :
Toàn thiên

Với kiểu Toàn thiên, Tử Vi viết :

"Cách này hợp với Liễu tinh cũng có thể xuất sinh phú quý, chỉ là vị trí làm quan không đều mà lại khổ".

Từ công viết :

"Loại Long này là nô lệ của núi, chân khí không kết tụ nên không thể định huyệt".

Hình 1-66 :
Mỹ ố bất quản

Trên đây chỉ mới bàn qua về đẹp xấu của chi cước, náo trạo của Long thân, còn có sự đều đặn, ngắn dài, thật không sao nói hết, chỉ là bàn sơ mà thôi.

Tục ngữ có câu : *"Nhất tổ đương thiên sơn"* giống như nô lệ của người, hộ tống theo tuy rất nhiều, trái lại không như dưới sự bảo hộ của tổ tông xưa phúc trạch càng lớn. Đó cũng là lão can tác huyệt.

(1) Ngô công tiết - đốt con rết.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG HỘ TỐNG

"Long Kinh" viết :

"Trên mình chân Long có rất nhiều hộ vệ binh, sơn mạch bên cạnh đều hữu tình[1] cũng tiến tới chầu vào. Chỉ có chân Long tọa trong cục, loạn sơn quấn quít bên ngoài. Hộ vệ nhiều, ngoại sơn sẽ không thể tản ra. Long mạch duỗi dài sẽ có thủy khẩu. Nếu tống sơn, tông sơn (núi theo hộ tống) đều tề chỉnh thì có thể phú quý song toàn".

"Táng Kinh" viết :

Sơn mạch hộ tống phần nhiều sẽ chạy tới trước địa huyệt, nếu có ba, năm sơn mạch thì phúc khí sẽ rất dồi dào. Một sơn mạch hộ vệ sẽ sinh ra một quý nhân. Tìm kiếm Long mạch cũng nên xem núi hộ vệ xung quanh. Bản thân núi hộ vệ cũng có lớn nhỏ, muốn biết chúng lớn hay nhỏ phải xem Long mạch dài hay ngắn. Nếu Long dài thì núi hộ vệ rất lớn và ở xa. Nếu Long ngắn thì núi hộ vệ sẽ nhỏ và ở gần. Cũng có thể dùng cách này để đoán định cho chi Long".

"Hắc Nang Kinh" viết :

"Long cần phải có "tùy tùng"; có "tùy tùng" thì Long mới quý".

"Phát Vi" viết :

"Long tôn quý là ở chỗ hộ tống nhiều".

Dương công viết :

"Nếu Long đơn độc duỗi về phía trước mà hai bên không có gì hộ tống, thì có thể xây dựng đền thờ, chùa, đạo quán".

Phạm công viết :

"Phàm địa mạch đại phú quý sẽ giống một vị đại quan đi tuần sát, trước sau có rất nhiều hộ vệ vậy".

downloadsachmienphi.com

LUẬN LONG ĐÌNH DỊCH

Nói đến sơn đình trú đó là Long trong khi hành tiến tạm thời dừng lại nơi có nhiều tinh tú kết tụ. Vì nơi này tuy phân Long nhiều, nhưng chính Long sẽ cao vượt lên, tạm dừng lại nghỉ ngơi, rồi sau sẽ đi tiếp. Những phân (chi) Long này lấy nó làm Thái Tổ.

Dương công viết :

"Có ai biết sống lưng của Đại Long? Sơn mạch vừa khi không còn sức lực để đi tới. Khi an phần mộ tại đây, không sợ phải hao tổn quá nhiều, vì tinh khí của sơn mạch không có tận cùng, gia tộc của họ sẽ có một số người phát đại phú đại quý".

LUẬN LONG HÀNH CHỈ

"Táng Kinh" viết :

"Tinh khí sẽ tùy theo sơn thế mà dừng lại, dường như đều tập trung tại một chỗ, nhưng thực tế lại tùy theo sự trải dài của sơn mạch mà kéo dài ra. Những nơi này không thể hạ táng. Long dừng lại cũng giống như thi thể đặt nằm ngang vậy".

"Thanh Nang Áo Ngữ" viết :

"Điều quan trọng nhất là phải biết rõ Long hành tiến và Long đình chỉ".

(1) Hữu tình và vô tình có một khái niệm riêng trong phong thủy, nên không thể bỏ qua.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sơn và thủy đều tiến về phía trước, đây là Long đang hành tiến mà không dừng lại. Nếu sơn mạch đi nghiêng lệch sơn thế lại không thể dừng lại được, thì đây chẳng phải là nơi chân Long kết huyệt.

LUẬN LONG BỐI DIỆN

Nói đến bối sơn và diện sơn đó là chỉ phân biệt Long vô tình và hữu tình mà thôi. Vì nơi khai diện, đương nhiên là hữu tình, các phương diện đều tốt lành dẹp đẽ. Nơi quay lưng lại, tự nhiên là vô tình, trông cũng không đẹp. Cho nên tìm kiếm Long địa nhất định phải phân biện rõ Long quay lưng (bối) hay Long mở mặt (diện), đây là điều tối quan yếu đối với các nhà phong thủy. Huyệt địa sẽ kết tại mấy nơi này, chỉ cần có chút cẩu thả thì sẽ thành hữu công vô quả.

"Long Kinh" viết :

"Từ hướng đi và chuyển hồi của Long mạch, ta đã có thể nhận ra đâu là bối đâu là diện. Phàm "diện" nhất định sẽ rộng rãi, bằng phẳng; phàm là "bối" ắt sẽ có vách núi dựng đứng. Nếu là hai con sông kẹp lấy Long mạch tiến tới, khi cong co trở mình ắt có một đường chuyển cong rất lớn. Long mạch cứ một lần dừng lại thì có một lần trở mình, có một hồi biến chuyển thì có một lần đứt đoạn. Hai bên đều có núi sông tới triều bái, đều có sông nước sông lớn vỗ bờ, đều có hình dạng của địa huyệt chân chính, đều có sự nghênh tiếp của sơn thủy. Núi chào đón nghênh tiếp ở hai bên đều có thể thấy, minh đường ở hai bên đều có thể tuyển lựa, núi hộ vệ cũng đều theo hầu hai bên. Thủ hạ hai bên đều chuyển đầu đi chuyển đầu lại. Loại sơn mạch này là bối hay diện thật khó phân biệt. Bởi vậy cả hai bên không lẽ đều lập huyệt, địa huyệt có lớn, có nhỏ, làm sao để phân ra quý tiện ?"

"Táng Kinh" viết :

"Nếu là "diện", trước mặt nhất định phải rộng rãi, hiền hòa, địa thế bằng phẳng; nếu là "bối", trước mặt nhất định sẽ có nhiều bờ dốc đứng. Nếu như là "diện", địa thế bằng phẳng, ở giữa có thể lập huyệt, nếu như là "diện" dòng nước đến chào đón sẽ rất ôn hòa. Sơn mạch bốn phía cùng quấn quít lại, nếu như không phải là bối lập, gió sẽ lay động tán tận. Sơn mạch vòng đi lượn lại, dòng nước phản nghịch. Tuy là "diện", nhưng nếu nước sông vỗ bờ, ác phong thổi nhẹ, vách bờ lạnh lẽo, khó đương".

"Ngọc Tủy Kinh" viết :

"Nếu khi gặp địa huyệt trên bình địa, bốn phía đều có núi vây bọc, sông nước cũng đến chào đón. Làm sao có thể phân biệt được bối và diện ? Sơn thế quanh co gấp khúc, sông nước chạy thẳng qua, đó là "bối"; nơi mà địa thế bằng phẳng, thủy lưu hiền hòa là "diện". Bởi vậy khai khẩu ở nơi bình dương tất phải có căn cứ nhất định. Người có bối và diện thì Long cũng vậy, cần phải biện rõ đâu là "diện", mới có thể mai táng".

"Long Tủy Kinh" viết :

"Long diện có sơn, cũng có thủy, nếu sơn mạch bao bọc; thủy lưu tụ hợp thì đó chính là Long diện".

LUẬN LONG PHÂN PHÁCH

Tinh khí tụ kết nơi Long diện là tối cát lợi, chi cước của nó tuy phân tán nhưng bản thân Long đã có khác biệt giữa Bàng và Chính, Quý và Tiện. Cho nên Long mạch tốt sẽ tụ tàng chính khí của mình, giả như phân chi của nó phân ra quá nhiều thì tinh khí của nó sẽ bị tản mát, khiến Long mạch suy nhược khí lực, tinh khí không thể tụ kết.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Táng Kinh" viết :

"Nếu Long mạch phân tán ắt sẽ là Thiên kiếp, Long mạch theo Thiên kiếp đi không trở lại, như vậy là hung. Đương nhiên nếu Long mạch sau khi bị cướp đi mà vẫn quay đầu lại, thì trước mặt sơn mạch hồi triều sẽ là thủy chặn huyệt. Long mạch bị Thiên kiếp (cướp) đi ở phía trước, kết thành địa huyệt, lúc đó có thể căn cứ vào phía trước bị ngăn chặn mà cho là tốt hay xấu, nếu thủy uốn lượn hiền hòa, sơn thế cũng chuyển đầu, như vậy Thiên kiếp đã mất tác dụng, không gây tai họa".

"Khôn Giám" viết :

"Phách mạch và phân chi tách ra từ chủ mạch đó là qui Long, thẳng như ruột ngựa cong tựa cánh cung, nhỏ thì gọi là "Quĩ", lớn thì gọi là "Kiếp", chỉ tốt cho việc xây dựng chùa miếu".

Tạ Tử Kỳ viết :

"Long mạch vì có "Kiếp" mới phân tán. Quĩ và Kiếp chia nhau hưởng Long mạch làm cho khí lực Long mạch suy nhược, chỉ có thể là nơi xây dựng chùa miếu".

Dương công viết :

"Long mạch phân phách, gọi là Thiên Kiếp".

LUẬN LONG TÂN CHỦ

Nói đến Tân chủ là nói tới các núi nghênh đón và thụ huyệt. Sơn thụ huyệt là chủ nhân, sơn nghênh đón là tân khách. Điều quan yếu nhất là hình thế của chủ và khách phải tương xứng, đôi bên ý hợp tâm đầu, tối kỵ tân lấn áp chủ. Nếu hai bờ đều có nơi Chân Long kết



Hình 1-67 : Tứ Lạc Tổng Đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

huyệt thì thủy thành phải vây bọc một bên trước, sau đó mới chuyển mình kết thành một cục thế khác, thủy thành của nó cũng ôm ấp bên còn lại, có như thế mới có thể tạo thành hai địa huyệt.

Phạm công viết :

"Hình trạng trăm núi ngàn sông khó mà miêu tả, giữa chúng có lai Long thì nó là người chủ trì, núi phía trước tiến tới chào đón, một địa huyệt chân chính sẽ tọa lạc trên đầu Long của chủ sơn.

Nếu Long mạch bỗng nhiên tán loạn, không có cục thế nhất định, cũng không thể biết cuối cùng đâu là tổ sơn, thì chẳng nên phí công tìm kiếm địa huyệt làm gì".

"Táng Kinh" viết :

"Triều sơn cùng Long dài ngắn như nhau, chúng vốn xuất thân từ một tổ sơn. Khách sơn từ xa xôi tới triều bái, nếu triều bái tại trước Long diện thì sẽ thành "Ấn" trước mặt chủ sơn. Nhưng nếu có tinh phong chạy đi thì Long mạch này đã chẳng có phúc khí gì. Chúng giống như nô lệ và sĩ tốt, suốt ngày qui dưới đất và gác ngoài cửa vậy".

"Long Kinh" viết :

"Chủ sơn và khách sơn cùng rất đoan chính, hai bờ đều ứng hợp xảo diệu. Hai tòa núi hộ vệ núi chủ an tọa thành hình chữ phẩm ( ), khách sơn cũng giống như vậy. Từ khách sơn nhìn đi thấy chủ sơn rất đẹp đẽ, từ chủ sơn nhìn ra thấy khách sơn cũng đoan chính. Như vậy ta làm thế nào mà phân biệt Tân và Chủ ? Chỉ cần dựa vào hình thế của sông nước bao bọc thì có thể nhận ra, nơi thủy thành tương phản thì đó là khách sơn".

"Táng thư" viết :

"Nếu hình dạng và khí thế của tân chủ đều tạp loạn, nhưng chủ sơn và khách sơn tính tình lại tương đồng, thì cũng có thể hạ táng ở đây".

"Minh Đường Kinh" viết :

"Nếu thủy uốn lượn chảy về hướng nam, như vậy địa huyệt ở phía bắc ắt sẽ tốt và ngược lại. Nếu thủy lưu ôm ấp lấy một phía thì địa huyệt nơi này cũng tốt".

(Hình 1-67 - Hình 1-69)

downloadsachmienphi.com
Tải Sách Miễn Phí Hay | Đọc Sách Online



Hình 1-68 :
Kiểu Lưỡng ngạn kết địa



Hình 1-69

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Tiếp Kinh" viết :

"Đừng xem núi, trước tiên phải xem thủy, biết nơi sở tại của thủy thì sẽ biết nơi sở tại của huyệt. Nam Bắc cũng có hai tòa núi đối nhau, chủ sơn và khách sơn đều có địa thế kết huyệt, cần cân nhắc kỹ cả hai bên".

Dương công viết :

"Ngoài cửa sổ trăng sáng, trong cửa sổ cũng sẽ không tối tăm; bên dòng nước hoa nở, trong lòng nước cũng rực hồng".

Tử Vi viết :

"Chủ sơn phải hơn khách sơn, khách sơn nhất định phải tiến tới nghênh đón chủ sơn mới được".

Dương công viết :

"Núi tổng Long đều tương đối ngắn, lui lại phía sau, thác sơn cũng không thể bao bọc tựa hai tay tả hữu được, Long hộ vệ nhất định phải hộ vệ tới trước mặt Thanh Long Bạch Hổ. Những sơn mạch này nếu có Tam Trọng, Ngũ Trọng thì nhất định sẽ phú quý mãi mãi".

LUẬN LONG NÔ TÒNG

Nói đến nô tòng tức là chỉ sơn mạch bao bọc, bảo vệ, hộ tống, nghênh tiếp chân Long, vì sự kết tụ của chân Long giống như mây theo Long, phong theo hổ, các tinh tú trang điểm cho mặt trăng. Sơn mạch ở phía sau gọi là Tống, Thác, Lạc, ở đằng trước gọi là Triều, Án, Ứng, Đối; uốn lượn bao bọc phía trước gọi là Triều, chạy tới chào đón gọi là Nghênh, sắp xếp ở hai bên tả hữu gọi là Hộ vệ.

"Tiết Thiên Cơ" viết :

"Sơn mạch ở phía trước đi tới gọi là "Triều", không sợ từ ngàn dặm tới; "Tống" là tùy Long, đi theo xa hàng trăm dặm, vừa thấy huyệt bèn dừng lại. "Nghênh" là tùy Long tiến tới trước mặt, vừa thấy huyệt thì quay đầu lại. Có sơn mạch tùy theo Triều, Nghênh tiến tới tụ tập, nhìn từ xa thì thấy chúng đều đang cúi đầu dường như chào vậy. "Hộ" là bảo vệ Long, đi theo hai bên tả hữu, chúng bảo vệ phía trước địa huyệt, âm thầm lặng lẽ. "Viễn Nghênh" và "Cận vệ" đều không thể thiếu, song chúng phải sắp xếp có thứ tự".

"Táng Kinh" viết :

"Phải có khí, phải có Long nên mới tụ kết được ở một chỗ, nếu chỉ có một ngọn núi cô độc thì không thể mai táng ở đó".

"Kinh" viết :

"Sơn Triều Nghênh và Hộ vệ cũng có huyệt địa. Nhưng tuy huyệt đã hình thành, song lại phân biệt tốt xấu. Triều Nghênh và Hộ vệ chẳng lẽ lại không có địa huyệt, nhưng sự khinh trọng của chúng phần lớn là không giống Quý Long".

LUẬN LONG PHÂN TAM THẾ

Nói tới Tam thế tức là chỉ Ngọc Long thế, Bình Cang thế, Bình Địa thế. Ngọc Long - Long mạch của nó nhấp nhô trùng điệp, lên lên xuống xuống, lúc dừng, lúc vượt, sơn thế hùng vĩ, cao thấp không ngừng. Bình Cang Long - Long mạch của nó uốn lượn, chuyển ngoặt không ngớt, kéo dài từ Đông sang Tây, vô cùng uyển chuyển. Long mạch của Bình Địa Long nằm trên khoảng đất bằng phẳng, rộng lớn, kéo dài bất tận. Đại đa số sơn cốc kết theo cách khởi phục. Bình Cang theo Tiên Đới cách, Bình Địa theo Bình Thụ cách.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Táng Kinh" viết :

"Ngũ hành vận hành trong đất, phát tiết mà sinh ra vạn vật. Nó vốn từ trên giáng xuống, tựa thác đổ, khí thế của nó tựa vạn mã từ trên trời lao xuống, uốn lượn uyển chuyển kéo dài theo hướng Đông - Tây. Mặt đất kết tụ cát khí, thuận theo Long mạch mà bốc lên. Chi mạch cũng có tinh khí thuận theo thủy lưu mà dịch chuyển tới. Ngọc Long, Bình Cang Long, Bình Địa Long sắp xếp từ trên xuống theo thứ tự như vậy".

"Luận Kinh" viết :

"Cao sơn đại lĩnh có rất nhiều đỉnh nhọn, không như bình địa, nhưng nơi này không sản sinh ra quý nhân được vì đỉnh nhọn quá nhiều mà biến thành "Trọc" (đục). Có Long mạch từ núi cao hạ xuống đồng bằng, có Long mạch từ đại sơn mà giáng xuống tiểu sơn, nhưng không biết tận cùng Long mạch hạ xuống bình địa khi nào, thì địa huyệt sẽ ẩn tàng trong đó. Do vậy nó càng tôn quý".

(Hình 1-70 - Hình 1-72)

Thân Long uốn lượn hoạt bát, an nhiên tự tại.



Hình 1-71 : Khởi Phục cách

Họ Bốc viết :

"Nếu Long mạch liền lạc, lại giống như sợi dai, thì không cần có núi cao, sơn phong hùng vĩ".



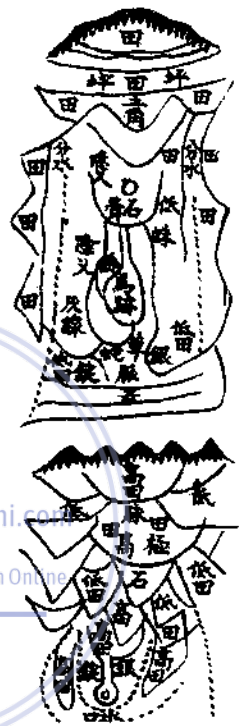
Hình 1-70 : Kiều Tiên Đới

Họ Bốc viết :

"Thân Long nhấp nhô lên xuống, ở giữa đã dứt lại đứt, khi đến tận cùng nhất định sẽ xuất hiện kỳ tích".

"Khẩu quyết" của Ngô công có viết :

"Khi thấy Long mạch duỗi tới nơi có thần tinh nổi lên, lại cao lớn như sơn phong, lại như bầy dê quần tụ, lại tựa rắn bò khởi động".



Hình 1-72 : Bình Thụ cách

Long mạch của Bình Thụ mạch nối tiếp liền nhau, khí thế tựa sóng dữ xô bờ vậy !

LUẬN LONG DƯ KHÍ

Phàm đại địa của Cán Long sở tại, Long mạch rất dài, khí rất vượng; đến nơi kết huyệt hoàn tất, sơn thế rất khó dừng lại, ắt sẽ có Long Dư khí, có Long kéo dài vài dặm, có Long kéo dài vài chục dặm, tại những nơi này lại kết thành các địa huyệt nhỏ, chiếu theo khí thế, lực lượng mạnh yếu của chúng, chúng ắt sẽ có nơi vượt trội. Hoàn toàn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

không thể xem nơi tận cùng của Long mạch là chính huyệt, lại cho rằng địa huyệt chính là phụ, do vậy sẽ không nhận ra sự khác biệt lớn nhỏ giữa đại thụ và bàng thụ. Không phân biệt rõ lớn nhỏ sẽ coi đại địa là địa huyệt tiểu phú quý.

"Kinh" viết :

"Nếu tìm Long mà tìm đến nơi tận cùng của Long mạch, hai dòng nước hội họp giao lưu, địa huyệt sẽ bị "Phong Xuy". "Phong Xuy, Thủy Kiếp" lại không phải là chính huyệt, do vậy, Long mạch này là Nghi Long".

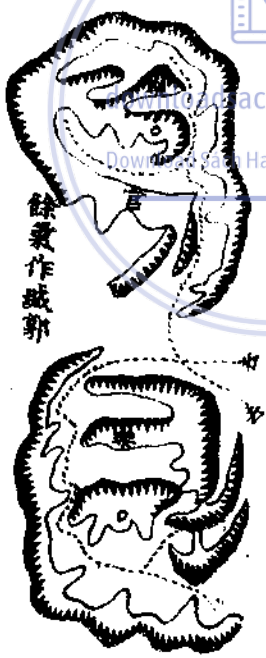
Dương công viết :

"Khí thế của Chân Long rất thịnh vượng, khó có thể dừng bước, khi huyệt đã kết, khi vẫn còn muốn tràn tới. Nơi có đại huyệt đều nằm ở Hông của Long, có thể xây dựng thành đô trên dư chí".

Tử Vi viết :

"Khi Long sắp đi hết, khó thể đi tiếp nữa, dư khí của nó phân tán ra từ đây hoặc giả là chi diệp, dư pha (sườn dốc). Nên thấy trong trường hợp này không có bao nhiêu Long khí".

(Hình 1-73)



Hình 1-73 :
Long dư khí

LUẬN LONG TAM LẠC

Sau khi Long lạc cục, tinh khí không chỉ kết tụ ở một nơi, nó có ba cách lạc cục sau : Sơ Lạc, Trung Lạc, Mạt Lạc.

Sơ Lạc là Long mạch xuất phát từ tổ sơn, và kết huyệt gần tổ sơn.

Liêu công viết :

"Long mạch sơ lạc, ở gần chủ sơn, nhưng cục thế của nó rất hoàn chỉnh, kín đáo".

Lý công viết :

"Khi Long Sơ lạc, tinh khí thịnh vượng".

Trung Lạc, là Long xuất phát từ tổ sơn, đến nửa chừng đứt đoạn, vượt lên Thiếu tổ sơn kết huyệt.

Liêu công viết :

"Dư chi của Trung Lạc, có thể dựng thành, quận ở đây, cất khí ẩn tàng, dừng nghỉ ở nơi này".

Lý công viết :

"Sơn mạch có tinh khí thịnh vượng ở khoảng giữa".

Mạt Lạc, là Long xuất phát từ tổ sơn, kéo dài tít tắp, nhấp nhô lên xuống, cuối cùng đại tận.

Liêu công viết :

"Mạt Lạc còn gọi là Đại Tận Long, khí thế của nó hào tráng, hùng vĩ nhất".

Lý công viết :

"Long mạch có qui kết ở nơi tận cùng".

Sơ Lạc, Trung Lạc và Mạt Lạc chính là Thiếu Long, Trung Long và Tận Long. Hai loại ý nghĩa này đều giống nhau.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG HÌNH THẾ THẬP TAM CÁCH

Theo họ Liêu, có mười ba cách, đó là : Sinh, Tử, Cường, Nhược, Thuận, Nghịch, Tiến, Thoái, Phúc, Bệnh, Kiếp, Sát, Hung.

(Hình 1-75 - Hình 1-87)

+ *Sinh Long* : Đỉnh ngọn hùng vĩ, chi cước linh hoạt, khí độ uy nghi.

+ *Tử Long* : Đỉnh ngọn và chi cước bất phân minh, thân Long thẳng tuột.

+ *Cường Long* : Đỉnh ngọn oai dũng khác thường, chi cước mở rộng, thân Long cường kiện.

+ *Nhược Long* : Đỉnh ngọn teo tóp, chi cước co rút, thân Long nhu nhược.

+ *Thuận Long* : Đỉnh ngọn thuận thế mà ra, chi cước ung dung, khí độ tàng ẩn.

+ *Nghịch Long* : Đỉnh ngọn nghiêng lệch, chi cước ngược xuôi.

+ *Tiến Long* : Đỉnh ngọn sắp xếp có trật tự, chi cước cân đối, khí độ tề chỉnh.

+ *Thoái Long* : Thần tinh hỗn loạn, chi cước không chỉnh tề, đi lui về sau.

+ *Phúc Long* : Tổ tông vốn rất tôn quý mà nó lại có nhiều hộ vệ nên mình.

+ *Bệnh Long* : Bị lấn ép, giao Long xâm hại, sơn thạch nhấp nhô, thân Long bị tổn thương nghiêm trọng.

downloadsachmienphi.com

式龍生



Hình 1-75 : Sinh Long

式龍死



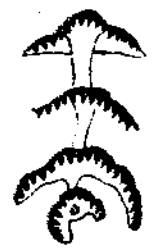
Hình 1-76 : Tử Long

式龍強



Hình 1-77 : Cường Long

式龍弱



Hình 1-78 : Nhược Long

式龍順



Hình 1-79 : Thuận Long

式龍逆



Hình 1-80 : Nghịch Long

式龍進



Hình 1-81 : Tiến Long

式龍退



Hình 1-82 : Thoái Long

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-83 : Phúc Long



Hình 1-84 : Bệnh Long



Hình 1-85 : Kiếp Long



Hình 1-86 : Sát Long

+ *Kiếp Long* : Thân Long phân phách quá nhiều.

+ *Sát Long* : Thần tinh mang theo quá nhiều sát khí.

+ *Hung Long* : Thân Long tuy rất tốt, nhưng có nơi khiếm khuyết.

"Nhập Thức Ca" của Liêu công viết :

"Sơn Mạch của Sinh Long có cao có thấp, nhưng nếu có quá nhiều tiết và không nhấp nhô uốn lượn thì đó là Tử Long. Cường Long khí thế dũng mãnh, thân Long tráng kiện. Nhược Long nhỏ hẹp, sơn thạch lởm chởm. Thuận Long nở nang thuận thế đi lên. Nghịch Long lại thoái bộ về sau. Tiến Long thì thân Long tiết sau cao hơn tiết trước. Thoái Long từ từ tiêu trừ".



Hình 1-87 : Hung Long

Đồ hình tiền 1-87 : Hung Long

Mười ba loại Long cách kể trên chỉ có Sinh, Cường, Thuận, Tiến, Phúc Long là cát lợi, tám Long cách còn lại đều hết sức hung hiểm.

LUẬN LONG XUẤT MẠCH TAM CÁCH

Phàm là Long thì đều có xuất mạch, có ba cách : Trung xuất, Tả xuất và Hữu xuất. Sự tụ kết lực lượng nhiều hay ít khi xuất mạch đều quyết định nó thuộc cách nào. Đây là điểm cốt yếu của thuật phong thủy, cần phải nắm vững.

(Hình 1-88 - Hình 1-100)

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Liêu công viết :

"Lạc mạch ở sau địa huyệt phải Trung xuất, Trung xuất mới cát lợi, Tả xuất kém một chút. Hữu xuất thì càng kém. Khinh trọng đều do đây mà ra".



Hình 1-88 :
Kiểu Trung xuất

Phàm là Long mạch xuất từ chính giữa, khí lực tiềm ẩn khá lớn, chủ đại phú quý.



Hình 1-89 :
Tả xuất

Long mạch Tả xuất là chỉ Long mạch xuất thân từ bên trái mà ra. Hình thế của sơn mạch là bên hữu ít bên tả nhiều, hai bên không quân bình, là Thiền dực tiên cách, cũng có tinh khí kết tụ thành huyệt.

式出右



Hình 1-90 :
Hữu xuất

Long mạch Hữu xuất là chỉ Long mạch xuất thân từ bên phải mà ra. Hình thế của sơn mạch là bên tả ít bên hữu nhiều, hai bên không quân bình, do hướng phía trước nên cũng có tinh khí kết tụ thành huyệt.

式砂脉護



Hình 1-91 :
Hộ mạch sa

Phàm hai bên tả hữu Long mạch có dáng vẻ như bảo vệ che chở cho mạch xuất thân thì gọi là Thiền dực. Hộ mạch sa ở hai bên Thiền dực cao.



Hình 1-92 :

Long mạch này toàn bộ là Trung xuất, cực tôn quý.



Hình 1-93 :

Long mạch này phần trước là Trung xuất, phần sau lại thiên lệch, bất cát lợi.



Hình 1-94 :

Long mạch này phần trước thiên lệch, phần sau lại Trung xuất, có thể xem là cát lợi, nhưng hơi kém.



Hình 1-95 :

Long mạch này đuổi dài tương hỗ, chủ phú quý.



Hình 1-96 :

Long mạch này đuổi dài thiên tả tương ứng một tả một hữu mà lại tương thừa, ứng điềm cát lợi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-97 :

Long mạch này trông tựa Thiên xuất mà thực tế lại là Trung xuất, chủ con cháu dời sau văn chương xuất thế, danh khí thịnh vượng.



Hình 1-98 :

Long mạch này thực tế là Thiên xuất, tiết tiết tương xứng, thân Long uốn khúc, cũng có thể xem là cát lợi, nhưng hơi kém.



Hình 1-99 :

Long mạch này cũng là Trung xuất, thoắt ẩn thoắt hiện, cũng là cát lợi.



Hình 1-100 :

Long mạch này là thiên lệch hẳn một bên (toàn thiên), tinh khí không thể kết tụ thành huyệt.

LUẬN LONG THỤ HUYỆT TAM CÁCH

Long có ba cách thụ huyệt, đó là : Chính Thụ, Bàng Thụ và Phân Thụ. Lực lượng ẩn tàng trong địa huyệt của Chính Thụ cực lớn, Phân Thụ kém một chút, Bàng Thụ kém nhất.

Bốc công viết :

"Phàm đại phú đại quý ắt do thụ dụng đại huyệt; tiểu phú quý do thụ dụng tiểu huyệt. Về Chính Thụ, Long thế tuy ngàn dặm xa mà tới, phân tán nhiều tinh khí, nhưng vẫn có nơi để ta thụ dụng. Trong trăm ngàn dặm, tinh khí đều tụ kết tại đây, do vậy tinh khí kết Chính Thụ lực lượng cực lớn".

"Chí Bảo Kinh" viết :

"Chính Long chuyên thụ tinh khí, phú quý vĩnh viễn trường tồn (thiên trường địa cửu)".

Dương công viết :

Long tới từ ngàn dặm, chỉ kết một địa huyệt, chính huyệt cực tốt, bàng huyệt thì kém một ít".

Phân Thụ là trên mình của chính Long phân ra một chi sơn mạch, đơn độc khởi dựng tinh phong, có chi cước, khi quá hiệp, chuyển biến đều có hộ vệ, tự kết thành hình huyệt, lực lượng tùy theo độ ngắn dài của Long mà thay đổi, Phân Thụ cũng có thể phát sinh phú quý nhưng không bền bằng địa huyệt của Chính Thụ trường viễn phát phúc mãi thôi.

"Chí Bảo Kinh" viết :

"Theo Long Phân Thụ, phú quý khó bền lâu[1]. Dư Khí của Long Hổ, địa sở của Quan quỉ, lại thêm có tiểu huyệt, hoặc kề cận thành, quận, thừa tiếp chủ mạch khác, tách riêng độc lập thuận theo sự lớn nhỏ của nó mà kết làm hình huyệt, có thể sinh phúc khí, nhưng khí lực suy nhược, dễ phát tán mất".

"Tróc Mạch Phú" viết :

"Khi Chân huyệt chưa hạ táng, tuy là huyệt ở bên nhưng có thể phát phúc khí. Đợi đến sau khi chính huyệt được hạ táng hoàn tất thì chính huyệt sẽ thu hồi tất cả tinh khí của sơn mạch".

Tử Vi viết :

"Cũng có một Long mạch sinh ra nhiều địa huyệt, có khinh có trọng".

(1) Bàng Thụ phần nhiều là chính Long, tinh khí vượng thịnh, có chỗ quá hiệp, chi cước quấn quít trên thân Long.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG NHẬP THỦ NGŨ CÁCH

Nhập thủ của Long có năm cách : Trực, Hoành, Khúc, Phi, Tiềm. Năm cách này chỉ nói về một tiết Long mạch nhập thủ, qui nạp thành thức.

Liêu công viết :

"Trực Long vốn từ phía sau tiến tới, xem từ trong xuyên ra là tôn quý, núi non bốn phía phải bao bọc quấn quít; Hoành Long từ mặt bên mà kéo dài ra, khí thế nghịch chuyển phải hào hùng; Khúc Long nguyên là khúc chiết trở mình, quay đầu nhìn về tổ sơn chần chừ không dám tiến; Phi Long là khí thụ hợp, cất



Hình 1-101



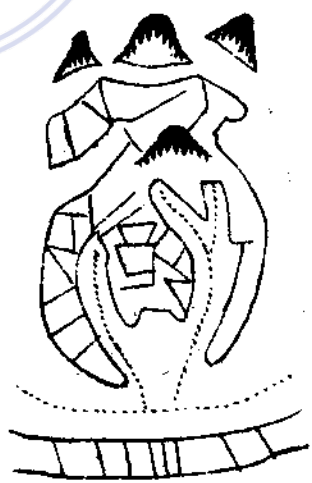
Hình 1-102



Hình 1-103



Hình 1-104



Hình 1-105

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đầu uốn ngực khí thế kỳ dị; Tiềm Long vốn giáng xuống bình dương địa, tản mác trên bình địa, nhân nhã ung dung khoáng đạt".

Chính trực nhập thủ, Long mạch đường đường chính chính tiến lên là tối cát lợi; Hoành Long nhập thủ thì "Nhập Thức Ca" viết :

"Sau địa huyệt của Hoành Long nhất định phải có Quỉ Nhạc, tinh cũng tương ứng đứng sừng sững phía sau".

Khúc Long nhập thủ, "Kinh" viết :

"Long mạch uyển chuyển quay đầu, trước khi chưa kết huyệt thì tác triều, Triều sơn đều là tổ tông không quản xa ngàn dặm tới đây".

Phi Long kết khí gọi là Thiên Xảo, Tiềm Long kết khí ở giữa bình địa có hơi nhô lên mới xem là cát lợi.

(Hình 1-101 - Hình 1-105)

LUẬN THIỂM LONG NHẬP THỦ

Thiểm Long là Long nghiêng mình, né qua mà kết huyệt.

Sơn thế đi thẳng hướng trước, còn Long mạch thì né một bên, kết tốt tại huyệt.

Ngô công viết :

"Có người chỉ câu nệ Long mạch xuyên tâm, thẳng xuyên phía trước, mà không nhận thức nơi chân Long chuyển mình. Chân Long uốn lượn xảo diệu, chuyển mình nhiều. Nhà phong thủy tầm thường không biết cái huyền diệu của khẩu quyết, chỉ theo sơn mạch trực xuyên về trước tìm chính huyệt. Khi tìm đến nơi sơn cùng thủy tận, lại chẳng quản có huyệt hay không, họ đều cho rằng sơn mạch chạy thẳng tới đây là Long mạch, sau khi hạ huyệt phú quý của chủ nhân không thấy đâu mà chỉ thấy mỗi ngày một bần cùng".

LUẬN LONG NHẬP HUYỆT THẬP NHỊ MẠCH

Long kết huyệt ắt ở nơi nhập thủ, sau đó mới quá mạch, kết thành yết hầu, thu giữ tinh khí. Nhập huyệt có mười hai (12) cách, phải quan sát chúng ở phía sau địa huyệt. Mười hai (12) cách là : Chính, Thiên, Đại, Tiểu, Trường, Đoản, Cao, Đê, Trực, Khúc, Tục, Đoạn.

Liêu công viết :

"Khi muốn đặt huyệt, phải quan sát kỹ xuất mạch nhập huyệt, nguyên có mười hai cách, Chính, Thiên, Đại, Tiểu và Đoản, Trường, cao



Hình tiến 1-106 : Chính mạch



Hình tiến 1-107 : Thiên mạch



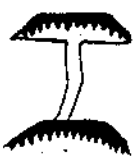
Hình tiến 1-108 : Đại mạch



Hình tiến 1-109 : Tiểu mạch



Hình 1-110 : Đoản mạch



Hình 1-111 : Trường mạch

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-112 :
Cao mạch



Hình 1-113 :
Đê mạch



Hình 1-114 :
Khúc mạch



Hình 1-115 :
Trực mạch



Hình 1-116 :
Đoạn mạch



Hình 1-117 :
Tục mạch

và Đê phải xem xét tường tận. Còn có Khúc, Trực và Đoạn, Tục là cát lợi hay hung hiểm đều phải rõ ràng".

(Hình 1-106 - Hình 1-117)

Mười hai loại Mạch trên chỉ có Chính và Thiên là thống lĩnh các cách khác, cũng thuận theo sự biến hóa của ba cách Tiền, Trung, Tả Hữu mà biến hóa.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN LONG KẾT HUYỆT NGŨ CỤC

Nói về Long kết huyệt, thành cục có năm cách, đều lấy Thủy làm tiêu chuẩn, đó là : Triều Thủy cục, Hoành Thủy, Khứ Thủy, Cứ Thủy và Can Pha cục.

+ *Triều Thủy cục* : Thủy lưu cuồn cuộn chảy tới trước mặt. Liêu công viết :

"Long mạch trở mình chuyển sơn thế lại có thủy làm Triều thì không sợ "gió thổi" tới lay động.

+ *Cứ Thủy cục* : Các loại thủy lưu trước địa huyệt hội tụ thành hồ ao, đầm. "Phú" viết :

"Nếu sơn mạch phía trước huyệt rối bời bời thì chỉ cần có ao hồ".

Ngạn ngữ nói :

"Tứ thủy lưu tụ vào lòng bàn tay, tất sinh đại phú".

+ *Hoành Thủy cục* : Thủy thành uốn lượn bao bọc, chảy tràn lan sang hai bên tả hữu.

Ngạn ngữ nói :

"Thủy tựa đai ngọc, cầu quan tất khoái (ắt nhanh chóng)".

+ *Khứ Thủy cục* : Thủy từ trước mặt địa huyệt chảy đi.

Dương công viết :

"Có cán Long mang theo bên mình hai dòng nước, thủy lưu chảy về phía trước, không chuyển mình quay đầu, lúc này có thể trực tiếp kết huyệt. Những vệ sĩ hai bên cần phải có chỗ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

khác với bình thường, nhất định phải có chỗ quấn chặt, giao kết chặt chẽ bên trong".

Ngô công viết :

"Thủy lưu tuy chảy tới trước, nhưng nếu sơn mạch quay mình giao kết thì cát lợi".

Khứ Thủy cục dù có tinh khí kết tụ cũng không phát tài, mấy năm đầu gia đạo suy bại. Nếu như có sinh quý nhân thì cũng phải bán hết nhà cửa ruộng vườn mới làm đại quan được.

"Thiên Ngọc Kinh" viết :

"Nếu chỉ có quý nhân mà không có tài sản thì đừng hạ huyệt tại nơi có khứ thủy".

Trong "Nhập Thức Ca" của họ Liêu viết :

"Thứ nhất không nên tìm nơi khứ thủy, nếu tìm được, lập tức sẽ thấy dấu vết tán gia".

+ *Can Pha cục* : Phía trước địa huyệt không có thủy lưu, không tìm thấy thủy, núi non hai bên tả hữu chắn ngang ngăn lấp Minh Đường, từ địa huyệt nhìn đi cũng không thấy thủy. Lại nói :

Thủy chủ phát tài mà không có Thủy cục, muốn có phú quý thì phải tìm kiếm Long mạch mang trên mình kho lẫm. Tuy có năm loại cục, cách kết huyệt không giống nhau, nhưng phải là chân Long, huyệt đi cũng xác định, đều có thể phú quý. Chỉ có Khứ Thủy cục là bất lợi mấy năm đầu.

Đồng công viết :

"Có người mà không có tài vật thì nhất định phải tìm kiếm Long có mang theo thương khố (kho). Có tài vật mà không có người thì đừng hạ huyệt ở nơi cô hàn".

LUẬN LONG KẾT HUYỆT PHÂN TAM TỤ

Long kết huyệt có ba cách : Đại Tụ, Trung Tụ, Tiểu Tụ. Đại Tụ cục là đô hội, tỉnh thành; Trung Tụ là đại quận, châu phủ; Tiểu Tụ là làng xóm, dương trạch và mộ phần.

Liêu công viết :

"Sơn Thủy của Đế Đô tất phải là Đại Tụ, Trung Tụ là thành thị, mà phần mộ và dương trạch (nhà ở) đóng trong Tiểu Tụ".

LUẬN CHUNG VỀ NGŨ TINH

Ngũ tinh chính là Ngũ hành. Ngũ tinh hình thành tượng ở trên trời, hình thành địa hình ở dưới đất.

"Ngọc Xích Kinh" viết :

"Tinh tú phân bố trên trời, dưới đất sơn mạch và Thủy lưu bày ra thành hàng lối".

Thiệu Tử viết :

"Tinh khí trên trời là Ngũ tinh, dưới đất thì hóa hình thành Ngũ Tài (Ngũ Hành), khí thống nhất trong năm mà thành Ngũ Thần, trên thân người là Ngũ Tạng, trong vật thể là Ngũ Sắc, Ngũ Âm và Ngũ Vị, thi hành trong Ngũ Thường. Đế vương thừa tọa Ngũ Vận, đặt ra Ngũ Quan, phân làm Ngũ Lễ, thiết lập Ngũ Hình để trị nước an dân lại dùng Ngũ Sự. Khảo sát sự được mất, quan sát các hiện tượng thiên nhiên : mưa, nắng, nóng, lạnh cùng các loài động vật thực vật làm các điều dự báo cát tường, tai họa. Những điều đó không có điều gì là không từ Ngũ Hành suy ra. Địa pháp cũng tuân theo Ngũ Hành mới phân sơn hình thành Ngũ Tinh để kiểm nghiệm cát hay hung".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngũ Hành lại có Cửu tinh : Tham, Cự, Lộc, Văn, Liêm, Vũ, Phá, Bật; lại hóa thành Cửu diệu : Thái Dương, Thái Âm, Kim Thủy, Tử Khí, Thiên Tài, Thiên Cương, Táo Hỏa, Cô Diệu, Tảo Đăng.

LUẬN HÌNH NGŨ TINH

Hình thể của Ngũ tinh, cổ nhân diễn hóa như sau :

+ Lấy tượng "Trực" (ngay thẳng) mà biến thành Mộc.

+ Lấy tượng "Tiêm" (nhọn) mà biến thành Hỏa.

+ Lấy tượng "Phương" (vuông) mà biến thành Thổ.

+ Lấy tượng "Viên" (tròn) mà biến thành Kim.

+ Lấy tượng "Khúc" (quanh co) mà biến thành Thủy.

Cho nên phàm sơn mạch có hình dựng đứng, cao vượt thì thuộc Mộc; hình núi lởm chởm, nhọn là Hỏa; sơn hình tròn trặn là Kim; quanh co lưu động là Thủy.

Hình thể Ngũ tinh nếu không thuần túy thì gọi là biến cách, cửu tinh song thực ra Cửu tinh cũng không thể nằm ngoài Ngũ tinh.

downloadsachmienphi.com

LUẬN TÊN NGŨ TINH ĐỂ PHÂN THANH, TRỌC, HUNG

Các nhà phong thủy địa lý lấy hình dáng của núi để luận đàm tên Ngũ Tinh, ắt phân biệt rõ cát hung. Liêu công xem Kim là Văn tinh, Mộc là Tướng tinh. Tử Vi đem Kim là Võ tinh, Mộc làm Văn tinh. Mà Ngũ tinh thì biến hóa vô cùng, dù chỉ có một vị cũng có thể là cả Văn lẫn Võ tinh, cũng có thể là cát lẫn hung. Nếu chỉ trói chặt vào một tên thì khó có thể khái quát, cũng khó thấy hết được sự ảo bí của nó.

Nay phân chúng ra ba cách Thanh, Trọc, Hung. Phàm thần tinh đẹp đẽ, sắc màu sinh động là Thanh, to lớn mà nặng nề là Trọc, xú ác mà thân mang theo sát khí là Hung.

+ *Kim Tinh* : Thanh là Quan tinh, Trọc : Võ tinh, Hung : Lịch tinh, đóng tại phương Tây, thời gian là mùa Thu.

+ *Mộc Tinh* : Thanh : Văn tinh, Trọc : Tài tinh, Hung : Hình tinh, đóng đô phương Đông, thời gian là mùa Xuân.

+ *Thủy Tinh* : Thanh : Tú tinh, Trọc : Khoa tinh, Hung : Đăng tinh, đóng đô phương Bắc, thời gian là mùa Đông.

+ *Hỏa Tinh* : Thanh : Hiển tinh, Trọc : Táo tinh, Hung : Sát tinh, đóng đô phương Nam, thời gian là mùa Hạ.

+ *Thổ Tinh* : Thanh : Tôn tinh, Trọc : Phú tinh, Hung : Trệ tinh, đóng đô ở Trung tâm, thời gian : sự chuyển tiếp giữa các mùa. Trong Ngũ tinh, Thổ Tinh là Trấn tinh, trấn giữ đại hải và Hoàng Hà, phụ trách Tây nhạc Hoa Sơn, vạn vật từ đó sinh ra, nên Thổ Tinh chủ phú túc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TAM CÁCH CỦA NGŨ TINH : BÌNH CƯƠNG, BÌNH CHI, CAO SƠN

■ **Kim Tinh :**

- Cao Sơn (núi cao) : Giống như cái chuông, cái phủ (búa), đỉnh đầu tròn, không có chỗ nhô nhọn, màu sắc sinh động thì cát.
- Bình Cương : Nếu giống như cái nón úp, cây đổ, bàn tính gãy thì cát.
- Bình Chi : Nếu giống cái bánh đường ngon lành, màu mỡ thì cát.



Hình 1-118

■ **Mộc Tinh :**

- Cao Sơn : Nếu dựng đứng trông tựa cây bút, không thiên lệch thì cát.
- Bình Cương : Uyển chuyển khúc chiết, khí thế giống hình chữ Chi ( ), chữ Huyền ( ) là cát.
- Bình Chi : Trông tựa cần của cây đàn, đội chỗ nổi lên là cát.



Hình 1-119

■ **Thủy Tinh :**

- Cao Sơn : Nhấp nhô như sông nước thì cát.
- Bình Cương : Linh động như mây bay nước chảy, lại bằng phẳng là cát.
- Bình Chi : Giống cái chiếu trải rộng, địa thế nhấp nhô tựa sóng nước là cát.



Hình 1-120

■ **Hỏa Tinh :**

- Cao Sơn : Tựa ngọn lửa bốc cao lên giữa tầng trời, sơn mạch từ tổ sơn trải ra là cát.
- Bình Cương : Tựa chân tay duỗi ra, hoặc ngang hoặc dọc sinh ra hỏa diệm sơn, thủy hỏa liên tiếp là cát.
- Bình Chi : Sơn thế chênh chếch, lấp lánh ánh sáng tựa cầu đá bắc qua sông là cát.



Hình 1-121

■ **Thổ Tinh :**

- Cao Sơn : Nặng nề tựa kho lẫm, tựa bức bình phong lại hùng vĩ, đoan chính, bằng phẳng là cát.
- Bình Cương : Tựa cái kỷ (bàn thấp nhỏ), nặng mà phong mãn, đây là cát lợi của Thổ Tinh.
- Bình Chi : Bằng phẳng như bàn cờ, vuông vức thì cát.



Hình 1-122

Hình 1-118 đến Hình 1-122 : NGŨ TINH LẬP MIÊN

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN NGŨ TINH THỂ TÍNH

+ Kim Tinh : Hình thể tròn trặn mà không nhọn, tính tình an tịnh. Sơn thế trầm tịnh thì cát, bốn phía lưu động không ngừng là hung. Sơn diện tròn, đầy đủ, vuông vức thì cát, nhọn, nghiêng thì hung. Sơn đỉnh bằng phẳng, phong mãn là cát, vỡ vụn là hung. Sơn cước tròn đầy là cát, nhọn, lệch chạy tản mác là hung.

+ Mộc Tinh : Hình thể dựng thẳng mà không ngay ngắn, tính tình ôn thuận. Sơn thế dựng đứng mà kiên nghị, thanh tú thì cát, nghiêng lệch tản mạn là hung.

+ Thủy Tinh : Hình thể linh động, tính tình trầm tĩnh, thế núi tầng tầng lớp lớp tựa sóng nước nhấp nhô là cát, nếu ở giữa rời rạc, tản mác là hung. Sơn diện tựa sóng trào liên miên bất tuyệt là cát, tiêu tán hỗn loạn là hung. Sơn đỉnh tròn trặn, khúc chiết, dường như muốn cuộn lên là cát, sơn đỉnh thô kệch, nghiêng lệch là hung. Sơn cước bằng phẳng chỉnh tề, cân đối là cát, cuồn cuộn xông tới, không thể thu hồi là hung.

+ Hỏa Tinh : Hình thể như ngọn lửa bốc cao, tính tình nóng nảy. Sơn thế cao vút, linh động là cát, thô kệch trầm trọng là hung. Sơn diện sáng sủa, bên dưới tươi tốt là cát, nếu đá núi lởm chởm lại vỡ vụn là hung. Sơn đỉnh giống như đầu ngọn lửa, nhọn thì cát, vỡ vụn là hung. Sơn cước chênh chếch mang theo tinh tú là cát, chuyển theo hướng ngược, thô kệch là hung.

+ Thổ Tinh : Hình thể vuông vức, nặng nề mà đoan chính, tính tình trầm ổn, thanh cao mà trì hoãn. Sơn thế hùng hậu, cao vút là cát, nghiêng lệch là hung. Sơn diện bằng phẳng cao vượt là cát, thô kệch lại tản mác là hung. Sơn đỉnh nhọn, tươi nhuận, dày là cát, đỉnh tròn mà ẻo lả là hung. Sơn cước bằng phẳng, thu rút lại là cát, vỡ vụn tựa bọt nước là hung.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

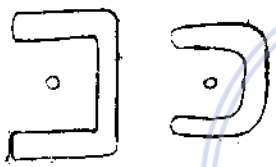
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HUYỆT PHÁP

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Hạo Lục
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiêu Dung

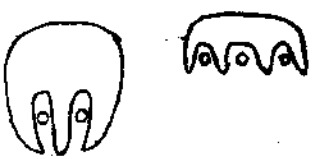
LUẬN BIÊN OA CÁCH



Hình 2-1, 2-2 : Biên oa cách

Biên Oa là địa thế huyền lăng bị khuyết một bên, vì tinh tú đã dừng lại, diện tuần mở rộng, tinh khí không thể kết thành huyệt, đành ở dưới tạo ra một khoảng bình địa, bên còn lại hơi nhô lên bao bọc. Địa thế này cần phải cạn, bằng phẳng mới là hợp cách.

高 並 三 畜



Hình 2-3, 2-4 : Tịnh oa cách

Tịnh Oa là cùng một tinh phong, mà có mấy chỗ lõm vào có thể hạ huyệt, Long mạch cần phải cực quí mới có thể kết thành Chân huyệt. Trong chỗ lõm phải đều đặn viên mãn, vách ngăn phải phân minh mới xem là hợp cách.

LUẬN PHÂN KIỂM, HỢP KIỂM CÁCH

Phân Kiểm là nơi kết huyệt tách ra hai bên tả hữu. Cách này đa phần tản mác trên bình địa.

鉗 分

論分鉗合鉗格



Hình 2-5 :
Phân kiểm cách

Hợp kiểm không có địa huyệt, chân khí do vậy kết tụ tại nơi lưỡng nhũ nhô ra. Ở giữa tụ kết thành huyệt, có vài chỗ cao vượt lên.

鉗 合



Hình 2-6 :
Hợp kiểm cách

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN THIỂM NHŨ, TRẮC NHŨ CÁCH

Thiểm nhũ, địa huyệt lệch về một bên, Trung nhũ thẳng đuột, cương ngạnh, hình thành Thanh Long Bạch Hổ ở hai bên.



Hình 2-7 : Thiểm nhũ



Hình 2-8 : Trắc nhũ

Trắc nhũ, Long mạch lệch về một bên, không phải chính hướng mới có thể tạo thành rồng cuộn rắn quấn, ngoại sơn từ phía trước đến tụ hợp, loại địa thế này hầu như hợp quy cách.

LUẬN CỐT ĐỘT, TỊNH ĐỘT CÁCH

Địa thế mơ hồ không thật phân minh, nhìn sơ qua thì không thấy, phải nhìn kỹ mới thấy luân quách thực tế là Thái Cực bị bao trong vòng tròn.



Hình 2-9 : Cốt đột

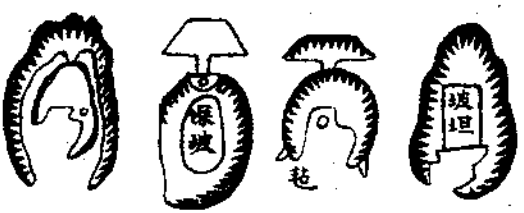


Hình 2-10 : Tịnh đột

Cùng nhau liên kết, nên hạ thiên tìm huyệt giữa chỗ giao nhau. Vì hợp khí của nó có hai địa thế vượt lên.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

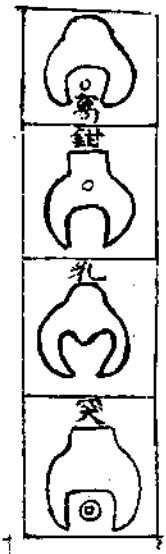
LUẬN OA KIỂM NHŨ ĐỘT BẤT TÁNG



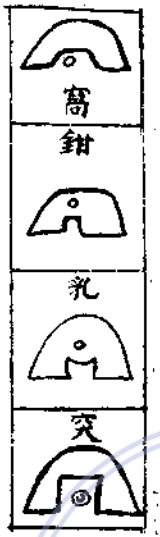
Hình 2-12 - 2-14 : Oa kiểm nhũ đột bất tán

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

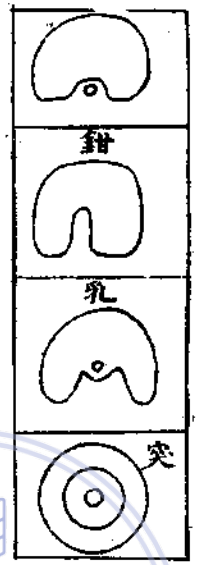
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



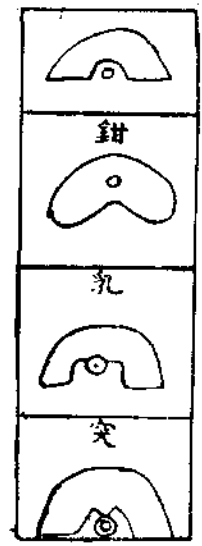
Hình 2-15 :
Thái Dương Kim Tinh
Chính Thể cách



Hình 2-16 :
Thái Âm Kim Tinh
Chính Thể cách

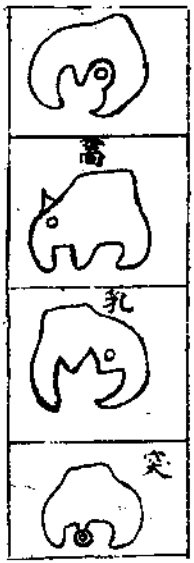


Hình 2-19 :
Thái Dương Kim Tinh
Bình Diện cách

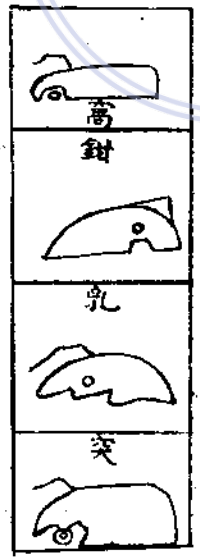


Hình 2-20 :
Thái Âm Kim Tinh
Bình Diện cách

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



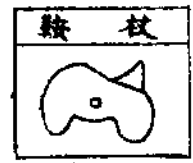
Hình 2-17 :
Thái Dương Kim Tinh
Trắc Não cách



Hình 2-18 :
Thái Âm Kim Tinh
Trắc Não cách



Hình 2-21 :
Song Kim Giang Mộc



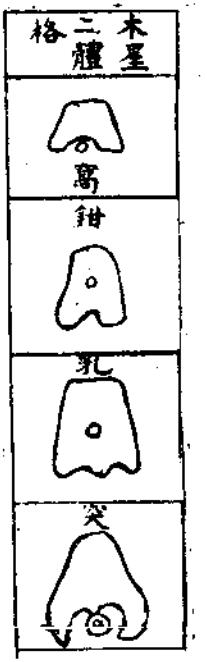
Hình 2-22 :
Chi An

Các chính thể ở trên đều có các hình thức : Lập, Miên, Tọa và đều phân biệt lớn nhỏ, cao thấp, lõm cạn, lõm sâu.

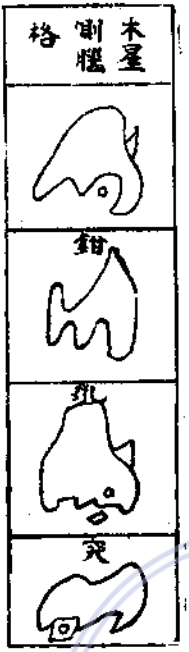
Các hình huyệt của Kim tinh, tọa hướng Thân, Canh, Dậu, Tân, Càn, Khôn, Cấn địa huyệt đều hội tụ được chân khí thịnh vượng, chủ sinh người tướng mạo thanh tú thông minh khoáng đạt. Kim Tinh sinh nhân thụ ấm những năm Ất Dậu, Ất Sửu đều ứng nghiệm thụ phúc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

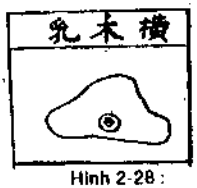
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



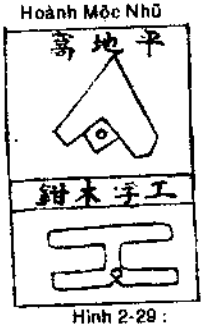
Hình 2-23 :
Mộc Tinh Nhị Thể cách



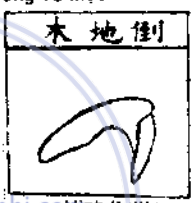
Hình 2-24 :
Mộc Tinh Trắc Não cách



Hình 2-28 :
Hoành Mộc Nhũ

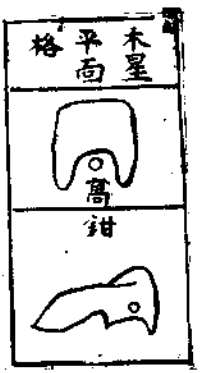


Hình 2-29 :
Công Tự Mộc Kiếm

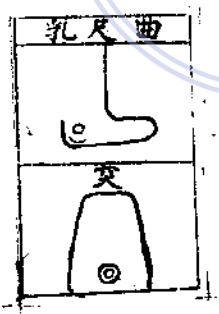


Hình 2-30 :
Đảo Địa Mộc

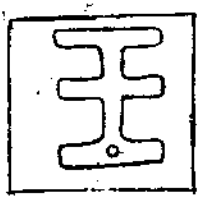
downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 2-25 :
Mộc Tinh Bình Diện cách



Hình 2-26 :
Khúc Xích Nhũ



Hình 2-27

Ngô công viết :

"Đảo Địa Mộc dài một trăm mấy mươi trượng, Hoành hay trực đều có thể hạ táng. Hoành cần tìm huyệt ở giữa, vì tinh khí bao bọc rất vượng".

Các địa huyệt của Mộc tinh, tọa hướng Dần, Mão, Giáp, Ất, Tốn đều là huyệt địa có tinh khí thịnh vượng. Chủ sinh ra người có tướng mạo thanh tú tâm tính khoáng đạt, người sinh thụ ấm năm Hợi Mão, Mùi phát cả phú lẫn quí.

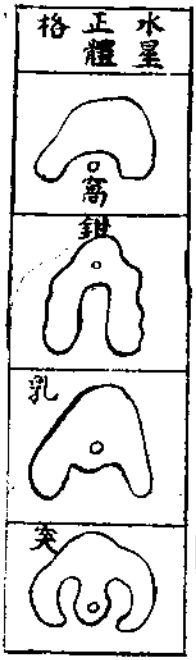
Các địa huyệt của Thủy tinh, tọa hướng Nhâm, Quí, Tý, Hợi sinh khí thịnh vượng, chủ sinh ra người có diện mạo thanh thoát, tâm tính phóng khoáng, người sinh thụ ấm Thân Tý Thìn phú quí song toàn.

"Táng" viết :

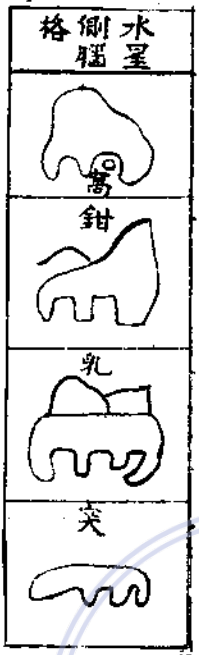
"Thủy tinh phần lớn xuất do đất, chỗ kỳ diệu của nó thật khó nói cho hết".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

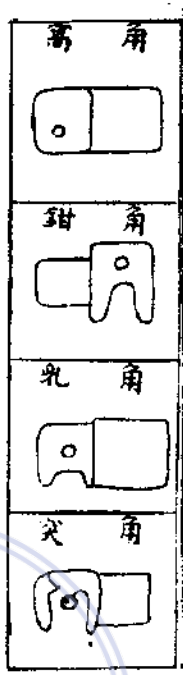
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

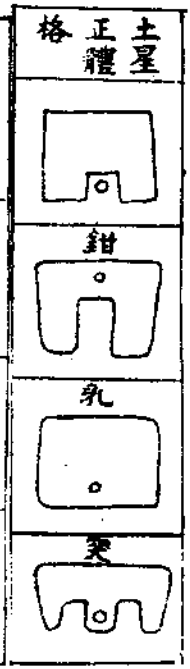


Hình 2-31 :
Thủy Tinh Chính Thể cách



Hình 2-32 :
Thủy Tinh Trắc Não cách

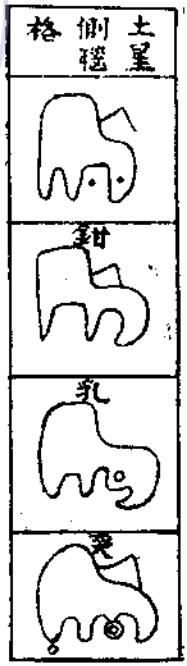




Hình 2-34 - 2-35 :
Thổ Tinh Chính Thể cách



Hình 2-33 :
Thủy Tinh
Bình Diện cách



Hình 2-36 :
Thổ Tinh
Trắc Não cách

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

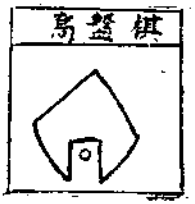
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



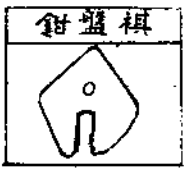
Hình 2-37 :
Thiên Tài Oa



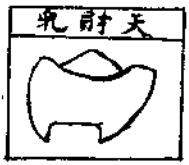
Hình 2-38 :
Thiên Tài Kiềm



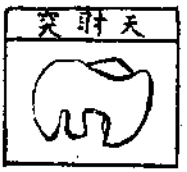
Hình 2-42 :
Kỳ Bàn Oa



Hình 2-43 :
Kỳ Bàn Kiềm



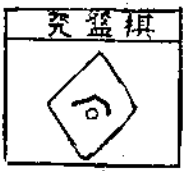
Hình 2-39 :
Thiên Tài Nhũ



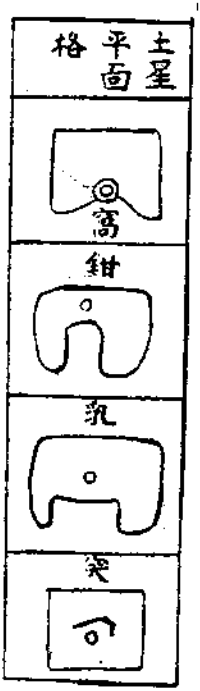
Hình 2-40 :
Thiên Tài Đột



Hình 2-44 :
Kỳ Bàn Nhũ



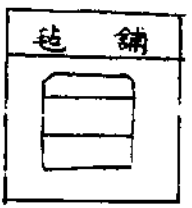
Hình 2-45 :
Kỳ Bàn Đột



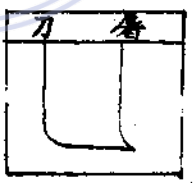
Hình 2-41 :
Thổ Tinh
Bình Diện cách



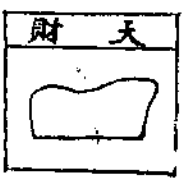
Hình 2-46 :
Ngọc Kiển



Hình 2-47 :
Phổ Chiến



Hình 2-48 :
Đồ Đao



Hình 2-49 :
Thiên Tài

Các hình huyệt của Thổ tinh tọa hướng Thìn, Tuất, Sửu, Khôn, Cấn, Tỵ, Ngọ đều được địa tinh khí thịnh vượng, chủ sinh ra người có tướng mạo phúc hậu, tâm tính khoan dung độ lượng, người sinh Thổ tinh thụ ấm năm Thân, Tý, Thìn sẽ có tai họa phát sinh.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN THẬP NHỊ ĐẢO TRƯỢNG PHÁP



Hình 2-50 :
Khai Trượng

Sơn mạch tiến thẳng, đới giữa có sát khí không thể hạ huyệt, Minh Đường tinh khí tản ra hai bên. Muốn tìm huyệt phải rời xa Long mạch hai, ba thước, lấy khoảng giữa của Khai Trượng mới là tới huyền diệu.



Hình 2-51 :
Xuyên Trượng

Phía trên cương mãnh, phía dưới nhu nhược, khí thế dừng lại ở giữa, dừng lại tốt hay xấu còn phải xét Lạc tinh. Sơn mạch hình chữ thập ( ) biến hóa, nguyên lý chủng hoa xuyên mạch có chấm minh bạch.



Hình 2-52 :
Hùng Trượng

Long mạch khí thế hào hùng, cương mãnh nghiêm tuấn khó dừng bước. Địa thế rời xa mạch tới Bình Dương, Đảo Trượng ở giữa, gặp Kim tinh, trung chính thì có thể hạ táng.



Hình 2-53 :
Đối Trượng

Phần trên thẳng đứng, ở giữa dừng lại, phía dưới chọt thấp xuống. Cương và nhu, thuận và nghịch đều không hợp. Chỉ có thể quan sát trên sơn mạch của Đối Trượng có trung chính hay không, hạ huyệt ở giữa mới cát lợi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



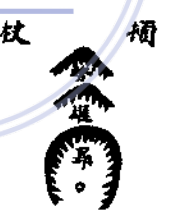
Hình 2-54 :
Một Trượng

Nhũ đầu diệu của Long mạch rất sung mãn, Long mạch nhỏ bé mờ mịt khó tìm, nhưng nhà phong thủy tự phải có phương pháp khai lam thu thủy. Phải tại nơi rộng rãi hạ cán định huyệt, tiếp thu chân khí, khai cô Một Trượng phải có hạn độ.



Hình 2-55 :
Triệt Trượng

Long mạch phía trên hùng vĩ, ngay thẳng, phía dưới lại có lăng giác lồi ra, khí thế ở giữa suy nhược ắt phải có chỗ dừng lại. Địa thế này khiến gia nghiệp trong vài năm đầu sút kém, sau mới phát đạt thịnh vượng.



Hình 2-56 :
Đốn Trượng

Long mạch tận cùng thì khí thế hùng vĩ, hiên ngang; Long mạch đà thoát lạc, tinh khí suy giảm dần, biểu hiện sự khốn đốn, không nên hạ táng ở đây, bằng không con cháu sẽ bị yểu chết.



Hình 2-57 :
Phạm Trượng

Huyền Vũ của Long mạch rất hùng vĩ, văn phong vừa nhọn vừa dài, nếu an một ở sơn khẩu, sát khí sẽ rất thịnh. Đây là loạn mai loạn táng, gọi là "Phạm Trượng". Sau khi hạ táng sẽ lật thây đảo cốt. Rất bất lợi cho con cháu đời sau.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-58 :
Thuận Trượng

Long mạch từ xa tới, sơn thế tương đối bình hòa, uốn lượn gấp khúc giống như con rắn bò. Tinh khí từ Não tiến vào, quan tài cũng trung chính, Thuận Trượng phải ở lại Tiền nghênh.



Hình 2-59 :
Nghịch Trượng

Long mạch lao thẳng về phía trước, khí thế cương mãnh, khi hạ táng an quan tài phải kỵ ngọn chủ xông tới, tinh khí tiến nhập từ tai, nên hơi khuynh tả một chút để tiếp thụ. Nghịch Trượng phải hơi lệch mới có công hiệu.



Hình 2-60 :
Thúc Trượng

Sơn thế Long mạch tương đối ngắn, từ từ tiến tới, bên trên tụ thành cao phong, tinh khí kết ở Bách Hội, sinh ra anh hùng hào kiệt. Khi hạ táng đặt quan tài nhất định phải tập trung khẩn trương, đặt tại chính giữa.



Hình 2-61 :
Xuyết Trượng

Long mạch khí thế hào hùng, khi tới tận cùng vội dừng lại, nhưng vẫn rất cao lớn nguy nga. Hạ táng an quan tài phải biết thoát khứ sát khí làm tăng sinh khí. Khi phát lại cực nhanh, gia nghiệp hưng vượng trong thời gian rất ngắn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN HUYỆT TAM ĐẠI CÁCH

Ba cách lớn, đó là Chính thể, Trắc não, Bình diện. Thể tinh của Chính thể, đỉnh mặt đoan trang, ngay thẳng, hình thể tôn quí; Thể tinh của Trắc não, đầu mặt nghiêng lệch, hình tế không ngay ngắn; Thần tinh của Bình diện, cúi đầu xuống đất, bằng phẳng cao thấp không đều. Theo Ngũ Tinh Pháp của Tử Vi thì : Kim gọi là Võ Tinh, Mộc là Văn Tinh, Thủy là Tú Tinh, Hỏa là Lộc Tinh, Thổ là Tài Tinh. Liêu công lại phân ra chính cách định huyệt tinh như sau :

Chính thể, Khai khẩu, Huyền nhũ, Cung cước, Song tí, Đơn cổ, Trắc não, Một cốt và Bình diện. Nay chỉ luận tới ba cách Chính thể, Trắc não và Bình diện và gọi sáu (6) huyệt tinh còn lại là "Huyệt" vì : Cung cước, Song tí, Đơn cổ kỳ thực là "Kiểm hình huyệt"; Khai khẩu là "Oa hình huyệt"; Huyền nhũ là "Nhũ hình huyệt". Mà Chính thể, Trắc não, Bình diện, mỗi cách đã bao gồm đủ Oa, Kiểm, Nhũ, Đột cùng biến hóa của chín (9) cách. Mà Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ lại dựa vào ba cách này để quán thông mọi sự. Hỏa tinh không thể kết huyệt mà chỉ có thể làm đối án của tổ sơn. Trong thư tịch của các nhà địa lý nổi tiếng như Quách Phác, Dương công, Ngô công... đều viết Hỏa tinh không kết huyệt. Vì sao vậy ? Vì tính của Hỏa tinh quá nóng nảy. Kim tiến vào Hỏa thì chảy ra, Mộc tiến vào Hỏa thì bị thiêu cháy, Thủy tiến vào Hỏa thì khô cạn, Thổ tiến vào Hỏa thì héo hắt. Do đó Hỏa không thể kết huyệt mà chỉ có thể làm Diệu Khí Long, làm Sa trước mặt tổ sơn mà thôi.

Các Thần tinh thuộc Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ kết huyệt cần có các loại địa hình Oa, Kiểm, Nhũ, Đột mới được xem là có địa huyệt.

"Táng Kinh" viết :

"Phàm khi nói tới chữ "Hình" tức có ý chỉ huyệt. Ví dụ : Thiên xích là Thế, Hữu xích là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình, Hình và Thế cùng hòa thuận thì gọi là "Toàn Khí"; Hình và Thế nghịch nhau gọi là "Quai Khí". Thế cát mà Hình cũng cát gọi là "Toàn cát"; Thế hung Hình cũng hung gọi là "Trùng Hung". Nếu Thế hung mà Hình cát thì trăm phúc có một họa; nếu Thế cát mà Hình hung thì phúc ít họa nhiều. Do vậy mới nói, quan sát khí thế để tìm Long thì rất dễ, nhưng trèo đèo lội suối để điểm địa huyệt thì ngược lại, cực khó. Nếu điểm huyệt "sai một ly" thì như cách sơn mạch "đi một dặm". Lại nói : Hữu Long vô huyệt thì nhân đào vong, gia bại tuyệt".

LUẬN TRIỀU SƠN CHỨNG HUYỆT

"Hám Long Kinh" viết :

"Chân Long ẩn náu thật khó tìm ra, chỉ có Triều sơn là tiêu chí nơi thân Long ẩn. Nếu Triều sơn rất cao lớn thì có thể kết huyệt nơi cao, nơi Triều sơn thấp bé thì hãy cân nhắc kết huyệt ở dưới thấp".

"Chỉ nam" viết :

"Lời nói cổ nhân giá ngàn vàng : như có thể kết huyệt ở nơi cao, phải ngang bằng như lông mày; nếu kết huyệt ở nơi thấp, phải đối ứng với trái tim".

Viên Cơ viết :

"Tú tinh ứng chiếu ở bên tả, thì địa huyệt sẽ đóng bên tả, tú tinh ứng chiếu ở bên hữu, thì tìm huyệt bên hữu".

Bốc công viết :

"Tại ngoại vi sơn mạch cao chót vót dù có trọng nghìn lần, cũng không bằng án mở ra trước mặt. Muốn tìm địa huyệt chân chính, thì Triều sơn xa không bằng Triều sơn gần.

Các nhà phong thủy hiện nay tham cầu Long mạch lớn ở xa mà bỏ qua Long mạch nhỏ ở gần".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN MINH ĐƯỜNG CHỨNG HUYỆT



Hình 2-62 : Nội ngoại Minh Đường

Minh Đường có ba loại : Tiểu, Trung và Đại Minh Đường. Địa huyệt chứng Minh Đường, Minh Đường chứng Triều Án.

"Trác Ngọc Kinh" viết :

"Dù nghiêng lệch hay ngay ngắn, đều có tinh khí chân chính của mạch, nên tìm kiếm Minh Đường để làm chứng.

Minh Đường không dựa vào thủy thành hình vòng cung, một khi định đúng huyệt sẽ sản sinh nhân vật anh hùng". (Hình 2-62).

"Minh Đường Kinh" viết :

"Dù Minh Đường nghiêng hay thẳng, thanh hay thô đều rất khó đoán định nó là tốt hay xấu".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngô công viết :

"Nếu Minh Đường nghiêng lệch thì đừng vội khen huyệt tốt".

Dương công viết :

"Khi lập huyệt nếu muốn có được Chân Minh Đường thì phải quan sát kỹ nơi chính khí tụ kết. Phàm khi xem địa huyệt thấy có nghi vấn cũng phải quan sát kỹ Minh Đường cục, tại nơi chân khí kết tụ phải có sơn mạch bao bọc".

Long và Chính huyệt nhất định sẽ có thủy tới hội hợp. Sơn mạch sẽ thuận theo thủy mà uốn lượn, thủy cũng sẽ bao bọc sơn mạch".

Liêu công viết :

"Nơi Chân Long tán lạc, thủy lưu đều đến tụ hợp, nơi thủy lưu giao hội thì có thể tìm thấy huyệt. Chính huyệt thì thủy hội hợp, không phải chính huyệt thì thủy sẽ rời xa. Nếu nơi có huyệt ẩn tàng, kỳ dị thì khó cầm huyệt, mà hãy quan sát kỹ thủy văn". (Hình 2-64).

LUẬN THỦY THẾ CHỨNG HUYỆT

"Táng Kinh" viết :

"Huyệt địa có thủy mới được xem là cát, Sa chứng minh Minh Đường, Thủy chứng minh Địa Huyệt".

Dương công viết :

"Không xem sơn mà phải xem thủy lưu trước, nếu chỉ có thủy mà không có sơn thì chẳng nên phí công tìm huyệt. Phàm nơi có Chân



Hình 2-63 : Thủy thế Chứng Huyệt

LUẬN LẠC SƠN CHỨNG HUYỆT

Nói đến Lạc Sơn, núi dựa ở mặt sau địa huyệt, gọi là Lạc Sơn. Phàm là Một Cốt, Oa Não, Trắc Não, Phản An, Thiên Tài, Hoành Long, khi kết huyệt nhất định phải dựa vào Lạc Sơn. Lạc Sơn ở bên tả, thì huyệt ở bên tả, Lạc Sơn ở mé hữu, thì huyệt cũng ở mé hữu. Nếu Lạc Sơn ở giữa, thì huyệt ắt cũng ở chính giữa. nếu tạo thành hình dạng tinh thể, bình phong, hoa cái, tam thai, ngọc chẩm (gối ngọc), mành trướng, quý nhân v.v... thì đều là tôn quý. Nhưng tối kỵ cao lớn hùng vĩ, nhô vút lên sừng sững, nhọn hoắt, những chỗ thấy như vậy phải tránh lập huyệt.



Hình 2-64 : Lạc Tả Huyệt Tả



Hình 2-65 : Lạc Hữu Huyệt Hữu



Hình 2-66 : Lạc Hữu Trung, Huyệt Cư Trung



Hình 2-67 : Lạc Sơn Tứ Ứng, Huyệt Cư Trung

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-68 :
Lạc Tại Lưỡng Biên,
Huyệt Cư Trung



Hình 2-69 :
Trường Vi Lạc



Hình 2-70 :
Đa Giả Vi Lạc



Hình 2-71 :
Đặc Lạc Huyệt Trung

LUẬN QUỶ TINH CHỨNG HUYỆT

Quỷ tinh chứng huyệt nghĩa là địa huyệt bị xoay ngang hoặc thiên lệch, tất là có đường quỷ sơn chạm thẳng vào. Chạm vào sau lưng thì mới có thể kết huyệt, điều này không đáng ngại. (Hình 2-72 - 2-78)

Ngô Hương Sơn viết :

"Địa huyệt có chỗ thiên tà, là muốn nhờ quỷ chứng huyệt".

Liêu công viết :

"Phàm đặt huyệt vị trí trên thân Hoành Long, nhất định phải có Quỷ Nhạc Sơn, Sơn tốt nhất là đứng chắn phía sau huyệt".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 2-72 .
Trung Chính Quỷ



Hình 2-73 :
Tả Xanh Quỷ

Hình 2-74 :
Hữu Xanh Quỷ



Hình 2-75 :
Hoành Thác Quỷ



Hình 2-76 :
Hiếu Thuận Quỷ



Hình 2-77 :
Ngọc Đới Quỷ



Hình 2-78 .
Tam Đài Quỷ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG HỔ CHỨNG HUYỆT

Đồng Đức Chương viết :

"Quan sát sự hư thực của Long và Hổ để xác định có địa huyệt hay không; quan sát sự trước sau của Long và Hổ, để xác định địa huyệt ở bên tả hay bên hữu. Nếu Long có lực, địa huyệt sẽ dựa gần mé tả; nếu Hổ có lực, địa huyệt sẽ dựa gần mé hữu. Nếu Long, Hổ đều thấp bé, thì phải tránh gió, lập địa huyệt ở trong Minh Đường. Nếu Long, Hổ đều cao, thì cần tránh ở sát gần, tìm thiên huyệt ở bên ngoài Minh Đường".

Phạm công viết :

"Nếu Long mạnh hơn nhất định phải lập huyệt theo Long đến. Nếu Hổ mạnh hơn, thì lập huyệt nhất định phải theo Hổ đến".

Họ Bốc viết :

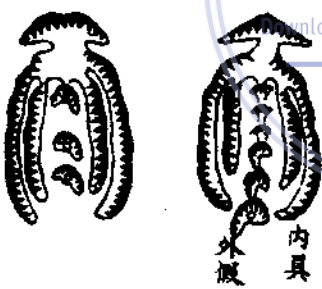
"Nếu không có Long, thì phải có thủy lưu vòng sang bên tả. Nếu không có Hổ, thì phải có thủy lưu vòng sang mé hữu mới được".

LUẬN TRIỀN HỘ CHỨNG HUYỆT

Triền hộ, giống như bậc tôn quý có nô bộc theo hầu.

"Kinh" viết :

"Hộ tòng thì đa phần trải dài đến trước mặt địa huyệt, tam trùng điệp, ngũ trùng điệp đều sẽ tạo phúc khí liên miên bất tận. Hộ tòng cũng có lớn có nhỏ, lớn hay nhỏ phải tùy theo Long dài hay ngắn mà biến hóa".



Hình 2-79, 2-80

"Hắc Nang Kinh" viết :

"Bên ngoài Chân Huyệt phải có sơn mạch bao bọc, địa huyệt có bao bọc mới không bị phá".

Cát Khê viết :

"Phàm địa có Tam Luân cần phải dựa vào sơn để xác định. Huyệt của Tổng Sơn Đoản ở trong, Huyệt của Tổng Sơn Trường ở tận đầu, Huyệt của Tổng Sơn thiên lệch ở nơi nghiêng lệch".

LUẬN CHIÊN THẦN CHỨNG HUYỆT

Chiên thần là dư khí của huyệt phát lộ ra, nhiều thì gọi là Chiên, nhỏ thì gọi là Thần, trông vuông vức hoặc tròn trặn. Kết huyệt ở đây thì đúng là chân huyệt. Đây là cát địa do tạo hóa sản sinh, tự nhiên cảm ứng mà có.

(Hình 2-81, 2-82)

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-81
Kiểu Cao Sơn



Hình 2-82 :
Kiểu Bình Địa

Họ Bốc viết :

"Chỗ kết huyệt phải có chăn, có đệm".

Dương công viết :

"Chỗ quý Long tọa lạc sẽ có chăn, có đệm; huyệt có chăn có đệm là cục thế phú quý. Làm thế nào để biết có chăn có đệm ? Phía dưới huyệt có chỗ đất phẳng như để vái chào quý nhân, lại giống như đàn tế của tăng nhân đạo sĩ. Chân Long trải dài đến trước huyệt thì có chăn, cũng có đệm, dù là chi Long cũng sẽ phú quý".

LUẬN PHÂN HỢP CHỨNG HUYỆT

Phàm khi điểm huyệt trước hết phải coi chữ "Bát" ( ) lớn, chữ "Bát" nhỏ, hai bên còn có Hà Thuần Thuỷ, đem khí mạch tống tiễn xuống phía dưới, giao hội ở ngã ba, nhất định sẽ có khai khẩu. Lại còn phải nhận rõ thượng phân và hạ hợp là thế nào. Nếu bên dưới có hợp, bên trên có phân, âm và dương giao độ, thì là chân huyệt. Nếu trên có phân, dưới lại không có hợp, thì là giả huyệt. Có ba kiểu phân hợp : Thứ nhất gọi là cầu chiêm thủy : từ trên phân khai, xuống dưới tương hợp; thứ hai, gọi là tiểu bát tự thủy; thứ ba gọi là đại bát tự thủy. Cả hai đều trên phải khai dưới tương hợp. Cho nên nói dùng phân hợp để chứng huyệt là đích đáng nhất.

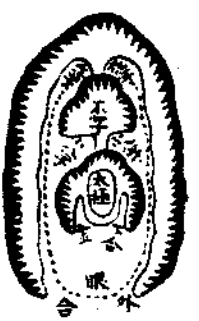
(Hình 2-83, 2-84)

"Thần Bảo Kinh" viết :

"Tam hợp tam phân, có thể thấy được đạo lý lấy thổ làm huyệt, lấy kim làm thừa; hai mảnh hai cánh, có thể thấy tình ý tương thủy tương ấn".



Hình 2-83 :
Kiểu Phân Hợp



Hình 2-84 :
Kiểu Bát Tự
(chữ Bát)

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

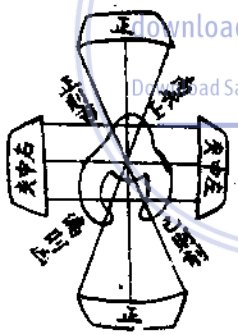
LUẬN THẬP ĐẠO THIÊN TÂM CHỨNG HUYỆT

Thập đạo thiên tâm là nói tiền, hậu, tả, hữu và thiên tứ ứng (thập đạo = đường chữ thập). Nói đến huyệt pháp, phía sau có Cái sơn, phía trước có Chiếu sơn, hai bên tả hữu có Giáp nhĩ sơn; tứ ứng đăng phong là Cái, Chiếu, Củng, Giáp. Khi điểm huyệt phải thẩm tra kỹ để định huyệt đúng phương vị, không được thiên lệch một chút xíu, phải đúng vuông góc như chữ thập, mới là chân huyệt.

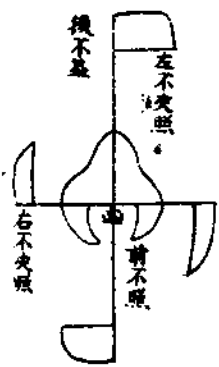
(Hình 2,85, 2-86)

"Trác Bảo Tập" viết :

"Ở chỗ chân mạch đã tiết lộ nhiều thiên cơ, khi điểm huyệt phải lấy sơn phong (ngọn núi) hình chữ thập làm chứng cứ".



Hình 2-85 : Kiểu Thập Đạo Cát



Hình 2-86 : Kiểu Thập Đạo Bất Cát

XÚ HUYỆT TỔNG LUẬN

Nói đến xú huyệt là có ý nghĩa gì ? Xú huyệt tức là những thứ thô lậu, hiểm ác, sơn thế của chúng to cao thô kệch, lộ rõ vẻ hung ác, đá trên núi cũng to lớn kềnh càng, chứ không nhu hòa, nhỏ nhắn, linh xảo.

Sơn thế hiểm yếu, dựng đứng, gấp gáp, không thể đặt chân đứng vững, tinh thần ở đó cũng phù thũng, thô lậu cho nên không thể có oa kiểm (thế lõm, thế kẹt). Long khí bị hư hao, hư không, yếu ớt, do đó dễ bị thương tổn, hao phí. Rồi những chỗ lõm khuyết, lõm hăm cũng xấu như vậy.

"Phú" viết :

"Trong sơn cốc, phải tránh gió mới được".

Sái Sơn Tây viết :

"Không chỉnh tề là sự khuyết hãm của thiên địa".

Liêu công viết :

"Sơn thế gầy yếu, sơn thạch nhọn hoắt đột nhiên lộ liễu, địa huyệt không thể tàng tụ Long khí, mà để gió thổi tản mát".

"Khôn Giám" viết :

"Long mạch thấp bình, nếu không khai trướng thì gọi là Cô Long, chỉ hợp cho việc dựng trên đó am miếu để ông già học Phật pháp và tham thiền".

Ngô công viết :

"Long nếu không khai trướng, mà lộ rõ vẻ cô đơn, thì dù có vươn thẳng lên mây cũng vô tích sự. Nếu quả thực muốn tìm một địa huyệt cô đơn, ngoại lộ, thì chỉ là để tới đó tu hành và tham thiền mà thôi, những đỉnh núi cao chơi vơi, lạnh lẽo, cô độc thích hợp cho việc này".

Dương công viết :

"Sơn mạch của quý Long trùng trùng, xuất trướng nhập trướng".

Ngạn ngữ nói :

"Đất đẹp giống như thiếu nữ khuê các sống trong phòng kín".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Loại địa thế đột khởi trên bình địa, bốn bề không có hộ tòng, thì sao ?

Dương công viết :

"Bình dương thì không sợ phong xuy (gió thổi) bốn phương tám hướng. Còn nếu phá diện, nghĩa là trên đầu, trên mặt, bị người ta đào khoét lấy đi đất, đá, nham nhở thì gọi là tinh thần bị phá phách".

"Minh Tinh Kinh" viết :

"Đào khoét đất đá, động tới sơn mạch, làm cho thần nhân kinh sợ, Long mạch đứt đoạn, tinh khí tiết lộ, bị hàn khí ngoại giới thâm nhập làm thương tổn đến chân khí. Theo lý, không được mai táng ở những chỗ như vậy".

Liêu công viết :

"Nếu đào khoét đất đá, phá vỡ hình tròn Thái cực, nước sẽ xâm thực hủy hoại quan tài. Đào khoét nham nham nhở nhở, cây cỏ thảo mộc không mọc được, đất đá như bị sẹo lỗ chỗ, mặt mũi thô kệch là xấu".

Tử Vi viết :

"An táng ở những chỗ như vậy thì tinh khí không tụ được, con cháu sẽ suy bại, gia nghiệp tan tành, nhân đinh giảm thiểu".

Lại viết :

"Sơn thế bốn bề cao lớn, địa huyệt cũng cường tráng, cỏ thụ sừng sững. Hàm răng của Thanh Long, Bạch Hổ giao thoa, bên trong âm u, u tối, sơn không có chính huyệt, bất đắc dĩ mới lập huyệt".

Đồng công viết :

"Có địa thế trông như đầu mũi giáo, nhọn hoắt, hoặc trông như đuôi chuột, đều chớ an táng".

Có những chỗ địa thế trông như da trâu, vảy cá, sần sùi thô lỗ, có chỗ địa huyệt sơn hình cứng nhắc, không linh hoạt, thô lậu, gấp gáp, ương ngạnh, tranh giành, đều là nguy hiểm đáng sợ.

"Táng Kinh" viết :

"Tinh khí tụ kết ở trên cao, không thể hạ táng".

Những thứ vừa kể trên đều là xú huyệt. Người thông minh, hiểu xa trông rộng, không cần xem trên bản đồ, cũng có thể lĩnh hội.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN QUÁI HUYỆT

Quái huyệt là địa huyệt kỳ dị, kỳ quặc. Giống như người bỏ vợ bỏ con, thiếu nữ khuê các có giáo huấn mà không ngoan v.v... Cái gọi là kỳ dị trong phong thủy còn kỳ quặc hơn thế, địa thế có khéo, có vụng. "Khéo" là hình dáng đẹp đẽ mà lại kỳ dị, vị trí của nó khiến người ta còn hồ nghi. "Vụng" là hình dáng xấu xí, khiến người ta không dám cắm huyệt.

Ngạn ngữ viết :

"Kỳ quái cũng có muôn hình ngàn vẻ, khó ai đoán biết".

Nhưng về đại thể, nếu thấy Long là chân, không giả, thì mới hạ thiên, định huyệt. Còn nếu chưa hiểu rõ tính tình của sơn mạch, hà lưu, chưa biết khí mạch tụ hay tán, thì cũng chớ tùy tiện phát ngôn để ảnh hưởng tới người khác.

Cổ ngữ nói :

"Dùng được mà sai, chỉ hại một mạng người. Hành thuật phong thủy mà sai, gây họa cho cả một gia đình người ta".

Đủ thấy việc này quan hệ rất lớn, không nên tùy tiện nói cho người khác biết. Nghiêm Bá Siêu nói :

"Xưa nay địa thế tốt xấu là thiên cơ, bí mật, không thể nói cho người phàm tục hay biết".

Họ Trần viết :

"Tinh khí đại địa tạo nên địa huyệt, không cần phong thủy sư cũng có thể nhận biết, vì nó tạo nên đô thị, thành quách. Nhưng nếu thổ địa tạo nên địa huyệt quái dị, thì chỉ thánh nhân mới hiểu được mà thôi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Bởi vậy, chúng tôi liệt kê dưới đây các hình dạng quái huyệt, độc giả hãy căn cứ ý kiến người xưa vừa thuật mà tham khảo. Đương nhiên, còn nhiều loại quái huyệt khác nữa, người thông minh có thể xét đoán lấy. (Hình 2-87 - Hình 2-129).

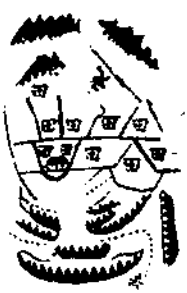


Hình 2-87 :
Thiên Xảo huyệt

Hình 2-87 là tổ địa của Thừa tướng Tăng Lương, phủ Tuyền Châu. Đất này có gì là xảo địa ? Chân huyệt nằm cao trên đỉnh của vạn sơn, đó là Thiên Xảo huyệt, đương nhiên có thể hạ táng.

Tử Vi viết :

"Thiên Xảo huyệt là huyệt tốt nhất, vị trí của nó ở trên cao nhất, người tầm thường khi thấy nó thì trong lòng kinh hãi, dễ dàng bỏ qua. Họ chỉ biết chân huyệt ở trên cao khó bề hạ huyệt. Sơn đỉnh của Thiên Xảo có Thanh Long, Bạch Hổ, từ đây đứng nhìn các ngọn núi xung quanh thì thấy chúng đều thấp bé. Khi tiến vào huyệt thì giống như đi giữa tầng không, nhìn ra bốn phía có thể bao quát địa hình trong phạm vi hơn trăm dặm. Địa huyệt này chủ sinh ra thần đồng và trạng nguyên, con cháu đời sau đại phú đại quí".



Hình 2-88 :
Một Nê huyệt

Một Nê huyệt - tổ địa của Vương Khải huyện Vĩnh Khang. Địa huyệt nằm thấp dưới rộng sâu.

Dương công viết :

"Khi Long mạch tới Bình Dương thì không cần xem hành tung của nó mà chỉ cần xem có thủy bao bọc thì đó chính là Chân Long".

Liêu công viết :

"Long mạch giống như con rùa lẩn trốn, tông tích ẩn hiện trong rộng sâu, chỉ cần có thủy bao bọc thì là Chân Long".



Hình 2-89 :
Thiên Phong huyệt

Thiên Phong huyệt - tổ địa của Trình Thị lang, Vi Châu. Chân huyệt Cô độc lộ ra, bốn phía trống trải, gió thổi tới. Nhưng khi gió vừa tới địa huyệt bèn ẩn tàng lại.

Liêu công viết :

"Chân địa huyệt tọa lạc nơi đất trống, chuyển qua mặt đầu, cách triều sơn khá xa, nhưng không sợ gió từ bốn phương tám hướng thổi tới".



Hình 2-90 :
Thủy Trực huyệt

Hình 2-90 - Thủy Trực huyệt, đất của Cửu công tử, huyện Thăng. Hai con sông chảy thẳng, nhưng khi tới cạnh Chân huyệt thì tự dựa sát vào sơn mạch.

Dương công viết :

"Dương mỗ từng thấy huyệt địa giống hình ngọn thương, có hai con sông kẹp bên sườn".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Kinh" viết :

"Hà lưu kẹp chặt hai bên sườn, gọi là Quỉ Kiếp".



Hình 2-91 :
Uông Dương huyệt

Chân huyệt kết tụ chính giữa hồ, nước hồ mênh mông bao bọc.

Tử Vi viết :

"Phải biết được chỗ xảo diệu của thủy, Long mạch nằm giữa sông nước, khi ẩn tàng lúc hiển hiện. Tìm được Long mạch rồi lại không biết Chân huyệt nằm ở đâu, có ai ngờ rằng nó nằm chính giữa thủy !"



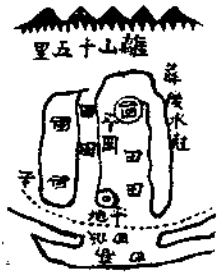
Hình 2-92 :
Thạch Lý huyệt

Hình 2-92 - Thạch Lý huyệt, tổ địa của trạng nguyên Mao Toán, huyện Tiền Đường. Chân huyệt đã kết tụ trong sơn thạch, phải tách khe đá ra mới có thể thấy thổ mạch.

Tử Vi viết :

"Cũng có sơn thạch, khắp nơi đều có đá tảng, tìm mãi cũng không có một chút dấu đất nào, khó bề kiếm ra chân huyệt. Nơi đây không hợp với chân mạch của Long, song không thể bỏ qua".

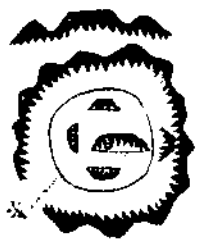
Hình 2-93 - Tuyền Càn huyệt, tổ địa của Tiết Ứng Kì, huyện Giang Ấm. Loại Chân huyệt này bên dưới là Tuyền Nhãn, sau khi hạ táng, nước suối lại cạn khô.



Hình 2-93 :
Tuyền Càn huyệt

Tây Sơn viết :

"Tuyền (suối) có nhiều loại, Lễ Tuyền ôn hòa nhất, đây là Tuyền Thủy thịnh vượng, tinh khí tập trung".

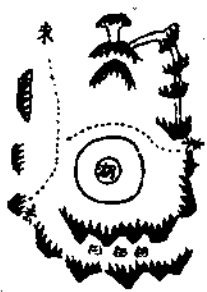


Hình 2-94 :
Thủy Thiên huyệt

Hình 2-94 - Thủy Thiên huyệt, tổ địa của trạng nguyên Tạ Thiên, huyện Dư Diên. Loại địa hình này nằm sát bên hà lưu, sau khi hạ táng, thủy thành sẽ dịch chuyển.

Bốc công viết :

"An lăng mộ tại Thiên Cốc thì sẽ biến thiên".



Hình 2-95 :
Hồ Tân huyệt

Hình 2-95 - Hồ Tân huyệt, tổ địa của bảng nhãn Lục Đại Lâm, huyện Hội Dư. Chân huyệt này dựa sát vào bờ hồ, đến mùa Thu, Đông mới lộ ra.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Dương công viết :

"Dương mỗ cũng từng thấy Chân huyệt ở sát mép nước. Thường nhân thấy thế xong thì nói trong đó không có tinh khí ẩn tàng".



Hình 2-96

Hình 2-96 - Tổ địa của Phủ quân Phương Lương Thự. Địa huyệt này nằm trong Điền Đạc, mùa Xuân, Hạ hà thủy giao lưu.

Dương công viết :

"Khi ở Bình địa, địa thế cao một tấc thì là sơn, mà thấp một tấc thì là Thủy".



Hình 2-97 :
Bồi Thổ huyệt

Hình 2-97 - Bồi Thổ huyệt. Chân huyệt kết tụ trên mặt đất, gọi là Bồi Thổ táng. Tinh khí nổi lên trên, không thích hợp cho việc hạ táng sâu, phải mai táng trên gò đất.

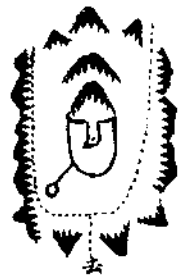


Hình 2-98 :
Thạch Hạ huyệt

Hình 2-98 - Thạch Hạ huyệt. Chân huyệt tọa lạc giữa khe đá, có tinh khí của đại địa lưu thông đến đó.

Liêu công viết :

"Nếu là đá cuội thì đừng hoài nghi, có thể đem huyệt an tại nơi khe đá, thổ huyệt thật là quí giá vô cùng".



Hình 2-99 :
Chân Lưu huyệt

Hình 2-99 - Chân Lưu huyệt.

"Phú" viết :

"Hà lưu chạy thẳng kẹp hai bên huyệt rồi chuyển mình, uốn lượn bao bọc huyệt địa, sản sinh ra công hầu quí nhân".



Hình 2-100 :
Tà Phi huyệt

Hình 2-100 - Tà Phi huyệt. Địa hình có Tà Sa phi vũ, phía dưới và đằng sau có núi bao bọc.

Dương công viết :

"Có Sa giống như dao, tựa như kiếm, thuận theo hà lưu bay lượn. Thầy địa lý thế tục sẽ phán đoán loại địa thế này sẽ dẫn người ta ly tổ xa quê, nhưng đâu có biết ở trong có chân Long".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-101 :
Bình Dương huyệt

Hình 2-101 - Bình Dương huyệt. Địa huyệt không ẩn tàng, mà bỗng nổi lên trên Bình Dương.

Vân Tiết viết :

"Bình Dương huyệt không sợ gió từ bốn phương thổi tới".



Hình 2-102 :
Đất tổ của
họ Thạch, huyện
Tân Xương

Hình 2-102 - Địa huyệt có nhiều dư khí của Chân Long, cách xa sơn ở xung quanh mấy chục dặm.

Ngô công viết :

"Nếu dư khí của Chân Long không kéo dài mấy chục dặm thì nhất định sẽ không sinh ra huyệt địa của vương hầu khanh tướng".



Hình 2-103 :
Tọa Không huyệt,
đất tổ của
Công thần
Lưu Nhan

Hình 2-103 - Tọa Không huyệt. Chân huyệt này tọa lạc nơi trống trải, nhưng chỉ cần bên cạnh có sông nước chảy qua thì không sợ gió từ khắp nơi thổi tới.

Liêu công viết :

"Long huyệt ở nơi trống trải, Triều sơn ở rất xa nhưng không sợ gió bốn phương tám hướng thổi tới".



Hình 2-104 :
Đất tổ của
Tiến sĩ Hoàng

Hình 2-104 - Trước mặt địa huyệt, địa thế thấp, bằng phẳng, nhưng nếu quay đầu trông về tổ sơn, thì cát.

Bốc công viết :

"Nếu sơn thế là Chân Long ngoảnh đầu nhìn về tổ tiên, thì địa huyệt sẽ sản sinh quí nhân".



Hình 2-105 :
Hợp Khí huyệt

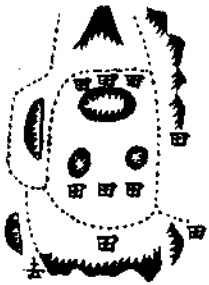
Hình 2-105 - Hợp Khí huyệt - đất tổ của trạng nguyên Tần, huyện Lâm Hải. Hai Long mạch của nó cùng đến một lúc.

"Kinh" viết :

"Lại có Long mạch do tinh khí của hai Long hợp lại, hai dòng sông, ba tòa núi hợp thành một trường địa huyệt".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-106 :
Thoát Long huyệt

Hình 2-106 - Thoát Long huyệt - đất tổ của trạng nguyên Vương, huyện Dư Diên.

"Quyết" viết :

"Long mạch xuyên qua Điền địa, vượt qua Hà lưu, để lại vết tích của nó, Thạch cốt chợt lộ ra thì đó là Long mạch, nó rất kỳ dị xảo diệu, phải lưu ý quan sát kỹ Long cách".



Hình 2-107 :
Nhũ Trường huyệt

Hình 2-107 - Nhũ Trường huyệt - đất tổ của họ Trần, huyện Tân Xương. Địa huyệt dù xấu xa, kỳ dị, thô kệch cũng không nên bỏ qua xem thường. Nhũ Trường huyệt là huyệt địa có Nhũ đá thẳng lại dài, hai bên tả hữu không có gì ngăn trở.

Dương công viết :

"Tham Lang và Liêm Trinh đều biểu lộ hình dáng răng lược, hai bên tả hữu cũng không có gì ngăn trở, trên trường Chi cũng có Chân huyệt mà không có ai hạ táng, hơn nữa họ còn cho rằng không có Thanh Long và Bạch Hổ hộ vệ, có ai ngờ rằng sau khi hạ huyệt lại sản sinh ra công hầu khanh tướng ?"



Hình 2-108 :
Thiên Trắc huyệt

Hình 2-108 - Thiên Trắc huyệt - đất tổ của tiến sĩ họ Ngô, huyện Tiền Đường. Địa huyệt phần đầu nghiêng lệch.

Lịch công viết :

"Trong thế nhân phàm tục kẻ bàn luận thiên địa rất nhiều, trái lại đều không biết vận dụng quật địa, làm sao mà biết nó ra sao ? Phần đông họ thường mai táng ở chính diện mà chưa từng định huyệt trên sườn nghiêng dốc. Họ làm sao nhận thức được chỗ kỳ dị huyền diệu của chân chính huyệt".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 2-109 :
Phong Diệp huyệt

Hình 2-109 - Phong Diệp huyệt. Bên dưới địa huyệt sinh ra địa thế nhọn hẹp, tựa chiếc lá cây phong, hình chĩa ba.

Cổ ngữ nói :

"Nếu là chĩa ba Kim tinh thì nên hạ thiên trên đầu".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-110 :
Ngọc Cân huyệt

Hình 2-110 - Ngọc Cân huyệt - đất tổ họ Trương, huyện Đức Hưng. Phía sau địa huyệt trống trải. Địa thế này thực ra chính là Dương trung Âm biến kiêm hợp.



Hình 2-111 :
Phác Tí huyệt

Hình 2-111 - Phác Tí huyệt. Chủy bộ trước địa huyệt vừa thẳng vừa dài, chìa hai tay ra ôm ấp.

"Phú" viết :

"Nếu Thổ có thừa cần bớt thì bớt, nếu sơn không đủ cần bồi thì bồi".



Hình 2-112 :
Kim Kiển huyệt

Hình 2-112 - Kim Kiển huyệt.

Trước mặt địa huyệt là ngòi sâu, đây chính là kim kiển với ngân tào. Địa thế này kỳ thực chính là Âm trung Dương biến Chính Kiêm, hai tay duỗi ra rất dài.

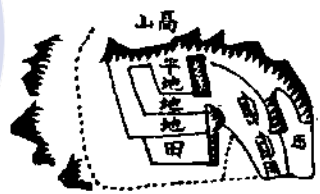


Hình 2-113 :
Hạc Trảo huyệt

Hình 2-113 - Hạc Trảo huyệt. Địa huyệt xấu xí trông tựa móng chân hạc. Chợt lộ ra ngoài.

Dương công viết :

"Lộc Tồn và Đối Lộc đều không có dị huyệt, khi dị huyệt kết tụ thì giống như móng hạc vậy. Hình dạng của Hạc Trảo là hai bên ngắn, nhỏ. Một bên chân ôm tự nhiên lấy chính thân".



Hình 2-114 :
Ngưu Bì huyệt

Hình 2-114 - Ngưu Bì huyệt. Huyệt trải ra trên bình địa.

Dương công viết :

"Long mạch tản mác có hình dạng giống da trâu, rất xấu xí nhưng lại khiến cho người ta phát đạt, phú quí song toàn".



Hình 2-115 :
Chiết Tí huyệt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-115 - Chiết Tí huyệt. Có địa huyệt thiếu mất một cánh tay.

Dương công viết :

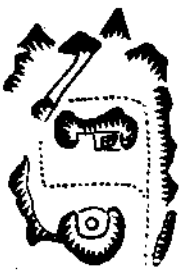
"Có địa huyệt tay trái dài, tay phải ngắn và ngược lại. Người thường không biết rằng huyệt địa này sẽ sản sinh ra người hiền lương".

Tử Vi viết :

"Có địa huyệt có tay dài và tay ngắn, không có Nhũ cũng không có Đột, không biết nên hạ thiên ở đâu. Huyệt này gọi là Long Thúc (Long co rút lại) nên tìm kiếm ở nơi co rút, tinh khí ẩn tàng trong đó. Chân huyệt ở bên tả hay bên hữu đều như vậy, nhất định sẽ có ngoại sơn làm Thanh Long, Bạch Hổ".

Phạm công viết :

"Thủy chảy từ hữu biên lại, cũng có thể không có sa tả biên; thủy từ tả biên chảy lại, cũng có thể không có sa hữu biên".



Hình 2-116 :
Đà Quan
Tử Thủy huyệt

Hình 2-116 - Lại có huyệt địa thoạt nhìn hình thế rất xấu, nhưng nếu quan sát kỹ thì lại có Thái cực đồ nằm trong.

Dương công viết :

"Loại địa thế này, nếu bị khuyết phạm vào vòng tròn Thái cực đồ, thì thủy sẽ xói mòn phần mộ, phá hoại quan tài".



Hình 2-117 :
Đà Tinh huyệt

Hình 2-117 - Lại có quái huyệt trông tựa cây thương, nhưng chỉ cần Triền sơn và Hộ sơn trải dài thì là cát địa.

Dương công viết :

"Phàm những ngọn núi nhọn như mũi thương thì cần có ngoại sơn bao bọc, bằng không sẽ phát sinh tai họa. Ngoại sơn bao bọc tầng tầng lớp lớp, huyệt tựa cây trường thương, hai bên đều có tua ngà, dù nhọn cũng không đáng sợ. Sơn thế hùng dũng tiến tới, khí thế khó bề dừng lại được, do vậy mà tạo thành mũi nhọn, cũng tới kết huyệt. Điều chính yếu là núi trước mặt nó phải bao bọc cho đến khi tới trước huyệt, con cháu sẽ đời đời làm quan".



Hình 2-118 :
Ngưỡng Ngôa huyệt

Hình 2-118 - Ngưỡng Ngôa huyệt.

Liêu công viết :

"Hoành Long kết huyệt nhất định phải có quỉ sơn, Lạc sơn phải đứng sát phía sau".



Hình 2-119 :
Phản Chưởng huyệt

Hình 2-119 - Phản Chưởng huyệt. Loại huyệt địa này trông tựa lòng bàn tay để ngửa.

Dương công viết :

"Hình dạng chân huyệt tựa như bàn tay để ngửa, song lòng bàn tay tương đối bằng phẳng".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-120 :
Hiểm Bí huyệt

Hình 2-120 - Hiểm Bí huyệt.
Huyệt của Mộc tinh thế đến vươn cao tựa phải táng trên đốt sống của nó.

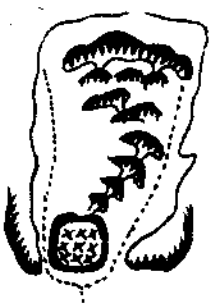


Hình 2-121 :
Bổ Bích huyệt

Hình 2-121 - Bổ Bích huyệt.
Địa huyệt giống như con bướm đang lao đầu vào tường, quan sát kỹ không có nhiều chỗ nhô cao.

Ngạn ngữ viết :

"Phải an huyệt ở trong Đột, đây chính làcầu cái tinh tế trong cái thô kệch".



Hình 2-122 :
Đăng Oa huyệt

Hình 2-122 - Đăng Oa huyệt.
Hình dạng địa huyệt trông tựa như ngọn đèn treo trên tường, chỉ thấy Đột hơi ngửa lên trên, trong gấp có hoàn, tinh khí kết tụ tại nơi ngửa lên cao, đây chính là huyệt thiên diệu.



Hình 2-123 :
Đấu Phủ huyệt

Hình 2-123 - Đấu Phủ huyệt.
Hình dạng huyệt trông tựa cái rìu.

"Kinh" viết :

"Nếu chỉ biết huyệt mà không biết quái huyệt, chỉ thích sơn mạch ôm ấp bao bọc, hộ vệ hai bên, thì dù có hạ táng, phần lớn cũng chỉ là hạ táng trong Hư Hoa (hoa đực). Tả hữu của Hư Hoa tựa hồ có tình, nhưng nếu xét kỹ trái lại không phải là chính hình; hư hoa tác huyệt hay diệu xảo, trái lại không phải là chân huyệt thực tốt".



Hình 2-124 :
Bản huyệt

Hình 2-124 - Bản huyệt.
Quái huyệt này lõm xuống, Lạc Sơn nhô cao.

Tử Vi viết :

"Cũng có huyệt địa lõm xuống, hai vai nhô cao, đối diện với chủ sơn, cúi đầu sát đất; Nhũ đầu lại sinh đối với nơi lõm, hạ táng ở đây thì cát".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-125 :
Vô Đối Sơn huyệt

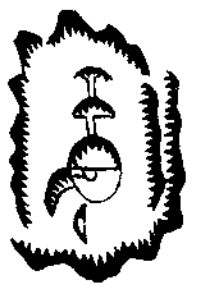
Huyệt loại này không có Án Sơn, các dòng chảy đều hội tụ tại đây.

Dương công viết :

"Cũng có Chân huyệt không có Triều sơn, chỉ thấy các hà lưu đều hội tụ ở trong, Hồ nước mênh mông nằm ngoài Minh Đường, như cùng ôm ấp lấy huyệt".

Bốc công viết :

"Nếu Tiền sơn tạp loạn vô chương thì phải tìm kiếm hồ, ao tích nước".



Hình 2-126 :
Vô Long Hổ huyệt

Hình 2-126 - Vô Long Hổ huyệt, đất tổ của Trình thị lang, huyện Hứa Ninh.



Hình 2-127 :
Đột Khởi huyệt

Long mạch đến tận cùng bỗng dựng đứng, cao vượt lên, nên tìm Chân huyệt ở giữa mạch.

Bốc công viết :

"Ở nơi bình địa mà có Đột Khởi, huyệt mới là kỳ tích".



Hình 2-128 :
Trảm Quan huyệt

Địa huyệt cắt rời Long mạch ra, gọi là Trảm Quan huyệt (Hình 2-128).

"Kinh" viết :

"Giả Trảm Quan huyệt hình dạng khác xa với Chân Trảm Quan huyệt. Kinh Quốc, Đan Dồ có hậu sơn, thông thường có vân khí kết tụ ở giữa. Chỗ gấp khúc có một địa huyệt, chính bị Lưu Kiều chém một chỗ".



Hình 2-129 :
Kỳ Long huyệt

Loại huyệt này ở trên sống lưng Chân Long, phú quí vô cùng.

Liêu công viết :

"Kỳ Long phải ở trên sống lưng của Long, nơi Long dừng bước, phú quí vô địch".

"Ca" viết :

"Ba mươi sáu loại Phi Long huyệt, nếu không phải thần tiên thì khó phân biệt. Thủy phân thành hình chữ "Bát" ( ), phân lưu ra hai

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

bên. Hơn nữa địa huyệt phía trước rất bằng phẳng, không có Long, không có Hổ, cũng chẳng có Minh Đường, thủy lưu chạy về phía trước đến mấy dặm. Huyền vũ tuy rất đoan chính, tinh khí lại giao thoa, phong thủy sư tầm thường ai dám bình luận lung tung. Tinh khí của chân Long thịnh vượng, khó bề ngăn giữ, sau khi kết huyệt, khí còn muốn tràn lên phía trước, hộ vệ hai bên thân Long, Triều sơn, Án sơn cũng rất đoan chính, trang nghiêm; bốn phương tám hướng đều hội tụ ở đằng trước, thì khỏi cần có hỏi ngoại dương hay không, chỉ cần xem hàng rào vây quanh và giáp hộ là đủ. Hộ Long và Hộ Thủy ở hai bên tả hữu quay đầu giao kết xung quanh chính Long, có khi trông như lưng rùa, có khi trông như lưng ngựa, hoặc như mình hạc, như phượng hoàng ngự ấn, thanh long nhả châu, thiên mã ngẩng đầu, xà hành quá lộ (rắn bò qua đường). Bất kể Án sơn là nhọn hay tròn, dàn ngang hoặc thẳng đứng, chỉ cần tìm xem Chân Long trụ ở chỗ nào, xem nó có hợp thành chữ "Thập" ( ) với thiên tâm hay không. Địa huyệt có khi nằm trên bình dương, có khi nằm trên hà lưu, thủy hồ, có khi ở lưng chừng ngọn núi cao lớn, có khi sơn mạch trùng trùng điệp điệp vây quanh, có khi thủy cục dài tới hàng chục vạn trượng. Chỉ có thần tiên mới thấy được qui mô lớn đến thế, tự nhiên dựa vào một thủy hồ mà đoán định hàng mấy trăm thủy hồ, vận dụng trí tuệ và đôi mắt mà xác lập được chính huyệt, đâu cần tới sa đồ.

Chẳng có địa hình nào là kỳ quái : tả hữu hai bên bảo hộ chặt chẽ, thủy lưu tuy chảy dài về trước ba trăm dặm, nhưng hình uốn khúc chữ "Chi" chữ "Huyền" trái lại có quan hệ chặt chẽ.

Kỳ Long huyệt (Hình 2-129) là một dạng quái huyệt. Chỗ xảo diệu ở phía trước và phía sau đều căn cứ vào cách quan sát hình dáng, diện mạo của hai phía đó mà thấy. Bất kể sơn mạch là thiên trùng hay vạn tụ, bậc cao minh đều hiểu ra đạo lý, biết rõ cát hung, họa phúc. Nếu biết định Kỳ Long huyệt, thì các đời sau con cháu đầy đàn, ân đức được hưởng không phải nhỏ, đời đời đại phú đại quí, làm đến bậc khanh, tướng, công, hầu".

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN NGŨ TINH THỐN KIM HUYỆT PHÁP

(Hình 2-130 - Hình 2-184)

Thốn kim huyệt, tức là kết huyệt không sai một phân, một tấc (thốn = tấc). Vì ở phần trên đã nói không thể kết huyệt phía trước Hỏa tinh, nên dưới đây sẽ không bàn nữa.

Phàm điểm huyệt, phải nắm vững oa, kiểm, nhũ, đột, tứ ứng tương chiếu, âm dương giao hỗ biến hóa, thủy cục tụ kết, sa pháp có tình, giới hạn phân minh.

Họ Tạ viết :

"Dù là một ngàn cây Nam mộc hay vài cây Nam mộc, thì đạo lý của chúng cũng như nhau. Đạo lý âm dương thuận nghịch không mấy người hay biết. Ý như không mấy ai biết làm cho một con ngựa gỗ biết đi. Trông thủy lưu hình chữ thập thì rõ, nhưng chảy đến ngã ba sông thì mấy ai biết xác định, bên sáng bên tối là thế nào ? Từ xưa đến nay các bậc tiên sư đều nói giống nhau ?"



Hình 2-130 : Kim Tinh

Chính diện của Thái Âm thấy có Huyền tuyến uốn cong, ở giữa tự nhiên có oa sinh ra (Hình 2-130).



Hình 2-131 : Kim Tinh

Chính diện Thái Dương, phải xem Huyền tuyến dựng thẳng đứng. Chính khí và địa huyệt giống Thái Âm (Hình 2-131).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-132 : Kim Tinh

Còn có loại khí Chân Kim, giữa sơn thể tất phải có gò đất nổi lên (Hình 2-132).



Hình 2-133 : Kim Tinh

Nếu như thấy khí của Kim tinh giáng xuống sơn oa, khí oa không tròn trặn thì sẽ có chiếm khí kéo lại (Hình 2-133).



Hình 2-134

Nếu là Thủy oa huyệt của Kim tinh tất cần oa nông, đầy đặn, ngay ngắn mới có thể hạ huyệt (Hình 2-134).



Hình 2-135

Nhũ huyệt khai Oa thì đâu là địa huyệt ? Nên biết sườn núi gấp gáp lao về phía chủ phong thì đó là nơi hạ huyệt (Hình 2-135).



Hình 2-136

Dựa sát dưới Nhũ thì là Thần Tinh, Kim tinh thoát ly Nhũ, dựa sát vào địa thế bình Oa (Hình 2-136).



Hình 2-137

Huyền Tuyền của Kim Tinh Kiềm Khẩu (chỗ kẹp) có góc cạnh, trên mũi nhọn là Kim tinh, trên đỉnh có Đột sinh ra. (Hình 2-137).



Hình 2-138

Hai ngọn núi tụ lại một nơi, ở giữa đẹp đẽ bằng phẳng, phải an huyệt trên Bình đài mới cát (Hình 2-138).



Hình 2-139

Như Đột khí thế gấp rút, Minh Đường phân thành Bình Xuyên, phải an huyệt nơi tinh khí kết tụ. (Hình 2-139).



Hình 2-140

Nơi an huyệt trên đỉnh núi cần có địa thế bằng phẳng ngay ngắn, nếu đỉnh núi có bình địa thì cát. (Hình 2-140).



Hình 2-141

Có thể đặt huyệt ở giữa, nơi mà Đột đựng lên. (Hình 2-141).



Hình 2-142

Kim Tinh cao vút, hai sườn cước lại là Hỏa, nếu Kiềm Khẩu bằng mà nông, có thể định huyệt ở trên cao (Hình 2-142).



Hình 2-143

Xuyên Sơn Kim giống như Xuất Sơn Kim, với Xuyên Sơn phải táng ở trên đỉnh núi, mà với Xuất Sơn thì ở nơi miệng núi. (Hình 2-143).



Hình 2-144

Nếu sơn thế giống hình cái miệng đang mở ra thì hai bên phải ngay ngắn; sơn thế nếu vừa gấp vừa uốn khúc thì phải an huyệt ở nơi bằng phẳng hòa hoãn (Hình 2-144).



Hình 2-145

Kim Tinh trên bình địa bốn mặt đều tròn trặn, nếu chỉ có một bên tròn cũng có thể định huyệt. (Hình 2-145).



Hình 2-146

Kim Tinh Tam cước nên hạ táng trên đầu, bởi vì sợ khe núi hai bên, hay sơn tào có thể rất rộng và sâu. (Hình 2-146).



Hình 2-147

Kim Tinh trắc diện nằm ngang thì mang theo Hỏa Cước, nên an huyệt ở trong, nơi dịch chuyển của mặt ngang (Hình 2-147).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



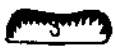
Hình 2-148

Thiên Cương Trắc Diện nằm ngang, trở mình quay đầu, thì nên an huyệt ở trong Đột (Hình 2-148).



Hình 2-149

Thân của Kim Tinh chuyển động, hình thể một cánh tay duỗi dài ra, định huyệt ở nơi chuyển động (Hình 2-149).



Hình 2-150

Nếu là Liên Kim và Đoản Thủy thì nên táng trên chỗ lõm; nếu là Cô Kim chuyển động thì nên táng ở nơi khai thủy (Hình 2-150).



Hình 2-151

Thái Dương Kim giác là Kim Tinh Trắc diện nằm ngang, ở đây vẫn phải xem sơn thế hòa hoãn hay gấp gấp, mới có thể xác định tông tích của Long mạch (Hình 2-151).



Hình 2-152

Kim Tinh hình dáng như lông mày, cần phải xem mặt ngoài của nó, nếu có góc cạnh thì cũng phân biệt cho kỹ (Hình 2-151).



Hình 2-153

Nếu Kim Tinh mở miệng (khai khẩu), tức không có Huyền lăng, tinh khí sẽ kết tụ trên góc mà không phải ở nơi trung bình. (Hình 2-153).



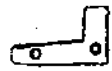
Hình 2-154 : Mộc Tinh

Mộc tinh hình chữ nhất thì có chân huyệt hình chữ nhất, bất luận là hoành (ngang) hay trực (thẳng) đều có thể hạ thiên định huyệt (Hình 2-154).



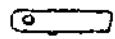
Hình 2-155

Đảo cung Mộc tinh sơn thế đến sát gần, đầu tròn trặn, hoành mộc thế nỉ thì nên an huyệt tại địa thế đầu rìu (Hình 2-155).



Hình 2-156

Mộc tinh giống như dang nổi trên mặt nước, nhưng còn phải có hình thế lộ ra ngoài, nổi cao lên mới xem là cát (Hình 2-156).



Hình 2-157

Mộc tinh có hình Đơn mộc, tựa khúc gỗ nổi trên mặt nước, nhưng trên sống lưng nhất định phải có nơi động khúc (Hình 2-157).



Hình 2-158

Phiếm Thủy Mộc tinh sinh ra trên bình địa, nhưng nhất định phải có thân thể nhọn, tròn mới xem là cát (Hình 2-158).



Hình 2-159

Hai chân của Mộc tinh giao chi dựng đứng, Huyền lăng giáp sát, trái lại không có ai nhận ra nó (Hình 2-159).



Hình 2-160

Khiêm Thiết Mộc tinh, loại chân huyệt này sợ Thủy xâm phạm (Hình 2-160).



Hình 2-161

Kim Thoa Mộc tinh hai bên uốn khúc; nên táng ở giữa, đỉnh đầu của nó đầy đặn, Huyền tuyến uốn lượn trông tựa cây cung (Hình 2-161).



Hình 2-162

Sơn đỉnh bằng phẳng ngay ngắn, Huyền lăng gấp khúc giống cây cung, nếu theo pháp định huyệt thì phú quí không gì bằng (Hình 2-162).



Hình 2-163

Quan Lam Mộc tinh thu hẹp lại tương đối chặt, nơi được gọi là Tiệt Cảnh (Hình 2-163).



Hình 2-164

Còn có Trực Mộc từ mặt nước nổi lên tối hỉ hoan quần trướng, chỉ sợ kim viên (Hình 2-164).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-165

Thủy Đầu Mộc tinh nên táng ở trên đầu, đầu cúi thấp, sơn diện thẳng đứng, sơn thể bổng chuyển ngoặt, rất cát lợi. (Hình 2-165).



Hình 2-166

Chiết Tranh Mộc tinh nên táng tại nơi uốn khúc cùng với Phiếm Thủy Mộc tinh dụng pháp như nhau (Hình 2-166).



Hình 2-167 : Thủy Tinh

Thần Tinh của Phiếm Thủy linh hoạt như con rắn, chỉ cần có Tích (sống lưng) có Huyệt thì nên khóc (Hình 2-167).



Hình 2-168 : Mộc Tinh

Nếu sơn thế của Thủy tinh nhấp nhô uốn lượn như sóng trào thì đều có thể hạ táng, nhưng chỉ e những chỗ nhấp nhô quá dài thì giống như vết lở loét. (Hình 2-168).



Hình 2-169

Huyệt của Thủy oa hai bên ngấn, chỉ cần oa không sâu, lại có Huyền lăng thì cát lợi (Hình 2-169).



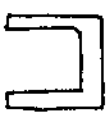
Hình 2-170

Cảnh Huyệt không ngại xuyên qua khoảng trống, bốn bề rộng rãi. (Hình 2-170).



Hình 2-171

Doạn Thủy Đầu Huyệt là kỳ dị tinh diệu nhất, hình trạng tựa như bong bóng nước mờ mờ ảo ảo. (Hình 2-171).



Hình 2-172

Thủy Cảnh Huyệt trên đất bằng phẳng trông tựa Thiên Tài, Huyền giới mờ mờ ảo ảo, cũng có thể hạ táng (Hình 2-172).



Hình 2-173

Bình Địa Thổ Tinh hình trạng tựa thổ, nếu Điện ngay ngắn bằng phẳng trên thổ thì có thể hạ táng mặt trên (Hình 2-173).



Hình 2-174

Thổ tinh tuy có Giác (góc) tốt, nhưng không thể hạ táng trên đó; nếu cả hai Giác đều chỉnh tề thì có thể an huyệt ở gần Huyền Oa (Hình 2-174).



Hình 2-175

Nếu thấy diện Kỳ bàn Thổ tinh, nếu mặt bằng phẳng dầy dặn, thì sẽ chủ đại phú đại quí (Hình 2-175).



Hình 2-176

Thổ tinh có sơn cước hình dạng như Đồ Đao, nếu huyệt ở giữa nơi uốn lượn thì khó thoát hung hiểm (Hình 2-176).



Hình 2-177

Bình Địa Thiên Tài, phần cảnh (cổ) tương đối nhỏ, ngấn linh diện, không tốt bằng Thiên Tài của sơn đỉnh (Hình 2-177).



Hình 2-178

Địa thế nếu phì mãn, cứng nhắc thì không thể hạ táng, nếu là kiểu Thổ Kim, con cháu sẽ phát đạt hưng vượng (Hình 2-178).



Hình 2-179 : Kim Tinh



Hình 2-180 : Mộc Tinh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-181 :
Thủy Tinh

Nền hạ tầng dưới Giác (góc) của Thổ Tinh. (Hình 2-182).



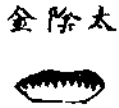
Hình 2-182 :
Thổ Tinh

Nền tảng ở chính trung của Hỏa Tinh (Hình 2-183).



Hình 2-183 :
Hỏa Tinh

Kim phải thừa hưởng được hư khí của Thái Âm. (Hình 2-184).



Hình 2-184 :
Thái Âm Kim

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

SA PHÁP

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Thiệp Viên
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Hạo Lục thị
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiên Dung thị

SA PHÁP TỔNG LUẬN

Sa là tên gọi chung của sơn ở phía trước, phía sau và hai bên tả hữu của huyệt. Sa là sơn, sơn là Sa.

"Khôn Giám" viết :

"Sơn nếu dày dặn, người cũng sẽ béo tốt; sơn nếu nhỏ bé, người cũng sẽ gầy guộc, đói kém; sơn nếu thanh tú, người cũng sẽ tôn quý; sơn nếu phá tán, người cũng sẽ bị thương; sơn nếu quần tụ, người cũng sẽ đoàn kết; sơn nếu trải dài, người cũng sẽ cương dũng; sơn nếu co rút, người cũng sẽ thấp còng; sơn nếu sáng sủa, người cũng sẽ thông đạt; sơn nếu u ám, người cũng sẽ hồ đồ; sơn nếu thuận đạt, người cũng sẽ hiếu thảo; sơn nếu nghịch chuyển, người cũng sẽ phạm thượng".

Đấy cũng là những tình huống đại thể của Sa. Những hình thế của sơn biến hóa khôn lường, không có định luật, có khi nhìn từ mé bên tả thấy vuông vức, nhìn từ mé bên hữu lại thấy tròn trịa, nhìn từ trên xuống thấy thẳng đứng, nhìn từ dưới lên lại thấy thiên lệch, nhìn chính diện thấy xấu, nhưng nhìn nghiêng lại thấy đẹp. Chỗ kỳ diệu của chúng là ở chỗ điểm huyệt như thế nào. Nếu điểm đúng chân huyệt, thì có thể biến núi xa thành gần, núi cao thành thấp, núi xấu thành đẹp, núi quay đi phải trở lại, núi nghiêng lệch thành thẳng đứng.

Tuy Sa có muôn hình vạn trạng, biến hóa di chuyển cũng rất kỳ dị, nhưng tinh túy chủ yếu là ở chỗ Long huyệt như thế nào.

Ngô công viết :

"Nếu Long huyệt là chân (thực) thì núi ở phía trước, sau, tả, hữu tự nhiên sẽ có tương ứng; nếu Long huyệt là giả, thì dù Sa ở xung quanh có đẹp đến mấy, cũng chẳng có ích gì".

"Quyết" có câu :

"Sa cũng như mỹ nữ, vô luận tôn quý hay ti tiện, đều phải phục tùng trượng phu".

"Thiên Cơ" viết :

"Long ti tiện nếu gặp Sa tôn quý, thì biến thành hung; nếu Sa tương đối ti tiện mà gặp Long tôn quý, thì Sa cũng không coi là hung".

Họ Bốc viết :

"Có văn bút biến thành họa bút, có sát đao biến thành nha đao. Bởi vì Long huyệt ở trước, Sa ở đằng sau, mà bản thân Sa vốn phụ thuộc vào sự quý tiện của Long mà biến đổi, quan hệ với họa, phúc của Long cũng rất mật thiết".

Hà Mặc Vân nói :

"Chỉ cần để tiền Sa chặn trước mộ cũ, là họa hay phúc sẽ ứng nghiệm như thần".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Thiên Cơ" viết :

"Long nếu là thượng cách, còn Sa là hạ cách, thì dù tôn quý cũng chẳng có giá trị gì. Tác dụng của Sa như vậy, làm sao dám coi nhẹ".

Sa chỉ cần đừng quá nhọn, mà tròn, vuông, ngay ngắn thì sẽ cát lợi; còn bị phá vỡ, nghiêng, lệch thì là hung hiểm. Sa tú mỹ, sáng sủa, hữu tình là cát lợi; Sa rối loạn, xú ác, vô tình là hung hiểm. Nhưng nhất thiết phải là sơn ở ngay trước huyệt, chứ sơn ở tít đằng xa thì không theo quy tắc ấy. Nếu dùng hình ảnh so sánh, thì Sa như quý nhân, văn bút, kim tương, ngọc ấn... là cát lợi, còn như lưỡi dao, cây giáo là hung hiểm.



Hình 2-186 : Ngoại Sơn Long Hổ

"Thiên Cơ" viết :

"Sắp xếp Sa vào ba dạng phú, quý, tiện. Sa hình dáng đầy đặn, tròn trặn, vuông vức, vuông vức là phú, thanh cao, kỳ dị, tú mỹ là quý, còn nghiêng lệch, méo mó, nham nhở là tiện".



Hình 2-187 - 2-188 : Tấu Hợp Long Hổ

Những luận thuyết trên chỉ là đại khái, chưa đề cập đến chỗ tinh vi của Sa. Chúng tôi sưu tập trong thư tịch các kiểu Sa để các vị tham khảo, đàm luận cho sáng tỏ đạo lý bao hàm bên trong, tuy vị tất đã ứng nghiệm, nhưng cũng là những kiến thức nhập môn về Sa pháp, nên xin giới thiệu bên dưới.

(Các hình từ 2-185 đến 2-233).



Hình 2-189 : Giáng Phục

Giáng Phục là chỉ Long Hổ cúi đầu nghiêng mình, uyển chuyển hữu tình.

Ngô công viết :

"Long giáng Hổ phục, nghĩa mộn hòa thuận, con cháu hiếu đễ, thê thiếp hiền lương, thân ứng ngũ phúc".



Hình 2-185 : Bổn Thân Long Hổ



Hình 2-190 : Tỉ Hòa

Tỉ Hòa là Long Hổ hai bên tả hữu cân xứng, cả hai không mạnh cũng không yếu.

Phạm công viết :

"Long và Hổ bằng nhau, chủ sinh con đỗ đạt cao".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tuân Nhượng nghĩa là Long Hổ trước sau không đối nghịch, tranh giành.

Dương công viết :

"Thanh Long nhường nhịn Bạch Hổ, quần thần bất khuyết. Hạ thiên định huyệt tại đây thì tăng phúc thêm lộc, tài lộc vô như nước, vàng bạch chất thành gò, nhiều không kể xiết".



Hình 2-191 : Tuân Nhượng

Long Hổ hai bên cùng tiến ra tựa sĩ tốt phục dịch.

Phạm công viết :

"Long và Hổ cùng dương oai tác thế, phú quý song toàn". (H. 2-192)



Hình 2-192 : Bài Nha

Đối Ấn nghĩa là hai bên tả hữu có vài gò nhỏ.

Ngô công viết :

"Nếu cả hai bên tả hữu đới cùng nủ kim đơn tử, sẽ sinh ra thần đồng bảy tuổi, lâu thông kinh sử, văn chương cái thế, quyền cao chức trọng, bậc đế vương cũng không dám khinh thị". (H. 2-193)



Hình 2-193 : Đới Ấn

Đới Nha Đao nghĩa là hai bên tả hữu xuất hiện hình hai cây đao vừa nhọn vừa sắc.

Phạm công viết :

"Bên cạnh Long lộ ra Nha Đao, thì thân mặc cẩm bào, tay giữ ấn; bên cạnh Hổ có hình Nha Đao, thì thân là danh tướng, thống lĩnh mười vạn tinh binh". (H. 2-194)



Hình 2-194 : Đới Nha Đao

印匏帶



Hình 2-195 : Đới Hốt Ấn

Hốt Ấn thì một bên là gò đất hình tròn, một bên là sườn núi dốc đứng.

Đồng Thư viết :

"Hốt Ấn nếu ở trên mình Long Hổ thì sản sinh tài tử, anh hùng thống lĩnh vạn người". (H. 2-195)

劍帶



Hình 2-196 : Đới Kiếm

Đới kiếm là sơn thế thẳng nhọn đầu nhô về phía trước.

Ngô công viết :

"Long Hổ giữ kiếm, đầu kiếm đã sắc lại nhọn, người sẽ được tự do, nắm binh quyền thi hành theo ý nguyện" (H. 2-196).

交會



Hình 2-197 : Giao Hội

Giao Hội là Long Hổ hai bên tả hữu ôm lấy quá cung.

Ngô công viết :

"Thanh Long, Bạch Hổ tương giao, ôm vòng quá cung, thì loại huyệt địa này phúc tài phát đạt nhanh chóng, thủy cũng dồi dào" (H. 2-197).

脾開



Hình 2-198 : Khai Tranh

Khai Tranh là hai bên vươn rộng ra rồi ôm vòng lại.

Điển Lễ viết :

"Hai bên cùng ngồi, không giơ tay ngăn chặn, chỉ e sẽ có gian dâm" (H. 2-198).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

鬥 相



Hình 2-199 :
Tương Đấu

Tương Đấu là hai bên tả hữu có khí thế kháng địch.

"Dao Tiên" viết :

"Cùng đến lưỡng cung, ai cũng bảo là hay, nhưng lại chủ sát thương, gây vô số phiền não" (H. 2-199).

爭 兩



Hình 2-200 :
Lưỡng Tranh

Lưỡng Tranh chính là có gò đất, núi đất, núi đồi.

Ngạn ngữ viết :

"Long Hổ hai bên tả hữu tương tranh, chủ huynh đệ bất hòa" (H. 2-200).

射 相



Hình 2-201 :
Tương Xạ

Tương Xạ là Long Hổ hai bên tả hữu chĩa mũi nhọn vào nhau, đối địch.

Họ Tạ viết :

"Long Hổ chĩa mũi nhọn vào nhau, đời đời kiếp kiếp đều mắc tội đồ hình" (H. 2-201).

走 飛



Hình 2-202 :
Phi Tẩu

Phi Tẩu là Long Hổ hai bên tả hữu không châu đầu vào nhau.

Họ Phạm viết :

"Long Hổ bay tản ra hai hướng, chủ cha con chia lìa mỗi người một nơi" (H. 2-202).



Hình 2-203 :
Thôi Xa

Thôi Xa là hai tay giơ thẳng ra.

Hà Dã Vân viết :

"Hai tay Long Hổ đẩy xe, chủ ruộng vườn của gia đình không còn lại một tấc đất (H. 2-203).



Hình 2-204 :
Chiết Tý

Chiết Tý là hai bên tả hữu bị lõm vào gần đứt lìa.

Họ Phạm viết :

"Hai bên eo lưng Long Hổ thấp hãm, lại bị phong xuy, thì chủ gia nhân cô đơn thê thảm" (H. 2-204).



Hình 2-205 :
Phản Bối

Phản Bối là Long Hổ quay lưng vào nhau, vô tình ôm hận.

Đổng công viết :

"Long Hổ chạy nghịch hướng với nhau, tung công đối nhau, con cháu sinh ra sẽ thuộc loại phản nghịch, đánh chửi lại cha mẹ" (H. 2-205).



Hình 2-206 :
Đoản Thúc

Đoản Thúc là Long Hổ hộ thai, không chạy ra đằng trước.

Họ Bốc viết :

"Long Hổ bảo hộ thai, không đuổi thân đến trước huyệt, thì gọi là lậu thai" (H. 2-206).



Hình 2-207 :
Thuận Thủy

Thuận Thủy là hai ngọn núi Long Hổ tùy theo hướng hà lưu mà bay đi.

Họ Phạm viết :

"Long sơn theo thủy mà đi ra, bán sạch ruộng vườn, lâm cảnh bần hàn; Hổ sơn theo thủy mà đi, thì là cách giáo dài (trường thương) giết người" (H. 2-207).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

路交



Hình 2-208 :
Giao Lộ

Giao Lộ là hai cánh tay cắt chéo nhau. Người chủ gia đình tự sát, bị kềm kẹp, tai họa.

Họ Bốc viết :

"Tối kỵ đặt địa huyệt theo cách giao lộ" (H. 2-208).

Trên đây là các cách cát và cách hung của Long Hổ, nhưng không chỉ có vậy. Đây chỉ nêu ra 10 cách làm ví dụ mà thôi.



Hình 2-209 :
Phá Toái



Hình 2-210 :
Tiêm Xạ



Hình 2-211 :
Tháp Lạc



Hình 2-212 :
Thức Lộ



Hình 2-213 :
Phản Tẩu



Hình 2-214 :
Tà Phi



Hình 2-215 :
Giáp Chủng



Hình 2-216 :
Ngang Đầu



Hình 2-217 :
Bái Diện



Hình 2-218a :
Đoạn Yêu



Hình 2-218b :
Lộ Cân



Hình 2-219 :
Điệp Chỉ



Hình 2-220
Tật Chú



Hình 2-221 :
Quyền Nã

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

胸趋



Hình 2-222 :
Chùng Não

低陷



Hình 2-223 :
Hãm Đê

狹通



Hình 2-230 :
Thông Hiệp

硬直



Hình 2-231 :
Trực Ngạnh

堂下



Hình 2-224 :
Hạ Đường

衰鐕



Hình 2-225 :
Chiêm Hoài

分房龍青



Hình 2-232 :
Thanh Long
Phân Phòng

竄走



Hình 2-226 :
Tẩu Thoán

大粗



Hình 2-227 :
Thô Đại

分房虎白



Hình 2-233 :
Bạch Hổ
Phân Phòng.

弱瘦



Hình 2-228 :
Sấu Nhược

短短



Hình 2-229 :
Đoản Thúc

Minh Đường đối án, chủ quản các vị trí trung phòng, nhất phòng, ngũ phòng, bát phòng.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN THANH LONG BẠCH HỔ

"Táng Thư" viết :

"Tả biên là Thanh Long, hữu biên là Bạch Hổ. Thanh Long, Bạch Hổ là để hộ vệ địa huyệt, quyết không thể thiếu, nhưng cũng đừng quá chấp nê. Có khi thiếu Thanh Long, bạch Hổ mà vẫn rất cát lợi, có khi đầy đủ cả Long, Hổ mà lại hóa thành hung hiểm. Điều tối hệ trọng là Long phải chân, huyệt cũng phải tốt, đừng quá cứng nhắc. Nếu Long, huyệt mê hoặc lừa người, thì dù có Thanh Long, Bạch Hổ cát lợi, mỹ hảo, cuối cùng cũng chỉ là giả".

"Thuyết Mã Kinh" viết :

"Sơn mạch có lộ thành Long, tán phát ra sinh khí, tất sẽ có Thanh Long, Bạch Hổ hộ vệ. Khi đó, huyệt trường vô cùng chu mật, sinh khí tụ họp, nhưng Sa của nó có khi từ hai bên tả hữu phát xuất làm Thanh Long, Bạch Hổ, cũng có khi bản thân tự trải ra, phân sơn ra, bao lấy ta làm Thanh Long, Bạch Hổ. Cũng có khi từ bản thân sinh ra một bên, còn bên kia là sơn từ ngoài chạy tới, hai bên hợp nên Thanh Long, Bạch Hổ. Sa từ bản thân sinh ra gọi là chủ, do sơn từ ngoài đến là thứ. Nhưng dầu sao cũng phải bao quanh huyệt trường, đừng để địa huyệt cô đơn, ngoại lộ, bị gió thổi, thì mới là mỹ địa".

"Táng Thư" viết :

"Thanh Long phải như rắn bò, Bạch Hổ phải như quy phục. Long, Hổ bao bọc tựa như chuỗi ngọc. Đó là Phúc Long từ phía trước đến kết huyệt, gia đình sẽ phú quý vững vàng".

Họ Bốc viết :

"Thanh Long, Bạch Hổ phải hiểu rõ tường tận, Hổ sơn tối kỵ ngẩng đầu lên, Long sa không được phạm vào chủ sơn".

Liêu công viết :

"Thanh Long, Bạch Hổ từ xưa đã được gọi là hộ vệ Long huyệt, họa phúc gắn liền".

Họ Lưu viết :

"Thủy lưu từ mé tả chảy qua, bên tả không có Sa cũng khả dĩ. Thủy lưu từ bên hữu chảy qua, bên hữu không có sa cũng khả dĩ".

"Chỉ Nam" viết :

"Nếu có Long sa mà không có Hổ sơn, phần lớn thời gian là cát lợi. Có Hổ sơn mà không có Long sa, cũng không thể kể là hung hiểm. Nếu được núi từ ngoài xa dàn trải lới tiếp ứng, thì hiển nhiên đó là huyệt tốt luôn luôn có phúc khí".

(Xem hình từ H. 2-185 đến 2-233).

TỔNG LUẬN TRIỀU ÁN

Triều sơn và Án sơn vốn không giống nhau, chẳng thể xếp chung một chỗ. Ở gần mà thấp bé gọi là Án sơn. Cao lớn từ xa, gọi là Triều sơn. Án, giống như quý nhân ngồi trước án thư. Triều, giống như chủ khách ngồi đối diện.

Ngô công viết :

"Chủ sơn dưới thấp nếu không có chân khí chân mạch, thì dù đằng trước có một vạn trùng sơn cũng vô dụng".

Lại viết :

"Nếu ở bên ngoài một trùng lớp Án sơn thấy ngay trời xanh, thì con cháu đời sau chẳng được lâu dài".

(Hình 2-234 đến 2-236).



Hình 2-234 :
Đặc triều diện



Hình 2-235 :
Hoành triều diện

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-236 :
Ngụy triều diện



Hình 2-237 :
Viễn triều cận án
nội ngoại đường cục

LUẬN TRIỀU SƠN

Nói đến Triều sơn, thì nó phải có tình với ta, như tân khách bái kiến chủ nhân, thần tử yết kiến thiên tử, con cái phụng dưỡng cha mẹ, vợ phục tùng chồng. Đứng trên huyệt nhìn về đằng trước mặt, thấy xa xa có núi đoan chính, khác với các ngọn núi xung quanh, thì đúng là thiên nhiên vái chào, chính là Triều sơn chân chính.

"Kinh" viết :

"Chỉ có Triều sơn mới thấy rõ địa huyệt chân chính. Chân Long không đem giấu giếm chân huyệt, cho nên khó tìm. Chỉ Triều sơn là có tình, dựa vào nó lập tức có thể đoán nơi sinh ra bậc công hầu khanh tướng. Giống như có quân tử ở bên trong cổng đứng chờ, bên ngoài cổng có quân tử đến thăm vậy".

Liêu công viết :

"Sơn mạch từ chính diện hướng tới, gọi là Triều, không ngại ở xa".

Dương công viết :

"Triều sơn vốn có chân có giả. Nếu là chân, thì sẽ hướng tới triều bái; nếu là giả, thì sẽ không hướng tới, dù hình dáng nhọn hay tròn. Nếu có Triều sơn chân chính sà vào lòng ta, cũng bất kể là nhọn hay tròn, song nhất định phải có nhấp nhô cao thấp, đừng thích thứ nhọn sắc, nghiêng lệch, chạy đi. Sơn mạch chạy thẳng đi gọi là trụy Triều sơn, dù nhọn hay tròn cũng là loại vô dụng. Nó giống như quý nhân đứng quay lưng về phía ta, chẳng có tình ý gì hết. Án sơn giống như đuôi bút lông chỏ thẳng lên trời, nhưng phải là từ chính diện mà hướng tới thì mới là Án sơn chân chính. Nếu nó lệch đi, sơn phong (ngọn núi) lại hướng về phía trước, thì nó với ta tựa hồ vừa hữu tình, vừa vô tình. Phong thủy sư mà cắm huyệt ở địa thế như vậy, há chẳng làm hại gia đình người ta ! Cũng có Chân Long không hề có Triều sơn, chỉ cần xem các thủy lưu tụ tập ở giữa là được".

Ngô công viết :

"Triều sơn vốn thích tự nó đến triều bái. Hoành án lấy Triều sơn cũng tạm được. Trước hết, thân thể sơn phong tương ứng vái chào trước mặt, đối diện cũng có Chân Long quay mình lại. Đối diện nếu có sơn, thì có thể lấy diện đối sơn; nếu không có sơn, thì diện đối thủy. Thủy mà có chân tình, sẽ phát phú quý lớn lao".

Họ Phạm viết :

"Triều sơn từ xa đến không ngại chọc thẳng lên trời cao, Triều sơn từ gần tới thì lại không thể cao quá đầu".

Download Ebook Tại: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Họ Bốc viết :

"Triều sơn ngoại vi cao ngất trời lại không bằng một Án sơn ngay trước mắt. Người đời phần nhiều chỉ thích núi lớn từ xa chạy tới mà tránh núi nhỏ ngay gần kề. Ai ngờ biết rõ núi nhỏ ở gần còn hơn hiểu lầm núi lớn ở xa".

"Bát Đoạn Cẩm" viết :

"Nếu có Án sơn, thì khỏi cần có Triều thủy; nếu có thủy triều ứng mà không có Án sơn, phú quý cũng rất nhiều".

Chu Tiên Đào nói :

"Nếu có Án sơn, thì cần đoan trang vuông vức; nếu không có sơn, cần phải có thủy từ phía trước đến triều ứng".

Triều sơn vuông vức lại linh tú, chủ sinh ra vương hầu khanh tướng. Triều sơn nhọn hoắt mà lại linh tú, chủ sinh ra bậc văn hào nổi danh. Triều sơn tròn trặn đầy đặn, chủ sinh ra đại phú và tiểu quý. (Hình 2-237).

LUẬN ÁN SƠN

Phàm đằng trước huyệt có núi nhỏ, thấp thì gọi đó là Án sơn. Án sơn nên thấp, nhỏ, không nên cao to, trông hình dáng như ngọc kỷ, hoành cầm, ngọc đới, độc kiếm, nga mi, tam đài, quan viên, thiên mã, thư đài, kim tương, ngọc ấn, bút giá v.v... là cát lợi, tung hoành ngăn che ngoại dương (ánh mặt trời), chầu vào sơn cước, cũng không câu nệ hình dáng nó ra sao, chỉ cần đoan trang vuông vức, đầy đặn, linh xảo, tú mỹ, sáng sủa, ngay ngắn, lại rất có tình, thì là cát lợi.



Hình 2-238 :
Bản thân Án sơn

Nếu Án sơn đâm thẳng như bắn về phía huyệt, sơn thể lại thô lậu, phù thũng, nham nhở, sơn thạch lổn nhổn, hình dạng xấu xí, khó coi, nhớn nhác, bất định, quay lưng về phía huyệt, không có tình ý, thì là hung hiểm. Hơn nữa, bất kể là sơn từ ngoài tới hay sơn bản thân, đều nên nghịch thủy, gọi là Nghi lưu án.

(Hình 2-238 đến 2-240.)

Dương công viết :

"Huyệt địa cát lợi nên có Nghi lưu án, đã có Án sơn, thì nên có cán Long gốc. Trên cán lại sinh ra chi mạch trải dài về phía trước, tạo thành các ngọn núi hộ vệ cho chủ cán".

Lại viết :

"Nếu Án sơn bức bách quá gần, thì sẽ biến thành hung hiểm".



Hình 2-239 :
Ngoại lai Án sơn



Hình 2-240 :
Ngoại án trùng tụ

Ở phía ngoài Án sơn, còn có một số ngọn núi kỳ dị, càng lúc càng cao, càng lúc càng xa, đấy là địa thế tốt nhất.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Tiệp Kinh" viết :

"Cán Long bản thân sinh ra một tòa Án sơn, đứng ngay phía trước là có tinh. Án sơn nhọn, hoặc tròn, hoặc ngay ngắn vuông vức, lại nghịch thủy, chắn chân núi từ bên ngoài của chủ sơn, thì vô cùng cát lợi".

LUẬN BÌNH NGUYÊN VÔ TRIỀU ÁN

Địa huyệt cố nhiên lấy Triều sơn, Án sơn đối diện làm cát lợi, nhưng ở chỗ bình nguyên (đồng bằng), nhìn xa mãi vẫn chẳng có núi non gì, thì địa thế ấy có sử dụng được chăng ? Trả lời : Địa huyệt trên bình nguyên thì lấy bình nguyên làm Án. Trên bình nguyên, chỗ đất nổi cao một tấc coi như Án sơn, hoặc giả bờ cỏ, bờ ruộng, bờ hồ cũng có thể lấy làm Án sơn, hà tất phải câu nệ có núi đồi.

Liêu công viết :

"Điều thứ ba kỵ là không có Án sơn. Nếu không có Án sơn, cuộc sống nhất định sẽ đói kém, gian nan".

LUẬN SƠN CỐC BẤT KIẾN NGOẠI DƯƠNG

Có người hỏi :

"Nếu trong sơn cốc không thấy ánh mặt trời rọi chiếu, mà ở địa phương ấy vẫn có đại quý nhân xuất hiện, thì là vì sao ?"

Trả lời :

Ở địa thế này trước hết phải quan sát Long. nếu Long rất nhỏ, ngắn, đa phần là sơn cước của Long mạch thuộc dạng tán lạc, lại rất bế tắc, hẻo hút, thì tuyệt đối không thể có đại quý nhân. Nhưng nếu là đại Long kết huyệt, thì trong sơn cốc có rất nhiều núi trùng trùng điệp điệp quy tụ lại, nên không thể thấy ánh dương. Ở bên ngoài sơn cốc, các ngọn núi tú mỹ (đẹp) ngầm chầu vào, Long là chân Long, địa huyệt cũng đẹp. Xuất hiện đại quý nhân ắt là lẽ dương nhiên, có gì kỳ lạ !

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN TRIỀU SƠN ÁM CỦNG

"Địa lý thư" viết :

"Vái rõ không bằng ngầm chầu (Minh triều bất như ám củng). Bởi lẽ Long từ trăm dặm mà tới thì có cục thế trăm dặm, từ ngàn dặm mà tới thì có cục thế tương ứng. Mỗi cái tùy theo lực lượng của Long mà có cách ám củng (ngầm chầu) của mình. Ngày nay người ta luận bàn về huyệt, lại chẳng chịu khảo sát lực lượng của Long lớn hay nhỏ, chỉ chú trọng hình thức tú mỹ, bỏ quên đại cục, chưa chi đã cho rằng đó là cách ngầm chầu, đến khi thấy sơn hung hiểm, thủy hiểm ác, lại bảo không có gì đáng ngại. Như thế là chỉ thấy cục bộ, bỏ qua đại cục".

Dương công viết :

"Sa giống như mỹ nữ, bất luận là tôn quý hay ti tiện, đều phải phục tùng trượng phu. Thủy lưu giống như binh sĩ, tiến thoái đều phải theo lịnh tướng lĩnh".

Họ Bốc viết :

"Nếu bốn sơn thấp nhỏ, văn bút sẽ biến thành họa bút. nếu trái núi (tọa sơn) mỹ lệ đặc biệt, sát đao cũng sẽ biến thành nha đao".

Lời của hai vị tiện sinh nói trên là ngụ ý cường điệu rằng Long huyệt mới là chủ yếu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TRIỀU SƠN LOẠN TẠP

"Táng Kinh" viết :

"Cục thế của Long giống như trên mình đeo trăm thứ châu báu mà lặng lẽ kín đáo, như có vạn món cao lương mỹ vị mà lại ăn chay, như có thể điều khiển cả thiên hạ mà chỉ ấp ủ trong lòng".

"Hắc nang Kinh" viết :

"Sa (sơn) ở phía trước phải chồng chất mấy ngọn mới tốt".

"Phú" viết :

"Xung quanh như có ba ngàn mỹ nữ, tám trăm giai nhân, ở giữa có sơn phong tú lệ ngoi thẳng lên. Chỉ cần có một hoặc hai tòa sơn phong là đủ".

"Khẩu Quyết" của Ngô công viết :

"Nếu có ba tòa sơn phong, châu đầu vào cũng bằng không. Nếu bên dưới không có Chân Long, châu đầu vào cũng vô ích".

Dương công viết :

"Dưới núi không có khí mạch của Chân Long, đằng trước có ngàn vạn sơn cũng vô dụng".

Họ Từ viết :

"Người đời đều thích sơn phong cao nhọn, không biết rằng khoa phong thủy chỉ coi trọng Chân Long. Nếu không phải là chân, huyệt sẽ không đẹp, Triều sơn xung quanh có đẹp như trong tranh, cũng vô ích".

Dinh cơ nhà Ngô Bá Tòng ở huyện Kim Khê, phía trước có 72 ngọn sơn phong chầu vào, sinh ra 72 quý nhân. Dinh cơ nhà họ Trương ở huyện Quý Khê, chính đối với Tì Bà Sơn, sinh ra nhiều văn sĩ. Đây là ứng nghiệm của Quỷ Long. Lại có trường hợp mộ phần của Từ phò mã (huyện lạc Bình), nếu chiếu theo lý luận thông thường, thì Triều sơn ở phía trước là hung hiểm (hai ngọn núi châu đầu vào). Nếu đúng như lý luận, có phải đã bỏ mất Từ phò mã.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN CÔ PHONG ĐỘC TÚ

Có thuyết nói *"Sơn phong cô đơn, dù linh tú, cũng không cát lợi"*. Vì sao ? Trả lời : Nói vậy là bàn về thân của Long, hoàn toàn không bàn về Triều sơn. Bởi lẽ Long rất kỵ chỉ có một ngọn linh tú cô phong, chỉ e nó cô đơn, lạnh lùng. Đó cũng là nói *"Long sợ cô đơn"*. Nhưng lại có câu : "Triều sơn chỉ có một ngọn, độc tú, chĩa thẳng lên trời cao, gọi là "văn bút tháp thiên", chính là tiêu chí tối tôn quý". Riêng "Tuyết Tâm Phú"nói "một ngọn núi chĩa lên như cây bút là kỳ", rồi sau đó lại nói : "Sơn phong tú lệ, chỉ cần một ngọn là đủ". Hai câu nói đầy mâu thuẫn, khiến người ta khó tin. Hơn nữa, lại truyền cho đời sau, chẳng rõ chữ nghĩa có tam sao thất bản hay không. Riêng người viết những dòng này từng đọc thấy như sau :

Đồng Đức Chương có viết :

"Văn bút nghiêng nghiêng là bất cát lợi".

Họ Bốc viết :

"Nếu sơn phong cao to như cột trụ chống lên trời, thì con cháu thọ mệnh cao như tầng tổ. Sơn ở ngoại vi dù cao vạn trượng, cũng không bằng một tòa Án sơn thấp bé ở ngay phía trước".

Dương công viết :

"Nếu là người gặp nạn, nên ngẩng mặt lên cầu Trời, nếu trước mặt thập phần thoáng đãng, cần có Triều sơn từ xa hướng tới. Nếu có thủy lưu chảy tới, sa cũng bao bọc, mới biết hoạn nạn của người không phải là yêu ma và hung hiểm".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TẢ PHỤ HỮU BẬT

Tả Phụ, Hữu Bật (gọi tắt là Phụ Bật) là bằng chứng về sự tôn quý của Long huyệt, gồm hai quả núi nằm ở hai bên tả hữu của Long huyệt, giáp hai bên mà chiếu ứng mật thiết với nhau; hai bên càng cân xứng với nhau về độ cao thấp, lớn nhỏ, xa gần, mà không so le cọc cạch, thì càng tốt bấy nhiêu, gọi là hợp cách. Phụ Bật có khi như Thái Dương với Thái Âm, thì gọi là nhật nguyệt giáp chiếu; có khi sừng sững như hai cây bút cắm hai bên, thì gọi là văn võ thị vệ; có khi vuông vức trải rộng, thì gọi là liệt bình, liệt trướng; có khi sơn phong nhô cao, thanh tú, nhẹ nhõm, có khi che chắn khúc chiết, bao ôm mấy tầng liền, như thế hàng trăm binh sĩ hộ tống, đều là Tả Phụ, Hữu Bật, là sa thị vệ, chủ về địa huyệt cực quý.

Phụ Bật ở hai bên Long huyệt, dịch về phía sau gọi là Thiên Ất, Thái Ất; ở hai bên quá giáp nhau thì gọi là Thiên Hồ, Thiên Giác; xa hơn nữa về phía trước (vẫn ở hai bên), có châu đầu vào, gọi là Kim Ngô, Chấp Pháp; nằm ở hai bên Minh Đường thì gọi là Thiên Quan, Địa Trục; nằm ở hai bên Thủy khẩu, thì gọi là Hoa Biểu, Cản Môn. Có khi một bên có, một bên không; một bên nhiều, một bên ít; một bên cao, một bên thấp; một bên lớn, một bên nhỏ; các loại này đều không hợp cách. Phụ Bật so le, không cân xứng, thì địa huyệt cũng sai lệch theo.

LUẬN THIÊN MÔN ĐỊA HỘ

Môn hộ của thiên địa còn gọi là Tam Môn Ngũ Hộ. Chỗ có thủy lưu chảy đến gọi là Thiên Môn, chỗ mà thủy lưu chảy đi gọi là Địa Hộ. Thiên Môn cần rộng rãi, còn Địa Hộ phải thu hẹp lại. Nếu Thiên Môn lại thu hẹp, Địa Hộ lại rộng rãi, thì sơn và thủy không giao hội với nhau, ở chỗ đó không có chân Long, tuyệt đối không thể kết huyệt.

Họ Bốc viết :

"Viên cục tuy tôn quý, nhưng Thiên Môn mà nhỏ hẹp, thì chẳng nên phí công quan sát; hình huyệt tuy kỳ dị, nhưng Địa Hộ không thu hẹp, thì còn chọn chỗ ấy làm gì ? Sở dĩ tôn quý là vì Địa Hộ thu hẹp, ẩn tàng; còn Thiên Môn thì tối kỵ nhỏ hẹp, bế tắc".

Triệu Duyên Đức viết :

"Thủy từ mé bên tả chảy đến, bên tả gọi là Thiên Môn, bên hữu gọi là Địa Hộ. Nếu thủy từ mé bên hữu chảy đến, bên hữu gọi là Thiên Môn, bên tả là Địa Hộ".

Đổng Đức Chương viết :

"Nếu hạ Sa thu hết thủy lưu đầu nguồn, thì con cháu đời sau đại phú đại quý, mua hết ruộng đất trong thiên hạ".

LUẬN LA THÀNH VIÊN CỤC

La Thành viên cục là thế tiền triều hậu thác bao bọc xung quanh địa huyệt. Thế này cần trùng trùng điệp điệp, lên xuống nhấp nhô, tầng tầng lớp lớp vây quanh; tu bổ cho khuyết khẩu, giống như một bức tường thành bảo hộ, nên gọi là "La Thành". Các tinh tượng thiên văn, mỗi tinh tượng đều có thành vây chung quanh để bảo vệ chỗ ngồi cao quý của đế vương nên gọi là "viên cục".

Họ Bốc viết :

"Sơn mạch từng lớp từng lớp vây quanh, hộ vệ, Tử Vi uy nghiêm ngồi ở tòa đế vương; sơn mạch trùng trùng vây quanh trông tựa các

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cánh hoa sen ở xung quanh nhị hoa. Chỗ khuyết lõm vòng trong đã có sơn mạch vòng ngoài che kín, Hoa Biểu và Cản Môn (Tả Phụ, Hữu Bật) nằm ở hai bên thủy khẩu. La Thành giống như một tòa lâu đài, cung điện".

Họ Lại viết :

"Sơn mạch xung quanh giống như Tứ thần, Bát tướng dứng bao bọc, chân Long thì sừng sững ở giữa, cao vút lên tận mây. Địa thế này là vô cùng cát lợi về phú, quý, công danh".

Dương công viết :

"Ngoại sơn trong vòng trăm dặm tạo nên La Thành".

Chu Tử viết :

"La Thành và viên cục bao bọc xung quanh không một chỗ khuyết, hiển nhiên tự nó là một thế giới càn khôn".

LUẬN LẠC SƠN

Lạc tức là hoan hỉ, yêu thích. Địa huyệt của Hoành Long thích có loại sơn mạch này làm chỗ dựa ở phía sau.

Lạc sơn là sơn mạch muốn có ở phía sau địa huyệt, Lạc sơn cần đối xứng ở ngay đằng sau huyệt trường. Cho nên Lạc sơn là cái Sa để địa huyệt gối đầu, nó phải ứng huyệt sát theo bên huyệt. Lạc sơn có ba loại : Đặc Lạc, Tá Lạc, Hư Lạc.

+ **Đặc Lạc là sơn mạch một mình từ xa đến, sừng sững ngay đằng sau địa huyệt.**
+ **Tá Lạc là sơn mạch đứng sẵn ở đó, sát ngay đằng sau địa huyệt.**
+ **Hư Lạc là sơn mạch thấp bé mà sơn thế thì tán loạn như muốn chạy đi xa, địa huyệt căn bản không có chỗ dựa gối đầu được.**

Liêu công viết :

"Phàm là Hoành Long kết huyệt, nhất định phải có Quỷ Lạc mới xong; sơn phải đứng ở đằng sau huyệt vị".

Ngô công viết :

"Phải có Lạc Sơn đứng gần sau lưng, đối ứng với huyệt trường".

(Hình 2-242 đến 2-243).

Tiểu sơn vụt sà xuống thấp ở một bên, không kể đầu vào Huyệt, thì đó là giả huyệt (hư huyệt).



Hình 2-241 : Đặc Lạc



Hình 2-242 : Tá Lạc



Hình 2-243 : Hư Lạc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN HẠ THỦ SA

Khỏi cần hỏi hướng Đông, Tây, Nam, Bắc; chỉ cần có núi nằm ở bên cạnh hà lưu, thì gọi là hạ thủ (tay) sa hoặc hạ tí (cánh tay) sa, hạ quan sa. Bởi lẽ hạ thủ sa là tối quan trọng. Nếu có hạ quan, thì sẽ có chỗ kết tụ tinh khí. Không có hạ quan, sẽ chẳng có chỗ tinh khí kết tụ. Hạ thủ là tối quan trọng, cho nên cần trùng trùng điệp điệp, dàn thành lớp liên tiếp, dày đặc, như thế huyệt mới cát lợi. Nếu hạ thủ sa quá mỏng manh, thông thoáng, thì khỏi tìm được địa huyệt làm gì.

(Hình 2-244 đến 2-247).

"Quyết" viết :

"Có huyệt địa hay không phải là huyệt địa. Trước hết hãy xem hạ thủ sơn. Khỏi cần coi Hậu Long có đến hay không, hãy trước hết xem hạ quan có trở lại hay không trở lại. Khỏi cần coi địa huyệt kết ổn định, vững chắc hay không, trước hết hãy xem hạ quan có dày đặc hay không".

Dương công viết :

"Chỉ có hạ sa mới có thể cứu người, con cháu đời đời sẽ không nghèo khổ".

Liêu công viết :

"Xem đất thế nào mới biết phú quý ? Hãy xem hạ thủ sa. Đất thế nào là nghèo khốn ? Hạ thủ sa không dày đặc, hà lưu chảy đi mất".

Hà Tri Kinh nói :

"Làm sao biết người ta đã giàu càng giàu thêm ? Hạ Tỳ trùng trùng kéo đến che chở, bảo hộ. Làm sao biết người ta đã nghèo càng nghèo thêm ? Bởi vì hạ quan thoáng rộng lỏng lẻo, cũng chẳng hướng đầu về phía mộ phần".



Hình 2-244 :
Tả thạch quan

Hổ sơn trước hết thu nạp tiểu hà, Long sơn thu nạp đại hà, gọi là đất cát lợi hợp quy cách hơn cả (H. 2-244).



Hình 2-245 :
Hữu thạch quan

Long sơn trước hết thu nạp tiểu hà, Hổ sơn thu nạp đại hà, gọi là đất cát lợi, hợp quy cách hơn cả (H. 2-245).





Hình 2-246 :
Thanh Long nghịch





Hình 2-247 :
Bạch Hổ nghịch

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN THỦY KHẨU SA

Thủy Khẩu sa là nơi thủy lưu chảy đi, là núi ở hai bên bờ thủy lưu. Nhất định không để cho nước chảy đi trực tiếp qua những chỗ trống khuyết. Nhất định sơn thế phải trùng điệp, giao kết với nhau chặt chẽ; vách núi phải dựng đứng như thành vại, núi phải cao, to, dày, trông như ấn tín, thẻ ngà, điều, cầm, quy, xà, kim ngư, sư tử, voi, cờ trống bày binh bố trận, doanh trại tầng tầng lớp lớp, binh tướng hộ vệ san sát; Thủy Khẩu sa như thế mới được coi là tuyệt đẹp.

"Sa pháp" viết :

"Trước hết xem Thủy Khẩu có được kèm sát hay không, nội cục mà thoáng rộng thì phải hướng vào trong, tìm chỗ ngay ngắn. Núi hai bên trải ra liên tiếp, dày đặc không một chỗ trống khuyết".

"Nhập thức ca" viết :

"Núi ở hai bên Thủy Khẩu phải giống như mãnh hổ nằm quay đầu lại, sơn thế cao vút không để cho hà lưu chảy đi ngang qua, như vậy đáng gọi là núi Thần".

"Long Kinh" viết :

"Cửa khẩu như có hàng chục loại khóa, hẳn bên trong có vương hầu trú ngụ".

"Phú" viết :

"Sa ở hai bên Thủy Khẩu là tối quan trọng".

Đào công viết :

"Nếu Thủy Khẩu không có chốt giữ, thì đừng nói gì đến phú quý. Nếu hai bên được chốt giữ cẩn mật, thì đời đời đều có công hầu khanh tướng".

Liêu công viết :

"Nếu lưu thủy quay lại xung phá La Tinh cung, thì đời sau nhất định bại vong; nếu Thủy Khẩu hai bên được che chắn, thì nhân sĩ sẽ thăng quan tiến chức".

Dương công viết :

"Cản Môn và Thủy Khẩu, Tiêm Phong (núi nhọn) và Viên Phong (núi tròn), tinh tú phương bắc trấn giữ cục thế, phía ngoài cổng thành không thấy có thủy lưu chảy đến, thì phú quý sẽ được bảo lưu thiên thu vạn đại".

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN CẢN MÔN

Cản môn sơn là hai quả núi đứng đối mặt ở hai bên Thủy Khẩu, như thị vệ bảo hộ. Có ba cách Cản môn.

(Hình 2-248 đến 2-250).

Cách thứ nhất : Giống như cờ xí, trống trận, văn võ, thị vệ, nhật nguyệt, quý nhân, thiên mã, La tinh, Bắc thần, quy xà v.v... mới là cách tôn quý. Nếu có được cách này, sẽ xuất hiện công khanh, Quận chúa, Hoàng phi, thần tiên, Trạng nguyên.

"Kinh" viết :

"Bên ngoài Cản môn lại có La tinh, thì có thể xuất hiện quý nhân như công hầu".

"Sơn thủy đoán phú" viết :

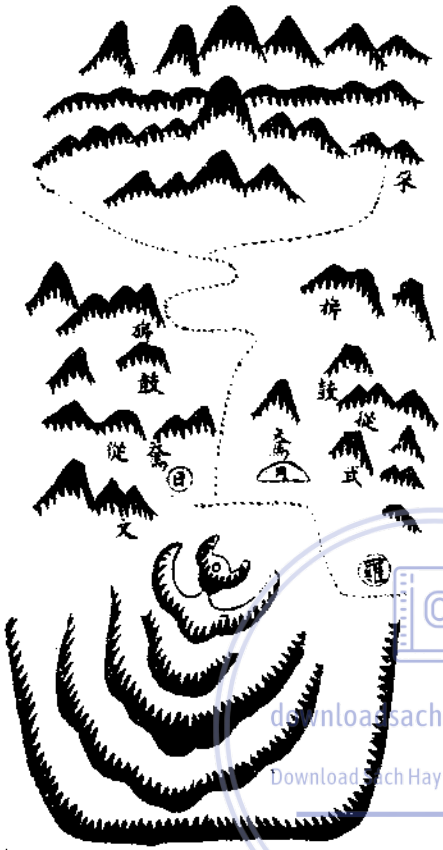
"Cản môn giống như lớp lớp võ quan bảo vệ cổng thành".

Nhìn từ mặt trước của huyệt, Cản môn sơn đứng chỉnh tề ở hai bên tả hữu, trông tựa như vệ sĩ canh cửa, từ ngoài xa hơn nữa có các sơn phong tú mỹ hướng tới bái kiến (H. 2-248).

Cách thứ hai : Giang thủy cuồn cuộn chảy tới triều nghênh, hà thủy tiến vào giữa hai bên Cản môn sơn, tràn trề mênh mang, khi chảy đến không rõ đầu nguồn, khi chảy đi không biết về hướng nào (H. 2-249).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

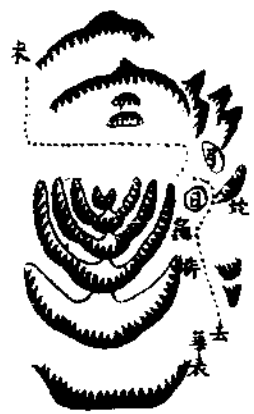
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-248 :
Cản môn đệ nhất cách



Hình 2-249 :
Cản môn
đệ nhị cách



Hình 2-250 :
Cản môn
đệ tam cách

Cách thứ ba : Cách này thuộc kiểu nhật nguyệt, quy xà (rùa - rắn), kỳ cổ (cờ - trống) sa, Cản môn cũng rất tôn quý (H. 2-250).

Thủy khẩu khép lại, bồi đắp môn hộ, thủy từ đây rút dần, đây cũng là cách rất đẹp và tôn quý.

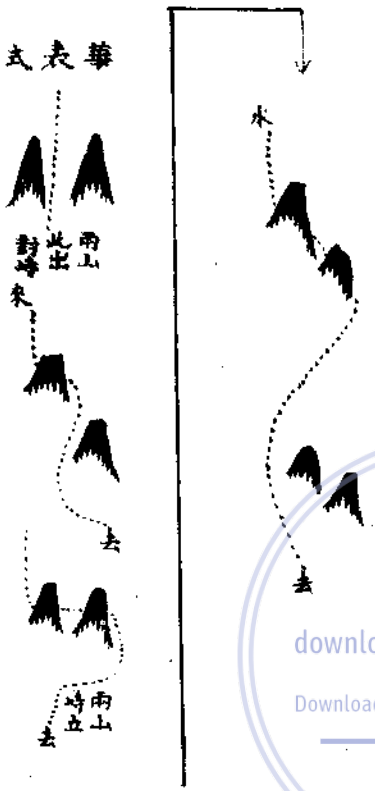
LUẬN HOA BIỂU

Hoa Biểu sơn là ở trung gian thủy khẩu ó một kỳ phong (ngọn núi lạ) sừng sững ối lên, hoặc là một trong hai quả núi đứng ối diện nhau, thủy từ trung gian (giữa) hảy ra.

Hoa Biểu sơn phải nhô cao lên trời xanh, uy nghiêm trấn giữ thủy khẩu, thì mới được gọi là Hoa Biểu. Trong thủy khẩu mà có một sơn phong kỳ dị như vậy, trong đó nhất định sẽ có huyệt địa đại phú đại quý.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-251 :
Hoa Biểu thức

"Phú" viết :

"Hoa Biểu cận vệ cổng thành, trụ tại thủy khẩu, giống như lâu đài, gác chuông, la thành bày ra. Nếu không kiến lập quận huyện, đô thành, thì nhất định xuất hiện đại quan kề cận hoàng đế" (H. 2-251).

LUẬN BẮC THẦN TINH

• Bắc thần là thần tinh của thủy khố, cho nên mới lấy danh từ này. Nó là vách núi, núi đá dựng đứng ở giữa các thủy khẩu, nhô cao vài chục thước, hình dạng rất kỳ dị, lớn thì gọi là Bắc thần, nhỏ thì gọi là La tinh, nhô ở giữa hà lưu mà chầu vào trong thì được. Loại thần tinh này vô cùng tôn quý, hiếm hoi, ngàn trường hợp may gặp được một lần, vì chủ đại huyệt địa của vương hầu. Hình dáng của nó tựa tựa tướng quân, phán quan, tiểu quỷ, ngọa long (rồng nằm), phi phụng (phượng hoàng bay), tiên hạc, mãnh hổ, cờ mở, đao thương, bài phù, giá bút, nhô lên sừng sững giữa thủy khẩu, có khi cao hàng ngàn thước, ngẩng nhìn lên người ta có cảm giác kinh dị, đứng cạnh nó thì hồn xiêu phách lạc.

Dương công viết :

"Một Bắc thần tinh giống như thống lĩnh vài vạn binh sĩ, có nhiều quý danh hơn cả Phò mã, công hầu. Bắc thần tinh mà nhô lên cao vút tới mây trời thì nhất định sẽ sinh ra anh hùng hào kiệt, tranh thiên đoạt quốc. Bắc thần tinh như vậy là tối tôn quý, như một đại tướng oai nghiêm. Bắc thần tinh mà thấp nhỏ, thì cũng có thể sản sinh người làm quan trong triều đình".

Hội Tiên viết :

"Các nhà phong thủy đàm luận về sơn, coi Bắc thần tinh là tối trọng yếu. Nó đứng cao lớn sừng sững giữa các thủy khẩu, thì biết ngay là huyệt địa đại quý, nhất định sẽ sản sinh bậc anh hùng thiên hạ có mãnh lực phi thường".

Ngô công viết :

"Thủy khẩu giao hỗ với nhau mà sinh ra quái thạch, trước hết phải xem quái thạch ấy lớn hay nhỏ, cao hay thấp mà luận bằn nặng nhẹ. Nếu Bắc thần tinh cao lớn, thì gọi là Bắc thần vị, nhất định sẽ sản sinh anh hùng hào kiệt. Nếu có núi đá nhô cao hơn trăm trượng, thì gọi là Đại thu Bắc thần tinh. Thủy khẩu nếu có Bắc thần trấn trụ, mỏm đá cao to nhô vọt lên hùng mạnh, khiến lòng người khiếp đảm, thì nhất định sẽ sản sinh bậc đế vương với nhiều quý nhân quản lý quốc gia đại sự. Nếu chỗ thủy khẩu có núi đá chọc thẳng lên mây xanh, vách núi dựng đứng, ngắm nhìn quần sơn xung quanh, thì ở đây nhất định sẽ sản sinh văn võ quan quý đời đời, kế tục làm quan trong triều đình, anh hùng hào kiệt khiến người người phải ngưỡng mộ. Thủy khẩu nếu có tảng đá tròn, to lồi lên, gọi là thạch ấn, nếu

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

địa thế lồm hồm, cũng sẽ hưng thịnh phồn vinh. Núi lớn thô tráng cao sừng sững, nhất định sẽ sản sinh bậc nam nhi thống lĩnh trăm ngàn binh sĩ. Tại sao Dương Quân Tùng tiên sinh cấm người ta bàn đến Bắc thần tinh ? Bởi lẽ Bắc thần tinh là loại sao tối tôn quý, nếu đàm luận về nó e rằng sẽ tiết lộ thiên cơ, sẽ hại cho người tiết lộ. Long thần trên đại địa cũng vậy, không cho phép kẻ phàm tục nói năng lung tung về nó. Nếu các vị gặp Bắc thần tinh, xin khuyên các vị nên nói ít, nhìn ít, cẩn thận mới là người thông minh".

LUẬN LA TINH

La tinh là cái gò nổi lên ở giữa thủy khẩu để chốt chặn, có thể là đá hoặc đất, bề mặt tương đối bằng phẳng, ở giữa lại nhô cao lên, nước chảy quanh tứ phía. Nếu gò đá thì hay nhất, nếu gò đất thì kém hơn. Nếu huyệt vị ở bên ngoài La thành thì tôn quý, nếu ở bên trong La thành, thì gọi là sơn bảo dưỡng đọa thai (đọa thai - sẩy thai).

"Kinh" viết :

"La tinh phải ở ngoại vi La thành mới tốt, nếu La tinh ở bên trong La thành, thì gọi là bảo dưỡng quan, hoặc hoạn nhân đọa thai sơn. Nếu La tinh nằm trong chính ngay thủy khẩu, thì sẽ giống như măng mọc. Thủy khẩu mọc nhiều quái thạch, nhất định sẽ có La tinh ngăn sừng sững giữa nước. Mặt ngoài La tinh lại còn có Sơn quan, Sơn quan sinh ra ở phía trên hay phía dưới cần phải xem xét kỹ. Bởi lẽ La tinh vốn cũng có chân có giả, giả hay chân sức người khó biết. Nếu La tinh là chân, ắt nó sẽ có đầu có đuôi, đầu ngước về phía thượng lưu, còn đuôi chìm trong nước. Nếu các vị muốn biết khẩu quyết về La tinh, thì nên nhớ như sau : Một bên gối vào nước, một bên gối vào đất, trong đất lại có cốt, cốt mạch tương liên. Có khi là khối đá, có khi là đất cứng. Tham Lang, Cự Môn và La tinh đều nhọn. Tả Phụ Hữu Bật và Vũ Khúc có khi hình tròn, có khi nghiêng vát. Lộc Tồn và Liêm Trinh, thì núi đá nham nhở. Sơn Phá Quân nếu nham nhở mới là xấu nhất. Chỉ có La tinh tròn trặn hoặc nghiêng vát mới tốt. La tinh mà ở bốn bề đều là nước, hai ngọn núi liên hợp hồi hoàn, thì là đại phú đại quý, hơn cả vạn ngọn núi".

"Kinh" lại viết :

"Chớ nên nói Liêm Trinh không có ích lợi gì, nếu Liêm Trinh cao lớn, thì có thể trở thành khanh tướng, công hầu. Sơn Lộc Tồn có thể phát tài giàu có vì có đồn (quan). Sơn Phá Quân không tán tài cũng chỉ vì có lũy (lan). Sơn quan lan ngăn (chặn) làm thủy khẩu, thì nhất định có La tinh ở giữa thủy khẩu. Giữa



欄 沙

a. Lan Sa



欄 水

b. Lan Thủy



欄 無

c. Vô Lan



欄 山

d. Sơn Lan

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

dòng Hoàng Hà có đá ngầm, thủy khẩu của Tứ Xuyên cũng có gò đất chồng chất. Trường Giang có núi lớn, núi nhỏ có dập chắn phía trước. Hoàng Hà chảy tới vùng Kiệt Thạch là đã tới biển, nhưng ở ngoài biển có mấy ngọn núi bồi bổ cho viên cục. Còn có loại tiểu sơn và la sát thạch, tuy đều là La tinh, nhưng rất khác nhau. Người phàm tục không dễ thông hiểu cách xác định La tinh.

Bạn hãy xem xem, các cửa châu, cửa huyện (châu quan, huyện quan) đó, nơi nào không có thủy khẩu sơn ?

Thủy khẩu và núi quan lan (đồn lũy) đều là Phá Quân và Lộc Tồn, không có tay chân, nhưng lại giao kết với nhau. Có khi là hoành sơn giống như hổ phục, có khi từng lớp giống như trái dưa, quả bầu. Xưa vua Đại Vũ khai Long môn cho dòng sông lớn chảy qua, có nghĩa là bấy giờ đã có những nơi ngăn chặn thủy khẩu. Như Thái Hàng Sơn từ phủ Hà Trung chạy tới, Hà Nam và Hà Bắc là hai núi quan lan. Dòng sông lớn từ phía Bắc chảy xuống, ngoằn ngoèo chảy ra phía đông, Tây Sơn nằm chắn giữa dòng nước như một con rồng ngủ. Mã Nhĩ sơn gối đầu ở cửa sông, không có tay chân, chỗ ấy chỉ lập miếu thờ thần. Linh Bích sơn ngăn chặn dòng chảy của Hoài Hà, không có tay chân vắt ngang dòng sông. Hải Môn sơn trấn giữ Triết Giang, hai ngọn núi liền kề nhau như chuỗi ngọc. Văn Kiêm sơn ngăn chặn Tế Lưu. Nếu càng có nhiều cửa ải trấn giữ, nhất định sẽ có La tinh ở thủy khẩu ngăn chặn Long khí, không cho dòng sông tự do lưu động. Có hàng chục cửa ải ngăn chặn trong khoảng vài chục dặm, thì nhất định trong phạm vi ấy xuất hiện quý nhân, vương hầu. Tiểu La tinh ở hương thôn, đầu gối vào thủy lưu, trông tựa chiếc mộc, đá trồi lên mà thấy không có tay chân, thì đó là La tinh, nếu nhiều hay ít sẽ quyết định nơi đó sản sinh tướng lĩnh hay người phò tá. Biết phân biệt sơn ở thủy khẩu, sẽ biết sơn Lộc Tồn và sơn Phá Quân".

downloadsachmienphi.com

TỔNG LUẬN VỀ QUAN, QUỶ, CẦM, DIỆU

Quan, Quỷ, Cầm, Diệu là muốn nói đến tiểu sơn bao hàm dư khí của Long mạch phát tán ở đằng trước, đằng sau và hai bên chân huyệt; ở đằng trước gọi là Quan, ở đằng sau gọi là Quỷ, ở hai bên tả hữu gọi là Diệu, ở hai bên Minh Đường và ở giữa thủy khẩu gọi là Cầm; đó là những tiêu chí về địa huyệt phú quý.

Lưng của Triều sơn ở đằng trước hơi khuỳnh lại nghịch một chút với hướng kéo đi của sơn là "Quan". Sơn ở đằng sau mọc ra cánh tay thì gọi là "Quỷ". Sơn nổi lên như con rùa, con cá ở giữa hà lưu gọi là "Cầm". Đá nhọn mọc lên ở Thanh Long Bạch Hổ hơi dịch về phía sau hai bên gọi là "Diệu". Quan, Quỷ, Cầm, Diệu là do Long khí thịnh vượng kết huyệt, tú khí phát lộ ra ngoài mà mọc thêm tay chân.

Phó Văn Ý viết :

"Cầm tinh, Diệu tinh, Quan tinh, Quỷ tinh đều là tú khí của Long phát tiết ra. Chúng nằm ở đằng trước, đằng sau và hai bên Long Hổ, nếu có bốn thứ đó, nhất định sinh ra huyệt địa công hầu khanh tướng".

Họ Bốc viết :

"Phải biết Quan tinh ở đằng trước và Quỷ tinh ở đằng sau, mới có thể thấy kết quả phi



Hình 2-252 :
Hình thức chung của
Quan, Quỷ, Cầm, Diệu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thường. nếu có Cầm tinh và Diệu tinh ở giữa thủy khẩu, nhất định sẽ sinh ra khanh tướng.

Nếu có Diệu tinh và Quan tinh, sẽ xuất hiện gia tộc vương hầu, danh tiếng lâu dài".

LUẬN QUAN TINH

Quan tinh là bổn sơn của Long, sau khi kết Long huyệt vẫn còn dư khí, ở phía ngoài, đối diện với Thanh Long Bạch Hổ, lại đột ngột nổi lên sơn thế, kéo sơn mạch dài ra về đằng trước. Đương nhiên cũng có loại đình trú cước bộ mà nhô lên, gọi là "Hiện Diện Quan", "Hiện Thế Quan".

"Kinh" viết :

"Quan tinh ở đằng trước đa phần nhìn không thấy, nếu nhìn thấy thì gọi là Hiện Thế Quan".

LUẬN DIỆU TINH

Diệu tinh cũng là do quý khí của Long thịnh vượng, sau khi kết huyệt còn phát lộ ra ngoài mà thành. Phàm là ở đằng sau tay Long, Hổ, tay chân của Long, Sa ở đằng trước, đằng sau, ở hai bên, ở Minh Đường, Hạ quan, Thủy khẩu... có tảng đá lớn nhô lên nhọn hoắt, đều là Diệu khí. Phàm là huyệt địa tôn quý linh tú thì có Diệu khí, nếu Diệu tinh to lớn, phú quý sẽ lâu dài, to lớn; nếu Diệu tinh ngắn, nhỏ, phú quý sẽ kém hơn hẳn.

Dương công viết :

"Dù là chân huyệt mà không có Diệu khí, thì cũng chẳng ích lợi gì cho lắm. Cũng như trong nhà vàng ngọc chất đầy, nhưng đời con cháu rất ít người có thể đỗ đạt làm quan. nếu Diệu tinh ngắn, nhỏ, chỉ có một điểm, cũng chỉ có thể sản sinh vài chức quan bình thường. Cho dù có may mắn vài người đỗ đạt, làm quan, thì cũng chết yểu. Nếu Diệu tinh xuất hiện là nhọn hoắt, đứng ngay trên thân Long phía trước, chìa tay ra, thì rất tốt, sẽ có thiếu niên đăng khoa, chiếm bảng vàng Trạng nguyên. Nếu Long sơn giơ hai tay (chỉ) "tiến điền bút", thì năm này qua năm khác liên tục thu nạp lợi tức ruộng đất, vô cùng cát lợi. Nhưng nếu hai tảng đá nhọn hoắt hai bên chĩa mũi nhọn vào nhau, thì là hung hiểm. Các ngọn sơn phong liên tiếp nhấp nhô rồi hạ thấp xuống như bắn thẳng tới đằng trước địa huyệt, thì cha con, anh em sẽ đỗ đạt cùng một năm, được vào triều yết kiến đế vương. Hai loại Cầm tinh, Diệu tinh tôn quý vô cùng, khi xuất hiện kỳ quái trước địa huyệt, sơn thế nhọn hoắt, thuận theo hà lưu, hoặc hướng chếch đi, các phong thủy sư kém tài nhìn thấy sẽ giật mình lo sợ".

Thái Hoa viết :

"Sơn mạch có khi giống như đao, kiếm, thuận thủy mà bay đi. Phong thủy sư kém tài chỉ phán đoán rằng địa thế ấy ắt sẽ khiến người ly hương, mà không biết rằng ở đấy có chân Long trụ vững. Sơn mạch có lúc nhọn như mũi kim, từ hai bên chĩa thẳng vào Long huyệt, địa thế này chẳng những có thể làm cho con cháu đời sau thanh cao phú quý, mà trong nhà còn có vàng chôn, ngọc cất. Sơn mạch có khi chĩa thẳng vào nhau như giao đấu, chẳng những con cháu đời sau có bậc hiền lương làm quan to, mà còn có thần đồng xuất hiện cùng Tam Thai, Bát Tọa (ngụ ý an nhàn). Sơn linh tú, thủy cũng linh tú, sơn thủy linh tú về hình dáng sẽ sản sinh Diệu khí, tưởng như muốn lướt đi mà vẫn trụ lại, trải dài ra đằng trước mà lại trở về, địa thế như vậy ắt có thể làm cho hết thảy mọi người trong gia

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-253 đến 2-255 : Quan Diệu tổng thức

đình giàu sang phú quý. Sơn có Diệu khí, thủy có Diệu khí, thì chẳng sợ sơn mạch nhọn hoắt hay chĩa bay đi. Diệu khí sản sinh trên núi không bằng sản sinh trong nước, nếu trong thủy còn có núi đá trồi lên nhọn hoắt, thì cứ ngồi trong nhà, không ra khỏi cửa, cũng có thể đỗ đạt cao, làm quan to".

Bạch Vân tiên sinh viết :

"Học thuật phong thủy mười năm vẫn chưa nhận ra Long mạch. Hành thuật địa lý mười năm, vẫn chưa biết bí quyết Diệu khí; tìm huyệt cắm mộ mười năm, vẫn chưa biết nên định huyệt như thế nào".

Câu này ngụ ý muốn tinh thông bí quyết Diệu khí thật khó vô cùng.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN QUỶ TINH

Sơn mạch ở đằng sau Long huyệt mọc ra cánh tay như lôi kéo thì gọi là Quỷ tinh, như thế để cho huyệt trường gối lên. Cho nên chỉ có hoành Long kết huyệt mới có Quỷ tinh. Sơn mạch có chìa tay ra ở phía sau Long huyệt hay không là bằng chứng cho biết Long huyệt là chân hay giả.

(Hình 2-256 đến 2-262).



Hình 2-256 : Hoành Quỷ (Quỷ ngang)



Hình 2-257 : Trực Quỷ (Quỷ thẳng)



Hình 2-258 : Viên Quỷ (Quỷ tròn)



Hình 2-259 : Cao Quỷ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-260 : Biến Quỷ



Hình 2-261 : Song Quỷ



Hình 2-262 : Trường đoản Tam Quỷ

Phàm là Quỷ Sơn hay Lạc Sơn đều không nên quá cao, quá lớn, sẽ đoạt mất chân khí của Long huyệt. Chúng có hơn 120 hình dạng, ở đây chỉ giới thiệu 7 hình dạng, từ đó mà suy ra những dạng khác.

LUẬN CẦM TINH

Cầm tinh là sơn thạch ở trong thủy khẩu, còn gọi là Hỏa tinh Hà lạc. Hình dạng của nó giống như cây bút lông, con cá bơi, rùa rắn, kim tương, ấn ngọc, có dài, nhọn, vuông, tròn, cao, thấp, tụ hợp, phân tán. Những hình dạng như vậy của Cầm tinh đều là tôn quý, linh tú.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN VỀ QUÝ TIỆN CỦA SA

Dùng Long huyệt mà phân biệt Sa là cao quý hay ti tiện. Sa giống như mỹ nữ, bất kể tôn quý hay ti tiện, đều phải phục tùng trượng phu. Bản thân Sa cũng có cát lợi và hung hiểm. Nay lựa chọn trong trước tác của nhiều tác giả luận về Sa pháp mà biên tập thành một quyển để phán đoán cát hung.

"Sa pháp" viết :

"Đàm luận về Sa, trước hết phải quan sát sự biến hóa của nó, sau đó phối hợp với thần tinh đoán định nó là chân hay giả. Ấn sơn và Thanh Long, Bạch Hổ gọi chung là Sa. Phân biệt rõ hình tượng của nó, sau viết lại từ đầu. Một vật thể, tỉ dụ một quả núi, núi có tròn, có vát, hình dạng khó miêu tả cho hết. Thay đổi vị trí quan sát vài bước, hình dạng của sơn thế cũng thay đổi. Sa nếu nhọn hoắt chĩa thẳng tới, chao đảo phản hướng, là không cát lợi; nếu đoan trang ngay ngắn, quây tròn, chầu vào trong mới tránh được hung hiểm. Hộ vệ ở hai bên đầy đủ, mới sản sinh bậc học sĩ, trạng nguyên".

Liêu công viết :

"Hình dạng của Sa biến hóa đủ kiểu, vốn không giống nhau, cần hiểu rõ từng dạng mới hiểu sự tình bên trong. Nhiều huyệt địa có cục thế thể chế đế vương, nhưng không phải bảo rằng nhất định sẽ có người làm Hoàng đế, chỉ ngụ ý sẽ có các bậc đại thần kế tiếp làm quan trong triều, kề cận đế vương. Trong Sa có sát khí, phàm nhân không biết, quý tiện rất khó xác định. Nếu phân biệt kỹ càng, thì có tám (8) loại sát khí của Sa là Xạ, Phá, Thái, Áp, Xung, Phản, Đoạn, Tẩu, đều rất hung hiểm. Nay ta giải thích để người khác thông hiểu : Xạ là Sa rất nhọn, chĩa thẳng vào trước Long huyệt, khởi cần bàn; Thái là Sa lệch chếch phương hướng, rất ít lộ đầu, giống như kẻ nghịch tặc không biết hổ thẹn; Phá là Sa giống như sóng tràn qua đầu, chủ về dâm loạn, phóng đãng; Xung là Sa tung hoành cắm thẳng trước huyệt, chủ tai họa liên miên; Áp là Sa ở trước huyệt, trỗi cao vọt lên, giống như

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đẩy tớ khinh nhờn chủ nhân; Phản là quay mình hướng về phía Triều sơn, chủ vĩnh viễn phiêu bạt bất định; Đoạn là dưới đầu não đột khởi Sa sơn, không ai dám hạ huyệt ở đó; Tẩu là Sa nghiêng mình bay đi, không hề muốn quay lại. Nếu Chân Long trừ khử được sát khí, thì họa phúc cuối cùng đều rời bỏ. Chọn cát tránh hung là điều chủ yếu phải xem xét kỹ ngay phía trên Long huyệt mới được".

Ngô công viết :

"Nếu trong Sa có "sát", trong lòng phải hiểu rõ ràng, trước khi cắm huyệt cũng phải có chủ trương, phán đoán. Nếu Sa dựng đứng, chọc thẳng lên mây, sơn thế nhọn hoắt, chĩa thẳng tới, đều phải tránh xa mới mong thoát tai họa".

Họ Bốc viết :

"Ngọn giáo, cây thương nhọn hoắt vốn là hung khí, nếu ở trong tay võ sĩ sẽ trở thành kỳ tích. Cái xác nổi trên sông vốn là không cát tường, nhưng nếu gặp một bầy quạ ở đó thì biến thành cát lợi".

Hình 2-263 đến 2-474

KIM TINH



Hình 2-263 : Kim tinh thức

Chính thể Kim tinh giống như cái nắp (vung) nồi gang, chủ gia tộc vinh hoa phú quý. (H. 2-263).



Hình 2-264

Thái Âm Kim tinh hình dạng giống như phong nguyệt (trăng đầy đặn), đời con đời cháu vĩnh viễn phú quý vinh hoa. (H. 2-264).



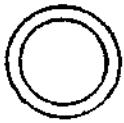
Hình 2-265

Tử Vi Kim tinh giống chiếc chuông, gia tộc đời sau vĩnh viễn phú quý (H. 2-265).



Hình 2-267

Tọa hạ Thái Âm giống như nga my (râu con ngài), đời con đời cháu sẽ làm đến chức đệ nhất phán quan (H. 2-267).



Hình 2-268

Thủy tùng Kim tinh là huyệt địa chính đại, đời con cháu sẽ làm đến chức đại thần, đai lưng nạm vàng ngọc (H. 2-268).



Hình 2-269

Chính thể Kim tinh là văn bút, đời con cháu sẽ đỗ đạt, được phong quan chức (H. 2-269).



Hình 2-270

Sơn La y thì giống như cái gáo úp vào phía trong, chủ thăng quan tiến chức (H. 2-270).



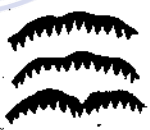
Hình 2-271

Tịch mạo sơn đoan chính khoanh tròn, Án sơn phất cờ, đời con cháu sẽ đời đời ở cấp chỉ huy (H. 2-271).



Hình 2-272

Xướng nặc sơn nếu mặt trước triều bái, thì đời con cháu liên tiếp làm đại quan (H. 2-272).



Hình 2-273

Án sơn ở đằng trước nếu giống như nơi quân đội dừng chân đóng trại, thì đời con cháu sẽ có quan đô thống chỉ huy quân doanh (H. 2-273).



Hình 2-274

Kim tinh khai khẩu (há miệng), nếu cũng đoan chính như Tịch mạo sơn, thì sự phú quý của đời con cháu có thể ổn định, song toàn (H. 2-274).



Hình 2-275

Thiên mã nam phương sẽ chỉ sinh ra đại quý nhân, không phải là phương vị tầm thường (H. 2-275).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-276

Sơn thể hình Tịch mạo nếu nhô lên từ Long mạch, thì con trưởng nhất định sẽ làm quan (H. 2-276).



Hình 2-277

Sơn hình Thiên mã nếu mang nha đao (đao nhọn như dao quắm), sẽ xuất hiện võ quan, anh hùng nơi biên ải (H. 2-277).



Hình 2-278

Bên ngoài Sơn Thái Âm nếu lại có Sơn Thái Dương, thì gia đình sẽ có quan thái giám tôn quý hầu cận quân vương (H. 2-278).



Hình 2-279

Hỏa tinh nếu cắm vào Thái Dương, nhà sẽ có người làm quan trong quân đội (H. 2-279).



Hình 2-280

Bút phong ở đằng trước, sẽ sinh quý nhân, làm quan cao nhất quản lý kho tàng (H. 2-280).



Hình 2-281

Hoa Mạnh Tam Thai giống như ngọc diệp (lá ngọc) nối liền vào nhau, con cháu đời sau tay cầm thẻ bài và phò tá triều đình. (H. 2-281).



Hình 2-282

Sơn thể béo mập, đầy đặn như cái chuông úp, gia tộc có nhiều thần đồng, được tiến cử. (H. 2-282).



Hình 2-283

Sơn quý nhân dưới chân núi có một tử sơn, ngày sau sẽ có đại quý nhân giữ chức giám trảm quan trong triều đình. (H. 2-283).



Hình 2-284

Hơi bốc ngùn ngụt trên đỉnh núi, khí thế xâm nhập tầng mây, nhất định sẽ sinh đại quý nhân làm đến chức Thượng thư trong triều (H. 2-284).



Hình 2-285

Kim tinh giống như sơn cốc liên tiếp, không gián đoạn, chủ con cháu đời sau sẽ được hưởng lộc của triều đình (H. 2-285).



Hình 2-286

Tẩu mã Kim tinh xuất hiện từ phía, sẽ sản sinh quý nhân như tri huyện, tri phủ (H. 2-286).



Hình 2-287

Màn trước của quần sơn xuất hiện Kim tinh, con cháu đời sau sẽ có vài Trạng nguyên. (H. 2-287).



Hình 2-288

Sơn Diễm bình giống như binh tướng dàn trận, gia tộc nhất định sẽ có quý nhân làm Tể tướng (H. 2-288).



Hình 2-289

Sơn Thiên Mã đuổi gấp sơn tiểu mã, danh tiếng của gia tộc sẽ lẫy lừng thiên hạ (H. 2-289).



Hình 2-290

Sơn Tịch mạo đầy đặn giống Tam Thai, ở giữa nhô cao, hai bên thấp bé (H. 2-290).



Hình 2-291

Sơn Tịch mạo đoan chính đối diện, con cháu đời sau có nhiều quý nhân làm quan (H. 2-291).



Hình 2-292

Sơn Tịch mạo cao to nhưng lại mờ nhạt, mơ hồ, chủ đời sau có đại quan, nhưng không có thực quyền (H. 2-292).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-293

Sơn thể như chuông đồng Khánh ngọc, gia đình sẽ chuyển sang vận tốt (hảo vận), có người làm quan đến chức giám sư. (H. 2-293).



Hình 2-294

Song ngư giáp Mộc thì gọi là Tham Lang, con cháu đời sau sẽ bái làm Thừa tướng, triều đường vững vàng (H. 2-294).



Hình 2-295

Đương diện là Thái Âm Kim tinh, thì sẽ làm quan trị phủ thanh liêm (H. 2-295).



Hình 2-296

Sơn hình cái vung, đằng trước có ba ngọn hình bán nguyệt là Thái Âm Kim tinh, sẽ có quý nhân làm trị huyện, trị phủ. (H. 2-296).



Hình 2-297

Dưới chân Tam Thai có hình giống như hồng kỳ (cờ đỏ) thì sẽ sinh ra đại tướng thống lĩnh ba quân, uy danh lừng lẫy. (H. 2-297).



Hình 2-298

Sơn hình người cao lớn, mà sơn hình ngựa thấp nhỏ, gia đình sẽ có người làm đại tướng. (H. 2-298).



Hình 2-299

Tham bái Long thì giống như quỳ vái, đời sau nhất định có người làm tri châu, huyện lệnh (H. 2-299).



Hình 2-300

Ngưỡng chưởng Sơn (núi ngửa lòng bàn tay) thì gia nghiệp phát đạt, giàu có hơn cả Thạch Sùng (H. 2-300).



Hình 2-301

Nếu thấy sơn như hình chiếu chỉ (của vua) mở ra, thì con cháu đời sau sẽ có người làm Phò mã (H. 2-301).



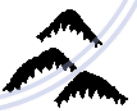
Hình 2-302

Sơn bày ra ở hai bên, vừa nhìn đã thấy Ấn Sơn, thì đúng là kỳ tích (H. 2-302).



Hình 2-303

Sơn thể giống như đao, kiếm bày ra ở đằng trước, con cháu đời sau nhất định làm quan rất hiển hách (H. 2-303).



Hình 2-304

Sơn thể nếu giống mũ ngọc, áo dát vàng, thì sẽ sản sinh ra Hoàng hậu, con cháu đời sau được vời vào cung đình. (H. 2-304).



Hình 2-305

Sơn đằng trước có hình bán nguyệt, quả phụ không phải lo nghèo đói (H. 2-305).



Hình 2-306

Sơn đằng trước giống đầu thanh kiếm, gia nghiệp sẽ đại phú mãi mãi (H. 2-306).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-307

Quý tinh bay vào vị trí Minh Đường, chủ có người thăng quan tiến chức (H. 2-307).



Hình 2-308

Mã sơn cao (núi ngựa cao), Nhân sơn (núi người) thấp, chủ con cháu đi lính, làm dịch sứ (chạy ngựa trạm) (H. 2-308).



Hình 2-309

Sơn thế có hình dáng Thiên Mã mà lại có Mộc, hỏa cước, chủ sát khí (H. 2-309).



Hình 2-310

Nếu có Quan trường sơn xuất hiện, thì đường công danh không tốt, sẽ gặp họa ngục tù nhiều năm (H. 2-310).



Hình 2-311

Sơn đằng trước giống như cái móc câu, thì con cháu sẽ hành nghề trộm cắp (H. 2-311).



Hình 2-312

Kim tinh rửa chân mà nhô đầu nhọn, đời con cháu làm nghề trộm cướp, gây hại dân. (H. 2-312).



Hình 2-313

Kim tinh đằng trước tới khắc Mộc, sẽ bỏ vợ con, phát sinh ôn dịch, hỏa hoạn v.v... (H. 2-313).



Hình 2-314

Trên lưng Kim tinh có suối nước chảy ra, con cháu đời sau mắc bệnh bàng quang từ nhỏ. (H. 2-314).



Hình 2-315

Sơn hiến hoa (núi tặng hoa) chủ về người dâm loạn phóng đãng, con gái trong nhà chung đụng với người ngoài (H. 2-315).



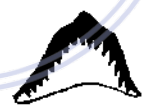
Hình 2-316

Bên ngoài thân mang sát khí, Thiên Mã cùng sẽ hóa thành thợ thủ công (H. 2-316).



Hình 2-317

Thiết mạo sơn (núi mũ sắt) chủ về người trong quân đội, nếu phạm tội sẽ bị điều đi châu quận khác (H. 2-317).



Hình 2-318

Nếu thấy quý tinh Kim, Hỏa kết lại, khi đi nhậm chức sẽ bị tai họa binh lửa (H. 2-318).



Hình 2-319

Làm quan mà không có địa vị thực quyền, chỉ được tiếng lỗi lạc (H. 2-319).



Hình 2-320

Làm quan nếu không có quý tinh, nhất định sẽ cô đơn. (H. 2-320).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-321

Sơn quý nhân vì có phòng giam tù nhân, mang theo sát khí, nên bị xiềng xích và bị chém đầu ở pháp trường (H. 2-321).



Hình 2-322

Núi Kim tinh sinh ra vài cái móng tay nhỏ, làm thợ may sẽ có kỹ xảo (H. 2-322).



Hình 2-323

Túy ông sơn (núi ông lão say rượu), con cháu đời sau sẽ bán hết điền sản, học nghề ca xướng, đóng trò hề (H. 2-323).



Hình 2-324

Sơn thể tựa như ôm ngực, chủ con cháu du thủ du thực, phóng đãng (H. 2-324).



Hình 2-325

Sơn thể như trống, phách, sênh, tiêu (bốn thứ nhạc cụ) đang lúc diễn kịch, diễn trò, thì sẽ sinh ra con, em phiêu lãng (H. 2-325).



Hình 2-326

Huyền châm Long tại tam thoa lộ khẩu dùa vui, đầu nhọn, thân thể thô thiển (H. 2-326).



Hình 2-327

Sơn thích phối (thích chữ vào mặt và bị đày đi xa) thì trong nhà có người bị hạ ngục, bị tử hình ở pháp trường để đền mạng cho người khác.
(H. 2-327).



Hình 2-328

Sơn thể dạng này chủ về người nhà bị giam cầm trong ngục cho đến chết cũng không thanh bạch (H. 2-328).



Hình 2-329

Long sơn hình ngựa chủ làm nghề thủ công (H. 2-329).



Hình 2-330

Hồ lô sơn mang theo túi hành lý, đời con cháu làm nghề bán trâu, bò, heo (H. 2-330).



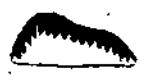
Hình 2-331

Núi phía ngoài là Thái Âm, núi phía trong là Tiểu Dương giống hình bán nguyệt, thì tương lai sẽ như mĩ tì theo hầu người ta (H. 2-331).



Hình 2-332

Trên mặt Án sơn có dòng suối chảy dài, thì trong nhà có người mắc bệnh đường tiết niệu, nước tiểu dầm dề (H. 2-332).



Hình 2-333

Núi bị gãy sống lưng (quyết tích sơn) giống như người nằm sấp, chủ trong nhà có người phạm tội nặng, sẽ bị hành quyết.
(H. 2-333).



Hình 2-334

Long hình dạng này, chủ người nhà bị tội thích chữ vào mặt, đi dày nơi xa (H. 2-334).



Hình 2-335

Đằng trước Mã sơn có Thương sơn (núi nhọn như cây thương) theo hà hưu mà chòi ra, đời con cháu có kẻ đi ăn cắp ngựa, bị đày nơi xa (H. 2-335).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-336

Sơn độc lạc giống như cái hồ lô, đời con cháu lấy việc chữa bệnh làm chức phận (H. 2-336).



Hình 2-337

Sơn Thái Âm ở trên cổ có sơn lộ quấn quanh quá dài, chủ con trai trong nhà chết treo trên xà nhà (H. 2-337).



Hình 2-338

Sơn Thái Âm trên đầu có sơn lộ vòng quanh rất dài, chủ con gái, phụ nữ trong nhà gặp tai họa lớn (H. 2-338).



Hình 2-339

Kim tinh có hỏa cước rất dài, trong nhà có người bị bắt đi làm quân dịch (H. 2-339).



Hình 2-340

Dưới chân Kim tinh giống như sóng lượn, chủ gia đình phóng đãng, bất định cư (H. 2-340).



Hình 2-341

Dưới chân Kim tinh có sát khí, gia nhân cô đơn, nghèo khó khiến người thương tâm. (H. 2-341).



Hình 2-342

Kim tinh từ ngực trở xuống mọc cỏ và lá, đời con cháu hành nghề trộm cướp (H. 2-342).



Hình 2-343

Dưới chân Kim tinh kéo theo Hỏa tinh, gia nhân đánh chết người, bị bắt đi quân dịch. (H. 2-343).



Hình 2-344

Đỉnh núi tròn trịa, tăng đạo hưng khởi từ nơi này mà lan ra (H. 2-344).



Hình 2-345

Sơn trang điểm nhô lên hai đầu, thì không khác gì Mã sơn (sơn hình ngựa) (H. 2-345).

MỘC TINH

Dạng cát lợi của Mộc tinh :



Hình 2-346

Chính thể Mộc tinh giống như tay cầm thẻ ngà, chủ gia nhân làm quan trong triều (H. 2-346).



Hình 2-347

Nhất Mộc thì giống như cây huyền cầm đặt ngang, đời con cháu sẽ có quan tri huyện có thanh danh (H. 2-347).



Hình 2-348

Trác Mộc sơn chủ khoa giáp khôi nguyên, đời con cháu có quý nhân làm vương hầu. (H. 2-348).



Hình 2-349

Phía trên Long thể mọc ra nha đao, chủ đời con cháu có quý nhân mặc áo cẩm bào. (H. 2-349).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-350

Trên mình Hổ sơn mọc ra nha đao, đời con cháu có tướng lĩnh chỉ huy vạn binh sĩ (H. 2-350).



Hình 2-351

Diệu tinh nhô cao hẳn lên, chủ xuất hiện đại quý nhân, làm đến chức vương, bá (H. 2-351).



Hình 2-352

Trước mành có hai ngọn Mộc tinh, chủ quan vận tôn quý, huynh đệ cùng đỗ cao một khoa thi (H. 2-352).



Hình 2-353

Một cặp Kim chi, ngọc chi là cách song kỳ phong, chủ hai người đồng thời làm quan. (H. 2-353).



Hình 2-354

Văn phong nếu nằm ở thủy khẩu, ắt có quý nhân làm tri huyện, tri châu (H. 2-354).



Hình 2-355

Sơn thể giống như ba bông hoa lau, gọi là Trạng nguyên Long, đời sau có người làm Tể tướng, Tam công... (H. 2-355).



Hình 2-356

Sơn thể giống như hai đài hoa trên hai cây ăn quả, chủ huynh đệ cùng đi thi chiếm bảng vàng Trạng nguyên (H. 2-356).



Hình 2-357

Năm, sáu Mộc tinh nhô lên dằng trước, chủ võ quan, thống lĩnh binh quyền (H. 2-457).



Hình 2-358

Tham Lang tinh lấy hoa lau làm đai ngăn, chủ đời sau tháo bỏ y phục cũ rách, thi đỗ Trạng nguyên (H. 2-358).



Hình 2-359

Đồng ngư nhất Mộc nằm ở thủy khẩu, đời con cháu làm quan mãi mãi (H. 2-359).



Hình 2-360

Mộc tinh độc cước không có lình sóng vỗ, con cháu ngôi trưởng sẽ phát tài (H. 2-360).



Hình 2-361

Mộc tinh tú mộc tọa tại triền trung thì đời đời sẽ giữ chức Tam công (H. 2-361).

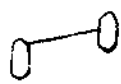
downloadsachmienphi.com
Tải Sách Hay | Đọc Sách Online

Dạng hung hiểm của Mộc tinh :



Hình 2-362

Nhất mộc giống như phiến gỗ, con cháu làm thư lại ở cửa công (H. 2-362).



Hình 2-363

Một Mộc tinh rồi lại tiếp một Mộc tinh, con cháu đời sau ắt bị tịch thu gia sản sung công quỹ (H. 2-363).



Hình 2-364

Muốn nhận biết Quân Sa Mộc, phải tìm dưới ngọn hỏa phong cao lớn (H. 2-364).



Hình 2-365

Mộc tinh bị cách đoạn, chủ có quý nhân làm quan nhưng không có thực quyền. (H. 2-365).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-366

Sơn thể giáp hung tinh, tất đang làm quan bị huyền chức. (H. 2-366).



Hình 2-367

Nếu bên cạnh quan tinh quý nhân có tử nhân (người chết) làm bạn, phải đến già mới được làm quan (H. 2-367).



Hình 2-368

Nếu Mộc tinh lôi kéo hỏa cước quá dài, chủ gia nhân cướp đoạt tiền của, bị nhốt vào ngục. (H. 2-368).



Hình 2-369

Mộc tinh đổ nghiêng mang hỏa cước, chủ gia nhân làm nghịch tặc, bị què chân (H. 2-369).

THỦY TINH

Dạng Thủy tinh cát lợi :



Hình 2-370

Chính thể Thủy tinh giống như mành, trướng, chủ gia tộc đời sau tôn quý, liên tiếp hưởng lộc của triều đình (H. 2-370).



Hình 2-371

Án sơn xếp tầng lỗi lạc, sẽ có người làm tướng điểm binh. (H. 2-371).



Hình 2-372

Bố trận sơn (sơn bày trận) nhô lên cao lớn, chủ tướng quân đánh trận đều thắng, được thăng quan tiến chức. (H. 2-372).



Hình 2-373

Tiền sơn có hình dạng này, chủ gia nghiệp ban đầu giàu có, về sau gia nhân đỗ đạt làm quan (H. 2-373).



Hình 2-374

Thủy tinh mang hỏa cước, thì giống như mang cây thương dài, chủ gia nhân làm võ quan (H. 2-374).



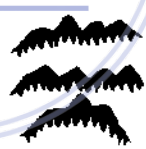
Hình 2-375

Trong màn có mỹ nhân xuất hiện, chủ nữ nhân được quý nhân ân quyền (H. 2-375).



Hình 2-376

Quý tinh trùng trùng điệp điệp, chủ đời sau có quý nhân thăng quan tiến chức (H. 2-376).



Hình 2-377

Sơn thể như phượng hoàng tung cánh bay lên mây, chủ đời sau xuất hiện Trạng nguyên vinh quy bái tổ, làm quan trong triều đình (H. 2-377).



Hình 2-378

Thanh sơn tựa như Hoa Cái, đời con cháu hưởng vinh hoa phú quý mãi mãi (H. 2-378).



Hình 2-379

Sơn thể giống như đầu thẻ ngà nhô lên mây xanh, chủ quý nhân phò tá quân vương cai quản chính sự, được vua chúa yêu vì (H. 2-379).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-380

Tay cầm thẻ tre của quan, quý nhân xuất sinh tại Long môn địa, phú quý vô hạn (H. 2-380).



Hình 2-381

Thủy tinh Bình trường không có sóng dưới chân, chủ đời con đời cháu có sĩ phu thông minh (H. 2-381).



Hình 2-382

Thủy khẩu có núi tròn là đất Tam Cát, có thể cứu giúp khó khăn cho muôn người. (H. 2-382).



Hình 2-383

Các ngọn núi quần tụ nhiều lớp, chủ gia tộc nhiều tiền của, ruộng vườn, lương thực sung túc (H. 2-383).



Hình 2-384

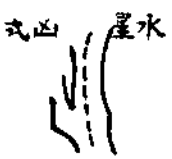
Núi đằng trước nhô cao một ngọn tháp phần đoan chính, chủ quý nhân che chở cho sự yên ấm của muôn người. (H. 2-384).



Hình 2-385

Ngọn núi kế tiếp nhô cao hơn lên, địa thế này chủ sản sinh anh hùng hào kiệt (H. 2-385).

Dạng Thủy tinh hung hiểm :



Hình 2-386

Thủy tinh đổ nghiêng là Văn Khúc, chủ đời sau bán hết ruộng vườn, sa vào rượu chè. (H. 2-386).



Hình 2-387

Phan kỳ Văn Khúc (phan kỳ - cờ phướn) chủ đạo sĩ khổ hạnh. (H. 2-387).



Hình 2-388

Hoa phướn phất phất, chủ cao tăng hiền minh, lễ bái Phật tổ Thiên Trúc (H. 2-388).



Hình 2-389

Dạng Thủy tinh ngỗ nghịch này không nên cắm mộ. Nếu táng ở đây, con cháu đời sau sẽ bị bại tuyệt (H. 2-389).



Hình 2-390

Một sơn phong cao, một sơn phong thấp, con cháu đời sau lạn bại (H. 2-390).



Hình 2-391

Một núi hướng đi, một núi chắn vòng lại, chủ con cháu nhiều đời làm nghề trộm cắp (H. 2-391).



Hình 2-392

Sơn Long có hình dạng mông dê thì con đánh lại cha, còn Hổ sơn như thế thì con đánh mẹ (H. 2-392).



Hình 2-393

Sơn bất hiếu có hình dạng như con chó, chân núi lại như có mây bay đi (H. 2-393).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-394

Núi có hình dạng như người nằm phục, chủ con cháu bị tống ngục hoặc đưa ra pháp trường (H. 2-394).



Hình 2-395

Thủy tinh mọc chân giống như lớp sóng lăn tăn, chủ đời sau nữ nhân dâm đãng, nam nhân phóng đãng (H. 2-395).



Hình 2-396

Thủy tinh kéo chân Hỏa tinh, tất con cháu có kẻ giết người. (H. 2-396).



Hình 2-397

Núi có hình dạng này gọi là sơn ngật thực (núi ăn cơm), tuyệt đối không thể mai táng ở đây (H. 2-397).



Hình 2-398

Núi ly hương thì phần đầu hướng ra ngoài, không nên mai táng ở đây (H. 2-398).



Hình 2-399

Mai táng ở địa thế hình thành có đầu trong này thì con cháu chết dần (H. 2-399).

HỎA TINH

Dạng Hỏa tinh cát lợi :



Hình 2-400

Ba cây bút nhọn, thẳng, không nghiêng lệch, chủ sinh quan viết sử, trí châu hoặc Trạng nguyên (H. 2-400).



Hình 2-401

Các ngọn núi xếp thành lớp như hỏa diệm sơn đẹp đẽ, như lâu đài cung điện, chủ sinh các vị học sĩ (H. 2-401).



Hình 2-402

Có ba ngọn núi nhọn, chủ có nhiều người đỗ đạt, văn chương như thần, gọi là Bảng vàng sơn (H. 2-402).



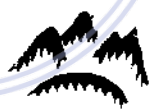
Hình 2-403

Bên ngoài Bảng vàng sơn, Hỏa tinh nhô lên cao nhọn, chủ đời sau có người làm quan bố chính, đề hình (H. 2-403).



Hình 2-404

Bút sơn nhô cao nhọn hoắt, chủ con cháu đỗ đạt cao (H. 2-404).



Hình 2-405

Hình dạng sơn phong khí thế đằng đằng này chủ có tướng quân thống lĩnh binh quyền. (H. 2-405).



Hình 2-406

Năm, sáu ngọn Hỏa tinh hộ vệ đoan chính, chủ con cháu nhất định có người làm Tể tướng. (H. 2-406).



Hình 2-407

Trạng nguyên bút chia thẳng lên mây, chủ đời sau có con cháu chiếm khoa bảng cao. (H. 2-407).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-408

Hỏa tinh nhọn và đẹp, chủ xuất hiện Trạng nguyên, Tể tướng (H. 2-408).



Hình 2-409

Hai ngọn Hỏa tinh cùng chĩa thẳng lên trời xanh, chủ anh em cùng đỗ Trạng nguyên. (H. 2-409).



Hình 2-410

Chu Phan bảo cái Long, bên tả chủ sinh công hầu, bên hữu chủ sinh Hoàng phi (H. 2-410).



Hình 2-411

Văn bút phong chĩa thẳng lên mây, chủ sinh văn sĩ tinh thông kinh sử (H. 2-411).



Hình 2-412

Hỏa tinh, nếu có thể thấy thiên nhãn (mắt trời), thì sẽ xuất hiện quý nhân vô cùng tôn quý. (H. 2-412).



Hình 2-413

Một Hỏa tinh giáp hai Hỏa tinh, sẽ xuất hiện quý nhân làm quan chép sử hoặc đề lĩnh. (H. 2-413).



Hình 2-414

Hỏa tinh nhô cao ngàn trượng, chọc thẳng lên trời xanh, đời sau sẽ xuất hiện văn sĩ đại tài mà còn làm đại quan (H. 2-414).



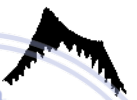
Hình 2-415

Hỏa tinh cứng cỏi chọc thẳng lên không trung, chủ xuất hiện tướng lĩnh và thiết lập võ điện (H. 2-415).



Hình 2-416

Thượng điện kiếm sơn chủ xuất vị công thần, không phải là loại quý nhân tầm thường. (H. 2-416).



Hình 2-417

Hỏa tinh liên tướng giống như một ngọn cờ, chủ xuất hiện quan viên chỉ huy ngàn hộ. (H. 2-417).



Hình 2-418

Quý nhân văn bút phong (sơn) nhỏ lên ở đằng trước, chủ xuất hiện quan viên (H. 2-418).



Hình 2-419

Đằng sau tiểu sơn nhọn chĩa lên, là xuất hiện tướng công bút, thông phán v.v... (H. 2-419).



Hình 2-420

Kỳ sơn làm Án sơn mà ngay ngắn, chủ xuất hiện chức quan chỉ huy ngàn hộ (H. 2-420).



Hình 2-421

Văn bút đặt cạnh nghiên mực, chủ xuất hiện quan điển sứ, phủ lại (H. 2-412).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Dạng Hỏa tinh hung hiểm :



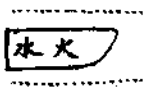
Hình 2-422

Hỏa tinh đổ nghiêng mà nhọn đầu, sẽ xuất hiện con bất hiếu (H. 2-422).



Hình 2-423

Hỏa tinh nếu đổ nghiêng, chủ đơn từ kiện tụng. (H. 2-423).



Hình 2-424

Hà lưu chảy vòng Long thổ, Hỏa tinh nhọn đầu, ắt đem ruộng vườn hiến tặng cho gia tộc khác (H. 2-424).



Hình 2-425

Đao sơn từ bốn phía chĩa tới, chủ gia nhân bị thụ hình nơi pháp trường mà không có ai đến nhận xác (H. 2-425).



Hình 2-426

Dưới chân Kỳ sơn (núi cờ) trông như núi lửa chao động, tất biến thành quân sa (H. 2-426).



Hình 2-427

Hỏa tinh cương ngạnh giống ngọn phi thương bắn về phía trước Minh Đường thì sẽ bị thương tổn. (H. 2-427).



Hình 2-428

Hỏa tinh có hình dạng này, hai người nhà đi thì tất không đỗ cả hai (H. 2-428).



Hình 2-429

Bút sơn thiên lệch, tai nhô lên, chủ xuất hiện thợ thủ công khéo tay (H. 2-429).



Hình 2-430

Hoa phướn đột khởi, đỉnh nhọn, chủ xuất hiện tăng nhân đạo sĩ khổ hạnh. (H. 2-430).



Hình 2-431

Một ngọn núi đè trên một ngọn khác, con cháu nhiều người bị nạn cướp bóc. (H. 2-431).



Hình 2-432

Đao sơn từ hai bên chĩa vào, chủ con cháu đoạn tuyệt, thi thể bị người khác đem đi mất (H. 2-432).



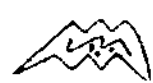
Hình 2-433

Ba, bốn quả núi nhọn chĩa thẳng vào một quả núi, chủ về bị tiện nhân giết hại. (H. 2-433).



Hình 2-434

Kỳ sơn (núi cờ) có nhiều hỏa cước, con cháu làm quan đều tham nhũng và phạm pháp (H. 2-434).



Hình 2-435

Trên đỉnh Kỳ sơn thấy đá lổn nhổn, hoặc ở giữa Kỳ sơn cũng thấy như vậy, thì đánh trận nào thua trận ấy (H. 2-435).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-436

Chân của Hỏa tinh có sóng màu hồng, thì chủ nhân sẽ bị bệnh lao, nhà cửa bị hỏa hoạn (H. 2-436).



Hình 2-437

Hỏa tinh đổ úp có ba miệng núi, chủ gia nhân bị bắt đi lính ở xa (H. 2-437).



Hình 2-438

Trước cửa nếu có các thạch lục phân bố, chủ có tang (H. 2-438).

THỔ TINH

Dạng Thổ tinh cát lợi :



Hình 2-439

Thổ tinh giống bức bình phong, núi hai bên rất dày, chủ có văn nhân (H. 2-439).



Hình 2-440

Thổ tinh có vải trùm đầu, đời sau gia tộc phú quý, chủ sinh công hầu (H. 2-440).



Hình 2-441

Thổ tinh như nồi ngọc chuông đồng, chủ đời sau sinh Trạng nguyên và Tam công, đại phú nhân (H. 2-441).



Hình 2-442

Thổ tinh hình dạng bình phong gấp khúc hai bên, chủ gia nghiệp đời sau giàu có hiếm ai sánh kịp (H. 2-442).



Hình 2-443

Đằng trước có ba gò đất dạng này, chủ sinh quý nhân, làm tới chức tri phủ (H. 2-443).



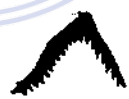
Hình 2-444

Đằng trước như tấm đệm, chủ sinh quý nhân (H. 2-444).



Hình 2-445

Trên gò đất bằng (bình thổ) chợt nhô lên văn bút phong, chủ sinh quý nhân viết văn, dạy học. (H. 2-445).



Hình 2-446

Phía ngoài Bảng vàng sơn còn có Quý nhân sơn, đời sau nhất định sinh bác học (H. 2-446).



Hình 2-447

Bảng vàng sơn phân cư tại hai bờ, đời con cháu liên tiếp thăng quan tiến chức (H. 2-447).



Hình 2-448

Đằng trước có một sơn phong giống như ngự bình, chủ đời sau giàu có, sinh quý nhân làm quan (H. 2-448).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-449

Chấp hốt sơn (núi cầm thẻ bài) triều bái trước mặt, đời sau sẽ có Tể tướng đứng đầu bá quan. (H. 2-449).



Hình 2-450

Địa thế hình dạng này gọi là "Bảng thổ mộc la", chủ xuất hiện quý nhân vào hàng công hầu khanh tướng (H. 2-450).



Hình 2-451

Địa thế này gọi là Thổ diện Kiếm sơn, chủ đời sau có công thần (H. 2-451).

Dạng Thổ tinh hung hiểm :



Hình 2-452

Trên đầu một Thổ tinh mọc lên hai ngọn Thổ linh, chủ đời con và đời cháu (hai đời) bị tán gia bại sản (H. 2-452).



Hình 2-453

Sườn Bảng vàng sơn có Phá Quân, chủ quan viên bị huyền chức, gia nghiệp lạc bại. (H. 2-453).



Hình 2-454

Sơn dạng này gọi là Trù quỳ sơn, có ngọn nhọn nhô ra, chủ đời sau cháu ngôi trưởng làm nghề bán tạp hóa (H. 2-454).



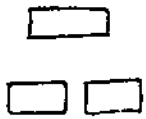
Hình 2-455

Sơn hình dạng này gọi là Phân Ki sơn (núi hót phân), chủ gia nghiệp thối bại (H. 2-455).



Hình 2-456

Phía trên núi lại có hai ngọn núi, chủ gia nhân bị tù ngục, đời con cháu gặp nhiều tai họa. (H. 2-456).



Hình 2-457

Ba quả núi trước sau như bày trống, đời sau gia nghiệp tất bị lụn bại (H. 2-457).



Hình 2-458

Sơn Lộc Tồn dạng này, chủ con cháu bị què quặt và câm. (H. 2-558).



Hình 2-459

Dằng trước Thổ, đằng sau Hỏa, lại có đường khí bay chênh chếch đi, chủ đời sau con cháu làm nghề trộm cướp, rời bỏ quê hương (H. 2-459).



Hình 2-460

Thổ tinh đem sóng Hỏa, chủ gia nhân bị phù thũng, tính cách phóng đãng (H. 2-460).



Hình 2-461

Hai đầu của Thổ tinh đều là Hỏa, chủ đời con cháu làm quân nghịch tặc, cuối đời hung họa (H. 2-461).



Hình 2-462

Chấp hốt sơn (núi cầm thẻ ngà) mà không đoan chính ngay ngắn, dù làm quan cũng không có ấn (H. 2-462).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-463

Thổ tinh kéo chân Hỏa, lại nhọn và dài, chủ gia nghiệp đời sau lụn bại, con cháu bị sung vào quân dịch (H. 2-463).



Hình 2-464

Một đầu cao, một đầu thấp, giống án thư, chủ nhiều đời xuất hiện thư sinh (H. 2-464).



Hình 2-465

Sơn thể ở hai bên đều có đầu, nhưng chúi thấp, chủ con cháu cực kỳ lười biếng (H. 2-465).



Hình 2-466

Long sa sơn môi nhọn mà dài, con trai trưởng tính cách cực kỳ hung hãn (H. 2-466).



Hình 2-467

Hổ sa sơn miệng nhọn mà dài, chủ con cháu ly hương. (H. 2-467).



Hình 2-468

Hai bên sinh ra hai tiêm sa (sa nhọn), chủ nữ nô tì sẽ sinh con làm đại quan (H. 2-468).



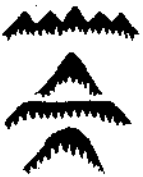
Hình 2-469

Tả sơn (sơn bên trái) mang cờ trống, chủ con cháu đời sau làm quan văn và võ tướng. (H. 2-469).



Hình 2-470

Hữu sơn (sơn bên phải) mang cờ trống, chủ con cháu đời sau làm quan phụ trách ngàn hộ. (H. 2-470).



Hình 2-471

Long lâu, Phượng các (H. 2-471).



Hình 2-472

Đế tòa (H. 2-472).



Hình 2-473

Song đồng giảng thư (H. 2-473).



Hình 2-474

Phúc thọ văn tinh (H. 2-474).

Bên trên là các dạng thức của Sa, dựa theo sự biến hóa của Ngũ tinh mà đoán cát hung, nhưng hình dạng của Sa không dừng lại ở đây, còn nhiều dạng thức khác. Người thông minh căn cứ vào ví dụ liệt kê mà đoán ra các dạng thức khác.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 4

THỦY PHÁP

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Cảo Lục
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiên Dung

THỦY PHÁP TỔNG LUẬN

Quản Tử nói :

"Thủy là huyết mạch của Long, lưu động thông suốt cân mạch (gân). Cho nên "Táng Thư" lấy Thủy làm ngoại khí, quả thực là có lý".

"Tây Sơn" lại nói :

"Giữa hai hà lưu nhất định có Long mạch tồn tại, một khi hai hà lưu giao hội, Long khí ắt phải dừng. Hà thủy phân lưu, Long khí sẽ tiêu tán. Hà thủy hợp lưu, Long khí ắt ngưng tụ. Thủy lưu sâu thẳm, bách tính (dân chúng) sẽ đa phần no đủ; thủy lưu nông cạn, bách tính đa phần nghèo túng. Nơi thủy lưu hội tụ, dân cư thường đông đúc. Nơi hà thủy phân lưu, dân cư ly tán. Như vậy, hà thủy có quan hệ mật thiết đến họa phúc của mọi người. Nhưng, hà lưu có lớn có nhỏ, lưu trình có xa có gần, thủy đạo có nông có sâu, đều liên quan đến họa phúc, hung cát. Lai thủy (nước chảy đến) nên quanh co, không nên đâm thẳng tới, hình cục của thủy nên tạo thành thế bao quanh. Khứ thủy (nước chảy đi) nên ngoằn ngoèo, đi lại quay lại, không nên chảy thẳng đi một mạch. Thủy hội tụ nên có hình thế ngưng bế; đứng trên huyệt mà ngắm, không nên thấy thủy chảy thẳng tới phía huyệt hoặc từ phía huyệt chảy thẳng đi cuồn cuộn. Thế nước không nên gấp gáp, không có dáng dấp phá phách, chảy đi mà vẫn hữu tình, còn ngoái lại phía huyệt vòng vèo uốn lượn nhiều khúc, như không nỡ bỏ đi".

Ngô công cũng nói :

"Lại thủy hay khứ thủy đều phải vòng vèo như ôm ấp hữu tình".

Họ Bốc viết :

"Hà thủy vốn dĩ lưu động, nhưng cái tuyệt diệu lại là ở chỗ bình tĩnh. Nên tìm chỗ hà thủy uốn khúc vòng vèo, mà phải tránh chỗ hà thủy đâm thẳng tới".

Tạ Song Hồ nói :

"Điểm hay của Hà thủy là ở chỗ tụ mà không tán, thong thả bình hoãn chứ không chảy thẳng đi".

Phó Bá Thông viết :

"Thủy hội tụ sâu như đáy giếng, bình hoãn như mặt gương, hình cục như bàn cờ, nhiều kênh mương giao hội, vòng vèo bao quanh như ôm lấy, đó là đất lý tưởng về phong thủy. Còn nói đến phương vị cát hung, thì có liên quan đến hộ sa tả hữu, thủy khẩu đến và đi, bát quái ra sao".

"Kinh" viết :

"Thủy lưu chảy vòng vèo chín khúc, thì khỏi cần cầu mong thủy hình phải như bàn cờ. Phương pháp quan sát địa lý lấy việc xem lưu kinh (đường chảy) của hà thủy làm trên hết. Kinh đô hiện tại có nhiều hà lưu giao hội. Thành Kim Lăng có Trường Giang chảy qua mà thành đại đô thị, Tam Ngô có Thái Hồ,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quảng Đông dựa vào biển lớn. Đất Sở có nhiều thủy lưu chảy vào Động Đình Hồ. Giang Tây có thủy lưu giao hội mà đất Việt hưng thịnh. Ninh Ba, Hàng Châu, Quảng Châu, Phúc Kiến, Tuyền Châu, Chương Châu, Quảng Châu thuộc Quảng Đông, Huệ Dương, Triều Châu, Hải Nam v.v... đều nhờ có thủy mà thành các địa phương giàu có. Ta tham khảo Thủy pháp, khảo sát sự lớn nhỏ, nông sâu của hà lưu mà biết hình thế địa lý; khảo sát sự phân hợp của hà thủy mà biết trạng thái chân thực của địa thế".

LUẬN THỦY PHÁT NGUYÊN

Thủy phát nguyên là chỉ Thủy khởi nguồn được quan sát từ Minh Đường ngược lên. Chỗ Thủy chảy đến nếu sâu và dài rộng, thì Long khí thịnh vượng, phúc khí của con người cũng lâu dài. Chỗ Thủy chảy đến, nếu nông cạn, ngắn và thẳng, thì phúc khí của con người cũng ngắn ngủi.

Ngô công nói :

"Thủy chảy đến mà ngắn, thẳng; Thủy chảy đi mà dài, mạnh, thì chẳng có lực lượng lớn mạnh gì hết".

downloadsachmienphi.com

LUẬN THỦY ĐÁO CỤC

Thủy đáo cục là chỉ lai Thủy tiến nhập vào trong Minh Đường. Lai Thủy phải nhập vào Minh Đường, đến tận bế khẩu mới gọi là cát lợi. Nếu lai Thủy từ xa chảy đến, sắp nhập vào trong Minh Đường lại đột ngột chảy ngược ra, thì gọi là bất đáo Đường (không đến Minh Đường). Thủy lưu nhập Minh Đường, nhưng không có hạ quan thu nhận thủy, hoặc bên dưới không có hộ sa ngăn cản bớt, thì gọi là bất nhập khẩu, cũng vô dụng. Do vậy, lai Thủy chỉ có đáo Đường nhập khẩu mới là quý hiếm. Khi đó khởi cần xem lai Thủy lớn hay nhỏ. Nếu thủy chảy đi thuận cục, địa thế hai bên tương đối cao và ngoằn ngoèo ôm lấy khứ Thủy thì mới cát lợi. Còn khứ Thủy chảy thẳng đi là hung hiểm.

Họ Bốc viết :

"Lai Thủy xồng xộc chảy đến, rồi chảy thẳng đi một mạch, không có ngăn chặn là hung hiểm, bại tuyệt".

LUẬN THỦY XUẤT KHẨU

Thủy xuất khẩu là chỉ lai Thủy khi đã chảy đến Minh Đường, ắt phải có chỗ chảy ra, cho nên gọi là xuất khẩu. Nên để cho Thủy chảy ra khúc khuỷu, vòng vèo, trở lại chỗ sâu thì là tốt. Nếu khứ Thủy chảy thẳng đi mà lại nông, thì không cần cát lợi. Nên có La tinh, Du Ngư, Bắc thần, Hoa Biểu, Cản Môn, Quan Sa, Sa Trùng Điệp trấn giữ chỗ Thủy xuất khẩu, thì mới là cách hoàn mỹ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TRIỀU THỦY

Triều Thủy là chỉ lai Thủy, khi đứng trước Dương cơ, huyệt địa mà nhìn thấy Thủy lai. Thế đến của lai Thủy vốn tương đối gấp gáp, nhưng nếu thấy xộc thẳng về phía huyệt, lại nghe có thanh âm như giận dữ, thì là hung hiểm. Cho nên lai Thủy mới khúc khuỷu, ngoằn ngoèo, nước sâu, chảy lừng lờ, mới là cát lợi. Lai Thủy mênh mông, nghênh diện mà tới, hiện tại nhất định có người làm quan, lại nói Triều Thủy có thể cứu bần, vượt khó. Lai Thủy quanh co chín khúc nhập vào Minh Đường, người nhà nhất định sẽ có người làm Tể tướng.

Hà Đào công lại nói :

"Triều Thủy nghênh diện chảy vào, đời sau tất gia đình đói nghèo khổ sở".

LUẬN KHỨ THỦY

Khứ Thủy là chỉ khi đứng trước huyệt, thấy lai Thủy chảy đi. Khứ Thủy chảy đi rất mạnh là hung.

Liêu công viết :

"Trước hết khi đến chỗ khứ Thủy, phải nghĩ ngay đến việc dọn nhà đi nơi khác. Tiểu thế của khứ Thủy tuy chảy đi, nhưng đại thế lại vương vấn quay trở lại, tiểu thế vừa rời bỏ, đại thế lại đến, thì tốt. Khứ Thủy mà không có lúc nào tụ kết, cứ đi băng băng, thì là bại tuyệt, hung hiểm".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN TỤ THỦY

Tụ Thủy là tối cát lợi. Thủy vốn lưu động, nhưng điểm tuyệt diệu lại là ở tĩnh. Thủy tĩnh lại tức là Thủy tụ hợp. Tụ Thủy sâu rộng, bốn mùa hội tụ là được cách tốt nhất. Lai thủy thong thả đến không bằng tĩnh Thủy quanh co, cho nên tụ Thủy càng quý hiếm.

Ngô công nói :

"Đằng trước huyệt thấy có đầm nước sâu, không nhìn thấy chỗ nước chảy đến và chảy đi, thì dù ai đem vạn quan tiền đến cũng không đổi, vì đây chính là nơi đặt huyệt đời đời phú quý".

LUẬN HẢI TRIỀU

Sông suối bốn phương tám hướng rốt cục đều chảy vào biển lớn. Ở nơi có nhiều hà lưu tụ hợp, thì khí tượng của Long mạch rất thịnh vượng. Thông thường, đại cán Long chạy đến biển thì dừng, sản sinh huyệt vị phú quý vương hầu. Nói đến hải triều, cũng có thể dùng để ứng nghiệm cát hung, họa phúc. Hải triều ngẩng cao đầu, có ngọn trắng xóa là cát.

Ca dao cổ có câu :

"Người ta đều thích lúc nước biển dâng lên, anh hùng nhân đó sinh ra bên mép nước, vì ở đó có khí linh tú tụ lại do thủy triều dồn tới. Huyệt ở đây chủ phú quý vinh hoa".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN HOÀNG HÀ THỦY

Hà lưu có nơi phát nguyên xa nhất trong thiên hạ là sông Hoàng Hà, cho nên ở bờ nam Hoàng Hà có nhiều huyệt vị linh mỹ. Nhưng sông Hoàng Hà chảy cuồn cuộn, sôi sục, xói mạnh vào hai bên bờ, nên cũng khó trông mong nhiều ở nó.

Nước Hoàng Hà quanh năm đục ngầu. Nếu một khi nó lắng trong, thì sẽ ứng với việc xuất hiện minh quân trong thiên hạ.

Cổ ngữ nói :

"Nước Hoàng Hà quanh năm đục ngầu bất kham, sóng dữ cuồn cuộn, phù sa chẳng lắng đọng. Phải năm trăm năm Hoàng Hà mới trong nước một lần. Khi ấy bờ nam sẽ xuất hiện bậc quân chủ thánh minh".

LUẬN TRƯỜNG GIANG THỦY

Trường Giang là sông dài nhất trong thiên hạ, cũng là dòng sông tụ hội nhiều sông con. Thế nước của Trường Giang mênh mông, tất nhiên phải lấy thế quanh co, vòng vèo, ôm bao làm cát lợi. Vì vậy mà Kim Lăng trở thành đại đô hội của cả nước, thực có lý do.

LUẬN HỒ THỦY

Hồ thủy là nơi hội nhập của nhiều hà lưu, rộng mênh mông. Hồ thủy lấy lặng gió, êm ả làm tối cát lợi. Bất kể hồ lớn hay nhỏ, kiến lập dương cơ âm trạch ở bên cạnh nó đều được cả. Chẳng hạn, lý luận gia trạch ngày trước dựa vào hồ Phàn Dương (tỉnh Giang Tây, Trung Quốc) mà luận thông kim cổ. "Kiếm Ký" của Quan Quốc Sư viết rằng có thể kết huyệt cơ đại phú quý ở ven hồ. Phàn Dương chỉ là một ví dụ.

LUẬN KHÊ GIẢN[1] THỦY

Hành Long phần nhiều là tiểu cán Long và tiểu chi Long. Mỗi cán chi đều kết ngưng ở giữa hai khe nước. Khê giản thủy mà quanh co khúc khuỷu, hội tụ, sâu và chảy chậm, là đẹp nhất. Nếu khê giản thủy nông và chảy xiết, nghe tiếng nước réo, tung tóe bọt, là không cát lợi.

"Phú" viết :

"Lai thủy khúc khuỷu mà triều bái, bất kể khê giản thủy lớn hay nhỏ, đều là hảo thủy (tốt)".

"Táng Kinh" viết :

"Chu Tước kỵ thủy lớn và chảy xiết, phát ra thanh âm bi thương".

(1) Khê giản - khe nước giữa hai trái núi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TRÌ ĐƯỜNG THỦY

Trì đường[1] thủy là nơi địa thế thấp trũng nên có một số dòng chảy nhỏ tụ lại mà thành. Nếu bản thân trì đường tự có, thì kiến tạo huyệt làm nhà ở bên cạnh là tốt. Không nên lấp trì đường, vì như vậy sẽ chủ về hỏa hoạn và tật bệnh. Nếu đào ao, đào hồ nhỏ, cũng phải thẩm tra kỹ lưỡng, không nên tùy tiện đào khoét, bởi không cẩn thận sẽ khoét đứt Long mạch, làm cho khí bên trong tiết lộ, lập tức sẽ bị hung họa. Hơn nữa, trì đường còn gọi là chiếu bồn (chậu phản chiếu), làm không tốt, huyệt sẽ đem lại họa sát thân, khiến con cái chết yểu.

"Kinh" viết :

"Thượng đường nếu tương liên với hạ đường, sẽ có họa quả phụ ở phòng không".

Liêu công viết :

"Đào ao, khoét giếng, đều có rất nhiều điều kỵ, chớ nên coi thường".

LUẬN BÌNH ĐIỀN THỦY

Bình điền[2] thủy là muốn nói nước tụ ở trong ruộng. Bình ổn hòa hoãn, không tả xung hữu đột, không có sát khí, đắp mộ lập huyệt ở đó là cát lợi. Nếu lai thủy triều huyệt, chảy đến Minh Đường, bao vòng, tụ lại một chỗ, thì càng cát lợi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN CÂU HỨC THỦY

Câu hức[3] thủy là nước ở các rãnh nước trên ruộng. Điểm huyệt ở đó, phải chọn câu hức thủy vòng vèo, bình hoãn. Kỵ chọn chỗ nước chảy xiết, đường nước chảy sẽ làm thay đổi nơi điểm huyệt, chỗ đó sẽ không cát lợi.

LUẬN THIÊN TRÌ THỦY

Thiên trì thủy là chỉ nước đọng thành hồ, vũng trên đỉnh núi đá. Vì loại thủy này ở trên đỉnh núi cao, sát với mây mù, nên gọi là Thiên trì thủy. Vì có tả, hữu sa hộ vệ, nên còn gọi là Dưỡng Ấm. Trên địa khu bằng phẳng, nếu trên Long mạch có hồ nước, cũng gọi là Thiên trì.

"Long Kinh" viết :

"Trên đỉnh núi cao có Thiên trì, giữa hai Thiên trì ắt có Chân Long phủ phục. Hỏi các vị, tại sao trên đỉnh núi cao lại có Thiên trì thủy ? Bởi vì ở đây có nội khí của Chân Long. Khí của Chân Long tiết ra thì sẽ sản sinh Tuyền thủy (nước suối), còn Chân Long thì sao ? Chân Long cũng đi qua trong Tuyền thủy".

---

(1) Trì đường - ao hồ.

(2) Bình điền - ruộng.

(3) Câu hức - rãnh nước trong ruộng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-1 :
Thiên trì



Hình 3-2 :
Dưỡng ấm



Hình 3-3 :
Thị vệ

"Kinh" viết :

"Cũng có khi bên cạnh Long mạch có một Thiên trì, nhưng có hai Thiên trì mới tốt. Hai Thiên trì ở hai bên tương xứng với nhau, trì thủy trong xanh thì gọi là Thiên Hán Tinh. Sơn đạo ở giữa như chạy thẳng lên thiên đình".

Liêu công viết :

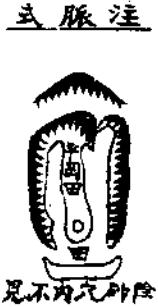
"Long mạch nếu có hai Thiên trì, thì là Huyệt vị tối cát lợi".

Cổ thi cũng viết :

"Trên đỉnh núi cao, mấy ai biết lại có Thiên trì. Trì thủy ở đó mà sâu không thấy đáy, thì quả là tối thần kỳ, có thể nhận nước từ trên trời, ẩn giấu Long mạch. Trì thủy đầy ắp hoặc khô cạn có thể dự báo nhân gian phồn thịnh hoặc suy vong. Thiên trì tròn trịa, lại sâu, thì ở đó Long khí cực thịnh, bốn mùa trong năm đều đầy ắp nước, thì nơi đây có huyệt vị cực kỳ vinh hoa phú quý. nếu Thiên trì cạn khô, thì đó là điềm báo suy bại. Thiên trì thủy mà quá nông, thì không phải là đất quý, chỉ dự báo mạng vận bình thường, không thể vinh hoa phú quý".

LUẬN CHÚ MẠCH THỦY

Chú mạch thủy là chỉ Hồ thủy chảy qua phía trước huyệt, nền nhà mà hình thành thủy đường, cũng gọi là Ngưỡng thiên hồ. Ở đây thế đầu của đại Long rất thịnh vượng. Không nên kết huyệt tại nơi Chú mạch thủy chạy đi, mà phải điểm huyệt tại trung gian của nó. Chú mạch thủy quanh năm không cạn, mới là điểm báo huyệt vị tối cát lợi.



Hình 3-4 :
Chú mạch thức

Thức này là thủy thức của đất Chu Văn công, tại thôn Sùng Thái, huyện Dương, tỉnh Phúc Kiến, là mộ huyệt của phu nhân họ Chúc, trước huyệt có Hồ thủy đến như rót vào, nên được coi là cực quý.

LUẬN NGUYÊN ĐẦU THỦY

Nguyên đầu[1] thủy là chỉ đầu nguồn nước, nơi nước tụ hội ở đầu Long mạch.

"Phú" viết :

"Tìm đến đầu nguồn nước, nhất định có Chân Long tồn tại".

(1) Nguyên đầu - đầu nguồn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngô công cũng nói :

"Nơi phát nguyên của thủy, nhất định có xuất xứ của Long mạch, phong thủy sư đến nơi này khỏi cần phải nhiều lời".

LUẬN TỪ NHỰ THỦY

Từ Nhự[1] thủy là chỉ hoàn toàn không có đầm nước, suối nước, nhưng đất chỗ nào cũng ẩm ướt. Nhìn không thấy nước chảy, song giẫm chân xuống thì lại bị ướt bàn chân.

"Tử Vi" viết :

"Nếu có thạch diệu tinh phong, ẩm ướt như trong hai lỗ mũi, thì nơi đó nội khí suy vi, Long mạch tiêu tán, là chủ về hung họa".

LUẬN XÚ UẾ THỦY

Xú uế thủy là chỉ những chỗ nước đọng mà súc vật (trâu, bò, heo) quẩn qua quẩn lại, nước tù sền sệt như bùn, đục ngầu, hôi hám khó ngửi.

"Minh Đường kinh" viết :

"Thủy lưu tù đọng, tích thành vũng trũng, sền sệt như bùn, thành vũng trâu đầm, heo tắm, hôi hám, xú uế, thì chủ có họa ôn dịch, gia đạo, vận mạng bất lợi, thường mắc bệnh liệt giường, con cháu yểu tử".

LUẬN NÊ TƯƠNG THỦY

Nê Tương[2] thủy là chỉ ao bùn đã cạn nước. Trời mưa xuống, ao bùn đầy nước mưa. Mưa tạnh, ao bùn lại từ từ cạn nước, khô dần. Cứ lúc mưa lúc tạnh như thế, nhiều ngày sẽ thành Nê tương thủy. Nơi này rất hung hiểm.

LUẬN NHIỄU[3] LONG THỦY

Chỗ khởi đầu của Long mạch thường có hai dòng thủy lưu tách ra mà song hành ở hai bên, đến nơi cuối cùng của Long mạch thì hai dòng thủy lưu lại hội tụ với nhau. Long mạch nếu là Cán Long, thì thủy lưu sẽ là Hà thủy, Khê thủy. Nếu Long mạch là Chi Long, thì thủy lưu sẽ là khe nước nhỏ chảy giữa núi, giữa ruộng.

Ngạn ngữ nói :

"Thủy nguyên dài, ắt Long mạch dài, thủy nguyên ngắn, ắt Long mạch ngắn. Muốn biết khí thế, lực lượng của Long mạch lớn nhỏ, cứ xem thủy lưu dài hay ngắn khắc biết".

LUẬN CAN LƯU THỦY

Đằng trước huyệt, nền nhà có can pha (dốc núi, sườn dốc), nói chung nơi cao phải là sơn thạch, nơi thấp là thủy lưu, tuy không nghe tiếng suối róc rách, nhưng vẫn có giới thủy hợp lưu ở bên dưới, nên gọi là Can lưu. Can lưu cũng kỵ chảy thẳng, mà nên chảy bình hoãn, vòng vèo, chậm chạp. Điều này có quan hệ rất lớn tới họa phúc của mấy tháng đầu trong mỗi năm.

LUẬN HỢP KHÂM THỦY

Hợp khâm[4] thủy là chỉ thủy lưu hình thành ở đằng trước huyệt, bởi hai Long mạch trên phân dưới hợp; giống như bộ quần áo trên thân người, hai vạt áo trước khép lại.

Hợp khâm thủy có ba trường hợp dung kết : phân hợp thứ nhất, ở trước sau nền huyệt; phân hợp thứ hai, tương giao tạ Thanh Long, Bạch Hổ; phân hợp thứ ba, hộ

(1) Từ nhự - bùn mùn lá mục.

(2) Nê tương - bùn lỏng.

(3) Nhiễu - quấn quanh.

(4) Khâm - vạt áo; hợp khâm - khép vạt áo.

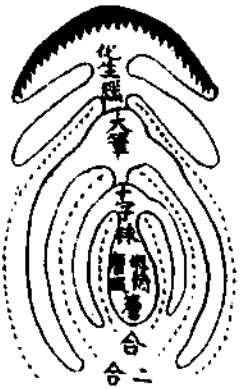
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tụ tại Thiếu tổ chủ sơn. Ba trường hợp ấy gọi là Nội Minh Đường, Tiểu Minh Đường, Ngoại Minh Đường, hay còn gọi là Thiên Tụ, Nhân Tụ, Địa Tụ.

Khép lại trông như hình dạng râu tôm, cánh ve, có chỗ dựa chắc phía sau, thân thiết với nhau ở phía trước, có Thanh Long, Bạch Hổ hộ vệ hai bên, là cách khép vạt (hợp khâm) tốt nhất. Phong thủy sư nói : hình dạng chữ Cá ( ), chữ Tam ( ), chữ Nghĩa ( ), giống như dấu chân gà, cánh ve, mắt con giải; hình dạng chữ Thập ( ), tựa như hai cây đao giao thoa, thì đáng ngại.

Về hợp khâm thủy, có nhiều lập luận quái dản của những người không am hiểu thuật phong thủy, thiết tưởng khỏi cần liệt kê ra đây.

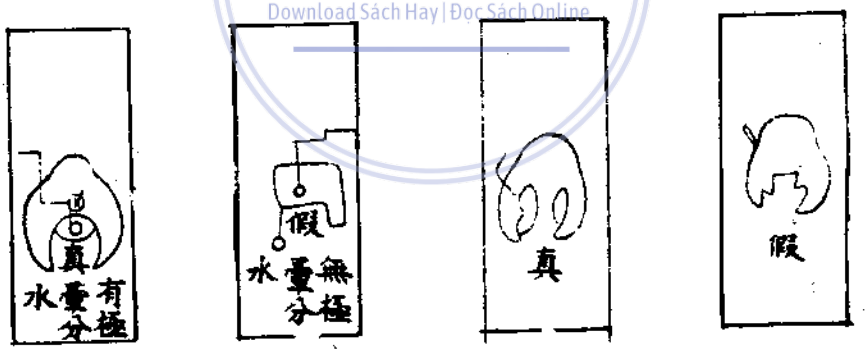


Hình 3-5 :
Hợp khâm thủy thức

HỢP KHÂM THỦY THỨC

Phần trên tròn giống như trái cầu, phần dưới giống như nước nhỏ giọt từ mái hiên, nên gọi là Cầu trích (cầu - tròn; trích - nhỏ giọt), chữ Bát ( ) lớn hoặc nhỏ, thủy thức này đều gọi là Hợp khâm thức.

LUẬN CỰC VỰNG[1] THỦY



(a) (b) (c) (d)

Hình 3-6 : Cực vựng thức

Có phân cực + a : chân; b : giả
Không phân cực - c : chân; d : giả

Chân huyệt nhất định có quầng thái cực bao quanh. Cứ ẩn ẩn hiện hiện, phảng phất như có hình bóng của thủy (nước), nhưng nhìn lại chẳng có gì. Từ xa nhìn tới thì hình như có, đến gần lại chẳng thấy gì. Từ hai bên nhìn thì có, đột nhiên tới sát trước mặt mà nhìn, lại chẳng thấy, thật khó hiểu rõ. Đó là Thái cực vựng (quầng Thái cực).

(1) Cực vựng - quầng Thái cực.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Liêu công viết :

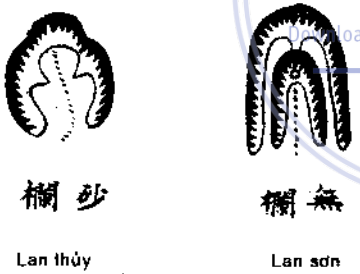
"Nếu dùng cuốc xẻng mà cuốc xới làm tiêu tán Thái cực vựng, thì kiến trong Cực vựng thủy sẽ xâm nhập vào quan tài ở âm cơ".

LUẬN NGUYÊN THẦN THỦY

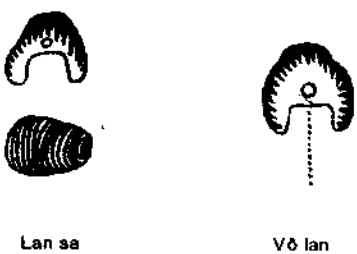
Nguyên thần thủy là chỉ thủy hợp lưu ở trước nền huyệt, ở giữa Thanh Long, Bạch Hổ, bất kể là thủy lưu hay can lưu, đều là Nguyên thần. Tối kỵ làm cho Long khí của Long mạch tiết lộ ra, cho nên hai bên Nguyên thần thủy cần có Sa chắn giữ, thì mới cát lợi.

Họ Bốc viết :

"Nếu Nguyên thần thủy từ giữa tim chảy thẳng ra, thì quá hung hiểm. Còn sơn thế ở ngoại vi hồi chuyển ngăn chặn đầu núi, thì Nguyên thần thủy trực lưu lại cát lợi".



Lan thủy　　Lan sơn

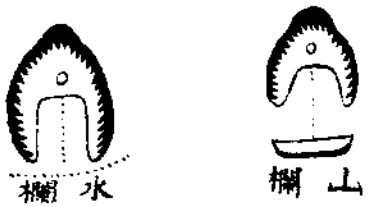


Lan sa　　Vô lan

Hình 3-7 :
Các kiểu Nguyên thần thủy

LUẬN THIÊN TÂM THỦY

Nơi chính giữa Minh Đường, ở phía trước nền huyệt, gọi là Thiên Tâm. Nếu thủy lưu xuyên qua Minh Đường mà chảy thẳng đi, thì gọi là Thủy phá Thiên Tâm. Nếu giới thủy xối mạnh vào đầu mộ, cũng gọi là Thủy phá Thiên Tâm.



(a)
Thủy tụ
Thiên Tâm

(b)
Thủy phá
Thiên Tâm

Hình 3-8

"Kinh thư" viết :

"Giới Thủy xối thẳng vào đầu mộ, gia nhân sẽ bị bệnh phù thũng mà chết, tuyệt tự luôn".

Họ Bốc nói :

"Thủy tụ Thiên Tâm, mấy ai biết đó là cách làm cho người nhà đại phú lại đại quý. Nếu gia đình tuyệt tự, chẳng qua là vì bị Thủy phá Thiên Tâm".

LUẬN CHÂN ỨNG THỦY

Tuyền thủy rót vào đằng trước nền huyệt, vừa vặn tương ứng giao hòa với Long mạch tại đây. Khí thế Long mạch vô cùng thịnh vượng, sau khi giao hòa ở đó, khí linh tú không hoàn toàn tràn ra mà thành tuyền thủy, điểm huyệt ở đây cực tốt. Tuyền thủy bất kể lớn hay nhỏ, chỉ cần thủy chất trong sạch, vị ngọt (uống thấy ngọt) là được, cho nên còn gọi là Linh tuyền, chủ vinh hoa phú quý.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LỘC TRỮ THỦY

Thủy dung hợp, giao hội thì giống như của cải được tồn trữ và tích lũy. Ở trong khoảng thủy khẩu trước, tả hữu của nền huyệt, nếu có thủy hội tụ như đầm, hồ, trì đường, đều gọi là có Lộc Trữ thủy.

Vè có câu :

"Thủy súc tích nhất xứ, phú khả địch quốc" (*Thủy tích trữ tại một nơi, giàu sánh một nước*).

LUẬN CHƯ TUYỀN

Trong các loại suối, chỉ có Gia tuyền, Lễ tuyền là có màu trong trắng, vị ngọt và thơm, là tối cát lợi. Còn các loại suối khác, đều không cát lợi. Thang tuyền (suối nước nóng), Đồng tuyền, Long thu tuyền có địa khí giá lạnh, Hồng tuyền có nhiều chất kết tủa, Lãnh tướng tuyền thì địa khí yếu nhược, Một tuyền, Hoàng tuyền, Lậu tuyền, thì sinh khí dễ bị nhiễm bẩn, Thông tuyền, Tàn tuyền sinh khí cũng ít ỏi, Lãnh tuyền thì sinh khí âm lạnh, mang theo sát khí, Bộc bố tuyền thì sinh khí nóng ấm mà thê thảm, đều không thể tụ kết dung nạp, không nên đặt huyệt mộ tại những nơi này.

LUẬN CÁT HUNG CỦA THỦY HÌNH

Thủy ở trước nền huyệt có nhiều hình thế, cục diện khác nhau, dẫn đến cát hung, họa phúc cũng khác hẳn nhau. Cho nên, ta cần xem xét các dạng cát hung của Thủy hình.

(Hình từ 3-9 đến 3-39).



Hình 3-9 :
Triều Hoài thủy

Triều Hoài thủy (H. 3-9) là chỉ Lai thủy (nước đến) trước mặt mà triều bái.

Dương công nói :

"Nước lớn mênh mông đến trước mặt triều bái, thì giống như dâng mâm cỗ lên bàn thờ cúng tế"..

Từ Kế Thiện nói :

"Nghịch thủy chảy một ngày mới có thể giàu lên, Lai thủy chỉ cần có một muỗng cũng đủ để giải cứu bần khổ".



Hình 3-10 :
Vệ Thân thủy

Vệ Thân thủy (H. 3-10) là chỉ Long mạch kỳ dị, đột nhiên ở giữa hồ thủy lại nhô lên một khối đất cát, trong đó thủy tích tụ thành hình mộ huyệt.

Vè dân gian có câu:

"Vầng trăng trầm mình dưới sông, Hà bá quẫy mình gây sóng lớn. Như dâng dải sert lên cao khỏi mặt nước. Hình dạng như vậy sẽ có đại phú gia giàu nhất quận, quan vận hạnh thông, làm đến công hầu khanh tướng".



Hình 3-11 :
Tụ Diện thủy

Tụ Diện thủy (H. 3-11) là chỉ có nhiều dòng chảy (thủy hưu) dung kết, hội tụ ở trước nền huyệt.

"Tuyết Tâm Phú" viết :

"Thủy tụ ở Thiên Tâm, ai không biết nhà này sẽ lập tức trở nên phú quý !".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-12 :
Thang Cù thủy

Thang Cù thủy (H. 3-12) là chỉ thủy thế giống như cái bao, cái túi vải đựng tụ lại ở trước huyệt mộ. Thang Cù thủy sâu lắng, chảy từ từ, có nhiều thủy lưu kết ở trước huyệt, thì gia đình nhất định sẽ dư dả tiền của, nhân đinh hưng vượng, phát đạt.

水帶腰



Hình 3-15 :
Yêu Đới thủy

Yêu Đới (dây lưng) thủy (H. 3-15) là chỉ Lai thủy bao vòng lấy như ôm.

Họ Bốc viết :

"Lai thủy uốn lượn mà không loạn, thì Long khí sẽ được bảo toàn".

Thủy thế này là đại phú đại quý.

Về dân gian nói :

"Thủy giống như đai bạch ngọc, làm quan nhất định thanh vân đắc lộ".

水穿拱



Hình 3-13 :
Củng Bối thủy

Củng Bối thủy (H. 3-13) là chỉ lai thủy chảy bao sau lưng (Huyền Vũ) huyệt mộ.

"Tuyết Tâm Phú" viết :

"Nếu gia đình phát phúc lâu dài, nhất định là nhờ có thủy ôm bao Huyền Vũ".



Hình 3-16 :
Thương Bằng thủy

Thương Bằng thủy (H. 3-16) là chỉ thủy ở mông đến triều hải.

Đồng công nói :

"Không lao xông xộc, không tràn ngang, không xối thẳng, chỉ có Điền Nguyên thủy (nước đồng ruộng) là có thể hơn được Hải Triều thủy (nước thủy triều)".



Hình 3-14 :
Dung Trư thủy

Dung Trư thủy (H. 3-14) là chỉ Thủy lưu sâu và chậm, luẩn quẩn một chỗ, không rõ thủy lưu ấy cuối cùng chảy đến hay chảy đi.

"Tuyết Tâm Phú" viết :

"Sa sơn trước huyệt nếu phức loạn, không rõ đầu mối, thì chỉ có làm trì đường (ao hồ) lích tụ nước".

水流回



Hình 3-17 :
Hồi Lưu thủy

Hồi Lưu thủy (H. 3-17) là chỉ dòng chảy gần như chảy vòng tròn.

"Táng Thư" viết :

"Lai thủy thong thả, nhàn hạ, chảy vòng lại trước huyệt mộ, giống như không nỡ chảy đi".

Quyết ngữ (về dân gian) nói :

"Thủy trước hết dọng lại, sau mới chảy đi từ từ rất chậm, gọi là Hồi thủy" (Hồi - trở lại).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-18 :
Ám Cùng thủy

Ám Cùng thủy (H. 3-18) là chỉ trước huyệt không thấy lai thủy, thủy ở bên ngoài sa sơn, hoặc giả triều sơn bao tụ mà thành thủy.

"Kinh Thư" viết :

"Có khi Chân Long hoàn toàn không có lai triều thủy, chỉ cần xem Triều sơn bảo hộ ở gần đó, Triều thủy thì ở mãi bên ngoài Án sơn mà ngấm ngầm tuần hoàn. Địa thế này không phải là nơi nên hạ huyệt".

水口入



Hình 3-19 :
Nhập Khẩu thủy

Nhập Khẩu thủy (H. 3-19) là chỉ lưu thủy chảy đến Minh Đường, sau đó hồi lưu, do sa sơn thu hồi.

Ngạn ngữ nói :

"Triều thủy cần được hấp thụ, Án sơn cần được sờ thấy".



Hình 3-20 :
Minh Hà thủy

Minh Hà thủy (H. 3-20) là chỉ thủy khi chảy vào ruộng, đất trũng hoặc hầm đá thì nhỏ giọt tí tách nghe rõ thành tiếng.

Họ Bốc viết :

"Triều thủy nhỏ giọt tí ta tí tách, thanh âm nghe rõ như tiếng chim, là cát lợi".

Tử Vi viết :

"Có loại nước chảy tí tách, nghe như tiếng gõ trống".



Hình 3-21 :
Cửu Khúc thủy

Cửu Khúc thủy (H. 3-21) là chỉ Lai thủy, Khứ thủy chảy uốn éo quanh co.

Họ Bốc viết :

"Cửu Khúc thủy chảy đến Minh Đường, gia đình có người làm Tể tướng trong triều đình. Trong một năm mà được thăng quan đến chín lần, thì nhất định là nhờ Cửu Khúc lai Thủy".

水面堆



Hình 3-22 :
Bộc Diện thủy

Bộc Diện thủy (H. 3-22) là chỉ huyệt thì ở dưới thấp, mà thủy thế ở trên cao và lớn, như áp chế huyệt.

Liêu công nói :

"Lai thủy có khí thế quá hung hãn, hùng dũng, mà huyệt lại ở thấp, thì là tướng tối hung" (Bộc - thác).



Hình 3-23 :
Xung Tâm thủy

Xung Tâm thủy (H. 3-23) là chỉ Lai thủy gấp gáp chảy thẳng đến Minh Đường.

Đào công viết :

"Lai thủy xộc đến trước huyệt, đời con cháu ắt đói rét bần hàn".

水肠射



Hình 3-24 :
Xạ Hiệp thủy

Xạ Hiệp thủy (H. 3-24) là chỉ Triều thủy xối thẳng vào hai bên sườn huyệt. Xối thẳng là xạ, tràn ngang là xuyên, dòng chảy hai bên, không có gì ngăn cản.

Ngô công viết :

"Thủy lưu quý ở khúc khuỷu ngoằn ngoèo, tối kỵ xối thẳng vào tim, bên cạnh sườn" (Xạ Hiệp - bắn vào sườn).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

水頭裹



Hình 3-25 :
Quả Đầu thủy

Quả Đầu thủy (H. 3-25) là chỉ Lai thủy như cái mũ trùm, bọc lấy đầu, lấn sát vào sơn cước (chân núi).

Quyết ngữ (vè) viết :

"Thủy lấn lướt, xối thẳng, ập tới sơn cước, Long mạch bị suy sút, đời con cháu bị đói rét, cô đơn" (Quả - bọc, quấn).

水身反



Hình 3-28 :
Phản Thân thủy

Phản Thân thủy (H. 3-28) là chỉ thủy chảy đến trước huyệt lại vặn mình mà đi.

Họ Bốc viết :

"Lai thủy vừa đến trước huyệt lại ngoặt mình chảy đi, Triều thủy như thế một xu không mua".

水舉臺



Hình 3-26 :
Khiên Tỵ thủy

Khiên tỵ thủy (H. 3-26) là chỉ Thần sơn nguyên thần kéo, dắt Triều thủy chảy ra, không có gì ngăn giữ. Phía trước huyệt tối kỵ Lai thủy bị dẫn đất đi. (Khiên tỵ - dắt mũi).

水腳割



Hình 3-29 :
Cát Cước thủy

Cát Cước thủy (H. 3-29) là chỉ huyệt vị không có nhiều sinh khí, mà Lai thủy lại vỗ vào chân núi.

Quyết ngữ nói :

"Triều thủy hai bên cắt sơn cước, gia tài không vượng, nhân đinh chẳng hưng" (Cát cước - cắt gãy chân).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

水臂穿



Hình 3-27 :
Xuyên Tý thủy

Xuyên Tý thủy (H. 3-27) là chỉ Lai thủy từ hai bên tả hữu huyệt chảy xuyên đi (xuyên tý - xuyên cánh tay).

Quyết ngữ nói :

"Lưu thủy hai bên xuyên sườn mà chảy xuống chỗ trũng gọi là Quỷ kiếp, tối hung".

水腮漏



Hình 3-30 :
Lậu Tai thủy

Lậu Tai thủy (H. 3-30) là chỉ hai bên huyệt vị có hai lỗ, nước từ trong lỗ chảy ra rỉ rỉ không ngừng (lậu - rò rỉ; tai - hàm). Thủy pháp nói rằng Lậu Tai thủy không giống như Triều thủy. Nó xúc kết tạp chất, không cho chảy đi, nên nước rò rỉ ra trông trong vắt và có vị ngọt, nhưng không mát.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

水臨淋



Hình 3-31 :
Lâm Đầu thủy

Lâm Đầu thủy (H. 3-31) là chỉ phía trên huyệt trạch không có Long mạch, mà lại thủy xối thẳng vào đầu huyệt mộ (lâm đầu - dội vào đầu).

"Kinh Thư" viết :

"Giới thủy nếu xối vào đầu mộ, người nhà sẽ mắc bệnh phù thũng mà chết".

水剑交



Hình 3-32 :
Giao Kiếm thủy

Giao Kiếm thủy (H. 3-32) là chỉ phía trước huyệt trạch có hai dòng thủy lưu giao hội, sau đó hợp lưu mà chảy đi.

"Kinh Thư" viết :

"Trước huyệt trạch, hai dòng Triều thủy nhập vào nhau, phía trước huyệt nhất định có gió xuất hiện".

水旋捲



Hình 3-33 :
Quyển Liêm thủy

Quyển Liêm thủy (H. 3-33) là chỉ ở trước huyệt, Lai thủy ngoằn ngoèo trong ruộng mà đi.

Bốc công viết :

"Quyển Liêm thủy xuất hiện, chủ lấy vợ kế" (Quyển Liêm - cuộn mành).

水泥流



Hình 3-34 :
Lưu Nê thủy

Lưu Nê thủy (H. 3-34) là chỉ trước huyệt trạch có chỗ nghiêng dốc, thủy chảy đi mang theo bùn cát của Sa sơn.

Dương công viết :

"Một dòng chảy, hai dòng chảy, các dòng chảy xiết, bùn cát cũng theo nước mà trôi đi không trở lại, người nhà sẽ rời làng quê ra đi lưu lạc nơi xa, suốt đời nghèo túng".

水斜斜



Hình 3-35 :
Tà Phách thủy

Tà Phách thủy (H. 3-35) là chỉ Triều thủy không đến Minh Đường lại chảy chênh chếch đi.

Bốc công viết :

"Trèo lên sa sơn nhìn xuống, thấy một dòng nước chảy chếch đi, người nhà nhất định đang làm quan bị huyền chức".

水跳反



Hình 3-36 :
Phản Khiêu thủy

Phản Khiêu thủy (H. 3-36) là chỉ Lai thủy quay lưng lại phía huyệt trạch.

Bốc công viết :

"Nếu Lai thủy vừa bao lấy đã quay ngay lưng lại, thì gia đình vừa giàu lên sẽ lập tức suy bại".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

水流分



Hình 3-37 :
Phân Lưu thủy

Phân Lưu thủy (H. 3-37) là chỉ Triều thủy chảy đến trước huyệt thì phân ra thành hình chữ Bát ( ) mà chảy đi.

Bốc công viết :

"Trước huyệt, Triều thủy phân lưu thành hình chữ Bát, con cháu trong nhà ắt sẽ ngỗ nghịch, bất hiếu".

Nhưng nếu kết huyệt ở hai bên Phân Lưu thủy thì lại cát lợi.



Hình 3-38 :
Lậu Tào thủy

Lậu Tào thủy (H. 3-38) là chỉ Lai thủy bị thẩm lậu (rò rỉ) ở dưới huyệt vị, sâu như lòng máng (Tào - máng).

Quyết ngữ viết :

"Nếu là Lậu Tào thủy, người nhà sẽ mắc bệnh thổ huyết, khó điều trị".

Bốc công viết :

"Trước huyệt kỵ có hố sâu, cũng là nói rằng rất kỵ Lậu Tào thủy lai triều trước huyệt".



Hình 3-39 :
Hình Sát thủy

Hình Sát thủy (H. 3-39) là chỉ loạn thủy giao lưu, xói vào bùn cát của Sa sơn.

Quyết ngữ nói :

"Loạn thủy xung Sa, gia nhân bị hung sát, chạy tán loạn mà chết".

LUẬN THỦY THÀNH

Thủy Thành là dùng Thủy làm quy phạm thành trì của ta, để giữ chặt sinh khí Long mạch, không cho nó lan tỏa đi. Thủy thành là môn hộ của Long huyệt, hình dạng của nó không giống nhau, khó miêu tả khái quát, cho nên cổ nhân đã dùng Ngũ tinh mà quy phối rất xác đáng, thành năm dạng là Kim Thành, Mộc Thành, Thủy Thành, Hỏa Thành và Thổ Thành.

Hình từ 3-40 đến 3-44.

Lai thủy vòng quanh huyệt trạch mà chảy, trông như một chuỗi ngọc, đai ngọc, gọi là Kim Thành (H. 3-40) thủy cục. Gia tộc chẳng những có địa vị vinh hoa hiển hách, mà tài sản còn rộng lớn, ai nấy trung nghĩa, khỏe mạnh, hình an đời đời.



Hình 3-40 : Kim Thành

Lai thủy xồng xộc chảy đến gấp gáp, gọi là Mộc Thành (H. 3-41) thủy cục. Thủy thế như nhắm bắn, hoàn toàn vô tình (chẳng chút lưu tình). Trong nhà có người bị xung quân địch xa xôi, lưu lạc làm thảo khấu (trộm cướp), con trẻ yểu mệnh, người còn sống thì cô độc bần cùng.



Hình 3-41 : Mộc Thành

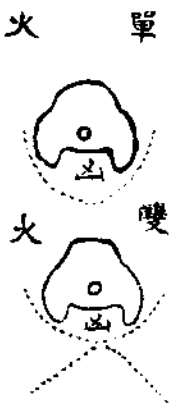
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



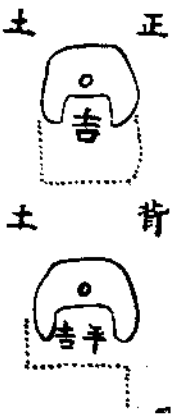
Hình 3-42 : Thủy Thành

Lai thủy quanh co vòng vèo như ôm ấp, gọi là Thủy Thành (H. 3-42) thủy cục. Triều thủy ôm lấy trước huyệt trạch, như người hữu tình, không nỡ biệt ly. Gia đình có quý nhân, quan vận hanh thông, làm đến Tể tướng; hơn nữa, ai cũng lưu tiếng thơm, được kính nể.



Hình 3-43 : Hỏa Thành

Triều thủy nhọn đầu hoặc vát, như khoan phá thì gọi là Hỏa Thành (H. 3-43) thủy cục. Có khi như hai mũi kiếm chọi nhau, tranh giành dòng chảy, có khi xông xộc chảy ồ ồ, ào ạt. Thủy cục kiểu này rất hung hiểm.



Hình 3-44 : Thổ Thành

Triều thủy ngay ngắn, vuông vức, dàn ngang như tư thế nằm ngửa, gọi là Thổ Thành (H. 3-44) thủy cục. Có hung, có cát; cần phân biệt rõ. Thủy hư rộng rãi, chậm chạp, sâu lắng là cát. Thủy lưu gấp gáp là hung, dẫn đến họa sát thân.

LUẬN NGŨ TINH BỐI THÀNH

Ngũ tinh bối thành là chỉ thủy lưu cao ở phía lưng ta mà chảy đi. Địa lý căn cứ vào việc thủy đối diện hay quay lưng mà phán định cát hung, họa phúc. (Hình 3-45 và 3-46.)



Hình 3-45

Có thơ viết rằng thủy quay lưng thuộc cả năm thủy cục vừa nói đều là hung hiểm. Phản Khiêu thủy, Quyển Liêm thủy cũng giống trường hợp này. Cho dù Long huyệt, Sa sơn có đẹp mấy, cũng không thể cứu con cháu khỏi vận mạng xấu (H. 3-45).

Bốc công nói :

"Hoàng bối thủy làm cho người ta khuynh gia bại sản. Thủy bối thành thì gia nhân đố kỵ, ghen ghét, không thể có cảnh hòa thuận, vui vẻ" (H. 3-46).



Hình 3-46

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN MINH ĐƯỜNG

Minh Đường là chỉ sảnh đường, nơi cư trú của thiên tử (vua chúa), tại đây, thiên tử mặt nhìn Nam, lưng tựa Bắc mà khảo sát, mà chỉ dụ cho bá quan văn võ, thiên hạ có tặng vật gì dâng hiến hoàng đế cũng đều đặt cả ở đây. Địa lý gia gọi nền huyệt đằng trước là Minh Đường là dựa vào tích đó mà mượn danh. Minh Đường cũng phân biệt nội Minh Đường và ngoại Minh Đường. Nội Minh Đường nên gọn gàng, đừng quá rộng, ngoại Minh Đường không nên chật hẹp, mà phải rộng rãi.



Hình 3-47 :
Bản thân giao tỏa

Minh Đường giao tỏa (H. 3-47) nghĩa là hộ sa sơn ở hai bên giao tụ vào nhau ở một chỗ, tựa như hai ổ khóa ở cổng lớn. Cát thức. (Tỏa - cái khóa).

"Minh Đường kinh" viết :

"Minh Đường vuông vức, rộng rãi, có thể dung nạp hàng vạn chiến mã, có thể làm lăng tẩm của vương hầu, có thể xưng hùng với thiên hạ. Hàng ngàn kỳ sĩ ngồi trên lưng ngựa tụ tập, văn quan võ tướng đứng nghe phong hầu ở đây".

Nơi đây, nếu bằng phẳng như tờ giấy, như đáy nồi, có thể dung nạp hàng trăm người tụ hội thì có thể làm nền nhà cho các bậc công hầu.

Ngô công viết :

"Nội Minh Đường, ngoại Minh Đường có hai loại : nội Minh Đường nên nội tụ, ngoại Minh Đường phải rộng lớn, cả hai Minh Đường phải vững vàng như kiềng ba chân, thì trong gia đình nhất định có người làm quan".

Liêu công viết :

"Nếu nền huyệt cao, Minh Đường cách tương đối xa, chỉ cần có Thủy ôm ấp, thì khỏi cần nghi ngờ chỗ này không tốt, có Long mạch ở đây ắt là chỗ tốt rồi".

"Sưu Thủy Kinh" có chia Minh Đường ra làm 180 kiểu, "Tiết Thiên Cơ" chia Minh Đường thành 81 kiểu, hai luận thuyết ấy đều quá chi ly tỉ mỉ, có thể tham khảo cả hai mà quyết định kiểu nào cát hung. Có thể quy nạp về chín (9) kiểu chính, người thông minh có thể lựa chọn kiểu tốt nhất.

Hình 3-47 đến 3-68.



Hình 3-48 :
Ngoại sơn giao tỏa

"Kinh Thư" viết :

Minh Đường phải hiểu như ta khép hai vạt áo rồi cài khuy lại. Kín đáo mới là cao quý. Hoặc giữa sơn cước và đồng ruộng trũng có lan can che chắn mới được coi là tốt. Chỗ có nhiều thủy lưu hội tụ là có thể bố trí Minh Đường. Hai bên tả hữu giao thoa như răng chó, bít kín chân khí của Long huyệt. Minh Đường như vậy mới là tốt nhất; địa thế này chẳng dễ tìm được" (H. 3-48).

Minh Đường Chu Mật (H. 3-49) là chỉ bốn phía Minh Đường đều có Sa sơn vây kín, không hề cho chân khí tiết lậu.



Hình 3-49 :
Chu Mật

Dương công viết :

"Thủy Minh Đường rất quý hiếm, quý thủy như quý máu. Trên mặt Minh Đường nếu bị phong xuy (gió thổi) thì giống như trong nhà bị trộm cướp, quyết không thể để có chỗ nào sơ hở, trống khuyết khiến gió thổi vào. Minh Đường cũng quyết không thể để cho thủy lưu xâm lấn một cách đột xuất".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-50 : Nhiễu Bao

Minh Đường Nhiễu Bao (H. 3-50) là chỉ chân khí của Minh Đường bao quanh huyệt trạch, tụ lại chứ không tán.

Dương công viết :

"Thủy Minh Đường vòng quanh ôm ấp, bao bọc. Ôm đến trước huyệt lại uốn cong vào phía trong; thủy hướng nội từ phía đối diện chảy tới thì giống như cái đai ngọc có cắm thẻ ngà của đại quan".



Hình 3-51 : Triều Tiến

Minh Đường Triều Tiến (H. 3-51) là chỉ Triều thủy chảy đến triều bái Minh Đường, mênh mông bao la.

Quyết ngữ nói :

"Lai thủy triều nhập đối diện với Minh Đường, thì con cháu tận hưởng vinh hoa phú quý".



Hình 3-52 : Quảng Tụ

Minh Đường Quảng Tụ (H. 3-52) là chỉ nhiều sơn nhiều thủy đến tụ lại.

"Táng Kinh" viết :

"Thấy Minh Đường Quảng Tụ, mọi thứ đều có đầy đủ".



Hình 3-53 : Dung Tụ

Minh Đường Dung Tụ (H. 3-53) là chỉ nhiều thủy dung kết, giống như đem các vật bỏ cả vào trong túi đồ.

Dương công nói :

"Minh Đường giống như lòng bàn tay khum khum, thì gia đình phú quý khó ai bì".



Hình 3-54 : Bình Viên

Minh Đường Bình Viên (H. 3-54) là phần giữa của Minh Đường nở rộng ra vuông vức, bằng phẳng, không gồ ghề cao thấp, phức loạn.

"Minh Đường Kinh" viết :

"Minh Đường bằng phẳng như một tờ giấy, thì xuất hiện công hầu".

Dương công nói :

"Chỗ tụ chân khí là Minh Đường. Trong Minh Đường phải bằng phẳng, vuông vức".



Hình 3-55 : Khoan Sướng

Minh Đường Khoan Sướng (H. 3-55) là rộng thênh thang, suôn sẻ, thông suốt, không dồn ép huyệt trạch.

"Kinh Thư" viết :

"Minh Đường Khoan Sướng có thể chứa được hàng nghìn binh mã, gia đình ắt có người địa vị cực cao, danh tiếng lẫy lừng thiên hạ".



Hình 3-56 : Đại Hội

Minh Đường Đại Hội (H. 3-56) là có nhiều Long mạch xen kẽ thủy lưu giao hội ở một nơi, quy tụ ở Minh Đường, như thể tứ phương đến nộp cống, như người làm tướng đổ đồn về dự đại hội.

Dương công viết :

"Long Sơn tứ phương tụ hội một nơi, Minh Đường chỗ này sẽ rất lớn. Chủ huyệt nhất định có địa vị công hầu khanh tướng, gia đình vào hàng phú gia địch quốc".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-57 :
Kiếp Sát hung thức

Cổ ngữ nói :

"Biết rõ hay dở của Minh Đường, năm trăm năm mới có một người. Khi kết huyệt, phải coi liều Minh Đường. Nơi Long khí ngăn thủy lưu giao hội, chính là nơi có huyệt vị. Phải xem cách thức là hung hay cát mà phán đoán" (H. 3-57).

入 射



Hình 3-58 :
Xạ Nhập

Minh Đường Kiếp Sát là chỉ Sa sơn có khuyết khẩu, Lai thủy thuận theo đó mà xối thẳng vào (xạ nhập) huyệt (H. 3-58).

Ngô công nói :

"Nước bắn thẳng vào huyệt qua chỗ trống, hết bề né tránh. Thủy cục như vậy, không thể làm Minh Đường".



Hình 3-59 :
Bức Trách

Minh Đường Bức Trách (H. 3-59) là chỉ Án sơn của Minh Đường quá bức thúc.

Liêu công nói :

"Người sinh ở Minh Đường Bức Trách nhất định sẽ ngu muội, không khá lên được".

Dương công nói :

"Minh Đường bức thúc, chật hẹp, người trong gia đình ắt sẽ ngu si, hung hãn".

背 反



Hình 3-60 :
Phản Bối

Minh Đường Phản Bối (H. 3-60) là chỉ Minh Đường quay lưng lại.

Quyết ngữ viết :

"Minh Đường không triều bái vào phía trong, mà quay lưng lại, thì con cháu suốt đời ly hương, lưu lạc quê người, cuối cùng bại tuyệt".



Hình 3-61 :
Trất Tắc

Minh Đường Trất Tắc (H. 3-61) là chỉ trong Minh Đường có chỗ nhô cao hẳn lên, làm cho địa thế không bằng phẳng, bị tắc nghẽn.

Ngô công viết :

"Minh Đường lồi nhô, tắc nghẽn, người nhà hung hãn, mắc họa".

破 破



Hình 3-62 :
Phá Toái

Minh Đường Phá Toái (H. 3-62) có nhiều dạng : nhọn đầu, khúc khuỷu, lồi lõm, sạt lở, mặt đất nham nhở.

Ngạn ngữ viết :

"Minh Đường nếu bị phá hoại, con nhỏ trong nhà sẽ bị chết yểu, ruộng đất mất dần, làm việc gì hỏng việc ấy, có kẻ đến ở rể với ý đồ xấu".



Minh Đường Khoáng Dã (H. 3-63) là dứng trên huyệt nhìn đi thấy cỏ rậm cao ngang ngực, không có rào giậu, như đất hoang.

Quyết ngữ nói :

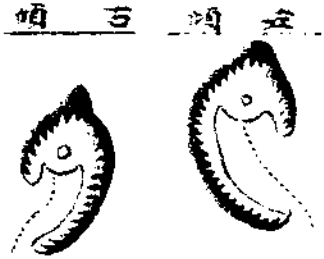
"Minh Đường có thể dung nạp thiên binh vạn mã, không thể để cho nó hóa thành bãi hoang".



Hình 3-63 :
Khoáng Dã

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-64 : Tả Khuynh, Hữu Khuynh

Minh Đường Khuynh Đảo là chỉ thủy lưu khuynh đảo Long sơn và Hổ sơn, thuận thế mà chảy đi.

Quyết ngữ nói :

"Minh Đường khuynh đảo, nhất định không phải là hảo huyệt".

Liêu công viết :

"Nếu Minh Đường khuynh đảo, nghiêng hẳn đi, dù có tìm thấy huyệt vị, cũng nên vứt bỏ".



Hình 3-65 : Trực Khuynh



Hình 3-66 : Hữu Thiên



Hình 3-67 Tả Thiên

Đồng công viết :

"Đất Minh Đường thứ nhất lối kỵ khuynh đảo (nghiêng lệch), như thế nước sẽ cuốn cát đá bùn đất chảy đi. Gia chủ sẽ bán hết ruộng vườn, tài sản, rời bỏ quê hương, con cháu đời sau yếu tử".

Minh Đường thiên lệch là chỉ địa thế Minh Đường bị lệch sang một phía, làm cho một bên cao, một bên thấp, không cân xứng chỉnh tề.

Liêu công viết :

"Địa thế Minh Đường lệch sang một bên, vợ chồng sẽ không đoàn tụ một nơi".



Hình 3-68 . Đầu Tả

Minh Đường Đầu Tả (H. 3-68) là chỉ địa thế trước huyệt thiển trở, dựng đứng.

Quyết ngữ nói :

"Minh Đường Đầu tả thì không thể đặt huyệt. Dù ở đây có Chân Long, có thể phát phúc phát lộc, cũng phải bán hết điền sản mới mua nổi một nửa chức quan".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN TIÊU NẠP ĐẢO THỦY CÁT HUNG ĐOÁN

Tiêu nạp là chỉ cục thế giống như vua Đại Vũ thời cổ xưa trị thủy để thủy đạo (đường thủy) được thông suốt, cho các thủy đạo đều thông ra sông lớn, sông lớn đổ ra biển.

Các thức các dạng của Thủy pháp do các danh gia nêu lên không giống nhau. Có người dùng chính Ngũ hành mà luận về Long mạch khởi thế tiêu nạp. Có vị dùng Hồng Phạm Ngũ hành luận thuật về tọa sơn để tiêu nạp. Có vị dùng Bát quái mà luận về hình cục tiêu nạp. Có người dùng Song sơn mà luận về hướng tiêu nạp. Có vị dùng Huyền không mà luận về hướng sinh nhập, khắc nhập để tiêu nạp. Có người dùng Cửu tinh mà luận về quản cục để tiêu nạp. Có vị dùng Thất Diệu mà luận về đáo cục tiêu nạp. Có người dùng Thiên tinh mà phân chia quý,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tiện... để luận về Thủy đáo Đường để tiêu nạp. Phương pháp rất khác nhau. Nay ta khảo sát kỹ nguyên nhân, thấy lý lẽ phần nhiều giống nhau, cho nên ghi lại dưới đây.

LUẬN CỬU TINH QUẢN CỤC
HAI MƯƠI TƯ SƠN KHỞI THAM LANG

Hai mươi tư Sơn phối hợp, là Tý sơn, Quý sơn, Ất sơn, Thìn sơn, Khôn sơn, Thân sơn, phối hợp với Nhâm sơn, Ất sơn, Khôn sơn; Sửu sơn, Tốn sơn, Tỵ sơn, Đinh sơn, Tân sơn, Dậu sơn phối hợp với Kiền sơn, Giáp sơn, Đinh sơn hình thành sao Tham Lang; Cấn sơn, Bính sơn, Hợi sơn, Tuất sơn, Mùi sơn, Canh sơn, phối hợp với Quý sơn, Tốn sơn, Canh sơn hình thành sao Tham Lang; Tuất sơn, Kiền sơn, Dần sơn, Giáp sơn, Nhâm sơn, Ngọ sơn phối hợp với Cấn sơn, Bính sơn, Tân sơn hình thành sao Tham Lang.

Phương pháp này lấy Tam Hợp trạch pháp làm cơ sở, khả dĩ hình thành tám tinh trạng là sao Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, còn Hữu Bật thì không có huyệt trạch đối ứng, cho nên không tính đến quản cục.

Dương công chuyên dùng phương pháp Ngũ Hành Tam Hợp, từ Cửu tinh quản cục mà bắt đầu phán đoán cát hung. Còn lại cứ theo đó mà đoán.

Triều hướng sáu sơn là Tý sơn, Ngọ sơn, Dần sơn, Thân sơn, Thìn sơn, Tuất sơn, là thuộc sao Vũ Khúc quản cục. Lai thủy phải đi từ phải sang trái, phương hướng lai thủy phải có ao hồ lớn tụ nhiều thủy lại thì mới cát lợi.

Thủy hướng đúng vào Vũ Khúc (Tý sơn, Ngọ sơn, Dần sơn, Thân sơn, Thìn sơn, Tuất sơn), thì mệnh chủ toàn gia hưng vượng, là cát lợi.

Còn Khứ thủy chảy thẳng đi, không ngoái đầu lại, thì đời con cháu sầu khổ, dòng trưởng tử (con trưởng) ngày một sa sút, mọi việc đều trục trặc. Là hung hiểm.

Triều hướng sáu sơn là Hợi sơn, Mão sơn, Mùi sơn, Tỵ sơn, Dậu sơn, Sửu sơn, là thuộc sao Cự Môn quản cục. Lai thủy nếu chảy từ tả sang hữu, phương hướng lai thủy có ao hồ là cát lợi.

Thủy triều theo hướng sao Cự Môn (Sửu sơn, Mùi sơn, Mão sơn, Hợi sơn, Tỵ sơn và Dậu sơn) sau đó theo hướng sang phía tây, thì gia đình mệnh chủ nhất định có phúc dày, con cháu phú quý hưng vượng, là cát lợi.

Còn Lai thủy từ phía tả chảy đi mà không hồi lưu thì dòng con trưởng bán hết ruộng vườn, lâm họa sát thân, tài sản rơi hết sang tay nữ nhân ngoại tộc.

Triều hướng bốn sơn là Tân sơn, Quý sơn, Cấn sơn, Giáp sơn thuộc sao Liêm Trinh quản cục. Triều hướng sáu sơn là Khôn sơn, Canh sơn, Đinh sơn, Tốn sơn, Nhâm sơn thuộc về sao Phá Quân quản cục. Triều hướng Ất sơn là thuộc sao Lộc Tồn quản cục. Lai thủy phải chảy từ tả sang hữu, còn chín sơn trên thì thủy phải hướng từ hữu sang tả, mới cát lợi.

Tân sơn, Quý sơn, Cấn sơn, Giáp sơn thuộc sao Liêm Trinh, Khôn sơn, Canh sơn, Đinh sơn, Tốn sơn, Nhâm sơn thuộc sao Phá Quân, thủy hướng từ hữu sang tả, con trưởng con út đều rất cát thuận. Thủy lưu bách bộ, giá trị nghìn vàng. Chỉ có Lộc Tồn chiếm hữu Ất sơn, thủy hướng từ trái sang phải cũng là cát lợi; nếu thủy hướng từ phải sang trái là khá hung hiểm, con cháu đời sau sẽ tán gia bại sản, gia đạo sa sút, không có ruộng vườn.

Nếu có nhiều thủy lưu triều hướng sao Phá Quân, sao Lộc Tồn và sao Liêm Trinh, thì sẽ gặp nhiều tai họa, dòng trưởng sẽ bị họa trước, con cháu nghèo khổ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Triều hướng hai sơn Bính sơn và Kiền sơn, thuộc về sao Tham Lang quản cục. Lai thủy phải từ tả sang hữu, phương hướng lai thủy có ao hồ đối diện, mới cát lợi.

Cát là Nhâm sơn Bính hướng, Tốn sơn Kiền hướng. Thủy lưu nếu chảy đến mà chảy vào ruộng, từ bên tả sang bên hữu, là cát lợi, gia đình mệnh chủ sẽ vinh hoa phú quý.

Khứ thủy của sao Tham Lang thì hung. Khứ thủy chảy từ hữu sang tả (phía đông) thì sẽ tổn hại cho dòng trưởng, gia sản lụn bại, cuộc sống đời con cháu cực khổ.

LUẬN THẤT DIỆU THU NẠP TƯƠNG THẾ THỦY

Huyệt đại mộ không đặt ở sao Phá Quân, đoạn tử tuyệt tôn (mất con mất cháu) tại sao Lộc Tồn, di niên dưỡng tính tại sao Văn Khúc. Sao Vũ Khúc thì chủ về đường quan chức hanh thông, sao Cự Môn là nơi suy bại, sao Liêm Trinh chủ về sinh lão bệnh tử, bảy sao (thất diệu) đều có chức trách phân minh, mỗi sao lo một việc. Lưu quốc sư căn cứ vào tình huống thủy hướng mà xác định sáu tướng : Sinh, Vượng, Quan (Quan Đới), Lâm (Lâm Quan), Suy, Dưỡng. Sáu tướng đáo cục là cát lợi. Còn sáu tướng không dùng là Mộc (Mộc Dục), Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, sáu tướng này đáo cục, là hung họa. Lý luận Thủy pháp này rất chính xác.

"Ngọc Xích Kinh" viết :

> "Sự phồn vinh tiếp diễn của người ta liên quan mật thiết đến Thủy Tràng Sinh, nguồn tiền của, bổng lộc có được là nhờ cung Quan Vượng Thủy Tràng Sinh chảy về hướng Minh Đường, dù là ngắn năm cũng không bị mục nát, Vượng thần tụ thủy thành cục, sẽ có bổng lộc làm quan lâu dài. Kẻ tham vinh hoa phú quý sẽ bỏ thủy Tràng Sinh mà nghênh tiếp Vượng thần. Muốn đời con cháu dài lâu hãy bỏ Vượng thần mà nghênh tiếp Thủy Tràng Sinh. Nếu Phá Quân xâm nhập vào chỗ của Vượng thần, thì mệnh chủ sẽ không còn có đất dung thân. Nếu sao Thiên Canh xung phạm vị trí của sao Tham Lang, thì khó có người hương hỏa".

Thủy Tràng Sinh đến hội họp với Vượng thần, thì mệnh chủ sẽ sinh con thông minh lanh lợi. Nếu Vượng thần xung phạm Tràng Sinh, thì dù có vinh hoa phú quý, cũng chẳng vui được bao lâu, hài nhi của mệnh chủ có thể bị chết ngay trong bụng mẹ, gọi là đã phạm vào thần Thai, hoặc mới sinh ra ít ngày đã chết, vì đã làm sinh khí bị tổn thương. Quan Đới sẽ mất đi khi con trai đã trưởng thành và Lâm Quan thì chỉ mất đi khi con gái đã hoàn toàn nên người. Nếu Tràng Sinh và Vượng thần cùng một chỗ, thì gia tài được bảo toàn, tối cát lợi.

Thủy Dưỡng Sinh chảy đến Minh Đường, sao Tham Lang sẽ xuất hiện người nối dõi là văn sĩ đại tài, dòng trưởng đời con, cháu sẽ nhiều phúc, nhiều quý, nhân đinh đông đúc, trung hậu và lương thiện. Lai thủy uốn lượn trở lại, càng có nhiều người làm quan trong triều. Càng uốn lượn quanh co, vinh hoa phú quý càng trường cửu. Nếu Thủy Dưỡng Sinh chảy đi, thì trong gia đình, vợ và con dâu sớm trở thành cô quả (vì mất chồng), phòng không lẻ bóng.

Thủy Mộc Dục chảy đến xâm phạm Đào Hoa, con gái trong nhà sẽ dâm loạn không thể quản thúc, hoặc nhảy xuống sông tự vẫn, hoặc bỏ chạy theo trai, gia sản lụn bại. Thủy Mộc Dục nếu chảy đến từ phương hướng Tý Ngọ, thì chủ về điền sản mất sạch, từ phương hướng Mão Dậu chảy đến thì chủ điền sản dư dả. Nếu Thủy Mộc Dục chảy ngược trở lại phá hoại vị trí Thủy Tràng Sinh, thì nữ nhân trong nhà sau khi bị sẩy thai lại trở nên dâm loạn, bị tai họa hình ngục.

Thủy Quan Đới chảy đến, chủ gia nhân thông minh trí tuệ, cũng chủ về phong lưu du ngoạn. Bảy tuổi đã viết văn làm thơ được người đời tán thưởng. Thủy Tràng Sinh, Vượng thần mà chảy đi, thì lấy đến người vợ thứ ba mới khá, nhưng con trai giỏi văn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sẽ có nguy cơ yểu tử, con gái dễ bị tổn thương cho nên chỗ đó cần đào ao để giữ nước lại.

Thủy Lâm Quan chảy về phía mộ phần, Quan Lộc Mã triều hướng về một phương này nên rất cát lợi. Thiếu niên đã sớm thi đỗ, làm quan lên nhanh, đến chức Tướng quốc, phò tá minh quân. Tối kỵ thủy Lâm Quan chảy ra hướng khác. Nếu Lai thủy chảy đi, con cái đang thành đạt liền bị chết yểu, con dâu phải để tang chồng, gia sản lụn bại.

Một dòng Thủy Đế Vượng chảy đến triều bái, thì một đoàn khí thịnh vượng sẽ bốc lên từ gia trang, gia đình sẽ có người làm quan to, được phong tước cao, uy danh lừng lẫy bốn phương, tiền tài đổ vào như nước. Chỉ e hưu tù sẽ làm tiêu tán thủy, thì dù giàu có như Thạch Sùng cũng chẳng được bao lâu sẽ lụn bại. Thủy Đế Vượng mà chảy đi, thì căn cơ sụp đổ, gia đình trở nên đói khổ, ai oán.

Thủy Suy thuộc sao Cự Môn quản cục, Lai thủy chảy đến Minh Đường sẽ sinh con thông minh học giỏi, đỗ cao, văn tài được thiên hạ tán thưởng, người già trường thọ, phong lưu dư dả, lên xe xuống ngựa, yến tiệc có ca vũ, mỹ tửu đầy đủ. Thủy Suy thịnh cực cũng là lai thủy, Khứ thủy đều tốt, có thể chảy chậm uốn khúc thì càng tốt.

Thủy Bệnh, Thủy Tử thì thế nào cũng chớ chảy đến. Nếu chảy đến thẳng hoặc chênh chếch, cũng đều gây họa, như gặp loạn binh, uống nhầm độc dược, bệnh tật triền miên, con gái chưa lấy chồng đã trụy thai, gia chủ nhất định gặp các loại tai nạn, có thể nghiện ngập, chỉ còn da bọc xương.

Mộ khố thì dù thế nào cũng không nên có thủy chảy đến, trừ trường hợp thủy Phá Quân chảy đến lại tốt. Nam nhi sẽ lập võ công lừng lẫy ngoài chiến trường, lưu danh sử sách. Nếu Lai thủy chảy đến gần mộ khố thì gia sản sẽ lụn bại, mang công mắc nợ không trả nổi. Nếu Lai thủy chảy qua mộ khố, thì gia chủ dù có bốn năm con cuối cùng cũng tuyệt tự.

Thủy Tuyệt Thai chảy đến, thì phụ nữ có thai bị chết lưu, tuyệt tự. Dù có sinh con, thì cha con, vợ chồng cũng tử biệt sinh ly. Thủy Tuyệt Thai có thể đến mạnh mẽ, thì nữ nhân trong nhà sẽ dâm loạn, theo trai; thế đến vừa phải, nữ nhân cũng hư đốn. Địa thế này chỉ có thể là xuất khẩu của thủy, sao Lộc Tồn phối hợp với Kim Ngư thủy thì mới ổn.

LUẬN HOÀNG TUYỀN SÁT THỦY PHẢN PHỤC ĐỊA CHI

Canh sơn, Đinh sơn, thì Khôn sơn là Hoàng Tuyền. Khôn sơn phối hợp với Canh sơn, Đinh sơn là hoàn toàn không cát lợi. Tốn hướng tối kỵ tương hợp với Ất sơn và Bính sơn. Khi Giáp sơn, Quý sơn triều bái, thì quyết chớ để phối hợp với Cấn sơn. Kiền sơn không thể phối hợp với Tân sơn và Nhâm sơn. Tân sơn, Nhâm sơn thủy hướng tối kỵ bị Kiền sơn ngăn trở. Mão thủy, Thìn thủy, Tỵ thủy, Ngọ thủy kỵ gặp Tốn thủy. Ngọ thủy, Mùi thủy, Thân thủy với Dậu thủy không nên gặp Khôn thủy. Dậu thủy, Tuất thủy, Hợi thủy, Tý thủy mà gặp Kiền thủy đều là hung họa. Tý sơn, Sửu sơn, Dần sơn gặp Cấn sơn đều là hung tướng.

LUẬN BẠCH HỔ THỦY

Bạch Hổ thủy không phải ở Kiền sơn, Giáp sơn, Khảm sơn, Thìn sơn, Thân sơn, Quý sơn, mà ở Đinh sơn với Mùi sơn. Nếu Ly sơn, Nhâm sơn, Dần sơn, Tuất sơn giao hội với Hợi sơn thủy hướng, thì mệnh chủ ưu sầu, sống qua ngày đoạn tháng. Hợi sơn,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mùi sơn, Chấn sơn, Canh sơn rất đặc biệt, nếu gặp Thân sơn lai thủy thì không hay. Đoài vị, Đinh sơn, Tỵ vị, Sửu sơn, nếu gặp Thìn sơn, Ất thủy, thì mối đến phá để hại người. Hai hướng Khôn, Ất không thể mạo phạm Sửu. Hướng Cấn, hướng Bính gặp hướng Ngọ, sẽ chạm đến Bạch Hổ, bị phương hại. Bát quái sơn có Thiên can Địa chi, Tốn vị, Tân vị không thể gặp Khảm vị, nếu gặp sẽ bị hoạn nạn. Lập thủy hướng, an huyệt vị, người ta đều phải chú ý tránh né những điều ấy để cho gia đình khỏi bị tai họa, bi thương.

LUẬN TÔNG MIẾU ĐẠI NGŨ HÀNH THỦY PHÁP

"Hồng Phạm" là chỉ vua Đại Vũ triều đại Hạ dùng Lạc Thư mà hoạch định chín khu vực lớn để trị thủy Hoàng Hà, làm cho thủy đạo lưu thông, không bị ngăn trở. Chữ "Hồng" là ngụ ý "nước lũ", chữ "Phạm" là quy củ, quy phạm. Vị trí núi non tuy không thay đổi, nhưng thủy đạo lại có thể thay đổi. Địa lý gia đào khoét Sa sơn, khơi thông thủy lưu, phân biệt phương hướng. Tiêu nạp thay thế, tìm vận khí tốt, tránh vận khí xấu, đó là căn bản của lý luận Thủy pháp. Cho nên Lưu Bá Ôn viết quyển dưới đây để giảng lý luận chính xác về tiêu nạp.

Giữa Kiền sơn và Tốn hướng, Tỵ thủy trường lưu, Canh sơn, Dậu sơn ở phương vị Long khí thịnh vượng, đều là rất cát lợi. Đại giang thủy chảy đến có đoạn không giống nhau, nếu né tránh Dần sơn, Thân sơn, con cái mệnh chủ sẽ làm quan. Nếu chảy quyện qua Canh sơn, Dậu vị, con cái của mệnh chủ sẽ chết. Nếu Tốn thủy, Tỵ thủy chảy qua trước cửa, con trưởng của mệnh chủ phải đề phòng cẩn thận, con nuôi cũng không được tốt. Hợi sơn với Tốn sơn, Tỵ vị hình thành sao Tham Lang, là cát lợi. Thân sơn, Canh sơn, Dậu sơn với Tân sơn mà hướng thủy chảy đến từ phía nam, thì mệnh chủ sẽ bạo phát, tiền của đầy nhà. Lai thủy chảy đến từ hướng Đinh, Mùi vị, thì mệnh chủ sẽ thăng quan tiến chức, nữ nhân dễ hoài thai. Nếu lai thủy chảy qua Thân vị, Canh vị, Tốn vị, Tỵ vị, thì cứ ba năm lại có một người trong nhà bị chết, gia sản lụn bại.

Nhâm sơn với Dần vị, Thân hướng hình thành sao Tham Lang, lại có Tỵ vị, Ngọ vị lai triều bái, gia nghiệp sẽ đại hưng vượng. Lai thủy chảy về hướng Tân vị, Tuất vị, gia đình sẽ phú quý, con cháu hiền lương, hiếu thảo. Tỵ vị Bính hướng vốn là xấu, nhưng gặp lai thủy chảy đến triều bái lại là tối cát lợi. Lai thủy chảy về hướng Dần, Giáp, thì vợ chồng, con cái nhất định sinh ly tử biệt.

Khảm sơn, Đinh vị, phối hợp với Mùi sơn, Khôn vị và Thân sơn, có lai thủy triều bái, nhất định nhiều phú quý. Nếu là thủy Dậu sơn lai triều, nữ nhân nhà này ắt sinh dâm loạn. Lai thủy chảy qua Khôn vị, Thân sơn là xấu. Nếu là sao Văn Khúc lai thủy thì sẽ mắc bệnh ôn dịch, hỏa hoạn. Nếu lai thủy nhập vào Bính vị, xuất ra Tốn vị, thì sẽ có người nhà làm đại quan. Cho nên cần xem kỹ phương hướng lai khứ của thủy.

Quý sơn lai thủy triều hướng Mùi vị, ắt phải có Thân vị, Canh vị đối xứng, như hai người vái chào nhau. Cần đề phòng Thìn vị Tốn thủy chảy lại. Thủy từ Bính vị chảy đến Đinh vị, thì vĩnh viễn không sợ tai họa. Tân vị, Dậu thủy ngưng đọng bất động là bất bình thường. Thủy lai triều Sửu vị, Cấn vị, Mão vị, cứ ba năm một lần bị tai nạn cướp bóc tiền tài.

Sửu sơn vị ở trên cao, thủy thế của Mùi và Khôn quá mạnh, rất nhiều thủy lưu giao hội, thì khi đó nếu Hợi sơn, Nhâm sơn vái chào nhau (đối xứng), nền huyệt sẽ kiên cố như bàn thạch. Thủy từ Bính vị chảy đến hướng Tốn, sẽ xuất hiện anh hùng hào kiệt, từ Dậu vị chảy đến hướng Tân, cũng sẽ làm đại quan. Nếu Thìn, Ngọ thủy bắn tới, gia đình ắt lụn bại, người nhà mắc bệnh liệt giường, thậm chí làm loạn, bị chém đầu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cấn sơn phong nhô cao, có Long, Hổ thủy (Thìn thủy và Dần thủy) đột ngột chảy tới với uy thế hung mãnh, Kiền vị Tuất Hợi thủy từ bên hữu chảy vào, thì nhất định phải tìm cho được nền huyệt tối hảo tại Mão vị. Lai thủy từ Canh vị chảy đến, sẽ xuất hiện đại quan, từ Dậu vị, Tân vị chảy đến cũng không có gì hung hiểm. Còn lai thủy chảy thẳng vào Mùi, Ngọ vị, thì mệnh chủ sẽ khốn khổ.

Dần sơn dài, Thân thủy, Canh thủy chảy qua Minh Đường. Thủy của Nhâm, Hợi, Tý, Quý vị tràn ngang mà tới là cát lợi. Chảy về hướng Thìn vị, Tốn vị cũng rất hợp. Chảy về hướng Tỵ, Ngọ, Dậu là rất hung hiểm.

Giáp sơn Canh hướng, hợp với Nhâm thủy, Tý thủy, Khôn thủy thành sao Tham Lang hoặc Vũ Khúc, chỉ cần có thủy chảy đến triều bái, nhất định sẽ vinh hoa phú quý. Từ Dậu vị chảy về hướng Tân, thì mệnh chủ hưng vượng về nhân đinh. Thủy chảy đến Bính, Ngọ thì xấu, chảy ngược qua Minh Đường thì người sẽ chết. Ở chỗ ấy mà đặt huyệt hoặc xây nhà thì đang giàu sẽ lụn bại, cho nên phải xem kỹ phương hướng của thủy.

Mão sơn phối hợp với Kim vị Dậu thủy là rất xấu. kết hợp với hướng Tuất, Kiền vị, hướng Hợi thì mới cát lợi. Nếu một đoạn thủy chảy trở về Canh vị, Đoài vị, thì gia đình ắt có người làm quan. Mùi, Thân thủy thực ra không tốt nếu chảy vào trước nền huyệt, thì sẽ có họa ôn dịch, năm nào cũng có con em bị chết, bị họa tù tội, gia sản lụn bại.

Ất sơn Tân hướng, Tý Ngọ thủy từ trái lại đón, Dần Sửu thủy từ trái triều nhập, hai dòng Thủy này đều rất cát lợi, sẽ đem lại vinh quang cho gia chủ. Nếu như Khứ thủy là can lưu, mệnh gia chủ nếu tốt thì được ân thưởng của vua. Hợi vị, Tý vị nhất quyết không được chảy đi (khứ), Tuất Hợi thủy chảy đến, đến lúc nhất định sẽ gặp đại hình, nữ trong nhà bị kẻ xấu gian dâm.

Thìn sơn với Tuất vị không tương thích, cùng Giáp sơn, Canh sơn, Nhâm vị, Tý sơn, Quý sơn phối hợp tương đối thích hợp, diện đối âm cơ thành tư thế cúi chào rất đặc biệt. Từ Hợi vị, Nhâm vị chảy đi, mệnh chủ sẽ mất một bà già. Nhưng, chủ yếu phải tìm ra chân Long và đặt tìm huyệt cơ đúng, mệnh chủ sẽ trở nên giàu có, gia nghiệp vĩnh viễn không bị tổn hại.

Tốn sơn Kiền vị, có Khảm Quý thủy tới là tôn quý. Thủy này chảy tới sẽ làm mệnh chủ gia hưng vinh hoa phú quý. Nếu từ Canh sơn Thân vị, Tân sơn Dậu vị chảy tới thì rất bất lợi, sẽ có ôn dịch tai họa. Dòng Thủy này nếu từ Thân vị chảy đi, tính mệnh khó bảo tồn, gia nhân sẽ chết toàn bộ, không còn một ai.

Ất sơn Hợi hướng có Kiền thủy, Nhâm thủy, Tuất thủy tới chào đón, Dần sơn Mão vị dẫn đạo Long mạch hướng đông nhập vào biển lớn, nhà này sẽ đời đời thụ hưởng vinh hoa phú quý. Từ Canh vị Dậu hướng chảy đi, nhà đất và tiền tài hưng vượng cả hai. Tý Sửu thủy đến triều thì không hợp, tại mùi vị, Khôn vị, Thân vị đều không cát lợi, mệnh chủ gia sẽ dần dần chết, mối trắng sẽ gặm phá ván áo quan.

Bính sơn bắc hướng có Dần Sửu thủy chảy qua Minh Đường, hướng tây bắc có Kiền Nhâm thủy chảy qua là rất cát lợi. Mỗi người mỗi chi trong họ đều sẽ có nhà đất. Ất Bính thủy chảy lại, mệnh chủ nhất định sẽ phồn vinh thịnh vượng, trong nhà sẽ luôn có chuyện tốt đẹp vừa ý, trong vòng ba - bốn trăm năm, sẽ không có chuyện gì xấu. Nếu như hồi lưu hướng Cấn vị, thì nhất định sẽ gặp tai ương, xung quân đi chết trận tha hương.

Ngọ sơn Tý hướng, Sa sơn; thủy hướng phải tương hỗ, lai thủy tối hảo là qui về Kiền vị, như vậy mệnh chủ nhất định đại phú, đại quý, đạt đến ngôi vị công khanh. Nếu tại Tuất vị hồi lưu, tập trung chạy về Tý vị, Dần vị, người nhà sẽ phải xung quân, kẻ gian xuất hiện, nhục nhã lìa tổ lìa tông. Sở dĩ phải nhận rõ phương vị tốt, như chọn tại Tốn vị, con cháu sau sẽ được làm quan, triều bái chân Long thiên tử.

Đinh sơn phía trên, có Canh vị, Dậu vị thủy hướng lai triều kiến. Nếu tìm được Long mạch chân chính, nền huyệt lại đoan chính, thủy chảy qua Dần vị, Giáp vị là rất

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tốt, nhưng rất khó tìm ra. Thìn vị, Tỵ vị, Thân vị nếu có Thủy lai triều kiến, phong thủy nhất định rất thịnh, chỉ có Sửu lưu thủy sẽ triệu đạo tặc lại gây họa, phụ nữ bị ma quỷ ám, ưu sầu không dứt, tuyệt đối tránh mở,

Mùi sơn Thìn vị, Mão thủy với Ất thủy rất sợ gặp nhau một nơi. Thủy từ Tý vị, Quý sơn chảy tới rất tốt, từ Khôn vị, Thân vị chảy tới cũng sẽ mang lại vinh hoa phú quý. Từ Thìn vị, Tốn vị chảy lại thì thủy rất hung hiểm, không bao giờ để nó quay lại Khảm vị, khiến thanh danh mệnh chủ bị phá hại. Thủy nên từ Giáp vị, Ất vị chảy lại, sẽ làm mệnh chủ tài phú vô biên.

Khôn sơn với Hợi vị, Nhâm vị, Tý vị, Quý vị tương hợp, lai thủy chạy ngang, chảy theo Giáp hướng, Ất hướng, ở đây nên chọn làm mộ địa, làm dương trạch đều sẽ đại phát. Long mạch vẫy đuôi mà đi, hổ sơn cúi đầu mà quay lại, mệnh chủ gia nghiệp sẽ hóa thành tro bụi, năm này sang năm khác hung tai, không bao giờ được nghe tiếng nói cười, chỉ nghe tiếng than vãn.

Thân sơn Thân hướng, có thể cùng với Hợi vị, Tý vị, Sửu vị tương phối. Xa xa trông thấy lai thủy ngang tới, con gái mệnh chủ có thể vào cung làm quý phi, con trai sẽ được phong hầu. Lai thủy từ Giáp vị, Ất vị chảy đi, không bao giờ ưu sầu, ra ngoài đi ngựa quý hài vàng, phong quan đắc ý, bất kể là ba chi hay tứ hộ, nhà nhà đều tiến tới lầu cao cửa rộng, tiền của trong nhà rất nhiều, ngân phiếu đi khắp nơi.

Canh sơn trải dài, có Hợi Nhâm thủy hướng lai triều, trong nhà sẽ rất hưng vượng, nhưng tất phải có một điều kiện : thủy phải chuyển ba khúc uốn, hồi khứ bốn lần. Long mạch phải tĩnh mịch, hổ sơn phải ẩn đỉnh núi thì nữ nhi trong nhà sẽ rất ôn lương. Lai thủy tối hảo chảy quay lại Giáp vị, Ất vị, nếu như chảy thẳng tới Cấn vị, Dần vị, chủ nhà sẽ mất ruộng đất, còn bị ôn dịch tai họa.

Dậu sơn Kim vị, Thìn Tỵ tương hội, mệnh chủ suốt từ trẻ tới già tiền của bất tận, lai thủy chảy qua Giáp vị, Ất vị, sẽ xuất hiện quan đại phụ; chảy qua Canh vị, Tân vị thích hợp an táng mộ phần, nhà này đời đời sống tại nơi phồn hoa đông đúc. Chảy qua bốn sao Lộc Tồn, con cháu nhà này sẽ được vào triều làm quan, vinh hoa phú quý hơn người.

Tân sơn với Sửu sơn, Quý sơn, Khôn sơn, Thân sơn tương hợp, thủy từ hai bên tả hữu chạy ngang vào huyệt vị, nên chảy qua Bính vị, Giáp vị mà kỵ từ Thân vị, Thìn vị chảy qua, sợ chạy thẳng đi, như vậy sinh mệnh sẽ thịnh vượng. Cứu người khỏi bần khốn, nhất định phải coi xét cẩn thận, xem thủy lai nhất định phải triều hướng Thìn vị, Tỵ vị nghịch hướng với Dần vị, Mão vị mà chảy. Từ Cấn vị chảy qua nhất định sẽ bị hình ngục, con trẻ chết, đoạn hương hỏa.

Tuất sơn Thìn vị, với Tý sơn, Quý vị, Canh sơn, Thân vị tương phối, thủy lai này thì từ giữa sao Tham Lang với Vũ Khúc chảy qua, tại đây, huyệt cơ tự nhiên sẽ phát đạt hưng thịnh. Từ đông nam chảy đi, theo "Đồ Kinh" nói, mệnh chủ sẽ kim ngọc đầy nhà, giàu có, còn xuất hiện trường thọ tinh, nhân đinh hưng vượng.

LUẬN BẤT DIỆU THỦY

Khảm vị đối Thìn, Khôn vị đối Đoài, Chấn vị đối Thân, Tốn vị đối Dậu, Kiền vị đối Ngọ, Đoài vị đối Tỵ, Cấn vị đối Dần, Ly vị đối Hợi, các trường hợp này đều là sát diệu (sao xấu). Làm nhà, đặt mộ ở bát diệu Thủy này đều không cát lợi, vạn sự đều trắc trở.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN THÔI QUAN THỦY

Thôi quan Thiên tinh Thủy pháp là do Lại công đưa ra, chuyên để luận về Tam dương, Lục sự, Ngũ cát, Lục tú đáo cục là cát lợi, còn lại thì đều hung hiểm.

+ *Tam dương* là : Tốn, Bính, Đinh.

+ *Lục sự* là : Thiên Hợi, Địa Cấn, Nhân Đinh, Tài Mão, Lộc Tốn, Ngọ Bính.

+ *Ngũ cát* là : Đinh, Ngọc Môn Tốn, Văn Bút Tân, Học Đường Bính, Kim Đường Mão.

+ *Lục tú* là : Xá Văn Bính Đinh, Trường Thọ Bính Đinh, Kim Đới Canh Dậu Tân, Ngân Đới Cấn, Sậu Phú Mão, Văn Tú Tốn Tân.

+ *Tam cát* là : Hợi, Mão, Canh.

Thiên tinh phần lớn lấy Can chi Thủy. Cho nên "Ngọc Xích Kinh" viết :

> "Trên Thiên Can nên có lai Thủy, phải đề phòng khứ Thủy. Khứ Thủy nên từ Địa chi mà chảy đi, tối kỵ chảy trở lại".

Phần lập luận về Thủy tiêu nạp ở trên chỉ chọn thuyết pháp của bốn Nhà, có kiểm chứng với thực tế. Lai Thủy từ hai bên tả, hữu rút đi, tiêu đi, thì chủ Dương trạch sẽ có con cái đông đủ, phú quý lâu dài, người nằm dưới mộ cũng không bị mối chui vào quan tài. Nếu chỉ theo Tam dương Lục sự, Ngũ cát Lục tú, thì mệnh chủ cũng được phúc dày, nhưng không lâu dài, còn phải có lai Thủy hội tụ một chỗ.

Bốc công viết :

> "Thủy lưu nếu quanh co khúc khuỷu như có tình người, cho dù không đối xứng với vị trí tinh tú, cũng là cát lợi. Sơn mạch mà nghiêng lệch, đứt đoạn, không tương phùng, cho dù phù hợp bát quái, cũng vô dụng".

Lý luận tuy nói như vậy, nhưng ta khảo cứu địa thế Kim Lăng thời xưa, phát hiện rằng : Thủy lưu nếu không phù hợp với quy luật tiêu nạp, thì chủ nhà phần lớn bị người ngoài đến chiếm cứ, có phát tài cũng bị kẻ khác đến chiếm đoạt, rất xấu. Người nằm dưới mộ bị mối phá hủy, gia sản lụn bại. Cho nên khi xem Thủy pháp, nhất định phải cẩn thận, chiếu theo lý luận Thủy pháp kể trên mà làm.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

DƯƠNG TRẠCH

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Cảo Lục
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiên Dung

DƯƠNG CƠ TỔNG LUẬN

Dương cơ là vấn đề vô cùng trọng đại, lớn thì quốc gia, vừa thì thành thị hương thôn, nhỏ thì bình dân bách tính (trăm họ), đều phải cần đến nó. Dương trạch lớn nhỏ khác hẳn nhau, nhưng điểm báo cát hung họa phúc và khi ứng nghiệm thì lại hoàn toàn giống nhau. Thông thường mà nói, Long mạch phải dài, huyệt vị phải thoáng rộng, thủy lưu phải uốn lượn vòng vèo và giao hội đầy đủ, hộ sa phải cân xứng với nhau, nhìn từ xa như đang triều bái nền huyệt. Chọn Dương trạch, Mộ địa nhất định phải chọn nơi núi lớn, sông lớn giao hội. Địa phương tốt nhất có thể trở thành kinh đô, tỉnh thành, tốt vừa sẽ thành quận, phủ, kém một chút có thể làm huyện lỵ, dưới nữa là thôn xóm. Cơ chỉ (cơ sở, nền tảng, vị trí) rất khác nhau, biểu thị ai tốt ai kém.

Liêu công viết :

"Sơn thủy của nơi xây dựng đô thành nhất định phải thuộc loại trung bình, sơn thủy trung bình tụ hợp lại mới là nơi có thể kiến lập thành thị. Lăng mộ, nhà ở phải thuộc loại sơn thủy dưới trung bình một chút. Sự tiêu trưởng đầy đặn mới thắng được thần công tạo hóa, mới có vận khí tốt".

Nhưng sơn thủy tụ hợp lại có sự khác nhau giữa nơi bằng phẳng (bình nguyên) với sơn cốc. Nơi bình nguyên có thủy thì rất tốt, sơn cốc lại kín gió thì quá tốt.

Họ Bốc viết :

"Giữa Long, Hổ sơn không có gió thổi, quanh năm cảnh trí như giữa mùa xuân, dưới chân Thái sơn là bình nguyên có sông nước giao lưu, rừng cây um tùm xanh tốt".

LUẬN DƯƠNG CƠ LONG, HUYỆT, SA, THỦY

Phương pháp quan sát Long mạch của Dương cơ, thấy nó xuất thân từ tổ sơn, lên xuống nhấp nhô, chi cước (chân tay) uốn lượn như ôm vòng lấy đầu... ta thấy không khác gì mấy so với các cục Long mạch của Âm địa. Chỉ khác nhau ở chỗ dài ngắn, xa gần mà thôi.

"Kinh" viết :

"Muốn biết cư trú ở nơi nào mới tốt, mới là cao quý, thì phải tìm nơi núi vòng trở lại, thủy bao quanh chứa đầy sinh khí. Nếu bỗng dưng ngọn núi nghiêng lệch, hướng ra phía khác mà đi, thì nơi đó chẳng có gì tốt. nếu hai dãy

Download Ebook Tại: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hộ sa (núi bảo vệ) chắp tay vái nhau, hộ vệ huyệt cơ nghiêm trang đoan chính, không có tướng phản cốt, thì huyệt vị đó dù không lớn cũng có thể cư trú rất bình an, cát tường, trong vòng một trăm (100) năm, gia nghiệp ngày một hưng vượng".

Liêu công nói :

"Nhà ở trên cán Long có hai loại xa và gần. Cán Long ngàn dặm khả dĩ làm địa chỉ cư trú của đại quận. Cán Long trải dài vài trăm dặm, có thể trở thành địa chỉ cư trú của châu, phủ; xa hơn có thể thành đất phong hầu. Cán Long dưới một trăm dặm chỉ có thể làm trụ sở huyện lỵ. Ngắn hơn nữa thì làm thôn trấn".

LUẬN BÌNH CHI DƯƠNG CƠ

Nơi bình nguyên, nhìn không thấy giới hạn, nhất định phải tìm nơi Long mạch lai khứ (đi và đến) làm chỗ kết huyệt. Chỗ có vị trí cao hơn xung quanh một chút, chắc chắn là nơi có chân Long. Nếu vùng nào chỗ nào cũng bằng phẳng hoặc cao thấp ngang với chung quanh, thì địa thế để kết huyệt vị bị thấp, không tốt lắm. Khi đó nên nhớ địa thế chỗ nào chỉ cao hơn một tấc, cũng là chân Long. Chỗ Hà thủy không chảy qua là cốt mạch của Long. Địa thế ở chỗ nào đột nhiên lên xuống nhấp nhô, thì đó chính là thế đi của Long trên bình địa, cây cỏ hơi lộ và dàn trải.

Có khi gặp hồ lớn dung nạp rất nhiều thủy lưu, có khi đi sát vào sông lớn, kênh lớn, ở đây nhất định có hai Long mạch ở cách sông giao hội. Nơi đây có thể làm một địa chỉ cư trú lớn (cơ chỉ). Thủy ở đây nhất định gồm nhiều dạng.

"Thái Âm kinh" viết :

"Đất châu huyện kinh sư nhất định là bằng phẳng, Long mạch Sa hồ vây nước lại một chỗ làm thành thủy trì (ao, hồ), nhà cửa thành thị lập cơ địa ở chỗ cao. Không thể nói hình dạng lõm là nơi tốt nhất".

Nguyệt thiền sư nói :

"Ẩn giấu tung tích hoàn toàn là không hay. Long mạch xuyên ngầm dưới ruộng, qua sông, đột ngột nhô lên ở bình địa, đã không có Thanh Long, Bạch Hổ hộ vệ, cũng chẳng có gì hộ vệ ở xung quanh, thì rất khó phát hiện chân Long ở chỗ nào. Nơi đây, có tinh nhất chính là thủy".

Dương công cũng nói :

"Khi tới vùng bình nguyên, chớ có hỏi chân Long ở chỗ nào, chỉ cần nhìn thấy chỗ nào có thủy vây quanh, thì nơi ấy chính là chân Long".

"Táng kinh" viết :

"Trong bình địa có sinh khí cát tường, bùn đất sẽ theo đó mà lên xuống. Lại có chỗ đất cao lên, gọi là bình chi cao địa, thì rất tốt, nhưng cần có Thanh Long, Bạch Hổ hộ vệ, nếu không thì dù là chỗ cao cũng không thật cát lợi, chỉ nên dựng đền miếu. Nếu có rất nhiều cảm ứng, thì cũng không nên làm nhà ở nơi này".

Do đó, đối với bình chi dương cơ, cần khảo sát tình hình cẩn thận.

LUẬN SƠN CỐC DƯƠNG CƠ

Phàm Dương cơ của sơn cốc, phải để nó tọa lạc ở nơi bình viên, bằng phẳng và rộng rãi, tứ bề có Sa sơn châu vào hộ vệ, ở giữa không có chỗ lõm hãm rộng; bên dưới nên có giếng nước, Minh Đường phải thoáng đãng, cư trú ở nơi gần sông là tốt nhất. Nếu muốn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đặt huyệt cơ ở trong sơn cốc, cũng có thể tìm chỗ nào bằng phẳng, nhưng không quá hẹp, vì chỗ nào quá hẹp sẽ không cát lợi.

"Kinh" viết :

"Chọn Dương trạch tối kỵ huyệt vị nhỏ hẹp, huyệt vị nhỏ hẹp chỉ có thể làm Âm cơ Mộ địa. Tiểu huyệt mà dùng làm Dương cơ, sẽ khiến cho khí mạch bị tổn thương. Thông thường khi định huyệt vị cho Dương trạch, huyệt vị phải lớn, nơi đó phải bằng phẳng, thoáng đãng. Nếu nhỏ hẹp thì nhất quyết bỏ ngay không tiếc".

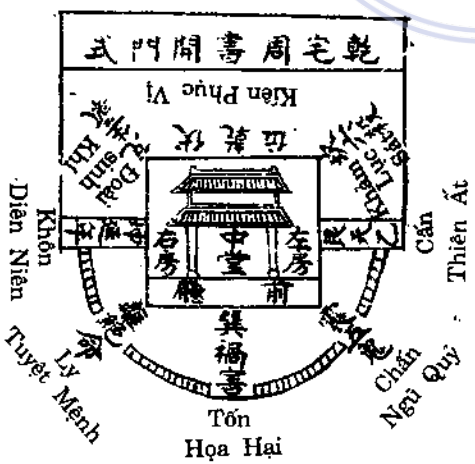
Liêu công viết :

"Ngọn núi bốn phía cao chót vót, nơi ấy mà làm nhà ở (dương cư) thì không cát lợi. Nhân đinh sẽ giảm thiểu, gia nghiệp không thể vượng, chỉ lụn bại dần. Nhà cửa ở nơi u ám, tam dương không rọi chiếu được tới, nhất định sẽ là nơi trú ngụ của yêu ma quỷ quái. Nhà cửa ẩm thấp, gia nhân nhất định sẽ gặp tai họa bệnh tật. Nếu lưu thủy chảy từ phía sau qua nhà, người nhà sẽ ly tán, tiền tài sa sút. Hẻm núi gió thổi rét buốt là tối hung hiểm, mệnh chủ sẽ chết, thân nhân nghèo khó. Bên cạnh nhà nếu quanh năm có thủy lưu động, thì tang sự tai họa liên miên không dứt. Nếu mệnh chủ cho rằng huyệt vị quá nhỏ, muốn làm cho nó rộng ra, nhất định sẽ động đến sinh khí Long mạch mà bị thương tổn. Long mạch chạy ngang tối kỵ bị đứt đoạn từ bên trong, vì như thế mệnh chủ sẽ bị mất hết gia tài, chuốc lấy đủ thứ tai họa".

LUẬN BÁT TRẠCH CHU THƯ KHAI MÔN PHÓNG THỦY

Quyển "Chu Thư" này là do Hoàng Thạch Công biên soạn, Dương Cửu Bần cùng tham gia phán đoán, dùng đạo lý Tiên thiên Bát quái phối hợp sinh khắc mà luận cách khai môn phóng thủy, vô cùng ảo diệu.

Hình từ 3-69 đến 3-116.



Hình 3-69 :
• Kiểu Kiến trạch khai môn

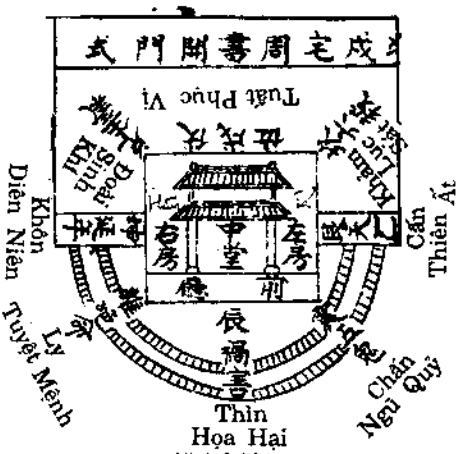
Dương Cửu Bần đoán định :

"Mở cửa ở vị trí Thiên Ất (Cấn), thì gia đình phú quý, tiền của đầy kho, nhân đinh hưng vượng, sinh con có tài. Mở cổng lớn tại vị trí Khôn, Thổ sinh Kim, tiền của chảy vào mau chóng, gia đình hòa thuận, vạn sự hanh thông. Mở cửa ở vị trí Đoài, hòa khí sinh tiền tài, thoạt đầu cát lợi, về sau sẽ hung hiểm. Mở cửa Kiền vị, thuộc khí thần Dương, nữ nhân trong nhà sẽ bị thương tổn, còn mọi người tạm bình an".

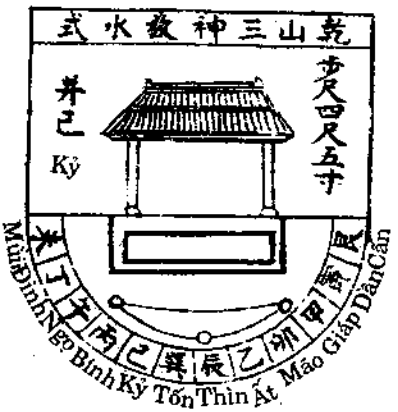
Kiến trạch thoạt tiên nên mở cửa ở vị trí Cấn, tựa như một cái đai ngọc, đi đường vào nhà đến vị trí Khôn thì ra là đại cát. Cửa chỉ nên mở một cánh, rộng chừng bốn thước năm tấc (1a).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-70 :
Kiểu Kiến sơn Tam thần phóng thủy



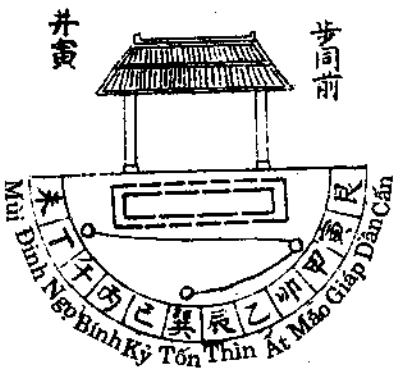
Hình 3-71 :
Kiểu Tuất trạch khai môn

Dương công đoán định :

"Kiến sơn hướng Tốn, thủy lưu ở vị trí Đinh, chảy ra hướng Tốn có thể làm động môn (cửa động) phóng thủy. Danh từ này gọi là Thôi Quan thủy. Mệnh chủ phú quý hiển hách, thanh danh lẫy lừng kinh sư. Tuất hướng Canh sơn, khởi từ sao Tả Phụ, thuận số, nếu chạm đến cột sinh mệnh, xuyên qua đòn giông của nhà, xê dịch độ nửa bước hoặc một bước, hợp với Nguyên thần, vừa vặn tám thước ba tấc, sân phải hẹp, nửa bước là Tiểu Thần, một bước là Cát Tinh.

Dương công viết :

"Tuất trạch, mở cửa ở vị trí Khôn, trong nhà ắt xuất hiện người khẳng khái đứng đắn, vàng chôn ngọc cất, ruộng vườn ngày một nhiều. Cổng lớn đặt tại Cấn vị, sinh khí mạnh mẽ, nhân đinh hưng vượng, cát lợi, gia đình có văn sĩ tú tài, nhiều điền sản. Mở cửa hướng Sin Khí và Phục Vị thì phú quý trường cửu vạ năm, gia tài ngày một giàu có, người già a khang. Tuất trạch tại Khôn vị khởi hành chuyển đến Cấn vị, vòng lại Đoài vị mà ra th vô cùng cát lợi".



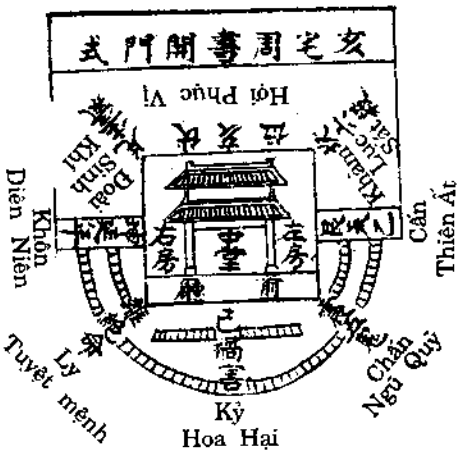
Hình 3-72 :
Kiểu Tuất sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Tuất sơn Thìn hướng thủy lưu cung Giáp, hai vị trí Tốn, Đinh là Thôi Quan thủy, nếu có người khai môn phóng thủy được cách này, nội trong ba năm ắt xuất hiện hiền sĩ. Thìn sơn khởi từ sao Tả Phù, thuận số, gặp vị trí cát tinh, thì phóng thủy. Nếu chạm đến cột sinh mệnh, ước lượng dài ngắn mà tính toán, có khi nửa bước, có khi 1/3 bước, hợp làm Nguyên thần, phóng rộng một thước sáu tấc hoặc hai thước tám tấc, hẹp thì một thước, sân phải sâu, sơ bộ (bước thứ nhất) làm sao Lộc Tồn".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

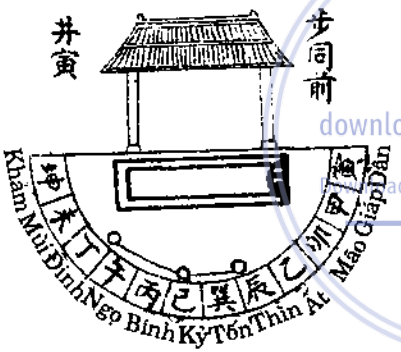
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-73 :
Kiểu Hợi trạch khai môn

Dương công đoán định :

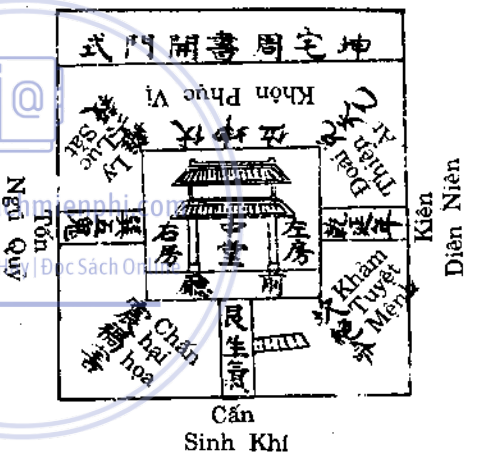
"Mở cửa ở vị trí Cấn, nhà sẽ đại phát tài, con cái thông minh xinh xắn, giỏi văn chương, ứng với các tuổi Dần, Thân, Tỵ, Hợi. Mở cửa Khôn vị, phải hơi chếch về hướng Thân vị, thì ngày ngày phát tài. Mở cửa Tuất Dậu, Tân vị, cũng chủ về phát tài, gia tộc phú quý, huynh đệ hòa thuận, tôi tớ đông đảo, nhà có hiếu tử. Tuổi Ất, Tân, Đinh, Hợi gặp vận tốt. Hợi trạch khai môn Cấn vị, chuyển lại Khảm vị rồi sau lại hồi chuyển Cấn vị".



Hình 3-74 :
Kiểu Hợi sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Hợi sơn Tỵ hướng, thủy lưu Tốn vị chếch hướng Bính vị, kỵ mã triều thiên mà đi, nếu chạm đến sao Tham Lang, sao Cự Môn thủy, sẽ vừa vinh hoa vừa phú quý, giàu tựa Thạch Sùng. Tỵ hướng khởi từ sao Tả Phụ, thuận số làm Nguyên thần, phóng hai thước bảy tấc, hẹp thì bảy tấc, sân phải hẹp. Bước thứ nhất đúng là sao Vũ Khúc, bước thứ hai là sao Tham Lang, bước thứ ba là sao Cự Môn, cửa ra nên thuộc cục diện Nghênh thủy đường, như vậy mới vĩnh viễn cát lợi.



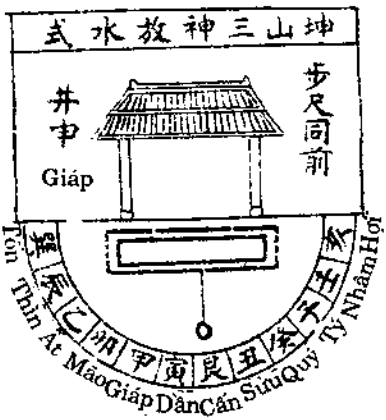
Hình 3-75 :
Kiểu Khôn trạch khai môn

Dương công đoán định :

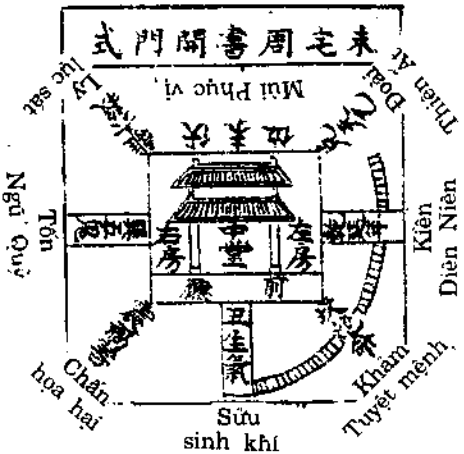
"Từ Diên Niên Kiến bước ra, phối hợp với địa, gia đình giàu có. Lão Âm phù hợp với Lão Dương, vợ chồng cùng thọ đến trăm tuổi. Sinh khí khai môn, chính khí hành lộ, đồng thời cũng cần có Thiên đạo tương trợ : Trạch huyệt khai môn trước sau đều phải theo kiểu này, phú quý vô cùng. Thổ Kim tương sinh không ngừng, gia đình ắt có thần đồng, thăng quan tiến tước, văn võ song toàn, đời sau con cháu tốt đẹp. Khôn trạch thoạt đầu Kiến vị khai môn, chuyển đến cửa Khôn thì ra là tối cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-76 :
Kiểu Khôn sơn Tam thần phóng thủy



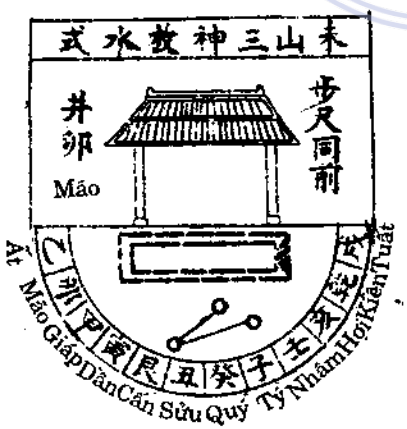
Hình 3-77 :
Kiểu Mùi trạch khai môn

Dương công đoán định :

"Khôn sơn Cấn hướng là sao Liêm Trinh, đi trăm bước không ngừng, Nhâm, Ất, Cấn thủy đến triều bái giao hảo, gia tộc phú quý song toàn hàng ngàn năm. Ất hướng Thìn sinh, sơn khởi từ sao Cự Môn, thuận số xê dịch, lấy số bước làm Nguyên thần, phóng sáu thước một tấc, hẹp thì một thước sáu tấc, bước thứ nhất là sao Liêm Trinh, bước thứ hai là sao Tham Lang. Khai môn phóng thủy như vậy sẽ vô cùng cát lợi".

Dương công đoán định :

"Mùi trạch thoát ra, Cấn vị khai môn, triển khai hướng Kiền vị, gia đình nhiều ruộng vườn, phát tài, gia súc thịnh vượng, học hành dễ đạt cao, đời nào cũng có anh hùng độ lượng. Từ hai vị trí Dậu, Tân xuất nhập lai vãng thông suốt, tôi tớ trong nhà đông đúc, tiền ra vô như nước, vợ con phát tài phát phúc. Kiền vị khai môn (mở cửa) về hướng Cấn vị, Quỷ vận tiến tài, già trẻ đều hoan hỉ, ai nấy khẳng khái, thiếu niên đã có tài viết văn. Mùi trạch tại Cấn vị khai môn, chuyển hướng Càn vị, đại môn (cổng lớn) tại Cấn vị khai, quanh Đoài vị mà ra".



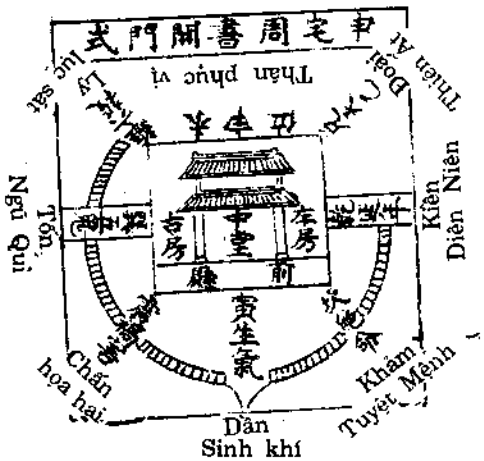
Hình 3-78 :
Kiểu Mùi sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Mùi sơn Sửu hướng Cấn thủy hảo viễn, khúc khuỷu là Huyền Vũ, tả hữu là sao Tham Lang, hai thủy Nhâm, Quý đều có thể phóng là cát lợi, như thế phú quý sẽ liên tục. Ất Sửu khởi hướng, sơn khởi từ sao Cự Môn, thuận số gặp cát tinh phóng thủy, chạm đến trụ sinh mệnh câu đầu (đầu máng nước), làm một cái thủy quỳ. Nguyên thần phóng thủy một thước sáu tấc nhập đấu, phạm vi hai thước, câu đầu rộng sáu tấc. Bước thứ nhất là sao Phá Quân, bước thứ hai là sao Tham Lang, bước thứ ba là sao Văn Khúc, cửa ra của thủy cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

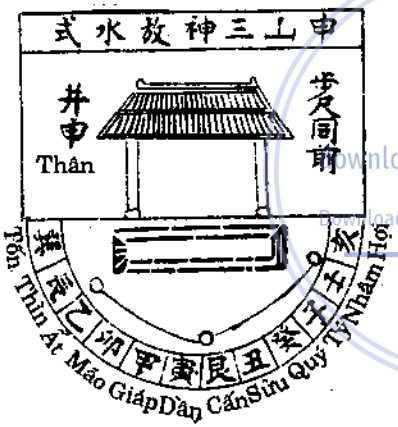
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-79 :
Kiểu Thân trạch khai môn

Dương công đoán định :

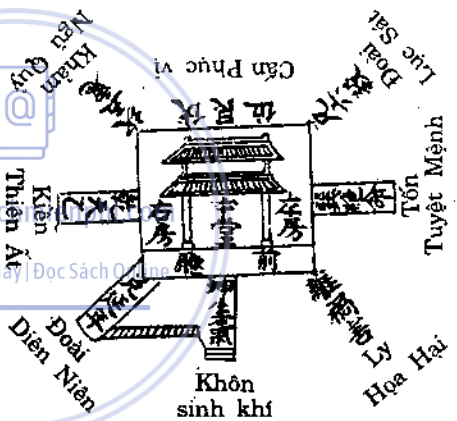
"Thân trạch tại Kiền vị khai môn, vượng khí rất nhiều. Cổng lớn mở ở vị trí Cấn Sinh Khí, gia đình sẽ có văn sĩ đại tài, có nhiều người hiếu nghĩa, Quý vận lài lai ứng tại Canh Thân vị. Mở cửa Khôn vị, đường đi thẳng, qua đó vòng vèo như rắn bò, thì người già nhiều tiền của, con cái có thể dung tiền mua quan tước. Thân trạch thoạt đầu mở cổng lớn tại Cấn vị, sau đó chuyển hướng Kiên vị khai môn, rồi hướng đến Cấn vị, cuối cùng trở lại Khôn sơn".



Hình 3-80 :
Kiểu Thân sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Thủy lưu đến trước mặt triều bái, từ Ất, Cấn vị phóng thủy, hai vị trí Tốn Cấn là Thôi Quan thủy. Các phong thủy sư dương thời đều biết kiểu phong thủy này, cởi bỏ bạch y (quần áo trắng) mà mặc tử y (quần áo tím). Mậu Dần khởi hướng, sơn khởi sao Cự Môn, Nguyên thần phóng thủy ba thước tám đấu, chiều ngang tám tấc, sân phải sâu. Bước thứ nhất là sao Vũ Khúc, bước thứ hai là sao Cốc Tướng, bước thứ ba là sao Cự Môn. Xuất khẩu nghênh thủy là cục diện vô cùng cát lợi".



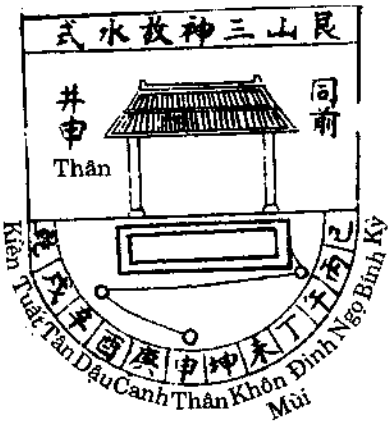
Hình 3-81 :
Kiểu Cấn trạch khai môn

Dương công đoán định :

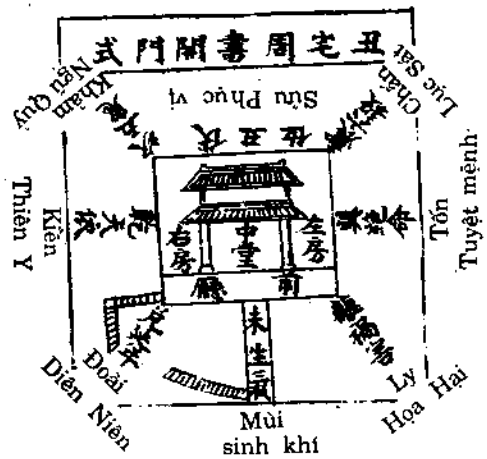
"Cấn trạch Kiền vị khai môn, gia đình phát tài, nhân đinh hưng vượng, chỉ lo nữ nhân bị liên quan đến hình án. Khôn vị khai môn, gia súc đầy chuồng, nhà giàu có, vàng chôn ngọc cất. Mở cửa hướng Đoài Diên Niên, âm dương phối hợp, đại phú đại quý, danh tiếng lẫy lừng thiên hạ. Cấn trạch thoạt đầu ra hướng Đoài, rồi quay sang hướng Khôn mà ra, thì số mệnh vô cùng cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-82 :
Kiểu Cấn sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-83 :
Kiểu Sửu trạch khai môn

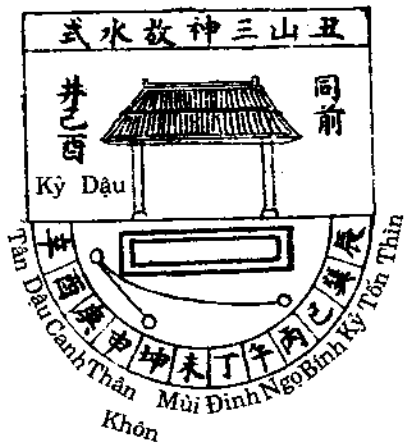
Dương công đoán định :

"Cấn sơn, Khôn hướng về phía sao Phá Quân, thủy Đinh, Khôn có thể bảo toàn tiền của và lương thực. Lộc, Mã kéo Long thần ngả sang mé hữu, con cháu có người được làm Phò mã. Ất Mùi khởi hướng, sơn khởi sao Tham Lang, theo mặt trước đã nói chiết hướng, làm đấu Nguyên thần, phóng sâu tấc tám đấu, rộng một thước sáu đấu, sân vườn phải sâu. Bước thứ nhất là sao Tả Phụ, bước thứ hai là sao Vũ Khúc, bước thứ ba là sao Văn Khúc, cửa ra vô cùng cát lợi".

Dương công đoán định :

"Sửu trạch tại Cấn vị gặp quẻ Diên Niên mà khai môn, thì đại phát tài. Đường đi khúc khuỷu mà lên trên, gia đình phú quý, vàng chôn ngọc cất, con cái thông minh linh lợi, đỗ đạt cao, đời con cháu cũng hiếu thuận, phù hợp đạo lý cương thường, nam có văn chương, nữ có sắc đẹp khuynh thành, ruộng vườn thênh thang, có Quý vận tương trợ.

Sửu trạch thoạt đầu ra hướng Đoài, rồi quay sang hướng Khôn mà ra, vô cùng cát lợi".



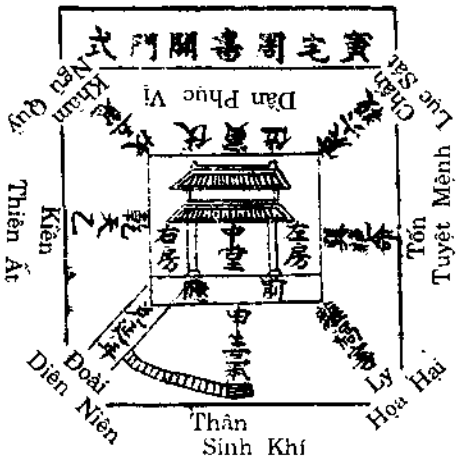
Hình 3-84 :
Kiểu Sửu sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Sửu sơn, Bính thủy chảy về hướng Mùi, nhất định có âm phù hộ cho con cháu làm quan. Phong thủy đại sư đương thời nếu khai phóng Tân, Khôn thủy, phú quý vinh hoa sẽ được mãi mãi. Ất Mùi khởi hướng, sơn khởi sao Tham Lang, quan sát xem thiên tỉnh (sân trong) rộng hẹp thế nào mà lượng tính độ dài ngắn của bước đi, không được chạm đến trụ sinh mệnh, xuyên xà nhà và phòng ốc. Xê dịch hướng Nguyên thần, phóng một thước sáu tấc tám đấu, rộng một thước. Bước thứ nhất là Bính vị, sao Cự Môn, bước thứ hai là Tân vị, sao Tham Lang, bước thứ ba là Khôn vị, sao Phá Quân, cửa ra vô cùng cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

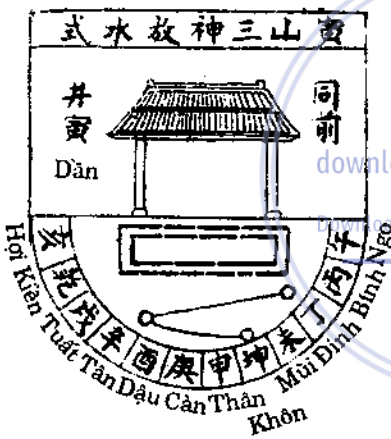


Hình 3-85 :
Kiểu Dẫn trạch khai môn

Dương công đoán định :

"Dẫn trạch, mở cửa tại Đoài vị, âm dương phối hợp với nhau mới phát tài, nhiều ruộng vườn, con cháu thông minh lanh lợi. Cổng lớn phải ở vị trí Sinh khí (Thân), khí thế trong nhà mới vượng. Gặp Thiên Ất (Kiền) nhà được tiền của từ ngàn dặm mang đến biếu, ruộng vườn ngàn mẫu.

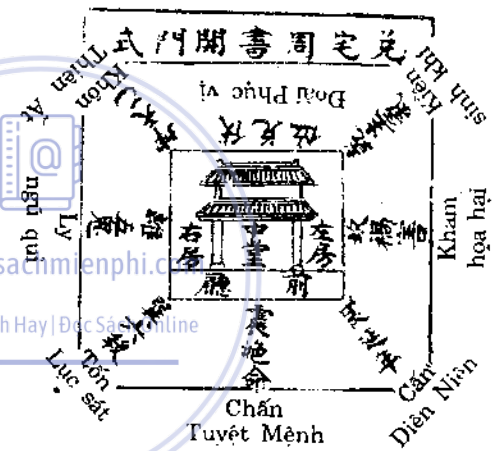
Dẫn trạch thoát đầu ra hướng Đoài, sau đó sang hướng Khôn thì vô cùng cát lợi".



Hình 3-86 :
Kiểu Dẫn sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Dẫn sơn, Khôn thủy chảy hướng Thân, chủ về con cháu đại hưng vượng, vận may ngàn năm, Canh, Tân vị phóng thủy đều chủ giàu sang, đời nào cũng có người làm quan. Mậu Thân khởi hướng, sơn khởi sao Vũ Khúc; Nguyên thần phóng một thước năm tấc, tám đấu, rộng một thước, thiên tỉnh (sân) phải sâu, bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Phá Quân, bước thứ ba là sao Tham Lang, hoặc giả vòng về hướng sao Vũ Khúc ở Kiền vị, cửa thủy hướng ra đường phố, vô cùng cát lợi".



Hình 3-87 :
Kiểu Đoài trạch khai môn

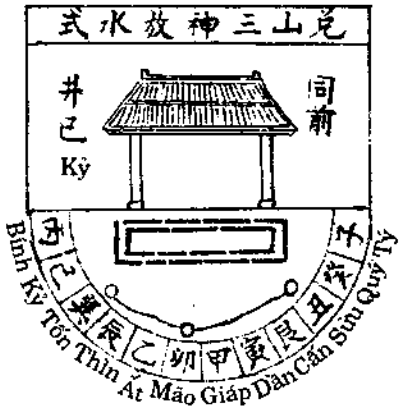
Dương công đoán định :

"Mở cửa ở vị trí Cấn Diên Niên, âm dương hòa hợp rất tốt. Con cháu chiếm bảng vàng, phú quý song toàn, trường thọ. Mở cửa ở Kiền Sinh khí, rất cát lợi, nhưng có nguy cơ già trẻ bị "phạm phòng". Thiên Y dựa vào Kim Thổ tương sinh, chủ phú quý, nhưng bất lợi cho nữ nhân trong gia đình.

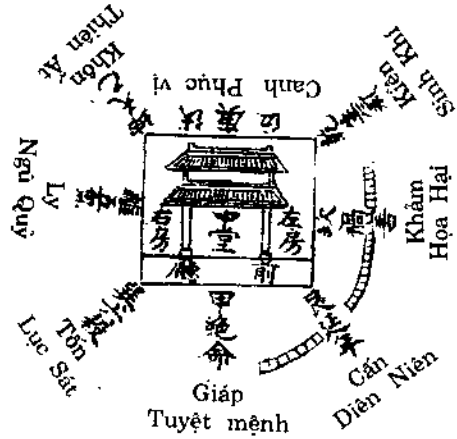
Đoài trạch nên mở cửa ở vị trí Đoài, Thổ Kim tương sinh, vô cùng cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-88 :
Kiểu Đoài sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-89 :
Kiểu Canh trạch khai môn

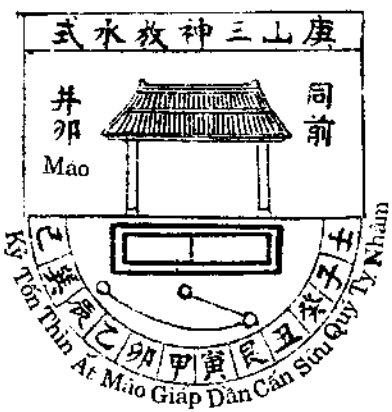
Dương công đoán định :

"Đậu sơn, Cấn thủy từ cửa Tốn chảy ra, con cháu đều làm quan to, vinh quy bái tổ. Tốn thủy đến triều bái Giáp, Ất vị, nhân đinh trong nhà đông đúc, tiền của dư dả. Ất Mão khởi hướng, sơn khởi sao Phá Quân, Nguyên thần phóng thủy ba thước tám tấc tám đấu, rộng tám tấc ba phân, thiên tỉnh (sân) phải sâu và kín đáo, không lộ ra. Bước thứ nhất là sao Cự Môn, bước thứ hai là sao Lộc Tồn, bước thứ ba là sao Tham Lang, cửa ra của thủy vô cùng cát lợi".

Dương công đoán định :

"Canh trạch mở cửa tại Kiền vị, nhà có hiếu tử, Quý vận dẫn tiền tài đến. Nhà đời nào cũng có văn sĩ, ruộng vườn ngàn khoảnh, gia nhân hòa thuận. Nếu mở cửa Cấn vị hướng sang Đoài vị, sẽ lập tức được thăng quan tiến chức, con cháu thông minh tuấn tú, đỗ cao, văn võ song toàn, trở thành phò tá vua chúa.

Canh trạch bắt đầu mở cửa tại Kiền vị, quành sang Cấn vị mở cổng lớn mà ra thì vô cùng cát lợi".



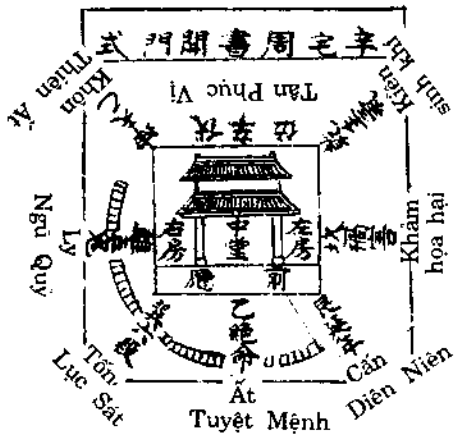
Hình 3-90 :
Kiểu Canh sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

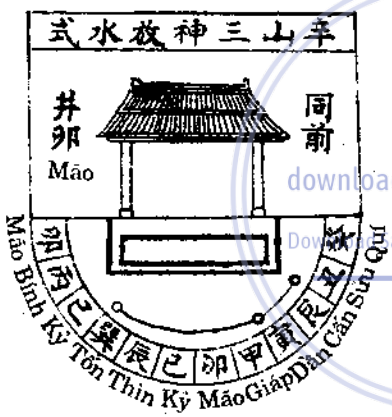
"Giáp hướng, Canh thủy chảy vào Tốn vị, đời con cháu điền sản phong túc, nếu có thêm núi ở Cấn vị thì nhân đinh càng hưng vượng. Canh Dần khởi hướng, sơn khởi sao Phá Quân, thuận số, Nguyên thần phóng thủy ba thước tám tấc làm tài nhập đấu, rộng tám tấc một phân, thiên tỉnh (sân) phải hẹp, Kiền vị không thể tàng chứa sát khí. Bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Tham Lang, bước thứ ba là sao Cự Môn, cửa ra của thủy cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-91 :
Kiểu Tân trạch khai môn



Hình 3-92 :
Kiểu Tân sơn Tam thần phóng thủy

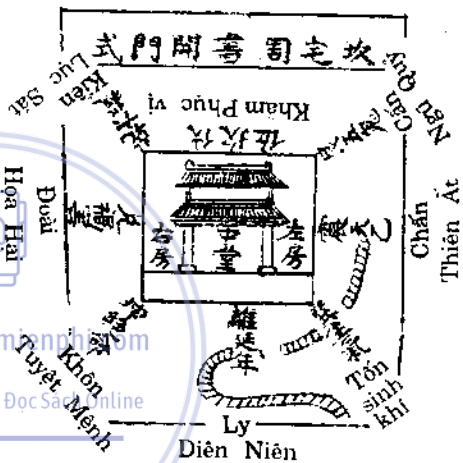
Dương công đoán định :

"Tân sơn, Bính thủy chảy hướng Ất, hai bước hướng Giáp vị là sao Liêm Trinh, nếu có thể phóng thủy như vậy, thì bảo đảm gia đình sẽ có tiếng thơm lưu truyền hậu thế. Tân Mão khởi hướng, sơn khởi sao Phá Quân, Nguyên thần phóng tám thước thuộc Mộc, làm tài nhập tám đấu, rộng tám tấc ba phân, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Vũ Khúc, bước thứ hai là sao Liêm Trinh, bước thứ ba là sao Văn Khúc, nếu thiên tỉnh rất dài, bước thứ năm lại quay về hướng Giáp vị, thì cửa ra vô cùng cát lợi".

Dương công đoán định :

"Tân trạch, nếu cửa và lối đi khúc khuỷu, vòng vèo, thì sẽ có khí độ phú quý. Bắt đầu mở cửa tại Cấn vị, gia tộc sẽ trở thành một dòng họ lớn, vợ chồng sống tới đầu bạc răng long, mọi người bình an, tiền tài dư dả, không thiếu thứ gì, ruộng vườn, nhà cửa thênh thang, anh em con cái thông minh, khẳng khái.

Tân trạch thoạt đầu mở cửa Cấn vị, hướng Khôn vị mà ra thì vô cùng cát lợi".



Hình 3-93 :
Kiểu Khảm trạch khai môn

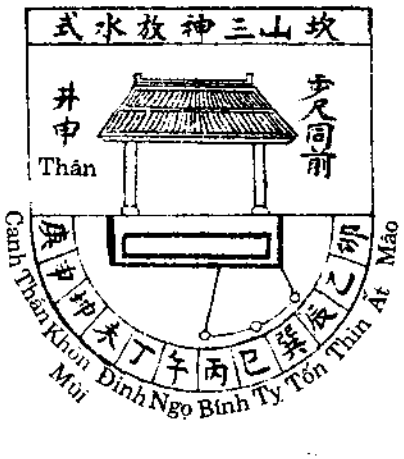
Dương công đoán định :

"Có cửa và đường đi vòng vèo ngoằn ngoèo như rắn bò, đầu đuôi đều nhìn nhà, dù gia đình không giàu lớn như Thạch Sùng, nhưng cũng có thiếu niên thiên tài như Cam La; Thiên Ất huynh đệ hòa thuận, hòa khí sinh tiền tài, tiền của vạn quan. Tài khí tuy vượng tướng, nhưng nữ nhân trong nhà khó tránh chết trẻ.

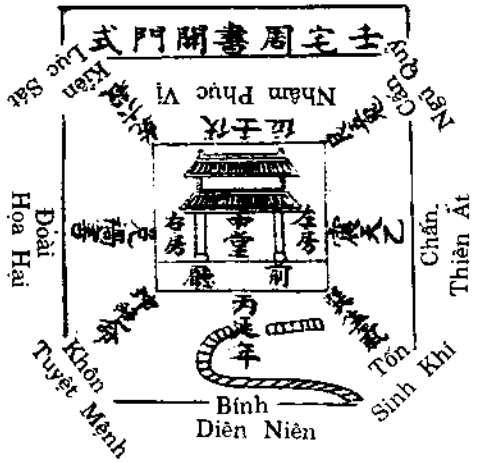
Khảm trạch thoạt đầu mở cửa tại Tốn vị, đi vòng mà ra thì cát lợi. Nếu thoạt đầu mở cửa lại Chấn vị, sau đó quành về Tốn vị mở cổng lớn, thì vô cùng cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-94 :
Kiểu Khảm sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-95 :
Kiểu Nhâm trạch khai môn

Dương công đoán định :

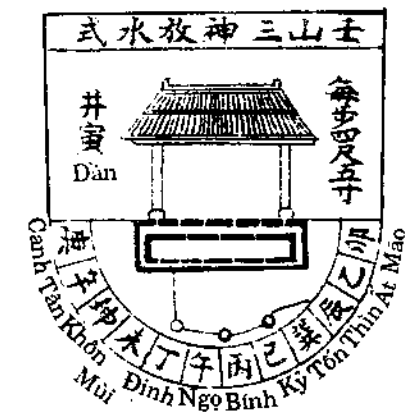
"Tý sơn Ngọ hướng, thủy lưu Bính vị, con em trong gia đình sẽ cưỡi ngựa đi triều bái thiên tử. Nếu thủy lưu Đinh, Khôn, Tốn tam vị, con cháu nhất định làm quan hiển hách.

Giáp Ngọ khởi hướng, sơn khởi sao Tham Lang, thuận số, gặp cát tinh quẹo sang hướng Nguyên thần, phóng hai thước bảy tấc làm đấu, rộng bảy thước bảy phân, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là Đinh vị Tiểu thần, bước thứ hai là Bính vị Trung thần, bước thứ ba là sao Văn Khúc đại thần, thủy chảy ra từ hữu sang tả, có hồ ao, là tối tôn quý"

Dương công đoán định :

"Đường vào nhà ngoằn ngoèo như kim tiên ngọc dới (roi vàng dai ngọc), mở cửa ra ở vị trí Diên Niên (Bính), thì gia đình có người làm quan đại thần, giàu sang phú quý. Thiên Ất là vị trí Sinh khí, khai môn tại đây, con cháu làm quan tới ngũ phẩm, văn chương quán thế, thi đỗ, bảng vàng đề tên.

Nhâm trạch thoạt đầu mở cửa nhỏ tại Chấn vị, quẹo sang hướng Ly vị mà ra hướng Tốn vị, mở cửa lớn, Thủy Mộc tương sinh, là thượng cát".



Hình 3-96 :
Kiểu Nhâm sơn Tam thần phóng thủy

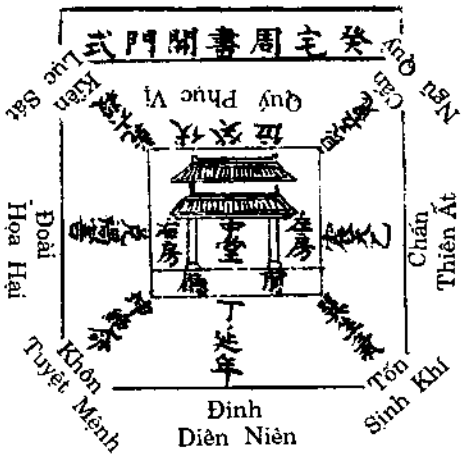
Dương công đoán định :

"Thủy khẩu phải mở tại Đinh vị, như vậy gia đình mới có người làm quan, đến chức Ngự sử. Phong thủy sư nếu phóng thủy theo kiểu đó, nhất định gia đình sẽ gặp vinh hoa phú quý vạn năm.

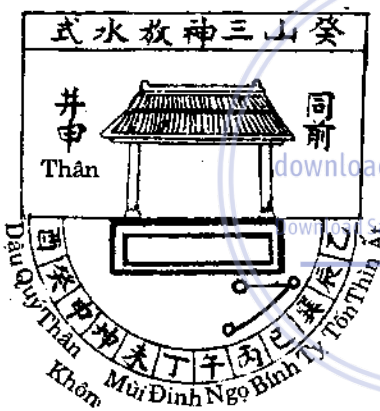
Nhâm Ngọ khởi hướng, sơn khởi là sao Tả Phụ, thuận số, nếu chạm đến trụ sinh mệnh, hoặc xê dịch một bước, hoặc nửa bước, làm Nguyên thần đấu hộc (1 hộc = 10 đấu), phóng thủy hai thước bảy tấc, rộng bảy tấc bảy phân, thiên tỉnh phải sâu kín không lộ. Bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Liêm Trinh, bước thứ ba là sao Cứu Bần Hoàng Tuyền Cốc Tướng, cửa ra cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-97 :
Kiểu Quý trạch khai môn



Hình 3-98 :
Kiểu Quý sơn Tam thần phóng thủy

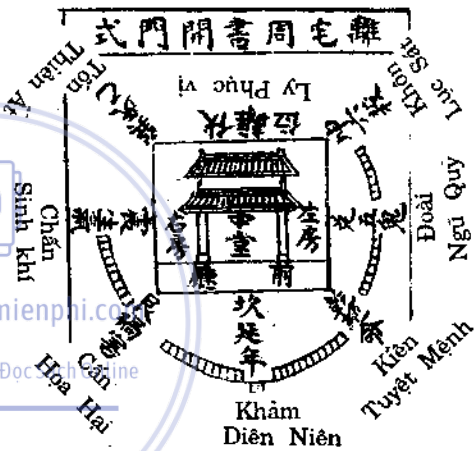
Dương công đoán định :

"Đinh hướng phóng Bính thủy, gia đình phú lại quý. Đinh thủy đến triều bái, gia nghiệp hưng vượng. Khôn vị phóng thủy cũng cát lợi, phú quý vạn năm. Quý Mùi khởi hướng, sơn khởi sao Tham Lang, thuận số, gặp cát tinh chiết phóng thủy, thì xem thiên tỉnh rộng hẹp lớn nhỏ mà định hợp năm tháng, không động chạm trụ sinh mệnh là vô cùng cát lợi. Nguyên thần phóng thủy bảy thước nhập đấu, ngang (rộng) bảy thước bảy phân. Bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Văn Khúc, cửa ra cát lợi".

Dương công đoán định :

"Quý trạch tại Chấn vị khai môn, gia chủ có thể hoạnh tài (phát tài mạnh), gia súc đầy chuồng, con cháu thông minh tuấn tú. Cửa ra từ hướng Diên Niên, nhất định sẽ xuất hiện Thám hoa (sau Trạng nguyên). Cửa Tốn Sinh khí phò trợ thăng quan tiến chức, ra vào chốn triều đình, đời sau có người khoa bảng, ruộng vườn vạn khoảnh.

Quý trạch thoạt đầu mở cửa tại Chấn vị, quành sang hướng Ly vị, ra Tốn vị mà mở cổng lớn thì vô cùng cát lợi".



Hình 3-99 :
Kiểu Ly trạch khai môn

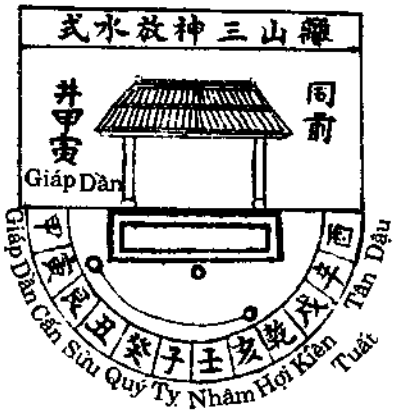
Dương công đoán định :

"Mộc Hỏa tương sinh Thiên Ất khai môn, các phòng đều có tiền tài dồn đến. Con em trong nhà thông minh tuấn tú, lương thực dồi dào, nhân đinh hưng vượng. Vị trí Sinh khí cũng chủ về phú quý; mở cửa ở vị trí Diên Niên thì người già trường thọ, tiền tài dư dả, phu thê vui vầy đến già. Thủy Hỏa ở vị trí Ký Tế là cát lợi.

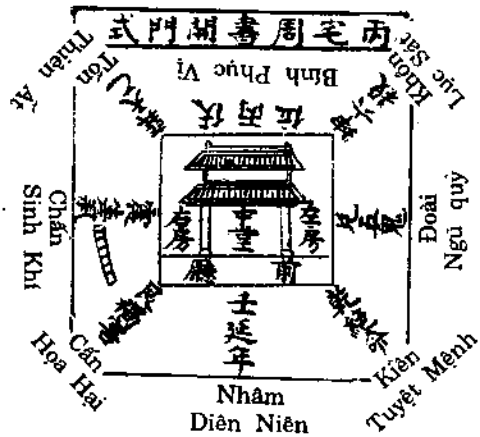
Ly trạch thoạt đầu mở cửa nhỏ ở Chấn vị, sau đó quành về hướng Khảm vị, vòng quanh sang tả phòng, từ Ly vị mà ra, cửa ra cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-100 :
Kiểu Ly sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-101 :
Kiểu Bính trạch khai môn

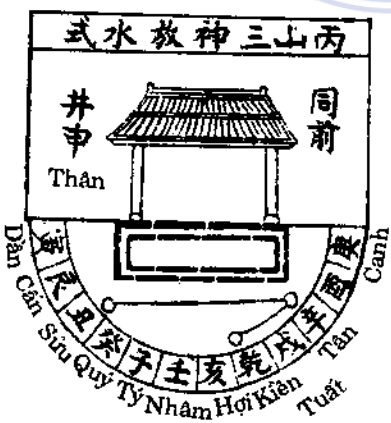
Dương công đoán định :

"Ngọ sơn Tý hướng, thủy lưu Nhâm vị, nhất định trong nhà có người làm đại thần; có thể phóng thủy tại các vị trí Kiền, Thân, Quý đều được, các con đều có thể phát tài như nhau.

Giáp Tý khởi hướng, sơn khởi sao Liêm Trinh, thuận đi gặp cát tinh, chiết phóng chạm đến trụ sinh mệnh, làm đầu Nguyên thần vị, phóng thủy bốn thước nhập đầu, rộng chín tấc, thiên tỉnh phải sâu. Bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Vũ Khúc, bước thứ ba là sao Văn Khúc đại thần, cửa ra (của thủy) cát lợi".

Dương công đoán định :

"Mở cửa ở vị trí Sinh Khí, chủ về hoạnh tài, điền sản, gia súc tự nhiên đến. Mở cửa ở Tốn vị, con cháu thông minh tuấn tú, văn chương hiển đạt, phải làm đại quan. Mở cửa ở vị trí Diên Niên, nhất định hưng vượng, đông đúc, gia tộc trung hiếu nhân nghĩa lưu danh trăm dặm, tài vận khá phát đạt, được tôn quý lâu dài. Bính trạch thoạt đầu mở cửa ở vị trí Chấn, vòng đến vị trí Khảm mở cửa lớn mà ra là tối cát lợi".



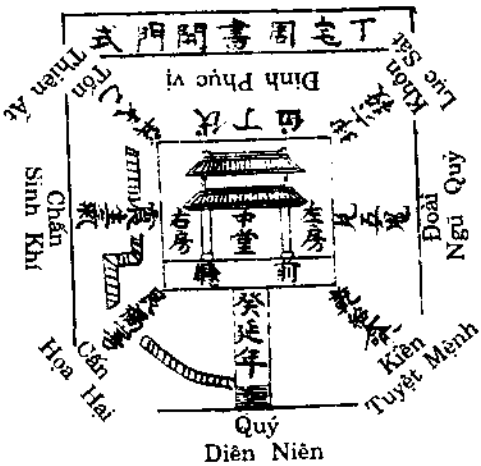
Hình 3-102 :
Kiểu Bính sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Bính sơn Nhâm hướng, thủy lưu Quý vị, chảy phương Tân, Kiền cũng khả dĩ hưng vượng, phát đạt. Con cháu có thể đến kinh sư ứng thí (dự thi), triều kiến thiên tử. Bính Tý khởi hướng, sơn khởi sao Văn Khúc, thuận đi, gặp cát tinh chiết phóng thủy, nếu gặp trụ sinh mệnh, câu đầu, làm Nguyên thần đấu hộc, phóng thủy bốn thước chín tấc tám đấu, rộng chín tấc, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Lộc Tồn, bước thứ hai là sao Vũ Khúc, bước thứ ba là Ngự Nhai đại thần, cửa ra (của thủy) vô cùng cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

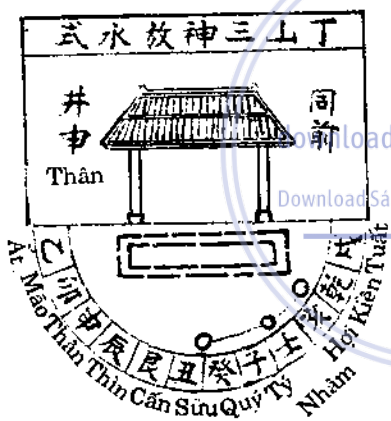


Hình 3-103 :
Kiểu Đinh trạch khai môn

Dương công đoán định :

"Đinh trạch mở cửa tại vị trí Khảm; từ vị trí Sinh khí phần lớn chủ mệnh phú quý, muốn nhiều Sinh khí tốt nhất đặt cửa ở vị trí Chấn, như vậy gia tộc sẽ đời đời hưng thịnh. Mở cửa ở vị trí Thiên Ất, Quỷ vận sẽ đưa tiền tài đến nhà, nô tỳ đông đúc. Cả ba cách mở cửa nói trên, trong gia đình con em hiếu thuận trung hậu, con cháu thông minh tuấn tú, làm quan trong triều đình, được vua phong tước, con gái được tiến cung làm hoàng phi.

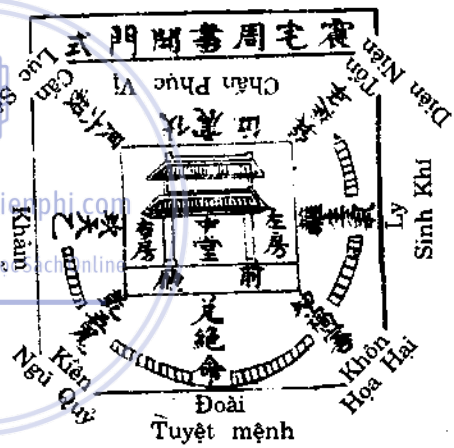
Đinh trạch thoát đầu mở cửa tại Tốn vị, sau đó từ Chấn vị đi ra, chuyển đến Khảm vị mở cổng lớn thì rất cát lợi".



Hình 3-104 :
Kiểu Đinh sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Đinh sơn Quý hướng, thủy phóng Quý vị, vòng lại Nhâm vị mà chảy đến hướng Kiền vị, gia nghiệp hưng vượng. Tốn, Giáp, Cấn vị phóng thủy đều rất cát lợi, đời đời khỏi lo buồn. Ất Sửu khởi hướng, Sinh sơn, khởi sao Cự Môn, thuận số gặp cát tinh chuyển hướng, nếu động chạm trụ sinh mệnh, ắt phải xê dịch vài bước, tại câu đầu làm một thủy quỳ mà giải trừ. Nguyên thần phóng thủy bốn thước chín tấc nhập đấu. Chiều ngang chín tấc, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất phóng Tiểu thần, chiết nhập Trung thần từ Kiền vị mà ra".



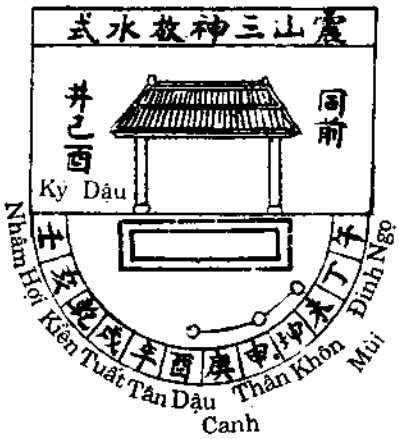
Hình 3-105 :
Kiểu Chấn trạch khai môn

Dương công đoán định :

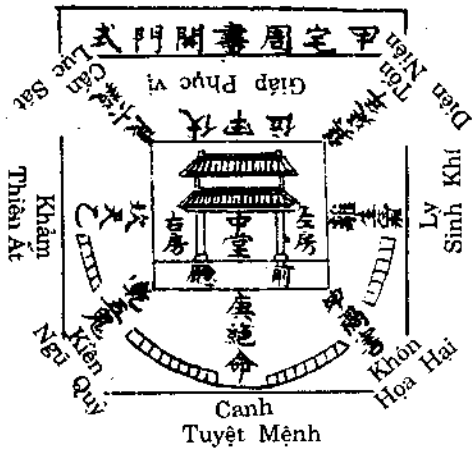
"Cửa và lối đi trong nhà giao thoa rất nhiều, duy chỉ có đường lối Chấn trạch là không cát lợi. Chính diện (mặt trước), mặt tây nam và mặt tây bắc, mở cửa ra ở cung Kiền, Đoài, Khôn thì đều là cửa diệt vong. Nếu muốn an toàn thì đặt cửa tại Khảm, Thiên Y sẽ mang tiền tài đến và chức quan cao. Chỉ có điều là Thương Khố vị bị tranh giành (con em trong nhà không hòa thuận vì tranh giành quyền lợi). Đường đi quy về phương chính nam là vị trí Sinh khí, Mộc Hỏa tương sinh, cát khí rất vượng, nhân đinh sẽ đông, phúc khí tốt, con cháu sẽ làm quan đại thần. Chấn trạch khởi đầu mở cửa tại Khảm vị là cát lợi".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-106 :
Kiểu Chấn sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-107 :
Kiểu Giáp trạch khai môn

Dương công đoán định :

"Mão sơn Dậu hướng, thủy lưu Tân vị. Tại Canh, Đinh vị khai môn phóng thủy, gia đình sẽ phú quý, tại Cấn Kiền vị phóng thủy, sẽ giàu lớn và làm đến chức quan Thái thú.

Ất Dậu khởi hướng, sơn khởi sao Vũ Khúc, thuận số, gặp vị trí cát tinh vòng chuyển vài bước, xem thiên tỉnh dài ngắn, Nguyên thần phóng thủy một thước năm tấc nhập đấu, chiều ngang một tấc năm phân, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Cự Môn, bước thứ hai là sao Tả Phụ, bước thứ ba là sao Vũ Khúc, cửa ra của thủy cát lợi".

Dương công đoán định :

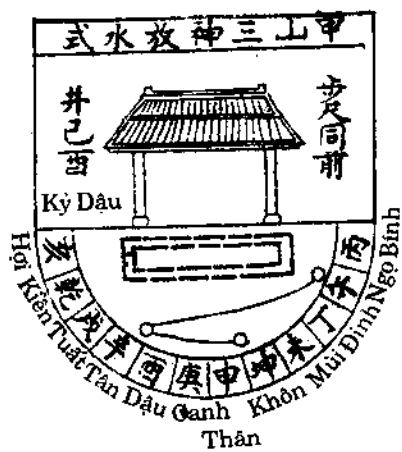
"Giáp trạch trước hết đặt cửa từ vị trí Sinh khí, đường đi uốn lượn quanh co, Mộc Hỏa tương sinh, vượng cả về nhân đinh và tiền tài. Đường đi quanh co đến vị trí Thiên Y (Khảm) thì mở cửa, cửa này là thánh nhân cư trú, ánh nắng chiếu vào, ánh trăng thủy xuất, gia đình tôn quý vô cùng. Mấy ai biết được sự ảo diệu này. Người thông minh sẽ lập tức đến đây cư trú.

Giáp trạch thoạt tiên mở cửa tại Ly vị, vòng quanh đến Khảm thì mở cửa ra mà đi, là tối cát lợi".

Dương công đoán định :

"Giáp sơn Canh hướng, thủy lưu Đinh vị, vòng sang hướng Tân, Khôn ra Cự Môn, dùi trống gõ vào Thôi Quan thủy, trong vòng sáu năm sẽ xuất hiện đại thần.

Giáp Thân khởi hướng, sơn khởi sao Vũ Khúc, thuận số, gặp cát tinh chiết phóng thủy, lượng xem thiên tỉnh dài ngắn, rộng hẹp. Nguyên thần phóng thủy năm thước hoặc năm tấc, làm tài nhập đấu, rộng một thước năm tấc, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Văn Khúc, bước thứ hai là sao Liêm Trinh, bước thứ ba là sao Cốc Tướng, cửa ra của thủy cát lợi".



Hình 3-108 :
Kiểu Giáp sơn Tam thần phóng thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

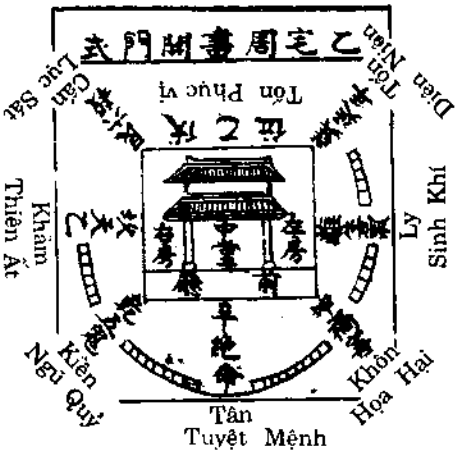
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Dương công đoán định :

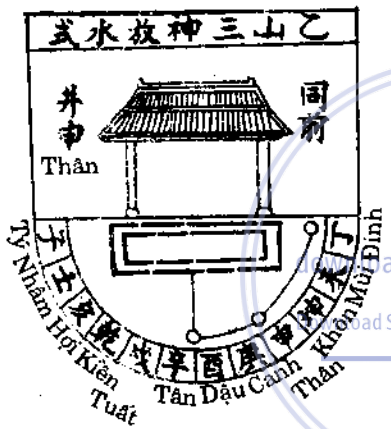
"Đường đi và cửa vòng vèo, như cái lưỡi câu, bên trong có ao tích tụ thủy lưu. Kiểu này nhất định làm quan to, tự nhiên có người đem tặng nhà đẹp, ruộng tốt.

Chấn thủy gặp Khảm vị khai môn, gia đình có con tuấn tú, văn chương lẫy lừng thiên hạ. Mở cửa ở vị trí Sinh Khí, Diên Niên cũng rất cát lợi. Phú quý từ đây mà có.

Ất trạch thoạt đầu mở cửa tại Khảm vị, vòng sang đến Ly vị, quẹo đến Tốn vị thì đi ra là tối cát lợi".



Hình 3-109 :
Kiểu Ất trạch khai môn

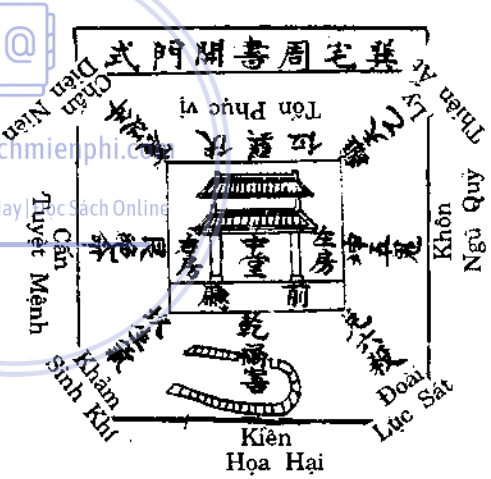


Hình 3-110 :
Kiểu Ất sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Ất sơn Tân hướng, thủy lưu Tân vị, tại vị trí Tân, Đinh, Kiền phóng thủy, gia đình sẽ rất vinh hoa. Dương công phóng xuất Thôi Quan thủy, gia tộc đời nào cũng có anh hùng hào kiệt.

Ất Dậu khởi hướng, sơn khởi sao Vũ Khúc, thuận số, gặp vị trí cát tinh, tính bước mà phóng Nguyên thần thủy. Phóng thủy năm thước năm tấc nhập đấu, chiều ngang một thước năm tấc, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Phá Quân, bước thứ hai là sao Văn Khúc, bước thứ ba là tiểu xá Văn Khúc tinh, cửa ra của thủy cát lợi".



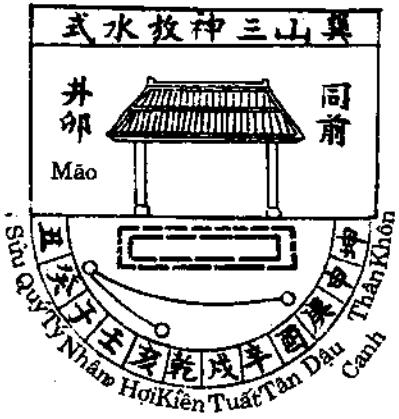
Hình 3-111 :
Kiểu Tốn trạch khai môn

Dương công đoán định :

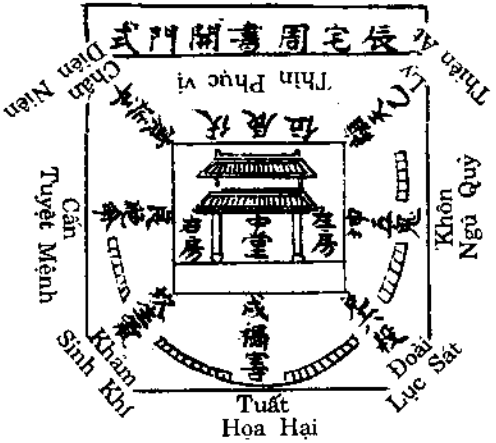
"Tốn trạch đặt cửa lối đi như chiếc thước gấp, gia đình vạn sự đại cát, mở cửa tại vị trí Khảm, gia chủ phát tài nhanh, nô tì đông đảo. Mở cửa tại vị trí Ất, Tân, Đinh, Hợi cùng chủ về hưng vượng, con cái học giỏi từ nhỏ. Chấn vị sao Tả Phụ, Ly vị sao Hữu Bật, khí thế hiên ngang, gia tài hưng vượng; Tốn vị khai môn cũng rất tốt. Kiểu trạch này có tượng văn minh. Cửa nhỏ của Tốn trạch phải mở sang mé hữu, đi hình chữ chi, ra vị trí Khảm đặt cổng lớn là đại cát".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-112 :
Kiểu Tốn sơn Tam thần phóng thủy



Hình 3-113 :
Kiểu Thìn trạch khai môn

Dương công đoán định :

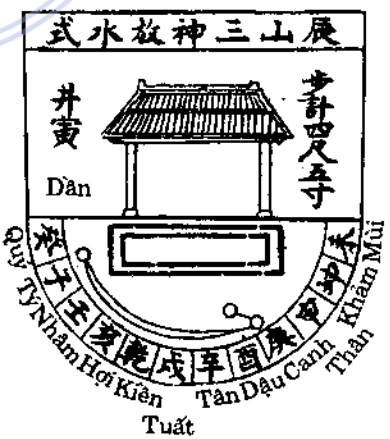
"Tốn sơn Kiền hướng, thủy chảy đến vị trí Canh, làm việc gì cũng xứng tâm như ý, cũng có thể khai môn vị tại Kiền vị, nhà cửa, ruộng vườn thênh thang. Mậu Tuất khởi hướng, sơn khởi Văn Khúc tinh, thuận số, gặp vị trí cát tinh, lượng bước chiết hướng, nếu chạm trụ sinh mệnh thì làm một thủy quỳ mà hóa giải điều bất lợi đó. Nguyên thần phóng thủy một thước năm tấc nhập đấu, rộng một thước năm phân, thiên tỉnh phải sâu. Bước thứ nhất là sao Cự Môn, bước thứ hai là sao Văn Khúc, bước thứ ba là sao Cốc Tướng, cửa ra của thủy cát lợi".

Dương công đoán định :

"Thìn trạch mở cửa hướng Khảm, hoạnh tài, gia súc hưng vượng, điền sản ngày càng tăng tiến. Đường đi, cửa nẻo tốt nhất là Thủy Kim gặp nhau, ôm ngang thân, thì được phúc lộc và trường thọ, nhà có người làm Phò mã. Thìn trạch thoát đầu mở cửa nhỏ, từ góc hữu Khảm vị ôm lấy thân, rồi từ mé tả Ly vị mà ra thì vô cùng cát lợi".

Dương công đoán định :

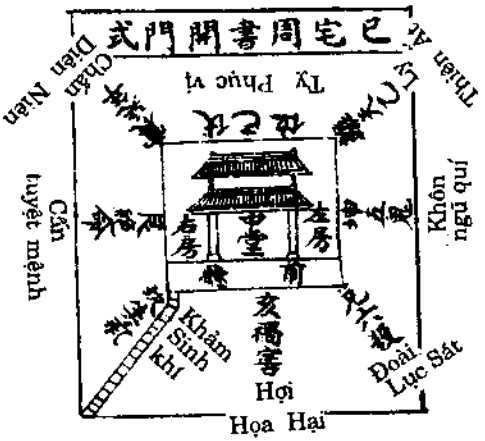
"Thìn sơn Tuất hướng, thủy lưu Kiền vị, gia đình sẽ phát tài, của cải như núi. Nếu có phong thủy sư cao minh phóng thủy theo kiểu này, thì quá hay. Giáp Tuất khởi hướng, sơn khởi sao Văn Khúc, thuận số, gặp vị trí cát tinh, lượng bước ngắn dài mà phóng thủy. Nếu chạm trụ sinh mệnh, thì tại câu đầu làm một cái thủy quỳ mà hóa giải, hoặc xê dịch nửa bước. Nguyên thần phóng thủy một thước sáu tấc nhập đấu, rộng một thước, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là sao Văn Khúc, bước thứ tư là sao Tham Lang, cửa ra của thủy cát lợi".



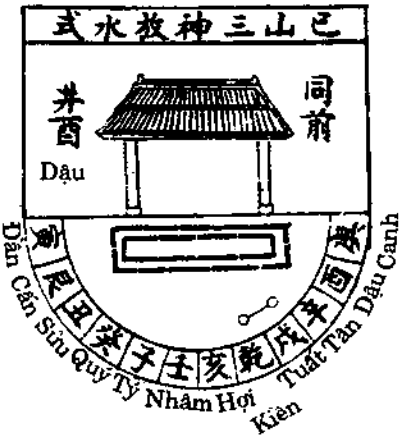
Hình 3-114 :
Kiểu Thìn sơn Tam thần phóng thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-115 :
Kiểu Tỵ trạch khai môn



Hình 3-116 :
Kiểu Tỵ sơn Tam thần phóng thủy

Dương công đoán định :

"Tỵ trạch phải mở cửa ở vị trí Khảm. Như thế đầu nguồn thủy phải dài, nếu còn mở cửa ra vị trí Phù Tang, thì gia đình nhất định có con em phú quý, làm đại quan, con cháu thi cử đỗ đạt cao.

Tỵ trạch thoạt đầu mở cửa nhỏ ở góc hữu, rồi mở cửa lớn ở vị trí Khảm mà đi ra thì đại cát".

Dương công đoán định :

"Tỵ sơn Hợi hướng, thủy lưu Tân vị, vòng sang hướng Kiền vị, gia nghiệp hưng vượng. Cũng có thể phóng thủy Quý vị trở về Canh mà ra, thì con em đỗ tiến sĩ làm quan to.

Tỵ Hợi khởi hướng, sơn khởi sao Văn Khúc, thuận số gặp vị trí cát tinh thì chiết phóng thủy, nếu động chạm đến trụ sinh mệnh, có thể xê dịch làm dấu mà hóa giải việc xấu đó. Nguyên thần phóng thủy hai thước nhập đấu, rộng chín tấc, thiên tỉnh phải hẹp. Bước thứ nhất là Tiểu thần vị, sang hướng Kiền vị Đại thần, cửa ra của thủy cát lợi".

downloadsachmienphi.com

LUẬN MÔN LÂU KINH

Có 12 môn lâu là : Chất Khố, Tuyệt Tự, Hoạnh Tài, Đồ Hình, Tao Quan, Tiến Điền, Thực Ấp, Tiến Long, Xứng Đấu, Cửu Trách, Phạn La, Đại Hao.

Phương pháp kiến tạo bắt đầu tính từ Chất Khố, tìm đến Cát vị (vị trí tốt), theo thứ tự 12 môn lâu vừa kể, mà đặt.

Ví dụ :

+ Tại Kiền sơn, Hợi sơn, Nhâm sơn, Tý sơn, Quý sơn, Sửu sơn, thì Tỵ sơn bắt đầu dựng Chất Khố.

+ Tại Cấn sơn, Dần sơn, Giáp sơn, thì Thân sơn cũng có thể dựng (kiến lập) Chất Khố.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

+ Tại Mão sơn, Ất sơn, Thìn sơn, Tốn sơn, thì Tuất sơn dựng Chất Khố.

+ Tại Tỵ sơn, Bính sơn, Ngọ sơn, thì Hợi sơn cũng có thể dựng Chất Khố.

+ Tại Đinh sơn, Mùi sơn, Tân sơn, Tuất sơn, thì Thìn sơn cũng có thể dựng Chất Khố.

+ Tại Khôn sơn, Thân sơn, Canh sơn, Dậu sơn, thì Dần sơn cũng có thể dựng Chất Khố.

Những cách kiến lập môn lâu kể trên đều lấy từ trong "Chu Thư" và "Môn Lâu Kinh". Lý luận của hai tác gia này là chính xác, cho nên mới kể ra ở đây. Còn "Ngọc Liên Kinh" và "Mộc Tinh Pháp" không chọn ra, nên không liệt kê ra đây.

LUẬN LỤC SÚC PHƯƠNG VỊ

Cấn, Bính, Khôn, Ất, Đoài, Đinh, Tỵ, Sửu, Chấn, Canh, Hợi, Mùi hợp thành 12 phương vị là : Nhất Đức ở Sửu Mùi, Tam Thai ở Thìn Tuất, Kỳ La ở Kiền Tốn, Tử Khí ở Đinh Quý, Tham Lang ở Giáp Canh, Thái Dương ở Mão Dậu, Hổ Báo ở Cấn Khôn, Hồ Ly ở Dần Thân, Sài Lang ở Ất Tân, Đao Binh ở Nhâm Bính, Đao Châm ở Tỷ Ngọ, Huyết Nhẫn ở Tỵ Hợi.

Kiền, Giáp, Tốn, Tân, Khảm, Thìn, Thân, Quý, Ly, Nhâm, Dần, Tuất hợp thành 12 phương vị là : Nhất Đức ở Thìn Tuất, Tam Thai ở Sửu Mùi, Kỳ La ở Cấn Khôn, Tử Khí ở Ất Tân, Tham Lang ở Bính Nhâm, Thái Dương ở Tỷ Ngọ, Hổ Báo ở Kiền Tốn, Hồ Ly ở Tỵ Hợi, Sài Lang ở Đinh Quý, Đao Binh ở Canh Thân, Đao Châm ở Mão Dậu, Huyết Nhẫn ở Dần Thân.

Phương vị Nhất Đức phù hợp nhất với việc thuần dưỡng ngựa, phương vị Tam Thai - nuôi heo, phương vị Kỳ La - làm chuồng trâu bò, phương vị Tử Khí - làm chuồng dê, phương vị Tham Lang - nuôi chó, gà, phương vị Thái Dương - nuôi gia súc (lục súc) đều thích hợp. Phương vị Hổ Báo và Hồ Ly phần nhiều không cát lợi. Phương vị Sài Lang và Đao Binh đa phần có đại nạn. Phương vị Đao Châm và Huyết Nhẫn sát khí trầm trọng, nuôi gia súc ở đó thì chết hết.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGŨ HÀNH LUẬN

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Cảo Lục
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiên Dung

NGŨ HÀNH LUẬN

Ngũ Hành là cương lĩnh biến hóa Âm Dương, là sự điều hành tinh tế của giới tự nhiên. Từ cổ chí kim, hết thảy các anh hùng hào kiệt, các nhân tài kiệt xuất xoay vần càn khôn, thuyết cổ luận kim, hiểu quá khứ, dự báo tương lai, nắm lấy thời cơ, nắm bắt khoảnh khắc biến chuyển, không một ai trong số họ có thể không vận dụng học thuyết Ngũ Hành mà lại có thể thành công. Các địa lý gia, phong thủy sư lựa chọn Sa sơn, hướng khai phóng thủy, phân biệt phương hướng huyệt vị, ai ai cũng phải dựa vào học thuyết Ngũ Hành mới làm nổi.

Song khi chúng ta nghiên cứu khởi nguyên của thuyết Ngũ Hành, thì buộc chúng ta phải trở lại thời kỳ vua Vũ nhà Hạ dùng "Lạc Thư" mà phân chia đồ hình thiên hạ thành Cửu cương. Phần mở đầu của "Cửu Trù" (trù = ruộng đất) là Ngũ Hành, từ đó mà trình bày hơn tám (8) hạng loại. Tuy có nhiều quy tắc phức tạp, nhưng mỗi quy tắc đều có chỗ kỳ diệu, cho nên trong quá trình vận dụng quy tắc phải rất cụ thể, linh hoạt, không nên cứng nhắc gò ép, cố chấp. Huống hồ bản thân sự biến hóa Âm Dương là ảo diệu khôn lường, nếu dùng các lý luận cơ giới, máy móc để kiểm chứng thực tế, e rằng chẳng tìm ra chân tính tự nhiên, mà còn phương hại đến học thuyết Ngũ Hành, ý muốn nói là người gò ép kiểm chứng học thuyết Ngũ Hành sẽ làm cho nó mất đi chân tính tự nhiên của nó.

Do vậy, khi vận dụng học thuyết Âm Dương Ngũ Hành phải cân nhắc thật kỹ, chỗ nào có thể vận dụng thì hãy vận dụng, kiểm nghiệm xong mới nói rõ sự thống nhất giữa học thuyết với thực tiễn.

Cổ ngữ có câu : *Nắm vững được sự ảo diệu của học thuyết Âm Dương Ngũ Hành thì chẳng khác gì Đại La Tiên, việc gì cũng hiểu.* Khởi nói học thuyết Ngũ Hành có rất nhiều phần phức tạp, biến hóa cũng không thống nhất, thực sự nắm được bộ phận chủ yếu của nó thì nhất định đã có thể quán triệt mà vận dụng nó, mới tạm gọi là người có trí tuệ, có đức độ, kiểu như vua Đại Vũ nhà Hạ trị thủy, mở chín châu mà dẫn dắt nước sông Hoàng Hà, khả dĩ sắp xếp thứ tự ngay ngắn : Một là Ngũ Hành, hai là Ngũ sự, ba là Bát chính, bốn là Ngũ kỷ, năm là Hoàng cực, sáu là Tam đức, bảy là Kê nghi, tám là Thứ chính, chín là Ngũ phúc, Lục cực.

Trong "Cửu Trù", Ngũ Hành đứng ở vị trí số một, đủ thấy địa vị trọng yếu của nó. "Hồng Phạm" là điểm mấu chốt để hiểu của Âm Dương Ngũ Hành.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"HỒNG PHẠM" GIẢI THÍCH NGŨ HÀNH BÁT QUÁI

Giáp vị, Dần vị, Thìn vị, Tốn vị, là Đại Giang Thủy; Khảm vị, Tuất vị, Thân vị, Tân vị cũng vậy. Cấn vị, Chấn vị, Tỵ sơn nguyên thuộc Mộc trong Ngũ Hành. Ly vị, Nhâm vị, Bính sơn, Ất sơn vốn thuộc Hỏa trong Ngũ Hành. Đoài vị, Đinh vị, Kiền vị, Hợi sơn vốn là nơi Kim sinh ra. Sửu vị, Quý vị, Khôn vị, Canh sơn, Mùi sơn là nơi Thổ tồn tại.

Bộ sách "Hồng Phạm" do Cơ Tử viết vào thời vua Vũ nhà Hạ. Dùng bát quái mà diễn nghĩa sự biến hóa thành 24 quái vị (quẻ). Giáp vốn thỉnh giáo Mộc tinh mà đem quy nó vào Kiền vị, Ất vốn thuộc về Mộc tinh mà đem qui nó vào Khôn vị, Kiền với Khôn tương giao, hào thượng với hào hạ đổi vị trí cho nhau, Kiền hóa thành Khảm; Giáp vị theo Khảm mà hóa ra thuộc về Hỏa tinh. Lấy sự định vị của Trời Đất theo tượng mà ngụ ý vận tốt, vận xấu. Bính vốn thuộc Hỏa tinh mà đem nó quy nạp về Cấn vị, Đinh vốn cũng thuộc Hỏa tinh mà đem quy nạp nó về Đoài cung, Cấn vị với Đoài cung đối xứng, hào dưới của Cấn vị và Đoài vị hoán đổi mà hóa thành Ly, Bính lại theo Ly mà hóa ra thuộc về Hỏa tinh. Hào thượng của Đoài cung và quẻ Cấn hoán đổi mà thành Kiền, Đinh lại theo Kiền hóa ra thuộc về Kim tinh. Lấy tượng giảm trừ nhau để sơn thủy có sinh khí.

Canh vốn thuộc Kim tinh mà đem quy nạp vào Chấn vị, Tân thuộc Kim tinh mà đem quy nạp vào Tốn cung, Chấn và Tốn đối xứng, hào hạ của Chấn và Tốn hoán đổi, hóa thành Khôn, Canh lại theo Khôn mà hóa ra thuộc Thổ tinh. Hào thượng của Tốn và Chấn hoán đổi nhau mà hóa thành Khả, Tân theo Khảm mà hóa ra thuộc Thủy. Sự tăng giảm vĩnh cửu đẻ ra sấm chớp, mưa gió là vì thế.

Nhâm vốn thuộc Thủy tinh mà đem nó quy vào cung Ly, Quý vốn thuộc Thủy tinh mà đem nó quy vào cung Khảm, Ly với Khảm giao hoán, hào giữa đổi cho nhau, Ly hóa thành Kiền, Nhâm vốn ứng theo Kiền mà thuộc Kim tinh, nhưng không chịu nổi hỏa đốt Kim để tự lập, Kiền vị Tiên thiên là chỉ phương Nam, cho nên Nhâm theo cung Ly mà thuộc về Hỏa tinh. Khảm hóa thành Khôn, Quý theo Khôn mà thuộc về Thổ tinh. Sự chuyển hóa như vậy khiến Thủy Hỏa không thể dung hòa với nhau.

Kiền, Khôn vốn từ Kim tinh, Thổ tinh mà không biến động, là tổ tông (nguồn gốc) của Âm Dương, là phụ mẫu.(cha mẹ) của các quẻ, lui về cư ở đất Hưu Minh, vĩnh viễn không có biến động. Khảm, Ly, Chấn, Đoài, bốn cung này cư ở chính tứ phương (Bắc, Nam, Đông, Tây), là Thủy tinh, Hỏa tinh, Mộc tinh, Kim tinh không biến động, mỗi cung phụ trách đất hưng vượng của tứ phương, quản lý tiết lệnh của tứ phương, từ đó mà sinh khí thông suốt.

Cấn, Thổ, giao hoán vị trí, phương hướng đông bắc suy bại. Ở giữa Sửu và Dần vị, Mộc tinh dựa vào Cấn, Thổ vị sinh căn (gốc) để giữ cho thủy và thổ (nước và đất) khỏi chảy đi, tự nhiên hình thành rừng rậm, đại diện cho Chấn vị làm Mộc tinh.

Tốn, Mộc đổi vị trí, phương hướng đông nam suy bại. Ở giữa Thìn, Ất vị, không thể tự tồn tại, tương đồng với cung Thủy mộ địa, phải dựa vào Thìn vị hóa Thủy, Hợi thủy cùng vị trí. Kiền nhân là Kim mà sinh ra làm Thủy, Dần Mộc với cung Giáp đồng vị trí, được Thủy tinh sản sinh. Giáp hóa làm cung Thủy, Tỵ Hỏa đồng vị trí. Tốn nhân là Mộc mà sinh, Tốn hóa làm Mộc vị, Thân, Kim vị là nơi sinh ra Thủy, nên cùng quy về Thủy tinh.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Thần Ngũ thổ, phân chia ra bốn mùa một năm, thành các cực biến hóa của giới tự nhiên, là căn bản. Vốn không biến hóa, nhưng do mượn Thổ sinh Thủy, Thìn Tuất là Dương Động, nên hóa thành Mộc, Sửu Mùi là Âm tĩnh, nên thuộc Thổ tinh. Đấy là chiếu theo học thuyết Đại Ngũ Hành. Sơn không di động, Thủy thì lại lưu động di chuyển, do đó, quyển "Hồng Phạm" này chuyên giảng giải quy luật biến hóa, tiêu nạp của thủy lưu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NẠP ÂM NGŨ HÀNH

Nạp âm là dựa theo tiếng gõ phát thành tiếng của Kim mà mệnh danh cho nó. Một là Hỏa, hai là Thổ, ba là Mộc, bốn là Kim, năm là Thủy.

Giáp Kỷ Tý Ngọ	thuộc 9,
Ất Canh Sửu Mùi	thuộc 8,
Bính Tân Dần Thân	thuộc 7,
Đinh Nhâm Mão Dậu	thuộc 6,
Mậu Quý Thìn Tuất	thuộc 5,
Tỵ Hợi	thuộc 4.

Phương pháp tính Ngũ Hành là cộng các số của can chi lại, chia cho 5, lấy số dư, số dư 1 thuộc Hỏa, 2 thuộc Thổ, v.v... Thí dụ : Giáp Tý, Ất Sửu có tổng số là 9 + 9 + 8 + 8 = 34, chia cho 5 lẻ 4, số 4 là hành Kim.

+ Giáp Tý, Ất Sửu, thuộc Hải Trung Kim, Tý là Vượng khí của Thủy, ở sát bên Sửu Thổ, cho nên Tý là tượng tứ hải hồ bạc (biển, ao, hồ). Mà Kim, tuy tự bởi trong Sửu Thổ, nhưng Kim trái lại tử ở trong Tý Mộ Sửu Thủy, nên Kim chỉ có thể là thuộc về Hải Trung Kim (chất Kim trong biển).

+ Bính Dần, Đinh Mão thuộc Lô Trung Hỏa. Dần Mão thuộc Mộc mà sinh Hỏa Bính, huống hồ Dần Mộc lại thêm Mão, là chỉ cây gỗ gặp Hỏa Vượng, đốt thành khói xám. Âm Dương được nấu luyện, thiên địa là lò nấu (lô), cho nên Dần Mão cũng là lửa trong lò - Lô Trung Hỏa.

+ Mậu Thìn, Kỷ Tỵ là Đại Lâm Mộc. Thổ Mậu, Kỷ được Tỵ Hỏa bồi đắp thêm dày rộng, cho nên Mộc gặp Thổ Hỏa tự nhiên sẽ phồn thịnh, tươi tốt, thành rừng cây lớn - Đại Lâm Mộc.

+ Canh Ngọ, Tân Mùi là Lộ Biên Thổ, bởi vì Ngọ Hỏa sinh Mùi Thổ, Mùi Thổ sẽ sinh Dậu, Tân Kim, chẳng qua Mùi Thổ quá mỏng, không đủ rộng dày, nên chỉ gọi là đất ven đường - Lộ Biên Thổ.

+ Nhâm Thân, Quý Dậu là Kiếm Phong Kim, Kim của Thân, Dậu đã được Thủy của Nhâm, Quý trui rèn thành đao kiếm sắc bén, chắc chắn, nên gọi là Kim của mũi kiếm - Kiếm Phong Kim.

+ Giáp Tuất, Ất Hợi là Sơn Đầu Hỏa. Mộc của Giáp, Ất gặp Tuất Thổ, Hợi Thủy sẽ ẩn giấu hành tung, sinh khí rất vượng, tuy bề ngoài bình thản, nhưng Hỏa bay đến rừng cây khô sẽ bốc cháy mạnh, nên gọi là lửa ở đỉnh núi - Sơn Đầu Hỏa.

+ Bính Tý, Đinh Sửu là Giản Khê Thủy. Tý Thủy gặp Sửu Thổ, sinh khí không thể thông suốt, Thổ ngăn Thủy lưu động, cho nên chỉ gọi là nước ở khe rãnh - Giản Khê Thủy.

+ Mậu Dần, Kỷ Mão là Thành Đầu Thổ. Thổ của Mậu, Kỷ có thể gia tăng cho Mộc Dần, Mão, sinh khí đủ nuôi dưỡng vạn vật, nên gọi là đất đầu thành - Thành Đầu Thổ.

+ Canh Thìn, Tân Tỵ là Bạch Lạp Kim. Tỵ Hỏa sinh ra Thìn Thổ, Kim của Canh, Tân lại được Thổ sinh vượng khí mà dần dần phát triển, Kim gửi thân trong khoáng sản, chịu ảnh hưởng chính sắc phương tây, nên gọi là Bạch Lạp Kim.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

+ Nhâm Ngọ, Quý Mùi là Dương Liễu Mộc. Nhâm Ngọ, Quý Mùi có thể làm cho sự vật thịnh vượng không suy, có Thủy tưới mát, tính khí ôn nhu, giống như cây dương liễu, nên gọi là Dương Liễu Mộc.

+ Giáp Thân, Ất Dậu là Tuyền Trung Thủy, hai Kim Thân, Dậu hợp lại một chỗ mà sinh ra Thủy, lại không có cây khô thèm nước, nên suối nước cứ chảy không ngừng, do đó gọi là nước trong suối - Tuyền Trung Thủy.

+ Bính Tuất, Đinh Hợi là Ốc Thượng Thổ. Vì Bính Đinh thuộc Hỏa, Tuất Hợi là cổng trời. Hỏa đã thiêu đốt ở bên trên, thì Thổ cũng được sinh ra ở bên trên, chứ không phải ở phía dưới, cho nên gọi là Ốc Thượng Thổ.

+ Mậu Tý, Kỷ Sửu là Tích Lịch Hỏa. Sửu thuộc Hỏa, Tý thuộc Thủy, nơi Thủy đối với chính vị mà nạp âm, thì Hỏa là Hỏa ở bên Thủy, là Hỏa Long Thần, nên gọi là Tích Lịch Hỏa.

+ Canh Dần, Tân Mão là Tùng Bách Mộc. Vì Mộc Lâm Quan tại Dần, Đế Vượng tại Mão, Mộc đã sinh Đế Vượng thì không phải là Mộc yếu đuối nhu nhược, nên gọi là Tùng Bách Mộc.

+ Nhâm Thìn, Quý Tỵ là Trường Lưu Thủy. Thìn là Thủy khố, Tỵ là Kim, là đất trường sinh bất lão. Kim sinh Thủy, Tỵ Lưu giữ Thủy tính, hơn nữa do khố (kho) mà sinh Kim, thế nên tài nguyên sẽ chảy đến không ngừng, vì vậy mà gọi là Trường Lưu Thủy.

+ Giáp Ngọ, Ất Mùi là Sa Trung Kim. Ngọ vị là đất vượng của Hỏa, nơi Hỏa vượng thì Kim bị bại, mà Mùi là đất Hỏa suy, Hỏa suy thì Kim đại vượng. Ở chỗ này Kim từ suy bại mà chuyển thành cường thịnh. Thoạt đầu không dễ phát hiện, giống như vàng lẫn ở trong cát, cho nên gọi là Sa Trung Kim.

+ Bính Thân, Đinh Dậu là Sơn Hạ Hỏa. Thân vị là địa hộ, Dậu vị là nơi Thái dương (mặt trời) lặn. Khi Thái dương lặn xuống sau núi thì ánh sáng tứ tán, nên gọi là Sơn Hạ Hỏa.

+ Mậu Tuất, Kỷ Hợi là Bình Địa Mộc. Mậu là Thổ ở đồng bằng, Hợi là nơi cây cỏ dễ dàng sinh trưởng, cây cối mọc ở đất bình nguyên thì không phải lẻ loi từng cây, mà tha hồ mọc thành rừng, nên gọi là Bình Địa Mộc.

+ Canh Tý, Đinh Sửu là Bích Thượng Thổ. Sửu là Thổ trong nhà. Tý là nơi Thủy vượng. Thổ gặp nước thì biến thành đất bùn, đất bùn có thể làm thổ trát tường, nên gọi là Bích Thượng Thổ.

+ Nhâm Dần, Quý Mão là Kim Bạch Kim. Dần Mão là đất Mộc Kim. Mà Kim ban đầu ở Mão, cuối cùng ở Dần, Kim sinh Dần vị, đã yếu hẳn đi, sinh khí tuyệt hẳn, nên gọi là Kim Bạch Kim.

+ Giáp Thìn, Ất Tỵ là Phú Đăng Hỏa. Thìn là nơi Giáp Mộc suy bại, Ất Mộc cây khô ở âm địa. Ất Mộc tuy có thể cháy sinh ra Tỵ Hỏa, nhưng Hỏa còn quá yếu, chưa thể đùng đùng khí thế như Ngọ Hỏa, như ngọn đèn không sáng lắm, nên gọi là Phú Đăng Hỏa (đèn che ở trên).

+ Bính Ngọ, Đinh Mùi là Thiên Hà Thủy. Ngọ là nơi Hỏa vượng, mà nạp âm là Thủy, Thủy từ Hỏa bay lên, phải là thủy trên trời, nên gọi là Thiên Hà Thủy.

+ Mậu Thân, Kỷ Dậu là Đại Trạch Thổ. Thân là Khôn, Khôn là đất. Dậu là Đoài, Đoài là đầm nước (trạch thủy). Mậu, Kỷ là đất ở trên đầm nước, không phải đất nổi mỏng manh, nên gọi là Đại Trạch Thổ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

+ Canh Tuất, Tân Hợi là Thoa Xuyến Kim. Kim đến Tuất vị thì suy bại, đến Hợi cũng không hay. Kim đến chỗ suy bại, nếu bị đốt cháy sẽ mềm yếu như kim thoa, kim xuyến, nên gọi là Thoa Xuyến Kim.

+ Nhâm Tý, Quý Sửu là Tang Chá Mộc (Chú là thứ cây, giống cây dâu, gỗ vàng mịn, thuộc loại quý). Tý thuộc Thủy, Sửu thuộc Kim. Thủy mới sinh Mộc, còn Kim lại khắc Mộc, chẳng khác gì lá cây dâu vừa mới tươi tốt đã bị người ta hái về nuôi tằm, nên gọi là Tang Chá Mộc.

+ Giáp Dần, Ất Mão là Đại Khê Thủy. Dần thủy chảy về hướng đông bắc, chỉ có vị trí Mão là chính đông, thuần thủy chảy hướng chính đông. Tính của Thủy vốn nhu thuận. Nước sông, khe, mương, ao hồ tụ hợp lại chảy về hướng đông như trường giang đại hà chảy vào biển Đông, nên gọi là Đại Khê Thủy.

+ Bính Thìn, Đinh Tỵ là Sa Trung Thổ. Thổ khố (kho) ở vị trí Thìn, đến Tỵ thì đã tuyệt. Hỏa của Bính, Đinh vượng ở Sửu, đến Tỵ thì Lâm Quan. Kho đất (Thổ khố) đã tuyệt, Hỏa lại biến thành vượng thế sinh ra Thổ, nên gọi là Sa Trung Thổ (đất ở trong cát).

+ Mậu Ngọ, Kỷ Mùi là Thiên Thượng Hỏa. Ngọ là đất thịnh vượng của Hỏa, Mộc ở Mùi lại từ trong sinh ra. Hỏa thế ở trên gặp Mộc Mùi ở dưới, bốc lên trời, nên gọi là Thiên Thượng Hỏa.

+ Canh Thân, Tân Dậu là Thạch Lựu Mộc. Thân thuộc tháng Bảy, Dậu thuộc tháng Tám. Lúc này cây cối khô héo phần lớn, chỉ có cây lựu xanh tốt, ra trái, nên gọi là Thạch Lựu Mộc.

+ Nhâm Tuất, Quý Hợi là Đại Hải Thủy. Thủy vượng địa tại Tuất, đến Hợi thì Lâm Quan, thủy thế vô cùng mạnh mẽ. Thủy Tuất Hợi là nước sông, nước sông hợp lưu nhất định chảy ra biển lớn, nên gọi là Đại Hải Thủy.

Đó là thuyết Nạp âm Ngũ Hành, có tác dụng lớn trong việc lựa chọn kỹ càng tỉ mỉ, chế hóa tương sinh tương khắc.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN BÁT QUÁI NGŨ HÀNH

Chấn Canh Hợi Mùi Tốn Tân	thuộc Mộc.
Đoài Đinh Tỵ Sửu Kiền Giáp	thuộc Kim.
Khảm Thìn Thân Quý	thuộc Thủy.
Ly Nhâm Dần Tuất	thuộc Hỏa.
Khôn Ất Cấn Bính	thuộc Thổ.

Đó là Bát quái Ngũ Hành. Bên dưới sẽ nói rõ.

Bát quái này là khởi đầu của tất cả các quẻ (chúng quái), đem nó nạp vào vị trí Giáp, nên Bát quái Ngũ Hành còn gọi là Ngũ Hành nạp Giáp. Dùng Bát quái phối hợp với Thiên Can, Địa Chi mà luận thuật Ngũ Hành quy thuộc.

+ Kiền thuộc Kim, Giáp thuộc Mộc, nạp Kiền thuộc Kim.

+ Khôn thuộc Thổ, Ất thuộc Mộc, nạp Khôn thuộc Thổ.

+ Cấn thuộc Thổ, Bính thuộc Hỏa, nạp Cấn thuộc Thổ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

+ Tốn thuộc Mộc, Tân thuộc Kim, nạp Tốn thuộc Mộc.
+ Canh thuộc Kim, ba vị trí Hợi Mão Mùi phối hợp, hợp để nạp Chấn, thuộc Mộc.
+ Đinh thuộc Hỏa, ba vị trí Tỵ Dậu Sửu phối hợp, hợp để nạp Đoài, thuộc Kim.
+ Nhâm thuộc Thủy, ba vị trí Dần Ngọ Tuất phối hợp, hợp để nạp Ly, thuộc Hỏa.
+ Quý thuộc Thủy, ba vị trí Thân Tý Thìn phối hợp, hợp để nạp Khảm, thuộc Thủy.

Sự phối hợp Bát quái Ngũ Hành này có thể đem vận dụng vào việc bố cục, tiêu nạp, quan sát Sa, Thủy.

CHÍNH NGŨ HÀNH

Phương vị Ngũ Hành là như sau :

+ Khôn Cấn thuộc Thổ, vị trí ở chính trung (chính giữa).
+ Thìn Tuất Sửu Mùi, bốn vị trí này cũng thuộc Thổ, cũng cùng hướng với Khôn, Cấn.
+ Hợi Nhâm Tý Quý, bốn vị trí này thuộc Thủy, chỉ phương Bắc.
+ Dần Giáp Mão Ất Tốn, năm vị trí này thuộc Mộc, ở phương Đông.
+ Tỵ Bính Ngọ Đinh, bốn vị trí này thuộc Hỏa, ở phương Nam.
+ Thân Canh Dậu Tân Kiền, năm vị trí này thuộc Kim, ở phương Tây.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đó là phương vị Hậu Thiên Bát quái do Chu Văn Vương (vua Văn Vương đời nhà Chu) đưa ra. Ngũ Hành căn cứ "Lạc Thư" để Thiên Nhất (1) cư ở phương Bắc, đem Hợi Nhâm Tý Quý quy vào Thủy tinh (sao Thủy); Thiên Cửu (9) cư ở phương Nam, đem Tỵ Bính Ngọ Đinh quy vào Hỏa tinh; Thiên Tam (3) cư ở phương Đông, đem Giáp Dần Ất Mão quy vào Mộc tinh; Thiên Thất (7) cư ở phương Tây, đem Thân Canh Dậu Tân quy vào Kim tinh; Địa Lục (6) cư ở góc Tây Bắc, đem Kiền quy vào Kim tinh; Địa Nhị (2) cư ở phương Tây Nam, đem Khôn quy vào Thổ tinh; Địa Tứ (4) cư ở phương Đông Nam, đem Tốn quy vào Mộc tinh; Địa Bát (8) cư ở phương Đông Bắc, đem Cấn quy vào Thổ tinh. Thiên Ngũ (5) cư ở bốn phương chính trung (chính giữa), nhờ vượng bốn mùa, đem Thìn Tuất Sửu Mùi quy vào Thổ tinh.

"Hà Đồ" nói Thiên Nhất (1) sinh Nhâm Thủy, Địa Lục (6) sinh Quý Thủy; Thiên Tam (3) sinh Giáp Mộc, Địa Bát (8) sinh Ất Mộc; Thiên Thất (7) sinh Bính Hỏa, Địa Nhị (2) sinh Đinh Hỏa; Thiên Cửu (9) sinh Canh Kim, Địa Tứ (4) sinh Tân Kim; Thiên Ngũ (5) sinh Mẫu Thổ, Địa Thập (10) sinh Kỷ Thổ.

Đó là thuyết Hậu Thiên Ngũ Hành, là vạn cổ bất biến, chuyên dùng để luận xét phương vị, luận xét sinh khí Long mạch và Âm Dương thuận nghịch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HUYỀN KHÔNG NGŨ HÀNH

Bính Đinh Dậu Ất nguyên	thuộc Hỏa,
Kiền Khôn Mão Ngọ	thuộc Kim,
Quý Hợi Giáp Cấn	thuộc Mộc thần,
Tuất Canh Sửu Mùi	thuộc Thổ thần,
Tý Dần Thìn Tốn Tân Tỵ Thân Nhâm đều	thuộc Thủy thần.

Đó là theo Huyền Không Ngũ Hành. "Huyền" nghĩa là thủy, "Không" nghĩa là "phách không". Dương công chuyên môn dùng sinh nhập, khắc nhập mà kiểm chứng việc khai môn phóng thủy huyệt mộ và dương cơ. Cho nên nói : "Long thần trong nước không lên núi", ngụ ý là dùng Huyền Không Ngũ Hành mà đo thủy lưỡng sơn. Kỵ phạm vào sinh xuất, khắc xuất, khiến cho thần thủy bỏ đi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SONG SƠN NGŨ HÀNH

Kiền Hợi, Giáp Mão, Đinh Mùi	thuộc Mộc,
Khôn Thân, Nhâm Tý, Ất Thìn	thuộc Thủy,
Cấn Dần, Bính Ngọ, Tân Tuất	thuộc Hỏa,
Tốn Tỵ, Canh Dậu, Quý Sửu	thuộc Kim.

Đó là Song sơn Ngũ Hành, cũng là Tam hợp Ngũ Hành. Hai sơn hợp lại với nhau để lấy vượng thế Long mạch, cho nên nói "Thần Long trên núi không xuống nước". Dương công dùng Song sơn Ngũ Hành mà luận Tam hợp Trạch pháp. Long thần đều theo 24 sơn, sơn, thủy, mộ phối hợp thì sẽ có Trường sinh, từ đó mà luận Sa sơn, thủy cục.

Dương công viết :

"Núi cao là đất Trường sinh, Mộc Dục thủy đến đường rộng thông suốt, Quan Đới thủy chảy qua hiệp cốc (khe núi), đất Lâm Quan là tiểu sơn phong. Khí Đế Vượng tại Sa sơn cắm chéo xuống. Ngọn núi đột ngột cao vút thì không hay, lõm thấp hẳn xuống cũng dễ sinh bệnh hoạn. Bên cạnh cầu chỉ nên xây đền miếu, bên vách đá dựng đứng, âm phong liên miên, dễ bị bệnh tật".

Tam hợp Ngũ Hành dùng để luận xét Sa, Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HỖN THIÊN NGŨ HÀNH

Cung Kiền	trong[1] là Giáp Tý,	ngoài[1] là Nhâm Ngọ.
Cung Khảm	trong là Mậu Dần,	ngoài là Mậu Thân.
Cung Cấn	trong là Bính Thìn,	ngoài là Bính Tuất.
Cung Chấn	trong là Canh Tý,	ngoài là Canh Ngọ.
Cung Tốn	trong là Tân Sửu,	ngoài là Tân Mùi.
Cung Ly	trong là Kỷ Mão,	ngoài là Kỷ Dậu.
Cung Khôn	trong là Kỷ Mùi,	ngoài là Quý Sửu.
Cung Đoài	trong là Đinh Tỵ,	ngoài là Đinh Hợi.

Hỗn thiên Ngũ Hành chuyên dùng để luận thuật quy tắc Bát quái, để khảo sát Tứ cát, Ngũ thần, Sa sơn thủy cục, xem ngọn núi cao đó có cát hay không, thủy có đẹp hay không.

TINH ĐỘ NGŨ HÀNH

Ngũ Tý	là Kim Hỏa Thủy Kim Mộc
Ngũ Sửu	là Thổ Thủy Kim Thổ Mộc
Ngũ Dần	là Hỏa Hỏa Kim Thủy Thổ
Ngũ Mão	là Mộc Kim Thủy Thổ Mộc
Ngũ Thìn	là Hỏa Thủy Thổ Mộc Hỏa
Ngũ Tỵ	là Kim Mộc Thổ Hỏa Kim
Ngũ Ngọ	là Thủy Thổ Mộc Hỏa Thủy
Ngũ Mùi	là Kim Thổ Thủy Hỏa Kim
Ngũ Thân	là Mộc Hỏa Thủy Kim Mộc
Ngũ Dậu	là Thổ Thủy Hỏa Mộc Thổ
Ngũ Tuất	là Kim Thổ Thủy Kim Hỏa
Ngũ Hợi	là Mộc Hỏa Thổ Hỏa Mộc

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

"Tinh" là vị trí kinh độ, vĩ độ của 28 tinh tú trên trời. "Độ" là một trong 365 độ 1/4. Tinh độ Ngũ Hành chuyên dùng để luận thuật phân kim giới độ, giới độ có ngũ hành tương khắc là quan sát.

Dương công nói :

"Kim Mộc chủ bệnh tật đau đớn, Mộc Thổ chủ ôn dịch họa hại, Thủy Hỏa chủ yểu tử, Hỏa Kim chủ hỏa hoạn, thủy tai. Dùng Tinh độ Ngũ Hành mà luận thuật tọa độ, tính toán điềm triệu cát hung họa phúc".

(1) Cung trong là quẻ nội, cung ngoài là quẻ ngoại.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THÔI QUAN LONG PHÁP

Trong Thôi Quan Long pháp, tốt nhất là Long Thiên Hoàng, Long mạch với Thiên Hoàng chiếu rọi, tại phía đông của Thiên Thị, Thiếu Vi, Dương Toàn, Tả Quan cục; sao Liêm Trinh, khởi Tổ Sơn liên miên bất tuyệt. Hữu Quan cục Liêm Trinh tinh xuất hiện tại Đoài vị, biến đổi thành sao Thái Ất, phương hướng đông nam Long khí thịnh vượng. Huyệt vị giáng tại Long khu, nhận lấy sinh khí; hoặc giả tại cung Thiên Hoàng thụ huyệt, Thiên Hoàng, Thái Vi là phương chính, Dương khu vị Quý-huyệt là Long mạch tốt nhất, Tứ thần Bát tướng ứng tinh vị mà nổi lên. Tam Hỏa cùng Tam Dương khí xung. Tam Dương huyệt triều nhập Canh, Chấn vị, lập Ấp, mở Phủ sẽ ứng nghiệm, làm quan cao đến chức Tam công, vận khí tốt đẹp, sẽ xuất hiện đạo sĩ tiên ông, đệ tử Phật môn, như cư trú tại đài sen tiên cảnh, siêu phàm thoát tục.

Dương khu, khởi tổ tương ứng với vị trí Đoài Tốn, tại Cấn vị thụ huyệt thì cũng có quan vận tương tự; Thiếu Vi khởi tổ giáng tại Cấn Tốn vị, cũng xuất hiện vương hầu phú quý dài lâu. Lục Tú biến thành Tử Vi cục, Sa thủy đến vị trí thì quan vận hanh thông. Lục Tú giáng tại vị trí giữa Canh và Chấn, tại Tam cát thụ huyệt, thì văn làm đến Tể tướng, võ làm đến đại tướng.

Dương Hoành, khởi tổ giáng tại vị trí Tam cát, Chấn, Canh vị thụ huyệt, sẽ làm võ tướng. Chấn, Canh vị có Sa thủy đến triều bái, sẽ thống lĩnh quân đội trấn thủ biên cương. Thiếu Vi đi qua Tốn vị lại trở về đến vị trí Thiếu Vi, nhân đinh hưng vượng, hoạnh phát tiền tài, song quan vận không tốt lắm. Thái Ất đi qua Thiếu Vi lại trở về Thái Ất, sẽ có tài viết văn.

Đoài ở phương tây, tiến vào Thiên Hoàng, sẽ có tài văn bút nổi danh. Thiên Hoàng tiến vào Đoài vị, sẽ làm quan to nhưng thanh bần. Long mạch Thiên Hoàng tiến vào Thiên Thị, vinh hoa phú quý, đời con cháu cũng được hưởng phúc dày. Thiên Thị, Thiên Hoàng là Long pháp tốt nhất, tại bốn vị trí Tốn Tân Đoài Đinh nhất định sẽ làm quan.

Sao Liêm Trinh làm Thái tổ, Thái tôn sơn thì hay hơn cả. Sao Liêm Trinh là Tổ sơn, làm quan mau thăng chức. Tại Âm khu, Nam cực và Thiên Hoàng vị, thế đi của Long mạch thụ huyệt đều rất cát lợi.

Thiên Bình, Tốn, Bính vị, Long mạch trải dài, chủ về an nhàn tự tại, phát tài.

Hai đạo Quỷ, Ngưu sẽ sinh họa hại. Hai đạo sát khí xông đến thì làm sao cát lợi ? Hãy từ hai vị trí Đinh, Cấn mà đi, mới mong cát lợi.

Hợi sơn cao một trượng có thể đón tiền tài, Tốn thủy chỉ đọng một gáo cũng có thể tránh được bần cùng. Tân sơn cao mười trượng khả dĩ phú quý hòa thuận, nhưng không thể cứu người khác họ.

Dương Quyền vị ở dưới thấp, lại nhô lên như lưng ong, Âm Quyền vị Sa thủy tương nghênh, thì quyết không để La tinh chiếu xuống huyệt vị, nếu không sẽ liên tục gặp tai họa. Vị trí Dương Quyền có Sa thủy đến triều bái, Thanh Long Bạch Hổ là hai Sa sơn hộ vệ, nhất định xuất hiện công hầu.

Ở vị trí Dương Khứ, Long mạch có Quỷ khí, rất hung hiểm, trong nhà hài nhi chết yểu, người già mạng vong, vợ mất chồng, có người làm hòa thượng, ni cô. Long mạch đi đến Dương Cơ là tối hung hiểm, gia đình tuyệt tự, mộ phần cỏ cao lút đầu. Vị trí Khôi Canh cũng xấu; thường có tranh giành, cuối cùng chỉ còn là kẻ lênh đênh cô quả. Ở vị trí Âm Cơ, Thiên Bầu, nếu thụ huyệt, sẽ phát bệnh, què chân, mù mắt.

Dương Long nhấp nhô tản mát, hình dạng cô đơn, lộ huyệt, sẽ sinh hung họa.

Hành Long nhấp nhô như vạn mã đang phi, dương cục hoàn hảo, mới là tối cát lợi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THÔI QUAN HUYỆT PHÁP

Hợi Long huyệt pháp có 4 hướng :

Hướng Bính là Nguyệt đối liễu tiêu,
Hướng Tốn là Kim xà thiểm diện,
Hướng Đinh là Thỏ nhập Mao phong,
Hướng Mão là Vạn Mộc đăng viên.

Cấn Long huyệt pháp có 8 hướng :

Hướng Đinh là Báo ẩn nam sơn,
Hướng Tỵ là Trung cách,
Hướng Canh là Nguyệt xuất đông sơn,
Hướng Bính là Nguyệt chiếu hàn đàm,
Hướng Tân là Văn chương thiên phủ,
Hướng Dậu là Lạc đà tiến bảo,
Hướng Tốn là Đa kết thần đàn,
Hướng Mùi là Hạc cách.

Tân Long huyệt pháp có 3 hướng :

Hướng Tốn là Thiên vũ hỗn viên củng vệ,
Hướng Mão là Trung cách,
Hướng Cấn là Trung cách.

Tốn Long huyệt pháp có thể chọn 4 hướng:

Hướng Tân là Lục luật triều dương,
Hướng Hợi là Trung cách,
Hướng Cấn là Trung cách,
Hướng Canh là Kim Thủy tương sinh.

Mão Long huyệt pháp có thể chọn 3 hướng :

Hướng Canh là Thân tọa lôi môn,
Hướng Tân là Trung cách,
Hướng Dậu là Nhật nguyệt hợp bích.

Canh Long huyệt pháp có 2 cách chọn hướng:

Hướng Mão là Nguyệt triển thiên quan,
Hướng Cấn là Trung cách.

Đinh Long huyệt vị có 2 cách chọn hướng :

Hướng Cấn là Trung cách,
Hướng Hợi là Thọ tinh củng bắc.

Bính Long huyệt vị có 3 cách chọn hướng :

Hướng Tân là Trung cách,
Hướng Hợi là Lưỡng viên tương củng vệ,
Hướng Cấn là Nguyệt trầm đại hải.

Đoài Long huyệt vị có 4 cách chọn hướng :

Hướng Cấn là Kim kê,
Hướng Mão là Ô điểu bạch thỏ giao đệ,
Hướng Tốn là Thượng cách,
Hướng Đinh là Trung cách.

Ly Long huyệt vị có 5 hướng :

Hướng Nhâm là Ngũ mã cộng tào,
Hướng Quý là Trung cách,
Hướng Dần là Hỏa lâm sinh địa,
Hướng Kiền là Thiên mã hành không,
Hướng Tỵ là Đối cửu lý nhất.

Nhâm Long huyệt vị có 3 hướng :

Hướng Ngọ là Nguyệt đáo trung thiên,
Hướng Khôn là Tam hợp hùng mãnh,
Hướng Ất là nơi Huyền Vũ sở cư.

Khảm Long huyệt vị có 2 cách chọn hướng :

Hướng Ngọ là Thủy Hỏa ký tế,
Hướng Khôn là Khảm thủy thành lục.

Quý Long huyệt vị có 2 cách chọn hướng :

Hướng Khôn là Nữ đả tỉnh thủy,
Hướng Ngọ là Khảm Ly giao phối.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khôn Long huyệt vị có 4 cách chọn hướng:

Hướng Quý là Tỏa bế tinh kỳ vật,

Hướng Nhâm là Nội hàm âm dương,

Hướng Khảm là Thủy diện ánh chiếu dương quang,

Hướng Ất là Tam hợp liên châu.

Kiền Long huyệt vị có 4 cách chọn hướng :

Hướng Ất là Trung cách,

Hướng Giáp là Vạn vật hoan vinh,

Hướng Thìn là Lục long ngự thiên,

Hướng Ngọ là Thanh Long Bạch Hổ phụ địa đồ.

Tuất Long huyệt vị có 2 hướng :

Hướng Ất là Kim sát sở phục,

Hướng Giáp là Thiên ngô đới hỏa.

Dần Long huyệt vị có 3 hướng :

Hướng Khôn là Phong hỏa lâm địa,

Hướng Giáp là Hạ cách,

Hướng Ngọ là Hổ bôn nam sơn.

Giáp Long huyệt vị có 2 hướng :

Hướng Kiền là Trung cách,

Hướng Khôn là Âm dương tương hợp.

Thìn Long huyệt vị có 2 hướng :

Hướng Giáp là Lộc Mã phò tá Thanh Long,

Hướng Quý là Trung cách.

Tỵ Long huyệt vị có 1 hướng :

Hướng Hợi là Thượng cách.

Mùi Long huyệt vị có 1 hướng :

Hướng Cấn là Trung cách.

Sửu Long huyệt vị có 2 hướng :

Hướng Đinh là Trung cách,

Hướng Bính là Trung cách.

Ất Long huyệt vị có 2 hướng :

Hướng Kiền là Trung cách,

Hướng Khôn là Thứ cách.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thôi Quan Huyệt pháp có rất nhiều cách, chọn tại thân, tại eo lưng để tiếp nhận sinh khí mới có cơ hội thực sự để làm quan. Sinh khí từ vị trí hai tai tiến vào thì rất dễ làm quan, sinh khí từ eo lưng tiến vào thì làm quan rất muộn. Cho nên, tai và eo lưng tiếp nhận sinh khí nhiều ít không giống nhau, muốn tìm đúng cơ hội thực sự, nhất thiết phải hiểu kỹ, không thể sai sót mảy may.

THÔI QUAN SA PHÁP

Sa sơn Thôi quan ở bốn phương đều có. Sơn phong (ngọn núi) cao vút lên mây, quan vận (vận hội làm quan) sẽ rất vượng. Sơn phong bốn bề đều thấp như hàng ngàn hàng vạn kho đụn, quan vận lẫy lừng châu phủ.

Trên núi lốm đốm đá đen, gia đạo lụn bại.

Các ngọn núi đẹp xếp thành hình tam giác, trong nhà có mỹ kim bạch ngọc.

Đỉnh núi đẹp nhưng có đường vắt ngang qua thì quan vận chẳng hanh thông, ruộng vườn của gia đình cũng sẽ mất dần.

Một ngọn núi đẹp nhô cao đoan chính, đầu Long mạch độc bộ hoàng kim môn. Nếu đỉnh núi thấp tròn, rộng mà đẹp, thì đi thi ắt chiếm bảng vàng. Đỉnh núi thấp nhỏ, sẽ làm phú ông.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ở vị trí Dương Toàn có hai quả núi đối xứng là tối hảo. Hai ngọn núi cao chọc trời, xuất hiện Tể tướng đại thần. Long mạch đáo cục, là công của tạo hóa, nhất định sẽ làm quan đến chức Tam công. Tiểu sơn phong xuất hiện, chức quan chỉ nhỏ. Ngọn núi thấp tròn mà nhỏ, nhà chỉ giàu, không thể làm quan.

Một ngọn núi đẹp, sẽ có người thi đỗ.

Hai ngọn núi đẹp cùng xuất hiện, hai anh em cùng đỗ cao. Ngọn núi xa trông như cây trụ, sắp xếp như ngọn măng, có tài văn chương như Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên. Có thủy lai triều bái, Sa sơn hộ vệ, cháu ngoại sẽ phú quý, con rể được làm quan trong triều, cháu gái xinh đẹp, khéo léo, được tiến cung làm Quý phi.

Dương Toàn thấp Âm Toàn cao, cũng thi đỗ tiến sĩ. Núi tròn nhô lên rồi trải dài như tinh kỳ (lá cờ), nhà nhất định có võ tướng. Một ngọn núi đoan trang, vuông vức, bảng vàng chắc chắn có tên. Nếu tinh kỳ nghiêng chếch chỉ được chức quan nhỏ.

Nếu sơn cốc lõm hãm, có khê thủy chảy tới, phải căn cứ bản thân Long mạch mà chọn huyệt vị. Long mạch mang theo tử khí, chủ về quả phụ mất chồng, thiếu niên yểu tử, làm ni cô, hoà thượng.

Dương khu như đài bút ở Tam thai, ngọn Tam thai đẹp đẽ nhô cao, có thể kết duyên với người trong hoàng tộc, hưởng lộc hoàng gia. Một ngọn núi đẹp, cao chiếm bảng vàng. Nếu ngọn núi quá nhỏ, cũng có vàng chôn ngọc cất. Nếu ngọn núi đá lởm chởm, ngất quăng, quan vận lụn bại.

Dương khu thấp Âm khu cao cũng chủ quan vận ăn lộc, khỏi cần nghi ngờ. Tứ thần bát tướng từ các vị trí nổi lên, huyệt vị ở chân Long, Thái Dương ở chính Ngọ, Đinh, Bính khai trương, vàng bạc thu được nhiều không kể xiết.

Hỏa tinh nên đối xứng với Thiên tú mà sinh, dựa vào âm dương của giới tự nhiên mà biến hóa. Ly vị nổi lên cao, Kiền vị sáng sủa, khả dĩ kiêm chế Hỏa khí, sẽ sinh ra người hiền năng. Hỏa tinh không sinh, thì quan vận chẳng thông, tay chẳng nắm được quyền hành lớn, chỉ làm chức quan nhỏ nhàn tản. Hỏa tinh sinh nhưng thế nhỏ, nhật nguyệt sáng sủa, sẽ sinh con phú quý. Nhật nguyệt không đối mặt nhau, Thái Dương cao chiếu, Thái Âm đắc thủy, nhất định sẽ đại phú đại quý. Sơn phong bao quanh Tỵ vị như đai ngọc, người này tài cao tung hoành. Ấn và thẻ ngà ở hai bên, là tối cao quý. Khu Toàn ở Bính vị sẽ làm đến công khanh. Ấn và thẻ ngà ở vị trí Dần Giáp sẽ sinh đạo sĩ, hòa thượng. Dương Quan ở Quý Sửu vị chủ trụy thai. Ly vị có Ấn, sẽ sinh con, toàn gia hưng vượng. Khảm, Quý vị đặt huyệt mộ, người chết sẽ mất xác. Đoài vị có đao kiếm, tướng quân oai phong lẫm liệt, trấn giữ biên cương. Tại Canh, Đoài, Tân vị, núi nhọn nhô cao như ngọn bút lên mây, đặc biệt ở phương đông nam, âm dương tương hợp, lại có Dương Quan sơn thị vệ, sẽ làm đại quan, được vua chúa trọng dụng. Đặt huyệt mộ ở vị trí Dương Hoành, thiếu niên yểu tử, Dương Quan sơn lõm hãm, chết ở chiến trường. Tứ Kim sa lõm hãm, gió khe thổi tới, đặt mộ huyệt ở đây thì gia nhân ngộ nạn. Dương Toàn sơn nếu lõm hãm, sẽ nghèo hèn.

Thôi Quan, Quý Lộc sơn thấp bé, dù có tài văn chương cũng chẳng nổi danh, làm quan cũng chỉ được chức vụ nhỏ bé. Nếu cục thế của Long huyệt không có gì tổn thất, mà có cát tinh cao chiếu, thì chắc chắn được làm quan. Vị trí cát tinh xuất hiện có cao có thấp, căn cứ vào độ cao thấp mà phán đoán phương hướng tiêu trưởng, cát hung. Sao Thiên Ất, Thái Ất là chân tài văn bút, chiếu xuống xán lạn, thì nhất định sẽ xuất hiện Trạng nguyên. Hình dáng sơn trông đẹp, nhưng ở vị trí rất hung hiểm, chỉ e không được dài lâu. Muốn chiếm được vị trí cát lợi, tránh né vị trí hung hiểm, phải căn cứ cụ thể vào Long thần mà xét đoán, phải quan sát kỹ thế đi của Long mạch, thẩm tra huyệt vị, nhận đúng Sa sơn thủy cục.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THÔI QUAN THỦY PHÁP

Thủy Thôi Quan nằm ở Tam Dương. Có thủy lai triều, sơn tú mỹ, quan vận rất vượng. Thủy Dương Toàn chảy đến triều bái ngọn núi văn bút, thiếu niên đắc chí, khoa bảng đề danh, văn chương nổi tiếng thiên hạ. Nếu hai ngọn núi cùng đẹp, chĩa thẳng lên trời, hai anh em nhất định cùng đỗ cao. Chỉ có núi hộ vệ, không có thủy lai triều, cũng là tướng vinh hoa tôn quý. Được cả núi hộ vệ, cả thủy triều bái, thì quá kỳ diệu : nam là Phò mã, nữ là Quý phi. Con cả con thứ đều có tài văn chương.

Vị trí Tam Dương nếu không có núi hộ vệ, thủy triều bái thì không cao quý, chỉ phát tài, đắc lợi. Nếu sáu vị trí nhận được sinh khí của Đoài, Hợi, có thủy Dương Toàn lai triều, thì mệnh chủ vàng bạc đầy nhà; nếu Long huyệt tại Cấn vị, chỉ có phúc nhỏ. Canh Tân Bính Đinh có thủy lai triều là tốt nhất. Vị trí Âm khu, Nam Cực có thủy lai triều, Sa sơn tứ thần bát tướng hộ vệ tầng tầng lớp lớp vây quanh kim môn, là tối hảo, gia đình chắc chắn có người làm Tể tướng. Bính, Đinh vị có thủy, gọi là Xá Văn thủy, thì vĩnh viễn không sợ gì tai họa.

Tam Dương triều thủy quy về hướng Quỷ Hương, thì trung nghĩa và trường thọ không được cả hai. Dương Toàn thủy triều lai thì phát tài, hảo vận.

Long huyệt nhân sinh khí của Thái Ất chạy về phương hướng đông nam; ở đông nam có thủy lai triều, Sa sơn tú lệ, đi thi nhất định đỗ cao. Nếu có thủy từ vị trí Thái Vi lai triều, sẽ trường thọ. Nếu Sa sơn lởm chởm dứt quãng, nữ nhân sẽ phóng đãng.

Đoài vị, kỵ thủy lưu Dương Toàn Long mạch, sẽ bị tội đày đi xa. Tại Thiên Hoàng, Thiên Mệnh, thủy đến triều bái huyệt mộ, thì phú gia địch quốc. Chấn, Canh vị trí có núi chĩa thẳng lên trời, sẽ là dũng tướng thống lĩnh ba quân. Nhưng nếu Thiên Hán, Thiên Quan thủy lai triều, thì khó tránh hình phạt mất đầu. Dương Hoành thủy lai triều, dân chúng cả vùng no ấm. Long mạch hơi lộ, Sa sơn lởm chởm, sẽ có sự vi phạm thuần phong mỹ tục, dâm loạn xấu xa. Tối kỵ ngăn cản Long mạch chạy vào Khôn vị, vì sẽ gặp họa sát thân. Dương khu thủy chảy vào Minh Đường, gia đình ấm no, dư dả. Thiên Bình, Thiên Hoàng thủy chảy đến, gia đình có dư tài phúc.

Thiên Bình thủy chảy vào Thiếu Vi Long, Hợi thủy chảy vào Ly Long, là đều bị họa hình. Quỷ khí, Ngưu khí liên tục lai vãng, không phải điềm tốt, chủ về cô quả. Quỷ thủy chảy đến, Long mạch đi vào Chấn vị, ban ngày nghe như có tiếng sấm giữa trời trong, thủy chảy đến thì giàu, thủy chảy đi thì bại và tổn thọ.

Dương Quyền, Âm Quyền giao hội với nhau, có thủy lai triều là tối cát lợi. Âm Sa Dương thủy chĩa thẳng lên trời, thi cử đỗ cao, làm đến chức công khanh. Có Sa sơn mà không có triều thủy, cũng đỗ đạt. Có triều thủy mà không có Sa sơn, thì chỉ là có khí phú quý thịnh vượng.

Âm Quyền, Dương Quan giao hội, Sa sơn hộ vệ, có triều thủy, nên táng mộ ở đây.

Ly Long Khảm thủy ở cạnh cửa nhà các vị, Dương cục dễ làm cho các vị phát tài, cũng dễ làm cho các vị lụn bại.

Dương Quan nhấp nhô thấp hẳm, Kháng thủy lai triều, chủ nghèo khổ thiếu thốn. Vị trí Hợi Long kỵ có lai thủy và khứ thủy, nếu có, gia tộc sẽ tuyệt tự.

Kiền vị, Hợi vị, hai thủy cùng chảy, sẽ yểu tử. Tuất thủy, Kiền thủy cùng chảy đến, sẽ bị câm điếc và mù lòa.

Bí quyết Thôi Quan còn có thể giảng tiếp, nhưng e tiết lộ quá nhiều thiên cơ. Ai biết cũng không nên tùy tiện đàm luận và tiết lộ với người khác.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LA KINH LƯỢC GIẢI

Biên tập : Long Vụ Trâu Đình Du Thiệp Viên
Đính chính : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đồng duyệt : Vọng Giang Thẩm Cảo Lục
Thanh Khê Tạ Mai Lâm Nghiện Dung

LUẬN LA KINH LƯỢC GIẢI

Cổ nhân chế định "La Kinh", là căn cứ vào tinh hoa của rời đất. "La" là chỉ bao la vạn tượng. "Kinh" là ngụ ý kinh luân thiên địa. Gộp hai chữ, thành "La Kinh". Dùng "quy" và "củ" mà vạch thành hình vuông và hình tròn, cân nhắc tính toán sự khinh trọng của vật thể. Người ta dùng một dụng cụ gọi là Thiên trì, tựa như la bàn[1], đặt chiếc phù châm (kim nổi) vào trong. Phong thủy từ đây mà được triển khai. Trước khi đặt phù châm, phải rửa sạch Thiên trì, rồi đổ nước sạch vào đó mà đặt phù châm. Châm bao giờ cũng chỉ một hướng, dù ta xoay lệch đi nó vẫn trở lại một hướng. Lấy hướng ấy định là hướng Tý - Ngọ thì chuẩn xác. Đoạn dùng sợi dây tẩm mực mà đo lường sơn thủy, quan sát 24 phương vị, âm dương xuyên sơn, thẩm định sự hưng phế của Long mạch huyệt vị, xem thủy điểm huyệt, phối hợp với Bát quái luận thuật cát hung, tọa độ phân kim, Bát môn tam kỳ, Ngũ phúc tứ cát, những thứ này đều là khởi nguồn của lý pháp phong thủy.

LUẬN THIÊN TRÌ
Tầng 1

Trong La Kinh, Thiên trì là nguyên thủy Thái cực. Nếu trong La Kinh không có Thiên trì, thì không thể xác định được hướng Tý - Ngọ, không thể phân chia Âm và Dương, do đó cũng không có được Bát quái Cửu cung, thì làm sao có thể xuất hiện Tứ tượng Ngũ Hành ! Không thể lựa chọn Thiên can, Địa chi, cũng chẳng khảo sát được hướng đi của Long mạch. Trong Thiên trì chứa đựng Kim thủy, thủy động là Dương, thủy tĩnh là Âm, từ đó định rõ Lưỡng nghi, Tứ tượng, xác định Bát quái, sản sinh đại nghiệp. Vì vậy mà nói một sinh hai, hai sinh hai, mà ba thì sinh ra vạn vật, vô cùng vô tận.

(1) La bàn là thứ khí cụ biểu thị rất rõ, nhìn vào biết ngay phương hướng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TIÊN THIÊN, HẬU THIÊN BÁT QUÁI
Tầng 2

Hai vị thánh Phục Hi, Chu Văn Vương đã định ra Bát quái, phân ra Tiên Thiên Bát quái và Hậu Thiên Bát quái, là khởi đầu của lý pháp phong thủy. Quái phân ra Cơ, Ngẫu; Kiền tam liên (ba gạch liền), Khôn lục đoạn (sáu đoạn), Chấn ngưỡng bồn (chậu để ngửa), Cấn phúc uyển (chén úp sấp), Ly trung hư (giữa ruột rỗng), Khảm trung mãn (giữa ruột đầy), Đoài thượng khuyết (trên thiếu), Tốn hạ đoạn (dưới đứt khúc).

Khảm là Thủy, Ly là Hỏa, Đòi là Trạch (đầm), Tốn là Phong (gió). Khôn Đoài thuộc Kim, Chấn Tốn thuộc Mộc, Cấn Khôn thuộc Thổ, Khảm thuộc Thủy, Ly thuộc Hỏa.

Trong Tiên Thiên Bát quái, Kiền là hướng Nam, Khôn hướng Bắc, Ly hướng Đông, Khảm hướng Tây, Cấn hướng Tây Bắc, Đoài hướng Đông Nam, Chấn hướng Đông Bắc, Tốn hướng Tây Nam.

"Kinh Dịch" viết :

"Thiên, địa định vị; sơn, trạch thông sinh khí; sấm, gió tương sinh; thủy hỏa bất tương dung. Kể cái qua rồi là thuận, biết cái sắp đến là nghịch".

Trong Hậu Thiên Bát quái, cũng phân biệt 8 phương hướng. Ly là phương Nam, Khảm là phương Bắc, Chấn là phương Đông, Đoài là phương Tây, Kiền là phương Tây Bắc, Khôn là phương Tây Nam, Cấn là phương Đông Bắc, Tốn là phương Đông Nam.

"Kinh Dịch" viết :

"Hoàng đế sinh ra Chấn, thiên hạ thái bình ở Tốn, Tể tướng xuất hiện ở Ly, làm người phục dịch cho người sinh tại Khôn, nói năng tại Đoài, chiến sự tại Kiền, Khảm thì làm lụng cực nhọc, Cấn có thể là người lập ngôn thành sự. Trưởng nam thay mặt gia đình làm mọi việc, trưởng nữ có thể thay thế chức quyền của mẫu thân".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN MƯỜI HAI ĐỊA CHI
Tầng 3

Có 12 Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Đó là Tiên thiên La Bàn. Phải phân biệt phương hướng, xác định phương vị khởi đầu của La Kinh. Chính châm và phù châm mang hai cái kim nổi từ đây mà có. Xuyên sơn Hổ, Thấu địa Long, gia giảm phối hợp. Quy giáp, Sai thố cũng từ đây mà ra. Sau đó cộng thêm tám can tứ duy, mới tấu thành phương vị.

LUẬN ÂM DƯƠNG LONG
Tầng 4

24 phương vị, mỗi phương vị đều có phân biệt âm dương. Dương là vòng tròn trắng, Âm là chấm đen sẩm (ký hiệu trong la bàn). Âm Dương đã phân khai, thì có thể tự do sử dụng.

+ Âm Long là Hợi, Sửu, Cấn, Mão, Tốn, Tỵ, Bính, Đinh, Mùi, Canh, Dậu, Tân.
+ Dương Long là Nhâm, Quý, Tý, Dần, Thân, Ất, Thìn, Ngọ, Khôn, Giáp, Tuất, Kiền.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Căn cứ Long cục mà dùng hoặc bỏ, Âm Long với Dương Long không thể lẫn lộn. Âm Long dùng âm hướng, Dương Long dùng dương hướng phối hợp mới là cát lợi.

LUẬN CỬU TINH, THIÊN TINH, VIÊN CỤC
Tầng 5

Cửu tinh gồm : sao Tham Lang, sao Cự Môn, sao Lộc Tồn, sao Văn Khúc, sao Liêm Trinh, sao Vũ Khúc, sao Phá Quân, sao Tả Phụ, sao Hữu Bật.

Cấn, Bính	là sao Tham Lang, Mộc tinh,
Tốn, Tân	là sao Cự Môn, Thổ tinh,
Kiền, Giáp	là sao Lộc Tồn, Thổ tinh,
Khôn	là sao Tả Phụ,
Ất	là sao Hữu Bật,
Khảm, Thìn, Thân, Quý	là sao Phá Quân, Kim tinh,
Đoài, Đinh, Tỵ, Sửu	là sao Vũ Khúc, Kim tinh,
Ly, Nhâm, Dần, Tuất	là sao Văn Khúc, Thủy tinh,
Chấn, Canh, Hợi, Mùi	là sao Liêm Trinh, Hỏa tinh[1].

Thiên tinh là chỉ sao Thiên Hoàng ở Hợi, sao Thiên Phủ ở Nhâm, sao Thiên Lũy ở Tý, sao Âm Quang ở Quý, sao Thiên Trù ở Sửu, sao Thiên Thị ở Cấn, sao Thiên Bổng ở Dần, sao Âm Cơ ở Giáp, sao Thiên Mệnh ở Mão, sao Thiên Quan ở Ất, sao Thiên Canh ở Thìn, sao Thái Ất ở Tốn, sao Thiên Bình ở Tỵ, sao Thái Vi ở Bính, sao Dương Quyền ở Ngọ, sao Giác Cực ở Đinh, sao Thiên Thường ở Mùi, sao Thiên Thành ở Khôn, sao Thiên Quan ở Thân, sao Thiên Hoàng ở Canh, sao Thiếu Vi ở Đoài, sao Thiên Ất ở Tân, sao Thiên Khôi ở Tuất, sao Thiên Cứu ở Kiền[2].

Hợi Mão Canh là Tam cát, Cấn Bính Tốn Tân Đoài Đinh là Lục tú.

Hợi vị là đế tòa, phối hợp với Cấn và Bính, là viên cục lập quốc kiến đô. Nếu Đoài vị viên cục mà không có đế tọa thì không thể kiến đô lập quốc, phải bỏ[3].

LUẬN 24 SƠN CHÍNH CHÂM
Tầng 6

Hai mươi bốn sơn, là số mục thiên địa tự nhiên sinh thành. Làm sao biết ? Số trời là 25 trừ đi 1, lấy làm căn bản. Số đất là 30 trừ đi 6, lấy làm ứng dụng, thì còn số 24 lấy làm phương vị La Kinh, để phân biệt điềm hung cát.

(1) Ghi trong các la bàn, theo "Địa mẫu quái" (N.D.).

(2) Các sao có nhiều tên gọi khác nhau, cho nên ghi trên la bàn đôi khi có chỗ ghi các tên sao khác nhau (N.D.).

(3) Xem Lạc Thư Tứ đại cục (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN 72 XUYÊN SƠN
Tầng 7

Xuyên sơn hổ, là ngụ ý Ngũ hổ ẩn dấu vết tích, hình bóng 72 Địa Long phân thuộc 24 phương vị, mỗi phương vị có ba Địa Long. 12 Địa Chi lại có 6 giáp (lục giáp) sở thuộc, giữa 8 can 4 duy viết chữ chính, vừa vặn hợp thành 72 Địa Long, chiếu ứng với 72 sao trên trời. Phương pháp là an thuận theo hướng chuyển động của phù châm (theo chiều kim đồng hồ), bắt đầu từ vị trí cuối Nhâm.

Nói 24 hướng là nói sơn hướng có thể an từ đây mà phán định, mà 24 sơn, sơn hướng lại có thể từ phương vị mà đoán định.

Quyết ngữ nói :

"Lai Long khứ hướng của một dãy núi là gì ? Là xem phương hướng đến và đi của dãy núi. Một dãy núi có nhiều phân chi, nhiều mạch nhỏ; trăm con trăm cháu đều lấy lai khứ hướng làm bổn hướng, khí thế xung thiên, tinh khí hội tụ".

LUẬN CHÍNH CHÂM PHÂN KIM
Tầng 8

Phân Kim là danh xưng của Giáp Tý nạp âm thuộc về Kim. 60 nhân 2 thành 120, cho nên gọi là Phân Kim, chuyên dùng để định phương hướng và huyệt vị. Mỗi phân Kim của cung vị có 5 độ, chọn Vượng tướng của Bính, Đinh, Canh, Tân làm Đắc Kim. Nhâm Giáp là Dương cơ, Ất Quý là Âm hư, Mậu Kỷ là Quy giáp Không Vong, phải tránh né chúng, cho nên mới nói Bính Đinh Canh Tân tuy là Vượng tướng Đắc Kim, nhưng cũng không nên gặp nhau mà phát sinh xung đột, trở thành họa hại, tuyệt đối không được hồ đồ. Kỵ nạp âm tương khắc, cũng kỵ vong mệnh mà không tránh.

LUẬN 24 TIẾT KHÍ
Tầng 9

Hai mươi bốn tiết khí, phân bố ở bên dưới 24 phương vị. Bắt đầu từ Cấn Lập Xuân, đến kết thúc ở Sửu Đại Hàn, mà đoán định Ngũ vận Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, định rõ lục khí. Lục khí là Quyết Âm, Thiếu Âm, Dương Minh, Thiếu Dương Thái Dương, Thái Âm, luận về vị trí Tam Diệu Thượng, Trung, Hạ (Thượng Diệu, Trung Diệu, Hạ Diệu).

LUẬN THÁI DƯƠNG TRIỀN ĐỘ PHÂN DÃ NGUYỆT TƯỚNG
Tầng 10, 11, 12

Toàn bộ bầu trời chia thành 28 tinh tú, chia nhau chiếm 12 cung vị, nhiều ít không giống nhau. Sao Đê chiếm 2 độ, sao Vĩ (Mão) chiếm 3 độ, sao Đẩu (Dần) 4 độ, sao Nữ (Sửu) 2 độ, sao Nguy (Tý) 13 độ, sao Khuê (Hợi) 2 độ, sao Vị (Tuất) 4 độ, sao Tất (Dậu) 7 độ, sao

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tinh (Thân) 9 độ, sao Liễu (Mùi) 4 độ, sao Trương (Ngọ) 15 độ, sao Chẩn (Tỵ) 10 độ, sao Cang (Thìn) 9 độ. Cộng là 265 độ 1/4[1].

Thiên hạ phân dã, vị trí Tý là đất Thanh Châu của Tề, Sửu là đất Dương Châu của Ngô, Dần là đất U Châu của Yên, Mão là đất Dự Châu của nước Tống, Thìn là đất Duyển Châu của Trịnh, Tỵ là đất Kinh Châu của nước Sở, Ngọ là Tam Hà của nước Chu, Mùi là đất Ung Châu của nước Tần, Thân là Ích Châu của nước Tấn, Dậu là Ký Châu của nước Triệu, Tuất là đất Từ Châu của nước Lỗ, Hợi là Mân Châu của nước Vệ.

Vị trí		
	Nhâm Quý	là phân dã của Thú Tư, Đăng Minh.
	Tuất Kiền	là phân dã của Hàng Lâu, Hà Khôi.
	Dậu Tân	là phân dã của Đại Dương, Tùng Khôi.
	Thân Canh	là phân dã của sao Thực Trầm và sao Truyền Tống.
	Mùi Khôn	là phân dã của Thuần Thủ và Tiểu Cát.
	Ngọ	là phân dã của Thuần Tất với sao Thắng Quang.
	Tỵ Bính	là phân dã của Thuần Vĩ với Thái Ất.
	Thìn Tốn	là phân dã của sao Thọ với sao Thiên Canh.
	Dần Giáp	là phân dã của Tích Mộc với Công Tào.
	Sửu Cấn	là sự phối tinh đại.
	Tý Quý	là phân dã Vô Hiêu và Thần Hậu.

Còn có sự phân dã Ngũ tinh như sau :

Tý	là sao Bảo Bình.
Sửu	là sao Ma Hạt.
Dần	là sao Nhân Mã hoặc Thiên Mã.
Mão	là sao Thiên Hạt.
Thìn	là sao Thiên Xứng.
Tỵ	là sao Xử Nữ hoặc Thất Nữ.
Ngọ	là sao Sư Tử.
Mùi	là sao Cự Giải.
Thân	là sao Song Tử.
Dậu	là sao Kim Ngưu.
Tuất	là sao Bạch Dương.
Hợi	là sao Song Ngư.

Đều là biệt danh của sự phân dã Ngũ tinh.

(1) Độ sao ở đây nói chưa chính xác, tham khảo độ sao ở mục dưới đây (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN NGOẠI BÀN PHÙNG CHÂM
Tầng 13

"Phùng Châm" là do Hà Tiềm Trai đời Tống đề ra, dùng để gia giảm. Chia đôi Nhâm, Tý, Bính, Ngọ phân làm Âm Dương, là Chính Châm của chúng nằm trên ranh giới của Phùng Châm. Chính Châm là chủ, Phùng Châm là để phụ cho chỗ hư nguy của Chính Châm.

LUẬN THIÊN TINH TÁC HƯỚNG
Tầng 14

Thiên tinh là Huyệt pháp trong Thôi Quan Thiên. Luận giảng bộ phận tai, eo lưng, chân hấp thụ sinh khí, không bốc lên não bộ một cách hỗn tạp... Cho nên nói Dương sơn Dương hướng, Thủy cũng lưu (chảy) Dương thì đại phú đại quý. Âm sơn Âm hướng, Thủy cũng lưu Âm, thì gia đình giàu có, vàng bạc đầy nhà. Phần trước đã luận thuật, không nhắc lại ở đây.

LUẬN PHÙNG CHÂM PHÂN KIM
Tầng 15

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ta từng tham khảo các bộ sách cổ, không thấy nói gì về "Phùng Châm phân kim". Có thể nói Hà Tiềm Trai đời Tống là người đầu tiên dùng "Phùng Châm" phân kim mà gia giảm thêm bớt, cho nên có cách phân loại tam thất (ba, bảy), nhị bát (hai, tám). Người ta dùng nội bàn để thẩm tra Long mạch, dùng ngoại bàn để xét Huyệt vị đều là sai lầm về phương pháp.

LUẬN ĐỘN GIÁP
Tầng 16

Cửu cung Độn Giáp y theo tinh diệu mà bắt đầu (khởi) từ Giáp Tý, Đông Chí đi thuận, Hạ Chí đi nghịch.

Dương Độn, bắt đầu từ tiết Đông Chí, cuối cùng là Mang Chủng.

Quyết ngữ nói :

"Đông Chí, Kinh Trập 1, 7, 4; Tiểu Hàn 2, 8, 5; Đại Hàn, Xuân Phân 3, 9, 6; Lập Xuân 8, 5, 2; Thanh Minh, Lập Hạ 4, 1, 7; Vũ Thủy 9, 6, 3; Tiểu Mãn, Cốc Vũ 5, 2, 8; Mang Chủng 6, 3, 9".

Âm Độn, bắt đầu từ Hạ Chí, kết thúc ở Đại Tuyết.

Quyết ngữ nói :

"Hạ Chí, Bạch Lộ 9, 3, 6; Đại Tuyết 4, 7, 1; Đại Thử, Thu Phân 7, 1, 4; Tiểu Thử 8, 2, 5; Lập Đông, Hàn Lộ 6, 9, 3; Lập Thu 2, 5, 8; Tiểu Tuyết, Sương Giáng 5, 8, 2; Xử Thử 1, 4, 7".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thượng Diệu, Giáp Kỷ, Tý Ngọ, Mão Dậu cư ở Trung cục. Giáp, Dần Thân, Tỵ Hợi cư ở Hạ cục. Giáp Kỷ không có số, nên quy về Thìn Tuất Sửu Mùi. Xuyên sơn quái từ đây mà ra, Bát môn (tám cửa), Tứ cát, Tam kỳ, Tử, Phụ, Tài, Quan, v.v... của Thấu Địa quái, Lộc cục, Quý nhân v.v... đều từ đây mà ra.

Cách tính như sau :

Đông Chí 1, thuận chiều kim đồng hồ cộng 6 thành 7 Trung cục, 7 cộng thêm 6 thành 13, lại cộng thêm Khảm 1, giảm đi 10, còn 4 Hạ cục, cho nên nói Đông Chí 1, 7, 4. Các số còn lại theo cách đó mà ra.

Hạ Chí Ly 9 Thượng cục, nghịch chiều kim đồng hồ, giảm đi 6 còn 3 là Trung cục, 3 cộng Ly 9 rồi trừ đi 6, còn 6 là Hạ cục. Âm Dương Độn lập theo cách đó.

Thượng cục Giáp Kỷ, đưa vào Tý Ngọ Mão Dậu; Trung cục Giáp Kỷ, đưa vào Dần Thân tỵ Hợi; Hạ cục Giáp kỷ, đưa vào Thìn Tuất Sửu Mùi, thuận số kim đồng hồ cộng 5 là được.

Khôn	2 Đen	Lập Thu 2 Xử Thử 1 Bạch Lộ 9	**Ly**	9 Tím	Hạ Chí 9 Tiểu Thử 8 Đại Thử 7	**Tốn**	4 Lục xanh	Lập Hạ 4 Tiểu Mãn 5 Mang Chủng 6
Đoài	7 Đỏ	Thu Phân 7 Hàn Lộ 6 Sương Giáng 5	Đông Chí thuận Hạ Chí nghịch			**Chấn**	3 Bích	Xuân Phân 3 Thanh Minh 4 Cốc Vũ 5
Kiền	6 Trắng	Lập Đông 6 Tiểu Tuyết 5 Đại Tuyết 4	**Khảm**	1 Trắng	Đông Chí 1 Tiểu Hàn 2 Đại Hàn 3	**Cấn**	8 Trắng	Lập Xuân 8 Vũ Thủy 9 Kinh Trập 1

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN THẤU ĐỊA 60 BÌNH PHÂN LONG
Tầng 17

Thấu Địa Long Giáp Bính Mậu Canh, phân bố trên hai sơn Nhâm sơn, Tý sơn.

Thấu Địa Long Ất, Đinh Kỷ Tân Quý, phân bố trên hai sơn Sửu sơn và Quý Sơn.

Phương pháp này bắt đầu từ đầu Nhâm, kết thúc ở cuối Hợi. Hai sơn Nhâm, Hợi có vị trí can như nhau so với Sửu vị, nên gọi là bình phân. Giáp Tý, ba phần Hợi bảy phần Nhâm, Bính Tý ở chính giữa Nhâm; Mậu Tý, năm phần Nhâm năm phần Tý; Canh Tý ở chính giữa Tý; Nhâm Tý, bảy phần Tý ba phần Quý, đều là lấy Nhâm Tý sơn làm cách thức để phân biệt Long mạch là chân hay giả, cho nên muốn điểm huyệt, xét sơn, xem thủy đều có thể dựa vào đó mà xác định.

LUẬN THẤU ĐỊA QUÁI, TRÌ THẾ TÚ
Tầng 18

Thấu Địa quái lý luận về Huyệt, lấy Tử, Phụ, Tài, Quan, Quý, Nhân, Lộc Mã, Tứ Cát, Tam Kỳ, Sa thủy bát môn (8 cửa) mà chia ra 60 Long mạch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Đông Chí, Canh Tý Long trung cục bắt đầu từ 7, Giáp Tý đi thuận, Giáp Tuất Cấn, Giáp Thân Ly, Giáp Ngọ Khảm, lấy Giáp Tý làm đầu Long. Ất Mùi Khôn, Bính Thân Chấn, Đinh Dậu Tốn, Mậu Tuất là trung vị (vị trí giữa); Kỷ Hợi Kiền, Canh Tý Đoài, di động cho phù hợp với đầu Khảm.

Đoài Cấn Kiền Chấn, Khảm, Canh Tý Long thuộc Khảm. Cung 9 biến hóa, cung 8 khép lại, thành quái (quẻ) Lôi Thủy Giải, Mậu Thìn trì thế, lấy Giáp Tý Giác, Ất Sửu Cang, Bính Dần Đê, Đinh Mão Phòng, Mậu Thìn Thế, được Tâm Nguyệt Cô quản cục[1].

Hạ Chí, Bính Ngọ Long hạ cục 6 bắt đầu, Giáp Tý đi nghịch. Thìn hợp đầu tại Khôn. Bính Ngọ Long nghịch với số kim đồng hồ, tại cung 9 lấy cung Ly, biến cung 8, di động Khôn đến vị trí cao, Bính Ngọ Long thuộc cung Ly, phối thành quẻ Địa Hỏa Minh Di. Quý Sửu trì thế, cùng số đến cung trung, thuận nghịch nhị độn đều ngụ ở cung Khôn.

Còn lại cứ căn cứ theo phương pháp này, Đông Chí thuận số, Hạ Chí nghịch số, mà phân loại.

LUẬN NGŨ THẦN, SA THỦY
Tầng 19

Đông Chí Canh Tý Long khởi đầu từ cung 7, Giáp Tý đi thuận, Mậu Thìn Thổ Tài ở 2, Canh Tuất Thổ ở 8, Canh Thân Kim Quan ở 9, Canh Ngọ Hỏa Tử ở 4, Mậu Ngọ Hỏa ở 7, không có Phụ.

Hạ Chí Bính Ngọ Long khởi từ cung 6, Giáp Tý đi nghịch, Tử 1 Phụ 6, không có Tài, Quan 2, 8 quẻ Giải, thuộc cung Chấn quẻ Khôn, quẻ Minh Di thuộc cung Khảm. Mỗi quẻ đều phải thuộc lòng, cứ theo cách ấy mà xác định.

LUẬN QUÝ NHÂN, LỘC MÃ
Tầng 20

Vị trí Giáp thuộc Dương (dê), Mậu Canh thuộc Ngưu (trâu), Ất thuộc Hầu (khỉ), Kỷ thuộc Tý (chuột), Bính thuộc Kê (gà), Đinh thuộc Trư (heo), Nhâm thuộc Thỏ, Quý thuộc Xà (rắn), Lục Tân gặp Hổ là Dương. Giáp Ngưu Mậu Canh là Dương Lâm, Ất Tý Kỷ Hầu Bính Trư, Đinh Kê Nhâm Xà Quý Thỏ, Lục Tân phùng mã là Âm Quý Nhân.

Giáp Lộc (ở) Dần, Ất Lộc (ở) Mão, Bính, Mậu Lộc (ở) Tỵ; Đinh, Kỷ Lộc ở Ngọ, Tân Lộc ở Dậu, Canh Lộc ở Thân, Nhâm Lộc ở Hợi, Quý Lộc ở Tý.

Hợi Mão Mùi, Mã ở Tỵ; Tỵ Dậu Sửu, Mã ở Hợi; Thân Tý Thìn, Mã ở Dần; Dần Ngọ Tuất, Mã ở Thân, đều là căn cứ vào Long mạch mà nói.

(1) Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm là tên các sao trong nhị thập bát tú (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TAM KỲ TỨ CÁT
Tầng 21

Canh Tý Long khởi từ vị trí 7, Giáp Ất khởi 6, Bính khởi 5, Đinh khởi 4.

Bính Ngọ Long khởi từ vị trí 6, Giáp Ất khởi 7, Bính khởi 8, Đinh khởi 9.

Đông Chí thuận hướng phân bố Lục Nghi, nghịch hướng đếm Tam Kỳ.

Hạ Chí nghịch hướng phân bố Lục Nghi, thuận hướng đếm Tam Kỳ.

Tứ Cát là Kim Thủy Nhật Nguyệt, mỗi tinh tú ấy giữ nghiệp, phương pháp đoán là dùng bảy Diệu Cầm tinh so sánh với nhau.

Nhật Hư Nguyệt Quỷ, Hỏa Tòng Ky Thủy, Tất Mộc, Đê Kim Khuê vị; Thổ Tú thì theo Dực tú mà đoán, cũng từ cung 9 mà bắt đầu tính, Đông Chí khởi thuận, Hạ Chí đi nghịch.

Cho nên, muốn biết Tứ Cát sẽ ở hướng nào, Hư 2 Quỷ 4 tìm Lục Ky Thủy, Tất Mộc tại bốn vị, Bính ở 3, Khuê 5, Dực 7 mà đoán.

LUẬN BÁT MÔN (TÁM CỬA) TINH ĐỘ NGŨ HÀNH
Tầng 22

Bát môn là Hưu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai. Tức là 9 cung biến thành 8, ví dụ Canh Tý Long tại cung 7, di động cửa Hưu ở Khảm vị đến Đoài vị, thuận hướng đếm các cửa Hưu, Sinh, Thương, Đỗ là được. Bính Tý Long tại cung 9, di động cửa Tử ở Khôn đến Vũ vị, thuận hướng mà đếm là được.

Tinh độ Ngũ Hành, 60 Thấu địa, do 360 độ chia đều. Mỗi Long vị được 6 độ, làm 28 tinh tú hỗn thiên, chia ra 12 vị trí Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, phân bố 60 Long vị. Phía trên đã nói, ở đây không nhắc lại.

LUẬN KHAI HỶ

Vòm trời 365 độ chia làm 4 phần, gọi là Chu thiên độ số. Chu thiên độ số ngụ ý rất tinh thâm uyên bác, dùng nó để tìm Huyệt vị, định phương hướng. Trong 12 Địa chi, một tuyến là Sai Thác, trong 8 can tứ duy, một tuyến là Thiên Không, trong 24 vị giới, một tuyến là Tiểu Không, trong sự tương hỗ Ngũ Hành trực độ, tương khắc là Quan hệ, Giác 3, 8, 12, Thái Cang 1, 7, Đê 13, 14, Phòng Tâm 5, 6, Vĩ 3, 8, 14, 18, Ky[1] Thủy 4, 9, Đẩu 16, 11, Ngưu 2, 6, Nữ 4, 10, 11, Hư 1, Nguy 1, 7, 9, 13, 14, Thất 8, Bích 9, Khuê 10, Lâu 11, Thái vị 14, 15, Ngang 9, 11, Tất Mộc 5, 9, 10, Sâm 4, Tỉnh 2, 7, 12, 15, 17, 25, 29, 30, Thiếu Quỷ 1, Liễu 6, Thái Trương 5, 14, Thương 9, 13, cộng có 60 độ, đều thuộc tướng hung hiểm. Còn lại 180 độ đều là cát tướng, trong đó có 48 độ là Sai Thác Thái Không, lấy đối ứng Thiên ơ 48 sát, 72 độ Quan hệ, 60 độ hung hiểm làm độ Khắc

(1) Một số sách đọc là Cơ (N.Đ.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chiến, tướng cát lợi là 180 độ. Chữ Liễu là Sai Thác, chữ Công tức là Không Vong, chữ Giao Thoa tức là Quan Sát. Hắc Khuyên là Toàn Khuyên, Bạch Khuyên là cát lợi, đốt Không Vong là nửa cát, cho nên cát hung mỗi thứ chiếm một nửa.

LUẬN NHỊ THẬP BÁT TÚ ĐỘ SỐ

Sao Giác 12,75 độ, Cang 9,75 độ, Đê 16,25 độ, Phòng 5,75 độ, Tâm 6 độ, Vĩ 18 độ, Ky 9,5 độ, Đẩu 22,75 độ, Ngưu 7 độ, Nữ 11 độ, Hư 9,25 độ, Nguy 16 độ, Thất 18,25 độ, Bích 9,75 độ, Khuê 18 độ, Lâu 12,75 độ, Vị 15,25 độ, Mão 11 độ, Tất Mộc 16,5 độ, Chủy 0,5 độ, Sâm 9,5 độ, Tỉnh 30,25 độ, Quỷ 2,5 độ, Liễu 13,5 độ, Tinh 6,75 độ, Trương 17,75 độ, Dực 20,25 độ, Chẩn 18,75 độ. Tổng cộng 365,25 độ.

Phương pháp chọn đất để xây dựng mộ như sau :

Khốn Cấn Dần Thân khởi Tý cung,
Giáp Canh Mão Dậu Dần,
Ất Tân Thìn Tuất là đầu Long,
Tốn Kiền Tỵ Hợi tìm Ngọ vị,
Tại phần giữa Long huyệt,
Bính Ngọ Nhâm Tý Thân xây lên,
Đinh đến Quý Sửu gặp lỗ hổng hẹp,
Sẽ có mối chui vào quan tài.

Muốn giải trừ nguy nan tất phải trồng cây Tử Chi (một cây làm thuốc) thành bụi dày ở vị trí này. Nếu có gió thổi đến, phải dùng gốc cây trắc, đắp đất bảo vệ ngay. Nếu muốn xây mộ tại Khôn sơn cung Tý Quý, hãy an thuận hướng kim đồng hồ mà tính.

(Hình 3-117, 3-118).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THỂ LỆ BIÊN TẬP

1. Cuốn sách này được biên tập theo trình tự trước luận về Long, sau luận về Huyệt, Sa, Thủy; trước nói tới Loan Đầu, sau nói về Lý Khí.

2. Trong cuốn này có một số lời văn khó hiểu mà lời chú giải vốn có rất phức tạp, chúng tôi đã có biên tập lại cho dễ hiểu.

3. "Ngọc Xích Kinh" trong cuốn sách này, sự chú giải vốn có rất phức tạp, khó hiểu, thứ tự trước sau mâu thuẫn, chúng tôi cũng hiệu chỉnh lại.

4. "Thiên Ngọc Kinh Chân Chú" trong cuốn sách này là gia truyền của Hứa Minh, nay được đem ra in ấn toàn bộ để độc giả thưởng thức.

5. "Xích Đình Kinh" vốn của Trương Lương (Tử Phòng) truyền lại cho môn đồ, sau khi đọc xong có thể hiểu rõ những điều ảo diệu, bí mật của Đế vương phong thủy.

6. Quách Phác là tổ sư gia của phong thủy địa lý, "Táng Kinh" của ông, văn từ rõ ràng giản dị.

7. "Hội Tòa Tinh Vi" - chúng tôi thu thập tuyển chọn những tinh hoa về địa lý của cổ nhân không câu nệ ngắn dài, song vẫn thuận theo thứ tự Long, Huyệt, Sa, Thủy mà biên tập.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nội dung

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN

TẬP YẾU

Trang *Trang*

Quyển 1

TỔNG LUẬN

Luận Long 215
Luận Huyệt 217
Luận Sa 219
Luận Thủy 219
Luận Long mỹ ố 220
Luận Huyệt mỹ ố 221
Luận Sa mỹ ố 222
Luận Thủy mỹ ố 222
Luận Chân ngụy 223
Luận Khí mạch 223
Luận Kỳ quái 224
Luận Thần tinh 225
Luận Long tinh 226
Luận Huyệt tinh 226
Luận Tàng pháp 227
Luận Ngũ tinh điểm huyệt 228

Quyển 2

LONG KINH

Luận Long 229
Tầm Long 231
Tam thập lục Thuận Hội pháp 233
Luận Chi Cán 233
Luận Trường 234
Luận Xuất hiệp 234
Giáng thế trù hình 235
Hình Thế dị tướng 236
Ly sào nhập lộ 236
Long cách 237

NGHI LONG KINH

Nghi Long trung thiên 241
Nghi Long hạ thiên 242

PHONG THỦY NGHĨA

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 3

CAN LỘ ĐỚM KINH

Long quyết ca 245
Huyệt tình phú 249
Sa quyết ca 250
Quái huyệt phá hoặc ca 252

HÀM LONG KINH

Tổng luận 253
Viên cục 254
1. Tham Lang tinh 255
2. Cự Môn tinh 256
3. Lộc Tồn tinh 257
4. Văn Khúc tinh 259
5. Liêm Trinh tinh 260
6. Vũ Khúc tinh 261
7. Phá Quân tinh 263
8. Tả Phụ tinh 265
9. Hữu Bật tinh 266
10. Cửu tinh biến huyệt 267
11. Cửu tinh cát hung 267

Quyển 4

TÁNG KINH

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Khí cảm - Nhân thế 269
Sinh chi 270
Sơn thế 270
Tứ thế 271
Quý huyệt 271
Hình thế - Thủ loại 272

THANH NANG TỰ

Thanh nang áo ngữ 278

Quyển 5

THIÊN NGỌC KINH

Nội truyện thượng 281
Nội truyện hạ 288

THIÊN NGỌC KỈNH NGOẠI THIÊN

Huyền Không đại quái quyết 291
Phòng phân Thủy pháp 292
Tương Sinh tương Khắc 293
Tương Hình tương Khắc 293
Nhị thập tứ sơn hoàng tuyền 294
Tứ lộ hoàng tuyền 294
Thập nhị chi hoàng tuyền 294
Cửu khốn hoàng tuyền 294
Huyền Văn Quan Thiên đại quái 295
Ngũ Hành thiết cước quan 295
Phụ luận : Thủy pháp xuất nhập sát kiếm Tiểu Huyền Không 296

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 6

PHÁT VI LUẬN

Cương Nhu 299
Động Tĩnh 300
Tụ Tán 300
Hướng Bối 301
Thư Hùng 301
Cương Nhược 301
Thuận Nghịch 302
Sinh Tử 302
Vi Trước 303
Phân Hợp 303
Phù Trầm 304
Thiển Thâm 304
Nhiều Giảm 305
Xu Tị 305
Tái Thành 305
Cảm Ứng 306

CHÂN LONG DANH TỦY KINH

Thạch sơn 309
Loan đầu 309
Ngũ hình Tam cát 310

BẠT SA KINH

Tâm pháp 310
Thủy luận 313
Sơn tổ Nhân tổ 313

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quyển 7

NGỌC XÍCH KINH

Thẩm Thế 315
Thẩm Khí 316
Thẩm Long 317
Thẩm Hướng 318
Tạo Vi phú 320
Thiên Cơ phú 322
Trục cát phú 324

Quyển 8

TUYẾT TÂM PHÚ

Quyển 9

XÍCH ĐÌNH KINH

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 10

HỘI TỎA TINH VI

Giải bày tâm can 362
Hắc Nang Kinh quái liệt 362
Mười yếu quyết chọn đất 363
Hai mươi hai điều Tốt 363
Hai mươi sáu điều E Sợ 363
Huyệt ky 363
Nhập thủ mạch huyệt pháp 364
Ba mươi sáu Kỵ Long 364
Kỵ Long huyệt 365
Luận Huyệt 365
Âm khế Dương phù 365
Sa pháp tổng luận 366
Luận Sa Thủy 367
Long Hổ 368
Long Huyệt Sa Thủy 368
Hình Thế 369
Hình Cục 369
Long, Hiệp, Huyệt mạch 369
Tứ Cục 369
Tứ Hình 370
Lục Cát 370
Tẩn Mẫu (Đực, cái) 370
Luận Minh Đường 370
Luận Triều sơn 372
Triều sơn chứng huyệt 372
Chiên thần chứng huyệt 372
Thập đạo chứng huyệt 372
Triều án 372
Huyệt 373
Tứ thể của huyệt 373
Luận Thủy 373
Vi Hội thủy 374
Cầu Thiềm 374
Kim Ngư thủy 374
Sa cảnh ve (Thiềm Dực Sa) 374
Râu tôm (Hà tu) 374
Mắt cua (Giải nhãn) 375
Chỉ Khí chân quyết 375
Bát Cục tương pháp 375
Tương pháp Chủ Khách 375
Tương pháp Thuận Nghịch 376
Nội Ngoại tương pháp 376
Nhập thủ khán pháp 376
Tương Địa lục pháp 376
Tương Thủy yếu quyết 377
Thủy pháp nghị luận 377
Hình Thế Ngũ thành
Thập bất Tương 377
Tứ bất Hạ 378
Thập Hung 378
Bát Sát 378
Thập Yếu 378
Thập bất Kỵ 379
Mười ba điều E Ngại 379
Tám điều Sợ 379
Tám điều Không Hiểm 379
Sáu điều Hiểm 379
Tứ Chân 379
Tứ Vô 380
Tứ Khí 380
Tứ Thú (bốn con thú) 380
Tứ Hướng 380
Tứ Dục 380
Tam Kiếp 380
Tam Thế 380
Lý Khí 381
Địa kỷ Thiên kỷ 381
Di Hướng pháp 381
Biến Khí 381
Thừa Khí 381

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TỔNG LUẬN

(16 ĐIỀU)

Phong thủy địa lý lấy sinh khí làm chủ, lấy Long Huyệt làm nền tảng, Sa, Thủy làm bổ trợ. Xem phong thủy chính là quan sát sự thuận ứng nghịch phản của sơn và thủy, khí cứng rắn nhu hòa của âm và dương, lý phân ly hội hợp của tụ và tán...

Phong thủy tốt là địa mạch thoạt tiên cao vượt lên, hướng đi của địa mạch hoạt bát như Long, nhấp nhô không ngừng, đứt đoạn rồi lại nối liền. Địa mạch xuất hiện ở giữa, xung quanh có sa trướng trùng trùng. Sa trướng của nó có gần có xa, có nghênh có tống, có triển có hộ vệ. Khi hiệp cốc xuất hiện, chúng đều thu giữ địa khí tựa phong yêu (lưng ong) và hạc tích (gối hạc) vậy, có nơi tạo ra thế cử đỉnh, có chỗ tạo ra hình giáp hộ, nơi giao tiếp của địa mạch không bị đứt đoạn, khi phong xuy đi qua hai bên hiệp cốc thì địa mạch lại tựa như hai bên mạn thuyền song song mà ra. Nơi đỉnh và hai bên của địa mạch sáng sủa lại cùng tương ứng với Tinh thần, tựa hồ sắp có Long, Hổ giáng xuống nơi này. Triều sơn ở xa thì đẹp đẽ muôn hình vạn trạng. Minh Đường rộng rãi bằng phẳng, Thủy khẩu giao kết, uốn lượn bao quanh, bốn phương tám hướng không có nơi nào bị khuyết hãm. Địa mạch hạ lạc kết huyệt ở nơi này, khí Âm Dương phân biệt cùng tiếp, chỗ cao chỗ thấp, lồi lõm rõ ràng, địa hình hai bên như hai cánh tay giang rộng, trên phân ra dưới hợp lại, địa thế tròn và nhọn cùng đối ứng với Thiên quan Địa quỷ. Thủy trong thủy ngoài đều ôm ấp, bao quanh nơi này; sơn trong sơn ngoài cùng quây quần tụ hội. Nơi được như vậy được xem là đại phú đại quý của phong thủy vậy.

LUẬN LONG

Long trong phong thủy địa lý có cán có chi, có chi trong cán, lại có cán trong chi. Vì vậy các nhà địa lý khi đàm luận đến Long thường nói là "tìm cán", song họ lại không biết Long của chủ cán vốn không kết huyệt, mà phải biến thành phân chi mới có thể kết huyệt, điều này cũng giống như một cây trái chỉ kết quả nơi cành mà không kết quả nơi thân. Để có thể kết huyệt, Long phải tự lột xác hóa già thành trẻ, từ thô cán biến ra thanh chi. Dù Long của chủ cán có kết thành cát địa nơi thành đô cũng cần phải từ trên cao mà giáng xuống bình địa, thông qua thoát thai đổi lốt, tàng ẩn tinh thần, cuối cùng lại do sơn địa mà kết huyệt.

Khi Long của chủ cán sắp phân thành chi, thì cần từ bỏ mọi lầu các điện đường mà lập ra một đường riêng cho mình, cần phải có Thái Tổ sơn, Thiếu Tổ sơn, Phụ Mẫu sơn cùng các Tiểu trướng sơn nổi lên, đây chính là sự xuất hiện của chi Long. Nếu địa mạch của Chi Long phân ra từ Tiểu trướng sơn thì đó là Chính chi của Cán Long; nếu địa mạch của Chi Long phân ra từ góc núi của Tiểu trướng sơn thì đó là Bàng Chi của Cán Long. Chính Chi xuất hiện là Trung Long Chính Huyệt, Bàng Chi xuất hiện là Tòng Long Hộ Triển. Sơn phụ trợ ở hai bên Trung Long nhất định phải cao hơn Trung Long mới có thể coi là giáp tòng. Cũng có khi hai Long

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mạch đồng thời dùng sơn ở hai bên làm phụ trợ, khi hai Long mạch này sắp hình thành cục thế, nhất quyết phải có một Long mạch cao vượt lên, một Long mạch nằm phục xuống, như vậy gọi là Thư Hùng tương ứng. Lại có tình huống Bàng Chi có thể kết huyệt, như vậy cần phải mở ra một cục thế khác, có sơn thủy hộ vệ tùy tòng khác, có như thế mới hình thành được cát địa, nhưng địa lực của nó yếu hơn hẳn so với Chính Chi kết huyệt.

Long trong phong thủy địa lý có hình dáng cao vút, được gọi là Cao Lũng, có trạng thái hành tiến chậm rãi được gọi là Bình Cương, cũng có Long tản lạc trên mặt đất gọi là Bình Chi. Cao Lũng thì nhấp nhô lên xuống, trạng thái hiển lộ rõ ràng; Bình Cương thì nhấp nhô ít, đi một bước dừng một bước; Bình Chi thì nối tiếp liền liền cơ hồ không trông rõ sự lên xuống nhấp nhô. Long thế của Cao Lũng phần lớn hùng tráng, khí thế cương mãnh; Long thế của Bình Cương thì hòa hoãn nhu nhược, không cần có khai trướng xuyên hiệp, chỉ cần có chút nhấp nhô là đủ, để giống với Long thế của Cao Lũng; Long thế của Bình Chi lại vì địa thế tản mác nên hình tích bất minh khó thấy, nhưng nếu quan sát kỹ lưỡng cũng có thể thấy được trạng thái của nó, do vậy trạng thái khai trướng cùng hành tiến của nó cũng tương tự như Cao Lũng, nhưng địa thế thì bất đồng.

Long kết huyệt ở đầu gọi là "Thiếu Long". Cổ ngữ có nói :

> "Sơ Long đều kết huyệt tại ngực".

Long kết huyệt ở eo lưng gọi là "Trung Long". Cổ ngữ nói :

> "Hảo Long đều kết huyệt tại eo lưng, dư chi của nó chính là nơi thành quận vậy".

Long kết huyệt ở đuôi gọi là "Tận Long". Cổ ngữ nói :

> "Địa thế tương ứng, chạy thẳng tới tận cùng của Long kết huyệt, Long, thủy đều đến nơi tận cùng này mới là Long mạch chân chính".

Chương Bối Lai nói :

> "Chân Long nếu đi từ xế bên lật xuống thì gọi là Hoành Long, nếu quay thân mình thì gọi là Hồi Long, kết huyệt ở chỗ cao thì gọi là Phi Long, hạ lạc tại bình dương (biển bằng) thì gọi là Tiềm Long. Thể dáng của Long đều tùy theo hình dạng di chuyển của Long mạch, sự tụ tán của hình thế địa mạo, sự phân hợp của sơn thủy, của âm dương mà quyết định".

Long Cao Lũng, Long Bình Cương thì xuất hiện như bình phong, như màn trướng, khi hành tiến sẽ nhe nanh múa vuốt, tạo nên thanh thế, khi quá hiệp nhất định sẽ có hình dáng tiền nghênh hậu tống, khi sắp nhập thủ nhất định sẽ thắt lại ở yết hầu, dồn tụ chân khí, khi sắp kết huyệt nhất định sẽ tạo sơn cái, sơn đỉnh (đỉnh núi), bên ngoài có thủy lưu theo dòng mà chảy, bên trong có thủy lưu phân giới huyệt vị. Ở nơi kết huyệt, tất có Minh Đường đại cục, tứ phía tất có lan can che chắn, thế mới là Chân Long.

Long tại bình địa (Long Bình Chi) có hình thái khí độ cũng gần giống như Long tại sơn địa, khác nhau chỉ ở chỗ : thần tinh tương ứng trên núi cao có hình thế dựng đứng, còn thần tinh tương ứng dưới bình địa thì có hình thế dàn trải. Phương pháp quan sát Long ở bình địa, chỉ cần tìm hình thế tản mác, khi ẩn khi hiện của nó, lấy thủy lưu hai phía đông tây phân giới làm Long, lấy thước tấc đo lường sự biến hóa cao thấp là được. Đất Thiềm, Biện, Tề, Lỗ... là loại hình bình địa phương Bắc; đất Tô, Tùng, Gia, Hồ... là loại hình bình địa phương Nam. Loại bình địa phương Bắc đa phần do khai khẩn mà mất đi hình thế núi, phải nhận ra mũi, miệng của sơn mới được. Loại bình địa phương Nam, do khai thông thủy đạo làm đứt địa mạch, nên phải truy xét ngược lên nguồn gốc của nó mới được.

Long còn có loại vượt qua sông, xuyên qua ruộng đồng rồi mới nhô lên, tịnh tiến mà kết huyệt, tạo nên đất quý về mặt phong thủy. Sơn thế của Long đến bờ sông thì mất hút, thực ra nó đang vượt qua sông, có đá ngầm nhô đầu lên trong nước, ở bờ sông đối diện sẽ nhô hẳn lên một khối đá, ngoài ra không thấy vết tích đâu nữa. Như thế gọi là Long mạch quá thủy. Còn Long mạch xuyên điền, nghĩa là hai trái núi bị ngăn cách hẳn với nhau, không rõ lai lịch, nhưng trên ruộng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đồng nằm giữa hai trái núi thấy có địa mạch hơi nhô lên như sống trâu, hoặc có khối đá khô nhô lên giữa màu xanh của lúa.

Sở dĩ gọi sơn là Long, vì Long biến hóa khó lường, thần tinh của Long chẳng phải phàm tục, khí thế của Long không chút tầm thường. Sơn lấy sự nhấp nhô lên xuống làm cốt tiết (đốt xương), lấy phân bố làm răng và móng vuốt, lấy đầm nước làm ẩm thực (đồ ăn thức uống), nên gọi sơn là Long. Hiện nay, người chưa biết cán chi của sơn, không thấy tông tích của sơn, thấy một ngọn núi nhô lên, thì gọi nó là Long, thấy chỗ sơn lõm xuống, thì gọi nó là Huyệt. nếu nói vậy, thì mỗi quả núi đều biến thành Long, mỗi chỗ lõm trên núi đều biến thành Huyệt, thế thì Long khác gì con giun đất ! Cho nên không biết Long, làm sao biết Huyệt ? Muốn học phong thủy địa lý, kiến thức nhập môn là phải nhận biết về Long.

LUẬN HUYỆT

Phương pháp quan sát Huyệt là phải hiểu rõ ràng mạch lạc của Long. Long và Huyệt chỉ khác nhau ở chỗ : xem Long thì phải nhìn khởi thế của nó, còn xem Huyệt thì phải thấy rõ chỗ dừng cuối cùng của nó. Có khi Long mạch vận hành hàng ngàn dặm, hàng trăm dặm lộ trình mới kết huyệt. Có khi vận hành năm, sáu chục dặm vẫn chưa kết huyệt, song có khi mới vận hành một, hai chục dặm đã kết huyệt.

Long mạch kết huyệt tuy dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau, nhưng chỉ cần có dừng, có tụ, có phân có hợp, có tứ phía vây bọc, thì đều sẽ kết huyệt, có điều là huyệt ấy sẽ tạo nên phúc phận lớn hay nhỏ mà thôi.

Phàm sự vận hành của Long mạch khi sắp đến chỗ kết huyệt, sẽ đột nhiên xuất hiện sơn phong tương ứng với thần tinh (tinh tú); giữa các ngọn núi cao ngang nhau, đột nhiên có một ngọn núi nhỏ độc nhất, thì tiểu sơn phong ấy là cao quý. Giữa các ngọn núi thấp ngang nhau, đột nhiên có độc nhất một ngọn núi cao, thì đại sơn phong ấy là tôn quý. Long mạch kết huyệt có dài ngắn, cao thấp cũng cùng một nguyên lý này. Long kết huyệt có hai tình huống : thuận và nghịch với thủy thế vận hành. Thuận Thủy hành Long kết huyệt cần phải nghịch thủy và ngược lại. Cũng có trường hợp Thuận Thủy hành Long lại thuận thủy kết huyệt, trong trường hợp này nơi kết huyệt cần phải có Sa phong và Thủy lưu ôm ấp bao bọc; lại có Nghịch Thủy hành Long mà nghịch thủy kết huyệt thì cần phải có sơn và thủy tản ra ở phía trước.

Phàm nơi Long nhập thủ cao mà sơn lại thấp, sơn ở dưới dựng đứng và dọc ngang tán loạn, chân khí của Long nhất định sẽ tụ ở bên trên, ở giữa có hình tượng của Long Hổ hoặc Oa Kiểm, sơn hai bên cao vút hộ vệ, thủy lưu uốn khúc bao bọc, có như vậy mới có thể kết được Thiên huyệt. Nếu nơi Long nhập thủ thấp mà sơn cao, chân khí của nó nhất định sẽ ngưng tụ ở phía dưới, hai bên có Long Hổ cúi thấp, sơn thủy xung quanh cũng rời rạc, như vậy thì có thể kết làm Địa huyệt. Nếu nơi nhập thủ, sơn không cao cũng không thấp, đường đường chính chính lại phóng khoáng, chân khí của nó ắt sẽ tụ tập ở phần giữa, sơn ở xung quanh đã không tản mác cũng không bao bọc, thủy lưu không chậm cũng không nhanh, như vậy có thể kết làm Nhân huyệt.

Ba loại huyệt này đều do trạng thái của nó mà quyết định. Hoàn toàn không thể có một ngọn núi có thể kết cả ba loại huyệt này - như các nhà địa lý phong thủy hiện nay thường nói.

Thiên huyệt được gọi là Cái, Địa huyệt là Niêm, Nhân huyệt là Chàng. Nếu huyệt kết ở hai bên tả hữu thì gọi là Ỷ. Nếu hai bên là Long sơn dài mà Hổ sơn ngắn, huyệt ắt sẽ kết ở bên tả mà nghênh sang bên hữu và ngược lại. Nếu Long sơn đến trước thì uy thế của Long giảm đi mà uy thế của Hổ được

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tăng thêm và ngược lại; nếu địa mạch ra từ bên phải thì cần phải kết huyệt bên trái. Nếu Long sơn đến từ bên phải, địa mạch ra từ bên phải thì ắt sẽ kết huyệt ở bên trái; nếu địa mạch ra từ bên trái, thì huyệt sẽ kết ở bên phải.

Chính diện của sơn thuận hành mà mặt sau lại nghiêng lệch gấp khúc, thì kết huyệt ở nơi lõm hãm; mặt sau của sơn ngay ngắn mà chính diện lại nghiêng ngả thì kết huyệt ở trên cao. Nếu kết huyệt lệch về bên trái hoặc phải thì loại huyệt này được gọi là Tiên cung; nếu quay về Tổ sơn, Tông sơn mà kết huyệt thì huyệt này được gọi là Hồi Long. Hổ sơn bao bọc Long sơn gọi là Thư Tựu Hùng Huyệt; Long sơn bao bọc Hổ sơn thì gọi là Hùng Tựu Thư Huyệt. Nếu Long mạch ẩn hiện bên tả mà vai tả lại hình thành Phụ Bật thì huyệt có thể dựa vào tả Phụ mà kết; nếu Long giáng lạc ở bên hữu mà Phụ Bật lại hình thành ở vai hữu thì huyệt có thể nương tựa vào Hữu Bật mà kết.

Trong lòng huyệt, địa hình dựng đứng hiểm trở thì bên ngoài sẽ bằng phẳng ngay ngắn; phần phía trên quá cao thì bộ phận bên dưới sẽ ẩn tàng.

Địa mạch nếu uốn lượn ngoằn ngoèo như rắn, thì nên chọn lấy một đoạn để ứng nghiệm. Địa mạch nếu lằng nhằng đan xen như mây song, thì nên chọn chỗ thắt kết mà ẩn tàng. Chỗ "tận kết" của Chính Long nếu bốn bề hội tụ mà không thiên lệch, thì lấy chỗ chung kết của mạch. Chỗ "yêu kết" (kết ở eo lưng) của Quá Long nếu bốn bề thấp mà không lên tục, thì chọn chỗ ẩn phục của mạch. Muốn tìm một huyệt vị tốt, ắt phải ngẩng lên khảo sát trên đầu xem có tú lệ hay không, xem hai bên vai như thế nào, cúi xuống thẩm xét lộ tuyến của địa mạch có đứt đoạn hay không.

Chân khí của địa mạch luân lưu chuyển độ, một sáng một tối, hợp lại ở phía trước huyệt, thì gọi là "Thư Hùng"(1) giao tương chuyển độ". Nếu sự chuyển độ này chỉ có hợp mà không có phân, thì mạch khí đến là giả. nếu sự chuyển độ này chỉ có phân mà không có hợp, thì mạch khí ấy chưa rõ khi nào mới dừng tụ. Do vậy việc kết huyệt tất phải trên ứng với Kim, dưới ứng với Thủy, giữa ứng với Thổ, hai bên tả hữu ứng với Mộc. Nơi ngủ ở chỗ khô ráo, mà lại gần nơi ẩm thấp, ở chỗ của môi như xuất hiện tấm nỉ, thì mới được coi là huyệt vị hoàn mỹ. Vậy chỗ tốt nhất có tam phân tam hợp, chỗ tốt vừa có nhị phân nhị hợp, chỗ kém có nhất phân nhất hợp. Nếu không có sự phân hợp, thì không thể gọi là huyệt vị.

Huyệt vị hình thành ở phía trên có hình dạng Oa (lõm) hoặc Kiểm (như cây kìm), chân khí của nó phát ra ngoài là Dương, giống như cặp vú của nữ hoặc sinh thực khí của nam, chân khí của nó hàm chứa ở bên trong sẽ là Âm. Nhưng ở dạng lõm của huyệt vị phải có chỗ nhô cao lên như dương vật, như thế gọi là Dương lai Âm thụ; ở địa hình nhô lên ắt phải có chỗ lõm xuống, như thế gọi là Âm lai Dương thụ. Địa mạch gấp gấp, huyệt hình thành ắt phải có chỗ hòa hoãn; địa mạch hòa hoãn, huyệt hình thành ắt phải có chỗ gấp gấp. nếu huyệt vị hình thành hoàn toàn là Âm hoặc hoàn toàn là Dương, đơn thuần là Thư hoặc đơn thuần là Hùng, thì không thể thụ thai. Phàm huyệt vị do Âm mạch tạo thành, sẽ có hình dạng trên nhỏ dưới lớn, cửa ra tròn rộng. Phàm huyệt vị do Dương mạch tạo thành, sẽ có hình dạng trên lớn dưới nhỏ, cửa ra tương đối nhọn hẹp. Các huyệt vị ấy đều phải có hình dáng Âm Dương tương hợp thật cụ thể. Tuyệt đối không thể tiến hành khai tạo huyệt vị ở trên đồi trọc hoặc nơi đất hoang dã bằng những phương thức kém văn minh.

Khi tìm huyệt vị ở nơi địa hình bằng phẳng, tất phải quan sát kỹ lưỡng, xem có chỗ nào hơi nhô cao một chút, xem ở hai bên có vết tích thủy lưu (nước chảy) thành rãnh thấp xuống hay không, ở dưới rãnh có hình dạng chiếc kìm hơi nhô cao một chút hay không, cũng tức là tìm loại huyệt vị ở gần chân khí.

(1) Thư - mái, giống cái; Hùng - trống, giống đực.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khi tìm huyệt vị ở nơi có nước, hãy tìm chỗ mặt đất có hai dòng thủy lưu sắp giao hội với nhau hoặc có một dòng chảy vòng xung quanh, tìm lấy một mảnh đất dù chỉ cao lên một thước hoặc một tấc, có thể làm Minh Đường, rồi xem có sa phong hộ vệ và thủy lưu phân giới địa mạch hay chăng, cũng tức là tìm huyệt vị ở gần thủy. Ruộng đồng bằng phẳng thật ra có độ chênh, mảnh này thấp hơn mảnh khác một chút, cứ thế thấp dần, nếu đặt một chiếc bè trúc, nước sẽ đưa chiếc bè trôi dần tới chỗ kết huyệt, bởi ruộng ở phía trước sẽ như những chiếc răng trâu mới mọc. Như thế gọi là huyệt vị Bình Dương. Tóm lại, ở nơi địa mạo bình dương phải kết huyệt ở nơi có khí thế quần tụ, chứ không thể cắm huyệt ở bất cứ chỗ nào vô phân vô hợp, có nhô cao nhưng cô độc hiển lộ. Vậy là phải có nhãn lực, cước lực và suy tính kỹ, mới mong tìm đúng chân huyệt.

LUẬN SA

Sa là loại sơn phong có thể ở trong huyệt nhìn thấy và lấy làm hộ vệ cho huyệt. Người thời cổ dùng Hộ sơn, Tòng sơn, Triều sơn, Tiếp sơn v.v... để gọi Sa, mệnh danh như thế là ngụ ý hấp thụ sự lưu luyến quấn quít của các sơn phong, sự hộ vệ, hộ tòng đặc sắc, kiểu như Thanh Long, Bạch Hổ vậy. Long Hổ có loại từ bản thân huyệt vị sinh ra, có loại từ sơn mạch bên ngoài kéo đến vây bọc. Có khi bên tả có một, bên hữu có hai, hoặc ngược lại. Có khi Long Hổ ở hai bên song song không tụ lại; có khi cùng ôm lấy huyệt vị rồi tụ lại, liền với nhau; có khi một bên dài, một bên ngắn; có khi một bên mạnh một bên yếu; nhưng các tình huống ấy đều ôm ấp, có tình với huyệt thì mới được coi là trợ thủ đắc lực. Sơn có sa phong, giống như người phải có hai tay. Sơn lấy thủy làm thức ăn của mình, nên hai ngọn Long Hổ phải ngược với hướng thủy lưu ở bên ngoài tới thì mới có thức ăn, còn nếu đồng hướng thì chết đói. Nếu thủy lưu chảy từ mé trái tới, thì sa phong ở mé phải cần dài hơn một chút. Nếu thủy chảy từ mé phải tới, thì sa phong ở mé trái cần dài hơn một chút. Nếu huyệt ở bên tả, thì lấy sơn mé bên tả, chờ khi thủy từ mé hữu chảy qua trước mặt, sẽ ngăn chặn lại, như thế gọi là "Âm tỏa dương quan". Nếu huyệt ở bên hữu, thì lấy sơn ở mé bên hữu mà ngăn chặn thủy sau khi nó chảy qua trước mặt, gọi là "Dương tỏa âm quan". Chỉ có triều sơn, triều thủy từ xa lại, thì không cần ngăn chặn, cứ để thuận quan thuận tỏa. Nhưng khi Lão hoành thủy chảy qua Minh Đường, tất phải nghịch quan nghịch tỏa mới là hoàn mỹ.

Có hai loại trực huyệt thủy lưu ở hai bên kèm đến tận cùng, mà bản thân không có Long sơn và Hổ sơn, thì có thể sử dụng sơn bị ngăn cách bởi thủy lưu ở hai bên mà kiềm chế thủy lưu trong huyệt, không cho chảy đi; khi ấy sơn ở hai bên sẽ trở thành Long sơn và Hổ sơn.

Lại có sa tả hữu đơn đề, nghĩa là ở chính huyệt chỉ hé ra một chút, rồi lại ôm ấp ngay phía trước huyệt.

Còn về tình huống Triều sa, Án sa, Tòng sa thì sẽ nói ở mục khác.

LUẬN THỦY

Đặc tính quan trọng nhất của Thủy là khi Long mạch đạt được rồi, thì Thủy mới thành tựu. Thủy là do từ trong lòng sơn sinh ra mà phối hợp với sơn. Thủy làm chân khí trong lòng sơn, giống như người có tinh, huyết, dịch vậy. Thủy làm chân khí bên

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ngoài sơn thì giống như người có bầu rượu, đồ ăn và bầu sữa vậy.

Có loại Đại thủy theo Long mạch từ Tổ sơn chảy đi, đến khi ra khỏi hiệp cốc thì phân lưu, bám sát sự trường đoản của Long mạch mà chảy. Loại thủy này có khi giao hội ở trước huyệt vị, có khi tụ hợp ở xa hoặc ở gần huyệt. Thủy có khi từ trong sơn phân giới huyệt vị chảy ra, có khi từ Thiếu tổ sơn phân lưu ra hai bên, chảy đến bên ngoài Long sơn và Hổ sơn thì tụ hợp lại, gọi là Tiểu thủy. Có khi tụ hợp tại bên trong Long sơn và Hổ sơn, có khi tụ hợp ở đằng trước huyệt như hình chữ Bát. Thủy giao hội có các kiểu Hà Tu (râu tôm), Giải Nhãn (mắt giải), Kim Ngư (cá vàng), Nguyên Thần, đều là từ bên ngoài chảy tới, phần trên hoàn chỉnh mà phần dưới thu lại.

Thủy có loại tương nghịch mà tương phối với Long mạch, có loại tương nghịch mà tương phối với tả hữu sa, có loại tương nghịch mà tương phối với huyệt vị, như vậy gọi là Đắc thủy, cho nên có danh xưng "Trương sơn, thực thủy", hoàn toàn không phải hễ có Thủy là có thể nói Đắc thủy.

Nơi Thủy đến không dễ nhìn thấy ngọn nguồn của nó, nơi Thủy lại khứ cũng không dễ biết hướng của nó chảy tới đâu. Nơi Thủy chảy đến nên có nhập khẩu (cửa vào), nơi Thủy chảy đi nên có tiếp xứ (chỗ tiếp). Thủy chảy đến nên ngoằn ngoèo uốn lượn, Thủy chảy đi nên lưu luyến có tình. Thủy chảy xiết thì phải tạo thành sóng nhiều lớp, Thủy chảy chậm thì dòng chảy phải dài, từ xa. Nếu hai dòng thủy lưu kẹp hai bên mà chảy, một bên lớn, một bên nhỏ, cũng cần một đoạn sáng, một đoạn tối. nếu hai dòng thủy lưu hợp lại rồi chảy xuống, thì cửa ra của nước không thể ở trước hoặc ở chính giữa huyệt. Nếu giới thủy theo Long mạch một bên xa, một bên gần, thì huyệt vị nhất định phải có hai cánh tay dài mà gần mặt huyệt.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN LONG MỸ Ố

Phàm loại đại Long kết xuất địa mạch khi sắp phân câu (câu = kênh rãnh), sẽ có ngũ tinh hội tụ, sơn ở trên câu sẽ xuất hiện 9 tòa sa trướng phù dung, trên Tổ tông sơn có thể nhìn thấy cao lâu bạch ngọc và điện đường hoàng kim đối xứng nhau, có tướng phú quý như phượng hoàng với long sa đồng hành.

+ Long mạch xuất hiện từ trung tâm là Quý Long.

+ Long mạch xuất hiện từ bên cạnh là Phú Long.

+ Long mạch xuất hiện từ nơi tán loạn, không rõ nơi đến nơi dừng, là Bần Tiện Long.

Hai bên Long mạch, trông như hai mái chèo đối xứng, có độ dài như nhau, gọi là Ngô Đồng Chi, là cách đẹp nhất của Chi. Hai mái chèo kia một ở đằng trước, một ở đằng sau, dài ngắn không đều, gọi là Thược Dược Chi, thuộc cách đẹp thứ nhì. Hai mái chèo hai bên, nửa có, nửa không, gọi là Khởi Liễu Chi; một bên có, một bên không, gọi là Dương Liễu Chi, là hạ cách của Chi. Còn một kiểu một bên không có mái chèo, còn mái chèo bên kia mọc ngang ra tua tủa các mấu, thì gọi là Quyển Liêm Điện Chi, thuộc loại Long mạch tối phú quý.

Phần trên của Long mạch có địa mạo giống như mũ miện, thẻ ngà (để vào triều kiến), là tượng trưng đại phú đại quý của võ tướng. Tiểu Long mạch địa mạo có hình thương khố, kho lương thực là triệu chứng của Phú Long; có hình cái mõ của hòa thượng hoặc y phục rách rưới, là triệu chứng của Bần Long. Trên Long mạch xuất hiện tinh phong, hình dạng vuông vức đoan chính, đầy đặn, ngay ngắn, điềm tĩnh, tú mỹ, là triệu chứng hội tụ giàu sang cát lợi; còn nếu nham nhở, vẹo vọ, nhọn hoắt, thô lậu là triệu chứng hung ác.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khí thế hành tiến của Long mạch nếu hoạt bát, nhấp nhô lồn cạp thì là triệu chứng cát lợi; nếu có sát tướng, cương nhọn thì là hung ác. Thân thể và chân tay của Long mạch nếu phân bố ngay ngắn, quy củ là cát lợi; còn chệch choạc, rắm rối là hung ác. Trước sau và hai bên tả hữu Long mạch nếu là nghênh tống, bảo vệ cho nhau là cát lợi; cô đơn khuyết hãm là hung ác.

Long mạch thấp mà có nhiều tiết mục gọi là Sinh, bôn ba tẩu động, khí thế hùng mạnh gọi là Cường, mở to mắt hiên ngang gọi là Thuận, tiết sau lần lượt cao hơn tiết trước gọi là Tiến, dày rậm gọi là Vượng. Các thứ đó đều gọi là phẩm cách hoàn mỹ của Long mạch.

Còn Long mạch mềm yếu, không nhấp nhô gọi là Tử; gày gò, lộ xương thịt gọi là Nhược; có tay ngoặt ra đằng sau gọi là Nghịch; thân thể tiêu điều gãy khúc gọi là Thối (Thoái); trơ trụi nham nhở gọi là Bệnh. Mấy thứ này thuộc loại Long mạch hiểm ác.

LUẬN HUYỆT MỸ Ố

Phàm huyệt vị ở chỗ sắp nhập thủ phải có trên có dưới, cửa ra (xuất khẩu) phải có đón, có thu. Nói có trên có dưới là ngụ ý giống như người ngồi thì phải có bình phong, hoa cái, bảo cái, quan cái. Nói có đón có thu là ngụ ý giống như người ngồi thì phải có giường, có chăn, gối, đệm. Có mấy thứ kể trên mới gọi là quý huyệt, không có thì tuy kết thúc rất hay cũng không được coi là phú quý.

Huyệt vị sắp khởi đỉnh thì sẽ có hình dạng như cây lau (sậy), như chữ Vương ( ), như chữ Công ( ), ba loại này biểu hiện huyệt mạch hoàn mỹ. Phần đầu nhất định phải kết não bộ, phần giữa nhất định phải kết cầu nhiêm (râu ria), phần dưới nhất định phải mở Minh Đường, hai bên phải có bao bọc, tám phía phân minh, phò tá rõ ràng, mới được coi là Chân huyệt. Phía trước huyệt vị ắt phải có Quan, phía sau có Quỷ, hai bên phải có Diệu sơn, Triều sơn, Án sơn đoan chính vuông vức, sa thủy bao bọc dày đặc, mới được coi là Quý huyệt. Nơi kiến lập huyệt vị phải giống như quả đậu lột vỏ, như hoa nở trên đài hoa, quả cây tựa bàn ngọc, rõ ràng như mũi miệng. Loại hình tượng này phải giống như lòng bàn tay khi bàn tay ngửa lên, giống hổ khẩu khi bàn tay úp xuống, tựa trâu mang ách nặng, ngựa bị buộc cương, giống như mang cá, lại tựa mu rùa, như tai voi rủ xuống, như cánh chim vươn lên, như bầu vú cầm thú đang nằm, như bướu lạc đà, như gà đang chọi, như gọng kềm của bò cạp, sáng sủa như cầu vồng, mặt trăng. Mấy nơi này đều tự nhiên thụ huyệt, không nên bằng phẳng như mặt gương, không nên tán loạn như lá cây, không nên rực rỡ như hoa, không nên vừa thẳng vừa nhọn như trúc, không nên cô lập như mũi trâu, không nên phình ra như bụng hổ lô. Nơi huyệt đóng tốt nhất là nơi thoáng đãng mà sáng sủa, kỵ nơi ẩm thấp mà u ám. Đáng sợ nhất là nơi gió thổi qua trước ngực, lùa qua tai, thủy phạm vào chân huyệt, đầu huyệt nước đọng.

Sự chân giả của huyệt vị, đa số là phải tùy vào Thần tinh trên Long mạch. Do vậy Long mạch xuất hiện ở sao Tham Lang mà không biến hóa thì kết Nhũ huyệt; xuất hiện ở sao Cự Môn mà không thay đổi thì kết thành Ngân huyệt; xuất hiện ở sao Vũ Khúc thì kết Oa huyệt; xuất hiện ở sao Lộc Tồn, sao Liêm Trinh thì kết thành huyệt vị Sơ xỉ (răng lược); xuất hiện từ sao Văn Khúc thì kết thành huyệt vị Bình Ba, Ngưỡng Chưởng; xuất hiện từ sao Hữu Bật thì kết thành huyệt vị Bao Đột; xuất hiện từ sao Phá Quân thì kết thành huyệt Qua Nha; xuất hiện từ sao Tả Phụ thì kết thành huyệt vị Yến Sào (tổ yến) hoặc Kê Sào (ổ gà). Do vậy, một thuật sư giỏi về địa lý thấy Long mạch thì có thể biết huyệt vị.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN SA MỸ Ố

Sa thông thường lấy ngay ngắn, uốn lượn vòng vèo làm cát lợi, coi xiêu vẹo, thẳng duỗn làm hung hiểm. Do đó Thanh Long tất phải uyển chuyển khúc chiết, Bạch Hổ tất phải thuần phục. Nhưng mé tả không nên quá nhược, mé hữu không nên quá cường. Thuận thủy lưu mà xuống gọi là Thối Thần; nghịch thủy lưu mà lên gọi là Tiến Thần. Nếu không có Thanh Long, tất Thủy phải từ bên tả chảy đến. Nếu không có Bạch Hổ, tất Thủy phải từ bên hữu chảy đến. Sa phong ở bên trong giống như cánh cung, như dây lưng, như bài ngà, như cây bút, như ngọn roi, như ấn ngọc, như kim ngư, như nha đao. Sa phong ở bên ngoài thì giống như giá bút, bảng hiệu, mành treo, quyển sách mở, lá cờ bay, như ngũ não, song tồn v.v... Các loại vừa kể thuộc phẩm cách quý trọng. Nếu hình dáng như thương khố, bình trà, chuông đồng, búa ngọc, như đụn lúa, như rương hòm, đều là loại phú túc (giàu có). Còn nếu hình dạng như mũi giáo, như tay cụt, đầu ngoẹo, rồi có hình dạng "bát sát" (tám cái sát hại) là hẹp, nhọn, lõm, thẳng, xung, phá, chếch, bay, thì đều là hung ác, phải né tránh.

Sa phong trên bình địa nếu ngay ngắn, chỉnh tề, mỹ lệ như hoa lau, như tiền vàng, như ngà voi, như tấm đệm trải rộng, lồi lõm nhấp nhô đều đặn như trăng lưỡi liềm, như cánh cung giương, như ấn ngọc, đấu vàng, như chữ nhất, như tam tinh, ngũ mai, thất tinh v.v... đều là sa phong đại phú đại quý. Còn giống như mắt ngựa, vây cá, thước gấp, chư đao... thì thuộc loại sa phong bần tiện.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN THỦY MỸ Ố

Phàm Thủy đều lấy dạng giao tỏa, uốn lượn tụ hội làm cát lợi, còn chảy xuyên thẳng như mũi tên, chếch xéo làm hung hiểm. Nếu thủy ở trong huyệt, thì thủy ở tứ phía phải chảy vào trong, chứ không thể để thủy tứ phía chảy ra ngoài. Nếu thủy ở trong Minh Đường, cũng phải mong sao thủy tứ phía chảy dồn vào, chứ không thể để thủy tứ phía chảy loạn đi. Thủy thế bao tròn hướng nội là địa mạo Kim Thành. Thủy thế hình vuông mà hướng nội là địa mạo Thổ Thành. Thủy thế uốn khúc vòng vèo mà chảy vào trong huyệt, là địa mạo Thủy Thành. Cả ba đều là cát lợi. Thủy thế chảy xéo ra ngoài là địa mạo Hỏa Thành. Thủy thế chạy xộc thẳng vào trong Huyệt là Mộc Thành. Hai loại sau là loại thủy hung hiểm, bần tiện.

Có loại thủy thế hướng về phía Chu Tước, ôm lấy Huyền Vũ, Thanh Long và Bạch Hổ, thành cách dưỡng âm, đáo đường, thượng nhai, củng bối, nhân hoài, giác loan, giao tụ, đều là các thủy tượng cát lợi. Còn loại thủy thế xối thẳng vào tim, vào sườn, vào lưng, khoằm lại như răng hổ, thành cách chém đầu, phạt góc, phản cung, đuôi én, hoặc thành hình chữ Bát, chữ Xuyên, chữ thất v.v... đều là thủy tượng hung hiểm.

Phàm có sơn có thủy, thì sơn với thủy phải tương xứng, đặc biệt thủy không thể thắng sơn. Huyệt vị có sơn thế hùng hậu mà có thủy mênh mang từ xa tràn dâng đến phần đầu huyệt vị, thì đó là huyệt vị cát lợi. Huyệt vị có sơn thế yếu ớt mà thủy mênh mông tràn thẳng tới chính diện thì đó là huyệt vị hung ác.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN CHÂN NGỤY (THẬT GIẢ)

Long và Huyệt vốn chỉ có chân, chứ không có ngụy, nhưng vì người ta không biết phân biệt Long mạch và Huyệt vị, nên mới nói là Long, Huyệt có chân có ngụy. Giống như Hoàng Kim và Bạch Ngọc chỉ có thật, không có giả, nhưng người không am hiểu dễ bị lầm lẫn với đồng và đá, nên mới có cách nói giả vàng, giả ngọc.

Phàm có Long mạch chân chính xuất hiện, thì nhất định sẽ có hợp lũng (ôm ấp), có khai bích (mở vòng tay), có khởi phục (lên xuống), có hộ tống, từ xa đến gọi là đại thủy bám sát Long mạch, từ gần đến gọi là có tiểu thủy phân giới Long mạch, những thứ này đều tương đối dễ nhận. Chỉ cần kết chân huyệt, thì nhất định sẽ xuất hiện hình dạng chữ Cá ( ). Long mạch mọc nhánh tua tủa dưới chân, hai bên có cánh như cánh ve, có thủy ẩn nấp (vì cành lá che lấp), mấy loại này cũng tương đối dễ nhận.

Nay có những phong thủy sư chưa biết về quan hệ chính, phụ, chưa biết phân biệt thân mình với chân tay, là hộ tòng hay quý kiếp, là nguyên đầu hay thủy vĩ, vừa thấy một ngọn núi, bất luận có phân giới hay bảo hộ hay không, đã bảo đó là Long, chưa hiểu rõ mạch lạc, huyệt tình, là thốn dịch hay tiễn hiệp, là thoát sát hay quan diệu, vừa nhìn thấy mỏm đất nhô cao, hai bên có sa trướng thoai thoải, chẳng nghĩ xem có biến hóa âm dương hay không, đã bảo đó là Huyệt. Cho nên ngụy Long, ngụy Huyệt toàn là do người ta vì mơ hồ mà nghĩ ra, chứ không phải trời đất cố ý tạo ra để mê hoặc con người. Có người thấy nói ngày xưa có giả Long, giả Sa, liền tưởng rằng trời sinh ra Long, Huyệt chân ngụy để người đời phải biết phân biệt. Ngay như trong sách họ Từ cũng viết :

> "Giả Long cũng có tổ tông, khai trướng, cũng có tinh phong, tú mỹ, cũng có hộ tống, khởi phục, cũng có quá hiệp thúc mạch, cũng có hình dáng uốn lượn khả ái; khi nhập thủ cũng có hạ thủ, cũng có Minh Đường, Long Hổ, cũng có kỳ phong la liệt, khiến nhiều vị không thấu hiểu đem mai láng người chết ở đó".

Kỳ thực họ không biết Long mạch đẹp có đạo lý kết huyệt của nó. Huyệt vị cát lợi là bí mật của Thiên Địa, chỉ dành cho người có phúc.

Như đã nói, Long không có chân giả, chỉ có chính phụ, đúng sai, đẹp xấu (mỹ ố). Chỉ có chính Long và phụ Long, phụ không thể biến thành chính. Dù ở giữa có chỗ kết huyệt, lực lượng cũng không thể so với chủ huyệt. Thấy chỗ chân tay tách ra, ó người tưởng lầm là Long, là Huyệt, đều là nhầm lẫn. Chỉ có Long, Huyệt mỹ ố mà thôi.

LUẬN KHÍ MẠCH

Khí thông qua Mạch mà vận hành. Mạch thì ẩn tàng trong đất. Khí và mạch không tách rời nhau, chỉ có điều là Mạch thì hiển lộ tương đối rõ, còn Khí thì ẩn khuất hơn. Khí vận hành trong đất, tràn bốc lên trên, sự vận hành của Khí là tùy theo hình thế, mà sự ngưng tụ của Khí cũng tùy theo hình thế. Khí vận hành thông suốt là Sinh, mà tắc nghẽn lại là Tử. Khí thừa gió mà tản mát, mà gió thì tùy Thủy mà tới, nên Khí thừa phong mà tán, mà khi gặp thủy phân giới thì ngưng lại, bởi vì Khí là mẹ của Thủy, nên dùng Thủy mà ngăn thì Khí dừng. Sơn là nội khí, nhất định phải xúc kết ôn hòa, ẩm thấp để tinh khí ngưng tụ, không phân tán. Thủy là ngoại khí, nhất định phải ôm ấp vây bọc, để tinh khí ngưng tụ, không vận hành. Do đó nói ngoại khí dùng để tụ tập nội khí; phân giới huyệt mạch cũng dùng thủy. Phân giới Long mạch cũng dùng thủy, nên nói còn dùng thủy để phân giới mạch. Mạch chia ra ba loại, tùy theo vị trí, gọi là Long mạch, Hiệp mạch và Huyệt mạch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mạch có ba hình dạng : Mạch khởi phục là tùy theo tinh phong cao thấp mà vận hành, biên độ lớn thì ở dưới thấp, biên độ nhỏ thì ở trên cao. Mạch tiên đới là loại uốn lượn khúc khuỷu từ trên tinh phong bay xuống dưới thấp. Mạch bình thụ là loại ở dưới đất bằng chỉ hơi nhô lên một tấm đệm. Mạch khởi phục thì khí tương đối dồn dập, mạch tiên đới thì khí tương đối hòa hoãn, còn mạch bình thụ thì khí tương đối tản mát.

Khí mạch ở sơn lũng lấy hoạt động làm Sinh, lấy cương trực làm Tử, lấy ẩn hiện thấp thoáng làm Chính hình, lấy thô trọc làm Vô tình. Khí mạch ở bình địa sẽ thuộc loại thượng đẳng, nếu vận hành trên mặt đất như một đường màu xám, như rắn trườn trong cỏ chỉ thấy có lưng.

Nhìn chung thì việc quan sát khí mạch của địa lý phong thủy cũng không khác gì việc quan sát khí mạch con người trong Đông y. Người nhất định phải có khí mới có mạch, có mạch thì mới có khí. Đông y thông qua việc chẩn mạch mà xác định khí thịnh hay suy. Phong thủy sư thông qua việc quan sát địa mạch mà kiểm chứng có khí hay không.

LUẬN KỲ QUÁI

Huyệt vị vốn chỉ có hình thái thông thường, không hề kỳ quái, song người ta nghiên cứu không sâu, hiểu biết còn ít, nên cho là kỳ quái. Huyệt vị cát lợi, mỹ hảo là do trời đất tạo nên và ẩn tàng để dành cho người có phúc, chứ đâu có hiển lộ rõ ràng. Mức độ ẩn tàng hay hiển lộ rất khác nhau, người đời phải tìm hiểu mà sử dụng cái hay hoặc né tránh cái dở.

Có khi từ bên ngoài nhìn, thấy chếch nghiêng, nhưng từ bên trong nhìn lại rất chỉnh tề. Có khi từ bên ngoài nhìn thấy trực lộ bức bách, nhưng từ bên trong nhìn lại thấy rộng rãi dễ thở. Có khi từ xa nhìn chẳng thấy hình dạng gì mà ở gần nhìn lại thấy có dấu tích rõ ràng. Có khi nhìn qua thấy mơ hồ, mà nhìn kỹ lại thấy minh bạch. Tuy huyệt vị ẩn tàng kín đáo, chỉ hơi thấp thoáng, nhưng hình thế, cách cục lại đâu ra đấy, giống như một người tuy ngoại hình khuyết hãm nhưng khí chất bên trong lại sung mãn, tinh thần cốt cách khác hẳn người thường.

Nói huyệt như bàn tay úp sấp, phần trên thuần dương mà phần dưới thuần âm, là ngụ ý "Dương lai Âm thụ". Nói huyệt thẳng như cây thương là lạc mạch vừa gấp vừa thẳng, sa, thủy thẳng băng, thì bên ngoài phải có sự bao bọc. Nói huyệt lâm thủy tế, là xoay mình triều thủy mà kết huyệt, thân thể không có bao bọc mà từ bên ngoài thu hồi thế hồi cố (nhìn lại). Nói huyệt tại bình dương, là huyệt vị ở nơi đất bằng dùng sự phân hợp của thủy thành Long mà không dùng đến chỗ cao. Nói huyệt tại ruộng sâu (thâm điền), là ngụ ý chỉ hơi lộ tông tích sống lưng ở dưới ruộng. Nói bằng phẳng như da trâu, là bốn góc dài mà nhọn tượng Hỏa; ở giữa tượng Thổ, có thể kết thành huyệt vị bình địa. Nói kỵ Long Trảm Quan, tức là đem khí mạch chia cắt thành các đoạn mà không đứt hẳn. Nói khí thừa bốc lên, miệng huyệt thẳng dài, là ngụ ý câu nói của Dương công : "Thiên kiếp làm địa huyệt, Địa kiếp trước huyệt nguyên có miệng". Nói cao trên đỉnh núi là ngụ ý câu nói của Trương công : "Thiên Xảo sơn đỉnh phân Long Hổ". Nói huyệt tọa không, là ngụ ý câu nói của Liêu công : "Tọa không chuyển diện khứ Trương Hồ". Nói miệng huyệt thẳng dài, là ngụ ý câu nói của Lỗ công : "I luyện Vũ chủy trường cao điểm". Nói Ưng trảo (móng vuốt chim ưng), là trong ngắn lấy dài, là "Lộc Tồn đem lộc làm dị huyệt". Nói Bích đăng (đèn treo tường) là bên trong hiểm trở mà chọn bình dị, là "lạc tại cao sơn giai đăng dạng". Nói Song Long hợp khí, là ngụ ý huyệt vị không hề kỳ quái.

Kỳ quái tuy có rất nhiều danh mục, nhưng gộp lại là muốn nói đến sự tụ hợp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thật sự của Long, Huyệt, Sa, Thủy. Sách vở đều ghi tản mác các thứ huyệt vị vừa kể và luận về chúng, không hề có gì là kỳ quái. Có điều là các thuật sư thông thái khi viết sách lập luận đa phần kín đáo, chẳng nói thẳng ra, khiến các thuật sư đời sau khi đọc cổ thư thấy khó minh bạch. Nghe cổ nhân bảo là kỳ quái, cũng nhắc lại theo, chứ thực ra chẳng hiểu kỳ ở chỗ nào, quái ở chỗ nào, làm cho người ta càng thêm mơ hồ, nghi hoặc. Thái Công trong một trước thuật của mình đã từng viết :

> "Cổ nhân khi luận huyệt, dùng hai chữ kỳ quái, hoàn toàn không ngụ ý là nó kỳ quái, mà chỉ là khi nhận ra chính khí của sơn thủy thì dùng hai chữ ấy để phân biệt với chỗ đất thường mà thôi".

LUẬN THẦN TINH

Phàm Long sơn, Huyệt sơn đều không thể tách rời khỏi Ngũ tinh. Đó là chính thể của chúng. Biến thể của Long sơn gọi là Cửu tinh, gồm : Tham Lang, Cự Môn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật, Lộc Tồn. Biến thể của Huyệt sơn gọi là Cửu diệu, gồm : Thái Dương, Thái Âm, Kim Thủy, Tử Khí, Thiên Tài, Thiên Canh, Cô Diệu, Tảo Đăng, Táo Hỏa.

Chính thể Ngũ tinh phần lớn có tướng tinh chân thực, trong sạch, nhưng đại bộ phận không kết huyệt. Cửu tinh là ngọn núi còn chưa biến hóa mà Long thân đã mất đi sự chân thực, chỉ có thể làm phần đối diện với Hành Long. Cửu diệu là phần đầu tuy đã có chỗ biến hóa, nhưng còn gần với chân thực, cho nên có thể kết huyệt. Chúng ta đã đọc qua mục "Cửu tinh phú" luận về Long, mục "Nhập thức ca" luận về Huyệt vị. Sau đó những người say mê phong thủy chỉ lấy Ngũ tinh đàm luận, mà bỏ qua Cửu tinh, hoặc giả lấy Cửu tinh luận Huyệt vị mà bỏ qua Cửu diệu, sự luận đàm của họ phần nhiều bị lẫn lộn. Mộc trong Cửu diệu họ không nói là Tử Khí, mà lại gọi là Mộc tinh, hoặc chỗ của Mộc tinh họ lại nói thành Tham Lang. Thiên Tài, Tảo Đăng, Táo Hỏa trong Cửu diệu lại bị họ chia thành hai loại chính thể và tà thể, lại bảo Thái Dương là Tả Phụ, Thái Âm là Hữu Bật, Kim Thủy là Vũ Khúc, Phá Quân là Thiên Canh, Lộc Tồn là Cô Diệu, Liêm Trinh là Táo Hỏa, Văn Khúc là Tảo Đăng. Sự lầm lẫn của họ thật quá lớn ! Họ không biết rằng Mộc tinh của chính thể đã biến thành Tham Lang và Tử Khí, thì sao còn gọi là Mộc tinh ? Thiên Tài, Tảo Đăng, Táo Hỏa đã biến thành Cự Môn, Văn Khúc, Liêm Trinh, thì sao còn chia ra chính thể và tà thể ? Thái Dương có thể lấy làm Kim của Vũ Khúc; Tả Phụ ắt là hình thể nhị Mộc; Kim Thủy là hình thể thông khởi của Thủy tinh, mà Vũ Khúc chỉ là hình thể của nhất Kim. Thái Âm là thủy của Kim tinh ở dưới thấp, Hữu Bật là hình thể ổn phục của Bát tinh, hơn nữa thuộc về Thủy. Rồi Phá Quân và Thiên Canh, Lộc Tồn và Cô Diệu, tuy đại loại có hình thể gần giống, nhưng tính chất khác nhau.

Phá Quân, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Thiên Canh, Cô Diệu, Tảo Đăng, Táo Hỏa đều không phải là thể chế cát lợi.

Phá Quân, Lộc Tồn, Liêm Trinh, Văn Khúc chỉ có thể dùng để đàm luận về Long, không thể dùng để đàm luận về Huyệt.

Nếu cứ theo lời các phong thủy sư kém cỏi, thì Ngũ tinh với Cửu tinh chẳng có gì khác nhau, mà Cửu diệu cũng chẳng có Mộc, chỉ có Kim tinh chiếm cứ bốn phía. Rồi thì bảo Thiên Tài, Tảo Đăng, Táo Hỏa có chính thể, mà không biết chính Thổ, chính Thủy, chính Hỏa với Cự Môn, Văn Khúc, Liêm Trinh nên hình thành dạng thể gì.

Thần tinh là nhập môn của khoa địa lý phong thủy, nếu chưa nắm được kiến thức nhập môn, thì làm sao nghiên cứu được chỗ tinh vi !

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN LONG TINH

Phàm Long mạch tuy không tách rời khỏi Ngũ tinh, nhưng rất lưu chuyển, biến động, nên mới nói đến Cửu tinh. Sao Tham Lang là biến hóa của Mộc tinh, hình dạng của nó giống như bài ngà hoặc ngọn măng. Sao Cự Môn là biến hóa của Thổ tinh, hình dạng của nó giống như chiếc ghế và bình phong. Sao Vũ Khúc là biến hóa của Kim tinh, hình dạng của nó giống như cái chuông, chiếc đe. Sao Văn Khúc là biến hóa của Thủy tinh, hình dạng của nó giống như rắn bò, lươn trườn. Sao Lộc Tồn là biến hóa của nhị Thổ tinh, hình dạng của nó giống như trái dưa, cái trống. Sao Liêm Trinh là biến hóa của Hỏa tinh, hình dạng của nó giống như chiếc dù cụp, lưỡi cày. Sao Phá Quân là biến hóa của nhị Kim tinh, hình dạng của nó giống như tấm phản, lá cờ. Sao Tả Phụ là biến hóa của nhị Mộc tinh, hình dạng của nó giống như đầu búa. Sao Hữu Bật là biến hóa của tam Thủy tinh, hình dạng của nó giống như sợi tơ tằm.

Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, ba cát tinh này là tối cát lợi. Tả Phụ, Hữu Bật là ở bậc thứ nhì. Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Phá Quân là bốn hung tinh, nhưng trên Long mạch vẫn không thể thiếu mặt chúng. Sao Liêm Trinh thích hợp cho việc làm Tổ tông sơn, sao Văn Khúc thích hợp cho việc kéo xuống thấp, sao Lộc Tồn thích hợp cho việc chặn bít, sao Phá Quân thích hợp cho việc ngăn chặn.

Còn có thể luận rằng trong Tham Lang có Liêm Trinh, trong Văn Khúc có Hữu Bật, trong Vũ Khúc có Phá Quân, trong Lộc Tồn có Cự Môn, Văn Khúc, Tả Phụ. Còn luận về biến động, thì cả chín sao (Cửu tinh) đều kèm bên Văn Khúc mà vận hành. Nếu luận về sự thể hiện, thì cả chín sao đều xuất hiện kèm theo Lộc Tồn.

Trong Cửu tinh có cát lợi và hung ác xen lẫn nhau, cũng giống như trên đời có quân tử và tiểu nhân ở xen kẽ nhau vậy.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN HUYỆT TINH

Huyệt tinh cũng không tách rời Ngũ tinh, nhưng rất ít có chính thể, mà đa phần là biến thể, do đó mà có danh xưng Cửu diệu. Cao lớn là Thái Dương, thấp bé là Thái Âm, thô thiển là Thiên Canh, đấy là biến thể của Kim tinh. Thông khởi là Kim Thủy, kéo ngang là Tảo Đãng, đấy là biến thể của Thủy tinh. Lõm đầu là Thiên Tài, phù thũng là Cô Diệu, đây là biến thể của Thổ tinh. Mọc (chĩa) cành là Tử Khí, biến thể của Mộc tinh, nghiêng chếch là Táo Hỏa, biến thể của Hỏa tinh.

Năm sao Thái Dương, Thái Âm, Kim Thủy, Tử Khí, Thiên Tài là cát diệu, có thể sử dụng. Còn Thiên Canh, Cô Diệu, Tảo Đãng, Táo Hỏa là hung diệu; chỉ cần xem chân khí của Long mạch có tụ hợp hay không, có chỗ kết huyệt hay không, nếu có thì hãy sử dụng.

Thiên Tài lõm xuống ở giữa, hai đầu nhô lên, gọi là Đảm Oa, một đầu cao, một đầu thấp gọi là Bản Yên; giống như Triển Cáo Thổ, Xuất Sơn Thổ, Bọc Đầu Thổ đều thuộc phạm vi của Thiên Tài.

Tử Khí có ba chi (cành) đều chĩa lên trên thì gọi là Đằng Vân, có ba chi đều chĩa xuống dưới gọi là Thùy Đầu, giống như Giao Chi Mộc, Tam Cước Mộc, Độc Cước Mộc, Chiết Tinh Mộc, Quản Lam Mộc đều thuộc phạm vi của Tử Khí.

Kề Kim, Ngoan Kim đều thuộc phạm vi Thiên Canh.

Trư Tâm, Quy Bối đều thuộc phạm vi Cô Diệu.

Ba Liêm, Tán Võng thuộc phạm vi Tảo Đãng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Vong Trửu, Tháp Địa thuộc phạm vi Táo Hỏa.

Lại có vút lên cao sơn (núi cao) gọi là Hiến Thiên Kim, Thông Thiên Mộc, Lãng Thiên Thủy, Chiếu Thiên Hỏa, Tấu Thiên Thổ, đều là khí đẹp trên thân Long mạch.

Lại có chúi xuống bình địa gọi là Ngọa Tàm Kim, Thủy Bao Kim Phấn Bính Kim, Đảo Địa Mộc, Phù Bài Mộc, Khúc Xích Thủy, Ba Lãng Thủy, Mai Hoa Thủy, Nhập Địa Hỏa, Phủ Thiên Thổ, Kỳ Bình Thổ, Chuyên Giác Thổ, đều là huyệt vị khả dụng.

LUẬN TÁNG PHÁP

Dương công nói :

"Nhận rõ Thần tinh, xem kỹ tổng tích hướng đi, đặc biệt phải ghi nhớ chỗ giao hội. Lấy huyệt tại Minh Đường, phải nhận rõ chỗ tinh vi, thấy rõ Long mạch vận hành, mạch lạc phân minh, mới có thể đoán định. Mạch lạc gấp gáp thì phải chọn nơi hòa hoãn chậm chạp, mạch lạc hòa hoãn chậm chạp thì phải chọn nơi tranh giành ác liệt. Mạch lạc thành cặp thì chọn bên ngắn, mạch lạc đơn nhất thì chọn chỗ thực, mạch lạc chạy ngang thì chọn chỗ thẳng, mạch lạc thẳng dọc thì chọn chỗ khúc khuỷu. Huyệt vị ngay ngắn (chính) thì chọn chỗ giữa, huyệt vị chênh chếch (tà tà) thì chọn ở mép bên. Mạch lạc không thể ly khai quan quách, quan quách không thể ly khai mạch lạc. Chỗ cao không thể lộ trước gió, chỗ thấp không thể để mất mạch lạc. Âm lai thì Dương thụ, Dương lai thì Âm thụ. Khi thuận thế phải lấy nghịch chiều, khi nghịch thế phải lấy thuận chiều. Long và Hổ càng phải xem mạnh hay yếu. Nếu khí từ đỉnh đầu đến, thì nhân tiện mạch hòa hoãn mà chọn lấy từ chính diện. Nếu khí từ tai tiến nhập, thì nhân tiện khí mạch gấp gáp mà chống đỡ. Có 12 loại huyệt vị, phải chiếu theo phép tắc kể trên mà chọn lựa".

Câu này là khái luận về Táng pháp.

Nhìn chung, khi xác định huyệt vị để an táng người chết, chủ yếu phải quan sát khí mạch, xem hòa hoãn hay gấp gáp mà xử lý. Nếu mạch lạc gấp gáp mà địa khí nổi lên ở phía trên, thì chọn nơi hòa hoãn, dùng Diệp táng pháp mà xử lý. Nếu mạch lạc hòa hoãn mà địa khí trầm ở dưới sâu, thì nên chọn nơi gấp gáp, dùng Thôn táng pháp mà xử lý. Mạch lạc gấp gáp mà khí nổi trên mặt đất, thì nên dùng Phù táng pháp. Mạch lạc hòa hoãn mà khí trầm ở dưới đất, thì dùng Trầm táng pháp.

Phàm thế đến như sống kiếm, bàn tay úp, mập mạp, thuộc loại Âm cấp tình. Phàm thế đến như lòng chảo, bàn tay ngửa, gày gò, thuộc loại Dương hoãn tình.

Âm mạch tuy gấp gáp, nếu phân tán, mở rộng, thì cũng tương đối hòa hoãn, nếu thu gọn, thu hẹp, thì cũng tương đối gấp gáp. Khí mạch hòa hãn, thì nên tránh Nhiêm (râu) mà tiếp cận Cầu (bóng) gọi là Thừa Nhai. Khí mạch gấp gáp, thì nên tránh Cầu (bóng) mà tiếp cận Nhiêm (râu), gọi là Thừa Tức. Lại phải quan sát kỹ chỗ Hợp Khâm (khép vạt áo) xem nông hay sâu mà quyết định chôn sâu hay nông. Nếu Hợp Khâm nông mà mai táng sâu, thì chân khí sẽ đi qua phía trên, nếu Hợp Khâm sâu mà mai táng nông, thì chân khí đi qua bên dưới, đều không tốt. Phải làm sao cho chân khí tụ lại.

Khí mạch của Niêm huyệt nông nổi, thì phải đào huyệt nông, lấy đất ở nơi khác mà đem đến đắp mộ cho cao. Khí mạch của Ỷ huyệt tương đối uốn lượn, thì phải đào huyệt chỗ khúc khuỷu, rồi đặt quan tài chìm xuống hai phần ba. Khí mạch của Chàng huyệt tương đối thẳng, thì khi mai táng nên dùng phương pháp gọi là Thốn (nuốt) phóng pháp. Nếu khí mạch xộc đến quá mạnh, thì nên dùng hai cỗ quan tài mà phân cước kẹp khí.

Nói huyệt cao, lộ, hai bên không có gì che chở, thì nên đào loại Kim huyệt, dùng phương pháp mai táng tọa thấp miên cao

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

(trên khô dưới ẩm). Ở nơi đất trũng, thì dùng phương pháp mai táng miên thủy tọa thủy, quan tài ở dạng treo lơ lửng. Huyệt vị Mộc tinh chính thể, thì xem có nếp nhăn hình chữ Bát trên mặt đất hay không, nếu có thì dùng cách chôn nông. Đất ruộng cứ thấp xuống dần, thì dùng táng pháp Đối khởi (đắp gò cao). Huyệt vị Kim tinh, nếu trong Long sơn, Hổ sơn có tiểu chu nhũ khai khẩu, thì nên dùng Thủy khí táng pháp.

Huyệt vị của Kim tinh kém phát triển, thịnh vượng thì nên dùng cách táng nông (thiển táng). Đất của Ngoan Kim mềm lại không có tướng Long, Hổ, không có văn hình, ba lăng, thì cần phải mượn thủy để hoàn thành táng sự, thế gọi là Đả tỉnh táng pháp (táng theo cách đào giếng). Nếu mạch ngay ngắn thì dụng huyệt ở nơi có chỗ lõm, thế gọi là Tàng sát táng pháp (táng theo cách ẩn tàng chết chóc). Nếu miệng của Huyền Võ sơn tương đối dài thì mượn thủy đặt huyệt ở nơi quanh co, thế gọi là Áp sát táng. Thiểm sát táng pháp là kiến lập huyệt ở bên trái hoặc bên phải cục. Nếu mạch gấp gáp thẳng ngay ở giữa, hai bên lại không có nơi thụ tiếp thì lập huyệt vị cách nơi đất bằng phẳng một đoạn, thế gọi là Thoát sát táng pháp. Nếu tình cao mà mạch gấp thì đặt quan tài nằm ngang và lập huyệt ở nơi đất hẹp, thế gọi là Hàm sài táng pháp.

Tóm lại, phải lấy chân Long mạch, thực Huyệt vị, chân khí ngưng tụ, mạch lạc bình ổn làm tiêu chuẩn.

"Táng Kinh" viết :

"Chi táng tại đỉnh núi, Tập táng tại chân núi".

và :

"Năm loại núi không thể hạ táng đó là Đồng Sơn, Đoạn Sơn, Thạch Sơn, Quá Sơn và Độc Sơn".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN NGŨ TINH ĐIỂM HUYỆT

Huyệt của Kim tinh là nơi Oa thấp, Đột cao; huyệt của Mộc tinh là Nha (mầm) cùng Tiết (đốt); huyệt của Thủy tinh là Đột (trồi lên) và Khúc (quanh co); huyệt của Thổ tinh là gò cao và góc cạnh (Khâu, Giác); huyệt của Hỏa tinh là Động và Cước.

Huyệt vị của Kim tinh lấy Thủy tinh và Thổ tinh làm tương hợp; Mộc tinh lấy Thủy tinh và Hỏa tinh làm tương hợp... Thủy tinh, Thổ tinh, Hỏa tinh đều theo Ngũ hành tương sinh mà lấy huyệt vị tương hợp. Ngoại trừ Hỏa tinh không thể kết huyệt, vì tính Hỏa mãnh liệt, không thể dung nạp vật khác. Thái Dương Kim huyệt thông thường đều ở nơi Trung Đình, Thái Âm Kim huyệt ở nơi Nguyệt Giác. Hai loại huyệt Kim và Thủy đều ở nơi Lưu Châu, Khúc Trì và Tử Khí; Mộc huyệt ở nơi Trung Nhũ, Lưỡng Cước và Thiên Tài; Thổ huyệt thường ở nơi Đãm Oa, Thiên Canh, Cô Diệu; Hỏa huyệt thường ở nơi đầu Trung Lạc có Oa, Kiểm.

Thiên Canh, Cô Diệu, Tảo Đăng, Táo Hỏa tuy không hoàn toàn cát lợi, song cũng có thể lợi dụng đốt đoạn của nó. Cho nên có các phương pháp như Khai Cô Triệt Đăng, Phạm Canh Tiễn Hỏa...

Huyệt vị ở Thượng Đình, Trung Đình, Hạ Đình chỉ có tinh thần (tinh tú) thịnh vượng, bản thân lại có nơi khiếm khuyết, hơn nữa hai vai của Long sơn và Hổ sơn cao thấp đồng đều, thì mới dùng được.

Kim tinh có Chiếu Ảnh huyệt; Mộc tinh có Ngư Bào huyệt, Tiễn Hồng huyệt, Nguyệt Thu Bì huyệt; Thủy tinh có Chiết Điệp huyệt, Thủy Cảnh huyệt; Hỏa tinh có Hốt Vĩ huyệt, Gian Hồng huyệt; Thổ tinh có Lưu Kim huyệt, Chuyên Giác huyệt, Khí Khôi huyệt...

Tất cả các loại huyệt khó thuật ra hết, đành tùy lúc tùy nơi mà định lượng và phối hợp cho hợp lý.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên Phủ
Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

LONG KINH

LUẬN LONG

TẢ ĐÌNH TRỤ

Là Sơn mà không gọi Sơn, lại gọi là Long, chính vì Long có thể lặn xuống vực sâu, bay lên trời cao, thoắt ẩn thoắt hiện, khiến người ta khó đoán được sự biến hóa. Bởi Long là dương tinh thuần túy, nên mới có bản lĩnh như vậy. Hơn nữa, một khi Sơn trầm mình xuống đáy sông đáy biển, hoặc vươn cao tới chín tầng mây, thì cũng chẳng khác biệt gì Long, lại có thể sản sinh mây ngũ sắc, tạo thành mưa gió hệt như Long. Cho nên dùng Long để gọi Sơn có thể nói là tự nhiên xảo diệu phi thường vậy.

Nhưng muốn truy tìm, nghiên cứu sâu vào cốt tiết, khai hợp, mạch sống v.v... của Sơn, thì chỉ bằng lấy thân thể con người làm tỷ dụ càng xác đáng, phù hợp. Có thể dùng chữ Giới ( ) mà so sánh. Chữ "Giới" là chung thủy (đầu và cuối) của Long. Sao lại nói là chung thủy ? Chữ "Cá" ( ) không thể phân ly. Lấy đầu người mà nói, đầu ở hai bên có hai tai, giống như nét phẩy " " và nét mác " " của chữ "Giới". Đỉnh đầu cao gồ lên, xương đầu từ trán chạy xuống mũi, giống như nét sổ " " của chữ "Cá". Trán chia làm hai phần, chạy thẳng xuống hai lưỡng quyền và má, lại là nét phẩy " " và nét mác " " của chữ "Cá". Từ trán xuống thẳng Sơn Căn, chuẩn đầu (mũi) là nét sổ " ", ba yếu tố này lại là chữ "Cá". Đấy là chữ "Cá" của phần Thượng Đình con người.

Đầu người từ xương gáy lại chia ra hai vai, hai tay, là hai nét phẩy " ", và mác " " của chữ "Cá". Phần giữa thân người giống như nét sổ. Nội khí từ đầu người xuống tim, tim ở trung gian, lại thành nét sổ của chữ "Cá". Gan ở bên trái, phổi ở bên phải, là nét phẩy và nét mác, biểu hiện chữ "Cá" của nội tạng người. Đấy là phần Trung Đình của thân người.

Từ eo, thận lại chia thành hai hông, hai đùi, hai chân, là phần Hạ Đình của thân người.

Một chi Sơn cũng giống một thân người. Sơn phong (đỉnh núi) bắt đầu rời Tổ sơn (núi tổ) phân Long mạch, đó là đầu người. Tại địa phương này nhất định sẽ hình thành một chữ "Cá". Từ đây chỉ cần gặp chỗ đoan chính đẹp để kết đỉnh thì phần nhiều hình thành chữ "Cá". Đến chỗ sắp kết huyệt sẽ có hai hoặc ba chữ "Cá" trùng điệp hoặc luồn vào nhau, hoặc bên dưới một chữ "Cá" nữa, trông không trùng điệp, luồn vào nhau, nhưng thực tế là trùng điệp, luồn vào nhau, rất giống chữ "Cá" của thân người. Nét phẩy và nét mác của chữ "Cá" giao hội

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

với nhau, ôm lấy hai, ba huyệt vị ở đằng trước, là cách tuyệt mỹ. Thủy lưu xuất phát từ Tổ sơn, phân chia Long mạch, từ hai bên kẹp Sơn mà đi, tại hai bên chữ "Cá" lại có tiểu thủy lưu từ hai phía tả hữu chảy vào phân Long; đại thủy lưu xuất phát từ Tổ sơn cuối cùng sẽ tụ ở trước Minh Đường. Thủy đến tận cùng thì sơn cũng đến tận cùng. Long Sơn tương đối dài, thì thủy sẽ hợp vào sông dài biển lớn. Long Sơn tương đối ngắn, thì thủy sẽ hợp với suối khe, mương ngòi. Khỏi cần nói Long dài mấy ngàn, mấy trăm dặm, mà nói Long ngắn mười dặm, năm dặm, thì ắt có thủy làm bạn, phân hợp mười dặm, năm dặm. Chỉ cần xem chỗ khởi đầu và hội hợp của thủy, đã có thể biết Long dài hay ngắn. Cũng khỏi cần đi tìm đến đầu nguồn thủy, chỉ cần từ chỗ Long mạch kết thúc, đi ngược lại hai, ba, năm cốt tiết, thấy địa phương nào đầu Long đoan trang đẹp đẽ, có mạch đâm thẳng xuống, thì đó là nét sổ của chữ "Cá", hai bên đỉnh có hai vai, vươn ra là nét phẩy và nét mác của chữ "Cá". Thân người thẳng, nên chữ "Cá" trùng điệp, luồn xuyên vào nhau, tương đối dễ nhận biết. Còn sơn di thì thường chuyển biến, đứt đoạn, nên chữ "Cá" ít trùng điệp hoặc luồn xuyên, khó nhận biết. Ắt ở chỗ khởi đỉnh, đứt đoạn, chuyển biến, phân nhánh, nhìn kỹ sẽ thấy chữ "Cá". Phàm là hướng đi của nét sổ, chính là chính mạch, còn hướng đi của nét phẩy, nét mác thì không phải chính mạch. Bởi thế giống như cành cây ngô đồng, thì từ hai bên đồng thời tách ra mà một mạch chạy thẳng ở giữa, đó là một chữ "Cá", cũng là cách vận hành Long mạch bình thường. Giống như cành thược dược, một chi Long mạch phát xuất từ bên trái của đốt trên, một chi phát xuất từ bên phải của đốt dưới, do đó không thành chữ "Cá".

Khi Long sắp hình thành huyệt vị, nhất định sẽ kết thành yết hầu, thắt lại như lưng ong, rồi mới lại nhô lên. Điều này cũng giống cổ họng của con người, khí hô hấp từ đây. Điều tối quan trọng là tìm đến chữ "Cá" để nhận ra phần đầu, tìm đến yết hầu, nơi hấp thụ chân khí. Tìm được đầu sẽ có thể biết đường vào của khí, tìm được yết hầu sẽ có thể biết sự tiềm phục của khí. Đã tìm thấy đầu và yết hầu, thì tìm tim ở gần đó. Vì tim là huyệt vị, là chữ "Cá" trong nội tạng, nên điều này đã quá rõ. Tìm được huyệt vị mấu chốt là phải biết Long mạch. Long mạch có khi kết huyệt tại eo, có khi kết huyệt tại nơi tận cùng. Long kết huyệt ở nơi tận cùng thì lấy sơn ở mặt ngoài để sử dụng, nên không bằng Long kết huyệt tại eo lưng vì Long này lấy ngay bản thân của chi sơn để sử dụng.

Một chi sơn giống một cây ăn trái. Thủy lưu chảy qua ba trăm dặm là thủy lưu phân hợp chính quả. Thủy lưu chảy qua hơn trăm dặm là một phân hợp thủy đại phân chi (cành lớn). Trên một đại phân chi lại có phân hợp tiểu thủy chi (cành nhỏ), lại có phân hợp thủy đóa hoa. Do đó nhận biết Long mạch thông qua nhận biết thủy lưu. Long mạch của bình địa với Long mạch của cao sơn cũng không khác nhau là mấy về phương diện cốt tiết, khai hợp, mạch sống, luồn xuyên, cùng có hai bên phân hợp, thủy lưu vận hành tùy theo Long, chỉ khác nhau về tinh nết. Ngũ tinh của cao sơn thì đứng thẳng, còn Ngũ tinh của bình địa thì nằm ngang. Về phần phân chi, kết eo, khai trướng, xuất mạch, thuận nghịch, nghênh tống v.v... đều không có gì khác nhau.

Nếu muốn tìm phương pháp cắm huyệt vị, chỉ cần quan sát kỹ phần đỉnh hơi nhô lên, thẩm định phần mặt hơi gồ, xem hai bên có vết tích của thủy thấp đôi chút, phía ngoài thủy lưu có kiềm cục (thế kẹp) hơi nhô cao, như thế dựa vào chân khí đã tìm đến huyệt vị.

Tìm cẩn thận trên mặt đất hai nhánh thủy lưu sắp giao hội, thấy một nhánh quanh co vòng vào phía trong, thấy chỗ nổi cao dù chỉ một thước mà đoán định cao sơn, chỉ thông qua Ngũ tinh mà kiểm chứng hình dạng nằm ngang, vậy là dựa vào thủy lưu đã tìm đến huyệt vị. Đất đai ở phương Bắc trải qua nhiều lần khai khẩn đa phần mất đi hình dạng cao sơn, cần thẩm xét miệng, mũi mà đoán định. Đất đai phương Nam trải qua nhiều đợt làm thủy lợi, đa phần bị đứt địa mạch, nên cần tìm kỹ lại đầu nguồn thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chỗ hồi Long cố tổ (Long quay về thăm Tổ sơn) vì có hướng nghịch, song cũng phân thành mấy loại. Cố tổ kết huyệt tại eo lưng thì không bằng cố tổ kết huyệt ở nơi tận cùng. Có hồi cố Thủy tổ sơn, có hồi cố Thái tổ sơn, có hồi cố Thiếu tổ sơn, có hồi cố Phụ mẫu sơn, song hồi cố nơi gần không bằng hồi cố nơi xa, lực lượng càng mạnh, quy mô càng rộng.

Ly khai Tổ sơn nghịch hướng đã quá xa rồi, quay đầu trở lại vài dặm hoặc vài chục dặm mà triều hướng Tổ sơn, thì đây là cách hồi Long thượng đẳng. Nghịch hướng gần, sơn, thủy thuận hành, khi đến chỗ kết huyệt mới quay mình hồi cố là đã thành công. Điều chủ yếu là sa phong hộ vệ đan chéo sau lưng, triều thủy trước nơi kết huyệt uốn lượn bao bọc lấy sơn phong ở đằng sau huyệt vị, đấy gọi là "Thủy triền Huyền Vũ", mới là thích hợp nhất.

TẦM LONG

ĐỒNG ĐỨC CHƯƠNG

Ngẩng đầu lên quan sát bốn bề tinh tú, cúi xuống phải quan sát Long mạch tám phương. Bốn bề ngụ ý sao Tử Vi ở phương Bắc, sao Thiên Thị ở phương Đông, sao Thiếu Vi ở phương Nam, sao Thái Vi ở phương Tây. Long mạch tám phương ngụ ý lấy bốn xứ Càn, Khôn, Khảm, Ly tại phương hướng Tiên Thiên tứ chính làm Dương Long, lấy bốn xứ Chấn, Tốn, Cấn, Đoài tại phương hướng Tiên Thiên tứ ngung làm Âm Long. Phàm đối với Long, coi Âm là quý mà coi Dương là tiện, bởi vì Dương là ở trên trời.

Lại có thuyết nói : Dùng nhãn giới của mình mà quan sát cho kỹ, dùng tính tình của mình mà nhận chân sẽ biết. Phàm đến một làng một bản nào đó, chợt thấy có một ngọn núi nhỏ đơn độc nhô lên, xung quanh đẹp đẽ, lập tức biết đấy là chân Long (Long thật sự). Chỗ vận hành của nó nhất định sẽ hình thành đại địa (đất lớn). Đó cũng là điều Dương công đã nói :

> "Trên núi xuất hiện cảnh tượng kỳ dị thì không phải là tùy tiện hiện ra đâu, hãy tìm kỹ chân Long (Long thật sự) và địa thế tương nghênh ở hai bên tả hữu".

Phàm khi tìm chân Long, trước hết phải xác định rõ đầu, mình, sau đến cán, chi, có thai có con, Triền, Giáp, Hộ vệ sơn chạy thẳng đến đầu, sau đó dùng La Kinh mà định lượng, xem ngôi sao nào ở trên trời chủ chiếu xuống đất này, viên cục ở đây được hình thành như thế nào, hình thế có toàn vẹn hay không. Tức là xem cục thế lớn nhỏ, tốt xấu, chứ không nên tùy tiện chỉ trỏ sơn cước (chân núi) mà tìm Long, không chỉ trỏ lung tung một chỗ nào đó làm huyệt vị, nghĩa là chưa thấy gốc đã tìm ngọn. Cho nên "Kinh Thư" có viết :

> "Tinh tú trên trời và hình thế dưới đất, trên dưới hỗ tương với nhau, phong thủy bảo địa (đất quý) tự nhiên sẽ hình thành".

Lại viết :

> "Dương đức sẽ hình thành từ hình tượng của ta, âm đức sẽ hình thành từ vị trí của ta".

Cũng là ngụ ý tinh tú trên trời và hình thế dưới đất tương phối với nhau. Thuật sư nghiên cứu phong thủy nhất thiết phải tiến hành tính toán từ điểm này, thì cách tìm Long mạch ắt sẽ sáng tỏ.

Có thuyết nói về đất Thiếu Long, là nơi tinh phong vừa mới hình thành. Lại nói về đất Trung Long, là nơi dịch mã dừng chân. Lại thêm đất Tận Long, là chỉ nơi giao kiếm hội lưu, sơn và thủy đều đến chỗ tận cùng. Đất Thiếu Long và Trung Long đều có thể cấm huyệt vị mà không cần phải câu thúc gì hết. Nơi tận cùng của Long mạch chính

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là huyệt. Ẩn tàng xa mã, có thể là đại phú đại quý, an toàn vô bệnh, đa phần là cấm huyệt tại đất Thiếu Long và Trung Long.

"Minh Sơn Bảo Giám" chia Long ra làm 12 loại, là Sinh Long, Phúc Long, Ứng Long, Ấp Long, Uổng Long, Sát Long, Quỷ Long, Kiếp Long, Du Long, Bệnh Long, Tuyệt Long, Tử Long. Các tên gọi này căn cứ vào sự tụ hợp hoặc phân tán của chân khí mà gọi. Như Sinh Long, Phúc Long, Ứng Long, Ấp Long là bốn loại mà chân khí tụ hợp. Uổng Long, Sát Long, Kiếp Long, Quỷ Long, Du Long, Bệnh Long, Tử Long, Tuyệt Long là tám (8) loại mà chân khí phân tán. Khí thế giáng lạc (đi xuống) của Long theo kiểu chân khí tụ hợp thì trải dài, lên xuống nhiều lần, còn khí thế giáng lạc của Long theo kiểu chân khí phân tán, thì đoản thúc (ngắn, gấp), ít lần lên xuống. Có loại thậm chí lên rồi khó xuống, xuống rồi lại khó lên. Loại này ít gặp.

+ Long mạch xuất phát từ tổ tông sơn, đường đột như con rắn lướt trên mặt nước, như chim gõ kiến bay lên trời, khi giáng lạc mọc thêm chân tay, Long mạch ở chỗ nhập thủ thì đoạn chính ngay ngắn, hoành lâu trùng trùng, gọi là Sinh Long.

+ Long mạch mà chân tay ngắn, trên thân có hoành án, hai bên hình dáng như có cánh, gọi là Phúc Long.

+ Long mạch không có hoành án, nhưng hai bên ôm vòng trở lại, gọi là Ứng Long.

+ Long mạch ôm vòng trở lại nhiều lần, trùng điệp, hình dáng như thi lễ với nhau, gọi là Ấp Long.

Bốn loại Long mạch trên tạo nên địa hình cát lợi.

Long mạch có hình thế thôi thúc gấp rút, hiểm ác, không chỉnh tề, không có ý tiếp thụ, gọi là Uổng Long. Tả hữu hai bên nhọn hoắt, sắc cạnh gọi là Sát Long. Phân chi chia cắt mạch gọi là Quỷ Long. Chia ra nhiều cánh tay gọi là Kiếp Long. Lưu ly tán loạn là Du Long. Hoàn toàn không lên xuống, không lưu chuyển biến động là Bệnh Long. Phá toái là Tử Long. Cô đơn vô lực là Tuyệt Long. tám loại Long mạch vừa kể tạo thành địa hình hiểm ác, hung địa.

Ở chỗ Sinh Long thì con cháu trường thọ. Ở chỗ Phúc Long, con cháu phú quý. Ở chỗ Ứng Long, con cháu trung hiếu. Ở Ấp Long, con cháu lễ độ, nhường nhịn. Ở chỗ Uổng Long, con cháu tà ác. Ở chỗ Sát Long, con cháu bị trùng độc, thú dữ làm hại. Ở chỗ Quỷ Long, con cháu sẽ gặp tai họa chết chóc. Ở chỗ Du Long, con cháu dâm loạn, tứ tán. Ở chỗ Bệnh Long, con cháu quanh năm bệnh tật và sinh đẻ khó. Ở chỗ Tử Long, con cháu tử thương không dứt. Ở chỗ Tuyệt Long, con cháu tuyệt tự.

Mười hai loại Long mạch chủ cát hung như vậy, có ảnh hưởng, báo ứng và linh nghiệm, cho nên khi mai táng người chết, không thể không lựa chọn nơi cấm huyệt.

Phương pháp chọn, lấy Sơn (thủ sơn) phải dựa trên hậu tích căn bản. Nói căn bản tức là ngụ ý các danh sơn là Tổ tông sơn và Phụ mẫu sơn.

Xa xa thấy một ngọn núi lớn cao vút tầng mây, dưới sơn cước hình thành dáng Long nhấp nhô phát mạch chạy ra xa, có khi hình thành dáng hổ bộ đại đột tiểu khởi, có khi hình thành dáng phượng hoàng vỗ cánh, có khi hình thành bình địa tản mát như tấm chăn chiên, có khi hình thành dạng chuỗi ngọc, có khi thành hình dạng tòa nhà lầu nguy nga, thôi thì đủ hàng ngàn lý do để quy về một điểm nào đó, nên mới có thể đàm luận về những điều liên quan đến phong thủy địa lý.

Một dãy núi dài có chính Long làm chủ tể. Suy từ Long này ra có thể thông hiểu kết quả, thành tựu, sẽ có chính thụ. Có khi một dặm kết huyệt, có khi mười dặm kết huyệt, có khi trăm dặm kết huyệt. Khí thế lớn thì hình thành kinh đô, đô thị. Khí thế nhỏ thì hình thành phủ, trấn. Hình thế của Long khởi phục (lên xuống) nhấp nhô, vòng đi lượn lại, tương sinh tựu tử, thủy lưu Huyền Vũ thì gọi là Sinh Vượng. Vượng là tiết, được xem là tối hảo. Hình thế mạch đá tương giao mà

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nổi lên một Long mạch tổ tông khác, gọi là Băng Hồng, Hồng là tiết được xem là tối linh dị. Nếu có một chỗ chi tiết đứt đoạn, không tùy theo tứ tượng mà phân tán, thì gọi là chi tiết Tử Tuyệt. Cũng khỏi cần đi quan sát, chỉ cần tìm ở chỗ chân khí đứt đoạn, cái gọi là chính Long, chính thụ; hoặc giả là đất lớn, hoặc giả là đất nhỏ, tùy lực của Long khinh hay trọng mà tìm chỗ tuyệt khí của nó. Các tình huống cửu không tứ khoáng, sơn thủy giao hại, âm dương thác loạn, thì trở ngược lại gốc mà tìm chỗ vượng khí sắp bị tuyệt nhưng chưa tuyệt, quay nhìn tổ tông triều nghênh tùy hộ, không nhờ đến sơn thủy nào khác bảo vệ xung quanh và thần sát che giấu, nơi Long hồi cố (quay nhìn lại) Tổ sơn, thì gia chủ sẽ được tiền phú hậu quý.

TAM THẬP LỤC THUẬN HỘI PHÁP

Thôn trang và đô thị có cư dân đông đúc, phần lớn nằm ở địa phương dừng nghỉ của Long mạch. Đàn tế thần linh và miếu mạo đa phần nằm ở nơi cùng tuyệt hung sát. Anh linh thần tiên và thánh tích Phật giáo phần lớn nằm trên các ngọn danh sơn. Quận, trấn náo nhiệt đa phần nằm tại địa phương quần Long tụ hội. Kinh đô có thể là nơi vạn thủy thiên (ngàn) sơn triều hội tôn kính thần linh. Chỗ ấy là chính giữa thiên địa, hấp thụ chính khí âm dương biến hóa và Ngũ hành tương phối cũng là Bát quái hiệp trợ. Tuy có vận hưng thịnh và suy vong, nhân khẩu đông đúc và tiêu giảm khác nhau, nhưng vẫn đóng vai trò đó liên miên bất tận. Do vậy, nơi quần Long tương hội nếu nhỏ thì ắt là quận, trấn, nếu lớn ắt là đô thành, nhất định đều có phép tắc chứ không thể tùy ý cải biến.

Long mạch từ các nơi chạy đến, như sợi dây, như con rắn, con lươn, qua sông ngăn cách lại nhô lên, hoặc biến hóa có hình, hoặc tiềm ẩn vô hình. Số quần Long tụ hợp dưới con số 36, nhưng trên con số 30, thì là quận, trấn đông mấy vạn dân, tài sản dư dả, các anh hào chí sĩ danh thần đều cư trú ở nơi này. Nếu số quần Long tụ hợp từ trên số 20 đến 30, thì hợp nên thị trấn, huyện thành. Nếu quần Long tụ hợp từ 6, 7 con đến con số 10, thì tạo nên thôn trang, dân cư cũng đông đúc, tiền tài dư dả. Còn số quần Long tụ hợp ít hơn, thì tùy sự chuyển động của trời đất mà có khi hưng thịnh, có khi phế lụi. Cho nên khảo sát lịch sử đời trước, thấy có cải quận thành ấp, cải ấp thành quận đều là vì lẽ đó. Hung cát, thịnh suy, không phải do sức người quyết định, mà do trời đất tự nhiên định mệnh. Người phàm tục há có thể biết. Phải là bậc đạo sĩ có nhãn quang đặc biệt mới nhận thức nổi.

LUẬN CHI CÁN

Long có Chi trong Cán, mạch có Cán trong Chi. Cán Long là từ trên đỉnh tổ sơn mà đi xuống, sơn cũng giống như đỉnh đầu và sống mũi người. Cư ở trung ương mà tiến về phía trước, phân chi thì giống như chân tay ở hai bên, từ hai bên hộ tống, hai dòng thủy lưu cứ kèm đến tận cùng thành Cán. Lực lượng kết địa của nó nặng nề dị thường. Chi là bàng phân của Cán, một bên nhẹ một bên nặng, thì lấy thủy lưu một bên làm Chi, lực lượng kết địa của nó tương đối nhẹ.

Thế nào là Chi trong Cán ? Là thủy lưu lớn chỉ thu nhận thủy lưu một bên, lúc phân lúc hợp, đến chỗ quá mạch tạo nên một sa trường, bên dưới sa trường, thủy lưu với sơn giới cũng nằm ngang trước huyệt vị, mà sa trường ở hai bên đều hộ vệ thủy lưu tiến vào cục thế, giao hội tại trước huyệt vị, giống như ngón tay giữa trên bàn tay con người, là Chi ở trong Cán. Chính Cán giống như ruột của gốc cây, chi cán thì giống như ruột của cành cây. Hai đại lưu thủy của đại Cán đều tụ hợp ở chỗ tận cùng. Tình huống hội tụ chúng sa và chúng thủy gọi là đại tụ. Chi trong Chi thì giống như trên một bàn tay có ngón lớn, ngón nhỏ. Lực lượng của nó yếu nhất, phát mạch cũng không lâu bền. Thủy lưu một bên tiến đến trước Minh Đường, là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

một chủ một khách, hữu tình thì là tiểu kết. Đây chỉ là đại cương, chủ yếu còn tùy thuộc vào từng người. Cổ thư viết :

> "Có Long vận hành từ hai bên mà quy về dường chính. Có Long vận hành từ giữa ra hai bên".

Trương Tử Vi luận đến cảnh cây ngô đồng, cho rằng nó là sa trướng từ giữa xuyên ra, chủ Cán từ giữa phân ra hai bên; còn cảnh cây dương liễu thì chủ Cán hoàn toàn nghiêng về một bên. Cảnh cây thược dược, một tiết từ bên tả chìa ra, lại một tiết từ bên tả chĩa xuống, một tiết từ bên hữu chìa ra, lại một tiết từ bên hữa chĩa xuống. Đó cũng là cách vận hành quen thuộc của Long mạch. Do đó chủ Cán cũng có khi lệch sang một bên, nhưng có thủy lưu lớn nhỏ ngăn lại, khiến cả hai bên đều chỉnh tề. Cho nên sơn mạch vận hành thường có thủy lưu tương tùy (cùng đi theo).

LUẬN TRƯỚNG

Sơn có dùng trướng mà xưng danh, tức là lấy doanh trướng khi hành quân làm tỉ dụ. Không thể lấy cung điện làm ví dụ, vì không thể tùy tiện di chuyển cung điện. Còn doanh trướng thì có thể di chuyển hàng ngày, giống như sự vận hành của sơn mạch vậy. Doanh trướng giống hình dạng tấm bình phong, tấm màn che.

Phàm sơn từ ngọn núi tổ khởi thế, nhất định sẽ triển khai thành trướng bổng (lều vải). Sau khi đứt đoạn quá mạch, sơn quá mạch giống một vị đại tướng từ trong doanh trướng đi qua; doanh trướng tứ bề vây quanh làm công cụ hộ vệ ông ta. Phàm quá hiệp lại hình thành doanh trướng, thì đều là Long cao quý. Có thuyết gọi nó là cách "quý Long trùng trùng xuất nhập trướng", ngụ ý sơn thế vừa mới ly khai doanh trướng phía sau đã lập tức tiến vào doanh trướng phía trước. Nếu có thể dùng hành động xuất nhập của vị đại tướng quân mà so sánh, thì hình thế của sơn sẽ xuất hiện đúng như ta mong muốn.

Doanh trướng đầu tiên của đại Long thường dàn ngang triển khai mười mấy dặm, đến chỗ sắp kết huyệt vị thì thót lại còn không quá một dặm, đủ để thủ hạ có thể hộ vệ trụ huyệt vị mà thôi. Sơn khí có khi hình thành chữ "Thập" ( ), đó là sơn trướng thượng đẳng (trướng hình chữ Thập dựng đứng, sơn mạch vạch ngang qua trướng); có khi thành hình chữ "Đinh" ( ) là sơn trướng quý thứ nhì (trướng hình chữ Đinh là sơn mạch chạy ngang tới, sắp tới chỗ tận cùng thì thụt xuống một trướng, thành cảnh tượng sĩ quan một nằm một đứng).

Long cao quý vận hành đi, phàm đến địa phương chuyển ngoặt đều có tiểu trướng, nhưng lực lượng không lớn mạnh như khi quá hiệp tiến vào sa trướng, hình thế cũng không thịnh vượng. Có sơn nhất định có hiệp (hiệp là khe hẹp kẹp giữa hai quả núi, nơi dòng sông chảy qua), bởi vì sự thăng giáng, lớn nhỏ trong Âm Dương do quy luật quyết định. Sơn nhất định có sa trướng; đây cũng là sự khai mở, tung hoành trong Âm Dương do quy luật quyết định. Phàm đã thăng sẽ có giáng, thăng không đến cùng thì chẳng thể giáng đến cùng, giáng không đến cùng, thì chẳng thể thăng tột độ. Cái lý lớn nhỏ cũng như vậy, vì thế mà có sơn ắt có hiệp. Đã hợp ắt có khai, hợp không đến tận cùng thì khai mở cũng không hết mức. Cái lý tung hoành (ngang dọc) cũng tương tự. Vì vậy mà sơn nhất định sẽ hình thành trướng. Như thế, sơn nhất định có khí âm dương, chỉ cần tuân theo thể thế động tĩnh mà tìm hiểu, sẽ thấy công đức diễn sinh vạn vật là vô cùng vô tận. Nếu gộp hiệp và trướng vào nhau mà xem xét, thì đạo lý ấy tự nhiên sẽ trở nên rất minh bạch.

LUẬN XUẤT HIỆP

Sơn có hiệp, là nơi Long mạch đứt đoạn lớn quá mạch, cũng là nơi khó thoát thai hoán cốt. Giống như một người xuất thân nhờ khoa cử, được làm quan, cuối cùng đến chức khanh tướng, là có Long đại lực lượng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tại chỗ có hiệp nhất định là do quy luật, không phải tự dưng. Long mạch khi sắp đứt đoạn quá mạch, trước hết từ tổ sơn khởi thế, hai bên vai tổ sơn sẽ giương ra hai trướng màn, mạch thì từ chính giữa rút ra khỏi hiệp, nên gọi là xuất hiệp. Chỗ co rút từ từ hạ xuống, từ từ nhỏ dần, có khi đứt đoạn tại bình địa (đất bằng), có khi đứt đoạn tại nơi vượt sông, có khi tại nơi vượt qua thung lũng. Sau khi đứt đoạn lại nổi thành cao sơn. Trước hiệp có nghênh có tống, hai bên có sơn cước quay đầu lại để nghịch nghênh, để phân thủy lưu làm đứt đoạn mạch không làm thất thoát chân khí.

Long mạch khi xuất hiệp, khí thế của nó giống như một vị đại tướng dừng ngựa, cắm doanh trại tinh kỳ, chiêng trống, đội ngũ dàn khắp tứ phía, xung quanh chính mạch, tạo nên cục thế thoáng đãng mà bí hiểm, giữa chốn sơn lâm, bốn phương tám hướng không chỗ nào khuyết hãm. Đây là đệ nhất cách của sơn hiệp. Hiệp chia ra Lão hiệp, Trung hiệp, Thiếu hiệp, đến địa phương của Thiếu hiệp thì không quá xa chính huyệt. Long mạch hình thành kinh đô, đế đô, chúng ta khởi bàn, phàm Long mạch hình thành tỉnh, phủ, châu huyện, đại hương thôn, đại âm trạch đều có hiệp, hình dáng cũng giống như nhau, chỉ khác về lớn nhỏ và đẳng cấp nặng nhẹ mà thôi. Một nơi phú quý bảo địa không có hiệp riêng, đa phần nhờ hiệp của chính Long phân chi mà kết huyệt ở hai bên. Điều này có thể khởi luận bàn. Chính, bình, phục, là quá dương hiệp; khởi tích (nhô sống lưng), là quá âm hiệp. Có loại quá hiệp từ trung tâm, chính diện, lực lượng tương đối nặng. Có loại quá hiệp từ hai bên, lực lượng tương đối nhẹ. Có loại xuyên qua ruộng, có loại vượt qua thủy... Sơn hiệp phải ngắn, phải nhỏ, hẹp (thắt lại như lưng ong, cổ hạc) mới hợp cách.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

GIÁNG THẾ TRÚ HÌNH

QUẢN CÔNG MINH

Sơn mạch do từ đằng xa mà đến gọi là Thế, kết thành huyệt vị gọi là Hình. Thế thì giống như gốc, Hình giống như hoa. Hoa tươi thì kết được nhiều quả, gốc dài và sâu xa thì thân cành (chi cán) dày đặc. Hình được gọi là Trú, vì đến từ xa mà trú ở gần; Thế được gọi là Giáng, vì từ chỗ cao hạ xuống bình địa. Thế chung kết thì Hình thành công. Hình hoàn kết thì Thế dừng nghỉ. Thế cần trải dài, Hình cần thu hẹp. Thế như đại tướng xuất hành mà đạo lộ uy nghiêm, có cờ xí, xe cộ tương tùy. Hình giống như quan thích sứ đến thành trì do mình kiểm soát, kiểm tra thương khố, ốc vũ và thành quách. Đứng từ xa quan sát Thế, tuy giản lược, nhưng tương đối chân thực; đứng chỗ gần nhận xét Hình, tuy giản lược nhưng tương đối phong phú. Giáng mà chân thực, thì khí thế đi liền một mạch, không phân tán. Trú mà phong phú, thì tứ bề chiếu ứng, chầu vào nhau. Giáng là từ phía sau mà đến, Trú là từ phía trước ngoảnh lại nhìn. Hình là thừa Thế mà giáng, chỉ lo phóng túng. Thế là tùy Hình mà trú, chỉ lo bỏ đi. Giáng thì khí tụ hợp, tụ hợp thì vạn vật đều đến bổ trợ, Trú thì khí dừng ngưng, dừng ngưng thì làm chỗ dựa cho vạn vật.

Do đó, nghiên cứu sự lên xuống (khởi phục) của sơn, quan sát quan tiết của sơn, sự thuận nghịch của sơn, nhận rõ hướng chảy của thủy, nếu trú thì sẽ giáng, nếu giáng thì sẽ trú, giáng giống như phó nhiệm (đi nhậm chức), trú giống như ngộ hợp, như chủ nhà đón tân khách, như thân nhân gặp bạn cũ, cân nhắc suy tính mức độ dung nạp, quan sát dò xét tinh thần.

Cổ nhân lấy tướng quân xuất phát làm tổ, lấy giáng làm tông, lấy trú để hình thành thân thể của mình, lấy ấn để ứng với Minh Đường làm con cháu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HÌNH THẾ DỊ TƯỚNG

Sự khác nhau giữa Hình và Thế thực quá trọng yếu. Sự khác nhau giữa xa và gần, đi với dừng giống như nội tâm với con mắt. Việc quan sát kỹ lưỡng sự lưu thông tiềm ẩn huyền diệu tuy đã được các vị tổ sư thuật số tiến hành, song nhất định cũng phải hỏi ý kiến của các bậc danh nho, dùng học vấn Nho gia mà suy xét nặng nhẹ, nghiên cứu kỹ lưỡng Hình Thế...

Thế nhất định phải đi, có đi mới được xa, có xa mới vùng vẫy tung hoành. Hình không nên đi, đi thì dễ phóng đãng, phóng đãng thì khó ngưng tụ. Thế không nên dừng, dừng thì đường tới không có tháp tùng. Hình nhất định nên dừng, dừng mới có thể hàm súc, bao dung. Hình không nên hiển lộ, hiển lộ thì sẽ làm chân khí phân tán theo gió. Thế nhất định nên hiển lộ, hiển lộ thì chân khí mới có thể tụ hợp, cùng dung hóa (tan hòa ra).

Hình là tích tụ của Thế, Thế là tôn sùng của Hình. Hình là kết quả của Thế, Thế là tháp tùng của Hình. Có Thế tả hữu, lấy trung gian tháp tùng mà hộ vệ huyệt vị. Có Thế trước mặt (diện tiền), lấy triều hướng huyệt vị mà hồi ứng chân Long. Thế ngoại lai nên tròn, Thế nội tại nên vuông. Hình dáng của Tông Long thì giống như nhị của hoa. Hình dáng của Tùng Long thì giống như hai vai của người nằm sấp, như hai cái mang hô hấp của con cá, tùy xu hướng của thân thế mà chiếu ứng, phòng vệ hai bên. Hình dáng của Thừa Long giống như tâm linh có mắt kèm theo, như tinh quang của mặt trời mặt trăng soi tỏ lai lịch và kho báu kín đáo.

Dị tướng của Hình Thế giống như nơi ở của thế gia đại tộc, kín cổng cao tường thì người ngoài khó nhìn trộm vào nội thất. Lại như tấm thảm trải rộng trên sàn nhà, chủ và khách trong lúc giao tế có thể bày tỏ hết lòng tôn kính. Lại như hoa viên hoang phế, hàng rào đổ nát, ai muốn ra vào tùy tiện. Lại giống như một ông lão quyền thế và phú quý, xung quanh ông nhất định có tả hữu thị vệ. Lại giống như nhà kho cất giữ bảo bối và lương thực, nhất định có nhiều thiết bị phòng vệ nghiêm ngặt. Nền móng bền vững, thì căn chỉ nhất định sẽ vượng thịnh. Hộ vệ dày đặc, thì Hình sẽ ở gần chân Long. Chỉ cần hiểu được dị tướng của Hình và Thế, thì có thể phân biệt được cát hung của nó.

LY SÀO NHẬP LỘ

Sơn mạch có vô vàn hình dáng. Quản Công Minh xếp bốn dáng chính : lạc, xuyên, chuyển, biến thành cách Ly Sào Nhập Lộ. Ly Sào Nhập Lộ bao gồm các tiểu cách :

Phát tổ quá mạch.

Trú hình phát tướng (đây là cách khởi từ Tổ sơn).

Quá tướng (đây là dạng chuyển, biến).

Trú tướng (đây là cách kết tụ).

Trú tướng, thì sơn mạch ở phía sau tưởng như đã đoạn tuyệt, song vẫn còn nối tiếp, còn sơn mạch ở phía trước tưởng chừng sắp rời đi, sắp khởi hành, song cứ đứng lì ra đó. Sơn ở hai bên châu vào như củng cố, phòng vệ môn hộ.

Quá tướng thì như là con đường mà đại tướng đi qua, nửa như định dừng binh hạ trại chỉnh đốn lại đội ngũ, song lại vẫn trùng trùng kéo quân đi.

Lạc tức là Chi xen lẫn với Cán, không còn rõ chủ với khách, từ trên cao giáng xuống chỗ thấp nhỏ như có mục đích riêng tư.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LONG CÁCH

Hình dạng thể cách của Long có các kiểu dưới đây : chữ Cá ( ), chữ Vương ( ), chữ Công ( ), chữ Chi ( ), chữ Dã ( ), chữ Phẩm ( ), chữ Nhất ( ), chữ Hạ ( ), chữ Thượng ( ), chữ Thập ( ), chữ Xuyên ( ), Tam Thai, Ngũ Não, Thất Tinh, Song Tinh, Song Tồn, Long Lâu, Phượng Các, Bảo Điện, Ngự Tòa, Ngự Liên, Ngự Tản, Quý Nhân, Văn Bút, Tinh Tiết, Giao Sàng, Triển Cáo, Đốn Hốt, Bảo Kiếm, Hoàng Cầm, Vân Cầm Trướng, Phù Dung Trướng, Liên Khí Kim Thủy, Hoàng Liệt Thiên Tài, Trực Lai Tam Thai, Bình Địa Văn Tinh, Tẩu Mã Kim Tinh, Giang Nhạn Xuyên Vân, Phi Phụng Xung Tiêu, Phi Nga Giáng Thế, Phi Nhạn Hạ Sơn, Bàn Long Ủy Khúc, Sinh Xà Hoạt Động, Thiên Mã Hành Không, Lưỡng Hồng Ẩm Thủy, Thù Tì Mã Tích, Hổ Cứ Ngưu Miên, Phủ Chiên Triển Tịch, Độ Thủy Xuyên Điền, Lạc Địa Mai Hoa, Xuất Thủy Liên Hoa, Mãn Sàng Nha Hốt, Nhật Nguyệt Hợp Bích, Ngũ Tinh Tụ Giáng, Kỳ Cổ Thương Khố, Triều Thiên Thủy, Khúc Xích Mộc, Thập Tự Mộc, Cái Thiên Thổ, Ngọc Tịnh Thổ, Thấu Thiên Kim, Phúc Chung Kim, Bình Diện Kim, Trương Thiên Thủy, Chi Huyền Thủy, Ba Lãng Thủy, Văn Khúc Thủy, Chiếu Thiên Thủy, Tam Tiêm Hỏa, Khởi Diệm Hỏa, Bát Giác Hỏa, Ngô Đồng Chi, Thược Dược Chi, Dương Liễu Chi, Kiêm Hà Chi, Kim Hà Diệp, Hà Diệp...

Hình dạng, thể cách thôi thì muôn hình vạn trạng. Chỉ cần nhấp nhô lên xuống, có đoạn có tục, màn trướng trùng trùng, hai bên tương tống, khai trướng xuyên tâm, mạch từ trong ra đều là phẩm cách cao quý thượng đẳng. Sinh, lai, mỹ, hỉ, chỉ một tiết khả dĩ chủ về phúc phận 20 năm. Tử, khứ, xú, nộ, chỉ một tiết cũng chủ về tai ương 20 năm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGHI LONG KINH

LƯU THÀNH Ý

Long mạch khiến người ta có nhiều nghi vấn ở chỗ nào ? Đấy là khi ta tìm đến tinh phong, phát hiện phân chi của Long. Hoặc khi tại chủ Cán thấy quan, hiệp song hành mà đi, có hộ có thác (có bảo vệ, có nhờ cậy), tinh kỳ, giáo mác hai bên tả hữu tương tùy, nhưng hoàn toàn không thấy cảnh tinh phong nhô lên bốn phía; xem chừng không biết dựa vào đâu mà tìm Long mạch. Tác giả xin giải thích cho các vị điều nghi ngờ này, làm chỗ dựa thực sự để từ chủ Cán mà tìm ra Long mạch.

Long chủ Cán dài và xa vô cùng tận. Khi nó vận hành được giữa chừng, đến chỗ dương khí hội tụ, sơn thủy phía trước lại đẹp tươi khả ái, Hộ Long ở phía sau cũng quay lưng lại. Nếu tại đây các vị có nghi vấn về hướng đi của Long mạch, thì có thể nói cho các vị biết đội ngũ nghênh tống cán Long. Điều này giống như vận chuyển lương thảo đi ngàn dặm, chẳng lẽ không hề dừng nghỉ, tá túc mà phân biệt nội ngoại ? Long mạch viễn chinh, nhất định phải có quan đô đốc đi cùng. Phàm có thủy lưu dẫn Cán đi, thì ở nơi chi Long đến tận cùng sẽ xuất hiện cờ xí, giáo mác. Giáo mác nói ở đây chính là tinh phong xuất hiện, vuông vức, tinh khiết, hùng vĩ, song các vị lại không

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tìm thấy huyệt vị ở chốn này. Khi cán Long viễn chinh còn chưa dừng nghỉ, thì chi Long đã lạc huyệt rồi. Trên thân Chi Long (như trên cành cây) có hoa đực, hoa cái, hoa cái mới kết tinh thành quả. Nếu là hoa đực (hư hoa) thì không có triều, ứng. Nếu là hoa cái thì thụ thai, kết quả, sẽ có hộ tống. Dù có hộ tống vây quanh, vẫn còn phải xem kỹ có trùng điệp vài lần hay chăng. Nếu chỉ trùng điệp một lần, thân Long sẽ có phản cố (nhìn lại). Không nên coi đó là chân Long, vì đó mới chỉ là hộ Long, hơn nữa là tương giao mà hộ. Trùng điệp ba lần, năm lần mà thác hồi, cũng vẫn chỉ là vỏn vẹn làm đỏm làm dáng trên lưng Chi Long mà thôi. Cán Long dĩ nhiên theo thủy lưu mà đi, sơn phong hộ tống thì đi cực xa mà không phản cố (nhìn lại). Trên thân chính Long không sinh ra các tinh phong. Có tinh phong đều là chi, diệp (cành, lá) hộ tống mà thôi. Nếu các vị thấy thân hình Cán Long kiểu thế này, nhất định phải đến chỗ tận cùng của Cán Long mà tìm huyệt vị. Tìm đến chỗ tận cùng của Cán Long, các vị sẽ có thể thấy cục diện nhị thủy tương giao mà huyệt vị thu phong. Nhưng phong xuy thủy kiếp vẫn chưa phải là huyệt vị. Các vị nếu tới địa phương như thế thì là nghi Long. Lúc này các vị hãy nhìn chỗ thủy lưu giao hội, có thể thấy ở đấy có sơn phong đến tụ hợp. Các sơn phong này quay mình hồi cố (về thăm) Phụ mẫu sơn, Tổ tông sơn. Đây là nơi hồi Long chuyển thân. Hồi Long gấp khúc như một chiếc lưỡi câu, trước khi hình thành huyệt vị đã có xu hướng triều bái. Triều sơn chính là tông sơn với tổ sơn, nó không quản đường xa ngàn vạn dặm. Các dạng quan hình trước huyệt đều có dáng triều bái, thiên lưu vạn nguồn đều ở tư thế hướng vào bên trong mà triều bái. Cách tốt nhất để tìm Long mạch là tìm hai dòng thủy lưu tương chuyển mà triều bái.

Tìm Long mạch, chỗ nào khiến người ta nghi vấn nhiều nhất ? Ấy là khi thấy tinh phong chỉ là chi mạch. Chi, diệp tán loạn sẽ không có chính huyệt, nhưng khi Long mạch chân chính đến thì lại hoài nghi nókhông phải là chân Long. Tình huống này xảy ra, chỉ vì không thể nhận rõ hộ vệ ở hai bên, mà lại chỉ thích sơn phong từ ngoài xa tới cước. Sơn phong từ xa tới mà lệch lạc là nơi đặt chân của Long, sơn phong nảy sinh từ chân của Long đa phần dựng đứng ở một bên. Chỗ bình viên của Chân Long không có tinh phong, sơn phong ở hai bên là khó nắm bắt hơn cả. Phần lưng bị nghiêng lệch mà mặt thẳng đứng thì gọi là phi phong. Đây chính là tư thế Chân Long giáp Tùng Long. Một tiết sinh phong, một tiết cấm nhập, khoảng cách giữa hai tiết mà rất dài, thì gọi là khoan hiệp (hiệp rộng). Hiệp rộng mà quành ra mặt trước của Chân Long, tinh phong phía sau lại hiển lộ cực kỳ khả ái, nếu đến chỗ này các vị vẫn còn nghi ngờ chưa quyết, thì hãy đi từ phần trung gian của Chính Long mà tìm hai bên. Sơn phong ở hai bên là Hộ Long và Tùng Long. Chính Long thấp nhỏ, bằng phẳng tức thị là có trùng điệp. Sơn phong trùng điệp từ hai bên chuyển hướng triều bái về phía trước, triều bái tại trước huyệt thì ta sử dụng nó.

Thông qua cách giải thích trên, thử hỏi các vị, mấy nơi có châu, quận nằm trên chính thân của Long, nơi vượt sông lớn, có tìm được tinh phong hay không ? Tinh phong đều hình thành ở hai bên chỗ Long đặt chân, hướng đi của chúng chỉ có thể hình thành tiểu huyệt vị mà tạo nên thôn trang, xóm ấp. Giống như tìm Long chủ yếu nhìn hai bên mà định, nếu hai bên sinh cước (chân), thì chắc chắn rồi. Chính thân Long nếu vòng qua trung ương mà đi xa, thì Lộc Tồn, Phá Quân, Văn Khúc, Liêm Trinh phần nhiều sẽ là quan môn (cửa khẩu). Quan môn cũng chia ra lớn nhỏ, hai sao Lộc Tồn, Phá Quân sẽ chặn ở chỗ này. Lộc Tồn nếu vô lộc thì làm thần miếu, Phá Quân nếu vô phá thì làm cận quan. Nếu muốn tìm đại địa thì phải tìm quan cục, xem kỹ sự lớn nhỏ của quan cục và sơn thế của thủy khẩu.

Phàm tìm Long mạch, nhất thiết phải tìm Chủ Cán, khỏi cần coi ở đó có tinh phong và hoán khử hay không. Các vị hiện tại chưa thể phân biệt Chi Long với Cán Long. Mỗi khi thấy Cán Long còn nghi hoặc. Đâu biết chủ Cán dài hơn, hộ vệ cũng dài hơn, huyệt ngoại sơn hình thành châu huyện cũng là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lấy sơn làm bạn. Long mạch chạy dài nghìn dặm, vài trăm dặm, trước hết ta hãy thông qua địa đồ mà tìm thủy nguyên (đầu nguồn nước), ở chỗ lưỡng thủy giáp nhau, ắt sẽ có chân khí tụ hợp. Thủy nguyên cũng có dài có ngắn. Thủy nguyên dài có thể lấy làm châu, quận, thủy nguyên ngắn - làm huyện lỵ. Mỗi tiết trên chi mạch có thể làm hương thôn, chi Cán thường hay đứt đoạn. Phân chi phách mạch tán loạn mà đi xa, chi trên chủ Cán có lúc lại biến thành chủ Cán trên chi. Đại phàm là chi Long, thì sẽ trải dài hàng trăm dặm, trong vòng trăm dặm, có thể hình thành một huyện. Trên Chi Long dài trăm dặm lại có Long tiểu cán, chỗ lưỡng thủy giáp nhau hãy tìm thủy ngạn (bờ nước) khúc chiết. Thủy ngạn khúc chiết có thủy lưu chảy vòng ôm lấy đầu Long. Ở chỗ này tương đối dễ tìm, vì chân khí không bị tán. Đến đây trước hết hãy xem xét sơn phong nơi thủy khẩu. Thủy khẩu có nội cục thoáng đãng, có hình răng chó giao thoa, hai bên và xung quanh bằng phẳng, khoan dung, thì huyệt vị nhất định nằm tại đây. Xem xong thủy khẩu và sơn rồi, lại xem kỹ triều thủy với triều sơn. Triều thủy với Long mạch đều cùng từ xa mà đến đây, chúng có chung tổ sơn, tông sơn. Các sơn từ xa ngàn dặm viễn hành đến đây triều bái, triều bái ở trước mặt huyệt vị nên trở thành thân cận. Nếu quần sơn thực sự triều nghênh, thì có thể đoán định ngay rằng huyệt vị ở đây sẽ thành khanh tướng công hầu.

Biết chân Long, chân huyệt, mới hiểu được huyệt vị. Nếu dưới huyệt có Chân Long, thì đường công danh sẽ liên tục thăng tiến mãi. Mỗi đoạn Chân Long đều ẩn tàng, nhưng khó tìm thấy huyệt vị, chỉ có thông qua hướng đi của Triều sơn mới tìm ra huyệt vị. Triều sơn nếu tương đối cao, thì từ trên cao xuống mà điểm huyệt. Triều sơn nếu tương đối thấp, thì từ dưới thấp lên mà điểm huyệt. Triều sơn cũng có chân có giả. Nếu Triều sơn là chân, thì nó sẽ hướng đến huyệt vị mà triều bái; nếu Triều sơn là giả, thì núi của nó sẽ không triều bái. Đừng nên chỉ thích sơn phong cao vút, tròn trịa, xảo diệu như bức họa. Nếu đã có chân Triều sơn triều bái, thì không nhất thiết phải cao vút, tròn trịa, chỉ cần thấy thế đến nhấp nhô là được. Đừng chọn loại sơn trực lai trực khứ, vì thứ đó là trụy triều sơn, dù cao vút, tròn trịa như quý nhân, nhưng quý nhân ấy lại quay lưng đi, chẳng có tình ý gì với ta.

Có hình thế Triều sơn dàn hàng ngang mà tới. Khi ấy Triều sơn sẽ giống như quan lại vái chào nhau trước cửa công đường. Sơn phía trước dàn ngang mà qua, thì ở chân núi sẽ tõe chân (chi sơn), nếu trên chân (chi sơn) hình thành sơn, thì phải chúi đầu xuống. Chúi đầu xuống mà hình thành sơn phong (đỉnh núi), thì sẽ có loại nhọn, loại tròn, cả hai loại đều vái chào về phía huyệt vị ở trước mặt ta. Sơn phong lớn thì như hàm răng hướng vào nhau, sơn phong nhỏ thì như bầy cá cùng ngẩng đầu hoặc như đàn tằm kề vai nhau. Vái chào xong lại chuyển thế mà hình thành thủy khẩu, phối hợp với phía sau huyệt vị. Hàm răng chó của Triều sơn đan vào nhau, không cho nước chảy ra ngoài, không cho khí mạch của sơn và thủy tản đi.

Đến một nơi như vậy thì nên tìm huyệt vị, xác định Minh Đường. Cần phân biệt hướng dàn ngang và hướng dâm thẳng của Minh Đường. Thành quách của loại dàn ngang rộng rãi thì càng tăng thêm hiệu quả. Hiệu quả nhiều thì thành quách cao; hiệu quả ít thì thành quách thấp. Thành quách thật dài, thì trung tâm của thành quách làsơn Minh Đường. Thành quách như cái móc câu, đầu lưỡi câu hướng về phía cửa thành, thì hình thế núi trùng điệp mà triều bái.

Diện mạo của sơn tuy ở dưới mặt đất, nhưng tinh quang của sơn còn tùy thuộc tinh tú trên trời. Linh hồn của sơn ở dưới đất, còn khí phách lại ở trên trời, phải biết khí phách mới tạo nên linh hồn thật sự. Đằng trước Minh Đường rất cần có thủy, như cần có khí huyết. Bên trong huyệt vị phải tránh gió như tránh giặc cướp. Không thể để cho huyệt vị bị khuyết, bị gió thổi mất khí hoặc để nước chảy vào. Thử hỏi phân biệt Minh Đường ra sao ? Khi núi vây xung quanh, còn ở phía trong bằng phẳng, có thành quách, thì có thể tạo nên Minh Đường. Có những hiệp cốc hình dạng như vậy, trông sơn thủy vây quanh thanh nhã, mỹ lệ, ta cần nghiên

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cứu cho cẩn thận, đừng như một số thầy phong thủy vội vã nói ngay đó là Minh Đường, chỉ ngay trái núi dàn ngang bảo đặt huyệt vị. Họ không ngờ rằng tuy hiệp cốc có nhiều quả núi bao quanh, nhưng khí bị tán thoát. Sao biết khí bị tán thoát ? Hai bên tuy thấy có núi hộ vệ, bao quanh, song phía ngoài lại không có gì che chắn. Vậy thế nào mới là Minh Đường ? Minh Đường phải có hình dạng khúc chiết như một cuộn dây thừng, cuộn dây được mở dần ra, ở phía trước huyệt vị phải lần lượt chúi vào trong, dòng nước chảy vào phía trong huyệt sẽ uốn lượn bao quanh, từ phía đối diện ôm vòng lấy như hình cánh cung, núi ở bên trên chúi xuống mà núi ở bên dưới thì ngóc lên, ở giữa có huyệt vị cát lợi nương theo hình thế và hướng đi. Hình thế chân thực thì huyệt vị chân thực, hình thế không chân thực, thì huyệt vị là giả. Thế núi giả, chỉ cần ngó hai bên, huyệt giả thì tình hình ở hai bên nhất định cũng như vậy. Phần che chắn bên ngoài không chuyển động, thành quách bên trong đổ nghiêng vào trong, thì hình khí của Long cao quý đều bị tán thoát.

Phía sau Long sơn Hổ sơn nhất định có y phục che chắn. Tuy y phục ấy không làm cho ta nhìn thấy huyệt vị, nhưng chắc chắn huyệt vị kia sẽ làm cho con cháu làm đến chức công khanh. Chỗ Long mạch cao quý vận hành, nhất định có trải chăn đệm, hình thành cục diện cao quý. Thế nào là trải chăn đệm ? Thì xem phía dưới thân Long có vạt đất bằng phẳng như mai rùa, như bàn đãi tiệc của quý nhân, như đàn bái của tăng nhân, đạo sĩ.

Long thực thụ khi đến chỗ huyệt vị, thì có thể trải đệm, sơn mạch của chi Long cũng có chăn đệm. Đó là biện pháp rất hay để nhận biết quý Long, chứ không chỉ xem Long ốm hay mập. Long ốm tuy có sơn mạch cô hàn, nhưng huyệt vị của Long ốm vẫn trở thành quan to. Long mập phải có thể cách quý Long, nếu không nhiều khi chẳng bằng Long ốm. Phân biệt Long ốm hay Long mập thế nào ? Muốn biết, hãy quay lại hiệp cốc sẽ rõ. Trong "Đại đới lễ ký" có viết : "Ở hiệp cốc, giống cái thì thấp, giống đực thì cao". Các nho sĩ đời Hán thì luận về sơn như về vợ chồng. Núi chồng cao, núi vợ thấp. Phong thủy sư thì luận Long trống mái. Long ốm là trống, Long mập là mái. Long mập phải có Long ốm hộ vệ, Long ốm phải có Long mập phòng ngự. Long ốm nếu có hình thế trải đệm, thì kéo dài ngàn dặm, đại quan được phong hầu tất nằm ở đây.

Thử hỏi ngày xưa vua Vũ đã xác định trên địa đồ như thế nào ? Tìm Long, tìm mạch, còn đồng thời phải luận về địa thế, địa thế như thế nào thì thuộc Khôn ? Nếu dùng sơn thủy mà phân định hai bên, thì sẽ hình thành hai dòng chảy lớn là Hoàng Hà và Trường Giang. Trên chủ Cán có phân Chi, mà trên chủ Chi có phân Cán, dài thì chảy ra biển, ngắn thì chảy vào đồng bằng. Hoàng Hà và Trường Giang có các chi lưu là Tế Thủy với Hải Hà, Hoài Hà, Hán Thủy với Tương Thủy. Nếu nói đến chỗ tụ hợp cuối cùng của Cán Long, thì giống Thái Hành Sơn với Kiệt Thạch Sơn nối liền chạy dài tới biển. Lại có núi nhỏ cao tới tận Vi Lãnh, lại bị hai sông Nhữ Thủy và Dĩnh Thủy nhấn chìm. Chủ Cán ở phía Nam phân Chi mà chạy ra biển, Hà Bắc, Hà Đông đều không trái nhau.Núi Song Lãnh chạy dài mãi về phía Đông, đến Quế Châu, Liên Châu, lại chạy vào Hành Dương đến thẳng bờ sông, không biết tỏa ra bao nhiêu nhánh nhỏ. Lại một chi khác chạy ra biển Đông. Một chi khác đến cửa biển, chỗ tận cùng của Cán Long nằm ở nơi rất cao trên bờ nam Trường Giang. Nếu chọn Cán Long làm thứ tối cao quý, thì nó là cả một dải duyên hải đông nam. Vì sao viên tinh không ở đây, mà phần lớn nằm tại các phân chi trên thân mình Chi Long ? Tại vì đến đây thì rất khó phân biệt Chi với Cán, huyệt vị trên Chi phần lớn tạo nên các châu, huyện. Mà kinh thành, đế đô thì đa số nằm ở dải Trung Nguyên, bởi lẽ nơi tận cùng của núi ở ven biển thường bị gió thổi tán thoát hết chân khí.

Nếu bạn muốn biết tình hình Chi Long và Cán Long, thì hãy đọc kỹ quyển thứ hai (trung thiên và hạ thiên) của "Nghi Long Kinh" dưới đây.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGHI LONG TRUNG THIÊN

Tuy chúng ta đã biết trong Chi có Cán, biết Cán dài có thể hình thành kinh đô, Cán ngắn có thể tạo nên châu huyện, trong Chi có Cán, trên Cán lại có Chi, điều này đã rõ. Chỉ e tìm Long mạch đến chỗ này lại không thể nói cho rõ, thủy hai bên tuy kèm sát, nhưng gió sẽ thổi khí tán thoát. Có huyệt vị tạo nên châu, ấp lớn, đến chỗ sơn cùng thủy tận mới xuất hiện. Có khi thành hoàng đô hội lại nằm ở chốn rừng sâu cô quạnh. Hiện tại bạn tìm huyệt vị đến chỗ tận cùng của thủy, có thể thấy đất đá lổn nhổn. Nhìn sang bên phải không thấy huyệt, ngó sang bên trái cũng chẳng thấy hình, đành chuyển hướng đi tìm huyệt vị trên phần Chi. Trên phần Chi lại chỉ thấy cành lá tán loạn. Thành thử khó tìm ra huyệt vị. Cũng biết rằng nếu huyệt vị là giả, thì đằng trước không có Án sơn, nhưng vẫn cứ nghi nghi hoặc hoặc. Gặp được bậc cao minh chỉ giáo, may mới hết nghi ngờ. Khi không phân biệt được Cán với Chi, còn khả dĩ biết mặt trước mặt sau, nếu có hai dòng thủy lưu kèm Long mạch mà đến, thì phải xem thủy lưu ở bên ngoài từ phía nào chảy vòng đến hộ vệ. Chỗ có sơn thủy vây bọc, thì mặt sau của nó thấp hẳn xuống. Sơn thủy vây bọc cũng có lớn có nhỏ, tùy Long dài hay ngắn. Nếu Long mạch dài, thì sơn thủy bao bọc cũng tương đối xa. Nếu Long mạch ngắn, sơn thủy bao bọc sẽ tương đối gần. Như vậy mà nói, sơn bao bọc nhất định phải lưu chuyển khúc chiết, không được động chạm đến Minh Đường cả trong lẫn ngoài. Hình dạng lưu chuyển khúc chiết là nói phần mặt, chỉ ngại Triều sơn che lấp mà không mở ra cho thoáng. Sơn thủy bao bọc giống như tấm bình phong, nhưng phía trước mặt phải thông thoáng. Sơn thủy bao bọc hình thành Án sơn, chỉ e Minh Đường bị bó hẹp, không được thoáng đãng. Thoáng đãng, song lại không thể để sóng gió xâm phạm. Cho nên ta còn phải xem phía sau, thủy lưu có xung phá vách đá khiến Long chuyển hướng hay không. Nếu là chính diện thì phải rộng rãi bằng phẳng, nếu là sau lưng thì nhiều vách đá dựng đứng. Nếu là đối diện thì lập huyệt nơi bằng phẳng, bên trong ắt có triều thủy chảy qua. Khi ta có thể biện rõ quan hệ giữa mặt và lưng, tìm Long theo Cán Chi thì sẽ không còn nghi hoặc.

Tìm kiếm được huyệt vị nơi rộng rãi bằng phẳng mà khúc chiết thì chắc chắn đó là huyệt tốt. Cần xét rõ triều, nghênh ở đâu, ở giữa có sông nước chảy qua. Sau lưng có thủy ôm ấp, có sơn hộ vệ. Sơn và thủy sẽ hình thành một cửa khẩu, sau đó qua la bàn xác định tinh vị để biết trước sau. La bàn có phân biệt đầu cuối, đầu đón sơn trước mặt mà cuối hợp với thủy. Dò xét kỹ càng trên dưới trái phải, sẽ phát hiện có chân Long trong cục thế. Có khi sẽ có vài ngọn núi tới chắn thủy lưu, thủy lưu kèm sát mấy ngọn núi này mà đi. Nếu thấy núi hộ tống mà tình trạng trên dưới tương đồng, ắt phần trên sẽ là chân huyệt mà phần dưới sẽ giữ gió. Nếu còn nghi hoặc thì quan sát sự chuyển hướng của trên dưới, sơn và thủy cùng chuyển về ôm ấp thì đó là chân Long. Trên mình Long mạch từ xa tới cũng có thể hình thành huyệt vị, tại đây sẽ hình thành huyệt vị Thư Hùng, tuy vậy cũng phải phân quí tiện, phân cao thấp, càng cần phân trung. Cũng có chân hình xuất hiện mà không có triều thủy hộ vệ, chỉ thấy Triều sơn lập nên chân hình. Triều thủy bên ngoài Án sơn lặng lẽ tiến vào. Nếu Án sơn hình thành ngược thủy lưu thì có thể vây kín bốn bề, không để chân khí tán thoát. Huyệt vị cũng có chân hình mà không có triều thủy, như vậy chỉ cần nhiều thủy lưu hội hợp ở trong thì được. Thủy lưu dịch chuyển bên ngoài Minh Đường, bốn phía cục thế bên trong ôm ấp, bao quanh, thủy lưu uốn cong như lưỡi câu, chân khí trong cục sẽ không bị chân khí ngoài cục xâm phạm. Dương khí ngoài cục chầu hướng đại hải mà hộ vệ tinh tú, chân khí trong cục ắt sẽ khiến Long sơn, Hổ sơn an toàn.

Nếu Long trên Chi và Cán có bề mặt rộng lớn, thì huyệt vị sẽ phát về đường quan lộc, đời đời làm quan.

Nơi Long chuyển mình uốn lượn, hình thế sẽ thay đổi theo.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cứ một lần nhô lên sẽ có một lần hạ xuống, một lần chuyển thân thì có một lần đứt đoạn. Hai bên tả hữu của Long mạch đều có sơn thủy chầu về, đều có dòng chảy ôm ấp, đều có chân hình của huyệt vị, đều có Án sơn. Hình thế chào đón cả hai phía đều rất đẹp, Minh Đường sáng sủa, sơn hộ tống đầy đủ. Song điều quan trọng là không thể lập huyệt vị ở cả hai bên. Như vậy lại phải quan sát kỹ xem nơi này là Chân Long hay Giả Long. Nếu có hai dòng thủy lưu kèm sát Long mạch thì nhất định chân Long sẽ chuyển hướng. Long chuyển hướng sẽ có Quỷ sơn, chân Quỷ sơn đều hướng ra sau. Thông thường khi Long của chủ Cán sắp hết, sơn ngoại vi sẽ chắn dòng thủy lưu, khiến thủy lưu phải quy ngược về chầu Long. Phàm sơn và thủy có sự gấp khúc, quay về thì nhất định nơi ấy sẽ có huyệt kết phát vương hầu.

Lại có chân Long được hai thủy kèm bên, không chuyển mình mà trực tiếp kết huyệt, thì hộ vệ hai bên ắt sẽ khác nhau. Long của chủ Cán khi sắp hết mà chưa thấy có Quỷ sơn tương ứng thì cần xem thủy hội tụ tại đâu. Nơi mà thủy hội tụ chính là Minh Đường vậy.

Long không luận về quí tiện, mà bàn về độ dài ngắn của nó, Long từ xa tới, càng lại gần càng dũng mãnh. Nếu chỉ luận dài ngắn mà không nói tới quí tiện, thì Long có huyệt kết phát tốt hơn ư ? Chỉ e có thể thấy Long trước mắt mà không biết rõ tổ tông của Long, vậy phải làm sao ? Các nhà phong thủy thời trước khi gặp tình huống này đều tìm nơi Long tạm dừng lại, vì nơi tạm dừng của Long ắt sẽ có nhánh rẽ, trên phân nhánh ắt hình thành tiểu quan cục. Điều này cũng giống như người ta đi trên lộ trình ngàn dặm, phải có nơi dừng chân nghỉ ngơi. Nơi này ắt sẽ có bộ thuộc tùy tùng, hộ vệ theo hầu. Nơi Long tạm dừng, cần quan sát sơn diện hạ xuống tại đâu, có như vậy mới biết được diện mục của Chân Long, trên lưng Chân Long là Triều sơn, huyệt kết tại đây.

Các nhà phong thủy thời xưa khi xây dựng thành đô, thoạt tiên họ tìm kiếm nơi Long tạm dừng. Sau sẽ lên đỉnh núi tìm sơn diện, lại xuống bình nguyên quan sát tìm nơi sơn diện hạ xuống mà tìm huyệt.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGHI LONG HẠ THIÊN

Đã biết rõ Long mạch là chân hay giả, nhưng lại chưa biết huyệt vị ra sao. Thông thường khi Chân Long sắp kết huyệt, nó sẽ tạo ra một huyệt vị giả theo mình. Trong huyệt giả này có nhũ đầu, kiếm khẩu, song không có tả hữu. Biết Long mạch càng cần phải biết huyệt vị, vấn đề này "Biến Tinh Thiên" có đề cập tới. Trên Long mạch sinh ra đỉnh ngọn thì nơi đó là gốc rễ, Long hình thành huyệt vị ở phía trước giống hoa nở. Chỉ cần gốc rễ là thực thì huyệt vị không thể là giả. Nếu không căn cứ vào đỉnh ngọn để tìm gốc rễ mà chỉ dựa vào huyệt giả thì hậu họa khó lường. Vì lẽ đó, ta nhất định phải nắm vững "Biến Tinh Thiên", có thể phân biệt rõ các loại hình Nhũ Kiểm. Sự cao thấp của địa thế đều có huyệt vị theo bên cạnh, không thể tùy tiện phán đoán. Nếu huyệt vị không tùy theo đỉnh ngọn thì đây chắc chắn là huyệt giả.

Đa số huyệt vị của các kinh thành, đế đô, huyện ấp đều nằm trên đất bằng, song cũng có huyệt vị của thành đô nằm trên vùng cao, huyệt của huyện ấp đóng nơi thủy tận sơn cùng. Ví dụ như thành Kiến Khang thuộc Nam Kinh tọa lạc dưới vách núi, do Tả Phù Hữu Bật kết thành huyệt vị. Thành Thái Nguyên xây dựng trên chiến trường cổ xưa với Hùng Nhĩ Sơn là Long mạch. Bắc Kinh tọa lạc trong Viên Cục, do Tham Lang, Cự Môn kết thành huyệt vị.

Nếu tinh tú giáng xuống trên Long mạch thì có thể đoán rằng có huyệt vị tồn tại ở phía trước tinh phong (đỉnh ngọn). Đây là phương pháp dựa vào sự dịch chuyển của

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

các vì tinh tú mà đoán định huyệt. Thông thường mà nói, biết tinh tú rồi sau đó mới biết Long mạch, Huyệt vị sinh ra trên Long mạch mới có dấu vết thực. Dấu vết này khi tới nơi có huyệt vị thì sẽ có hình có thế. Lại còn rất nhiều hình thế giống như Long mạch, nơi cận kề với sơn thủy thì phải dựa vào hiện tượng sự vật mà định. Hình thế giống rắn, tựa hổ sẽ sinh huyệt, nếu hình thế này chân xác thì có thể thấy huyệt vị chân thực. Long mạch đi suốt ngàn dặm chỉ có một huyệt vị chính. Chính huyệt thì tốt nhất, bàng huyệt thì kém hơn. Nếu Long mạch đến từ bên trái thì huyệt vị cần phải đóng ở bên trái và ngược lại. Hai bên trái phải tương đối thấp thì huyệt vị đóng dưới thấp và ngược lại. Khi chính huyệt đối diện với triều sơn thì ắt sẽ có tương quân, tương quân luôn đóng trước mặt chính huyệt. Khi huyệt vị ở phía Nam thì nên tìm tương quân ở phía Bắc, đỉnh của triều sơn đóng ở hai bên trái phải, bao bọc huyệt vị. Chỉ cần thông qua tương quân để tìm chân huyệt thì được, nếu huyệt vị có tương quân đóng đối diện thì đó là Chân huyệt và là huyệt tốt nhất.

Nơi nhũ đầu của huyệt vị rất sợ phong (gió) xâm phạm. Nếu bị phong xâm phạm thì người cư trú tại đây sẽ không còn con cháu nối dõi. Kiểm huyệt tựa cây đinh ba treo trên tường, tối kỵ có thủy lưu chảy qua đầu. Huyệt vị của Ngưỡng chưởng huyệt phải đóng ở chính giữa. Huyệt vị của Oa hình cần phải giống tổ chim, không được nghiêng lệch, bằng không đại họa sẽ giáng xuống.

Ngoài ra ta còn phải biết tới Thiên Kiếp, Địa Kiếp và Nhân Kiếp. Thiên Kiếp chính là thân mình của Long mạch, Địa Kiếp là cửa phía trước huyệt vị, Nhân Kiếp nằm ở phương hướng, ba loại Thiên Địa Nhân Kiếp chủ về phú quý đời sau. Vấn đề này được đề cập tới trong "Long Tủy Kinh".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHONG THỦY NGHĨA

TẦN SỬ LÝ

Dòng thủy lưu có ẩn chứa phong, dù không hợp với tinh tú, thế phách vẫn an toàn. Song nếu ngược lại, hợp với tinh tú mà gió thổi mạnh reo thì khó tránh họa. Phong sinh ra từ thủy, phong là vô hình mà thủy hữu hình. Thông qua hữu hình mà phán đoán vô hình là phương pháp của cổ nhân. Chân khí gặp phong thì tản mát, sau khi tản mát phong cũng không thể hồi phục. Chân khí gặp thủy thì dừng lại, sau khi dừng lại, Thủy cũng bị ứ đọng. Phải quan sát sự tới lui của phong và thủy để biết rõ nơi sinh khí hứng nhận. Thủy đi thì phong tới, thủy đến thì phong đi. Phong tới chủ hung, thủy tới chủ cát. Sơn thủy cùng giao hội thì phong ẩn khí tụ; sơn đi mà thủy rời thì phong cuốn khí tán. Thủy chuyển theo sơn, phong hành theo thủy. Thủy chầu sơn thì không có phong, phong thế tuy thuận thủy mà đi, song sẽ nghịch thủy mà đến. Nghịch thời cát, thuận thời hung.

Khí của người nằm ở hô hấp; khí của đất nằm ở phong và thủy. Hô là thở khí ra mà hấp là hít khí vào. Chỉ thở mà không hít, người tất phải chết. Nếu chỉ có phong mà không có thủy, thì đất sẽ khô cằn. Nếu có phong tới, sinh khí tiêu tán hết, thì huyệt vị sẽ lạnh lẽo; phong đi, sinh khí ngưng tụ, huyệt vị ấm áp. Huyệt vị lạnh lẽo thì ẩm thấp, huyệt vị ấm áp thì khô ráo. Lạnh lẽo chủ về hao tán mất mát người và vật, ấm áp chủ về sinh sôi khiến người và vật sung túc. Thủy theo mặt đất lưu chuyển mà phong nhờ thủy để tới lui, vì thế gọi là địa phong.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thủy lưu của Minh Đường chảy về bên trái, Long sơn bên trái ngắn mà Hổ sơn vượt quá trung cung, mặt đất trong Minh Đường bên phải cao, bên trái thấp, thế gọi là Quyển Liêm, như vậy quan tài phải chuyển về bên trái và ngược lại.

Nếu thủy của khe nhỏ không xâm phạm thì có thể đặt huyệt trên đất bằng; thủy của sông lớn tới chầu thì đặt huyệt trên núi cao. Nếu quan tài táng ở chân núi và ở đó có một ao nhỏ thì nơi đây gọi là Hạt Thủy, chủ nhân có huyệt này sẽ bị tật ở chân. Nếu thủy lưu chạy thẳng tới thì gọi là Tiễn Thủy. Thủy chạy ngang mà tới gọi là Xuyên Thủy.

Phong của Long sơn, thế chạy dài mà bị Hổ sơn che chắn, phong sẽ khiến quan tài lật qua bên trái, nếu Hổ sơn thấp nhỏ thì tránh được hung.

Phong của Hổ sơn cũng giống như phong của Long sơn. Nếu thủy lưu đảo hướng qua phải thì không có Hổ sơn, đảo hướng qua trái thì không có Long sơn. Không có Hổ sơn thì Long sơn không thể vượt qua huyệt vị; không có Long sơn thì Hổ sơn khó bề vượt qua cung vị.

Phàm các Long mạch đều có hai thủy kèm bên mà đi. Có khi một bên là sông lớn một bên là suối nhỏ; có lúc một bên là khe, một bên là mương. Như thế gọi là Cổ Minh, Cổ Ám. Song hai thủy này tối kỵ giao nhau ở trước mặt, tốt nhất là ở bên trái hoặc bên phải.

Long mạch có sự phân biệt giữa mặt trước và mặt sau, nếu trước mặt có thủy đến chầu, thì huyệt vị sẽ thuộc về triều sơn.

Xem tướng đất, thoạt đầu phải đứng đầu nguồn mà quan sát phương hướng của thủy lưu. Nếu thấy sơn nghịch thủy đi lên, sau lại quan sát thấy huyệt vị có sơn thủy triều bái thì đó là đất tốt.

Phàm có thủy chạy ngang qua, thì sẽ có hai sơn đối diện nhau, bình địa trong sơn nếu quay lưng lại bao bọc lấy chân núi phía Nam thì huyệt vị sẽ ở phía Nam.

Nếu thủy lưu bên phải đảo hướng qua trái, thì chân núi bên hữu sẽ thay đổi. Chân núi không vượt qua trước huyệt, không xâm phạm Minh Đường thì không đáng ngại và ngược lại. Nếu thủy bên phải đảo hướng qua trái thì phải quan sát sơn bên phải, và ngược lại. Nếu chân núi theo thủy mà xuống thì gọi là "Thối Thần, Thách Sơn, Quyển Liêm Thủy, Thối Điều Bút, Thương Sơn..." Nếu chân núi theo thủy mà lên thì gọi là "Tiến Thần, Tắc Sơn, Nha Đao..." Núi trọc gọi là "Hốt Sơn", núi nhọn gọi là "Văn Bút Sơn". Tóm lại chân núi cứ nghịch thủy thì khá cát lợi, thuận thủy thì hung họa.

Nếu Long sơn dài mà Hổ sơn ngắn, thì huyệt vị ắt phải đóng bên trái mà hướng về bên phải và ngược lại, nếu Hổ sơn dài mà Long sơn ngắn thì huyệt vị nhất định phải trú tại bên phải và hướng bên trái. Vì bên ngắn nhất định có thủy tới nghênh đón, nên bên phải giữ bên dài để bắt đầu nhằm bảo toàn sinh khí.

Khí của Long mạch nếu giả làm khí của Quỷ thì bất an. Phàm huyệt đạo thẳng mà dài, xây dựng nhà cửa phải bắt đầu từ trước ra sau. Nếu huyệt đạo ngang mà ngắn, thủy lưu tụ về bên trái thì xây nhà phía bên trái cần từ trước ra sau, bên phải thì từ sau ra trước. Bên trái cao mà bên phải thấp; bên trái đầy mà bên phải trống; bên trái hợp với tiến tới, bên phải hợp về bước lui.

Mai táng phải nhờ vào sinh khí. Nếu thiên về bên trái thì hài cốt bên trái sẽ hư hỏng và ngược lại bên phải cũng vậy. Nếu sinh khí tương đối trầm uất mà huyệt táng quá nông, thì hài cốt dễ bị vôi hóa; nếu sinh khí nổi lên, mà huyệt quá sâu, thì hài cốt dễ bị than hóa.

Phong thủy địa lý cũng có khi không linh nghiệm, mai táng tại nơi đất xấu mà vẫn an nhiên tự tại, đó là do phúc phận của người thịnh vượng mà địa khí tốt lành.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên Phủ

Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

CAN LỘ ĐỞM KINH

LƯU THÀNH Ý

LONG QUYẾT CA

Nội dung văn từ của phong thủy địa lý vô cùng đa dạng, xin quý độc giả hãy chuyên tâm nhất trí khi thưởng thức "Long Quyết Ca".

Bài ca này tuy không nói hết mọi sự ảo diệu nhưng mọi đề mục chính yếu đều được nhắc tới. Phương pháp xem Long trước tiên cần xem Tổ sơn, Tông sơn, sau đó phải xem lầu Long, bảo diện, hổ giác (góc cung) có tương đồng hay không. Nếu nơi hội tụ của tinh tú hợp với lý số của Ngũ hành Cửu tinh, thì nơi mà Long mạch từ lầu xuống diện sẽ có rất nhiều sơn phong (đỉnh núi) nguy nga. Mộc, Hỏa, Kim tinh là sự nhấp nhô của Long mạch, nơi uốn lượn hạ xuống tựa rắn bò mà nơi cao vút lên tựa rồng giữa tầng không. Nếu Mộc, Kim, Thủy, Thổ tinh đồng cách với nhau, phối hợp hài hòa thì Long đó là thượng đẳng. Nếu Long thiếu Thủy thì không thể sinh tồn, thiếu Thổ thì bần hàn, nơi thủy khẩu nếu có bốn (4) hung tinh trước mặt, mà Thiên qua đê trụ lại tương đồng với Bắc tinh, tinh tú bên trên tương hợp mới thành Đại Hội cục, vận đại quý của vương hầu khanh tướng xuất phát từ đây. Quý Long ở giữa, nếu có trướng rủ trùng trùng thì đó là dấu tích tốt đẹp. Có lúc Long như chim bay phụng múa, nếu lại có Thủy Kim tinh tương hợp thì đó là Chân Long. Trên Long mạch có thể thấy Sư tử và Voi hộ vệ trước cửa, Ô quy và Xà xuất hiện nơi cửa động, đầm, thì Long thuộc về cách Trung Hội cục. Trung Hội cục phát về quý cách, chức vị lên tới Cửu khanh. Nhân tài của châu, huyện sẽ phát trên đất quý nhỏ hơn, nếu thủy khẩu xen kẽ cùng khuyển nha thì đây là sinh địa.

Lại xem về Long thể, chủ yếu phải lưu tâm đến Xuyên, Lạc, Chuyển, Biến. Xuyên tức là thân Long ngay ngắn bằng phẳng đi qua trùng trùng màn trướng. Lạc chính là thân Long từ trên cao hạ xuống. Chuyển nghĩa là không đứt đoạn, chính phụ uyển chuyển liên hoàn. Biến là thay đổi biến hóa, đại sơn biến hóa thành tiểu sơn, thô xấu biến thành nhỏ đẹp. Muốn rõ chi Long đâu là hư huyệt, đâu là thực huyệt, chỉ cần tìm kiếm trong Âm Dương hóa khí.

Nếu Dương Mạch xuất hiện từ tâm, eo, tiến tới trước, ắt sẽ kết thành kỳ huyệt. Nếu Âm bao phủ khắp đỉnh mặt, thì đó là mạch chết, cần phải dựa vào la bàn mà cân nhắc quyết định.

Trước tiên phải biết rõ sự xảo diệu của Ngũ tinh hành độ, sau phải xét tới khí hóa sinh của Âm Dương trong Ngũ tinh, Kim, Mộc, Hỏa thuộc Dương, Thủy, Thổ thuộc Nhị Dương diệu. Trong hành độ của Dương

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long có thể hóa làm Âm, Âm lại hóa thành Dương. Sự biến hóa này là dấu hiệu báo trước sự xuất hiện của Chân Long. Nếu Âm Dương không có biến hóa thì không thể kết tụ, Long mạch thuần Dương hay thuần Âm nhất định sẽ chết. Ngoài ra còn có phương pháp xem Cửu tinh trên núi. Cự Môn, Lộc Tồn thuộc về Thổ tinh Âm tính, Tham Lang, Tử Vi thuộc về Hỏa tinh Dương tính. Canh Cô Vũ Thái thuộc Kim tinh Dương tính, 3 và 5 cộng thành một thái cực, dùng Âm Dương để gọi tên Thủy Thổ, trong tinh tú lại kèm Kim, Mộc, Hỏa tinh, cao sơn Long pháp lấy đây làm tối chân thực. Nếu nói Long mạch kết thúc gần thủy của sông hồ, biển thì hành độ của Long đa phần có hình dáng của Thủy tinh. Bên trong có thể có Kim Mộc Hỏa tinh tương đồng, nơi Long mạch lạc xuống kết huyệt đa số ở dưới thấp, nếu không có hóa thì nhất định không thể kết huyệt, cũng giống như không thể đi tìm kinh mạch khi Long thể tạp loạn vậy.

Ngoài ra còn có Bình Cương ca quyết, phép tắc Âm Dương trong đó tương đối chính xác. Nếu Long mạch có hình dáng như tay ôm mà sống kiếm thành Âm tính, nếu mạch bên phải có hình bàn tay ngửa thì Long mạch thành Dương tính. Nếu Long mạch sinh ra đầy đặn thì là Dương tính. Cần nắm rõ về đạo lý Âm Dương này. Lại có một phương pháp Âm Dương có tên là Lục Phủ. Âm là Thái Âm Bội Kế Thổ, Dương là Thái Dương Tử Khí. Nếu là Hỏa tinh là gốc, thì Long mạch vận hành nhấp nhô dựng đứng. Nếu là Cô Âm mà không có Thủy Thổ, thì không kết thành huyệt vị. Cũng có Kim tinh hiên ngang bước tới, nhưng nơi không có thủy thì không thể xuất hiện Dương khí.

Trong Tham Lang tinh có Liêm Trinh tinh, trong Văn Khúc có Hữu Bật, trong Vũ Khúc có Phá Quân, trong Lộc Tồn có Cự Môn, tất cả những điều này có thể đoán định sự sinh tử, và được gọi là cách Long vận hành giữa các tinh tú, có thể tìm thấy điều này ở bất kỳ một làng quê nào. Sự dịch chuyển thay đổi của tinh tú có thể thấy được ở nơi đứt đoạn nhiều. Nếu Tham Lang tinh bất biến thì sẽ sinh ra Thổ Đột. Cự Môn tinh bất biến thì có trong Oa. Vũ Khúc tinh bất biến thì có thể tìm thấy trong Kiếm. Văn Khúc bất biến thì giáng xuống bình địa, Phá Quân bất biến sẽ có nạn can qua, Tả Phụ Hữu Bật sẽ có Yến Oa hướng lên. Nếu Mộc, Hỏa tinh nhiều thì huyệt vị phải xuất hiện cách đó khá xa, có thể kết Oa mà thành huyệt của Hồi Long, nhưng nếu Thủy tinh nhiều thì huyệt sẽ kết trên bình địa. Kết huyệt tại Ba Tâm thì có thể thay đổi thành Dương Cục, huyệt của Kim, Thổ tinh phần nhiều kết huyệt chiều ngang.

Trong phong thủy địa lý, "hóa khí" là tối quan trọng. Hỏa tinh tuy sinh Mộc tinh nhưng hoàn toàn chẳng phải là hóa khí, chẳng những quan lộc không có mà gia nhân cũng ít. Mộc tinh tuy khắc Thổ, nhưng chỉ cần phối hợp với khí Âm Dương, từ đó có thể hình thành một huyệt vị đại phú quý, nhân tài thịnh vượng. Nếu thấy Kim, Mộc tinh cùng thay đổi thì hoàn toàn đoạn tuyệt với dòng họ; Mộc, Hỏa tinh cùng đổi thì chỉ có hư danh dù đạt ngôi vị Tể tướng; Thủy, Kim tinh cùng đổi, người sẽ phải tha phương cầu thực. Nếu Thổ, Kim tinh cùng đổi, sẽ xuất hiện người hiền và phú. Nếu chỉ có Thủy tinh thì sẽ xuất hiện rất nhiều người đỗ Tiến sĩ vang danh văn đàn. Nếu Hỏa, Kim cùng đổi sẽ khiến người cô đơn tật bệnh. Hỏa và Thổ tinh cùng biến sẽ xuất hiện tướng giỏi trấn giữ bờ cõi. Những điều này dù tương sinh hay tương khắc, chỉ cần quan sát hóa khí là biết rõ cơ trời. Trong Ngũ tinh thì đẹp nhất là Thủy tinh, nó thích hợp với Mộc, Kim, Hỏa tinh; Thổ tinh thích hợp với Kim, Hỏa, Mộc tinh, Thủy và Thổ không thể cùng đổi, song nó lại đoạn tuyệt với âm khí.

Đã nói Long mạch có hóa khí, quyết định huyệt vị cũng có phân Âm Dương. Hành độ của Âm Long do Dương Long tới kết huyệt và ngược lại, hành độ của Dương Long do Âm Long tới thu giữ. Thời cổ thánh hiền gọi sơn là Long là có ý gì ? Vì sự biến hóa của Long cũng giống biến hóa của sơn vậy. Ngư Long phải được Thủy mới có thể hóa rồng, tạo hóa cũng nằm trong sự biến cải của Âm Dương. Lại xem hình thế Thái, Thiếu sơn rời mạch chỉ hợp với Dương khí

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mà không hợp Âm khí. Nếu nơi mà Long của Âm mạch tới kết huyệt sẽ khiến con cháu cô khổ lênh đênh. Lại thấy Thai Tức, nó tựa tinh huyết của mẹ cha. Thiên nhất sinh Thủy mà Địa lục thành, tinh hoa của Nhị Ngũ cũng lần lượt bổ sung. Nơi rộng rãi sẽ hình thành địa hình Thủy Chu, Hạc Tích, Phong Yêu. Những hình dạng chữ Chi ( ), Huyền ( ), Nhân ( ) cùng Xuyên Chu, Tẩu Mã đều sinh ra từ đó. Giữa hai đốt sống lưng có một chút Thủy, đó là điểm báo Chân Long thành thai. Sau khi thành thai kết thành huyệt vị tự nhiên rõ ràng, có thể thấy rõ những nơi Hoàng Hiệu, Quật Đột. Âm xứ, Thần xứ, Đỗ Tế đều phân ra mà xếp thành Táng Khẩu, tinh tú của huyệt vị phải tìm trên Long mạch.

Sinh Tử Quyết là khó nhất trong việc tìm kiếm Long mạch song không thể thiếu nó được. Nếu dáng núi uốn lượn sống động, đó là Long Sinh; dáng núi thô thiển cứng nhắc, thì là Long Tử; dáng núi đông kéo tây rời, đó là Long Phiên Hoa; dáng núi phân nhánh cắt mạch, đó là Long Quỷ Kiếp; dáng núi nhọn, vỡ vụn, đó là Long Đới Sát; dáng núi nghiêng ngả, nhọn lỗm, đó là Long Xú Quật; dáng núi cô độc, đó là Long Cô Đơn; dáng núi rộng rãi bằng phẳng, đó là Long Tán Mạch; dáng núi phân nha lộ trảo, đó là Long còn đang đi tới; dáng núi dấu nha ẩn trảo, đó là Long dừng bước; dáng núi có Thiên Hổ, Thiên Giác, đó là Long Dục Độ; dáng núi Hộ Lạc Tích Phong Yêu, Long đã hình thành; nếu hiệp mạch co rút, đó là Long đang giữ khí; nếu Âm Dương phân thụ, đó là Long đang kết đất thành huyệt; nếu dáng núi tựa đứt mà chẳng đứt, đó là Long Thoát Sát; dáng núi trườn tới xuyên bình địa vượt sông ngòi, đó là Long Quá Hiệp; dáng núi mà trung tâm rời mạch, đó là Long Xuyên Trướng; dáng núi tròn trịa ngay thẳng, đó là Long Nhập Trướng; dáng núi đến và đi cứng nhắc không uốn lượn sống động thì không thể kết thành huyệt vị. Nếu nhô lên mà không thể hạ xuống, hạ xuống lại không thể nhô lên, thì Long mạch này không có khí lực; dáng núi vừa nhô lên đã hạ xuống và ngược lại thì Long mạch này khí vượng, lực đại. Long cao quý thường trùng trùng vượt trướng mà ra. Long cao quý rời mạch từ trung tâm, Long phú túc chỉ sinh ra trên bàng chi. Trướng càng nhiều thì vận khí cao quý càng lớn. Long có phân biệt Thư Hùng thì gọi là Thành Long, sự lớn nhỏ, thô thanh của chúng tự có chỗ bất đồng. Thủy có phân Thư Hùng, gọi là Thành Huyệt, trái phải giao giới có hợp có phân. Vạn vật đều có Thư có Hùng (có trống, có mái), chỉ một Thư hay một Hùng thì không thể phối hợp. Thông thường cao lớn thì gọi là Hùng, thấp nhỏ gọi là Thư, nếu Thư Hùng phối hợp sẽ kết thành huyệt. Núi lớn đột nhiên biến thành núi nhỏ là trong thô có thanh, hình dáng trước Hùng sau Thư cần phân minh. Núi nhỏ thoắt biến thành lớn là trong thanh có thô, hình trạng của trước Thư sau Hùng ắt sẽ kết đất thành huyệt. Long muốn kết đất sẽ nổi Sinh Thần, Tiêm Viên Phương tự sẽ rõ ràng. Nhắc tới Tam Cát chính là nói tới Tiêm, Viên, Phương (nhọn, tròn, vuông), đất kết tự phải phân ra Âm Dương. Nếu không phân Âm Dương thì không thể kết đất thành huyệt. Thế của Long mạch khi ẩn khi hiện, lúc vui lúc giận, biến hóa đa đoan. Thế của Long mạch dựng đứng gấp khúc, đó là Long đang giận dữ; nhấp nhô uốn lượn, là Long đang mừng vui. Huyệt vị khi Long giận dữ mà kết huyệt là giả. Huyệt giả này cũng có Long, Hổ sơn bao bọc, tiền khách hậu chủ tương ứng, quang cảnh trong huyệt rất đẹp không bút nào tả xiết. Song sơn thủy trong ngoài vô tình, hơn nữa Quan, Quỷ đều là giả. Giáp sơn, tòng sơn không tương ứng, hai bên trái phải hoặc cao hoặc thấp, lưng trong lưng ngoài đối nghịch. Nếu mai táng tại giả huyệt thì tiền của hao tán, bệnh tật không dứt.

Có Long mạch chỉ chuyên kết quái huyệt, người ta khi nhìn thấy quái huyệt đều cho là Xú Quật mà bỏ đi. Tuy huyệt vị Xú Quật song chỉ cần giao, giới, phân, hợp rõ ràng, thì ắt có Âm Dương phân thành Quật, Đột dù có thể Long, Hổ sơn không tề toàn trong huyệt. Long mạch chân thực mà huyệt Xú Quật thì không phải ai cũng biết, sau khi mai táng ở đây, con cháu đời đời được hưởng phú quý. Đáng tiếc người ta không biết rằng thân Long đều mang theo

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phú quý, trong huyệt có chỗ xấu, quái lạ thì có gì đáng ngại !

Phàm Chân Long đến từ chính diện, thân mình tuy uốn lượn, nhưng đầu không nghiêng lệch. Nếu là Chân Long, ắt sẽ có đủ Tổng, Giáp, Tòng, Hộ, Triều sơn. Nếu Long không có Triều cũng không có Tổng, dù có chân Long cũng vô dụng. Triều Hộ sơn càng nhiều thì càng có lực, nhiều sơn và thủy tới hội hợp, tụ tập, tựa như đại tướng ngồi trong trướng, đội ngũ chỉnh tề đầy đủ xếp hàng la liệt.

Nếu là Triền Long nghiêng mặt đi tới thì một bên có Trác, một bên không. Mạch thân trên đỉnh thường quay đầu về phía chân Long không dám tùy ý tiến tới. Nếu Nhiêu, Trác hướng về phía sau thì Long thân còn đang tiến về phía trước, và ngược lại, đi tới là thuận, lùi lại là nghịch. Nghịch sẽ mang theo hung mà thuận mang theo cát. Nếu một bên có một bên không, thì chính là Hộ Triền; một bên thuận một bên nghịch thì Phòng phận có thiên lệch. Mang theo thương khố là Phú Long, mang theo cờ trống là Quý Long, mang theo cả thương khố cờ trống thì phú quý song toàn.

Xem Long cũng phải giỏi xem Long quá hiệp, ý nghĩa của hiệp tình và huyệt tình giống nhau. Khi Long quá hiệp cũng có Cang có Hộ, tránh cho Long bị gió thổi làm lộ mạch sống. Khi Quá Long quá hiệp (vượt khe) mà không có Cang có Hộ thì gió sẽ thổi khí tán thoát hết cả. Khoảng cách quá hiệp chỉ hợp ngắn mà không hợp dài, vì khoảng cách xa dài sẽ khiến khí lực suy yếu. Long mạch quá hiệp cũng chỉ hợp với thanh mà không hợp với quá thô, vì quá thô thì chân khí sẽ đục mà không thể thành huyệt. Quá hiệp lại chỉ hợp với hẹp mà không hợp với quá rộng, vì quá rộng sẽ khiến khí lực tản mát. Quá hiệp lại phân thành Ngạnh Yêu quá hiệp và Nhuyễn Yêu quá hiệp. Nếu là Nhuyễn Yêu quá hiệp thì không thể gấp khúc đứt đoạn, khí lực khó giữ được. Diệt tuyến khi quá hiệp thường vừa nhỏ vừa thanh, phong yêu hạc tích (gối hạc lưng ong) là Long đang giữ khí, nếu giữ được chân khí tụ hội, huyệt hình thành mới là huyệt vị chân chính. Sự giữ khí cũng giống như người thổi sáo, khí vào từ lỗ nhỏ sẽ dễ tụ hợp, vì thế sẽ dễ phát ra âm thanh, từ đây cũng có thể biết được sự sai biệt giữa đất kết và không kết.

Khi quá hiệp nếu hai bên trái phải có Cang, Long, Hổ sơn thì hoàn bị, nếu không thì sẽ thiếu hụt. Nếu có Thương Khố vây quanh hiệp thì chủ phú túc; có Kỳ Cổ (cờ trống) vây quanh hiệp thì chủ quý. Có cả Thương, Khố, Kỳ, Cổ thì phú quý song toàn. Nếu dáng núi như đội kim quan, khăn quàng thì chủ vận quý cho nữ nhân. Nếu dáng núi như não bạt, trống, địch thì chủ vận quý cho tăng, đạo nhân. Có sơn quay đầu về, từ bốn mặt xếp thành hai hàng. Lại có Triều sơn ở trước mặt, đứng tựa chầu bái. Thiên Tâm Thập Đạo ở chính giữa không nghiêng lệch, ở giữa đối diện với Triều đường. Thủy lưu uốn lượn ôm lấy nơi Tiêm Viên; Ủng, Lạc Trẩm, Đôi do tự nhiên mà có. Triền, Hộ, Tòng, Thác biết thật giả. Triều sơn không có cách nào nâng đỡ thân Long, Triều sơn quá thẳng mà thiếu. Chân Long khuất khúc Long của chuyển chiết không chầu bái Long khác; Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc tinh cùng hợp là phú quý cục. nếu Thương Khố Kỳ Cổ cùng theo mà Kim Sương, Ngọc Ấn bày trước mặt nhất định sẽ xuất hiện vương hầu. Tứ thần bát tướng đều quy tụ trước Long, nhị thập bát tú cũng tề tựu. Trăm ngàn ngọn núi đều bao bọc nơi đây.

Bài "Long Quyết Ca" này còn cao hơn cả "Nghi Long Kinh", nếu nghiên cứu tỉ mỉ, chuyên tâm và hiểu được sự huyền diệu của nó thì càng thêm phần tinh tường, năng lực phong thủy chẳng kém gì Tăng Cầu Kỷ, Dương Quân Tùng tái sinh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HUYỆT TÌNH PHÚ

Biết được Long mạch và huyệt vị đã khó, nói tới nơi huyền diệu trong huyệt vị càng khó hơn. Song nếu hiểu rõ học thuyết Âm Dương và Ngũ tinh thì có thể nắm vững cách tìm ra nơi ảo diệu này,

Long mạch đi tới bất luận dài hay ngắn, điều quan trọng là phải xem đoạn đến cuối cùng của nó. Trong đoạn này nếu có Thổ, Mộc, Kim tinh cùng phối hợp thì có thể hình thành huyệt vị cát lợi, thế gọi là "Tam Cát". Nếu Loan Đầu rõ ràng mà dáng vẻ đầy đặn lại có đủ Tiêm, Viên, Phương, Chính (nhọn, tròn, vuông, thẳng), huyệt vị hình thành như vậy mới thực xem là đạt được kỳ tuyệt. Nếu Long đang mở mắt, vươn vai đã kết thành huyệt vị thì tự nó có nhiều khác biệt với các núi khác. Hình chữ Bát ( ) mở ra bên trên dùng để che gió. Hình chữ Bát mở ra bên dưới dùng để đậy huyệt. Nếu chữ Bát phân ra lớn thì Long sơn cùng hợp với Hổ sơn, phạm vi Âm Dương không có nơi nào vướng mắc; nếu chữ Bát phân ra nhỏ thì huyệt vị tương hợp, chân khí không thoát ra ngoài.

Nói tới "Đại Khẩu Xuất Tiểu Khẩu", là chỉ huyệt vị từ Tiểu khẩu thoát ra. Nếu phía trước không phân ra chữ Bát, trong cục thế sẽ không có chân khí kết tụ; nếu bên dưới không có tụ hợp, thì kết cục không rõ ràng, bên ngoài không có Đường Khí để có thể giữ, theo. Nếu trên có phân mà dưới có hợp, như thế Thư Hùng phối hợp thì có thể hình thành huyệt vị.

Huyệt vị chân chính sẽ có một nơi kỳ dị, nó ắt có khí Âm Dương phân ra Quật và Đột. Nếu là Dương đến Âm thu thì trong Quật có Đột (chỗ lồi lên), nếu Âm đến Dương thu thì trong Đột có Quật chỗ lõm xuống). Trong Đột có Đột là thuần Dương; trong Quật có Quật là thuần Âm. Chỉ có Âm mà không có Dương, hay chỉ có Dương mà không có Âm thì không thể sinh sôi và thành huyệt. Chỉ có Âm mà không Dương thì giống như con gái mà không có chồng; chỉ thuần Dương thì giống con trai không có vợ. Con gái không chồng làm sao sinh sản ? Con trai không vợ làm sao có người nối dõi ? Nếu Dương trên phối hợp với Âm dưới thì bên trong Âm sung mãn; Âm trên phối hợp với Dương dưới thì bên trong Dương sung mãn. Nếu Âm nhiều Dương ít thì không nên dựa gần khối tròn và ngược lại; Âm Dương bằng nhau thì lấy ở giữa; nếu một Dương lại tới một Âm thì giữ Dương. Nếu Âm thịnh Dương suy thì dựa gần Dương; Dương thịnh Âm suy cũng vậy. Nơi động là sinh, nơi tĩnh là tử, thiết lập huyệt vị cần bỏ chốn tử mà gần nơi sinh.

Khi đã nắm vững cách điểm huyệt mà có thể biết rõ Chân Giả, còn cần phải biện rõ sự hòa hoãn và gấp gáp của Long mạch. Nếu Long mạch gấp gáp thì khí càng gấp hơn, mai táng ở nơi này khiến đời sau tuyệt tích. Đặt quan tài nên tránh chỗ hình cầu mà chọn gần dưới Hiên, nên đem quan tài rời cách hình cầu 4, 5 thước. Nếu chân khí rơi vào đầu mà không hợp với chân thì cách tốt nhất là dùng phương pháp Miên Can. Gặp nơi khí gấp gáp nên chọn phương pháp Hư Niêm, phải đắp đất thành mộ mà tiếp thông mạch đến. Điều này cũng giống làm hơi bốc lên sau khi khói lửa đã tắt hoặc tiếng nước rơi sau trận mưa lớn dưới hàng hiên. Nếu Long mạch hòa hoãn thì khí càng chậm chạp, nếu đặt quan tài ở nơi đây thì sẽ thoát mạch khiến đời sau người và tài sản hao tổn, giảm thiểu. Như vậy khi đặt quan tài nên ở gần hình cầu mà tránh xa Hiên khiến quan tài vào sâu thêm 7 tấc để khí hoà hoãn có chút tăng nhanh. Nếu khiến khí hợp với chân thì sẽ không rơi vào đầu. Hạ huyệt nơi đầu lưỡi ắt không tổn thương đến môi miệng, tìm huyệt giữa khe hở của nha (răng) cũng tránh không nên làm thương tổn đến lợi. Nếu Long gấp mà mạch hoãn, khí cũng gấp, gặp nơi ấy cũng không nên mai táng chỗ có gió. Tình hình này ắt mang tới kết cục xấu, chết chóc, dù phúc lớn cũng khó cứu. Khi đặt quan tài, trong trường hợp này nên gần Hiên mà tránh hình cầu, đem áo quan ra ngoài 3 thước cách hình cầu, nhằm làm cho nơi gấp có chỗ hoãn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nếu chân khí rơi vào đầu mà hợp với chân, khiến chân khí vào từ lỗ tai. Phải để huyệt vị chếch về sau gáy mà không được đối đỉnh, tránh xa gió mà diệt được lực hồi thiên. Nếu Long hoãn mạch gấp mà khí cũng hoãn thì mai táng ở đây sẽ lạnh lẽo, nên tìm huyệt ở nơi có chút gấp gáp, khí gấp và hoãn cùng sinh cùng hợp mới phù hợp với quyết pháp. Nên tránh Hiên mà tiếp cận với Cầu, để quan tài sâu vào 5 tấc mới khiến khí mạch liên tiếp. Đây cũng là trường hợp chân mà không rơi vào đầu, thuận đến thuận giữ mà không bị chặn bị đứt.

Lại có huyệt vị Dương khí nhiều mà Quật Đột không rõ ràng chỉ có vết tích mờ nhạt có thể phân ra Giới Hợp. Có tảng đá từ đáy nước sinh ra dợn sóng, điều này phải dựa vào nhãn lực tinh tường mới quyết định được. Cũng có một vài nơi tương đối bằng phẳng mà chỉ có đôi chỗ nhô lên, vết tích của rắn trong cỏ, của tơ trong Điệt, khiến người ta khó biết. Hai cánh ve hai bên hình thành sa phong, đường phân giới tựa như hai sợi râu tôm có tư thế bao bọc lấy huyệt vị. Loại thủy lưu này tuy có ảnh mà vô hình. Đột ở trên phân ra mà Đột ở dưới hợp lại. Khi điểm huyệt chỉ cần điểm thủy giới có hay không tương hợp, cũng có nơi Dương khí nhiều mà Quật không rõ ràng. Hai bên nhô lên tựa sừng trâu hình thành sa phong, chỉ có một hình mất cua xuất hiện trong huyệt. Loại thủy lưu này tuy có tên gọi nhưng không tìm ra bằng chứng, ở nơi tận cùng thoắt ẩn hiện có thể thấy huyệt vị đang nghênh chầu.

Đã biết rõ điểm huyệt phải dựa vào Quật Đột, lại cần biết Chỉ Tiết và Khí Tiết. Long, Hổ sơn hai bên phải hộ vệ được huyệt vị, đừng để tạo thành trường hợp Lậu Thai và Thổ Thiệt. Nếu Nhũ Đột ở giữa cao mà Long, Hổ sơn thấp, xuất hiện trường hợp Lậu Thai, Thổ Thiệt thì nhất định phải thận trọng tra xét rõ ràng. Không nên cho rằng đã cắt lìa, triệt hộ rồi thì không còn gì đáng ngại, phải biết rõ tông tích ban đầu thì không có nơi ẩn chứa. Nếu Triệt Lộ Nhũ Đột thì ắt sẽ thương tổn tới mạch đến, gây ra cho đời sau các tai nạn, chết chóc. Trường hợp Chỉ Tiết cũng phải hiểu được pháp quyết, xem khí mạch của nó từ đâu mà ra. Nếu khí đã vào Đại (cái túi) lại Chỉ Tiết (ngừng tiết), tuy giữ lại (chỉ), song chân khí trong Đại đâu có bị thoát ra. Nếu chân khí chưa vào Đại mà đã Chỉ Tiết, thì sau đó trong Đại sẽ không có bất kỳ khí mạch nào tồn tại, nếu Nhũ ở giữa mà nặng thì Long, Hổ hai bên sẽ tương đối nhẹ. Dù đã Chỉ Tiết, Chân khí vẫn tồn tại, nếu bản thân Nhũ nhẹ mà hai bên Long, Hổ nặng thì dù Chỉ Tiết rồi, Chân khí sẽ rất ít mà vô dụng.

Long huyệt cần có giới hạn, bằng không chân khí sẽ thoát ra. Giả như giới hạn huyệt mà không giới hạn Long mạch, thì Khứ Trú sẽ không tách ra. Vì Long mạch giới mà không để huyệt lập giới, thì sẽ hỗn loạn, không phân biệt nổi. Nếu phân giới đã giới Long mạch lại giới huyệt vị thì sinh khí sẽ kết tụ tại nơi huyệt đóng. Mai táng ở đây sẽ đạt được vinh hoa phú quý.

SA QUYẾT CA

Sa phong luôn hiện ra rõ ràng nên không khó tìm. Sa trướng kỳ quái nguy nga không thể gọi là tốt, sa phong dựng đứng hiểm nghèo cũng không thể xem là hay. Sa phong nghiêng lệch cũng chẳng lành, sa phong thô cũng mang theo hung sát. Cảnh tượng tan nát chỉ hình thành chết chóc, bay chếch đi xuyên cũng có kết cục bất thiện. Nếu có Kiếp sơn chiếu phá thì cũng chẳng phải đất tốt, hung, sát sẽ giáng xuống đầu.

Sa phong chỉ được xem là Tam Cát khi có đủ Tiêm, Viên, Phương, Chính, đẹp đẽ thanh nhã mới gọi là núi tốt, chỉ có hình dáng tự nhiên mới có phúc đức đoan chính, viên nhuận thì ắt sẽ cát. Sa phong cần tròn trịa mà không nên thô tráng, sa phong nhọn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hoắt tối kỵ hình dáng bị cắt xẻ. Nếu Phá đóng ở nơi cát lợi thì không tốt, nếu đẹp đẽ mà đóng ở nơi hung ác thì sẽ có phúc vận hanh thông. Sa phong sung mãn, sinh khí sẽ thuận theo mọi điều, Tử Sa sẽ cứng nhắc thẳng khô tựa đao thương. Sa phong đẹp đẽ dễ sinh ra hình Hốt, Bút (thẻ bút), sa phong phú túc viên nhuận ngay thẳng như hình dáng của Thương, Khố, nhưng cũng chỉ đem đến cho người lương thực và tiền tài đầy đủ mà thôi; nếu xuất hiện hình Nha Đao, Cầu Trượng thì cực quý. Nếu có tướng phú túc, thì sẽ xuất hiện sa phong mang hình bình vàng, chén ngọc; nếu có tướng đại quý thì sẽ có sa phong mang hình dáng Ngọc Ấn, Kim Sương. Sa phong có dạng tựa kiến tụ ong bầy thì đó là nơi đất quý; sa phong có hình dáng cờ phướn sẽ đem tới địa vị cao quý khiến người lưu danh thiên cổ.

Sa phong có hình dáng như đá bị chẻ làm trăm mảnh, đời sau sẽ xuất hiện đạo tặc, cướp bóc; sa phong như cây thương, sẽ xuất hiện cướp trộm; nếu thủy lưu và sa phong đều thuận hướng thì gọi là Thoái Bút, nền nhà và mộ chí gặp trường hợp này thì không tốt. Sa phong nghịch hướng thủy lưu gọi là Tiến Thần, chỉ cần xuất hiện xu hướng Tiến Tài Đầu thì tiền tài sẽ đầy đủ. Nếu có vài sa phong nghịch hướng thủy lưu mà vào thì gia nghiệp, nhà cửa vô cùng rạng rỡ. Nếu có một tòa sa phong đi vào và một tòa bước ra, như thế sẽ khiến người táng gia bại sản, cuối đời đi khất thực. Còn có sa phong ở vòng ngoài lại bỏ đi, sẽ khiến người tha phương cầu thực đến chết không có đường về; sa phong trực diện mà đến trông tựa mũi tên bắn tới, sẽ khiến hàng năm đều có tai họa giáng xuống.

Long, Hổ sơn cần phải bao bọc huyệt vị. Nếu ngẩng đầu cất chân sẽ dễ tổn thương tới nhân mạng. Nếu một bên thẳng một bên cong sẽ khiến nhà cửa bị khuyết hãm; một bên có một bên không thì đất đai hưng vượng. Nếu sa phong vòng ngoài bao bọc mà không thiếu chỗ nào thì con cháu đời sau sẽ đầy đủ. Nếu sa phong đối kỵ chủ nhân mà có thế như nắm đấm thì sẽ có người làm phản khiến họ tộc liên lụy mà tổn thương tới tôi tớ. Không nên chọn sa phong cùng đến hoặc lao đến tựa mũi tên, bằng không anh em ruột thịt sẽ tranh giành lẫn nhau. Nếu Thanh Long sơn xuyên tới phương vị Đông Cung, sẽ khiến chủ nhà nghèo mạt. Nếu Bạch Hổ sơn xuyên vào Tây Cung sẽ khiến trẻ nhỏ bị quấy nhiễu, họa phúc của Đông, Tây Cung giống nhau vậy. Nếu Thanh Long, Bạch Hổ đã vượt qua cung, lại quay đầu thì không có gì đáng ngại, hơn nữa còn mang tới phú quý song toàn.

Nếu Huyền Vũ Thố Thiệt (lè lưỡi) thì gọi là "Thoát Bút", chủ về thứ nam trong nhà gặp vận hung, xấu. Tiểu Minh Đường trong Long, Hổ sơn, cần giữ được sự thanh tịnh mà rộng rãi. Nếu trong đó có Sa Đôn và Thạch Khoái thì khiến chủ nhân bị mù, khó sinh nở và bị hình thương. Minh Đường bên ngoài cũng cần rộng rãi, không nên có sa phong hung dữ chắn ngang tầm nhìn. Đáng sợ nhất là sa phong tán loạn trước Minh Đường.

Nếu sa phong có hình dáng như tôm, cóc thì sẽ khiến chủ nhân bị tật bệnh về khí mạch; sa phong có hình giống thi thể đang nằm thì đó là điềm báo phụ nữ dâm đãng; sa phong có hình giống bụng heo thì chủ nhân cần đề phòng tai nạn cháy nhà, bị đâm chém; sa phong có hình móng dê lại mở miệng nghịch hướng là điềm báo sự loạn luân; sa phong có hình như đùi ngựa, cẳng trâu thì chủ nhân bị hạ nhục; xuất hiện sa phong đầu ngỗng cổ vịt thì có tư tình mờ ám. Sự xuất hiện của mấy loại sa phong này sẽ đẩy chủ nhân vào kết cục ăn mày, hát rong.

Khoảng cách xa gần của Triều sơn cũng nên tương đối, không nên để chủ nhân yếu đuối đối diện với tân khách cương ngạnh. Nếu dựa quá gần thì phải thấp nhỏ, có như vậy mới tốt, nếu rời khá xa thì nên cao lớn. Chỉ cần Triều sơn hữu tình mà không có ý tứ gì khác, mới là Án sơn chân chính để có thể triều bái. Nếu Triều sơn vô tình mà không có ý lưu luyến, thì dù có đẹp đẽ đến đâu cũng vô dụng. Nếu sa phong lộ mình dáng hoa thì quá xấu xa, điều này tựa như người con gái đẹp đứng đường mua vui cho người. Sa phong cúi đầu nghiêng mặt thì chủ đàn ông làm đầu trộm đuôi cướp; sa phong vén quần lộ chân thì khiến con gái gian tà. Do vậy tuy phú quý và điềm xấu có cùng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trong Long huyệt hay không, nhưng khí đẹp cần dựa vào sự tốt xấu của Triều sơn. Nếu Triều sơn tựa giá bút thì chủ nhân sẽ liên quan tới khoa cử, bảng vàng đề tên; Triều sơn như thẻ ngà, sẽ khiến chủ nhân đời đời làm quan. Triều sơn như kiếm ngọc, thẻ vàng, sẽ khiến chủ nhân vào viện hàn lâm. Triều sơn tựa bàn ngọc, bếp vàng, chủ nhân sẽ đứng trong hàng ngũ học sĩ; nếu Triều sơn có hình Tam Thai, chủ nhân sẽ có quan chức hàng huyện lệnh, tri châu; Triều sơn tựa bình phong ngọc, chủ nhân sẽ là phò mã mà nắm giữ vận mệnh quốc gia; Triều sơn có dáng như chiếc mũ nhưng khá mơ hồ, chủ nhân sẽ đứng hàng Cử nhân; Triều sơn tựa áo bào, chủ nhân sẽ ngồi trên ngai vàng; Triều sơn tựa cây bút, chủ nhân sẽ đậu Tiến sĩ; Triều sơn có hình lâu đài ngũ phụng, đây là điều hiếm có, chủ nhân sẽ đậu Trạng nguyên, Bảng nhãn hoặc Thám hoa.

QUÁI HUYỆT PHÁ HOẶC CA

Nơi chân Long ẩn tàng, huyệt vị ắt sẽ rất kỳ lạ. Những bí mật ẩn tàng của trời đất đều do quỷ thần nắm giữ, muốn hiểu rõ sự ảo diệu cần phải có cao nhân chỉ dạy. Cao nhân có thể vạch rõ huyền cơ, song họ lại thường im lặng, vì họ chỉ e duyên và phúc của bạn không đủ, nếu chỉ rõ sẽ khiến bạn nghi hoặc.

Trên mặt đất có nơi đẹp đẽ cũng có chỗ xấu xa, gộp chung lại gọi là quái huyệt. Hình dáng của huyệt đẹp đẽ mà kỳ lạ hiếm có, địa thế này khiến người ta nghi ngờ; hình huyệt xấu xa mà khó ưa, địa thế này cũng khiến người ta hoài nghi mà không dám quyết. Thông thường chỉ cần quái huyệt có vài chỗ kỳ hoặc thì Long mạch cũng có nơi vô cùng quái lạ. Chỉ cần nhận rõ chuẩn xác Long mạch thì có thể tiến hành thăm dò quái huyệt.

Trước hết ta phải biết được Xảo Huyệt. Vì sao gọi là Xảo Huyệt ? Là vì có khi huyệt vị đóng trên đỉnh núi cao, loại huyệt vị này đáng để thăm dò; có khi huyệt vị đóng ở sâu dưới đất, có khi huyệt vị lại cô độc lộ ra dưới tình huống gió từ tám phương thổi tới, song chỉ cần bạn tới huyệt lại cảm thấy nó tự cùng tụ hợp; có lúc lại xuất hiện hai (2) dòng thủy lưu chạy thẳng ra, chỉ tới gần huyệt, mới thấy nó tự có dấu tích; có khi huyệt vị lại kết tại phương vị trung ương của thủy, bốn bề sông nước mênh mông, có khi huyệt vị lại kết trong đất đá, phải đập ra mới phát hiện có mạch đất; có khi huyệt vị lại cúi nhìn miệng suối đang phun, sau khi hạ táng, miệng suối lại khô cạn; có lúc huyệt vị gần thủy biên, sau khi hạ táng, thủy thành lại dời đi; có lúc huyệt vị ở trên sống lưng của Long, tướng kỵ Long (cưỡi rồng) có thể nói cực phú quý; có khi huyệt vị lại đóng ở nơi Long mạch đứt đoạn, gọi là huyệt vị Trảm quan; có khi huyệt vị đóng gần bên hồ, phải đến mùa Thu, Đông mới thấy được nó; có khi huyệt vị rơi vào trong ruộng, đến mùa Xuân, Hạ thì có thủy lưu giao hội trong đó; có khi huyệt vị đóng trên bề mặt đất đai, gọi là "Bồi Thổ Táng"; có lúc huyệt rơi vào trong kẽ đá, chỉ cần có đất thì chân khí lưu thông; cũng có huyệt vị thủy lưu thông thẳng, khiến chủ nhân đạt địa vị công hầu; cũng có huyệt vị mà sa phong bay chếch, khiến chủ nhân phú quý song toàn; cũng có huyệt vị bốn bề trống trải, nhô lên trong Bình Dương; lại có huyệt vị khí dư rất nhiều, cách sơn mấy mươi dặm đường mà chân khí vẫn thông; cũng có huyệt vị tọa lạc tại vùng đất trống có được thủy lưu cùng không cần tránh gió thổi; cũng có huyệt vị bị chặn trước mặt, quay đầu nhìn Tổ sơn cũng không ngại thấp nhỏ. Cũng có Xảo Huyệt có tên là Hợp Khí, mạch tới là hai Long cùng đến; cũng có Xảo Huyệt gọi là Long Thoát, Long mạch theo thủy từ xa tới.

Một số huyệt vị vừa nêu ra ở trên đều kỳ lạ mà xảo diệu, khiến người ta hoài nghi, đây là thiên cơ ẩn tàng trong tự nhiên vậy. Hơn thế nữa, lại có loại huyệt vị xấu xí càng khiến ta khó nhận biết, nhưng báo ứng về

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phú quý lại không sai chút nào. Huyệt xấu xí này có tên là huyệt Xú Chuyết. Vậy huyệt Xú Chuyết đóng ở đâu ? Điều này cũng có bí quyết ẩn chứa sự huyền diệu. Huyệt này giống như người quân tử có đạo đức, dù là đại trí mà bề ngoài như ngu như dại; nó lại tựa phú nhân lắm của mà bề ngoài chẳng khác kẻ nghèo; nó lại dường như người con gái đức hạnh cao quý, dù bề ngoài xấu xí.

Nói tới huyệt Xú Chuyết là Nhũ Đột, trong huyệt thẳng mà dài, hai bên trái phải không bị ngăn trở; có huyệt vị đầu não nghiêng lệch, người phàm khó mà nhận rõ; có huyệt phía trước sinh mõm nhọn tựa hình ba góc của lá cây phong; có huyệt mang Chủy thẳng, dài, sau khi thành huyệt thì có hình dáng hai cánh tay khoanh tròn bao bọc; cũng có huyệt vị phía sau mang hình lòng máng, hoặc như miếng bánh trên đầu đứa ngọc; cũng có huyệt vị trước mặt có khe nước sâu tựa lưỡi câu bạc; có huyệt Xú Chuyết trông tựa huyệt Tiên Tử, hình dáng lộ ra đột ngột khiến người ta không biết có huyệt vị; cũng có huyệt trông tựa da trâu, khiến người nghi hoặc; cũng có huyệt thiếu một bên tay; cũng có huyệt thế chất thô lậu, song nếu nhìn kỹ thì thấy Âm Dương hài hòa. Có quái huyệt hình thành hình dạng lõm; có quái huyệt hình thành dạng ngửa lên, chân khí bức xúc mà đầu cúi thấp; có quái huyệt tựa ngọn thương, huyệt này chỉ cần có hộ sơn, triền sơn dài là được; có quái huyệt tựa hình cây lúa, cần có Quỷ cùng giữ; có quái huyệt không có Long, Hổ sơn; có quái huyệt không có Án sơn, chỉ có nhiều thủy lưu tụ hợp bên trong; cũng có quái huyệt giống bàn tay lật; có quái huyệt giống cái mai, chỉ có thể thông qua Bao Tiết mới nhận ra biến hóa trong đó; có huyệt vị tựa thiêu thân lao đầu vào vách, quan sát kỹ thì thấy có rất ít huyệt vị; có huyệt giống ngọn đèn treo trên tường, chỉ thấy có Đột hơi ngửa lên; có sơn mạch gấp gáp chạy về trước bỗng nhiên xuất hiện mặt đất bằng phẳng, huyệt vị xuất hiện tại đây; có Long mạch hòa hoãn nhưng khi đến gần cuối bỗng cao vút lên, huyệt vị cũng xuất hiện tại đây.

Thần tình của huyệt vị lộ ra ngoài, bằng không thì hung. Long mạch chân chính thì tàng ẩn thiên cơ, cho nên xuất hiện nhiều nơi kỳ lạ. Vì sao lại gọi là kỳ lạ ? Là vì bề ngoài nó thiên hình vạn trạng. Thông thường, nói tới huyệt vị hình dạng kỳ lạ, chỉ là phân biệt với thần của Long mà thôi, chỉ cần nhận biết được Long mạch là chân thực thì huyệt vị ắt sẽ là chân huyệt. Long hư giả không có chỗ cho huyệt.

HÁM LONG KINH

DƯƠNG QUÂN TÙNG

TỔNG LUẬN

Tu Di Sơn là chủ tâm cốt của trời đất, nó đứng sừng sững giữa trời đất tựa cột sống lưng của người, từ trong sinh ra tứ chi hình thành Long hình. Tứ chi lại chia ra làm 4 thế giới, 4 hướng Đông Tây Nam Bắc. Một đi về phía Tây Bắc đến thẳng núi Không Động với chặng đường dài vạn dặm; một phái đi về hướng Đông tiến đến đất Nhị Hàn. Chỉ có Long của Nam Hạ là vào Trung Quốc, thai nghén ra Tông sơn, Tổ sơn mà thế đến đặc biệt. Sông Hoàng Hà chín khúc là ruột già của Long, sông Trường Giang khúc khuỷu là bàng quang của Long. Đại Long của Nam Hạ phân nhánh tách mạch dọc ngang mà đi, trong sự tương

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hỗ lẫn nhau khí huyệt liên tục, gặp thủy thì dừng. Đại Long mạch hình thành quận huyện, nơi cư trú của công hầu. Tiếp đó còn có vài Long mạch hình thành các thị trấn nhỏ, nơi người giàu sang trú ngụ.

Sự vận hành của Long mạch có dấu hiệu chân thực, tinh phong hùng dũng là thân mình của Long. Trên núi cao cần nhận rõ sự lên xuống của tinh phong, Long đi trên bình địa ắt có danh tiếng. Sơn phong (đỉnh núi) lên xuống lấy tên của tinh tú mà giữ tướng tòng, sơn phong của tinh tú chiếu xuống mà hình thành thế. Trong hai chữ Thần Long thì Thần là thần tinh mà Long là bản chất của sơn mạch.

Không nên nghĩ rằng chỉ có núi cao mới có Long, còn khi tới đồng bằng thì dấu vết của Chân Long biến mất. Long của đồng bằng khởi phát từ Long mạch của núi cao, tinh phong cao vút kết huyệt ở dưới thấp. Tìm huyệt trên núi cao chủ yếu phải biết sự trồi lên của tinh phong, tìm huyệt trên đồng bằng cần phải tìm thủy thế của hai bên tả hữu. Nơi hai thủy kèm nhau ắt là có Chân Long, trong sự dẫn lộn từ phía của Chi Diệp ắt có huyệt vị. Đừng để thế núi ngược hướng mà khiến Chi Diệp tản mác, nếu thế núi tương phản, thì thủy lưu sẽ tản mác khó tụ. Sơn ngoại vi trong vòng trăm dặm hình thành La Thành, đây là hình dáng của cục Bình Dương Long. Tinh phong cúi xuống lạc huyệt nơi bình địa, núi bên ngoài cách với thủy lưu sẽ tới chầu bái. Hình bàn tay để ngửa trong Bình Địa tựa lòng tổ chim, thấp thoáng xuất hiện bóng dáng một gò núi nhỏ và mặt đất nhô cao. Phải tìm được chỗ lõm trong gò núi mô đất, còn có Câu Giáp giống vòng xoáy trôn ốc. Câu Giáp là Án, hình trôn ốc là huyệt vị, thủy lưu lui lại, Minh Đường tụ nhiều khí. Bốn bề bao bọc tựa thành quách, thủy lưu uốn lượn mà thế núi quây tròn tụ thành một Oa. Khi sương xuống thủy lưu khô cạn thì khó tìm thấy vết tích của Long mạch. Đến Xuân, Hạ, thủy lưu dâng cao, thì lưng Long sẽ hiện ra. Đây là phương pháp xem Long Bình Dương, nơi nó qua mạch tựa sợi chỉ đường tơ, khó mà biết rõ. Đất cao hơn mặt nước một tấc có thể nhận là sơn, thấp hơn mặt nước một tấc có thể cho là thủy lưu uốn lượn. Thủy bao lấy Triền Hộ tựa như Triền, Hộ sơn vây chặt Chân Long thì giống hình dáng bàn tay lật ngửa. Ở giữa Sào Cữu hoặc chỗ trồi lên của Nhũ Đầu, có một huyệt vị ngay ngắn. Trên sườn núi thoai thoải, có thủy lưu uốn lượn và núi non bao bọc huyệt vị, ngoài xa là hẽm núi và gò đất, trông gần là Hà Lưu tuôn chảy. Huyệt vị tốt cần có núi non đến chào đón bao bọc, không nên có thủy lưu bao bọc rồi sau đó chảy đi nơi khác. Nếu có thủy lưu uốn lượn thì bên ngoài phải có núi non bao bọc; nếu thủy lưu không có dáng vẻ ôm ấp thì núi non cũng không thể tới trước huyệt.

Hành Long của núi cao dễ nhận biết, nhưng khi tới chỗ Bình Dương thì dấu vết của nó lại biến mất. Chỉ có nơi đứt đoạn còn vương tơ tìm thấy nó, nếu Long mạch xuống núi càng nhiều thì càng có sức mạnh. Long mạch trên cao phần nhiều sẽ ẩn tàng ở dưới thấp, có thể tìm thấy nó ở nơi bị vùi lấp mai một. Có khi giữa Tổ tông sơn và Phụ mẫu sơn chỉ cách vài dặm. Phàm khi tới bình địa, ta không cần phải đi thăm dò Long mạch tận cùng ở nơi nào, chỉ cần nhìn nơi sơn thủy sơn thủy uốn lượn bao bọc thì sẽ biết được chỗ của Chân Long.

VIÊN CỤC

Không trung phương Bắc có một vầng trăng tròn, mà Thượng Tương Thổ Tướng có địa vị của Tử Viên. Sao Thiên Ất và Thái Ất chiếu trong Đẩm Đường, Hoa Cái và Tam Thai lần lượt xuất hiện. Loại cục diện tinh tú này khó tìm được một nơi tương ứng trên mặt đất bao la, Long mạch mà nó hình thành, người trần tục khó mà biết được. Nếu có ai biết được

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nơi bảo địa phong thủy này, thì cũng không nên che giấu, mà hãy đem nó cho người thánh minh của quốc gia để làm ngọc bảo trấn quốc.

Ở đây chúng tôi sẽ nói về Cửu tinh từ ngoài Viên Cục, xem trong tinh cung của Bắc Đẩu có bao nhiêu tinh cung liên quan. Cửu tinh gồm : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh và Phá Quân, loại tinh tú này vận hành với địa hình tương ứng trên mặt đất. Trong Cửu tinh có Tam Cát, ngoài Tam Cát còn có Phụ Bật.

1- Tham Lang tinh

Tham Lang tinh có đỉnh núi đột ngột cao vút lên tựa măng tre, song nếu chỉ là nhánh rẽ của Long mạch thì không như vậy, đỉnh núi mặt bên của nhánh rẽ gọi là Phá Diện, đỉnh núi nhọn mà có chân thì gọi là Thừa Long. Dưới Cước có thế kéo ngang thì gọi là Địa Kiếm, mấy cách này chủ về văn võ song toàn. Nếu nhìn ngang là đỉnh, nhìn hai bên là bướu, thì đó chính là Long mạch của Tham lang tinh rời trận. Nếu bên mình thành đỉnh mà đi thẳng, không phải để triều bái thì sẽ không dừng bước, không cần phân biệt nơi này là cao phong, ắt hẳn nó có Huyền Vũ sơn ở trong. Cũng có sơn phong là Huyền Vũ Sơn, ở nơi Huyền Vũ giáng xuống (kết huyệt vị gọi là "Huyền Vũ Lạc") thì có Tứ Thú tụ hội. Chỉ có nơi Tứ Thú hội hợp mới được gọi là Long Tụ Tinh, nếu Long vượt Tứ Thú mà không qua nơi này thì gọi là Không Long. Không nên tìm huyệt vị trên Không Long.

Có khi Tham Lang tinh hình thành trông tựa như Quan, Hiệp của Long mạch, mà chính thân của nó vận hành ngấm ngầm trong Hiệp. Tham Lang tinh có 12 hình thức: Tiêm, Viên, Bình, Trực, Tiểu, Khi, Tà, Trắc, Nham, Đảo, Phá, Không (nhọn, tròn, bằng, thẳng, nhỏ, lệch, chếch, nghiêng, mỏm, sụt lở, vỡ, rỗng), 12 hình thức này mang theo các loại họa phúc, khinh trọng khác nhau. Khi, Trắc thì giống Tà; Bình thì giống Thừa Long. Nếu Tham Lang giống Cự Môn thì đó là Đảo, Không, Phá nếu không có Nham thì là đá. Nơi có Khi thì giống sườn dốc, mà nơi có Phá tựa bị chém đứt, nơi có Tà thì hai bên không cùng một dạng. Trắc là mặt Tiêm thân Trực, Không là chỉ trong nham thạch có nhiều chỗ lỏng lánh. Đảo Phi Phong là nghiêng lệch, mấy dáng vẻ trên đây cũng chưa đủ nói hết Long hình của Tham Lang tinh. Trên Bình Địa bỗng nhiên nổi lên một đỉnh núi trông tựa cây măng non, đây chính là bộ mặt thật của Tiêm Phong. Viên là chỉ không có Khi, Trắc mà bốn bề đều như một, Bình là chỉ sơn phong giống con tằm ở trên cao, Trực thì giống dây tơ nhện mà tới, Tiểu thì như đầu bút cắm trên cao. Đây là những hình chuẩn của Tham Lang; có thể xét rõ cát hung họa phúc từ đây.

Hỏa tinh nhất định phải đóng trên tinh vị của Liêm Trinh mới có thể từ các hình dạng trên mà sinh ra tinh của Tham Lang, nếu thấy Hỏa tinh vận hành thì ắt sẽ thấy dấu tích của nó giáng xuống tại đây. Long như thế chẳng phải Quý Long thông thường, nếu sinh ra tinh phong của Tham Lang thì phương hướng của nó cũng rất kỳ lạ. Nếu Hỏa tinh xuất hiện trên Liêm Trinh thì phải tìm kiếm huyệt vị trong vòng 100 dặm. Ở trong sẽ xuất hiện một tinh phong Tham Lang nhỏ, nó sẽ luôn hướng về phía cung Hỏa tinh. Thông thường người ta chỉ biết Tham Lang tốt mà không biết Liêm Trinh tinh là chủ tông tại đó. Nếu Tham Lang không có Liêm Trinh làm Tổ sơn, dù chủ nhân làm quan cũng không cao đến địa vị Tam công.

Tinh phong trên đỉnh cao thì giống như bàn tay nằm ngang, ở giữa phân ra một đường mạch nhỏ tựa rắn bò. Long mạch cao quý xuyên ra từ trung tâm, Phú Long thông thường chỉ sinh ra từ hai bên. Núi cao giống màn trướng che đậy phía sau, trong doanh trại sẽ có một Long mạch vô cùng nhỏ bé xuyên thấu qua, nếu Đới Tử bay nhảy mà

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phía dưới giống đuôi chuột thì đó là Thượng Linh Xà của Tham Lang; nếu Đới Tử bay nhảy mà bên dưới tựa tiên hạc duỗi dài thì đây là Hạ Tinh Xà của Tham Lang. Hình trạng của Thượng Linh Xà sẽ mang tới đại phú quý, mà Hạ Tinh Xà sẽ khiến gia đạo mục rữa thối nát.

Nếu có núi lớn cao vượt lên thì núi nhỏ trong đó đặc biệt phú quý; nếu có nhiều núi nhỏ xuất hiện thì núi lớn trong đó sẽ hình thành công hầu. Chỉ có núi cao cao thấp thấp, chợt to, chợt nhỏ, khi đứt đoạn, khi liên tục mới là núi có cốt khí của Tham Lang chân chính. Thông thường Cửu tinh có các chủng loại khác nhau, sinh con cháu cũng giống như các chủng loại này vậy.

Chỉ khi trải qua sự lột xác mới biết rõ cốt khí thực giả, nếu lột xác giả thì không phải là Chân Long. Vừa lột xác thì Long từ lớn biến thành nhỏ. Sau khi trải qua lột xác mới hiện ra Chân Long mà tinh phong nhỏ vẫn là Tham Lang tinh như cũ. Việc lột xác này cũng giống như người ta thay đổi y phục mới. Loại lột xác này có khi từ núi lớn biến ra núi thấp nhỏ, có lúc từ núi cao giáng xuống Bình Dương. Trong quá trình lột xác, Long mạch phân thành mấy đoạn, phần lớn sẽ bị rối loạn, chỉ còn lại một Chân Long duy nhất. Nếu là Chân Long thì sẽ đứt rồi lại đứt. Núi non tranh nhau bao bọc trước mặt không để các Long mạch này vượt ra ngoài, chỉ có Long mạch chân chính mới xuất hiện trong Sa Trướng, núi non bên ngoài sẽ vây kín nó. Long mạch này đa phần hạ mạch từ giữa eo, dư chi của nó hồi chuyển có thể hình thành thành quách. Thành quách khúc khuỷu sẽ để lộ dáng vẻ của lính canh cửa, La tinh ngoài cửa phải nằm trong La Võng. Tinh tướng bên ngoài thường là Hỏa tinh, chỉ có Hỏa tinh thành đôi mới khiến Chân Long yên ổn. Nếu La tinh đóng trong huyệt vị thì nó sẽ mang tới các ác bệnh về mắt và thai sản cho chủ nhân. Nếu La tinh sinh trên miệng La Thành, thì chủ nhân đứng trong hàng ngũ Ngọc Doãn. La Thành có hình thế như tường thành thì Long mới có thể tụ tập chân khí trong đó. Nếu La tinh đóng ở trong cung khuyết thì được gọi là Thủy Khẩu Sơn. Hình thế một bên là Trầm Thủy, một bên là Trầm Điền là tốt nhất với La tinh chân thực. Trong ruộng thường có cốt nối liền với mạch khí, có khi trong đất có đá cứng tồn tại. Đó là vì sự tồn tại dư khí của La tinh, nên lập thành thủy biên cao. Tham Lang và Cự Môn có hình dáng vuông và nhọn, Tả Phụ Hữu Bật và Vũ Khúc có dạng uyển chuyển và nghiêng hẹp. Lộc Tồn, Liêm Trinh, đa số là vỡ vụn, Phá Quân nhọn, chỉ có La tinh hiện ra dáng vẻ nhọn tròn vuông lệch mới đạt được chính hình của La tinh. Có khi bốn phương tám hướng đều là thủy, có hai tòa núi bao bọc huyệt vị. La tinh cũng có nhiều chủng loại, nên không được tùy tiện nói rằng La tinh chỉ xuất hiện tại thủy biên.

2- Cự Môn tinh
(Phụ luận Quá Mạch)

Cự Môn tinh tôn quý mà tính đoan trang, vừa rời khỏi Tổ sơn nó đã ngẩng cao đầu. Tinh phong của Cự Môn khác biệt rất nhiều với các tinh thể khác, nó chẳng nhọn chẳng tròn mà thể cách vuông vức. Phía trên cao của nó hình thành dạng chiếc thẻ, hốt, nhưng không có Cước sinh ở hai bên. Tinh phong như vậy chỉ có một, hai tòa, phía dưới Phương Cương thì có nhiều núi nhỏ như đàn dê đang đuổi nhau. Cự Môn tinh của Phương Cương có cái giống Trướng bốn góc, trong Trướng có Đới tựa như muốn bay lên. Phải để Cự Môn xuyên qua mà vào trong Trướng, hai góc bay lên thì sẽ theo thân mình mở ra. Cự Môn tinh không có nhiều phân chi, phân diệp mà Quan, Hiệp cũng ít, song lại có sơn hộ vệ theo bên mình. Những sơn hộ vệ này mang theo Tiết, Hốt hộ vệ Cự Môn, những

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sơn có Tiết thường đến thành từng đôi. Lại có sơn phong Đao Kiếm cùng hộ tống, sau khi Đao Kiếm phong đưa tiễn thì có Viên Cương (đời tròn) của Cự Môn ở trước mặt.

Rời xa nơi có vết tích đứt đoạn thường không thấy Long mạch, tựa dấu chân ngựa lưu lại rất dài. Trong Thoa Cơ tự có đường tơ liên tục, sau khi qua lưng ong, gối hạc thì có nhiều dáng vẻ. Đây đương nhiên là vì Cự Môn tinh vô cùng tôn quý, do vậy có nhiều sơn phong đến hộ tống, mỗi khi Long mạch đứt đoạn ở nơi Quá Hiệp hai bên ắt sẽ xuất hiện sơn phong đến hộ tống. Những sơn phong này hai bên đều xuất hiện Cước hộ tống Chân Long. Nếu Long mạch đơn độc vận hành mà không có hộ tống sơn bảo vệ, thì nhất định sẽ tạo nên các miếu, chùa. Long Xuyên Chu tiến tới vài dặm, chợt hình thành Phương phong cao vượt lên. Nó đi theo một đường thẳng tắp, lưng dài rất giống Tham Lang bằng mà nhọn. Đã giống hai hình thức Bằng và Tiêm của Tham Lang, nó xuất hiện trên đỉnh núi, tựa con tằm đang nằm, Tham Lang tinh lại đi thẳng tựa hòa thượng đang thiền định. Hộ Long mang theo Tả Phụ lần lượt chuyển, Chân Long ở trong mà tả hữu bao bọc. Nơi loại Long này hình thành không có lũng cao, nó sinh ra trong Oa huyệt và đầm nước sâu. Cự Môn tinh xuất hiện đơn độc giữa khe núi, huyệt vị nằm trên gò cao tựa Chân Long vậy. Bốn bề phải có dáng vẻ hộ vệ, chầu bái mà cao vượt. Án sơn trước mặt lộ dáng vẻ chào đón, cũng cần có tư thế bay lượn trên cao. Huyệt hình thành trên cao phải ngay thẳng.

Chân Long có Cự Môn xuất hiện nếu vận hành 30 dặm sẽ chỉ có ba, bốn Phương phong cao vượt. Nhưng mỗi một sơn phong đều phải có các điều kiện là đều cùng ngay thẳng, dài, vuông, không nên có bất kỳ một thức nào nghiêng lệch mà mất đi hình thể quý giá. Nếu trên sơn phong bỗng nhiên xuất hiện dấu vết gấp quạt thì nó giống với Liêm Trinh vậy. Phàm Tinh tú xuất hiện thì không được nghiêng lệch, càng không nên sinh ra Cước chiếu ứng đi nơi khác. Chân Long thông thường đều tiến thẳng về phía trước, từ từ hình thành huyệt vị Long Hổ xung quanh. Đây là sự vượt qua Nhĩ Hiệp của Vũ Khúc tinh, khi đi qua nơi này ngẫu nhiên nó sinh thành Hiệp.

Tinh tú tôn quí ắt sẽ có tư thế tôn quý, lấy ngay ngắn vuông vức làm Binh phong thì đó là huyệt vị của tướng. Hành Long dưới Cự Môn rất ít có Quỷ Kiếp bởi hàng ngũ hộ tống hai bên có khá nhiều, lấy thủy làm ranh giới, bên trong phân ra kèm theo Long mà đi, không thể đơn độc mà đi được. Nơi thủy giới phân ra sinh sôi vô số chi mạch, tuy Chi Diệp nhiều song đều cùng đi với thủy. Long mạch hộ tống nào cũng có phân biệt mặt và lưng, phàm lưng trông tựa bức vách mà mặt bằng phẳng. Nơi bằng phẳng gần sát với thân mình của Long, khi Long vượt qua nơi này thì hình dáng của nó rất kỳ dị. Nếu không có hình dáng tròn nhọn thì sẽ có hình dáng mã kỳ, nâng kiếm, bàn Long đều quy tụ về đây. Hộ vệ sơn bao bọc trùng trùng. Cự Môn tinh tương đối ít có Quan Hiệp, hộ tống, lại không để hai bên trái phải có chỗ rời nhau. Xác định Minh Đường phải là nơi không bị nghiêng lệch, Án sơn dày đặc phải ở dưới chầu lên. Tham Lang tinh phải Bình, Cự Môn tinh phải che phủ, Vũ Khúc tinh phải tròn. Tóm lại phải có đủ Tam Cát Tiêm Viên Phương chính mà không thể quá tế. Khi có đủ Tam Cát thì mới không còn hoài nghi gì khi nhận huyệt. Phải nhận rõ Chân Long thì tại nơi hổ nghi mới đủ để đoán định, nếu đoán định được Chân Long rõ ràng thì đúng là thuật sư thánh minh.

3- Lộc Tồn tinh

Hình dáng của Lộc Tồn tinh giống mặt trống, phía dưới sinh ra Cước trông tựa móng vuốt. Trước mặt nó thường có một tòa tinh phong nhỏ, đây là nơi Lộc Tồn tinh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mang theo Lộc (còn gọi là Đới Lộc). Nếu tinh phong này lớn thì đây là Lộc Tồn tinh mang theo sát khí (Đới Sát). Nếu Đới Sát có Hoành Ma kiếm thì đó là Quyền tinh ở trước Vũ Khúc tinh. Thông thường Long mạch và Hiệp Cốc lớn đều phải vận chuyển vài trăm dặm đường, trong đó có rất nhiều Bảo Điện, Lầu Long. Nếu bỗng nhiên gặp Lộc Tồn tinh tựa như tiến vào Trường Viên, tinh phong cao không bao bọc Long mạch, thì chẳng cần lưu tâm tới nó làm gì.

Nếu Tiêm Cước ở dưới Lộc Tồn phong hỗn loạn thì gọi là Kỳ Trảo Cự. Tinh phong nhỏ mà tròn lại Đới Lộc sẽ sinh ra phú quý bậc công hầu. Tinh tú thường kỵ sự vỡ vụn, nếu không bao bọc bản thân Long mạch thì sẽ làm Quái. Long thần ngay thẳng không nên có bất kỳ kẽ hở nào. Long thần hung ác sẽ có nhiều nơi vỡ vụn. Huyệt vị hình dạng kỳ quái sẽ sinh ra người xấu kẻ ác, rốt cuộc cũng dẫn tới hủy diệt chính mình. Nếu trên Long mạch xuất hiện hình ngọn thương thì không tốt.

Mặt trống nếu hơi có hình vuông tựa Vũ Khúc tinh, song Vũ Khúc tinh khá ngay thẳng mà bên dưới không có Cước. Nếu có Cước bao quanh thì đó chính là Lộc Tồn tinh. Khi gặp những nơi tương tự, nên phân biệt mặt và lưng. Nếu lưng giống mà mặt khác thì đây là nơi Lộc Tồn tinh di chuyển. Nơi lõm xuống là mặt mà nơi gồ lên là lưng, nơi làm huyệt phân rõ Kim tinh mà chốn vượt qua trông tựa đường tơ. Phàm xem tinh tú chủ yếu là xem nơi nó chuyển dịch, nơi này cần phải giống người mẹ đang nhìn con mình vậy. Nếu chi mạch phân thành nhánh khác cũng vẫn có Chân Long, nhưng phân làm Qua Đằng thì khó biết. Trong vòng mười dặm không có núi non thì phương hướng cũng mờ mịt.

Mỗi khi tới một nơi nào, ta cần xem xét thủy thế, xem đó là sông nước hay nguồn khe. Chỉ cần có hai dòng thủy lưu kèm nhau mà ra, cùng giao hội mà kết thành mạng lưới dày đặc bên ngoài. Nơi Lộc Tồn tinh đóng phần lớn là trong Bình Dương, nơi kết huyệt lớn thì tạo thành châu quận, mà nhỏ thì hình thành thị trấn, huyện lỵ. Trong Bình Viên thường có đất đá lổn nhổn, có khi hình thành Hoành Sơn. Nơi đây cũng có Tả Phụ và Hữu Bật, Phụ, Bật tinh không có chi mạch mà Lộc Tồn tinh thì có, phải quan sát kỹ mới tránh khỏi sai lầm.

Lộc Tồn tinh là tinh tú lớn thứ nhì của bậc đế vương, nó chủ cả văn lẫn võ. Phàm Cửu tinh hành Long đều cần có Lộc, trọng yếu nhất là cần có Tham Lang, Liêm Trinh, Cự Môn kèm theo, có lúc nó nổi lên từ hai bên trái phải của Vũ Khúc, Quý Long này rất ít thấy, nếu gặp loại tinh phong rời xa kết huyệt thì không nên lên núi cao tìm cục thế gấp gáp. Nếu gặp Cửu tinh cùng kèm nhau mà đi, thì chỉ cần phân biệt có chân hay không là đủ. Yên Vân xuống núi mà vượt ra Cửu quan, bên trong cần mang theo Tam Cát sơn của Lộc Tồn tinh. Núi cao hay trong Hiệp phần lớn có dáng vẻ đẹp đẽ, nhưng cũng có Lộc Tồn viên nhuận sinh ra trên nham thạch. Lộc Tồn và Phá Quân có rất nhiều loại hình dạng, cũng có chính hình ở dưới thấp. Sơn hình ở dáng cao vút, trên đỉnh sẽ sinh ra Lộc Tồn tinh. Nếu sơn hình ở trên Bình Dương thì giống như sơn phong đứng thẳng, đỉnh thấp mà Cước Thủ (chân tay) ngang bằng. Nếu trên đỉnh sinh hình, thì đỉnh núi nhất định xưng vương, nếu bình địa sinh hình thì cước sẽ đi loạn.

Lộc Tồn tinh thứ nhất giống mặt trống, Cước và Thủ đối xứng bên mình mà đi xa. Bình hành có Cước thì trông tựa mũi kiếm. Tinh tú ra từ sông lớn, ở trong cũng có Tiểu Tham Lang và Tiểu Cự Môn. Tả Phụ, Hữu Bật tinh sinh ra từ hai bên trái phải thân mình. Đây là Long Thần hình thành châu huyện. Có khi núi non bỗng hình thành cục thế tán loạn, do vậy cần có thủy lưu làm môn hộ.

Lộc Tồn tinh thứ nhì giống chiếc nồi lật úp, Cước nhọn như mũi kích. Có Cước mới được xem là Lộc Tồn tinh chân chính, nếu không thì gọi là Lộc Tồn Thôi Cự Môn, tinh tú này nhất định có uy quyền, khiến người từ tay trắng làm nên.

Lộc Tồn tinh thứ ba giống móng hạc, hai bên ngắn nhỏ mà ở giữa khá dài là Long mạch lộ ra. Nếu hình thế thấp nhỏ, khi tiến

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tới có huyệt vị tồn tại, ắt sẽ sinh Long sơn, Hổ sơn.

Lộc Tồn tinh thứ tư giống hình rẻ sườn, nan quạt, mà Cước Thủ thì giống tơ căng. Long này kết huyệt chỉ lợi cho việc xây dựng đàn cúng tế.

Lộc Tồn tinh thứ năm tựa quần áo rách cũ, như bị tản mác, đây là tinh tú của Bình Hành, tinh tú Bình Hành mà chi tách ra trên đỉnh. Long này chỉ kết huyệt trong Bình Địa.

Lộc Tồn tinh thứ sáu lạc huyệt trong Bình Địa, hình thế của nó tựa sóng trào. Các tinh tú khác cũng lạc huyệt tại Bình Dương, nhưng chỉ có tinh tú này lạc huyệt tại Bình Địa là tự bay lên. Cước của nó chuyển dịch thường sinh ra các tảng đá lớn có màu đen hoặc vàng. Ở hai bên Long mạch cần quan sát kỹ các hiệp cốc tùy theo Long mà đi nên xem kỹ độ lớn nhỏ, dài ngắn của nó. Khi Long Hộ Tòng chuyển hướng, nên quan sát nó khi giáng xuống, nơi đó cần có thủy lưu uốn lượn, khúc chiết. Quỷ hình của Lộc Tồn tuy nhiều mà thế của nó tựa đàn chim bay qua.

Lộc Tồn tinh thứ bảy tựa con rắn dài, hai bên trái phải không có hộ vệ, cũng không có gì che chắn. Long này chính là Hộ Tòng của Quý Long, trên bờ thủy lưu có tư thế chếch ngang.

Lộc Tồn tinh thứ tám xuất hiện trên đỉnh núi cao. Nó từ từ nhỏ dần và hình thành huyệt vị, Oa, Kiểm cũng rất ngay ngắn. Long này được gọi là Bát Quý Long. Đẹp nhất là khi từ Chân huyệt mà ra.

Lộc Tồn tinh thứ chín tựa hoa rơi, từng mảng hình thành hình dáng thủy kèm sa phong. Nếu không hình thành đầm ao làm Quỷ huyệt, cũng sẽ hình thành La tinh tại thủy khẩu để che chắn.

Các tòa núi trong thiên hạ đều có Lộc Tồn, song hung hay cát phải phân biệt cho rõ. Đừng cho rằng Lộc Tồn tinh nào cũng tốt đẹp. Nên biết Ngũ Nhạc đều là Chân Long lạc huyệt, trong đó có quá nửa là Lộc Tồn lẫn lộn với Phá Quân.

Đỉnh Mã Nhĩ trên Thái Hành Sơn chính là Long mạch Tham Lang tinh xuất hiện trên Lộc Tồn tinh.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4- Văn Khúc tinh

Hình dáng tiêu chuẩn của Văn Khúc trông tựa rắn bò. Văn Khúc tinh nhu thuận mà có tình. Hình thần của nó rất sống động. Thử hỏi làm sao mới có thể có ngọn núi như vậy ? Thế ắt nó phải xuất hiện trên tuyệt thể của Liêm Trinh. Lại hỏi làm sao mới tìm được tuyệt thể ? Thế ắt nó ở trên Bản Cung sơn. Làm sao kiếm ra Bản Cung ? Đó là nơi Long mạch mới sinh dưới Bảo Điện.

Nếu nhận ra tinh phong mới lộ diện rồi, càng cần phân biệt kỹ xem đã có được tinh tú nào. Chín loại tinh tú đều rất ngoằn ngoèo, chỉ có Văn Khúc tiến về phía trước. Nếu không có Văn Khúc, các tinh tú khác sẽ không có biến hóa. Sự biến hóa cần phải xem thứ nào chiếm đa số tinh. Tinh tú chiếm đa số thì thành chủ mà phân biệt thiện ác, Văn Khúc tinh dễ thấy nhất. Mỗi khi gặp nó nơi thịnh vượng thì sinh ra mặt nghiêng, Long thân sẽ đi thẳng, nếu có tinh phong thì sẽ có Phụ Bật cùng ra. Có Văn Khúc tựa rắn bò trên Bình Địa là tốt nhất. Sơn cốt của nó thiếu tinh phong nổi lên. Văn Khúc liên tiếp thì con gái của gia chủ sẽ làm cung phi hoặc hoàng hậu. Thông thường tinh xuất hiện thì ắt sẽ có tình, đương nhiên sẽ liên tiếp. Song nếu không có tinh phong mang Hình Thần sống động thì sơn mạch tựa Tử Long không thể tung hoành bay lượn. Dù tại đó có huyệt vị, song cũng chỉ có thể làm miếu thần mà thôi. Nếu xây dựng phần mộ và nhà ở tại đây thì con gái trong nhà sẽ phải làm nghề kỹ nữ, con trai thì phá gia, cha mẹ anh em bất hòa dẫn tới kiện tụng và sinh ra các

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

loại bệnh tật quái dị khiến người sống theo nhau mà chết.

Trong Khốn Long có tinh phong cao vút lên thì trái phải trước sau sẽ gặp nghênh, tống, Cự Môn, Tham Lang, Vũ Khúc, Phụ Bật... lần lượt xuất hiện. Nếu có được tinh phong cao quý tương sinh thì Tổn phong sẽ rất tốt. Đàn ông tướng mạo khôi ngô, đàn bà nắm giữ toàn bộ quyền hành trong gia đình.

Không nên nghĩ rằng Hung Long không lạc huyệt, cũng có Hung Long khiến nước nhà thịnh vượng. Đó là vì người ta không biết có Tinh Long, như trong Tham Lang có Liêm Trinh, trong Văn Khúc có Hữu Bật. Trong Vũ Khúc có Phá Quân thì sẽ khiến nhà cửa rối loạn; trong Lộc Tồn có Vũ Khúc thì sẽ có người giỏi võ thuật; nếu trong vòng mười dặm có một ngọn núi sừng sững, thì có một Long biến từ nhỏ thành lớn, từ yếu thành mạnh.

Một núi có thể đoán là một đời, cần phải quan sát kỹ đời nào đã sinh ra Long. Như vậy có thể đoán được phú quý từ chỗ gián đoạn của tinh phong này. Long khốn nhược tựa Tử Long, không hề có chút sinh khí. Trên lộ trình của nó sẽ không có sơn hộ tòng.

5- Liêm Trinh tinh

Vì sao Liêm Trinh lại thuộc về Hỏa tinh ? Là vì nó có hình thể cao lớn. Hình dáng của nó biểu hiện tư thế chót vót trên đỉnh núi.

Sự hưng khởi của Liêm Trinh hình thành thế lầu rồng bảo điện, Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc cũng sinh ra từ đây. Thuộc tính của Liêm Trinh thuộc về thuần Dương, nó sinh ra trên đỉnh tinh phong, nơi cao mà nhọn là lầu, nơi bằng phẳng là điện.

Nơi đất đá hỗn loạn trên đỉnh sơn phong được gọi là Tụ Giảng Sơn. Sau khi Tụ Giảng Sơn hình thành thì nó sẽ phân tán ra. Sau khi hình thành Long mạch sẽ di chuyển rất xa. Tìm dấu vết của nó, nên tìm tới Mẫu sơn. Tới nơi này nó sẽ sinh ra Sơn Chương trùng trùng, tựa vô số trướng màn đang mở ra. Sơn thế giống một vào trướng, một rời trướng. Giữa trùng trùng Sơn Chương sẽ có một Long mạch xuyên tâm mà qua, nếu màn trướng không bị xuyên tâm thì sẽ không có nhập trướng. Trướng màn nhiều bao nhiêu thì vận quý càng nhiều bấy nhiêu. Chân Long xuất hiện nếu chỉ có một lớp màn trướng, tại đây sẽ xuất hiện quý nhân. Trong màn trướng thấp thoáng có Tiên Đới nhảy múa, nếu Tiên Đới hạ thấp thì chủ hưng vượng phát đạt. Tại nơi này có Thiên Quan Địa Trục cùng đón ở hai bên, các tảng đá tựa rùa rắn cũng thường có ở đây. Trên đỉnh núi có Trì Thủy, Trì Thủy chảy xuống giáp với sự dịch chuyển của Chân Long. Vì sao trên đỉnh lại có Thủy ? Vì Chân khí trên lầu rồng bảo điện của Chân Long tích tụ. Chân Long xuyên qua Thủy, lại cũng có một Trì Thủy đơn độc hình thành thế bao bọc ở bên trên. Trì Thủy đơn độc, nếu có nơi nghiêng lệch sẽ sinh ra tai họa; nếu bề mặt Trì bằng phẳng mà có hai thủy lưu kèm theo thì nơi này gọi là Thiên Hán tinh. Thiên Hán và Thiên Hoàng đều tiến vào lầu gác, tinh tú như thế sẽ khiến người làm tướng lĩnh. Long có hộ vệ trên đỉnh núi, thủy lưu kèm sát Hộ Long mà vào.

Nếu nơi tương ứng với tinh tú lại lập một hình thể khác thì đó là bằng chứng Chân Long phân nhánh rẽ mạch. Tổ tông sơn phân chia con cháu và anh em, đến đây lại phân ra Tham Lang mà biết được tính tình.

Tham Lang có hình búp măng cũng xuất hiện từ đây. Sơn phong vuông vức là Cự Môn, ta phải phân biệt rõ Cái, Đích (Đích là chi chính, Cái là chi phụ). Nếu Đích, Cái không mất hình thế rời trướng, thì đây chính là Ngũ Cát tinh (Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Tả Phụ, Hữu Bật) của các tướng soái.

Các tảng đá tương ứng với Liêm Trinh đều bị mọi người gọi là Ác Thạch, họ thực

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

không rõ đó chính là tinh túy đã được rèn luyện của khí Dương Chân Khí. Long mạch như thế phần lớn lạc huyệt tại phương Nam, sơn phong phía Bắc đều có hình dạng kỳ lạ.

Phàm tinh phong đều có đất đá, nếu chỉ có đất không có đá thì vô dụng. Cốt của Liêm Trinh có thể tìm thấy tại nơi bằng phẳng, nếu Liêm Trinh không sinh ra ở nơi cát lợi, thì nó ắt sẽ cách với sông hồ mà hình thành thế Ủng Long. Tư thế chào đón của nó tương ứng trong vài mươi dặm. Chỉ cần thạch đá lớn nhô lên trên Liêm Trinh thì phải tìm dấu vết của nó trên đỉnh. Quan sát kỹ Chân Long sinh ra ở đây thấy được Long xuyên qua trung tâm tầng tầng Hoa Cái; Ngũ Cát phải nhô cao và xuất hiện trong Hoa Cái. Chân Long này rất ít khi gặp được, Hoa Cái của nó xếp theo hình chữ Phẩm ( ). Hai bên vai nó chia thành hai Hộ Long, đây là anh em có cùng tổ tông. Huynh Đệ sơn liền hình thành nên hai Long Triền Hộ, trước đón sau đưa sinh ra Thư và Hùng. Nếu Long là giống đực (Hùng) thì những điều nó sinh ra thuộc giống đực. Song nếu Long là giống cái (Thư) thì phải làm sao để nhận biết ? Thấp mà phì nhiêu đó là Thư, cao mà khô cằn đó là Hùng. Phàm trên mình Chân Long đều có ngọn núi chính, chỉ cần phân biệt được vết tích của nó ở đây thì được. Thường thường chúng hình thành dáng vẻ chào đón Tổ tông; chỉ cần xem dáng Hộ Vệ sơn, Nghênh Tống sơn tựa Chân Long đang cuộn mình. Lại có nghênh Long tựa hổ ngồi bên đường, thuận theo Chân Long, sơn, thủy, đều lộ dáng vẻ chào đón. Nếu mất tông tích ở nơi đến mà có điều nghi ngờ, thì hãy quan sát Thủy Khẩu có sinh ra các tảng đá hình dạng kỳ lạ hay không. Ắt sẽ có La tinh đứng giữa Thủy, ngoài ra La tinh có núi làm Quan. La tinh sinh ra ở trên hay dưới cần phân biệt, tìm kiếm kỹ lưỡng, vì La tinh cũng có thực có giả. Nếu La tinh gần thủy thì sẽ sinh ra đá lớn, La tinh ngay ngắn thì tốt nhất, Liêm Trinh thường sinh nhiều trên Long quay đầu về Tổ sơn. Tổ Long xa xa là Triền sơn, còn có Quỷ cước quay mình. Long Hộ Tống cần sinh ra mười mấy lớp, sơn phong của Tống Long phải ngắn nhỏ và ở phía sau. Hình dáng bao bọc không thể ôm lấy hai tay, Triền Hộ có Long phải vây phía trước lấy Long, Hổ sơn. Nếu có ba, năm lớp hộ vệ thì phúc sẽ nhiều thêm. Cho nên khi tìm Long mạch, chủ yếu phải quan sát Triền sơn, Triền Hộ là một lớp Quan. Nếu Quan có một vòng các núi bao bọc thì nhất định sẽ có vương hầu ở trong.

Nếu gặp Liêm Trinh mà không thấy đá thì dưới Cước sẽ có vách đá, vách đá là lưng mà mặt là nơi bằng phẳng, tìm Long ở mặt thì dễ gặp. Các tinh : Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Phụ Bật... trong quá trình vận hành, nơi chúng xuất thân là chân thực. Nếu sơn mạch đổi cốt có hơn chín (9) đoạn thì nơi đây sẽ sinh ra bậc công hầu. Nếu Liêm Trinh biến thành Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc thì chủ nhân sẽ văn võ song toàn mà chức vị tột bực cao. Song nếu Liêm Trinh bất biến thì trong nhà chủ nhân sẽ nảy sinh những việc dữ như loạn luân, giết cha, làm phản...

6- Vũ Khúc tinh
(Phụ luận Quan Quỷ Minh Đường)

Tinh phong của Vũ Khúc luôn có hình dáng như chiếc chuông, chiếc nồi lật úp, thông thường chuông cao mà nồi thấp, chúng chủ về những sự việc khác nhau. Cao là Vũ Khúc mà thấp là Phụ Bật. Cả hai tuy cùng cát lợi, song lớn nhỏ đều có khác biệt. Nếu Vũ Khúc ngay ngắn, thì vận phú quý khá vững bền; song nếu là Tả Phụ, Hữu Bật thì vận phú quý chỉ có thể quyết định tùy theo sự dày mỏng của Long mạch.

Sau khi Chân Long vận hành năm, sáu dặm, lúc sắp lạc huyệt thì phải tách Phụ Bật ra. Trong khi đi, trước có Quan sau có Hiệp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cùng theo, nếu Hiệp nhiều, Long sẽ uy mãnh. Nếu Phụ Bật tinh tách ra đến ba, bốn lớp thì cần quan sát kỹ nơi này để tìm dấu vết của Long. Nếu ở nơi lạc huyệt không có Phụ Bật mà chỉ có Tham Lang, Cự Môn, thì dù đó là cao sơn cũng không thể khiến Long dừng lại. Tuy Phụ Bật là dấu vết nhập huyệt, song tùy hình dáng mà thành huyệt lại có điểm khác nhau. Huyệt vị tùy vào sự nhấp nhô của Thổ Phong mà thành Kiềm, Nhũ, Hình Thần và sự lớn nhỏ của chúng đều quyết định nhờ vào Tông Long. Thông thường, Long của Viên sẽ bất ngờ kéo dài Cước ra, đây là Quỷ Long có hình giống chiếc thìa lật úp. Dấu hiệu cái kì bị lật úp, bàn tay để ngửa là điểm báo Long sắp lạc huyệt, khi tới đây không nên đánh mất vết tích thực của nó. Hãy nhận kỹ huyệt vị trước mặt Long, và đừng bỏ qua phần lưng. Làm thế nào để biết Long có lạc huyệt hay không ? Phải quan sát xem ở đằng sau, Long có hình thành sơn phong tươi tốt không. Lại hỏi làm sao biết Long đang dịch chuyển ? Chủ yếu phải xem tinh phong của đuôi Long có lắc lư liên tục không. Phía sau Long là Quan hay Quỷ phải phân biệt cho rõ, nếu là Quỷ khắc thân Long thì nó ở sau, nếu là Quan khắc thân Long thì nó ở trước mặt, đây là tình huống Long mạch xuất hiện Quan tinh và Quỷ tinh.

Nếu Âm Dương ở nơi Chân Long lạc huyệt rối loạn, thì Ngũ Hành và Quan Quỷ không nên đối nghịch nhau. Thủy Long tách ra thì Hỏa Long xuất hiện, Quỷ ở sau Quan ở trước. Nếu trên Khảm sơn có Long đến làm Ngọ, Đinh, mà khiến Địa Võng, Thiên La cùng chuyển thì đây là trong Âm Dương pha tạp Ngũ Hành. Không cần phải nhận biết Ngũ Hành ở đây mà chỉ cần quan sát kỹ thân Long mà thôi. Nếu Chân Long đoạt mạch thì có Quỷ Khí, Quỷ Khí không tự mà vận hành trên Long mạch. Trên mình Chính Long thường không có Quỷ sơn, song nếu Hoành Long rời huyệt ắt sẽ có Quỷ tinh xuất hiện, Quỷ tinh xoay mình mà cùng bao bọc phía sau huyệt vị. Nếu Quỷ sơn quá dài thì nó sẽ lấy mất Chân Khí của Long. Như thế nào mới có thể gọi là Quỷ ? Quỷ sơn chống ở phía sau Chủ sơn. Quỷ sơn phân nhánh tách mạch không quay đầu về, đoạt lấy chính thân của Long mà thiếu Toàn khí. Sau huyệt của Chân Long nếu có Quỷ sơn, thì sơn thế ngắn mà tách thành nhiều nhánh. Đây là tinh tú sau huyệt Chân Long, tinh tú có phân biệt thể nhọn và tròn. Nếu sau huyệt của Chính Long có Quỷ sơn thì Quỷ sơn giống như những con chim trĩ bay tới, quay đầu lại hộ vệ cho huyệt vị. Nếu Quỷ sơn không quay đầu bao bọc bản thân huyệt vị thì đây là nơi Tử Huyệt, còn gọi là huyệt Không Vong. Cái gì gọi là Không Vong ? Phía sau huyệt xuất hiện tư thế hòn ngói để ngửa thì gọi là Không Vong. Trên mình Chân Long có rất nhiều hộ vệ, các ngọn núi đều tới chào đón, chúng hộ vệ bên mình mà không dám rời xa, ở giữa có Tuyền Trì lặng lẽ chảy vào huyệt. Phải nhận biết Quỷ sơn của Chân long khá ngắn, vì có Long Triền Hộ ở sau. Đã có Triền Long sát bên Hộ Long thì nó sẽ không để Quỷ sơn tản mác khắp nơi. Nếu Quỷ sơn đi thẳng mà tiến vào sông bể, thì Long này sẽ có nhiều hình dáng tạp loạn. Nếu Quỷ sơn có hình cái qua, cái mâu, chạy tán loạn, thì không thể lấy Chân Long kiềm chế chúng được. Long không có Triền Hộ thì dù có Chân Long cũng không được toàn mỹ.

Sơn Hộ Triền phần nhiều ở trước huyệt, nếu Hộ Triền có ba, năm lớp thì phúc khí sẽ được bền lâu. Có một lớp Hộ vệ thì phúc cả một đời, nếu Hộ vệ này có diện tích 10 dặm thì nó là nơi sinh ra danh tướng.

Quỷ sơn cũng có Chân hình. Chân hình tùy thuộc vào Tam Cát và Phụ Bật. Cửu tinh cũng có hình dạng của Quỷ. Quỷ tinh của Tham Lang rất nhọn, nhỏ; Quỷ tinh của Vũ Khúc có ít Chi, Diệp, phần lớn hình thành dáng vẻ chiếc thìa lật úp, nếu ở phía sau huyệt thì tối cát. Quỷ tinh của Cự Môn có hình châu ngọc, Tham Lang thì hình thành hình bậc thang sinh ra ở sau lưng, tầng lớp nhỏ dần. Nếu Hữu Bật làm Quỷ tinh thì giống như màn trướng có khi sinh ra từ phía sau Long, Hổ sơn. Quỷ của Tả Phụ phần lớn hình thành dáng đốt sống loài trùng, tựa chữ Vương ( ).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Phá Quân, Lộc Tồn, Liêm Trinh, Văn Khúc đa số sẽ hình thành cửa ải, nơi gần cửa ải mà rộng lớn thì gọi là Tản Quan. Cửa ải là cục cũng phân biệt lớn nhỏ, Phá Quân, Lộc Tồn ở ngoài chắn trước cửa. Nếu Lộc Tồn không có Lộc thì gọi là Thần Đàn, nếu Phá Quân không có Phá thì thành Cận Quan. Quỷ sơn chuyển hướng đều dựa vào Hoành Long, Chính Long thường lạc huyệt từ Bình Địa. Long thế của Bình Địa tựa rết bò, chân núi dài tựa mái chèo, trước mặt chính là huyệt vị. Nếu mái chèo hướng ra sau thì Long mạch tiếp tục đi tới. Nếu mái chèo hướng ra sau mà chợt có sơn phong dựng lên thì ắt có Chân Long tại đây.

Tóm lại Cửu tinh đều có Quỷ hình, mỗi tinh lại có bốn (4) hình thức, tổng cộng có 36 Quỷ hình, biết được Quỷ hình cũng chính là biết được cái tinh túy của Chân Long vậy.

Lại hỏi phải thế nào mới được xem là Quan ?

Đó chính là núi kéo dài nghịch hướng ở phía sau Triền sơn. Đây là biểu hiện Triền sơn có dư khí cũng như phía sau Long huyệt có Quỷ vậy. Quan tinh ở trước mà Quỷ tinh ở sau, Quan phải có thế quay đầu mà Quỷ phải có thế nghênh tiếp, bằng không đó chỉ là hư ảo và huyệt vị không thể kết phát được. Sau lưng Long huyệt nếu có Y Quần thì đây là trường hợp có nhiều Vũ Tụ tại Quan Lan. Nhưng có Vũ Tụ lại không thấy huyệt, cũng như người được bổ nhiệm mà không đi nhậm chức vậy.

Nên quan sát Minh Đường ở nơi hội tụ Chân khí, trong Minh Đường cần có Bình Dương, nếu trong có Thủy thì phải rộng rãi bằng phẳng mới quý. Nếu Minh Đường gặp các tình huống như nghiêng đầu, lệch lạc, lao tới và thủy lưu gấp gáp thì đều không tốt. Trong trường hợp chưa phán đoán kỹ tả hữu tiền hậu của sơn thì nên tới Minh Đường xem thủy thế trước nhất. Cũng có Minh Đường giống đáy Oa, có hướng ngang thì gọi là Kim Thuyền, và được Thanh Long, Bạch Hổ bao bọc; có hướng thẳng thì gọi là Thiên Tâm mà uốn khúc, Mã Đế tuy thẳng mà có thế uốn lượn. Minh Đường tựa hoa sen, trôi dạt về bên trái thì đại quý, dạt về mé phải thì tiểu quý, nếu đóng ở giữa thì các phương vị đều đạt phú quý song toàn. Minh Đường lấy hướng ngang làm thế quý, tiếp đến là hình thế khúc chiết rõ ràng gọi là Quan Tỏa. Nếu Minh Đường trôi dạt đi mà không có thế quay đầu thì không tốt. Quan Tỏa có nhiều cách thức : dài mà vuông thì gọi là Tượng, ngắn là Mộc, nhỏ gọn là Kim, đầy đặn là Ngân. Sau khi quan sát các cách thức này, cần tới gần cục thế xem xét, nếu ở trong có Nhũ huyệt thì đó là Chân Long. Nếu Quỷ hình trái bầu thì chuyển sang trái. Trước mặt huyệt có thế chuyển ngang thì quan vận sẽ chuyển, con cháu ba đời hưởng phúc.

7- Phá Quân tinh

Tinh phong của Phá Quân giống như lá cờ, trước mặt là núi cao mà sau lưng thấp dần. Hai bên không có thế hiểm yếu, nơi vách núi dựng lên hình thế nghiêng lệch. Không ai biết đây chính là tinh tú xuất hiện trên Lục Phủ, trên mặt có Tam Thai mà ở xa là Tổ sơn. Sau đó sinh ra sáu (6) Diệu tinh tức Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc. Tinh tú trên Tam Thai được gọi là Tam Giới, sáu (6) vì tinh tú này cùng dắt nhau mà ra. Hình dáng tròn, nhọn thì giống Tham Lang, Cự Môn, hình tròn sinh ra Vũ Khúc, Thượng, Trung, Hạ Thai cùng xuất hiện mà đi thẳng tới Văn Xương Thai của Lục Phủ. Sáu tinh của Văn Xương Thai tựa Yến Nguyệt. Trên đỉnh bằng phẳng sinh ra sáu (6) tinh, sáu (6) tinh tạo ra hình lồi lõm. Trong hình lõm có chỗ trồi lên, sinh ra Cửu tinh xếp đặt chỉnh tề. Phá Quân chịu sự biến chuyển của Cửu tinh, từng vì tinh tú sinh phong mà hình tượng đều hiện ra, hình thế của núi ở trên mặt đất mà hình của Thủy lại ở trên trời. Nếu Tồn tinh nổi lên thì chân khí dứt, Chi Diệp đều bị Lộc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tồn chiếm. Nói tới Tôn tinh là nói tới Tam Cát và Phụ Bật.

Phá Quân có hình như lá cờ bay có đuôi kéo dài mới là chân hình, nếu xuất hiện Tôn tinh thì sẽ có hình thế. Hình thế của Phá Quân được mệnh danh tùy theo chủng loại các tinh tú.

Phá Quân của Tham Lang như chợt nổi lên, từng bậc từng cấp có tên là Thiên Đệ. Mũi nhọn trên đỉnh hướng về trước mặt thì có Nham Huyệt, nơi đỉnh đuổi ra trông như hình con gà đang gáy, trên đỉnh núi có một dải Đới trải xuống Nham, tiến thẳng đến Bình Địa như sợi tơ nhện. Sợi tơ này tựa đứt mà không đứt, như vó ngựa vượt qua vậy, ở hai phía Đông, Tây có thể thấy rõ nó. Hình tượng của Tam Cát luôn là như thế, nơi đây được gọi là Cát Phá Địa. Đi qua Bình, Thủy đều như vậy, nhất định có ao hồ cùng theo sát hai bên. Tham Lang xuống, Phá Quân đi, hình thành nên Viên Cục.

Phá Quân của Cự Môn bày thành hình chữ Thập ( ) đỉnh tương đối tròn mà có thế Khi, Trắc. Nó giống chim gõ kiến trên cành cao vậy, lên thẳng tới đỉnh mới lộ ra Thạch Thủy. Tinh tú này rời khỏi Long mà sinh ra thế chân vạc. Long này đem tới phú quý, có thể sinh ra bậc vương hầu, lại trải qua mấy phen thay đổi sẽ xuất hiện Tể tướng phò trợ nước nhà.

Phá Quân của Lộc Tồn đều ở trên đỉnh bằng phẳng, hai bên mình có hình dáng như rắn uốn mình trườn đi, đồng thời hai bên sườn hơi lộ ra, trước mặt tựa cây đại thụ đổ tại đất Bình Dương, sinh ra vô số Thụ Can, Chi Diệp. Trong Thụ Diệp lại sinh ra mầm non, hình thành ra thế từ núi cao chạy xuống đất bằng. Huyệt vị ở gần ngay trước mắt, song nếu không có hộ tống thì chỉ có thể xây dựng đền miếu mà thôi.

Phá Quân của Vũ Khúc tựa cái chạn thức ăn bị đổ, thân hình của nó đầy đặn song có hình thế nghiêng lệch, sơn mạch phía trước chạy ra như gà duổi cổ, sơn mạch từ đỉnh xuống trông tựa sống mũi. Cước một cao một thấp cùng không nhọn, Nhũ Đầu lạc huyệt ắt phú quý song toàn.

Phá Quân của Liêm Trinh cao lớn, tiếng của đại thủy lưu qua quan hiệp ầm ầm như sấm.

Phá Quân của Tả Phụ tựa chiếc khăn đội đầu của đàn ông, hai bên có Cước với tư thế như đá cầu.

Phá Quân của Hữu Bật tựa cá chép vượt Long môn khi tới bình địa chợt dựng đứng lên mà ra.

Mấy loại Phá Quân tinh phong này đều chen nhau đi trong bình địa, chúng kéo dài thân hình mà đặt Cước hướng ngang.

Để hình thành được đàn thần, tông miếu hay phú quý, cần xem xét kỹ sự khác nhau của Triền Hộ sơn. Nếu Triền Hộ nhiều thì đó là Long của phú quý, nếu Triền Hộ ít thì chỉ thành đền chùa. Cửu tinh đều có Phá Quân, Lộc Tồn và Văn Khúc, hình của ba (3) tinh này do Phụ Bật làm chủ. Chúng có hình xâu chuỗi thì đó là Lộc Tồn của Cự Môn, nhưng nếu là hình mái chèo thì đó là Lộc của Phá Quân. Nếu thành huyệt phía dưới cát tinh thì tốt, và ngược lại. Huống hồ Long hung ác không thể kết huyệt, dù có thành huyệt thì cũng là huyệt giả, mà huyệt giả làm sao có thể bền vững được lâu !

Khi Chân Long xuất hiện, trước mắt ắt hiện ra Tôn tinh. Nếu Tôn tinh sống động, thì dù là Tử Long cũng có thể biến thành Sinh Long; Long đổi cốt thì xuất hiện Phá Quân, Liêm Trinh, Lộc Tồn, Văn Khúc. Phá Quân sẽ đột nhiên hướng ngang mà ra khỏi sa trường, Long này xuất hiện sẽ có hình dáng của Tướng Quân, thủy lưu nó gặp phía trước sẽ thành áo giáp của nó. Trong trường hợp này hình tượng của Phá Quân và Lộc Tồn sẽ rất nhiều. Nếu không có hình mũi đao thì cũng có hình kiếm, kích. Nếu Long vận hành mà gặp phương vị Lục Tú thì sẽ gặp Lục Khí mà tung hoành khắp trời đất, dùng hung tinh có tới đây cũng bị tiêu diệt tận gốc. Hung tinh tận diệt, cát tinh sinh ra.

Mỗi một chân núi của sơn mạch Côn Luân đều là Phá Quân sơn. Chúng đi ra liên miên bất tuyệt từ bờ Bắc biển lớn, người ở đây thô kệch, tính tình cũng vì thế mà dũng mãnh, trẻ em lên ba đã học cưỡi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ngựa bắn cung. Sơn thế đến Lũng Hữu, tinh phong ở đây cao chọc trời, nhọn hoắt. Vì sao nơi này không sinh ra văn nhân ? Vì sơn phong quá nhiều mà thành nơi hỗn trọc. Nơi núi cao lũng rộng nhiều, Tiêm phong không như trên bình nguyên, dù có núi cũng chỉ là số ít. Sơn mạch chạy tới Đại Tản Quan, tại đây núi sông hội tụ rất nhiều. Sơn mạch tiến thẳng tới cửa Hàm Cốc, thủy lưu xuất hiện từ Hoàng Hà. Sơn mạch thấp dần mà xuất hiện Hùng Nhĩ sơn, Bình Dương vạn dặm cũng thấp dần. Đến đất Đại Lương thì không có núi, vậy phải tìm Chân Long ở đâu ? Phải dựa vào giang, thủy mới thấy được tông tích của Long.

La Thành 100 dặm không được coi là xa, có biết được điều này mới có thể đàm luận về Cửu tinh. Muốn biết Cửu tinh thì cần xem chính hình của nó, như vậy nên tìm kiếm tại nơi dịch Cước của Chính Long, từ đó mà biết Phá Quân và Lộc Tồn dịch chuyển bên trong. Trong thiên hạ núi nào cũng có Phá Quân và Lộc Tồn, Phá Quân cùng giao với Lộc Tồn thì xuất hiện Địa Trục (có núi tại Thủy Khẩu). Nếu Lộc Tồn không có Lộc thì hình thành Quan, Phá Quân không có Phá thì thành Lan. Sơn hình làm Quan, Lan sẽ hình thành Thủy Khẩu, ắt có La tinh trong thủy.

Đại Long cần có Phá Quân sơn lớn, Tiểu Long cùng cần có Phá Quân, Lộc Tồn và Văn Khúc giáp bên. Liêm Trinh đa số hình thành núi tổ của Long, nếu có Phụ Bật cùng theo với Long mạch thì ắt sinh phú quý. Nếu tinh phong Liêm Trinh quá cao thì không có Long, nó chỉ có thể tương ứng và làm môn hộ. Quan Lan của Thủy Khẩu sơn đều là Phá Quân và Lộc Tồn, tuy không có Cước, song Khuyển Nha giao nhau thành một vòng. Tại đây sẽ xuất hiện núi ngang tựa hổ nằm hoặc xuất hiện hình vòng cung. Chỉ cần nhận biết được Thủy Khẩu sơn là biết được Phá Quân và Lộc Tồn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

8- Tả Phụ tinh

Chính hình của Tả Phụ như chiếc khăn đội đầu, mặt trước cao mà mặt sau thấp. Duỗi dài tới eo lưng tựa Trượng, Cổ, phía sau lớn mà phía trước nhỏ giống như bưu lạc đà, phía dưới có hai Cước đi ngang, thường trôi dạt ở hai bên trái phải của Vũ Khúc. Vì sao Long của Tả Phụ lại ở gần Vũ Khúc ? Vì chia dòng, tông mà thành quan hệ chú bác. Sau khi chia dòng sẽ hình thành hai Quý Long, đây là điểm khác biệt với các tinh tú khác. Hai bên mình Vũ Khúc ắt sẽ sinh ra Tả Phụ. Tả Phụ có hình dáng riêng của nó, dưới sơn phong vuông vức sẽ có hình dáng như cây búa dựng đứng. Đây là hình Tả Phụ của Vũ Khúc; nếu là Chân hình thì nó sẽ khác. Long hình chân chính sẽ có dáng của Quý Long, có dáng hình chiếc khăn, có Hoành Cước nhấp nhô đi tới. Nó có đỉnh cao và vai thấp hình tròn nơi chỵ nhô lên giống như tổ mối trên núi. Từ đây có thể đoán định phía trước sẽ có Long nhập vào Viên; Long vào Viên thì cao quý nhất, có thủy chảy qua trước Đông và Tây Hoa Môn. Ngoài thủy lưu, bốn phía đều có sơn phong trùng điệp. Những sơn này là Chấp Pháp tinh trước Viên. Chúng chia thành quân binh hai bên, Viên cục vuông vức thì gọi là Thái Vi, Viên cục có 4 cửa thì gọi là Thiên Thị. Hoa Cái và Tam Thai cùng hộ vệ trước sau, ở giữa có thủy lưu chảy ngang qua gọi là Ngự Câu. Nó bao ly thành Viên khúc chiết chảy qua giữa. Thiên Thị, Thái Vi mà thiếu mất cục thế hoàn toàn, dù có triều, nghênh cũng chưa hẳn là chân hình. Tư thế biển lớn chào đón, hộ vệ tinh tú trông tựa mũi tên. Hoàng Hà chín khúc, mỗi khúc đều có Phụ Bật phân ra, làm những nơi nhập thủ.

Làm sao mới có thể nhận biết Tả Phụ ? Chỉ cần quan sát mỗi một sơn phong mà Tả Phụ sinh ra, thấy hình thể sơn phong không hỗn tạp thì được. Trên Thiên Môn có thể sinh ra Bảo Điện (nơi thủy lưu tới

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

gọi là Thiên), Bảo Điện có thể tìm thấy Long lầu trong đó. Phải tìm được Trì Thủy trong Long lầu (trên đỉnh sơn phong có Trì Thủy), Thủy là sinh khí trên Long lầu, hai bên Trì Thủy giáp nhau mà ra, trong Trì Băng không phải là Địa. Địa chính là Phụ Bật, chỉ phân làm vô hình và hữu hình mà thôi Hữu hình là Tả Phụ chân thực. Nếu Long từ Thiên Môn mà ra thì đó là Chính Long, bằng không thì không phải là Chân hình. Thuận theo thứ tự là từ Tham Lang tới Phá Quân, nếu có nơi Long đi ngược thì nó sẽ mất đi thứ tự. Tìm kiếm nơi đứt đoạn của Long, ở hai bên của nơi đứt đoạn sẽ sinh ra Hộ sơn.

Nhất thiết phải tìm kiếm Long lột xác trong Cửu tinh, sau khi thấy nó rồi, lại cần tìm dấu vết của nó. Muốn nhận rõ hình tượng của Chân Long và Chân Tả Phụ, chỉ cần quan sát sự cao thấp của tinh phong tựa chiếc khăn đội đầu là được. Nếu Tả Phụ tự mình thành Long thì nó sẽ ẩn giấu hình tích. Nếu Long do Tam Cát hình thành, Tả Phụ sẽ tùy theo Long mạch mà biến đổi hình của nó. Tham Lang đa số có hình chữ Phẩm ( ), Vũ Khúc, Cự Môn đều tròn, vuông mà thành ba tòa tinh phong nối tiếp nhau. Từng Tiết của Tam phong chuyển dịch theo thân, ở giữa có một phong là chính diện phong, giáp hai bên là Tả Phụ; nó lớn nhỏ hay tròn nhọn cần phân rõ. Long này từ núi cao mà tới, ở trên cao có thể sinh phong. Nếu là Long Giáng Lầu, hạ Điện thì từng Tiết sẽ thay đổi dưới Lầu. Tham Lang Long lột xác dưới sẽ giống quả cầu, nơi nhọn có mang Cước tựa con rùa nổi trên mặt nước. Lộc Tồn lột xác tựa ngô công thoát tiết, hơi lộ đoản Cước ở bên mình. Văn Khúc tinh thì giống rắn bò. Long lột xác dưới Liêm Trinh thì sẽ có hình răng lược, từ trong răng lược có Long mạch đi ra. Dưới Phá Quân mà có Tham Lang tới thì trông có hình như tia chớp. Nếu Triền Hộ khá nhiều thì sẽ hình thành Cát Long, bằng không chỉ có thể xây dựng đền chùa mà thôi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

9- Hữu Bật tinh

Hữu Bật vốn không có chính hình, hình của nó tùy vào sự cao thấp của tám tinh kia mà xuất hiện. Muốn nhận biết được chính hình của Hữu Bật chỉ cần tìm kiếm nơi tám tinh đứt đoạn thì có thể thấy được hành tích ẩn tàng của nó. Giấu mình mà đi nên Hữu Bật còn được gọi là Ẩn Diệu. Hình dáng của nó tựa như con thoi, dấu chân ngựa mà nhỏ như tơ, lại như nhện qua mặt nước, cá trên bờ, hình tích phảng phất như rắn trốn trong cỏ, khi tìm Long mạch và dấu vết thì chẳng hề thấy. Mạch chính là Hữu Bật được tôn xưng, nó tùy theo Long mà đi. Khi Long vận hành có Hữu Bật triều, nghênh, sự biến đổi của nó là tùy vào Long đi. Nếu nhận biết được Ẩn Diệu cung của Hữu Bật thì có thể thấy địa hình cát lợi ở khắp nơi. Hữu Bật đa số là cát lợi vì khi nó ẩn giấu hình tích thì đồng thời nó cũng ẩn giấu cả Thần Sát. Song vẫn có mạch ngầm tiếp nối, tại nơi Bình Đương có lộ trình ngàn dặm. Nơi đây chính là nơi sở tại của Hữu Bật, trong Địa Bình có thủy lưu. Sơn cao hơn thủy một tấc gọi là sơn A, chỉ tiếc rằng các nhà phong thủy hiện nay có cặp mắt kém tinh tường, khi gặp nơi này thì không biết ra sao, đã nói không có nơi nào để tìm kiếm tông tích, cho đến khi thấy sơn mới nhận ra Long mạch.

Nếu có huyệt trên Bình thì sẽ có nơi biến mất, nên tìm Thanh Long và Bạch Hổ trên núi, lại cần sơn phong có đỉnh tròn mới là đại cát. Sơn Khuy xuống Bình mà đi, huyệt ở trong Bình thì phú quý song toàn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

10- Cửu tinh biến huyệt

Tham Lang hạ làm huyệt trên Nhũ Đầu. Cự Môn hạ làm huyệt trong Oa; Vũ Khúc hạ làm huyệt trên Kiểm. Lộc Tồn, Liêm Trinh hạ làm huyệt trên hình răng lược, hình cái cày. Văn Khúc hạ làm huyệt trong Bình, dù ở trên cao, huyệt cũng đóng chính giữa. Phá Quân hạ làm huyệt giống cái qua cái mâu, hai bên có hai tay bao bọc, sẽ có hai núi làm hộ vệ, hoặc có thủy lưu chảy ngang qua trong huyệt. Chính huyệt của Tả Phụ như tổ chim yến ngửa lên, nếu ở trên núi cao thì tựa ngọn đèn treo tường.

Nếu huyệt vị rơi vào nơi thấp, bằng phẳng thì tựa tổ chim, dù có Viên cũng chỉ là cửa. Đây là cách thông qua Bác Hoán để tìm tinh huyệt, tìm huyệt vị phải tùy vào Long mạch. Nếu là Chân Long thì huyệt cũng là Chân huyệt. Tìm Chân Long thì dễ hơn tìm Chân huyệt. Long lột xác, tinh tú cũng theo đó mà biến đổi, nếu biết được Nghi Long thì tìm huyệt vị không khó. Các nhà phong thủy cổ đại thông qua việc xem Long mà biết chính huyệt, tìm Long đổi cốt ở nơi Long biến mất. Biết được tinh của Long đổi cốt thì sẽ có được phú quý trường tồn.

11- Cửu tinh cát hung

Tìm Long phải dựa vào kinh, quyết, như vậy là phải phân biệt tinh phong tỉ mỉ. Sự hành tiến của Long mạch ứng với Tam Cát tinh. Long lần lượt mà ra cũng phân biệt tôn ti, Sơ Long nhỏ gọn mà Chân Long hùng vĩ, trong sự nhô lên hạ xuống đều tự có khác biệt, trong quá trình biến đổi cũng chia ra Cốt Tiết (đốt đoạn). Ở nơi có Khổng có Tiết có thể an táng, có thể tìm huyệt vị ở nơi Khí tiềm tàng. Dưới sự chiếu rọi của Cát tinh, đốt đoạn của Long rất kỳ lạ, dưới sự chiếu rọi của Hung tinh, đốt đoạn của Long thiếu hụt. Khí thế của đốt đoạn vô cùng mạnh mẽ, khí mạch nối liền. Long tinh ắt sẽ có sơn phong chân thực tương ứng, Thư sơn thường thấp, mà Hùng sơn cao lớn. Hành Long tuy lấy đốt đoạn kỳ lạ làm quý, mà nhập huyệt cũng phải lấy đó mà kết huyệt mới được.

Không nên có sơn thế uốn lượn tựa vòng cung, hoặc quá thẳng mà kéo dài ra. Cát tinh mang tới sự tốt đẹp mà Hung tinh mang tới điều ác dữ, điều này là thuộc về thiên định. Các nhà phong thủy hiện nay thường không biết hình dáng của các tinh, vì vậy dưới đây chúng tôi xin giới thiệu vài nét về chúng :

Tham Lang là một Mộc tinh, hình nhọn thế cường Quỷ tinh của nó đẹp đẽ, nếu có 7, 8 tòa tinh phong cao lớn cùng đi thì sẽ xuất hiện văn nhân có học vấn uyên bác. Long mạch tại đây tung hoành ngang dọc, khi Long vận hành, Thi Tiết tựa Kỳ Thương vậy, bên trong ắt có thần linh tương ứng, sẽ xuất hiện vương hầu. Nếu Long mạch tựa như Thiên Mã bay lên thì phát về phú. Nếu sơn phong tựa búp măng thì sinh ra người văn võ song toàn, không chỉ đại phú quý mà danh lưu thiên cổ, gồm đủ phúc lộc thọ xương.

Cự Môn là một Thổ tinh, ngay thẳng, đẹp đẽ có khi nó tựa vành trăng treo nghiêng bên trời, có lúc lại ẩn hiện trong Bình Dị. Có như vậy sẽ xuất hiện nhân tài phò trợ quốc gia. Nếu như chiếc chuông treo mà cao phong dựng đứng thì khiến chủ nhân phú quý song toàn, nếu sơn thế tựa voi chạy, thì chủ nhân sẽ là tướng trấn giữ biên ải. Có khi sơn phong cao ngất trời, càng nhỏ càng đẹp mà càng cao càng kỳ lạ. Có sơn hình này thì phú quý song toàn, chủ nhân được sống lâu trăm tuổi. Nếu sơn thế viên mãn, kéo dài thì nhiều con cháu, nếu sơn thế ngắn mà nhọn, đời sau có giàu có nghèo.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Vũ Khúc là một Kim tinh, nó dựng đứng, cao chọc trời. Vũ Khúc tinh chủ về binh quyền lại có tài thao lược. Nếu sơn phong nhô cao mà có bình phong thì chủ nhân văn tài xuất sắc, nổi danh trong giới nho sĩ; sơn phong tựa lâu đài cao lớn, đẹp đẽ, có Nham đứng trong thì tốt, nó khiến đời sau vinh hoa phú quý. Sơn phong tựa chiếc miện, đẹp, tinh xảo thì chủ về con cháu thông minh, xinh đẹp.

Lộc Tồn là một Thổ tinh, nếu gặp cao phong cô độc, nghiêng lệch, cất xẻ vụn, ẩm ướt thì nên tránh đừng mai táng. Có khi sơn phong tựa quan tài nổi trôi theo dòng nước, có khi lại tựa thây người nằm trên mặt đất, sơn phong này sẽ đem đến bệnh tật, tai họa về hình pháp, con cháu đời sau nghèo hèn, tha phương cầu thực.

Văn Khúc là một Thủy tinh, phần nhiều đơn độc, sơn thế sinh chi, cước tựa loài côn trùng đang co rút. Cũng có Văn Khúc như rắn trốn trong cỏ, hoặc tựa cổ ngỗng chìm trong nước. Huyệt vị đối nghịch với thủy lưu mà không có nơi tụ hội. Mai táng ở nơi này khiến chủ nhân tha phương cầu thực, nam bất trung mà nữ bất trinh.

Liêm Trinh là một Hỏa tinh, Liêm Trinh cao, nhọn, hung ác thì đem tới tai họa lớn. Hình dáng của nó giống ụ đất nhô cao, địa chất hỗn trọc tựa huyết. Hình núi tựa đầu bút lông thì khí mạch tản mác, thủy lưu lúc chậm lúc mau, tiếng réo như sấm dậy, thì chủ bệnh tật và tai họa cho người làm quan

Phá Quân tinh cũng hiểm ác vô cùng, thế núi hung mãnh mà Âm Dương đảo lộn. Sơn phong nổi cao trong đám loạn thạch, có lúc Phá Quân có hình thế gậy trúc, roi ngựa, có khi lại có hình thế cuộn thừng.

Nếu nơi nhập huyệt tựa hồ lô thì có thể trực tiếp hạ huyệt. Trước Minh Đường có tiếng nước róc rách, Long, Hổ sơn có hai Cước thò ra; nếu mai táng ở đây, con cháu sẽ gặp tai họa lớn.

Tả Phụ và Hữu Bật lưu chuyển theo Phá Quân, phần lớn chúng xuất hiện ở hai bên Minh Đường. Có khi rời thể mà dựa vào Thanh Ba, hình thế chợt chuyển về phía Tây, có khi lại thấy được thế rùa, rắn, có khi lại có hình con cá, sơn nghênh tống nối liền nhau tựa đường tơ sợi chỉ. Nếu sơn thế viên mãn thì đem lại phú, nếu sơn thế khuyết hãm thì khiến chủ nhân chịu họa. Với hình thế này thì nên tránh không để gió thổi tới, không được dẫn thủy lưu.

Tam Cát tinh tùy Long mà nhập huyệt, hình thế đứng thẳng, sừng sững. Có lúc lại hình thành sơn phong chọc trời, khi thì hội tụ cả trong Minh Đường. Lúc lại nối liền với Thủy Khẩu, khi thì đứng cùng sơn phong của Phụ Bật. Có lúc thấp thoáng xuất hiện trong rạch ngòi, thai nghén thành Long, dưỡng dục thành Đại Long mà hình thành châu, huyện, thành Tiểu Long thì tạo nên thôn ấp, khiến chủ nhân hưởng phú quý lâu bền.

Sự biến hóa của Cửu tinh là vô cùng tận. Nó có Tứ Duy Bát Can và Thập Nhị Chi, trong quá trình chuyển đổi nó có thể biến ra thiên hình vạn trạng, thủy từ hai nguồn phân ra mà không có bất đồng, nhưng nếu không có lời thuyết giảng của minh sư thì làm sao có thể thông qua Cửu tinh mà tìm được, hà tất lại phải lao tâm khổ tứ vậy ? Nếu là sao gây hung họa thì sẽ tạo ra hung họa, nếu có sao phúc đức thì sẽ với được phúc đức tới. Thiên biến vạn hóa của tạo hóa kỳ thực chỉ trong lòng bàn tay của ta, đó là phép tắc chân chính mà thần tiên tìm ra Long mạch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên
Chú giải : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Đính chính : Tôn Ái Tải Ung
Đao Tải Phỉ

TÁNG KINH

QUÁCH PHÁC

KHÍ CẢM - NHÂN THỂ

Mộ táng phải nhờ vào sinh khí. Khí Ngũ Hành vận hành trong đất, bốc lên biến hóa, thai nghén thành vạn vật. Thân thể người ta có được nhờ mẹ cha. Hài cốt cha mẹ dưới đất được sự hun đúc của Ngũ Hành sinh khí, hình thể người con được cha mẹ che chở. "Táng Kinh" của Thanh Điển tiên sinh viết :

> "Thi thể dưới đất chịu sự cảm hóa của khí, tương ứng với phúc khí của nó sẽ ảnh hưởng tới con cháu".

Đó chính là núi đồng ở phương Tây tan rã sụp đổ, tiếng chuông linh diệu ở phương Đông không gõ tự kêu; đó cũng là đạo lý mùa Xuân cây cối ra hoa, thì hạt dẻ để trong phòng cũng sẽ nảy mầm.

Hai khí Âm Dương, trải qua sự thổ nạp của đất trời thì thành gió. Gió do hai khí Âm Dương biến thành bốc lên cao thì thành mây, lại giáng xuống thì là mưa. Chúng vận hành dưới đất thì là sinh khí. Cho nên "Táng Kinh" viết :

> "Hai khí Âm Dương mượn gió mà thai nghén thành vạn vật, gặp thủy thì ngưng kết trong thủy".

Do đó, sự sống chính là do khí Âm Dương tụ tập trong thân thể, sinh khí ngưng kết trong hài cốt của thi thể người, nên chỉ có xương đầu là còn lại dưới đất. Mộ táng là đem khí Âm Dương tán hóa, nạp vào hài cốt cha mẹ, từ đó dùng nó để che chở cho con cái, cháu chắt đời sau. Phong thủy chính là cách người xưa tụ tập khí Âm Dương lại để nó vận hành và có nơi ngưng kết. Tướng pháp của phong thủy là, đạt được thủy là tốt nhất mà có thể tàng trú được gió (phong) thì trái lại, so với thủy hơi kém một chút.

Vì thế Thổ là thân thể của khí, có Thổ mới có khí; khí là mẹ của Thủy, có khí mới có Thủy. "Táng Kinh" viết :

> "Khí vận hành khắp nơi bên ngoài, bên trong khí thai nghén sinh mệnh".

Cốt gió của núi cao, chi mạch của núi đất thấp đều có sinh khí theo cùng. "Táng Kinh" viết :

> "Sau khi Thổ thành hình, khí vận hành trong đó, vạn vật nhờ vào sinh khí mà sinh ra từ Thổ".

Tại sao lại nói vậy ? Vì khí thịnh vượng dù chảy qua dưới đất đã nhiều, song vẫn còn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

một phần nhỏ bị hao hụt; dù hao tổn song vẫn tụ tập lại ở một số nơi khá sâu. Do đó khí ẩn tại những nơi khô ráo, nên phải tương đối nông, khí ẩn tàng ở nơi thấp bằng phẳng thì phải khá sâu.

"Táng Kinh" viết :

"Nông hay sâu cũng cần gặp nơi thích hợp".

Do đó, khí vận hành dưới đất, phương hướng của nó phải biến hóa tùy theo sự thay đổi của địa thế, sự tụ hội hoặc ngưng kết cũng phải biến hóa theo địa thế. Mộ táng cần phải chiếu theo nguyên lý ẩn hiện, ngưng tụ của khí. Ở nơi thấp bằng thì phải theo mạch hướng của nó; ở nơi núi cao thì phải theo cốt của nó. Uốn lượn quanh co, Đông Tây Nam Bắc, dù thế nào cũng phải ứng theo. Lại còn Lai Thế (thế đến) xa ngàn thước thì gọi là "Thế", xa trăm thước thì kêu là "Hình". Sơn thế luôn thuận theo Thủy mà tới, sơn hình lại luôn nghịch với Thủy mà thành. Như vậy gọi là Khí Toàn, nơi Khí Toàn có thể táng mộ.

Sơn thế uốn lượn bao bọc, Loan Chương trùng điệp tựa trăm quan quỳ hai bên bái lạy triều kiến Hoàng đế. Lại như một người đang giơ hai tay ra ôm vật gì. Thế đến có ngưng kết lại có tụ tập, hoàn toàn phù hợp với Âm Dương, Thổ cao mà Thủy sâu, có cây tươi tốt, đây là nơi lý tưởng để mộ táng. "Táng Kinh" viết :

"Sơn hình tụ kết, bao hàm sinh khí, đất này có thể sinh thành vạn vật, là nơi đất tuyệt hảo".

BÌNH CHI

Địa thế quý ở chỗ bằng phẳng, đất đai quý ở nơi có chi mạch. Nơi chi mạch nổi lên, sinh khí cũng theo đó mà có; nơi chi mạch tiêu tán, sinh khí cũng theo đó mà ẩn tàng ở trong. Phương pháp quan sát chi mạch là xem ở nơi bản thân của nó ẩn tàng, nổi lên, biến hóa ảo diệu, chỉ một mạch thừa tiếp thì cát tướng của nó ẩn bên trong.

"Táng Kinh" viết :

"Đất có khí tốt, khí này biến hóa theo hình của đất (thổ hình); chi mạch có khí ngưng kết, khí này biến hóa theo thủy lưu. Sơn thế thuận theo thủy mà tới, sơn hình theo thủy mà như có lên có xuống, chúng cùng bao bọc, tầng tầng lớp lớp, táng ở nơi đây, cát tường vĩnh viễn".

SƠN THẾ

Sơn thế uy nghi, hiểm trở, lại có sinh khí, muốn táng mộ thì nên táng ở nơi thế núi cùng hội hợp, dựa vào khí mạch của thế đến, chú ý quan sát nơi hoang phế của nó, chọn lựa nơi chúng giao nhau, tránh xa những nơi mang tới tai họa.

"Táng Kinh" viết :

"Táng mộ ở núi cũng tựa kêu to trong hẻm núi, âm thanh vọng lại rất nhanh".

Có một số núi không thể táng mộ. Ngũ khí lấy sinh khí của Âm Dương mà điều hòa nên núi trẻ (Đồng sơn) không thể dùng để mộ táng; sinh khí dựa vào hình núi mà tới, nên không thể táng ở núi đứt đoạn (Đoạn sơn); vì sinh khí vận hành hướng lên trên nên không thể táng người tại núi đá (Thạch sơn); vì sinh khí ngưng kết tùy theo sự ngưng kết của sơn thế, nên không thể hạ táng ở núi chạy ngang qua (Quá sơn); vì sinh khí sinh ra từ sự hội tụ giữa núi với núi nên không thể hạ táng ở núi cô độc (Độc sơn), lẻ loi.

"Táng Kinh" viết :

"Đồng sơn, Đoạn sơn, Thạch sơn, Quá sơn, Độc sơn là những nơi sinh ra hung tai; hơn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thế nó còn làm những nơi cát phúc tốt đẹp đã có bị mất đi".

Tìm sơn Cát Phúc khó nhất là tìm sơn thế, thứ đến là sơn hình, thứ nữa là tới phương hướng. Sơn thế ở nơi lý tưởng khi lên khi xuống, nó tới từ trời, tựa sóng nước, tựa dáng ngựa phi. Thế đến của nó hùng dũng, sự tiêu tán của nó không tiếng động; dường như trong lòng chất chứa châu báu, lại như rồng bay phượng múa vậy.

TỨ THẾ

Mộ táng, bên trái gọi là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ, phía trước là Chu Tước, phía sau là Huyền Vũ. Huyền Vũ phải cúi thấp đầu, Chu Tước phải bay lên, Thanh Long lên xuống uyển chuyển, Bạch Hổ phải thuần phục; nếu hình thế của sơn tương phản lại những điều trên thì phải đổi. Cho nên gọi hổ ngồi là Hổ Ngật Thi (ăn xác chết), gọi rồng cuộn là Long Kỵ Chủ, Huyền Vũ không cúi thấp đầu xuống thì nó không tiếp nhận thi thể, Chu Tước không múa lượn là muốn bỏ đi. Do vậy, lấy chi mạch làm Long, Hổ là chỉ thế đến và sự tiêu tán, eo lưng của nó phải như cánh tay, gọi địa thế này là Hoàn Bao (bao bọc). Lấy Thủy làm Chu Tước là chỉ sự hưng vượng và suy bại của nó tương ứng với sơn hình, trường hợp này tối kỵ thủy lưu quá gấp, như thế gọi là Bi Khốc (khóc thảm). Chu Tước hóa ra từ khí, phân lưu tới chỗ chưa thịnh, lại quay về Khuyển Vượng, lại tàng ẩn nơi suy bại, sau cùng chạy tới Ngục Tạ, cứ thế đi lại không ngừng. Uốn uốn lượn lượn tựa quay đầu rồi lại bỏ đi, đã không thấy hình cũng chẳng thấy bóng.

"Táng Kinh" viết :

> "Sơn thế đổi tới, thủy lưu bao bọc, nơi như vậy sẽ khiến con cháu đời sau hưởng phúc; nhưng nếu sơn thế quay lưng rời xa, thủy lưu chảy thẳng mà đi, nơi đây dù đang là vượng, hẳn cũng bị tiêu diệt".

Sơn thế cao vọi, trước mặt có khe nước, đây là nơi Long tàng ẩn; sơn thế chếch nghiêng mà tới, kết huyệt trước mặt Long thì tốt, song nếu kết huyệt tại Giác và Mục (sừng, mắt) của Long, đời sau bất hạnh; sơn thế đứng thẳng mà tới, kết huyệt bên cạnh Long thì tốt, nếu kết huyệt trong miệng, trên môi Long, thì đời sau con cháu chết trong binh lửa. Sơn thế uyển chuyển, bên trong súc tích sinh khí, nơi này gọi là Long Phúc (bụng rồng), nếu cuống rốn của Long sâu mà khúc chiết, táng ở đây thì con cháu ắt sẽ giàu sang. Nếu chọn sai nơi táng, làm kinh động đến Hung và Tế huyệt (Hung : ngực, Tế : rốn) thì ắt có tai họa.

QUÝ HUYỆT

Phán đoán chi mạch hay Khâu Lũng (gò đống) thực chẳng phải dễ. Đoán đúng thì nguồn phúc không cạn, đoán sai hung tai bất tận.

Tại nơi Loan Chương trùng điệp, trong vô số chi mạch và gò đống, cần phải chọn ra một nơi kỳ lạ nhất. Tức là nơi đó có sơn mạch lớn mà bề ngoài lại rất nhỏ hoặc ngược lại. Có như thế nơi này mới được gọi là "kỳ lạ". Chọn lựa chi mạch, phải chọn chi mạch ẩn tàng, mà chọn gò đống, cần chọn gò đống nổi lên cao. Tuy là như vậy, song chi mạch và Khâu Lũng đều phải ở nơi bằng phẳng, vì có sinh khí ngưng kết tại đây. Nếu là chi mạch thì nên táng ở đỉnh núi; nếu là Khâu Lũng thì nên táng tại chân núi. Xem chi mạch như xem Đầu, xem Khâu Lũng như xem Cước. Dùng khúc biểu (dụng cụ đo

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lường) để trắc định phương hướng, dùng thước ngọc (ngọc xích) để cân nhắc xa gần, lại phải dựa vào sự ngưng kết của Kim, sự phù trợ của Thủy, sự chính ứng của Mộc, sự xung hòa của Thổ. Bên ngoài mộ huyệt phải giữ được gió từ tám phương thổi tới, bên trong cần gồm đủ khí của Ngũ Hành. Sa sơn tựa Long Hổ vây quanh, chủ sơn cùng nghênh đón với Sa sơn. Sự vi diệu trong đó chỉ có thầy thông minh căn cứ vào sự bất đồng của sơn thế, khảo sát kỹ càng, quán thông khí Âm Dương, đủ để cải biến tạo hóa của trời đất.

HÌNH THẾ - THỦ LOẠI

Tuyển chọn không đúng hình và thế, thì sinh khí trong sơn sẽ thất thoát. Sơn thế tựa ngàn vạn con ngựa phi nước đại tới, táng ở đây, đời sau có thể làm vương. Sơn thế tựa sóng lớn, Loan Chương trùng điệp, táng ở đây, con cháu giàu có. Sơn thế giống Long giáng trần, thủy lưu bao quanh, mây đẹp bay theo, táng ở đây, đời sau con cháu là đại thần. Sơn thế tầng tầng lớp lớp lâu dài, cây cỏ sum suê, táng ở đây, con cháu sáng lập một quốc gia mới. Song táng người ở nơi có sơn thế tựa rắn bò, nghiêng lệch thì sẽ nước mất nhà tan. Táng ở nơi sơn thế tựa thủy lưu chảy thẳng xuống thì tai họa đổ xuống đầu. Sơn hình tựa gò đống (Khâu Lũng) mà lưng mang Ngự, Bình, táng ở đây, đời sau ắt có người làm vương, hầu. Sơn hình tựa tổ chim yến, táng ở đây thì sẽ vì chia đất mà được nước. Sơn hình tượng hồ rượu nghiêng lệch, phía sau lại có sơn cương tới, phía trước không có kẻ ứng tiếp, táng ở đây, đời sau con cháu sẽ làm công khanh đại phu. Sơn hình cái mũ đặt đứng, con cháu đời đời hoan lạc. Sơn hình tựa nấp vung nổi, táng ở trên đỉnh của nó, đời sau hưởng giàu sang. Sơn hình tựa mũi đao hướng lên, táng mộ ở đây, đời sau khó tránh tai họa. Táng ở nơi sơn hình tựa kiếm nằm ngang, đời sau bị nạn đao kiếm. Táng ở nơi có sơn hình tựa bàn trà đặt ngang, con cháu bị diệt vong. Táng ở nơi có sơn hình tựa mui thuyền, con gái của chủ nhân bệnh lâu không khỏi, con trai bị hình ngục. Táng ở nơi có sơn hình tựa cái túi, thì nhà cửa bị hỏa hoạn. Táng ở nơi sơn hình tựa quần áo nhăn nhúm, vợ, con gái chủ nhân sẽ dâm đãng, làm những việc thương phong bại tục. Táng ở nơi có sơn hình tựa răng lược, đời sau mọi sự đều mê loạn. Sơn thế và sơn hình hỗn loạn, không phân minh thì không nên táng ở đây.

Sau đó phải xem sơn thế hai bên cùng sơn hình phía trước. Nơi đất quý (bảo địa) có sơn hình và thế tựa trâu nằm, ngựa phi, phượng múa loan bay, mà nếu có hình rắn bò hoặc có hình mai rùa thì không phải là đất quý, đặc biệt phải dùng thủy để thêm phần tốt đẹp. Hình trâu nằm sẽ mang tới tiền của; hình phượng múa sẽ mang tới chức vị tôn quý, chỉ cần xem sơn hình có chút gấp khúc thì táng ở đây không tốt lắm. Cho nên phải chú ý trước sau và hai bên của mộ táng.

Sơn thế lao tới cùng sơn hình chạy đi, phương hướng phải như nhau, có như thế mới là mộ huyệt tốt, sơn thế không tốt mà sơn hình tốt thì mộ huyệt còn có chút phúc khí, ngược lại thì tai họa chực chờ giáng xuống. Do đó cần có khí ngoài ngưng tụ với khí ở trong, mà lưu thủy có thể ngưng kết Lai Long. Sơn thế cao vút từ từ tiến tới, bổng thu thế, nếu không có Thủy trì để tụ khí, thì khí bên trong sẽ thấm xuống đất. "Táng Kinh" viết :

> "Nơi không súc tích sinh khí chính là nơi khiến thi cốt mục rữa".

Gió thổi tới cũng có thể khiến sinh khí tản mác, Thổ Cương tầng tầng lớp lớp, nếu hai bên mình nó trống trải, trước mặt rộng lớn mà sau lưng đứt đoạn thì sinh khí sẽ bị gió thổi đi. "Táng Kinh" viết :

> "Mộ huyệt có khí bốc lên tản mác đi, sẽ khiến quan tài mục nát".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Về địa chất, đất nhuyễn nhưng phải chắc, tươi nhuận mà không ẩm ướt. Cần phải gồm đủ hai sắc hồng hoàng; đất khô như hạt gạo, có Tuyền Thủy lại có Sa đá nhỏ, đây là nơi hung họa. Tóm lại mộ huyệt có ba (3) điểm tốt đẹp, lại có sáu (6) tướng hung.

Ánh mặt trời chiếu xuống, vượng khí của địa mạch tiếp nhận lấy, nguyên thần hợp hội, mộ huyệt như thế gọi là Thần Nghênh Quỷ Đóa, đây là nơi đất tốt thứ nhất; khí Âm Dương cùng dung hòa, đất gồm đủ bốn (4) sắc trong số năm (5) sắc, đây là nơi đất tốt thứ nhì; nơi đất tốt thứ ba phải dùng sự quan sát tinh tường của nhà địa lý phong thủy để mộ huyệt được toàn bị.

Còn sáu (6) hung đó là :

Âm sai Dương thố là một hung; ngày tháng năm không hợp là hai hung; không theo bổn phận mà tới là ba hung; ỷ phúc khinh người, dựa thế làm càn là bốn hung; đắc tội với người trên, bức hiếp kẻ dưới là năm hung; trong mộ huyệt xuất hiện quái vật là sáu hung.

"Táng Kinh" viết :

> "Có được mộ huyệt tốt mà không táng mộ kỹ thì chẳng khác nào đem thi thể mà quẳng ra ngoài đồng".

THANH NANG TỰ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LỖ VĂN THUYÊN

Thư Hùng chính là Âm Dương, cũng bao gồm cả hình thế và phương vị.

Xem phong thủy trước tiên phải xem Kim Long có động thế hay không, thứ đến là quan sát huyệt mạch để nhận biết Lai Long.

Phương hướng của huyệt tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi cùng bốn (4) vì tinh tú Lâu, Cang, Ngưu, Quỷ ngầm có Kim Sát, trường hợp này gọi là Kim Long. Tìm Long mạch trước hết phải xem Khứ Thủy bắt nguồn từ đâu. Nếu thủy khẩu của Khứ Thủy đóng tại phương Thìn, nên tìm Long ở bên trong, trong đó có Tân Nhâm Long có thể hợp mạch, còn cần phải xem Âm Dương của mạch tới, cho nên nói :

> "Thứ đến quan sát huyệt mạch để biết Lai Long".

Vào núi phải tìm Thủy Khẩu, lên huyệt cần xem Minh Đường. "Tuyết Tâm Phú" có viết :

> "Tìm Thủy Khẩu chính là nói Thủy Khẩu của Thìn Tuất Sửu Mùi".

Đây là yếu quyết vào núi tìm kiếm Lai Long.

Lai Long phân Âm Dương, Âm hành tiến bên phải, Dương hành tiến bên trái; Thủy chính là Tam Nghĩa. Âm Dương và Tam Nghĩa sản sinh ra phần mộ hưng vượng.

Lai Long ở phía Nam giang thủy, đầu nó sẽ quay về giang Bắc; Lai Long từ phía Tây giang thủy, đầu nó sẽ quay về giang Đông.

Đây chính là Long chuyển thuận theo Thủy.

Vì thế thánh nhân khi xưa chiêm bốc Hoàng Hà và Lạc Thủy. Sông Triều và sông Giản cùng hội lưu tại Hoàng Hà và Lạc Thủy, quan sát vị trí âm dương lưu thủy của chúng, bất luận là chiêm bốc nhật nguyệt hay nhà cửa, nơi này mãi là nguồn gốc phát sinh phú quý, công danh.

Hai con sông giao hội tiến vào trong huyệt, trước mặt có Chu Tước Sơn, thế thì muốn lấy sinh vượng khí cần lấy ở trong huyệt, thế gọi là Nội Tiếp Sinh Khí. nếu là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chu Tước Thủy, muốn lấy sinh vượng khí phải lấy ở trước mặt huyệt, thế gọi là Ngoại Tiếp Đường Mi. Ở đây muốn nói, muốn để sinh vượng khí chảy tới trước mặt huyệt và đi ra từ phía sau Mộ Khố. Huyền chính là Thủy, Thủy không có vị trí và hình thể cố định, Âm và Dương biến hóa tùy vào sự thay đổi của nó, thế gọi là Không. Chu Tước phát nguồn quay đầu nhìn Tổ sơn, như vậy mới có khí sinh vượng tới Minh Đường.

Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Sơn chủ Sơn, Thủy quản Thủy, đó là Âm Dương.

Nhất là Chính Khí của Ngũ Hành, khí của Ngũ Hành xuất hiện trong sơn thủy, có khác biệt của Âm và Dương. Âm hành tiến bên phải, Dương bên trái, phân rõ Âm Dương chính là nhị. Đến Thân Tý Thìn Khôn, Ất Nhâm Tam Hợp. Như vậy từ Nhất KHí có thể biết rõ Âm Dương, nhận rõ Tam Hợp, có thể thấy được khí sinh vượng. Sơn chủ Sơn, Thủy quản Thủy, dùng điều này để quan sát Thủy, Sơn thì phải nói tới Âm Dương, Ngũ Hành Tam Hợp và khí sinh vượng của Thủy, Sơn; dù chúng thuận hay nghịch cũng đều có nguồn gốc riêng; dù là Sơn hay là Thủy, chúng đều có sinh khí riêng. Dùng phương pháp này để xem sơn thủy, thì sự quý tiện, cát hung của chúng đều hiện rõ.

Xem địa lý cần biết rõ đạo huyền diệu của Âm Dương, cần biết rõ suy bại hưng vượng và sinh tử do nó mang tới, có như thế mới tránh được sai lầm.

Biết rõ đạo lý trái phải thuận nghịch, ắt biết được sinh tử và suy bại hưng vượng. Sơn có Âm Dương của Sơn, Thủy có hưng vượng của Thủy. Thủy tùy theo Long, Thủy có Âm Dương của Thủy. Thủy theo phương hướng của Long, có chút không phù hợp với Long thế.

Người xem địa lý có khi xem Tử Huyệt thành Sinh Huyệt. Ví dụ như Bính Long có khi từ phương Bính hướng về Dương, như vậy sẽ sinh tại Dần, tử tại Dậu. Nếu quay về Âm sẽ sinh tại Dậu, tử tại Dần. Chỉ cần sơ suất nhỏ bé cũng dẫn tới sai lầm to lớn. Vậy làm sao để chọn được huyệt địa, không thể không thận trọng.

La Kinh của Tiên Thiên có 12 chi, sau đó lại dùng chúng với Duy của Hậu Thiên, Bát Can Tứ Duy phò tá Chi, phụ mẫu tử tôn từ đây mà có.

Hà Đồ của Tiên Thiên có 12 chi, sau người ta dùng Lạc Thư trừ đi 2 chi Tuất Tỵ, dùng Bát Can trừ đi Tứ Chính mà dùng Tứ Duy, do vậy tám phương vị mới được định.

Tý, Dần, Thìn, Cần, Bính, Ất thuộc Kim là nhất Long, được gọi là Phụ (cha) Danh Thiên Bảo Kinh.

Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Nhâm, Tân thuộc Mộc là nhị Long, được gọi là Mẫu (mẹ) Danh Long Tử Kinh.

Mão, Tỵ, Sửu, Cấn, Canh, Đinh thuộc Thủy là tam Long, được gọi là Tử (con) Danh Huyền Nữ Kinh.

Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Giáp, Quý thuộc Hỏa là tứ Long, được gọi là Tôn (cháu) Danh Bảo Chiếu Kinh.

Nhất Long và tam Long là Dương; nhị Long và tứ Long là Âm.

24 tòa núi chia làm thuận và nghịch sơn, tổng cộng có 48 cục diện, Dương Long đi từ bên trái gọi là thuận hành, Âm Long đi từ bên trái gọi là nghịch hành, nói Long tùy Thủy chuyển, lại nói cần quan sát kỹ hơn sơn thể để biết rõ Long mạch. Nếu thủy lưu là thuận thì Long mạch ắt là nghịch và ngược lại. Ví dụ như Hợi Long, Âm Hợi Long đi từ bên phải là nghịch hành thì Ất Mộc là tổ tông của nó. Dương Hợi Long từ bên trái thuận hành, thì Giáp Mộc là tổ tông của nó. Một thuận một nghịch, cứ như thế phối hợp sẽ thành 48 cục diện.

Phương hướng của Dương sơn là quay về Dương, hướng thủy lưu của nó cũng quay về Dương, người xưa thường nói như vậy, kỳ thực là hoang đường, nói thế cũng chẳng khác nào nói hướng Dương sơn quay về Âm mà lưu thủy của nó cũng vậy. Nếu hiểu được điều này thì diệu dụng của Âm Dương là một thể, Âm Dương cùng xuất hiện dễ dàng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Phải dùng huyệt để sai khiến khí của Long Thần, phải dùng phương hướng mà sai khiến khí của Thủy Thần, như thế mới được gọi là nội tiếp Sinh khí, ngoại tiếp Đường khí. Sơn thế tới kết huyệt phải căn cứ vào sơn hình, Thủy lưu xác định phương hướng phải căn cứ vào đặc điểm của thủy lưu. Biết rõ Âm Dương phân ra, thì cũng biết rõ đạo lý tụ hợp của nó. Nói rằng Dương sơn, phương hướng của nó phải quay về Dương chính là căn cứ vào Thuần Âm Thuần Dương.

Còn về phương hướng của Long thì Dương Long phối hợp Âm hướng, Âm Long phối hợp Dương hướng. Do vậy Âm Dương cùng xuất hiện, phúc đức mãi theo cùng.

24 tòa núi song song từng đôi nối lên, có không ít người không hiểu được hàm nghĩa trong đó Ngũ Hành phân bố trong 24 tòa núi.

Song song tức là nói tới Âm Dương, 24 tòa núi thuận và nghịch phối hợp thành 48 cục diện do đó gọi là Khởi, phân bố song song cũng là ý này.

Long Thần trên núi không hạ thủy, Long Thần trong thủy không lên núi.

Gọi Long là Thần chính vì khí sinh vượng của Ngũ Hành vận hành trong đất, thần diệu khôn lường. Sơn và Thủy đều có khí sinh vượng riêng. Nói Sơn phải dùng Song Sơn Ngũ Hành phối hợp với Địa Quái để tìm nơi Long nhập thủ. Nói tới Thủy, phải dùng Tam Hợp Ngũ Hành phối hợp với Thiên Quái để tìm Lai Khứ của thủy lưu, như vậy mới nói Long Thần trong thủy không lên núi. Long Thần trên núi dùng khí sinh vượng để hiện rõ cát hung của nó, với Thủy cũng vậy. Nếu Long trên núi và Long trong nước lẫn lộn, cùng lấy khí sinh vượng của nhau, như thế dù là chọn được huyệt tốt thì Tổ sơn của chúng cũng khác nhau.

Lại có cách mộ táng thuần Âm thuần Dương, cách trước huyệt 8 thước không nên pha tạp, sơn thế đến chếch phải dùng Chính Thụ để giữ Âm Dương, sơn thế đến, sơn đầu phải cất cao, biết điều này thì sẽ không quá câu nệ kết huyệt ở nơi Tam Tiết hay Tứ Tiết, chỉ cần Long Thần có được khí sinh vượng, Âm Dương và trong huyệt khác nhau.

Đây là cách quan sát đoạn sau của Lai mạch, Long Thần không nên pha tạp, thế mới được gọi là thuần Dương, thuần Âm, cho nên sơn thế đến nghiêng phải dùng Chính Thụ mà giữ Âm Dương, ắt Dương phải phối hợp với Dương, Âm phải phối hợp với Âm, như thế kết huyệt mới rõ ràng, cũng như phối hợp giữa Long mạch và phương hướng. Dùng Âm Dương để nói tới khí sinh vượng của sơn thủy, do thế mới nói Âm Dương và huyệt khác nhau.

Tinh tú trên trời tựa mạng lưới, thủy lưu dưới đất cùng giao nhau chảy qua, thủy lưu cần hội tụ với nhau ngoài cửa thành, thế tựa ngồng nhà và chim ưng tương giao.

Nhị thập bát tú trên trời là sợi dọc, lấy Ngũ tinh làm sợi ngang, tung hoành khắp 365 độ vòng trời, trông như võng lưới, trên thiên văn dưới địa lý hỗ trợ cùng thông. Thủy vận hành dưới đất cũng giống như một tấm lưới đan vào nhau mà không rối loạn, ví dụ như Bản Long, Lai Thủy, một từ bên phải, một từ bên trái cùng hội tại Đường, cả hai phối hợp thành Nghĩa, đều từ mộ huyệt Bản Long thăng lên Điện, còn về hai luồng Kim Ngư Thủy và Hà Tu Thủy, cũng phải từ hai bên tả hữu mà hợp dòng đến Đường, một dọc một ngang tựa tấm lưới, chúng tựa như ngồng nhà và chim ưng, ngồng là gia cầm, được ví với Kim Ngư Thủy trong Bản Long nhập thủ, ưng là đã cầm cần được ví với Hà Tu Thủy ở ngoài Bản Long Đào Đầu. Thủy ở trong tiến vào cùng thủy ở ngoài kết hợp, tụ hội thủy để khống chế Long. Văn Khố, Minh Đường và Triều Thủy trước mặt huyệt đều phải thích hợp. Biết rõ sinh vượng khí đừng để nó thoát ra, phương hướng Minh Đường đến thẳng hoặc thủy lưu đi thẳng thì gia nghiệp suy vong, nếu ở phương vị Minh Đường phá sinh thì không con nối dõi, nếu phương vị thủy xung phá vượng thì tài sản tiêu tán hết. Nếu Văn tới thì con gái trong nhà dâm loạn, Khố tới thì ắt có tai họa.

Tiếp lời ở trên, xem mười hai phương vị của Lai Long và Lai Khứ của Thủy. Nếu thấy đủ Âm Dương, Thư Hùng phối hợp thì Sơn và Thủy hợp với phép tắc, Lai Khứ của Thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tự có được sinh khí vượng. Tứ Mộ là Lai thì sẽ có sinh vượng, Minh Đường quay sang Thủy ắt vô tai họa, nếu Thư Hùng không cùng phối hợp thì căn cứ vào Long Âm bố trí vận khí, nhưng phương vị phía trên thì có Thủy Thần tới, phương vị này không hợp phép tắc. Phương vị Sinh chủ tôi tớ, xung phá Sinh ắt tôi tớ bị yểu chiết; phương vị Vượng chủ về tài lộc, bị xung phá ắt tiền của tiêu tán. Mộc Dục nên là Khứ (đi), nếu là Lai (đến) thì chủ nhân dâm loạn, Mộ Khố cũng nên là Khứ, bằng không tai họa ắt tới. Không hợp phép tắc thì nên xác định phương hướng để khống chế. Phương hướng nên xác lập dựa vào Lai Thủy, trên thực tế không có liên quan gì tới Lai Long; nếu dùng Lai Long Sơn Âm và Quái Khí để phối hợp phương hướng thì ắt gặp họa do Thủy Sát đem tới. Đây là Long dùng Tĩnh Khí mà giữ, Thủy dùng Động mà chủ hung họa. Do đó có nói, Huyệt tiếp nhận Tĩnh Khí, sự hòa hoãn gấp gáp của Long có thể dùng huyệt sửa đổi; Hướng dựa vào Đường Khí, cát hung của Thủy có thể dùng Hướng mà uốn nắn.

Sinh xuất Khắc xuất gọi là Thoái, Sinh nhập Khắc nhập gọi là Tiến; Thoái Thủy nên rời xa ngàn bộ, Tiến Thủy nên dùng nhà cửa nghênh đón.

Sinh Khắc chính là 10 Thoái Thần và 14 Tiến Thần của Hạ Tiết (đốt, đoạn dưới) của Long.

Bính, Đinh, Ất, Dậu là Hỏa; Cần, Khôn, Mão, Ngọ là Kim; Hợi, Quý, Giáp, Cấn là Mộc; Tuất, Canh, Sửu, Mùi là Thổ; Tý, Dần, Thìn, Tốn, Tân, Tỵ, Thân, Nhâm là Thủy. Sơn chủ về gia nhân tôi tớ, Thủy chủ về tài lộc. Lai Thủy tùy vào phương hướng, Khứ Thủy tùy theo mộ huyệt, đều trong Sinh Khắc xuất nhập mà tìm kiếm cát hung, tốt xấu. Điều này cũng giống như Sơn Long, Thủy Thần có được Âm Dương thuận nghịch, đều hợp với Sinh Vượng. Bằng không, gia nhân cùng tài sản sẽ hao tổn. Do vậy phải xác lập Sơn Âm Thủy Âm Sinh Khắc với Lai và Khứ Thủy.

Nếu Tiến Thoái thích hợp thì ắt trong nhà có người làm quan to, tài sản súc tích, gia nhân đông đúc. Vượng Khí Đới Sát đến chẳng phải dễ, không nên bỏ Mộ Khố Tàng Sát.

Vượng Khí Đới Sát gặp Lai Thủy với Sinh Vượng là tốt, tựa Sinh xuất Khắc xuất là mang theo Sát (Đới Sát), nó không thu sơn thế được. Trong khố có ẩn chứa Sát, từ trong Hưu Tù mà phát Khứ Thủy là hay. Tựa như Sinh nhập Khắc nhập chính là tàng Sát, Sát khí không thoát ra được. Sơn chủ dấy tớ, Thủy chủ tài lộc; Thủy trong huyệt thu lấy Sinh Khắc, dùng nó giải cứu tôi tớ. Hướng tùy theo Thủy, nên dùng Lai Thủy theo Hướng thu giữ Sinh Khắc, dùng nó giải cứu tài lộc. Sinh và Khắc tự có phép tắc riêng, như thế tôi tớ sẽ đông đúc mà tài sản súc tích.

Thứ đến phải xem thế nổi lên của các loại cao phong, Tiêm, Tú, Phương, Viên đều có phương vị riêng, phương vị Sinh phải cao vút thì tôi tớ mới đông, phong khởi tại Quan Vượng thì làm quan và tài lộc dồi dào.

Đoạn trước dùng Thủy để đo lường Thủy, đoạn này dùng Sơn để đo lường Sơn. Phàm tìm kiếm Long mạch, gặp Hợi Long nhập thủ, nếu nó chuyển đi từ bên phải thì đó là Âm Long, nên dùng Ất Mộc khởi Tràng Sinh tại Ngọ, đi ngược về bên trái đến Tuất chính là Mộ Khố đóng tại phương vị Tràng Sinh có cao phong, chủ về gia nhân đông đúc. Mão Cấn khuyết hãm, thì tài lộc hao tổn. Suy vong bệnh tật, Tử Mộ đều lấy khuyết hãm làm chủ, nếu cao lớn thì nó chủ về đại họa.

Tri Âm ít có trong Thủy, vì vậy nên tìm nó trong Huyền Không, cần biết rõ biến hóa Sinh Khắc tại phương vị nó đóng và đừng xem thường đường Tiến Thoái của Thủy.

Khí của Ngũ Hành ắt có Sinh có Tử, Lai Long, Thủy Thần vốn đều tương ứng với Hưu, Tù, Sinh, Vượng, mà dùng Hướng để sai khiến, nên tìm Sinh Khắc của nó để hiểu rõ cát hung. Do đó, Dương Quân Tùng xác lập Huyền Không Ngũ Hành là dùng trong Thủy Lộ và Long Hướng, chúng đều tự có cát hung riêng. Còn về việc Tiến Thoái thì dùng Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt là 10 phương vị Thoái Thần; Thai, Dưỡng, Sinh, Mộc, Quan, Lâm là 14 phương vị Tiến Thần, Địa Chi theo

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thiên Can, cứ hai (2) phương vị hợp làm Sinh nhập Khắc nhập là Tiến, Sinh xuất Khắc xuất là Thoái. Sự tương ứng cát hung có liên hệ tựa tiếng dội lại của âm thanh vậy.

Tứ Kim Tứ Mộc cùng hợp Nhân Thủy, Tứ Hỏa, Tứ Thổ thiếu Ngũ Hành, lớn nhỏ đều ở tại Huyền Không, 24 sơn có Thủy Thần, 10 Thoái Thủy linh nghiệm, 14 Tiến Thần, Sinh nhập Khắc nhập là Tiến Thần, Sinh xuất Khắc xuất là Thoái Thần, Tiến Thần tới thì tài sản súc tích, nếu lập tức Thoái ngay thì không tốt. Thoái Thần nên lùi, gia sản hưng vượng nếu lập tức Tiến tới thì chủ kiện tụng.

Ngũ Hành của các nhà đều kỳ khác, mà Tiểu Huyền Không thì ngược lại, do vậy mà nói Sinh nhập Khắc nhập là Tiến Thần, Sinh xuất Khắc xuất là Thoái Thần, dùng Sinh ta Khắc ta, tình hình sẽ thay đổi, song là thay đổi tốt. Dương Quân Tùng dùng Hướng để luận về Thủy Lộ, tại 14 phương vị Thai, Dưỡng, Sinh, Mộc, Quan, Lâm là Tiến Thần, tại 10 phương vị Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt là Thoái Thần mỗi tòa núi đều có. Vì thế nên nghênh tiếp Tiến Thần, Sinh nhập và Khắc nhập cũng khá tốt. Nên rời xa Thoái Thần, Sinh xuất Khắc xuất đều hung. Điều chủ yếu là chúng đều nằm trong Thập Nhị Tràng Sinh Thủy Pháp. Khe rạch và Minh Đường xác định tại phương Ngẫu và quan sát Hoành cùng Oanh, 4 thước 8 tấc là 1 bộ, Triết nên để chúng giao hội và có phương hướng thích ứng, Tiểu Thần nên để chúng tiến vào Trung Thần. Trung Thần nên tiến vào phương vị của Đại Thần. Tam Triết lại chảy về Ngự Nhai, như vậy sẽ có tên trên bảng vàng.

Đoạn này muốn bàn về sự khác biệt giữa Nội và Ngoại Minh Đường, Triết Thủy và Huyền Không, Tiến và Thoái. Trước mặt Minh Đường huyệt là Tiểu Minh Đường, Câu Khê huyệt bên có khe rạch và Âm Lự Thủy ở bốn góc. Dẫn đường tới trước mặt huyệt, Sơn và Thủy cần được do đạc từ giữa mộ, giữ được cát lợi rồi hãy sắp đặt yên vị. Tam Triết ra Minh Đường rời Câu Khê. Ngoại Minh Đường cũng vậy, vẫn dùng 4 thước 8 tấc làm 1 bộ, để xác định Hoành và Oanh lớn nhỏ, Oanh từ Hoành Thủy còn Hoành từ Khúc Thủy. Sinh Vượng sẽ chảy rất dài còn Tử Tuyệt ắt ngắn ngủi, hơn nữa theo Thủy Thần từ Tiểu mà đến Trung Thần.

Kỳ Quý, Tham Lang và Lộc Mã liên tiếp trong Tam Hợp, địa huyệt có Tam Hợp này là huyệt quý vô song. Hung thần chảy ngắn, Cát thần chảy dài, phú quý cùng thanh danh vang khắp thiên hạ.

Thủy thừa tiếp Câu Khê và Minh Đường chảy từ Tiểu tới Trung đến Đại, như thế sẽ đạt được Kỳ Quý, Tham Lang và Lộc Mã đến đi, phúc đức không nhỏ. Kỳ là chỉ Tam Kỳ của Địa bàn, đó là Ất Bính Đinh. Quý là Quý của Thiên Ất. Tham Lang chỉ Sinh khí, Lộc Mã chỉ Thiên Can, nếu cùng với Kỳ Quý, Lộc Mã tới Minh Đường lại liên tiếp Tam Hợp chảy theo hướng Ngự Nhai, vẻ đẹp của nó sẽ lộ ra.

Thủy Lộ xuất nhập cũng có khúc chiết, Chiết chuyển dịch trong đó, điều khó nhất là tất cả đều không được phạm vào Hung thần. Tóm lại, Hung thần nên ngắn, Cát thần nên dài, ngắn không quá Nhị, dài không hơn Cửu. Dẫn vào trong Minh Đường, Tam Chiết, hiển nhiên cát lợi.

> Tý Ngọ Mão Dậu khiến cho nha môn, dàn tế thần, đền chùa, đạo quán hưng thịnh, bên trong có Kỳ, Thương, Cang, Môn, Thủy, Lôi Công Quan Vị khiến người kinh hãi.
>
> Tý Nha, Đinh Ngọ, Giang Kỳ, Đoan Môn, Mão Lôi Quan, Dậu Kim Thương chủ những sự khiến người ta kinh sợ.

Họa phúc của Thủy Thần vốn không cần xem xét tỉ mỉ, song lại cần quan sát kỹ Công vị. Càn, Khôn, Cấn, Tốn trưởng nam hưng vượng; Dần Thân Tỵ Hợi trưởng nam nghèo khổ cô đơn; Giáp Canh Bính Nhâm thứ nam hưng vượng; Tý Ngọ Mão Dậu tai ương không ngớt; Ất Tân Đinh Quý con út hưng vượng; Thìn Tuất Sửu Mùi tai họa giáng xuống.

Đoạn này dùng Công vị để nói tới Thủy, nó đến từ phương Sinh Vượng, chảy về hướng mộ huyệt, hợp với Tam Hợp, chỉ cát mà không hung. Công vị phải ngay thẳng, không nên nghiêng lệch. Nếu Thủy Lai, Khứ không được Tam Hợp, thì khó tránh khỏi tai

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

họa, cho nên có phép tắc đình chỉ Thủy Âm, lấy Mạch Trọng để định Quý, dùng Công vị Trường, Trung, Tiểu để đoán cát hung, đường tới lui của Thủy Thần rất quan trọng, Thiên Can vị cần Lai Thủy, trên Địa Chi vị cần Khứ Thủy. Dần Thân Tỵ Hợi tứ Sinh phối hợp với trưởng nam, trưởng nữ; Tý Ngọ Mão Dậu tứ Chính phối hợp với thứ nam, thứ nữ; Thìn Tuất Sửu Mùi tứ Mộ phối hợp với thiếu nam, thiếu nữ. Thảy đều dựa vào Cửu tinh Thủy pháp để quan sát.

Phú quý bần tiện của mộ huyệt, phải xem Thủy Thần. Thủy là huyết mạch tinh hóa trong Sơn. Sơn tĩnh Thủy động, ban ngày và ban đêm phải chính xác rõ ràng. Thủy sinh tài lộc, Sơn sinh nhân khẩu, Càn Khôn Cấn Tốn gọi là Ngự Nhai, bốn (4) đại tôn thần này sắp xếp bên trong; Sinh Khắc cần bố cục theo Ngũ Hành. Càn, Khôn, Cấn, Tốn Thủy chảy dài, Cát thần sẽ vào nhà, khiến được giàu có.

Càn Khôn Cấn Tốn là bốn (4) đại Thủy Khẩu, Lai Khứ của chúng ít khi hợp được với Tam Hợp, không có sự phân bố của Ngũ Hành, Sinh Khắc chịu ảnh hưởng của Sinh Vượng Mộ, nếu không hợp, nên lấy sinh nhập khắc nhập làm Tiến, sinh xuất khắc xuất làm Thoái.

THANH NANG ÁO NGỮ

□ *Khôn, Nhâm, Ất từ Văn Khúc mà ra; Cấn, Bính, Tân đều tại Liêm Trinh vị; Tốn, Canh, Quý đều là Vũ Khúc vị; Càn, Giáp, Đinh, Tham Lang đều cùng một đường.*

Hà Đồ thập nhị chi của Tiên Thiên chuyên luận về Thiên quái. Ai tinh, Ngũ Hành, Thiên Can phối hợp Địa Chi, Lạc Thư bát thập tứ duy của Hậu Thiên chuyên bàn về Địa quái, Tam Hợp, Ngũ Hành, Địa Chi phối hợp Thiên Can Khôn, Giáp đồng cung, Nhâm, Tý đồng cung; Ất, Thìn đồng cung; Tam Hợp Thân Tý Thìn hợp thành Thủy cục, mà Khôn, Nhâm, Ất phối theo, cho nên cũng là Thủy, Thủy là Văn Khúc. Cấn, Dần đồng cung; Bính, Ngọ đồng cung; Tân, Tuất đồng cung; Tam hợp Dần Ngọ Tuất hợp thành Hỏa cục, mà Khôn, Bính, Tân phụ họa theo chúng, nên cũng là Hỏa, Hỏa là Liêm Trinh. Tốn, Tỵ đồng cung; Canh, Dậu đồng cung; Quý, Sửu đồng cung; Tam Hợp Tỵ Dậu Sửu hợp thành Kim cục, mà Tốn, Canh, Quý tùy theo, nên cũng là Kim, Kim là Vũ Khúc. Càn, Hợi đồng cung; Giáp, Mão đồng cung; Đinh, Mùi đồng cung; Tam Hợp Hợi Mão Mùi hợp thành Mộc cục, mà Càn, Giáp, Đinh tùy theo nên cũng là Mộc, Mộc là Tham Lang. Một thuận một nghịch tổng cộng là 48 cục, Dương sinh Âm tử, Âm sinh Dương tử, dùng Tam Hợp, Ngũ Hành để đếm, Long sinh Âm Dương lấy Thủy đối với Tam Nghĩa Sinh Vượng Mộ. Sinh dùng để kiểm nghiệm sự bắt đầu của khí; Vượng kiểm nghiệm sự thịnh suy của khí, Mộ dùng kiểm nghiệm kết cục của khí. Tiên Thiên, Hậu Thiên cùng phối hợp, Hà Đồ, Lạc Thư cùng tương hỗ làm biểu lý. Ngũ Hành dịch chuyển dưới đất, đều có thể biết. Không nói tới Thổ là vì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là cung chuyển tiếp. Không nói Thân, Tý, Thìn mà nói Khôn, Nhâm, Ất là vì Địa chi Tam Hợp thì người ta dễ biết rõ Thiên can, mà Tam Hợp lại chưa từng được nghe. Tả hành (theo chiều thuận kim đồng hồ trên la bàn) là Dương, đi từ Tý Sửu đến Tuất Hợi; Hữu hành (đi theo chiều nghịch) là Âm; từ Ngọ Tỵ đến Thân Mùi.

+ Tả hành là Dương, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

+ Hữu hành là Âm, Mão, Dần, Sửu, Tý, Hợi, Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ, Tỵ, Thìn. Ngũ Hành Âm Dương, Sinh Vượng Mộ của nó đều chiếu theo thuận nghịch mà đếm. Thư Hùng giao hội hợp do Huyền Không, Huyền Không của Hùng và Thư tính toán trong quẻ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thiên và Địa giao hội với nhau mà sinh vạn vật; chồng vợ tương giao mà thai dục vạn vật, đây là thiên cơ của sự biến hóa thai dục. Do vậy nhà phong thủy xác lập cách táng, dùng nó để cầu phúc khí của Quỷ, để khiến khí trời đất cùng thông suốt, không hề cách biệt. Thấy rõ sự giao hội của Thư và Hùng, biết được sự vận chuyển của Thuận Nghịch. Mộ huyệt dựa vào sinh khí, luôn có được Xung, sau đó mới có thể cầu phúc khí. Nếu chỉ là tượng trong Sa Thủy mà không có sự hòa hợp của Thư Hùng, thì không thể phát phú quý. Cho nên, Dương Quân Tùng có nói:

> "Thư âm Hùng dương, sơn Long thủy thần tự có Âm Dương".

☐ *Dương chuyển về bên trái, Âm chuyển sang bên phải. Âm Long nhập thủ nghịch, Dương Thủy nhập thủ thuận, Âm Dương cùng gặp, khí đã xung hòa, sơn thủy chuyển sang trái hay phải đều nói theo hình tượng của nó. Nhị khí vận hành dưới đất đi thuận hay nghịch đều ngầm vào mộ, mắt tuy không thấy song hai khí vẫn cùng tương ứng, như thế vạn vật sẽ biến hóa, điều này rất huyền diệu cho nên gọi là Huyền Không. Cần hiểu rõ Sơn và Thủy có họa phúc liên quan với nhau.*

Luận Sơn, dùng hình dáng nào của Lai Long để khởi Tràng Sinh ? Luận Thủy, dùng Thủy Thần nào để khởi Tràng Sinh ? Cần hiểu rõ Tam Hợp và Thuận Nghịch, Song Sơn là Sơn, Thủy là Thủy, phúc họa có liên quan với nhau sao ? Giả như Thân Tý Thìn ba (3) cung có quan hệ với Long nhập thủ, lấy Thủy Long Tam Hợp Khôn Nhâm Ất để lập hướng, dù khí đồng nhất song lại khiến Sinh tiến về hướng Khôn, Thân, như vậy là Phá Sinh; Thủy tiến về hướng Nhâm, Tý là Bại tại phương vượng. Phúc họa của nó vì thế phải liên quan với nhau. Hơn nữa Tam Hợp là do Long hướng và Thủy Khẩu hợp thành, tựa hình chân vạc cho nên gọi là Tam Hợp. Hướng chưa lập, họa phúc chưa hiện ra, Long hướng đã định thì tùy thời có thể thấy phúc họa. Cho nên phúc họa là do người chứ không do trời. Người hiện tại có thể cải biến hay không thể cải biến.

☐ *Đạo của Huyền Không nằm trong Ngũ Hành, biết điều này thì không cần nạp giáp.*

Trong "Kinh Dịch", một Âm một Dương gọi là Đạo. Huyền Không Ngũ Hành dùng sơn thủy phân Âm Dương, lại xem Âm Dương là Thư Hùng. Thiên Đạo xoay sang trái thuộc Dương, mà sinh khí của nó bố trí theo chiều Thuận; Địa Đạo xoay sang phải thuộc Âm, sinh khí bố trí theo chiều Nghịch. Âm đắc Dương từ dưới đất lên trời, khí mới cùng giao, Dương dụng Âm từ trên trời xuống, khí mới tương giao. Cho nên một Thuận một Nghịch giao hội xen kẽ. Ví dụ Hợi Long, đi về bên trái, khởi từ Giáp Mộc Sinh Hợi mà Vượng Mão, thuận với bố cục. Tuất Long đi về phía phải, khởi từ Ất Mộc Sinh Ngọ mà Vượng Dần, nghịch với bố cục. Còn về chuẩn mực xác lập hướng của nó, có khi Sinh Long làm hướng Vượng, có khi Vượng Long làm hướng Sinh, có khi làm hướng từ Mộ, như thế gọi là cách Tam Hợp Liên Châu. Sơn và Thủy đều có Sinh Vượng Mộ riêng, cho nên nói Long thần hạ sơn không hạ thủy. Và cũng vì thế mà không cần phải nạp giáp.

☐ *24 sơn Âm Dương điên đảo có châu báu, mà 24 sơn nghịch thuận điên đảo đều có bần tiện.*

Giữa sơn với sơn đã có phân biệt về Tả và Hữu hành như thế, khí của Hữu hành phân Âm Dương mà thuận nghịch đảo điên. Dương khí thuận, khí của sinh vượng khởi từ Tý chuyển qua Sửu. Âm khí nghịch, khí sinh vượng khởi từ Ngọ chuyển qua Tỵ. 24 sơn tự có phú quý. Nếu lấy nghịch làm thuận, lấy thuận làm nghịch thì chúng tự có bần tiện. Nhận biết một dọc một ngang (Kinh Vĩ) của Kim Long, vô cùng có ý nghĩa, nó động hay không đều do cao nhân nhìn thấy hay không thấy.

Kim Long là chỉ bốn (4) thủy khẩu của Kim Long là dọc (Kinh), Thủy là ngang (Vĩ), Kim Long động hay không không phải cao nhân làm sao quyết định !

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Đệ nhất Nghĩa, phải biết sự vận hành và dừng lại của Thần Long; Đệ nhị Huyền, Minh Đường của Lai mạch không được thiên lệch; Đệ tam Pháp, truyền, vận công không được dè nén;*

Đệ tứ Kỳ, Minh Đường chữ thập ( ) có Huyền vị; Đệ ngũ Diệu, Thanh Long trước sau tương hỗ ứng chiếu; Đệ lục Bí, Thành Môn tám nước giữ được Chính Khí; Đệ thất Ảo, phải hướng về Thiên Tâm tìm Thập Đạo; Đệ bát Tải, phải nhận rõ Lai Khứ của Thủy; Đệ cửu Thần, dùng Bình Địa và Cao Phong của nó; Đệ thập Chân, nếu có chỗ khuyết hãm thì không phải là chân thực.

Đoạn này chuyên nói về Tam Hợp, vì sự diệu dụng mà đề cập đến sự vận hành và đình chỉ của Long, sự lệch và thẳng của mạch, Long Hổ trái phải, Minh Đường chữ Thập trước chào sau đón. "Tám nước" chính là tám hướng, Thành Môn là Thủy Khẩu, chúng cần phong tỏa được khí, Thiên Tâm Thập Đạo, chuẩn mực lập huyệt, cần phải khiến cho thủy chảy uốn lượn phân rõ Lai và Khứ của Thủy, hoặc Bình Địa hoặc cao phong đều dùng những chuẩn mực trên, thiếu một cái đều không phải là thực.

Cách Đảo Trượng, trước tiên phải bàn tới Mạch Lạc, Âm Dương, Cầu Thiềm, Giới Hợp. Khẩu quyết : "gặp Nhất lạp Túc (một hạt thóc)" là tâm pháp của Dương Quân Tùng, không dùng Quái khí. Cho nên nói, tối quan yếu là thế, thứ đến là hình, thứ nữa là phương vị. Nhận biết hình dáng của chưởng, thái cực phân rõ ắt có ý đồ.

Nơi kết huyệt có vòng thái cực, thì đó là Cầu Thiềm, tựa hình chưởng (lòng bàn tay). Biết được hóa khí Sinh Khắc chế hóa, tất sẽ nhớ kỹ.

Khí vận hành dưới đất, không hình trạng nên khó biết. Dùng Sinh Khắc để biết, chính là Quỷ Khảm kèm theo Xà cuốn cuộn tiến vào hướng Hợi Càn Bính, đây là ý nghĩa của Sinh, những phần khác phân Kim vượt triển, đều có sinh khí, cần phân rõ Phương, Viên, Tiêm, Tú của Ngũ tinh.

☐ *Ở trên nói tới phương vị, phần này bàn về hình thế. Thông hiểu tinh phong cao thấp thì phân biệt tỉ mỉ.*

Tinh có hình thế, phong cũng có, cần hiểu rõ Ngũ Hành Sinh Khắc. Sinh Tử Lai Khứ của Quỷ và Diệu thực huyền ảo.

Quỷ Long, Diệu tinh kết huyệt, huyệt có thể kết khi có Sinh và Lai, Tử và Khứ thì không phải là Chân huyệt. Lấy Thủy để nói, nó cũng có các phương hướng Quỷ, Diệu, Sinh, Tử, Lai, Khứ.

☐ *Thủy có Sinh Vượng thì cát, Hưu Tù thì hung.*

Đặt Thủy hợp với Sinh Vượng thì tốt, Hưu Tù thì xấu, câu này chính là khẩu quyết cho việc đặt Thủy trước huyệt. 24 ngọn núi phân ra Ngũ Hành, trong chúng có thể thấy rõ vinh nhục và sinh tử, chúng đối nhau mà không giống nhau, bí mật nằm trong Huyền Không. Nhận chuẩn xác Long mạch, nhận địa huyệt phải rõ ràng, phải phân biệt được Thiên Tâm, như vậy kết huyệt chẳng phải khó, chỉ cần đặt Thủy trong Hướng, từ ngoài Sinh vào gọi là "Tiến", huyệt này mang lại phú quý. Từ trong Sinh ra gọi là "Thoái", tiền của trong nhà tiêu tán. Sinh nhập Khắc nhập gọi là "Vượng", con cháu đời đời làm quan phú quý là do loại huyệt mộ này.

Câu "đối nhau mà không giống nhau" là chỉ Tam Hợp hoặc Âm hoặc Dương tiếp nhận khí Sinh Vượng. Song không hợp chuẩn mực thì phải dùng tới sinh khắc của Tiểu Huyền Không.

☐ *Phải rõ nguyên nhân vì sao Mạch, tức Sinh Vượng, Long nghỉ ngơi, Mạch lạnh lẽo thì sắp có tai họa. Dù có Sơn hộ cứu, cũng uổng phí Lộc Mã theo cùng.*

Đoạn này bàn tới sự thịnh suy của Mạch, tức Nhập Thủ. Mạch là Lai Mạch, tức là Khí tức và cũng nói về hình thế phương vị, như Lai Mạch hoạt động chính là Sinh, thẳng cứng là Tử, Khí tức đầy đủ là Sinh, thiếu thốn là Tử. Mạch tức đã suy nhược thì dù có Lộc Mã và Quý Sa đi kèm cũng vô dụng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 5

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên

Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Tôn Ái Tải Ung

THIÊN NGỌC KINH

DƯƠNG QUÂN TÙNG

NỘI TRUYỆN THƯỢNG

☐ *Giang Đông nhất quái đến thì cát, là Bát Thần tứ cá nhất hợp thành.*

Giang Đông là chỉ xoay về bên trái, Dương Long chuyển mình từ Đông sang Tây, thuộc Dương, nên mới là nhất quái. Bát Thần là 8 phương vị Ất, Bính, Tân, Nhâm, Đinh, Canh, Quý, Giáp và 24 vị trí của Tam Hợp, Ngũ Hành, mỗi phương vị cứ cách 8 thì tương sinh. Tứ cá chính là Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, và 4 xứ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Đây là Long xoay sang trái thuộc Dương Sinh Vượng Mộ, Dương chuyên thuận theo nó, nên gọi là Bát Thần tứ cá nhất. Nhất là chỉ Dương.

☐ *Giang Tây nhị quái sắp thành phương vị của Long, là Bát Thần tứ cá nhị.*

Giang Tây là chỉ Âm Long xoay sang phải, từ hướng Tây đi sang Đông, nghịch với vị trí của Long; Ất, Bính, Tân, Nhâm, Quý, Canh, Giáp đều thuộc Âm nên gọi là quái nhị Long, xoay sang phải thì thuộc Âm, Sinh Vượng Mộ chuyển biến theo Âm. Nhị là chỉ Âm.

☐ *Nam Bắc Bát Thần cũng đồng một quái, với Đông Tây không có sai biệt.*

Tác giả lại sợ người đời sau câu nệ Đông Tây mà không biết có Bát Thần Nam Bắc hỗn chuyển tả chuyển nơi Đông Tây tương đồng có thể xem làm một.

Sở dĩ lại nói cùng một quái, thì là tương đồng nói chung, không sai dịch là quái bao sơn hướng thủy mà nói.

☐ *24 Long nắm giữ Tam Quái.*

24 Long không xuất đầu lộ diện, nên nói là Tam Quái, Tứ Sinh Vượng Khảm, Ly, Chấn, Đoài; Tứ Sinh Mộ Cấn, Khôn, Cấn, Tốn, Âm Dương Nam Bắc Đông Tây hội hợp tại đây.

Phải tìm Thiên Quái Giang Đông trên bàn tay.

Thiên Quái tức là nói Địa Chi tùy theo Thiên Can, cũng chính là an tinh Ngũ Hành trước. Từ trên bàn tay phân Âm Dương thuận nghịch, khởi Sinh khởi Tử; Vượng Mộ sắp đặt Cửu tinh dùng đó mà xác định cát hung của Thủy Thần. Cách dùng Thủy, tại Giang Đông gọi là Dương, mà Âm cũng có thể dùng nó mà đối chiếu.

Địa Quái, ai là người hiểu hết sự huyền diệu, Thủy và Sơn đối nhau. Địa Quái là Thiên Can phối hợp với Địa Chi, cũng chính là hai mặt trước sau của Tam Hợp Ngũ Hành. Là tổ tiên của Song Sơn tam Hợp, đây là yếu quyết của Âm Dương

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sinh Tử, cách dụng của Sơn, Thủy đối nhau, cho nên tác giả nói :

> "Thiên Quái ở trên dùng để chỉ Thủy Thần Vượng Mộ, Địa Quái ở đây dựa vào Long để bàn về Sinh Tử của Sơn, Thủy, thể chất và chỗ dụng của hai quái tương hỗ nhau. Do vậy mới nói "đối nhau". Phàm là Thủy ắt phải tới từ trời nên gọi là Thiên Quái, phàm là Long ắt phải ngủ yên dưới đất, vì vậy gọi là Địa Quái".

☐ *Cần phân biệt kỹ Phụ Mẫu Âm Dương, trước sau cùng tương hỗ, rồi mới có thể an táng hài cốt.*

Đoạn này bàn tới cội nguồn của trời đất, Phụ Mẫu khác nhau mới có sai biệt Âm Dương, sau đó tương hỗ mới phân ra trái phải.

☐ *Long di theo Bát quái mà không rời vị trí, gia thế đời đời phú quý, Thủy lưu luôn chảy về bản quái, danh vang thiên hạ. Nếu Long rời khỏi Bát quái thì bần tiện. Sắp đặt Thiên Y, Phúc Đức tốt thì có thể thấy vinh hiển.*

Không rời vị trí là muốn nói Long cùng Thủy quy về một đường, Tả Hữu thuận nghịch chủ 24 vị, nếu Ngũ Hành không rời Bát quái, thì Long hướng sẽ hợp trên một đường, đây là Toàn Cục, trong nhà đời đời có người làm quan. Nếu Thủy đến theo Quan Vượng, dòng chảy trở về bản quái Phụ Mẫu, thì danh vang khắp gầm trời. Nếu không có cục thế Quan Vượng gặp Sa Thủy thì suốt đời bần tiện. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa; Âm, Dương; Tả, Hữu luôn ở trong Bát Thần, như thế là hướng thủy luôn trở về cùng bản quái.

☐ *Đảo lật Phụ Mẫu hộ tống Long vị, hướng núi cùng dòng chảy của Thủy tương đồng, Âm Dương hợp trên một đường đến từ trong quái.*

Thủy lưu trở về Long vị là đảo lộn Phụ Mẫu. Trong 24 vị, Âm và Dương cùng chiếm một nửa, Thiên Quái chuyển từ Dương, Địa Quái theo Âm chuyển, Thiên Quái theo Dương là chỉ nó chia làm 12 Dương vị, đi theo chiều thuận là Ngũ Hành; Địa Quái theo Âm là chỉ nó phân ra 12 Âm vị, đi theo chiều nghịch làm Cửu Tầm. Cát hung của chúng đều nằm trong hai quái Thiên và Địa.

☐ *Quan Thiên Quan Địa xác định Thư Hùng, có thể thấy phú quý trong đó; Phiên Thiên Đảo Địa đối mà không đồng, diệu huyền diệu ở tại Huyền Không.*

Đoạn này muốn nói về hai cục thế Âm Dương và Tả Hữu. Dương xoay sang trái đi thuận thành Hùng; Âm xoay sang phải đi nghịch thành Thư. Dựa vào Âm Dương, thuận nghịch của Thủy Thần thì sẽ khởi Sinh Vượng; thế gọi là Phiên Thiên Đảo Địa. Trong Huyền có Huyền, trong Không có Không, còn được gọi là Huyền Không Thiên Quái. Dư Giới Thạch có nói :

> "Người đời chỉ thích dùng Tiểu Huyền Không Ngũ Hành để nói về sinh tử của Thủy Thần, La Kinh 24 chữ, Thủy Thổ chiếm một nửa".

Phàm Thủy pháp nên dùng Song Sơn liên tiếp làm mục đích của nó, như thế Viên Thần sẽ không gây trở ngại cho Vị, trên Vị có sơn Tràng Sinh. Trên Sơn có Huyền Khiếu, đôi bên đều hữu dụng. Quan Thiên Quan Địa tức Thìn Tuất Sửu Mùi, Phiên Thiên Đảo Địa là Âm Dương sinh tử.

☐ *Thủy khẩu của Tam Dương đều là ngọn nguồn thủ phú quý đời đời, Tam Dương, Lục Tú, Nhị Thần hợp với Thế, thì nên tiến vào Đường.*

Tam Dương là Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc; Lục Tú là Cấn, Bính, Tốn, Tân, Đoài, Đinh; Nhị Thần là hai (2) quái. Thủy của Tam Dương chảy về Mộ địa thu hết thủy đầu nguồn thì phú quý đời đời, nếu Tam Dương thủy hợp với phương vị của Lục Tú, nhập cục không rời bản quái Nhị Thần, có thể thấy ngay chúng đóng trong đền miếu.

☐ *Thủy Đáo Ngọc Nhai Quan Quan thì sẽ xuất hiện thần đồng Trạng nguyên, tựa Ấn đóng tại Thủy khẩu, Ngọc Nhai tới gần Đoài Đinh thì sẽ được thăng quan tiến chức.*

Càn Khôn Cấn Tốn có lúc được gọi là Ngọc Nhai hoặc Ngự Nhai.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Câu trên nói tới Ngọc Nhai Thủy tới chào đón theo phương hướng của Quan Vượng thì sẽ xuất hiện thần đồng Trạng nguyên.

Câu dưới nói tới Ngự Nhai rời Thủy theo phương vị của Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) thì sẽ được thăng quan tiến chức.

- *Cổ Giác thuận thủy lưu mà đi, như thế thì Hồng Bái tươi đẹp tượng trưng cho phú quý sẽ xuất hiện.*

Cổ Giác là chỉ vị trí phía trước một cung của Ngũ Hành Tràng Sinh, sau hai cung là Hồng Bái, có Thủy chào đón Sa, nếu đẹp đẽ thì sẽ phú quý.

- *Bên trên phải chiếu theo Tam Tài và Lục Kiến để sắp đặt ổn thỏa Âm Dương; bên dưới cần theo phương hướng của Ngọc Liên và Hãn Môn, Long đi tới còn cần quay đầu.*

Tam Tài là Tam Dương, chỉ Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc; Lục Kiến là Thiên, Địa, Nhân, Tài, Quỷ, Lộc; Ngọc Liên là Ngũ Hành đi nghịch với vị trí Suy: Vị trí Mộc Suy gồm : Quý, Cấn, Ất; Hỏa Suy gồm : Ất, Tốn, Đinh; Kim Suy gồm : Đinh, Khôn, Tân; Thủy Suy gồm : Tân, Càn, Quý. Lại nói Hãn Môn Thủy nên chọn phương hướng của Suy. Cho nên nói bên dưới chiếu theo đó mà đi. Lại gọi Tý, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất là Lục Kiến. Tý là Hãn Môn, Dần là Kỵ Cổ, Thìn là Hoa Biểu, Càn là Ấn Thụ, Bính là Ngọc Nhai, Ất là Ngọc Liên. Cần chú ý Lục Tú không phải là Lục Kiến. Long đi phải quay đầu lại là nói Thủy rời khỏi Quái ắt phải quay về bản quái Phụ Mẫu mới tốt. Ngô công nói :

> "Ngũ Hành dùng Tràng Sinh làm Thiên Kiến, là khí Âm Dương hóa dục; Dương Mộc, Quan là Địa Kiến, là khí Âm Dương thoát thụ; Đế Vượng là Tài Kiến, tức là khí Âm Dương cực thịnh; Tử, Mộ, Tuyệt là Quỷ Kiến, tức khí Âm Dương ngưng kết; Thai, Dưỡng là Lộc Kiến, tức khí Âm Dương Bắc Phục. Do vậy không nên rời Lộc, Thiên, Nhân Kiến đến đón Lưu Thủy, Tài Quỷ Kiến vào Mộ quấn quanh bản quái Phụ Mẫu, thế mới phù hợp với Toàn Cách".

- *Lục Kiến tự phân rõ gọi là Lục Long, danh vang thiên triều; Chính Sơn Chính Thủy ở trên chi mạch của Lưu thủy, đàn bà trong nhà cô đơn, trẻ nhỏ chết non, người nhà chịu hình luật.*

Đoạn này bàn về sắp xếp Long trên Thủy, theo Thiên, Nhân, Kiến đến đón Thủy lưu, Tài, Quỷ, Kiến vào Mộ, thì đời sau có người nổi tiếng. Nếu Chính Thần của Long làm chính diện trên Chi mạch, hướng theo Chính Thần của Thủy, thì đời sau ắt gặp họa.

- *Nếu Hướng trở về sơn, đây là Hướng trở về Phụ Mẫu của Thủy lưu; nếu Thủy cùng đi chung với Phụ Mẫu sơn thì đời sau có người làm quan to.*

Ý của đoạn này là Hướng của Thủy lưu trở về Bản Quái Long vị, ví dụ như Dương Hợi Long làm Giáp, Mão hướng đi về Đinh, Mùi hợp với Mộ Khố, đây là Thủy lưu quay về. Nếu Âm Hợi Long, Cấn Tốn Bính Thủy đến hợp với Âm Thủy cục đi vào Tuất, Càn, trở lại Mộ Khố, vây quanh Phụ Mẫu bản quái thì chính là cùng đi với Phụ Mẫu sơn, tất nhiên có xuất hiện Tam công, phúc cát kéo dài.

- *Cùng đường với Nhị Thần là Phụ Phụ, biện rõ đường của Chân Thần, đã định Âm Dương thì đó chính là Long Cương.*

Đoạn này dùng Tam Hợp Địa Quái để bàn về Song Sơn. Tam Hợp Ngũ Hành lấy Chi mạch là Dương, làm Phu; lấy Can mạch làm Âm, làm Thê. Can và Chi mạch đồng hành chính là Phu Phụ cùng đi. Ngô công nói :

> "Song Sơn Can mạch theo Chi mạch, phân ra Ngũ Hành là chỉ Âm theo Dương, Thê theo Phu vậy".

Tức là lấy Chính Thần làm chủ, ví như Dần Ngọ Tuất là Dương Hỏa Thần; Cấn Bính Tân là Âm Hỏa Thần. Tương ứng cùng Thân Tý Thìn là Dương Thủy Thần; Khôn Nhâm Ất là Âm Thủy Thần; Hợi Mão Mùi là Dương Mộc Thần; Càn Giáp Đinh là Âm Mộc Thần; Tỵ Dậu Sửu là Dương Kim Thần; Tốn Canh Quý là Âm Kim Thần.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Cần phải quan sát Linh và Chính của Âm Dương, nên biết hướng của chúng có chính xác không. Nếu gặp Chính Thần Chính Vị, ắt phải đặt Thủy tiến vào Linh Đường; Linh Đường có Chính Hướng thì tốt. Tuyển chọn Lai Sơn bên trên Nào Thủy, xếp Long vị ổn thỏa, có như thế mới tốt.*

Đoạn này dùng Song Sơn Tam Hợp để luận 12 chi Âm Dương, Chính Thần thuộc Dương, là Bát Can Tứ Duy. Linh Thần thuộc Âm, khi lập hướng cần biết. Chi Thần không thể làm Chính Hướng ắt phải đặt Thủy tiến vào Can Thần; Can Thần có thể làm Chính Hướng, cũng cần nhận rõ Lai Long là Ngũ Hành nào nhập thủ nhằm tiêu, nạp. Ngô công nói :

> "Chu Tước khởi nguồn từ sinh khí, phân dòng thì chưa cực thịnh, hướng về Đại Vượng, tưới nhuần Tướng Suy, tiến về Hưu Tạ, cũng là cách xếp đặt Long vị trên Thủy".

☐ *Chính Thần đi xa trăm bộ mới hình thành Long mạch Thủy ngắn thì gặp họa; Linh Thần bất kể dài ngắn, cát hung dùng Ngũ Hành để bàn.*

Đoạn này nói về Chính Thần hành Thủy hợp với Quan Vượng, nguồn và dòng rất lớn, xa thì chủ đại quý, nếu xuất hiện tại đồng ruộng hoặc khe rạch thì phải cách 100 bước mới cát, nếu ngắn hơn thì hung. Linh Thần hành Thủy không nhất thiết phải bao bọc nguồn và dòng xa gần, chỉ dùng Ngũ Hành Sinh Vượng Hưu Mộ để luận cát hung. Nếu nó là Chiết Thủy từ Chính Thần chảy ra thì ắt gặp họa, phải chú ý, Chính Thần lên núi, Linh Thần xuống nước, Long Thần trên núi không xuống nước, Long Thần đáy nước không lên núi. Ở đây dùng Sơn để nói :

> "Chính Thần hành Thủy cát, ra ngoài trăm bước mới thành Long".

☐ *Phụ Mẫu đặt xong, thì tới Tử Tức, nên nhận rõ Sinh Khắc, Long vị trên Thủy phải biết rõ Huynh Đệ cùng Tử Tôn của nó.*

Đoạn này dùng Tứ Kinh Chiết Thủy để nói. Cần Kim là Phụ, Khôn Mộc là Mẫu, Cấn Thủy là Huynh Đệ, Tốn Hỏa là Tử Tôn, cần nhận rõ Ngũ Hành Sinh Khắc; đặt xong dường Thủy, Công vị để phân biệt họa phúc. "Trên Thủy" chính là Cấn Thủy, Tốn Hỏa vậy.

☐ *24 chia 2, khi chọn lựa phải xem Ngũ Hành, cần chọn huyệt trong Thủy khi Long giao chiến. Long ở đây là Chính Long khuyết hãm, nếu trước mặt không có hung tướng tương giao phá hủy, không dụng phân biệt thì biết đó là hung họa, phải xem Hung tinh thuộc Công vị nào.*

Đoạn này muốn nói 24 sơn chia Âm Dương, thuận nghịch và dùng nó để phân biệt cát hung, ắt phải xem nó thuộc Ngũ Hành nào chủ quản; trong khi dùng nó để định họa phúc thì tối kỵ Chính Thần giao chiến với Thủy Lộ. Trước mặt không có hung tướng là muốn nói Thủy Lộ không chỉ là Lộc, Phá mà còn kiêm cả Văn Hung vị, do đó không nên vội quyết đoán hung tướng. Nếu giao chiến tại Hung vị, phải xem đó là Công vị nào, nếu tại cung Tý Dần, tai họa có liên quan tới con trưởng. Ngô công nói :

> "Tý Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi tám dường cùng gặp Thủy ắt bị tai họa về đánh đập. Tý Ngọ gặp Thìn Tuất thì chủ về người nam, Mão Dậu gặp Sửu Mùi chủ về người nữ. Mão Dậu gặp Thìn Tuất thì Âm Dương không giao nhau, chủ tai họa về kiện tụng thị phi. Dần Thân Tỵ Hợi thuộc Thủy nếu giao chiến với Tý Ngọ Mão Dậu đều chủ về tai họa hình ngục, đánh chém".

☐ *Trước định Lai Sơn, sau định Hướng, Liên Châu không cùng đặt, cần tìm kỹ tổng tích của Ngũ Hành, huyệt phú quý kết là Kim Long.*

Ở đây nói là Song Sơn Tam Hợp lập hướng. Tỷ như Hợi Khôn Long lập hướng Giáp Mão Đinh Mùi, Thìn Dậu Long lập hướng Tốn Kỷ Quý Sửu; gọi là Liên Châu Tam Hợp, tất phải xem kỹ hai phương diện Long và Hướng, Ngũ Hành hợp, Sinh Quan Vượng; Sa Thủy ứng, Cục thế hội Mộ Khố; như vậy thì biết phú quý là kết tại toàn cục.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngô công nói :

"Dùng Ngũ Hành của Long để tìm phương vị Sinh Quan Vượng, lập hướng đừng câu nệ về phương vị Âm Dương, chỉ cần Lưu Thần hợp độ thì phương Sinh, chủ gia nhân đông đúc, phương Quan Vượng chủ phú quý, nếu Ngũ Hành phối hợp Âm Dương, lập hướng cũng không nên câu nệ, đó chỉ là Âm và Dương".

Dư Giới Thạch nói :

"Cổ nhân dùng Âm Tốn Long tìm về hướng Nhâm, là lấy Tân Kim phối với Nhâm Thủy, gọi là Hợi Long; tìm hướng Dần là lấy Dần phối với Hợi, gọi là Hợp, Hợp có trong Phối. Chuế chính là Âm Hợi Long làm hướng Dần, là Phối ở trong Hợp".

Lại công nói :

"Mộc Dương Sinh Quan Vượng trong Thai, trong mộ huyệt không cần luận tới khuyết điểm của Âm Dương".

☐ *Đông Tây Phụ Mẫu Tam Ban Quái, huyệt mộ này quý giá vô cùng, 24 Sơn Lộ đều có quan to, Xuyên Hồng Bi Tử tiến vào Trường An, không phải Phụ Mẫu phong thì không tốt, loại hình thế này chỉ có phú mà thôi.*

Đoạn này nói Đông Tây Nam Bắc giống nhau, cùng phân thành Âm Dương, Quan Vượng. Chủ Sơn là Phụ Mẫu sơn làm Lai Long thì đời đời làm quan to mặc áo tía, nếu không có Quan Vượng và Triều Thủy của bản quái thì chẳng phải lấy Phụ Mẫu sơn làm bản quái, mà là Lai Khứ từ ngoài quái, cho nên huyệt này chỉ phú mà không quý, dù có Lục Tú, Sa Thủy ứng với cục thế cũng chỉ là phú quý tạm thời mà thôi.

☐ *Phụ Mẫu định xong cần xem Tả Hữu, cần rõ tốt xấu của phương vị, của Hướng, Song Sơn lại hướng Thủy là Linh Thần, phú quý trường tồn; nếu gặp Chính Thần thì hung họa, nên phân biệt Ngũ Hành, một Thần cách hướng thì cần hai Tử thừa tiếp.*

Ngũ Hành Phụ Mẫu phân làm Âm Dương thuận nghịch. Dùng Thiên Quái để xác định tốt xấu của Thủy Thần. Lập hướng nên theo Can và Chi Long, mà đặt Thủy đến từ Thần thì chủ phú quý trường cửu, nếu lập Chính Chi hướng về phía Chiết Thủy Chính Thần thì chủ suy vong. Hơn nữa phải dùng Ngũ Hành để biết được họa phúc lớn hay nhỏ, nếu Quan, Vượng, Tử, Tuyệt có liên quan đến hướng nhà ở, thì tai họa của nó sẽ trầm trọng tại phương vị của Quan Vượng, song chỉ bất lợi cho trẻ nhỏ. Dùng Công vị để nói thì nếu chúng xuất hiện tại các cung Ngọ, Thân, Thìn, ắt con thứ sẽ gánh chịu tai họa.

☐ *Nếu cung vị dịch chuyển thì cần quan sát sự thuận nghịch của nó, tiếp đón được Kỳ. Khi cung vị tới gặp Nghịch Long thì nam nữ sẽ lỡ hôn.*

Thủy lưu trở về bản quái gọi là cung vị dịch chuyển, cần xem Ngũ Hành, Âm Dương thuận nghịch, tiếp đón được Kỳ tức là có Sinh, Quan, Vượng, Sa, Thủy ứng với cục, có được như vậy phú quý mới bền lâu. Ngô công nói :

"Thủy rời bản quái lại đối nghịch với Ngũ Hành Thủy Lộ, vậy tức là Âm Dương không cùng giao hội, chủ nam nữ lỡ hôn. Dù đó là Chân Long, Chính Huyệt cũng không tốt".

☐ *Lại cần xem bên dưới Phụ Mẫu sơn, nếu có Tam Cát Nhị Ban thì mới là tốt nhất.*

Mấy lời này muốn nói Phụ Mẫu sơn hợp với Sa Thủy của Tam Cát : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc; còn Nhị Ban chính là Đông Tây, Nam Bắc; có được như vậy thì Phụ Mẫu sơn này mới là tốt nhất.

☐ *24 sơn khởi từ 8 cung Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật... bốn bề đều là Đào Vong Huyệt, sau khi hạ táng sẽ khiến chủ nhân không con nối dõi.*

Đoạn này muốn nói về việc không nên dùng Lưu Niên Tiểu Hạn, cách này tuy có sự khác biệt về Càn Khôn, Âm Dương, Thuận Nghịch, song vẫn không bằng hợp với Quan Vượng của bản quái; Thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hướng về Mộ được Sinh của bản quái. Phụ Mẫu sơn là cục thế tương ứng của Chân Long.

☐ *Ai Tinh tiết lộ bí mật của Thiên Cơ: Nếu Thiên Cơ ở bên trong Ai Tinh thì phú quý song toàn, bằng không thì gia nghiệp lụn bại. Ngũ tinh cùng phối hợp với Cửu tinh, thì danh vang thiên hạ.*

Đoạn này muốn nhấn mạnh việc phải dùng Ngũ Hành Tam Hợp làm đầu.

☐ *Can Duy là Càn, Khôn, Cấn, Tốn, Nhâm, Dương đi thuận tới Thìn; Chi Thần là Khảm, Chấn, Ly, Đoài, Quý, Âm đi nghịch. Đã rõ hai đường Âm Dương thì phải xếp đặt được thuận nghịch biết sinh từ bản tiện thì dùng đó mà truyền lại cho con cháu.*

Càn, Khôn, Cấn, Tốn tức Dần, Thân, Tỵ, Hợi. Sở dĩ dùng một chữ Nhâm vì nó là nơi sản sinh ra Dương. Khảm, Ly, Chấn, Đoài tức Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Sở dĩ dùng một chữ Quý vì nó là nơi bắt nguồn của Âm. Rõ sinh tử thì biết Âm Dương phân thành hai đường. Ai Tinh dùng Càn, Khôn, Cấn, Tốn khởi từ Âm Can Long theo chiều thuận; Ngũ Hành dùng Khảm, Chấn, Ly, Đoài khởi từ Dương Can Long đi theo chiều nghịch. Do vậy Cửu tinh mới phân biệt Âm Dương thuận nghịch. Hiểu được điều này thì có thể đoán được sống chết, giàu sang, nghèo hèn. Nhâm là Dương Thủy, Quý là Âm Thủy, đây là nguyên do vì sao thuận nghịch chia rõ.

☐ *Thiên Địa Phụ Mẫu Tam Ban quái, các nhà phong thủy hiện nay đều không biết đến. Huyền Không Đại Quái vốn là yếu quyết của cuốn kinh này.*

Thiên quái Ai Tinh Ngũ hành, Địa Chi theo Thiên Can, Tam Hợp, Ngũ Hành; Thiên can theo Địa Chi, phân Âm Dương, Phụ Mẫu, nên gọi là Tam Ban quái.

Các nhà phong thủy hiện nay không biết điều này, lại dùng Thiên Địa Phụ Mẫu Nhị Quái, đảo lộn Sinh Khí, sửa đổi Thiên Y, Phúc Đức để xác định cát hung mà không biết hai quái Thiên Địa, Phụ Mẫu chỉ dùng cho Tiểu Thủy trước cửa. Huyền Không Đại Quái là dùng Huyền Không của Địa quái; các nhà phong thủy lại dùng Tiểu Huyền Không Ngũ Hành để xác định sinh tử của Thủy Thần, mà không biết nó là Vong quái dùng để phát xuất sát khí.

☐ *Ở trên có nói tới Đông Tây Nhị quái, ở đây muốn nói phải tìm Ngũ Hành dưới sơn và nơi nhập thủ thì mới biết được tông tích của nó.*

Đông Tây Nhị quái tức Thiên Địa Nhị quái, phải quan sát kỹ nguồn gốc của nó thì mới biết được tông tích của Cửu tinh. Nếu dùng Thiên quái, thì nên thêm hướng Thượng để xác định tốt xấu, dùng Địa quái phải thêm phần quan sát sự thịnh suy của Sa Thủy. Có hiểu được điều này mới biết Thiên quái chính là Thiên Bàn Ai Tinh, Địa quái là Địa Bàn Tam Hợp.

☐ *Phân rõ 12 phương vị Tử Tôn, tai họa liên tiếp, muốn rõ khắc hại phải luận Tông Chi.*

Đoạn này nói về Tứ Kinh Ngũ Hành tự phân định 12 phương vị Âm Dương, chia làm chi mạch Tử Tôn, cát hung nối tiếp nhau, song phần nhiều là tai họa, tất cả chỉ vì không quan sát kỹ lưỡng Ngũ Hành đến từ Quái nào, không tra cứu xem Tử Tôn thuộc Tông chi nào.

☐ *Ngũ Hành đóng ở giữa, nếu Cốt của Lai Long là giả thì hại tới ngàn người.*

Ngũ Hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Song Sơn, Tam Hợp, Huyền Không, Thiên, Địa quái đều không dùng Thổ, nên gọi là Tứ Kinh Ngũ Hành, nếu phương vị của Lai Long là giả, thì khí mạch của Ngũ Hành sẽ tiêu tán, cát hung lẫn lộn, hại người rất nhiều.

☐ *Một sinh trăm ngàn, không nên làm hỏng Thần tinh; Long phải hợp với Hướng, Hướng phải hợp với Thủy, Thủy phải hợp với Tứ Cát; hợp Lộc hợp Mã hợp Quan tinh, bản quái tìm Quan Vượng; hợp Hưng hợp Cát, hợp tường, chỉ cần xem Thái Tuế là Thần nào thì có thể biết, đoán*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

định thành bại thì xem là Công vị nào trong Tam Hợp năm là được.

Đoạn này muốn nói Phụ Mẫu quái sinh ra nhiều Tử Tôn, chúng có riêng Ngũ Hành Cửu tinh, không nên làm hỏng Tông và Chi. Phàm là Long đều phải hợp với Phụ Mẫu quái, hơn nữa liên tiếp phối hợp, lập hướng thuộc về Quan Vượng, Hướng phải hợp với Thủy Lộ của bản quái, Thủy phải hợp với bốn (4) Cát tinh: Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ hoặc hợp Chính, nhờ vào Lộc, Mã, Quan tinh, như thế Quan Vượng tới vị trí Quan, Thủy hướng về nơi đối diện với sơn phong, chủ phú quý. Đoán xét về cát hung nếu gặp Thái Tuế đến thì xuất hiện tai họa, gặp được năm trong Tam Hợp năm thì khi lập mộ, nên dùng Công vị để luận, tại các vị trí Thân, Ngọ, Tuất, Tân, Nhâm cát hung thành bại xuất hiện tại Nhị Phòng.

☐ *Muốn rõ Tinh, Thần, cần quan sát kỹ Ngũ Hành đến từ Quái nào, Lai Sơn Bát quái không biết tông tích, Bát quái Cửu tinh đều là hư giả, thuận nghịch tự có điểm khác nhau, Thiên quái ở tại Huyền Không.*

Đoạn này có ý rằng : Dùng Ai Tinh quái để nói Ai Tinh thuận theo hướng nhà, tính toán ra Cửu tinh để định cát hung của Thủy Thần thì ắt phải xem Ngũ Hành đến từ quái nào. Nếu cát hung cùng ứng mà lại không truy tìm nguồn gốc của nó, thì Bát quái Cửu tinh đều là giả. Thiên quái tại Huyền Không là muốn nói Ai Tinh quái chính là Thiên quái, Thiên quái chính là Đại Huyền Không quái, Đại Huyền Không quái Kim Mộc Thủy Hỏa đều có sở thuộc riêng. Ai Tinh Âm Dương thuận nghịch tuy khác nhau song lại cùng hợp với nguồn gốc của Đại Huyền Không. Ngô công nói :

> "Hợp với Thiên quái thì Thủy chảy về Mộ Khố, nó tương ứng rất nhanh; hợp với Huyền Không thì Thủy Thần rời khỏi Cự Môn, nó ắt tương ứng chậm, do vậy phải chiếu theo Thiên quái. Bằng không, Công vị bị lệch mà trẻ nhỏ bất lợi".

☐ *Tý, Dần, Thìn và Càn, Bính, Ất được xếp vào vị trí trường nam; Ngọ, Thân, Tuất và Khôn, Nhâm, Tân xếp vào vị trí nhị nam; Mão, Tỵ, Sửu và Cấn, Canh, Đinh là vị trí của tam nam; Dậu, Hợi, Mùi và Tốn, Giáp, Quý xếp vào vị trí của tứ nam.*

Đoạn này bàn tới Chiết Thủy Công vị. Công vị đã được nói ở trên, ở đây dùng nhất, nhị, tam, tứ phối với Mạnh, Trọng, Thúc, Quý để nói về Chiết Thủy dùng Tý, Dần, Thìn và Càn, Bính, Ất làm Nhất Long, chủ về Trưởng Phòng; Ngọ, Thân, Tuất và Khôn, Nhâm, Tân làm Nhị Long, chủ về Nhị Phòng; Mão, Tỵ, Sửu và Cấn, Canh, Đinh làm tam Long, chủ về Tam Phòng; Dậu, Hợi, Mùi và Tốn, Giáp, Quý làm Tứ Long, chủ về Tứ Phòng. Đây là cách cổ nhân Chiết Thủy (cắt đặt thủy lưu). Phàm Can Thần Thủy của Chiết Long thì chủ hạnh phúc trong Phòng; Chi Thần Thủy của Chiết Long chủ tai họa. Cần xem xét Thiên quái, Địa quái, Ngũ Hành khởi Cửu tinh để tiêu tán và kết tụ, có thế mới nghiệm được Nhất, Nhị, Tam, Tứ Long. Tứ Kinh Ngũ Hành Tam Hợp đều chủ dùng cách này, đoạn văn này dùng Chiết Thủy trước huyệt để bàn chứ không phải dùng Công vị, không nên dùng chung, lẫn lộn.

☐ *Lai Long ngàn dặm phải xem Tổ tông sơn, Chi Thủy đến đi là hung, chỉ có Dần, Thân, Tỵ, Hợi Thủy mới có sinh Vượng, phúc đức vô cùng.*

Phàm Thủy thì không nên dùng Chi Thần Thủy, Lai Khứ của nó đều hung, chỉ có bốn (4) đường Thủy Dần, Thân, Tỵ, Hợi hợp với Ngũ Hành, sinh tại vị trí Quan Vượng, dòng chảy xa chủ phú quý. Song chẳng phải là bốn (4) sinh Thủy này đều dùng như nhau, chúng có sinh Vượng riêng. Do vậy còn phải xem Tổ tông sơn của chúng. Giáp, Canh, Bính, Nhâm cùng thuộc Dương, đi thuận Ngũ Hành; Ất, Tân, Đinh, Quý cùng thuộc Âm, đi nghịch Ngũ Hành. Âm Dương thuận nghịch khác nhau thì cần tìm ở bên trong, Cửu tinh khởi Thư Hùng bất đồng, Huyền Quan có chỗ diệu dụng.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ở đây dùng Tam Hợp Địa quái nói về Giáp, Canh, Bính, Nhâm thuộc Dương, đều thuận với Ngũ Hành; Ất, Tân, Đinh, Quý cùng thuộc Âm, nghịch với Ngũ Hành. Do vậy đường đi của chúng khác nhau. Cửu tinh cũng có thuận nghịch cùng khởi Thư Hùng khác nhau. Huyền Quan là Dương xoay sang trái, Âm xoay sang phải, Ất Bính giao hội cùng Mậu Tân Nhâm, như thế là phá vỡ Huyền Quan, tận thiện tận mỹ.

□ *Hai quái Đông Tây vô cùng kỳ diệu, phải biết bản quái hướng về Thủy, bản quái hướng về bản Thủy Tứ Thần, có như thế mới đời đời làm quan.*

Ở đây nói về hai cục Âm Dương hợp với hai quái Thiên Địa Đông Tây. Lại phải hợp với Phụ Mẫu quái, bản quái hướng về Quan Vượng, Thủy chảy về bản Mộ, sau đó rời Ngự Nhai Tứ Duy mà đi, chủ phú quý đời đời bền vững. Tổng kết về hai quái Đông Tây mà không bàn về hai quái Nam Bắc là do phần đầu có nói Nam Bắc giống như Đông Tây vậy.

□ *Thủy lưu rời bản quái thì chỉ có một đời làm quan, Nhất Chiết là một đời làm quan hưởng bổng lộc, Nhị Chiết là hai đời hưởng hạnh phúc, Tam Chiết Phụ Mẫu cũng có phúc. Song sẽ đón lấy tai họa nhanh chóng, vì Thủy lưu rời bản quái.*

Đoạn này tổng kết cách dùng Ai Tinh Ngũ Hành. Thủy rời bản quái tức là Thủy đến chào đón Quan Vượng từ bản quái, như vậy Thủy chảy ra ngoài quái.

NỘI TRUYỆN HẠ

□ *Càn sơn Càn hướng có Thủy đến thì xuất hiện Trạng nguyên; Mão sơn Mão hướng đón tiếp nguồn Thủy thì giàu nhanh; Ngọ sơn Ngọ hướng đến mộ huyệt, sản sinh đại tướng; Khôn sơn Khôn hướng có Thủy đến, phú quý trường tồn.*

Đoạn này bàn về cách dùng Càn, Khôn, Chấn, Ly phân hai cục Âm Dương, những cách còn lại đều chiếu theo cách này. Càn sơn hướng lên, Thủy đến hướng Càn, Càn phong phải cao chọc trời mới sinh ra Trạng nguyên, Càn sơn hoàn toàn chẳng phải Càn hướng. Dương Càn hướng lên có Thủy chảy tới, Âm Mão hướng có Thủy chảy tới hướng Mão, Dương Ngọ hướng có Ngọ Thủy, Âm Khôn hướng lên có Thủy đến. Hết thảy Âm cục Thủy lưu đều chảy về Mộ Huyệt, hết thảy Dương cục Thủy lưu đều tới từ Đế Vượng. Có người nói đây là Hồi Long quay đầu nhìn Tổ sơn, là cách cục đầu tiên trên mặt đất, cách này cũng dựa vào Âm Dương cục để nói mà thôi.

□ *Có thể phân biệt hai đường Âm Dương, phân rõ Ngũ Hành thì dù là con cá trạch cũng sẽ vượt sóng gió qua Long môn mà thành rồng.*

Đoạn này nối tiếp phần trên, Âm Dương có khác biệt về thuận nghịch, Ngũ Hành cũng có đường đi khác nhau, nếu có thể biết được nguồn cội và lợi dụng được nó thì có thể biến hóa rất lớn.

□ *Tốt nhất là chiếu theo Tứ Thần, như vậy phú quý bền vững, phải biết rõ tình hình của Bát quái trên mộ huyệt và phải sắp đặt ổn thỏa quái trong mộ.*

Tứ Thần là Tứ Duy, Thủy tiến vào đất Tứ Kim Mộ từ Sinh Vượng, có như vậy mới được giàu sang mãi, đây là tác dụng của quái bên trên mộ huyệt. Quái bên trên phải được sắp đặt rõ ràng và biết được nguồn gốc của nó, "Nguồn gốc" chính là Sinh Vượng.

□ *Muốn được phú quý thì xem cát hung của Tam Ban quái. Thủy rời quái thì bần tiện. Dần Thân Tỵ Hợi Thủy đến từ rất xa, Ngũ Hành ẩn tàng*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trong Hướng, Thìn Tuất, Sửu Mùi được gọi là Động Kim Long, nếu Kim Long động, thì bần cùng mãi. Nếu mượn Thủy trở về trong mộ huyệt thì tiền phú hậu bần.

Tam Ban quái chính là Thiên quái, Địa quái, Âm Dương Phụ Mẫu quái. Thủy Thần từ bản quái hợp với Quan Vượng mà tới, chủ đại phú quý. Nếu Thủy Thần từ bên ngoài quái, lại không hợp Quan Vượng thì mãi mãi bần cùng. Thủy chảy về hướng Tứ Mộ Kim thì gọi là Động Kim Long, đất này sẽ phát phúc lớn. Từ Mộ Khố tức là nói Thủy hợp với Thiên, Địa quái. Ất, Bính đến gặp Tuất, Nhâm, Tân. Tiếp Mộ Khố là nói Thủy trở về Mộ Khố của Thiên quái, không hợp với Mộ Khố của Địa quái thì đời trước giàu sang mà đời sau nghèo hèn. Nếu Thủy lưu trở về Mộ Khố của Địa quái, không hợp với Mộ Khố của Thiên quái thì nơi sản sinh vương hầu có chỗ khuyết hãm, nếu Thủy rời Địa quái lại không hợp Thiên quái thì chủ bần tiện mãi mãi, do vậy phải dùng phương pháp Chiết Thủy để hóa giải mới có thể toàn mỹ.

☐ *Đại đô Tinh đều khởi từ một phương vị nhất định, nếu là Ngũ Hành khởi Sinh Vượng, Hỏa tinh đối với Cấm bài khởi Cao Cương, thì chức vụ tại Học Đường. Hãn Môn, Quan Quốc, Hoa Biểu, Thủy tú Sơn kỳ có thể sản sinh bậc đại quan.*

Tràng Sinh sơn cùng đối diện với Bài chính là Tinh khởi đại đô, nó hợp cục với Thủy tới, chủ đại quý, Quan Đới chính là Học Đường, Suy là Hãn Môn, Tử Huyệt là Quan Quốc Mộ, là Hoa Biểu. Long hướng Tham, Cự, Vũ, Thủy nghênh đón sơn phong, chủ đại phú quý.

☐ *Khảm Thủy, Ly Hỏa đi qua từ trung Thiên; Long Trì dịch chuyển về Đế Tòa, Bảo Cái, Phụng Các, Tử Duy chào đón, Bảo Điện phát Long Lâu, La Kiếp Điều Sát không nên phạm, Kim Chi Ngọc Diệp được sắp đặt trong Tử Mạnh, Ngọc Ấn giấu trong Kim Sương.*

Phàm Chiết nạp Thiên tinh là lấy Tý làm Đế Tòa, Ngọ làm Tướng tinh, Kim Thủy Dậu làm Hoa Cái, Thái Dương Càn làm Long Lâu, Thái Âm Khôn làm Bảo Cái, Tá Tôn Cấn làm Phụng Các, Viêm Diệu Tốn làm Bảo Điện, Tử Vi Dần làm Thiên La, Tuất làm Thiên Kiếp, Sửu làm Thiên Điếu, Mùi làm Thiên Sát, Tử Khí Dần làm Kim Sương, Thân làm Ngọc Ấn, Thiên Tài Tỵ làm Kim Chi, Hợi làm Ngọc Diệp, Thân làm Quỷ Kiếp, Canh làm Động Sát, Bính làm Đế Thích, Viêm Liệt Nhâm làm Huyền Vũ Giảm Trì, Ất làm Công Tào, Tân làm Trực Phù, Đinh làm Đế Liên, Hành Long của nó Chiết Thủy, đắc Cát tinh gặp Sinh Vượng thời quý hiển, hợp với hung sát gặp Tử Mộ thì đa tai. Đoạn này bàn về tổng yếu của Chiết Thủy trước hết phải biết rõ nguồn gốc.

☐ *Đế Thích đặt tại châu, phủ, nó và Tử Vi cùng tiến vào Huyền Vũ, Phụ Mẫu sơn dảo ngược dưỡng dục Long Thần, phú quý trường tồn.*

Đế Thích là Bính, thường hướng về châu, phủ, huyện. Tử Vi là Hợi. Huyền Vũ là Nhâm. Phụ Mẫu dảo ngược thì tựa Âm Hợi Mộc lập hướng Bính, hợp với Dần Giáp, Tốn Quan Vượng, Thủy cùng về Tuất Càn, bao bọc bản quái Phụ Mẫu, như vậy gọi là Phụ Mẫu dưỡng dục Long Thần, chủ về phú quý đời đời.

☐ *Biết được Phụ Mẫu Tam Ban Quái, chính là đường đi của Chân Thần. Bắc Đẩu thất tinh đi trừ Kiếp, cần phải tương hợp cung Ly.*

Có được Thiên, Địa, Âm Dương cùng đi một đường thì mới là Chân Thần. Đường đi của nó là Tý sơn Ngọ hướng thành Khảm Ly giao hội, hướng lên phải hợp với hướng của sơn, lưu Thủy không rời bản quái mới là Chân.

☐ *Lại có một sao phò tá tôn quý, Khôn là vị trí của Kim Thần, bốn Long Thần Giáp Canh Bính Nhâm đều thuộc Dương Can, Cấn Tốn và Càn Khôn có Thủy hướng tương đồng, phú quý thịnh vượng. Thìn Tuất Sửu Mùi cùng vận hành một đường, phú quý phát nhanh.*

Khôn là sao phò tá cho quyền quý, Thiên quái thuộc Kim đóng tại vị trí của Quan

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Vượng, Giáp Canh Bính Nhâm thuộc Dương, Càn Khôn Cấn Tốn thuận theo hướng của Dương, cùng thuận khởi Ngũ Hành mà sắp đặt Cửu tinh. Nếu hợp được với Thủy của Quan Vượng, chủ phú quý song toàn, Nếu Thủy trở về Tử Mộ, hợp với hai quái Thiên Địa, Phu Thê đồng hành một đường, chủ phú quý phát nhanh. Ở đây nói về Dương vị, Âm vị cũng vậy.

- *Căn cứ vào quái đến thì cát, mất "căn cứ" thì trộm cướp xuất hiện, không dựa vào phương vị thì hung.*

  Căn cứ vào quái đến là chiếu theo ba quái Thiên Địa, Huyền Không để lập hướng và tiêu nạp Thủy thì mới tốt. Mất đi hướng của quái thì thành trộm cướp. Không chiếu theo Phụ Mẫu, Thiên, Địa tam quái thì hung.

- *Ngoài ra bốn Long sơn cương Tý, Ngọ, Mão, Dậu, nếu đem chúng làm Tổ sơn thì gia sản sung túc, Thủy tiến xa trăm dặm có thể phò tá vua, chúa, Thủy ngắn chủ tai họa.*

  Tý, Ngọ, Mão, Dậu là bản thân Ngũ Hành luôn hướng về vị trí của Vượng, Lai Long chiếu theo đó thì vượng về người và tài sản. Ngô công nói :

  > "Tý Ngọ là Thiên Kiếp tinh. Mão là Tướng tinh, Dậu là Hoa Cái tinh, nếu Thủy của nó đến từ sông ngòi khe rạch, dòng chảy xa hợp với cung vị của bản quái, ứng cục Long Thần mạnh mẽ, chủ về sản sinh ra danh tướng; nếu Thủy ngắn mang theo Sát thì tổn hại đến phú quý, nếu đi qua vị trí của Mộc Dục thì nam nữ dâm loạn, Long suy nhược mà đại quái cương cường thì chủ về tai họa do trộm cướp gây ra, ở đây muốn nói là phải hợp với Địa quái vậy".

- *Biết rõ Âm Dương vận hành theo hai đường, phú quý song toàn, bằng không tai họa giáng xuống.*

  Sơn lập hướng phải phân rõ Ngũ Hành, Âm Dương thuận nghịch, sinh tử thì mới có phú quý song toàn.

- *Tiền kiêm Long Thần Tiền kiêm Hướng, không nên đặt liên tục; Hậu kiêm Long Thần Hậu kiêm Hướng, sắp đặt xong, phải phân Âm Dương, Linh Thần và Chính Thần.*

  "Tiền kiêm Hậu kiêm" chỉ Thiên quái là Tiền kiêm Hậu, Địa quái là Hậu kiêm Tiền. Phàm xác định cát hung, họa phúc theo Ngũ Hành Âm Dương, thuận nghịch đều dựa vào điều trên. Linh Thần và Chính Thần chỉ chi mạch là Chính Thần, can mạch là Linh Thần. Sơn hướng Chiết Thủy phải tính từ Linh Thần Ngũ Hành, như thế mới có được phú quý cát lợi. Càn Giáp Đinh liên tiếp chính là Tiền kiêm Hậu, Hợi Mão Mùi là Hậu kiêm Tiền. Biết được như vậy thì Ai Tinh không thoát ra ngoài Tam Hợp, Thiên quái và Địa quái.

- *Phụ Mẫu dảo vị là Chân Long, phú quý song toàn. Phụ Mẫu thuận vị, nghèo hèn suốt đời.*

  Đây là phương pháp Tứ Long Chiết Thủy. Phương pháp của cổ nhân : Đem Nhất Long làm Phụ Mẫu, Nhị Long làm Tứ Tức, Tam Long làm Huynh Đệ, Tứ Long làm Tử Tôn. Chiết Thủy cần đi từ Tứ Long ngược về Tam rồi Nhị rồi Nhất Long, như vậy gọi là Phụ Mẫu dảo vị. Nếu từ Nhất, tới Nhị, Tam, Tứ Long thì gọi là thuận vị, như vậy thì xấu. Ngô công nói :

  > "Phụ tử tương sinh thì tài phúc vượng, Huynh đệ đồng sinh thì làm quan. Phụ tử tương khắc chủ hình thương, Huynh đệ tương khắc chủ cô độc".

- *Nhất Long ở trong cung có Thủy đi qua, con cháu gian khổ; Tứ, Tam, Nhị, Nhất dảo vị, bốn người con đều hiển vinh; Long hành rời xa, chủ con cháu rời xa quê hương, bốn người con đều hành nghề buôn bán.*

  Phàm Chiết Thủy rời đi từ Nhất Long đến Tứ Long thì con cháu nghèo khổ. Từ Tứ, Tam, Nhị, Nhất Chiết Thủy mà đi thì đời sau phú quý. Chiết Thủy xuất quái gọi là Long đi ra xa, chủ xuất ngoại rời bỏ quê cha đất tổ, song nếu triết lại trở về bản quái Phụ Mẫu thì chủ phát về kinh doanh buôn bán.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

□ *Phong thủy gia hiện nay đa phần không biết Ai Tinh, chỉ dựa theo Thiên Tâm, tài sản ở phía Đông chuyển sang hướng Tây, coi phía Bắc thành phía Nam, Chân Long nằm suốt ngày trong núi, làm sao kiếm được ? Chỉ vì tự mình không thấy lại đi tìm loạn.*

Đoạn này bàn về việc các nhà phong thủy không biết Ai Tinh pháp mà chỉ nhờ vào Thiên Tâm, Thập Đạo để lập hướng. Thủy của Sinh Vượng ở phía Đông thì lại đi lấy hướng Tây, Thủy của Lâm Quan ở bên Bắc thì họ lại lấy bên Nam. Dù Long là Chân Long huyệt, là Chính huyệt mà mất đi chuẩn mực của lưu thần, thì có khác nào quăng xác ngoài đồng !

THIÊN NGỌC KINH NGOẠI THIÊN

DƯƠNG CÔNG CHẨM

HUYỀN KHÔNG ĐẠI QUÁI QUYẾT

□ *Huyền Không quái cũng là Tứ Kinh Ngũ Hành, nó có năm (5) cách dùng.*

Thiên, Địa, Âm Dương quái còn gọi là Huyền Không quái. Cần tìm nguồn gốc của Càn, Khôn, Cấn, Tốn, Khảm, Ly, Chấn, Đoài, nên phải phân Thiên Địa, tìm Ngũ Hành tại đó.

Tứ Kinh là :

1- "Thiên Bảo Kinh" : Càn, Bính, Ất, Tỵ, Dần, Thìn lục vị cùng thuộc Kim.

2- "Huyền Nữ Kinh" : Cấn, Canh, Đinh và Mão, Tỵ, Sửu lục vị đều thuộc Thủy có thể do người tới số định, số đã kể trên đều thuộc Dương, Dương sơn Dương thủy mới có thể tương phối.

3- "Long Tử Kinh" : Khôn, Nhâm, Tân và Ngọ, Thân, Tuất lục vị đều thuộc Mộc mà mấy ai biết.

4- "Bảo Chiếu Kinh" : Tốn, Giáp, Quý và Hợi, Dậu, Mùi lục vị đều thuộc Hỏa. Số đã kể trên đều thuộc Âm, tương ứng với Âm sơn, Âm thủy.

Đây đều là Thiên, Địa, Âm Dương quái trong Ngũ Hành, nên gọi là Tứ Kinh, nếu Thủy lưu phá phương Vượng thì tài lộc hội tụ, nếu phá phương Sinh thì tổn hao người, ở Hoàng Tuyền đóng trên vị trí của Tràng Sinh, nếu năm đó cốt can hóa đi thì tất bị hình thương, đó là chân khẩu quyết của Cửu Thiên Huyền Nữ, không nên coi nhẹ truyền cho những người bạc phúc.

Năm cách dùng :

1- Chi Thần là Chính, Can Thần là Linh; Chính Thần ở trên Sơn, Linh Thần ở dưới Thủy.

2- Sơn chủ nhân đinh, Thủy chủ quản tài lộc, tứ Long chia làm tứ Phòng.

3- Sơn hướng Thủy lộ phải theo thứ tự nhất nhị tam tứ, tức Sơn khắc Hướng là thuận, chủ đại phú quý. Nếu Hướng khắc Sơn là nghịch, chủ bần hàn.

4- Sơn hướng Thủy cùng ở trong quái, chủ phú quý; nếu rời quái thì nghèo hèn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

5- Thủy đi (khứ) phải quay đầu, trong tứ Long phải có Bản Long Thủy mới tốt; không có Bản Long Thủy thì chỉ giàu mà không sang, ví dụ như Ất Bính, đặt Thủy, đặt mấy lần thì thành Ất Bính Thủy, như thế gọi là quay lại.

Đoạn này chỉ phương pháp tìm Linh và Chính Thần. Chính Thần thì tìm trên núi mà Linh Thần tìm dưới nước và chú trọng tới việc Chính Thần phải ra ngoài trăm bước mới thành Chân Long cùng độ dài ngắn của Thủy lưu.

☐ *Nhất Long Kim vị chủ phú quý con cháu đầy nhà. Thìn sơn Càn hướng đặt Càn Thủy hay Càn sơn Ất hướng đặt Ất Thủy đều là Kim gặp Kim, chủ phú quý song toàn.*

Nhị Long tại Mộc vị, vượng về nhà cửa, đất đai. Khôn sơn Nhâm hướng đặt Nhâm Thủy thì tốt là vì Mộc gặp Mộc.

Tam Long rời bản vị, vàng bạc đầy nhà. Cấn sơn Đinh hướng đặt Đinh Thủy; Canh hướng đặt Canh Thủy, là Thủy gặp Thủy, chủ phát về giàu có.

Tứ Long đi tới vị trí của Hỏa, phú quý song toàn. Dậu sơn Giáp hướng đặt Giáp Thủy là Hỏa gặp Hỏa.

Chính Thần trên núi, con cháu đầy nhà; Linh Thần dưới nước, chủ cao sang. Linh Thần gặp Chính Thần chủ tai họa; Chính Thần ngoài trăm bước mới thành Long, Thủy lưu ngắn thì hưng; Linh Thần bất kể Thủy lưu dài hay ngắn.

☐ *Nếu Ngũ Hành khắc Hướng, con cháu giàu sang; nếu gặp Hướng mà thấy có hai thần đi cùng thì phú quý trường tồn. Phàm Sơn khắc Hướng thì tốt, như Tý sơn Ngọ hướng (Tý thuộc Thủy, Ngọ thuộc Hỏa) chính là trường khắc thứ. Là Thủy khắc Hỏa, Thủy là một thần Hỏa là một thần nên nói gặp được Hướng có hai thần đi cùng.*

Nơi sinh Nhất Long có Tam Long, đời đời vinh hiển. Tam Long là chủ của Ngũ Hành, bản thân nó thuộc Thổ. Thủy trong Ngũ Hành phải đắc Thổ, Sinh Vượng Mộ cũng vậy. Tam Long cát thì Nhất, Nhị, Tứ Long cũng cát, nếu hung thì cùng hung.

Đoạn này nói về Tam Long, chỉ có Tam Long kiêm hai hành Thủy, Thổ. Thủy, Thổ có Sinh Vượng Mộ cũng như vậy. Do vậy, nó cát hay hung thì ba Long còn lại cũng cát hay hung theo.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHÒNG PHÂN THỦY PHÁP

Tý, Dần, Thìn và Càn, Bính, Ất là chân vị của trưởng nam; Ngọ, Thân, Tuất và Khôn, Nhâm, Tân là chân vị của thứ nam; Mão, Tỵ, Sửu và Cấn, Canh, Đinh là chân vị của kế nam; Dậu, Hợi, Mùi và Tốn, Giáp, Quý là chân vị của thiếu nam. Chiết Thủy thứ nhất là trưởng Phòng (nam) chiết Thủy, Càn, Bính, Ất; chiết Thủy thứ hai là tình huống của thứ Phòng, Khôn, Nhâm, Tân đồng hành; chiết Thủy thứ ba là thuộc về kế Phòng, Cấn, Canh, Đinh; chiết Thủy thứ tư là cung vị của thiếu Phòng, Tốn, Giáp, Quý gặp nhau tại đây. Nhất Long rời xa Thủy khẩu, con cháu bất lợi, chủ về tha phương cầu thực, nhưng nếu ở vị trí của Thủy thì không đáng ngại. Nhị Long đi trước, còn lại một Nhất Long đơn độc thì có người dưỡng dục con cháu. Nhị Long chiết Thủy gặp Chân Long thì tay trắng làm nên cơ nghiệp. Tam Long đi trước, Nhất Long đơn độc ở nhờ và nhờ người nuôi dưỡng con cháu. Không phân rõ vị trí của Tứ Long thì cả nhà chịu chết.

Dùng 24 sơn để nói Phụ Mẫu, Huynh Đệ, Tử Tôn phải có tôn ti trật tự, người dưới đi lẫn với người trên là loạn về thứ tự, Ngũ Hành trong phản chủ, con cháu được người khác nuôi dưỡng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Kim Mộc Thủy Hỏa tự có một cung vị riêng, sinh khí và vận mệnh cũng khác nhau, hiểu lí mĩ sinh khí của Tứ Hành hợp với vận mệnh, tự nhiên sẽ phát phúc, phát thịnh.*

Tý, Dần sơn thuộc Kim, chẳng hạn Cấn sơn Bính hướng có Thủy đi tới hướng Đinh, Canh thì là Kim sinh Thủy, người mệnh Kim Thủy thì sẽ phú quý.

Ngọ, Thân sơn thuộc Mộc, ví dụ như Nhâm sơn Ngọ hướng, hướng có Thủy tới Khôn và Ngọ thì là Mộc sinh Hỏa, người mệnh Mộc thì phú quý song toàn.

Mão, Tỵ sơn thuộc Thủy, tỷ như Cấn sơn Đinh hướng, Canh hướng thì người mệnh Thủy Thổ phú quý.

- *Can và Chi Thủy phải hỗ trợ nhau. Trong cung Chấn, trưởng nam đạt được nhiều may mắn; cung Đoài là vị trí của thiếu nam; cứ chiếu theo đây mà tính, song với tỉ lệ thì khác.*

Chấn là trưởng, Đoài là thiếu, Ly Khảm là giữa, đó là hình thế của sơn mà người ta thường bàn tới.

TƯƠNG SINH TƯƠNG KHẮC

- *Bốn Long vị Kim Mộc Thủy Hỏa, tương sinh thì cát, tương khắc thì hung, họa phúc ở trong tương sinh tương khắc.*

Sáu Sơn thuộc Kim là : Tý, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất, Kim Thủy tương sinh là thuận Long. Như Bính hướng cần đặt trong Đinh Thủy, là Kim sinh Thủy, đặt trong Canh Thủy cũng vậy. Đặt trong Tân Thủy, là Kim khắc Mộc thì hung, với cái trên cùng là Dương.

Sáu Sơn thuộc Mộc là : Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Nhâm, Tân, Lai Sơn lập hướng tối kỵ tương khắc. Như Tuất hướng không nên đặt trong Càn Thủy, là Kim khắc Mộc, cùng với cái dưới là Âm.

Sáu Sơn thuộc Thủy là : Mão, Tỵ, Sửu, Cấn, Canh, Đinh. Ví dụ Mùi sơn Sửu hướng không nên đặt Quý Thủy vì Mùi là Hỏa, Sửu là Thủy, Quý cũng là Hỏa, như vậy Thủy khắc Hỏa nên bất lợi.

Sáu Sơn thuộc Hỏa là : Dậu, Hợi, Mùi, Giáp, Tốn, Quý. Ví dụ Dậu sơn Giáp hướng không nên đặt Đinh Thủy vì Giáp hướng thuộc Hỏa mà Đinh thuộc Thủy, Thủy khắc Hỏa, hung.

TƯƠNG HÌNH TƯƠNG KHẮC

Kim đến cung Hỏa người chết sạch; Hỏa ến cung Kim ắt hại tới vợ con; Kim Hỏa ương hình, người phải tự vẫn và ly biệt.

Ví dụ như Hợi sơn Bính hướng là Hỏa ến cung Kim; Càn sơn Tốn hướng là Kim ến cung Hỏa, dù vậy lại có cách chuyển ng thuận Long để hóa giải hung tai. Ví dụ Hợi sơn Bính hướng có Thủy tới Tốn, Giáp; Dậu sơn Ất hướng có Thủy tới Mùi, Quý; Ngọ sơn Quý hướng Thủy về Giáp, nếu có Thủy Canh, Dậu, Tân thì phát phúc trường tồn; về Càn cũng phát phú, song con cháu sinh bệnh tật.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NHỊ THẬP TỨ SƠN HOÀNG TUYỀN

Tý, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất tối kỵ Tốn Thủy rời đi; Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Tân, Nhâm cần có Càn Thủy tới; Mão, Tỵ, Sửu, Cấn, Canh, Đinh cần có Khôn Thủy dừng; Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Giáp, Quý cần có Cấn Thủy đến.

+ Tý, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất thuộc hành Kim, là Nhất Long sinh tại Tỵ, Tốn và Tỵ đồng cung là Thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Tân, Nhâm thuộc hành Mộc, là Nhị Long sinh tại Hợi, Càn Hợi đồng cung là Thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Mão, Tỵ, Sửu, Cấn, Canh, Đinh thuộc hành Thủy, tức Tam Long sinh tại Thân, Khôn Thân đồng cung là Thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Giáp, Quý thuộc hành Hỏa, tức Tứ Long sinh tại Dần, Cấn Dần đồng cung là Thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

TỨ LỘ HOÀNG TUYỀN

Canh, Đinh kỵ gặp Khôn Thủy; Ất, Bính kỵ gặp Tốn Thủy; Giáp, Quý không nên gặp Cấn Thủy; Tân, Nhâm sợ nhất càn Thủy tới.

Trương Tông Đạo nói :

"Từ Canh tới Đinh đều kỵ Khôn, từ Ất đến Bính đều kỵ Tốn, từ Quý đến Giáp đều kỵ Cấn, từ Tân đến Nhâm đều kỵ Càn".

Phương pháp này chủ về lập hướng, khai môn, chiết Thủy, đặt Thủy, đều cần tránh kỵ, nếu phạm gần vào nó thì tai họa sẽ tới nội trong 6 - 12 năm, nếu phạm khá xa thì phải 24 năm sau mới xuất hiện tai họa, còn kỵ thì chỉ kỵ đi (khứ) mà không kỵ đến (lai). Như Canh hướng Đinh Thủy, rời xa 12 năm tới Khôn thì dừng. Ước lượng độ dài ngắn của nó mà định họa phúc trong năm, qua đến Mùi thì hết tai ương. Nếu Tỵ hướng Khôn Thủy đi mãi không dừng, thì nó chủ tuyệt vong.

THẬP NHỊ CHI HOÀNG TUYỀN

Tý, Sửu, Dần, Mão có Cấn Thủy thì hung; Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ không nên vào cung Tốn; Ngọ, Mùi, Thân, Dậu đừng gặp Khôn; Dậu, Tuất, Hợi, Tý chẳng nên gặp Càn.

Chúng đến (lai) cần Sinh Vượng, đi (khứ) cần Bệnh Tử. Dương can lập hướng, Thủy khẩu Thai Tuyệt thì chủ phú quý song toàn.

CỬU KHỐN HOÀNG TUYỀN

Đây chính là Tứ Lộ Hoàng Tuyền đều chủ về Hướng, Lai Thủy thời cát, Khứ Thủy hung.

"Tân An Phả Chi" viết : "Nhâm sơn Bính hướng Giáp môn khai, Ngũ bách niên trung sản đại tài" là Nhâm sơn Bính hướng Giáp Thủy, giàu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sang suốt 500 năm vì Dương Nhâm gặp Càn, Giáp cũng nạp Càn nên giàu sang, từ Nhâm tới Giáp cách 5 vị nên nói suốt 500 năm.

Thủy bên dưới Tử Dương sơn rời đi, năm Ất, Canh thiếu niên yểu chiết vì Tứ Kinh Ngũ Hành Bính hướng thuộc Kim, Tứ Dương Thủy đi qua vị trí Tốn, Tỵ thuộc Hỏa tức phá Tràng Sinh. Ất, Canh hóa giải Kim để cứu vãn tai họa năm đó, song thiếu niên phải chết yểu vì Sinh Dương chủ về trẻ nhỏ. Cách cứu như sau :

Phải lấy Hướng làm chủ, cần tránh phạm vào Môn Lộ, Trì Tinh, Câu Hà, Chiết Thủy của Tốn, Tỵ, nếu Tốn, Tỵ hướng có đường đi thì gọi là Đạp Phá Tràng Sinh, cũng gọi là Hoàng Tuyền.

HUYỀN VĂN QUAN THIÊN ĐẠI QUÁI

Huyền Văn quan Thiên chính là Thìn sơn Tuất hướng hoặc Tuất sơn Thìn hướng, Thìn là Thiên La, Tuất là Địa Võng vô cùng hung họa. Lại còn Dần hướng Giáp Thủy, Ất hướng Tốn Thủy đời đời làm quan; Bính Thìn là Long, Dần là Hổ, cần tìm kỹ nguồn gốc của chúng; Tốn Bính chính thần là Lục Tú đến, suốt đời thanh nhàn; Mão sơn Tân hướng Càn Thủy, phú quý mà còn có thể làm quan.

NGŨ HÀNH THIẾT CƯỚC QUAN

Kim gặp Tuất thành Thiết, Hỏa tới Mùi Thân thì tuyệt tích, Mộc gặp Thìn cành lá khô héo, Thủy Thổ Sửu Dần thời cạn. Ngũ Hành gặp buổi suy tàn gọi là Quan, nơi Thủy Thành chảy ra phạm phải Quan Sát trước mặt, chủ thiếu niên chết yểu (cũng là ý tương giao bất cập).

Cuốn Kinh này có tên là "Thiên Ngọc Kinh". Phần Nội Truyện viết :

"Thủy phải đi nghịch từ Tứ đến Tam qua Nhị tới Nhất".

Phần Ngoại Truyện viết :

"Thủy phải đi thuận từ Nhất qua Nhị sang Tam đến Tứ".

Đó là vì khi bàn tới Công vị thì dùng nghịch, luận tới Chiết Thủy thì dùng thuận.

Tóm lại, nghịch mà không loạn thứ tự của Nghịch, thuận mà không loạn thứ tự của Thuận thì mới đúng với hàm ý của Thiên Ngọc Nội Ngoại Truyện.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Phụ luận :

THỦY PHÁP XUẤT NHẬP SÁT KIÊM TIỂU HUYỀN KHÔNG

Càn là Trời, là Dương, là Dụng, là Động nên lấy hướng về thủy giữ phép tắc; Khôn là Đất, là Âm, là Thể, là Tĩnh nên Long và huyệt theo đó mà giữ nghĩa. Do vậy, Càn Khôn đã định vị, Âm Dương lấy đó để sinh sôi, thịnh vượng; Thể Dụng giao hội; Động Tĩnh tương hỗ thời có Thần và Sát. Phương vị đã định, sơn thủy có linh khí, nên tìm kiếm kẻ kế tục thời mong được Tràng Sinh, mưu đồ phú quý thời muốn được Quan Vượng. Nếu không biết được chỗ xấu và Thoái Thần của Huyền Không thì có mong muốn cũng vô dụng. Có Sinh Vượng lại có Tiến Thần thì gọi là "trong Sinh có Sinh, trong Vượng có Vượng". Lại có nguồn sinh làm gốc chết, gốc chết làm nguồn sinh. Vượng biến thành gốc Suy, Suy hóa thành gốc Vượng. Thế nhân trần tục không biết những điều này nên không dùng nó; biết những điều này cũng không dùng nó. Biết mà dùng là Thường số, không biết mà không dùng là Biến số của sơn thủy. Thường (Hằng) là quyền của tạo hóa, dễ cùng tận. Dễ cùng tận thì ắt là hung. Người ta có thể nhờ nó mà có phúc đức. Biến là điều huyền diệu của tạo hóa, khó tìm kiếm. Khó tìm tức là giữ lại điểm tốt lành cho người. Cho nên Đại Huyền Không Kim, Mộc, Thủy, Hỏa đều có 6 loại (sáu loại Kim, sáu loại Mộc, sáu loại Thủy, sáu loại Hỏa). Bốn (4) tương hỗ với sáu (6) thì cát, chúng tự cùng hợp. "Kinh Dịch" viết :

"Tạp bất việt phạm"

(Tạm dịch : *Tạp loạn mà vẫn không vượt quá chuẩn mực, quy phạm*).

Khảo sát số của chúng thì bốn (4) cộng sáu (6) bằng mười (10), đây là số khiến thần và vật hưng thịnh và lấy đó làm cơ sở vận dụng cho trăm họ. Tiểu Huyền Không số Kim, Thủy, Hỏa, Mộc đều có bốn (4). Bốn (4) cộng bốn (4) bằng tám (8), chúng không cùng tương hỗ, tương hợp. "Kinh Dịch" viết :

"Tam Ngũ biến hóa hỗn tạp, tác quỷ thần"

(Tạm dịch : *Sự biến hóa của Tam [3] và Ngũ [5] hỗn tạp là số thành của sự biến đổi khiến quỷ thần hưng thịnh*).

Mà Thần thì phù hộ người, Quỷ thì hại người.

Do đó, người giỏi hiểu trời đất đến chỗ huyền diệu, dụng nó tới chỗ hư vô, lấy cái cùng thường của Âm Dương mà thông tới chỗ cùng biến, như thế trong Vượng mới không có Quỷ. Quỷ là Tiểu Huyền Không Sát, khắc Tam Hợp, như Hợi Mão Mùi thuộc Mộc gặp Càn Kim, con cháu sẽ tàn suy mãi, đất đai tiêu tán, tước vị bổng lộc cũng mất; không nên để Sinh bị khắc, Vượng bị phạm. Đây chính là Huyền Không.

Ta đã biết có Sinh Vượng, có trường hợp có Sinh trong Tử, có Vượng trong Suy. Nên khi thấy một dòng Thủy xấu thoắt ẩn thoắt hiện, khi có khi không, và dùng nó hiện tại thì nghèo hèn mà tương lai thì sang giàu. Ngược lại, dù có Thủy đẹp tới chào đón, nhưng ngấm ngầm hãm hại gia nhân, hiện tại thì thịnh vượng mà tương lai sẽ lụn bại. Thường thấy Tử trong Mộc cục Khôn ở trước một ngôi vị tiến vào cung Thân thì cát, Sinh trong Thủy cục có Thân ở sau một ngôi vị gặp Canh Thần thì đa hung. Hiểu được điều này thì biết rằng có thể và không thể tránh được Sát ngầm. Do đó có người khống chế biến hóa để bảo toàn cái thể của nó, có người dùng Sinh Khắc để bảo toàn cái dụng của nó. Thần lộ Sát ẩn, sát tinh biến thành cát

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tinh. Chính sát tinh biến thành cứu tinh cũng là cát tinh, dùng Huyền Không để thay đổi nó cũng là cát tinh.

Tam Hợp là Kinh (sợi dọc), Huyền Không là Vĩ (sợi ngang), điên đảo biến hóa tự có điều huyền diệu riêng, nếu thường câu nệ bất biến thì sẽ mất đi sự kỳ diệu. Cổ nhân nói :

> "Điên đảo Ngũ Hành, Địa có Thất Bảo; Ngũ Hành đi thuận, Địa có Hỏa kháng".

Quả vậy ư ? Vượng thần mất đi, của cải cạn kiệt; Vượng thần bị khắc, của cải khó giữ. Sinh thần đi Nghịch, hiếm người thừa tự; Sinh thần bị khắc, con cháu hiếm hoi. Sinh Vương như vậy thì sao lại góp chung lại mà gọi là "câu nệ". Dương chủ về Thổ, Long lấy Thủy làm tùy tòng, Âm chủ về Thủy, Tướng lấy Thổ làm vũ khí. Chính diệu tương khắc ngầm bên trong là tương sinh thì đại cát phú; chính diệu tương sinh ngầm trong tương khắc đại hung họa. Vượng Sinh mang theo Sát (Đới Sát), kiềm chế nó thì xấu mà thay đổi nó thời được bình an. Chiếu theo thần Minh Vượng, có thể dùng để giải trừ tai họa binh lửa, nếu kiềm chế Sát thì Sinh Khắc ngầm ẩn; còn thay đổi nó thì phải làm sao, tốt nhất là để nó hợp với xung chiếu tựa như tiếng vang dội lại trong núi vậy. Sửu Mùi công huyệt, tốt nhất có Giáp, Canh. Giả như đủ để chế hóa thì có thể dùng nó để cùng hòa với Thủy Đạo. Nếu Uông Khí cùng tận thì có thể dùng Thập Đạo, Thủy Thần sẽ ngấm ngầm trợ giúp, hỗ trợ.

Sinh nhập Khắc nhập, tốt nhất có Triều Huyệt; Sinh xuất Khắc xuất, cần có Lưu Thủy chiết và nạp. Quý nhất là hợp với Thiên tinh : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc. Yếu quyết quan trọng nhất là cần có tương giao và thoát ra, tài sản và gia nhân sẽ sung túc. Đại Thủy Thần đi qua, con cháu thông minh sớm thành danh. Tứ Mộ xấu hoặc Thủy yếu thì đừng phạm vào nó. Nếu hợp Hung với Long ắt gặp họa binh lửa, toàn gia tuyệt diệt. Khắc hợp với Thiên tinh thì khó tránh tai họa, các cách trên đều hợp với Địa Hậu, và cần xem Âm Dương. Âm không có Dương tới phò tá ắt mồ côi mẹ; Dương không có Âm tới cùng hội hợp, đại hung. Âm Dương tương ứng, gia đạo càng thêm tốt đẹp.

Đại Huyền Không pháp hóa giải hung họa. Như Mộc khởi từ Ngọ là dùng Mộc từ Hợi-vị, thế của nó rất lớn, nên giữ trung tâm và vị trí của Âm Mộc để đẩy nó trở về Ngọ. Hỏa khởi từ Dậu là chỉ Hỏa từ Dần vị, thế của nó mãnh liệt nhất, cho nên giữ Trung và Âm Hỏa để đẩy nó trở về Dậu. Kim khởi từ Tốn là chỉ Kim theo Tỵ vị, thế của nó bị khắc nên không thể rời xa vị trí của bản sinh để đẩy tới Tốn. Thủy khởi từ Khôn là đem Thủy Thổ khởi từ Thân vị, thế của nó bị khắc, nên không thể rời xa bản vị để tới Khôn được. Vì vậy cách dùng của chúng là : Trước tiên phải định được sơn có 24 vị, thứ đến là định hướng cùng Thủy Khẩu, cũng phải thêm 24 vị để tiêu nạp sinh khí, sự ra vào của nó phải lấy sự hữu ích cho Long làm chủ yếu.

Càn là Thiên quái cư tại phương Nam. Đoài, Ly, Chấn kế tiếp nhau đi từ Nam đến Đông. Tóm lại, lấy Càn làm Thiên quái thống lĩnh sự bắt đầu của chúng. Khôn là Địa quái đóng tại phương Bắc. Tốn, Khảm, Cấn trải đều theo Khôn từ Bắc qua Tây. Tóm lại, lấy Địa quái làm chủ sự kết thúc của chúng. Càn Khôn là Đại Phụ Mẫu, sáu (6) quái còn lại là con cháu của Càn Khôn, cư tại Đông và Tây, do vậy, Kim đóng tại Hậu Thiên, vị trí Tràng Sinh của Kim là Đông quái; Thủy sinh tại Hậu Thiên, Sinh vị của Thủy là Tây quái; Hỏa sinh tại Hậu Thiên, Vượng vị của Kim là Tây quái. Càn, Khôn hai quái bao quát cả sự bắt đầu và kết thúc của chúng, vì thế mà nói Thiên Địa Phụ Mẫu quái lấy hết hàm nghĩa trong đó. Cách khởi đã xong thì dùng Tứ Hành Liên Châu, có thêm 24 vị để tiêu nạp Dưỡng Tức, có đạo Tiến Thoái Sinh Khắc của nó, như Tý sơn thì dùng Tý thêm Tốn, Dần thêm Tỵ, Thìn thêm Bính rồi tính theo chiều thuận. Tóm lại, trước nhất là định Lai Sơn, thứ đến là định hướng, sau cùng định Thủy Khẩu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

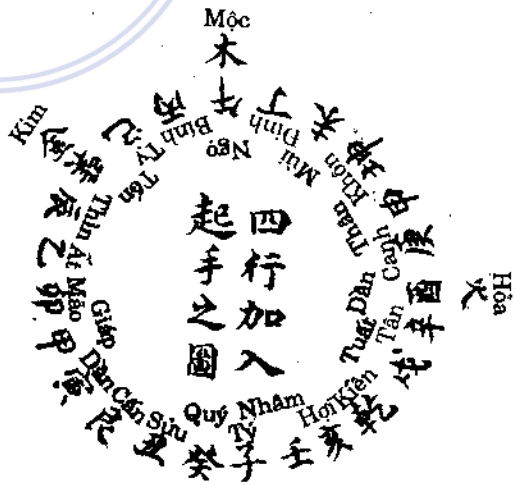
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2 :
Tứ Hành Liên Châu



Hình 1 :
Căn bản Sinh của Tiên Thiên Bát quái



Hình 3 :
Khởi Tứ Hành gia nhập

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 6

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

Hiệu đính : Tôn Ái Tải Ung

PHÁT VI LUẬN

THÁI MỤC ĐƯỜNG

CƯƠNG NHU

"Kinh Dịch" viết :

"Lập thiên đích đạo, thị Âm dữ Dương".
(Đạo của việc lập thiên là Âm và Dương).

Trâu công viết :

"Cương và nhu bao hàm đạo lập địa".

Vì vậy địa lý phong thủy lấy Cương và Nhu làm mấu chốt quan trọng nhất. Cương nhu chính là chỉ về đặc trưng bản chất của địa lý. Thuở ban sơ của trời đất có hình thái mây khói mịt mù, chưa định hình sông núi như hiện nay. Không lâu sau, phong và khí va chạm ma sát với nhau, Thủy và Thổ cùng kích động lẫn nhau. Và rồi cái cứng mạnh thì trồi lên mà tồn tại, cái mềm yếu thì tiêu tán, chìm lấp đi. Cuối cùng sông và núi từ từ được hình thành.

Thể của Sơn phong thì cương cường mà Dụng lại nhu nhược, do thế nó cao sừng sững mà đứng yên bất động; Thể của Thủy lưu nhu nhuyễn mà Dụng thì cương cường, do vậy mà thường đóng ở chỗ thấp mà lưu động không ngừng. Thế gọi là trong cương có nhu, trong nhu có cương vậy.

Trâu công lấy Thủy làm Thái nhu, đem Hỏa làm Thái cương, Thổ làm Thiếu nhu, Thạch làm Thiếu cương. Đây chính là bốn (4) hình tượng chung của địa lý.

Thủy tựa huyết mạch trong thân thể người, bởi thế là Thái nhu; Hỏa tựa khí mạch, nên là Thái cương; Thổ giống da thịt, nên là Thiếu nhu; Thạch giống xương cốt nên là Thiếu cương. Dung hợp Hỏa, Thủy, Thổ, Thạch làm một thể thì thành mặt đất, cũng như hợp nhất xương, máu, khí và da thịt thì thành thân thể con người vậy.

Quan sát kỹ sẽ thấy rằng : Phàm những gì khô, lồi lõm đều là cương, những gì bằng phẳng tươi nhuận là nhu, song trong khô héo lồi lõm cũng tồn tại bằng phẳng tươi nhuận. Thế mới nói trong cương có nhu; phàm những gì mạnh mẽ, cao vút, gấp gáp đều là cương mà những gì mềm dẻo, chậm chạp đều là nhu, nhưng trong mạnh mẽ có mềm dẻo, trong mềm dẻo có cương cường, thế mới nói trong nhu có cương.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỘNG TĨNH

Sau khi xét rõ cương nhu thì cần hiểu đạo lý của Động - Tĩnh. Động tĩnh có nghĩa là biến hóa thông suốt.

Đạo lý vận hành của trời đất và vạn vật là tìm kiếm sự tĩnh lặng trong sự sôi động và ngược lại, mà tuyệt đối chẳng phải là đã tĩnh lặng lại tĩnh lặng hơn, đã sôi động phải sôi động hơn.

Cổ nhân có nói :

"Nước vốn lưu động không ngừng, người cần nó dừng lại; núi vốn đứng yên, người lại mong mó vận động không nghỉ".

Lời này thực đúng lắm. Do vậy, núi lấy an tĩnh là trạng thái thường của nó, chỉ vì nó không có sự vận hành, nếu nó vận động không ngừng, thì nó hình thành nên Long mạch. Nước đem lưu động làm thường thái, vì nó không tĩnh, nếu nước dừng lại thì nó có thể kết làm huyệt.

Vì thế, núi non thành Long mạch ắt sôi động, nước chảy kết làm huyệt thì nhất định sẽ uốn lượn quanh co. Nếu núi thẳng cứng mà thô thì có vận hành cũng không biến hóa, đổi thay, thì khác nào chuyển từ trạng thái tĩnh này sang trạng thái tĩnh kia; nếu Thủy không uốn lượn, quanh co, uyển chuyển thì cũng như núi vậy. Như thế núi sông sẽ không thể cùng giao kết với nhau.

Song, một động một tĩnh tuần hoàn mãi. Núi non cũng có khi lưu động đến cùng cực thì dừng lại, sông nước an tĩnh đến cùng cực thì sẽ chảy đi. Do vậy đừng nên quá giữ một điều mà nhầm mất nói bừa.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TỤ TÁN

Sau động tĩnh là quan sát Tụ - Tán. Tụ tán là chỉ thế đi và hình thái tổng quát của sông núi, sơn thủy.

Sơn thủy hội tụ, tự nhiên có kiến tạo của trời đất, lấy đi chỗ dư thừa, bồi đắp nơi thiếu hụt. Do vậy sông núi nhỏ thì địa lý có tiểu thành, sông núi lớn thì địa lý có đại thành, nếu phân tán thì không thể hình thành nên địa lý.

Tụ là gì ? Tụ là chỉ Sơn loan (dãy núi) kết giao hội tụ, hà thủy giao hội tập kết, Phong Khí tàng ẩn. Tán là gì ? Tán là chỉ Sơn loan phân tán bốn bề, hà thủy ly tán tiêu triệt, Phong Khí hồi tán khắc nghiệt.

Hiện nay người ta đàm luận về địa lý thường không hiểu rõ thế tụ tán. nếu địa lý tụ, thì huyệt vị càng có hình thái quái lạ bao nhiêu càng là đại thế chân chính bấy nhiêu; nếu hình thái là tán, thì huyệt vị càng đẹp đẽ càng là hư giả.

Quan sát mộ táng của người xưa thì thấy phần lớn đều là huyệt vị có hình dáng quái kỳ mà chẳng phải huyệt đẹp đẽ. Huyệt vị kỳ lạ này quả đã có được chính thế của sơn, thủy. Do vậy, huyệt vị kỳ quái lại là huyệt vị chính thường. Hiện nay người ta thường câu chấp về hình dáng cụ thể của huyệt vị, mà không dùng quái huyệt.

Tụ tán lại có hai loại : Có tụ tán của đại thế và có tụ tán trong huyệt. Có thể đứng xa quan sát tụ tán của đại thế, lại gần quan sát tụ tán trong huyệt. Tụ tán của đại thế và của huyệt phải cùng hỗ trợ, cùng hình thành, không thể thiếu một.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HƯỚNG BỐI

Tiếp theo cần quan sát Hướng - Bối. Hướng bối là chỉ tính tình của sơn thủy.

Diện mạo của địa lý cùng nhân sự đều có phân biệt Âm, Dương. Tính tình của người đa dạng, vì thế mà ta có thể thấy rõ địa lý của hướng bối dựa vào tính tình của người. Hướng về ta, ắt sẽ có ý bao bọc, tương hợp chu toàn; Bối (quay lưng) với ta, ắt sẽ có bội nghịch tương phản. Bề ngoài đẹp đẽ, tươi tốt, song đó chỉ là giả tạo và diện mạo đó rốt cuộc rồi sẽ lộ ra.

Do đó, phàm là muốn xem xét diện mạo của địa lý, trước hết phải quan sát hướng bối của nhân tình. Nhân tình cùng hướng thì dễ thấy, song nếu đối diện, trông tựa bầy tôi cung kính với quân vương, tựa chủ khách tương thân tương ái, tựa anh em ruột thịt giúp đỡ lẫn nhau. Đây đều là nhân tình của hướng. Nhân tình của bối thì khó thấy rõ. Phàm sơn thủy nhìn nhau như thù địch, đánh nhau như người ngoài, sơn thủy như vậy đều là tình quay lưng với nhau (tương bối).

Chỉ quan sát diện mạo của địa lý, sẽ bị lừa gạt, mê hoặc. Mà xem xét tính tình của nó là hướng hay bối thì sẽ thấy rõ tình hình, đã biết rõ địa lý của hướng bối thì cát hung họa phúc hiện ra rõ ràng.

THƯ HÙNG

Tiếp đến là quan sát Thư - Hùng. Thư hùng là sự phối hợp ứng đối của sơn thủy.

Chỉ có Dương thì không có sinh sôi nảy nở, chỉ có Âm thì không có sinh trưởng. Trời đất vạn sự vạn vật không có một sự một vật nào tồn tại mà không có đối ứng phối hợp.

Các nhà phong thủy dùng Thư Hùng để luận bàn, chẳng qua là chỉ cái đạo về tương hỗ ứng đối. Vậy phải căn cứ vào đâu ? Sơn thuộc Âm mà Thủy thuộc Dương, do đó phàm Sơn hội tụ, kết hợp, ắt sẽ gặp Thủy quanh co, uốn lượn, bao bọc. Thế vận hành của Sơn tuy thuận theo Thủy mà tới, song hình thái của nó lại nghịch với Thủy mà thành. Sơn và Thủy cùng đối, có Thư có Hùng, mà chúng tự cũng có phân biệt Thư Hùng riêng.

Dương Long chọn Âm huyệt, Âm Long chọn Dương huyệt, đó là Long huyệt cùng phối hợp ứng đối giữ lấy Thư Hùng. Dương Sơn lấy Âm làm đối ngẫu, Âm Sơn lấy Dương làm đối ngẫu, đây là chủ khách yêu mến lẫn nhau có Thư có Hùng, một nơi nào đó ngưng kết tụ hội, thì Thư Hùng ắt sẽ cùng ứng hợp, Long cùng Huyệt, Sa cùng Thủy, tả cùng Hữu, Chủ cùng Khách ắt cùng ứng hợp.

Nếu chỉ có Thư hoặc Hùng mà không phải là Thư Hùng kết hợp thì dù tụ cát hình thành địa thế cũng chẳng phải tốt đẹp.

CƯỜNG NHƯỢC

Kế đến là quan sát Cường - Nhược. Cường nhược là chỉ khí bẩm sinh của địa lý.

Đạo lý vận hành và tồn tại của trời đất lấy từ bình, chính. nếu quá cứng ắt sẽ gãy, nếu quá mềm ắt sẽ nhu nhược. Do đó cần lấy nhu nhuyễn hỗ trợ cứng rắn, và lấy cứng rắn bổ khuyết cho nhu nhuyễn. Cương nhu hỗ trợ lẫn nhau mới đạt được đạo trung hòa.

Luận về địa hình cần quan sát kỹ khí bẩm sinh của nó.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nếu khí bẩm sinh thiên về cứng rắn, thì tính tình của nó sẽ cương cường, nóng vội.

Khí cương cường mà tính nóng vội, huyệt vị như vậy cần lấy nơi thấp, bằng phẳng mà đóng. Nếu lại xây dựng huyệt ở nơi địa thế gấp gáp thì ắt có tai họa về tuyệt tự.

Nếu huyệt có khí nhu hòa mà tính tình bình hòa thì hợp với sự kiến tạo ở chỗ gấp gáp cương cường, bằng không ắt sẽ lụn bại.

Hạ huyệt ở nơi có khí bẩm sinh cương cường mà tính tình nóng vội sẽ làm Long mạch tổn hại; nhu nhược mà hạ huyệt tại nơi nhu hòa sẽ rời xa Long mạch. Do vậy phương pháp xác định kiến tạo huyệt vị cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng. Không nên thiên lệch, bằng không sẽ tới chỗ cực đoan, tai họa liên tục ập xuống.

THUẬN NGHỊCH

Kế tiếp cần phân biệt hình thế Thuận - Nghịch. Thuận nghịch là chỉ sự đến và đi ("Lai" và "Khứ") của địa lý trong sơn thủy.

Khứ và Lai chỉ điều gì ? Lai là ám chỉ về nguồn của Thủy và nơi xuất phát của Sơn. Khứ chỉ mọi xu thế Thủy quy tụ, quay về. Biết rõ được Lai và Khứ rồi thì sẽ biết được hình thế Thuận và Nghịch của sơn thủy.

Nên biết Thuận trong thuận sơn thuận thủy chính là từ nơi phát nguồn của sông núi thuận thế mà tới và Nghịch là chỉ Long từ nơi quy tụ, dừng lại của sơn thủy nghịch thế mà tới.

Phương pháp xác lập huyệt là phải giữ Nghịch trong Thuận, lấy Thuận trong Nghịch. Đây là đạo lý bất di bất dịch. Nói rộng ra thì Long mạch có phân ra Thuận Nghịch và cũng có sự khác biệt về Thuận Nghịch. Huyệt vị của Thuận Long cần phải nghịch với thế kết tụ và ngược lại.

Tóm lại, muốn quan sát sự thuận nghịch của sơn thủy trước hết phải xem xét kỹ lưỡng tới đại thế của nó, đại thế tức hình thế chung, đại thể. Đứng ngoài xa vài dặm mà quan sát đại thế, thì mới có thể nhận rõ tình thế chung, đại thể. Đứng ngoài xa vài dặm mà quan sát đại thế, thì mới có thể nhận rõ tình thế thuận nghịch của sơn thủy trong vài thước. bằng không vàng thau lẫn lộn, đen trắng không phân minh.

SINH TỬ

Sinh Tử ám chỉ nên giữ lại hay bỏ đi một tình thế có lợi hay bất lợi, xác định Sinh Tử là bước kế tiếp sau khi biết Thuận Nghịch.

Long mạch tới từ ngàn dặm chỉ chiếm lĩnh một nơi khuất khúc nào đó, nếu không thẩm xét Sinh Tử để phân biệt thì làm sao mà chọn lựa giữ hay bỏ được ! Đại khái có khí là Sinh, không có khí là Tử; Long mạch hoạt bát sinh động là Sinh, thô cứng, thẳng quá mức là Tử.

Nếu Long thế uốn lượn sang bên trái thì bên trái là Sinh mà bên phải là Tử và ngược lại. Nếu chọn lựa thịt trong xương thì xương là Sinh mà thịt là Tử. Nếu chọn đói trong no thì đói là Sinh mà no là Tử. nên chọn Sinh mà bỏ Tử.

Đã rõ chọn gì bỏ gì rồi, thì có thể xác định được cách cấu tạo của huyệt vị và sau khi đã xác định phương pháp cấu thành huyệt vị thì cát hung họa phúc sẽ ứng nghiệm. trong trường hợp khó nhận biết được Sinh Tử thì không nên chọn lựa giữ và bỏ gì, thì đó không phải là nơi tốt lành do tự nhiên tạo nên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

VI TRƯỚC

Bước tiếp theo là quan sát tỉ mỉ Vi Trước của sơn xuyên (núi sông). Cái gọi là Vi Trước chính là khí mạch của sơn xuyên.

Khí vô hình thuộc Dương, hữu hình thuộc Âm. Dương trong sáng mà Âm vẩn đục, do vậy khí mờ ảo mà mạch hiển hiện. Song, khí không thể tự kết tụ mà phải nhờ vào Long mạch; mạch cũng dựa vào khí mà sản sinh và hình thành. Có trường hợp có mạch mà không có khí hoặc có khí mà không có Long mạch.

"Kinh Thư" viết :

> "Khí nhờ gió thổi phân tán đi, mạch gặp lưu thủy thì dừng".

Không có Long mạch cũng không có sinh khí thì đó là hậu quả xâm hại của thủy lưu. Có Long mạch mà không có sinh khí thì đây là hậu quả xâm hại của phong thế.

Người giỏi quan sát khí, có thể căn cứ vào hình thái cụ thể mà biết được khí vô hình, bằng như không phải thì các sự vật vô hình sẽ che lấp sự vật hữu hình. Tóm lại vô hình chỉ tồn tại trong hữu hình, mà chỉ người có "mắt" mới thấy, vì thế họ có thể tìm ra những sự vật tốt đẹp tại những nơi xấu xa.

Nên biết rằng, hà thủy từ bốn phương tám hướng kết tụ sẽ hình thành mạch, mà phong bốn phương tám hướng đứng im bất động sẽ sản sinh ra sinh khí.

PHÂN HỢP

downloadsachmienphi.com

Bước tiếp đến là quan sát sự Phân Hợp. Nó chỉ sự xuất hiện và tàng ẩn của sơn xuyên.

Mạch chẳng phải đột nhiên mà đến, bỗng chốc mà sinh. Mạch xuất hành, khi đến cần uốn lượn uyển chuyển; như vậy sẽ có Thủy từ bốn phương dẫn đường cho nó.

Mạch tàng ẩn, cần có nơi dừng chân, như thế sẽ có Thủy từ bốn phương hội tụ để giới hạn nó.

Quách Phác nói :

> "Mặt đất có Khí tốt lành, tùy theo Thổ mà sinh ra; Chi có Khí đình chỉ, bố trí theo Lưu Thủy. Nơi Chi bắt nguồn, Khí sẽ sinh ra ở đó; nơi Chi tụ hội, Khí sẽ theo đó mà tụ hội".

Đây là luận thuyết của cổ nhân khi bàn về nguồn gốc và lưu mạch của Khí Mạch. Khí theo Thổ vận hành, vì vậy khi Mạch xuất hành tất có hình sống lưng nổi lên, Khí theo Thủy lưu vận hành liên tục, vì thế khi Long mạch trở về và đi tới, tất có hà thủy cùng theo.

Khí sinh ra từ nơi khởi nguồn của Chi, do vậy bên trên có Phân mạch; Khí hội tụ tại nơi dừng lại (chung chỉ) của Chi, như thế bên dưới có Hợp mạch.

Nếu chỉ có Hợp mà không có Phân, thì lai thế của Long mạch là hư giả, vì trong nó không có Khí sinh vượng để có thể tiếp tục; nếu chỉ Phân mà không Hợp thì khứ thế của Long mạch sẽ bất minh vì ngoài nó không có Đường Khí để có thể thụ nạp. Nếu có Phân và Hợp, có lai lại có khứ, đã có xuất hành lại có ẩn tàng, thì huyệt vị của Long mạch sẽ kết tụ, sau đó mới thành nơi Khí Mạch viên mãn.

Phân hợp có nhiều trường hợp, ví dụ Đại Phân Hợp và Tiểu Phân Hợp. Nếu Long huyệt chân thực kết tụ tại nơi cát địa thì sẽ có Tam Phân Tam Hợp trước sau huyệt, từ huyệt đến Long Hổ Sa là nơi kết tụ của Tam Phân Tam Hợp, từ Tổ Long đến sơn thủy, ắt là Đại Tam Phân Hợp.

Tiểu Phân Hợp thì có Tiểu Minh Đường, Đại Phân Hợp thì có Đại Minh Đường cùng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ứng hợp với Long, biểu tượng Hổ Sa làm Nội Minh Đường, ứng hợp với Long Hổ Sa bên ngoài thì làm Ngoại Minh Đường.

PHÙ TRẦM

Phù Trầm chỉ biểu lý (trong ngoài) của địa lý sơn xuyên.

Vì mạch có khác biệt về Âm Dương, nên cũng có phân biệt về Phù Trầm. Dương mạch luôn xuất hiện bên ngoài, nên gọi là Phù; Âm mạch thường xuất hiện bên trong, nên gọi là Trầm.

Người quan sát phong thủy địa lý cũng như thầy thuốc bắt mạch vậy. Người giỏi y lý thì quan sát mạch Âm Dương mà xác định và cho thuốc đúng bệnh, người giỏi xem phong thủy thì quan sát Phù Trầm mà xác định huyệt chủ.

Tam Âm sinh từ Thiên vì Âm của nó căn thực với Dương của nó, nên Âm mạch ắt trên nhỏ nhọn dưới lớn thô, nơi nó đi ra cũng nhỏ hẹp. Tam Dương sinh từ Địa, vì Dương của nó căn thực với Âm của nó, nên Dương mạch bên trên thì rộng lớn mà bên dưới thì nhỏ hẹp, nơi nó đi ra cũng tròn.

Phong thủy gia sau khi xem Long mạch chỉ cần thấy nơi sinh ra có hình nhọn dài thì là Dương, biểu hiện mạch Phù. Mà khẩu tròn là Âm, mạch của nó Trầm bên trong. Nói rộng ra, phàm những mạch nhô cao lên đều thuộc về Trầm, những mạch lặn thấp xuống đều thuộc Phù; những nơi khác đều cao mà có một nơi lõm xuống thì đó là mạch Phù; các nơi đều lõm thấp mà có một chỗ nổi lên thì là mạch Trầm.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THIỂN THÂM

Thiển Thâm (nông sâu) là chỉ chuẩn mực của sơn xuyên.

Thiển Thâm hình thành tự nhiên nhờ vào Khí Mạch, chọn Long huyệt nhất định phải lấy trạng thái nông sâu làm chuẩn mực cho việc lập huyệt. Địa mạch hợp với sự nông cạn, lộ rõ mà đào xuống quá sâu thì sinh khí sẽ xuyên qua phía trên huyệt vị; nếu Địa mạch hợp với sự sâu, tàng ẩn mà đào quá nông thì sinh khí sẽ đi qua bên dưới huyệt. Vì thế, dù có chọn được nơi cát địa, song hiệu quả không cao, đều do nguyên nhân này.

Trước hết ta cần quan sát Âm Dương của Lai mạch, sau đó xem xét tùng tá của Sa sơn bốn mặt. Nếu Lai mạch nhập thủ hùng dũng, mạnh mẽ, huyệt vị tạo thành chỗ lõm thấp mà cửa ra nhọn dài, như thế mạch này là mạch Phù, do vậy huyệt cần phải nông, lộ; nếu Lai mạch nhập thủ yếu ớt, huyệt tạo thành nhô lên mà cửa ra tròn thì mạch thuộc Trầm mà huyệt thuộc Âm, nên huyệt cần sâu, tàng ẩn.

Đây chính là phương pháp quan trọng nhất trong việc tìm tình trạng nông sâu của sơn thủy. Cần quan sát kỹ Âm Dương của Long mạch nhập thủ, cùng đường giới hạn huyệt có hợp hay không, mới có thể căn cứ trạng thái nông sâu hợp lý để chọn huyệt. Nếu huyệt vị cần nông, lộ mà ta đào quá sâu, hay cần sâu mà ta lại đào quá nông, thì dù chỉ sai một vài tấc, cũng khiến huyệt vị cát lợi biến thành hung sát. "Kinh Thư" viết : "Chọn được một huyệt vị tốt lành, nhưng độ nông sâu khi táng không thích hợp, dẫn tới hung sát thì có khác nào đem thây bỏ ngoài ruộng" chính là nói ý này.

Hiện tại trong an táng, dùng luận thuyết Cửu tinh bạch pháp dùng thước tốn xác định nông sâu, hoàn toàn sai lầm vô căn cứ.

Download Ebook Tại: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NHIÊU GIẢM

Bước tiếp theo cần xác định Nhiêu Giảm của sơn xuyên địa lý. Nhiêu Giảm chỉ thế tiêu trưởng của sơn xuyên.

Thanh Long, Bạch Hổ, hai bên trái phải có sự khác nhau về Nhiêu và Giảm. Nhưng sự phong phú và nghèo nàn về Long Sa, Hổ Sa rốt cục là gì ? Đó là muốn nói đến sự tiêu tán hoặc sinh trưởng của Âm Dương. Phương pháp và chuẩn mực của Nhiêu Giảm lấy sự đến trước làm chủ. Nếu Long sơn đến trước, thì ắt Long sơn nghèo nàn mà Hổ sơn phong phú, huyệt vị sẽ đóng bên trái; nếu Hổ sơn đến trước, thì Hổ sơn tiêu mà Long sơn trưởng, huyệt vị ắt đóng bên phải.

Quan tỏa của sơn xuyên hà thủy tất phải giao kết kiên cố, thì sau đó Khí Mạch mới viên mãn. Huyệt vị đóng bên trái thì chọn sơn mạch bên trái làm cửa khẩu; Thủy bên trái cần quá cung vây chặt lấy nơi đứt đoạn mới là cát, thế này gọi là Âm tỏa Dương quan. Còn Dương tỏa Âm quan là huyệt vị gần bên phải thì chọn sơn mạch bên phải làm cửa khẩu, Thủy xuyên qua cung cắt ngang nơi phong tỏa.

Chỉ có sơn mạch, thủy lưu triều thuận mới có thể vây và phá vây thuận thế. Nếu Hoành Thủy quá cung thì ắt phải nghịch hướng vây phá mới cát. Dù chỉ sai vài phân, cát hung họa phúc cũng có sai biệt rất lớn.

XU TỊ

Bước kế tiếp là quan sát tình hình Xu Tị của sơn thủy. Xu Tị là muốn nói tới việc chọn lựa, quyết định.

Đạo của trời đất một phân thành hai, cát hung họa phúc thường chiếm một nửa trong đó. Không thể có cát phúc toàn bộ và hung họa toàn bộ. Đời người thường gặp nhiều sai sót bất ngờ do vậy ắt sẽ tồn tại khuynh hướng thuận theo phúc thiện, ham muốn tốt đẹp, trốn tránh hung họa, rời xa tà ác. Phong thủy địa lý cũng vậy. Nơi sơn thủy hội tụ không hoàn toàn có sinh khí thuần nhất, viên mãn tốt lành, không thể có Khí Mạch không có một chút hỗn tạp nào. Đã không thể không có, thì sự thiện ác phúc họa sẽ đấu tranh tồn tại, đó cũng là đạo lý chính thường.

Song sơn thủy hình thành thiên biến vạn hóa, dù chỉ sai vài phân, ly thì tình hình đã khác biệt. Có những địa mạch quan sát ở dưới thấp thì xấu xa mà lên cao để quan sát thì diệu kỳ mỹ lệ, lại có địa mạch khi đứng bên trái quan sát thì thấy tốt lành mà quan sát từ bên phải lại thấy xấu ác, khó coi.

TÀI THÀNH

Bước tiếp đến là tìm hiểu Tài Thành. Tài Thành chính là nhân sự.

Nếu nhân sự bất lực thì tự nhiên sẽ thuận theo nguyện vọng; nếu tự nhiên không cùng phối ứng, thì nhân sự cũng không được như nguyện. Từ khi vũ trụ vô bờ bến sinh ra, thì sơn thủy thuận theo đó mà có, số lượng không quá nhiều, tác dụng không quá ít, song nó phải có tự nhiên rồi mới xác định. Do đó trời đất, tạo hóa cũng là hữu hạn.

Vì thế sự kết tụ của sơn thủy đều nhờ vào tự nhiên mà có, mà sơn thủy vây bọc, vượt qua, hình thành huyệt lại hoàn toàn nhờ vào sức lực của con người. Nếu hình thế

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

của sơn thủy có sai sót thì ta cắt bớt những nơi dư thừa khiến nó hoàn chỉnh; nếu hình thế sơn thủy có chỗ thiếu sót, thì ta bổ sung vào những phần khiếm khuyết, khiến nó hoàn thiện. Cắt dài thêm ngắn, san cao lấp thấp, không gì không hợp đạo tự nhiên.

Do đó phong thủy sư giỏi về việc cải tạo địa hình đã có thể khiến nó hợp với chuẩn mực, lại có thể không làm tổn hại đến hình dáng tự nhiên của nó.

CẢM ỨNG

Bước cuối cùng là nghiên cứu, quan sát tình hình Cảm Ứng. Cảm ứng chính là Thiên đạo.

Thiên đạo (đạo trời) không cần nói rõ cũng vẫn ứng nghiệm, phối hợp. Phúc lộc, thiện lương, tai họa, dâm tà đều do Thiên đạo sinh ra. Tục ngữ có câu :

"Âm địa tốt không bằng tâm địa tốt".

Do vậy tìm kiếm chọn lựa địa mạch, huyệt vị cần lấy việc tích thiện làm căn bản. Nếu người ta có đạo đức, phẩm chất cao đẹp thì Thiên ắt tương ứng với Địa mà tăng thêm sự tốt lành. Cho nên con cháu đời sau được hưởng phúc là bởi tâm địa thiện lương chính trực, tâm địa trung hậu tự sẽ tương ứng với địa mạch cát lợi.

Tâm là gốc và nội dung của Khí, Khí là hình thức và cành lá của Tâm. Trời chẳng hề có tâm ý gì với người, song lại tự nhiên cảm ứng với tâm khí của người. Quách Phác nói :

"Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, tai họa và phúc đức tự nhiên tới vậy".

Với di hài của tổ tiên, người ta ắt sẽ chọn những nơi có địa mạch tốt lành mà an táng, song nếu không nỗ lực tu tâm dưỡng tính cầu gốc rễ của nó, mà chỉ chú trọng tới quan sát hình thế của cành lá, thì sẽ tổn hại rất nhiều tới tổ tiên và con cháu đời sau.

Chúng tôi đã trình bày rõ ràng tất cả tinh hoa của phong thủy địa lý ở trên. Cuối cùng mới trình bày tới sự cảm ứng, không thể không thận trọng khi chọn lựa và quyết định bất kỳ điều gì.

CHÂN LONG DANH TỦY KINH

LÝ THUẦN PHONG

Long mạch là nơi lưu giữ nguồn gốc tổ tông, nếu phân làm Ngũ tinh thì người ta dễ nhận biết. Duy chỉ có sự vận hành biến hóa của Long mạch là ít người biết tới, cuốn Kinh này nói rõ mọi điều tinh vi ảo diệu của nó.

Các dạng các thức trong sự vận hành biến hóa của Long mạch đều phân thành nghèo hèn hạ tiện và cao sang quyền quý. Trong lầu các, bảo điện sản sinh ra các khu vực mà ở đó các loại tinh tú, Thủy Mộc tinh đều có được sự tương ứng. Mộc tinh biến hóa thành hình dáng như chiếc mũ đẹp,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thủy tinh biến hóa thành vô vàn sợi kim tuyến phấp phới hạ xuống. Lầu son gác tía lần lượt sinh ra, phụng hoàng, đại long hộ giá cũng được sinh ra. Loan phụng bay lượn trước sau, Thần Ngưu trước xe cũng quay đầu mà đi. Năm vì tinh tú hội tụ lại có dáng vẻ tựa như đang thương lượng một sự việc, Trường Xà lấp lánh ánh vàng uyển chuyển uốn mình vượt qua dòng sông mịt mù khói sóng. Ở trong chợt sinh ra tầng tầng hoa sen đẹp đẽ, lá tròn dầy đặc, lá sen bao bọc, chào đón nhụy sen. Giữa đóa sen lại có một đài sen mỹ lệ, ngàn sợi tơ xuyên qua lỗ mũi trâu khiến nó mở rộng ra. Mấy con tuấn mã vượt qua trung tâm, trên lưng ngựa bày la liệt đao thương, trống trận, cờ xí. Kiếm kích tung hoành tựa rừng mà ở trong có rất nhiều giáp trượng nhô lên, cùng bày trên yên, hơn nữa lại dùng dây cương níu chặt lấy mặt trời mặt trăng. Trong môn hộ kiên cố, sóng nước cuồn cuộn chảy ra, vây bọc hộ tống hơn trăm dặm. Long mạch có hình thái vừa nêu ở trên ắt dùng để xây dựng hoàng cung, đế đô. Với Long mạch kéo dài hơn ngàn dặm, cần thận trọng quan sát, lựa chọn.

Long mạch kéo dài một, hai trăm dặm dùng để kiến tạo nên quận ấp, đều bao hàm trong sự vận hành biến hóa của Ngũ tinh. Long mạch tương đối nhỏ cũng có chu vi không dưới 50 dặm. Trong chu vi 20, 30 dặm đều là cát địa. Chân Long ắt có đại tinh nổi lên, bằng không thì không thể sinh ra Khí tức. Long từ trung tâm đi ra là Chân Long, nếu không đi ra từ chính giữa thì sức lực ắt yếu ớt. Tuy rất khó câu nệ về một điểm, song tả hữu giao hội tạp loạn thì dễ nhận ra. Bên trái có, bên phải không, chỉ là qua một đoạn, một đốt mà thôi. Phải có mà trái không có nguồn gốc thì cũng chẳng có gì lạ. Long này vốn giống hình dạng cây sậy, chỉ cần quan sát kỹ vị trí tinh tú đắc địa là đủ, tinh tú đắc địa là Chân Long. Long mạch chủ yếu do Thủy Hỏa làm tinh tú, lá tre từ hai bên bao bọc mà tới. Có một Chi trong đó gọi là Thược Dược Chi, hai bên cùng sinh ra giống nhau. Tả Hữu tách ra sáng sủa có cành có lá thì chủ yếu do Mộc tinh mang theo thủy lưu tạo nên. Còn có Chi tựa mầm liễu, nửa có nửa không tựa hình chữ Nhân ( ), Long này toàn bộ là Mộc tinh cùng chuyển mà tới.

Chỉ có Long mạch hình lá ngô đồng là sáng sủa bằng phẳng, song song chào đón tựa hai tay thủ thế. Cành đốt của chi mạch hình lá ngô đồng phân hướng sinh trưởng đối nhau, chủ can ở giữa vượt qua tâm mà ra, chủ về tổ tông và con cháu có nhiều điểm giống nhau. Đây là nơi tối quý của Mộc tinh, Long mạch này rất hiếm. Nếu câu nệ, chủ tìm các Long mạch thần kỳ, thì có đi khắp thiên hạ cũng chẳng kiếm được.

Lại có Dương Liễu Chi chỉ có một bên sinh khí thịnh vượng, bên còn lại hình dáng rất kỳ lạ. Long mạch này vốn nghiêng chếch về một phía, một bên khô cằn một bên thịnh vượng. bên thịnh vượng sinh ra cành lá dầy đặc, bên khô cằn tựa như một cành cây khô héo. Nếu không có Long mạch khác hộ tống thì sẽ sinh ra bệnh điên dại. Nếu bên trái bị Phong xâm hại thì bên trái sẽ khô héo và ngược lại. Con cháu đời sau nữ rất nhiều mà nam rất ít.

Song, trong Long mạch nửa vượng nửa sinh này cũng có nơi cực quý, được gọi là cách Quyển liêm đăng điện (vén rèm lên điện). Long mạch này là kết quả của sự biến hóa xảo diệu của Kim tinh. Long mạch này còn có tên gọi khác là Ngọc Giới Cấp, sự nghiêng lệch tiếp tục chếch lên cao hơn. Lại có một Long mạch khác gọi là Kim Tỏa Giáp, hình thành bởi rất nhiều sơn cương trùng điệp, tích tụ lại. Long mạch này là hình tượng của Kim tinh huyền diệu vô cùng.

Lại có một Long mạch hiếm ai biết được, nó có tên là Ngự Nhai, Long mạch này tựa bức tường thành bao bọc, sơn cương cúi thấp, kéo dài trăm thước, uyển chuyển bao bọc địa đới Bình Dương rộng rãi bằng phẳng. Không có nơi nào đặc biệt nhô ra. Đây là Long mạch của Thổ tinh xuyên qua mà hình thành, đã giống bằng phẳng dựng thẳng lại tựa như đang chuyển nghiêng, đây là Quý Long cực hiếm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lại có Long mạch tựa dải lụa múa lượn, cao chín tầng mây, mềm mại uyển chuyển, tựa rắn bò. Đây là Long mạch do Thủy tinh vận hành sinh ra.

Còn một Long mạch khác có hình dáng tựa đốt con rết, tổng cộng có từ 7, 8 đến 10 đốt lần lượt sinh ra, mỗi một đốt trông giống như một ngọn núi nhỏ, còn thoáng lộ Cước, từ từ bò đi mà không có dáng xuyên tâm. Long mạch này thuộc Kim do Thổ sinh ra, chào đón có trật tự, Khí mạch phân minh.

Lại có một Long mạch đóng trong Bình Dương rộng rãi, thủy lưu uyển chuyển uốn lượn, tung hoành, trong thủy lưu có thạch xà uốn mình bò đi. Kim Xà vận hành qua Thủy, là hình thức Thủy lộ cốt mạch. Kim Xà lột xác thành hình xà; cũng là Thủy tinh vừa thoát ra, khúc khuỷu, bằng phẳng, bao bọc. Đây cũng là Quý Long, nó đến từ ngàn dặm mà tạo thành huyệt quý, có được huyệt này thì ắt có thể đạt được chức vị lên tới tột đỉnh.

Lại có một Long mạch khác có tên là Phao Ngọc Thoa, khi qua trái lúc qua phải. Long mạch này vốn do Hỏa tinh sinh ra, biến hóa đa đoan. Kim khí thịnh vượng. Các nhà phong thủy hiện nay chỉ xem Long mạch này là bất chính, mà chưa từng để tâm quan sát loại Long mạch chân chính này.

Lại có một Long mạch như những giọt nước mưa tí tách nhỏ xuống, gọi là Kim Loan Minh Ngọc Kha, hình dáng nửa đầy nửa khuyết, tựa mành ngọc rủ xuống, kỳ thực là do Thủy tinh bị Phong ba xung phá mà hình thành nên. Còn có Long mạch do Văn tinh biến đổi mà thành, trông như tua ngọc gắn trước mũ vua, đây là kết quả của Mộc tinh biến hóa.

Còn có một Long mạch có thế đi kéo ra thẳng dài, có hình vài viên ngọc tròn trịa, hai bên trái phải không đối xứng mà đều dồn về một phía hình thành một mặt phẳng hoàn chỉnh. Long mạch này được gọi là Ngọc Vi Cầm, sản sinh ra những nhân vật nho nhã thanh cao, tinh thông thiên văn địa lý, kiêm thông cầm, kỳ, thi, họa. Hoặc là ẩn sĩ chốn sơn lâm, hoặc nho sĩ vang danh bốn bể.

Long mạch khí tức chỉ có (nửa thịnh nửa suy) suy, thiên về khô cạn là do Mộc và Thổ tinh biến hóa thành. Lại có Long mạch vận hành, qua trung tâm, rời khỏi rừng hoa, Mộc tinh biến thành những ngọn lửa thoắt ẩn thoắt hiện. Hoặc là Hỏa tinh gặp Thổ, ngọn lửa bị dập bắn tàn lửa ra tứ phía.

Có Long mạch trông như ấn ngọc đầu vàng, đây là Long mạch do Thổ tinh biến hóa mà nên. Chúng tay đón tay đưa trước sau mà tới, rất có thứ tự.

Có Long mạch tựa chiếc thuyền lướt sóng ra khơi, nhấp nhô lên xuống, sinh khí viên mãn bên trong. Long mạch này sản sinh ra kỳ nhân dị sĩ, là do Mộc tinh hình thành. Long mạch này được dùng làm nơi xây dựng cung điện.

Nếu hình của Long mạch tựa như tuyên chỉ trước lầu vàng thì Long mạch này do Thổ tinh hình thành, sinh ra những người cao quý. Sơn phong cao vút sừng sững tựa muôn trùng lầu gác mà lại có sơn cương nhỏ, thấp chạy ra thì đó vốn là phẩm cách của Mộc tinh, Long mạch này ắt sinh ra tướng giỏi, cần quan sát huyệt vị này do tinh tú nào biến hóa mà hình thành. Long mạch do Mộc có trong Hỏa biến hóa cùng Văn tinh Hỏa, Long mạch này cực quý, ắt xuất hiện thiên tài, thần đồng.

Long mạch có dáng tựa chuông vàng búa ngọc là do Kim tinh biến hóa sinh thành, chủ sinh ra quyền quý hoặc Trạng nguyên. Còn có tinh tú có tên là Quán Thiên Hồng, khối đá màu tím đỏ, có hình như chiếc nghiên dài hơn trăm trượng, chếch ngang phía sau Long mạch, cùng liên tiếp quán xuyến. Trong đó Long mạch ngắn thì giống chiếc bàn, dài thì tựa cầu vồng. Nếu như cầu vồng thì ắt là do Văn Khúc tinh biến hóa sinh thành.

Nếu hình dáng của Long Mạch tựa kiếm tuốt khỏi vỏ thì đó là do đại khí rèn luyện thành. Các phong thủy gia hiện nay đều lầm tưởng đó là đao thương mà không dùng. Long mạch chân thực có các hình dạng khác nhau. Mộc tinh có các đỉnh núi cao chọc trời, cạnh đó có 6, 7 huyệt vị. Nếu hình dáng Long

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mạch trông tựa đẩy xe hiến ngọc, phía trước lớn thô, phía sau nhỏ, thanh, thế đi thẳng mạnh, thế đến hùng dũng, thì đây cũng là Long mạch do Mộc tinh biến hóa sinh thành, chủ về quyền vị cao trọng.

Nếu Long mạch trông tựa bàn ngọc kê sát hiên thì đó là do Mộc tinh sinh ra, dọc ngang giao hội, bao bọc ắt có quý tinh đóng tại phương Mộc, chủ sinh đại quan. Long mạch tựa hình ngọc khuê xuyên qua thì nó do Đảo Địa Thổ hình thành, Thổ tinh biến Mộc, Long có hình như vậy ắt làm Tô sơn. Ngọc mạo nếu ở giữa sinh Ngọc bích, thì đây cũng là nơi kỳ diệu của Thổ tinh. Xuyên chương cũng là Hỏa Thổ Long.

Nếu thực biết rõ sự tinh vi ảo diệu trong biến hóa của Ngũ tinh, thì có thể nhận biết cát hư của Chân Long. Song cũng không nên câu nệ, đừng khinh suất trong việc xác lập huyệt, định phương hướng.

THẠCH SƠN

TẠ SONG HỒ

Thạch là cốt lạc của sơn loan (dãy núi), do sinh khí bất đồng nên Thạch có ẩn có lộ. Lấy thân người làm ví dụ, Tú khí tụ kết tựa người có da thịt, xương máu. Nói tới cốt lạc của người, nếu Thạch tựa ngọc chẩm, trán... đều là cốt khí thịnh vượng mà tán phát lộ ra ngoài. Thạch tùy Thương Khuê và Tế Nộn của Long mà phân làm thanh và thô. Long vừa phân ly, vừa rối loạn hỗn tạp, kết tụ dày đặc, hình thành dáng vẻ xấu xa. Da thịt thô, sắc da đen sạm. Thạch do nó hình thành thì lởm chởm, sắc nhọn. Vách dựng đứng trùng điệp, tích tụ hỗn tạp, đó là vì Khí tích tụ bên trong chưa phát ra ngoài. Thạch được hình thành do Khí tụ kết thì tạo nên Ngọc Khuê, Xích Hốt, Bình Phong và Trướng Mộ, Khố Phủ và Mộc Quỹ, Tướng Tử cùng Ấn Chương, Đao Thương và Kiếm Kích... tầng tầng cửa ải tựa như xếp hàng, cao phong sừng sững cao như muốn chọc thủng trời, bằng phẳng, thoáng đãng tựa trang sách mở ra... hoặc cao vút từng mây, hoặc kéo dài tựa sống lưng... là vì những Thạch sơn này sắp xếp rất hợp lý, đơn độc sừng sững mà không cô lập, có đủ Tả Phụ Hữu Bật. Có Thạch sơn tròn, nhẵn tựa vỏ trứng, Thạch Chủy quay tròn bao bọc tựa sừng trâu, đây là Thạch sơn đẹp đẽ, kỳ diệu nhất, đó là Sơn Thạch hộ tống Long, trấn thủ huyệt vị.

Thạch sơn kết tụ hình thành huyệt vị cần có Thổ hỗ trợ, Tổ sơn tụ hội hình thành huyệt vị cũng cần có Thạch hộ tống.

LOAN ĐẦU

Hai khí Âm Dương giao kết biến hóa hình thành Ngũ Hành, Ngũ Hành giao xúc biến hóa thành Cửu tinh, Cửu tinh biến hóa mà hình thành Cửu diệu cũng được gọi là Loan đầu.

Tham Lang là Mộc tinh, Cự Môn là Thiên Tài, Vũ Khúc là Kim Thủy. Đây là Tam Cát. Tả Phụ là Thái Dương, Hữu Bật là Thái Âm, Phá Quân là Thiên Cương, Lộc Tồn là Cô Diệu, Liêm Trinh là Hỏa, văn Khúc là Thủy cũng gọi là Tảo Đãng.

Liêm Trinh chỉ hợp làm Tổ tông sơn mạch; Cự Môn thích hợp làm Trướng Mộ, Bình Phong; Tham Lang làm Quý Nhân; Vũ Khúc làm Long mạch kéo dài tụ kết thành huyệt; Văn Khúc thích hợp với sự hình thành Quá Hiệp; Phụ Bật làm hộ tống tùy tùng; Phá Quân và Lộc Tồn làm cửa ải.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGŨ HÌNH TAM CÁT

Hỏa hình lấy nhọn, Mộc lấy đốt, Kim lấy vuông, Thổ lấy góc cạnh. Đến gần một Tiết thì chọn Tam Cát Mộc, Kim, Thổ hình thành huyệt vị. Kim Mộc Thủy tai họa, lấy Kim trong Thủy; mà Thổ tinh Kim huyệt thì lấy Thủy trong Kim.

BẠT SA KINH

TỐNG LIÊU

TÂM PHÁP

Phàm việc quan sát địa lý sơn xuyên, trước tiên cần quan sát hình thái bản thân địa mạo. Sau khi quan sát xong hình tướng của sơn xuyên thì quan sát sơn thủy cạnh huyệt và các trạng thái Hướng, Bối. Đây là bước cơ bản để tìm và chọn Long mạch.

Nếu tại Bình Dương thì cần quan sát thêm các trạng thái liên kết và nhô lên đột xuất, có Long tựa sóng trào, có Long tựa rắn bò. Long mạch của sơn dù rất khác biệt với Long mạch của bình địa, song có một điểm tương đồng là : nhị Thủy giao tụ hội hợp là không thể thiếu được.

Giới mạch hai bên đại hà là Thượng địa, hai bên tiểu hà là Trung địa, hai bên ruộng nước là Hạ địa. Đại hà chỉ cần có nguồn nước chảy xa là được. Chỉ có địa mạch từ bình nguyên nhô lên mới là sơn mạch đẹp đẽ kỳ diệu, dù ngắn, nhỏ cũng cực quý.

Long mạch có nội Thủy đổ vào, bên ngoài hợp với thế ngang. Nếu hà thủy ngoài sơn giao hội mà Thủy khẩu co hẹp thì có thể chọn làm huyệt vị. Long mạch có ngoại Thủy đổ vào, Án sơn sáng sủa, Minh Đường thoáng đãng mà không rời đi thì lập huyệt được.

Nếu Thủy không tới Minh Đường thì đừng lập huyệt, nếu sơn mạch không giữ được khí cũng không nên cư trú.

Chân và giả của Địa mạch đã bao hàm cả Sơn, Thủy, Hướng, Bối ở trong.

Sơn không trọng về tinh diệu mà quý ở chỗ oai nghiêm bình chính; Thủy không chủ về Lai Khứ mà kỳ diệu nhất là uốn lượn bao bọc. Sơn Loan nghịch Thủy thì rất cần Minh Đường rộng rãi, sáng sủa; Sơn Loan thuận Thủy cần Án sơn chắn trước mặt. Triều Thủy không nên quá thẳng, cứng; Triều Sơn không ngại uốn lượn, mà kỵ nhất là nghiêng lệch.

Với Cán Long thì cần lưu tâm quan sát thế đi là được. Chi Long cần xem thần tinh của nó có hiên ngang hay không. Chi Long yếu ớt, không có hộ tống không nên chọn, song có thể mai táng tại Chi Long cúi thấp mà có đuôi.

Phàm gặp làng thôn thì cần xem xét Long có sinh động không. Thế đi của sơn mạch cần có Thủy hai bên kèm sát hộ tống, như vậy mới có chân huyệt vị. Nếu Thủy không bao bọc hộ tống thì đây chỉ là Hành Long.

Sơn Loan bối nghịch Thủy thế, hai dòng nước sông cần tụ hội ở đằng sau; Sơn phong thuận theo Thủy, hai dòng nước phải tụ hợp ở phía trước; Sơn mạch từ bên trái chạy tới, hai dòng nước nên tụ bên phải và ngược lại.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tóm lại, cần phải có Thủy bao bọc hộ tống sơn mạch.

Nếu thế đi của sơn mạch thẳng tắp thì nên chọn huyệt vị chính diện; sơn mạch uốn lượn tựa vành cung thì nên chọn huyệt vị nghịch hướng.

Long thô kệch mà cứng đơ, sắp tới Thủy mà dựng đứng thì không nên kết Trạch huyệt, mà nên chọn huyệt ở nơi có Long mạch hoạt bát sinh động, song phải có Thủy bao bọc, hộ tống mới tốt.

Nếu Thủy không bao bọc sơn mạch thì nó không phải là mạch dừng; khi có Thủy, sinh khí mới hội tụ.

Nếu ở nơi khởi đỉnh hai dòng phân lưu dài ngắn như nhau thì Long mạch này là Chính Mạch, nếu một dài một ngắn thì Long mạch này là Bàng Chi.

Địa mạch khuất khúc hồi chuyển, hạ sơn thường nhấp nhô lên xuống, thì có chỗ khiếm khuyết. Chỉ có ngoại sơn bao bọc dày đặc, hai dòng nước giao hội tụ hợp ở phía sau thì sẽ có cát địa. Địa mạch uốn lượn chuyển mình, cần có bản thân hạ sơn hùng vĩ, dày đặc, mới thành cát địa. Địa mạch uốn lượn bao quanh, phía sau thường có thiếu hụt, cần có nhiều Thủy hộ vệ. Phía sau sơn mạch thiếu trống, rất cần Thủy lưu bao bọc. Phàm sơn mạch chạy dài cần thu nạp tụ kết thành một Bình đầu nhỏ, gọn, lại nổi lên, kết tụ Bào (nhau) thì nơi đó mới được xem là kỳ mỹ quái địa. Nếu không có Bình đầu nhỏ bé thì khí mạch không thể kết tụ được. Hơn nữa còn cần có sơn thủy hộ tống hai bên, mới là hùng mạnh có lực.

Bình đầu nhỏ gọn của địa mạch Bình Dương trông tựa một đỉnh bạc. Long mạch kết thành Dương địa thì Ngân đỉnh (đỉnh bạc) ở xa lớn rồi dần dần thu nhỏ, khí mạch của nó một tụ một tán, một thu một buông; Long kết thành Âm mạch thì Ngân đỉnh ở gần lớn mà từ từ nhỏ dần, khí của nó một buông một giữ, một tán một tụ.

Có Long tựa bình phong xếp hàng, tựa chim ưng bay lượn, như có lên xuống nhấp nhô,... biến hóa khôn lường. Đây là nơi tối quý của sơn mạch. Có Long tựa sóng cuốn, như rắn bò; có Long đứt đoạn, liên tục... mạch lạc thông suốt liên kết, đây là nơi tối quý của bình địa.

Sơn cốc kết thành địa mạch phải đứt đoạn; nếu không đứt lìa, khí mạch sẽ thô trọc trì trọng. Bình Dương kết thành địa mạch cần nhọn, lại có Ngân đỉnh nối liền; bằng không cùng liên tiếp thì khí sẽ tản mác.

Sơn mạch sản sinh công hầu thì đoan trang trọng hậu, sinh ra quan văn thì thanh kỳ tú lệ, khả ái vô cùng; sơn mạch sản sinh võ tướng trông hào hùng, rung động khiến người kính nể.

Cán Long khởi thế cao vút, sơn mạch hai bên kèm sát hộ tống nhất định rất hùng hậu, phát đạt; Chi Long khởi thế thấp, sơn mạch hộ tống không thể hùng vĩ, khí thế không được hùng hậu như Cán Long.

Chi Cước của Chi.Long trong khi đang vận hành, mà dừng lại kết địa huyệt, thì cần qua một Hiệp hoặc nhô lên một đỉnh, nơi dưới Bình Dương cần nổi gồ lên.

Nếu Long mạch không quá Hiệp thì huyệt vị dưới sơn cước không có thần tướng bao bọc sẽ là huyệt giả.

Nơi quá sơn, bốn phía sơn cương bao bọc, La thành dày đặc, có thể chọn làm huyệt vị ở đây. Nếu Hiệp Thủy thẳng tắp đi tới mà trước mặt không có cửa ải thì không thể kết huyệt. Long mạch chuyển mình nhìn về Tổ sơn thì được.

Sa sơn quý nhất là có tình với Hướng, tối kỵ cùng nghịch với Bối. Nếu có hình dáng tựa vòi voi thì cát, giống cánh cung thì tốt. Sa sơn nghiêng lệch mà ra thì hung.

Nơi có nhiều sơn tụ kết, hoạt bát sinh động thì mai táng.

Nơi Bình Dương gió thổi vô hại, nơi hẻm núi gió thổi tới gây phương hại. Nơi Bình Dương không sợ gió thổi mà vùng sơn cốc lại rất kỵ gió.

La thành chỉ tường thành, bao bọc kín đáo là quý; Thủy khẩu là chỉ môn hộ, quý ở chỗ chắn ngang; Triều sơn chỉ tân khách, từ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

xa tới là quý; Minh Đường chỉ Tài khố, tụ kết là quý. Cần biết ở bờ sông hồ biển lớn thì sơn quý về Thủy, mà trong bình địa trống trải thì Thủy quý về sơn.

Triều Thủy cần thịnh vượng, nếu suy kém thì sẽ dẫn tới yểu chiết, chết chóc, gia nghiệp lụn bại.

Sơn mạch chạy tới nếu thẳng tắp, thô, mà không đứt đoạn dừng lại, đứng cao sừng sững thì đừng táng.

Nếu Hoành sơn đảo quái thì cần có Thi vĩ (Thi vĩ tức là có tình), đây mới là Chân huyệt. Nếu gần đó có Sa bao bọc hộ vệ thì không cần Thi vĩ. Hình dạng huyệt như viên ngói ngửa lên cũng không đáng ngại. Đuôi (vĩ) lệch về một bên cũng được. Song tối kỵ nếu sơn thủy không bao bọc hộ vệ, ở sau tràn tới.

Địa mạch giống hình cái yên ngựa đặt trên lưng Long, nếu ở giữa lõm khuyết, trước mặt dựng đứng, nhị Thủy giao hội bao bọc thì có thể hạ huyệt; Thủy không giao hội thì chớ hạ táng.

Long mạch Đảo kỵ, sơn thế hiểm ác, thì không nên chọn huyệt; mà nơi có sống núi hơi cong, uốn thì có thể được. Long mạch tiến tới không nên lệch, nghiêng, có vẻ hữu tình thì có thể hạ huyệt. Có Long mạch phần đỉnh xấu xí, Lai sơn nghiêng lệch, quá cảnh cũng bất động thì đừng nên hạ táng. Nơi Bình Dương rộng rãi; nơi quân bình, thẳng ngay thì có thể Đảo kỵ làm Dương địa chọn huyệt.

Nếu Bình Dương có chỗ nổi cao, thì khí cát lợi sẽ bay lên; nếu Bình Dương không có thế Kiềm mở ra thì đây là huyệt vị đại cát.

Hang động của cao sơn, ắt có Thủy tụ hợp bên dưới, bằng không nó chỉ là Hành Long.

Quật huyệt của sơn dương nhiên đẹp đẽ. Đột nhiên tại Bình Trung còn đẹp hơn. Nơi chợt nổi cao cũng có chỗ hơi lõm, không nên hạ táng, nơi Quật thấp lõm cũng không nên lấy làm huyệt.

Lại có nơi Long mạch tới thẳng thì nên chọn huyệt táng ngang, vì Kiềm Tiêm, Chủy Thần, Minh Đường, Khí Tức đều tụ hợp lại một phía, nên táng ngang để tiếp cận nó. Phía sau nó cần có Thi vĩ; Dư khí cũng cần bao bọc chuyển về, nhị Thủy phải tụ hợp, bằng không sơn mạch này chỉ là Hoành sơn.

Nếu phía trước huyệt không có Thủy tụ hợp thì không nên chọn huyệt; nếu có Thủy tụ hợp, nhưng lại cuồn cuộn chảy đi thì cũng không tốt.

Nơi cao sơn làm huyệt bất luận Thủy có hình thái thế nào, chỉ cần sơn cước giới hợp phân minh; nơi Bình Dương kết huyệt không sợ gió, chỉ cần có Kiềm Thần của bản thân ngay ngắn.

Nếu trên cao sơn có nơi bằng phẳng, bốn mặt bao bọc, không có nơi nào thiếu sót hoặc nghiêng lệch thì được.

Nếu sơn mạch tới mà thô hùng cao lớn thì cần đại thủy bao bọc, hoặc có nhị Thủy bao hợp mới có thể kết huyệt.

Nơi thâm sơn cùng cốc chợt sinh ra một Tiểu Bào, mở rộng Giáp Kiềm, để lộ Nhũ, khác hẳn với sơn mạch khác xung quanh. Kỳ thực nó đang thoát khỏi thô đại. Tú khí hội tụ, Minh Đường tụ kết Oa, bốn phía bao bọc, có thể mai táng.

Sơn mạch cao thô hùng chạy tới, không có gợn sóng nhưng lại sinh ra một Tiểu Bào, phía sau vẫn thô cứng song lại kết tụ sinh khí, mở rộng Giáp Kiềm, để lộ Nhũ thì ắt là cát địa. Nếu không có Tiểu Bào, sinh khí không thể dung hợp. Nếu có gợn sóng tựa sườn trâu thì là hung địa.

Nếu sơn cương thô ngạnh đứng im bất động, không mở rộng Oa, Kiềm thì đây là nơi địa mạch mất Lai sơn. Nếu sơn thẳng tắp, nhọn sắc, nhỏ hẹp thì đây là nơi địa mạch mất Chủ sơn.

Nếu Lai mạch thuộc Âm, Đột lại đầy đặn, giữ được sinh khí, khí thế hùng vĩ thì có thể xây dựng lâu đài. Nếu cơ địa nhỏ hẹp thì chớ nên xây nhà cao.

Xây dựng phòng ốc tổn hại Lai Mạch thì vô cùng hung hiểm. tả Hữu cũng vậy.

Hai bên nhà nhất định phải trống trải để biểu thị ý có dư đất mà không dùng hết.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long mạch Lai Khứ thẳng tắp, cần có sự tương hỗ trước sau; Long mạch Hoành Lai, Hoành Khứ cần có tả hữu bao bọc; Chính Lai Tà Thụ ở xa cần có Tổ sơn cùng hộ vệ thì tuy hư mà không giả; Tà Lai Chính Thụ, nơi gần có thân chi hộ tống thì tuy thuận mà không thuận; Nghịch Lai Thuận Thụ bao hàm và thu nạp khí mạch sở hữu; Thuận Lai Nghịch Thụ thì cần xét rõ hình thái Phong Nhiêu và Tiêu Giảm.

Lời cuối chúng tôi muốn đề cập đến việc tu tâm tích đức của người làm nghề địa lý. Phong thủy địa lý gia phải chọn lựa những chủ nhân có đạo đức, mà chủ nhân cũng cần chọn thầy địa lý thiện lương.

Cát địa rất khó tìm được. Chỉ tu tâm tích đức và nỗ lực học hỏi, nghiên cứu tìm kiếm mà thôi.

Chỉ có lòng thiện mà không cần thuật giỏi, thuật sẽ được lĩnh ngộ từ tâm thiện, nếu chỉ có thuật mà không có tâm, thì thuật sẽ diệt theo tâm.

THỦY LUẬN

"Kinh" viết :

> "Sơn mạch tụ kết hình thành là một thể thống nhất, phân tán ra trong muôn ngàn sự vật khác nhau; Thủy lưu tụ hội sinh thành, là từ vạn vật khác nhau quy kết dung hợp làm một thể thống nhất".

Do vậy khi bàn về sơn mạch thì ta thuận theo cách nói Chi mạch Can mạch. Nhất là Long mạch, nhị là huyệt vị, phân ra hai bên trái phải làm Thanh Long, Bạch Hổ, phân ra trước sau làm Chu Tước, Huyền Vũ sa sơn, từ đó lại phân ra La Tinh, Hãn Môn, Quỷ Diệu... sơn mạch phân tán, cần phải thu thập tụ kết khiến sinh khí của Sơn tụ hội, do đó rất cần có Thủy. Nên, tác dụng của Thủy, biểu hiện mật thiết với Âm Dương, thị phi phúc họa cũng có liên hệ mật thiết. Một sơn mạch chạy dài cần có hai (2) thủy kèm sát hộ tống.

Thủy phân ly có nhiều nguyên nhân, hãy dùng một huyệt vị để nói, cứ năm (5) đốt tiết thì hình thành một tổ mạch, thống lĩnh Long Hổ, ứng tiếp Hãn Môn. La Tinh nhị diệu luôn cần tụ hội, thế gọi là cứ một cục Âm Dương thì có một giao độ lớn. Long mạch chuyển đi sinh thành một đốt tiết liền có hai vây, đó là Thủy hội hợp mà sinh ra một đốt Long mạch. Sinh đến Huyệt tinh, Tinh Đầu và Tinh Cước là một phân một hợp. Một Thanh Long một Bạch Hổ tất nhiên có giới thủy đi cùng. Phàm các sơn mạch mà ta thấy được cũng luôn có Thủy làm ranh giới đi cùng. Thế gọi là nhất Sơn nhị Thủy. Thủy cuồn cuộn chảy tới, do vậy mà có Minh Đường để thu nạp Lai Thủy của Nhất Cục, tức là thu nạp nguồn thủy của các núi. Còn Đường Thủy chính là Thủy được các khí tụ hội hình thành nên vậy.

SƠN TỔ NHÂN TỔ

Từ đời ông cố đến đời cháu chắt được gọi là Ngũ thế (năm đời). Sau Ngũ thế, tình thân chấm dứt mà phúc đức cạn kiệt. Do đó trong địa lý, người ta cứ lấy năm (5) đốt tiết làm thành một huyệt, một huyệt lấy năm (5) đốt tiết làm một tổ, phúc đức cùng qua năm đời thì hết.

Song thi hài mai táng truyền đi năm đời thì thành tổ của một chi. Mà sơn mạch mai táng tổ tông cần phải hợp thành một thể với thi hài để mai táng, do đó cũng có thể gọi là Tổ sơn. Như vậy, tổ tông của sơn mạch đóng trong năm (5) đốt tiết, ở phía dưới nơi dừng lại; mà tổ tông của người đóng ở nơi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

bắt đầu của Ngũ thế ở phía dưới nơi dừng lại. Nơi kết thúc của Tổ sơn và Tổ nhân đã khác nhau thì dựa vào đâu để chiêm nghiệm phúc họa ?

Quan sát kỹ và thông hiểu sự hội hợp thì sẽ thấy. Tại sơn mạch thì lấy khí, khi sơn mạch hình thành, nó đã chuẩn bị đầy đủ, và cùng dung hợp hội tụ, liên tiếp quán xuyến, thông suốt từ nơi khởi đầu cho tới nơi kết thúc của năm (5) đốt tiết. Khi mai táng hài cốt thì lấy một đốt tiết đầu tiên của sơn mạch làm mộ huyệt. Nếu rút sinh khí của một tiết trong đó thì khí mạch năm (5) tiết sẽ xuyên suốt và đều hội tụ tại đây, từ đời cố đến đời chắt. Thi hài của tổ tông sau năm (5) đời không ai còn thấy nữa. Thi hài đó phụ thuộc vào một đốt tiết trên sơn mạch, sinh khí của năm (5) tiết hạn chế trong hình tượng của một tiết cố định, nó chỉ rõ tinh tú và địa mạch nào thì sản sinh ra nhân vật và phúc đức ấy, một đời người ứng vào một tiết mà tồn tại. Cứ một đời thì lùi về sau một tiết, khi lùi đến tiết thứ năm thì sinh khí của năm (5) tiết cũng cạn kiệt.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 7

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên
Chú thích : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Đính chính : Tôn Ái Tải Ung

NGỌC XÍCH KINH

THẨM THẾ

☐ *Vô vàn tinh tú phân bố trên bầu trời, vô số sơn thủy sắp xếp dưới mặt đất. Ngẩng đầu quan sát sự bố trí của tinh tú, thì thấy vô vàn tinh tú kết hợp bảo vệ; cúi xuống nhìn Lai Long Khứ Mạch của sông núi mới biết được diện mạo của bình nguyên đại địa.*

Bầu trời hình thành các loại tinh tú, cũng như mặt đất hình thành các loại sông núi. Khắp nơi trong trời đất đều có cùng một loại khí, mà sông núi cùng ứng hợp với tinh tú, đều do tác dụng và biểu hiện của loại khí đồng nhất này.

☐ *Vô số sơn mạch trên mặt đất đều liên tiếp quán xuyến lẫn nhau, cùng khởi nguồn tại sơn mạch Côn Luân, cùng bắt đầu từ sơn mạch tổ tông đồng thời phân tán ra bốn (4) phương tám (8) cực mà đi.*

Tám cực tức là chỉ Bát Quái (tám quẻ).

☐ *Càn, Khôn, Khảm, Ly, Đoài quy tụ về khu vực tận cùng, thông về hướng Tây tới sa mạc mênh mông; Cấn, Tốn, Chấn liên tiếp với nhau tiến vào Trung Nguyên mà hình thành hình thế của Ngũ Nhạc.*

Ngũ Nhạc là bộ phận tối trọng yếu trong toàn bộ sơn mạch của Trung Quốc.

☐ *Lấy Hoàng Hà làm giới hạn khu vực Tây Bắc, Sửu, Cấn hình thành Long mạch cuồn cuộn; lấy Trường Giang làm giới hạn khu vực Đông Nam, Tốn, Thìn hình thành Tổ sơn kéo dài trùng điệp. Chỉ có Dần, Giáp, Mão, Ất hình thành Long mạch mới có thể thành nền tảng trụ cột cho trung lưu Trường Giang. Phân ra núi cao và bình nguyên bằng phẳng cùng ứng hợp lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau như xương và thịt. Thịt bọc bên ngoài xương, huyết mạch chạy trong da thịt. Nếu thấy rõ tình hình huyết mạch lưu động thì có thể biết được da thịt có tươi tốt hay không.*

Khí mạch nơi đồng bằng đều có nguồn gốc tại núi cao. Sơn Loan từ phía Đông duỗi dài tới thì khí của Thổ mạch cũng xuất hiện tùy vào sự lưu động của sơn mạch. Sơn mạch chạy nhanh tới, Thủy tùy theo sơn, Thủy tựa như huyết mạch chảy trong da thịt mà Khí của địa mạch chính là da thịt vậy. Thổ không có Thủy thì không tốt tươi, vì vậy Long mạch nhất định phải có Thủy tùy tòng mới vận hành được. Khí mạch vận hành dưới mặt đất cũng giống như thủy lưu trên mặt đất. Thủy chính là dấu vết và biểu hiện của Khí. nếu Thủy lưu động về hướng Đông thì sơn khí ắt sẽ đi về phía Đông. Long mạch vận hành, Thủy tự sẽ theo cùng, kỳ thực là nói sơn khí vận hành mà Thủy sẽ đi theo.

☐ *Rất nhiều sông nước chảy về phía Đông Bắc, Hà Khí của Khôn, Thân mới sinh thành; rất nhiều Thủy lưu động về hướng Chấn, Thìn thì*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long mạch của Càn, Hợi mới thanh tú. Giáp, Mão hình thành Thai chẳng phải nhờ vào Khí của Tân, Dậu ư ? Ngọ, Đinh sinh sôi bất tận chẳng phải nhờ vào Linh Khí của Khảm, Quý đó sao ?

Long mạch quý tại nghịch hướng chuyển hồi, cần quay đầu lại nhìn Tổ tông sơn mạch; song không hề xuất hiện trường hợp Long khắc phạm Tổ sơn mà hình thành Chân huyệt.

- *Quan sát kỹ nơi Thủy tụ hội mới phân rõ Thư Hùng. Nếu Thủy không tụ hội thì Long mạch không kết thúc, nếu Long mạch không ngưng kết, thì Khí Tức đang vận hành không có chỗ ngưng tụ.*

  Cần làm rõ đầu và đuôi của Long mạch chạy dài vạn dặm trên bình nguyên.

- *Bình nguyên bao la, dù xa vạn dặm cũng phải tìm ra nơi khởi nguồn và kết thúc của Thủy. Quan sát kỹ đường đi của Thủy và nhận biết rõ tình hình giao kết tụ hội của Thủy, như vậy sẽ tự nhiên phát hiện ra Chân huyệt.*

  Dù Long quay đầu nhìn về Tổ mạch cũng không thoát rời Phụ Mẫu sơn cần sinh khí.

  Câu nói này muốn chỉ Long thành Thai tại Giáp, Mão.

- *Long thuận Thủy mà đến nghịch Hướng mà kết huyệt mới có thể biết được sự chân thực về thể đoạn của nó. Nếu Long nghịch Thủy mà tụ kết ở phía sau, thì nhất định là địa mạch giả.*

  Nơi Long mạch quay đầu nhìn về Tổ sơn, Sa sơn không đến từ nơi nó sinh ra. Nếu Sa sơn nghịch Bối Thủy thế lưu động thẳng ra, giao hội về phía sau lưng thì nó không phải là địa mạch chân thực.

- *Nếu Long tựa như trải thảm trên bình nguyên thì cần nhận biết nơi nó tụ hợp; nếu Long như dang giương hai mắt thì cần quan sát nơi nó dừng lại tụ kết.*

  Nếu Chân Long kết tụ thành Chân huyệt thì nơi sinh khí của Long mạch giao hội ắt có Chính Mạch hạ thẳng xuống, Thủy phân ra hai bên trái phải, có Nhất Trùng, Nhị Trùng, song song tiến tới Minh Đường thu nạp khí. Nơi như vậy mới được xem là địa mạch chân thực.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THẨM KHÍ

- *Long chia Ba Tám (tam bát), Khí thuộc Ngũ Hành. Xác định đạo lý tiêu trưởng của Âm Dương thì biết rõ nguyên nhân của Hưu Tù Vượng Tướng. Vì thế, Nhâm, Quý phải đến từ Đoài, Canh mới hình thành thể trạng hoàn chỉnh.*

  Theo Sinh về Vượng, Tú Khí (khí đẹp) mới viên mãn.

- *Khảm Thủy triều nghênh, nghịch Dần, Mão được gọi là Thần thống lĩnh Khí Tức.*

  Thủy Mộc tương sinh, mới có được Tú Khí. Vì thế mới nói Long mạch thịnh vượng tiếp nhận Sinh Khí mà kết thành cát địa.

- *Tam Dương giao thái, Chấn tinh xuất hiện. Bính, Ngọ, Đinh là đất của tam Dương.*

  Tổ mạch bắt nguồn từ phương Chấn, quy tụ về Ly tức là bắt đầu xuất phát từ nơi Tràng Sinh hưng thịnh. Tứ Phục nổi giận, Thiên Cương Thực Khí chỉ tai họa.

  Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi bốn Kim ẩn tàng, Ngũ Long kinh sợ, là nơi vượng địa của Thiên Cương. Người ta không thể sinh sống ở nơi này được. Phàm Long

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nhập thủ, phạm khắc bốn Kim thì ắt chuốc lấy tai họa.

- *Kim vào đất Hỏa, tự hủy diệt mình; Mộc vào cung Kim, tự nguy tính mạng.*

  Long không thể rời thoát sinh khí của Phụ Mẫu. Đoài đến Ly, Chấn đến Đoài là tương khắc, đây không phải là Chân huyệt.

- *Hỏa Long sợ gặp Đoài Canh, tới Bắc Thìn thì tự hủy mình, đến Đông Chấn gặp tai họa, nếu Đông Chấn gặp Tây Đoài thì hại tới quỷ thần.*

  Long mạch đẹp đẽ vận hành, nhập thủ bị khắc phạm thì không hợp cục.

- *Dương Long đi sang trái từ Sinh tới Vượng; Âm Long xoay qua phải, từ Vượng đến Sinh. Hợp Lai mạch thừa tiếp Sinh Vượng khí, kỵ Long mạch vào đất Tử Mộ. Long mạch kết thúc tại Suy, có Vượng Thủy tụ hợp thì tài sản dồi dào; có Sinh thần kết tụ thì nhiều gia nhân.*

  Long mạch chạy đến, nhập thủ nơi khí suy yếu, nếu có được Quan Vượng Thủy tụ hội trước Đường Cục thì dù Long huyệt hung sát nhưng Khí vẫn thuần khiết, vì thế có thể phát tài, phúc. Nếu được Tràng Sinh Thủy chạy tới Đường Cục thì gia nghiệp hưng vượng. Long là Thể, Thủy là Dụng. Nếu Thủy tốt lành thì có thể cứu vãn cho Long; nhưng Long thì không thể cứu cho Thủy.

- *Quý nhất là có Song Hưng cùng đến.*

  Nếu có được Long mạch Sinh Vượng, tiếp đó lại có được Thủy Sinh Vượng tiến tới Đường Cục, thế gọi là Song Tinh đồng sinh. Nếu Long và Thủy không thể lưỡng toàn thì phải dùng Hướng để thu nạp. Song Hưng là chỉ Sinh Vượng vậy.

- *Nhâm hóa Quý, Quý hóa Nhâm, Thủy và Long cùng lợi dụng nhu mà tự nhiên sinh Thần; Đinh hóa Bính, Bính hóa Đinh, Hỏa và Khí mạch cùng tồn tại mà không sinh hung họa; Hợi Long kỵ hỗn tạp. Càn Nhâm viên mãn lưu thông. Tốn sợ Liêm Trinh đến Thìn, Tỵ, chỉ muốn thước đi cô độc. nếu nó đi thẳng tập thì hung, uốn lượn thì cát.*

  Đoạn này muốn nói Hợi, Tốn khi đi thẳng, hợp với thế uốn lượn.

- *Dần, Giáp, Cấn không cùng đến thì Dậu, Canh, Tân mới đi cùng. Nếu Càn, Khôn sắp tới, dù nhà cửa đang phát phúc lộc, song kết cục vẫn lụn bại. Nếu Thìn, Tuất Long nhập thủ, dù thuận lợi phát đạt, nhưng kết cục con cháu đời đời bần hàn.*

  Vì vậy, muốn làm rõ phương hướng, xác định vị trí, cần nghiên cứu sự thịnh suy lên xuống của 24 sơn; muốn lập huyệt, xác định Triều sơn Nghênh sơn thì phải quan sát cát hung họa phúc của 72 Long.

THẨM LONG

- *Sa sơn bước đi, có Thủy phò trợ, Sa và Thủy giao hội quấn quít, thuận cùng. Sa sơn vòng về, Thủy vây quanh, ắt sẽ phát quý.*

  Thủy và Sơn có quan hệ mật thiết với nhau. Thủy chảy đi, Khí cùng theo Thủy mà lưu động; Thủy dừng thì Khí dừng theo. Thủy bao bọc hộ tống bên ngoài thì Khí ắt tụ hội thu nạp ở trong Minh Đường. Sa Thủy bốn phía tự nhiên quay đầu trở về, bao bọc tựa thần dân triều kiến quân vương thì chủ sang quý.

- *Long mạch chân chính khi mới bước đi tựa vạn mã cuồng bôn, khí thế hùng vĩ. Sa sơn đến tựa sóng trào. Thủy tới tụ kết. Sa và Thủy cùng bao bọc, theo cùng mà đi.*

  Long mạch chân chính bước đi khi không thể không đi, dừng lại khi không thể không dừng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Nếu biết rõ nơi Thủy giao hội, Sa sơn tập kết thì sẽ thấy được nơi Chân Long nhập thủ. Thế đi của Thủy cuồn cuộn tựa như dang tuôn ra bể lớn.*

  Đoạn này nói về Thủy chảy đi mà không giao hội.

- *Nếu Thủy chảy khắp nơi mà không kết tụ, thì Long mạch đi mãi không dừng.*

  Thủy chảy thì Long đi, Thủy quy tụ thì Long dừng.

- *Sa phân tán mà không quay về, thì Sinh khí không kết tụ, vẫn đi mãi.*

  Nhiều sa sơn quay mặt ra ngoài, Khí mạch của nó chạy mãi không ngừng và không thu nạp lại.

- *Dù có môn hộ và cục diện rộng lớn, sáng sủa, song Thủy đi mãi, phúc không trường tồn.*

  Đoạn này nói rằng Thủy cứ đi mãi thì phúc lộc không thể tồn tại lâu dài dù có Chân Long.

- *Dù Long tích tụ Thủy thành quan ải, cũng chỉ là chặn lưng cái khí mà thôi.*

  Câu này ý nói nếu không phải là Chính Long thì đây chỉ là nơi Sinh khí tích tụ mà thôi.

- *Nếu Trường sa tựa chiếc chiếu trải rộng thì cần chọn một tiết sa sơn ở gần chỉ lưu; nếu sa sơn tựa như tấm thảm mở rộng, thì nên cầu sơn ứng hợp hoàn mỹ; Long mạch nổi lên có hung có cát, Thủy từ trên xuống có trong có đục.*

  Khảm Ly cùng tụ hội đến vô cùng thì không phân dày mỏng, Quý Long thừa tiếp Khí Khảm thì hữu dụng, Khôn Mẫu thừa tiếp thì không thuần khiết. Vì vậy, Âm, Dương, Lão, Nguyên tứ mộ, nhất định ẩn tàng trong Kim Dẫn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THẨM HƯỚNG

- *Ly về Nhâm Quý, Quý đến Nam Ly. Nếu Khảm gặp Đinh Khôn thì sang quý, nếu Bính gặp Tân, Cấn thì cát. Canh hợp Chấn, Khôn gặp Quý hợp với Cấn, Tân, Hợi. Bính, Tốn, Nhâm là hướng Hợi Long cần theo; Đoài, Đinh, Mộc là chính phối, gặp Hợi, Cấn thì phú quý vinh hoa. Chấn, Canh gặp Tân, Hợi thì văn võ song toàn. Tốn gặp Tân, Tân gặp Tốn, cùng hỗ trợ lẫn nhau; Cấn sinh Nhâm, Nhâm sinh Cấn, Bính thì đại cát. Nếu Thiên Thị ngộ Canh thời sẽ có văn võ kỳ tài, thiếu nam phát phú quý, phúc lộc song toàn.*

  Đoạn này nói về việc lựa chọn huyệt vị, xác định Hướng đều tùy theo Quái Khí hỗ tương tác dụng. Nếu Quái Khí không hoàn chỉnh thì cần dùng Tam Hợp, Ngũ Hành, Song Sơn để nạp âm cho bốn sơn. Nếu bốn sơn không cùng ứng hợp, thì dùng Song Sơn, Tam Hợp nạp âm cho Hướng.

- *Long hoặc Thần Sát dài ngắn không đều, Sa sơn và thủy lưu hoặc ẩn hoặc hiện, cao thấp khác nhau.*

  Như sự ứng nghiệm mau chóng của Lộc Mã, Quý Nhân thì Thôi Quan, Sinh Khí tựa sấm nổ chủ phát phúc, lộc.

- *Sơn mạch là Thể, Thủy là Dụng, đều sinh thành từ một Khí thống nhất. Dụng thuộc Dương, Thể thuộc Âm, Động Tĩnh lấy đó mà hiển hiện. Vì thế ứng hợp thu được khí Sinh Vượng thì phú quý song toàn, phúc lộc trường tồn.*

  Dương Âm vốn không có sự khác nhau về Sinh Vượng cùng Thể Dụng. Nơi Long phát nguồn và nhập thủ cần quan sát vị

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trí và lập Hướng cụ thể, căn cứ vào sự xoay sang trái hay phải để xác định có Sinh Vượng hay không.

☐ *Sơn và Thủy vốn cùng một nguồn, sau khi gặp Tam Hợp thì tốt lành.*

Sơn và Thủy vốn cùng một nguồn, đều cần thu được khí Sinh Vượng. Nếu muốn thu nạp khí Sinh Vượng bên dưới Tọa Hướng của Long mạch thì nên dùng Tam Hợp với Trạch cục, chủ gia nhân đông đúc, con cháu đầy nhà; thu nạp Thủy hợp với Trạch cục chủ tài lộc dồi dào.

☐ *Phàm huyệt vị của Long quý hay hung đều tùy vào tình hình cụ thể của Thủy.*

Huyệt vị vốn không có phân biệt thiện ác, chỉ có Thủy mới phân mà thôi; Thủy vốn cũng không phân cát hung, mà là Hướng phân ra thiện ác. Sa sơn cát hay hung thì dựa vào Long mạch, Thủy cát hay hung thì nhờ vào Hướng. Như vậy Hướng là chúa tể của Ngũ Hành Sinh Vượng, phát đạt hay lụn bại. Nếu Hướng không hợp thì Sa và Thủy đều hung.

☐ *Nếu Long mạch tốt lành mà Thủy hung ác thì tai họa liên miên; dù huyệt hung song Thủy cát thì phúc lộc vẫn dồi dào.*

"Kinh Thư" viết :

> "Tuy có Thủy tuyệt diệt, song không có Địa mạch tuyệt diệt; tuy không có Thủy lưu tuyệt diệt song lại có Thủy Hướng tuyệt diệt".

☐ *Muốn biết tọa huyệt cát hay hung, cần xem sự ra vào của Thủy Thần.*

Chọn huyệt cần lấy lưu Thủy làm chủ, lấy Hướng của Thủy làm chuyên, tuyệt đối không để Thủy xung với Tử Tuyệt Hưu Tù.

☐ *Nếu Thủy đến từ chỗ cát mà quy về nơi hung thì có ai biết cách tránh; nếu lưu Thủy đến từ nơi hung mà quy về chỗ cát, thì ai có thể biết cách cầu theo cát lợi ?*

Nguồn đến thuộc phương Sinh mà quy tụ về Vượng hoặc đến thuộc Vượng về thuộc Sinh thì gọi là đến từ cát mà về hung. Lao đến từ đất Tử Tuyệt mà từ Tử Tuyệt chảy đi, hoặc tới từ nơi Thai, Mộc mà rời nơi Tử, Tuyệt đều gọi là đến từ hung mà quy về cát. Cách tránh hung về cát thuộc về điểm huyệt, xác định Hướng của Thủy, Thủy thế tiêu nạp.

☐ *Nếu chỉ thiên về đối ứng chính tẻ mà bỏ mất Quan vị thì Quan Quý sẽ hóa thành Quỷ Sát.*

Nếu cục cách ngay ngắn, đối xứng tề chỉnh, song Thủy hướng không phù hợp khiến Sa sơn và Thủy lưu hãm vào Tử địa thì Quan Quý của Long sẽ biến thành Quỷ Sát khiến tài lộc lụn bại, gia nhân giảm thiểu.

Triều và Nghênh Thủy thần thay đổi chuyển dịch, xác định Thủy hướng khi được khi không, khiến cát và hung tự khu biệt. Long mạch, huyệt vị, Sa sơn, Thủy lưu vốn không phân cát, hung mà vẫn mang tới phú quý, bần tiện, phúc họa, đó là vì có Hướng vậy. Hướng có thể biến hung thành cát. Do vậy, nếu phương hướng của Long mạch có thể đổi thì nên đổi, không cần thay đổi Địa mạch, chuyển dịch huyệt vị.

☐ *Thần còn Quỷ mất, phúc đến mau chóng; hung sát, bức thân, bần tiện khó tránh. Cần quan sát khí Hưu Tù Vượng tướng.*

Dù nói gì thì nói, đoạn này vẫn có ý dùng Hướng để tránh sự hung họa. Tóm lại, nếu thu được một Hướng cát thì vạn sự hanh thông.

☐ *Tứ Thủy chào đón, phú quý song toàn, đáng theo thì theo; Thủy Hưu, Tù, Bối, Nghịch sinh họa, cần tránh thì tránh.*

Lập Hướng có lưu Thủy đến từ nơi Sinh Vượng thì phú quý tự nhiên tới; nếu chọn huyệt mà mất Thủy Sinh Vượng thì sinh họa.

☐ *Nếu Thủy xung phá Sinh thì họa đang kề cận, nếu Thủy xung phá Vượng thì suy vong tới gần.*

Đoạn này nói về cách theo cát tránh hung.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Cầu phú quý theo Quái Liệt, tổ tông theo nạp giáp.*

Quái Liệt là Càn, Khôn, Đinh, Canh, Giáp, Quý, Nhâm, Ất, Cấn, Bính, Tân. Tam Hợp dùng nạp giáp chỉ có cách lập Thủy hướng để tiêu trừ Thủy mới hợp với Tam Hợp. Tứ mộ Ất, Tân, Đinh, Quý là Thiên can Thủy cần lưu động cùng Long và Huyệt, không nên để Hướng đối diện với Khứ Thủy. Ất, Tân, Đinh, Quý phải chính đối với Khứ Thủy, hai bên trái phải tự nhiên có Sinh Vượng Thủy tới diệt trừ sát khí.

☐ *Dù Bát Sát Hoàng Tuyền có thể diệt trừ Ác tinh, song Quái Liệt đóng ở phương Sinh Vượng thì không như vậy. Dù Thủy Thần của Sinh huyệt đảo hướng sang trái mà huyệt diệt, song Thủy Thần của Vượng Long lại không hiềm từ trái đảo hướng qua phải, lúc này xu hướng gần phương Sinh Dưỡng. Do đó xác lập Thủy và Hướng có ứng nghiệm cát hung; mà nhận biết sơn mạch, tiêu trừ sát khí thì có ứng nghiệm mau chóng.*

Đoạn này bàn về việc xác lập Thủy hướng để xem Long có cát hay hung. Sa sơn, Thủy lưu không phân cát hung mà căn cứ vào Hướng để định, Hướng lại dựa vào Khí mạch cát hay hung để xác định. Khí tới mà phủ khắp là Thần khí, ngược lại là Quỷ khí. Quỷ khí và Thần khí vận hành không ngừng, sinh thành Âm Dương, cát hung họa phúc.

☐ *Tứ Sinh, Tam Hợp là thiên cơ huyền diệu.*

Xác định Long mạch, huyệt vị, phương hướng cần quan sát Thủy Khẩu. Phải có Tam Hợp Sinh Vượng, mà Kim, Mộc, Thủy, Hỏa tự hình thành, Thủy Khẩu ứng hợp cùng Mộ Khố lưu động.

☐ *Song Sơn, Ngũ Hành đều là bí quyết.*

Tràng Sinh Thủy quy về Đường Cục, đặt Mộ Tuyệt Thủy chảy đi là Song Sơn. Tứ cục hoàn chỉnh, phúc lộc cùng tới. Công vị ngay ngắn thì ất là nơi khí mạch viên mãn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TẠO VI PHÚ

☐ *Thái Cực phân mà Lưỡng Nghi hình thành, hai khí Âm Dương phân bố thì thuận nghịch hành.*

Ngọ Suy tại Mùi, Bệnh tại Thân, Tử tại Dậu, Táng tại Tuất, Tuất là phần mộ của Bính, cũng là gốc diệt của Dương Hỏa, gốc sinh của Âm Thủy. Bính dùng Ất cùng hội tụ vì Ất sinh tại Ngọ, Mộc Dục và Quan Đới Lâm Quan ở Thìn, Đế Vượng ở Mão.

Dần Suy tại Sửu, Bệnh tại Tý, Tử tại Hợi, Táng tại Tuất nên Tuất là phần mộ của Ất. Bính Ất gặp nhau thành Thư Hùng tụ hội.

Càn, Giáp, Đinh, Hợi, Mão, Mùi là sáu (6) cục Âm; Cấn, Bính, Tân, Dần, Ngọ, Tuất là sáu (6) cục Dương. 12 Long hướng Thủy pháp cùng một cửa ải.

Còn Tân phối hợp với Nhâm là cục Dương Kim, Nhâm phối Tân là Dương Thủy cục, 12 Long hướng Thủy pháp đều xuất phát tại Thìn. Canh phối Đinh là Dương Kim cục, Đinh phối Canh là Dương Hỏa cục, 12 Long hướng Thủy pháp xuất phát tại Sửu. Quý phối Giáp là Âm Thủy cục, Giáp phối Quý là Dương Mộc cục, 12 Long hướng Thủy pháp xuất phát tại dây.

Long mạch có 48 Long hợp Hướng và còn có 48 Long không hợp Hướng. Chỉ có Long mạch, mà Hướng không hợp thì cũng vô dụng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Ất, Tân, Đinh, Quý cần hợp với Giáp, Canh, Bính, Nhâm, Ất, Bính tới Tuất thì bị diệt.*

  Nếu gặp Âm Dương, lại không cùng một loại, gọi là Dương Sai.

  Nếu Long mạch Ất Mộc dùng khí Bính để cùng phối hợp thì là Âm Dương chính phối. Thủy lưu động tại Bính, Tuất thì cùng gặp. Nếu cùng Thủy Khẩu Canh Nhâm tương hợp thì không phải là chính phối, nên gọi là Dương Sai, chủ thương tổn tới nam nhân. Nếu Bính Hỏa Long dùng Ất khí để phối hợp thì đó là chính phối, mà Thủy xuất phát từ Tuất. Nếu phối hợp với Thủy Khẩu Quý Nhâm thì khác biệt về loại, gọi là Âm Sai, chủ tổn hại tới nữ nhân.

- *Thư Hùng cùng dưỡng cũng chỉ là miễn cưỡng ứng hợp; anh em một nhà dù suy yếu song lại hữu dụng.*

  Nếu Bính Ất cùng gặp, thì là Thư Hùng phối hợp; Bính phối với Bính, Ất phối với Ất là anh em một nhà, dù Lai Khứ suy nhược, song phú quý vẫn tới.

  Nếu Bính Long gặp Ất hướng, tiếp đến gặp Đinh Quý Thủy Khẩu xuất phát thì đây chính là Thư gặp Hùng. Dù có Sa Thủy cát cũng ít hữu dụng, dù là chính phối song phát phúc rất chậm. Chủ về việc hay đến muộn, con đầu lòng không tốt, con thứ mới phát đạt.

- *Nhị nữ đồng cư, thuần Âm không cùng phối hợp. Nhị nam đồng cư, thuần Dương không thể sinh sôi.*

  Âm Thủy Long phải có Dương Hỏa, nếu lại có Âm Thủy, Kim, Hỏa thì lại là Âm phối với Âm, hai nữ chung nhà chỉ thuần Âm thì không phát triển; Dương Hỏa Long cần có Âm Mộc, nếu lại gặp Dương Mộc, Kim, Thủy thì lại là Dương hợp phối với Dương, là hai nam cùng nhà, thuần Dương thì không sinh sôi.

- *Nếu Âm và Dương giao hội quá độ thì hại, mà giao hội không đủ thì yếu.*

  Nếu Long Âm Mộc gặp Dương Hỏa thì cần có Thủy chảy từ Dần tới Tuất. Song nó lại tới Hợi thì đây gọi là giao hội quá độ, chủ Sinh khí phát tán khiến tài lộc lụn bại, gặp phải tai họa, sinh ra hạng người tà ác. Còn nếu Thủy chảy qua Tuất lên tới Dậu, Thân, Mùi thì gọi là giao hội không đủ mà Thủy xung phá khí Sinh Vượng, chủ khắc vợ hại con, cuối đời lụn bại. Dù Sa và Thủy cát lợi, song phúc lộc không bền.

- *Thịnh Suy quan hệ với Hình Ứng.*

  Dương dùng Âm để ứng hợp, Âm dùng Dương để triều đối. Hình dùng Khí để phát, từ đây có thể thấy Long hướng có sinh phú quý hay không là đều nhờ vào Thủy Thần hợp với phép tắc mà cùng hợp.

  Long Dương mà Thủy Âm hoặc thủy Dương mà Long Âm, Âm Dương hội hợp thì Khí cảm mà Quỷ ứng, phúc họa bắt đầu sinh sôi. Nếu Huyệt thừa tiếp sinh khí thì Hình và Khí cùng ứng hợp. Âm Dương đã giao hội song không hợp Hướng thì là Hướng và Khí không cùng ứng mà suy bại; nếu Hướng tiếp nhận Sinh khí thì tốt.

  Đoạn này bàn về Long thừa tiếp Sinh khí để lập Hướng.

- *Tiến về bên trái là từ Tý tiến vào; mà sang phải thì từ Tý chuyển đi.*

  Đoạn này bàn về sự phân bố Sinh khí để biết thịnh suy, cách xác định huyệt để cầu phú quý. Nếu đã rõ Hướng thì sẽ rõ Thủy Thần có Sinh Vượng hay không. Vì vậy, Dương chuyển sang trái, bắt đầu đi từ Hợi, Tý, Sửu; Âm chuyển sang phải, bắt đầu tiến từ Tý, Hợi, Tuất.

- *Sinh Vượng tương hỗ, Huyền khiếu quán thông.*

  Nếu Ất Bính gặp Ất Mộc thì sinh thành Ngọ; Vượng Dần gặp Bính Hỏa thì sinh Dần; nơi Vượng Ngọ gặp Ất Mộc sinh thành, cũng là nơi Bính Hỏa. Ất cùng giao hội với Bính, vì thế mà nói Sinh Vượng tương hỗ. Bính Mộ tại Tuất cũng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tương đồng. Ất Mộ tại Tuất, đó là Huyền khiếu quán thông. Bính Mộc lấy Tuất làm Thủy Khẩu. Khi táng tại Mộc Long, Sinh khí tại Ngọ thì dùng Bính hướng, Sinh khí tại Dần Tuất sinh ra Thủy, chủ phát phú quý.

☐ *Chỉ cần đối ngẫu mà không cần huynh đệ.*

Ất, Bính, Đinh, Canh, Quý, Giáp, Tân, Nhâm đều cùng ứng hợp đối ngẫu mà thành. Nếu Ất Mộc Long gặp Giáp Mộc hướng, tân Kim Long gặp Canh Kim hướng... thì Giáp Ất Canh tân đều là huynh đệ đồng khí, dù là Âm gặp Dương, cũng không tốt.

☐ *Thiên Quan là nguồn khởi phát của tài lộc, Địa Trục khiến gia nhân đông đúc.*

Nơi Thủy Thần bắt nguồn gọi là Thiên Quan; nơi Thủy Thần phát lưu là Địa Trục. nếu Thủy chảy đến dài thì tài lộc phong phú; Thủy chảy đi hợp phép tắc mà quy tụ về Suy Mộ thì gia nhân đông đúc.

☐ *Long mạch và Thủy giao hội khiến Âm Dương gặp nhau.*

Nếu Sinh Vượng Thủy tới được Minh Đường thì Sinh Thủy khiến gia nhân đầy nhà, Vượng Thủy khiến tài lộc sung túc.

Âm Dương bối nghịch, Hướng khó thu nạp thì tài lộc hao tán, gia nhân giảm thiểu, do vậy cần xác lập Huyền Không Ngũ Hành cùng Tiến Thoái để trừ họa. Chọn Sinh nhập Khắc nhập là cát. Sinh xuất Khắc xuất là hung. Nếu Lai Thủy hợp phép tắc thì phú quý trường tồn; nếu Khứ Thủy hợp phép tắc thì gia nhân đông đúc.

☐ *Ngũ Hành kỳ thực không có liên hệ gì với Long, chỉ cần quan sát Thủy lộ (đường thủy) là biết rõ cát hung họa phúc.*

Ngũ Hành không liên hệ với Long mà chỉ dùng trong việc lập huyệt, lập Hướng và xác định Lai, Khứ Thủy để tìm Sinh và Khắc.

☐ *Quay về tự thân, bao bọc tự thân là Quan là Phụ.*

Khắc nhập là Quan, Sinh nhập là Phụ. Phàm Ngũ Hành vận hành khí cần chọn tương sinh mà kỵ tương khắc. Ở đây lại chọn Khắc nhập là vì Thủy từ nơi khác tới cùng hội hợp với bản Long.

Nếu Long tinh mà chuyên nhất thì khi Sinh xuất Khắc xuất nó sẽ vận động. Thủy lưu động, thẳng tắp khi Sinh nhập Khắc nhập thì dừng lại.

THIÊN CƠ PHÚ

☐ *Muốn tìm kiếm Long mạch, trước hết phải quan sát sự thịnh suy của Long mạch, sau đó xem xét cát hung của Hướng Thủy, thứ đến nhận biết tình hình chiếu ứng phối hợp của Âm Dương.*

Thuận thế và nghịch thế tự có tình trạng Âm Dương vận hành riêng, nó dùng để quan sát Sinh Vượng và Hưu Tù. Phương pháp đón nhận cát lợi đều dùng Hướng để tiêu nạp. Nếu Thủy ở phương Sinh thì dùng Hướng để dẫn dụ nó. Nếu Thủy ở phương Vượng thì dùng Hướng mà chào mời nó.

☐ *Sinh Vượng Mộ cùng hợp thì Công vị lập tức phân thành 12 cung phối hợp Ngũ Hành, sau đó mới xác định được Tham Lang, Vũ Khúc, Phá Quân.*

Tràng Sinh là Tham Lang, Quan Vượng là Vũ Khúc, Mộ Khố là Phá Quân, đều hợp với ba (3) Công vị Mạnh, Trọng, Quý để phân biệt.

☐ *Gia nhân thì xem Tràng Sinh, tài lộc căn cứ Quan Vượng. Nếu Sinh Thủy tới Đường Cục thì gia nhân đầy nhà, mà Vượng Thủy quy tụ tại Đường Cục thì tài lộc dồi dào. Nếu muốn phú*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

quý thì bỏ Vượng, nếu muốn con cháu đầy nhà thì bỏ Sinh.

Phương pháp xác định Thủy Khẩu, trước tiên phải lấy Thủy Khẩu làm chủ, sau mới xem Lai Thủy thuộc Sinh hay Vượng. Cách này không dùng địa mạch mà căn cứ vào lai, Khứ Thủy cùng Hướng Bối để xác định và chọn huyệt. Song nếu có Địa mạch cát mà Hướng không hợp Thủy thì không thể phát phú quý.

☐ *Nếu Phá Quân xâm phạm Đế Vượng thì bần hàn cơ cực; Thiên Cương khắc Tham Lang vị thì tuyệt hậu.*

Nếu Thủy ở phương Mộ nghịch lưu tới Đường Cục xung phá Quan Vượng thì chủ bần tiện, xung phá Tràng Sinh thì phú quý suy bại; nếu Vượng nghênh đón Sinh thì phú quý song toàn.

☐ *Khi chưa thoát Thai mà đã chết yểu, thường là vì Thai Thần bị xung phá; vừa xuất hiện mà đã chết, là vì Sinh khí bị phá. Nếu Tham Lang xung khắc Thiên Cương thì sống lâu trăm tuổi, mà Phá Sát xung khắc Sinh khí thì đại hung.*

Thủy của Sinh đến Đường Cục, tới thẳng Mộ Khố rồi mới thong thả rời đi thì chủ con cháu được hưởng phúc thọ; nếu Mộ Sát Thủy tới xung phá Sinh Vượng khí thì con cháu yểu chiết.

☐ *Nếu Sinh khí bị tổn thương thì dù có con cháu cũng chỉ biết mẹ mà không rõ cha nó là ai; nếu Vượng Thần rơi vào phương Mộc Dục thì dù ở chức vị cao cũng là kẻ hạ tiện.*

Nếu Tý Ngọ Mão Dậu Thủy ở trong Long hướng Mộc Dục tới phương Sinh mới rời đi thì con cháu loạn luân; nếu Long hướng Mộc Dục tới phương Vượng mới đi thì dù giàu sang tới đâu, thanh danh cũng bị ô nhục. Nếu Dương Sai thì khắc phu mà Âm Thố thì khắc thê.

Nếu Thư Hùng nửa đường kết hợp thì về già mới hưởng phú quý.

☐ *Ba phương vị Sinh Vượng Mộ phối hợp với Mạnh Trọng Quý dùng để luận đoán cát hung.*

Sinh Thủy tới trước, thì trưởng nam phát đạt trước. Vượng Thủy tới trước thì thứ nam vinh hiển trước. Ngoài ra Sinh Thủy khiến con cháu phát trước mà Vượng Thủy khiến tài lộc phát trước, đây là ứng hợp hoãn cấp (mau chậm), tiền hậu (trước sau).

Mạnh vị đóng ở Tham lang, Sinh Dưỡng tương đồng với Thai, Mộc; Trọng cư tại Vũ Khúc, Quan Lâm và Suy Vượng giống nhau; Quý thuộc Phá Quân Hưu Phế, Mộ Sát.

Nếu Sinh Thủy xuyên tới Thiên Cương thì trưởng nam vinh hiển; Vượng Thần quy tụ nơi Mộ địa thì con thứ phát đạt.

☐ *Nếu Sinh Vượng cùng quy tụ thì cát lợi cả về tài lộc lẫn con cháu. Nếu đến từ phương Lục Tú thì sang quý mà từ phương Bát Diệu xung phá tới thì đại hung.*

Nếu Bát Diệu, Quan Sát, Hãm Trì, Quân Tặc Thủy lưu động mà tới thì đại hung.

☐ *Long mạch cần quan sát nơi nó nhập thủ. Với Thủy cần xem tình ý của nó. Tại Thiên Can vị, cần đề phòng Thủy tới xung phá; tại vị trí Địa Chi thì đừng để Thủy quy tụ. Do đó, Tiểu Xích Văn đến thì thiếu nam hưởng phúc, Trung Xích Văn đến thì thứ nam hưởng phúc; Tứ Trụ có tình ý thì trưởng nam hiển đạt.*

Ất Tân Đinh Quý là Tiểu Xích Văn; Giáp Canh Bính Nhâm là Trung Xích Văn; Cấn Khôn Cấn Tốn là Tứ Trụ cũng là Đại Xích Văn. Nếu là Dần Thân Tỵ Hợi thì trưởng nam nghèo hèn; Tý Ngọ Mão Dậu thứ nam lụn bại; Thìn Tuất Sửu Mùi thiếu nam chịu nhiều tai họa.

☐ *Nếu Canh, Thân tới Đường thì quý; Bính, Nhâm đến cục thì hiển đạt. Tuổi còn nhỏ mà bảng vàng đề tên thì ắt là Thủy đến từ Dần, Giáp; chức vị lên tột đỉnh là do Thủy triều nghênh (chào đón) Canh, Tân.*

Dần Giáp chủ bệnh tật. Khôn, Thân chủ cô độc ở đây là quý hiếm vì có được Sinh Vượng.

☐ *Hợi Nhâm là chức ngoại nhậm, Ất Bính là chức nội ứng; Dậu Tốn sinh con gái xinh đẹp, Chấn*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Canh sinh con trai văn võ song toàn. Nếu Cấn Tốn cùng phối hợp với Bính, Tân thì con cháu đời đời vinh hiển; Hợi Dần Giáp Tốn canh cùng liên tiếp ứng phối, đời đời chấp chưởng quyền uy.

Nguyên Thần Thủy tới Đường thì công danh phú quý trường tồn; Viên Tinh tiến vào Đường Cục thì lập nghiệp vương, bá.

Nếu Nguyên Thần Thủy theo Long, uốn lượn đến Đường hội hợp thì phú quý bền lâu. Viên Tinh chính là Sinh Vượng Thủy, nếu tiến vào Đường Cục thì lập vương nghiệp.

- *Chấn Canh triều nghênh thì xuất hiện anh hùng; Ất Bính tới thì phú gia địch quốc.*

Chấn Canh chủ uy quyền; Ất Bính chủ tài lộc.

- *Mão Dậu Thủy vốn khắc tà dâm, nếu nó dài xa, thì nữ nhân hiền lương; Tý Ngọ gọi Quân Tặc tới, nếu nó rộng lớn thì hợp với quan võ.*

Đoạn này bàn về Sinh Vượng Thủy. Nếu không phải Sinh Vượng Thủy thì ắt là kỹ nữ, trộm cướp.

- *Ất, Thìn tới thì tự vẫn nơi sông nước; Bính Đinh tới thì trường thọ; Xích Văn mang theo Đào Hoa thì khó giữ thanh danh khỏi bị ô nhục; Lục Tú gặp Diệu Khí thì thiếu niên khó tránh trộm cướp, xâm phạm Hoàng tuyền thì yểu chiết.*

Đoạn này bàn về Thủy ứng hợp tại phương Hưu Tù.

- *Tứ Khố Thủy lưu thông sức tích, sẽ khiến nữ nhân góa bụa; song nếu Tứ Khố Thủy tích tụ ngoài Đường Cục mà không bị xung phá thì nữ nhân chủ lo việc nhà. Dần Thân Tỵ Hợi Thủy tới thì chịu nạn, khó sinh nở. Tuất Càn Thìn Đoài Thủy tới Đường Cục thì bị bệnh điên, mù hoặc câm. Dần Thân Thủy tới thì khó thoát tai ương bệnh tật; Lâu, Cang song song tới thì đề phòng có người cầm dao kề cổ. nếu Dần Long Ngọ Tuất Thủy cùng tụ hợp với Ất Thìn thì sinh ra Hỏa Dần.*

Lâu, Cang, Thìn, Tuất là chỉ phương vị của Thủy, nếu có được Sinh Vượng thì cát, Hưu Tù thì hung.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRỤC CÁT PHÚ

- *Phú quý vinh hoa hình thành ở nơi sơn thủy tụ hội giao kết. Do vậy, Long mạch tới nhập cục, tất có sự khác biệt về dục và trong; mà các Sa tụ hội cũng có ứng nghiệm về cát hung.*

Đoạn này bàn về việc tìm kiếm Long mạch và xác lập huyệt vị cần quan sát cát hung của Sa Thủy.

- *Long tại dất Tứ Duy hay Lục Tú, nếu lấy Long nhọn, cao vút thì phát quý; nếu thấp tròn thì phát phú.*

Tứ Duy là trước sau trái phải, chúng cần phải đưa đón, bao bọc, hộ vệ sơn mạch, không nên nghiêng lệch nham nhở. Nhọn cao chủ quý, tròn thấp chủ phú.

- *Nếu Mã hãm Lộc không thì danh lợi hư ảo.*

Cấn, Bính khiếm khuyết thì Lộc Sơn hư không; Càn, Ngọ khuyết thì Thiên Mã hãm lạc.

- *Nếu hai sơn Thiên Thái không cao vút sừng sững thì không quý hiển; Tồn Nguyên, Quan Quý lạc hãm thì dù tài học hơn người cũng vô dụng, thi không đỗ.*

Tốn, Tân là Thiên Ất, Thái Ất, nếu ứng chiếu thì chủ bần hàn. Tồn Nguyên là chỉ Bát Quái, nạp giáp; Quan Quý chỉ Giáp Long gặp Tân, nơi này khuyết hãm, chủ có học bất thành danh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Cấn Long được Bính, Đoài Long được Đinh, Chấn Long đắc Can, Tốn Long đắc Tân. Nếu có được bốn (4) sơn này thúc đẩy Sinh Khí của Lục Tú thì chủ công danh thành đạt.*

Hai Long mạch Tốn, Hợi nếu có hai sơn cao vút Chấn, Canh tương ứng thì chủ về nắm binh quyền, có thực quyền, còn các Long mạch khác, nếu có được hai sơn Chấn, Canh ứng hợp, thì có thể phát về binh nghiệp, song nếu gặp Diệu Sát tinh thì thây phơi chiến địa.

Chấn, Canh hai sơn chủ binh nghiệp, nếu cao vút thanh tú thì Khảm Long sẽ kết Trạch cục tại Nam Ly.

Nếu Khôn Mẫu sơn cao sừng sững, thì có thể có tên trên bảng vàng. Nhưng Long mạch phải hợp với Sinh Khí của bổn sơn, như vậy Sát Diệu sẽ hóa thành Văn Diệu.

Bính, Ngọ, Đinh sơn đẹp đẽ thì sẽ độc chiếm khôi nguyên, vang danh khoa cử.

☐ *Khi ở phương vị Sinh Vượng, các cao phong Hoàng Tuyền, Bát Sát hóa cát thành Quyền, Văn thì phú quý song toàn; nếu Long mạch thấp, Sa sơn phân tán, phương vị tại Hưu Tù, thì tai họa giáng xuống. Cát lấy cát ứng hợp, hung dùng hung ứng hợp.*

Nếu Khố Quỳ sơn vuông vức to lớn ở vị trí Cấn, Bính, thì trong nhà ắt có vạn quan tiền, phú gia địch quốc. Nếu Nga My sơn thanh tú uyển chuyển ở cung Tốn, thì chủ mỹ nữ có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Nhưng phải là ở phương Sinh Vượng. Nếu ở phương Hưu, Tù, ắt khó tránh tà ác, dâm đãng.

☐ *Hình sơn như rùa hạc, dàn kiếm, nếu có được Tam Cát, sẽ xuất hiện bậc văn nhã. Tại vị trí Sửu, Mùi, Khôn, Thân, chủ sản sinh bậc thánh nhân tiên phong đạo cốt.*

Nếu Ất, Chấn giao nhau tại Thủy lộ, khó tránh tai ách. Nếu Bát điệu trùng trùng điệp điệp chạy qua Đao sa, ắt khó thoát mưu sát, hình phạt. Nếu Mộc Biều sa, Mạnh Bát sa ở vị trí Khôn Thân, ắt sản sinh tăng lữ, ni cô hoặc khất cái.

Mộc Biều sa là sơn có hình cái gáo, cái muôi, Mạnh Bát sa là sơn có hình cái bát, cái chén, đều không nên xuất hiện ở phương vị Hưu, Tù, Bại, Lạc trên bổn Long. Dù chúng xuất hiện ở phương vị cát tường, cũng không mấy tốt đẹp.

☐ *Nếu Tỷ, Ngọ, Dần, Thân gặp Hồ Lô sa, ắt sẽ bị cố tật hoặc ác bệnh.*

Hồ Lô sa là sơn mạch hai đầu phình ra, phần giữa lõm vào. Nếu có một sơn phong cô độc nhô cao ở cung Ly (phương Nam), chỉ e tai họa về tài lộc hoặc bị mù.

☐ *Phương pháp quan sát địa lý phong thủy cũng như xem tướng người. Người đoan trang, tề chỉnh, đứng đắn, ngay thẳng, phúc hậu, uyển chuyển, trung tín, lễ độ, dường dường chính chính mới là quý nhân. Còn kẻ tà ác, nham hiểm, gian trá, biến dổi thất thường, gian dâm, nghiêng đầu vẹo cổ ắt là hung hiểm.*

Sinh khí của địa mạch là phù hiệu của tự nhiên thiên địa. Đó là chân lý vĩnh hằng. Nhìn địa mạch, có thể biết tính cách của chủ nhân ở đó. Biết quá khứ, có thể dự báo tương lai.

Quan sát hình dạng địa mạch, có thể tiến tới dự đoán tính nết, phẩm hạnh của đời con đời cháu chủ nhân. Nếu Long mạch thanh tú, sa sơn vuông vức, thì đời con cháu ắt quang minh chính đại; còn nếu Long sa nghiêng lệch, xiêu vẹo thì con cháu nhất định âm hiểm gian trá, dâm tà hung ác. Thiết tưởng muốn biết sự tình và mạng vận trong tương lai, cứ xem hình mạo Long mạch, sa sơn của mộ tổ là có thể kiểm chứng cát hung họa phúc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 8

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Thức Ung

TUYẾT TÂM PHÚ

BỐC TẮC NGUY

☐ *Hai khí Âm Dương vận hành trong trời đất là một đạo lý không được vi phạm.*

Nhẹ mà thanh gọi là Thiên, nặng mà trọc gọi là Địa, tĩnh là Sơn, động là Thủy, đều là kết quả vận hành của hai khí Âm Dương. Nhưng Âm Dương tuy chia thành hai khí, mà thực ra vốn chung một lý. Ấy là trong Âm có Dương hoặc trong Dương có Âm.

☐ *Chân khí phải quan sát khi xúc kết, mà đạo lý phải hiểu đến mức tinh diệu.*

Sơn với Sơn giao kết, Thủy với Thủy giao hội, phong khí được ẩn tàng thì gọi là thuyết "Xúc kết".

Phàm Chân Khí có trong thân người, người có trăm xương chín khiếu. Phàm Chân Hình có trong trời đất, trời đất có vạn thủy ngàn sơn. Chúng đều từ gốc mà ra, hoặc ẩn hoặc lộ, có tông có tổ, chủ can tương đồng mà phân chia đa biến. Có cái hiển lộ dễ thấy, có cái ẩn tàng khó thấy. Chỉ cần quan sát nguyên nhân ẩn hiện của Long mạch phía sau thì dù có sự tương đồng hay dị biệt về căn bản, có sự ẩn lộ cũng không qua được mắt người.

☐ *Thai, Tức, Dưỡng, Dục là sự biến hóa vô cùng của thần linh.*

Phàm Sơn ở nơi bắt đầu phân mạch gọi là Thai, nơi phục xuống là Tức, nơi nhập thủ thành hình là Dưỡng, nơi nhập huyệt khẩu là Dục.

☐ *Cơ là thiên cơ vận hành liên tục.*

Đây là nói Mộc Sinh tại Hợi, Vượng tại Mão, Hưu Tù tại Ngọ Mùi, và Âm Mộc Sinh tại Ngọ, Vượng tại Dần, Hưu Tù tại Tý Hợi. Các hiện tượng vận hành như thế của Hình, Khí là liên tục vô tận, không khi nào dừng.

☐ *Địa linh mà nhân kiệt, đều tùy Chân Khí biến hóa mà nên vạn hình.*

Chân Khí biến hóa sinh ra các nhân vật, phàm phú quý, bần tiện, thọ yểu, hiền ngu, thiện ác... của con người đều tùy thuộc Khí sinh ra Hình.

☐ *Ai bảo điều vi diệu khó làm cho người ta minh bạch? Ai bảo điều mơ hồ không thể khiến người ta tin tưởng?*

Đạo lý Âm Dương tuy vi diệu, nhưng căn cứ Hình có thực mà quan sát Khí hư vô, căn cứ tình huống có thực mà quan sát đạo lý, cũng có thể dự đoán mà thông hiểu. Ngay cả những điều rõ ràng vẫn có người chưa chịu tin.

☐ *Mai táng người chết phải dựa vào Sinh khí.*

Nghiên cứu lai lịch của Chân Long mạch lạc, quan sát nơi tận cùng và tụ hợp của

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hình thế Chân Long, có Thủy lưu làm ranh giới, không bị gió thổi tán thoát, gọi là sự tụ hội của Sinh khí.

☐ *Tìm đất quý chủ yếu căn cứ vào Long mạch chạy đến.*

Xem phong thủy phải chú ý trước hết đến Long. Long luôn luôn biến hóa, mạch có ẩn, hiện. Có Long từ trung gian tới, có Long từ hai bên tới, muôn hình vạn trạng rất khó nói hết, cho nên phải tùy vào Long vận hành mà phân biệt mạch lạc, nơi Long tụ kết thì cấm Trạch huyệt.

☐ *Huyệt vị cuối cùng tụ dừng ở ba nơi.*

Sơn thế phủ phục nhất định đỉnh núi cao mà tròn, mặt trên tụ tập mà mặt dưới phân tán, huyệt vị phần lớn nằm ở trên đỉnh núi, nên gọi là Thiên huyệt.

Sơn thế ngẩng cao nhất định đỉnh núi thấp mà rộng, phần dưới tụ tập mà phần trên phân tán, huyệt vị đa phần nằm ở chân núi, nên gọi là Địa huyệt.

Sơn thế không phủ phục, không ngẩng cao, nhất định đỉnh núi không tròn cũng không nhọn, thì phần giữa tụ kết mà phần trên phần dưới đều phân tán, nên gọi là Nhân huyệt.

Đấy là ba nơi tụ dừng, khi tìm phải tùy chỗ khí mạch tụ kết mà cấm huyệt.

☐ *Sơn thế cũng chia ra Bát quái.*

Hai mươi bốn (24) loại hình sơn, trong đó Âm Dương biến hóa không nằm ngoài sự chi phối của Bát quái.

☐ *Mắt người là công cụ tốt nhất để quan sát sự huyền diệu của địa lý phong thủy.*

Quan sát địa lý phong thủy, không gì sánh được với mắt người. Nếu không thấy được nơi Sinh khí tụ, tồn tại, không thấy rõ hình thế, thì làm sao đạt tới chỗ huyền diệu, tinh vi !

☐ *Đạo lý Âm Dương thuận nghịch khó tường.*

Bốn chữ Âm Dương thuận nghịch bao hàm nhiều khía cạnh. Nếu nói về hình thế của Sơn, thì lũng cao là Dương mà đất bằng là Âm. Nơi kết huyệt nhô lên là Dương mà lõm xuống là Âm; cao mà chúi xuống là Dương, thấp mà ngẩng lên là Âm. Nếu nói về sự phối hợp sơn thủy, thì sự tĩnh dừng của Sơn là Âm, sự lưu động của Thủy là Dương; Sơn thế tùy Thủy lưu mà xuống gọi là thuận, ngược Thủy lưu mà lên gọi là nghịch. Nếu nói về Táng pháp, thì có Dương Long Âm huyệt, Âm Long Dương huyệt, thuận đến nghịch tiếp, nghịch đến thuận tiếp. Nếu nói đến Âm Dương của Lý khí, cũng có nhiều loại, có Tĩnh Âm, Tĩnh Dương, quan sát tiết sau của Long mà quyết định. Nói đến Âm Dương của Quái khí, là nói đến việc nạp giáp, thuận mà quay sang tả là Dương, nghịch mà chuyển sang hữu là Âm. Có Âm Dương của Ngũ Hành Sinh Vượng, như Dương Mộc sinh ở Hợi mà đi thuận; Âm Mộc sinh ở Ngọ mà đi nghịch... Nếu nói đến chính Âm Dương, thì Tý Dương mà Sửu Âm, Kiền Dương mà Khôn Âm, Giáp Dương mà Ất Âm v.v..., đều là Âm Dương thuận nghịch của Lý khí. Thể và Dụng khác nhau, cũng có nhiều nghĩa, nên bảo là khó tường.

☐ *Tình trạng của quỷ thần cũng khó thấy.*

Sơn thủy kỳ diệu đẹp đẽ, Chân khí cát lợi tụ ở trong cục gọi là Thần. Sơn thủy xấu xí, mà Khí hung ác gọi là Quỷ. "Kinh Thư" viết : "Nghênh thần tỵ quỷ" nghĩa là nghênh tiếp Thần mà né tránh Quỷ.

☐ *Bát quái bố cục tám phương và bốn thế.*

Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Khảm, Ly, Chấn, Đoài, gọi là bốn thế, vì chúng cư ở giữa thiên địa, thế chính trong tám phương. Kiền, Khôn, Cấn, Tốn là Tứ Duy, vì chúng cư ở bốn giới hạn, có quan hệ với kinh vĩ bát phương.

☐ *Có khứ có lai, có động có tĩnh.*

Long mạch từ Tổ sơn phát xuất rất nhiều phân chi, có cái trở lại hộ vệ cho Cán Long, có cái chạy đi kết viên đường khác, mỗi cái lai hoặc khứ có sự kết tạo riêng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sơn vốn là tĩnh vật, hình thế của nó nhấp nhô mà đến, là trong tĩnh có động. Thủy vốn là vật thể lưu động, hình thế của nó hàm súc ngưng tụ, là trong động có tĩnh.

☐ *Núi từ xa chạy đến, là Tổ tông sơn sinh ra Tử tôn sơn.*

Phàm Tổ tông sơn đẻ ra các chi lưu từ xa chạy tới, gặp Thủy lưu thì dừng lại, ắt hình thành huyệt vị.

☐ *Vào trong Sơn phải tìm Thủy Khẩu.*

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là bốn Thủy Khẩu, phàm khi tiến vào núi, nhất định phải xem Thủy Khẩu ở hướng nào. Nếu ở vị trí Thìn, thì phải tìm cục thế sáu (6) Dương Long Thân, Tý, Thìn, Khôn, Nhâm, Ất hoặc sáu (6) Âm Long Tỵ, Dậu, Sửu, Tốn, Canh, Quý, mới có thể kết huyệt. Nếu không, dù có Sa, Thủy đẹp, cũng chẳng thể kết huyệt. Đây cũng chính là câu Dương công nói :

> "Trước hết phải xem Kim Long động hay bất động".

☐ *Leo lên cục vị thì phải quan sát Minh Đường.*

Bất kể Đông Tây Nam Bắc, đều có thể lập hướng cấm huyệt. Nếu Thủy lưu ở vị trí Thìn, thì tương đối thích hợp với Âm Kim, cho nên không câu nệ sáu hướng Âm Tốn, Canh, Quý, Tỵ, Dậu, Sửu, vẫn có thể cấm huyệt. Song nhất thiết phải quan sát xem Minh Đường có vuông vức, bằng phẳng, triều đối hay không.

☐ *Sơn và Thủy đều hội tụ linh khí của tinh tú, khách và chủ phải có tình.*

Khách là chỉ Triều sơn, chủ là chỉ Lai Long. Ở đây ngụ ý quan hệ giữa chủ và khách quý ở chỗ có tình với nhau.

☐ *Long mạch từ lầu xuống điện, từ xa ngàn dặm lặn lội chạy đến, khi tìm Long, tìm Tổ tông sơn không được bỏ dở giữa chừng.*

Long mạch có Tông sơn, Tổ sơn. Chúng nhô lên thành đỉnh núi lớn, cao mà nhọn gọi là lầu, cao mà bằng phẳng gọi là điện.

Long mạch vận động, vận hành nhấp nhô lên xuống, phân chi bố cục trong vòng trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm. Chỗ cuối của Long mạch, chân khí kết tụ, không phải là dễ thấy. Thuật sư phong thủy ắt phải có đôi chân khỏe để lần theo từ Tổ tông sơn đến nơi Long mạch nhập huyệt, hoặc từ huyệt lần về nơi khởi tổ, quan sát rõ sự phân hợp của Thủy lưu, sự khởi dừng của sơn mạch. Long mạch hoặc mới lạc huyệt, hoặc sắp lạc huyệt, hoặc đã lạc huyệt đều có định cục, nhất định phải nghiên cứu sự khởi dừng của Long mạch mới biết huyệt chân giả. Nếu ngại đi mỏi chân, bỏ dở giữa chừng thì không xong.

☐ *Nếu Tổ tông sơn nhô lên cao sừng sững, thì con cháu đại phú đại quý.*

Tổ tông sơn nhô cao nguy nga, các chi lưu con cháu sinh ra nhất định tú lệ.

☐ *Khách với chủ cúi chào nhau, nhất định có tình ý tương hợp.*

Chủ sơn Huyền Vũ với khách sơn Chu Tước đối diện với nhau.

☐ *Hữu biên cúi thấp, tả biên phủ phục, thần tinh mạnh mẽ bội phần.*

Tả biên là Thanh Long, hữu biên là Bạch Hổ, đều phải thu nhận, mềm mỏng, thư thái, phủ phục.

☐ *Tiền diện tương hỗ, hậu diện tương ứng, khí thế hùng tráng.*

Triều sơn và Án sơn trùng điệp đằng trước, Nhạc chướng (đỉnh núi) lớp lớp hộ tùng ở đằng sau, tiền hô hậu ứng, khí thế sẽ vô cùng hùng tráng.

☐ *Nếu phân biệt sơn mạch, có sự đồng cán khác chi.*

Cán chi của Long mạch giống như thân cây mọc cành, có đại cán, đại chi, tiểu chi. Nếu chủ cán dài thì khí lực thịnh vượng, nếu phân chi ngắn, thì khí lực nhỏ yếu. Họ Đổng từng nói :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Cán (thân cây) tuy giống nhau mà khi phân Chi (mọc cành) lại có chỗ khác nhau".

Huyệt vị có loại kết ở Sơ Long, có loại kết ở Trung Long, có loại kết ở Tận Long. Có Long chủ cán kết cục mà lấy Long phân chi làm hộ tống. Có Long phân chi kết cục mà lấy Long chủ cán làm hộ tống. Có Long mạch tự bản thân phát xuất mà hình thành Long sơn, Hổ sơn, Triều sơn, Án sơn. Có phân chi Long từ ngoài phát xuất mà thành La thành phối hợp. Giống nhau và khác nhau cũng có đủ kiểu, cần phân biệt cho rõ.

☐ *Nếu nói về Thủy pháp, có Tam thoa, Cửu khúc.*

Thoa là giao thoa, khúc là uốn lượn. Tam thoa nghĩa là ở hai bên tả hữu trước huyệt có ba dòng Thủy lưu hội hợp ở Minh Đường; Cửu khúc là nó có Thủy uốn lượn chảy vào Minh Đường.

Thầy bốc quẻ nói cát lợi, thì nơi đó ẩn tàng cát địa. Địa trạch cát lợi là do Thần cai quản, người tích thiện sẽ được trời ban. Cho nên công hầu khanh tướng, phú quý vinh hoa đều xuất hiện ở Địa trạch cát lợi. Cần hiểu hình thế phân hợp. Có Đại phân hợp và Tiểu phân hợp.

☐ *Phải quan sát tình ý.*

Sơn thủy quay lưng hay hướng mặt vào nhau giống như tình ý giữa hai người. Hướng mặt vào nhau là có tình nghĩa, quay lưng vào nhau là không có tình nghĩa.

☐ *Nếu ly tán thì loạn, nếu tụ hợp thì sẽ kề bên nhau.*

Tán là chỉ sơn thủy phân ly, hợp là chỉ sơn thủy tụ hợp.

☐ *Quần lấy phân mà loại lấy tụ.*

Hình thế của sơn thủy tuy cùng xuất phát từ một gốc (căn bản), nhưng giữa chúng phân ra chi, phái khác nhau, có cái hướng Nam, có cái hướng Bắc, tán loạn mà không nhìn nhau, cuối cùng có cái hộ tòng nghênh tống, có cái yểm hộ, có cái là Long sơn, Hổ sơn, Triều sơn, Án sơn; tụ với nhau hoặc nghênh tiếp nhau, sẽ gặp tại Minh Đường.

☐ *Do vậy, phải quan sát kỹ sự tiềm ẩn của Long mạch.*

Sự vận hành của Chân Long thường ẩn giấu tông tích, không lộ liễu, dù ở chốn núi cao hay chốn bình dương; ở nơi đất bằng càng tiềm ẩn kỹ hơn, nếu không chăm chú quan sát, e khó nhận biết.

☐ *Phải biết rõ mạch đến, mạch dừng hẳn.*

Mạch xộc đến như lang sói, như hổ đói vồ mồi là mạch đến. Hoa trong cỏ lộ ở phần đuôi, mà hương vị của hoa tập trung ở tâm hoa, thì đó là mạch đã dừng hẳn.

☐ *Nơi các dinh núi tụ lại, Thủy lưu chảy chếch là hung hiểm.*

Sơn thế quý ở chỗ đoàn tụ, Thủy thế quý ở chỗ uốn quanh. Nếu ở nơi núi quần tụ, mà Thủy chảy xéo đi là bất cát lợi.

☐ *Nơi Thủy lưu uốn lượn có hình thế Sơn tán loạn, gọi là vô tình.*

Dù Thủy lưu uốn lượn, nhưng thế núi tán loạn, cuối cùng cũng chỉ được coi là vô tình, không có tình nghĩa.

☐ *Tìm cát huyệt giữa vùng hung địa, khác gì leo cây bắt cá. Việc khó như vậy mà làm được, tức là đã nắm vững cái hay của Đảo Trượng pháp.*

Trước hết phải nắm được tượng sao, khí mạch là Sinh hay Tử, gấp gáp hay thư thả, mạnh hay yếu, thuận hay nghịch. Sau đó xem nơi nhập thủ thế nào, sự nghênh tiếp ra sao. Mạch chính diện lấy thế xiên chéo, mạch xiên chéo chọn thế chính diện, mạch thô lấy thế non trẻ, mạch tán chọn thế tụ, mạch thư thả lấy chỗ đối chọi, mạch gấp gáp chọn chỗ thư thả, song mạch chọn cái ngắn, đơn mạch chọn chỗ nhô, mạch thẳng lấy chỗ cong, mạch cong chọn chỗ thẳng, chỗ cao không bị gió thổi, chỗ thấp không bị đứt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mạch, Âm lai Dương thụ, Dương lai Âm thụ. Khi tạo huyệt, hoặc bỏ Tử chọn Sinh, hoặc bỏ thô lấy non trẻ, hoặc bỏ tối lấy sáng, hoặc bỏ sáng lấy tối, bên trong nhờ Sinh khí, bên ngoài nhờ Đường khí. trong ngoài phù hợp mới là Chân huyệt. Chỉ cần một điểm không thuận đã thành giả huyệt. Đó là bí quyết dựa vào Sinh khí hoặc gọi là Đảo Tượng pháp. Đảo Tượng pháp có thuận tượng, nghịch tượng, khai tượng, xuyên tượng, ly tượng, một tượng, đối tượng, tiệt tượng, thuần tượng, phạm tượng v.v..., rất huyền diệu.

☐ *Phải nắm được bí quyết phong thủy mới phân biệt chân giả. Bí quyết đó là quan sát kỹ Bát quốc và Ngũ tinh.*

Bát quốc đây chỉ tám hướng. Ngũ tinh là năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. "Ngũ tinh ca" có câu :

> "Mộc thẳng, Kim cong, Thổ nằm ngang,
> Hỏa nhọn hướng Nam, Thủy ngoằn ngoèo rắn bò".

☐ *Tinh tú lấy sự chuyển biến không ngừng làm quý.*

Tinh tú là chỉ tinh phong trên thân của Long mạch, chuyển biến là chỉ sự biến hóa. Họ Lưu viết :

> "Phàm chọn đất cát lợi, trước hết phải quan sát Long đến. Cách quan sát Long đều là nhìn một ngọn sơn phong tú lệ có tinh, hoặc chọn một đỉnh núi cao sau khi quá mạch; hoặc chọn một đỉnh núi cao sau khi quá mạch lại vút lên cao. Các sơn phong muôn hình vạn trạng, nhưng đều có hình Ngũ tinh (năm ngôi sao). Ngũ tinh biến hóa thành Cửu tinh. "Long Tủy Kinh" và "Hám Long Kinh" đã nói đến sự biến hóa này. Sự biến hóa ấy rất đa dạng. Kim tinh phát xuất từ Tổ tông sơn, biến thành Thủy tinh, Thủy tinh lại biến thành Mộc tinh, Mộc tinh lại biến thành Hỏa tinh, Hỏa tinh lại biến thành Thổ tinh, Thổ tinh lại biến thành Kim tinh v.v... Chúng từ ngàn dặm xa xôi chạy đến, phân nhánh hưng vượng thì là đất quý, đại cát lợi. Phàm gặp tình huống Ngũ tinh xung khắc nhau, cũng quý ở chỗ có tinh tú cứu trợ. Chẳng hạn tình huống Kim tinh là Long vận hành mà Mộc tinh tạo huyệt. Kim tinh khắc Mộc tinh, Mộc tinh là hung tinh, nhưng tả hữu có Hỏa tinh chế ngự nó, hoặc có Thủy tinh cứu trợ nó, đều khả dĩ thành đất quý".

"Cửu tinh ca" viết :

> "Sao Tham Lang là sao cát lợi, nó giống như măng mới nhô lên khỏi mặt đất. Vũ Khúc là sao tôn quý, nó giống như vầng trăng mới tròn. Sao Tả Phụ thì như cái chuông, sao Liêm Trinh như hình cái dù rách. Phá Quân là sao hung như dây chậu bày ra, Lộc Tồn là hung tinh, trông như cái nhà xiêu vẹo. Văn Khúc thì như tấm lưới giăng. Hữu Bật như tấm chăn chiên. Cự Môn giống như cái án thư thẳng nhọn. Muốn hiểu sự biến hóa của thân Long, trước hết cần nhận biết hình dạng của Cửu tinh".

☐ *Hình dạng Long lấy đặc sắc làm tôn quý.*

Câu này ngụ ý Long tuy lấy sự biến hóa làm quý, nhưng hình dạng của nó đặc biệt thì càng thêm tôn quý. Đặc sắc nghĩa là vượt trội, khác hẳn đồng loại, tượng sao đoan chính, khí thế uy nghiêm v.v...

☐ *Nếu Thổ tinh không giống Thổ tinh, Kim tinh không giống Kim tinh, thì là hình thế tạp loạn. Hỏa tinh không giống Hỏa tinh, Mộc tinh không giống Mộc tinh, thì người ta kinh sợ, không biết đâu mà lần.*

Câu này ngụ ý hình dạng sao mà không đặc sắc, mà tạp loạn, thì không phải là quý Long, hãy vứt bỏ ngay.

☐ *Kim tinh ắt phải thanh.*

Kim tinh tính cách trong sáng, hình dáng thanh tú. cao vút là Thái Dương, thấp nhỏ là Thái Âm. Kim tinh khi vận hành giống như loan phượng bay lượn. Kim tinh thì lấy phần giữa hoặc góc nhọn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Thổ tinh ắt phải trọc.*

Thổ tinh tính cách thuần hậu, hình dáng vuông vức. Thổ tinh khi vận hành giống như bình ngọc, kim thư. Nếu lấy Thổ tinh kết huyệt, mà trong bụng Thổ tinh có Kim tinh, thì lấy phần giữa, hoặc góc nhọn. Góc nhọn cùng loại với Hỏa tinh; Thổ tinh có Hỏa thì thêm phần ấm áp, sản sinh ra vạn vật.

☐ *Hỏa tinh ắt phải táo.*

Hỏa tinh tính cách nóng nảy, hình dáng nhọn, nghiêng, phần lớn là sơn tổ tông, tạo nên thế lầu, điện. Khi kết huyệt thì như hình cây phi liêm (cây liềm).

☐ *Thủy tinh ắt phải nhu.*

Thủy tinh uốn lượn nên gọi là nhu, hình dáng khúc chiết, thiên về động, tính cách thiếu trung chính. Khi vận hành, nó như thế rắn bò. Khi kết huyệt, phần lớn trông như thế lưu châu trong ao hồ.

☐ *Chỗ huyền diệu của Thủy tinh là lập huyệt ở phương Đông, hướng Bắc khả dĩ tiếp nhận Sinh, Vượng, còn hướng Tây thì xung khắc. Hỏa tinh do thế viêm nhiệt, nên lập huyệt ở phương Nam là hay nhất; hướng Bắc bị xung khắc, còn hướng Đông có thể tiếp nhận Sinh Vượng. Tiền hưng hậu cát phần lớn là do Thủy đến sinh Mộc. Tiền cát hậu hung là do Hỏa khắc Kim.*

Nếu do Kim tinh kết huyệt, thì năm hạn hán có thể phát phúc, cuối cùng chuyển hóa hậu Long thành Hỏa tinh, do Hỏa khắc Kim, nên sinh ra họa hại. Nếu hai bên có Thổ tinh đi kèm, thì cuối cùng tai qua nạn khỏi.

☐ *Nếu lấy Mộc tinh là Tổ tông, Hỏa tinh làm con cháu, thì chủ nhân giàu có, con cháu hiếu để.*

Mộc tinh, Hỏa tinh, Thổ tinh liên tiếp tương sinh, nhất định kết thành đất phú quý, xuất hiện những người trung, hiếu, lễ, nghĩa. "Long Tủy Kinh" viết :

> "Mộc tinh, Hỏa tinh chuyển hóa mà đến, cuối cùng lấy Thổ tinh kết huyệt, thì phú quý khôn cùng".

Nếu lấy Kim tinh làm Phụ Mẫu, Mộc tinh làm con cháu, thì chủ nhân cuối cùng bị tai họa.

Mộc tinh bị Kim tinh xung khắc, rất hung hiểm. Hơn nữa, bản thân Mộc tinh có tính gấp mà cương, có sát khí, nên khi bị Kim tinh khắc thì sẽ càng tăng sự phá phách.

> + Nếu Thủy tinh kết huyệt ở cung Khảm, thì phú quý vô cùng.

"Kham dư Ngũ tinh biên" viết :

> "Trong Ngũ Hành, tuyệt diệu nhất là Thủy tinh, ở phương vị Tây Bắc sẽ sinh vượng liên tục. Hình dạng đẹp như rắn bò, phú quý thanh danh vô cùng".

☐ *Nếu Kim tinh kết huyệt ở cung Đoài, thì chủ về danh vọng cao trong phụ Ngự sử.*

Kim tinh nằm ở phương Tây, có sát khí, làm giảm tài hoa, chức vụ của chủ nhân.

☐ *Thổ tinh làm cho chủ nhân giàu có.*

Tinh phong của Thổ tinh thấp nhỏ, làm cho chủ nhân chỉ có nhiều ruộng đất mà thôi. Nếu Thổ tinh cao lớn, thì có thể xuất hiện nhân tài quý hiếm.

☐ *Mộc tinh chủ về văn chương.*

Tinh phong của Mộc tinh nhô cao thanh tú gọi là Văn tinh, hoặc Thông Thiên Mộc, thân Long mạch có tinh phong như vậy chủ về phú quý, văn chương kiệt xuất.

☐ *Nếu Thủy tinh xuất hiện ở vùng đất bằng, thì khó diễn tả nơi kỳ diệu của nó.*

Thủy tinh lưu động uốn lượn, phảng phất như hoa lau, ở vùng đất bằng thì nó giống như sông nước, chân khí của nó ẩn tàng khó thấy, thật khó dùng lời miêu tả nơi tuyệt diệu của nó.

☐ *Nếu Hỏa tinh xuất hiện trên núi cao, quan vận chỉ làm tạm.*

Hỏa tinh cao lớn đẹp đẽ, thường đi theo Tổ tông sơn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Hám Long Kinh" viết :

"Đất quý, đẹp, nếu không có sao Liêm Trinh làm Tổ tông sơn, thì dù có làm quan cũng không thể đến chức Tam công".

☐ *Mộc tinh phải có tiết.*

Nếu Mộc tinh có tiết, thì ở ngay nơi có tiết tạo huyệt mới cát lợi. nếu không có tiết thì không tốt.

☐ *Kim tinh quý ở Liên Châu.*

Kim tinh khi vận hành phải giống như chuỗi ngọc (liên châu), sẽ thành đất đại quý.

☐ *Long mạch quý ở chỗ linh hoạt như rồng rắn.*

Hoạt là chỉ động thái của Sơn, thế núi dù lớn nhỏ, chỉ cần nhấp nhô linh hoạt mà đến, thì Long mạch có Sinh khí, tức là Hoạt.

☐ *Long mạch tiện (xấu) thì như lươn chết.*

Xấu là Sơn bất động, sơn mạch không có chút khí thế, như con lươn chết, không có Sinh khí.

☐ *Long mạch thấp nhỏ, không nên quá gầy.*

Nếu Long đến thấp nhỏ, thì hai bên của nó không nên quá hẹp, gầy.

☐ *Thế khuất khúc không nên nghiêng lệch.*

Long mạch có thể khuất khúc, nhưng tối kỵ nghiêng lệch và nhọn xuyên.

☐ *Nếu tính cách không cô độc, ắt có láng giềng. Cho nên Long mạch phải xem tình hình hai bên.*

Sự kết huyệt của Chân Long, sự kết tụ của Chân khí nhất định sẽ hình thành thế tả hữu chầu vào, trước sau tiễn đón, như sự ra vào của vị đại quan, có nhiều tùy tùng hộ vệ. Cho nên trong thuật phong thủy, càng nhiều tùy tùng hộ vệ thì càng thành đất quý, càng ít thì càng kém phú quý.

☐ *Mắt không sáng, đọc sách chỉ phí công.*

Trong "Long Kinh" có viết :

"Đọc sách phong thủy mà không có nhãn lực, thì dù đọc vạn quyển, cũng bằng không".

☐ *Thủy lưu giao, kiềm, chức, kết là cát lợi.*

Giao là hai dòng Thủy lưu hợp lại nhau. Kiềm là khóa, chỉ Thủy lưu uốn quanh Sa phong, đồng thời che kín. Chức là dệt, chỉ Thủy lưu thành hình cái thoi uốn lượn qua lại như dệt vải. Kết là Thủy lưu dồn tụ với nhau. Bốn tình huống đó là cát lợi.

☐ *Xuyên, cắt, tiễn, xạ thì nên tránh.*

Xuyên là chỉ xuyên qua vai Long sơn, Hổ sơn hoặc xuyên phá Minh Đường. Cắt là chỉ phía trước huyệt vị không có dư Chân khí, mà Thủy lưu xói vào đất dưới chân. Tiễn là chỉ Thủy lưu vừa gấp vừa thẳng chạy đến. Xạ là chỉ Thủy lưu xối thẳng vào giữa hoặc hai bên sườn. Bốn tình huống ấy là hung hiểm.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

☐ *Thủy lưu vỗ vào thành, sẽ phá gia bại sản.*

Thủy thành có năm (5) loại : Kim tinh thành có dạng uốn quanh, Mộc tinh thành có dạng vỗ (đập) thẳng, Thủy tinh thành ngoằn ngoèo, Hỏa tinh thành nhọn chếch, Thổ tinh thành bằng phẳng. Vỗ vào thành (chàng thành) là chỉ Mộc tinh thành vỗ đập thẳng tới, khiến nhân đinh gặp họa. Nếu thêm sao Thái Tuế, thì táng gia bại sản.

☐ *Phúc khí phát đạt lâu dài, nhờ Thủy lưu chảy qua sơn Huyền Vũ.*

Huyền Vũ là chỉ hậu sơn, Thủy lưu triều hướng Minh Đường hoặc hướng sang hữu mà lượn quanh sơn Huyền Vũ, là cát lợi.

☐ *Làm quan mà giàu là nhờ Thủy lưu lượn quanh Thanh Long.*

Thủy lưu triều hướng Minh Đường, vòng sang bên tả mà đi, chủ làm quan và giàu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

có. Thủy lưu uốn lượn quanh Hổ sơn cũng vậy.

☐ *Quý nhất là Ngũ Hộ bịt kín.*

Ngũ Hộ là Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt bao kín, không nhìn thấy Thủy lưu chảy về hướng nào, mới là cát lợi.

☐ *Hay nhất là Tam Môn rộng rãi.*

Tam Môn là Sinh, Quan, Vượng, nên Minh Đường tối kỵ nhỏ hẹp. "Kinh Thư" có câu :

> "Minh Đường phải chứa được vạn hộ, nhưng Thủy Khẩu không để một lá thuyền vượt qua".

Cho nên dù Viên cục là quý, nhưng tam Môn hẹp thì cũng bỏ; hình huyệt dù đặc biệt, mà Ngũ Hộ không che kín, cũng bỏ đi.

☐ *Thủy lưu vừa qua huyệt vị đã chảy ngược, không đáng một xu. Thủy lưu nếu nhập vào lòng lại chảy ra hết thì bị suy bại. Thủy Khẩu tốt nhất là thắt lại như cái eo của hồ lô.*

Nơi Thủy lưu chảy đến phải trong rộng ngoài hẹp, không thấy hướng chảy đi của Thủy.

☐ *Nếu thủy lưu bao quanh thân Long, quý nhất là nó uốn cong như cái sừng trâu.*

Hình dạng Thủy thành nên bao quanh thân Long, không câu nệ đến hay đi.

☐ *Sơn phong hình răng chó cài vào nhau mà chặn ngang Thủy lưu, tốt nhất là phải nhô cao.*

Cài răng là chỉ Sơn ở hai bên Thủy Khẩu phải cao và đối xứng sừng sững như bày binh bố trận, trùng điệp đan xen rất khớp vào nhau. Bên trong như đồn binh của đại tướng, bên ngoài không có lối tiến vào. Như vậy được coi là Thủy Khẩu quý nhất, bên trong nhất định có Địa huyệt đại phú đại quý.

☐ *Thủy dương nhiên nhìn dòng chảy thì biết. Sơn thì khó tìm mạch hơn. Có khi chỉ ẩn hiện thấp thoáng giữa đồng bằng mênh mông, có khi ẩn tàng dưới lòng hồ. Đỉnh núi lấp ló tản mác giữa các bóng cây. Phàm Long mạch nhô cao ở phía sau, thì phía trước nhất định có hồ ứng.*

Phàm tìm Long mạch, nếu phía sau có các ngọn núi cùng kéo đến, thì phía trước nhất định sẽ có các ngọn núi triều củng, gọi là tiền hậu chiếu ứng.

☐ *Bên trong có Chân khí, ắt có Hình biểu hiện ở bên ngoài.*

Chân khí ẩn trong đất gọi là Nội Khí, Thủy lưu chảy ở ngoài đất gọi là Ngoại Khí. Ngoại là chỉ sự phân hợp Tam thoa như chữ Cá ( ). Nếu trong có Chân khí, thì Hình của nó tất biểu hiện ở bên ngoài, nên gọi là Nội Ngoại tương phù.

☐ *Muốn tìm Long mạch thực thụ, quan sát Triều sơn ở xa không bằng Triều sơn ở gần.*

Triều sơn ở xa dù thanh tú cũng không bằng Triều sơn ở gần tròn trịa, có tình. Vì phúc khí của Triều sơn ở gần ứng nghiệm nhanh hơn so với phúc khí của Triều sơn ở xa.

☐ *Muốn biết tượng sinh thành, thì cát lợi do thuận thế mang đến không bằng nghịch thế.*

Thuận ngụ ý là thuận Sơn thuận Thủy, nghịch ngụ ý là nghịch Sơn nghịch Thủy.

☐ *Đại đa số người đời thích viễn đại mà bỏ cận tiểu.*

Triều sơn ở xa cao to nên mọi người đều tham, Án sơn ở gần thấp nhỏ, nên mọi người đều bỏ qua.

Ngoài ra, Án sơn ở xa tuy thấp nhỏ, nhưng lại ngoảnh đầu lưu luyến có tình, thì nên chọn, còn Triều sơn ở xa đủ cao lớn, nhưng không có tình, cũng nên bỏ.

☐ *Tam Cát, Lục Tú chưa hẳn là hay.*

Tam Cát là Hợi, Chấn, Cấn, đỉnh núi lại là Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, làm Tam Cát. Lục Tú là Cấn, Bính, Tốn,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tân, Đoài, Đinh. Hiện thời các nhà phong thủy đều lấy Long, Sa, Thủy ứng với Lục Tú, hoặc với Tam Cát. Họ cho rằng như vậy mới là Quý Long, Quý Sa, Quý Thủy, mà không biết rằng tuy nhập Sinh nhưng xuất Sát, mỗi cái có chỗ kỳ diệu riêng, hà tất phải có Tam Cát, Lục Tú ! Nếu có đủ Tam Cát, Lục Tú, nhưng không thu Sinh, xuất Sát (vào chỗ sinh, ra khỏi chỗ tử) thì cũng vô tác dụng, có khi còn gây họa.

☐ *Long mạch ở nơi Tử, Tuyệt thường có khí cục sinh thành, ở nơi Sinh, Vượng cũng cần xem kỹ vết tích phế vong.*

Trên Long mạch có thể xuất hiện sát khí hung ác, như quân lính quăng giáp, vứt vũ khí mà chạy trốn, nhưng sau khi xuyên điền, qua Thủy lại trồi lên mạnh mẽ, thì vẫn cát lợi.

☐ *Nếu thấy hình thể ngưu ẩn phục, thì có Thủy lưu yểm hộ và sơn phong yểm hộ.*

Nơi kết huyệt gọi là "thổ ngưu ẩn phục" (trâu đất nằm phục), ngụ ý huyệt vị ẩn tàng. Huyệt vị đã ẩn tàng, thì sẽ có sơn thủy bao quanh.

☐ *Long mạch tựa hải âu bập bềnh trên sóng, chỉ cần mạch dẹp thì huyệt sẽ rất tốt.*

Long mạch khi vận hành giống như chim hải âu dập dềnh trên sông nước mà đến, khi tiến thì có tiễn đưa, khi dừng thì có yểm hộ, nhất định sẽ kết thành đại cục phú quý.

☐ *Nơi Thủy lưu, cần có Sơn phong từ phía hội ứng.*

Kiến lập huyệt vị phải lấy việc đắc Thủy làm quý, mà nơi Thủy lưu thì quý ở chỗ từ phía có Sơn che kín gió để ngưng tụ Sinh khí.

☐ *Nơi bình địa, chọn nơi đột ngột nhô lên.*

Dưới lòng đất nếu có nhiều cát khí, thì đất nơi đó sẽ nhô lên, vì vậy chỗ nhô cao trên bình địa là đất quý.

☐ *Long mạch cát lợi, cần phải có tình.*

Long mạch đến đã cát lợi, còn phải quan sát xem Triều sơn có đặc biệt hay không, có tình hay vô tình, rồi mới chọn cái có tình, cái đặc biệt.

☐ *Triều sơn đã đặc biệt, còn phải xem Long sơn, Hổ sơn.*

Triều sơn đặc biệt rồi, phải xem Long sơn, Hổ sơn hai bên tả hữu có bao bọc cân xứng mới là hoàn mỹ. Chủ khách phân minh, nhưng Long sơn, Hổ sơn không cân xứng với nhau, thì cũng chẳng cát lợi.

☐ *Minh Đường rộng rãi, phải có La thành vây kín.*

Minh Đường rộng rãi, không có Án sơn che chắn, thì nhất thiết phải có La thành vây kín mới được.

☐ *Thủy lưu tán loạn, cuối cùng phải hội tụ.*

Thủy lưu tuy vô tình, nhưng cuối cùng phải uốn lượn hội tụ với nhau mới ngưng kết Chân khí, ngăn dừng Long mạch, tạo nên đất tốt.

☐ *Sinh mà không sinh, thế lực cô đơn.*

Long mạch đến, tuy hoạt động mà có Sinh khí, nhưng đến chỗ nhập thủ lại không kết huyệt, gọi là Sinh mà không sinh. Vì hai bên Long không có tùy tùng, hoặc bị gió thổi, hoặc bị Thủy chia cắt, cô đơn khuyết lực, không ai hỗ trợ.

☐ *Mẹ khỏe con yếu, tưởng chết mà sống.*

Mạch đến, tuy khí thế khiếm khuyết nên tưởng như chết, nhưng khi nhập thủ làm huyệt vì có Tổ tông sơn cao lớn, cách không xa, Tổ khí còn thâm hậu, nên gọi là mẹ khỏe con yếu, Sinh khí chưa tận.

☐ *Gối hạc lưng ong, chỉ e quỷ kiếp bất định.*

Gối hạc là chỉ nơi Long chạy qua ở giữa to mà hai đầu nhỏ. Lưng ong là chỉ đoạn giữa thắt lại như đứt hẳn. Quỷ kiếp là chỉ sự phân chia của mạch. Phân chi ngắn và nhỏ là Quỷ, nhiều và dài là Kiếp. Gối hạc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lưng ong vốn là sự kết cục, Long mạch sợ nhất là quỷ kiếp tán loạn, hoặc đến hoặc đi bất định, như vậy Sinh khí bị tiêu tán, không thể tạo nên huyệt vị cát lợi.

☐ *Ong dồn kiến tụ, phải có lớp lang quy củ.*

Các ngọn núi nhỏ trước huyệt vị dày đặc như bầy ong tổ kiến, mà không tán loạn, lại có lớp lang, quy củ như đại tướng ở giữa, ba quân vây quanh, tiền hô hậu ủng, tả hữu răm rắp vâng lệnh, là đất đại phú quý.

☐ *Hổ phục rồng chầu, khởi cần để ý xa gần to nhỏ.*

Phàm nơi Chân Long tạo huyệt, sẽ có Thanh Long uốn mình, Bạch Hổ nằm chầu, đó là cát huyệt, khỏi cần nệ xa gần, lớn nhỏ.

☐ *Nơi tận cùng Long mạch sợ Chân khí bị tuyệt.*

Lập huyệt phải kiểm chế sự suy vong, không thể để Sinh khí tán thoát, vì vậy không nên cắm huyệt ở nơi Long mạch tận cùng.

☐ *Nơi đất ẩm thấp phải tránh suối nước lưu động.*

Nơi ẩm thấp bốn mùa có Thủy lưu xuất hiện, ở giữa không có Sinh khí, chủ về tuyệt tự.

☐ *Đến thì dừng, dừng thì cô lập, phải có yểm trợ.*

"Kinh Thư" nói :

> "Thế đến mà Hình dừng, thì gọi là Toàn khí, nơi Toàn khí mà mai táng thì phải chọn nơi dừng cuối cùng. Nhưng nơi đó không thể sinh ra chi phái, là đơn sơn độc lũng, gọi là Cô. Vì vậy cần có yểm trợ, có sơn mạch kèm hai bên, mới là đất cát lợi".

☐ *Đất đơn nhất không thể sinh sôi, muốn sinh sôi phải có Âm Dương giao hòa.*

Cô Âm độc Dương gọi là Âm Dương không giao hòa, nên không thể sinh sôi. Một Âm một Dương gọi là Lưỡng, phải trong Âm cần Dương, trong Dương cần Âm, Âm Dương giao hòa mới có cơ sinh thành, mới là đất phú quý.

☐ *Phải có Thư có Hùng.*

Tình ý Thư Hùng cũng tức là Âm Dương phối hợp, do vậy Long, Huyệt, Sa, Thủy, khách, chủ, Long, Hổ đều có Thư Hùng.

☐ *Có Thư Hùng giao độ mà không dắc Thủy, là thất (mất) độ.*

Long, Huyệt, Sa, Thủy, mỗi thứ có tình ý Thư Hùng giao độ, ngụ ý nói về Huyệt pháp. Phàm ở nơi Khí mạch dừng lại, bên trên có phân, bên dưới có hợp, gọi là Thư Hùng giao độ; trên có phân, dưới không có hợp là Thư Hùng thất độ.

☐ *Thanh Long, Bạch Hổ không vượt quá huyệt vị, gọi là Lậu thai.*

Thai là huyệt. Sơn hai bên bảo hộ mà quá huyệt, gọi là Hộ thai, không quá huyệt gọi là Lậu thai.

☐ *Hay nhất là Long, Hổ sơn có nhiều sơn phong.*

Huyệt vị đã có Long, Hổ sơn hộ thai mà trên Long, Hổ sơn có nhiều đỉnh cao thì thật là toàn mỹ.

☐ *Đáng sợ là cắm huyệt ở nơi bùn nước.*

Nơi ẩm ướt không có Long mạch gọi là "Nê Thủy huyệt" (huyệt bùn nước). Đem mai táng ở đấy thì tuyệt tự.

☐ *Nơi Long mạch hiện thân, cần có bình phong màn trướng.*

Nơi thân Long bắt đầu hành tiến, sau lưng có núi cao nhô lên hộ vệ, cùng theo Long mạch mà đến, là Long đại quý.

☐ *Nơi Chân Long kết huyệt, cần có đệm.*

Trước huyệt vị có dư khí gọi là chăn đệm, chủ nhân đinh hương vượng.

☐ *Ẩn hiện thân sơ.*

Sa phong hai bên thấy được gọi là Hiện, không thấy được gọi là Ẩn. Sa phong

Download Sách Hay | Đọc Sách Online
downloadsachmienphi.com

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hướng vào nhau gọi là Thân, quay lưng lại nhau gọi là Sơ. Cách quan sát Sa phong không cần chú ý ẩn hiện, chỉ cần xem tình ý thân sơ. Thân thì mới quý.

- *Cần xem kỹ hình dạng Sa phong mà lấy hay bỏ.*

  Sa phong hai bên có thiên hình vạn trạng, nếu thấy đoan chính, tròn trịa thì lấy, thấy nham nhở, nghiêng lệch thì bỏ.

- *Sa phong nhọn như sừng trâu, răng hổ, chủ về kiện cáo.*

  Lên trên huyệt vị thấy hình dạng nhọn như đầu sừng trâu, răng hổ là chủ về kiện tụng, tai họa hình ngục. Nhưng nếu là hình dạng nghịch Thủy mà sinh, uốn cong có tình như Nha đao, thì lại là cát lợi.

- *Có huyệt vị nằm ở đáy nước.*

  Loại huyệt vị này rất kỳ dị. Long đến, Khí thịnh, bỗng nhiên trầm mình xuống hồ sâu. Vậy là huyệt vị xuất hiện dưới đáy hồ, phải có nhãn thần may ra mới phát hiện được nó.

- *Có huyệt vị xuất hiện giữa đá, gọi là chuyển Long hoán cốt.*

  Huyệt vị trong đá cũng rất khó nhận biết, Long đến biến đổi nhiều lần đột ngột, dưới đá trên tinh phong có đất, đó là thổ huyệt do thiên tạo ra trong lòng đá, phải là người có nhãn thần mới thấy được. Vì vậy Dương công nói :

  > "Có huyệt vị kết ở trong khối đá, cũng có huyệt vị kết ở đáy nước sâu thẳm".

  Phải là người tài cao đức dày mới phát hiện ra sự biến hóa huyền diệu của trời đất và có thần linh mách bảo.

- *Phải nắm chắc tình trạng của Thanh Long, Bạch Hổ.*

  Thanh Long sơn có hình dạng uốn lượn; Bạch Hổ sơn thì phủ phục ngồi chầu là đẹp. Thêm nữa, Long Hổ đến bên Thủy không nên quá dài, quá mạnh, ly khai Thủy biên không nên quá ngắn, quá yếu. nếu hình dạng Long Hổ lỗi lõm, nhọn, ngang, quay lưng là vô tình, không cát lợi.

- *Hoặc ky Long đi Hổ về, hoặc ky Long về Hổ đi.*

  "Sa pháp" viết :

  > "Rồng bay mà Hổ ôm lấy mộ phần, thì dòng con trưởng tuyệt tự. Hổ đi mà Rồng trở lại, thì con cái đều tha hương".

- *Thanh Long hoặc Bạch Hổ vòng lại, đều không được đâm thẳng vào huyệt vị.*

  Long, Hổ nếu quay vòng trở lại không được đâm thẳng vô lễ, mà phải uốn mình, mềm dẻo, có tình ý.

- *Thanh Long hoặc Bạch Hổ chạy đi, phải ngoảnh nhìn lại.*

  Long, Hổ dù chạy đi, nhưng phải quay đầu nhìn lại. Nếu chỉ cắm đầu đi thẳng, thì xấu.

- *Nếu cắm đầu chạy đi thẳng, mà không có gì ngăn, che, thì chủ nhân ly hương, bôn ba nay đây mai đó, thất bại và tuyệt tự.*

  Thủy lưu chảy đi cuồn cuộn, Sa phong cũng chạy như bay, thì chủ nhân đại bại.

- *Có Long sơn không có Hổ sơn hoặc ngược lại.*

  Nếu có Long sơn mà không có Hổ sơn, sẽ thuộc loại huyệt vị Tả Đơn Đề, Tả Tiên Cung. Nếu có Hổ sơn, không có Long sơn, sẽ thuộc loại huyệt vị Hữu Đơn Đề, Hữu Tiên Cung. Hai loại huyệt vị này có tả không hữu, hoặc có hữu không tả, chỉ cần Chi sơn đến nơi hộ vệ, hưởng ứng thì vẫn tốt đẹp.

- *Nếu không có Long sơn, Thủy lưu phải uốn quanh bên tả. nếu không có Hổ sơn, Thủy lưu phải uốn quanh bên hữu.*

  + Không có Long sơn, thì Thủy lưu phải từ bên tả chảy đến, uốn lượn bên hữu, bao quanh huyệt vị mà đi, mới cát lợi. Thủy lưu từ bên tả chảy đến mà không có sơn bên tả cũng được.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

+ Không có Hổ sơn thì phải có Thủy lưu từ bên hữu chảy đến uốn lượn bên tả mà đi. Thủy lưu từ bên hữu đến mà không có sơn bên hữu cũng khả dĩ.

☐ *Long mạnh Hổ yếu hoặc ngược lại.*

Nếu Long mạnh, tối kỵ Long sơn nghển đầu áp huyệt. Nếu Hổ mạnh, tối kỵ Hổ sơn nghển đầu nhòm huyệt vị, gọi là cách ngậm xác (hàm thi).

☐ *Nếu hai cung tả hữu cùng chạy qua tây cung, thì dòng (chi) trường thảm bại.*

Cánh tay hai bên cùng đến, tuy có tình ý, nhưng Thủy lưu trước huyệt chảy thẳng đi mà không có gì che chắn, thì sẽ dẫn đến kết cục thảm bại.

☐ *Nếu Đông cung chạy qua Tây cung, dòng trường sẽ thảm bại. Nếu cánh tay hữu xuyên qua cánh tay tả, dòng con út sẽ bần hàn. nếu sau khi xuyên qua còn ngoảnh đầu lại thì không dáng ngại, thậm chí còn tốt đẹp. Phép điểm huyệt cũng giống như xem tướng cho người.*

Điểm huyệt có nhiều cách, phải tùy Hình và Thế, không được sai lệch. Điểm huyệt chỉ cần cao hơn một thước sẽ chạm vào Long mạch, thấp hơn một thước sẽ chạm vào huyệt vị. Điểm sâu quá, Chân khí sẽ lướt qua phía trên, điểm nông quá, Chân khí sẽ lướt qua phía dưới. Vì vậy, điểm huyệt cũng khó như châm cứu cho người vậy.

☐ *Có Long sinh thành, đất có huyệt vị sinh thành.*

Long sinh thành thì khởi điểm và nơi dừng phân minh. Huyệt vị sinh thành, thì Âm Dương hóa khí, phân hợp đâu ra đó, hợp lẽ tự nhiên.

Dù đơn hướng hay song hướng, điểm mấu chốt là phải xem có tình hay vô tình.

Nếu Long huyệt đoan chính, lập hướng tự nhiên, chủ khách có tình, thì có thể dùng 24 hướng của La bàn làm phương hướng, không câu nệ đơn hướng hay song hướng; song hướng giống như Đinh thêm Ngọ, Bính thêm Tỵ vậy.

☐ *Nếu có Thủy lưu uốn lượn, đất có sơn phong uốn lượn. Hà tất phải dùng Bát quái, Cửu tinh.*

Sơn thủy đã ngoảnh đầu nhìn vào trong, thì khỏi cần có phù hợp Bát quái, Cửu tinh hay không.

☐ *Đã không có, sao tìm cái có.*

Không có, là chỉ Long mạch không cát, Huyệt pháp không thật. Phong thủy sư ngày nay không biết phân biệt thật giả, ở chỗ chân khí bị tiêu tán còn hoài công tìm huyệt vị.

☐ *Ở chỗ có, tìm cái không có.*

Có là chỉ Chân khí dừng lại, Thủy lưu giao hội, lạc huyệt đã kết. Nhưng nếu Sa phong hai bên tả hữu và Thủy lưu có tì vết, phương vị và hướng có sai biệt, thì gọi là tìm cái không có trong chỗ có, phải thận trọng tìm kiếm.

☐ *Tiền nhân không tinh mắt hay tạo hóa cố ý dành cho người tích thiện.*

Dương công nói :

"Chẳng phải các thuật sư không nhìn ra huyệt vị đại cát lợi, mà là tạo hóa cố ý để dành chỗ tốt đẹp cho người có phúc lớn được hưởng".

☐ *Bàn tay tả và cánh tay hữu có huyết mạch khác nhau như băng giá với hỏa nham.*

Bàn tay người có huyết mạch bình hòa, chậm rãi, cánh tay người có huyết mạch thẳng và gấp. Một Âm một Dương, một chậm một nhanh, khác nhau như băng giá và hỏa nham.

☐ *Tôn chỉ với vô danh chỉ, gần nhau trong gang tấc, nhưng khác nhau như mây trời với bùn đất.*

Tôn chỉ là ngón tay giữa, vô danh chỉ là ngón út, chỉ cách nhau có một ngón tay (ngón đeo nhẫn). Phương pháp điểm huyệt có Chính Thụ và Tả Thụ, cự ly cũng rất gần nhau, trong gang tấc, nhưng tiếp khí hay thoát khí lại khác nhau một trời một vực.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Thoát Long tựu cục, đa phần bị hạn chế bởi triều nghênh.*

Đây là nói về việc từ bỏ Long mà thêm Đường cục (cục thế Minh Đường). Một số thuật sư khi cắm huyệt bị hạn chế bởi cục thế chật chội, nhỏ hẹp. Nếu có thể từ bỏ Long mạch mà tăng thêm Chân khí ở Minh Đường, thì không cần vì sự triều nghênh mà bỏ mất huyệt vị.

☐ *Nơi lớn tìm chỗ nhỏ, nơi nhỏ tìm chỗ lớn.*

Quần sơn đều nhỏ, thì tìm huyệt mạch ở ngay chỗ lớn. Quần sơn đều lớn, thì tìm huyệt mạch ở ngay chỗ nhỏ. Nơi cao thì cúi xuống chỗ thấp mà tìm.

☐ *Hoành sơn phải thụ huyệt dọc, trực sơn phải thụ huyệt ngang. Cần chú ý tình hình sơn hộ vệ.*

Muốn lấy huyệt vị trên sơn chạy ngang (hoành sơn), phải có sự yểm hộ, chống đỡ. Nếu không có yểm hộ, chẳng thể cắm huyệt.

☐ *Huyệt vị cần có Triều sơn đoan chính.*

Huyệt vị quý nhất là có Triều sơn đoan chính, gọi là chủ khách nghênh tiếp, có tình ý với nhau. Nếu di động một bước, thì đất di động một tấc, sơn di động một trượng. Sơn di động, thì Thủy lưu sẽ di động theo, đất quý cũng tùy theo đó mà phát sinh biến động.

☐ *Nội trực ngoại câu, có thể cắm huyệt.*

Sa phong bên trong tuy thẳng, nhưng ngoại Dương có hình móc câu (uốn lại), thì thời gian đầu tuy kém, nhưng cuối cùng lại phát đạt, cho nên có thể cắm huyệt.

☐ *Nội câu ngoại trực, chung cuộc đại bại.*

Nếu Sa phong bên trong tuy uốn vòng, nhưng ngoại Dương lại chạy thẳng đi không chút tình ý, thì tuy lúc đầu có cát lợi nhỏ, nhưng rốt cuộc đại bại, cho nên không thể cắm huyệt.

☐ *Đừng nói tạo hóa thiên nhiên khó hiểu, chỉ cần quan sát sự biến hóa động tĩnh là dễ hiểu. Sơn vốn tĩnh, nên cần chọn thế động.*

Sơn vốn là tĩnh vật, mà quý ở chỗ nhấp nhô chạy tới, gọi là cầu cái động trong thế tĩnh.

☐ *Thủy lưu vốn động, nhưng quý ở thế tĩnh.*

Thủy vốn là động, song quý ở chỗ tĩnh lặng, tụ hội, trong trẻo, gọi là cầu cái tĩnh trong thế động.

☐ *Tĩnh là nơi ngừng chảy của Thủy lưu. Động là sự thoái thác của Long mạch. Nơi quần sơn dừng tận là nơi có huyệt vị thật sự. Nơi nhiều Thủy lưu hội tụ là nơi có Minh Đường. Giữa Minh Đường cần tụ lõm, sau huyệt vị tôi kỵ hình viên ngói ngửa.*

Trong khẩu quyết có câu :

"Thử hỏi tình huống nào là Không Vong ?
Là sau huyệt trống trải mà lộ hình thế viên ngói nằm ngửa".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

☐ *Còn phải xem tình hình Quan, Quỷ, mới biết huyệt vị là thật hay giả.*

Muốn biết huyệt vị thật hay giả, trước hết cần phân biệt Quan, Quỷ. Nếu có Quan, Quỷ mới là huyệt vị thật. Không có Quan, Quỷ, ắt là huyệt vị giả. Phàm Án sơn bao quanh phía trước mà xuất hiện Chân khí dư thừa, thì gọi là Quan tinh; Chân khí dư thừa xuất hiện phía sau huyệt vị, thì gọi là Quỷ tinh. Hình dạng Quan, Quỷ rất kỳ dị, tên gọi rất nhiều, phúc phận cũng rất phong phú. Đại thể chúng đều là các biến dị của Cửu tinh.

☐ *Hình sơn bên ngoài châu vào mà bên trong chật chội, thì huyệt vị phải cao. Sơn thế thô tráng mà Hình gấp gấp, thì huyệt vị phải ôn hòa. Huyệt vị cao sẽ khiến mọi hung hiểm rớt xuống, huyệt vị ôn hòa sẽ khiến hình thế bốn bề hòa hoãn. Nếu Sơn có hình thế hung ác hướng tới nơi nào, tai họa sẽ kéo đến khá nhanh.*

Hình thế Sơn phía trước huyệt mà nhọn như tên bắn, nham nhở, thô lậu, thì đều hung ác.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Nếu Thủy lưu chảy gấp, nhưng dừng trên huyệt vị không nhìn thấy nó, thì hung họa đến tương đối chậm.*

Thế Thủy quay lưng chảy nhanh đi, ky nghe rõ tiếng xối vào đá, chủ hung họa. Nếu đứng giữa huyệt vị không nhìn thấy Thủy lưu, thì hung họa đến chậm.

☐ *Phải tránh ẩm thấp, chọn nơi khô ráo.*

Nơi kiến lập huyệt vị nếu có suối nước, đất bùn ẩm ướt, chủ về hung họa, phải tránh.

☐ *Nếu địa hình như có rất nhiều bông sen hồng quần tụ, huyệt vị sẽ ở chính giữa.*

Quần tụ nghĩa là yểm hộ dày đặc ở hai bên huyệt vị, huyệt vị nằm ở chính giữa.

Quần Sơn quần Thủy chầu vào như các ngôi sao bao quanh Bắc Cực tinh, thì đó cũng là huyệt vị đại quý.

☐ *Án sơn phía trước tạp loạn, cần tìm nơi có ao hồ.*

Án sơn nếu tạp loạn, không có hình dạng triều nghênh cân xứng, nhưng ở Minh Đường có ao hồ sâu, thì vẫn là đất quý.

☐ *Hình sơn phía sau nếu chênh vênh, ky lập huyệt nơi đây.*

Núi chênh vênh, cheo leo là nơi chứa sát khí, dù trên đó có chỗ lõm xuống, cũng khó tránh suy bại.

☐ *Hình thế kỳ quái, ta lấy người bỏ.*

Long thật sự từ xa tới, nơi tận cùng da phần kết thành huyệt vị kỳ dị. Người thực tài cấm huyệt ở đó, kẻ bất tài sẽ bỏ không lấy.

☐ *Long mạch thu móng vuốt, giấu răng, mấy ai biết là gặp Thủy tạo thành Chân huyệt.*

Phàm Long mạch chưa dừng lại, nó còn nhe nanh múa vuốt. Khi sắp kết huyệt, nó sẽ thu vuốt, giấu răng. Nanh vuốt hóa tròn, động hóa tĩnh. Đó là Chân Long, Chân huyệt.

☐ *Long mạch khi vượt sông, sẽ vô hình vô ảnh.*

Khi Long mạch vượt sông, thạch cốt sẽ ẩn tàng không thể thấy. Phải quan sát kỹ hình thế hai bờ sông mới hiểu được bí ẩn.

☐ *Nơi đất bằng xuất hiện mấy chỗ lồi lên, lớn nhỏ bất đồng, khiến người khó hiểu.*

Dưới lòng đất có Chân khí cát lợi đùn lên, thì mặt đất nơi ấy nhô lên ở chỗ này chỗ nọ.

☐ *Phải hiểu quan hệ giữa Thủy lưu và Long mạch.*

Địa mạch vượt sông cũng vô hình vô ảnh. Long mạch nơi bình địa ẩn hiện khó biết. Không có Thủy lưu phân hoạch, thì không thể biết sự hành tiến của Long mạch. Không có Thủy lưu phân giới hạn Long mạch, thì chẳng thể biết nơi Long mạch dừng lại.

☐ *Địa huyệt nơi bình dương, phải cân nhắc dẫn độ.*

Tầng đất nơi bình dương mỏng, chỉ nên đào nông, nếu đào sâu, mạch nước sẽ xói lở, gây tai họa.

☐ *Hình sơn cao gầy, phải lập huyệt trên cao.*

Hình sơn từ phía cao gầy, huyệt vị sẽ kết tụ ở trên cao.

☐ *Huyệt vị trên cao tối ky gió thổi.*

Huyệt vị trên núi cao tối ky chỗ lõm có gió, hoặc núi từ phía không thể che chắn, bị khuyết hãm bên tả bên hữu, sẽ làm cho sinh khí tiêu tán, gây tai họa liên miên.

☐ *Thủy lưu phía trước Minh Đường tối ky xối thẳng đến như mũi tên.*

Thủy lưu phía trước Minh Đường phải uốn lượn mà đến hoặc đi mới là cát lợi. Nếu xối thẳng tới như mũi tên hoặc như hình chữ Xuyên ( ), chữ Bát ( ) là hung hiểm.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Đất đỏ, thủy vàng, đá đen, trong ngũ sắc, chỉ có màu vàng là chính sắc. Màu hồng hoàng là vô cùng đẹp, nếu pha thêm màu trắng thì càng hay. Nếu đất đá màu xanh đen và cứng, không đào khoét được là điềm hung. Nếu núi đá phía trên huyệt cheo leo thì không cát lợi. Một ngọn núi đơn độc cũng có thể dùng làm huyệt, chỉ cần từ phía có che chắn.*

Mặt đất đơn sơn độc lũng, nếu hình thế như trăng sao, như xà ngư... gọi là đơn sơn. Nếu Long là chân mà huyệt là chính, thì dù đơn sơn độc lũng cũng có thể là nơi an cư.

☐ *Nếu núi đá đơn độc, chẳng thể kết huyệt.*

Nơi độc lũng, huyệt vị không có gì che chắn, trước sau không có hô ứng, yểm trợ, thì đó là nơi mạch tận, khí cùng, tuyệt đối không thể kết huyệt.

☐ *Nếu có gió thổi, Thủy kiếp, không thể hạ huyệt ở đây.*

Huyệt vị không có che chắn, yểm trợ là bị gió thổi. Thủy lưu xối đến như mũi tên là Thủy kiếp, tối kỵ.

☐ *Tả hữu trống không là đất bỏ đi.*

Sơn mé tả dài rộng vô tận, mé hữu chẳng có vật gì, là nơi bất lợi, chỉ có họa hại.

☐ *Long mạch quá Hiệp, nếu gặp gió thổi, thì huyệt vị kém cát lợi.*

Hiệp là yếu tố quyết định của Long mạch, do tạo hóa tạo nên. Nơi Long mạch quá Hiệp, nếu hai bên không có hộ vệ, bị gió thổi, Thủy kiếp, thì chỉ phát đạt phần nào, phúc phận bình thường. Nếu hai bên có hộ vệ, thì kết huyệt ở phía trước nhất định phát mạnh, phúc phận lớn lao. Bởi lẽ huyệt vị do Hiệp đẻ ra cũng giống như người thụ thai. Khi hoài thai có bệnh, đứa con sinh ra ắt ốm yếu, kém còi.

☐ *Thủy lưu phải uốn lượn.*

Theo đúng Thủy pháp, mỗi một đoạn uốn lượn phải có vũng nước đọng lại phía sau. Không uốn lượn, không có vũng nước đọng là vô tình.

☐ *Nhìn địa hình, phải tùy cơ ứng biến. Huyệt vị cao quá, dễ phát nhưng cũng dễ tàn như hoa.*

Theo Huyệt pháp, huyệt vị ở cao quá thì chóng phát, song cũng chóng tàn lụi. Huyệt vị ở chỗ thấp, tuy phát đạt chậm hơn, nhưng cũng bền hơn.

☐ *Huyệt vị không được quá thấp.*

Bởi lẽ như thế phần môi miệng và mũi quá gần, điểm huyệt quá chậm thì sẽ mất Chân khí, hại cho môi miệng.

☐ *Có đất quý, còn phải theo đúng Táng pháp.*

Tuy dù có được đất quý, nhưng điểm huyệt cao thấp, nông sâu sai phép tắc thì vẫn hung hiểm.

☐ *Định hướng, phải lấy phương Tý Ngọ làm chính, lập huyệt, phải chọn ngày giờ.*

An táng, làm nhà, đều phải chọn ngày, giờ, tháng, năm. Đương thời Dương công chọn kỳ ngày tháng năm. Hoặc xem hướng, hoặc xem có hợp với mạng người chết, người sống. Tóm lại, chọn Lộc, Mã cho hợp với người. Các thầy phong thủy bây giờ khi chọn ngày chỉ tránh hung, sát, không tính đến sự tương hợp về Lộc, Mã, Quý Nhân, phương hướng Long mạch, là chưa đầy đủ.

☐ *Thầy phong thủy phải tinh thông địa lý.*

Núi non dù có khiếm khuyết cũng không hạ thấp phúc dày của Chân Long. Nhưng chọn sai năm tháng, thì đất cát lợi cũng thành tai họa. Sơn cát, Thủy cát, huyệt cũng cát, tại sao lại liên tiếp gặp tai họa ? Đó là vì năm hung, tháng hung, ngày cũng hung. Cho nên phải cần thầy giỏi.

Thầy phong thủy phải coi âm đức là trọng, đừng tham cái lợi trước mắt cho mình mà hại cho người. Chiêm bốc không tinh, thật là đại họa cho mọi người. Chữa bệnh không giỏi, chỉ hại một

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

... sơn. Nhưng thầy phong thủy không tinh thông, thì hại cho cả một dòng họ. Điều này chớ nên xem thường.

- *Họa phúc do Thủy ứng nghiệm nhanh chóng, do Sơn ứng nghiệm chậm hơn.*

  Sơn là tĩnh vật lâu năm, họa phúc sẽ ứng nghiệm chậm. Thủy lưu thì động đêm ngày, ứng nghiệm hung cát rất nhanh.

- *Địa hình tuy cát lợi, nhưng mai táng sai phép tắc, cuối cùng vẫn là hung họa.*

  Long mạch tuy cát lợi, nhưng mai táng không đúng chính huyệt, phương hướng không hợp với Thủy, thì là hung táng.

- *Định cát hung căn cứ vào tam cát tinh.*

  Tam cát tinh là Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc.

- *Xem Long mạch thì tính từ huyệt, tiến một bước và lùi lại một bước, coi Long mạch có mấy tiết mà định cát hung. Nếu thấy ba cát tinh, thì cả một đời sẽ phát đạt.*

  Xem Thủy thì tiến về phía trước huyệt một bước mà xem cát hung. Nếu sau vài bước thấy chỗ nước trong và sâu, thì sẽ phát tài bấy nhiêu năm. Nếu thấy nước chảy xiết thì mấy năm đó sẽ hung hiểm.

- *Kiếp hại xuất phát từ nơi nào thì sẽ ứng nghiệm lại Tam Hợp và Tứ Xung.*

  Kiếp hại là sơn thủy hung ác. Tam Hợp ví dụ như Dần Ngọ Tuất. Tứ Xung vì dụ như Tý Ngọ Mão Dậu.

- *Gặp đất tốt sẽ phát, gặp đất hung sẽ bại. Sơn cao mà thủy thấp, thì Minh Đường rộng và bằng phẳng. Thủy lớn mà sơn nhỏ, thì Tổ tông sơn phải cao to. Long mạch nhấp nhô lên xuống, sẽ kết huyệt phú quý.*

  Long mạch ở giữa các sơn cốc sẽ nhấp nhô lên xuống, đứt rồi lại nối, ở trên bình địa sẽ tiếp liền nhau, dù có đứt lại nối liên tục. Đó là sự hoán đổi tinh tú. Nơi tận cùng sẽ là đất lớn đại phú quý.

- *Nơi Thủy lưu lại có Thủy lưu khác uốn quanh như cánh cung, ắt phát phúc lâu dài.*

  Ở nơi Thủy lưu theo Long mạch chảy đến lại có dòng kênh, mương uốn quanh như hình cánh cung, thì chủ nhân sẽ phát phúc lâu dài.

- *Thiên quan và Địa trục chứng tỏ phú quý nhanh hay chậm.*

  Thiên quan là cổng trời, là kỳ sơn dị thạch nơi Thủy lưu chảy đến. Địa trục là sản vật của đất, là gò đống, thạch ấn che chắn nơi Thủy lưu chảy đi.

- *Trâu đất sợ dây thừng căng.*

  Trâu đất là chỉ huyệt, sợ Thủy lưu chảy thẳng như dây thừng, không có chỗ dừng tụ, chủ về sự chết chóc, thất bại.

- *Mãnh hổ sợ mũi tên bắn lén.*

  Hổ đây là chỉ Long huyệt, chứ không phải Bạch Hổ sơn ở mé hữu. Khi Long quá mạch, có sơn cước nhọn nhắm vào lưng huyệt hoặc Thủy lưu xối mạnh vào lưng huyệt, thì gọi là bị bắn lén, phá tán Sinh khí.

- *Huyền Vũ sơn không nên lè lưỡi.*

  Dư khí trước huyệt kéo dài mà hai bên không có gì bao bọc, gọi là "Huyền Vũ lè lưỡi".

  Trong "Huyệt pháp" có nói :

  > "Huyền Vũ lè lưỡi thì điểm huyệt trên cao".

- *Chu Tước sơn tối kỵ nham nhở.*

  Sơn phong phía trước huyệt vị tối kỵ nham nhở, lồi lõm, lở loét..., sẽ gây nhiều tai họa.

- *Trước huyệt, kỵ thấy hầm hố.*

  Trước huyệt nếu có hố sâu, thì gọi là Âm Tuyền, như vậy không có Chân khí dư thừa, chủ sự chết chóc, thất bại.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Trên tay tối kỵ có giao lộ.*

Trên hai cánh tay Thanh Long, Bạch Hổ tối kỵ có giao lộ, gọi là "giao đao", chủ sự sát thương, tù đày.

☐ *Thượng bất chính, hạ tất loạn.*

Phía trên chênh vênh, thì Long mạch tán loạn. Chủ hung hiểm.

☐ *Mé tả trống trải, mé hữu được vây bọc, cũng vô dụng.*

Đây nói là nếu Thủy thế chảy sang mé tả, tất phải có Sa phong bên tả bao bọc mới làm cho Chân khí tụ lại. Nay mé tả trống trải thì dù mé hữu được nhiều Sa phong vây kín, vẫn không thể kết huyệt nơi đây.

☐ *Ngoại mạo tựa hồ không đủ, nhưng nội tướng có dư, ai hiểu tình huống này?*

Quan sát diện mạo bên ngoài, tựa hồ Sa phong và Thủy lưu đều vô tình, không thể tạo huyệt, nhưng leo lên huyệt vị mà nhìn, thấy tình ý có dư. Tình huống này cần phân biệt cho thật kỹ.

☐ *Đại thể là chính, tiểu tiết là phụ.*

Long mạch, huyệt vị phân minh, Sa phong, Thủy lưu yểm trợ, thì dù có những thiếu sót nhỏ, cũng có thể biến hung thành cát.

☐ *Vì sao thần tinh của Long mạch hiển lộ lại là triệu chứng hung ác? Vì sao hình thể Long mạch ẩn khuất, lại là triệu chứng cát lợi? Bởi vì ẩn khuất sẽ xuất hiện tông tích kỳ dị; hiển lộ thì phần lớn là huyệt giả.*

☐ *Trước Minh Đường có lớp lớp gò đống là cát lợi.*

Trước Minh Đường có nhiều đất như những cái chuông úp, như quân sĩ nhất tề tuân lệnh, là đất cực phú quý.

☐ *Hoa Biểu, Cản Môn trấn giữ Thủy Khẩu.*

Một ngọn núi nhô cao gọi là Hoa Biểu. hai ngọn núi cùng nhô cao, gọi là Cản Môn. Thủy Khẩu được Hoa Biểu, Cản Môn trấn giữ, thì ở trong tất là đất cực quý.

☐ *Lâu đài, Cổ giác trên La thành.*

Sơn phong cao tròn lô nhô gọi là Lâu đài sơn. Sơn phong nhọn chĩa lô nhô gọi là Cổ giác sơn. Chúng la liệt trên La thành, thì sẽ kết thành đất cực quý.

☐ *Địa thế đế đô, đại quận.*

Sơn thủy đại hội tụ mà cục thế khoáng đạt, có thể kiến lập đế đô hoặc châu quận, tối thiểu cũng sẽ trở thành thị trấn hoặc thôn trang nổi danh.

☐ *Quần sơn hội tụ, chủ nhân vừa phú vừa quý.*

Núi non đều dồn tụ chầu vào, thì phú quý song toàn.

☐ *Bách vật đồng quy, phúc lộc vô tận.*

Quần Sơn quần Thủy tụ hợp; thì Sinh khí đại vượng, chủ nhân phú quý vô cùng.

☐ *Sơn thủy tương xứng mới cát lợi.*

Sơn và Thủy, Thủy và Sơn chỉ có tương xứng mới cát lợi, toàn thiện toàn mỹ. Sơn hơn Thủy, Thủy hơn Sơn là hung.

☐ *Long Hổ tỷ hòa mới cát.*

Thanh Long, Bạch Hổ quý ở chỗ nhường nhịn, chứ không đấu tranh với nhau.

☐ *Bát môn khiếm khuyết, dù giàu đến mấy cũng bị chết đói.*

Bát môn là tám hướng, nếu có khiếm lõm, sẽ bị gió thổi tứ phía thốc vào huyệt. Táng ở đây sẽ có người chết đói.

☐ *Tứ Thủy quy lưu mà Tứ Thú hội tụ, dù sinh ở gia đình nghèo khó, cũng sẽ làm đến chức công khanh.*

Bốn dòng nước quy tụ ở Minh Đường, Tứ Thú (Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ) hộ vệ xung quanh Minh Đường, thì sẽ xuất hiện bậc đại quan.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Trong Đột có Quật, trong Quật có Đột, nên cấm huyệt.*

Đột (nhô) là Dương, Quật (hang, hố) là Âm. Trong Đột có Quật là Dương tàng Âm, trong Quật có Đột là Âm tàng Dương. Cát lợi.

☐ *Tìm Long mạch tốn bao công sức, thấy gò đất nơi bình địa thì lấy ngay.*

Sơn cốc là sơ thủy (phần đầu) củalưng Long, nơi đây khí thịnh vượng, dễ có núi cao. Nhưng đến vùng bình địa, khí mạch ẩn tàng, vậy ở vùng đó thấy có gò đất nhô lên chính là nơi Chân khí vượng thịnh.

☐ *Hình sơn đẹp đẽ mà vọng lại tiếng nước réo, huyệt vị vô cùng hung hiểm.*

Núi non tuy đẹp đẽ, nhưng Thủy lưu xối thẳng gấp gáp, âm thanh phức tạp, thì Sinh khí tán loạn.

☐ *Thủy cấp Sơn thô, chỉ làm đến miếu.*

Nơi nước chảy gấp, âm thanh phức tạp, thế núi hiểm ác, không thể làm nhà, xây mộ, chỉ có thể dựng đến miếu.

☐ *Bất luận núi cao hay đồng bằng, phải đào huyệt cho sâu.*

Núi cao Chân khí trầm xuống, phải đào huyệt sâu. Đồng bằng, Chân khí nổi nông, tại sao cũng phải đào huyệt sâu ? Đó là để người và cây cối không thể xâm phạm, súc vật phá phách. Riêng vùng bình dương mới đào huyệt nông, song phải lấy đất nơi khác đắp mộ cho cao.

☐ *Phong thủy địa lý quý ở chỗ Long mạch và huyệt vị chân chính, Thủy lưu và sa phong chân chính. Nếu lên núi thấy một dòng thủy lưu chảy xéo, thì chủ nhân sẽ mất chức. Vào huyệt thấy quần sơn quay lưng, thì chủ nhân phải ly hương. Thấy ngọn núi nhọn nhô cao có độc, ao hồ nước dục, thì tốn công đèn sách mà cuối cùng vẫn chẳng thành danh.*

Trước huyệt dù có Văn bút phong đẹp đẽ nhưng cô đơn, dù có ao hồ đầy tràn nhưng nước đục, thì dù tốn công dùi mài kinh sử, cũng không thể thành danh.

☐ *Tài Phú sơn bị Thủy kéo đi, như hoa bị ong hút mật.*

Sa phong hai bên tròn trịa gọi là Tài sơn. Tài sơn phải chầu vào mới cát lợi. Nếu bị Thủy kéo đi, thì tiền tài sẽ rơi hết vào tay kẻ khác, như hoa bị ong hút hết nhụy mật.

☐ *Một năm nhiều lần di chuyển, nhất định ở huyệt vị Thủy lưu uốn lượn chín khúc. Làm quan mười năm không lên chức, chắc chắn vì Sơn không toàn mỹ. Thủy lưu uốn lượn hữu tình, dù không hợp tinh tú, cũng cát lợi. Sơn thế nếu nghiêng lệch, dù hợp quẻ, cũng hung hiểm. Tuyệt tự là do Sơn cùng Thủy tận. Tán gia bại sản là do Sơn phi Thủy tán.*

Sự cao thấp của tước vị là do Long pháp quyết định.

☐ *Thiên Ất, Thái Ất nhỏ cao, làm đến đại thần.*

Thiên Ất, Thái Ất là hai ngôi sao ở hai phương vị Tốn, Tân, ở hai bên phía sau huyệt vị. Nếu hai sao này nhỏ cao, thì sẽ xuất hiện đại thần.

☐ *Cầm tinh, Thú tinh ở Thủy Khẩu, chủ nhân được vào viện hàn lâm.*

Nếu ở Thủy Khẩu có hai sao tượng Cầm Thú, sẽ xuất hiện viện sĩ hàn lâm.

☐ *Mấy ngọn núi cao vút tới mây trời, sẽ xuất hiện công khanh.*

Đào công nói :

> "Nếu có các sơn phong chĩa lên trời như cây tháp bút, sẽ xuất hiện bậc hào kiệt".

☐ *Thủy lưu chín khúc tụ ở Minh Đường, chủ nhân sẽ làm tể tướng.*

Thủy lưu uốn lượn triều hướng Minh Đường, sẽ có quý nhân làm tể tướng. Nhưng nếu thân Long không quý, Huyệt pháp không đúng, dù có nhiều ngọn núi cao vút lưng trời, Thủy lưu triều hướng Minh Đường, cũng sẽ chẳng ứng nghiệm.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Mé tả có cờ, mé hữu có trống, xuất hiện võ tướng. Mặt trước có trường, mặt sau có bình phong, xuất hiện quan văn. Nếu có hình dạng tri ngưu vọng nguyệt, xuất hiện thần đồng.*

  Nguyệt là Kim tinh, nếu thanh tú, thấp nhỏ, sẽ xuất hiện thần đồng.

- *Văn bút phong nối liền với Cáo Trực sơn, chủ nhân đỗ Tiến sĩ.*

  Văn bút phong tiếp liền Cáo trực sơn, xuất hiện bậc văn chương khoa cử.

- *Tịch Mạo sơn nối liền Ngự Bình sơn, xuất hiện quan văn.*

  Tịch Mạo sơn nối liền Ngự Bình sơn, sẽ làm quan đọc sách làm thơ.

- *Sơn phong hình đao kiếm, xuất hiện đại tướng.*

  Một dãy núi nhọn vòng quanh gọi là Nhị đao. Hai dãy núi vòng quanh gọi là Nhất kiếm. nếu hai bên thân Long xuất hiện hình dạng đó, sẽ xuất hiện đại tướng cầm quân viễn chinh.

- *Cổ giác, Mai Hoa sơn, chủ nhân làm tri châu.*

  Cổ giác, Mai Hoa sơn là chỉ hình dạng năm ngọn núi liền nhau, nếu ở giữa có một ngọn nhô cao, sẽ xuất hiện chức quan tri châu.

- *Sơn phong có hình lọ bạc, chủ nhân giàu tựa Thạch Sùng.*

  Ngọn núi nhỏ, tròn như hình chiếc lọ bạc, chủ đại phú.

- *Sơn phong có hình đai ngọc, cá vàng, chủ nhân cực quý hiển.*

  Thủy tinh uốn quanh gọi là đai ngọc (ngọc đới), Kim tinh tiểu xảo, gọi là cá vàng (kim ngư). Gộp lại gọi là ngọc đới, kim ngư. Thấy hình dạng ấy trước huyệt, thì chủ nhân sẽ quý hiển.

- *Sơn phong hình hoa sen tụ thành nhiều lớp, xuất hiện bậc công khanh.*

  Nếu trước huyệt có nhiều sơn phong hình hoa sen, chủ xuất hiện đại thần.

- *Có Nga My sơn, con gái trở thành vương phi.*

  Nga My sơn trông như hình trăng non, là Thái Âm Kim tinh. Chủ nữ nhân xinh đẹp, được ân sủng như vương phi.

- *Có Kim Cáo sơn, con trai lấy công chúa.*

  Kim Cáo sơn là Thổ tinh, như cái kỷ án đặt ngang, hai đầu hơi cao, gần đó có Nga My sơn tương xứng, thì con trai thành Phò mã.

- *Ngư Đại sơn nếu ở cung Đoài, chủ nhân thành khanh tướng.*

  Phương Tây Kim tinh, gọi là Kim ngư đại (túi cá vàng), chủ xuất hiện quan đại thần.

- *Thiên Mã sơn nếu ở phương Nam, chủ nhân làm quan đến chức công hầu.*

  Thiên Mã sơn nhô cao ở phương Nam, gọi là Mã tinh. Nằm trong Viên cục thì sẽ xuất hiện đại quan. Lưỡng Mã giao trì cũng vậy.

- *Trắc Kỳ sơn chủ xuất hiện tướng quân.*

  Trắc Kỳ sơn là Hỏa tinh, nếu nhô cao, sẽ xuất hiện võ tướng.

- *Văn võ bất đồng.*

  "Hắc Tương Kinh" viết :

  > "Long mạch quan văn là lầu đài, phượng các (gác tía). Huyệt vị quan văn là Hoa Cái, Tam Thai. Sa phong quan văn là cờ trống, quý nhân. Thủy lưu quan văn là hai bên đi, đến thẳng băng.

  Long mạch quan võ là Hỏa tinh, Mộc tinh. Huyệt vị quan võ là xuất thân cờ đỏ. Sa phong quan võ là đao kiếm triều nghênh. Thủy lưu quan võ là Hỏa thành chảy dài.

- *Nhận chức nơi đâu, căn cứ phương hướng.*

  Muốn biết xem chủ nhà nhậm chức ở châu hoặc quận nào, chỉ cần xem phương hướng của sơn phong cao quý, sau đó đối chiếu với sự phân bố chín châu sẽ rõ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cao mà tròn lớn gọi là Thương, vuông vức gọi là Khố. Nếu thân Long có các sơn phong hình Thương Khố (kho, dụn) thì ở nơi Long dừng lại kết huyệt, hai bên lại có thêm Sa phong hình Thương Khố yểm trợ, chủ nhân trở nên bậc đại phú.

☐ *Nếu có Sinh Diệu, Sinh Quan xuất hiện, chủ nhân nổi danh khắp thiên hạ.*

Nơi Thanh Long, Bạch Hổ có dư khí bốc lên, gọi là "Diệu khí", phía sau Án sơn có sơn phong bái Long, gọi là "Quan tinh". Diệu, Quan chiếu huyệt thì danh nổi như sóng cồn.

☐ *Nếu Văn tinh thấp bé, thì văn sĩ yếu tử như Nhan Hồi, nếu Thiên trụ nhô cao, thì người sẽ thọ như Bành Tổ. Có Ấn nổi trên mặt nước, ắt văn chương xuất sắc, có Thủy tụ ở Thiên tâm ắt sẽ phú quý.*

Vật chất có nhiều loại, đa dạng về hình thể. Phàm khi điểm huyệt, phải xem hình thể Ngũ tinh mà định cát hung.

☐ *Hổ và sư tử có hình dạng tương tự.*

Thể hình của mãnh hổ cao lớn mà tròn trịa, của sư tử thì vuông vức hơn.

☐ *Đại nhạn và phụng hoàng cũng không khác nhau là mấy.*

Đại nhạn đầu đuôi tương đối ngắn, Phụng hoàng thì dài hơn. Tinh phong có hình thể cầm điểu (chim chóc) thì mạng vận cao quý.

☐ *Lộc Mã dễ nhầm.*

Lộc (hươu) có hình dáng gầy mà đầu bằng; Mã (ngựa) thân mập, đầu cao.

☐ *Khâu Xà cũng dễ nhầm.*

Hình dạng của Khâu (giun) ngắn, Xà (rắn) thì thân dài hơn.

☐ *Văn bút và họa bút, nhu đao và sát đao, có gì khác ? Nếu dãy núi dẹp đẽ, thì sát đao hóa thành nhu đao. Nếu chủ nhân non kém, thì văn bút biến thành họa bút. Giáo mác là hung khí, nhưng gặp võ sĩ sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Phù thi (xác chết nổi) vốn xấu, gặp bầy quạ sẽ hay. Ấn kiếm vốn chỉ thiên sư mới biết sử dụng. Hương lô (lò hương) là của thầy mo.*

Ấn Kiếm sơn sẽ có thiên sư hoặc tăng lữ xuất hiện, Hương lô sơn chủ xuất hiện thầy mo. Hồ lô sơn sẽ xuất hiện thuật sĩ, y sĩ.

☐ *Long mạch và huyệt vị là chính.*

Phàm Long mạch chân, huyệt vị chính, thì dù Sa phong hung hiểm cũng sẽ biến thành cát lợi. Long mạch bần tiện, huyệt vị giả, thì Sa phong cát lợi cũng biến thành hung hiểm. Cổ nhân từng nói :

> "Sa phong giống như mỹ nữ, quý hiện đều tùy ở người chồng. Thủy lưu giống như tinh binh, tiến thoái tùy ở tướng lĩnh".

☐ *Con cháu bất hiếu, Thủy lưu trước huyệt có hình chữ bát.*

Nếu Thủy lưu trước huyệt phân thành hình chữ bát mà chảy đi, thì con cháu sẽ phản nghịch bất hiếu.

☐ *Nam nữ dâm đãng, ngoài Án sơn có Bao Đầu sơn.*

Bao Đầu sơn là chóp núi như có cái bao đầu, chủ nam nữ dâm đãng.

☐ *Hình chiếc ấn nhám nhở, chủ mù mắt hoặc hỏng thai.*

Núi hoặc đá có hình ấn nhám nhở, chủ về mù mắt hoặc hư thai.

☐ *Thám Đầu sơn, Trắc Diện sơn, chủ xuất hiện phường trộm cắp.*

Ngoài ngọn núi có ngọn núi khác hơi nhô lên, gọi là Thám Đầu sơn; hơi lộ ở đầu bên sườn, gọi là Trắc Diện sơn. hai hình dạng sơn như thế chỉ xuất hiện phường trộm cắp.

☐ *Thức Lệ sơn, Chủy Não sơn, chủ yểu tử.*

Sơn ở hai bên tả hữu uốn vòng thẳng xuống sát huyệt vị như hai tay, gọi là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thức Lệ sơn (thức lệ - lau nước mắt). Sơn nhỏ cao như đánh vào Não huyệt vị gọi là Chùy Não sơn (chùy não - đấm vào não). hai dạng sơn này chủ chết non.

☐ *Đảo Thi sơn, chủ chết đường.*

Thủy Khẩu có sơn như người nằm ngửa, gọi là Đảo Thi sơn. Chủ người chết đường.

☐ *Thủy Cước sơn, chủ bệnh phù thũng.*

Trước mộ có sơn mà phần chân phình to, gọi là Phù thũng sơn, chủ bệnh phù thũng.

☐ *Mãnh hổ sơn lâm phải có cách diệt trừ.*

Tinh phong kết huyệt cao mà lộ, như mãnh hổ trong rừng, gần đó phải có Án sơn bao quanh mới tránh được tai họa.

☐ *Rắn núp trong cỏ phải có cách chế ngự.*

Thế đi như rắn, rất sợ nhọn và có sát khí, phải né tránh sát khí mới mong thoát hiểm.

☐ *Thuyền phải ở gần bến bãi.*

Hình thuyền phải ở gần Thủy, đây là tỉ dụ về huyệt vị đắc Thủy.

☐ *Mặt nước có cá bơi thì quý.*

Đây là tỉ dụ về huyệt vị nghịch Thủy lưu, khi có Thủy lưu chảy đến thì mở Thiên môn.

☐ *Lá sen không thể gánh trọng trách.*

Huyệt vị hình lá sen thì lực nhỏ mà Chân khí nổi. Dùng lá sen để tỉ dụ.

☐ *Long mạch nơi bình dương há sợ gió thổi ?*

Long mạch vùng bình dương bằng phẳng như bàn tay, nên không sợ gió thổi.

☐ *Bình sa lạc nhạn thích hợp nhất trong Thủy.*

Đây là nói huyệt vị ẩn tàng trong hồ nước hoặc ở gò đất nổi giữa hồ. Dưới đáy nước có thạch cốt quá mạch, tạo thành huyệt vị, đừng vì xung quanh toàn là nước mà bỏ mất huyệt vị ấy.

☐ *Huyệt vị nhân hình, tất phải táng ở giữa phần bụng, chỗ lõm để tránh gió thổi.*

Nhân hình đa phần là Thủy tinh, Hỏa tinh cao lộ mà thành, nên rất sợ gió thổi, vì thế phải tạo huyệt ở chỗ lõm để tàng phong, tụ khí.

☐ *Huyệt vị hình cầm (hình chim) quý ở chỗ nách cánh, không cần câu nệ bên tả hay bên hữu.*

Hai cánh của cầm điểu (chim chóc) quý ở chỗ bao tàng, bất luận bên tả hay bên hữu, chỗ nách cánh đều là cát lợi.

☐ *Phải xét kỹ Hình huyệt gồm bốn loại Cái, Niệm, Kỷ, Chương.*

+ Cái là chỉ Chân khí hội tụ ở đỉnh núi là Thiên huyệt, gồm ba dạng : Hoa Cái, Vân Cái, Bảo Cái.

+ Niệm là khí mạch thịnh vượng, hội tụ ở chân núi, là địa huyệt, gồm hai dạng : Hư Niêm, Thực Niêm.

+ Kỷ là chỉ khí mạch tụ hội ở bên cạnh, là Long Nhĩ huyệt, gồm hai dạng : Hư Kỷ, Thực Kỷ.

+ Chương là chỉ Chân khí hội tụ ở chính giữa, tức Nhân huyệt, gồm hai dạng : Khinh Chương, Trọng Chương. Nếu Triều sơn cao là Trọng, là tốt; nếu Triều sơn thấp là Khinh, cũng tốt.

☐ *Thôn, thổ, trầm, phù, nhất định phải theo Táng pháp.*

Khí mạch có Âm Dương, nên huyệt vị có thôn (nuốt vào), thổ (nhả ra), trầm (chìm xuống), phù (nổi lên). Phàm Long mạch đến táng khẩu là thuần Âm, thì sẽ thẳng như sống kiếm, thì ván trên của quan tài phải nhô ra thêm 2 phân, gọi là "thổ" (nhả ra), vì Âm khí co xuống, phải mượn một hơi Dương khí, Chân khí mới Âm Dương tương sinh. Phàm Long mạch đến táng khẩu là thuần Dương, giống như đốt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tay, thì ván thiên của quan tài phải lui vào 2 phân, gọi là "thôn" (nuốt vào), vì Dương khí áp xuống, phải mượn Âm khí hút vào, Chân khí mới Âm Dương tương sinh. Âm là cường, khí mạch đến mạch gấp, từ trên đi xuống, là Thiên khí hạ giáng, Sinh khí lộ mà không ẩn, gọi là "phù" (nổi). Dương là nhược, khí mạch đến trầm tế, từ dưới mà lên, là Địa khí bốc lên, Sinh khí ẩn mà không lộ, gọi là "trầm". Táng đúng phép, sẽ thành Sinh khí. Táng sai phép, sẽ thành Tử khí.

- *Môi, rốn, mắt, đuôi, trán, bụng, sáu thứ ấy là tam cát, tam hung.*

  + Môi, mắt, đuôi là tam hung, trực lộ mà thiên lệch.

  + Rốn, trán, bụng là tam cát, ẩn tàng mà trung chính.

- *Sừng, tai, lưng, chân, mũi, sườn, sáu thứ ấy là tứ hung, nhị cát.*

  + Tai, mũi là nhị cát.

  + Chân, sừng, lưng, sườn là tứ hung.

- *Chóp núi như nắm đấm, xuất hiện hung đồ.*

  Chóp núi của Long sơn, Hổ sơn nhô cao như nắm đấm là hung.

- *Thủy lưu xung phá Thái Âm, con gái trăng hoa.*

  Thái Âm là chỉ Nga My Kim tinh, nếu Thủy lưu xói vào Kim tinh thành hố lõm, thì con gái trăng hoa đĩ thõa.

- *Văn Khúc tinh thiên lệch, con gái trăng hoa.*

  Văn Khúc tinh nghiêng lệch thì là Mộc tinh, chủ con gái, con trai dâm đãng, truỵ lạc.

- *Đầu mọc sừng, con bất hiếu.*

  Đỉnh Triều sơn mọc hai cái như sừng dê, chủ xuất hiện kẻ phản nghịch, bất hiếu.

  Trên đầu có nếp gấp như sườn trâu, chủ kẻ phạm pháp bị xử hình.

  Núi có hình dạng như sườn trâu, chủ về hình pháp tù đày.

- *Văn bút phong cư Ngọ, hỏa hoạn đáng sợ.*

  Văn bút tinh là phương vị Hỏa tinh xung thiên, nếu cư ở Ngọ là chính Nam, thì sẽ có hỏa hoạn đáng sợ.

- *Quân tử đứng giữa bầy tiểu nhân.*

  Sơn phong tứ bề tản mạn, ở giữa có một ngọn núi đoan chính vượt trội lên, thì giống như quân tử đứng vững giữa đám tiểu nhân.

- *Tiểu nhân như cỏ giữa đám hoa sen.*

  Sơn phong tứ bề đoan chính, ở giữa có một ngọn núi xấu xí khó coi, thì như trong đám quân tử có kẻ tiểu nhân.

- *Trong đá có ngọc, con cái thành tài.*

  Chủ tinh sao chính, ở gần huyệt vị đẹp đẽ hơn hẳn các tinh tú ở phía sau, gọi là mẹ tiện con quý, con sẽ thành nhân tài kiệt xuất.

- *Tuyệt tự chỉ vì Thủy lưu xung phá Thiên tâm.*

  Thiên tâm là huyệt vị, phàm điểm huyệt phải tiếp nhận Sinh khí. Nếu ở chỗ nhập thủ không có khí mạch, thì mặt trên không phân khai, Thủy lưu sẽ xối thẳng vào huyệt vị, dẫn đến tuyệt tự, không người nối dõi.

- *Con cái xuất gia tu hành, vì Thủy lưu xung phá chân thành.*

  Chân thành là chỉ chân núi Long sơn, Hổ sơn, bị Thủy lưu xối vào sẽ lở lói, con cái sẽ hóa thành hòa thượng, đạo sĩ.

- *Tiếng nước chảy nghe như tiếng khóc than, chủ chết chóc. Tiếng nước chảy nghe như tiếng vàng tiếng ngọc, chủ phát tài.*

  Thanh âm của Thủy trong sáng vui vẻ, chủ phát tài, thăng quan tiến chức. Thanh âm của Thủy nghe buồn bã thê lương, chủ chết chóc suy bại. Có thanh âm không bằng vô thanh âm.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Một đến một đi, có phúc cũng có họa. Một gấp một chậm, có lợi cũng có hại. Hai mươi bốn (24) sơn, tên gọi phức tạp. Ba mươi sáu (36) huyệt, Huyệt pháp cũng rắc rối. Phải chú ý xem xét bốn hướng, nắm chắc Ngũ Hành. Sơn quay mình mà tạo huyệt, tất chúng sơn bên ngoài phải ngoảnh đầu lại.*

Thế quay mình đa phần không có Long sơn, Hổ sơn, bên ngoài phải có ngọn núi quay đầu nhìn lại mới cát lợi.

☐ *Quý nhất là có che chắn ẩn tàng, kỵ nhất là khuyết trống.*

Minh Đường kín đáo, Thủy Khẩu che chắn, trong huyệt tàng ẩn, là nơi Sinh khí hội tụ, cát lợi. Minh Đường trống trải, La thành khuyết hở, huyệt bị gió thổi, Sinh khí tán thoát là hung hiểm.

☐ *Sơn ở phía sau huyệt vị không được dựng đứng mà gầy gò.*

Sơn ở phía sau huyệt vị dựng đứng gọi là Huyền Vũ không cúi đầu, là "cự tử" (tuyệt tử), nơi như vậy không thể tạo huyệt.

☐ *Thủy tối e chảy thẳng đi.*

Thủy chảy đi phải uốn lượn, tối e ngại chảy thẳng đi vô tình, vì chủ sự thất bại.

☐ *Càng kỵ Thủy đến ngắn mà đi dài hoặc nghiêng tả lệch hữu. Thủy chảy đi mà gấp, dù uốn lượn cũng là suy bại. Thủy Khẩu tuy có che chắn, nhưng không trùng điệp thì dễ thành dễ bại. thế đến của sơn phong như lớp lớp sóng dồn, là cát lợi.*

Long mạch đến tuy không thanh thoát đẹp đẽ, nhưng tròn trịa, trùng trùng điệp điệp như các lớp sóng lớn, cũng được coi là đặc biệt.

☐ *Thế mạch liên tục, khỏi cần đồi núi cao.*

Nếu Long mạch như đứt mà không đứt, liên tục chạy đến thì rất cát lợi, không cần có đồi núi nhỏ cao hộ vệ.

☐ *Mạch thế quý ở chỗ liên tục, sơn phong quý ở chỗ trùng điệp. Can sinh Chi, chi kỵ tan loạn.*

Chính Long gọi là Can, Can sinh Chi, Chi lại sinh Chi, phải yếm hộ mới cát lợi, tối kỵ tán loạn vô tình.

☐ *Hình thái Hồi Long cố tổ, Tổ sơn không sợ cao.*

Cục diện Long quay đầu nhìn về tổ tông, lấy Tổ sơn làm triều củng, nên Tổ sơn không sợ cao.

☐ *Phải phân biệt Lão, Nộn, Thô, Tinh.*

Lão là chỉ chênh vênh, cứng cỏi; Nộn là chỉ thấp lùn, mềm yếu; Thô là chỉ thô tục, hùng dũng; Tinh là chỉ thanh tú, tròn trịa.

☐ *Quan sát kỹ Sinh, Vượng, Hưu, Phế.*

Sơn thế lưu động là Sinh, nhô lên là Vượng, ẩn phục là Hưu, tĩnh lặng là Phế.

Thủy lưu uốn lượn là Sinh, chảy gấp là Vượng, dừng lặng là Hưu, cạn dần là Phế.

☐ *Dương trạch kỹ thực cũng như Âm trạch.*

Nhà ở cũng không khác mộ phần.

Tối trọng yếu là địa thế rộng rãi bằng phẳng. Minh Đường không nên chật chội. Nếu cư trú ở sơn cốc, quan trọng nhất là kín gió. Ở vùng bình dương, trước hết là thủy thổ phải có dư, cần khai mở thì khai mở; sơn phong không đủ, cần bồi thổ thì bồi thổ (đắp thêm đất). Có nhà trước mới có mộ, nếu xây mộ trước, ắt Dương trạch (nhà ở) sút kém. Có mộ trước, làm nhà sau, nếu nhà ở hưng thịnh, thì mộ phần suy bại. Thủy lưu phải có tình, nếu quay lưng hướng ra ngoài, là hung hiểm.

☐ *La tinh nên ở Thủy Khẩu, kỵ ở Minh Đường.*

Núi nhỏ và gò đống gọi là La tinh, nên xuất hiện ở Thủy Khẩu, không nên ở Minh Đường. Nếu ở gần Minh Đường, sẽ gây tai họa. Điều vừa nói áp dụng cho cả nhà ở lẫn mộ phần.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

*
* *

Pháp độ thăm dò địa lý phong thủy cố nhiên khó mà trình bày cho thật rõ ràng, toàn diện. Những điều huyền diệu phải tự mình tìm tòi mà thấu triệt. Khi đạt tới mức sâu sắc vi diệu, thì tự nhiên sẽ say mê đến mức quên ăn quên ngủ. Nhưng ít ai lĩnh hội đến cùng cái tâm của Khổng Tử. Tin vào sách vở, nhưng còn phải dựa vào con mắt quan sát tinh tường của mình. Tuy bảo là người do trời định, nhưng phúc phận của đời người còn phải do người tự định đoạt. Bậc trí giả coi trọng Thủy, bậc nhân giả coi trọng Sơn, mỗi người có ý thích riêng. Trời sinh người, đất sinh huyệt, đâu phải lẽ ngẫu nhiên ! Muốn tốt đẹp, phải tích nhiều âm đức. Tích thiện tích đức nhiều, ắt được hưởng cát lợi. Hành ác nhiều, ác sẽ bị ác báo. Không làm hại người khác, bản thân mình sẽ được lợi. Tuyệt đối không được vi phạm đức thiện, khinh thường thượng thiên. Huyệt vị vốn do thiên nhiên tạo thành, nhưng phúc phận là do cái tâm của mình quyết định.

Nay ta đã đem trình bày cặn kẽ mọi điều cát hung của phong thủy địa lý cổ đại ở đây, nội dung cơ bản, thô tinh đều bao hàm trong đó, hy vọng truyền lại cho các thuật sĩ chân chính hậu thế làm tài liệu bảo tồn và trân trọng mãi mãi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Dạm Viên
Bổ sung : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Thức
Tải Ung

XÍCH ĐÌNH KINH

Bản chú thích

☐ *Huyệt vị Nhân hình (hình người) nên táng ở chỗ rốn lồi lên.*

Nhân hình là chỉ Thái Dương Kim tinh, chỉ ở chỗ rốn nhô lên là huyệt sâu nhất, có thể chứa đựng, vậy nên táng tại đó.

☐ *Huyệt vị Cầm hình (hình chim chóc) thì hay nhất là tàng ẩn ở hai bên cánh.*

Hình cầm điểu là Cô Âm, không thể sinh hóa vạn vật, nhưng có thể táng ở chỗ kỳ diệu là ở khuỷu của hai cánh. Bất luận là cánh bên phải hay cánh bên trái, chỉ cần căn cứ vào khí thế mà xác định là được.

☐ *Tiêu Tức Nhạn trận (hình chim nhạn sắp hàng bay) có thể tìm được từ mảnh đất khúc khuỷu.*

Hình con nhạn sà thấp mà tinh khí tụ ở chỗ đất bằng, cho nên có thể đi tìm Tiêu Tức về nó ở khoảnh đất hoang dã bát ngát, chỉ cần có đất dá (sa) che và Thủy lưu là được.

☐ *Hương thơm của Ngự Quán có thể ngửi thấy ở ngay chỗ núi quành.*

Ngự Quán là chỉ Sơn trực tiếp chạy tới. Chỗ thơm tho nhất của nó cũng là huyệt vị có Chân khí tụ hợp, nên tìm ở ngay chỗ núi quành.

☐ *Sơn Thiên Mã từ Nam mà đến, chỉ có công hầu xuất hiện.*

Sơn Thiên Mã cao vút, từ phương Nam tới, nếu nó cư ở chỗ đất bằng, thì sẽ xuất hiện công hầu.

☐ *Sơn Ngự Đại ở vị trí Đoài, thì sẽ có chức khanh tướng.*

Kim tinh ở phương Tây, thấp nhỏ mà hình tròn trịa, giống như cái túi, cái giỏ đựng cá. Thấy núi có hình dạng như vậy, thì có thể xuất hiện khanh tướng.

☐ *Kim cáo nở hoa, nam tử sẽ lấy được công chúa.*

Kim cáo là chỉ Thổ tinh, nở hoa nghĩa là trên núi có sắc thái hoa văn. Thấy hình dáng núi như vậy, thì con trai sẽ trở thành Phò mã (lấy được công chúa).

☐ *Sơn Nga My xuất hiện, con gái sẽ được vào cung làm vương phi.*

Núi Nga My là Thái Âm Kim tinh, nó quyết rằng chủ nhà có con gái xinh đẹp, có thể được tiến cung làm vương phi trong triều đình.

☐ *Đột Bút phong xuất hiện, sẽ có nhiều văn nhân.*

Đột Bút phong là ngọn núi chĩa lên như cây bút, là Mộc tinh, Hỏa tinh. Núi có

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hình dạng như vậy, sẽ xuất hiện rất nhiều người giỏi văn chương.

Trác Kỳ phong xuất hiện, nhất định sẽ có nhiều đại tướng.

Trác Kỳ phong là Hỏa tinh, hình lá cờ bay phấp phới. Núi có hình dạng ấy, sẽ xuất hiện tướng quân uy vũ.

Hà diệp sơn phong không thể gánh nặng trọng trách.

Núi có hình dạng tựa lá sen, Chân khí mỏng manh, lực yếu, không nên táng ở đó.

Địa huyệt Qua đằng chỉ có thể xem xét trong phạm vi nhỏ.

Qua đằng là dưa leo. Hình dạng qua đằng là Thủy tinh, khí mạch vốn rất nhỏ, phải tích Thổ gia Kim, chứa đựng chẳng được bao nhiêu.

Tinh phong Hổ hình và Sư tử hình gần giống nhau.

Tinh phong hình Hổ thì thân to đầu nhỏ, tinh phong hình Sư tử thì đầu lớn thân nhỏ. Tuy thần tinh của chúng đều có thể kết huyệt, nhưng không giống nhau. Khí thế thần tinh của hình Hổ tương đối hung mãnh, còn khí thế thần tinh của hình Sư tử thì tương đối uốn lượn.

Chim Nhạn và Phượng hoàng cũng khác nhau về bản chất.

Sơn phong hình Nhạn đầu đuôi tương đối hậu trọng, nó quyết định sự giàu có. Sơn phong hình Phượng hoàng đầu đuôi tương đối thanh thoát tĩnh mịch, nó quyết định sự cao quý. Hình thể và bản chất của cả hai có chỗ khác nhau.

Hình dạng Long ở giữa cánh đồng bát ngát, có núi vây quanh, địa thế như con trai ngậm ngọc quý, bốn bề không tạp loạn.

Bốn bề có núi vây quanh như tấm bình phong, Long huyệt nằm ở giữa cánh đồng bát ngát, từ dưới đất bò lên gò đống sẽ tạo nên huyệt vị, như con trai ngậm ngọc quý, địa thế xung quanh không tạp loạn.

Núi như vạn binh sĩ tùy tùng, thành nơi cấm địa, nơi có ngàn vạn sơn phong nhấp nhô, chính là chốn triều đình.

Nơi quần sơn quy tụ triều bái, chính là huyệt vị.

Hình mai rùa ẩn tàng tinh khí.

Phàm địa thế hình mu rùa, hãy tìm huyệt vị mà táng ở ngay trên lớp vỏ (mai rùa). Chỗ không thịt, không phải huyệt. Chỗ có thịt mới là huyệt vị. Đặt huyệt ở hai bên vai đều tương đối chuẩn xác.

Huyệt vị ở dưới lớp yếm ba ba.

Ở đây cần phân biệt ba ba và rùa. Hãy đặt huyệt vị ở hai bên vai và ở dưới lớp yếm có thịt của con ba ba.

Dùng kim xuyên châu, dùng chỉ xâu chuỗi.

Huyệt vị có hình dạng cây kim xuyên qua ngọc, thì phải có sợi chỉ xâu chuỗi hưởng ứng. Sợi chỉ ấy là Thủy vực.

Súng đặt trong hộp, phải nhờ người sử dụng.

Huyệt vị hình cây súng đặt trong hộp, tất phải có sơn phong hình tướng quân hưởng ứng, nếu không thì cây súng trở nên vô dụng.

Lực sĩ mất roi, tất phải dùng tay.

Huyệt vị hình cây roi, tất phải có sơn phong hình cánh tay hưởng ứng.

Hoa lau, hoa trúc bay tán loạn, phải có bến bờ tương ứng.

Huyệt vị hình hoa lau, hoa trúc bay tán mác, tất phải có hướng nhất định mới được.

Roi ngọc, sợi tơ nhất định phải gặp người.

Huyệt vị hình roi ngọc, tất phải có hình người tương ứng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Tuy hoa bay rơi rụng tản mác, nhưng cành hoa vẫn còn.*

Ý nói lá trên cành hoa có chỗ kết trái, cho nên hương hoa tuy bay mất, nhưng trên cành có thể kết trái.

☐ *Mưa rửa lá sen, hạt mưa dọng hình tròn.*

Địa huyệt hình lá sen được nước mưa rửa sạch, nếu ở giữa lá sen có giọt nước đọng, thì có thể hạ huyệt. Giọt nước đọng là chỉ thạch châu (đá quý).

☐ *Nếu còn dây tơ ngọc cầm, thì sẽ xuất hiện thần tiên.*

Địa huyệt hình ngọc cầm (đàn ngọc), chủ về thần tiên xuất hiện.

☐ *Trăng từ phía Tây mọc lên tại bờ phía Đông, trời sáng ra; sắc mây từ trên trời rọi xuống mặt đất, trời trở nên âm u.*

Hai câu này ý nói bốn huyệt phải xúc kết, hội tụ với triều ứng của nó.

☐ *Huyệt vị hình dạng mũi tên bắn hổ tất phải xuyên qua bụng hổ mà lập huyệt. Địa huyệt người cưỡi lưng rồng tất phải đạp trên đầu rồng mà lập huyệt.*

Hai câu này đều nói về Huyệt pháp. Địa hình mãnh hổ né tránh mũi tên, tất phải hạ huyệt trước bụng hổ. Địa hình người cưỡi lưng rồng, tất phải hạ huyệt tại đầu rồng mới được.

☐ *Nếu bên ngoài lan can có hoa tươi nở rộ, thì ngắm hoa ở ngoài đình viên là đẹp nhất.*

Đây là nói sơn phong mỹ lệ cần ở gần chỗ Án sơn, có thể nhìn thấy chân núi mới được. Giống như hoa tươi nở ở bên ngoài lan can, đứng ở bên ngoài mà ngắm, sẽ chỉ thấy chỗ đẹp của hoa, mà không nhìn thấy những cành hoa tạp loạn ngang dọc ở phía trong lan can.

☐ *Nếu lộ mặt ở đầu tường, thì trong nhà sẽ gặp chuyện hung dữ.*

Đây là nói ở phía ngoài sơn phong không nên nhìn thấy tình trạng lố đầu dò xét, như thế chỉ khiến bọn đạo tặc (trộm cướp) để ý rình rập với ý đồ xấu xa.

☐ *Bầu trời vì mất người khó nhìn xa, nên chỉ cảm thấy một màu xanh ngắt. nếu cự ly giữa đá núi và người quá gần, thì hình dạng xấu xí của đá núi sẽ lộ ra mồn một.*

Ở đây ý nói núi càng xa càng đẹp, giống như bầu trời vì quá xa, nên mất người khó nhìn rõ, chỉ thấy một màu xanh xanh. Cự ly giữa đá núi với người mà gần, thì trạng thái xấu xí của nó sẽ lộ ra rõ ràng. Nếu ở xa, chỉ thấy chỗ đẹp của nó mà thôi.

☐ *Lâu dài có nước bao quanh, thì có thể nhìn thấy lâu dài trong nước.*

Lâu dài tuy xa, nhưng có thể nhìn thấy nó in bóng trong dòng nước, điều này ngụ ý nhìn thấy nước có thể phân biệt rõ hình dạng của núi.

☐ *Nếu khí của Long mạch không tiếp nối, thì huyệt vị chỉ là cái xác không hồn.*

Đây là nói về khí mạch bị đứt đoạn của Long, sẽ làm cho Long biến thành cái xác khô héo, như người không thở nữa thì chỉ là cái xác.

☐ *Nếu tứ bề bao bọc có chỗ tán thoát, nhà thành hoang phế.*

Nhà cửa dột nát, có lỗ hổng thì bị bỏ hoang. Huyệt vị cũng vậy, nếu có chỗ khuyết, có lỗ hổng, sẽ thành phế huyệt.

☐ *Hình cán gáo tương đối bình ổn, địa hình hồ lô không thể có người lai vãng.*

Hình cán gáo là chỉ sơn Thủy Khẩu. Còn hình hồ lô không thể xuất hiện ở chỗ Thủy Khẩu. Nếu lại có người lai vãng ở hồ lô, thì sẽ dẫn đến hậu quả người rớt xuống nước.

☐ *Hình Triều sơn như Long giáng, Hổ phục là nơi cư ngụ của thần tiên.*

Đây là nói sơn phong triều ứng có khí thế Long giáng, Hổ chầu, thì nơi đó sẽ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

xuất hiện thần tiên và là nơi cư trú của thần tiên.

- *Hậu Long có hình phượng cưỡi loan, đây là nhà hoàng hậu.*

  Đây ngụ ý trên thân Hậu Long có đồ hình cát lợi, thì sẽ sinh con trai được hôn phối với công chúa, sinh con gái được tiến cung làm vương phi. Sơn phong triều ứng có hình dạng như thế thì cũng vậy.

- *Hoa lá hướng dương thì sẽ mượt mà.*

  Hoa lá nếu hướng về phía mặt trời, thì sẽ nở hoa sớm, không hướng về phía ánh dương, sẽ nở muộn. Hướng dương sẽ được ấm áp, mượt mà.

- *Sao đều quay về hướng Bắc thì có thể tôn xưng.*

  Sao quay hướng Bắc là vị trí của sao ở phương Nam mà triều hướng về phía Bắc.

- *Tâm tình của mỹ nữ tùy Thủy lưu mà chuyển động.*

  Huyệt vị hình mỹ nữ ở gần dòng nước, thì sẽ xuất hiện chủ nhân dâm dục.

- *Uy thế của tướng quân phải dựa vào thành lũy mới an định.*

  Địa thế hình tướng quân nhất định phải có La thành cao mới được.

- *Long còn non nớt phải rời xa chủ cán mới có thể lớn mạnh.*

  Long còn non nớt phải qua nhiều lần rời xa chủ cán, biến đổi mới được.

- *Mùi thơm có thể ngửi thấy từ ngoài song cửa.*

  Điều này ngụ ý Long mạch và huyệt vị đẹp thì không cần đến tận nơi, mà từ xa đã có thể nhìn khí thế cũng đã biết.

- *Ngọc trai quyết không sản sinh ở nơi ao tù nước đọng, đá quý há ở chỗ đá xấu.*

  Thủy lưu phải êm ả chảy ra xa, sơn thế phải hùng vĩ.

- *Hình Hổ nhe răng thì giống như thương dao.*

  Sơn phong hình Hổ nhe nanh múa vuốt thì giống như đao, thương, nguy hiểm.

- *Huyệt vị sơn phong nếu có khe hở mở ra thì sẽ khiến người sinh bệnh.*

  Đây là nói ở phương vị hung ác có gió thổi vào chỗ lõm, sẽ làm cho người mắc các chứng bệnh nan y.

- *Sơn phong hình bụi song mây, thì bỏ vợ; núi hình phản kích thì sẽ sinh con cháu phản nghịch, bất hiếu.*

  Bụi song mây là Long mạch phản nghịch, phản kích là Long ngược chiều.

- *Nếu có mỏm đá dưới đáy nước, đất sẽ đẻ ra sóng.*

  Long mạch ở trong nước, mạch lạc, tinh phong của nó đều thông qua mỏm đá dưới đáy nước, đất sẽ tạo nên sóng ở phía trên.

- *Trong đám tro có thể nhìn rõ ánh lửa.*

  Huyệt vị đích thực nằm ở giữa quần sơn thì dễ dàng nhìn thấy được, giống như có ánh lửa trong đám tro than, ánh lửa ấy không thể bị che lấp.

- *Hai bào thai cùng được thai nghén, cơ thể người mẹ sẽ bị tổn hại.*

  Lực của huyệt địa nhỏ mà táng hai người, thì khí mạch của Long dễ vị tổn hại. Nếu Long khí rất thịnh thì mới không e ngại.

- *Hai con cùng ra đời, e khí mạch tổn hại.*

  Hai thai cùng sinh, chỉ e sẽ thụ khí không đều, có một phía bị yếu đi, khó hưng vượng.

- *Kiến tạo nhà cửa ở giữa cánh đồng bát ngát, phải chú ý Thủy tinh.*

  Đây là nói mặt nước rộng mênh mông mà không thấy thủy lưu động, có thể kiến tạo nơi cư trú trên mặt nước, song còn phải chú ý Thủy lưu.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Có thể gieo mạ trên sóng nước, nhưng Thủy ở đó không phải là sông.*

Nếu mặt nước nông, có thể gieo mạ, song không thể gọi đó là sông. Thủy lưu nông thì phát phúc nhỏ, sức lực non yếu.

☐ *Nếu người có thể nằm ngủ trên núi, thì Long mạch sẽ hội tụ ở đấy.*

Đây là nói ở nơi địa thế bằng phẳng, người có thể nằm ngủ, mới là nơi Long khí tụ hợp, mới có thể an cư lạc nghiệp và kiến lập huyệt vị ở đó.

☐ *Nước chảy vào Minh Đường, tổ yến sẽ an định.*

Đây là nói Minh Đường giống như các tổ yến quần tụ, nước rót vào không chảy đi mất, được coi là cát lợi.

☐ *Thủy lưu nếu chảy về phía Hỏa tinh, thì có thể phân rõ cát hung.*

Đây là nói quẻ Ly và quẻ Khảm hướng vào nhau, thì sẽ có sự xung khắc về cát lợi, tức là hung ác.

☐ *Tổ sơn hướng về phía gió cũng phải phân biệt cho kỹ sự biến hóa.*

Quẻ Cấn là núi, quẻ Tốn là gió, Cấn Tốn hướng vào nhau thì cũng có sự phân biệt cát lợi và hung hiểm.

☐ *Hạt trân châu trên lá sen khó trụ lâu.*

Đây là nói địa thế hình hạt trân châu trên lá sen không thể cắm huyệt, vì hạt trân châu ấy rất dễ bị rơi vỡ.

☐ *Nước trong ống trúc cũng dễ cạn khô.*

Đây là nói huyệt vị hình ống trúc cũng không nên cắm huyệt, bởi vì Thủy lưu của nguyên thần dài mà địa thế ống trúc lại quá hẹp, không đủ sức tiếp nhận.

☐ *Ánh chiều phía Tây dễ tắt lặn mà trăng non dễ mọc, gió Đông phần lớn thổi chậm.*

Câu này khó có thể lý giải hàm ý sâu xa của nó, nên không dám giải thích.

☐ *Trước cửa nếu có tiếng chim sẻ kêu nháo nhác thì cô nhi sẽ khóc lóc.*

Đây là nói sơn Chu Tước không nên có tiếng kêu tạp loạn, vì nếu có sẽ rất khó nuôi con nhỏ, hài nhi sẽ khóc ròng mà chết.

☐ *Long mạch dưới huyệt vị bị kinh động thì phụ nữ mang thai sẽ khóc than.*

Nếu sơn Huyền Vũ bị đào bới, bất an, thì phụ nữ mang thai sẽ ưu sầu hoặc rất có hại cho việc sinh sản.

☐ *Long ngân Hổ gầm, trong nhà có họa.*

Nếu Long sơn, Hổ sơn há miệng lâu trước huyệt vị, hoặc Long sơn, Hổ sơn bị đào bới kinh động, phát ra tiếng kêu gầm rú, trong nhà nhất định phát sinh tai họa.

☐ *Rắn hoảng thỏ chạy, vạn sự đều hỏng.*

Tìm Long mạch gặp tình huống này, dù có Long huyệt cũng không nên cắm huyệt, hãy bỏ đi nơi khác, nên mới nói "vạn sự đều hư".

☐ *Dây thừng móc cá, chủ nhân sẽ bị ngục tù.*

Đây là nói Thủy vực như hình sợi dây xuyên qua mang cá, huyệt vị như thế sẽ đẩy chủ nhân lâm họa ngục tù.

☐ *Duẩn khuê phục diễu, sẽ làm cho chủ nhà phát đạt, dựng nhà cao cửa rộng.*

Sa phong đằng trước như măng mọc, sơn Chu Tước lượn lờ mà bò lan trước Minh Đường, thì chủ về đại quý, có vua chúa đến tham dự lễ dựng lâu đài.

☐ *Về già mới đi tìm gậy chống.*

Đây là nói núi già mà khô, chỉ mọc những cây trúc đơn độc.

☐ *Khi còn non rất dễ sản sinh tơ tằm.*

Đây là nói ở chỗ Nộn Long (núi còn non) quá mạch phần lớn xuất hiện địa hình sợi tơ tằm.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Nếu sống có độc, không ai đến làm bạn, những chỗ như vậy ngày ngày chỉ thấp hương, dùng làm đền miếu.*

Đây là nói về Long mạch cô đơn, chỉ có thể dựng đền miếu, không thể làm Âm phần, Dương trạch ở chốn này.

☐ *Cùng Long, Nộ Long khó nhận ra tông tích Long mạch, giống như gió thổi cỏ lá tán loạn.*

Đây là nói lai lịch của Cùng Long, Nộ Long không rõ ràng, tìm huyệt vị ở đó thì quá khó khăn.

☐ *Chớ ngồi trước trăng mà nhìn thỏ ngọc.*

Đây là nói nếu có trăng, thỏ hướng vào nhau, không thể tạo huyệt vị. Thỏ nếu tạo nên hình dạng thỏ ngọc vọng nguyệt, thì không thể từ phương vị vắng trăng mà nhìn thỏ, nghĩa là sẽ khiến chủ nhân bị sứt môi.

☐ *Thà rằng từ trên xe thấy Kim ngưu.*

Địa thế hình Kim ngưu (bò vàng) kéo xe thì có thể cắm huyệt. Nếu địa thế hình nhọn, thì không nên. Huyệt vị hình sa bàn cũng có thể dùng được.

☐ *Hoa lộ trong bụi cỏ đều ở phần đuôi.*

Đây là nói về Huyệt pháp. Chủ yếu là xem chỗ Chân khí tụ hợp mà hạ huyệt.

☐ *Hương vị của hoa là ở trong nhị hoa.*

Đây là nói về Hoa Tâm huyệt.

☐ *Hoa rụng theo nước mà trôi, theo gió mà kết quả.*

Đây là nói về huyệt vị hình hoa rụng, có gò đất hệt như hoa rụng tán loạn, trong đó hẳn có nhiều chỗ kết trái, những chỗ ấy đều là nơi Chân khí tụ hợp, nếu muốn tìm huyệt vị ở trong gò đống tán loạn, thì là sai.

☐ *Cây cối đổ ngổn ngang trên núi, phải nhìn chỗ phát sáng dưới trăng.*

Đây là nói về huyệt vị hình cây đổ. Tuy cây bị đổ, mục nát trên mặt đất, nhưng buổi tối dưới trăng sáng lại lộ khí, phát quang. Gặp hình dạng này, nên tìm chỗ vượng khí mà hạ huyệt, không thể nói là chỗ cây đổ không có huyệt vi.

☐ *Cây khô nếu ra hoa, cũng khó kết trái.*

Đây là nói Mộc tinh đã già cỗi lại khô héo, dù có huyệt cũng không còn khí lực, nên vô dụng.

☐ *Hoa sen khô dọng nước cũng chẳng thành châu.*

Địa thế hình lá sen khô héo không thể kết huyệt.

☐ *Nếu xuất hiện địa hình phượng hoàng ngậm hoa, nhất định sẽ có sa trướng cẩm tú.*

Đây là nói địa hình phượng hoàng ngậm hoa, nhất định sẽ có trướng màn vây quanh.

☐ *Địa hình Ngọc Long hấp Thủy, nhất định có đảo xanh.*

Đây là nói địa hình rồng hút nước, nhất định sẽ có ao, hồ, đầm, cồn, đảo... tương ứng.

☐ *Gió thổi qua lỗ hổng, rét căm căm.*

Gió ở chỗ đất lõm là tối hung ác.

☐ *Thái Dương chiếu sáng trên không, đất có ánh sáng.*

Đất Minh Đường quý ở chỗ rộng thoáng, để cho ánh mặt trời rọi xuống chan hòa.

☐ *Có rồng trong nước, thì tôm cá tụ lại một chỗ. Có rắn bò trên mặt đất, thì chuột bọ kinh sợ nháo nhác. Nếu rồng hiện trên núi, thì núi chao động, ngựa phi trên đường, thì bụi cuốn mịt mù.*

Đây là nói có sự ứng nghiệm, hình núi và huyệt vị mới là chân xác. Ngoài ra, đi qua núi mà rồng quay đầu, suối đổ ào ào, thì bốn phía xung quanh sẽ đều dao động.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Trăng ở ngoài núi sáng tỏ, thì trong núi có sương đọng; trong đất có rồng xuất hiện, thì trên mặt đất có ao hồ.*

  Đây là nói nếu sơn thủy ở phía ngoài cát lợi, thì sẽ có phúc khí kết tụ trong huyệt. Chỗ Chân Long hành tiến, nhất định có Thủy trì của Long ẩn nấp kèm Long quá mạch, hoặc giả xuất hiện ở hai bên, hoặc xuất hiện trên đỉnh núi, mà người ta quen gọi là Thiên trì (ao hồ trên đỉnh núi).

- *Kinh Hà nước trong, Vị Hà nước đục.*

  Đây là nói có hai loại Thủy lưu trên mặt đất, phải quan sát để chọn lấy dòng nước trong.

- *Trên cành hồng đào sẽ nở hoa bích đào.*

  Đây là nói Long có biến đổi.

- *Nước lớn có thể làm sạt núi, nhưng cây cầu trên sông không bị cuốn trôi; cuồng phong có thể quật gãy cây to, nhưng cành lá sẽ mọc lại.*

  Đây là nói sườn núi bị nước lũ làm sạt lở, núi tuy bị xung phá, nhưng chỗ thạch cốt quá mạch vẫn còn nguyên. Long mạch vững giống như cây bị gãy, lại mọc chồi non tươi tốt.

- *Hồng loan không ngủ trong tổ, chim yến lại sản sinh trong tổ.*

  Núi hình loan phụng đa phần kết huyệt ở nơi thoáng đãng, huyệt vị tổ yến thì quý ở chỗ có tổ tương ứng.

- *Tám cái hồ lô có thể tinh thông thần thuật, ba cái mộc tiêu có thể biết huyền diệu và chân giả. Có quan tài tất có thể phân rõ sáu đường.*

  Sáu loại quan tài là Thượng Thủy quan, Hạ Thủy quan, Đình quan, Cải quan, Tích Mãi quan... cát hung khác nhau.

  Huyệt vị hình xa thừa nhất định có Tam luân. Tam luân của xa thừa là Hậu Ngự luân, Bàn luân, Tri Xa luân, mỗi loại có phân biệt quý tiện.

- *Nón lá cũng có năm (5) hình thể.*

  Đó là phương Sơn lạp, Nhai Trướng lạp, Khất Cái lạp, Nhiêu Phát lạp và Hình Thích lạp.

- *Tinh kỳ (cờ) có bốn loại, thực tế chỉ có một.*

  Bốn loại tinh kỳ là Môn kỳ, Hợp kỳ, Tướng quân kỳ, Tặc kỳ.

- *Mười loại thương đao thực khó kể hết, cũng khó miêu tả rõ ràng.*

  Đây là nói các loại thương đao có hung, có cát. Thương có mã thương của tướng quân, nghịch thương. Nhọn như cây bút có bút Trạng nguyên, bút học sĩ, bút tể tướng, bút họa công (họa sĩ); Đao có nha đao, mã đao, pháp trường đao; Châm có xuyên châm, thích diện châm, đều phải phân biệt kỹ mới được.

- *Cổng lớn mở rộng thì không thể phong tỏa, Thủy Khẩu khép chặt thì phải khép thật kín.*

  Đây là nói về Minh Đường và Thủy Khẩu.

- *Tân khách thích ngồi đối diện với chủ nhân.*

  Tại Thủy Khẩu có núi lớn trông như mãnh hổ, thì Long khí trong huyệt vị nhất định rất chính trực. Giống như có khách ở ngoài cửa, chủ nhà dĩ nhiên sẽ không bước ra.

- *Cá tham ăn dưới đáy nước thèm mồi câu trên núi.*

  Đây là nói ở Thủy Khẩu có từng đàn cá bơi ngược dòng vì trong núi có đất quý, nên bẫy cá tham mồi mà bơi ngược dòng.

- *Nước chảy loạn trên ruộng đồng, thì tìm chỗ có cầu mà qua. Dưới sông có núi đi qua, thì cách bờ đã có thể biết.*

  Đây là nói về tình huống đoạn Long quá mạch. Nếu Long mạch đi từ ruộng đồng mà ra, thì kênh rạch ngang dọc rất khó nhận biết, phải tìm chỗ Long mạch chạy qua; cách bờ trông giống như cây cầu bắc ngang, thì nhất định đó là chỗ Long quá

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mạch. Nếu Long chui xuống sông mà vượt qua, thì cách bờ sẽ thấy có gò đất nhô cao, chứng tỏ chỗ quá mạch của Long.

☐ *Cây cối trong rừng tất phải nhìn thấy từ phía trước núi.*

Đây là nói thấy cây cối trong thôn xóm, nhất định phải ở trên núi nhìn mới phân biệt được địa hình dài ngắn, thẳng cong. Khi vào trong rừng, cây cối mọc loạn, dĩ nhiên rất khó chọn lựa. Muốn xem thế núi, tất phải lên cao mới thấy rõ hình dạng chân thực và chính huyệt của Long.

☐ *Lâu đài trên bờ sông có thể nhìn thấy từ dưới đáy nước.*

Đây là nói xem địa hình khó thấy, giống như lâu đài trên bờ sông, đứng gần khó thấy, lùi ra xa, lại có thể nhìn rõ bóng lâu đài in hình dưới nước. Chỗ Long mạch chân thực mà xúc kết chính huyệt, Thủy lưu nhất định sẽ giao hội tại đó. Cho nên cách xem địa hình trước hết là phải xem tình ý của Thủy. Nếu có Thủy giao hội uốn quanh, thì ở đấy nhất định có giai thành (thành đẹp). Giống như nhìn hình bóng in dưới đáy nước, thì biết có lâu đài trên bờ sông.

☐ *Trong núi có tiếng vọng trở lại, người đi nên quay đầu.*

Đứng ngoài nói lớn mà trong núi có hồi âm đáp lại, thì khỏi cần tiến vào, mà nên quay trở ra. Bởi vì khí mạch không tụ hợp, Sơn thể rỗng không, nên mới có thanh âm vọng lại. Sơn như thế thì cao và âm u, hoặc dây leo chằng chịt, chẳng nhìn thấy ánh nắng, ánh trăng sao, không nên hạ huyệt.

☐ *Trong nước có tiếng kêu bi thương thì ma quỷ xuất hiện.*

Đây là nói trong ngoài huyệt vị đều bị khuyết, nước chảy qua, nếu có tiếng bi thương, thì thi thể không sao yên được ở đó, gia đình tất sẽ gặp tai họa. Đây là nói đến tình huống đằng trước Minh Đường có tiếng nước suối nghe ai oán bi thương.

☐ *Tổ tông tử tế, linh lợi mà sinh con cháu có ngoại hình xấu xí, thì chỉ những người thông minh mới đem con gái xinh đẹp của mình mà gả cho người xấu xí.*

Đây là nói Long tốt phần lớn sinh ra huyệt vị xấu xí, dị hình, khiến người ta khó nhận biết. Chỉ có bậc nhân sĩ tài năng mới biết được chân huyệt của Long, sự giao hội của Khí, do vậy không ngần ngại sử dụng huyệt xấu xí, sẽ được hưởng phúc thâm hậu. Giống như con trai nhà kia, tổ tông rất tốt đẹp, nhưng con cái lại có diện mạo vô cùng xấu xí, chẳng ai chịu gả con gái cho họ. Chỉ có những ông bà thông minh mới biết đấy là dòng họ tích thiện mới không ngần ngại gả con gái cho họ để cùng hưởng phúc lộc thâm hậu.

☐ *Thủy lưu chảy vào trong núi thì Long ưa thích.*

Đây là nói Minh Đường giống như đáy chảo đọng nước lại, thì Thần Long sẽ dừng lại ở đó mà làm huyệt vị.

☐ *Đồng ruộng gò đống, rắn sẽ tới đó.*

Đất quý hình xà (rắn), nhất định có các loại rùa, nghêu, sò triều ứng thì mới là huyệt Xà hình thực thụ. Nếu không có triều ứng, thì chỉ là Du Long tán khí mà thôi, hoặc che chắn Thủy Khẩu, hoặc bó quấn dưới chân của Long, đều không thể làm huyệt. Cho nên giữa đồng ruộng phải có gò đống như trái núi nhỏ, giống như rùa, nghêu, sò, chuột, địa thế nghênh bái, triều ứng mới có thể cấm huyệt.

☐ *Long Hổ nếu đồng khoa thì đấu nhau, chuột rắn cùng huyệt thì không hợp.*

Long và Hổ ngang tài ngang sức, chuột với rắn cũng không thể triều ứng.

☐ *Long có ẩn tàng hay không, trước tiên phải hiểu rõ. Huyệt vị dù tinh diệu mấy cũng khó chỉnh tề. Mẹ dù có đẹp đẽ cũng có thể sinh con gái xấu xí, mà con nhà danh giá cũng sẽ không chọn con gái bề ngoài xấu xí làm vợ.*

Long mạch đẹp sẽ tạo ra huyệt vị kỳ dị, người am hiểu Long thật sự thì không cần huyệt vị khéo tạo.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Nữ nhân cần đức hạnh, không cần sắc đẹp. Người khôn ngoan chỉ cần hỏi dấy là con cái nhà ai. Phàm chỗ hay của một bộ máy đều kín đáo, không lộ liễu, mắt người phàm tục khó bề nhận biết. Nhiều khi tìm đến Chân Long mà không biết cắm huyệt ở chỗ nào, để bỏ qua chỗ quý.*

Đây là nói rất ít người trên thế gian biết cách nhận ra huyệt vị kỳ dị.

☐ *Hình thế khuyết lệch thì khỏi cần, chỉ nên tìm phía dưới Đường Cục là được.*

Thông qua Đường Cục mà quan sát thì sẽ thấy.

☐ *Bông lúa nhỏ lép thì nhìn là biết.*

Đây là nói khí lực của Long huyệt nhỏ yếu.

☐ *Hoa thược dược xưa nay kết nụ ở bên trong.*

Huyệt vị tâm hoa nhất định rất sâu.

☐ *Lá ngô đồng sẽ sinh quý tử.*

Cành ngô đồng là Chính Long, nhưng nó lại sinh ra trên lá cây.

☐ *Đầu cành dương liễu có thể sinh chính tâm.*

Cành dương liễu là Long lệch lạc, nhưng ở đầu cành lại là chính tâm.

☐ *Một chút sương rơi rớt trên cỏ.*

Huyệt vị hình thảo mộc đều nằm ở chỗ cuối cùng.

☐ *Hương vị đậm đà nhất là ở giữa tâm hoa.*

Huyệt vị hình hoa tươi nằm ở giữa trung tâm.

☐ *Lâu đài trên bờ sông đều in bóng dưới nước, cây cối trong rừng đều lan ra ruộng.*

Đây là nói hình núi, huyệt vị nằm ở đây mà hưởng ứng với chỗ khác.

☐ *Đầu Long nhất định ngóc lên mây.*

Huyệt vị hình Long thì đầu não nhất định ngẩng cao.

☐ *Cổ rắn rất khó lôi ra khỏi núi.*

Hình rắn nhất định sẽ in hình trong ruộng.

☐ *Muốn biết Tổ tông sơn tốt xấu, có thể xem Sa phong dăng trước nông sâu.*

Xem chỗ chuyển biến trên Tổ tông sơn thế nào, có thể nhìn Sa phong ở phía trước.

☐ *Trăng mọc phía bờ Tây thì bờ Đông sáng tỏ, trời có mây thì dưới mặt đất âm u.*

Đây là nói về sự tương ứng.

☐ *Nếu chỉ truy tìm phần đầu đẹp, để coi làm huyệt vị, thì huyệt vị giả thường nhô đầu khá đẹp.*

Nếu không quan sát sự chuyển biến của tổ tông, sự hô ứng của Sa phong phía trước, thì huyệt giả nhô đầu dễ đánh lừa người.

☐ *Chỗ khai chi có che chắn như cũ, nhưng chỗ quá mạch không có châm tuyến, thì biết là chân giả.*

Hai bên huyệt vị có chi diệp hộ Long tạo nên giả huyệt, loại huyệt giả này có Long che chắn như cũ, nhưng ở chỗ Long quá mạch không có châm tuyến, thì phán đoán đó chỉ là giả huyệt.

☐ *Người đời đàm luận về sơn thủy rất nhiều, nhưng đại đa số không am hiểu, chẳng biết thế nào là Long chân giả.*

Không thể biết tình huống Chân Long tạo huyệt.

☐ *Táng sai chỗ thường vì người ta chỉ thích nơi chính diện. Táng không đúng Chân huyệt, chỉ vì người ta bỏ chỗ dốc nghiêng.*

Người chỉ cầu nơi chính diện thường chỉ biết chọn huyệt giả ở lưng Long. Huyệt vị thật do Chân Long tạo nên thường lại ở chỗ dốc nghiêng, mọi người đa phần bỏ mất chỗ đó.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- *Họ nào biết chỗ thực sự huyệt diệu. Thánh nhân thường chọn chỗ nghiêng lệch mà hạ huyệt. Giống như người phụ nữ nết na hoàn toàn không dẹp, người có phúc mới nhận ra.*

  Một huyệt tốt không nhất thiết phải xảo diệu.

- *Chỉ cần chỗ ngọn nguồn của Long mạch tốt là được, giống như nhà kia chỉ cần xem ông bà có tốt hay không.*

  Chỉ cần xem Tổ tông sơn tốt là được.

- *Phàm huyệt địa đẹp phần lớn hình thành nên huyệt vị xấu xí khó coi, điều này khó giải thích với người đời. Nếu mấy huyệt tốt chỗ nào cũng lộ rõ, thì bí mật thiên cơ bị tiết lộ hết cả ư! Đại Long trải dài, chân tay hậu sinh cách xa sơn tổ tông hàng ngàn dặm, chỗ huyền diệu ẩn tàng có khi ở cách vài trăm dặm.*

  Đây là nói về độ xa và dài của Long mạch.

- *Một khúc quành, một nhánh rẽ của Đại Long đều rất dài rộng, dù đi cả ngày cũng chưa hết.*

  Đây là nói chỗ chân tay Long trải dài, đi cả ngày không hết.

- *Lá nhỏ của Đại Long có thể tạo thành châu, phủ, huyện. Trên cán chi lớn, có thể xây dựng kinh đô. Đại Cán có phú quý lớn lao rất khó nói cho rõ. Chỉ cần có một tòa Hỏa tinh sở ứng, thì hỏa diệm của 80 dặm đất cũng bốc lên trời. Có khi trên dải đất bằng phẳng chỉ có vài gian nhà. Có khi giống vạn mã từ trên cao phi xuống, có lúc như ngàn binh sĩ phất cờ, giống trống mà tới. Hình dạng núi nếu như lầu vàng điện ngọc, thì chỗ cao quý tất nằm ở chiếc mũ miện. Người tháp tùng, tướng quân với cấm vệ đều là vệ sĩ, thật khó giải thích rõ ràng. Không dễ lần theo Long mạch.*

  Đây là chỉ chỗ Long mạch bị đứt đoạn.

- *Đáy nước và lòng sông đều có đá làm tiêu chí vượt qua.*

  Đây là nói chỗ Long mạch xuyên tâm quá Thủy có đá ngầm.

- *Đồng ruộng mênh mông bát ngát dài 80 dặm, đi bộ khó bề tìm hội chỗ nào huyền diệu.*

  Đây là nói rất khó tìm thấy Long mạch ở cánh đồng.

- *Huyệt vị đa phần nằm ở đài hoa có nhiều lá bao quanh tựa hoa sen, không như lá cọ dễ nhìn thấy.*

  Huyệt Hoa Tâm xuất hiện từ trong hiệp cốc, có thể nhìn thấy ở chỗ quá mạch.

- *Mỹ nữ ngồi dựa sau xe.*

  Đây là nói đai Long mạch có hình xe kiệu và thị nữ.

- *Ánh thái dương chiếu sáng từ mé tả, ánh trăng chiếu rọi từ mé hữu.*

  Ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu vào hai bên Long mạch.

- *Trong cảnh mây gió biến đổi nhìn quạ bay mà tìm Long mạch.*

  Chân Long thì giống như quạ lửa trong cảnh gió mây.

- *Trong sóng lớn thì thấy lý ngư nhào lộn.*

  Chân Long ở nơi đất bằng giống như trong sóng lớn ở sông biển có chỗ cá chép nhào lộn.

- *Vạn vũ điệu giữa triều đình.*

  Quần sơn giống như hình dạng các vũ công đang múa trong triều đình.

- *Lại giống trăm quan đứng trong đại điện thâm nghiêm.*

  Vạn vũ điệu là quần sơn xuất hiện, nhưng tán loạn. Trăm quan thì chỉ quần sơn có hình thế tề chỉnh.

- *Cung điện thâm nghiêm có chín lần cửa hộ vệ, bên trong chỉ có một người dung mạo đặc biệt.*

  Một người ấy ngụ ý là huyệt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Qua châu, vượt huyệt, lộ trình Long mạch còn xa.*

Lai Long từ xa đến.

☐ *Dựng ngọa cung, đắp đất tròn, quan viên tháp tùng đều chuẩn bị.*

Đây là nói hình dạng Sơn triều ứng đâu ra đó.

☐ *Minh Đường dù hẹp cũng có chu vi 20 dặm, rộng thì chứa vạn mã, như đàn kiến bò ở trong.*

Đây là nói Minh Đường rộng lớn, dung nạp ngàn con ngựa mà trông chỉ như đàn kiến bò bên trong.

☐ *Thử hỏi chỗ nào mới có thể xác định Chân huyệt ? Nặng nhẹ, cao thấp thật khó lựa chọn.*

Đây là nói Minh Đường rộng lớn, khó xác định huyệt vị.

☐ *Mũi thở ra khí tùy lúc mà thay đổi.*

Một ngày đêm có thể chia ra 12 giờ, hơi thở của người tùy giờ mà thay đổi, cần phải khảo sát kỹ chỗ Chân khí tụ hợp.

☐ *Mạch máu ở bụng nối liền với mạch máu ở cánh tay.*

Mạch ở bụng và ở tay liên tiếp với nhau, đây là ngụ ý phải làm cho mạch trong huyệt nối liền với mạch hai bên tả hữu.

☐ *Trăng mọc phía Tây thì vùng trời Đông phát sáng, sắc mây bờ Bắc tương hỗ với Sinh khí bờ Nam.*

Đây là nói cái khó của sự kết huyệt.

☐ *Thông qua Ngũ Hành mà quyết định sự nông sâu của huyệt vị, sau đó dựa vào con số Ngũ Hành mà xác định kích thước huyệt vị.*

Trước hết xác định hình dạng của Ngũ tinh, sau dùng con số Ngũ Hành mà quyết định sự nông sâu và kích thước của huyệt vị.

☐ *Nguyệt hoa không được tiết lộ bí mật nơi ngủ. Đáy quan tài phải sát đất.*

Nguyệt hoa là chỉ Chân khí của nơi nằm. Vua chúa khi chôn thường trong quan ngoài quách. Theo lối mai táng ấy, không nối tiếp với địa khí, cho nên nói là đáy quan tài sát đất.

☐ *Nước từ cung Hỏa chảy đi.*

Nước chảy từ cung Ngọ, có thể nghe rõ tiếng nước chảy.

☐ *Ơn mưa móc khiến thiên hạ một lòng.*

Nước từ cung Ngọ chảy ra thì giống như đức hạnh cao cả của minh chúa, ân huệ trải khắp thiên hạ, không như mọi người bình phàm.

☐ *Nếu gió Đông cỏ mọc mà thêm sấm chớp, thì con trai trưởng chủ trì việc cúng tế.*

Tốn là gió, Chấn là sấm, đều thuộc Mộc tinh ở phương Đông. Chấn là con trưởng, nên mới nói thế.

☐ *Long sơn dài mà Hổ sơn ngắn, Hỏa tinh không sáng, thì mẫu hậu sẽ lâm triều, Âm khí thắng Dương khí.*

Nếu Long sơn dài, Hổ sơn ngắn, cung Ly không sáng, thì mẫu hậu lâm triều, Âm khí thắng Dương khí.

☐ *Nếu xuất hiện hình dạng Hổ gục đầu, chủ nhân sẽ bị coi thường, sẽ xuất hiện một ngọn sơn phong cô lập ở Minh Đường, mỹ nhân không thể có thai.*

Nếu đầu Hổ chúi xuống ở Minh Đường, thì chủ nhân sẽ tuyệt tự.

☐ *Nếu đầu Long ngắn rụt mà đầu Hổ nghểnh dài, thì Hoàng đế ngự giá rời xa đế đô.*

Thanh Long ngắn mà Bạch Hổ dài, chủ Hoàng đế đi tuần du xa kinh đô.

☐ *Chân Bạch Hổ dài và thẳng, mà đầu ngắn rụt, thì công chúa phải gả cho người rợ Hồ.*

Đầu của Bạch Hổ ngắn, mà chân lại dài và thẳng, thì phải gả công chúa cho Hung Nô.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Nếu trong đường hầm mộ thẳng và dài, không uốn lượn quanh co, thì Hoàng hậu không sinh con trai, bị phế truất.*

Đường trong hầm mộ phía trước dài và thẳng, không quanh co kín đáo, sẽ khiến Hoàng hậu chẳng sinh con trai, bị giam lỏng một nơi và bị phế truất.

☐ *Núi Bạch Hổ nhọn và chân đuổi dài, đuổi chân hẳng hụt, thì sẽ mọc cánh bay về cố hương.*

Đây là nói Hoàng hậu bị phế truất.

☐ *Sơn phong đổ nghiêng về phía cung Chấn, thì hậu duệ ngu si, sử dụng gian thần tặc tử, phá vỡ cơ nghiệp ông cha.*

Cung Chấn nếu có Sơn phong đổ nghiêng, thì con cháu ngu si giống vua Phổ Tuệ, tin dùng bọn tiểu nhân, gian thần.

☐ *Trăm ngọn sơn phong nham nhở tán loạn, thì về phương diện quân sự sẽ rối loạn.*

Đây là nói hình dạng tán loạn của các tiểu sơn phong.

☐ *Nếu Thủy tinh xung phá Hỏa tinh ngay ở đất Không Vong, thì quyền thần làm loạn triều đình.*

Thủy Thần xung phá Hỏa tinh ở đất Không Vong, chủ quyền thần chiếm đoạt quyền hành trong triều.

☐ *Tướng quân gõ cửa đa phần đột nhập lối sau, nghịch thần vào kinh phần lớn có tội phản nghịch.*

Đây ngụ ý Sơn lộ đầu.

Những điều nói trên đây phải giữ kín, không được tiết lộ dễ dàng cho mọi người. Chỉ cần hiểu đại ý là được.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Thức Ung

HỘI TỎA TÂM VI

GIẢI BÀY TÂM CAN

LẠI VĂN TUẤN

Thời cổ chỉ có Long, Hiệp, Huyệt; về sau người ta mới bổ sung Sa, Thủy mà phán đoán và kiểm chứng họa phúc. Nghiên cứu đạo lý đến mức sâu xa đều lấy Sinh khí làm chủ, lấy Long huyệt làm căn bản, lấy Sa, Thủy làm phần kết, chẳng qua là biểu hiện phép thuận nghịch giữa Sơn và Thủy, khí hô hấp Âm Dương, tính chất tụ tán và phương hướng mà thôi. Điều hệ trọng của địa lý phong thủy tựu trung ở chỗ xem tổ tông của Long mạch bề thế, thân Long linh hoạt sống động, nhấp nhô lên xuống, uốn lượn có lực, đứt rồi lại nối, thanh thoát hiền từ, càng già càng dẻo dai, trong thô có tinh, phân rõ Thư Hùng (đực cái), trung tâm xuất mạch, trùng trùng xuất trướng, có đủ tháp tùng, hộ vệ, có nghênh có tống, quá hiệp tụ khí, lưng ong gối hạc, gió thổi hai bên, mái chèo cân đối, sánh vai thân ái, hòa hợp thần tinh, Long giáng Hổ phục, tả hữu ôm ấp, Triều sơn tú lệ, hữu tình, Minh Đường bằng phẳng, Thủy Khẩu giao kết, La thành kín đáo, lạc mạch kết huyệt, Âm Dương hài hòa, thấp cao minh bạch, hai vai mở rộng, trên phân dưới hợp, có nhọn có tròn, Thủy trong ngoài đều uốn lượn, Sơn trong ngoài đều vây bọc kín đáo. Đạt được như thế, tự nhiên sẽ là đất lớn phú quý, khỏi cần dùng quẻ cũng cát lợi. Thiên hạ không nên nghe những lời gian trá, chớ tin những kẻ tiểu nhân bốc quẻ hỗ đồ mà chuốc lấy sai lầm.

HẮC NANG KINH QUÁI LIỆT

PHẠM VIỆT PHỤNG

Đọc kỹ các bài địa lý ca của các bậc hiền sĩ đời trước, chỉ cần dạy một số khẩu quyết là đủ. Thư tịch phán đoán Sa, Thủy có hàng ngàn quyển, thực tế thuật điểm huyệt, tìm Long mạch chẳng cần dùng gì nhiều. Chỉ cần nắm vững một số thuật là sẽ hiểu thông toàn bộ.

"Hắc Tương Kinh" đã nói rõ :

"Long mạch chủ yếu xem tả hữu dựa vào nhau, huyệt vị chủ yếu xem hai bên tả hữu, Minh Đường chủ yếu xem bốn góc tốt xấu, Tam Dương chủ yếu coi tình hình thành quách".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sáu phương diện ấy đã rõ, thì có thể nhập huyệt đoán định. Còn về việc có dùng quẻ hay không, chủ yếu phải xem có cần định hướng huyệt hay không. Hiện nay nhiều thầy phong thủy dùng quẻ đoán định, sau đó mới biết là sai. Không dùng quẻ mà điểm huyệt mới đúng là tài của Quách Phác.

Mười yếu quyết chọn đất

Long mạch phải có giáp tùng (kèm theo), có giáp tùng thân Long thì trầm nặng. Huyệt vị phải có bao bọc, có bao bọc huyệt vị thì mới không có khuyết phá. Sa phong phải có tình ý, có uốn lượn thì mới phát phúc lớn. Long mạch phải có chính tinh, huyệt vị phải có chính danh, Sa phong phải có chính hình, Thủy lưu phải có chính thành. Long mạch phải xem tổ tông, rồi mới xem đến con cháu. Huyệt vị phải xem tình ý, rồi mới xem đến phương hướng tới lui.

Hai mươi hai điều tốt

Long mạch tốt thì sẽ có hình phi loan vũ phụng (loan phụng múa lượn). Huyệt tốt thì có sự tôn trọng nhau giữa trời đất trăng sao. Sa phong tốt thì đồn quân ủng hộ. Thủy lưu tốt thì có hình sinh xà xuất động (rắn sống ra khỏi hang).

Long mạch tốt thì không đổi chính tinh. Huyệt vị tốt, Sa phong hung ác thì sẽ ẩn tàng trong lá chắn. Sa phong tốt, sẽ có triều có ứng. Thủy lưu tốt thì như rắn bò qua đường mòn.

Long mạch tốt thì sẽ có phòng vệ, hộ tống trùng trùng. Huyệt vị tốt thì tám hướng đều kín gió. Sa phong tốt thì có ngàn ngọn núi cùng nhô. Thủy lưu tốt thì có hình dạng cánh cung chừng.

Long mạch tốt thì có cờ xí rợp trời. Huyệt vị tốt thì Minh Đường ngay ngắn. Thủy lưu tốt thì có ánh mặt trời chiếu xuống dòng sông tú lệ.

Long mạch tốt thì giống như hòa thượng, đạo sĩ ngồi thiền. Sa phong tốt thì như người giơ quyền. Thủy lưu tốt thì như dây cung trên nỏ.

Long mạch tốt có trên có dưới. Huyệt vị tốt thì có bao có bọc. Sa phong tốt thì có gò có đống. Thủy lưu tốt thì có khép có khóa.

Hai mươi sáu điều e sợ

Long mạch e nhập huyệt mà vô chủ. Huyệt vị e không có Sa phong ngoảnh lại nhìn. Sa phong e cô phong độc thụ.

Long mạch e quá hiệp không có chỗ đỡ. Huyệt vị e đến mộ có đầy nước. Sa phong e nhọn cứng như mũi thương. Thủy lưu e xung phá Minh Đường.

Huyệt vị e có hình đèn treo trên vách. Sa phong e giống chiếc dù rách. Thủy lưu e có tiếng ai oán trước mộ phần.

Long mạch e mang Quỷ sa. Huyệt vị e méo miệng. Sa phong e đá nhe răng. Thủy lưu e giống như rắn chết.

Long mạch e cô phong độc lĩnh (đơn độc một mình). Huyệt vị e nhọn như đao thương. Sa phong e thế cổ vịt đầu ngỗng. Thủy lưu e hung thần giao nhập.

Long mạch e thô ác. Huyệt vị e nhọn hẹp. Sa phong e tả hữu sơn nghịch phản. Thủy lưu e trước mộ.

Long mạch e bị đào đứt dưới sâu. Huyệt vị e quỷ thần uế tạp. Sa phong e có đền miếu. Thủy lưu e hỏa thành giao kiếm.

Huyệt kỵ

Đằng sau đền miếu không thể an mộ phần, nếu không sau một thời gian dài con cháu sẽ ít dần. Long sợ đoản (ngắn), Huyệt sợ nông, Sa triều sợ hẹp, Thủy chảy sợ vòng vèo.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long mạch như rắn chết thì hư kết, Sa phong như trái dưa thì mập lồi, Thủy lưu như đĩa đèn dầu thì chảy tràn. Long mạch ngắn thì có giàu cũng không bền. Huyệt vị mà lạc hư không thì chẳng thể cấm. Sa phong hướng đến mà nông thì ruộng vườn bán hết. Thủy lưu mà cuộn lại, thì thiếu niên bị tổn thất.

Long mạch tuy tốt nhưng không kết huyệt, gọi là Kiếp. Huyệt vị tuy tốt, nhưng không có Long đến (Lai Long), gọi là Giả Huyệt. Sa phong tuy triển khai nhưng theo Thủy mà đi gọi là Vô Tình. Thủy lưu tuy uốn lượn nhưng không có Sa thành, gọi là Thiên nga gãy cánh.

NHẬP THỦ MẠCH HUYỆT PHÁP

LÝ THUẦN PHONG

Bắt mạch chọn Huyệt, các hiền triết tiền bối vô cùng tinh vi, nhất định phải thận trọng, kín đáo. Cách làm của cổ nhân có đứt có nối, có lớn có nhỏ, có dài có ngắn, cách nào cũng đều hàm chứa đạo lý. Nói chung Sơn có mạch giống như mạch máu trên cơ thể con người. Nghiên cứu thịnh suy, cát hung, biến hóa hình dạng, có thể tham khảo kinh thư.

Nói về việc dùng hành độ của tinh phong mà định huyệt mạch của Long, thì thông qua giáng thế của Long mà bắt Long mạch, xem chỗ dừng mà chọn Huyệt, đó là yếu quyết.

Lại có phương pháp nhìn hình dạng mà lấy Huyệt. Vì sau khi hình thành khí thế của Long thì có thể nhận ra Long mạch, Long mạch tuy đã rõ ràng, huyệt vị lại trình lộ ở phía ngoài mà không thể né tránh. Tình huống này có ba loại : Mạch khởi phục - xuất hiện trên núi cao, mạch tiên đới - giống như cái đai bay xuống, mạch bình thụ - xuất hiện trên bình dương. Trong ba loại mạch này, mạch khởi phục là đại đến tiểu khởi, nội bộ tương ứng, Long từ trên núi cao từ từ, mệt mỏi đi xuống; mạch tiên đới thì Long cũng từ trên cao nhưng gấp gáp lao xuống; mạch bình thụ là ở chỗ rộng rãi bằng phẳng chỉ hơi nhô lên, hoặc có ứng, hoặc không có ứng, có ứng cũng không phải là ứng lạc, mà chỉ như tấm chăn trải rộng. Từ ba loại mạch trên hợp với 12 giáng thế của Long tạo nên 36 huyệt, biến hóa thành 368 loại.

Ba mươi sáu Kỵ Long

Ba mươi sáu huyệt Kỵ Long (cưỡi rồng), may ra chỉ có thần tiên mới phân biệt nổi. Thủy lưu phân thành chữ Bát mà chảy về đằng trước. Không có Long, không có Hổ, không có Minh Đường, Thủy lưu chảy dài mấy dặm. Huyền Vũ sơn tuy đoan chính, nhưng Chân khí không thể thông qua, thuật sư bất tài làm sao đoán định nổi. Khí của Chân Long cuồn cuộn dâng trào, đã kết thành huyệt mà còn muốn tràn đi. Bản thân tạo nên Án sơn, Hình Thế bốn phương tám hướng đều tụ về đây. Khỏi cần hỏi đất ngoại dương có hay không, chỉ cần xem tình hình che chắn. Nếu hai bên tả hữu đã có Long, Thủy bảo hộ, thì Chính Long sẽ cư trú ở giữa. Huyệt vị có lúc giống như mu rùa, lưng trâu, có lúc giống như cổ hạc, bụng nhện, có lúc giống như ngự nghễn đầu hoặc rắn bò qua đường.

Án sơn bất luận nhọn hay tròn, ngang hay dọc, đều phải ngay ngắn, không thiên lệch. Chỉ cần tìm đúng chỗ có Chính Khí. Chính Khí có khi ở lưng chừng núi cao, có khi ở dưới đất bằng, hoặc ở bên dòng suối. Nếu tìm được huyệt Kỵ Long (huyệt cưỡi rồng), thì sẽ đời đời vinh hoa, lắm tuấn kiệt, chí sĩ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Kỵ Long huyệt

Ở trên đầu của Chân Long mà luận về Kỵ Long thì không biết kể sao cho xiết sự thiên biến vạn hóa. Há có thể bảo rằng chỉ có 36 Kỵ Long là hết, song những bậc cao nhân thực sự thì có thể hiểu sự ảo diệu bên trong.

Sơn có huyệt vị thì phải cao hoặc bằng phẳng. Chủ Sơn dù chạy đi, nhưng không quá xa, Thủy lưu phân thành hình chữ Bát cũng không chảy quá xa. Sơn, Thủy chạy đi, cuối cùng lại trở về; Sơn, Thủy hộ vệ hai bên tả hữu cũng không rời xa nhau. Thủy lưu nếu chảy đi, cũng chỉ xa năm, ba dặm, uốn lượn kỳ diệu.

Ngoài ra còn có 12 Trực Long huyệt, phối hợp với 36 Kỵ Long thành 48 cái. 48 huyệt vị nếu cắm đúng, thì con cháu sẽ phát đạt phú quý.

Còn có 12 Đảo Kỵ Long, gần giống với phần Sa pháp đã nói phía trên. Thiên biến vạn hóa quy về một mối, bậc cao nhân đều thông hiểu.

Có Thuận Kỵ, có Đảo Kỵ, có Hoành Kỵ, huyệt đều cần quấn sơn tụ tập, tàng phong tụ khí mới đẹp. Nếu loại trừ thứ giả khí làm Án sơn, thì có thể thấy rõ vật trong huyệt. Đảo Kỵ hướng về phía tổ tông, mặt trước kéo dài, mặt sau là Quỷ. Hoành Kỵ, mặt trước còn rớt lại giả khí, quay đầu làm Long, Hổ, mặt sau phải có Lạc sơn mới được.

Luận Huyệt

Sơn khi sắp tạo huyệt thì nhất định có biến hóa, hoặc cao hoặc thấp, tiến sang hướng Đông một chút lại quành sang hướng Tây, sau đó chuyển lên hướng Bắc, rồi quẹo về hướng Nam. Có lúc nhanh lúc chậm, có lúc ngả lúc nghiêng, có lúc mạnh lúc yếu. Có lúc rời bỏ tổ tông mà xuống ruộng, có lúc lơ lửng, quay lưng về phía Thủy, khiến người ta khó đoán định.

Có khi huyệt vị bình dị, không chút kỳ quái mà lại có phúc lớn. Xem kỹ chỗ xuất mạch, thấy giống như rau, như rêu, nhìn chỗ kết huyệt, thấy tựa tựa tâm của hoa. Cánh hoa hộ vệ tâm hoa thì Sinh khí không bị tổn thương.

Phương pháp tìm huyệt nhất thiết phải đến gần mà quan sát địa hình, xem đỉnh đầu non già, hình dạng cổ họng, yết hầu ra sao, sau đó xem não nó hóa sinh, đường mạch của nó chạy như thế nào. Ngoài ra, trong oa (lõm) phải lấy đột (lồi), chỗ lồi lấy lõm, trong đói lấy no, trong no lấy chỗ đói, đây là Dương lại Âm thụ, Âm lại Dương thụ, một phương pháp vĩnh viễn không thay đổi.

Người ta thường cắm huyệt vị ở chỗ cuối cùng của Long, không biết rằng Long mạch trước đó đã chuyển hướng, chạy ngang ra chỗ khác tạo huyệt, hoặc đã quay mình tạo nên huyệt Cố tổ (huyệt hướng về Tổ sơn), hoặc Long mạch đi thẳng mà tạo huyệt lệch, hoặc Long mạch chìm xuống mà tạo huyệt ở trên cao. Nếu biết tình hình xuất mạch kiểu chữ Cá ( ), thì huyệt ngang, huyệt lệch, huyệt Cố tổ, huyệt ở trên cao... đều có thể biết rõ.

ÂM KHẾ DƯƠNG PHÙ

TỐNG LIÊU VŨ

Phàm đoán định huyệt vị, phải nghiên cứu sơn tổ tông có thạch cốt thế nào, tinh tú hành độ ra sao, tinh tú nào làm Tổ sơn giáng thế, Long nhập huyệt thế nào, có bao nhiêu tiết hậu, ở khoảng giữa là thuần sắc hay tạp sắc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nhô lên là Tiết, chúi xuống là Hậu; trong một tiết một hậu, có thể biết sự thuần tạp của Long. Một tiết ở phía sau huyệt vị chủ về người đã chết, một tiết ở phía trước huyệt vị chủ về con cháu. Mỗi tiết là một đời, thuần thì là phúc mà tạp thì là họa.

Sơn mạch vận hành trong phạm vi 10 dặm, hoặc trăm bước, hoặc ngàn tấc, chỉ cần hơi lộ dấu vết, đều giúp cho việc khống chế. Quá 10 dặm hoặc ngàn bước, thì dò xét sự tấu hợp của tiết hậu, rồi mới có thể đạt đến chỗ cơ yếu, muốn cát lợi thì sẽ cát lợi, muốn hung hiểm thì sẽ hung hiểm, cát hung, tốt xấu song hành bên nhau. Ba trăm bước là một dặm, 6 tấc là một bước, một dặm có cả thảy 160 trượng.

Nội khí của Long mạch ngừng sinh, thì chủ về Long dừng. Ngoại khí lưu động, thì chủ về chiết giảm. Huyệt vị ở giữa là chính thụ, là Cái Niêm huyệt (huyệt kín đầu), chủ về phát đạt muộn, nhưng lâu dài. Huyệt vị ở hai bên tả hữu là bàng thụ, gọi là Ỷ Chương huyệt (huyệt dựa dẫm), chủ về phát sớm, nhưng không lâu dài. Nếu bên tả là Chính Long, thì Chân khí tụ tập ở huyệt vị bên hữu, lấy khí bên tả rót sang cho bên hữu phát, đó là Chính Long. Chân khí tụ hợp ở huyệt vị bên tả, thì lấy khí bên hữu rót sang cho nên tả phát. Huyệt vị tả hữu thụ khí không nên thành cặp, nếu có chỗ phù hợp, thì nhất định có bên thắng bên thua. Sự tiến thắng hoặc rẽ ngoặt của Long phải tùy theo sự thụ khí rồi mới phát đạt, bởi vì sự thụ khí của Long huyệt không giống nhau ở trên tai hoặc ở dưới eo. Long huyệt là Thể, Sa Thủy là Dụng; hai khí Âm Dương là Thể, Ngũ Hành là Dụng; 24 Long là Thể, 120 phân Kim là Dụng. Long, Huyệt, Sa, Thủy đều là Thể, còn năm, tháng, ngày, giờ đều là Dụng. Thể, Dụng xuất xứ cùng một nguồn, nên có thể thừa Sinh khí.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SA PHÁP TỔNG LUẬN

ĐỒNG NGÂN PHONG

Nói đến Long Sơn tiền nghênh hậu tống, La thành Thủy Khẩu có Quan Quỷ, Cẩm Diệu Quan Tiệt tỏa trấn, la liệt Môn Đường đều gọi là Sa phong. Trong "Minh Sơn bảo giám" viết :

> "Sơn thuộc hai mươi bốn phương vị, từ trước mà tới gọi là Triều, từ sau mà tới gọi là Tống".

Nơi thành Long tạo huyệt, thì phải dùng triều tống lại để hỗ trợ khiếm khuyết, đó là bảo địa thượng đẳng. Nếu như sơn hình đoan chính phúc hậu mà xâm phạm trời cao, lại từ mặt sau mà tới thì gọi là Bảo Điện, hồ ứng từ mặt trước gọi là Long Lâu. Sơn hình thon nhọn mà tú mỹ thì gọi là Bút, tròn nhẵn mà tú mỹ thì gọi là Tiễn, vuông vắn mà tú mỹ thì gọi là Hốt. Sơn hình có chân chạy (tẩu cước) gọi là Kỳ, cao nghênh gọi là Mã, hồ tương liên tiếp gọi là La, trùng trùng điệp điệp gọi là Đốn Binh Nha Đội, vuông vắn mà sinh nhỏ gọi là Kim Tương, tròn nhẵn mà xinh nhỏ gọi là Ngọc Ấn, nhọn mà sắc gọi là Nha Đao, ngang mà thẳng gọi là Nha Trượng.

Nếu là bảo địa thần tiên, sơn hình sẽ giống như tầng mây chồng chất; nếu là bảo địa Thừa tướng, sơn hình sẽ giống như khuê bích; nếu là bảo địa phú quý thì sơn hình như thương khố; nếu là nơi thị tứ thì sơn hình giống như đàn kiến tụ tập. Trên đây nói về sơn phong đều là nơi tốt, công hầu phú quý.

Nếu như bản thân Long mạch không phải là cát lợi, thì sẽ khiến có sơn hình kỳ diệu, phản mà sẽ thành hung ác, tự nhiên quay lưng mà đi. Nếu sơn hình có Kỳ, thì là cờ gậy; sơn hình có Ấn, thì là nguy ấn; Nha đao thì là sát đao; Nha trượng thì là đồ trượng (gậy của kẻ côn đồ đạo tặc); đỉnh núi viên nhuận thì là nhà ngục, sẽ khiến người khó sinh đẻ; sơn hình gẩy nhược, thì chủ cột

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

số lao thương; sơn hình mập tròn thì chủ có bệnh hư thũng; sơn hình tựa ngựa ngã ngựa quỳ thì sẽ chủ bị điên, sét gây thương tổn; sơn hình như dạng ẩn náu của rắn, chuột thì sẽ chủ xuất hiện kẻ cường đạo gian tà; sơn hình dạng như nón che và viên thuốc, thì chủ thương do thuốc độc; nếu sơn hình giống như thịt ngỗng, gà, trâu bò thì chủ bị chết chém ở pháp trường; hình dạng đá viên không đều, thì chủ sinh mụn nhọt; nếu như cây cối bò lan, thì chủ có bệnh cũ phát nặng; sơn hình biểu thị cô đơn, độc lộ thì chủ sẽ rụng răng; nếu sơn hình như người mà vùng mắt có ác sa, thì sẽ tổn thương nơi mắt; tại vùng cổ thì sẽ bị thương ở cổ; tại vùng trước ngực thì chủ bị bệnh lao; tại vùng ngực chủ có lưng gù; tại vùng lưng thì thân hình cong vẹo; tại vùng cánh tay thì chủ bị gãy đoạn; ở phần chân thì chủ bị mệt mỏi không dứt. Những sa hình ở trên đều rất hung hiểm, hung ác lớn, gây tai họa cho dòng họ.

Sa hình hung cát, cộng có hơn ba nghìn thành thị nổi tiếng đều không trái với lý luận nêu trên đây, hầu hết đều đủ tùy cơ ứng biến. Địa thế bằng phẳng, Thủy hơi chậm chảy; địa thế đồi núi, Thủy lưu cấp xiết, đó đều là hình thế tự nhiên. Giống như thanh trọc của Thần tinh, mỹ ố của Hình Thế, có cát có hung, có nghèo có giàu, có quý có tiện đều do Hình Thế. Bởi vậy người phương Đông nhân nghĩa, người phương Nam thì trí tuệ, người phương Tây thì nghĩa khí, người phương Bắc thì hào kiệt, người ở miền Trung thì thành tín, có sai biệt không đều nhau.

Mệnh là chỉ thiên mệnh, nơi xác lập mộ, cơ chỉ sở trường (gốc nền dài), Dương trạch sở dưỡng (nhà ở giữ gìn nuôi dưỡng), nếu Khí mạch sơn thủy hướng ngược Long Thần không hướng, Thiên tinh không chiếu, tự nhiên không cát lợi. Bởi thế, "Tầm Long toàn thư" viết :

> "Sơn dày dặn, người cũng béo tốt; sơn cằn cỗi, người cũng gầy đói; sơn thanh bạch, người cũng bần khổ; sơn phá, người cũng bị phẫn; sơn thế tới, người cũng hội tụ; sơn thế đi xa, người cũng ly tán; sơn thế dài, người cũng dũng cảm; sơn thế ủy nhược, người cũng thấp lùn; sơn thế sáng láng, người cũng thông minh; sơn thế hôn ám, người cũng mê lọn; sơn thế thuận thông, người cũng trường thọ; sơn thế nghịch đảo, người cũng phản trắc".

Sơn hình và Thủy lưu là hai cái theo nhau, hung cát họa phúc căn bản là như vậy, là điểm người học cần phải xem xét kỹ.

Ta hãy xem câu nói của Đổng công :

> "Sơn phong phú quý, nếu như Long mạch bản thân không cát lợi, trái lại tạo thành nơi hung ác và phản bội"

đó cũng là ý

> "Sa phong cũng như mỹ nữ, quý tiện tùy theo người chồng".

Nhưng người xưa còn nói thêm :

> "Hình thế của sơn bất luận cát lợi hay hung ác, nếu Sa phong đoạn chính, thì cũng sẽ khiến hung ác phú quý trở lại; như Sa phong bị phá vỡ, lại như mũi nhọn trực xạ, tuy trú ở huyệt vị cát lợi cũng bị suy vong".

Đoạn này nêu ra, những thuật sư luận Sinh lại dùng Sa pháp để đánh lừa người.

Tôi cho là lời Đổng công là chính luận, lời người xưa là chuyên nói về sa phong mà thôi, tuyệt không có nói đến tình trạng của Long.

Luận Sa Thủy

Sa là thứ có thể nhìn thấy trong Huyệt. Huyệt là Thể, Sa phong là Dụng. Sở dĩ lấy Sa làm danh, là nói theo hình tượng thấp bằng, củng vệ, thu thủy, chứ hoàn toàn không phải đem sơn nguy nga cao lớn mà xưng danh là sa. Người đời sau gọi Triều sơn, Án sơn v.v... đều gọi là sơn, là nhầm lẫn, không đúng với bổn ý mệnh danh thời trước.

Người xưa gọi sơn ở hai bên huyệt vị là Long sơn, Hổ sơn; người đời sau câu nệ cái tên ấy, cho rằng Long sơn, Hổ sơn đều là vật ngoại lai, không biết rằng sơn ở hai bên huyệt vị cũng giống như hai vai, hai tay, đều mọc ra từ thân thể. Nhìn kỹ hai vai, hai cánh tay, thấy không thể nghiêng lệch so với đỉnh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đầu. nếu hai vai, hai tay một gần một xa, một trước một sau, thì không phải là thật, mà là giả, ngay đỉnh đầu cũng giả luôn.

Cổ nhân có câu "Trương sơn thực thủy", nghĩa là ngốn hết nước chảy từ bên ngoài vào, chứ không phải uống hết Thủy lưu trong huyệt, giải thích như vậy là thích hợp. Thủy ở trong huyệt giống như bầu vú người mẹ, huyệt vị thì như đứa bé đang bú. Thủy lưu ở trung gian Long sơn và Hổ sơn giống như đồ ăn, nhất định phải có hai tay mới đưa đồ ăn thức uống lên miệng. Không dùng tay thì đồ ăn không thể đưa vào miệng. Long sơn, Hổ sơn phải nghịch chiều với Thủy lưu, đồ ăn mới vào trong miệng, nếu thuận chiều thì không. Thông qua huyệt vị của Long sơn, Hổ sơn, nếu thấy có Thủy chảy ngang qua thì biết. Sơn nếu từ bên tả tiến vào, thì Thủy lưu trước huyệt nhất định nương theo Sơn mà chảy từ bên tả đến. Long sơn tới trước, đến chỗ Hổ sơn nghiêng vào trong thì nghịch với Thủy lưu từ mé hữu trong huyệt. Hổ sơn đến sau, tới chỗ mé ngoài của Long sơn thì đón ngoại Thủy chảy từ mé tả ngang qua, như vậy nội Thủy nghịch chiều với Long sơn sẽ rất kiên cố. Sơn từ bên hữu đến cũng tương tự. Như vậy Long sơn, Hổ sơn đều được sử dụng, mà huyệt vị cũng "ăn" Thủy lưu. Đó là cái lý bất biến.

Nếu Sơn, Thủy bên tả đến mà Hổ sơn nghiêng vào trong, Long sơn nghiêng ra ngoài, thì Long sơn thuận Thủy lưu mà bị giữ lại, hoặc giả Sơn, Thủy bên hữu đến mà Long sơn nghiêng vào trong, Hổ sơn nghiêng ra ngoài, thì Hổ sơn thuận Thủy lưu mà bị giữ lại. Nếu Long sơn, Hổ sơn có một bên bị Thủy lưu ngoại lai kéo theo, thì nội ngoại trở thành thuận chiều.

Nếu huyệt là chân thì Long sơn, Hổ sơn nhất định không thuận. Nếu huyệt là giả, thì Long, Hổ nhất định không nghịch. Hình dạng Long, Hổ có hai cánh tay vương thẳng về phía trước mấy chục trượng, thấp dần xuống và không khoanh lại, tình huống này gần đó phải có Án sơn che chắn mới có thể cấm huyệt. Lại có huyệt vị được hai dòng Thủy lưu kèm hai bên, không có Long sơn, Hổ sơn riêng của mình, mà mượn Sơn ở hai bên Thủy lưu cách trở để lưu giữ Thủy lưu ở trước huyệt làm Long sơn, Hổ sơn, thì cũng có thể cấm huyệt.

Cổ ngữ nói : "Đắc Thủy vi Sơn" (được Thủy làm Sơn). Nhưng ngoài sông, hồ, kênh mương, không thể nói có "đắc", Thủy lưu phải nghịch chiều với Long mạch, với sa phong, với huyệt vị, hơn nữa phải từ Sinh, Vượng mà chảy đến, từ Hưu, Tù mà chảy đi, mới có thể gọi là "đắc Thủy". Người thời nay nói Thủy pháp chỉ là uốn lượn lấng đọng, đến đi đều vòng vèo quanh co, mà không biết phải nghịch chiều mới là đúng Thủy pháp.

Đại địa nhất định có Thủy nghịch Long, đất tốt nhất định có Thủy lưu nghịch Sa. Nghịch với Long là hay nhất, nghịch với Sa thì hay nhì. Nói về "đắc Thủy", chủ yếu là chỉ nghịch Long, nghịch Sa. Sa phong và Thủy lưu là sự phối hợp lớn, Sơn đắc Thủy, Thủy đắc Sơn là sự phối hợp vợ chồng; Thủy nghịch Sơn, Sơn nghịch Thủy là vợ chồng giao cảm. nếu Sơn Thủy thuận chiều, thì tuy có phối hợp, nhưng không có giao cảm, sẽ không phải là chỗ thành Long.

Long Hổ

Hai cánh tay giang ra, bản thân đẻ nhánh bao bọc kín huyệt vị, không để cho gió thổi Sinh khí tản đi. Nếu phản nghịch, nhọn hoắt, nham nhở hoặc hai cung cùng đến, đều nên tránh. Nếu tay dưới nghịch Thủy cong lên, thì lực nặng; nếu tay trên thuận Thủy vòng lại, thì lực nhẹ. Bên trong Long, Hổ không thể bao tròn, cũng không thể giao nhau. Sa phong nhọn hoắt sẽ là điểm hung ác.

Long Huyệt Sa Thủy

Long có Sơn Tổ tông, quý có chỗ nhô cao vươn thẳng; có Sơn Phụ mẫu, quý ở chỗ đoan chính, nghiêm trang; có Sơn Con cháu, hình thành huyệt vị, quý ở chỗ tú lệ; tả hữu hai

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

bên là Huynh đệ, quý ở chỗ có giáp tùng; Sa phong bảo vệ bên ngoài là nô bộc (bạn bè, đầy tớ), quý ở chỗ bao quanh; Sơn Thủy đối diện là Tân khách, quý ở chỗ cúi chào; Sơn Thủy Khẩu là binh tướng, quý ở chỗ có che chắn. Những thứ ấy phải có tình với huyệt, không thể quay lưng mà hướng ra bên ngoài.

Hình Thế

Thế là thể thế của Long đến, Hình là hình dạng của bổn sơn. Thế bao hàm cục diện, mà Hình thì ở trong huyệt. Do đó nếu là đại thế quần tụ, dù Hình và Huyệt quái dị, không có Long sơn, Hổ sơn, vẫn có thể cấm huyệt. Đại thế nếu không tụ hợp, dù là kỳ hình xảo huyệt, có đủ Long sơn, Hổ sơn, cũng khó bề hạ huyệt.

Hình Cục

Hình cục thích nghi với nghịch, mà không thích hợp với thuận; thích nghi với việc hướng vào nhau chứ không thích hợp với việc quay lưng lại nhau; thích hợp với uốn quanh, chứ không với đâm thẳng; thích hợp với hội tụ, chứ không với tán loạn; thích hợp với sinh, chứ không với tử; thích hợp với đến, chứ không với đi; thích hợp với đẹp, chứ không với xấu; thích hợp với trẻ, chứ không với già; thích hợp với tinh, chứ không với thô; thích hợp với tàng, chứ không với lộ; thích hợp với kín, chứ không với khuyết; thích hợp với mềm, chứ không với cứng; thích hợp với thấp, chứ không với cao; thích hợp với sáng, chứ không với tối; thích hợp với giáp kẻ, chứ không với dồn ép; thích hợp với tròn, chứ không với nhọn.

Long, Hiệp, Huyệt mạch

Long mạch quý ở chỗ có khởi phục (lên xuống nhấp nhô), Hiệp mạch quý ở chỗ ngắn và nhỏ, Huyệt mạch quý ở chỗ có quật đột (đột nhiên đào hố). nếu từ trung tâm (chính giữa) rớt xuống thì lực nặng; nếu từ hai bên tả hữu rớt xuống, thì lực nhẹ. Mạch có mạch thẳng, mạch ngang, mạch thiên, mạch thiểm, mạch dài, mạch ngắn, mạch rộng, mạch hẹp, mạch quanh co, mạch tụ, mạch đơn, mạch kép, mạch ẩn hiện, mạch lộ dài một dải, đến chỗ Thủy lưu mới dừng.

Có mạch vô khí vì bị gió thổi tán thoát, có mạch hữu khí, vì không có gió nên khí tụ hợp. Cao không thể lộ ra ngoài gió, thấp không thể đứt mất mạch. Quan sát mạch khí của Long, ở chỗ giáp giới với Thủy phía ngoài Long sơn, Hổ sơn; quan sát mạch khí của Huyệt, ở chỗ giáp giới với Thủy phía trong Long sơn, Hổ sơn. Thủy lưu ở phía ngoài dễ nhận ra vết tích; Thủy lưu ở phía trong khó nhận ra hơn. Gặp tình huống không có Long sơn, Hổ sơn, cũng không cần cầu nệ.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tứ Cục

Trực Long xô lưng mà tới, Hoành Long từ mặt bên mà nghiêng xuống, Hồi Long quanh co uốn thân, Phi Long kết tụ phía trên, Tiềm Long lạc xuống bình dương. Đó là Long cục.

Thiên Huyệt tụ tập ở bên trên, Nhân Huyệt tụ tập ở phần giữa (lưng chừng), Địa Huyệt tụ tập ở bên dưới; Chính Huyệt là chính tụ, Trắc Huyệt là trắc tụ. Đó là Huyệt cục.

Sa phong có Trực lai Sa (đến thẳng), có Hồi đầu Sa (ngoảnh đầu), có Loan bão Sa (ôm quành), có Thị vệ sa (hộ vệ), có Quan lan Sa (che chắn). Đó là Sa cục.

Triều Thủy là đến ngay trước mặt, Hoành Thủy là như cánh cung, Cứ Thủy là ở trong ao hồ, Khứ Thủy là chảy đi, Nghịch Thủy là từ dưới lên, Vô Thủy là kết thành dốc khô. Đó là Thủy cục.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tứ Hình

Sinh Long có rất nhiều nếp gấp; Tử Long không có dứt đoạn; Cường Long ồ ạt mà đến; Nhược Long gày gò, mềm yếu, rụt rè; Thuận Long tiến về phía trước; Nghịch Long lui về phía sau; Tiến Long hậu tiết cao; Thoái Long mặt sau thấp dần. Đó là Long hình.

Huyệt Tam Tài là trực kết (kết thẳng), huyệt Tam Thai là hoành kết (kết ngang), huyệt Kỳ Lân nằm tại hai vú, huyệt Hồng Kỳ nằm ở chỗ hẹp nghiêng, huyệt Khúc Trì chuyển động, huyệt Thoát Mạch hấp thụ Sinh khí, huyệt Chính Cầu ở chính giữa, huyệt Đầu Sát bị thương ở đầu não. Đó là Huyệt hình.

Sa tròn (Viên Sa) giống như kim phủ (búa sắt), Trực Sa (Sa thẳng) giống như nha hốt (thẻ ngà), Tiêm Sa (Sa nhọn) giống như đao thương, Phương Sa (Sa vuông) giống như tủ đứng, Khúc Sa giống như con rắn, Chính Sa giống như chiêng trống, Tà Sa giống như cờ phướn. Đó là Sa hình.

Kim thành giống như cái bao, Mộc thành giống như cây thước, Thủy thành giống như vật màu đen, Hỏa thành giống như cây cung ngược, Thổ thành giống như dòng chảy ngang. Đó là Thủy hình.

Lục Cát

Quan, Diệu, Cầm, Quỷ, Thú, La là Lục Cát. Quan ở đằng trước huyệt, Diệu ở bên tả huyệt, Cầm ở bên cạnh Hiệp, Quỷ ở đằng sau Long, Thú, La đều ở vị trí Thủy Khẩu.

Họ Hứa từng nói :

"Hoặc Quan, Diệu chiếu ở trước mộ phần, hoặc Quỷ, Cầm ở sau Long, hoặc là La tinh hoặc là Thú, có những thứ cát lợi ấy xuất hiện thì sẽ có người làm quan đến chức công khanh. Nếu Bắc thần cao to thì sẽ đến ngôi Hoàng đế, nếu Bắc thần thấp nhỏ, cũng có người làm đại quan trong triều. Huyệt hình muôn hình vạn trạng, nhưng cốt nhất là tròn trịa, sợ nhất là nhám nhở, nghiêng lệch".

Tẫn Mẫu (Đực cái)

Tẫn Mẫu là chỉ Thư Hùng (con đực con cái) ở bên ngoài huyệt. Từ hai bên chiếu huyệt, thì giống như che chắn gió mây. Không có nó thì sẽ khuyết hở, chẳng thể an táng. Huyệt ở chỗ cao giống như cái đầu, cái họng, bộ não, phải có hai tai, hai vai che chắn, gọi là táng đầu Long, gối tai Long. Huyệt vị ở chỗ thấp giống như tim, rốn, âm hộ, phải dùng hai tay che chắn, gọi là táng eo Long, gối tay Long.

Thư Hùng giống như hai tay trước huyệt, tả sơn đến trước thì nhận tả, hữu sơn đến trước thì nhận hữu, tả hữu cùng đến thì nhận cả hai. Họ Dương nói :

"Hình thế Thư Hùng không thể cong vênh, vì như thế sẽ khiến cho người ta bị tán gia bại sản".

Luận Minh Đường

Minh Đường xuất hiện ở đằng trước huyệt, chỗ có nhiều Thủy lưu hội tụ, gọi là Minh Đường. Nó nằm ở chỗ giữa, xung quanh có sơn bao bọc, Long mạch thấy nó thì dừng, huyệt vị thấy nó thì xác định hạ xuống. Minh Đường có hai loại, chỉ có Nội Minh Đường trước huyệt là khẩn yếu nhất. Có Minh Đường như thế là chân, không có Minh Đường như thế là giả. Đó là cách phân biệt đơn giản nhất. Long đến triều ứng tại Thủy Khẩu, mọi điều kiện đều tốt, nhưng không có Minh Đường, thì là giả. Mọi điều kiện đều bất lợi, nhưng tạo nên một Minh Đường đẹp, thì là chân.

Chiếu theo Huyệt pháp, thấy Minh Đường ở mé tả, thì huyệt định tại bên tả Minh Đường ở mé hữu, thì huyệt vị định tại bên hữu. Minh Đường thuận xuất thì huyệt vị thuận kết; Minh Đường hoành xuất, thì huyệt vị hoành kết. Các sách địa lý phong thủy khi bàn về Huyệt, nhất thiết sẽ luận về Minh Đường, bàn đến Minh Đường, nhất định sẽ luận về Huyệt. Xem kỹ phần cơ sở

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

của mộ thời xưa, chưa hề thấy tình huống không có Minh Đường mà lại có huyệt tốt. Nhắc đến "Ao Long huyệt" (Lũng Long huyệt), Long dừng ở phía Đông mà Minh Đường kết ở mé Tây, cho nên nói thà bỏ Long mà không bỏ Minh Đường.

Cổ nhân đều đem huyệt đến sát Minh Đường.

"Táng Kinh" viết :

"Ở trong phải tiếp Sinh khí, ở ngoài phải tiếp Dưỡng khí".

"Trác Ngọc Tập" viết :

"Bất kể nó mờ mờ mịt mịt, chỉ cần tìm thấy Minh Đường là được. Cầu lấy Minh Đường trước, sau mới lấy huyệt vị".

"Hắc Tương Kinh" viết :

"Huyệt vị tốt đẹp, Minh Đường của nó ắt sẽ rất tự nhiên".

Lại viết :

"Nếu có huyệt tốt, thì sẽ có Minh Đường, có Cục vị".

"Tuyệt Tâm Kinh" viết :

"Leo lên huyệt vị thì phải thấy Minh Đường".

"Mịch Huyệt Ca" viết :

"Cứ theo Minh Đường rộng hẹp thì biết trong huyệt cao thấp".

Xung quanh Minh Đường phải có bao bọc, bên trong Minh Đường phải tròn trịa, bằng phẳng. Thủy lưu đến tụ hợp, nhưng nếu ở đây xuất hiện lồi lõm, lổn nhổn, xô lệch, lở loét, nham nhở, thì không thể gọi đó là Minh Đường.

Minh Đường thuận hướng phải khúc chiết, Minh Đường hoành hướng phải uốn quanh; không khúc chiết thì chạy đi, không uốn quanh thì vô tình. Hiểu được Minh Đường pháp như thế thì khỏi lo khó cắm huyệt.

Chỗ tích nước trước huyệt vị là Minh Đường, trong Long sơn, Hổ sơn, gần Án sơn và Triều sơn đều có chỗ Thủy lưu hội tụ, đều là Minh Đường. Nhưng Minh Đường trong Long sơn, Hổ sơn là quan trọng nhất. Bởi vì huyệt vị giống như tâm can, Thủy lưu như tinh khí, dịch thể kết tụ bên trong, thiếu nó thì không thể thành huyệt. Do vậy nói :

"Khi kết huyệt phải có Tiểu Minh Đường, chỗ Chân khí ngưng tụ Thủy lưu giao hội mới là huyệt vị".

Sa phong nghịch Thủy lưu, Thủy lưu nghịch Sa phong, thì Minh Đường không ổn định vững chắc. Sự tốt xấu của Minh Đường căn cứ vào sự thuận nghịch giữa Sa phong và Thủy lưu.

Cổ ngữ có câu :

"Minh Đường có thể chứa vạn mã".

Đấy là ngụ ý nó rộng rãi bằng phẳng mà thôi, chứ có ích gì ! Phải dăm trăm năm mới có một người hiểu rõ Minh Đường pháp.

Minh Đường trong Triều sơn không quan trọng bằng Minh Đường trong Án sơn gần hơn, Minh Đường trong Án sơn không quan trọng bằng Minh Đường trong Long sơn, Hổ sơn. Tìm Long mạch, điểm huyệt vị chỉ cần lưu tâm cẩn thận đến Minh Đường là được.

Tiểu Minh Đường phải bằng phẳng, không được nghiêng lệch; Nội Minh Đường phải bó hẹp, không được rộng rãi; Ngoại Minh Đường phải lớn và tròn, không được nhỏ và nhọn. Chỗ Chân Thủy tụ hội phải có Sa phong che chắn, không để gió thổi mất Đường khí, mới được coi là tốt nhất. Vậy là Minh Đường thích hợp với ngang, chứ không với thẳng; thích hợp với bằng phẳng, chứ không với cao chênh; thích hợp với hoàn chỉnh, chứ không với khuyết hở; thích hợp với ngay ngắn, chứ không với nhô lồi; thích hợp với tròn trịa, chứ không với nhọn hoắt. So với đáy của huyệt vị, Minh Đường không thể quá cao, vì nếu cao thì Thủy lưu sẽ không tụ hội, huyệt vị sẽ không tiếp thụ.

Minh Đường không được nghiêng dốc. Cắm huyệt chủ yếu phải xem Thủy thế bình lặng ở phía trước Minh Đường.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Luận Triều sơn

Có người so sánh Triều sơn như quan hệ giữa chủ khách, quân thần, không biết rằng còn có quan hệ phối hợp vợ chồng. Kỳ thực quan sát kỹ hình dạng và sự ôm ấp của Triều sơn thì thấy giống như sự giao phối đực cái mà tạo nên thai nhi. Có khi Triều sơn là ba trái núi độc lập, có khi là năm trái núi độc lập, mà sơn triều bái nhất định đứng ở chính giữa, đó là loại Án sơn cao quý nhất. Có khi Triều sơn đẹp đẽ lại không ở hình dạng bái phục, sơn phong nhô lên mà không có hình thế thanh thoát, đó là loại Triều sơn, Án sơn hạng nhì. Nếu sơn phong có đỉnh rất đẹp, nhưng thân thể lại nghiêng lệch, hoặc theo Thủy lưu mà chạy đi, thì đó là giả Triều sơn, huyệt vị cũng là giả.

Triều sơn bất kể cao, thấp, lớn, nhỏ, tròn, nhọn, vuông vức, chỉ cần ôm ấp kín là có thể sử dụng. Điều quan trọng nhất là xem Thủy ở dưới chân nó. Nếu là Triều sơn thật sự, Thủy lưu nhất định sẽ không chảy đi mất. Thủy lưu của chính huyệt sẽ được lưu giữ hoàn toàn nhờ Triều sơn. Triều sơn cũng có tâm hoa, sự che chắn hai bên tựa hồ không khác so với huyệt vị. Điều này rất ít người biết.

Phàm Án sơn với Triều sơn quý ở chỗ gần gũi mà không quá gần, quý ở chính giữa mà không vượt quá lông mày. Nếu cao mà nghiêng hoặc thấp mà thoát thì đều giảm phúc. Long sơn, Hổ sơn che kín Thủy lưu trong huyệt; Án sơn che kín Thủy lưu của Long sơn, Hổ sơn; Triều sơn che kín Thủy lưu của phân Long khởi tổ. Những thứ ấy đều che chắn Thủy lưu trong huyệt vị. Cho nên Triều sơn, Án sơn đều phải nghịch Thủy, nếu không nghịch thì Thủy lưu trong huyệt sẽ chảy đi mất, phú quý sẽ không lâu dài. Thuận Long nhất thiết phải có nghịch triều, nghịch Long phải có thuận triều.

Khí là mẹ của Thủy, Thủy là con của Khí. Chỗ Chân Khí kết tụ, Thủy lưu nhất định sẽ quy tụ về đó, như con về với mẹ. Chỗ Thủy lưu chảy đến, Chân Khí sẽ hướng tới đó hoặc ôm ấp, bao che, như vòng tay mẹ yêu con.

Như vậy Sơn phong và Thủy lưu đồng hành thuận hướng, đến chỗ sắp kết huyệt sẽ có Sơn hồi Thủy chuyển mà thành thế triều bái, nên Triều sơn, Án sơn lấy nghịch hướng làm cát lợi.

Triều sơn chứng huyệt

Lấy Án sơn đoan chính có tình ở gần và Án sơn có Thủy lưu ở xa làm ranh giới, lấy triều bái làm tiêu chuẩn.

Chiên thần chứng huyệt

Chiên thần là môi, dư khí ở dưới huyệt. Nên bằng phẳng ngay ngắn, cũng là Tiểu Minh Đường. Có Chiên thần thì huyệt vị là chân, không phải giả.

Thập đạo chứng huyệt

Cái chiếu sơn trước sau không được thiên sang phải hoặc sang trái, Giáp Nhĩ sơn hai bên không được thoát tiền thoát hậu. Tất thảy phải đủ chắn gió, không được khuyết hở. Đó là tiêu chuẩn.

Triều Án

Triều sơn và Án sơn lấy bằng phẳng, ôm bao tròn trịa đẹp đẽ, khai trướng khởi phong, lưỡng Thủy giới triều làm cát lợi; coi nhô nhọn, nham nhở, chĩa thẳng, bỏ chạy, nghiêng lệch là hung hiểm. Án sơn phải thấp và gần, Triều sơn phải xa và cao lớn. Triều và Án sơn phải thoai thoải mà đến, Thủy lưu phải chảy vào lòng mới là tốt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Huyệt

Đầu nhẵn nhụi, thân thể ngay thẳng, tay giang, mạch đến rõ ràng, Sinh khí lộ rõ, trên phân dưới hợp, chắn gió ngăn nước, Âm Dương hòa hợp, Sơn Thủy giao hòa, địa khí tinh thuần, hình thế kín đáo, bốn phương có tình, tám hướng không bị khuyết. Đó là Chân Huyệt.

Tứ Thể của Huyệt

+ Oa có tàng khẩu oa, trương khẩu oa, thâm oa, thiểm oa, khoát oa, hiệp oa, biên oa, tịnh oa.
+ Kiềm có trực kiềm, khúc kiềm, trường kiềm, đoản kiềm, song kiềm, giao kiềm, biên khúc biên trực kiềm, biên trường biên đoản kiềm, phân kiềm, hợp kiềm.
+ Nhũ có huyền nhũ, trường nhũ, đoản nhũ, đại nhũ, tiểu nhũ, song nhũ, tam nhũ, thiểm nhũ, trắc nhũ.
+ Đột có đại đột, tiểu đột, song đột, tam đột, cốt đột, tịnh đột.

Bốn thể nói trên có tượng Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, cùng có mang hình Cửu Diệu. Phía sau phải có mạch lạc, phía trước phải có nghịch Thủy thu Sa mới là Chân.

Luận Thủy

Thủy, Long mạch có được nó thì thành Long, huyệt vị có được nó thì thành huyệt. Nó là vật xuất xứ từ Sơn mà phối hợp với Sơn. Gọi Thủy là tinh huyết của Sơn, là ngụ ý chỉ bản thể của nó. Gọi Thủy là đồ ẩm thực (đồ ăn thức uống) của Sơn, là muốn nói đến tác dụng của nó.

Thủy lưu có nghịch với hậu Long mà phối hợp, có nghịch với Sa phong hai bên mà phối hợp, có nghịch với huyệt vị mà phối hợp. Thủy lưu tạo xong huyệt vị rồi thì Thủy lưu không nghịch nữa. Quách Phác viết :

"Đắc Thủy mới được coi là thượng đẳng".

Chữ "đắc" không phải được nói ra tùy tiện. Có rất nhiều phương pháp đắc thủy, muốn trình bày không dễ gì. Có người dùng tông miếu để luận thuật, có người dùng độ số để luận thuật, có người dùng quẻ để luận thuật, có người dùng Dương Sơn Dương Thủy, Âm Sơn Âm Thủy để luận thuật. Tuy mỗi cách đều có lý, nhưng người đời sau đều sử dụng sai.

Tôi cho rằng tính chất của Sơn là tĩnh, còn tính chất của Thủy là động; Âm tĩnh mà Dương thì động. Sơn với thủy cũng như Âm với Dương. Đạo lý Âm Dương đã rõ ràng, khỏi cần dùng sao, dùng quẻ cũng biết. Cho nên sự thiện ác, linh nghiệm của Thủy lộ so với Sơn là rõ ràng hơn. Vì Sơn và Thủy vốn có quan hệ vợ chồng, nên Sơn là Dương, thì Thủy là Âm, Thủy là Âm, thì Sơn là Dương, Sơn sinh thì Thủy vượng, Sơn vượng thì Thủy sinh. Không đúng như vậy, thì không còn là sự giao cảm vợ chồng, cũng không thể kết thành huyệt vị.

Thủy lưu chảy đến thì không thể trực xung, Thủy lưu chảy đi thì không thể quá thẳng, Thủy lưu dàn ngang (hoành) thì không thể phản, Thủy lưu chéo (tà) thì không thể gấp. Thủy lưu triều bái nhất định phải uốn éo mà đến, Thủy lưu chảy đi nhất định phải lững lờ mà đi, Thủy lưu dàn ngang thì phải giống như cánh cung ôm lấy huyệt, như vậy mới gọi là lưu luyến hữu tình.

Long nghịch Thủy thì lực nặng, Long thuận Thủy thì lực nhẹ. Nhưng có khi chảy thẳng đi, Long mạch thanh tú, kết huyệt rõ ràng, thì vẫn nên tìm xem nó chảy đến chỗ nào mà sử dụng, chứ không nên vì thuận Thủy mà vứt bỏ.

Thủy lưu giống như mũi tên bắn, như dây thừng, như người đeo kiếm, như gà giơ chân, tách ra như chữ Bát, xồng xộc đến, hối hả đi, tiếng nghe ồ ồ hoặc ai oán, đều không cát lợi.

Thủy lưu còn phân ra nội ngoại. Ở trong Long sơn, Hổ sơn mà xuất hiện trước huyệt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

gọi là Nội Thủy; bất kể có chỗ nhập huyệt hay không, quý ở chỗ uốn lượn quanh co, chảy ra nghênh tiếp Ngoại Thủy. Thủy lưu ở ngoài Long, Hổ sơn, ở trong Triều sơn, Án sơn thì gọi là Ngoại Thủy. Như nước sông, hồ, mương, biển thì là Ngoại thủy. Nếu Nội Thủy có bệnh mà Ngoại Thủy hợp phép, thì về đại thể cũng không ngại. Nhưng nếu Nội Thủy cát lợi, mà Ngoại thủy hung hiểm, thì chớ sử dụng.

"Táng Kinh" viết :

> "Ngoại khí là dùng để tụ tập nội khí, quá Thủy là dùng để dừng Long".

Đây không phải là luận điểm khinh suất. Bởi vì Thủy lưu vào ra Minh Đường giống như huyết mạch của người, há có thể xem thường ? Sách có nói :

> "Phân nhánh khi chưa thịnh, triều bái khi sắp đại vượng, tụ thành ao đầm khi sắp suy, lưu tán khi tù đọng. Đến thì uốn lượn quanh co, đi thì như dệt lụa, thế mới gọi là đắc Thủy".

Còn Sơn lớn mà Thủy nhỏ, Sơn yếu mà Thủy mạnh, Âm Dương không tương xứng, thì chẳng thể kết huyệt.

Vi Hội thủy

Thủy lưu vi hội có ba loại : Giải nhãn Thủy (Thủy mắt cua), là Thủy xung quanh như mắt cua nhỏ giọt tròn; Hà tu Thủy (Thủy râu tôm) là Thủy hai dòng chảy hợp làm một; Kim ngư Thủy (Thủy cá vàng), là Thủy kín đáo. Không có loại Thủy này thì huyệt vị chẳng phải là chân.

Cầu Thiềm

Cầu thiềm là biệt danh của giải nhãn, mặt trên béo mập, tròn như trái cầu, mặt dưới mỏng mảnh, như nước nhỏ giọt từ mái hiên (thiềm - mái hiên).

Mặt trên có mạch đến, mặt dưới không có mạch ra, là Thần tinh khai khẩu (hé miệng). Mặt trên có mạch đến, mặt dưới có mạch ra, là không khai khẩu. Khai khẩu là Thư Hùng (đực cái) kết hợp với nhau ở bên trong. Không khai khẩu là Thư Hùng kết hợp với nhau ở bên ngoài.

Kim Ngư thủy

Thủy kín đáo không gọi là Ngư, mà nhất thiết phải gọi là Kim Ngư, là vì lẽ gì ? Là vì cá uống nước thì nước vào miệng mà ra ở hai bên mang. Chỉ riêng Kim Ngư uống nước là nước vào từ hai mang mà ra đàng miệng, cho nên mới gọi là Tiểu Thủy như dây thừng ở huyệt vị là Kim Ngư. Cũng là vì hai Thủy lưu từ hai bên chảy vào trong Tiểu Minh Đường. rồi mới chảy ra, như Kim Ngư uống nước vậy.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sa cánh ve (Thiềm Dực Sa)

Gọi Sa phong là Sa cánh ve, vì cánh ve tuy mỏng manh nhưng che kín phần đuôi, hơn nữa lại không có thanh âm, tiếng kêu của ve phát ra từ bên dưới sườn, ban ngày phát tiếng kêu bên tả, ban đêm phát tiếng kêu bên hữu. Cho nên ở chỗ lập huyệt vị mới gọi Tiểu Sa phong là Sa cánh ve, ngụ ý sa phong tuy nhỏ, mảnh, nhưng vẫn che kín huyệt. Nếu Long từ mé hữu đến, hướng sang mé tả, thì Sa phong mé tả phải minh bạch mà tiếp nhận Thủy lưu mé tả. nếu Long từ mé tả đến, hướng sang mé hữu, thì Sa phong mé hữu phải rõ ràng mà tiếp nhận Thủy lưu của mé hữu. Giống như đôi cánh ve che kín thân thể, không để lộ ra ngoài.

Râu tôm (Hà tu)

Nhiều sinh vật có râu, tại sao chọn râu tôm để gọi ? Phàm râu của sinh vật đều mọc ở mép, tiêng râu tôm lại mọc từ gáy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mà bao bọc lấy đầu, hơn nữa lại có sợi dài sợi ngắn, khi ăn thì dùng sợi dài quặp đồ ăn đưa cho sợi ngắn rồi đưa vào miệng. Cho nên huyền nhũ của huyệt vị có hai dòng Thủy lưu, cũng là có hai Tiểu sa phong bao quanh huyệt, một dài một ngắn tương hỗ hút nước. Sa phong như thế có lực mà Thủy lưu có thức ăn. Nếu hai sa phong đối đầu nhau thì không cát lợi, cũng không phải là râu tôm thật sự.

Loại Thủy và Sa như vậy, chỉ chỗ hình thể huyền nhũ mới có.

Mắt cua (Giải nhãn)

Sinh vật đều có mắt, ở đây tại sao chỉ lấy mắt cua để gọi ? Vì mắt của con cua vừa to, vừa lộ, lồi hẳn ra, hơn nữa lại có thể xoay tròn. Chẳng những thế, cua còn đi ngang, bò sang bên trái thì mắt trái sáng, bò sang bên phải thì mắt phải sáng. Cho nên nhìn ngang nhìn thẳng không thấy nhũ đột, tiết oa, cũng không có Thủy râu tôm, Thủy Kim ngư. Dùng nó tìm huyệt vị, thì có thể thấy môi tròn trịa tựa cái yếm con cua, bên cạnh yếm có Tiểu Thủy lưu, giống như từ mắt cua chảy xuống, phía ngoài có Sa phong hơi nhô lên như càng cua, mà Thủy lưu sáng cả hai bên tả hữu, thế thì huyệt vị sẽ hiển lộ ngay.

Chỉ Khí chân quyết

Che gió, Khí sẽ tụ hợp lại; ngăn Thủy, Chân Khí sẽ dừng tụ. Chỗ tụ hợp, Thư Hùng (đực cái) giao hội. Mặt trên có phân Thủy, Long mạch từ giữa mà đến. Mặt dưới có hợp Kim, Chân Khí từ giữa mà dừng. Chỗ nhô, chỗ lõm, là nơi chứa chấp Sinh khí. Chỗ nhô thuộc Kim tinh, là Âm; chỗ lõm là Thủy tinh, thuộc Dương. Cho nên Kim đến, thì bỏ Kim mà lấy Thủy, Thủy đến, thì bỏ Thủy mà lấy Kim. Đó là cái lý phối hợp Âm Dương, Kim Thủy tương sinh.

Thủy lưu của Minh Đường tụ hội mà không thất thoát, Sa phong của Long, Hổ tụ hội mà không chạy đi, có thể nói đó là Chân Khí giao hội. Hơn nữa, Thủy lưu bên ngoài hữu hình, mà Thủy lưu bên trong vô hình, bên có bên không, bên sáng bên tối, nhất định sẽ có Sa phong bao quanh thân thể, có hình ảnh Thủy lưu bao bọc, Sinh khí như vậy mới là đích thực.

Lại có hai tiết nhập thủ, Thủy Mộc tương sinh, cũng có Sinh khí. Lại như Khôn Long thuộc Thổ, chuyển thành Thân mà kết huyệt, cũng gọi là có Sinh khí. Long mạch hoạt động là sinh, cứng đờ là tử; Khí dày là sinh, mỏng là tử.

Bát Cục tướng pháp

Huyệt ở phía Nam thì có thể nhìn thấy từ phía Bắc và ngược lại. Từ phía đối diện đến nhìn, thì đỉnh núi của Sơn đến thuộc hình thế nào, Ngũ tinh, Cửu tinh và Cửu diệu ra sao, đều có thể thấy được.

Quan sát Thủy lưu, cũng phải đứng ở đầu nguồn mà nhìn, Thủy lưu chảy sang phía Tây, thì đứng ở phía Đông; Thủy lưu chảy sang phía Đông, thì đứng ở phía Tây. Nhìn kỹ hướng chảy đi của Thủy lưu, nếu có Sa phong nghịch thủy mà che chắn kín mít, không kẻ hở, Thiên môn mở mà Địa hộ đóng, thì có thể kết huyệt vị ở đó.

Lại leo lên một ngọn núi cao mà nhìn Sơn từ phía, chỗ thấp một chút sẽ thấy huyệt vị.

Tướng pháp Chủ Khách

Chỗ thụ huyệt là chủ, chỗ nghênh đón là khách. Tối kỵ là sơn khách đến gần sơn chủ mà quay lưng chạy đi. Nếu hai ngọn núi Nam, Bắc đều đẹp, có thể kết huyệt, thì phải xem xét kỹ Minh Đường và Thủy thành. Thủy lưu nếu bao lấy phía Nam, thì Long mạch của sơn phía Nam từ từ mở ra và có

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

dư khí, huyệt vị nhất định ở phía Nam. Trong "Kinh Thư" có viết :

> "Chủ khách đều rất đoan chính, hai bờ nhọn hoặc tròn cũng đều tương ứng xảo diệu, thì cần dựa vào sự bao bọc của Thủy thế mà phán đoán chân giả, chỗ Thủy lưu tương phản chính là khách".

Nếu thủy lưu chỉ ngang qua bình thường, thì nên xem Sơn phong hộ vệ hai bên, bên nào có tình. "Kinh Thư" viết :

> "Phàm quan sát huyệt vị có nghi ngờ, thì phải xem Đường cục. Đường cục thực thụ thì Thủy lưu uốn quanh khúc chiết. Nếu thủy lưu lẳng lặng chảy ngang qua, thì chỉ cần phân biệt kỹ Sơn Thủy hai bên là được".

Nếu cả hai bên đều có vẻ kết huyệt, thì huyệt vị thực thụ nhất định sẽ không xuất hiện từ phía đối diện, Thủy lưu phải ôm lấy hướng Nam sau đó lại ôm lấy hướng Bắc mới được.

Tướng pháp Thuận Nghịch

Có một trọng Thủy, thì phải có một trọng Sa kiềm chế. Nếu có tiểu Thủy lưu chảy sang mé tả, mà đại hà Thủy chảy sang mé hữu, thì phải có Sa phong ở gần mé tả huyệt vị dài hơn, để kiềm chế tiểu Thủy lưu, sau đó Sa phong ở bên ngoài mé hữu lại kiềm chế đại hà Thủy. Đây là Thư Hùng (đực cái) phối hợp, nếu không thì Âm Dương bất hòa, linh khí không tụ, không thể tạo thành thai nhi.

Nhưng cũng có đất đại phú quý, đa phần là hình thế thuận đống thuận quấn, chỉ cần đại hình thế là nghịch cục thì rất hay. Bởi vì nghịch cục mà thuận quấn cũng là cái lý Âm Dương giao hội.

Nội Ngoại tướng pháp

Từ mặt ngoài nhìn vào, từ phía trong nhìn ra, nội ngoại đều rất đẹp, mới là đại phú đại quý. Từ ngoài nhìn vào mà cửa không đóng, vào đến bên trong thì Hổ sơn, Long sơn cùng vây kín, đó là tình huống tiểu địa hữu hình mà vô thế. Từ ngoài nhìn vào, thấy Sơn Thủy bên trong quấn quít, vào đến bên trong, lại thấy Đường cục mở rộng, bản thân chẳng có Long, Hổ sơn, đó là đại địa có thế mà vô hình. Cho nên nói :

> "Nhập huyệt xem hình, xuất huyệt xem thế".

Nhập Thủ khán pháp

Một, phải xem hình thế. Hai, phải xem tên gọi. Ba, phải xem chứng cứ. Bốn, phải xem mạnh yếu. Năm, phải xem Thủy đến, đi. Sáu, phải xem thuận nghịch. Bảy, phải xem sinh tử. Tám, phải xem hữu vô (có thực hay không). Chín, phải xem chân giả, Mười, phải xem tụ tán.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tướng Địa lục pháp

Long mạch phải xem thác (nhờ, dựa), Huyệt phải xem lạc, Sa phải xem cước, Thủy phải xem hợp, Đường (Minh Đường) phải xem góc, Thành phải xem quách.

+ Thác có hậu thác, tả hữu thác, tất phải có quấn quanh tương đối nhiều.
+ Lạc có trung lạc, tả hữu lạc, tất phải bao bọc kín đáo.
+ Cước có tả hữu cước, tất phải nghịch Thủy uốn khúc.
+ Hợp có tiền, hậu, tả hữu hợp, tất phải lưỡng Thủy giao hội.
+ Giác là chỉ bốn góc, phải có hình thế tròn trịa, vuông vắn.
+ Quách là tám quách, phải như La thành vây quanh.

Sự quý tiện của huyệt vị là tùy Long, của Long là tùy hiệp. Họa phúc của Sơn là ở thủy, của Thủy là ở phương hướng. Cho nên phải tìm Long mạch ở đầu nguồn, tìm Hiệp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ở Long mạch bên trái, tìm mạch tại Hiệp, lấy Khí ở mạch, tùy Khí mà biết huyệt vị, tại huyệt vị thì xem Thủy, tùy Thủy mà định hướng, đó là đại lược phải biết.

Chân Long kết huyệt nhất định sẽ có chứng cứ, có chứng cứ rõ ràng, thì huyệt vị mới hoàn toàn chân thực.

+ Chứng cứ cần tìm ở trước huyệt là Triều sơn, Án sơn hoàn mỹ, Minh Đường đoan chính, Thủy thế tụ hội.
+ Chứng cứ cần tìm ở sau huyệt là Lạc sơn nhô cao, Quỷ tinh chống đỡ.
+ Chứng cứ ở hai bên huyệt là Long sơn, Hổ sơn có tình, bao quanh kín đáo.
+ Chứng cứ ở bên dưới huyệt là thiềm (hiên), chiên (chăn đệm) đoan chính.
+ Chứng cứ ở bốn phía huyệt vị là thập đạo tròn vẹn.
+ Chứng cứ ở ranh giới Thủy là phân hợp rõ ràng.

Phương pháp tìm huyệt, điểm huyệt nhất định phải lấy các chứng cứ đó làm tiêu chuẩn.

Tướng Thủy yếu quyết

Thủy lưu có các loại Tùy Long Thủy, Nhiêu Long Thủy, Triền Long Thủy, Triều Long Thủy, Thừa Long Thủy, Tiêu Long Thủy. Các chỗ đó không chảy ra từ chỗ khí Sinh, Vượng, từ hai phương vị Thân, Tý là được. Phải xem tình hình trên huyệt mà xác định. Có khi Thổ chân xác, nhưng Thủy có chỗ bất lợi, thì phải cân nhắc kỹ phương hướng của Thủy, nếu tiêu nạp ở đầu thì hung.

Khí Sinh, Vượng phải dùng Đại Huyền Không Tam Hợp mà luận chứng, Tiểu Huyền Không thì chỉ có thể luận chứng về tương sinh, tương khắc của Thủy lưu đến và đi. Sự nhập thủ của Long mạch có năm cách : Trực, hoành, hồi, phi, tiềm.

Liêu công viết :

"Trực Long bị thúc phía sau lưng mà tới, từ trung gian mà ra, quý ở chỗ có thế quanh quẩn, lưỡng lự. Hoành Long nguyên từ mé bên mà tới, chỗ nghịch chuyển thì đỉnh rất hào hùng. Hồi Long nguyên là quanh co vặn mình mà tới, khi ngoảnh nhìn về phía Tổ tông sơn phải có vẻ chần chừ do dự. Phi Long nguyên là thượng tụ kết huyệt, đầu ngẩng cao, hình dạng kỳ dị. Tiềm Long vốn sa xuống đất bình dương, Long mạch tản khai, hình thế khoan hòa".

Thủy pháp nghị luận Hình Thế Ngũ thành

Bao quanh huyệt vị như cái đai, dây lưng là Kim thành; uốn lượn nhìn vào huyệt là Thủy thành. Kim thành và Thủy thành là cát lợi. Vuông vức dàn ngang là Thổ thành, trông thư thái bình lặng là cát lợi, mà phân lưu tung tóe là hung hiểm. Chảy thẳng gấp gáp, vô tình là Mộc thành; nham nhở, nhọn lệch, đâm xéo vào nhau là Hỏa thành. Mộc thành, Hỏa thành là xấu.

Ngoài ra, triều hướng huyệt vị là Chính thành, tất phải mênh mang, lặng lẽ không có âm thanh, mới là mỹ mãn; còn Bối thành, nghĩa là quay lưng lại, thì chủ về bần tiện.

Thập bất Tương

Mười điều không hợp.

Một, đá thô và xấu. Hai, Thủy chảy gấp như tranh giành. ba, chảy đến chỗ tận cùng. Bốn, đầu Long đơn độc. Năm, Thần trước Phật sau. Sáu, mộ trạch bỏ phế. Bảy, núi đổi tán loạn. Tám, sơn thủy bi sầu. Chín, chỗ ngồi lún sụt. Mười, đầu Long và Hổ nhọn hoắt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tứ bất Hạ

Bốn điều không nên hạ huyệt.

Một, nơi đỉnh đồi đỉnh núi. hai, nơi Long, Hổ giương mày. Ba, chỗ trước sau có Quỷ kiếp. Bốn, chỗ có tám phía gió thổi.

Thập Hung

Mười điều hung.

Một, gọi là Thiên bại, là nơi từng bị nạn hồng thủy tràn qua, Long Thần bất an, nếu kết huyệt thì con cháu ly tán, bơ vơ. Hai, gọi là Thiên sát, là nơi từng bị sét đánh, Long Thần kinh hãi, sẽ khiến con cháu nghèo khó. Ba, gọi là Thiên cùng, lạc huyệt cô đơn mà Huyền Vũ lè lưỡi, thuộc nơi đầu nguồn đuôi Thủy, sẽ khiến con cháu cô đơn. Bốn, gọi là Thiên khuynh, là nơi Minh Đường nghiêng rôi, Thủy không quy tụ, Long Thần không trú, sẽ khiến gia chủ mất người, mất của. Năm, gọi là Thiên vệ, là nơi gió tám phía thổi tới, Long thần không trú, sẽ khiến con cháu du thủ du thực, lười nhác. Sáu, gọi là Thiên thấp, là nơi Minh Đường nhầy nhụa hôi hám, Long Thần không tốt, sẽ gây bệnh tật triền miên. Bảy, gọi là Thiên ngục, là nơi bên dưới có hang, hầm hố, không thấy ánh sáng, Long Thần ám muội, sẽ khiến người ngu muội. Tám, gọi là Thiên cẩu, là nơi ở ngoài khuỷu sơn, không có Long Thần, hai bên tả hữu huyệt vị cũng không có sơn phong hộ vệ, gió thổi Thủy cuốn, sẽ khiến con cháu gian nghịch, bất hiếu. Chín, gọi là Thiên ma, là nơi đất đá chênh vênh không chắc, Long Thần nông cạn, khiến người nông cạn. Mười, gọi là Thiên cô, là nơi đa, lông khô nẻ, không tươi nhuận, khiến người thất bại.

Còn có thuyết nói rằng : Lạc táng ở mộ cổ hoang phế sẽ khiến đời con bị câm điếc; lạc táng ở trước sau đền miếu, con cháu sẽ bị kiện tụng; lạc táng ở nơi Sơn tiêu mộc khách (nơi có quỷ Sơn tiêu trong truyền thuyết), sẽ khiến con cháu tà dâm; nếu táng ở thùng đấu (nơi người ta lấy đất nung gạch ngói) thì con cháu sẽ bị tật, sẹo; nếu lạc táng tại bên đường không rõ ràng, nếu là hung phương thì người bị nạn về thừng chão, nếu tại cát phương thì cũng cát lợi.

Bát Sát

Uổng Long chật hẹp; Sát Long nhọn như tên bắn; Quỷ Long phân chi; Kiếp Long bay đi; Du Long đi thuận; Bệnh Long lở loét; Ngạnh Long cheo leo; Tuyệt Long cô đơn. Đó là tám cái Sát của Long.

Mạch Đoạn sơn không thể nối tiếp; Đồng sơn không có thảo mộc (cây cỏ); Quá sơn hình thế không trụ lại; Phá sơn lổ chổ; Độc sơn không có hộ tùng; Trắc sơn bị nghiêng lệch; Lão sơn chênh vênh, Thạch sơn không có thổ mộc. Đó là tám cái Sát của huyệt.

Xạ (tên bắn) là chĩa mũi nhọn vào huyệt; Thám là lộ đầu nghiêng gió; Phá là sẹo đầy đầu; Xung là chọc ngang về phía trước; Áp là sa quật khởi; Phản là ngược với triều; Đoạn là dưới đầu não có tì vết; Tấu là bay chếch đi. Đó là tám cái Sát của Sa.

Khắc là Mộc, Thủy khắc huyệt Thổ; Tạp là Dương Long lẫn Âm thủy; Xung là dương triều thẻ Đại Hùng; Phá là chúng Thủy phá La thành; Xuyên là một Thủy xuyên qua Minh Đường; Cát (cắt) là trước huyệt chặt bớt chân; Tiễn là trước mặt hướng huyệt; Xạ là một mũi nhọn chĩa vào huyệt. Đó là tám cái sát của Thủy.

Có sát, dù hợp quẻ, cũng hung hiểm. Cho nên quẻ chưa đủ tin.

Thập Yếu

Mười cái cần.

Một, hình thể chủ tinh cần phân minh. Hai, huyệt cần Vượng khí ngưng tụ. Ba, Minh Đường trước huyệt cần trải đệm. Bốn, Huyền Vũ (tức huyệt trướng) cần sáng rõ,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trong sạch. Năm, cần tiếp thụ động tĩnh hài hòa. Sáu, cần ngăn Thủy để tụ lại đằng trước. Bảy, Long, Hổ cần cao thấp tương ứng. Tám, Án sơn lạc sơn cần trước sau tương xứng. Chín, nhờ mượn cần chính xác. Mười, cửa thành cần đóng kín.

Thập bát Kỵ

Mười tám điều kỵ.

Sơn thế hùng hậu mà không có sắc thái non trẻ, là Thô ác. Sơn thế cường bức mà không thể lập thế, là Thôi thúc gấp gáp. Sơn thế thô mập mà không chắc, là Phù thũng. Sơn thế hư nhược, là Hổ dữ. Tả hữu chiết lõm mà không kín đầy, là Khuyết hở. Huyệt trướng nhận gió mà không lưu tụ, là Hốc lõm. Sơn hình mỏng manh, không tươi nhuận, là Gầy yếu. Phần đầu bị người đào khoét lấy đất, khí mạch bị tổn thương, là Phá toái. Thần tinh lệch lạc, xiêu vẹo, không tròn trịa, là Nghiêng lệch. Sơn loảng lổ đen trắng, đất đá lổn nhổn, khô cằn, chỉ có cỏ úa, không có cây cối xanh tươi, là Sẩn sùi mụn cơm. Ranh giới Thủy không rõ ràng, lồi lõm vô lối, non già lẫn lộn, là Tản mạn. Cô sơn độc Long, bốn mặt không có hộ vệ, là Đơn hàn (cô đơn lạnh lẽo). Sơn phong tứ phía cao ngất, tam dương không thể chiếu vào được, u ám thê lương, là U tịch, lạnh lẽo. Sơn thế nhỏ yếu mà nhọn như mũi thương, đuôi chuột, là Nhỏ nhọn. Huyệt trướng trải rộng như da trâu mà không co kết, là Phóng túng. Sơn hình cứng đờ, khô gấp mà không hoạt động, là Ương ngạnh, ngu dốt. Đến huyệt vẫn cao ngất, có thể đổ sụp, là thế Cheo leo, chênh vênh. Trước huyệt nghiêng đi, không cân, là Trôi tuột.

Tất cả những điều trên đều kỵ.

Mười ba điều E Ngại

Một, e ngại Không Vong. Hai, e ngại bị ép. Ba, e ngại bay chếch. Bốn, e ngại chêm cấm. Năm, e ngại khí bị rò rỉ mà Thủy xối thẳng. Sáu, e ngại Long bay Hổ chĩa thẳng. Bảy, e ngại Thủy Khẩu Minh Đường há rộng. Tám, e ngại gió thổi. Chín, e ngại dồn thúc. Mười, e ngại đỉnh cao chơi vơi. Mười một, e ngại vết tích đến miếu cổ. Mười hai, e ngại giếng cổ và hầm hố. Mười ba, e ngại thô lậu và nhọn hoắt.

Tám điều Sợ

Một, sơn cốc sợ gió lùa. Hai, bình dương sợ tản mạn. Ba, cành non sợ đá. Bốn, thân già sợ chắp vá. Năm, tiểu xảo sợ lộ liễu. Sáu, khí dày sợ mỏng. Bảy, Sơn thẳng sợ xung. Tám, Thủy chảy đi sợ thẳng một mạch.

Tám điều Không Hiềm

Một, bình dương không ngại gió. Hai, Thủy Khẩu giao hội không ngại cao. Ba, Triều Thủy không ngại nghiêng. Bốn, tứ thuận lưu không ngại trầm. Năm, Ngũ mạch gấp không ngại thoát. Sáu, mạch chậm không ngại bị nuốt. Bảy, chính diện Thần tinh không ngại mở. Tám, Hình Thế hiển lộ không ngại ẩn.

Sáu điều Hiềm

Một, hiềm ly khai Thủy địa. Hai, hiềm Long sống kiếm. Ba, hiềm huyệt chứa gió. Bốn, hiềm không có Án sơn. Năm, hiềm Minh Đường sụt lở. Sáu, hiềm Long, Hổ bay.

Tứ Chân

Khi hạ xuống có đưa có đón, khi kết huyệt có khí có thế, đó là Chân Long (Long thực thụ).

Khí thế dừng, đằng sau thẳng, mà đằng trước quành, khi khí tụ thì đằng sau phân, đằng trước hợp, đó là Chân Huyệt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Che thân như cánh ve, hộ vệ hai bên như Long, Hổ, đó là Chân Sa.

Kim Ngư kín đáo, Hà tu (râu tôm) khép lại, đó là Chân Thủy.

Tứ Vô

Long mạch không có hộ tòng thì không được. Huyệt vị không có Kim Ngư thì bất thành. Sa phong không có Chính Hình thì không rõ. Thủy lưu không có Chính thành thì không xong.

Tứ Khí

Trên Long mạch thấy lở loét, nham nhở là Bạo khí. trên huyệt vị thấy nhọn, chếch, cong, thẳng là Sát khí. Trong Sa phong thấy ngoẹo đầu nghiêng mặt là Dâm khí. Trong Thủy lưu thấy chếch, xéo, hỗn loạn là Thoái khí.

Tứ Thú (bốn con thú)

Huyền Vũ phải lộ đầu, không nên lè lưỡi, trề môi. Chu Tước phải lượn vòng, không nên bay chếch. Long, Hổ ky lõm hãm, dồn ép.

Phạm Việt Phụng viết :

"Huyền Vũ phải trụ lại bề thế, không nên giấu đầu, co ro. Thanh Long phải ung dung vòng quanh, không nên sa xuống hố. Bạch Hổ phải chậm chạp mà chắc chắn, không nên cao nhọn mà ngậm tử thi. Chu Tước phải cao đẹp, không nên có tiếng nước chảy ai oán".

Tứ Hướng

Hướng Nam là hướng tốt nhất, kế đến hướng Đông, hướng Tây, hướng Bắc là kém nhất. Bởi vì hướng Bắc thì lưng là Dương mà mặt là Âm, khó chịu đựng nổi gió bấc, gọi là cành Nam ấm mà cành Bắc lạnh; nhất định phải có Án sơn ôm vào lòng, Thủy lưu che chắn gió bấc, thì mới khả dĩ để huyệt quay về hướng Bắc.

Tứ Dục (bốn muốn)

Bốn muốn (tứ dục) là Thế, Ý, Tình, Lý. Long thế tất phải phân biệt thế đi, thế tàng, thế ở giữa, thế cùng. Cục ý tất phải phân rõ xúc, kết, hoàn, tán. Huyệt tình tất phải nhận rõ chính, tà, thiện, ác. Mạch lý tất phải bình tĩnh xem chỗ phân, hợp.

Tam Kiếp

Phàm Long mạch phân chia, vừa lớn vừa dài, không bảo hộ huyệt vị, gọi là Thiên kiếp. Nếu trở lại bao bọc huyệt, hoặc che chắn Thủy Khẩu mới là cát lợi.

Huyền Vũ lè lưỡi, vừa thẳng vừa dài, gọi là Địa kiếp. Nếu có sơn thủy chắn ngang, thì tiền hung hậu cát.

Mặt trước huyệt vị trống rỗng, gọi là Nhân kiếp. Nếu có Dương triều ôm ngang nghịch Thủy thì mới cát lợi.

Tam Thế

Lập (đứng) là sơn phong nhô cao mà chân khí nổi lên. Miên (ngủ)là sơn phong ngẩng lên mà chân khí trầm xuống. Tọa (ngồi) là sơn phong khuất khúc mà chân khí ẩn tàng. Đó là ba thế Thiên huyệt, Địa huyệt, Nhân huyệt. Lớn phải mở rộng, nhỏ phải thu hẹp; thấp thì e ngại bị ẩm thấp, cao thì e ngại gió thổi. Mập thích nghi với nổi lên mà gầy thì thích nghi với trầm xuống. Nhược (yếu) tất phải tiến nhanh, mà cường (mạnh) tất phải hòa hoãn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lý Khí

Cái Lý Âm Dương Ngũ Hành không nhìn thấy, nhưng lại hiển hiện ở Hình. Hình là biểu hiện rõ ràng của Lý. Khí Âm Dương Ngũ Hành không thể nhìn thấy, nhưng lại hiển hiện ở Thủy. Thủy là biểu hiện của Khí. Hình lộ, Lý ẩn, nội Thủy giao hội mà Khí ẩn tàng trong đó, cho nên quan sát Hình và thủy thì sẽ biết được Lý và Khí.

Địa kỷ Thiên kỷ

Xuyên sơn gọi là Địa kỷ, là Khí đã đến nơi, là sơn xuyên hữu hình, cho nên Giáp Tý khởi từ Nhâm. Thấu địa là Thiên kỷ, là Khí còn chưa đến, là khí hậu vô hình, cho nên Giáp Tý khởi từ Hợi.

Nhà địa lý phong thủy xác định Sơn đến Thủy đi để dùng nhập huyệt, là lấy từ Địa kỷ. Chờ khi Khí Hoàng Tuyền làm Tọa huyệt, là lấy từ Thiên kỷ.

Cho nên nói La Kinh của họ Dương là Địa kỷ, La Kinh của họ Lại là Thiên kỷ.

Di Hướng pháp

Phương vị Sinh, Vượng, thì Thủy phải đến rồi chảy đi, Sơn phải cao rồi thấp xuống. Phương vị Hưu, Tù, thì Thủy phải đi rồi chảy lại, Sơn phải thấp rồi nhô cao. Nếu dùng Song Sơn Tam Hợp, Huyền Không Ngũ Hành kiêm chế sự chuyển hướng, thì Thủy từ Sinh, Vượng mà đến, từ Hưu, Tù mà đi, ở phương vị Hưu, Tù thì lõm hãm, tại phương vị Sinh, Vượng thì nhô cao, như thế ắt sẽ cát lợi.

Biến Khí

Chân Âm Dương và chính Ngũ Hành là hằng số bất biến muôn đời, ngoài ra đều là biến thể của chúng. Sơn vốn dĩ là Tĩnh, thì nhất thiết trong Tĩnh cần có Động, Động là biến thể.

Nhà phong thủy địa lý sử dụng biến thể, chứ không dùng hằng số.

Thừa Khí

Nếu nạp âm thuộc năm Thổ, mệnh dụng thuộc Mộc phân, Kim Mộc khắc Thổ, hung hiểm. Nếu dùng Hỏa để phân Kim, sinh Thổ, thì cát lợi. Dùng Mão, là Tử khí. Dùng Thìn, là Bạo khí. Dùng Tỵ, là Tuyệt khí. Dùng Dần, là Bệnh khí. Dùng Thân, là Sinh khí. Tại nơi có Sinh, Vượng thấy Cô, Hư, Không Vong, thì 12 chi không có gì kỵ. Hai mươi bốn (24) vị trí đều lệ thuộc Ngũ thần, Ngũ thần có cát có hung, phải chú ý xem xét.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỊA LÝ LỤC PHÁP ĐẠI TOÀN

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nội dung

ĐỊA LÝ LỤC PHÁP ĐẠI TOÀN

Trang *Trang*

Quyển 1

CAO SƠN LONG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP

Thất tinh Long huyệt kinh 387 Huyệt pháp 393

Quyển 2

BÌNH LONG DƯƠNG HUYỆT ĐẠI TOAN PHÁP

Trật tự hình cục 399 Luận Bình dương Long 408

Quyển 3

BÌNH DƯƠNG LONG HUYỆT PHÁP

Bình dương Điểm Huyệt pháp 411
Long gia Ngũ Hành 411
Lập Huyệt luận 425
Bình dương lập Hướng thu Thủy pháp 427
Bình dương Thủy Khẩu luận 428
Tiểu Thủy quyết 429
Bình dương Bình dương biện 430

Quyển 4

THỦY KIỆM HUYỆT PHÁP ĐẠI TOÀN

Thiên tinh địa lý hợp nhất 431

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 5

HƯỚNG THỦY CHÂN QUYẾT ĐẠI TOÀN

Hướng Thủy thuyết 452
Thủy pháp ca 453
Lộc Tồn cách 453
Thủy thượng Ngự Nhai 453
Tử Tham Lang cách 454
Kỳ tinh Quá độ cách 454
Lộc Mã lệ 454
Chính Ấn Lộc Mã cách 455
Tam Kỳ Tham Lang cách 455
Huyền, Quan, Khiếu luận 455
Thủy quyết chân truyền 456
Hướng gia Ngũ Hành 456
Thất diệu Thủy pháp 456
Phương pháp Dưỡng, Sinh 456
Phương Mộc Dục 456
Phương Quan Đới 457
Phương Lâm Quan 457
Phương Đế Vượng 457
Phương Suy 457
Phương Mộ Khố 457
Phương Bệnh, Tử 458
Phương Tuyệt, Thai 458
Thủy Hội cục 458
Long phận tả hữu 459
Hướng biện Âm Dương 459
Thư Hùng giao cấu 460
Thoát Long tựu cục 460
Yếu quyết lập Hướng 461
Giám Hướng Thủy pháp 461
Thủy Khẩu kỳ lưu Sinh Vượng 461
Cao Đê tiền hậu luận 462
Thủy bộ số luận 462

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quyển 6

SA THỦY PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG PHÁP ĐẠI TOÀN

Luận Quan, Diệu nhị tinh, tam thập lục Cấm Quỷ 463
Phụ chú : NHỮNG NƠI KHÔNG THỂ MAI TÁNG Ở VÙNG BÌNH DƯƠNG 465

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

CAO SƠN LONG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP

Biên soạn : Đường Quốc Sư Dương Phó Tiên

Đính chính : Minh Địa sư Hứa Đạm Viên

THẤT TINH LONG HUYỆT KINH

Tìm Long mạch phải biết hình dạng Thất tinh (bảy ngôi sao) mới có thể phân biệt cát hung, họa phúc. Bảy ngôi sao vốn có ảnh hưởng qua lại, biến hóa sản sinh với nhau, thiên nhiên tạo hóa chỉ phát sinh nơi trọng yếu. Tả Phụ, Hữu Bật thường đi kèm với bảy sao. Hình thế, diện mạo dưới đất vốn liên quan mật thiết với thiên tượng (hình tượng trên trời). Tượng sao trên trời có biểu hiện tương ứng ở dưới đất, chẳng hạn ở nơi đất bằng phẳng, ở núi cao, đá cứng, ở cây cối khô cằn hay tươi tốt rậm rạp. Thậm chí có khi Long mạch tà ác mà gia đình, đất nước lại ngày một phồn vinh; có khi Long mạch cát tường, mà gia đình, đất nước bị suy bại, loạn lạc. Đại khái là do Long mạch và Khí hoặc khuyết, xung hoặc bình, hòa, các nhà địa lý phong thủy xác định phần mộ, huyệt vị lung tung. Long mạch thô cứng, chạy thẳng, hùng hậu, kiêu kỳ thích hình dạng đao, kiếm, búa. Long mạch gấp khúc, duỗi ngửa, dàn trải thì e ngại tà phong quét thổi. Long mạch đi xuyên bao hàm nhiều yếu tố phá hoại tước lộc và sự liêm khiết. Long mạch cát tường kèm sát Long mạch đi xuyên thì sẽ đem lại hạnh phúc và quyền lực.

Có Thư sơn Hùng sơn mới hợp thành sơn Phu phụ (sơn vợ chồng), có Phụ mẫu sơn mới sinh dưỡng nhiều Tử tức sơn (sơn con cháu). Long mạch nhấp nhô sóng cuộn, lặn ngụp né tránh Khí hung sát. Lại có Long mạch nhe răng, có Long mạch ẩn tàng, có Long mạch vượt sông qua cầu, có Long mạch lưng ong gối hạc. Ba cát tinh, bốn Hung tinh đều có huyệt tương ứng, Hung sát tinh với huyệt cát tường lại hợp với nhau tạo nên Mộ trạch, đem lại ích lợi cho đời con cháu.

Mỗi Thần tinh (mỗi sao) phân bố thành bảy hình thái là khẩu, giác, kiếm, thần, oa, nhũ, đột. Bảy hình thái cơ bản này đẻ ra muôn hình vạn trạng. Trước hết, xem kỹ Thủy khí có hài hòa với nhau hay không, sau đó, quan sát kỹ hà tu (râu tôm) cứng hay mềm. Nếu Long mạch ngoằn ngoèo lên xuống bất định, thì trước hết cần đến đầu Long quan sát xem nguyên nhân vì sao. Nếu nửa sau của nó rất xấu xí, thì nửa đầu của nó nhất định đẹp đẽ. Để ý kỹ chỗ góc huyền của Long mạch, căn cứ góc huyền mà phân chia các bộ phận bao hàm của nó. Nếu góc huyền xuyên qua vai lên tới đầu, thì Long mạch ấy không bao dung Chân Khí. Bộ phận bằng bặn, tròn trịa của Long mạch là mặt của nó, còn bộ phận gồ ghề gãy khúc là sống lưng của nó. Mặt thì Khí hài hòa, mà sống lưng thì đầy sát khí. Đặt mộ ở mặt là thích

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hợp, đặt mộ ở sống lưng thì sẽ dẫn tới tai họa cho con cháu. Nếu nắm chắc các phương pháp niêm hợp, khai thông, oa hoàn v.v..., có thể di chuyển mộ phần cho hợp với quy củ, thành hợp lý, xảo diệu.

Nếu Mộc tinh ngang qua đỉnh đầu, Long thai sẽ hiển lộ, như vậy phải chọn đất mộ (mộ địa) ở chỗ thấp và bằng phẳng. Nếu Thổ tinh bình triển hồi oa, thì Long khí không trực tiếp lộ ra, di chuyển mộ địa tại chỗ nhô lồi (tiêm đột), thì tiền tài, lợi lộc sẽ dồn đến. Nếu Kim tinh bằng bặn, tròn trịa, thì cũng có thể đợi thời, đoán định khẩu, giác mà đặt mộ. Nếu Hỏa tinh chỉ có thể làm Tổ sơn của Long mạch, thì phải chọn trạch địa ở chỗ núi lửa. Nếu Thủy tinh dài mà thẳng nhọn như cây bút, thì sẽ có Khí linh tú, mà cây già quý nhất ở chỗ chồi non mọc ra từ gốc.

Chân Long diệu Huyệt đều ẩn tàng ở trong bùn nước (Nê Thủy). Chỉ có Kim và Mộc mới phối hợp được với Thủy. Ba hành còn lại đều không thể phối hợp với Thủy. Thủy Hỏa đi với nhau thì sinh ra khí tuyệt, khí tử. Thủy với Thủy phối hợp cũng sẽ sản sinh nữ nhân dâm đãng. Thổ với Thủy phối hợp sẽ dẫn đến phù thũng xấu xí. Kim với Thủy phối hợp thì huyệt trạch khiến người phú quý. Thổ với Thủy phối hình sẽ sản sinh tăng lữ. Kim với Mộc phối hợp sẽ khiến hôn nhân liên tiếp bị tang tóc (vợ chết, lấy vợ khác lại chết...). Kim với Hỏa phối hợp sẽ sản sinh tu sĩ mù. Mấy điểm kể trên là lý luận huyền diệu sâu xa của việc xác định phương vị trạch huyệt, không được minh sư truyền thụ, làm sao biết nổi ! Trong sinh có tử, trong tử có sinh, sinh sinh tử tử tuần hoàn vô tận, dựa dẫm vào nhau, mấy ai thấu hiểu cặn kẽ !

Sao Bắc cực với bảy ngôi sao chòm Bắc Đẩu ở trên trời, hình thế sơn thủy dưới đất cũng tương ứng về diện mạo. Long mạch có Thủy khí, Long khí thì hoàn chỉnh. Hình thế Long mạch có thể phân chia ngắn, dài, biến hóa thành các hình dạng khác nhau. Chỉ cần thấy rõ Long mạch có tùy tùng giáp biên mà lại quây tròn, tứ phía kín gió, thì nhất định loại Long mạch này thâm tàng Chân Khí. Bốn sao Lộc, Liêm, Phá, Văn che chắn bên Thủy Khẩu, tạo nên La thành kín đáo. Một tiết Long mạch chân chính cũng có thể sản sinh đại quan. Các nhà phong thủy bảo thế là Long khí đoản khuyết (ngắn, thiếu), không biết rằng Long khí hùng tráng sẽ sản sinh các bậc anh tài.

Bảy sao gồm Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Phá Quân, Vũ Khúc. Mọi người đều bảo sao Văn Khúc có thể biến thành con báo (cọp), há không hiểu ý nghĩa sâu xa của chữ Văn. Được sao Văn Khúc bao quanh thì sẽ sản sinh Trạng nguyên. Luận điểm này đã xuất hiện từ rất sớm và được lưu truyền. Sao quý nhất là Văn Khúc, sao được tôn sùng cao nhất là Lộc Tồn và Cự Môn. Hai sao này đi với nhau thì còn trẻ đã đỗ cao, hưởng lộc thiên tử. Muốn có võ công chói lọi, phải có sao Vũ Khúc chiếu. Tham Lang thì anh tuấn, xinh đẹp. Tả Phụ, Hữu Bật đi kèm hai bên, phù trợ thêm cát lợi hoặc hung hiểm...

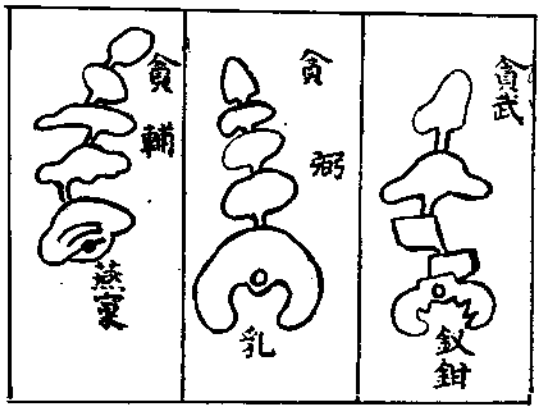
Tinh hoa của bảy sao ứng hợp với hai khí Âm Dương, sinh với tử chỉ khác nhau ở chỗ vận động và tĩnh tại. Vận động thì có thể sinh tồn, tĩnh tại thì sẽ tử vong. Kết huyệt hay không là bắt nguồn từ đây. Vạn vật trên thế gian không có Thủy chẳng thể sinh thành, khô hạn lâu không có mưa ắt chết, người đời đọc qua sách này, khỏi cần minh sư truyền thụ cũng sẽ biết cách sử dụng. Nay tôi lưu lại sách này cho hậu thế, ngõ hầu cứu giúp người nghèo khổ. Hy vọng người đọc bảo vệ bí mật, chớ dễ dàng tiết lộ cho kẻ khác.

Khí Ngũ Hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ vận động xuyên thấu khắp trái đất. Chúng tiếp nhận mạch khí của một sao nào đó, gọi là Mỗ tinh, lấy sao ấy (Mỗ tinh) làm gốc mà tiến hành phân chia chi mạch, chủ mạch thì gọi là hành mạch Mỗ tinh. Nhưng Khí Ngũ Hành tất phải vận động giản cách với nhau. Hoặc giả vận hành ở phần trước của Long mạch mà phát sinh biến hóa ở phần sau của Long mạch, hoặc giả vận hành trên khắp Long mạch, hoặc giả phát sinh biến hóa trong các hình thái khác nhau. Khí huyệt tiếp nhận ở trong, cuối cùng có thể lấy sao Liêm Trinh làm Tổ sơn. Linh hoạt biến hóa khác thường thì sẽ không giống như Tổ sơn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

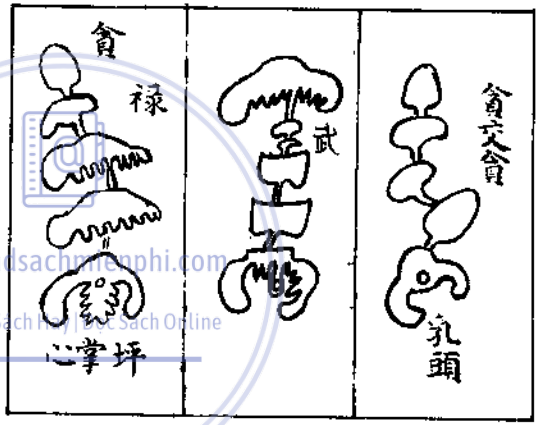
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nếu mọi người phân biệt thành thạo các dạng biến hóa của Huyệt, thì khi xem phong thủy sẽ không bị nhầm lẫn. Nếu mảnh đất có diện tích 81 mét vuông, thì chắc chắn thấy rõ 72 phương vị có thể điểm huyệt, 5 (năm) phương vị có thể làm Long mạch, 4 (bốn) phương vị không thể thành huyệt.



Hình 1-1 : Cao sơn Cửu tinh Cửu biến. Tổng cộng có 81 bức, 27 hàng, mỗi hàng 3 bức



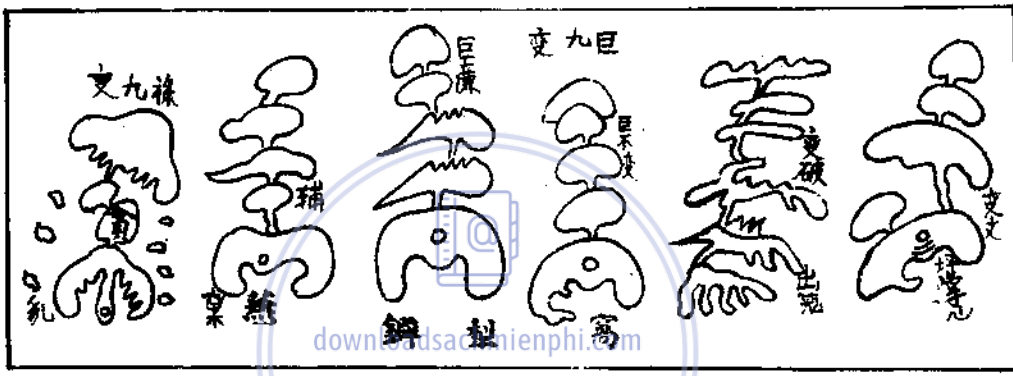


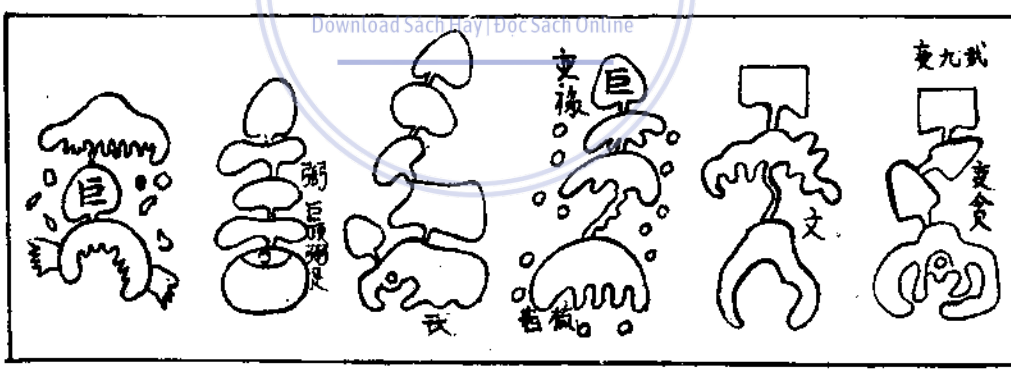


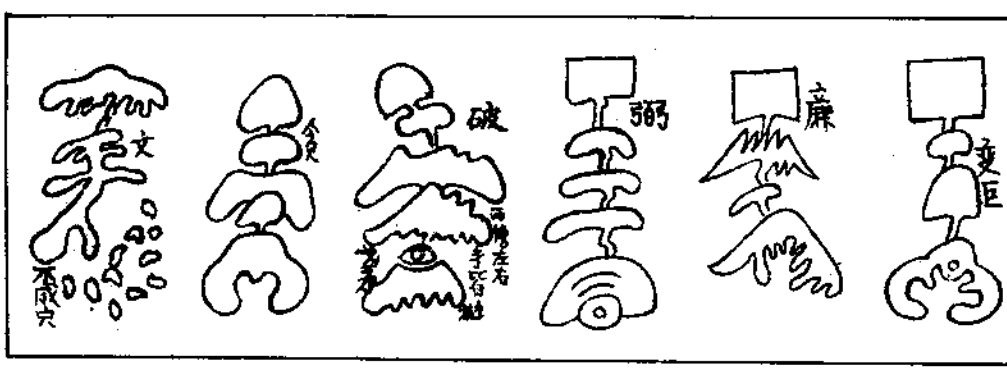
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



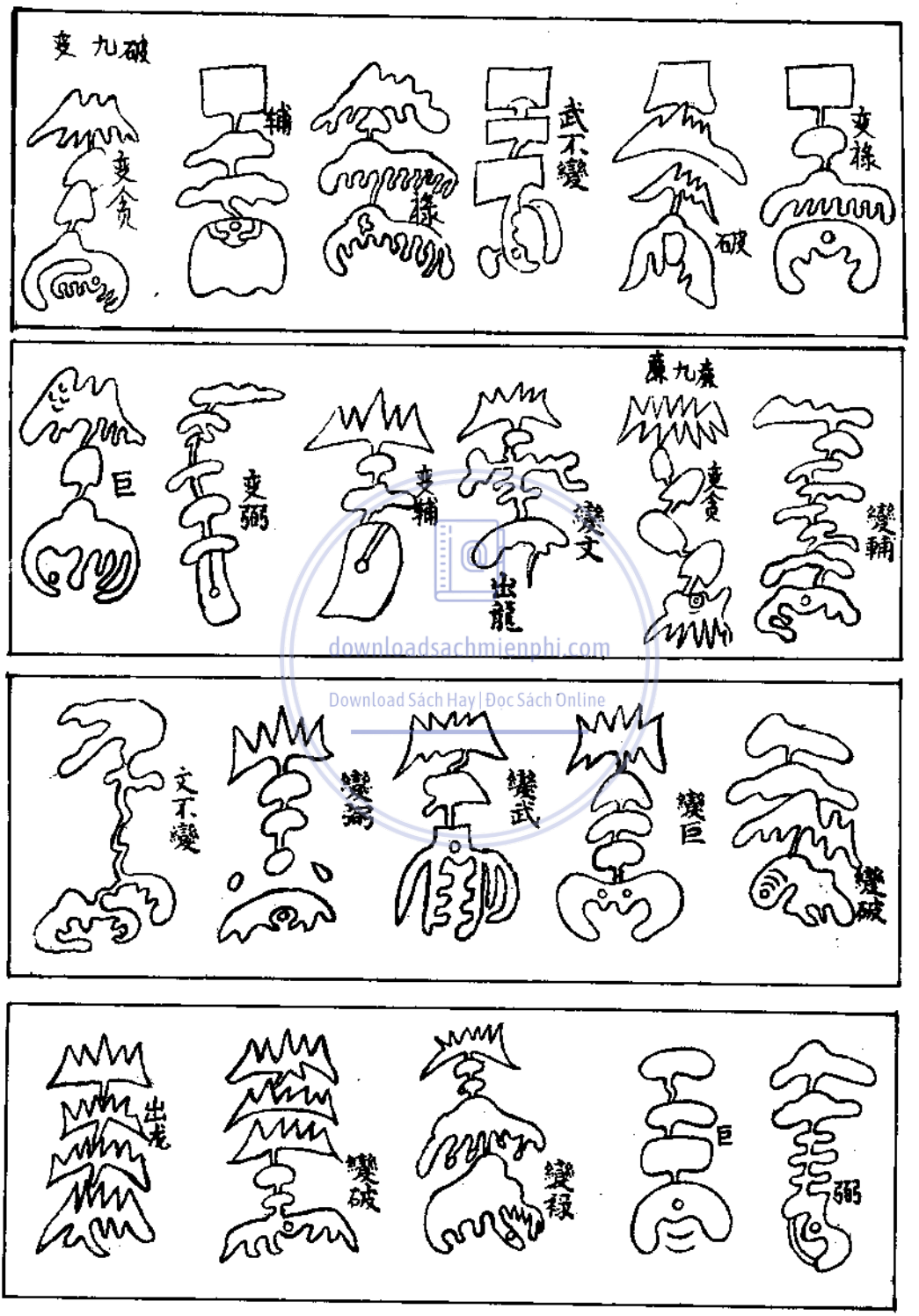






Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

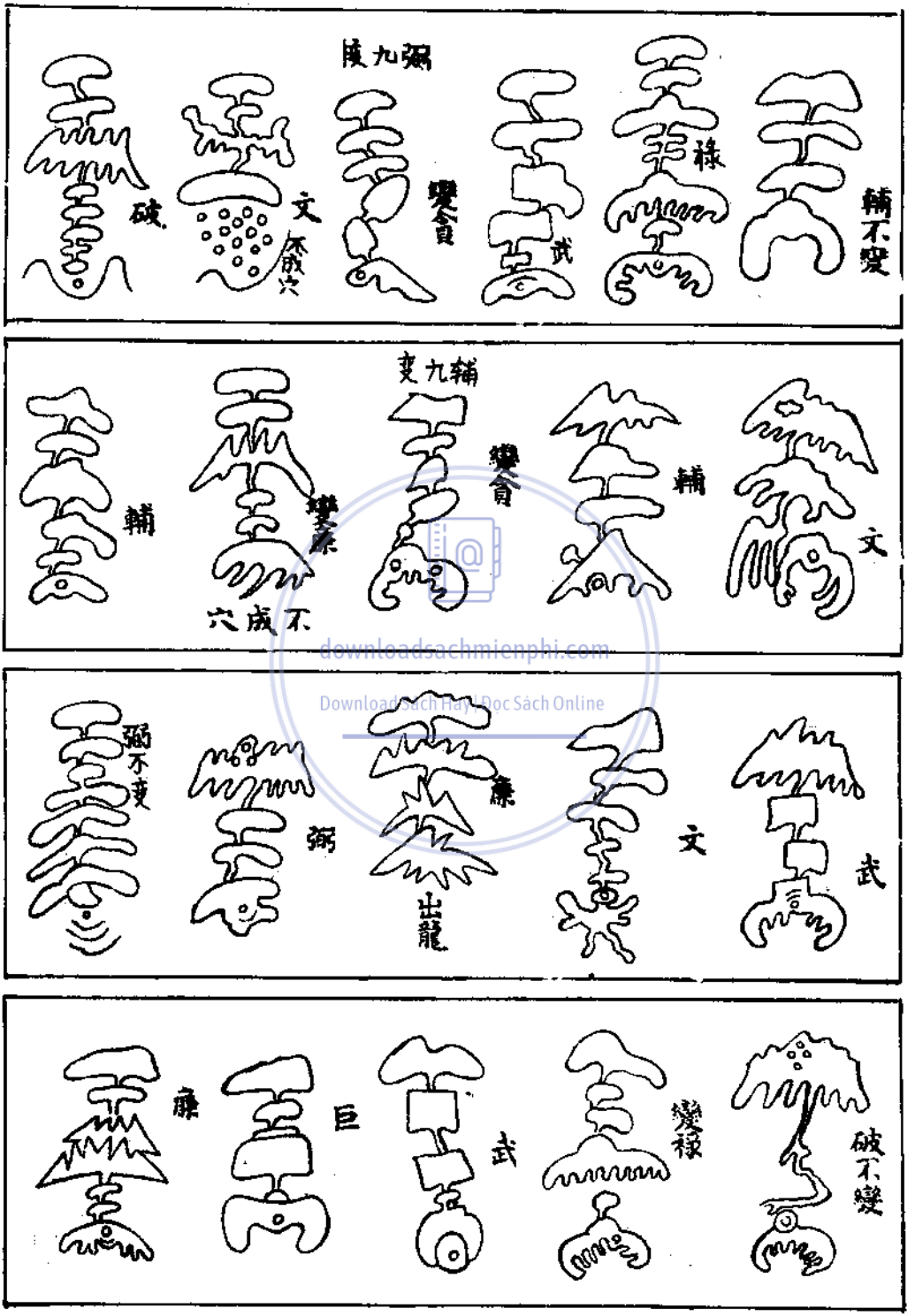
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HUYỆT PHÁP

"Nhận Huyệt pháp" đã nói rõ cách phân biệt huyệt vị. Xác định Long mạch cát lợi thì dễ, mà thông qua quán sát khí, tượng, phân biệt đất, đá để xác định phương vị huyệt trạch thì lại rất khó. Lắm khi tốn công hao sức khó nhọc tìm kiếm trong phạm vi mấy chục dặm để định mộ phần tổ tông chẳng xong. Kỳ dị hơn nữa là tốn mấy chục năm tầm sư học đạo địa lý phong thủy cùng các bí quyết, vậy mà khi cần điểm huyệt tại thực địa thì chẳng biết đằng nào mà lần. Họ không biết rằng Sơn thế bình hoãn thì huyệt vị ở chỗ cao, Long mạch bằng phẳng vuông vức thì huyệt vị ở giữa, Long thế vươn cao thì huyệt vị ở chỗ thấp, mặt Long mập mạp thì huyệt vị gầy ốm, thân Long gầy ốm thì huyệt vị tròn trịa. Rồi nơi lõm hãm có thể lấy chỗ nhô lồi làm quý, nơi hạn hẹp như bị kềm kẹp có thể lấy chỗ tròn trịa làm quý, nơi nhô tròn lấy chỗ lõm làm quý, nơi đột khởi lấy khai khẩu làm quý... Biết được như vậy thì đâu cần tìm cái gì nữa !

Nên nhớ nơi có nhiều huyệt vị tụ hội, nhất định sẽ có triều bái cao quan hậu lộc, là đại phú đại quý. Tìm đến chỗ thấy năm sao vây quanh chính huyệt, thì nhất định đó cũng là đại phú đại quý. Trong ấy Cửu tinh chiếu rọi có sai lệch cũng đâu ngại gì ! Trong phạm vi hai trượng, mà chỗ này thì suy bại, chỗ kia lại vinh hoa phồn thịnh. Thời gian trước sau chênh nhau một chút mà quyết định thời hạn phát đạt bao nhiêu năm. Chỉ có thầy giỏi mới xác định chuẩn xác phương vị trạch huyệt trên thực địa.

Biết lý thuyết chung tìm huyệt vị rồi, lại phải biết chắc phương pháp cụ thể của việc tìm huyệt.

Toàn bộ nội hàm của Huyệt pháp đều ngụ ý trong hình thái bàn tay đặt ngửa hay úp sấp. Hình thái bàn tay ngửa gọi là chưởng tâm (lòng bàn tay), hình thái bàn tay úp gọi là oa sào (che ổ). Dùng phương vị trạch huyệt tất định chỗ hai khuỷu mở ra. Đó là mặt trên phân tán, phần dưới hợp tụ, y hệt dạng chữ Cá (↑), hoặc là dạng chữ Tam (三), chữ Hựu ( ).

Hình từ 1-2 đến 1-8 : Các phép kết huyệt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long mạch lên đến đỉnh thì mở thoáng, phần môi tròn tròn nhô cao, thì Triều sơn không ép hai đỉnh kiếm. Tay có giáp kiếm chạy đến mặt trước. Nếu bản thân huyệt vị có hai kiếm, lưỡi nhác vô tình, bởi vì tinh khí tụ kết ở chỗ cao, đó là Huyệt pháp Bức sát.



Hình 1-2 :
Cao kết huyệt pháp

Thân thể đoan chính, Long mạch bình hòa, khí Sinh, Vượng tụ kết ở ngay trong huyệt vị, đó là Huyệt pháp Tàng Sa.

小結穴法



Hình 1-3 :
Tiểu kết huyệt pháp

downloadsachmienphi.com
Download sách hay | Đọc sách online

Khí thế hùng vĩ, Long mạch gấp gáp, nếu huyệt vị tiếp liền Long mạch, thì đầy sát khí. Sau huyệt có một cái gò nhỏ, là Thiên Canh, quyết không thể phá. Huyệt vị nên an ở chỗ thấp, dựa gần hai cái kiếm ở bên dưới, đây là Huyệt pháp Thoát sát.

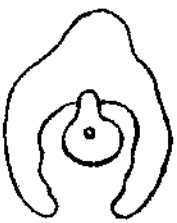
法穴結低



Hình 1-4 :
Đê kết huyệt pháp

Long mạch đến đầu nhô lên, chữa thẳng vào giữa, hai khuỷu tay vừa mở ra. Đấy là Huyệt pháp thụ thai, quý ở chỗ đã không thoát lý mà cũng không trấn áp.

法穴飽乳

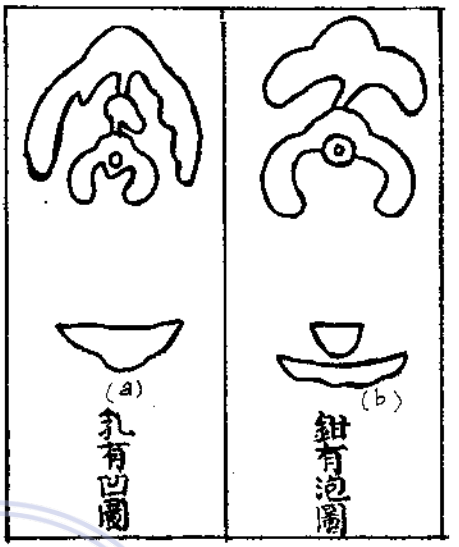


Hình 1-5 :
Thủ bảo huyệt pháp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 1-6 : THỦ SƯU HUYỆT PHÁP
Bao gồm 6 hình :



a) nhũ có lõm
(lồi có lõm)

b) kiềm có bào
(kẹp có bong bóng)



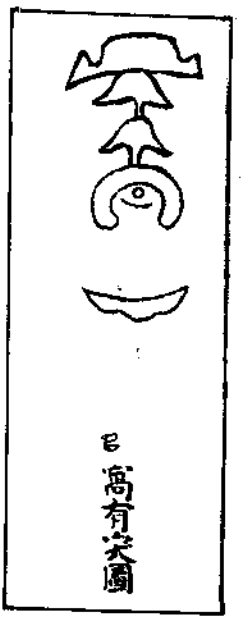
c) mặt mập lấy gầy



d) thiểm có diện
(thoáng có mặt)



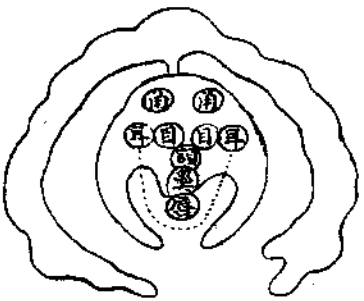
e) đột có khẩu
(nhô có miệng)



g) oa có đột
(lõm có nhô)

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

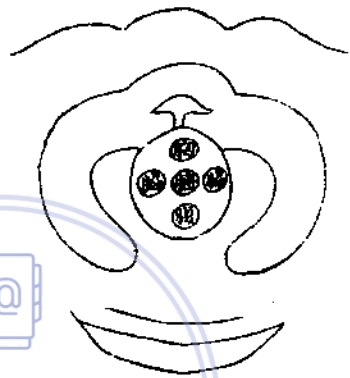
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-7

Dùng tai, mũi, trán, môi, thuyết minh huyệt vị, sẽ là một hình. Dùng ngực, bụng, sườn thuyết minh, sẽ là một đồ hình khác. Sách cũ nói chỉ có một hình là sai. Địa thế kết huyệt giống như mạch điện của con người. Từ góc bên nào sau mà tới, khẩn tiếp khí sẽ kết huyệt vị tại trán, ta kết khí sẽ kết huyệt vị tại tai, từ tiếp khí sẽ kết huyệt vị tại mũi - nói chính xác là tại lỗ mũi. nếu táng ở góc mất sẽ mang sát khí, táng tại môi sẽ mang tử khí, đều không hợp.

Nếu mặt cứng rắn, không thể kết huyệt vị, thì phải thoát ly phần đầu, mặt. Giống nhhư trên thân thể con người, nếu mai táng ở ngực thì tuyệt mệnh, mai táng ở sườn thì tổn thương xương cốt. Nên táng ở chỗ lõm, tụ hợp là rốn hoặc bụng.



Hình 1/8

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Các dãy núi đều bắt nguồn từ núi Côn Luân ở phía Tây Bắc. Khi chạy đến vùng Trung nguyên thì phân thành ba sơn mạch chính yếu. Đó là ba đại Long mạch trải dài mấy ngàn dặm. Sơn mạch chủ cán lại đẻ ra rất nhiều sơn mạch, có thể gọi là cán mạch trong chi mạch hoặc chi mạch trong cán mạch. Các sơn mạch này trùng trùng điệp điệp giống như hàng loạt nóc nhà, trong đó nhô cao rất nhiều tinh phong đẹp hình chóp tương ứng với Hỏa tinh và Mộc tinh gọi là Lầu. Tinh phong đẹp hình tròn tròn, tương ứng với Thổ tinh, Kim tinh hoặc Thủy tinh, gọi là Điện. Nhiều Long mạch chạy từ Lầu xuống Điện, khí thế mạnh mẽ như thiên binh vạn mã, như sóng dồn, đội ngũ chỉnh tề, bình phong màn trướng dàn ra. Trước màn trướng đột nhiên nhô lên một sơn phong, từ xa nhìn, thấy cao hơn cả bình phong đằng sau thì gọi là quý nhân xuất trướng; thấy thấp hơn bình phong đằng sau thì gọi là quý nhân nhập trướng. Nơi đây có nhiều chi mạch hộ tùng, Long khí rất vượng. Long khí quá vượng thì dễ bị tiết lộ. Khi đó nó phải thoát thai đổi cốt, tức là quá hiệp. Quá hiệp thuận thế gọi là chính quá, trắc thế gọi là trắc quá. Có nhiều hình thái quá hiệp. Có dạng như từng chồng đá lớn, có dạng như xuyên qua đất hoang, có dạng như vượt qua dòng sông, có dạng như gò đống tròn tria. Đại thể thì loại quá hiệp thấp ngửa là Âm hiệp, nhấp nhô là Dương hiệp, co hẹp ở giữa là hiệp lưng ong, tròn tròn cao cao mà thẳng là hiệp gối hạc. Còn có tình huống khí Long mạch quá vượng, một khi phóng túng rất khó thu hồi, gọi là băng hồng quá hiệp. Hình thái "băng hồng" có dạng như chữ Thập (十), có dạng như chữ Xuyên (川), có dạng như chữ Chi (之), có dạng như chữ Dã (也), có dạng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đứt lại nối, lúc đứt lúc nối, có dạng có tiết lại có mất giống như trại ốc, có dạng như vó ngựa v.v... Nói cụ thể thì "băng" khác "hổng". Băng (lở) cũng là Sơn. Có khi nhô cao tận mây, có khi nhọn như đao kiếm, có khi rộng lớn. Hổng là Thủy. Có dạng như phi thân qua sơn động, có dạng lại tiềm ẩn sâu lắng như nước trong hồ, cố nhiên khó tìm thấy Long mạch. Chữ Thập mà Liêu công nói, làm sao có thể bao hàm hết ý nghĩa của hai chữ "băng hổng" ? Lại nói các thứ quá hiệp kể trên mới là mặt trước, mặt sau còn phải tìm chỗ thích hợp để kết huyệt. Nhưng cuối cùng có chọn trạch huyệt hay không, còn tùy hình thái quá hiệp mà quyết định. Hình thái đó là nghênh tiếp, tống tiễn, rộng lớn hay hạn hẹp v.v... Nếu chỉ có hình thái tống tiễn, mà không nghênh tiếp, thì tuyệt đối không thể kết trạch huyệt. Nếu chỉ có nghênh tiếp, không có tống tiễn, thì nên tìm chỗ kết huyệt ở nơi đón khách. Nơi rộng rãi, lưu Thủy tụ hội ở trước Minh Đường, thì rất thích hợp cho trạch huyệt, vì nó dễ thu nạp Long khí. Nếu vừa có hình thái nghênh tiếp, vừa tống tiễn, Âm Dương phối hợp với nhau, thì nhất định sẽ có một chi sơn mạch thanh tú mỹ lệ, trước sau hiệp đều có lưu Thủy tụ hội ở trước Minh Đường, thế thì ở khoảng giữa Long mạch này sẽ kết huyệt trạch mỹ diệu.

Có dạng quá hiệp sánh vai mà qua như hai anh em ruột, có dạng một thấp một cao kết bạn đồng hành như một cặp vợ chồng hòa hợp. Nói chung đó đều là Chân Long.

Sơn mạch chạy ra từ chính diện, không triển khai ra hai bên, hoặc hiên ngang nhô cao, hoặc trải thấp ngoằn ngoèo, thiên biến vạn hóa khó bề dự đoán, nên gọi là Long. Sơn mạch không có Chân Long Chân Khí xuyên suốt, chỉ qua loa, gọi là Sa. Nếu được chủ mạch phóng ra rồi thu lại mà thành hình dạng bao tròn, quay mất lại phía chủ mạch, thì gọi là Bao la sa. Hai bên tả hữu đều có Sa thì gọi là Long, Hổ sa. Ở phía trước trạch huyệt là Án sa, ở bên dưới trạch huyệt gọi là Thủy Khẩu sa. Thuận thế của Long mạch mà trải ra gọi là Thuận sa. Phóng thẳng về hướng huyệt vị gọi là Bức sa. Các dạng Ngạnh sa, Phản sa, Phi sa... đều gọi là Hung sa. Tùy theo Long mạch vòng đi lượn lại trước mặt Long mạch gọi là Nội hạ sa. Những nhà phong thủy non kém không hiểu về Hạ sa. Các dạng Hạ sa biến hóa rất vi diệu, phải dựa vào thế và hướng của Long mạch mới hiểu rõ. Nếu muốn kiến lập trạch huyệt ở một nơi nào đó, Long mạch ở đây quay mình sang bên tả thì phải lấy sa mé tả làm Hạ sa, Long mạch quay sang bên hữu, thì phải lấy sa mé hữu làm Hạ sa.

Tóm lại, sự quý tiện của Sa căn cứ vào sự quý tiện của Long mà xác định. Long mạch đẹp ắt có Sa đẹp tương ứng. Huyệt vị chân hay giả thì tùy tình huống cụ thể của Long, huyệt mà xác định. Sa mặt sau Long mạch phóng đến gọi là Cầm hoặc Quỷ. Vì sao gọi là Cầm ? Vì Sa dạng này giống loại động vật có bốn chân, như trâu bò, voi, hổ, heo. Xưa nay các nhà phong thủy coi trọng Cầm, bảo Cầm chủ về phú quý. Nếu Long mạch phóng tới mà thanh tú đẹp đẽ, thì Cầm huyệt biểu thị vinh hoa phú quý. Vì sao gọi là Quỷ ? Vì đuôi của Long mạch dài dằng dặc mà không cần quay đầu vẫn thấy được, giống như đuôi bò, đuôi hổ, đuôi rắn. Các nhà phong thủy cho rằng Quỷ huyệt chủ quý hiển rạng rỡ, kỳ thực không hẳn như vậy. Long mạch phóng đến phải bao hàm ánh sáng đẹp của hai tinh tú, phía sau huyệt vị có mạch khí của một tinh tú thì mới đại phú đại quý. Hai ngôi sao kia mỗi ngôi có 36 hình thái biến hóa, nhưng khi quan sát huyệt vị thì khỏi cần chấp nê mỗi hình thái cụ thể.

Sa ở bên cạnh huyệt gọi là Diệu, Sa ở trước Án sơn gọi là Quan. Vì sao gọi là Diệu ? Có Sa ở trước mặt Thanh Long, Bạch Hổ, có Sa ở sau lưng Thanh Long, Bạch Hổ; có Sa sắc nhọn như đao, có sa bóng loáng như kiếm, có Sa nhọn như cây dù. Men theo bờ sông mà phóng đi như một đường thẳng, men bờ sông mà uốn lượn như một cái móc câu. Vì sao gọi là Quan ? Vị trí loại Sa này hoặc ở trước huyệt, hoặc ở ngoài Án sơn, cũng có đủ hình dạng khác nhau. Loại Sa này ở trong huyệt trạch không thể nhìn thấy thì mới là quý hiếm, mới đem lại phú quý. Sa ở đằng trước gọi là Án sơn hoặc Triều sơn. Hình dạng Án sơn tốt nhất là cong cong như cánh cung hoặc trăng lưỡi liềm. Loại

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tinh phong giống như Mộc tinh và Hỏa tinh, thì vị trí đẹp nhất phải ở dưới Triều sơn, như quý nhân dưới trướng.

Sa nói chung có thiên hình vạn trạng, chẳng thể kể xiết. Sa có thượng, trung, hạ cách. Sa tròn, nhọn, vuông vức, uốn lượn ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà hình thành chính thể là thượng cách. Sa tròn, nhọn, vuông vức, ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà hình thành biến thể là trung cách. Sa nhọn, vuông vức, ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà không hình thành chính thể, hoặc kém cả biến thể, gọi là hạ cách hoặc tiện cách. Trên thân hình chủ mạch thấy được quý Sa là thượng cách, gần Ấn sơn, hoặc Thanh Long, Bạch Hổ thấy được quý Sa là trung cách. Còn lại là hạ cách.

"Thái Hoa Kinh" của họ Hứa có nói sáu loại Sa Quan, Quỷ, Cầm, Diệu, Thú, Bắc thần là Lục cát. Họ Hứa phân tích hết sức tỉ mỉ, nhưng quá vụn vặt, phải gắn chặt với việc quan sát diện mạo của Long.

Long thượng cách là Ngô đồng chi (cành cây ngô đồng). Long ở chính giữa, từ chính diện mà chạy ra. Vì từ chính diện chạy ra, nên có thể trải dài ngàn dặm, uốn lượn mấy chục dặm.

Kém một bậc là Thược dược chi (cành thược dược). Loại Long mạch này nếu Mộc tinh khởi từ Thiếu Tổ sơn là hay nhất. Vì loại Long mạch này phần lớn thiên sang tả hoặc sang hữu; có được Mộc tinh thì sẽ đoan chính, tròn trịa, khí thanh tú bốc lên cao, chỗ tận cùng của nó nhất định có một huyệt Hoa Tâm.

Kém một bậc nữa là Dương liễu chi (cành dương liễu). Long mạch loại này đa phần chếch xéo, không thẳng, nhìn nghiêng trông nhu nhuyễn, mềm yếu.

Thứ nữa là Kiêm Hà (lau sậy). Loại Long mạch này đầy kỳ xảo. Nhìn thoáng qua có vẻ quá mỏng manh, nhưng nhìn kỹ sẽ phát hiện rất đoan chính. Do đó ở chỗ tận cùng của loại Long mạch này thường hình thành nhũ huyệt.

Dưới nữa là Lô tiên (roi lau). Loại Long mạch này rất quý hiếm nhưng cũng dễ giả. Hoặc Kim tinh rơi rụng tạo nên hoa lau, hoặc Thủy tinh cuộn sóng mà hình thành hoa lau, hoặc Mộc tinh chợt nhọn, chợt tròn mà tạo thành roi lau, hoặc Thủy tinh chảy thẳng mà thành roi lau, hoặc Thổ tinh có hình chữ Nhất như cây roi lau. Hình dạng thẳng hoặc xiên đều có điểm kỳ diệu của nó.

Dưới nữa là Khởi tử chi (cành khởi tử). Loại Long mạch này có nhiều nhánh và rất nhiều phân tiết (đốt), có khi phân nhánh ra hai bên, có khi chỉ phân nhánh sang một bên, vì thế rất khó nhận ra huyệt vị.

Ngoài sáu hình thái kể trên, Long mạch còn có rất nhiều loại dạng khác nữa. Nhưng sáu loại vừa kể là tốt nhất. Cách thức xem Long mạch để xác định huyệt vị không giống như phần luận bàn về Sa cách. Đó là chỗ khác nhau giữa Long và Sa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

BÌNH LONG DƯƠNG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên

Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

Đính chính : Tôn Ái Thức Ung Khởi Đình

Dao Thức Phỉ Thảo Đình

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRẬT TỰ HÌNH CỤC

Long khí ở bình nguyên (vùng đất bằng phẳng) trầm sâu, tiềm ẩn trong đất. Bờ sông, bờ hồ tích tụ liên kết thành Long thể với hình dạng nằm ngủ, quây tròn xung quanh thành Đường Cục thoáng đãng rộng lớn. Khí thế Long mạch nơi bình nguyên còn thâm hậu, mạnh mẽ hơn cả các ngọn núi nhấp nhô. Khí thế Long mạch nơi bình nguyên đã trải qua nhiều lần tiêu ẩn, thay đổi, không biết từng ẩn phục, tụ kết từ xa mấy ngàn dặm mới tới đây. Sa ở bình nguyên cũng vô cùng đa dạng, có dạng triều bái, có dạng ứng hợp, có dạng như bình phong che chắn, có dạng đan xen liên tục. Thủy cục cũng từ xa vòng vèo mà đến. Ở bình nguyên, một Sa sơn thanh tú có thể vượt qua đỉnh núi mấy dặm, một khúc sông có thể xuyên qua sơn động vài đoạn. Quan sát kỹ chúng, sẽ phát hiện hình dạng của chúng dồn nén, nhấp nhô, hòa hợp như các tiết tấu âm nhạc, sẽ thấy thiên nhiên tạo hóa vốn có quy củ đâu ra đấy. Nếu chưa nắm vững Huyệt pháp, không thể khinh suất lựa chọn. Phương thuật quan sát Long, Sa ở bình nguyên ắt phải tinh thông vạn vật, bổn tính thiên nhiên của vạn vật trên thế gian. Lại còn phải có tâm trí linh xảo để hiểu sự ảo diệu của thiên địa tạo hóa. Thông hiểu Long hình và huyệt vị, thu nạp lưu Thủy và Sơn phong, tán thưởng sự huyền diệu của phúc, lộc, thiện, đức, hình thành kinh điển nhân từ đáng tin, không chỉ là việc có tay nghề giỏi !

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

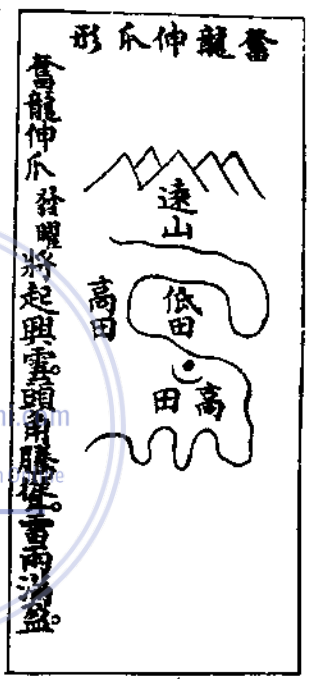


Hình 1-9 :
Long hình quành sang phải

Đuôi Long khoanh tròn sang né phải, đầu Long ẩn tàng ở giữa, móng vuốt, chân không hiển lộ, thần khí uy phong của Long không phát huy.

Họ Tôn từng nói :

"Thần uy chưa phát, cũng có nghĩa sẽ không phát đại phúc đại quý. Vì sao ? Vì Long thần không hiển lộ, không có Diệu tinh phát sinh".



Hình 1-11 :
Long hình giơ móng vuốt

Nếu Hoàng Long hùng tráng, giơ móng vuốt, thì sẽ nổi phong vân. Nếu phần đầu và hai góc của Long nhô cao lên, thì sẽ có sấm chớp và mưa lớn.



Hình 1-10 :
Long hình cuộn sóng

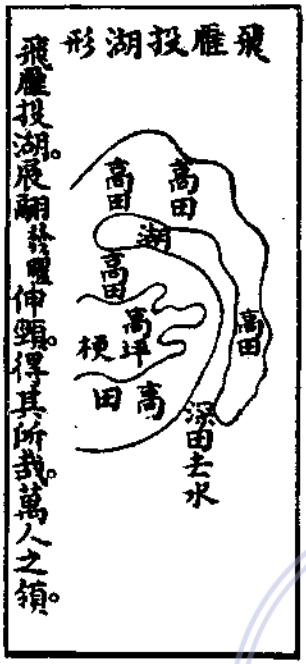
Long mạch màu vàng cuộn sóng lên, thì tứ phía sẽ có mưa. Long phát huy thần uy, dựng bờm, thì ân huệ sẽ phân phát cho muôn dân.

Họ Tôn nói :

"Chúng sinh được hưởng ân trạch, tức là phát đại phúc. Vì sao ? Vì Long thần phát huy uy phong, dựng bờm, phát sinh Diệu tinh".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-12 :
Long hình phi yến đầu hồ

Chim yến bay vào hồ, vươn cổ, giương cánh, là được chỗ thích hợp nhất, tất sẽ thành lãnh tụ của vạn người.



Hình 1-13 :
Long hình phi yến đầu hồ

Chim yến bay vào hồ; nhưng hình ảnh quá thẳng, thường sản sinh ra người thông minh, song không được thăng quan vào triều đình, vì dáng không đẹp.



Long khát uống nước, phần đuôi cuộn lại để tự vệ, tất có mây mưa, thu được nhiều tiền bạc, châu ngọc.

Hình 1-14 :
Long hình khát Long ẩm thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Long lớn coi giữ châu ngọc quý, cuộn mình tự nhiên. Bỗng nghe lệnh gọi trên trời, phóng ngay mình lên mây mà tung hoành.

Hình 1-15 :
Quyển Long thủ châu



Long con rời khỏi bụng mẹ, lưu Thủy uốn quanh tùy từng. Ngọc sáng có bướm đẹp bao quanh. Đây là huyệt đẹp hiếm thấy trong thiên hạ.

Hình 1-16 :
Tử Long thoát thai

downloadsachmienphi.com

Long con về thăm Long mẹ, mẹ con quấn quít với nhau. Huyệt vị này tất sẽ có con trung hiếu tiết nghĩa, phúc lộc song toàn, gia đình đoàn viên hạnh phúc.



Hình 1-17 :
Tử Long cố mẫu

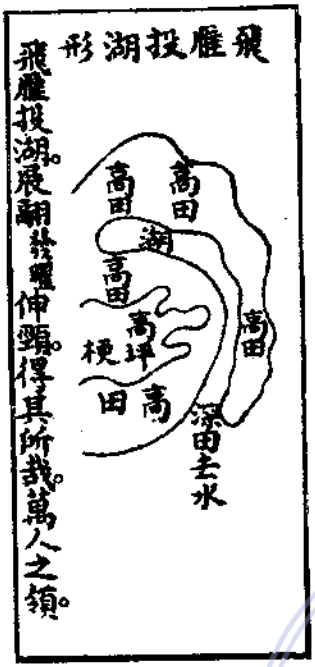


Linh xà cướp mồi ăn. Hình thái thanh tú, khí thế hùng mạnh. Huyệt vị như thế ắt sẽ xuất hiện lâu đài cung điện, làm quan quý hiển.

Hình 1-18 :
Linh xà cướp mồi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-12 :
Long hình phi yến đầu hồ

Chim yến bay vào hồ, vươn cổ, giương cánh, là được chỗ thích hợp nhất, tất sẽ thành lãnh tụ của vạn người.



Hình 1-13 :
Long hình phi yến đầu hồ

Chim yến bay vào hồ; nhưng hình ảnh quá thẳng, thường sản sinh ra người thông minh, song không được thăng quan vào triều đình, vì dáng không đẹp.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Long khát uống nước, phần đuôi cuộn lại để tự vệ, tất có mây mưa, thu được nhiều tiền bạc, châu ngọc.

Hình 1-14 :
Long hình khát Long ẩm thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Long lớn coi giữ châu ngọc quý, cuộn mình tự nhiên. Bỗng nghe lệnh gọi trên trời, phóng ngay mình lên mây mà tung hoành.

Hình 1-15 :
Quyển Long thủ châu



Long con rời khỏi bụng mẹ, lưu Thủy uốn quanh tùy hùng. Ngọc sáng có bướm đẹp bao quanh. Đây là huyệt đẹp hiếm thấy trong thiên hạ.

Hình 1-16 :
Tử Long thoát thai

downloadsachmienphi.com



Long con về thăm Long mẹ, mẹ con quấn quít với nhau. Huyệt vị này tất sẽ có con trung hiếu tiết nghĩa, phúc lộc song toàn, gia đình đoàn viên hạnh phúc.

Hình 1-17 :
Tử Long cố mẫu



Linh xà cướp mồi ăn. Hình thái thanh tú, khí thế hùng mạnh. Huyệt vị như thế ắt sẽ xuất hiện lâu đài cung điện, làm quan quý hiển.

Hình 1-18 :
Linh xà cướp mồi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Bầy thiên nga cùng bơi lội trong nước ruộng sâu. Con cháu ắt sẽ hưởng nhiều tài lộc.

Hình 1-19 :
Quần nga xuất điền



Cua bò ngang khỏi ruộng, chủ về loại phú hào lắm tiền nhiều của, nhưng khí thô, hoành hành ngang ngược ở thôn quê.

Hình 1-20 :
Bành giải xuất điền

Phía trên là 12 hình dạng địa mạo ở bình nguyên, đều thuộc cục diện bao bọc mé hữu. Còn nhiều biến dạng, nhưng đại loại cũng tương đồng, đều là Long mạch quành sang bên phải, lại có lưu Thủy mà thành huyệt vị.

*
* *

Hình 1-21 đến 1-38 : TẢ BÀN CỤC, TẢ BÀN THẾ (Long mạch quành sang bên trái)

Hình 1-21 : Long giơ móng vuốt

Long giơ móng cuốt (phát diệu), đầu vương cao, thần uy đã phát, sấm vang chớp giật, cuồng phong nổi lên, vinh hoa cực lớn.

Hình 1-22 : Phụng hoàng dang cánh

Phụng hoàng tung cánh bay vút lên mây mà tiêu dao sung sướng.



Hình 1-21 :
Long giơ móng vuốt



Hình 1-22 :
Phụng hoàng dang cánh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Dòng sông cuộn sóng chảy băng băng, cá thu uốn lượng vẫy vùng. Huyệt vị này ắt sẽ phát giàu có vô cùng.

Hình 1-23 :
Cá thu uốn khúc



Nếu huyệt vị giống như rồng lớn chuẩn bị bay lên không trung, tất sẽ đem lại vinh hoa lưng vượng. Rồng lên mây, mưa sẽ tưới nhuần mặt đất, hạnh phúc đến đáp đến.

Hình 1-24 :
Long dựng bờm

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Nếu huyệt vị giống như bậc thần tiên nằm nghiêng yên ổn, thì khí Sinh, Vượng tất ẩn tàng ở dan điền. Huyệt vị loại này tất thu nạp tinh hoa của trời đất quy tụ tại đây, ắt phúc lộc song toàn, uy danh hiển hách, làm chủ cả thiên hạ.

Hình 1-25 :
Thần tiên nằm ngang

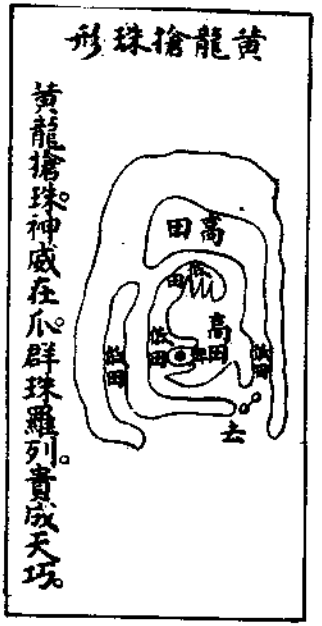


Nếu huyệt vị có hình dạng giống như rồng lớn vẫy vùng, trình diễn móng vuốt, uy phong lẫm lẫm, thì nhân dân được hưởng mưa thuận gió hòa, chủ nhân ở đây tất sẽ là bậc anh hùng hào kiệt lưu danh ngàn đời.

Hình 1-26 :
Phi Long trình diễn móng vuốt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Rồng vàng đoạt ngọc quý, thần khí uy phong thể hiện hoàn toàn ở móng vuốt sắc nhọn của nó. Vô số hòn ngọc quý bày la liệt ở trong. Huyệt vị kỳ công của tạo hóa như vậy ắt đem lại cho chủ nhân vô số lợi lộc, may mắn.

Hình 1-27 :
Hoàng Long cướp châu ngọc



Nếu huyệt vị có hình dạng như con ba ba lớn thần kỳ ngoảnh đầu nhìn đàn con của nó, thì chủ nhân ắt sẽ đông con cháu, gia tộc đông vui. Nếu trước huyệt lại có hồ nước lớn, thì rất phú quý, hiển hách.

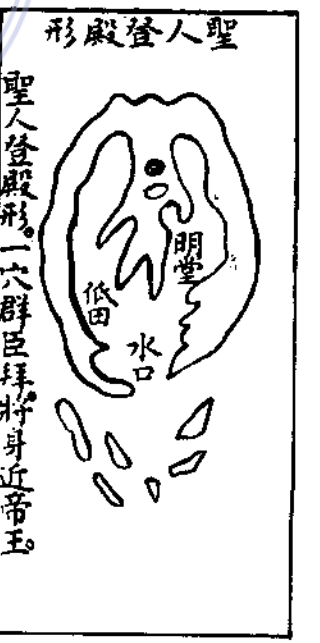
Hình 1-28 :
Ba ba nhìn đàn con

downloadsachmienphi.com



Nếu địa thế giống như con ba ba lớn thần kỳ ngoái đầu nhìn đàn con của mình, đầu và chân ba ba đều lộ rõ vẻ hoạt bát sống động, thì ở bên mất con ba ba lớn sẽ có một huyệt vị quý hiếm khả dĩ làm cho chủ nhân nổi danh và tận hưởng vinh hoa.

Hình 1-29 :
Ba ba thăm con



Nếu địa hình giống như thánh nhân nghiêm trang bước lên cung điện, mà có đông đảo các vị đại thần ở dưới điện chắp tay nghênh tiếp, thì chủ nhân nơi đây sẽ được tiếp cận đế vương chí tôn, được hưởng phúc lộc vinh hoa.

Hình 1-30 :
Thánh nhân lên điện

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Nếu địa hình giống như con rết lớn bò xuống núi, thì chủ nhân nơi đây tất làm quan văn quan võ trong triều đến chức Tam công, trở thành trọng thần hiển hách trong triều đình.

Hình 1-31 :
Rết xuống núi



Nếu địa hình giống như con rồng lớn lao ra khỏi cửa động, thì con cháu chủ nhân nơi đây sẽ liên tiếp có tên trong bảng vàng, nổi danh khoa cử, được hưởng vinh hoa phú quý lâu dài.

Hình 1-32 :
Long giá xuất động

downloadsachmienphi.com



Nếu địa hình giống như một vị tiên ung nghi, đoan trang ngồi xếp chân bằng tròn, thì chủ nhân nơi đây ắt được kính nể, y như Trạng nguyên, được chính Hoàng đế ban thưởng, có quyền lực và phúc lộc lớn lao.

Hình 1-33 :
Tiên nhân đại tọa



Nếu địa hình giống như hai con rồng đang vui đùa với nhau, dân chúng sẽ được nhận ân đức, chủ nhân sẽ an nhàn mạnh khỏe

Hình 1-34

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-35 :
Rồng vàng cuộn sóng

Long mạch vùng vẫy trong sóng lớn dưới sông. Huyệt vị loại này mấy năm đầu chưa cát lợi lắm, nhưng về sau tốt sản sinh đại quan đến bậc tam công, Lục khanh.

Họ Tôn nói :

"Mấy năm đầu không cát lợi lắm, nước sông chảy xiết. Vì sao ? nếu nước sông chảy đến quanh gò cao ở Thủy Khẩu, thì sẽ sắp phát phúc. Thủy từ phía sau chảy mạnh tới nghịch thế, do đó mạng vận mỗi ngày một tốt".



Hình 1-36 :
Tướng quân ngồi trong doanh trướng

Nếu địa hình giống như vị tướng ngồi uy nghiêm trong doanh trướng, có thảm tròn, cây tượng hay trong doanh trướng, thì chủ nhân võ nghệ siêu quần, anh dũng vô song.



Hình 1-37 :
Rồng khát uống nước suối

Nếu huyệt vị có hình dạng giống con rồng khát uống nước suối, dòng suối trong xanh lững lờ chảy đến, thì chủ nhân ắt làm quan chấp chính trong triều.

Họ Tôn viết :

"Mặc y phục sắc tím ra vào triều đình, đương nhiên có liên quan tới dòng nước trong xanh chảy tới, nhưng cần có các ngọn núi nhọn như cây bút dàn hàng ngang ở gần đó. Sa Thủy đều trợ lực, làm sao không có chức cao quyền trọng !"

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-38 :
Song ngư vờn thủy

Nếu địa hình giống như hai con cá chép đùa giỡn trong nước, đằng trước có lâu đài vuông vức, thì ở đây ắt sinh ra mỹ nhân tuyệt sắc, dâm đãng, gây nên tai họa.

Họ Tôn viết :

"Dâm là phóng đãng, do đó gây nên tai họa, là vì giống như hai con cá đùa giỡn trong hồ. Nếu là hai Long mạch thực thụ tạo nên hình dạng song ngư vờn thủy, hơn nữa lại có lâu đài đẹp đẽ, thì huyệt vị nơi đây tất sẽ xuất hiện trọng thần quyền quý, uy danh hiển hách, chứ đâu chỉ xuất hiện tuyệt sắc mà thôi !"

Địa hình cuối cùng không thể điểm huyệt. Còn bốn cách trước nó đều là huyệt vị thực thụ.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

*
* *

Các đồ hình kể trên đều là cách chọn huyệt vị khi ta đứng quay lưng với Thủy thế. Hình thái cao thấp ở trong huyệt ra sao rất khó nhận biết, do đó phải quan sát kỹ lưỡng, không thể khinh suất, vội vàng. Cao một tấc là Sơn, thấp hơn một tấc là Thủy. Ở chỗ Long mạch nhập thủ, nhất định có Thủy là tốt nhất. Đó là cách thức cố định, bất biến.

LUẬN BÌNH DƯƠNG LONG

Long mạch ở vùng đất bằng phẳng rộng lớn thì cốt tiết khai hợp có độ, sống lưng liên tục từ đầu đến cuối, không khác gì Long mạch ở vùng núi cao. Cũng có Long mạch phân hợp ở hai bên, uốn lượn theo hình thái của sông nước. Long mạch nơi bình nguyên chủ khác Long mạch vùng núi cao một chút về tính tình, sắc thái. Long mạch vùng núi cao thì sống lưng ẩn sâu không lộ, bổn tính thuộc Dương, lại khó quan sát. Do đó sự kết hợp ở những địa khu khác nhau cũng không giống nhau, chẳng thể gượng ép. Đất Thổ, Biện, Tế, Lỗ là vùng bình địa ở phương Bắc, đất Tô, Tùng, Gia là vùng bình địa ở phương Nam, tính tình Nam Bắc không giống nhau. Long mạch ở vùng bình địa phương Bắc thì Sơn thắng Thủy, do vậy nên từ mặt bên mà tiếp cận Khí, từ mặt trước mà tiếp cận Thủy. Long mạch ở vùng bình địa phương Nam thì Thủy thắng Sơn, do vậy nên từ mặt bên mà tiếp cận Thủy, từ mặt trước mà tiếp cận Khí. Khí là căn bản, là Thể, do vậy người sinh ở phương Bắc thể phách tráng kiện. Thủy là ứng dụng, do đó người sinh ở phương Nam đầy đà phúc hậu. Bình địa ở phương Nam, phương Bắc đều có chỗ ngắn, chỗ dài. Long

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mạch thiên về Thể, thì nên tìm trong Thủy, thấy chỗ thấp hơn xung quanh một tấc, đó là Thủy. Long mạch thiên về Dụng, thì nên tìm ở trong Sơn, thấy chỗ cao hơn xung quanh một tấc, đó là Sơn.

Huyệt vị ở nơi bình địa là khó nhận biết hơn cả. Muốn biết huyệt vị, trước hết phải quan sát huyệt ở vùng núi cao. Biết nhận huyệt ở vùng núi cao rồi, tự nhiên sẽ biết nhận huyệt ở vùng bình nguyên. Đại khái mà nói, năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ ở vùng núi cao có thể đứng thẳng, còn ở vùng bình nguyên có thể nằm ngang. Thậm chí Long mạch giao thoa, phân tán, kết tụ, khai trương, thuận thế, nghịch thế, nghênh tiếp, tống tiễn v.v... cũng đại loại như nhau. Cho nên cổ nhân chỉ vẽ đồ hình Long mạch vùng núi cao. Có thể dùng đồ hình Long mạch vùng núi cao mà xem xét hình thế Long mạch vùng bình nguyên. Phương pháp tìm huyệt ở đây là quan sát kỹ chỗ hơi lồi lên, chỗ hơi lõm xuống, rồi xem ở hai bên có vết tích nước chảy (lưu Thủy) hơi thấp xuống hay không, ở hai bên chỗ nước chảy có hình thế kiềm (kẹp lại) hay không. nếu có đủ các điều kiện ấy, tức là đã có một huyệt vị tiếp cận Khí. Nếu phát hiện nơi nào có hai dòng nước giao hội hoặc một dòng chảy uốn lượn vòng quanh, nơi ấy thấp hơn chỗ ruộng cao chừng một thước, hình thế nằm ngang hợp với Ngũ tinh (năm ngôi sao), thì đã có một huyệt vị tiếp cận Thủy. Nếu bình địa phương Bắc mất huyệt vị, còn có thể dựa vào tầng đất dày và cứng, nếu bình địa phương Nam mất Long mạch, còn có thể dựa vào chỗ Thủy giao hội tích tụ. Đó là hình thái, cục diện đại thể của Long mạch ở bình địa phương Nam.

Phàm khi điểm huyệt, phải leo lên chỗ Long mạch nhập thủ. Đứng trên chỗ ấy mà quan sát kỹ xem thế đến và đi của Long mạch ra sao, phương vị thế nào, Minh Đường hội tụ ở phía nào, hợp với ngôi sao nào, kết thành huyệt vị có hình dạng ra sao, nhất là xem phần đỉnh đầu của Long mạch nhô hay lõm, phần mặt rộng hay hẹp, tay chân có thu lại hay không. Đó mới là phương thuật thật sự của việc xem mạch điểm huyệt. Ngoài ra, còn phải xem kỹ Long mạch nào là Sinh mạch, Long mạch nào là Tử mạch, cái nào là Hộ sa, cái nào là chính mạch. Long mạch cũng phân ra Âm Dương. Long mạch nổi rõ sống lưng là Âm mạch, không rõ sống lưng là Dương mạch. Đỉnh núi cao là Âm, bình nguyên dưới thấp là Dương. Chỗ nhô lên, phân tiết, nhú mầm, hình cây giáo, cây lê, cây dương xỉ, cái lá chắn là Âm huyệt. Cắm xuống, cúi mặt, bậm môi, khóe miệng... là Dương, lõm hẹp, trải đệm, hình tổ yến, hình sóng là Dương huyệt. Vận dụng cái gọi là Dương lại Âm thụ, Âm thụ Dương tác, trong Âm có Dương, Âm Dương hài hòa.

Long mạch to thô, bẹt dẹt, tản mác, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch phân tán, biện pháp cứu chữa là lấp đầy đoạn cong của nó. Long mạch rộng lớn, thô cứng, mạnh mẽ, thì khuyết hãm ở chỗ cao và gấp, biện pháp cứu chữa là mau tránh sát khí của nó. Long mạch to thô, trải dài, thấp, chậm, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch chậm chạp, biện pháp cứu chữa là dựa sát vào thế cao gấp của nó. Long mạch ngắn nhỏ, co rút, mềm yếu, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch nhỏ yếu, biện pháp cứu chữa là lợi dụng khí thế thịnh vượng của nó. Long mạch tán loạn, lệch lạc, thì khuyết hãm ở chỗ không có vết tích, cách cứu chữa là chọn lấy trong đó một Long mạch kỳ dị. Long mạch uể oải, lười nhác, vô lực, thì khuyết hãm ở chỗ không có tụ kết, co cụm, cách cứu chữa là đem trồng nó ở ngay giữa tổng mạch.

Long mạch ở bình địa, điều tối cần thiết là khai quật Địa huyệt, hai bên có hộ vệ như hình cái mâu cái thuẫn. Long mạch ở bình điền, điều tối cần thiết là khai thông cửa ra để lấy khí thuận. Long mạch cả trên lẫn dưới đều nhọn, bé, không tề chỉnh, là do đi qua chỗ ẩm thấp mà bị khuyết Long khí. Huyệt vị nhỏ hẹp, Long mạch quá nhỏ phần đầu não là do đi qua nhiều Thủy mạch. Long mạch đột ngột nhô cao cứng thô là do Âm khí đi qua chỗ hung sát. Mấy loại Long mạch như thế đều là hư giả về hình thể, không có khả năng kết huyệt.

Vùng núi cao hay bình địa, Long mạch, huyệt vị đều lấy Thủy rậu tôm làm minh chứng. Nói Thủy rậu tôm là chỉ nước sông

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đã cạn. Nó phân chia ở mặt sau huyệt vị, tụ lại ở mặt trước, giống như râu con tôm vậy. Hai râu tôm, một dài một ngắn, đều khoanh lấy đầu tôm. Khi di chuyển, râu tôm vươn thẳng ra, khi bất động thì râu tôm khoanh lại. Khi có thức ăn, sợi râu dài vươn ra cuộn lấy, đưa cho sợi râu ngắn đưa vào miệng. Do đó, nếu huyệt vị có hình dạng như cái đầu con tôm, hai bên tả hữu có vết tích hơi lộ, một đoạn lưu Thủy nhỏ ở phần trên huyệt vị phân ra, đến chỗ Tiểu Minh Đường thì hợp lại, giống như hai cái râu tôm, sẽ gọi là Thủy râu tôm. Huyệt vị ở bình dương hoàn toàn căn cứ vào Thủy râu tôm để nhận biết.

Bên cạnh Thủy râu tôm nhất định sẽ có hai Sa sơn nho nhỏ baoq uanh, gọi là cánh ve. Vì hai cánh ve tuy mỏng, vẫn che kín thân mình.

"Tuyết Tâm Phú" có viết :

> "Long mạch có hình dạng chữ Tam, chữ Nghĩa chìa ra hai Sa cánh ve, kẹp lấy Thủy râu tôm",

chính là nói về hình thái này.

Còn Kim ngư Thủy (Thủy cá vàng) cũng gần giống như vậy. Phàm các loài cá khi uống nước, nước vào đằng miệng mà ra đằng mang. Chỉ có Kim ngư Thủy là nước vào từ hai bên mang mà ra đằng miệng. Do đó, khí mạch ngắn, nhỏ, huyệt vị nhô ra thì có hình dạng giống cái mép cá vàng.

Còn có Thủy mất cua (giải nhãn thủy). Mất cua độc đáo khác hẳn mất các loài động vật khác, có thể xoay tròn. Cua lại bò ngang, khi bò sang bên trái thì mắt trái mở to, sáng rực. Do vậy, phàm huyệt vị kết tụ ở trong hầm hố, ở giữa hơi lộ ra mồm miệng tròn tròn giống cái yếm, mai con cua, thì gọi là Thủy mất cua. Nói chung, Thủy mạch có ba hình thái : triều bái, tụ hội và uốn lượn vòng quanh.

Lưu Thủy quá ư lớn mạnh mà Sơn sa không tương xứng với huyệt của nó, ắt ẩn chứa tai họa. Hà Thủy có thế chảy nhỏ yếu, phải áp sát hai bên huyệt vị, có thế chảy mạnh thì phải uốn lượn ngoài chỗ thoáng rộng. Không nên tìm trạch huyệt gần chỗ đại Thủy (Thủy lớn), vì sau khi kết trạch huyệt, con cháu sẽ bị tuyệt diệt. Nơi tiểu thủy dan vào nhau thường có vết tích kỳ diệu, nếu kết trạch huyệt, thì con cháu có thể làm tới bậc tam công quý hiển.

Lại nói, nếu một nơi đằng trước có hình bán nguyệt, đằng sau thì giống như hình trăng khuyết, hai bên như hình cánh cung, thì huyệt vị dựa sát Thủy lưu. Cổ thư còn nói, Long mạch ở bình dương ẩn trong điền địa (ruộng đất) như đầu và chân con rùa. Có lưu Thủy bao quanh thì là Long thực thụ. Long mạch loại này không ly khai Thủy lưu, mà Thủy mạch thì không ly khai huyệt vị. Phép điểm huyệt ở bình dương đại địa sẽ nói cụ thể ở phần sau.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

BÌNH LONG DƯƠNG HUYỆT PHÁP

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Đính chính : Tôn Ái Thức Phỉ Khởi Đình
Dao Thức Ung Thảo Đình

BÌNH DƯƠNG ĐIỂM HUYỆT PHÁP

Phép chọn huyệt tại địa diện trên bề mặt thênh thang của sông, hồ, biển cả, trước hết phải xem kỹ Long mạch có cát lợi hay không. Trên dải đất bình dương, ta thấy nơi Long mạch ngắn ngủi nối liền với đáy sông. Tìm huyệt vị tại bình dương thì đừng ngại Khí mạch co cụm, ngắn và nhỏ, sao Văn Khúc rất ưa thích phiếm du tiêu dao trong sóng nước dập dờn.

Dải đất bình dương nếu giống như con thuyền nhỏ lướt đi giữa các lớp sóng trắng, thì nên tìm chọn huyệt vị ở phần cuối, ở đầu mút của nó; nếu giống như vầng trăng cô đơn chìm trong dòng sông, thì nên tìm chọn huyệt vị ở góc bên của nó; nếu giống vầng trăng tròn treo lơ lửng trên dòng sông, thì nên tìm chọn huyệt vị ở chính giữa dải đất; nếu giống một cây thước ngọc, thì nên tìm chọn huyệt vị ở hai đầu của nó.

Nếu dải đất bình dương được thiên nhiên tạo hóa làm cho giống như hình Lý ngư (cá chép) vượt Long môn, thì không ngần ngại chọn huyệt vị ở mắt hoặc môi của nó. Nếu dải đất bình dương giống như lá sen, bông sen mỹ lệ, thì nên tìm chọn huyệt vị ở chính giữa. Nếu giống hình con tằm, thì nên tìm huyệt vị thích hợp ở bến nước.

LONG GIA NGŨ HÀNH

Bảy ngôi sao chòm Bắc Đẩu là tinh tướng chí tôn trên bầu trời phương Bắc. Hai bên tả hữu là hai sao Phụ, Bật; Cửu tinh (chín sao) phân bố tại Cửu cung (chín cung). Cửu tinh, Cửu cung khởi từ Long lâu, sắp đặt song song với Bảo điện, phân thành hai bộ phận Đông Tây là Thái Dương và Thái Âm. Bên tả thông đạt thuận chiều, bên hữu nghịch chiều trở lại, tinh tướng hai bên sắp thành hai hàng, nhưng giao hội lưu thông với hai khí Âm Dương. Hà Thủy từ Long mạch bên tả của nó chạy qua thuộc Dương, Hà Thủy từ Long mạch bên hữu chạy qua thuộc Âm. Âm Dương của Long mạch được xác định căn cứ vào thần khí hà lưu hai bên tả hữu, chứ không phải theo quẻ. Huyệt vị

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

mà Thủy có sinh khí sung mãn hoặc Thủy có hình dạng triều bái, thì làm cho đời sau được vinh hoa phú quý, muôn người tôn thờ. Huyệt vị mà lưu Thủy hưng vượng cuộn sóng bao quanh thì làm cho tài lộc mau chóng dồn về. Dùng phương pháp Huyền Không Ngũ Hành có thể làm cho lưu Thủy dần dần tiêu tán, Long mạch Dương dồn đến mà Long mạch Âm chạy đi. Xưa nay không ít bậc đại sư tài trí hơn người đàm luận vấn đề Âm Dương, lý giải sự biến đổi của trời đất, dùng thuật bói toán lập quẻ mà giải thích Âm Dương họa phúc, quyết định nơi an táng mộ phần; song mấy ai hiểu được đạo lý huyền diệu, sâu xa của Âm Dương.

Hình 1-39 đến 1-85 : Bình dương khai trướng

1



Hình 1-39

Long mạch hình thành dạng khai trướng la liệt. Từ trong trướng màn Long mạch chạy ra. Đây là huyệt vị cực kỳ quý hiển.



Hình 1-40

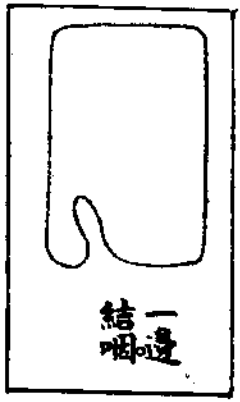
Long mạch chạy đến cùng mới mở trướng màn, bao quanh huyệt vị. Loại Long mạch này hiếm có, chủ sản sinh bậc đại quan quý hiển, được muôn người bái phục.

Hình vẽ này biểu thị quá mạch thanh tú mỹ lệ, kết thành huyệt vị nhụn sắc, là huyệt vị cực kỳ quý hiển và giàu có. Long mạch tụ kết ở đầu, thành yết hầu, quy tụ và trói buộc khí Sinh Vượng trong Long mạch, vì vậy chủ về quý hiển, uy danh và giàu có.



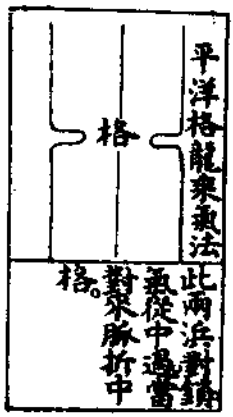
Hình 1-41

Một bên Long mạch tụ lại thành yết hầu để giữ chặt Khí.



Hình 1-42

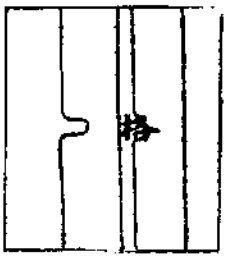
Hai tiểu Hà Thủy từ hai bên kiềm tỏa Long mạch theo kiểu đối xứng, khí Sinh Vượng từ trong Hà Thủy đi xuyên qua. Nên dùng cách chiết trung mạch đến mà chọn huyệt vị.



Hình 1-43 : Cách Long nhận khí

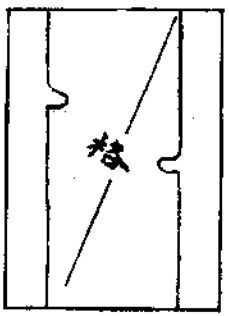
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



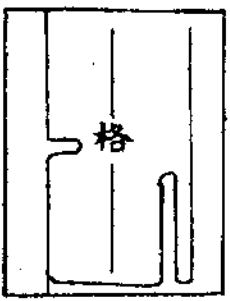
Một tiểu Hà Thủy kiềm [illegible] Long mạch ở riêng một bên, thì thường là cách hạ bàn ở sát tiểu Hà Thủy, do đó Long mạch chạy đến không có sinh khí Thủy lưu.

Hình 1-44



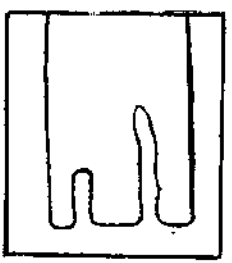
Một tiểu Hà Thủy ở đằng trước, một tiểu Hà Thủy khác tụt lại đằng sau. Với hình dạng này, nên dùng cách hạ bàn theo đường chéo giữa hai tiểu Hà Thủy, bởi vì Khí mạch của Long mạch chảy xéo tới.

Hình 1-45



Một tiểu Hà Thủy cắm ngang vào, một tiểu Hà Thủy khác cắm đứng vào. Với hình dạng này, nên chọn cách hạ bàn ở khoảng giữa Hoành thủy và Trực Thủy.

Hình 1-46

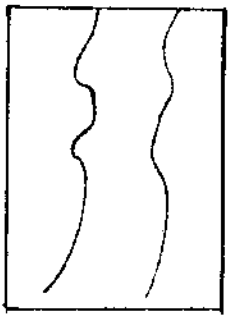


Một tiểu Hà Thủy chìa dài rồi uốn cong đầu, một tiểu Hà Thủy khác co rút ngắn lại mà dựa sát vào huyệt vị. Với hình dạng này nên tùy theo các tiết của tiểu Hà Thủy thì hơn.

Hình 1-47

Thế đi của Long mạch ngoằn ngoèo, thì tùy theo sự uốn lượn của Hà Thủy.

Hình 1-48



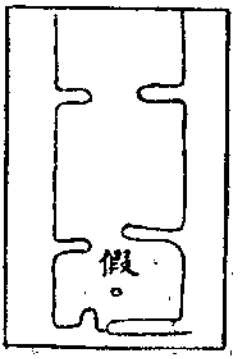
Long mạch đi ngoằn ngoèo, uốn khúc, khoanh tròn, thì nên dùng thế đối lưu vòng quanh.

Hình 1-49



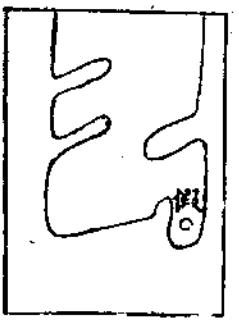
Long mạch bị tiểu Hà Thủy ngăn cách các tiết, Khí mạch trước sau không thể tiếp liền với nhau, không phải là Hiệp thực thụ.

Hình 1-50



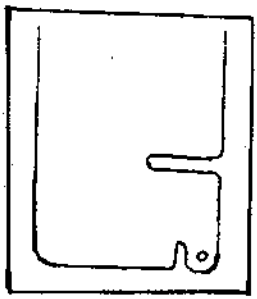
Tiểu Hà Thủy hai bên quay lưng vào nhau, không thể hình thành được Hiệp, hơn nữa Khí mạch trước sau cũng khó tiếp liền nhau.

Hình 1-51



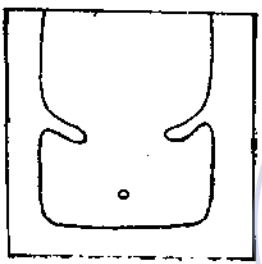
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



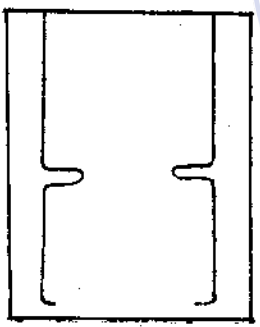
Một tiểu Hà Thủy đơn độc cắm ngang vào, cứng đờ, thì thường không có hộ vệ để tạo nên Long huyệt. Nếu tiểu Hà Thủy uốn lượn bao quanh mà chạy về phía trước, tạo thành một yết hầu đơn độc, thì còn khả dĩ hình thành một nơi hạnh phúc vui vẻ.

Hình 1-52



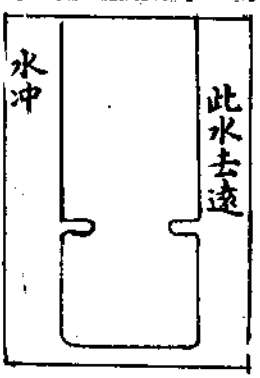
Hai tiểu Hà Thủy đều chảy về phía sau, như thế này cũng không thể tạo thành Hiệp. Nếu chọn lầm chỗ này làm trạch huyệt, thì con cháu sẽ phản nghịch, bất hiếu. Sống mạch có mấy tiết quái dị, thì sẽ có mấy đời con cháu bất hiếu, phản nghịch.

Hình 1-53



Tuy có hai tiểu Hà Thủy chảy về phía nhau, kiểm tỏa Long mạch theo kiểu đối xứng, nhưng hai bên không có Thủy hộ khách với dáng vẻ mời chào, thì cũng chẳng phải huyệt vị.

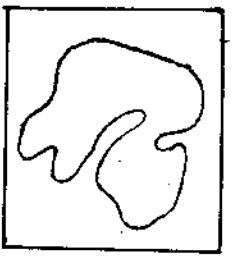
Hình 1-54



Long mạch khi quá Hiệp không có giang tống Thủy đi kèm. Vì Hà Thủy quá Hiệp chảy thẳng đi, không tụ nhập trong cục, là loại Thủy lậu thai phi hiệp.

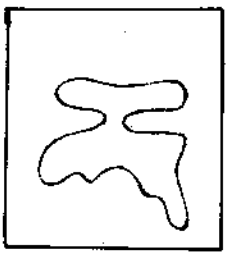
Hình 1-55

Long mạch chưa quá Hiệp đã phân ly tản mạn, không phải là Hiệp thực.

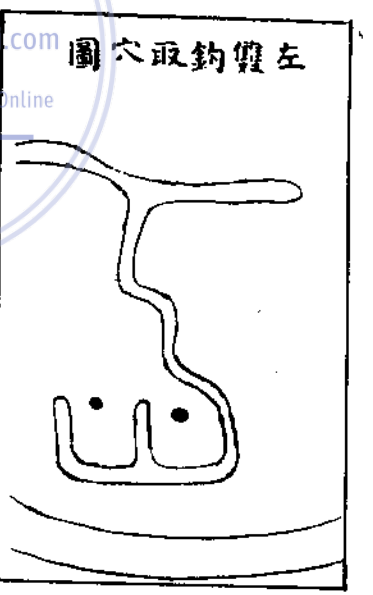


Hình 1-56

Long mạch sau khi quá Hiệp liền phân ly tản mạn, cũng không phải là Hiệp thực thụ.



Hình 1-57



Hình 1-58

Nếu một Hà Thủy của địa khu bình dương hình thành hai cái móc câu, thì cả hai cái móc câu này đều rất cát lợi. Nếu một Long mạch của địa khu bình dương tụ hội, kết thành hai huyệt vị, thì cả hai huyệt vị ấy đều rất cát lợi, chủ phú quý vinh hiển, trước sau, tả hữu, bốn phía quanh nó đều

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sẽ xuất hiện con cháu là thánh hiền, hai phía Đông Tây đều hoàn mỹ kỳ diệu.

Nhưng khi thành tựu cục diện, lựa chọn huyệt vị, xác định phương hướng, hà tất phải quá câu nệ Lý Khí hoặc mạch tính. Kiến tạo Dương trạch, tất phải tìm phương vị trước sau, bố cục hoàn mỹ. Kiến tạo Âm trạch, tất phải tuân thủ đạo lý nông sâu thích hợp. Kiến tạo Dương trạch ở bên tả mà mộ phần ở bên hữu, thì Dương trạch phải dịch lên phía trước mà Âm trạch phải lùi về phía sau. Đông trước, Tây sau, nếu đã xác định cục diện phía Đông, thì trạch huyệt không nên quá cao.

Nếu khi an trí trạch huyệt có thể làm chính xác, hợp tình hợp lý, đoan trang vuông vức thì mới là tận thiện tận mỹ.



Hình 1-59 :
Hữu Long câu thủ huyệt

Nếu có hai Hà Thủy cùng uốn lượn, chảy vòng sang bên hữu, giống như hai cái móc câu, thì lấy móc câu bên trong làm chính, móc câu bên ngoài làm phụ.

Thủy câu bên trong ổn trọng, tràn đầy, chọn huyệt vị ở đây ắt sẽ phát tài hoặc sản sinh bậc quyền quý có uy thế, hoặc bậc anh tài tuấn kiệt, túc trí đa mưu, trí dũng song toàn.

Thủy câu bên ngoài nông cạn bất ổn, nếu chọn huyệt vị nơi đây cũng có thể phát tài, giàu có, nhưng chủ nhân ắt là kẻ tâm địa hẹp hòi, tính cách thô lậu, ưa làm việc xấu xa, hay sinh sự, mà anh em bất hòa, thê thiếp lục đục, lại sinh con chột mắt, bất iếu, hoặc gian ngoan đối trá.



Hình 1-60 :
Đơn câu thủ huyệt

Nếu có một Hà Thủy uốn quanh phía sau như một cái móc câu lớn, đầy khí thế, lại có hai Sa sơn bao bọc hai bên tả hữu đối xứng dịch về phía trước, thì huyệt vị này tăng thêm giá trị bội phần.

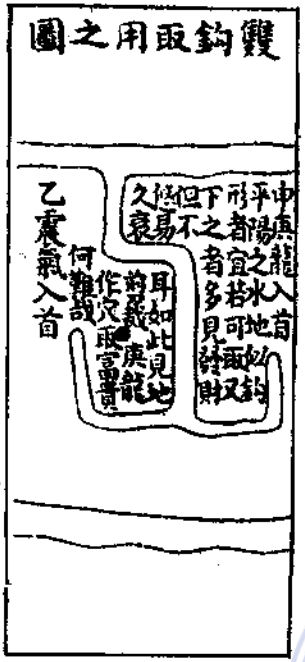
Hà Thủy đằng trước uốn quanh, Hà Thủy đằng sau bao bọc, có được hình dạng như vậy ắt đại quý hiển, vinh hoa. Sa sơn bên trái ngăn cách mà Sa sơn bên phải kiềm tỏa chặt chẽ, nếu địa khu có được hình dạng như vậy, tất con cháu phát đạt, thông minh anh tuấn.

Chọn huyệt vị dựa theo sự sắp đặt khôn khéo của thiên nhiên tạo hóa, tất phải có tâm cơ. Xác lập phương hướng đúng đắn khôn ngoan, tất phải có con mắt tinh tường. Chọn đúng cách, sẽ sản sinh bậc đại quan, nếu âm đức thịnh vượng, sẽ làm đến Tể tướng.

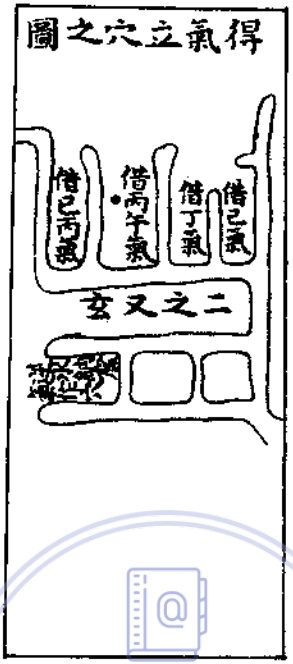
Hình dạng như trên đúng là toàn thiện toàn mỹ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

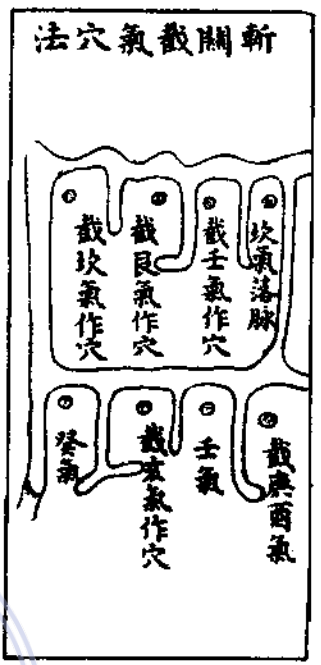
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-61 :
Song câu thủ dụng



Hình 1-62 :
Đắc khí lập huyệt



Hình 1-63 :
Trảm quan tuyệt khí huyệt pháp

Nếu một Hà Thủy tỏa ra hai bên uốn vòng như hai móc câu, thì lấy móc câu bên tả làm chính, móc câu bên hữu làm phụ.

Bởi lẽ bên tả có thể được Chấn khí lớn nhập cục, chủ về việc sản sinh bậc vĩ nhân tài trí mưu lược, quyền thế hiển hách, dựng nên sự nghiệp oanh liệt. Nhưng cũng có thể sản sinh loại tiểu nhân sâu mọt gặp cơ duyên mà nổi danh, vì tiếp nhận Ất khí.

Thủy móc câu bên hữu là Khang khí nhập thủ, chủ sản sinh bậc hiền nhân nghĩa khí, đứng mành, hào kiệt mà độ lượng, khiêm nhường, thiện lương. Nhưng sau đó chỉ e quả mẫu quản lý gia đình lại tôn sùng giáo lý, hoặc sinh ra quân trộm cướp nghịch tặc. Bởi vì Khang vốn là Long rất quý hiển, nhưng tiếc rằng bị Dương ở Thân làm cho hỗn tạp dần đi.

Một địa khí bình dương, một đại Thủy mênh mông sóng nước từ hướng Tây chảy đến, sau đó tách thành hai nhánh Thủy lưu song song, chảy sang phía Đông chừng một, hai trăm bước lại hợp vào nhau. Hai nhánh Thủy lưu là Đoài khí, mà sau một, hai trăm bước nhập lại với nhau cũng là Đoài khí. Nếu sau khi nhập lại, hai nhánh chảy một đoạn nữa đều cùng dừng lại, không tụ hướng vào nhau nữa, khí Sinh Vượng liễn thủy mà nhập, thì là Chấn Long.

Nếu Hà Thủy từ phía Đông chảy đến, phân nhánh quành về phía Nam, hoặc quành về phía Đông, hoặc quành sang hướng khác, hơn nữa, mỗi nhánh tự xác lập hướng chảy, thì Chính khí cương trực xuyên lưu không ngừng. Nơi này không phải là Long mạch đoạn nghiêm mà kết tụ thành huyệt vị, nhưng vì Chính khí tràn trề nên vẫn có thể sắp xếp hợp lý mà tạo thành huyệt vị đẹp đẽ.

"Ngọc Xích Kinh" viết :

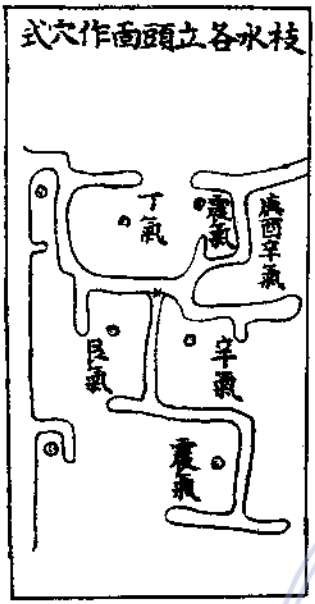
"Hình dạng này là tích lũy lưu Thủy, thành thế ngăn chặn ngang lưng, cắt ngang sinh khí".

Long thực thụ chạy về phía trước, hoặc khi gặp chỗ quần Thủy tụ tập thì phân nhánh thành các chi mạch có ba đầu; hoặc các chi lưu nhỏ bé xuyên tới hai vai, chém cắt phần lưng, sau đó chảy ra phía trước. Huyệt trường như thế là chặt chém vào lưng Long mạch, hấp thu khí vượng, xác lập cách cục, pháp độ. Mặc dù Long mạch hoàn toàn không phải từ nơi Chính khí sung mãn mà đến, song trải qua ngăn chặn tích lũy, tự nhiên hình thành nơi tích lũy Chính khí tràn trề, tuyệt diệu.

Nơi địa thế pha tạp như thế, phải là bậc đại sư phong thủy tài giỏi mới biết được công dụng của nó, để không vi phạm pháp độ, quy phạm mà thu hoạch hạnh phúc cát lợi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-64 :
Chi Thủy lập đầu tác huyệt

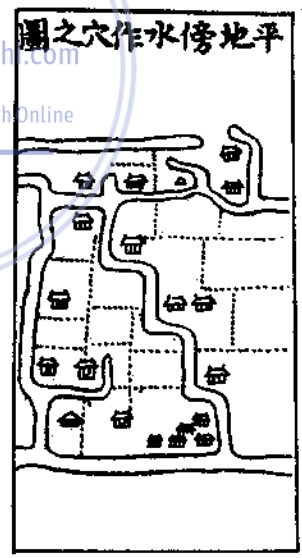
Nếu một đại Thủy vòng vèo chảy đến, chia thành rất nhiều tiểu chi lưu ngoằn ngoèo lượn quanh, thì các vị trí nằm giữa, xung quanh là Thủy, đều có thể chọn làm huyệt vị. Những chỗ như thế tuy không phải là Long mạch đoan chính, kết huyệt đoan chính, nhưng nên quan sát kỹ sinh khí, mạch khí ở chỗ Hà Thủy nhập thủ xem sao để định cát hung, họa phúc của huyệt vị.

Nếu các tiểu chi lưu nói trên đều có đầu mút riêng, đều hợp với Tam cát, Lục tú, Âm Dương đâu ra đó, không hỗn tạp, Thủy lưu uốn lượn, thuận nghịch đều đúng pháp độ, quy phạm, Minh Đường vuông vức chỉnh tề, đã không có hộ vệ cùng không bị xung phá, hình thái tiểu xảo lung linh, thì cũng có thể cắt xén hợp lý làm huyệt vị, sẽ có đại phú quý, chẳng kém ở nơi rộng rãi thoáng đãng.

Ở địa khu bình dương thường chọn trạch huyệt ở bên cạnh Thủy lưu. Chỉ cần quan sát kỹ hình thái, thế hướng của Hà Thủy, nếu thấy giống như rắn bò ngoằn ngoèo, uốn lượn, thì mỗi chỗ uốn lượn có thể là một huyệt, hoặc dùng làm Dương trạch, hoặc dùng làm phần mộ. Huyệt vị như thế, thì bờ đất ở bên sóng nước là Long mạch, chỗ địa thế tương đối cao là Sa sơn, chỗ tương đối thấp là huyệt vị.

Nếu Hà Thủy uốn quanh, bao bọc, mạch khí có tình, quyến luyến như không nỡ dứt bỏ, thì chọn phía bờ sông không bị sóng xói lở làm huyệt vị. Huyệt vị nơi đó có thể phát tài lộc, nhưng không thể trở thành đại phú quý. Nếu phát mạnh, sẽ mau tàn, phúc lộc chẳng thể lâu dài.

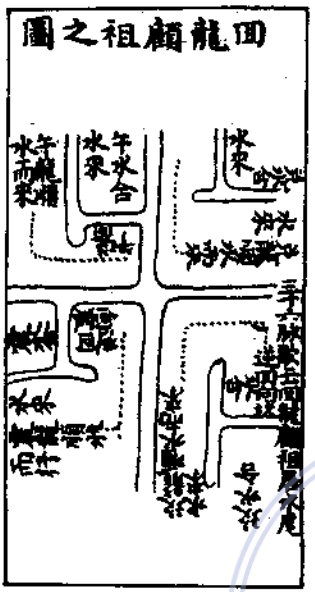
downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 1-65 :
Bàng Thủy tác huyệt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-66 :
Hồi Long cố tổ

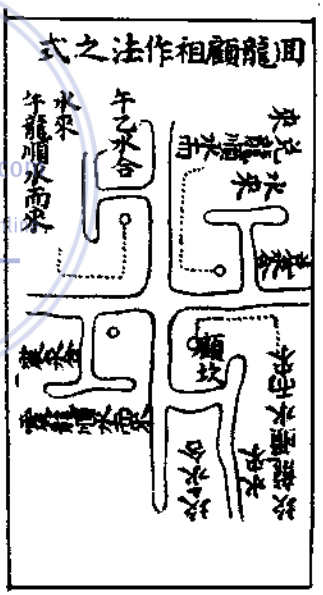
Long mạch ở bình dương dù có quay đầu nhìn về tổ tông, cũng không thể thoát ly khí mạch vốn do cha mẹ sinh ra. Hai dãy Sa sơn cùng chạy đến, một duỗi dài và thẳng, một ngắn nhỏ và vòng vèo, một bên thô tráng mạnh mẽ, một bên bé nhỏ ốm yếu. Thế đến của Sa sơn thô tráng dĩ nhiên hùng vĩ gấp gáp, thế đến của Sa sơn bé nhỏ dĩ nhiên uốn lượn chậm rãi.

Chỗ Sa sơn bé nhỏ quay đầu có nhiều đất Hồi Long hoặc Bàn Long (Long quay đầu và Long cuộn mình), nhưng phải có được Khí vốn do cha mẹ sinh ra, không thoát ly Sa sơn đã chọn, thuận Thủy lưu mà đến, thì nơi ấy mới hình thành đại địa thực thụ.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nếu Long mạch thuận thế Hà Thủy mà tới, sau đó quay mình ngoảnh nhìn lại đầu Long mà kết huyệt vị, thì ta có thể xác định Long mạch là chân, chứ không phải giả. Nếu Long mạch nghịch hướng Thủy thế mà đến, chỗ liên hợp lại ở phía sau, thì đó là Long mạch giả.

Nơi Long mạch quay đầu, đầu Sa không phải vươn ra từ chỗ Long mạch bắt đầu, chỉ là hướng thẳng nghịch chiều với Thủy thế mà thôi. Phàm nơi Hà Thủy tụ hội với nhau ở phía sau, quay lưng về phía Long mạch, tuyệt đối không phải là địa huyệt thực sự.



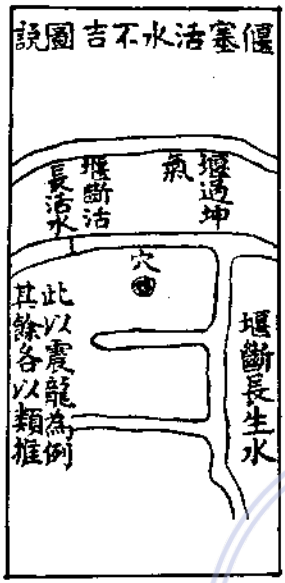
Hình 1-67 :
Hồi Long cố tổ tác pháp

Một vị thầy phong thủy ngày nay nói :

"Thiên Long như cá bay ngược dòng là chuyện hoang đường. Tuy hình thể của nó uốn lượn, hình thái chỉnh tề vuông vức, cũng chỉ là giả tạo. Nếu Hà Thủy của địa khu bình dương tụ hội ở phía sau, thì khí thế chạy tới của Sa sơn bên cạnh cuối cùng sẽ hướng về phía Hà Thủy giao hội".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Có loại huyệt trạch ở địa khu bình dương, Long mạch đoan chính uy nghiêm, huyệt vị hợp lý, Hà Thủy thanh tú, Sa sơn kỳ diệu, cả Long, Huyệt, lẫn Sa, Thủy đều đúng pháp độ, quy củ, huyệt vị như thế thường sản sinh bậc đại phú đại quý.

Nhưng cách huyệt vị hoặc gần hoặc xa lại có một Thủy trì (ao nước) vừa dài vừa thẳng, gọi là Phù Kiếm Thủy, hoặc bắn thẳng vào Long mạch, hoặc xung phá huyệt trường, như vậy là hiểm ác đáng sợ mà người đời không hiểu. Huyệt vị loại này chủ về con cháu bỏ xác quê người, hoặc thất bại trong mọi việc lớn. Nếu con cháu phát hiện loại Thủy hung ác này, hãy tìm cách lấp nó đi.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 1-68 :
Trảm hoạt Thủy bất cát

Chọn trạch huyệt tại địa khu bình dương, trước hết phải đáp ứng điều kiện có Thủy lưu thích hợp. Nhưng Hà Thủy lại có loại tử diệt, có loại sinh cơ, không thể không quan sát cho kỹ để phân biệt.

Có khi làm nhà, đặt mộ bên một dòng suối lớn, nước trong vắt đến tận đáy, hình thái đến đi cực kỳ phù hợp pháp độ, lại còn kỳ diệu mỹ lệ. Khi mới kiến tạo trạch huyệt, thuyền bè có thể qua lại tấp nập. Nhưng sau đó ít lâu thường bị những kẻ xấu lợi dụng, ngăn nước làm nơi nuôi cá, hoặc con cháu tùy tiện đụng nhà cửa và hành sự lung tung hỗn loạn, tham mối lợi nhỏ cho riêng mình. Thế là nguồn nước bị ngăn chặn, Long mạch, Khí mạch bị chặt đứt, hỗn tạp, nhà nào khá giả cũng mau chóng lụn bại. Tình huống ấy thật đáng sợ.



Hình 1-69 :
Phù Kiếm Thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

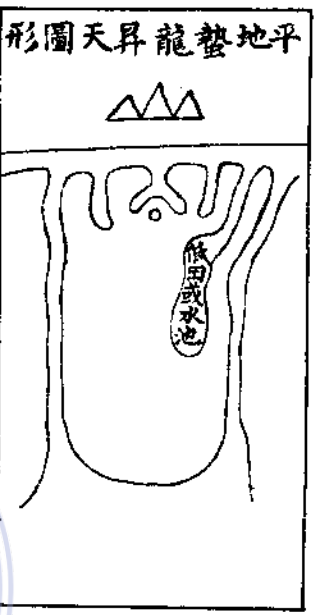
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-70 :
Thủy sinh Kiếp sát
ứng nghiệm



Hình 1-71 :
Thủy thế khả huyệt,
bất khả huyệt



Hình 1-72 :
Bình địa Triết Long
thăng thiên

Chọn huyệt vị Long mạch ở địa khu bình dương có cát lợi hay không hoàn toàn lệ thuộc vào sự thuận nghịch, uốn quanh hay đâm thẳng của lưu Thủy. Có Long mạch, trạch huyệt chân xác, huyệt vị đoan chính, Thủy thần đến đi đều hợp pháp độ. Nhưng sau khi kiến tạo trạch huyệt, sự phân bố tài sản trong gia tộc lại không đều, có nhà giàu có quý hiển, có nhà lại nghèo khổ quẫn bách, đại khái là do Hà Thủy bị Kiếp sát xâm phạm.

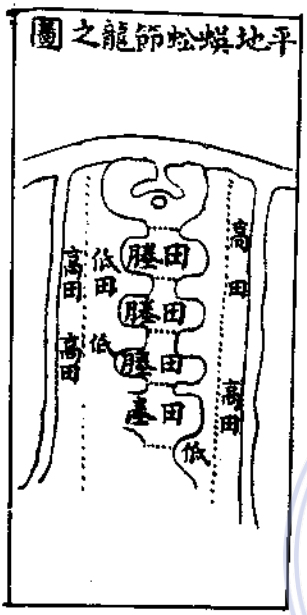
Nếu một nơi hướng về phía Nam, Hà Thủy phát sinh các chi lưu tỏa ra bốn phương tám hướng, hoặc Hà Thủy sau khi chảy đi lại tỏa ra nhiều chi lưu, cái dài cái ngắn, thì khí Sinh, Vượng của Hà Thủy sẽ bị tán thoát đi hết, ắt hình thành dạng huyệt vị như đồ hình biểu thị ở trên, sẽ dẫn đến tai họa.

Phàm ở địa khu bình dương khi kiến tạo huyệt vị, nếu gặp lưu Thủy như đồ hình biểu thị, thì hoặc phải sau lấp, hoặc phải kiến tạo huyệt vị ở phía trước, phía sau, hai bên tả hữu lưu Thủy để né tránh sát khí của Hà Thủy. Kiến tạo huyệt vị trên Thiên Can là thích hợp, trên Địa Chi là hung hiểm.

Nếu một địa khu bình dương có hình dạng như con rồng lớn là quý cách. Phải có đại Thủy nổi sóng chảy ở phía trước, Hà Thủy hai bên uốn lượn vòng vo run rẩy. Đó là hình thế Long mạch thực thụ. Nếu trước sau, tả hữu lại có gò đống nhấp nhô, thì sẽ giống như mây mưa sấm chớp; nơi kết thành huyệt vị, ở hai bên lại có tiểu Hà Thủy ngăn cách như chiếc kìm mở, thì đây là đất quý hiển hiếm có. Huyệt vị như thế gọi là Triết Long thăng thiên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

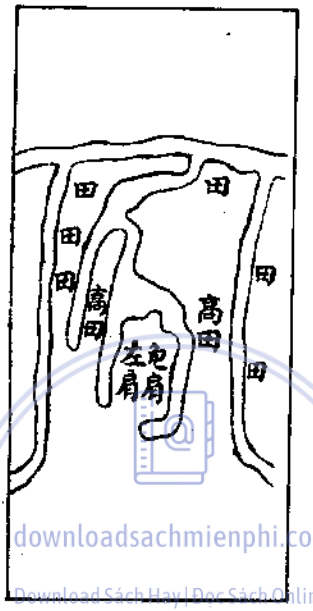
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-73 :
Bình địa Ngô công tiết Long

Trên đây là hình dạng Long Ngô công (Long hình con rết). Đất lở Thổ tinh sinh Kim, bờ ruộng cao thấp nhấp nhô, kéo dài 7, 8, thậm chí hơn 10 tiết (khúc), mà ở hai bên bờ, ruộng có cao có thấp, có sóng nước dập dờn. Đến chỗ kết thành huyệt vị thì mở ra như chiếc kìm, trông giống như con rết. Đó là đất quý hiển, kỳ diệu về mặt phong thủy, tất sẽ sản sinh bậc đại quan như Quốc sư, Tể tướng quyền cao chức trọng. Dù Long mạch chạy thẳng hay ngoằn ngoèo mà đến, cũng đều là nơi phúc lộc song toàn, đại phú đại quý.

Nhưng ở nơi này hai bên tả hữu còn cần có Sa sơn, lưu Thủy bảo hộ nghiêm mật mới là huyệt vị hoàn toàn cát lợi.



Hình 1-74 :
Một nê quy

Một địa hình nơi bình dương, bốn bề có ruộng cao, trùng điệp bao quanh, lại có Hà Thủy uốn lượn, giới hạn phân minh, hình dạng mảnh đất ở giữa hơi thấp, lại có chỗ nổi cao lên khô ráo, hình thành mặt bằng Kim Thủy, thì gọi là "Một nê quy" (rùa không dính bùn).

Nếu cắm huyệt ở nơi đây đúng pháp độ, tất con cháu sẽ phú quý song toàn, vinh hiển. Tốt nhất là chọn huyệt vị ở hai bên vai con rùa, hoặc ở hai con mắt rùa.



Hình 1-75 :
Một nê xà điền

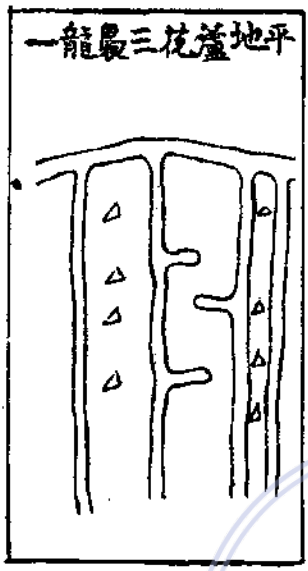
Nếu ở địa khu bình dương rộng lớn có một mảnh đất hình dạng cao, thấp, thẳng, cong, biến đổi linh hoạt như một con rắn uốn mình, thì gọi là "Một nê xà" (rắn không dính bùn).

Nếu muốn chọn huyệt vị ở đó, thì nên quan sát kỹ cục diện, cắm huyệt ở nơi mạch mạch có tình, triều đối tương liên với nhau. Hoặc chọn huyệt chữ Vương, hoặc chọn huyệt Khí Đường, hoặc chọn huyệt bảy tấc. Nếu cắm huyệt đúng pháp độ, con cháu sẽ vinh hoa phú quý, gần gũi đế vương.

Nếu huyệt "Một nê xà" lại có Án sơn hộ vệ xung quanh, thì sự vinh hoa quý hiển của con cháu càng lâu bền, rực rỡ hơn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-76 :
Bình địa Lô hoa tam niễu
Long nhất

Lô hoa niễu (hoa lau mềm mại vấn vương) là chỉ hình dạng Hà Thủy ở địa khu bình dương uốn lượn vòng vèo uyển chuyển. Lô hoa niễu hay nhất là có sao Văn Khúc làm bạn ở đằng sau Thủy tinh. Nếu Lô hoa niễu đơn độc lõa lồ, thì con cháu sản sinh kẻ dâm đãng, loạn luân.

Nếu Lô hoa niễu (H. 1-76) trải dài năm, mười dặm, cuối cùng đến chỗ kết thành trạch huyệt lại khoanh tròn, hộ vệ nghiêm mật xung quanh, thì khi thi tất đỗ Trạng nguyên, khi làm quan tất đến chức Tể tướng.

Nếu ở hai bên tả hữu nơi đó, Hà Thủy phân giới rõ ràng, Long mạch thuần nhất, hai bên Lô hoa niễu phát sinh các tiết can chi (cành cây), Khí mạch sinh động uyển chuyển, thì huyệt vị này ắt đem lại vinh hoa, phú quý rực rỡ.

Lưu Thanh Điền viết :

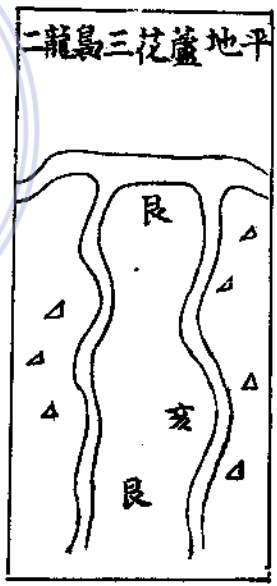
"Hà Thủy ở địa khu bình dương nếu tràn ngang mà đến, ắt uốn lượn ngoằn ngoèo mà chảy đi; nếu uốn lượn ngoằn ngoèo mà đến, ắt tràn ngang mà đi thẳng; khi uốn lượn ngoằn ngoèo thì uyển chuyển phất phơ như bông hoa lau. Lô hoa niễu nhập lộ mà đến, Khí mạch linh hoạt lưu động, thân thể Long mạch chân xác, bố cục huyệt vị hài hòa, thì sẽ đem lại phúc lộc, phú quý lâu bền".

Lại Kính Tiên viết :

"Hà Thủy nơi bình dương uốn lượn, tựa như nửa đến nửa không, mềm mại uyển chuyển phất phơ như hoa lau".

Đây là nói Hà Thủy có hình dạng cát tường, Long mạch linh hoạt sống động, Khí mạch vận hành kỳ diệu (H. 1-77).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



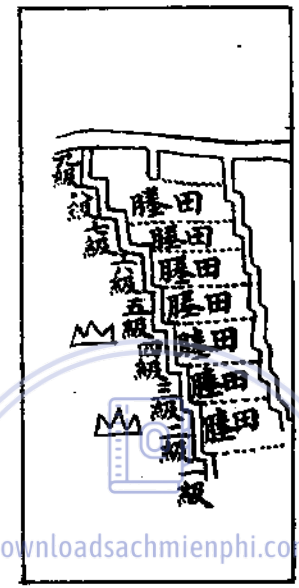
Hình 1-77 :
Bình địa Lô hoa tam niễu
Long nhị

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

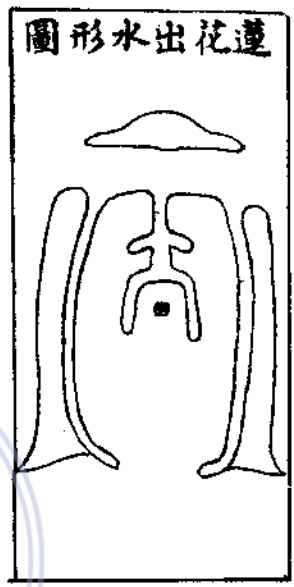
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-78 :
Ngọc Giai Long



Hình 1-79 :
Đường Giai Long



Hình 1-80 :
Liên hoa xuất Thủy

Hai bên địa khu bình dương uốn lượn như sóng, địa hình ở giữa cũng lên xuống nhấp nhô như sóng, tổng cộng chín bậc. Địa mạo như vậy gọi là Ngọc Giai Long (Long bậc thềm ngọc) (H. 1-78).

Ngọc Giai Long từ Hợi nhập Cấn, rồi lại từ Cấn đến Hợi, rồi từ Hợi nhập thủ, chủ về sản sinh các bậc hàn lâm học sĩ và đại quan trong triều, danh tiếng lẫy lừng, vinh hoa phú quý.

Đồ hình trên là Long Cấn Hợi, còn các Long mạch khác như Long Canh, Chấn, Tân v.v... có hình dạng tương tự, như hoa lau (Lô hoa) thì cũng chủ về quan chức cao quý, luận bàn chính sự với đế vương, hưởng vinh hoa, phú quý.

Nếu Hà Thủy của địa khu bình dương uốn lượn chảy đến chính diện, thành chín bậc, tám (8) nơi Minh Đường vuông vức ngay ngắn, thì Long mạch này cực kỳ quý hiếm (H. 1-79).

Lại có Hà Thủy ở hai bên uốn lượn chảy đến, cùng hình thành chín chỗ uốn khúc, ruộng đất ở giữa cao thấp nhấp nhô giống như các bậc thềm đá, đến chỗ kết thành trạch huyệt thì tạo nên Minh Đường, hình dạng như thế gọi là Thuận ngọc Giai Long, cũng đại quý.

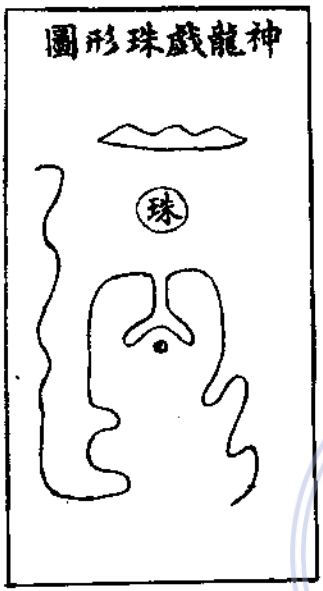
Thuận ngọc Giai Long huyệt chủ sản sinh bậc hiền minh Tể tướng thời thái bình thịnh vượng, nắm giữ vận mệnh quốc gia, con cháu đời đời làm quan to trong triều, con gái thành vương phi, vinh hoa phú quý.

Đằng trước địa khu bình dương có đại Thủy mênh mông xanh biếc hoặc hồ, ao rộng lớn, gần hồ có Sa sơn mỹ lệ như gọng kìm mở ra cân xứng ở hai bên; giữa hai Sa sơn lại có Sa sơn tụ kết thành hình Kim Thủy tròn trịa, hai bên lại tách ra Sa sơn dài, thẳng như trên đồ hình, thì gọi là Liên hoa xuất Thủy hoặc Liên hoa phù Thủy (hoa sen nổi trên mặt nước).

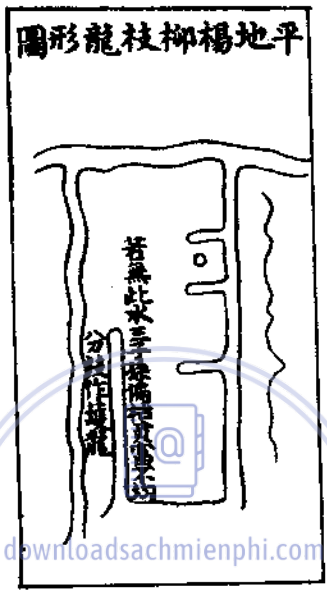
Liên hoa phù Thủy chủ về con cháu đời đời làm quan lớn trong triều, hoặc thành Phò mã, vương phi, vinh hiển lâu dài.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

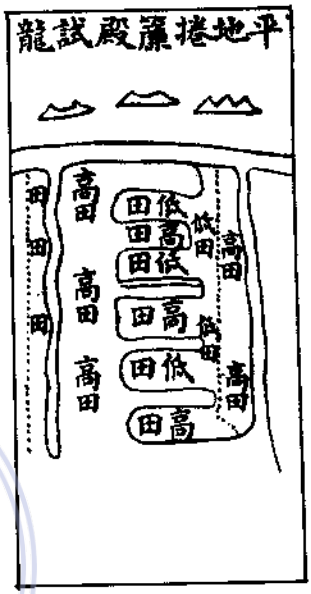
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-81 :
Thần Long hí châu



Hình 1-82 :
Dương liễu chi Long



Hình 1-83 :
Quyển liêm diện thức Long

Địa khu bình dương ở cạnh ao hồ lớn, uốn lượn ngoằn ngoèo, bỗng xuất hiện Sa sơn kỳ diệu thanh tú, mở ra hai bên như hai gọng kìm tương xứng. Phía trước Sa sơn lại có một cái gò lớn và dài, trông tựa mây bay. Đó là Thần Long hí châu (rồng thần giỡn ngọc).

Thần Long hí châu là huyệt vị cực kỳ quý hiếm, chủ anh em đi thi đều đỗ trạng nguyên, làm đến chức Tể tướng, con cháu đời đời là trọng thần của triều đình.

Địa khu bình dương thường sản sinh huyệt vị kỳ diệu, nhưng ít ai hay biết. Tỷ như Dương liễu chi Long (Long mạch hình cành dương liễu - H. 1-82), giới hạn phân minh giữa ruộng đồng bằng phẳng, tứ bề có hộ vệ nghiêm mật. Nếu cấu huyệt đúng pháp độ, sẽ sản sinh con cháu thông minh anh tú, đời đời làm công thần quý hiển.

Dương liễu chi Long ở bình địa chủ ngại phát triển không đều, lệch lạc. Nếu lệch về một bên, thì sẽ không có con trai, hoặc con cháu dễ bị bệnh tê liệt, điên khùng.

Ở bình dương địa khu, nơi ruộng đồng trùng trùng điệp điệp, cao thấp nhấp nhô như sóng, Chính mạch ắt từ một bên mà tới. Đến chỗ kết huyệt trạch, Hà Thủy uốn lượn hộ tòng như cung tên để chừng, hai bên cửa khẩu giới hạn phân minh, nơi gần bờ sông đều có ruộng cao, tạo nên hình dạng hộ vệ. Xa xa có các Sa sơn kỳ diệu, trông như lâu đài cung điện, hai bên tả hữu cũng có Sa sơn thanh tú như các quý nhân cung kính chắp tay. Địa hình như vậy gọi là "Quyển liêm diện thức Long" (H. 1-83).

Quyển liêm diện thức Long (Long có cung điện vây quanh) chủ sản sinh đại quan chuyên trông coi nghi lễ, văn chương hoặc các vị Trạng nguyên.

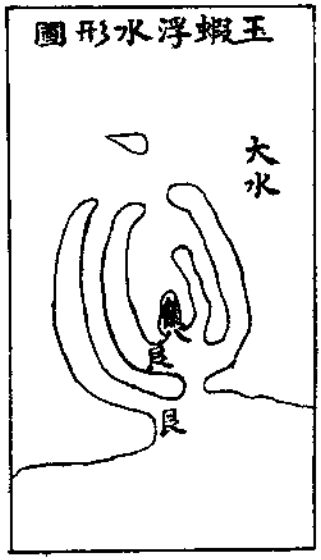
downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 1-84 :
Ngọc hà phù Thủy



Hình 1-85 :
Ngọc hà du Thủy

Giữa địa khu bình dương gặp đại Thủy kết thành cục diện giữa mênh mông đại Thủy, trông như con tôm ngọc nổi trên mặt nước, gọi là Ngọc hà phù Thủy. Huyệt vị kết tụ ở chính giữa, xung quanh, hai bên có rất nhiều Sa sơn liên tiếp hộ vệ, kết thành hình dạng Thanh Long, Bạch Hổ nghiêm mật.

Hình dạng Ngọc hà phù Thủy (H. 1-84) là vô cùng kỳ diệu. Nhưng cục diện phải rộng rãi, Sa sơn bao bọc tầng bên ngoài phải khoan hòa, không bức bách, mạch mạch có tình, có cao có thấp yểm trợ nhau. Nếu kiến tạo đúng pháp độ, con cháu ắt thông minh tuyệt đỉnh, phú quý song toàn, đức hạnh thanh cao.

Nếu có ngọn núi chồi ra thoáng rộng, Hà thủy gần đó tụ hội thành đồ hình như trên, thì có thể an tâm kiến tạo trạch huyệt.

Trạch huyệt ở mảnh đất giữa hồ, đầm như vậy là tối cát lợi, hiển quý.

Nếu hình Ngọc hà du thủy (tôm ngọc bơi trong nước) đơn độc lộ liễu giữa đại Thủy, Sa sơn bên ngoài thô, cứng, không bao quanh ôm ấp nhau, hoặc bị Hà Thủy làm xói lở thì không nên kiến tạo huyệt vị (H. 1-85).

LẬP HUYỆT LUẬN

Mỗi địa phương có một Tổ tông sơn của địa phương. Trước hết phải quan sát Tổ sơn của Long mạch, xem Tổ sơn phát nguồn từ nơi nào, nguồn nước bắt nguồn từ đâu, phân tán chảy đi từ đâu, nhập vào đại lộ từ đâu, Thủy lưu giao hội ở nơi nào, Sa sơn hội hợp ở nơi nào. Sau khi nhận rõ các vấn đề đó, sẽ biết nơi Thủy lưu chảy đến là lưng, nơi Thủy lưu giao hội là mặt. Đã biết rõ lưng, mặt, thì tiếp đó quan sát xem lưu Thủy theo Long chảy đến hướng nào, Sa sơn hộ vệ Long mạch uốn vòng về hướng nào, sẽ biết nơi Sa, Thủy vòng trở lại, lưu luyến không dứt là Long, mà nơi Sa, Thủy chảy thẳng đi, không ngoái lại, không phải là Long. Đã biết rõ thân của Long thì nên quan sát kỹ từng tiết, từng đốt. Nếu thấy hai bên tả hữu của thân Long có tiểu Hà Thủy đổi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

xứng kiểm tỏa, thành hình chữ Bát, thế thế nghịch chiều, thì đó là nơi quá Hiệp của Long mạch. Quá Hiệp của Long mạch càng nhiều, thì thần thái của Long mạch càng quý hiếm. Nhưng quá Hiệp phải có hộ tùng từ hai bên, nếu không sẽ bị cuồng phong quét thổi, lưu Thủy xâm thực, sẽ không còn là đất quý về phương diện phong thủy. Ngoài ra còn loại quá Hiệp đứt đoạn, lưu Thủy xuyên qua. Làm sao mới nhận ra mạch quá Hiệp loại đó ? Đại khái Long mạch thực thụ đi xuyên qua Thủy, thì hai bên tả hữu nhất định có Sa sơn, lưu Thủy hộ tống, trong lưu Thủy nhất định sẽ có doi đất hơi nhô lưng lên, mùa đông nước chảy ắt chậm rãi, đáy nước ắt là thứ đất kiên cố. Đã biết rõ quá Hiệp, thì sẽ rõ tình hình Long mạch vượt sông và lưu Thủy hộ tùng Long mạch.

Đã biết rõ tổ tông, lưng mặt, thân Long, quá Hiệp, thì quan sát tiếp nơi tận cùng của nó. Nếu là Long mạch thực thụ chạy đến nơi tận cùng, kết thành huyệt vị, thì hai bên tả hữu của huyệt vị nhất định sẽ có tiểu Hà Thủy như hai cái bọc thong thả dồn khí của Long mạch vào huyệt vị ở giữa. Phía trước huyệt vị nhất định có Minh Đường thấp hẹp, Hà Thủy ở hai bên theo Long sẽ đến trước Minh Đường mà giao hội. Đằng trước Minh Đường có Sa sơn, Án sơn cùng với Thủy bao bọc huyệt vị. Sa sơn từ phía hộ vệ huyệt vị đều có tình lưu luyến, Sa sơn mé bên trái hướng mặt sang bên phải, Sa sơn mé phải hướng mặt sang bên trái, huyệt vị tọa lạc ở chính giữa, như đại quan ở chốn công đường, đó là huyệt vị kỳ diệu.

Địa hình đất đai muôn hình vạn trạng, phương thức kết huyệt cũng thiên biến vạn hóa. Nếu một mảnh đất lớn khi đến chỗ tận cùng, ở hai bên không mở ra, lưu Thủy phân giới lờ mờ nửa có nửa không, thế chảy yếu ớt, phía trước huyệt vị là mảnh ruộng thấp làm Tiểu Minh Đường, thì hãy kết huyệt vị tại Tiểu Minh Đường. Nếu Khí mạch kết tụ ở một góc bên, chỉ có một tiểu lưu Thủy phân giới Long mạch, lưu Thủy theo Long hướng ra bên ngoài mà uốn quanh, thì nên kết huyệt ở một góc bên. Nếu một đầu bờ rộng thênh thang, nhìn không thấy bến bờ, bốn phía phân tán chiếm hữu Khí mạch, thì tùy Long mạch mà kết huyệt. Nhưng cũng có Long mạch chếch sang một bên, không tồn lưu sinh khí, nơi như thế không thể kết huyệt. Nếu Long mạch từ mặt trước chạy đến, nhưng cục diện huyệt vị ngược với mặt trước, thì nên dùng phép điểm huyệt Đảo Kỳ Long huyệt. Nếu sau khi kết trạch huyệt, dư khí của Long mạch không ngừng tụ, mà cuồn cuộn đổ về đằng trước, cần xem Sa sơn, lưu Thủy ở hai bên huyệt, nếu thấy chúng hộ vệ, yểm trợ, lưu luyếncó tình, hơn nữa sinh khí thịnh vượng sung mãn, thì có thể dùngphương pháp điểm huyệt thuận Kỳ Long huyệt.

Nếu lưu Thủy theo Long mạch giao hội ở mặt ngoài của Án sơn, thì kết huyệt ở đấy rất cát lợi. Nếu Long mạch không hình thành Án sơn, Hà Thủy bên ngoài tỏa ra, không giao hội, mà kết huyệt tại đường chạy của Long, thì sinh khí sẽ bị tuyệt diệt.

Trạch huyệt của Long mạch vô cùng đa dạng, khó mà kể cho hết. Cần hiểu sơn thủy là hướng vào nhau hay quay lưng lại nhau, là mở ra hay đóng lại, là tụ hợp hay phân tán, sinh khí của sơn thủy dồn tụ ở nơi nào mà xác định phương vị của trạch huyệt.

Tại địa khu bình dương, nếu hình dạng như bàn tay đặt ngửa, thì Dương khí có thừa mà 6m khí lại thiếu. Ở nơi tận cùng tất phải hơi nhô lên, gặp Âm khí đầy đủ mới có thể kết làm trạch huyệt. Đây là phương pháp Dương lai Âm thụ.

Nếu xác lập huyệt vị ở chỗ thấp, bằng phẳng, thì chỉ có Dương khí, không có Âm khí, dù các mạch Sa, Thủy ở hai bên có tình, chủ nhân cư trú nơi đó dù tạm thời yên lành, song rất mau chóng suy bại.

Vì lẽ đó, Canh Thuần từng nói :

"Ở nơi thấp và bằng phẳng, có chỗ lồi lên, thì nơi đó ẩn chứa phúc lộc cát lợi".

Trương Tử Vi nói :

"Bình dương địa khu, nơi địa hình cứ xuống thấp dần mà đặt mộ, thì con cháu sẽ bị tuyệt diệt".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Bốc Tắc Nguy nói :

"Nơi kỳ diệu của địa khu bình dương là tứ bề lõm thấp, duy có một chỗ nổi cao lên"

và

"Điều nguy hiểm nhất là kết trạch huyệt ở bên cạnh hố bùn".

Bốc Tắc Nguy còn nói :

"Khi chọn huyệt vị ở địa khu bình dương, trước hết phải tìm Thủy mạch".

Nhưng tìm Thủy mạch cũng phải có phương pháp nhất định. Lấy Hà Thủy từ xa chảy đến để đắc Thủy là sai, mà lấy Hà Thủy từ nơi gần chảy đến để đắc Thủy cũng lầm nốt. Lấy Hà Thủy nghịch hướng cố nhiên là sai, mà lấy Hà Thủy thuận hướng cũng lầm nốt. Lấy đại Thủy mênh mông ở gần làm Thủy mạch là sai, mà lấy tiểu Hà Thủy nhỏ hẹp ở gần cũng lầm nốt. Các tình huống vừa kể đều không thể coi là Thủy mạch thật sự.

Vậy phải thế nào mới coi là có được Thủy mạch thực sự ? Đại khái đạo lý biến hóa của trời đất không có gì quá đáng, và rất chừng mực, tốt nhất là sự chừng mực. Do vậy, nếu lấy Thủy ở gần làm Thủy mạch, thì phải có dư khí, nếu không phần chân sẽ bị teo tóp. Nếu lấy Thủy ở xa làm Thủy mạch, Minh Đường phải thấp trũng, nếu không sinh khí sẽ bị tiêu tán. Nếu lấy đại Thủy ở gần thì huyệt vị phải lùi về phía sau, nếu không sẽ bị xung kích làm lung lay phần đầu não. Nếu lấy tiểu Thủy ở gần, tất huyệt vị phải nhô cao, nếu không chẳng thể nhìn thấy lưu Thủy. Nếu lấy Hà Thủy chảy nghịch hướng, huyệt vị phải ở gần Án sơn để lưu Thủy không xói thẳng vào huyệt vị. Nếu lấy Hà Thủy chảy thuận hướng, thì Hà Thủy phải giao thoa với nhau, để Thư Hùng (đực cái) giao phối với nhau.

Do vậy, Hà Thủy chảy nghịch hướng phải có hình dạng triều bái, tốt nhất giống như chữ Chi ( ), chữ Huyền ( ), uốn lượn quanh co mà chảy tới thong thả. Nếu xối thẳng đến như mũi tên thì bất lợi. Hà Thủy tràn qua Minh Đường tốt nhất là uốn quanh, ngoằn ngoèo như rắn bò, không nên như mũi tên xuyên thẳng. Đại Thủy mênh mông cuộn sóng tràn trề là bất lợi. Hà Thủy nhỏ yếu nhưng uốn lượn như một cây roi mềm, cái dây lưng là rất thích hợp.

Dưới đây là các hình dạng hung sát : Như hai thanh kiếm giao nhau hình chữ thập, như hai cánh cung đối đầu vào nhau, như tấm màn chụp tới, như lưng rộng mà vai so, như Giao Long cuộn mình nằm ngủ, như phát ra âm thanh bi thương mà cuồn cuộn chảy tới v.v...

Phải quan sát kỹ nơi nước chảy vào và chảy ra, phương hướng thu nạp và tiêu tán của Hà Thủy. Chỉ có lấy nơi Hà Thủy chảy mạnh tới tích nạp sinh khí thịnh vượng mới là đúng pháp độ.

Đại sư Tả Khâm từng nói :

"Xác định hình thái triều hướng của Thủy mạch, sẽ thấy có một bên cát tường, một bên hung sát ứng hợp với nhau. Tam Hợp kết liên với nhau như một chuỗi ngọc đều tăm tắp, chính là chủ về cát tường, may mắn".

Dùng phương pháp này kiểm nghiệm các huyệt mộ vốn có, đều thấy phù hợp đúng như vậy.

BÌNH DƯƠNG LẬP HƯỚNG THU THỦY PHÁP

Phàm lên huyệt trường, xác định xong huyệt đạo, còn phải xem Hà Thủy phát nguyên từ nơi nào chảy đến Minh Đường, từ nơi nào chảy ra khỏi Minh Đường. Dùng la bàn mà xác định phương hướng, vị trí của Hà Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nếu Hà Thủy chảy đến phù hợp với phương vị Thủy cục, thì dùng phương pháp Thủy cục mà thu nạp. Nếu Hà Thủy phù hợp với phương vị Kim cục, thì dùng phương pháp Kim cục mà thu nạp. Nếu Hà Thủy phù hợp với phương vị Hỏa cục hay Mộc cục thì dùng phương pháp Hỏa cục hay Mộc cục mà thu nạp... Đó là cách nhận thức Thủy mạch, xác lập phương hướng, xác định thu nạp Lai Thủy. Hà Thủy nhất thiết phải từ nơi hoài thai, dưỡng dục, sinh trưởng, quan vận hanh thông, sinh khí sung mãn, vạn sự như ý mà chảy đến, đồng thời phải từ nơi suy lão, bại lạc, tật bệnh, tử vong, họa hại, sinh khí tán thoát mà chảy đi. Chảy đến từ nơi hoài thai, dưỡng dục, sinh trưởng, thì nhân đinh hưng vượng, con cháu đầy nhà. Chảy đến từ nơi quan vận hanh thông, vạn sự như ý, thì trời đất hưng vượng, tài lộc dồi dào.

Nhưng chảy đến như thế nào còn là điều hệ trọng. Nếu cuồn cuộn xối thẳng đến, xung phá địa mạch cát tường, thì bao nhiêu điều tốt đẹp sẽ tiêu tán, chỉ còn là họa hại, tuyệt diệt, suy bại, dâm loạn. Điều này cần xem kỹ "Ngọc Xích Kinh".

Địa khu bình dương, phải quan sát kỹ phương hướng lưu Thủy, căn cứ vào phương hướng đó mà thu nạp hoặc tiêu tán lưu Thủy. Đại loại là phương hướng lưu Thủy vốn không phân biệt cát lợi hoặc hung sát. Nhưng sự thay đổi, chuyển hướng của Thủy lưu sẽ quyết định hoạ hay phúc. Nếu một Hà Thủy uốn lượn, từ phương vị Tốn, Kỷ mà chảy đến, tại phương vị Canh, Thân, Dậu chuyển hướng, từ phương vị Sửu, Cấn chảy ra, thì sẽ là Kim thành Thủy cục. Nếu xác định phương vị Tốn, Kỷ thu nạp Thủy đến, thì nhân đinh hưng vượng, con cháu đầy nhà. Nếu xác định phương vị Canh, Dậu thu nạp Thủy đến, thì nhân đinh và tài lộc cùng hưng vượng, vạn sự như ý. Đại loại là sinh khí tràn trề, lưu Thủy hưng vượng nhất định phải chảy qua từ phía trước huyệt vị. Đó là dùng phương thức Kim cục mà thu nạp Hà Thủy chảy đến từ phương vị Kim cục.

Nếu Hà Thủy từ phương vị Kim cục chảy đến mà lại dùng phương thức Hỏa cục để thu nạp, thì lưu Thủy sẽ không đến được Minh Đường, do đó nhân đinh sẽ không hưng vượng; nếu dùng phương thức Thủy cục để thu nạp Thủy đến, thì Hà Thủy tràn trề sinh khí cũng không đến được trạch cục, khiến nhân đinh, tài lộc kém dần...

BÌNH DƯƠNG THỦY KHẨU LUẬN

Ở địa khu bình dương, việc chọn mạch kết huyệt tuy không có sơn phong cao đẹp, cảnh trí bên ngoài mỹ lệ, nhưng trấn giữ Thủy Khẩu vẫn còn phải có sự ảo diệu của Thủy lưu triều hướng huyệt vị mà lưu luyến, Sa sơn ở hai bên đan xen vào nhau như dệt cửi, sau đó duỗi dài, thênh thang mà đi thì mới tốt. Nếu lưu Thủy hàm chứa hình dạng như ấn ngọc, hòm vàng, bày ra như hình chữ Nhất ( ), hoặc sa thạch uốn lượn uyển chuyển như cây bút thần, thì càng quý. Có gò cao đối xứng hai bên Hà Thủy, có một sơn phong nhô cao nguy nga bên Hà Thủy, phía trước Hà Thủy có cầu đá bắc ngang, hình dạng như vậy thì càng quý hiếm.

Nhưng địa hình tuy kết huyệt ở bên trong, mà họa phúc lại biểu lộ ở bên ngoài. Do vậy, nếu thấy hình dạng giống hàn lâm học sĩ sử dụng bút mực, thì sẽ biết nó là huyệt vị thanh nhã, ắt sản sinh văn nhân mặc khách. Nếu thấy hình dạng giống như võ sĩ sử dụng khí giới, thì sẽ biết nó là huyệt vị hùng cường, ắt sản sinh võ tướng dũng mãnh. Nếu thấy hình dạng như kho lương, thì sẽ biết nó là huyệt vị chiêu tài thu phú, ắt sản sinh đại phú gia. Nếu thấy hình dạng như con rùa đen đang nằm ngủ, như hạc trắng thơ thẩn, như cây gậy chống, thì sẽ biết nó là huyệt vị tàng ẩn khí tiên, ắt sản sinh tăng lữ hoặc đạo sĩ giỏi đàm luận về sự ảo diệu huyền bí.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Căn cứ Thủy Khẩu rộng hay hẹp, sẽ hiểu nhà kia đoàn tụ hay vợ con ly tán. Căn cứ Thủy lưu uốn lượn hay chảy thẳng, sẽ biết chủ nhân huyệt vị là người văn nhã cao thượng hay phàm tục thấp hèn. Căn cứ Sa, Thủy trùng trùng điệp điệp hay thưa thớt lẻ tẻ, sẽ hiểu chủ nhân trạch huyệt được hưởng vinh hoa phú quý hay nghèo khó bần hàn. Căn cứ phần đầu của Sa sơn đối diện với nhau hay quay lưng lại nhau, sẽ biết chủ nhân huyệt vị là người xử sự thân tình hay bạc bẽo.

Do đó, tại địa khu bình dương, Sa sơn của Thủy Khẩu nếu thuận theo lưu Thủy mà như bay đi xa, thì biểu thị sự rời bỏ quê hương, tha phương cầu thực; nếu nghiêng lệch nhọn nhỏ, đối đầu vào nhau, thì biểu thị sự tranh giành khốc liệt, sát thương tàn tệ; nếu như nanh vuốt mãnh hổ hoặc xiềng gông của phạm nhân, thì biểu thị kiện tụng hình ngục, trừng phạt nặng nề; nếu giống mỹ nhân nâng váy yểu điệu múa may, thì biểu thị nam nữ hẹn hò, thích thú giao hoan...

Cho nên mới nói rằng cư trú ở trong cổng lớn là chính nhân quân tử, mà cư trú ở ngoài cổng lớn là kẻ tiểu nhân thiển cận. Bởi vậy, khi tiến vào trong tìm Thủy Khẩu ở địa khu bình dương, căn cứ vào hình dạng cụ thể của Minh Đường, Thủy Khẩu, thì sẽ hiểu rõ cát hung, họa phúc. Song hình dạng sơn thủy thiên biến vạn hóa, ngôn ngữ chẳng thể miêu tả thấu triệt. Phải là người thông minh đọc một hiểu mười, thì qua sự miêu tả bên trên mới có thể thấu đáo.

downloadsachmienphi.com

TIÊU THỦY QUYẾT

Có Long mạch ắt có Thủy lưu theo cùng. Đại Hà Thủy mênh mông ở bên Long mạch thì biểu thị họa phúc, quý tiện của chủ nhân huyệt vị nhiều đời, mà tiểu Thủy yếu ớt ở bên Long mạch thì biểu thị họa phúc, quý tiện của chủ huyệt vị chỉ ở tuổi thiếu thời.

Hình dạng của Sa sơn cũng biểu thị cát hung họa phúc trong tương lai, nhưng sự ứng nghiệm không mạnh mẽ như Thủy mạch. Hình thái khác nhau của lưu Thủy tất nhiên biểu thị cát hung họa phúc, hơn nữa, lại ứng nghiệm rất nhanh, có khi tức thời. Tính tình của lưu Thủy dễ nhận ra hơn tính tình của Sơn. Do vậy, khi tìm Long mạch, nhất thiết phải quan sát kỹ tình thế của lưu Thủy. Sau khi biết rõ tình thế cụ thể của Thủy mạch, bấy giờ mới chọn huyệt vị.

Quan sát Thủy mạch phải xem xét hình thái cụ thể của nó, xem có cung kính triều nghênh Quan Quý, phúc lộc hay không, có tống tiễn, vòng tránh Suy Vong Bệnh Tật hay không, có hình thành nơi hoài Thai Sinh Trưởng hay không, có tống tiễn vòng tránh Suy Bại Họa Hại không, có yên lành bình tĩnh kết trạch huyệt hay không, có linh hoạt lưu động vươn tới Quan Quý phúc lộc hay không.

Phàm lưu Thủy nương theo Long mạch chủ yếu tất từ Thủy Khẩu rất lớn mà chảy ra. Long mạch vận động nghịch thế, thì Hà Thủy chảy thuận hướng; Hà Thủy chảy nghịch hướng, thì Long mạch sẽ vận động theo thuận hướng. Vận động thuận hướng là Dương tính, vận động nghịch hướng là Âm tính. Dùng bản thân Long mạch mà tiêu tán, thu nạp đại Thủy chảy mạnh đến; dùng phương hướng Hà Thủy mà tiêu tán, thu nạp tiểu Thủy chảy yếu đến. Nếu hướng nội không phù hợp, thì thông qua nội ngoại mà tiêu, nạp Thủy đến. Tại nơi Sinh khí Hưng Vượng phát đạt thì thu nạp, kết tụ Hà Thủy chảy đến, tại nơi Sinh khí suy yếu, bại hoại thì tiêu trừ cho Hà Thủy chảy đi. Được Hà Thủy hai bên uốn lượn đúng pháp độ, quy phạm, mới là thực sự phù hợp.

Một mộ huyệt, nếu có Long mạch dài 8 thước ở phía sau huyệt vị, có lưu Thủy tiêu tán, rơi rớt trong phạm vi vài trượng ở phía

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trước huyệt vị, là được. Nếu lưu Thủy ở bên huyệt không phù hợp pháp độ, quy củ, thì dù địa mạch cát lợi, cũng không được kể là tốt đẹp.

Vì vậy cổ nhân có câu :

"Long mạch đẹp không bằng huyệt vị đẹp, huyệt vị đẹp không bằng hướng của Thủy đẹp".

BÌNH DƯƠNG BÌNH DƯƠNG BIỆN

Địa khu bình dương chủ yếu phân bố tại một dải duyên hải Giang Nam. Sở dĩ gọi là "bình dương", vì nó thừa Thủy mà thiếu Sơn. Sở dĩ gọi là "dương", vì chỗ của nó nằm trong nước. Cho nên phương pháp mai táng ở đây tốt nhất là chôn nông rồi đắp đất lên cao. Văn công tiên sinh thời cổ đại từng nói :

"Địa khu bình dương chỉ có một dải hồ đầm, không thể đào sâu".

Đất vùng hồ đầm, đào xuống một tấc đã thấy nước. Gặp những chủ nhân có huyệt táng ở vùng này đều thấy họ phát đạt nhanh chóng, hơn nữa còn lưu âm đức lâu dài cho đời sau. Người thời nay không chịu quan sát kỹ địa mạo thích hợp, cứ đào khoét sâu xuống, đó là vì ít có người thông minh tài trí. Địa hình địa mạo ở phương Nam khác hẳn địa hình địa mạo ở phương Bắc, địa khu bình dương ở phương Nam cũng khác với địa khu bình dương ở phương Bắc, cho nên càng phải biết phân biệt rõ ràng.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THỦY KIỀM HUYỆT PHÁP ĐẠI TOÀN

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Bổ sung : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Dao thức Phổ Thảo Đình
Ái Thức Ung Khởi Đình

THIÊN TINH ĐỊA LÝ HỢP THUYẾT

Ngẩng lên nhìn bầu trời đêm, thấy các ngôi sao sắp xếp thành các hình dạng khác nhau, nhất định có tinh tú tôn quý nhất nằm ở vị trí then chốt nhất mà thống lĩnh quần tinh. Cúi xuống đại địa, thấy sông núi, ao hồ la liệt, nhất định có sơn thủy đẹp nhất nằm ở vị trí kỳ diệu nhất mà thống lĩnh quần mạch. Bầu trời hình thành nên nhiều tinh tướng, đại địa tất có vô số địa mạo. Nhưng muốn hình thành một hình dạng kỳ diệu tốt đẹp, không thể nói một Long mạch phù hợp với một tinh tú đã đủ để được coi là một nơi hoàn mỹ.

Theo thuyết Thiên tinh (sao trời) đời xưa truyền lại, thì Hợi Long phối hợp với sao Thiên Hoàng biểu thị sự phú quý vô cùng; Nhâm Long phối hợp với sao Thiên Phụ biểu thị phúc lộc cát tường tương đối nhỏ; Tý Long phối hợp với sao Dương Quang, chủ vận khí không hay, yểu tử; Sửu Long phối hợp với sao Thiên Ngưu, chủ dâm tà phóng đãng; Cấn Long phối hợp với sao Dương Khu, chủ tột cùng phú quý; Dần Long phối hợp với sao Thiên Bầu, sau khi phát tài một chút, lập tức suy bại nặng nề; Giáp Long phối hợp với sao Âm Cơ, chủ phát tài một chút, nhưng bị bệnh tật nặng nề; Mão Long phối hợp với sao Dương Hoành, chủ uy danh hiển hách, quyền lực tối cao, khí phách hiên ngang; Ất Long phối hợp với sao Thiên Quan, chủ nhân khẩu ít ỏi, con cháu không vượng; Thìn Long phối hợp với sao Thiên Canh, chủ hung hãn độc ác và xảo trá; Tốn Long phối hợp với sao Dương Toàn, chủ vinh hoa phú quý và thanh cao; Tỵ Long phối hợp với sao Thanh Xà, chủ tính cách khinh bạc, hành vi phóng đãng; Bính Long phối hợp với sao Âm Cử, chủ vinh hoa phú quý, tài sản dư dật; Ngọ Long phối hợp với sao Dương Quyền, chủ bạo phát bạo tàn; Đinh Long phối hợp với sao Nam Cực, chủ khỏe mạnh trường thọ, tài lộc phong phú, vinh hoa; Mùi Long phối hợp với sao Thiên Thường, chủ thanh cao tôn quý; Khôn Long phối hợp với sao Thiên Thành, chủ cô độc một thân; Thân Long phối hợp với sao Thiên Quan, chủ không có sự toàn mỹ; Canh Long phối hợp với sao Thiên Hoàng, chủ uy danh hiển hách, quyền lực tối cao; Dậu Long phối hợp với sao Kim Kê, chủ tài trí hơn người, mưu lược xuất chúng, quý hiển trường thọ; Tân Long phối hợp với sao Âm Toàn, chủ văn chương hoa mỹ, quý hiển trường thọ; Tuất Long phối hợp với sao Thiên Khôi, chủ chết non, bệnh

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tật triền miên; Kiền Long phối hợp với sao Dương Cơ, chủ tàn bạo hung hãn[1].

Bộ sách "Thôi Quan thiên" của họ Lại lý giải về loan đầu (đỉnh dãy núi), Cửu tinh, Lý khí, vượng suy, thường là linh nghiệm. Loan đầu là căn bản, Thôi quan là công dụng. Nếu bỏ thuyết Loan đầu mà chỉ dùng Thiên tinh để xem phong thủy địa lý thì so với việc bỏ gốc tìm ngọn có gì là khác biệt ? Xem chừng không bỏ thuyết Loan đầu mới là thượng sách. Loan đầu trên đại địa kỳ dị đẹp đẽ là toàn mỹ. Nếu phối hợp với Thiên tinh, như Hợi, Cấn, Tốn, Đinh v.v... thì mới hay. Long mạch uốn lượn như hình chữ Chi ....), chữ Huyền (....), phù hợp với cách thức Ngũ tinh, mới khả dĩ kết thành trạch huyệt. Nói thiên thời không bằng địa lợi, hình như là chỉ nhằm vào mấy sao hung sát, tà ác như Thiên Canh, Thiên Khôi, Dương Cơ, Dương Quang..., còn những sao cát lợi, đem lại phú quý như Thiên Hoàng, Âm Toàn, Dương Hoành... sao lại bỏ !

"Thôi Quan thiên" viết :

> "Nếu trong nhà có người đức hạnh cao thượng cư trú, thì đất đá trên đỉnh núi cạnh đó nhất định có linh khí".

Điều này ngụ ý con người hoàn toàn có thể chiến thắng tự nhiên, trung tâm của tự nhiên hoàn toàn tập trung ở thân người là linh khí của vạn vật. "Thôi Quan thiên" còn viết :

> "Nếu không biết cái đạo lý Âm Dương đan xen, trong anh có tôi, trong tôi có anh, thì làm sao biết trong khối lửa cháy đùng đùng có chứa bông hoa sen ?"

Ngụ ý khí Âm với khí Dương tác dụng lẫn nhau có thể làm cho Thiên tinh biến hóa, thay đổi phương vị, cũng có nghĩa sức người rất lớn lao.

Nói đến tinh (sao), là thứ khí tối khinh linh trong trời đất. Thứ khí hình linh ấy dần dần bốc lên mà hình thành Trời. Bầu trời rộng bao la lại phân chia ra các tinh tú, phân bố ở các cung thất, quản lý các loại thiên thần. Tương tự dưới đại địa là triều đình bố trí các quan chức để quản lý khống chế bách tính trong thiên hạ. Do đó, thiên tinh treo lơ lửng trên trời phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu xuống đại địa, thiên tinh phải ứng hợp với địa mạo.

Cái được phối hợp với tinh tú trên trời là gì ? Là Kiền Dương. Ở vị trí cực Bắc trên bầu trời do đó gọi là Bắc cực xuất Dương. Ở vị trí một góc phương Bắc trên bầu trời do đó gọi là Nguyên Dương thuộc Đông; ở vị trí nơi Chấn biến hóa do đó gọi là Dương cơ thuộc phi. Đây là nơi quân tử nuôi ngựa. Lại còn có tên gọi là Thiên Cứu, là tinh tú ở hai bên hộ vệ sao Kiền. Thiên tinh ở vị trí Tuất gọi là Thiên Khôi, Lâu Kim, Cổ Bồn, Thiên Cẩu. Thiên tinh ở bên vị trí Hợi gọi là Tử Vi, Thiên Môn, Thiên Tôn, Thiên Hoàng.

Khôn Âm cư trú ở phương Tây Nam, nên gọi là Âm Huyền. Vị trí Âm cực nên gọi là Lão Âm Vị trí Thái cực gọi là Huyền Qua, cùng phân chia các quốc gia là Nhung, Địch v.v... Có sao Thiên Thành hộ vệ hai bên sao Khôn Âm. Ở vị trí Mùi là các sao Thiên Thường, Thiên Chương, Quỷ Kim, Bao Y. Ở vị trí Thân là các sao Thiên Ngô, Đại Minh, Truyền Tống, Tòa Kỳ. Ở vị trí Ngọ có các sao Hiên, Viên và sao phối hợp với chúng là Thiên Miếu. Ngoài ra, gọi vị trí tinh tú giáng lâm là Thiên Mã, cư ở chính giữa bầu trời mà chiếu sáng rực rỡ là Thái Dương, khi Dương khí mạnh nhất gọi là Dương Quyền, lúc giao thời giữa mặt trăng và mặt trời gọi là Du Hồn.

Quẻ Ly lại có thiên tinh phối hợp với Bính, là các sao Thiên Quý, Thái Vi, Âm Phụ; phối hợp với Đinh là các sao Thiên Trụ, Nam Cực, sao Thọ. Bao quanh phương vị Tý như thành lũy là sao Thiên Lũy. Khi Dương khí đơn thuần quy tụ lại là sao Dương Quang. Khi Âm khí quá vượng, Dương khí dần dần sinh trưởng gọi là Thái Âm. Tinh tú phò tá hai bên vị trí Tý, thiên tinh phối hợp với Nhâm là Thiên Phụ, Thiên Bồng, Hưu Quang, Âm Quyền, thiên tinh phối hợp với Quý là Thiên Hán, Dao Quang, Bắc Đạo. Lấy

(1) Nguyên bản thiếu Quý Long (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sao Phòng làm cơ sở, tạo nên thành bang gọi là sao Thiên Mệnh; lấy nơi Lôi, Chấn thực thi chính trị gọi là A Hương, lấy nơi Cửu tinh thiên không xem quái tượng gọi là Liêm Trinh, lấy thời khắc mà Thái Dương bắt đầu mọc gọi là Dương Hoành.

Trong quẻ Chấn, có thiên tinh phối hợp với Giáp gọi là Thiên Uyển, Thiên Thống, Âm Cơ, phối hợp với Ất là các sao Thiên Quan, Địa Tước, Quan Dậu. Ở phía trên sao Thiếu Vi là sao Thiên Viên, Sao Ngang. Khi Thiếu Dương nhớ Âm gọi là Dương Khải. Các tinh tú phò trợ hai bên phối hợp với Canh gọi là Thiên Hoàng, Thiên Hán, Âm Hoành, Võ Khố, phối hợp với Tân là các sao Thiên Ất, Thiên Nguyên, Văn Khoa, Dương Toàn.

Quẻ Tốn có biệt hiệu là Thái Ất, còn gọi là Dương Toàn hoặc Ngự Nhai. Tinh tú phò tá hai bên có Thiên La, Thiên Cảnh, Đại Giốc, Phàm Kim ở Thìn, Thiên Bình, Thiên Đường, Minh Đường, Xích Xà ở Tỵ.

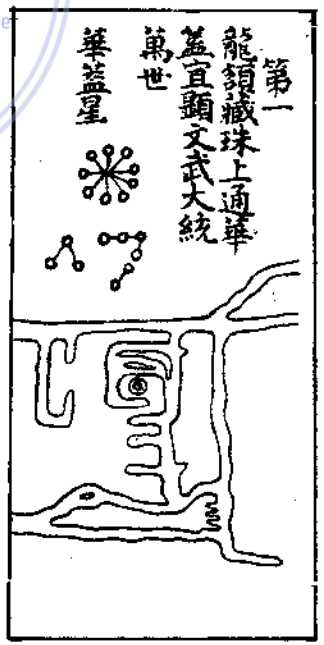
Cung Cấn có biệt hiệu là Thiên Thị hoặc Cơ Xứ, hoặc Thiên Khu. Tinh tú phò tá hai bên cung Cấn có Thiên Trù, Khiên Ngưu, Ngưu Kim Khôi Đấu ở Sửu và Thiên Ngô, Thiên Bội, Công tào, Mộc Xứ ở Dần.

Các tinh tú kể tỉ mỉ các quẻ Kiền, Khôn, Ly, Chấn, Tốn, Cấn nói trên dùng để xác định bát quái, Cửu tinh, 24 cung, 62 Long, Tứ trạch, nhị thập bát tú. Nếu sử dụng thích hợp, sẽ tiêu trừ tai họa và nếu đúng pháp độ, quy luật sẽ được hưởng phúc lộc. Vậy là ánh sáng của thiên tinh chiếu xuống đại địa, địa mạo dưới đại địa hướng lên tiếp nhận. "Đồng Đường vấn đáp"đưa ra vỏn vẹn 36 đồ hình địa lý phong thủy, lời lẽ giản dị, hình ảnh rõ ràng, nhưng ý tứ sâu xa, hướng lên ứng hợp với tinh tú trên trời, hướng xuống ứng hợp với cảnh vật dưới đất, hoàn toàn không thuyết ly hai thuyết Loan đầu và lý khí. Có thể nói "Đồng Đường vấn đáp" quả là tài liệu rất quý cho các nhà địa lý phong thủy sử dụng.

Xem 36 hình vẽ trong "Đồng Đường vấn đáp huyệt pháp".

downloadsachmienphi.com
Tải Sách Miễn Phí | Đọc Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-1 : Long lãnh tàng châu, thượng thông Hoa Cái,
Nghi hiển văn võ, đại thống vạn thế



Triều hỏi :

"Ba mươi sáu đồ hình của Quách Phác khởi đầu bằng hình vẽ trên đầu con rồng lớn đang vùng vẫy có ẩn tàng một viên ngọc. Phía trên là trời xanh, phía dưới là đại địa, mênh mông trống trải không có gì tựa vào nhau, tại sao nói rằng hướng lên ứng hợp với sao Hoa Cái thì nhất định sản sinh bậc trọng thần trong triều đình có tài trị quốc ?"

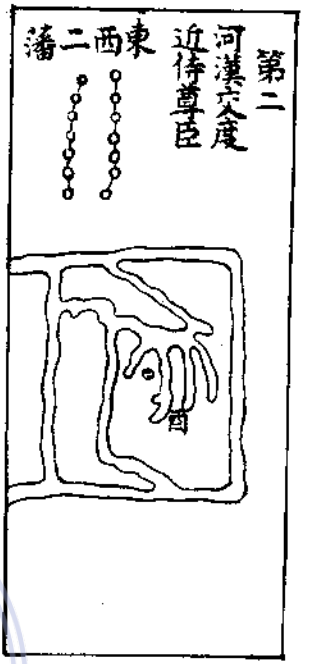
Nguyên đáp :

"Giữa trời và đất tràn đầy chất khí nhẹ và mềm. Nhật, nguyệt, tinh, đẩu, đẩu trên trời, sông, hồ, ao, đầm dưới đất hai khí trời - đất tiếp xúc, hòa trộn vào nhau. Dù là cửu nguyên vô tận vẫn tràn trề khí trời, dù là trên chín tầng trời mênh mông vẫn tràn trề khí đất. Do đó, ai dám bảo là mênh mông trống trải không có gì tựa vào nhau ? Do đó, phần đầu chỉ hướng Thiên Hoàng. Hợi Long từ Cấn chuyển mạch, thì có thể làm cho Chính khí cổng trời tràn trề. Lại hướng về Bính tiếp nhận hai sao Dương Tinh và Văn Giáp chiếu tới. Ngoài ra còn có hai tòa Sa sơn Thanh Long, Bạch Hổ ở hai bên tả hữu phò tá huyệt vị, làm cho khí mạch của sao Hoa Cái hòa hợp, cảm ứng với Long huyệt dưới mặt đất, khiến thứ khí hung sát không thể nổi lên tác oai tác quái, thế là văn võ song toàn, trí dũng có thừa".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-2 : Hà Hán giao độ, cận thị tôn thần



Triều hỏi :

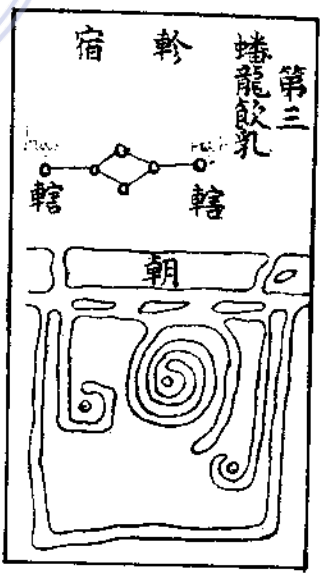
"Hoàng Hà và Hán Thủy bên dưới đan xen vào nhau phức tạp, trên trời có hai sao che chắn. Triều phải dựa vào pháp độ vận hành của Long mạch mà phán đoán, trong khi Long mạch từ sao Thiếu Vi bắt đầu tương khắc. Chuyển đến cung Cấn, Kim nhập Mộc là khắc nhau, là phạm, không hiểu vì sao cuối cùng lại là nơi cát lợi ? Vị trí Ngũ Hành phải làm thế nào mới có thể phát phú quý ?"

Nguyên đáp :

"Phàm Long mạch trên đại địa uốn lượn quanh co là Khí, liên kết che chắn, tụ tập là Thần. Nếu thần khí Long mạch của đại địa song toàn, thì nhất định sản sinh bậc đại quan quý hiển đầy quyền thế. Nay hãy xem trên hình vẽ. Bên trong Khí mạch từ Đoài vào Cấn, bên ngoài Khí mạch từ Ly trở về Khảm, Khí mạch uốn lượn vòng vèo tập kết xung quanh. Thủy Khẩu trong cục được Tú sa trấn giữ, Khí mạch Hà Thủy đã không thể tán loạn. Bình phong màn trướng kiên cố, nổi cao như hai tòa thành lũy. Kim nhập Mộc là xung khắc, là phạm, nhưng triều hướng Hỏa nên Kim bị trấn áp rồi, thành ra như con ngựa đã thuần. Cho nên ở nơi hai sông Hoàng Hà, Hán Thủy giao độ, tất sẽ sinh sản bậc trọng thần trong triều đình phò tá Hoàng đế một cách tận tụy và được hưởng vinh hoa phú quý tột cùng".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-3 : Bàn Long ẩm nhũ



Triều hỏi :

"Long cuộn mình bú sữa, trông như cái lưỡi câu hoặc cái đai cuộn thành nhiều vòng, chính giữa ẩn tàng kín đáo, tất sản sinh loại quan trông coi việc cúng tế; huyệt vị bên cạnh tương đối nông, cũng sản sinh phiêu kỵ tướng quân. Vì sao vậy ?"

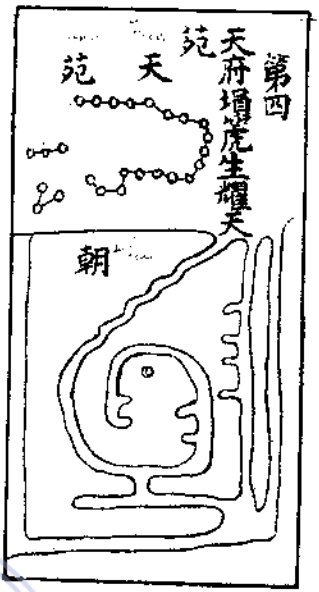
Nguyên đáp :

"Sao Chẩn trải dài đến sao Hạt, tất sản sinh đại quan quyền thế hiển hách, cao quý. Nhưng hình tượng của Hà Thủy bên trong thuộc Dương, bên ngoài thuộc Âm; đức hạnh của tướng quân bề ngoài oai vệ, bên trong thiên lương thuần phác. Nói riêng về Long mạch, Hợi mạch uốn lượn uyển chuyển, yểm hộ thành vòng, tiến vào cung Hợi, Kiền Kim thịnh vượng, biến hóa thành sao Vũ Khúc, không nằm ở chính giữa, mà cư ở hai bên tả hữu, hình tượng như vậy chủ xuất hiện phiêu kỵ tướng quân".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-4 : Thiên Phủ huyền trí sinh diệu Thiên Uyển



Triều hỏi :

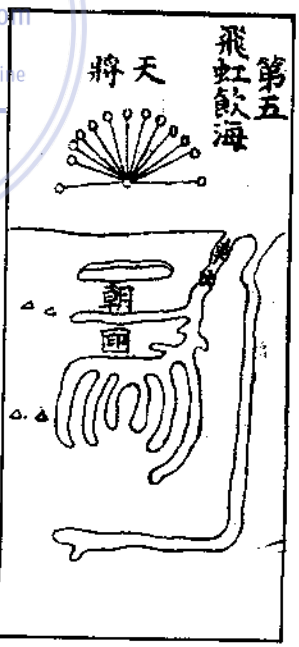
"Đồ hình này từ Lục tú bắt đầu mở Tổ mạch, sau khi uốn lượn vào vị trí Cấn thì tiến vào trong huyệt vị. Bính là hướng cung, Long mạch bắt chước sao Thiên Thị chầu về hướng Thái Vi, Mộc Hỏa tương sinh, quả là hình tượng quý hiếm ! Nếu Long huyệt dưới đất ứng hợp với sao Thiên Uyển, thì chủ nhân ắt sẽ nổi danh trong viện Hàn lâm có phải vậy chăng ?"

Nguyên đáp :

"Cái gọi là Thiên Uyển kỳ thực là ngụ ý như hàng rào tre có tường thành hộ vệ xung quanh. Nhìn trên đồ hình, thấy tinh tú liên đới Kim Thủy, khí Sinh Vượng hòa hợp chuyển hoán với nhau, qua cung Ly mà không tương khắc, chuyển sang hướng Chấn, Cấn thành tương sinh. Minh Đường địa thế rộng rãi bằng phẳng, đúng là cách thật sự quý hiếm".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-5 : Phi Hồng ẩm hải



Triều hỏi :

"Ráng hồng tỏa rộng giữa biển lớn mênh mông, say sưa uống nước, ba nhánh phân ly, ba chỗ tụ hợp, Hà Thủy uốn lượn, bao quanh một vùng xa xa. Lục tú và Tam Hợp là chủ về quan văn, tại sao lại bảo đây là quan võ ?"

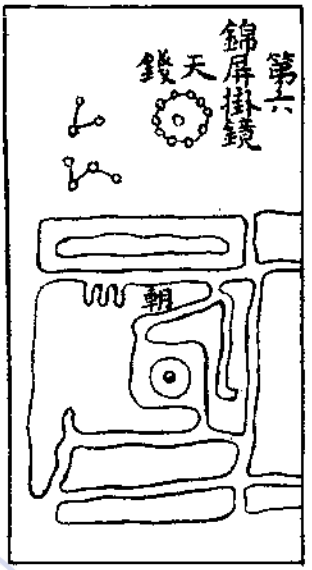
Nguyên đáp :

"Trong Tam Hợp cũng có phân biệt khinh trọng, chủ thứ. Sa sơn bên tả thẳng đứng cao vút mà Sa sơn bên hữu cuộn mình, Sa sơn bên hữu hùng tráng mạnh mẽ mà Sa sơn bên tả mềm yếu vô lực, gọi là Bạch Hổ hơn Thanh Long, là thiên về võ tướng. Hạ hợp tuy rõ ràng, nhưng thượng hợp lại mơ hồ, Âm cũng là trọc, do đó cũng thiên về võ. Hơn nữa Bính Long từ Cấn tiến vào Khảm, từ Dương quay sang Âm, tuy triều hướng vị trí Bính, nhưng đi qua rất nhiều chỗ Âm, nên cũng là võ. Hình dạng hai bên như nha đao chạm nhau, huyệt vị nằm ở giữa, do đó Long huyệt của đại địa hướng thượng, ứng hợp với Thiên tướng, có uy danh chấn động biên cương, vì thế cũng là võ".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-6 : Cẩm bình quải kính



Triều hỏi :

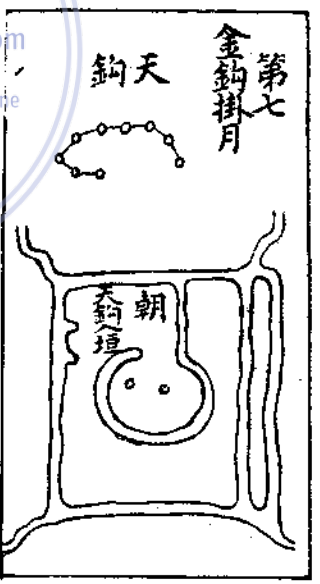
"Long mạch uốn lượn, bao tròn bên trong, Khí mạch uốn lượn nằm ngoằn ngoèo ở mé ngoài, giống như một chiếc gương sáng treo trên tấm bình phong bằng vải cẩm tuyệt đẹp. Quách Phác đời Tấn nói rằng đồ hình như vậy hướng lên ứng hợp với sao Thiên Tiễn, là huyệt vị quý hiếm chủ về cung phi, tại sao ?"

Nguyên đáp :

"Hình tượng Thiên Tiễn giống như chiếc gương tròn trong sáng, thuộc Kim, Âm, do đó ứng hợp địa vị cung phi cao quý. Song huyệt vị này Âm khí rất vượng, sao Văn Khúc tập hợp những điều tốt lành, do đó nam nhân cũng được hưởng phú quý song toàn".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-7 : Kim câu quải nguyệt



Triều hỏi :

"Địa hình giống như chiếc móc câu treo vầng trăng tròn, bên ngoài chỉnh tề mà bên trong hỗn độn, Kim Thổ tương sinh, cố nhiên là Long huyệt quý hiếm. Nhưng theo cách chọn Long mạch, huyệt Kim Thổ đối diện với cung Ly, mà Hỏa khí khắc Kim, làm sao có thể thu được phúc lộc ?"

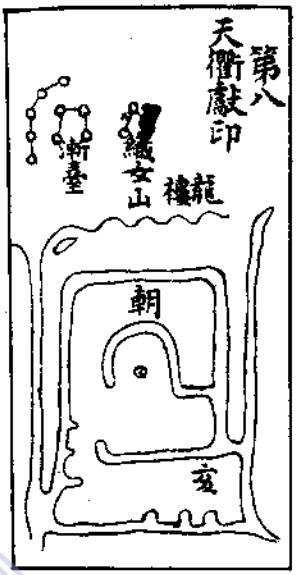
Nguyên đáp :

"Ngũ Hành là Lý, uốn cong là Hình. Lý là dựa vào Khí, mà Khí bị giới hạn trong Hình. Lý, Khí, Hình cả ba thứ đều đầy đủ, ắt là Kim huyệt hoàn toàn cát lợi. Nhưng người bình thường không biết rằng Thổ nặng dọng lại mà Kim thì cứng, không có Hỏa làm sao hài hòa. Hỏa sinh Thổ, Thổ lại sinh Kim, Thổ ứng hợp với Thiên Câu, tất sẽ sinh đại phú đại quý, sao còn hồ nghi !"

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-8 : Thiên Cù hiến ấn



Triều hỏi :

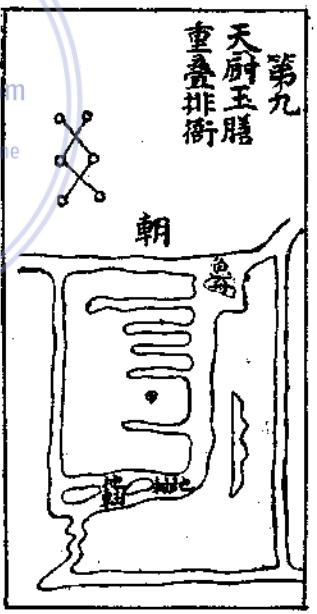
"Trên địa đồ này, từ vị trí Thiên Hoàng bắt đầu Tổ sơn, uốn cong tiến vào cung Hợi, sau đó lại thừa hưởng khí của Thiên Hoàng mà uốn vòng bao quanh thân thể, có hai sao Quan Diệu ở hai bên, dĩ nhiên là Long huyệt quý hiếm, có phải là phù hợp với đạo lý Sinh Vượng hay không ?".

Nguyên đáp :

"Hợi Long nhờ cậy Hợi Thủy là Khí mạch Sinh vượng, lưu Thủy đi qua chỗ sinh vượng tràn trề tất muốn tích dồn lại. Đó là cái lý Ngũ Hành sinh khắc. Hà Thủy mé ngoài uốn lượn quanh quẩn như muốn hoàn lưu, ẩn tàng, chứ không tán thoát, đây đích xác là Long huyệt quý hiếm. Hướng thượng ứng hợp với chòm sao Tiệm Đài (gồm 4 sao), có deo ấn soái, được phong vương hầu, Âm Dương điều hòa".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-9 : Thiên Trù ngọc thiện, Trùng điệp bài ba



Triều hỏi :

"Trên đồ hình Thiên Trù ngọc thiện, bên ngoài vuông vức mà bên trong hỗn độn ngoằn ngoèo, Án sơn phía trước gồng như cái chảo trong nhà bếp, các loại Sa sơn trùng trùng điệp điệp, địa huyệt này chính hợp với Thiên quan và Địa ngục, là cực kỳ quý hiếm. Tại sao Quách Phác đời Tấn dựa vào hình dạng cái nồi, cái chảo mà kiến tạo huyệt vị ?"

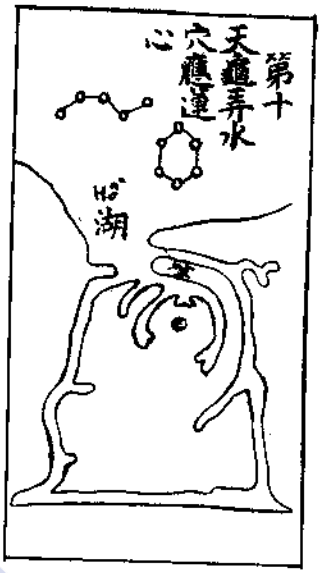
Nguyên đáp :

"Hình thái Ngũ tinh hợp với cách cục, cũng không có gì trái với lý thuyết. Nếu không quan sát kỹ để chọn cách cục chuẩn xác, thì tốt nhất hãy cúi đầu suy xét, nên kiến tạo huyệt vị ở chỗ nào đây !"

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-10 : Thiên quy lộng thủy, Huyệt ứng liên tâm



Triều hỏi :

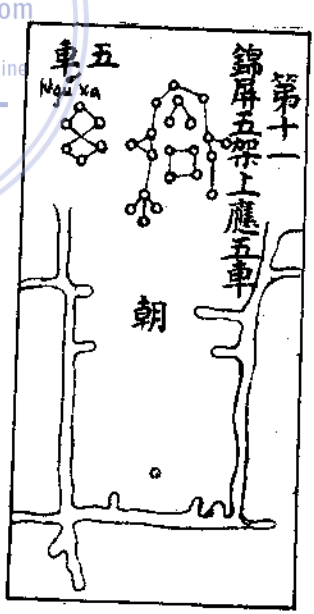
"Hà Thủy từ Tam Dương chảy ra, uốn lượn chảy vào trong Minh Đường; mà Long mạch ở đây nghịch với Thủy thế, hai khí thuận nghịch hội hợp với nhau, Sa sơn ở hai bên tùy tòng, Long mạch dằng sau uốn quanh hộ vệ, đây là địa vực phú quý song toàn. Nhưng Quách Phác đời Tấn chỉ bảo nó đem lại giàu sang, chứ không đồng thời mang tới vinh hoa quý hiển là vì sao ?"

Nguyên đáp :

"Pháp độ hướng chảy của Hà Thủy tuy chủ yếu dựa vào hình thái uốn lượn mà xác lập trạch huyệt, nhưng cũng có thể xem hình dạng của mạch đến chỗ huyệt. Long mạch thổ lậu nhập thủ, gọi là Âm kim, nếu gặp Đinh Hỏa triều nghênh, thì vinh hoa quý hiển càng tăng thêm, chẳng lẽ không ? Cung Sửu vốn không có Đinh Hỏa, Bính Hỏa, chỉ có Thọ cố, Quách Phác đoán rằng nó chủ về giàu có, nhưng không nên câu nệ vào điều đó".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-11 : Cẩm bình ngũ giá, Thượng ứng ngũ xa



Triều hỏi :

"Trên hình này có hộ vệ vây quanh, có khí mạch lưu chuyển, cũng có Quỷ Diệu tương hợp, Sa sơn tiến vào như hộ vệ, tứ phía vây bọc như bình phong và giá gỗ, hướng thượng ứng hợp phù ngũ xa, cố nhiên là Long huyệt quý hiếm. Nhưng Long mạch chạy đến thế nào ?"

Nguyên đáp :

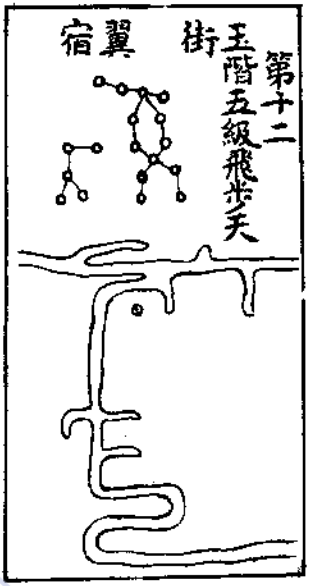
"Ly với Khảm khắc nhau, nhưng nếu bám sát Tý Ngọ lấy cung Ất, Thổ khí ức chế nó thì không sợ họa hại. Vì Khảm Thủy ở phía sau chảy không ngừng, ánh sáng Văn tinh chiếu rọi lấp lánh như hình tượng ngũ xa, chủ vinh hoa quý hiển của bậc học sĩ hàn lâm. Nhưng Hỏa của Ly hư phù, khí dễ tiêu tán, nên tuy phú quý song toàn mà khó duy trì được lâu".

Khí mạch phía trên cung Ất cuối cùng thuộc về hành nào trong Ngũ Hành, phải quan sát cho kỹ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-12 : Ngọc giai ngũ cấp phi bộ thiên nhai



Triều hỏi :

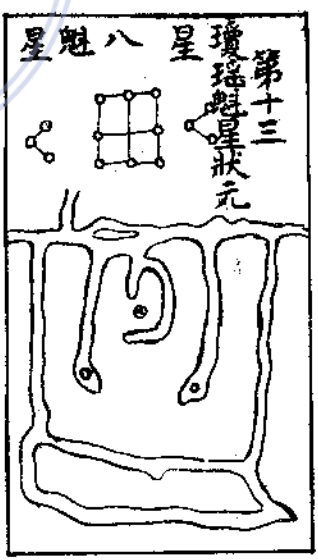
"Năm bậc thềm ngọc là nơi cư trú của sao Tốn. Huyệt vị nơi đây tiếp nhận khí Sinh Vượng, khí bốc lên thiên nhai mạnh mẽ là vì sao ?"

Nguyên đáp :

"Nói thềm ngọc là chỉ phần hộ vệ phía sau huyệt vị. Khí của Long mạch ở phía sau thịnh vượng tràn trề, Hà Thủy uốn lượn, Sa sơn minh tịnh (sáng sủa không gợn) thuần mỹ, Sa sơn bên tả uốn vòng lại, Sa sơn bên hữu cũng vậy. Khí lưu giao hội, Long mạch hội tụ, vừa ẩn tàng vừa muốn lóe sáng, vừa yên tĩnh vừa muốn bay lên, khí thế của nó như muốn bay lên trời mây. Nếu mai táng ắt nhận được khí Sinh Vượng, lấy thiềm dực (cánh ve) làm giới hạn, thì con cháu sẽ được may mắn, thanh vân đắc lộ, có thể làm đại quan phụ trách việc lễ nhạc của quốc gia".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-13 : Viện dao khôi tinh trang nguyên tinh



Triều hỏi :

"Huyệt vị này bên trong rất chỉnh tề là Cự Môn Thổ tinh. Tịch Mạo phát sinh ở phía sau, mà Thiên Phương phát sinh tại đằng trước Án sơn, nên bảo đó là huyệt vị quý hiếm. Nhưng không biết có hợp với phương vị Ngũ Hành hay không ?"

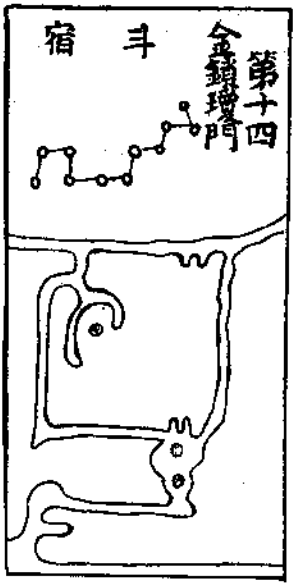
Nguyên đáp :

"Cự Môn Thổ, lại thấy Tịch Mạo Thổ thanh tú kỳ diệu, Thiên Phương Kim tinh cũng là do Thổ sinh thành. Cự Môn, Tịch Mạo, Thiên Phương đều là tướng phú quý. Pháp độ vận hành của Long mạch tức thị Hổ sa quá trọc, chỉ là quan võ. Huyệt vị này hậu cung đới Mộc, từ cung Dần xuyên qua Sinh mạch tiến vào huyệt vị, Mộc quá vượng ắt sinh Hỏa, Thổ tiếp nhận Sinh khí. Đại khái Thổ quá nặng kỵ làm thương tổn Tốn Thủy, lại thích lưu Thủy hướng cung thanh tú chế áp nó, tự nhiên làm cho Văn Khúc thịnh vượng. Tóm lại, huyệt vị này văn võ song toàn, hướng thượng ứng hợp với chòm sao Khôi (gồm 8 ngôi sao), chủ sản sinh nhân vật có quyền lực trọng yếu".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-14 : Kim tỏa quỳnh môn



Triều hỏi :

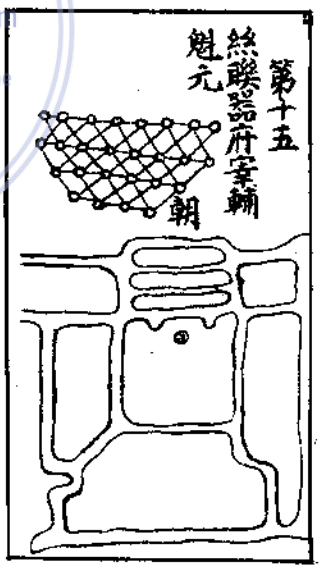
"Đồ hình Kim tỏa quỳnh môn, hướng thượng ứng hợp với sao Đẩu, Địa trục được khóa kín, cố nhiên là huyệt vị quý hiếm. Nhưng chọn khúc trì, không biết hình thái mạch đến, Ngũ Hành phải nhờ cậy vào sinh khí vượng ở phương vị nào mới là cát lợi ?"

Nguyên đáp :

"Nếu Hà Thủy theo Sa sơn mà chảy đi, thì sẽ không còn khí Sinh Vượng đọng lại. Nhưng Long mạch Sa sơn ở nơi này nghịch hướng với Hà Thủy, sinh khí bên trên đã tụ hội tập kết ở trong huyệt vị, Thủy Khẩu lại có hai tòa trục sơn trấn giữ, gọi là Kim tỏa quỳnh môn. Bên tả là Thủy, bên hữu là Kim, Cấn Long nhờ Hỏa thế, sẽ không khắc phạm, còn phải xem phương vị gì nữa !"

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-15 : Tỳ liên khí phủ tế phố khối nguyên



Triều hỏi :

"Long mạch có được khí Sinh Vượng mới là Sinh huyệt, có sinh khí mới là huyệt vị cát lợi. Nhìn đồ hình này, thấy Thổ tú vây bọc từ phía, như cánh ve che chắn trung tâm ngọc đường. Quách Phác đời Tấn nói đó là các dụng cụ trong phủ quan văn là vì sao ?"

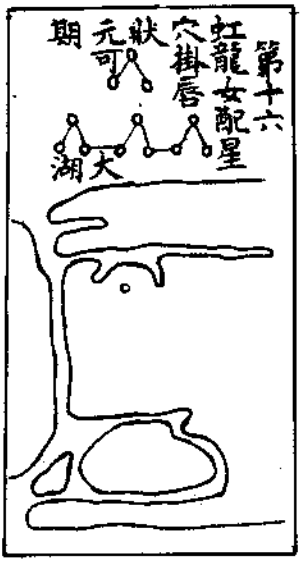
Nguyên đáp :

"Ba tòa Án sơn thanh tú đẹp đẽ và ba dòng Hà Thủy trong vắt uốn lượn tụ hội trong Đường cục, mà Canh, Tân đến chỗ Đường cục lại vây bọc, tạo nên một địa vực rộng rãi. Huyệt vị như vậy ắt sản sinh Tể tướng hoặc Trạng nguyên uy danh lừng lẫy, quý hiển tột cùng".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-16 : Hồng Long nữ phối, tinh huyệt thần quái, trạng nguyên khả kỳ



Triều hỏi :

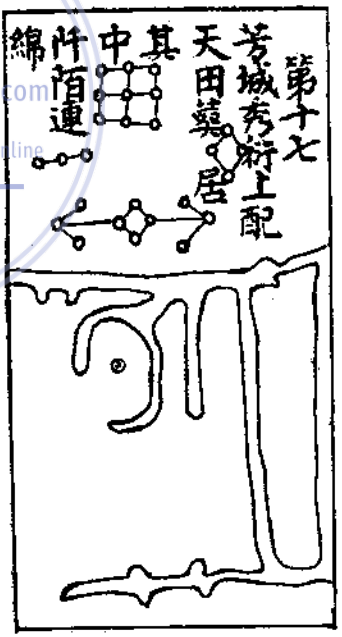
"Nếu Long mạch mềm mại uốn quanh, đúng như tường thành che kín, tất chủ phú quý song toàn, sao còn đoán là có thể xuất hiện nhân tài kiệt xuất ?"

Nguyên đáp :

"Long mạch ẩn mình kín, như con vật ngủ đông, hạ bộ thuộc Âm, giao phối với nữ Thủy. Nếu Long mạch ẩn kín, thì Khí thuần tinh, thanh tân. Nếu Diệu tinh thuộc Âm, thì Khí thu lại hàm ẩn không lộ. Nếu đúng như vậy, sẽ sản sinh ẩn sĩ cao quý, kỳ tài. Đợi khi đến Dần, Mão khí Dương sôi động, Tốn, Bính, Đinh chiếu khắp môn hộ của Long mạch, ắt sẽ sản sinh nhân tài kiệt xuất".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-17 : Phương thành tú diễn, thượng phối thiên điền, Tàng cư kỳ trung, thiên mạch liên miên



Triều hỏi :

"Thành trấn đẹp đẽ, bình địa kỳ diệu, Án sơn thuộc Mộc mà huyệt vị thuộc Thổ, hai can đó khắc phạm nhau, tại sao bảo là cát lợi ?"

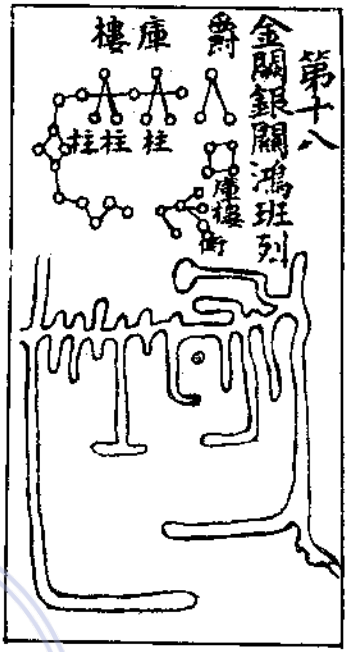
Nguyên đáp :

"Nếu Thổ quá nặng, thì Kim sẽ sinh thành, có gì là nghịch phản ? Nếu Mộc có Thủy, thì đó là Mộc sống. Nếu Kim có Thổ, thì là Kim Vượng. Sinh Vượng thì nảy mầm sinh trưởng, tụ kết. Đã tụ kết, chẳng lẽ không dày phúc lộc ? Thậm chí còn có thể vinh hoa quý hiển tột cùng là đằng khác".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-18 : Kim quan Ngân quan, hồng ban liệt tước



Triều hỏi :

"Mộc giống như chiếc kìm sắt mở, răng nhỏ lớn chờm, huyệt vị nằm ở chính giữa, đây là Khí mạch Kim quan và Ngân quan cực kỳ quý hiếm. Nhưng lại bảo địa hình như vậy hướng thượng ứng hợp với sao Khố, Lâu là có ý gì ?"

Nguyên đáp :

"Sao Khố, Lâu là chỉ hai chòm sao gồm 10 ngôi, trong đó chòm có 6 ngôi tương đối lớn là Khố, chòm ở mặt Nam có 4 ngôi tương đối nhỏ là Lâu. Sao Lâu nằm ở góc bên, là kho cất giữ binh khí, chủ sản sinh bậc đại quan quý hiển nắm quyền cai quản việc quân sự của cả nước. Sao Khố giống như một khối bích ngọc, có 15 ngôi sao thuộc chòm sao Trụ vây quanh chiếu rọi, do đó địa thế này cũng chủ sản sinh bậc đại quan hiển quý với nhiều tước vị cao cả".

downloadsachmienphi.com

Hình 2-19 : Ngọc luyện Kình thiên, thượng ứng Văn Khúc, Huyệt nghi Tiễn tài, quý tác tể phổ



Triều hỏi :

"Hà Thủy uốn lượn ngoằn ngoèo là cách cục cát tường của Long mạch. Nay nhìn đồ hình này, thấy Hợi Long rót vào huyệt vị, Tốn Long triều nghênh mà tới. Hà Thủy uốn lượn vòng vèo, tất nhiên Sa sơn cũng uốn lượn vòng vèo, huyệt vị như vậy tất sản sinh đại quan quý hiển. Tại sao còn nói nếu kiến tạo trạch huyệt còn phải tiến hành phán đoán nữa ?"

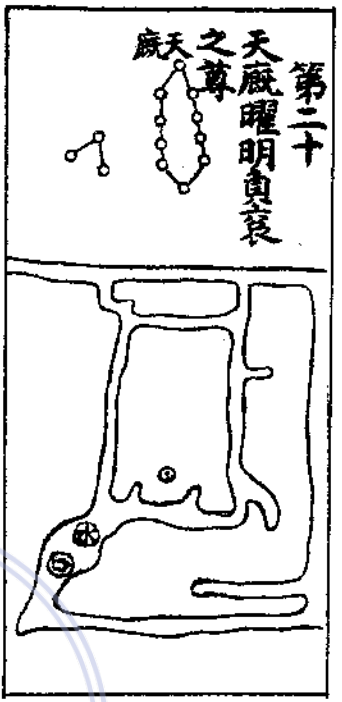
Nguyên đáp :

"Chỉ thấy Hà Thủy uốn lượn vòng vèo, chứ chưa thấy sự hung sát tà ác của Hà Thủy. Nói Ngọc luyện là chỉ Kim Thủy, nói Tiễn tài là chỉ Kim tinh. Trước hết phải có Kim Thủy, mới có được Kim huyệt thanh tú kỳ diệu. Kim Thủy thanh bạch (trong sáng), hình thái sao Văn Khúc tiếp đó tiến vào Hợi, thì Kim Thủy cực vượng. Nhưng Hà Thủy quá vượng ắt hàn khí gia tăng. Nếu từ Ly, Tốn, Bính, Đinh chảy đến, trải qua phương Hỏa sẽ trở nên ấm áp. Điều này chủ phú quý vinh hoa. Nếu chỉ chú tâm đến hình thái của Hà Thủy như chữ Chi, chữ Huyền, mà không phân biệt kỹ Ngũ Hành Sinh Vượng, thì kiến thức còn quá sơ sài".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-20 : Thiên Cửu diệu minh, phụ y chi tôn



Triều hỏi :

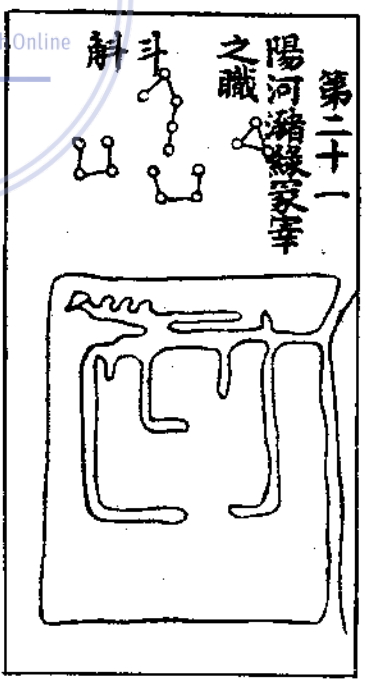
"Mạch của đại địa rộng lớn, khí thế hùng vĩ. Không rõ nơi này có gì cát lợi mà bảo là tối tôn quý ?"

Nguyên đáp :

"Hai dòng Hà Thủy từ phía Nam chảy tới uốn lượn vòng vèo, cuối cùng hợp vào nhau. Thư Hùng giao hợp, Thủy Khẩu được che kín, Sinh khí hội tụ, không bị tán thoát. Long mạch bình ổn, không gấp gáp, hình thế rộng rãi không chật hẹp, tinh tú ứng hợp chứ không khắc phạm nhau, khí thế hùng vĩ, sinh khí tràn trề, do đó đây là đất vô cùng cát lợi".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-21 : Dương hà trư lục, chủng tể chi thức



Triều hỏi :

"Quách Phác đời Tấn vẽ các bản đồ địa lý phong thủy, chuyên giải thích Chân khí Ngũ Hành. Căn cứ thế của Long mà lý giải tình của mạch, căn cứ tình của mạch lý giải trạng huống của huyệt, căn cứ trạng huống của huyệt mà lý giải phương vị, cuối cùng căn cứ phương vị lý giải phương hướng. Nay nhìn đồ hình này, Cấn Long Hợi mạch, Tốn Thủy triều nghênh viên cục, dù là cát lợi, nhưng vị tất đã là thượng cách ? Vì sao nói do hướng thượng ứng hợp với sao Đẩu Hộc, thì sẽ sản sinh chủng tể tôn quý ?"

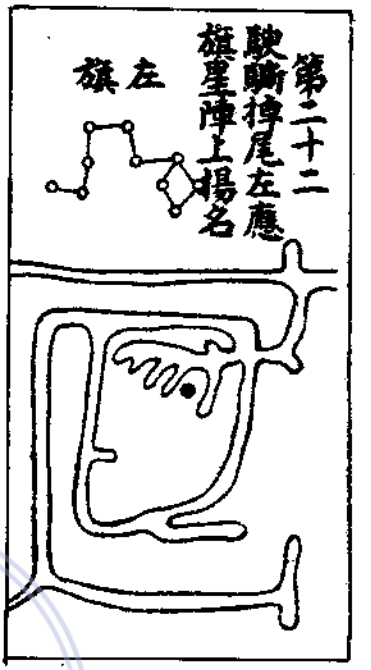
Nguyên đáp :

"Ngũ Hành tương Sinh tương Khắc tùy ở chỗ này. Nếu hiển lộ đột xuất thì không thể quý hiển, mà ẩn tàng kín đáo, ngoài vụng về trong tinh xảo mới là kỳ diệu. Ở đây Tốn Thủy có được Dương khí thịnh vượng, dựa vào tinh khí nhật nguyệt sinh vượng, uốn lượn vòng vèo mà đến, do đó được coi là đắc thượng Dương hà trư lục. Minh Đường hoàn chỉnh kiên cố, hạ sa khúc chiết yểm hộ, khí thế Long mạch hùng vĩ, lại chọn Thiên Hoàng nhập huyệt, chín ngôi sao Đẩu Hộc chiếu rọi hướng Đông Nam, ắt sản sinh đại quan quý hiển".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-22 : Quỷ kỳ trác vĩ, tả ứng kỳ tinh, trận thượng dương danh



Triều hỏi :

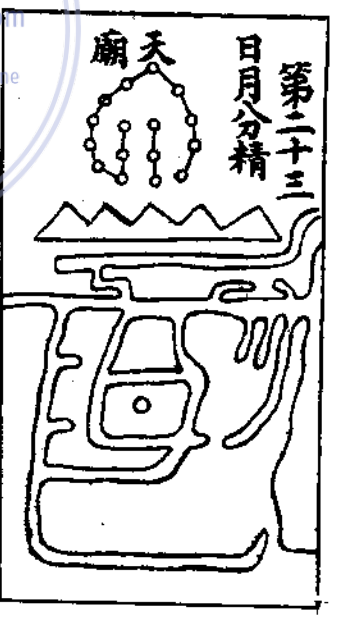
"Long mạch của đại địa phóng túng như đuôi ngựa đang phi, có được Cấn mạch phương Đông, tiến vào vị trí Hợi, hình thành huyệt vị, Âm Toàn Thủy chảy đến và kéo dài. "Thôi Quan thiên" viết : *Nếu Hà Thủy phương Tây chảy tới, đất châu ngọc sẽ đổn về, sinh con gái tươi đẹp như hoa, thông minh lanh lợi. Nếu huyệt vị dựa vào mạch Hùng Thái Ất phương Đông Nam, Hà Thủy chảy tới, Sa sơn thanh tú, thì chủ nhân sớm làm đại quan trong triều đình*". Phán đoán như vậy có phù hợp thực tế chăng ?"

Nguyên đáp :

"Thôi Quan thiên" vốn dựa vào lý luận của Quách Phác đời Tấn, căn cứ Ngũ Hành Sinh Khắc. Nếu Tân Thủy triều hướng Đường cục, thì khí Âm nhu dày đặc, do đó sẽ sinh con gái xinh đẹp thông minh hoặc sớm được thăng quan tiến chức. Điều vừa nói cũng tương tự chòm Tả Kỳ thanh tú và Vũ Khúc hiền hòa mỹ lệ có gì sai lạc và khác biệt đâu !"

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-23 : Nhật nguyệt phân tinh



Triều hỏi :

"Nhật nguyệt có tinh khí riêng phân thành hai miếu Âm Dương, nên gọi là Thiên miếu. Nhưng còn Táng Dương Ngự Âm là cách thức gì ?"

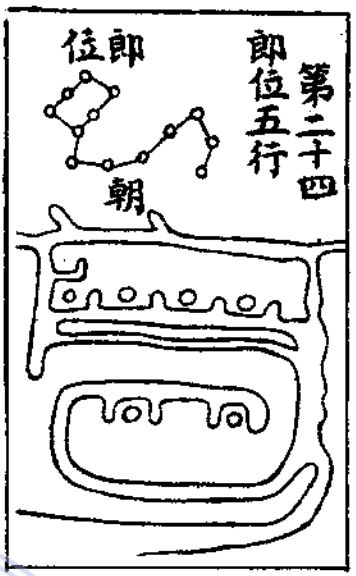
Nguyên đáp :

"Nói Táng Dương tức là chầu về hướng Tốn Ly, nói Ngự Âm tức là chúng thủy theo cùng. Cách Táng Dương Ngự Âm chủ về nam nữ đều vinh hoa, phú quý song toàn, làm hoàng phi hoặc thị sứ có vị trí trọng yếu bên cạnh Hoàng đế".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-24 : Lang Vị Ngũ Hành



Triều hỏi :

"Năm mươi tinh tú chòm Lang Vị quần tụ mà chiếu rọi một khoảng trời, Sinh khí mạnh mẽ lưu động, không biết có phù hợp với Ngũ Hành hay chăng ?"

Nguyên đáp :

"Giữa trời đất bao la chỉ có Sinh khí Ngũ Hành chuyển động đan xen nhau. Sinh khí dày đặc ở bên trong, mà sắc trạch bao trùm bên ngoài. Sinh khí mà sắc trạch của Ngũ Hành có độ thịnh suy khác nhau, do đó mà khác nhau về sự cát tường và hung sát. Không thể tìm ra ngoài cái lý thịnh suy của Ngũ Hành".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-25 : Thần Quy thập cáp



Triều hỏi :

"Quách Phác đời Tấn nói rằng một Long huyệt có hình dạng như rùa thần bắt ngao sò một cách khéo léo, sao Lục Giáp trên trời rọi sáng lung linh, thì huyệt vị nằm ở phần thân tròn mập của rùa. Không biết nên chọn Âm Dương của Long huyệt như thế nào ?"

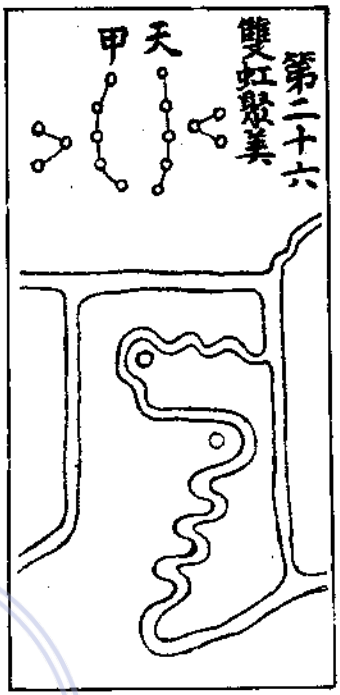
Nguyên đáp :

"Phàm thấy khí Dương dồn về phương vị Ly, Tốn, Bính, Đinh, thì hay nhất là hình dạng Kim, Mộc mà tối kỵ hình dạng Hỏa, Thổ. Nếu thấy một Long huyệt, Địa huyệt giống như rùa đen bơi về hướng Nam, thì phải quan sát kỹ Ngũ Hành là tinh Thủy gì. Nếu là dạng Hỏa, Thổ, thì khí của nó quá khô nóng, không thể mai táng, vì Hỏa, Thổ ở phương Nam quá nặng nề. Nếu nhị Thủy Kim Mộc chảy đến, thì rùa thần tung tăng bơi lội, hai khí Âm Dương ứng hợp với sao Lục Giáp trên trời, mai táng ở phần đầu và thân con rùa đều tốt. Nếu Hà Thủy từ cung Khôn ở Tây Nam chảy đến, cũng rất hợp với rùa thần".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-26 : Song hồng tụ mỹ



Triều hỏi :

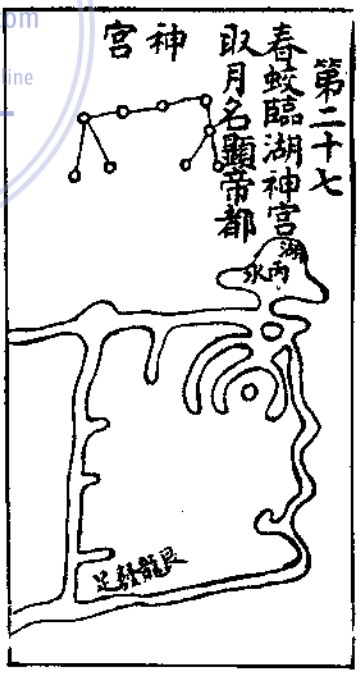
"Nếu cung Cấn có hai Long mạch chạy tới, vị trí Canh có một dòng Hà Thủy, thì phân biệt hai huyệt vị Âm lai hoặc Dương lai. Giống như hai sao Thái Vị, Thần Khẩu chia nhau cư hai bên tả hữu, chấp chưởng pháp độ. Không biết Long huyệt này có liên quan đến Ngũ Hành Âm Dương Sinh Vượng hay chăng ?"

Nguyên đáp :

"Long huyệt trên đại địa thiên biến vạn hóa, thôi thì dù muôn hình ngàn trạng, ta chỉ cần nắm vững điểm mấu chốt của đạo lý. Sinh khí trong Ngũ Hành có vượng có suy, Khí tức trong Ngũ Hành cũng vậy. Trên đồ hình này, Sa sơn vây bọc bên trong, Hà Thủy uốn lượn một bên, khí Dương cương sung mãn, tụ hội, quả là cách kỳ diệu. Khi Long mạch từ cung Cấn chạy tới, đến Dần thì ngưng, Hỏa trọng ắt Thổ sinh, sinh sinh bất tận, trong đó hình thế giống như hai vị trí trọng yếu nắm giữ quyền bính".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-27 : Xuân giao lâm hồ, Thần Cung thủ nguyệt, danh hiển đế đô



Triều hỏi :

"Một huyệt Thần Cung, hai Thủy Cấn Long phối hợp với nhau, có thể phú quý vinh hiển. "Cảnh Thuần ngoại truyện" viết rằng huyệt vị như thế chủ con cháu hưng vượng, tôn quý. Vì sao vậy ?"

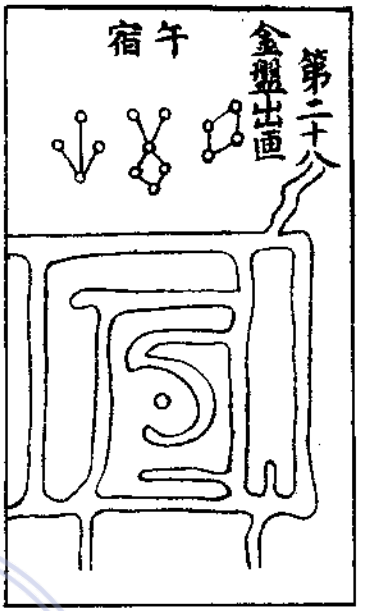
Nguyên đáp :

"Chòm sao Thần Cung gồm 9 ngôi, chủ gia tộc hưng vượng, con cháu đầy nhà. Long mạch phối hợp với Hà Thủy. Âm Dương hòa hợp, vợ chồng đề huề. Huyệt vị này Sinh khí sung mãn, lưu động không dừng, gọi là Xuân giao thủy nguyệt, chủ con cháu đông đúc, phú quý vinh hoa".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-28 : Kim Bàn xuất hạp



Triều hỏi :

"Trên đồ hình này, bên ngoài tề chỉnh, nhưng bên trong lộn xộn. Hợi Long Cấn hướng Đinh vị, Quý có khí tức Thổ trọng Kim sinh".

Nguyên đáp :

"Hỏa là ánh sáng của Kim tinh, dễ trở thành cao quan quý hiển. Hướng Quý Thủy tức là con của Kim tinh, kiến lập huyệt vị là rất thích hợp. Giới hạn phân minh, bao bọc kín đáo, Sa sơn vây bọc đâu ra đó, quả là hoàn mỹ. Nếu mai táng đúng phép tắc, huyệt vị này càng tăng bội phần phú quý vinh hoa".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-29 : Kim Bàn ngọc lạp



Triều hỏi :

"Trên đồ hình thoát mạch chuyển Hợi Kim thừa Thủy, hướng cung Nam Ly Hỏa khắc Kim. Kim Hỏa khắc nhau, Thủy thần áp chế. Đây là con cứu trợ mẹ, là huyệt vị cát lợi. Hướng thượng ứng hợp với sao Thiên Khuân là có ý nghĩa gì ?"

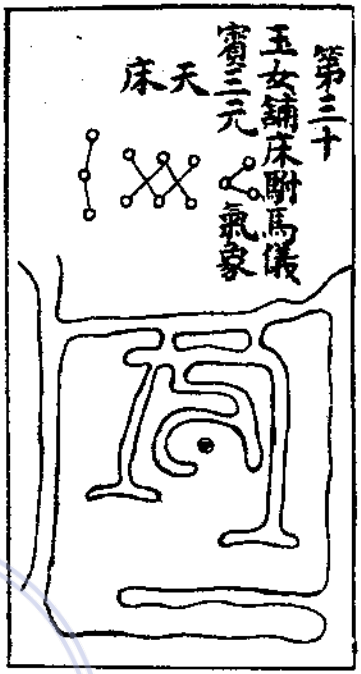
Nguyên đáp :

"Chòm Thiên Khuân gồm 30 ngôi sao, giống như kho lẫm. Thiên Khuân là đụn thóc của trời, ngụ ý tích tụ. Nội khí sung mãn, ngoại khí vây bọc".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-30 : Ngọc Nữ phổ sàng, Phò mã nghi tân, tam nguyên khí tượng



Triều hỏi :

"Cách Ngọc Nữ trải giường, chủ sản sinh Phò mã hoặc nhân vật kiệt xuất, có phải ý vậy không ?"

Nguyên đáp :

"Ở đây toàn là Thổ tinh, Mộc tinh, cực kỳ thịnh vượng nên có được Thủy tinh. Ba ngôi sao ở cung Ly phương Nam, địa thế tứ phía bằng phẳng, ba ngôi sao sắp hàng có thứ tự, sự cát tường là rõ ràng. Chấn là trưởng nam, khởi tổ chuyển Cấn, gặp Thổ sinh cơ hưng vượng, có phúc lộc mà tiến vào huyệt vị, hướng về cung Ly, Mộc tinh trùng điệp xuất hiện, biến thành Hỏa quang chói lọi. Ở đây Long mạch ứng hợp với sao Ngọc Nữ, là huyệt vị sản sinh Phò mã hoặc chức vị cao sang. Nếu trong huyệt vị có khí Kim vận hành, phá vỡ cục Mộc, thì sẽ biến thành cách bần tiện, khốn cùng. Cho nên phải cẩn thận lựa chọn".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-31 : Tú mạc ngân bình, Thiên Hỗn ngoại câu



Triều hỏi :

"Bảy ngôi sao chòm Thiên Hỗn nằm ở bên góc trời phía Nam. Vì sao Thiên Hỗn hướng xuống ứng hợp với bình phong và trướng màn hoa lệ là huyệt vị quý hiếm ?"

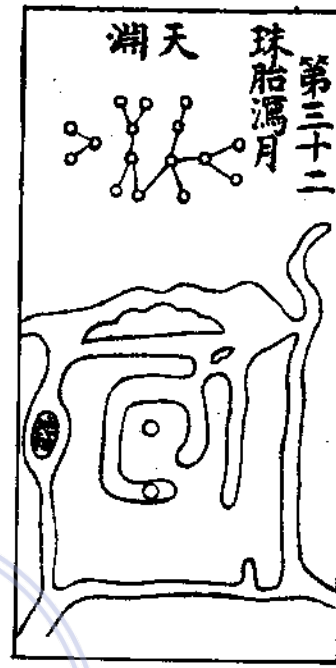
Nguyên đáp :

"Sinh khí trong trời đất tụ thành khối như một thân thể con người trọn vẹn. Các dạng huyệt vị thông thương tụ hợp với nhau, bởi vì Địa khí thông thương với nhau, hàm chứa vạn vật. Hình tượng trên đồ hình này giống như Thiên Hỗn, tương giao với trướng màn, bình phong, trọn vẹn như thân thể con người".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-32 : Châu thai tả nguyệt



Triều hỏi :

"Đồ hình Châu thai tả nguyệt hướng thượng ứng hợp với Thiên Uyên là có nghĩa gì ?"

Nguyên đáp :

"Thiên Uyên ngụ ý bổ trời hàm ẩn châu báu, là nơi trăng sáng mọc lên. Đây là Âm mạch Dương huyệt. Tinh khí của Kim Thủy, Án sơn phía trước như chiếc hộp ngọc, phía sau có Quỳnh phầm che chở, nên nói là ứng hợp với Thiên Uyên mà thành hình tượng Châu thai tả nguyệt. Cách mai táng là ở gần nền ngọc tròn, châu về phía mặt trăng, ứng hợp với Tam Giang, thì sẽ được hưởng lộc vua, vinh hoa phú quý vô tận".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-33 : Bình sa lạc nhạn, điệp điệp trùng trùng, huyệt chiếm vũ lâm



Triều hỏi :

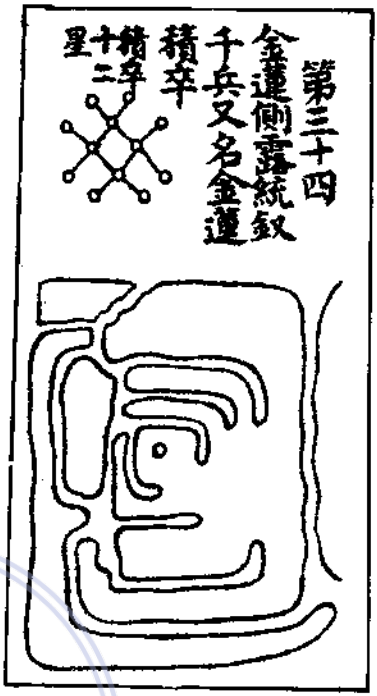
"Quách Phác nói ngàn lời, kỳ thực đều quy về tinh tú Ngũ Hành, phương vị Ngũ Hành. Lấy tương Sinh tương Khắc làm chính, lấy Thiên tinh là tương. Luận giải của Quách Phác quả lý giải đến tinh vi ảo diệu phương pháp cấu tạo Long mạch. Quách Phác nói rằng Nhạc lạc bình sa này là Kim tinh. Kim tinh thường ở phía Bắc hoặc phía Tây, là chính vị. Khí mạch Kim Thủy tiến vào huyệt vị là tiếp nhận khí Sinh Vượng. Hướng thượng ứng hợp với vô số tinh tú kề vai nhau. Đoài Thủy triều nghênh, cũng là lưu Thủy sung mãn sinh khí. Kim vượng ắt làm Võ, Văn Khuê do đó sẽ sinh thành. Vậy là có hình tượng Văn Khúc, Vũ Khúc. Lý giải như thế có sai hay không ?"

Nguyên đáp :

"Không hề sai !"

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



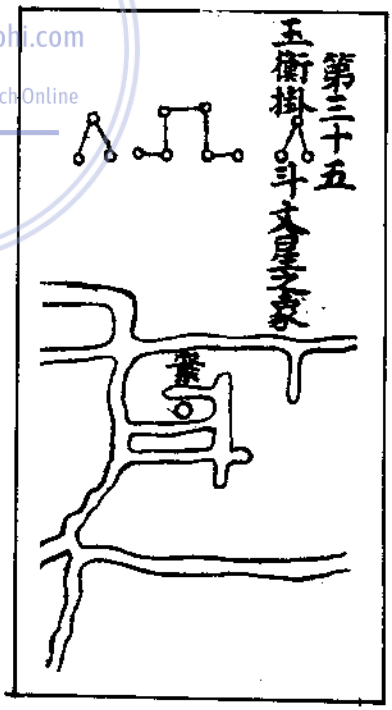
Hình 2-34 : Kim liên trắc lộ, thống soái thiên binh, còn gọi là Kim liên Tích Tốt

Triều hỏi :

"Chòm Tích Tốt 12 sao, chủ về võ tướng, vì sao ứng hợp với Kim liên trắc lộ ?"

Nguyên đáp :

"Nói Kim liên trắc lộ là chỉ hình dạng cụ thể của Long mạch trong trời đất. Long mạch chênh chếch chạy đến, chọn huyệt vị giống như giọt sương trên cánh hoa sen. Địa hình này ứng hợp với chòm sao Tích Tốt có 12 sao, Âm khí thịnh vượng nên uy vũ hùng tráng, có khí phách hiên ngang. Do vậy mà bảo nơi đây sản sinh võ tướng thống lĩnh thiên binh vạn mã".



Hình 2-35 : Ngọc hoành quải đẩu, văn tinh chi tượng

Triều hỏi :

"Ngọc hoành quải đẩu, trên ứng với trời xanh, trên trời xanh có sao Bắc Đẩu, nói vậy là có ý gì ?"

Nguyên đáp :

"Nói ngọc hoành là chỉ hình thái của Thủy thành. Nói đẩu là chỉ thủy thổ nương tựa trên Thủy thành, có hình dạng như sao Bắc Đẩu. Nói trên ứng với trời xanh là chỉ hình thái uốn lượn bao hàm của nó, chỉ trời đất cảm ứng giao hợp với nhau, ắt dưỡng dục sinh thành".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-36 : Thiên Khu Địa Trục, danh dương thiên lý

Triều hỏi :

"Thiên Khu với Địa Trục là hai ngôi sao, Quách Phác không đề cập đến sự vật khác, chỉ bảo hai tinh tú ấy đều chủ nổi danh quý hiển là vì sao ?"

Nguyên đáp :

"Mạch lạc địa lũng nằm ở nơi đất đai hoang dã mênh mông, khí tức ẩn tàng rất sâu, khó lộ và khó tụ hội. Nhưng nếu bên cạnh Thủy Khẩu có hai ngọn núi kiên cố trấn thủ, thì chẳng những sinh khí được ẩn tàng sung mãn, mà Khí mạch còn hội tụ kết giao. Trước hết phải có Long huyệt kỳ diệu, sau đó mới có thể tuyển dụng".



downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HƯỚNG THỦY CHÂN QUYẾT ĐẠI TOÀN

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Bổ sung : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Tài Ung

HƯỚNG THỦY THUYẾT

Phương pháp xem Thủy mạch trình bày trong các sách địa lý phong thủy rất khác nhau. Sách này nói một đàng, sách kia nói một nẻo.

"Ngọc Xích Kinh" viết :

"Quyền cao chức trọng, vinh hoa uy vũ, hộ vệ cách mặt, tiền hô hậu ủng, đa phần là do huyệt vị triều hướng Canh, Thân".

"Thôi Quan thiên" lại viết :

"Nếu Hà Thủy chảy vào hai phương hướng Canh, Thân, nhất định sẽ bị hình phạt tàn khốc, tai họa khôn lường".

"Ngọc Xích Kinh" và "Thôi Quan thiên" mâu thuẫn nhau như vậy khiến người ta chẳng biết theo đường nào. Lắm khi trong cùng một quyển sách cũng đầy mâu thuẫn.

Phần đầu "Ngọc Xích Kinh" viết :

"Khoa cử đỗ đạt sớm, nổi danh là vì Hà Thủy từ hai phương hướng Dần, Thân chảy tới".

Nhưng ở phần sau cuốn sách này lại viết :

"Nếu Hà Thủy từ phương hướng Dần, Thân chảy tới, làm sao chịu được các loại bệnh tật triền miên ?"

Do các sách địa lý phong thủy mâu thuẫn nhau, người ta không thể chỉ theo một sách, mà phải tiếp thu lý thuyết một cách có phê phán. Các nhà phong thủy, Ngũ Hành đều quan sát kỹ Long mạch, Thủy hướng, xem là sinh cơ cát tường hay tử khí trầm trọng. Hung Thủy từ phương Sinh khí chảy đến là cát, Lục tú từ phương Tử diệt chảy đến là hung. Cuối cùng từ phương nào Hà Thủy chảy đến là thích hợp, dĩ nhiên có tiêu chuẩn hẳn hòi.

Hiện tại mọi người chưa hiểu rõ cách chọn lựa và sử dụng Thủy pháp. Có người căn cứ hướng đi của Sơn thế để nhận biết hướng Thủy lưu, ví dụ Nhâm sơn Bính hướng, sử dụng Nhâm Thủy Thân sinh để lý giải. Quý sơn Đinh hướng, sử dụng Quý Thủy sinh Mão để lý giải. Có người cho rằng Hợi, Nhâm, Tý, Quý đều từ vị trí Thân sinh ra; có người đơn thuần dựa vào hình thái Long mạch để luận xem sinh khí có vượng hay không, mà không căn cứ vào hướng của sơn mạch. Hai mươi bốn sơn, 24 hướng, thường là người ta tùy ý lý giải, phúc lộc hay tai họa đều thiếu căn cứ lý giải xác đáng. Tất cả đều do người ta chưa thông hiểu đầy đủ về phương hướng của Sơn và Thủy.

Tư Mã Thủy pháp chân truyền sẽ giúp ta thấu hiểu sự tinh thâm ảo diệu của Thủy pháp.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THỦY PHÁP CA

TƯ MÃ ĐẦU ĐÀ soạn

"Giáp, Ất, Cấn kiêm Đinh, Bính, Tốn;
Tân, Canh, Khôn với Quý, Nhâm, Càn.
Quý nhân Tam Hợp liên châu Thủy;
Tam Hợp liên châu lạn liễu tiền".

Giáp, Ất thuộc Mộc. Giáp thuộc Dương, mà Ất thuộc Âm. Sáu cách cục tượng Càn, Giáp, Đinh, Hợi, Mão, Mùi, tả Thủy chảy đến bên hữu là Dương Thủy, hữu Thủy chảy đến bên tả là Âm Thủy, không phải chỉ là nói về Giáp hướng, Ất hướng. Dương Thủy sinh ở Hợi, Lâm Quan ở Dần; Âm Thủy sinh ở Ngọ, Đế Vượng ở Dần. Cấn, Dần cư ở cùng một cung, Lâm Quan, Đế Vượng là nơi sản sinh quý nhân. Do đó nói "quý nhân tùng sinh vượng". Kéo theo Mộ hợp ba phương gọi là "Tam Hợp liên châu". Hà Thủy triều hướng Quan, Vượng, tài lộc ắt sẽ tụ hội, gia đình phát tài nhanh chóng, do đó nói "lạn liễu tiền". Các cách khác từ đó suy ra tương tự. Phàm Dương cục đều chọn Lộc Thủy triều, phàm Âm cục đều chọn Vượng Thủy triều. Sách này đều dùng phương pháp Phùng châm của Thiên bàn để xác định phương hướng, nên nếu nói Cấn, Tốn cũng là bao hàm Dần Thân Tỵ Hợi, cứ thế mà suy.

LỘC TỒN CÁCH
(Luận Khứ Thủy Dương cục hướng)

Nếu Tân tiến vào cung Càn, sẽ có hàng vạn tòa trang viện; nếu Quý quy về Cấn vị, sẽ nổi tiếng văn tài, thành danh viễn dương; nếu Ất triều chảy vào Tốn vị, sẽ có đại quan hiển hách; nếu Đinh tiến đến Khôn, sẽ có vàng ngọc đầy nhà; nếu như ao hồ có hình dạng giống như trường xà nằm ngủ biến thành dạng cự Long nằm ngủ thì kim kê (Tân Dậu) với ngọc thố (Giáp Mão) sẽ gặp cơ hội kêu hót. Nếu thầy phong thủy hiểu rõ Tam Kỳ pháp, thì tương lai con cháu đời sau sẽ trở thành bậc công khanh quý hiển.

Loại Thiên can Tứ mộ hướng này tốt nhất là Hà Thủy mé tả chảy sang mé hữu, như vậy mới tán thoát khí diệt tuyệt, phúc lộc lưu tồn, cát tường như ý. Không thể để Hà Thủy mé hữu chảy sang bên tả, như thế sẽ đem Mộ thủy xung kích đến gây tai họa cho nhân đinh. Thìn Tuất Sửu Mùi cũng như vậy.

THỦY THƯỢNG NGỰ NHAI
(Luận Khứ Thủy Âm cục hướng)

Càn sơn và Tốn Thủy sẽ sản sinh đại quan trong triều đình. Hà Thủy chảy đến hoặc chảy đi đều vậy. Nhất định không được để cho Hà Thủy chảy về hai cung Thìn, Tỵ, nếu không, nam sẽ cô đơn, nữ thành quả phụ, suốt đời bần hàn.

Nếu Khôn sơn phối hợp với Cấn Thủy, sẽ sản sinh phú gia; nếu làm quan, sẽ thanh liêm cao thượng. Nhất định không được để Hà Thủy chảy về hai cung Sửu, Dần, nếu không sẽ bị bệnh ôn dịch và mãnh hổ cắn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nếu Cấn Sơn phối hợp với Khôn Thủy, sẽ sản sinh bậc cự phú, châu ngọc chất đầy. Nhất thiết không được để hai cung Thân, Mùi gặp nhau, nếu không ruộng vườn nhà cửa sẽ bị tiêu tán hết, con cháu bị tuyệt diệt.

Nếu Hà Thủy ở cung Tốn chảy đến cung Càn, thì Kim Thủy tương sinh, sẽ vừa giàu có vừa cao quý. Nếu Hà Thủy chảy về hướng Tân, Tuất, Hợi, Nhâm, sẽ liên tiếp bị hỏa tai, thủy tai, tha hương cầu thực.

Ở đây chỉ nói về hướng Tứ Duy, đều là phóng Nguyên thần Thủy, phải đặc biệt chú ý, Thủy phải chảy thẳng, không được uốn lượn, Hà Thủy chảy thẳng ngoài trăm bước, sẽ sản sinh đại quan. Hoặc Thủy mé hữu chảy sang mé tả, hoặc bốn phương Dần, Thân, Tỵ, Hợi cũng vậy đều còn khả dĩ. Nếu Tứ Mạnh, thì phải hơi uốn lượn. Cả với Tứ Duy lẫn Tứ Mạnh, nếu Thủy mé tả chảy sang mé hữu, đều là hung, phá hại tài lộc. Trong "Lạc Thư", Tứ Lục thuộc Kim, Lục Bạch thuộc Thủy, do đó nói Kim Thủy tương sinh.

TỨ THAM LANG CÁCH

(Dương cục hướng)

Tốn, Canh, Quý kiêm Càn, Giáp, Đinh; Tân, Bính, Cấn với Khôn, Nhâm, Ất. Loại Thủy này gọi là Tứ Tham Lang, làm cho gia đình trở thành đại phú đại quý.

Đây là nói về bốn hướng chính, Thủy bên tả chảy sang bên hữu là Tham Lang. Hà Thủy chảy đến phía mộ phần[1] sau đó chảy đi, nên gọi nó là Tứ Tham Lang cách.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KỲ TINH QUÁ ĐỘ CÁCH

(Dương cục hướng xuất Mộc Dục phóng Thủy)

Càn, Quý, Khôn, Tân chính là Kỳ tinh, Cấn, Ất, Tốn, Đinh là tinh tú khi Quá độ. Nếu Kỳ tinh với quá độ thời tinh gặp nhau, thì thuận thế sẽ chuyển ngay thành nghịch thế; nếu làm quan trong triều đình, sẽ sớm bị huyền chức, bất lợi.

Hướng Tứ Duy thì trước thuận hướng, sau nghịch hướng. Hướng thuận thì phóng Thủy ở bốn vị trí Tân, Đinh, Ất, Quý, dùng Thủy Mộc Dục chảy ở bên cạnh. Hướng nghịch thì phóng Thủy tại Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; đại khái là giống chữ Chi, chữ Huyền uốn lượn mà đi, thuận thế, nghịch thế chuyển hóa qua lại, biến hóa đa đoan.

LỘC MÃ LỆ

(Dương cục hướng Lộc Mã phương Thủy Lai)

Mã tại phương hướng Càn nếu là Chính Mã, thì phải tìm nó ở phương hướng Giáp. Nhưng Mã mượn ở phương Giáp về vốn rong chơi ở hướng Bính. Cung Càn có phúc lộc cát lợi thật sự, ba hướng cùng tới tụ tập, hạnh phúc tài lộc sẽ lâu dài. Tốn, Tân là Chính

(1) Vì chữ "mộ" có khi lẫn với "đại mộ" ở vòng TS, nên có chỗ phải dùng "mộ phần" để cho rõ nghĩa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mã mà Giáp là Chính Lộc; Cấn Bính là Mã mà Ất là Lộc. Khôn là phương Ất, là Chính Mã, Bính là Chính Lộc.

CHÍNH ẤN LỘC MÃ CÁCH

(Dương cục hướng, Nguyên thần Mộ, phóng Suy Bệnh, Tứ duy phương, duy Khôn, Tân, Đinh, Hợi vi nhiên)

Ất hướng Ất Thủy chảy đến vị trí Cấn thì phú quý lâu dài. Tân hướng Tân Thủy chảy về cung Khôn, Hà Thủy uốn lượn chảy ra ngoài trăm bước, thì nhất định sản sinh bậc đại quan quý hiển. Đinh hướng Đinh Thủy chảy đến đê đập ở cung Tốn, mà Thủy lưu dài, thì sẽ làm quan trong triều, Thủy lưu ngắn ắt lấy vợ khác. Quý hướng Quý Thủy chảy đến cung Kiền, nếu Thủy lưu dài sẽ xuất hiện nhân vật anh hùng.

TAM KỲ THAM LANG CÁCH

(Âm cục hướng, Nguyên thần Thủy, đặc triều nghịch, phóng Suy Bệnh, Tứ duy phương, duy Giáp, Canh, Bính, Nhâm vi nhiên, chủ quý đa phú thiểu)

Hà Thủy ở hướng Giáp chảy về cung Cấn, thì nơi này ắt sản sinh bậc đại quan quý hiển đến bậc vương hầu công khanh. Hà Thủy ở hướng Canh chảy về cung Tốn, thì con cháu sẽ làm quan trong triều đình. Hà Thủy ở hướng Nhâm chảy đến cung Càn, thì con cháu sẽ nổi danh, có tên trong bảng vàng, vinh hoa phú quý.

HUYỀN, QUAN, KHIẾU LUẬN

Muốn hiểu rõ được Huyền, Quan huyền diệu hư ảo thì phải hiểu một khẩu quyết, trong đó điểm đặc biệt mấu chốt là quan sát nhận biết hình thái cụ thể của chúng. Thiên cơ bí ẩn của Huyền thì có thể căn cứ vào hình trạng cụ thể của Khiếu mà nhận ra. Không thể tùy ý nói mênh mông về tinh tú và địa hình, phải xem hình thế sơn thủy ở hai bên tả hữu mà tìm nguyên nhân. Trước hết, xem Hà Thủy chảy về hướng nào, còn thiên nhiên tạo hóa của Huyền, Quan cát hung họa phúc thì phải nhận biết qua quan sát hình thái của Khiếu. Nếu Huyền, Quan bên trong cùng một huyệt Khiếu với Huyền, Quan bên ngoài, thì phúc lộc sẽ trường cửu. Nếu một huyệt Khiếu tiếp liền với Quan, sẽ xuất hiện nhân vật mưu lược hơn người. Nếu trong Huyền hình thành các hình trạng kỳ diệu giao cấu phối hợp với nhau thì đó là huyệt vị cát lợi. Nếu Huyền, Quan không có hình dáng giao cấu, thì bỏ đi. Khí tức của các ngọn núi dồn dập tiến vào trong Quan, nếu gặp hình dáng chữ Tam, chữ Ngũ, ắt sẽ sản sinh bậc đại quan quý hiển. Nếu Huyền, Quan chuyển tiếp nhau lại gặp nơi sinh khí thịnh vượng, thì nơi đây nhất định xuất hiện nhiều anh hùng hào kiệt. Khỏi cần phân biệt là thuộc Âm hay thuộc Dương, đơn thuần hay bác tạp, chỉ cần tránh đừng để cho khí tức của mộ phần âm thầm tập kích đến.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THỦY QUYẾT CHÂN TRUYỀN

"Liên Châu Kinh" có đề cập thuyết pháp Song Sơn, dùng lòng bàn tay mà tính sinh khí của sơn thủy rất đầy đủ. Nếu luyện tập nắm chắc được tình thế Âm Dương giao hội phức tạp, thì sẽ hiểu rõ lưu Thủy thế nào là cát lợi, thế nào là hung họa, thật vô cùng ảo diệu.

HƯỚNG GIA NGŨ HÀNH

Thủy hướng phân ra thuộc Âm hay thuộc Dương, chỉ căn cứ vào thần thái và số lượng của Hà Thủy ở hai bên tả hữu. Nếu cố chấp, chỉ thông qua khảo sát Thiên can, Địa chi để xác định là hướng thuận hay hướng nghịch, thì dù là quan sát nơi núi cao hay đất bình dương, đều phạm sai lầm.

THẤT DIỆU THỦY PHÁP

Nếu lưu Thủy phối hợp với sao Phá Quân, thì phần mộ lớn sẽ phát sinh. Nếu lưu Thủy phối hợp với sao Lộc Tồn, thì nhân đinh sẽ bị tuyệt diệt. Nếu lưu Thủy phối hợp với sao Tham Lang, thì sẽ an nhàn, trường thọ. Nếu lưu Thủy phối hợp với sao Văn Khúc, sẽ là thư sinh nho nhã. Nếu phối hợp với sao Cự Môn, sẽ táng gia bại sản. Nếu phối hợp với sao Liêm Trinh, sẽ tử vong hoặc bệnh tật triền miên. Như vậy, bảy ngôi sao có cát hung họa phúc rõ ràng.

PHƯƠNG PHÁP DƯỠNG, SINH

Muốn được Dưỡng, Sinh, trước hết cần Hà Thủy chảy đến Minh Đường. Nếu sao Tham Lang chiếu xạ huyệt vị, sẽ nổi danh văn tài. Nếu sao Tham Lang chiếu cả hai phương đầy đủ, thì con cháu ắt vinh hoa phú quý, con cháu đầy nhà, tính nết thiện lương. Nếu Thủy lưu uốn lượn, lộ vẻ cung kính triều bái, nhất định sẽ có chức vụ cao trong triều đình; nếu Hà Thủy hiền hòa bao bọc, thì phúc lộc lâu dài. Nếu Hà Thủy xối thẳng vào huyệt vị, thì Dưỡng, Sinh sẽ bị phá tuyệt, biến dần thành cô quả.

PHƯƠNG MỘC DỤC

Nếu Mộc Dục Thủy chảy đến, thì nữ nhân dâm đãng, gian dâm hoặc bỏ nhà theo trai, gia thế suy bại, tai họa, bệnh tật. Nếu Mộc Dục Thủy từ phương Tý, Ngọ chảy đến, thì ruộng vườn bán sạch, gia nghiệp tan vỡ. Nếu Mộc Dục Thủy từ Mão, Dậu chảy đến, thì chủ nhân sẽ ham mê rượu chè cờ bạc, tiêu xài hoang phí. Nếu Mộc Dục Thủy còn xung phá vị trí Sinh thần, thì sẽ nổi tiếng dâm đãng, mà còn bị hình ngục khổ sở.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

PHƯƠNG QUAN ĐỚI

Quan Đới Thủy chảy tới sẽ làm cho chủ nhân thông minh hoặc phong lưu chơi bời. Bảy tuổi đã làm thơ viết văn, văn từ hoa mỹ, kiến thức uyên bác, người người tán thưởng. Nếu Quan Đới Thủy chảy tuột đi thì thiếu niên yểu chiết, con gái bị tổn hại. Do đó, Quan Đới Thủy phải tụ lại mới cát lợi.

PHƯƠNG LÂM QUAN

Nếu Hà Thủy ở phương Lâm Quan chảy đến phần mộ, trạch huyệt, thì tuổi trẻ sớm thành đạt, thăng quan tiến chức, trở thành Tể tướng phò tá bậc quân chủ hiền minh. Phương Lâm Quan tối kỵ sơn thủy bỏ nơi này mà đi, vì như vậy con cháu sẽ yểu tử, cô quả và bần hàn.

PHƯƠNG ĐẾ VƯỢNG

Nếu Hà Thủy của phương Đế Vượng tụ hội trước Minh Đường, thì sinh khí thịnh vượng bao trùm, quan lộc hanh thông, uy danh hiển hách, vinh hoa phú quý. Nhưng sinh khí Đế Vượng tối kỵ bị tử khí nặng nề đến xung phá, gây đủ thứ tai họa cho chủ nhân.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHƯƠNG SUY

Chủ quản cách cục phương Suy là sao Cự Môn. Nếu Hà Thủy của phương Suy đến bên học đường, thì sẽ xuất hiện học sinh thông minh dĩnh ngộ, thi đỗ Trạng nguyên, nổi tiếng văn tài, phú quý vinh hoa tột đỉnh. Ở thời điểm vượng thịnh, hưng Long thì Thủy lai hay Thủy khứ đều cát lợi.

PHƯƠNG MỘ KHỐ

Ở phương Mộ Khố, Thủy chảy đi là tốt nhất. Hà Thủy của phương Mộ Khố tại chỗ sao Phá Quân lưu lại rồi mới chảy đi, thì chủ về người trung trinh. Nếu Mộ Khố Thủy uốn lượn vòng vèo, chủ nổi danh giữa văn võ bá quan, nếu không lưu lại mà cứ chảy thẳng đi thì gia cảnh bần hàn; nếu chảy thẳng đến, sẽ xung bị xung quân đến vùng biên ải khổ sở, thậm chí bị tuyệt tự.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

PHƯƠNG BỆNH, TỬ

Nếu Hà Thủy hai phương Bệnh, Tử không chảy qua, mà Thiên môn và Tốn hộ cũng không bị xem là kỳ quái, thì mọi sự như ý, thi đỗ bảng vàng, phong quan tiến chức, quyền cao chức trọng. Nếu Hà Thủy hai phương Bệnh, Tử chảy xéo đến, thì họa vô đơn chí, đủ bề xấu xa.

PHƯƠNG TUYỆT, THAI

Nếu Hà Thủy phương Tuyệt, Thai chảy đến, thì tuyệt tự, thai sản khó khăn, hữu sinh vô dưỡng, cha con tuyệt tình hóa thành thù địch, vợ chồng chia lìa. Nếu thế chảy của Hà Thủy phương Tuyệt, Thai lớn mạnh, thì nữ nhân dâm đãng, bỏ nhà đi; nếu thế chảy yếu, thì nam nữ tư tình. Nơi này chỉ nên làm Thủy Khẩu, Lộc Tồn Thủy chảy đi thì mới cát lợi.

THỦY HỘI CỤC

Nếu Thủy của phương Dưỡng chảy đến hội tụ với Thủy Tràng Sinh, thì nơi đây ắt có người thông minh dĩnh ngộ. Phương Đế Vượng, phương Thai, Thủy chảy đi thì con cháu đời sau chỉ có hư danh và đề phòng huyết sản, tảo sản.

Thủy Dưỡng, Sinh hội tụ với Thủy Mộc Dục, cùng chảy đến, toàn gia vinh hiển. Nếu Thủy Quan Đới hội tụ với Thủy Dưỡng, Sinh chảy tới, thì người của gia tộc này nhất định tài hoa hiển hách, địa vị cao quý. Nếu Thủy Lâm Quan, Quan Đới hội tụ với Thủy Đế Vượng cũng vô cùng cát lợi. Nếu Thủy Suy kết tụ ở trước Minh Đường mà chảy vào nhập cách cục, thì tai họa liên miên, bệnh tật dồn dập.

Nếu Thủy Mộc Dục hội tụ với Thủy Tràng Sinh, thì tuy tài hoa xinh đẹp nhưng gian hiểm khôn lường, ăn chơi phóng đãng. Nếu Thủy Quan Đới hội tụ với Thủy Mộc Dục, nam ắt trở thành kẻ làm trò hề, nữ là kỹ nữ mua vui cho khách, mạng vận xấu. Thủy Mộc Dục hội tụ với Thủy Đế Vượng, thì tiền tài sung túc nhưng dâm tà phóng đãng. Nếu Thủy Suy chảy đến nhập cục, thì sẽ lấy kỹ nữ làm vợ và sinh được quý tử. Nếu Thủy Tử hội tụ với Thủy Bệnh ở Minh Đường, thì sinh con ngu độn, gia nghiệp suy bại. Nếu Thủy Mộ Khố, Tuyệt hội tụ với nhau, thì sẽ đơn độc tha hương. Nếu Thủy Thai, Dưỡng hội tụ với nhau nhập cục thì sẽ liên tiếp bị sẩy thai.

Nếu Thủy Quan Đới hội tụ với Thủy Tràng Sinh ắt xuất hiện thần đồng, bảng vàng đề tên. Nếu Thủy Mộc Dục xung kích chảy đến hội tụ với Thủy Quan Đới, dù dung nhan tuấn mỹ cũng bị chết yểu. Nếu Thủy Lâm Quan đến hội tụ, gia tộc ắt giàu có, trường thọ. Nếu thủy Suy hội tụ nhập cục, thì sẽ giàu có hoặc có thể cờ bạc.

Tuyệt đối không nên để Thủy Tử hoặc Thủy Bệnh ào ào chảy tới, gây nên đủ tai họa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LONG PHÂN TẢ HỮU

Long mạch chảy về phía trước, hình thái biến hóa muôn hình ngàn dạng, vốn không có cách thức cố định. Long mạch thông thường phân ra hai đường tả hữu mà vận hành. Long mạch hướng sang bên tả là Dương, quanh co uốn lượn hình thành một huyệt vị. Long mạch hướng sang bên hữu là Âm, cũng có thể quanh co uốn lượn thành một huyệt vị. Long mạch vận hành thành hình chữ Tam, chữ Bát, thì từ đó có thể phân biệt nó là thuận thế hay nghịch thế. Long mạch hướng sang phía Đông và phía Tây, thì từ đó có thể phân biệt là nó thuộc Dương hay thuộc Âm.

"Long Kinh" viết :

"Nếu Long mạch chạy đến từ bên tả, thì huyệt vị nằm tại bên hữu, chỉ vì khi Long mạch vận hành nghịch thế mới là cách Long mạch nhập thủ thật sự. Nếu Long mạch chạy đến từ bên hữu, thì huyệt vị nằm tại bên tả, chỉ vì khi Long mạch tàng ẩn thân hình của nó thì mới giống như cái bàn xoay".

"Long Kinh" còn viết :

"Nếu hai dòng Hà Thủy kèm Long mạch chảy đến, thì trước hết nên tìm chỗ bờ sông uốn quanh. Chỗ bờ sông uốn quanh, Hà Thủy ôm bao phần đầu của Long mạch, tìm huyệt vị phải chọn nơi sinh khí sung mãn, không bị liêu tán".

"Long Kinh" còn viết :

"Long mạch cùng uốn lượn theo Hà Thủy, Hà Thủy dựa sát vào Long mạch mà chảy. Do đó, Hà Thủy có các dạng uốn lượn, Long mạch ắt có hình thái thuận thế, nghịch thế đa biến. Đây gọi là lưỡng lộ phân hành, chứ không phải cùng đường mà tới".

Long mạch đã phân biệt thuận thế, nghịch thế, còn khác nhau về Thư tính, Hùng tính (cái, đực). 48 hình thái của Long mạch đều phù hợp với thủy lộ. tam Hợp là xuất phát từ 12 chi trên Tiên Thiên bàn lấy đó làm hợp, Song Sơn là can quái hợp với chi cung. Đọc kỹ tứ kinh phong thủy, sẽ thấy chúng đều tuân thủ quy tắc Tam Hợp. 48 loại lưu Thần trên Mộ đều giống nhau. Âm Dương của can quái làm sao đã đủ dùng làm chuẩn tắc, chỉ có hình thái của cung lưu Thủy tả hữu mới là chuẩn tắc chính xác.

HƯỚNG BIỆN ÂM DƯƠNG

Phương hướng của Thủy lưu biến hóa rất đa dạng, đại thể chia ra hai hướng tả hữu. Lục bát cục tương truyền là Thủy cục kỳ diệu nhất. Quá nhiều đồ cục lưu truyền trên đời khiến người ta dở khóc dở cười. Ngày nay cơ bản người ta không dùng phương pháp dùng Thiên bàn hoặc phương pháp thông qua Tam Hợp, Huyền Không để xác định phương hướng nữa. Chỉ cần đọc năm ba câu trong cổ thư là ta có thể biết được phương pháp vẽ đồ cục có quy tắc cố định.

Ngũ Hành với Long gia thực tình không có quan hệ gì với nhau. Họa phúc cát hung, chỉ có thể thông qua việc quan sát kỹ đường đi đến của Thủy lưu mà biết. Trong Hà Thủy có khí Sinh Vượng, cũng có khí hung sát. Nếu phối hợp chính xác, khí hung sát cũng có thể chuyển hóa thành khí Sinh Vượng. Nếu phối hợp sai, khí Sinh Vượng cũng có thể hóa thành khí hung sát. Do Hà Thủy thì thu nhận khí Sinh Vượng mà phóng ra khí hung sát, cho nên phải dựa vào hướng của Hà Thủy mà định. Nếu Thủy Khẩu là Mộ Thìn nội Thủy, uốn lượn sang mé tả là Dương Thủy cục, uốn lượn sang mé hữu là Âm Kim cục. Nếu Thủy Khẩu là Mộ Tuất nội Thủy, uốn lượn sang mé tả là Dương Hỏa cục, uốn lượn sang mé hữu là Âm Mộc cục. Hoặc thu nạp Sinh khí của nó, hoặc thu nạp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Vượng khí của nó, thì mới tiến vào Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Hưu Mộ tương tác với Sinh Vượng, Huyền Không nối với lỗ huyệt (huyệt khiếu), mới có thể sinh cơ bột phát và hưng thịnh. Nếu không, Thìn Thủy biến thành Hỏa cục, Tuất Thủy Khẩu biến thành Dương Thủy cục, sẽ xung phá quan lộc, dẫn đến suy tuyệt nghiêm trọng.

Song Sơn và tam Hợp, Tam Hợp và Huyền Không, ba thứ ấy vốn là một, chỉ xét về giác độ Long mạch gọi là Song Sơn, từ giác độ hướng gọi là Huyền Không. Có Long mạch sao thì có phương hướng như vậy, là do thiên nhiên tạo hóa, không thể biến đổi. Nhưng sau khi xác định một phương hướng rồi, thì không dựa vào Long mạch nữa, mà dựa vào trí tuệ của con người mà điều tiết, nên gọi là Tam Hợp, Huyền Không. Nói Tam Hợp là căn cứ vào 12 chi của Tiên Thiên mà bàn định 4 cách hợp. Nói Song Sơn, là do một cung của Phùng châm bàn, bao hàm hai chữ Thiên can và Địa chi. Nói Huyền, nghĩa là Thủy, lấy Thủy làm bộ phận chủ yếu. Nói Không, là do nó không có gì để dựa cũng không ngoảnh nhìn bản thân Long mạch. Nói Huyền Không, cũng tức là thoát ly bản thân Long mạch mà dựa vào sự vận hành của Thủy thần. Danh xưng Tam Hợp, Song Sơn, Huyền Không tuy khác nhau, song thực tế là một. Cho nên, Hà Thủy uốn lượn sang mé tả, thì dựa vào bên tả mà xác lập phương hướng; Hà Thủy uốn lượn sang mé hữu, thì dựa vào bên hữu mà xác lập phương hướng. Dù Âm Mộc và Dương Hỏa khác nhau về Khí, nhưng Âm Mộc với Dương Hỏa thực tế là cùng một huyệt khiếu (lỗ huyệt). Huyền hộ đã khai thông, thì tự nhiên sẽ có sinh cơ, sinh khí mạnh mẽ. Đó chính là Huyền Không.

THƯ HÙNG GIAO CẤU

Nếu Hà Thủy chảy đến Mộ, thì huyệt vị này là cát. Nếu hướng dựa vào lưu Thần thì Thủy hướng này rất tốt. Nếu Thế, Dụng, Âm, Dương ở đây phù hợp pháp độ, quy phạm, thì chắc chắn Thư Hùng giao hoan với nhau.

Sơn cứ là Sơn, Thủy cứ là Thủy, bề ngoài tựa hồ Sơn với Thủy không hề có quan hệ qua lại với nhau. Song thực ra Long mạch lượn sang mé tả có phối hợp chặt chẽ với lưu Thủy lượn sang mé hữu, Long mạch lượn sang mé hữu có phối hợp mật thiết với lưu Thủy lượn sang mé tả, cho nên lưu Thủy với Long mạch vốn có quan hệ mật thiết với nhau.

Nếu Sinh khí của Hà Thủy dồi dào, thì Vượng khí của Long mạch dồi dào. Nếu Vượng khí của Hà Thủy dồi dào, thì Sinh khí của Long mạch cũng dồi dào. Dựa vào Sinh khí và Vượng khí Long mạch và Hà Thủy liên quan mật thiết với nhau. Khí Sinh Vượng của Long mạch ở đâu, thì khí Sinh Vượng của Hà Thủy ở đó. Long mạch và Hà Thủy gắn liền với nhau.

Dù thấy Âm có thể dùng để phối hợp với Dương, Dương cũng có thể dùng để phối hợp với Âm; Âm Dương cùng quy về Mộ, như một cặp vợ chồng ôm ấp nhau thân thiết.

THOÁT LONG TỰU CỤC

Trong tình huống Quan, Khiếu không tương thông, việc thoát ly Long mạch mà tiếp cận Thủy cục là có căn cứ.

Long mạch với Thủy cục vốn phối hợp với nhau, từ đó hình thành đại địa. Nếu Quan, Khiếu không tương thông, chẳng thể dùng Quan, Khiếu xác lập phương hướng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lúc đó chủ yếu là căn cứ vào Thủy Khẩu để lập hướng mà không thể chú ý đến cả Long mạch vốn có. Trường hợp này gọi là Thoát Long lập (tựu) cục. Thoát ly Long mạch gọi là Không, vì chỉ dựa vào Thủy Khẩu nên gọi là Huyền. Hai chữ Huyền Không đại để từ đó mà ra. Nếu căn cứ vào Huyền Không để lập hướng, thì ba phương diện Sinh, Vượng, Mộ tuy trên Long mạch không ăn khớp với nhau, nhưng trên hướng Thủy lại là Tam Hợp hoàn chỉnh. Trong 48 cục, chọn Quan, Huyền, Khiếu làm Tam Hợp là sai, nhưng dù có thể bỏ Long, lại không thể thoát mạch, cho nên nói là phải tránh mạch hung sát.

YẾU QUYẾT LẬP HƯỚNG

Càn, Khôn, Cấn, Tốn là bốn hướng Duy; Dần, Thân, Tỵ, Hợi là bốn hướng Mạnh. Bốn hướng Duy và bốn hướng Mạnh đều thích hợp với Hà Thủy bên hữu chảy qua bên tả. Nếu Hà Thủy bên tả chảy sang bên hữu, thì trước hết phải phóng Thủy Mộc Dục đã rồi sau mới đảo. Nếu Hà Thủy bên tả chảy sang phương Mộ, thì càng tốt. Nếu Hà Thủy bên tả chảy sang bên hữu, gia cảnh ắt sẽ bần hàn. Người xưa nói :

> "Hà Thủy xung phá nơi sinh cơ thịnh vượng, ắt sẽ gây hậu quả đáng sợ".

Ất, Dần, Đinh, Quý, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là phương hướng của Thiên can và Địa chi Tứ Mộ, đều thích hợp với Thủy bên tả chảy sang bên hữu. Nếu Thủy bên hữu chảy sang bên tả, thì chủ về suy giảm nhân đinh và tuyệt tự. Cổ ngữ có câu :

> "Khí hung sát bên Mộ xung phá, áp đảo khí Sinh Vượng thì nhân đinh làm sao chịu nổi"

chính là nói đến tình huống này.

Giáp, Bính, Canh, Nhâm, Tý, Ngọ, Mão, Dậu là phương hướng của Thiên can, Địa chi Tứ Trọng, còn gọi là hướng Tứ Chính, do đó Thủy chảy sang bên tả hoặc bên hữu đều được. Nhưng hướng Tứ Chính phải chảy đến góc sau mới là tốt. Không được chảy đến góc tả đằng trước, vì nếu vậy sẽ xung phá tài lộc và nhân đinh.

GIÁM HƯỚNG THỦY PHÁP

Việc xác lập phương hướng của Hà Thủy hoàn toàn dựa trên việc quan sát, phân biệt thế thái lưu động cụ thể của Hà Thủy một cách chính xác. Khi xác định rõ mạch đến, mạch đi, hình thế uốn lượn hoặc đâm thẳng, sẽ rõ cát hung họa phúc của chủ nhân.

THỦY KHẨU KỴ LƯU SINH VƯỢNG

Lục Long sau khi nhập cục, phải quan sát xem Long mạch là đơn thuần hay phức tạp. Tú Thủy chảy đến theo hình thái uốn lượn thế nào, cũng phải hợp quy củ. Nếu dồi dào khí Sinh Vượng, Hà Thủy có sinh cơ mạnh từ trong Mộ chảy thẳng ra, thì nơi đây ắt hưng vượng phồn vinh, con cháu tha hồ may mắn.

Thủy Khẩu hợp với phương hướng, thì khỏi cần câu nệ đó là hướng Âm hay hướng Dương. Thư Hùng (đực cái) giao cấu, thì khỏi cần câu nệ về hướng. Nếu ở đây Huyền tương

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

khắc với Khiếu, cũng có thể thu nạp sinh cơ, loại trừ sát khí. Nhưng chỉ cần sau khi nhập huyệt, tiết thứ nhất của nó chủ con cháu của người đã khuất đại phú đại quý một đời, nếu hợp với tiết thứ hai, cũng chủ con cháu đại phú đại quý. Mỗi tiết chủ vận mạng một đời. Mỗi tiết phía sau cũng thế. Nếu một tiết nào không hợp, thì một đời tương ứng với nó sẽ bần hàn khốn khổ. Vì vậy, mai táng ai đó ở đây, con cháu của người ấy sẽ một đời hưng vượng, có đời suy bại. Tiết nào thuần phác rõ ràng thì đời ấy hưng vượng, tiết nào tạp loạn thì đời ấy khốn khổ.

CAO ĐÊ TIỀN HẬU LUẬN

Liêu Toàn Tinh nói :

"Cát quý cao, mà hung quý thấp; cát quý cấp, mà hung quý hoãn. Nếu cát tường như ý đến trước, thì cát tường hiển nhiên; nếu hung thần ác sát đến trước, thì rõ ràng họa vô đơn chí".

THỦY BỘ SỐ LUẬN

Quản Lộ nói :

"Ba năm một bước là căn cứ vào đâu để luận ? Một bước ba năm, là căn cứ vào lý số gì ?

Nếu khí tức của vận may kèm theo thân thể, thì trăm mạch đều vinh hoa quý hiển, nếu không có vận may kèm theo, thì trăm mạch sẽ rối, vạn sự bất như ý".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

SA THỦY PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG PHÁP ĐẠI TOÀN

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên

Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

LUẬN QUAN, DIỆU NHỊ TINH, TAM THẬP LỤC CẦM QUỶ

Quan, Diệu vốn là hai ngôi sao, nhìn lên thấy hình dạng nhỏ nhọn. Vị trí của sao Diệu ở phía trước huyệt vị, của sao Quan ở phía bên huyệt vị. Các nhà phong thủy hiện nay còn khuyên mọi người phải phân biệt sự chân giả của Quan, Diệu. Phàm Long huyệt hư giả, cho dù có nhiều tinh tú đẹp đẽ chiếu rọi, cũng không đem lại đại phú đại quý, dù nhà có chất đầy vàng ngọc, con cháu đời sau cũng khó có nhân vật nổi danh về trí tuệ.

Có nhiều thuyết khác nhau về hình dạng và vị trí của Quan, Diệu. Có thuyết bảo hai sao ấy trông như hai cái gò đất. Có thuyết bảo chúng nhọn như đá núi. Có thuyết nói chúng như đao sơn ở phía sau Thanh Long, Bạch Hổ sa; có thuyết lại bảo chúng phải ở đằng trước Thanh Long, Bạch Hổ sa mới là thật. Quan, Diệu dù là thuận hoặc nghịch với Thủy thế mà sinh thành cũng đều được cả, nhưng phải tọa lạc ở nơi lưu Thủy uốn lượn, được Hà Thủy bao quanh mới tốt đẹp. Sao Diệu vốn sinh thành có hình dạng Mộc Tra xấu xí, nếu xuất hiện ở đằng trước huyệt vị, nhiều người lấy làm e ngại, thật là lầm to, tưởng nó là đao sơn, mà không biết nó có giá trị tuyệt vời. Nếu hình dạng sao Diệu thấp nhỏ, thì nhất định sẽ có nhân vật kiệt xuất; nếu hình dạng cao lớn và nhọn, ít sẽ đại quan hiển hách. Nếu Quan, Diệu như hình khối đá lớn và nhọn, chủ nhân sẽ nắm binh quyền, chỉ huy thiên binh vạn mã; nếu thành ba khối, hoặc nhiều hơn, khối đá nhọn, thì sẽ hưởng vinh hoa phú quý trong vương triều.

Không có sao nào quý hơn hai sao Quan, Diệu.

Sao Cẩm chủ về nhiều tiền tài, còn sao Quỷ chủ về quyền bính. Sao Cẩm có hình dạng uốn khúc, sao Quỷ thì như cái đuôi dài. Muốn phân biệt rõ hình dạng hai sao này, phải quan sát nó từ xa. Cẩm, Quỷ có 36 hình thái, đều phải ở Long mạch phía sau, tìm chúng ở mặt sau lưng của sơn phong. Sao Quỷ sinh ra sao Cẩm, chứng tỏ đây là nơi sinh cơ thịnh vượng, Long mạch sung mãn. Ngoài hai sao Cẩm, Quỷ, có bảy sao khác ở phía Bắc, nếu bảy sao này có hình dạng hùng tráng, sẽ sản sinh Hoàng đế uy quyền lớn mạnh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Người mới học cách tìm Long mạch, trước hết cần nhận biết tam Cầm, tứ Diệu, ngũ Quan, Quỷ, lục Thú.

Thế nào là sao Cầm ? Sao Cầm giống như rùa đen hoặc cá vàng sinh ra ở Thủy Khẩu. Thế nào là sao Quỷ ? Nếu sau lưng sơn mạch chính có sinh khí sung mãn, thì nhất định đó là sao Quỷ. Thế nào là sao Thú ? Nếu có hình dạng như mãnh hổ nằm phục ở Thủy Khẩu, thì đó là sao Thú. Thế nào là sao Diệu ? Nếu ở phía sau Thanh Long, Bạch Hổ sa có hình dạng trường xà (rắn dài) hoặc đại kỳ (cờ lớn), thì đó là sao Diệu. Thế nào là sao Quan ? Nếu sau lưng Triều sơn có đuôi dài ngoặt lại. Sao Cầm chủ về tài lộc, sao Diệu chủ quý hiển, sao Thú chủ xuất hiện thần đồng, thiên tài, Trạng nguyên.

Ngoài việc tìm Long mạch, còn phải quan sát lưu Thủy. Lưu Thủy cuồn cuộn chảy tới, dù nham thạch kiên cố cũng sẽ bị xói lở tổn thương. Nguồn nước có sâu có nông, từ đó mà đoán khí thế Long mạch lớn mạnh hay nhỏ yếu. Thủy cục có uốn lượn hoặc đâm thẳng, do đó có thể đoán huyệt pháp là chân hay giả.

Thấy đại thủy mênh mông hội tụ ở bên ngoài Án sơn mà không bằng có vũng nước thanh tú linh động ở đằng trước Minh Đường. Bởi vì lưu Thủy thanh tú nhỏ bé dễ tiếp thụ, còn lưu Thủy mênh mang tạp loạn lại khó đọng lại. Có Hà Thủy từ Tổ tông sơn phân lưu chảy đến, cuối cùng tụ hội tại trước Thanh Long, Bạch Hổ sa. Có Hà Thủy từ Thiếu tổ sơn chảy đến. Do đó bàng hợp không bằng chính hợp, tiền hợp không bằng hậu hợp.

Nếu Hà Thủy uốn lượn như chữ Chi, chữ Huyền, dù Long mạch nhỏ yếu, cũng có thể chọn trạch huyệt, dù huyệt vị nhỏ hẹp, nhưng mạch nào cũng chứa đựng sinh khí. Nếu Hà Thủy xiên xéo chảy qua, thì huyệt vị nơi đây không cát tường.

Chọn huyệt vị có thể thu được phúc lộc là nhờ có thể thu nạp được Hà Thủy tụ hợp một mạch chảy đến. Chọn huyệt vị có thể tránh tai họa là nhờ tiêu trừ được Hà Thủy một mạch chảy đi. Nếu Hà Thủy thuận thế chảy đến nhập cục, thì phụ cận có Án sơn hộ vệ vây bọc là rất quý. Nếu Long mạch chắn ngang nghịch Thủy mà tới, thì không ngại đại hà từ xa ào ạt chảy đến. Nếu Hà Thủy từ xa chảy đến, có thể chọn gò đống thấp làm huyệt vị, phụ cận còn có thể có đầm nước sâu. Nếu Hà Thủy từ gần chạy đến, thì chỉ cần một chỗ lồi cao một thước, thậm chí một tấc, cũng giống như ngọn núi cao vậy.

Nếu đã nắm được huyền bí ảo diệu của Thủy thành, thì mới hiểu nổi cách chọn huyệt vị.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NHỮNG NƠI KHÔNG THỂ MAI TÁNG Ở VÙNG BÌNH DƯƠNG
(NƠI ĐẤT BẰNG BIỂN LẶNG)

QUẢ AM ghi

- Vùng bình dương tuy không có tinh thể đặc biệt, chỉ có tinh thể bình diện, phàm chúng không cấu thành hình dạng tinh thể Ngũ Hành, thì không thể mai táng ở đây.
- Một nơi bình dương mênh mông vô bờ, không có nơi thắt lại như cổ họng để thu lượm và chắn giữ sinh khí, hình thái Long mạch với thế vận hành không rõ, đó là kiển bì (vỏ kén) địa, không thể mai táng ở đây.
- Một nơi bình dương tuy có giới thủy chảy, nhưng hai bên tả hữu đều thông với nhau, chi tiết tạp loạn, đó là Quỷ kiếp Long, cũng không thể mai táng ở đây.
- Một nơi bình dương vỡ vụn, phân bố tứ tán, không có đường nét rõ ràng, thường là phù sa Thủy Khẩu, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương tuy có lưu Thủy hai thế thuận nghịch giao hội, nhưng không uốn lượn bao bọc, không linh hoạt, đó là Tử Long, không thể mai táng nơi đây.
- Một nơi bình dương nhô cao lên nhọn hoắt, đó là sát khí quá trầm trọng, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, bên trong cục như trải qua điêu khắc tinh xảo, sang bên ngoài cục Sa Thủy là hung thần ác sát, đó là nơi bị con người làm mất hết khí Sinh Vượng, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, Sa sơn lưu Thủy ở trước cục thô cứng, lạnh nhạt vô tình, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, đằng trước huyệt vị không có rằng môi hộ vệ, chứng tỏ bên trong cục không có khí Sinh Vượng, do đó bên ngoài cục cũng chẳng có Sinh khí lưu giữ, không thể táng.
- Một nơi bình dương, đất tán loạn không hợp, chẳng thể mai táng vì nơi đây không có Sinh khí đọng lại, Vượng khí không kết tụ, nên đất khô cằn, tán loạn.
- Một nơi bình dương, Long mạch không thể phối hợp với lưu Thủy, Hà Thủy cũng không thể phối hợp với Long mạch, đó là nơi Âm Dương không phối hợp với nhau, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, Sa dồn thành gò nghịch với Thủy thế, hướng đi hướng đến của Long mạch không rõ ràng, thường đó là dụng Sa Thủy Khẩu, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, Long mạch phía trước rộng thoáng mạnh mẽ, mà phía sau nhỏ hẹp, đó là Thối Long, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương chỉ có một chỗ thấp lõm, các chỗ khác đều nhô cao, không thể mai táng, vì đây là nơi độc Dương vô Âm.
- Một nơi bình dương, nếu lưu Thủy xối thẳng phía sau huyệt vị, cũng không thể mai táng. Vì Hà Thủy đã xung phá huyệt vị, thì huyệt vị ấy nhất định không có Sa sơn hộ vệ.
- Một nơi bình dương, nếu Hà Thủy cứ chảy quấn quanh ở phía sau huyệt vị, cũng không thể mai táng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Một nơi bình dương, nếu Hà Thủy xung phá thân Long ở gần huyệt vị, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương nếu từng là bãi chiến trường máu chảy thành sông, tức là có nhiều oan hồn tụ kết, sát khí dày đặc, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu từng là nơi giam giữ các phạm nhân, nhất định là nơi đầy sầu khổ, bi thương, oán thán, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương nằm ở ven các hồ, đầm chi chít, chứng tỏ Hà Thủy đã từ huyệt vị chảy đi, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu Hà Thủy vừa chảy qua đã khô cạn ngay, thì đó là đất Lậu Long, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu sau một trận mưa lớn mọi chỗ đều cạn khô, chỉ còn duy nhất một chỗ ẩm ướt, thì đó là hạ địa, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu hình dạng như sống lưng con rùa, thì bên trong cục không có Hà Thủy đọng lại, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương ở gần sông, biển lớn, không có chỗ tụ kết khí Sinh Vượng, lại không có Hà Thủy bao quanh, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu phía sau huyệt vị có hình dạng như cánh cung cong, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu đầu trước cao vút, đầu sau thấp nhỏ, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu cuối Long mạch các chi cước phân ra tán loạn, không bao quanh huyệt vị, giống như gió nhẹ thổi lá liễu lòa xòa, thì đó là Tảo Đãng tinh, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu tận cùng Thổ tinh sinh ra Mộc Nhũ vừa dài vừa thẳng, đó là khí bội nghịch con khắc mẹ, chẳng thể mai táng (Kim tinh sinh Hỏa chủy hoặc Mộc tinh sinh Kim chủy cũng như vậy).
- Một nơi bình dương, nếu có đường lớn đâm thẳng tới sau lưng huyệt vị, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu cây cầu bắc qua sông đâm thẳng huyệt trường, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, Long mạch từ bờ phía Đông vượt sông qua bờ phía Tây lại nhô lên, như có người vừa vượt sông lên bờ, khí Sinh Vượng chuyển về hướng Tây. Không thể chọn huyệt vị ở bờ phía Đông chính là cái gọi là Thân Mão thành Thai, bất thực Dậu Tân chi khí. Giống như các trường hợp khác.
- Một nơi bình đương, Long mạch tuy có hai dòng Hà Thủy hộ vệ mà tới, nhưng không có chi cước thu nạp, chuyển đổi uốn lượn, giống như con thuyền không người lái, đó là Bệnh Long, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, tuy Hà Thủy dồi dào Sinh khí chảy đến, nhưng có quá nhiều Thủy Khẩu, đây là nơi linh khí bị tứ tán, tạm thời hưng vượng, rốt cuộc suy bại, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, trước và sau huyệt vị đều có ao hồ, không thể mai táng (vì sẽ xuất hiện cô phụ).
- Một nơi bình dương, nếu bên trong cục có hai dòng hà lưu kèm một phù châu, chủ xuất hiện gian hùng, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương mặt đất không khô không ẩm, nếu đạp mạnh chân xuống có nước dềnh lên, thì không thể mai táng.
- Một nơi bình dương thuộc Kiền can, là nơi mối trắng tụ hội, không thể mai táng, bởi vì ở đây không đạt tới táng khí mà còn không kiên cố nữa.
- Một nơi bình dương, Sa sơn Hà Thủy đều có tình, nhưng Long mạch phía sau không dừng lại, chẳng thể mai táng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Một nơi bình dương, nếu Thiên môn không mở, Địa hộ không đóng, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu vị trí nằm ở phần đuôi của Hà Thủy hoặc phát nguyên của Hà Thủy, không thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu Hà Thủy phía trước huyệt vị thẳng mà dài, không có nghịch Sa hoành Thủy chắn lại, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, nếu huyệt vị bị gió tứ phía quét tới, đã không có ao hồ, cũng không có Sa sơn thấp bao quanh, chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương, Long mạch già, các ngọn núi không nhô cao, phía sau huyệt vị không có chỗ dựa, dưới chân huyệt vị mềm lún, chẳng thể mai táng.
- Nếu chủ tinh của một địa khu bình dương tỉ tiện, huyệt vị cũng không mở miệng, bên trong huyệt vị không có Sa cánh ve hộ vệ, bên ngoài huyệt vị có Sa sơn áp bức, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Nếu Long mạch của một địa khu bình dương tứ tán, nơi tận cùng không có cốt tiết, Hà Thủy trước huyệt từ Thủy Khẩu chảy thẳng ra, không uốn lượn, thì nơi đây chẳng thể mai táng.
- Nếu Long mạch của một địa khu bình dương không thể tàng ẩn khí Sinh Vượng, Hà Thủy lưu thần lại không hội tụ ở bên huyệt, nơi này chẳng thể mai táng.
- Nếu trước sau huyệt vị có những khối đá xấu lồn nhồn, bốn phía quanh huyệt không có Sa sơn, lưu Thủy bao bọc, hai bên huyệt có hố sâu, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Nếu Hà Thủy ào ào chảy thẳng tới, Sa sơn nghiêng lệch, huyệt vị mơ hồ không có khí Sinh Vượng phân tán, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Nếu nơi tận cùng của Long mạch là thuần Dương, bản thân Long mạch không linh hoạt, Sa sơn lưu Thủy hung sát vô tình, cấu tạo huyệt vị mơ hồ, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Nếu Long mạch của một địa khu bình dương tận cùng là Văn Khúc, tiểu thần không đến Minh Đường có hai Thủy Khẩu, Sa sơn lạnh nhạt hững hờ, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Một địa khu bình dương chỉ có một miếng đất bằng phẳng nhỏ xíu như bàn tay, bên trong huyệt không tụ được khí Sinh Vượng, Long mạch lại thẳng và cứng, nơi đây chẳng thể mai táng.
- Một nơi bình dương hình dạng giống cây côn gỗ thô cứng mà không có đột đỉnh nhọn nhô, huyệt vị không có giáp kiếm, huyệt khẩu không có Sa sơn thấm thấp hộ vệ huyệt vị, cũng không thể mai táng.
- Nếu Hà Thủy bốn mặt tám phương chảy đến tụ lại trong huyệt vị, có hai Thủy Khẩu không có Sa sơn bao bọc, lại không có dạng trải chăn đệm, nơi này chẳng thể mai táng.
- Trước huyệt có núi cao trấn áp, Long mạch chạy tới, chủ mạch lại phân ra chi mạch, không có Sa sơn hộ vệ, cấu tạo huyệt vị mơ hồ, nơi này chẳng thể mai táng.
- Nếu tứ phía của địa khu bình dương là núi cao, nơi tận cùng không có sự chuyển hóa Âm Dương, Sa sơn Hà Thủy nghiêng lệch, trong huyệt vị không có giáp kiếm và nhũ đột, nơi này chẳng thể mai táng.
- Nếu nơi bình dương Long mạch phi thoát, Sinh khí ly tán, Hà Thủy không chảy xuống Minh Đường, huyệt vị không có thần tinh chủ quản, Sa sơn thu nạp bất trụ, nơi đây không thể mai táng.

Trên đây là những trường hợp huyệt vị ở địa khu bình dương không thể mai táng.

Những nơi này tuy có hình tượng, trái lại không có biến hóa phân hợp, tất nhiên có Hà Thủy chảy xuống Minh Đường, như thế mới có thể phát tài giàu có. Người hy vọng phát gia phú quý, hớn hở tươi vui tạo huyệt

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

vị mà phải dày công tạo thành, mới được phúc lộc tiếp trọng. Cổ nhân nói :

> "Hà Thủy hung hiểm ác độc nhất định không đi cùng Long mạch chân chính, Long mạch chân chính nhất định không cùng lưu Thủy ác hiểm".

Lại còn nói :

> "Hà Thủy giống như chữ Chi, chữ Huyền quanh co chảy xuống, như thế không cần thẩm sát hình thái cung trạch thì có thể đoán định huyệt vị cát tường".

Trong đó đạo lý hàm chứa rất sâu sắc, rõ ràng. Có lúc Thủy lộ nhập khẩu, không hợp tự diện, như thế có thể tu chỉnh cải tạo nó.

Tôi từng gặp một người đang làm quan, sau khi khai quật tu tạo Long huyệt, đất đào lên chưa khô, trong gia tộc đã có người thuộc ba thế hệ bị chết. Tôi từng gặp một nhà khác đang làm quan, huyệt vị Hợi Long, hướng Bính, Bính Thủy chảy đến Minh Đường, Thủy lộ quá rộng lớn, phạm vào hình trực xung hồi Lộc. Thầy phong thủy đoán là năm sau, năm Dần Thái Tuế xu sát, trong tháng 5 nhất định trang viên bị cháy. Tháng 5 năm sau toàn bộ cơ ngơi bị cháy sạch sành sanh.

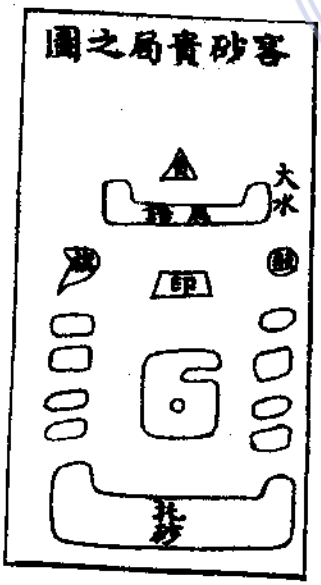
Một vị quan khác, Tân Long nhập huyệt hướng Bính, Tân Thủy chảy sang hướng Đông, Dần là Thủy Khẩu, Long mạch quả thanh tú, chủ nhân đã thi đỗ, quan vận hanh thông. Một thầy phong thủy tầm thường lại khuyên người kia nên đào một hà lưu nhỏ ở mé tả huyệt vị để hấp thụ Vượng khí của Hợi Long, chủ nhân sẽ được vào viện Hàn Lâm, hưởng vinh hoa đời đời. Chủ nhân tin theo, thuê nhiều người đào một dòng kênh bên tả. Đào xong dòng kênh, thì gia đình đã chết quá nửa và suy bại hoàn toàn.

Đó chỉ là hai cái trong số muôn vàn ví dụ.

Trên đây đã nêu 60 huyệt vị không thể mai táng ở nơi bình dương, đây là những điều cô đọng tuyệt diệu, mong mọi người không nên coi thường.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-37 : Khách Sa quý cục

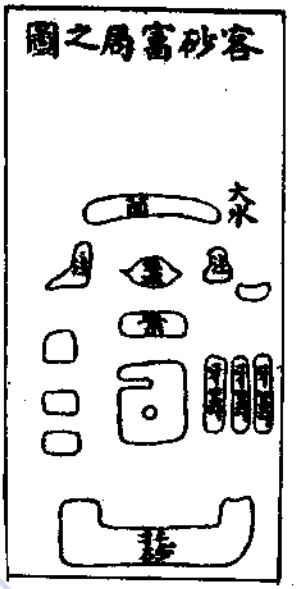


Giữa một vùng sông nước mênh mông, có một mảnh đất khá vuông vức bằng phẳng kết tụ, rộng chừng vài chục mẫu. Một phía có Sa sơn hẹp và dài bao quanh như bức tường thành. Phía trước mảnh đất có Sa sơn nổi trên mặt nước như hình chiếc ấn, hoặc như hình quý nhân đang ngồi đọc sách, hai bên có hình cờ, trống hoặc như có thị vệ đứng hầu. Địa thế như vậy sẽ phát tài phát phúc, quý hiển tột bậc và lâu dài. Tuy đây chỉ là do khách sa hợp nên, nhưng là tác phẩm kỳ diệu của tạo hóa, phúc lợi vô tỉ. Nên quan sát Án sơn ứng hợp mà chọn huyệt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-38 : Khách Sa phú cục



Có một nơi Sa sơn bằng phẳng vuông vức nằm ở chính giữa, phía sau có dải Sa sơn hẹp và dài bao bọc, hai bên tả hữu có gò cao như sao Thiên Tài, đó là hình thương khố (kho hàng). Đằng trước bày ra các loại Sa sơn, có thứ giống như các cọc tiền, có thứ giống như kỷ án, có thứ như nhà kho, có thứ như thùng dấu (để đong đếm), có thứ như kẻ hầu người hạ. Các thứ ấy đều là hình ảnh phú quý. Được nơi như vậy, cũng nên căn cứ hình thái cụ thể của Án sơn mà xác lập huyệt vị, phương hướng, sẽ có phúc lộc song toàn lâu dài, gia tộc hưng vượng.

Hình 2-39 : Quý Sa hình vị



Hai hình 2-38 và 2-39 là phán đoán phúc lộc căn cứ vào phương vị của Sa sơn. Còn hình vị (hình dạng) của Sa sơn cũng là phương diện then chốt.

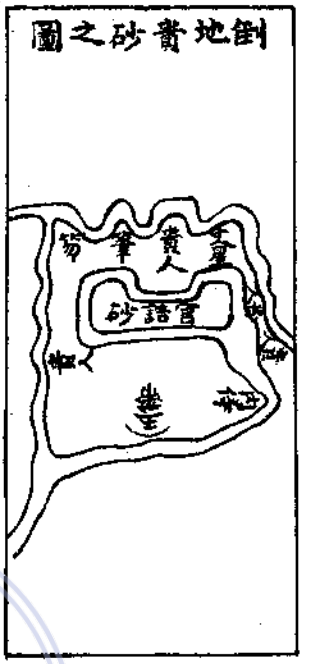
Nếu ở phương Tốn, song Sa đều thanh tú, ắt sẽ xuất hiện bậc đại quan quý hiển, hai anh em đi thi đều đậu Trạng nguyên. Nếu Thiên Mã xuất phát từ Cấn, Ly, thì quan vận hanh thông, con cháu thông minh đĩnh ngộ. Nếu phương Khôn có hình dạng như giá bút, sẽ xuất hiện quan trấn thủ. Nếu phương Canh có hình dạng chỉnh tề, sẽ có danh tướng điểm binh. Nếu Sa sơn ở phương Tân đẹp đẽ, ắt xuất hiện bậc đại thần lừng danh. Nếu phương Cấn nổi cao, cũng vậy. Nếu phương Nhâm, Quý như cái đai ngọc, thì quan tước, phúc lộc vô cùng thâm hậu. Nếu phương Chấn nổi cao, đẹp đẽ, ắt sẽ xuất hiện bậc Tể tướng hiển hách. Nếu Án sơn ở phía trước như chiếc mũ, sẽ vinh hoa quý hiển...

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

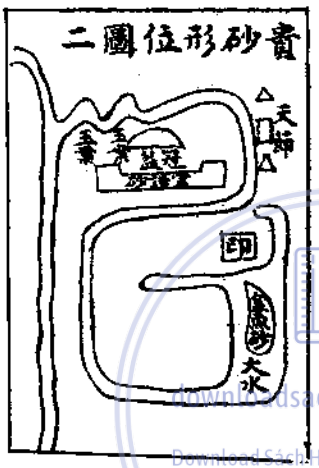
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

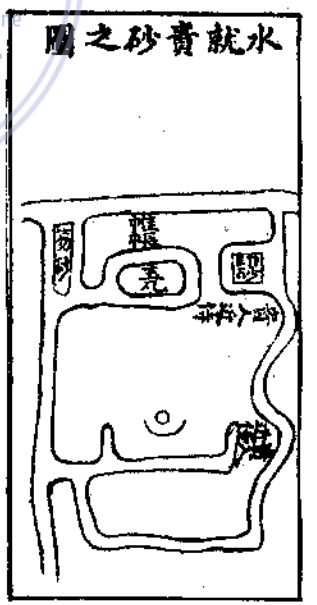
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-41 (a và b) : Đảo địa quý Sa



Nếu Sa sơn nhô cao, hình dáng rõ ràng, thì vừa nhìn đã biết nó là hung hay cát. Nếu Hà Thủy uốn lượn, địa hình cũng tùy theo Hà Thủy mà uốn lượn, địa hình như thế gọi là tinh tú đảo địa (tinh tú nằm), cũng giống như Sa sơn tú mỹ vậy. Phàm quan sát địa hình, thấy một nơi được Hà Thủy uốn lượn, hãy xem chỗ Long mạch ứng hợp, kết tụ mà chọn làm huyệt trường, quan sát chỗ Án sơn ứng hợp chỉnh tề mà định hướng đầu.





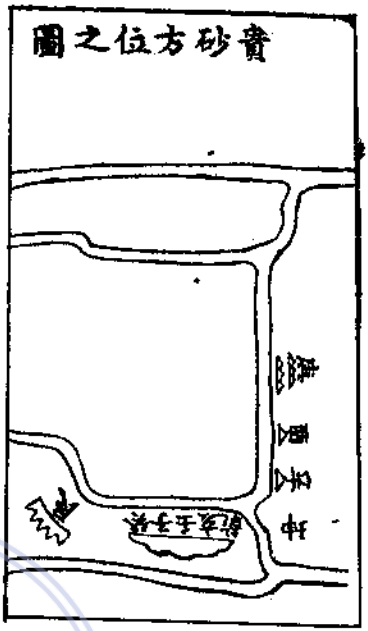
Hình 2-42 : Thủy tựu Sa quý

Một vùng lưu Thủy tụ hội, giao tiếp với nhau, uốn lượn vòng vèo, địa hình ắt có chỗ rộng chỗ hẹp, chỗ lớn chỗ nhỏ, chỗ ngang chỗ dọc, chỗ vuông chỗ tròn. Thoạt nhìn, tưởng không biết chọn chỗ nào. Nhưng quan sát kỹ, nhất định sẽ phát hiện nơi kết tụ. Đó cũng là tinh tú nằm (tinh tú đảo địa), là đất quý hiếm, chỉ bậc thầy phong thủy tài năng mới nhận biết được.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-43 (a và b) : Quý Sa phương vị



Một vùng bình dương rộng lớn không có Quan, Diệu, không có kỳ phong (đỉnh núi lạ). Nếu Long mạch thuần phác, đoan chính, thân cư ở vị trí cát lợi, thì hãy chọn; nếu Long mạch pha tạp, nham nhở, nghiêng lệch thì bỏ.

Long huyệt thân cư ở vị trí cát lợi cũng có nhiều hình dạng khác nhau, có cái giống như tiền của, tài vật dâng tặng; có cái giống như kho hàng, của cải quý giá bày ra đủ thứ; có thứ như ngọc kỷ, kim ấn; có thứ hình bán nguyệt; có thứ hình mũ cánh chuồn, hình thiên ma, hình chuông... Các hình dạng Long mạch như tượng sao, phải căn cứ vào hướng đất cụ thể mà chọn. Chẳng hạn hình tài quan phụ tử, hình Kim Thủy nhật nguyệt, hình Tam kỳ, hình Tứ thần bát tướng, đều là cát lợi, có thể chọn lấy. Một vị trí có thể không hoàn mỹ, nhưng sẽ được các tinh tú Lộc Mã, Quý Nhân, Thôi Quan, Sinh khí v.v... phò trợ. Hai đồ hình (a) và (b) ở đây chỉ là ví dụ mà thôi. Đồ hình (b) là bổ sung, dưới đây xin dịch các dòng chữ ghi bên trong đồ hình, trong phạm vi 7 cm.



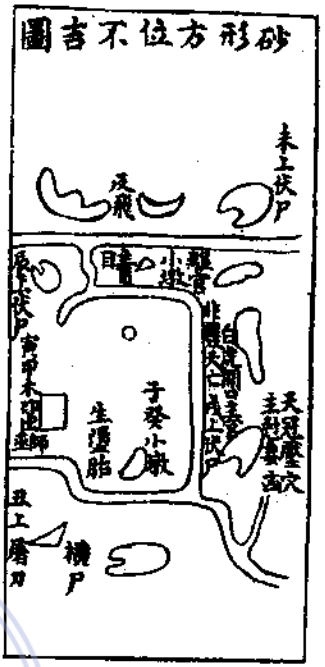
"Thiên Thị Viên tại Cấn, Thái Vi Viên, sao Thiên Quý tại Bính, chủ tước lộc của thiên hạ; Thiên Ất tại Tân, Thái Ất tại Tốn, chủ phúc trạch của thiên hạ; Thiếu Vi tại Đoài, sao Thọ tại Đinh, chủ phúc thọ. Chấn là Lôi Môn, chủ uy quyền của thiên hạ. Canh là sao uy, chủ uy quyền bốn phương và vạn vật. Tốn, Tân, Cấn là chốn văn chương; Đoài, Bính, Đinh là địa vực ty sở; Hợi là đế tòa của sao Tử Vi, thế thì có thể coi là cực kỳ tôn sùng quý hiếm".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

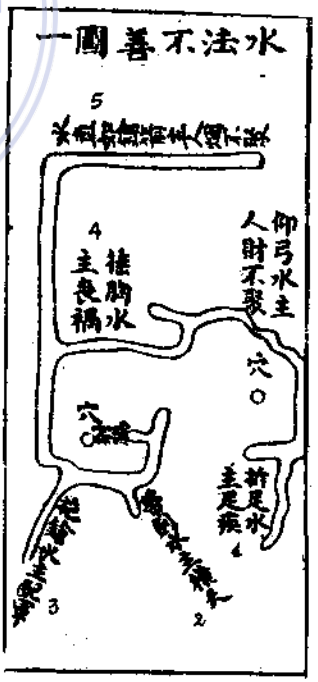
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-44 : Phương vị Sa hình không cát lợi

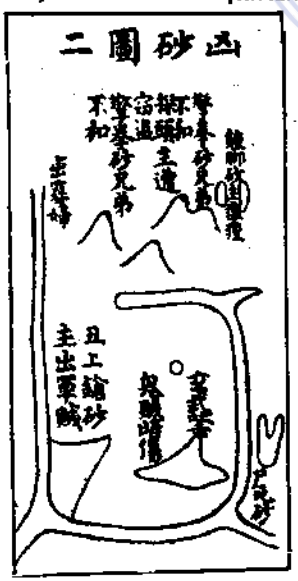


Đồ hình này biểu thị : Đã có cát Sa cát vị ở phía trước huyệt vị, lại có hung Sa hung vị ở bên cạnh huyệt vị, trở thành một sự hỗ trợ lớn cho người ta hướng cát tránh hung. Phương vị của Sa đã nói rõ ở phần trên. Hình dạng của Sa sơn nếu thanh tú, thuần phác, bao bọc thì là cát lợi; nếu nham nhở, pha tạp, nghiêng lệch, thô kệch áp huyệt, thì là hung sát. Còn phải quan sát phương vị của nó để phán đoán. Trưởng phòng nên ở giữa, trung phòng ở bên hữu, tiểu phòng ở bên tả. Nếu là người sinh năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, hình dạng phục thi (xác nằm) chủ về chết bởi dịch bệnh, hình đồ đao (dao đồ tể) chủ về bị đạo tặc cướp phá, hình cái gò nhỏ méo mó chủ bị mù lòa hoặc sẩy thai, hình dạng dẹp đẽ, rõ ràng, thuần phác chủ sản sinh bảo vật. Dù Sa sơn chủ cát, đến năm gặp phương vị xấu, cũng phải né tránh, khi kiến tạo huyệt vị lại càng phải thận trọng.

Hình 2-45 : Thủy pháp không tốt lành số 1



Nội sa trước huyệt quành ra phía ngoài, là Phản cung thủy, chủ tiền của tiêu tán, nhân đinh ly tán tử vong. Nếu là Thủy ở trước huyệt vị thẳng như mũi tên, công thương, thì cũng nguy hại không kém. Phản khiêu Thủy thì vô dụng, mà Chiết túc Thủy chủ bệnh tật, thương tật. Chủy não Thủy chủ tang gia liên miên, tai họa liên tục. Xạ hiệp Thủy chủ nữ nhân có bệnh kín, thiếu niên yểu vong. Đới tiễn Thủy chủ sinh ra có ác tật, chết sớm. Bao thương Thủy chủ vi phạm pháp luật, bị sung quân.



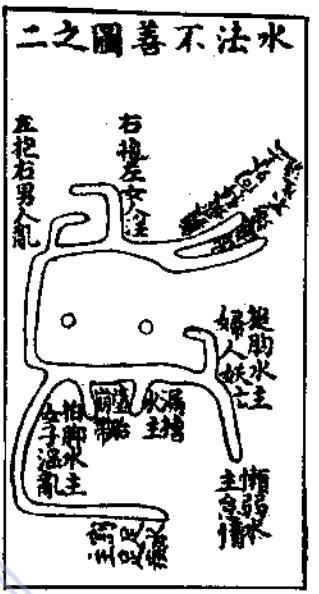
Nếu muốn tránh hung sát, phải tìm hướng cát lợi.

1. Chiết túc Thủy
2. Đới tiễn Thủy
3. Bao thương Thủy
4. Chủy não Thủy
5. Thủy trực (thẳng) như thương, tên

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-46 : Thủy pháp không tốt lành số 2



Đằng trước huyệt vị có Bao đầu Thủy, chủ dâm tà phóng đãng, gian tà âm hiểm. Đằng sau huyệt vị có Lâm tào Thủy, thì sẽ bị sẩy thai. Phách cước Thủy chủ nam nữ gian tà phóng đãng. Lâm nhược Thủy chủ nam nhân lười biếng. Hại cước Thủy chủ nhân bị tật bệnh. Hà Thủy song phi ra ngoài, chủ nam nhân chơi bời phóng đãng không hồi tâm. Hà Thủy song phi vào trong, chủ nam nữ loạn luân.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-47 : Thủy pháp không tốt lành số 3



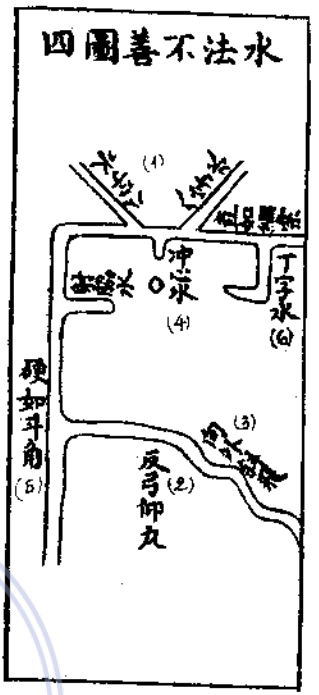
Trước huyệt vị có Hà Thủy chảy ngang qua, phía Nam phát sinh một chi lưu chảy thẳng ra ngoài, gọi là Quyển Liêm, nếu khắc phạm nó, sẽ lấy vợ kế. Nếu phát sinh hai chi lưu cùng chảy thẳng ra ngoài, gọi là Thôi Xa (đẩy xe), khắc phạm nó sẽ phải tha phương cầu thực. Nếu Hà Thủy xung phá Thiên Tâm, thì sẽ tuyệt tự. Nếu Hà Thủy xung phá Thành Cước, con trai sẽ bỏ nhà mà đi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hình 2-48 : Thủy pháp không tốt lành số 4

Nếu Hà Thủy ở trước huyệt vị có hình chữ Bát hướng ra phía ngoài (1), thì đời cháu sẽ phản nghịch, anh em tàn sát lẫn nhau. Nếu Hà Thủy ở phía sau huyệt vị chảy chếch ra ngoài (3), thì con cháu dâm loạn, du thủ du thực. Nếu Hà Thủy hình cánh cung trở ngược (2) hoặc viên ngói để ngửa, thì sẽ dẫn đến dâm đãng, bại hoại thanh danh, điền sản tiêu tán. nếu Hà Thủy xối thẳng vào tim (4), sườn (xung tâm xạ hiệp), thì tai họa, bệnh tật dồn dập. Nếu Hà Thủy thô cứng như hai cái sừng thú (5), thì con cái tính nết ngang ngạnh, hung hãn, tàn bạo. Nếu Hà Thủy hình chữ Đinh (6), thì sẽ quẫn bách và vô đạo đức.



downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình 2-49 : Thủy pháp không tốt lành số 5

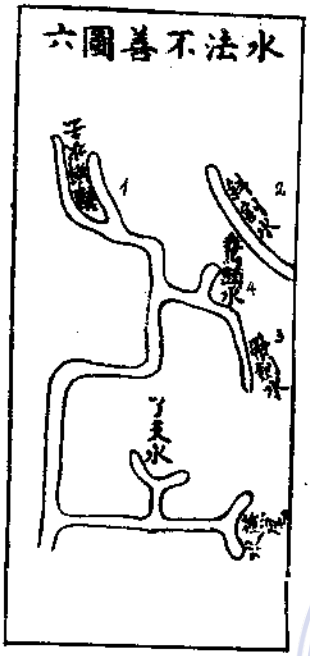
Nếu làm huyệt ở nơi Phản cung Thủy (1), thì mỗi lần gặp năm xung sẽ bị tiêu tán tài lộc. Nếu Hà Thủy như dây thừng bị ném văng đi (2), thì nữ nhân hư hỏng, tai tiếng. Nếu Hà Thủy như hình hai tay giơ ra (3), thì sẽ đi ăn mày. Nếu Hà Thủy có hình như cái chân cong queo (4), thì sẽ sinh ra hạng dâm tà, trộm cướp.



Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

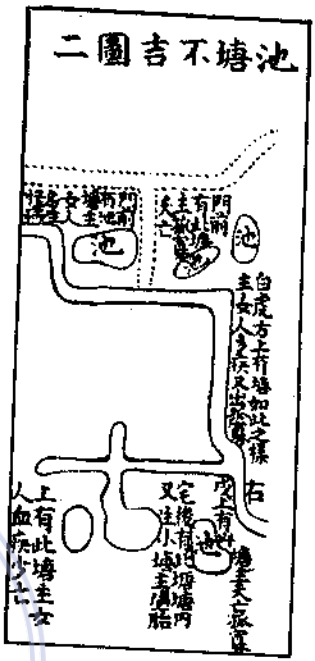
Hình 2-50 :
Thủy pháp không tốt lành số 6



Hình 2-51 :
Tri đường bất cát số 1



Hình 2-52 :
Tri đường bất cát số 2



Nếu trước huyệt vị có Ly hương Thủy chảy ra, thì sẽ bỏ nhà đi tha hương. Nếu Tả hại Thủy chảy ngang bên huyệt vị, thì tâm tính hung ác. Nếu Hữu là Thủy như hình đao kiếm nhọn hoắt, phải đề phòng tiểu nhân ám hại. Nếu Hữu là Thủy như hình đuôi én, thì tiền tài tiêu tán, không tụ lại được...

Nếu may mắn gặp thầy phong thủy tài giỏi, sẽ có cách cải biến địa hình, biến hung thành cát, hoặc di chuyển sa thạch để ngăn trở lưu Thủy, hoặc nắn Hà Thủy chảy thẳng thành hình uốn lượn vòng vèo.

Nếu trước, sau huyệt trường đều có Thủy trì (ao nước), thì phải quan sát kỹ hình thái, phương vị của nó mà phán đoán cát hung. Thủy trì cát lợi nên nắm lấy tận dụng. Thủy trì hung hiểm thì trấn áp hoặc quan bế nó.

Ngay đằng trước, ngay đằng sau huyệt trường hoặc ao nước ở mé tả dài, ở mé hữu động, thì đều là hung sát. Lại còn xem màu sắc và hương vị của nước. Nước trong, vị ngọt là cát lợi; nước đục, màu vàng, đen là hung sát.

Nếu trước, sau, hai bên tả hữu của Âm trạch và Dương trạch đều có ao nước, thì phải quan sát kỹ hình dạng chúng để phân biệt cát hung.

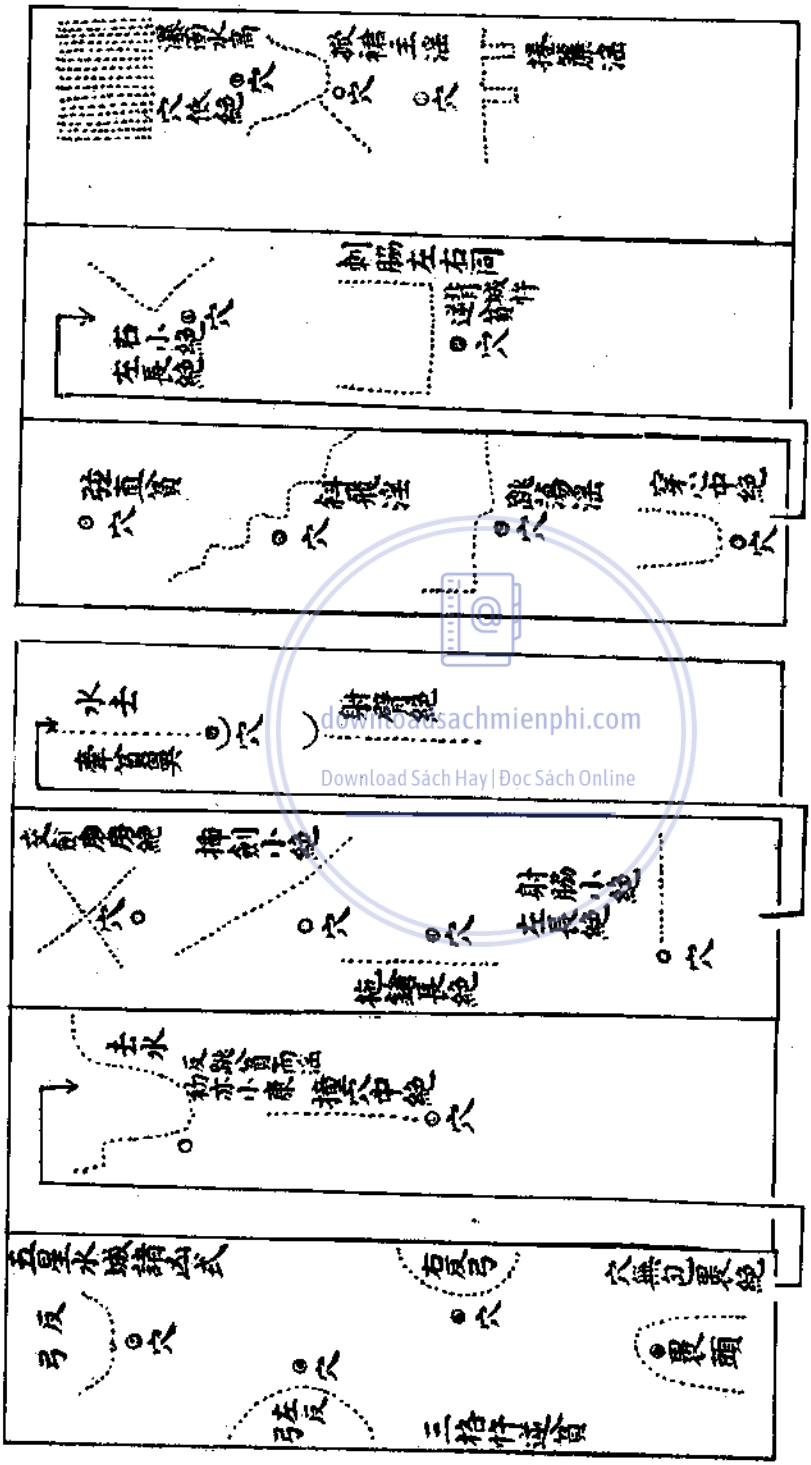
Nếu ao nước có hình dạng ngay ngắn, vuông vức như chiếc ấn, hoặc uốn cong như hình trăng lưỡi liềm, hoặc như kim tỏa (khóa vàng), ngọc kỷ, ngân đới (đai ngọc)... thì cát tường như ý.

Nếu ao nước có hình dạng méo mó, xấu xí, mùi vị xú uế, màu sắc khó nhìn, xuất từ hướng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, tất là hung hiểm bất tường. Nếu thấy ao nước như thế thì phải trấn áp, hoặc phải lấp đất để cải tạo hình dạng, dẫn nước sạch vào đó, may ra mới tránh được hung họa.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 2-53 :
Năm dạng Thủy thành hung sát
(Cung phản, Cung tả phản, Cung hữu phản, Quả đầu, Khứ Thủy)

Hình 2-54 :
Năm dạng Thủy thành hung sát
(Giao kiếm, Tháp kiếm, Đà thương, Xạ hiệp, Thủy khứ)

Hình 2-55 :
Huyền trực, Tả phi, Khiêu đăng, Xuyên tâm, Chế hiệp, đều là hung

Hình 2-56 :
Xuyên tỉ, Lâu tại, Đăng não, Hại cước, Hại hiệp... đều là hung

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐỊA LÝ DƯƠNG TRẠCH ĐẠI TOÀN

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Quyển 1 : BÍ QUYẾT

Quyển 2 : TƯỚNG HÌNH

Quyển 3 : TRẠCH PHÁP

Quyển 4 : PHÂN PHÒNG

Biên soạn : Võ Dương Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên

Bổ sung : Nam Vinh Cửu Nhất Quản Am

Tập này do các bậc thánh hiền ngày xưa viết, khởi đầu từ "Doanh Thất" của Hoàng Đế, "Tướng Trạch" của Đại Vũ, "Trạch Lạc" của Chu Thiệu, tiếp đến sách do Hoàng Thạch Công trao cho Trương Lương ở dưới cầu, rồi sách của Bá Lưu Cơ, nhà nào cũng có một quyển cất giữ như vật báu, song chưa từng được tổng hợp thành một bộ sách hoàn chỉnh, cho nên "Dương Trạch" chưa hề được lưu truyền chính thức. Tiên phụ Hứa Minh mấy chục năm dày công nghiên cứu, hỏi han cụ thể, đã soạn thành một bộ. Tôi, Hứa Vinh, bổ sung một chút nội dung để hiến cho độc giả phê bình chỉ giáo.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nội dung

ĐỊA LÝ DƯƠNG TRẠCH ĐẠI TOÀN

Trang *Trang*

Quyển 1

BÍ QUYẾT

Dương trạch bí chỉ 482
Cổ doanh tạo phủ 483
Bát trạch Thông thiên chiếu Thủy kinh 484
Bát trạch Cung môn tường phạm 485
Khẩu quyết 485
Tật bệnh ca 486
Hóa tượng ca 486
Định Đông Tây nhị trạch quyết 486
Dao Tiên ca 486
Xuyên phòng đoán pháp 488
Luận Tầng số 489
Bí quyết 491
Hựu quyết 491
Đại Du niên ca 491
Tam nguyên ca 495
24 tiết khí 495
Luận phân phòng lâm thất chính 496
Nghị hào thần hoán tượng trừu 496
Hỏa Âm và Dịch quái 496
Minh trạch thể số nguyên lưu 496
Điệp tiết hào thành quái tượng 497
Độn giáp, Cửu tinh 497
Thôi niên nguyệt xuyên cung tú 497
Dùng quẻ Liêm Trinh 498
Bát quái tổng đồ 498
Bát quái Phụ mẫu, Tử nữ, Huynh đệ, Phu phụ 499
Thái Âm tiêu diệt 500

Quyển 2

TƯỚNG HÌNH

Tướng hình chương 502
Căn cứ số gian nhà đoán cát hung 505
Thần cơ Cát tinh 508
Thần cơ Hung tinh 508
Cửu tinh hoa phúc 509
Tướng trạch diệu quyết 509
Hoàng Thạch Công tướng trạch ca quyết 510
Bát cung hóa giải 510
Luận Chiếu tinh quyết 519

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tam nguyên sinh khắc kiến ứng 519
Cửu tinh Cát Hung ca 520
Cung tinh Sinh Khắc ca 520
Tam cát đắc vị ca 520
Nội Ngoại tương khắc ca 520
Ngũ Hành Sinh Khắc ca 521
Cửu tinh xuyên phòng phản chiếu ca 521
Ngũ Hành hưng phế hạn số 521
Tinh khí nguyệt hạn 521

Quyển 3

TRẠCH PHÁP

Phương Ngung trung cung định pháp 523
Khởi kiến tân trạch 523
Thiên trạch khí khẩu 524
Dương Công lai lộ Huyền Không Yên hỏa hoạt pháp 524
Xích Tùng Tử Yên hỏa kinh 524
Lại có khẩu quyết về Yên hỏa trang quái tăng giảm nhân khẩu 525
Tai phúc ca 526
Di yên hạ hỏa nạp quái 527
Quán tỉnh đoán phòng đoán môn quyết 530
Đoán môn quyết 531
Hựu quyết 531
- Kiến trạch biến hóa ca 531
- Khảm trạch biến hóa ca 532
- Cấn trạch biến hóa ca 532
- Chấn trạch biến hóa ca 533
- Tốn trạch biến hóa ca 533
- Ly trạch biến hóa ca 534
- Khôn trạch biến hóa ca 534
- Đoài trạch biến hóa ca 535
Định trạch kinh 535
Tạp phạm ky ca 536
Phụ tuyển Trạch quyết 537
Luận Thừa khí Tu tạo quyết 537
Luận Tiết khí Thiên di quyết 538
Thiên di tỵ ky Niên, Nguyệt 538
Tu tạo Niên, Nguyệt, Nhật, Thời định quyết 539
Luận Niên, Nguyệt, Nhật, Thời 539
Luận Trạch vận cải phòng đính tân quyết 540
Luận Phương vị Hoạt pháp quyết 540
Tĩnh biến Quán tỉnh quyết 540
Cửu tinh Phản chiếu quyết 540
Gian giá môn lâu khán tường 541
Du niên định trạch Thủy pháp 541

Quyển 4

PHÂN PHÒNG

Dương trạch định luận 543
Lại Bố Y tác pháp 545
Kinh Vĩ đoán pháp 546
Di tinh biến khí 546
Hoán tượng quyết 546
Quái hào tinh lệ 547
Các Sơn quái tinh 547
Phiên quái phân phòng quyết 551
- Kiến cung tinh quái tương biến họa phúc 551
- Khảm cung tinh quái tương biến họa phúc 552
- Cấn cung tinh quái tương biến họa phúc 553
- Chấn cung tinh quái tương biến họa phúc 554

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Tốn cung tinh quái tương biến họa phúc 554
- Ly cung tinh quái tương biến họa phúc 555
- Khôn cung tinh quái tương biến họa phúc 556
- Đoài cung tinh quái tương biến họa phúc 556
Hỏa Am đồ thuyết 557
Phân cư di dời đồ thuyết 558
Nhị thập bát tú lâm cung đồ thuyết 558
Cửu tinh lưu niên lâm cung đồ thuyết 559
Thiên tỉnh chương 559
Khai môn phóng Thủy kỵ phạm Tiên, Hậu Thiên 560
Thiên tỉnh phóng Thủy 561
Bát phương khanh khảm ca 561
Bát sơn tác táo phương vị 562
Bát trạch xuyên tỉnh phương vị 563
Bát cung an thần phương vị 564
Lục súc phương vị 564
- Thập nhị sơn cục 565
Trùng gia Thái Tuế lợi hại 565
Tác, viện, ty, phủ, châu, huyện nha nghi môn pháp chế 566
- Trường hiệp hung cục ca 566
- Phương khoát cát cục ca 566
Cửu tinh Thủy pháp cát hung đoán lệ 567
Trạch đệ phong thủy 567
Phụ Thấu địa Long quyết 568
Luận An trạch sảnh đường 569
Tọa cung Thái Dương luận hướng 569
Nguyên Táng pháp chi Thủy 571
Nguyên nghĩa Hà Đồ 571
Hà Đồ tứ đại cục 573
Nguyên nghĩa Lạc Thư 574
Lạc Thư tứ đại cục 574
Nguyên nghĩa Tiên Thiên quái vị 575
Nguyên nghĩa Hậu Thiên quái vị 577
Nguyên nghĩa Tiên Thiên, Hậu Thiên tương kiến 579
Nguyên Ngũ hành nạp giáp chi nghĩa 581
Nạp giáp bát đại cục Thủy 590
Nạp giáp bát đại cục quy nguyên Thủy 590
Nạp giáp thập nhị cục tiêu diệt Hỷ Kỵ 591
Nạp giáp Quan Quỷ hào bát đại cục sát Thủy 591
Nguyên nghĩa Cách bát tương sinh 592
Nhị thập tứ cục cách bát tương sinh luật Lữ trang hạp tích 593
- Thập nhị cục Bát Can Tứ Duy 593
- Thập nhị cục Địa Chi 594
Nguyên thập nhị luật Đồng loại thú thê chi nghĩa 594
Nhị thập tứ cục cách bát tương sinh đồng canh thú thê 595
- Thập nhị cục Bát Can Tứ Duy 595
- Thập nhị cục Địa Chi 595
Nguyên nghĩa Thiên Can hóa hợp 596
Ngũ cục hóa hợp Thiên Can 596
Nguyên nghĩa Lục hợp Địa Chi 597
Lục cục hóa hợp Địa Chi 598
Thập nhị đại cục Thái Dương Thái Âm Sa Thủy 599
Nguyên nghĩa Hình, Xung, Phá, Hại 600
Ba cục Tam Hình hung Thủy 601
Thập nhị cục Lục Hại hung Thủy 601
Tứ cục Tứ Phá hung Thủy 602
Nguyên nghĩa của Trung tinh 602
Nguyên nghĩa của Hỏa tinh 603
Nguyên nghĩa Thủy pháp quẻ Phụ Bật 605
Cát hung quẻ Phụ Bật 606
Tiêu sơn Thủy pháp 607

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

BÍ QUYẾT

DƯƠNG TRẠCH BÍ CHỈ

Long mạch của Dương trạch và Âm phần không có gì khác biệt, nhưng Huyệt pháp có chỗ khác nhau. Âm huyệt có thể chọn vùng đất nhỏ, mà Dương trạch tất phải chọn nơi bằng phẳng, rộng rãi : Minh Đường phải dung nạp được ngàn người vạn mã, rồi nào cửa sảnh đường xung yếu phải lập trước, phòng chái nhà bên Đông, học đường bên Tây, thư đường, bếp núc, đình viện, lâu dài... Lại phân tỉ mỉ ra 36 dải sống nhà, phải định 360 vị trí đá chân cột, hoặc giả tại sườn núi phân bậc, cấp hoặc là tại nơi đất bằng dùng bản rộng. Bốn tinh Long Thủy, Mộc, Kim, Hỏa làm cơ sở đá chân cột là rất cát lợi, chỉ có Hỏa tinh không thật tốt, có thể dùng nó làm Âm địa, nhưng không dùng nơi đất hình mũi nhọn, nơi đặt mộ cần có khí linh hương.

Chỉ có vị trí tháp bút và nha kỳ không dùng, còn làm Dương trạch không có gì đặc biệt, càng phải có Thủy Khẩu thu thúc chặt chẽ, nhưng không quá áp cận. Thần tinh phải dựa vào Án sơn, Minh Đường rộng rãi, Án sơn ở gần Minh Đường thì địa thế không quá chật hẹp. Đó là nói cục diện Dương trạch rất lớn, ngoài ra còn có những trường hợp ngoại lệ, chia thành các cấp.

Nói đến môn đình (sân), thì trước sân không thể để cho lưu Thủy chảy xối (trực xạ) vào nhau, bằng không gia đình sẽ lục đục, bất hòa. Lại còn đề phòng Lai Thủy chảy ngược, bằng không đầy tớ sẽ mưu sát chủ nhân. Ngoài ra, phải thấy rõ Khứ Thủy (Thủy chảy đi). Khứ Thủy phải chảy qua vị trí cát lợi, Dương Thủy không được lẫn lộn pha trộn với Âm Thủy. Lai Thủy, Khứ Thủy đều cần vị trí tinh tú cát lợi, như vị trí Hợi hướng tới phương Tỵ, phương Tốn phương Tỵ đều là vị trí Tràng Sinh, Thủy lưu phải chảy chếch qua hướng Bính, hướng Đinh mà đi, bằng không phải từ mé tả chảy xuyên qua hướng Ất, rồi quành trở lại phương Tốn, phương Tỵ. Chảy xuyên qua phương Bính, phương Đinh mà đi cũng cát lợi, nhưng kỵ phương Ngọ, phương Khôn và Thân. Đương nhiên một vài tinh tú cát lợi không nằm ở hướng Khứ Thủy.

Sau khi xem Thủy lưu, phải xem đến ốc pháp (phép làm nhà). Không nên làm lầu ở đầu Long. Sảnh đường nếu quá áp gần Minh Đường, có thể bố trí chái nhà. Đầu Long đầu phượng cao là nơi kiến tạo trung đường (phòng giữa). Không được để người ngoài nhìn trộm vào trung đường, bằng không người nhà sẽ mắc bệnh tâm thần, khó bề trường thọ. Khối gỗ hình trụ áp sát đầu xà nhà cũng không tốt, chủ chết yểu, nữ nhân sớm góa bụa. Thiên tỉnh không được để thành hình chữ Nhất, vì chữ Nhất có sát khí mà ít thần khí. Ngói lợp không được cao quá 15 tầng. Bậc thềm cuối, 11 là số thích hợp, các số chẵn là không cát lợi. Nếu nhà có tổng cộng 9 gian, phân làm 3 là rất tốt. Chái nhà phía trước đừng để trống, cửa sổ phải phân bố cho tốt. Nhà nên dùng 9 cây cột, sảnh đường dùng 7 cây cột, cổng dùng 5 cây cột, các số lẻ đều là cát lợi.

Chiều cao của cột và độ cao của xà nhà cũng chọn kích thước là các số lẻ, không dùng số chẵn về thước tấc. Ngoài ra cần quan sát kỹ con đường nhỏ trước cổng. Thủy lưu cũng phải coi cho hợp; hai bên mở ra, sau đó hợp lại thành chữ Nhất, là tượng chữ Cá ( ), gọi là Đới kiếm Thủy, chủ hung họa. Thủy từ hai bên chảy ra, một phân một hợp, thành

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hình chữ Nhân, gọi là Giao kiếm Thủy, cũng chủ về hung họa, hao tài tốn của và chuốc họa sát thân. Nhiều nhà cùng đi chung một cống, Thủy lộ ngang dọc hai bên chảy tới, thì mọi tai họa đều quy về chính giữa. Thủy hai bên như vậy gọi là Trừu kiếm Thủy, rất hung hiểm. Soán Thủy từ bên cạnh chảy qua Minh Đường, gọi là Phao thương Thủy. Phía sau trung đường không thể có loại Thủy này, bằng không gia đình sẽ bất hòa, nhân đinh hiếm hoi, tài sản bị cướp đoạt.

Đầu Thanh Long không được há miệng, bằng không thì hao tài tốn của, lại bị chê cười phỉ báng.

Đầu Bạch Hổ quyết không được há miệng, bằng không, người nhà bị thương vong, tai họa, bệnh tật liên miên.

Xây dựng nhà cửa xưa nay phải theo đúng quy củ trình tự, bắt đầu từ phòng ốc, từ trong ra ngoài. Nếu xây cổng trước, chủ sẽ bị họa hình ngục. Trung đường không có người đáng tin cậy, thì tiền tài dễ tiêu tán, họa dễ tới. Kiến tạo phòng ốc hai bên mà không làm trung đường, thì con cháu trong nhà sẽ tranh giành lẫn nhau, ông bà cha mẹ không ngăn cản được, anh em bất hòa, coi nhau như kẻ xa lạ.

Nếu Lai Long ở phía sau, nơi đặt cối giã gạo đằng trước thì rất nguy hại, nhà sẽ không an, tử thần dễ thăm viếng. Lai Long ở mé hữu, cối giã gạo phải đặt ở bên hữu, nếu đặt ở bên tả, sẽ nguy hiểm vô cùng : con thơ chết sớm, tiền tài tiêu tán. Bếp núc phải bố trí ở mé tả, không được cùng phía với Bạch Hổ (vì Bạch Hổ bao giờ cũng ở mé hữu).

Dựng nhà phải theo phép trên, thì con cháu mới đông đúc, tiền tài mới hưng vượng, tránh được tai họa.

downloadsachmienphi.com

CỔ DOANH TẠO PHÚ

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Phép Âm Dương đã rõ, phép doanh tạo (xây dựng nhà cửa) càng cần thấu hiểu. Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài với 1, 6, 7, 4, 5, 3, 8, 2, số phân ra cơ, ngẫu (lẻ, chẵn) từng cặp đối xứng. Kiền làm Kiền trạch, sẽ dẫn đến quả phụ; Khôn làm Khôn cư, sẽ dẫn đến độc nhân. Kiền làm Khảm cư, trung nam sẽ vinh hoa phú quý. Khôn làm Chấn trạch, con trưởng sẽ phú quý vinh hoa.

Phép xây dựng nhà cửa không ra ngoài Bát quái, họa phúc cát hung không ra ngoài Lục thân. Suy một ra ba, sinh xuất khắc nhập là hung, sinh nhập khắc xuất là cát. Sinh với khắc chủ yếu là bàn về phương vị, cát hung họa phúc là tùy nhà ở mà tới. Nơi ở chật hẹp Âm nhiều Dương ít, phải làm ít phòng. Nơi ở rộng rãi tức Dương thịnh Âm suy, nên là nhiều phòng. Tùy tình huống mà định.

Phép đặt cổng, phóng Thủy phải đúng, bố trí bếp núc, nơi giã gạo, phòng vệ sinh đều không thể coi thường. Nhà ở là Âm tĩnh, lẽ nào lại không biết điều đó. Cổng là Dương động, là nơi họa phúc tiến vào hoặc đi ra, động có thể sinh khắc tĩnh, cát, hung, Âm, Dương gặp nhau. Sự cát hung do tương sinh tương khắc của Âm Dương cũng giống như hai vợ chồng không hợp nhau thì cuộc sống có ý nghĩa gì. Do vậy, Kiền làm cổng Khôn thì nam nhân hùng tráng, nữ nhân tiết liệt, phối hợp với Ất, con thứ sẽ rất giàu. Khảm là thuần Dương mà tiết lậu chân khí, vị trí Quý là nơi thích hợp cho gia cư của thiếu phụ, cổng Cấn phần nhiều ông già chết vợ và cô nhi lao khổ, cổng Chấn cũng sinh ra nữ nhân ế chồng. Nhà ở vị trí Khôn, cổng ở vị trí Kiền, vợ chồng trường thọ. Vị trí Nhâm, Giáp là quyền môn, mẫu thân được phong, vợ con được khen thưởng. Vị trí Đoài là đất thuần Âm, sẽ không có con cháu nối dõi. Vị trí Đinh là nơi tiết khí, sẽ không có tiền tài. Cửa Khảm ra vào một thời gian lâu sẽ sinh ra con người ương bướng, treo cổ tự vẫn, trầm mình, không kể là nam hay nữ. Nếu thông với nhà Cấn sẽ sinh ra loại gian tà, vô lễ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chấn Mộc hại Thổ, thường là đất Dương. Tốn Mộc xung phạm vị trí Khôn, thường là Âm thịnh. Phòng ốc ở hướng Nam, vị trí Ly, nhiều họa, không nên chọn. Vị trí Dần, Tuất thường sinh ra nữ nhân cô quả, chớ dùng. Canh là Âm tĩnh, Ly là Dương động, khó tránh cảnh bần hàn vì tiền tài tiêu tán. Cổng Khôn chủ về nam nữ cô quả, nhà Đoài thì hại chồng khắc con, Ất thì luôn bị lừa, Đinh cũng là vị trí tai ương, Kiền thì hại cho trưởng nam mới rõ là ứng vào sát vị, Khảm hại cho thứ nam mới rõ là Dương khí thịnh.

Cấn Thổ sinh Kim xung phạm vị trí Chấn, con trưởng bị tổn hại. Bính Hỏa từ vị trí Cấn lấn chiếm vị trí Canh, nhà sẽ nghèo khổ. Phép Tốn trạch Chấn môn dĩ nhiên có thể theo. Vị trí Ly nhiều con gái mà ít tiền tài. Vị trí Khảm không phải là nơi của trưởng nam. Vị trí Cấn là vị trí của thiên thần nên không phải là nơi ở của vợ chồng con trưởng.

Mấy điều nói trên đều đúng phép Ngũ Hành Bát quái để luận về cát hung họa phúc của Dương trạch, đều căn cứ vào Âm, Dương, được, mất mà luận. Thuần Âm thường dẫn đến quả phụ, thuần Dương thường dẫn đến cảnh góa vợ, đã ít sinh khí, lại hiếm nhân đinh, lại có tai họa như hỏa hoạn, trộm cướp. Nhà là bên trong, cổng ở bên ngoài, Sinh xuất thì tiết chân khí, hao tổn tiền tài. Khắc xuất là tài cục, chủ tiền tài dồn về; Sinh nhập là ấn thụ, chủ quan lộc hanh thông. Khắc nhập là quỷ sát, chủ kiện tụng. Nếu Âm Dương hài hòa, dù hung tướng cũng không hung, nếu phu thê không tương phối, thì dù vị trí cát lợi cũng bất lợi. Biến hóa Ngũ Hành có chia ra trước sau, họa phúc đến có nhanh chậm khác nhau. Ví dụ, vị trí Kiền làm cổng Tốn, Tốn Mộc là Dương động, thời gian dài sẽ sinh Hỏa khắc Kim, cho nên trong nhà sẽ xuất hiện quả phụ, họa đến như vậy là chậm. Nếu vị trí Kiền làm cổng Ly, Ly Hỏa không cần lâu để biến hóa mà khắc ngay Kiền Kim, quả phụ sẽ xuất hiện sớm.

Âm Dương hài hòa cũng không thể tận thiện tận mỹ. Ví dụ, vị trí Kiền làm cổng Khôn, trời đất phối hợp, phu xướng phụ tùy, nên vợ chồng có thể chung sống lâu dài. Nhưng cổng Khôn thường là lão phụ (phụ nữ già), rất ít khả năng sinh đẻ, nên phải phối hợp với Ất, Quý của vị trí Khôn, thì chồng mới có con gái. Lại ví dụ, vị trí Khôn là nhà, vị trí Cấn là cổng, nữ Âm tĩnh, nam Dương động, như vậy rất dễ phát sinh dâm loạn. Nói chung sự ảo diệu huyền cơ là vô cùng, khó miêu tả cho hết, phải căn cứ vào Can Chi trong Bát quái mà phán đoán, cũng đừng quá câu nệ, máy móc.

BÁT TRẠCH THÔNG THIÊN CHIẾU THỦY KINH

Hoàng Công tổ sư giảng phép Dương trạch : Một, phân phòng, hai, xem toàn quái (quẻ), ba, luận đường tới của Long mạch, bốn, giảng về thuật Ngũ Hành tương Sinh tương Khắc, năm, xem hào, tượng hợp thành quẻ gì. Bắt đầu hào một đã có thể đoán biết đầu mối, trước là nhất Dương gặp Âm nhị, sau nhất Âm gặp nhị biến thành Dương, căn cứ hào sơn mà đoán định. Sơ Dương phản (quay về) Âm, Âm lại phản Dương, lại do Tốn môn thành tượng bốn hào, cuối cùng xem hợp thành quẻ gì. Tây Tứ trạch phối hợp với vị trí phía Đông thường không cát lợi. Đông Tứ trạch phối hợp với vị trí phía Tây cũng vậy. Trạch Dương nhất nên phối hợp với vị trí Tốn, Khảm trạch với Ly gia, Kiền trạch với Khôn gia, Cấn trạch với Đoài gia. Kiền Đoài hợp thành quẻ Chấn Tốn, trưởng nam trưởng nữ trong gia đình nhất định bị tổn hại. Chấn Tốn hợp thành quẻ Khôn Cấn, con trẻ, bà già sẽ bị bệnh tật liệt giường. Khôn Cấn hợp thành Khảm tam Dương, con thứ hai sẽ bỏ nhà ra đi. Niên hạn Ngũ Hành tương khắc, Kiền, Đoài, Thân, Dậu là bốn phương vị Mộc. Chấn Tốn là tướng thịnh vượng, phương vị Mão, Dần

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là Mộc, sẽ khắc hại cho người mẹ. Phương vị Khôn, Cấn làm hại trung nam. Phương vị Khảm khắc Hỏa, dùng phương vị Tý, Hợi mà quét. Nhà Ly là vị trí Tỵ, Ngọ, phối hợp với cung Kim thì hại cho tuổi thọ.

Cho nên nói Âm Dương không phải chỉ là một pháp thuật thông thường. Các phong thủy sư đương thời phải phán đoán cho kỹ. Dương nhiều sẽ hại cho nữ, Âm nhiều sẽ hại cho nam, Âm Dương hài hòa thì gia đình mới phú quý, không phải chỗ nào cũng tìm phép tương phối, cho khỏi rối.

- Nếu được sao Tham Lang thì là quẻ đầu bảng, Thanh Long nhập trạch, điền trang hưng vượng, nhân đinh đông đúc, gia tài vạn quan, quanh năm an khang.
- Quẻ thứ hai là Thiên Y, Hoàng Long nhập trạch, nhiều tốt đẹp, con cháu thăng quan tăng lộc, có người thành bậc thánh hiền.
- Quẻ thứ ba là Diên Niên, Thích Vị nhập trạch, nhiều tốt đẹp, chỉ sau vài năm gia đình sẽ phát tài phát phúc, gia súc đông thành bầy.
- Quẻ thứ tư là Ngũ Quỷ, đầy hung họa, gia súc chết cả đàn, trộm cướp phá hoại, hỏa hoạn, kiện tụng, thị phi liên miên.
- Quẻ thứ năm là Lục Sát, trong nhà nữ nhân chết trước, nam nhân bị tội, gia sản tiêu tán, tù tội...
- Quẻ thứ sáu là Họa Hại. Trong vòng nửa năm nữ nhân bị chết, rồi bệnh tật triền miên, dẫn đến thành ác tật ở chân.
- Quẻ thứ bảy là Tuyệt Mệnh. Gia đình tuyệt tự, nhiều bệnh tật, gia sản tiêu tan.

Ngũ Hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ không tách rời quy luật Sinh Khắc. Đây là chân lý khẩu quyết của Hoàng Công tổ sư.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÁT TRẠCH CUNG MÔN TƯỚNG PHẠM

- Kiền môn (môn - cửa, cổng) không nên cao hơn Chấn Tốn phòng, bằng không sẽ hại cho trưởng nam, trưởng nữ.
- Đoài môn nếu cao hơn Ly phòng, sẽ hại cho người già, con trẻ.
- Khảm môn không nên cao hơn Cấn phòng, bằng không sẽ hại cho mẹ già, con trẻ. Kiền, Đoài phòng cao cũng hại cho người già, con trẻ. Ly môn cao sẽ khắc thê.
- Cấn môn không nên cao hơn Chấn Tốn phòng, bằng không sẽ hại mẹ già, con trẻ.
- Khôn môn cao hơn Ly, Khảm phòng, sẽ hại cho trung nam, trung nữ.
- Chấn môn cao hơn Kiền, Đoài phòng, sẽ hại cho trưởng nam, trưởng nữ.
- Tốn môn từ đó mà suy ra, nếu cao hơn Khôn, Cấn phòng sẽ hại mẹ già, con trẻ.
- Ly môn cao hơn Kiền, Đoài phòng, sẽ hại cho cha già, tiểu nữ (con út). Khôn, Khảm phòng quá cao, sẽ hại cho mẹ già, trung nam, trung nữ.

KHẨU QUYẾT

Tốn môn Khôn cao, mẹ già khó bề trường thọ. Kiền môn Đoài cao, Đoài môn Kiền cao, dễ xảy loạn luân. Ly môn Đoài cao, vị trí Ly Đoài ánh lửa ngút trời, hại cho tiểu nữ. Kiền môn Chấn cao, Quỷ nhập Lôi môn, hại cho con trưởng trong nhà. Khảm môn Chấn cao,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cự môn (cổng lớn) tại Chấn vị, trung nam (con trai giữa) phần nhiều chết. Khôn môn Ly cao, âm nhân thường gặp hung họa. Khảm hộ Khảm tam là nơi không phát đạt, câu trần tác khẩu Huyền Vũ chi thân. Phục vị có hai sao Phụ, Bật, không thể quán xuyến, thấu triệt, gọi là Mạt Tầng, khỏi bàn.

TẬT BỆNH CA

Kim Mộc tương khắc, có bệnh sinh tử, điên cuồng. Thủy Thổ tương phạm, gia đình lục đục bất hòa. Mộc Thổ khắc nhau sẽ hại cho tì vị (lá lách, dạ dày). Thủy Kim tương sinh, sẽ có vi trùng bệnh lao thâm nhập.

HÓA TƯỢNG CA

Thuần Dương mỗi năm đều sản sinh rất nhiều bệnh tật, thuần Âm thì khí tài rất vượng, nhưng không có con cháu nối dõi. Hào nội khắc hào ngoại, nhà sẽ bị trộm cướp. Hào ngoại khắc hào nội, chủ nhà sẽ bị thiệt hại. Âm khí tiến vào cung Dương, nhất định sẽ sinh con gái trước, Dương khí tiến vào cung Âm, sẽ sinh con trai.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

ĐỊNH ĐÔNG TÂY NHỊ TRẠCH QUYẾT

Quyết ngữ lấy "Tùng Lộc chi bàn" của Lại Bố Y làm tiêu chuẩn. Phù hợp với "Tùng Lộc chi bàn" chỉ ba phần cũng coi là được, còn bảy phần không phù hợp cũng bỏ. Do vậy dùng ba, bảy phần nạp giáp để phối hợp với hai trạch Đông, Tây hình thành nên khẩu quyết này.

DAO TIÊN CA

- *Nếu Thiên môn xuất hiện Lạc Thủy, thì sẽ phát sinh sự dâm loạn điên cuồng. Nếu Lai Thủy xâm nhập Thiên môn, trong nhà sẽ hỗn loạn, suy bại.*

  Kiền Khảm phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Kiền Khảm thuộc sao Văn Khúc, là Kim trong sinh Thủy ngoài, tuy chủ phát tài, nhưng cuối cùng khó tránh tai họa như trụy thai, hỏa hoạn, trộm cướp.

- *Đại tác Long lục sẽ hại con trưởng, thế đi của Long mạch hướng thiên, ông già bị tai ương.*

  Kiền Chấn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Kiền Chấn thuộc Ngũ Quỷ. Kim đến khắc Mộc, nên sẽ hại cho con trưởng. Hỏa đến khắc Kim, nên sẽ hại cho ông già. Nhà còn bị hỏa hoạn, trộm cắp, hình ngục, cha con bất hòa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Thiên huống Địa hộ sẽ sát hại con dâu trưởng. Địa hộ chôn vui Thiên huống, sản phụ vì khó sinh mà chết.*

Kiền Tốn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Vị trí Kiền Tốn thuộc sao Họa Hại, chủ trụy thai, vì khó sinh mà chết, nam nhân bị điên, nữ nhân tự vẫn, gia đình dù có phát tài, cũng khó tránh bị nhiều bệnh tật.

☐ *Thiên môn gặp Hỏa tinh, cha già ho lao mà chết; Hỏa đối Thiên môn, thiếu phụ bỏ mạng.*

Kiền Ly phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Vị trí Kiền Ly thuộc sao Phá Quân, do đó cha già chết bệnh, thiếu phụ gặp nạn bỏ mạng, bệnh tật, tai họa, trộm cướp kéo đến, gia nghiệp tiêu tan.

☐ *Thủy yêm Quỷ hộ, con trẻ chết yểu; Quỷ hộ qua vũng nước sâu, trong nhà có người gặp thủy nạn.*

Khảm Cấn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Vị trí Khảm Cấn thuộc sao Ngũ Quỷ, chủ khắc hại con trẻ, nhà còn có người trầm mình tự vẫn, gặp hỏa hoạn, con lớn ngỗ ngược, con thứ bỏ mạng.

☐ *Thủy ngấm vào Nhân môn, con thứ hai lụt hỏng; Nhân môn ngấm vào trong Thủy, nhà gặp họa.*

Khôn Khảm phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Vị trí Khôn Khảm thuộc sao Tuyệt Mệnh, chủ mẹ khắc con, con thứ hai bất hiếu, con nhỏ gặp họa, con gái trụy thai, nhiều bệnh tật.

☐ *Thủy đến sát sao Bạch Hổ, con gái trụy thai, tự sát. Bạch Hổ bị ngập nước, lục súc bị tổn thương.*

Khảm Đoài phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Con thứ hai bất hiếu, nam bị kiện tụng, nữ khó sinh đẻ. Con cháu dù có phát tài cũng khó tránh có người bị câm điếc.

☐ *Quỷ với Long đối đầu, con trẻ trong nhà đáng ngại. Long đầu hại Quỷ, con trẻ ốm đau.*

Cấn Chấn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn tương hỗ. Nam sẽ bị kiện tụng bức hại, nữ sẽ khó sinh nở, con trẻ ốm đau mà chết, ôn dịch tràn tới.

☐ *Quỷ vị lâm Địa hộ, dâu con bất hòa. Địa hộ gặp Quỷ vị, nữ nhi trụy thai mà chết.*

Cấn Tốn phối hợp với nhau, không tích hợp cho việc khai môn tương hỗ. Con nhỏ khó nuôi, con dâu trụy thai, nhà bị trộm cướp, tài sản tiêu tán, con hư hỏng, ốm đau.

☐ *Quỷ hộ lâm cận Độc Hỏa, đề phòng gia tộc tuyệt tự. Độc Hỏa đối Quỷ hộ, gia tộc có người câm điếc hoặc mù lòa.*

Cấn Ly phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn tương hỗ. Vợ con thứ hai bệnh tật, cha con bất hòa, là do sự tỉ hòa giữa sao Lộc Dương và sao Thổ Tú.

☐ *Long sơn nhập Nhân môn, cha mẹ bị tổn hại. Nhân môn gặp Long sơn, gia đình lao khổ bi thương.*

Chấn Khôn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Mẹ chết trước, con dâu trụy thai lưu sản, bệnh tật khổ sở, tài sản và nhân đinh giảm thiểu, là do tác hại của sao Quan Khắc.

☐ *Long vị với Hổ vị tranh đấu, lo âu triền miên, Hổ sơn nhập Long oa, thân thể bại liệt.*

Chấn Đoài phối hợp với nhau, không hợp cho việc khai môn. Sẽ hại cho trưởng nam, trưởng nữ, bệnh về mắt, mù lòa.

☐ *Địa kiếm Nhân môn, mẹ chết trước. Nhân môn nhập Địa hộ, gia vận xấu xẻo.*

Tốn Khôn phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Người mẹ gặp tai họa, bệnh tật, khó sinh, phù thũng. Trong nhà Dương suy, Âm vượng, nữ nhân làm chủ trong nhà.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Địa hộ gặp Long vị, dâu trưởng bị hại. Long vị hãm Địa, Âm suy.*

Tốn Đoài phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Dâu trưởng bị hại, Âm suy Dương vượng. Mẹ chết trước, con cháu mang bệnh.

☐ *Hỏa vị đối Nhân hộ, nữ nhân thiệt hại. Nhân hộ gặp Hỏa, nữ nhân thiệt thòi.*

Khôn Ly phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Thổ Thủy Hỏa tương khắc, bất lợi cho nữ nhân, giảm sút tài sản.

☐ *Hỏa đốt sao Bạch Hổ, gia đình khổ sở. Bạch Hổ bị Hỏa thiêu đốt, nữ nhân gặp nạn.*

Ly Đoài phối hợp với nhau, không thích hợp cho việc khai môn. Kim Hỏa xung khắc, nữ nhân bị nạn.

XUYÊN PHÒNG ĐOÁN PHÁP

☐ *Kiền vị khắc Chấn vị, hại cho con trưởng.*

Nếu làm nhà ở vị trí Chấn, lại từ Kiền vị khai môn, thì Kiền Kim dao động thế vượng, sẽ khắc Chấn Mộc, cho nên nói Kiền khắc Chấn, hại cho con trưởng.

☐ *Hỏa tinh xuất hiện tại Thiên môn, hại cho người cha.*

Nếu làm nhà tại Kiền sơn, lại từ Ly vị khai môn, mà Ly thuộc Hỏa, Hỏa khắc Kiền Kim, Kiền là cha, nên nói Hỏa gặp Thiên môn sẽ hại cho cha.

☐ *Mộc tinh khắc Thổ tinh, con nhỏ ốm yếu.*

Cấn là con trai thứ, thuộc Thổ. Nếu từ Chấn vị khai môn, thì Chấn Mộc khắc Cấn Thổ, hại cho con thứ.

☐ *Tốn vị nhập Khôn cung, cha mẹ chia ly.*

Cung Khôn là mẹ, thuộc Thổ. Nếu từ vị trí Tốn khai môn, Thổ sẽ bị Mộc khắc, người mẹ bị thiệt hại.

☐ *Đoài vị khắc Chấn Tốn, hại cho trưởng nam trưởng nữ.*

Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ, đều thuộc Mộc. Làm nhà ở hai vị trí này, nếu từ Đoài khai môn, thì Đoài sẽ khắc Chấn Tốn Mộc, nên nói trưởng nam trưởng nữ bị hại.

☐ *Khôn Khảm khắc nhau, con thứ hai chết yểu.*

Nếu làm nhà tại Khảm sơn, lại từ Khôn khai môn, thì Khôn Thổ sẽ khắc Khảm Thủy, con thứ hai bị hại.

☐ *Chấn Kiền khắc nhau, người cha khó thọ.*

Nếu làm nhà ở vị trí Kiền, lại từ Chấn khai môn, tuy Kiền Kim khắc Chấn Mộc, nhưng vì Chấn Mộc dao động thế vượng, Kiền Kim không thể khắc chế nổi Chấn Mộc, ngược lại còn bị Chấn Mộc đoạt mất Chân khí, huống hồ Chấn Mộc vượng ắt sẽ sinh Hỏa, mà Hỏa đốt Kim, nên Kiền Kim thế suy yếu, người cha chẳng thể sống lâu.

☐ *Tốn Khôn khắc nhau, người mẹ khó thọ.*

Nếu làm nhà tại Khôn sơn, lại từ Tốn khai môn, thì Tốn Mộc khắc Khôn Thổ. Mà Khôn là mẹ. Mẹ bị khắc, làm sao thọ cao.

☐ *Khảm Cấn khắc nhau, con nhỏ bệnh hoạn.*

Cấn thuộc Thổ, Thổ vốn khắc Thủy, nếu tại Khảm khai môn thì Thủy tràn lan thành họa, Thổ ngược lại bị Thủy xung phá, nên nói con nhỏ bệnh hoạn.

☐ *Cấn Ly khắc nhau, nữ nhân gặp nạn.*

Nếu làm nhà tại vị trí Ly Hỏa, lại khai môn tại Cấn, thì Thổ bị Hỏa đốt, tướng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là được Hỏa sinh hóa ra bị hại. Ly là trung nữ, nên nói là Cấn Ly khắc nhau, trung nữ bị hại.

- *Cấn Chấn khắc nhau, sản phụ bỏ mạng.*

  Chấn trạch thuộc Mộc, Chấn dao động, làm động thai. Nhưng Mộc phải nhờ có Thổ mới sống, mà tại Cấn khai môn thì động khí Thổ, Mộc mất đi đất sống, do đó nói Cấn Chấn khắc nhau, sản phụ trụy thai mà chết.

- *Cấn Tốn khắc nhau, trưởng nữ bị bệnh phong.*

  Tốn trạch thuộc Mộc, nếu khai môn tại Cấn, thì Thổ động mà Mộc mất chỗ đứng, mất sinh khí, nên nói trưởng nữ bị bệnh phong.

- *Ly Đoài khắc nhau, lửa bốc lên trời, con gái út bị hại.*

  Đoài là con gái út, nếu làm nhà ở vị trí Đoài lại khai môn ở vị trí Ly, thì Hỏa động mà khắc Kim, máu phun lên trời, con gái út bị hại.

- *Tốn Ly khắc nhau, gia nhân bị bệnh lao trầm trọng.*

  Nếu tại Cấn vị khai môn, Cấn vị động khí, như thế Tốn Mộc vị thì trưởng nữ nhất định bị hại. Nếu khai môn tại Tốn Ly, Ly vị động khí, thì con gái út (Đoài) bị bệnh lao. Nếu khai môn ở Tốn Mộc, Tốn vị động khí, sẽ sinh bệnh ho lao. Hỏa thịnh sẽ sinh bệnh lao.

Trên đây chuyên bàn thuật Khai môn tương khắc, nếu như chọn lựa được thì trong lúc kiến tạo Dương trạch sẽ không gặp họa hại, mọi người trong nhà không bị thương tổn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN TẦNG SỐ

- *Sao Tham Lang nhập cung Kiền Đoài, trong nhà con trưởng chết trước, sau đó là cha, điền trang tài sản không ai quản lý, quả phụ phòng không.*

  Kiền sơn, Đoài sơn đều thuộc Kim. Thủy là con, Mộc là cháu. Mộc tinh cao lớn thì Mộc tinh thế vượng, chiếm mất sinh khí của Thủy tinh, nên con trưởng chết trước. Mộc tinh thế vượng làm tiết giảm sinh khí của Kim tinh, nên thiệt hại cho cha. Đó đều là tác hại của Mộc tinh. Muốn quan sát hai cung Kiền Đoài xem nên khai môn ở phương nào, ví dụ làm nhà ở vị trí Đoài, khai môn ở Kiền, thì tầng thứ hai thuộc Mộc, tầng thứ nhất không nên cao quá. Nếu nói làm nhà ở Kiền, khai môn ở Đoài, thì tầng thứ 8 thuộc Mộc.

- *Sao Cự Môn nhập hai cung Tốn Chấn, trước hại tôi tớ, sau hại chủ nhân. Sao Cự Môn đến Chấn vị, trong nhà con trưởng chết. Sao Lộc Tồn đến cung Tốn, nữ nhân bỏ mạng.*

  Chấn, Tốn thuộc Thổ tinh, Mộc tinh, đối nghịch với sao Cự Môn, Lộc Tồn. Chấn Thổ là con của Hỏa, Tốn Mộc là mẹ của Hỏa. Chấn Thổ thế vượng ắt sinh khí của Hỏa bị yếu kém, sinh khí của Mộc cũng giảm sút. Do vậy, sao Cự Môn đến cung Chấn sẽ tác hại cho con trưởng, sao Lộc Tồn đến cung Tốn sẽ tác hại cho nữ nhân trong nhà.

  Nếu hai cung Chấn Tốn khai môn tại cung Ly, được sinh khí của Mộc, thì Hỏa thế vượng Thổ, Thổ tinh vượng ắt Hỏa thịnh, sinh khí của Mộc sẽ giảm thiểu. "Kinh Truyện" viết :

  > "Hỏa sinh nhờ Mộc, tai họa phát sinh, nhất định sẽ bị khắc".

- *Sao Văn Khúc nhập cung Khôn, Cấn, nam nhân bị hại, nữ nhân theo trai. Cung Cấn khắc sao Văn Khúc, hại cho nam, cung Khôn khắc sao Văn Khúc, hại cho nữ. Văn Khúc thuộc Thủy tinh.*

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hai cung Khôn, Cấn đều thuộc Thổ, nếu phòng ở vuông vức, Thủy tinh cao lớn, thì thế Thổ tinh không thể chế ngự Thủy tinh, Đại Thủy sẽ tràn lan thành họa, cho nên nam nữ sẽ có chuyện bỏ trốn. Nếu Thủy tinh tại Cấn vị, sẽ hại cho nam, tại Khôn vị sẽ hại cho nữ. Như trên, nếu Thủy tinh tại Thổ vị thì không nên quá cao lớn, cũng không nên quá thấp bé.

☐ *Cung Cấn Khảm bị khắc, trong nhà con trẻ chết. Thổ khí vượng ở cung Thủy (Khảm), con cháu chết yểu, nữ nhân có quả.*

Nếu nhà ở cung Khảm, Thổ tinh cao lớn thì bản thân Thổ sẽ bị khắc. Khảm là trung nam, nên con thứ trong nhà bị chết. Thổ khí ở cung Cấn vượng, thì Thủy khí bị xung, cha mẹ còn sống mà con cháu thì chết non, quả phụ phòng không, chịu đau khổ.

☐ *Chấn Kiền tương phối, trong nhà con trưởng khó bảo toàn mạng.*

Cung Kiền Chấn đều thuộc Dương. Kim tinh cung Chấn thế vượng, ắt con trưởng khó toàn mạng. Mộc tinh cung Kiền thế vượng, ắt khí Kim bị suy giảm, người cha do đó qua đời. Mộc tinh mà vượng thì hại cho Kim, Kiền là cha, điều này đã rõ.

☐ *Kim Tốn khắc nhau, mẹ chết, dâu trưởng chết, Âm suy Dương thịnh, con cháu điên khùng.*

Hai cung Đoài Tốn đều thuộc Âm không thích hợp Mộc Kim giao thác thế vượng. Đoài Kim thế vượng, ắt khắc Tốn, Tốn là con dâu trưởng. Nếu Tốn Mộc thế vượng, ắt chiếm đoạt sinh khí của Thủy, làm Kim bị suy. Hơn nữa, Mộc vượng ắt sinh Hỏa, Hỏa vượng ắt đốt Kim, nên chủ về tác hại đến mẹ và cô dâu trưởng, từ đó biết Âm suy Dương thịnh, con cháu trong nhà điên khùng.

☐ *Ly Khảm tương khắc thì chủ về chết chóc, nhân đinh giảm thiểu, thương thê khắc tử. Bởi vì Thủy thần và Hỏa thần xung khắc, khắc ý vị hại đến vợ con.*

Cung Ly không muốn Thủy vượng, cung Khảm không thích Hỏa vượng. Ly Khảm phối hợp với nhau, thì xung khắc, hại đến vợ con, nhân khẩu trong nhà ít dần.

☐ *Cung Cấn khắc Mộc tinh, con cháu hiếm hoi, hữu sinh vô dưỡng.*

Làm nhà ở cung Cấn, Mộc tinh không nên quá cao lớn. Mộc vượng ắt Thổ suy, mà Thổ là cơ sở sinh trưởng của vạn vật, sinh khí đã kém thì con cháu làm sao đông đúc!

☐ *Ngũ Quỷ tinh cao hiển đột xuất, với Văn Khúc tinh bình hề con trẻ trong nhà bệnh tật liên miên.*

Ngũ Quỷ thuộc Hỏa thần. Bản cung thuộc Thổ mà Văn Khúc tinh là Thủy tinh. Thủy Hỏa giao chiến Thủy vị thế tất sẽ bay lên cao, nên con trẻ bị phù thũng. Đó là do Thủy thần và Hỏa thần tác quái cung Cấn nên gọi là Ngũ Quỷ.

☐ *Cung Khảm gặp hào Quỷ, gia đình ly tán vì tai họa, con thứ phát cuồng.*

Đây là nói cung Khảm nếu thấy có hào Quỷ, thì không tốt đẹp. Thủy thần và Hỏa thần tranh chiến không ngừng, trong nhà sẽ bỏ quê đi xa, thành kẻ lang bạt tha hương, người ở lại cũng bị cường đạo gây hại, thương tổn con trẻ.

☐ *Khôn Mộc khắc nhau, chủ câm điếc, bệnh tật hại cho mẹ và nữ nhân.*

Nhà ở cung Khôn, nếu Mộc tinh quá cao lớn, thì Thổ tinh sẽ bị Mộc tinh khắc mạnh, nên rất xấu cho nữ (Khôn).

Nếu cát tinh cao lớn làm chủ, sẽ khắc chế hung tinh. Nếu hung tinh cao lớn, nhất định sẽ áp chế cát tinh.

Cửu tinh trên trời và Cửu cung dưới đất phối hợp với nhau, thuận thì phú quý thịnh vượng, gia nhân đông đúc. Nếu Dương khắc Âm cung, thì nữ nhân bị tổn hại, nếu Âm khắc Dương cung, thì gia đình bất an, gia súc tổn hại, gia nghiệp tiêu tan.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

BÍ QUYẾT

Hoán tượng đổi hào có nhiều cách, ba người đồng hành trên cùng một mảnh đất nhưng nhắm các mục đích khác nhau, cho nên thần tiên trển trời chỉ dẫn cho ta rất nhiều lối đi, người thông minh muốn học, chịu khó lĩnh hội, sẽ nắm được phép nạp giáp, khai môn, bố cung (phân bố các cung).

HỰU QUYẾT

Nếu Giáp sơn làm hướng Canh, lấy Kiền trạch mà luận Khai môn. Nếu xét theo Đại Du niên ca, thì Kiền Lục Thiên Ngũ, nhất định sẽ có họa kéo dài đến con cháu. Nếu tính thuận, có thể thấy 8 phương, 24 hướng, thấy phương hướng nạp giáp, khai môn, định sự cát hung.

ĐẠI DU NIÊN CA

(Rút từ "BÁT TRẠCH CHU THƯ" của Hoàng Đế)

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Kiền Lục Thiên Ngũ Họa Tuyệt Diên Sinh[1]
Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Họa Lục
Cấn Lục Tuyệt Họa Sinh Diên Thiên Ngũ
Chấn Diên Sinh Họa Tuyệt Ngũ Thiên Lục
Tốn Thiên Ngũ Lục Họa Sinh Tuyệt Diên
Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Họa Sinh Thiên
Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Họa Ngũ Lục
Đoài Sinh Họa Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên
Phụ y niên mệnh khí hại nhi sát.
Phục vị, Nhất bạch, Tam bích, Lục bạch, Thất xích,
Tứ lục, Ngũ hoàng, Nhị hắc, Cửu tử.
Sao Hữu Bật, Cự Môn, Vũ Khúc, Phá Quân, Tham Lang,
Lộc Tồn, Liêm Trinh, Văn Khúc.

Xuất phát từ bổn cung, tính thuận, có thể thấy cát hung ở phương nào.

Phụ chú hình từ H. 3-1 đến H. 3-10.

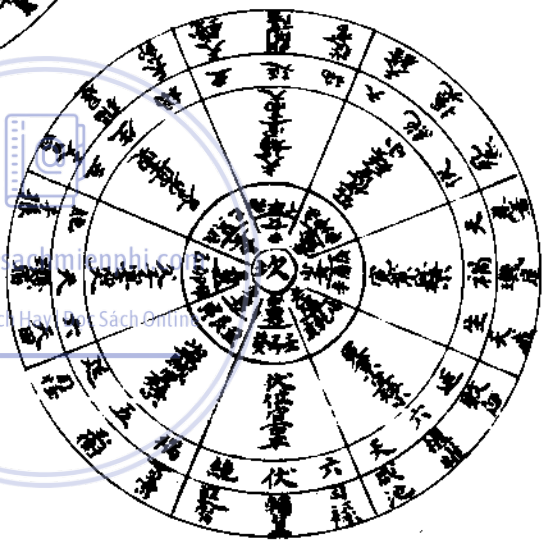
(1) Trong Du Niên ca, Thiên là Thiên Y, Họa là Họa hại, Tuyệt là Tuyệt Mạng, Diên là Diên Niên, Sinh là Sinh Khí, Ngũ là Ngũ Quỷ, Lục là Lục sát.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-1 :
Kiến Lục, Thiên, Ngũ, Hỏa, Tuyệt, Diên, Sinh



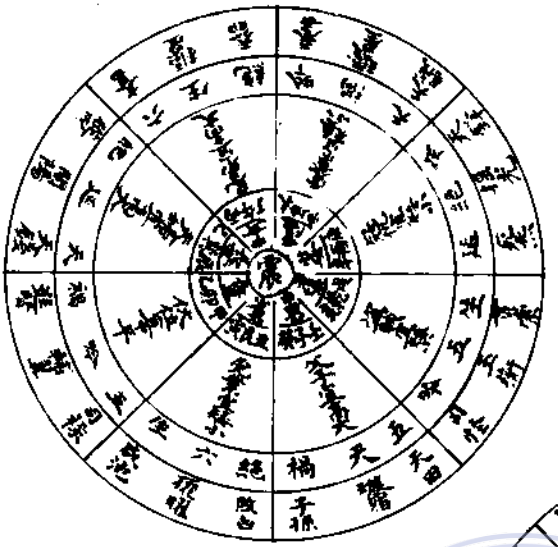
Hình 3-2 :
Khảm Ngũ, Thiên, Sinh, Diên, Tuyệt, Hỏa, Lục



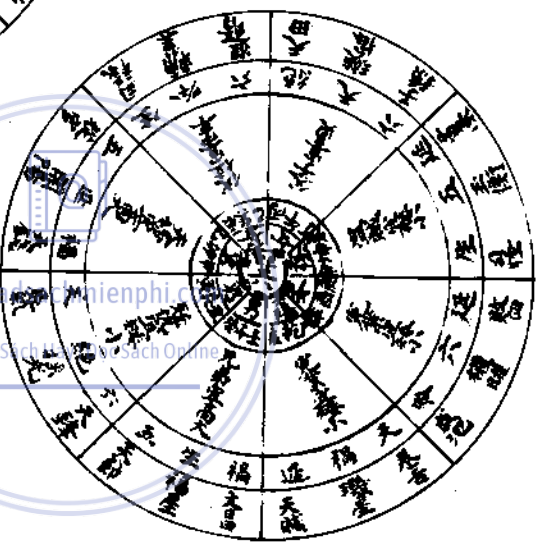
Hình 3-3 :
Cấn Lục, Tuyệt, Hỏa, Sinh, Diên, Thiên, Ngũ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

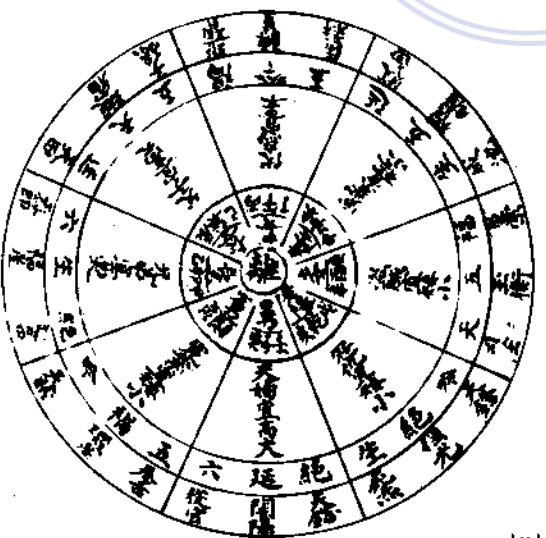
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-4
Chấn Diên, Sinh, Họa, Tuyệt, Ngũ, Thiên, Lục



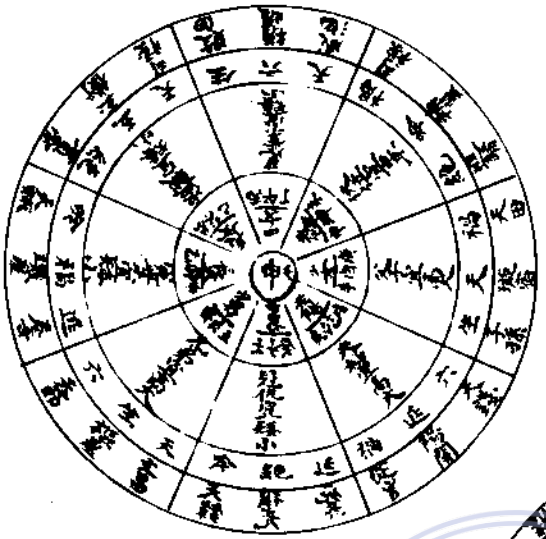
Hình 3-5 :
Tốn Thiên, Ngũ, Lục, Họa, Sinh, Tuyệt, Diên



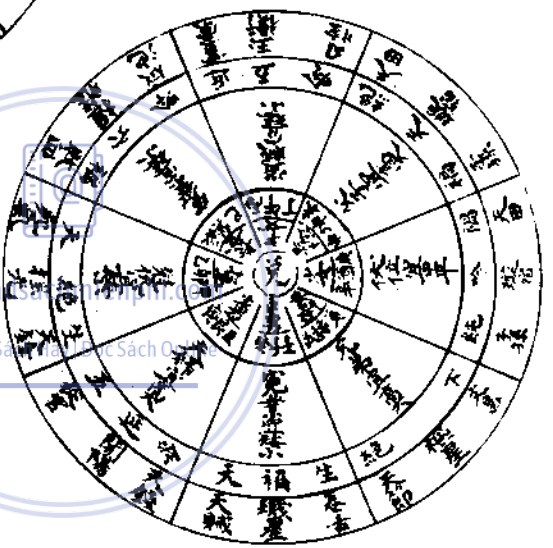
Hình 3-6 :
Ly Lục, Ngũ, Tuyệt, Diên, Họa, Sinh, Thiên

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-7 :
Khôn Thiên, Diên, Tuyệt, Sinh, Họa, Ngũ, Lục



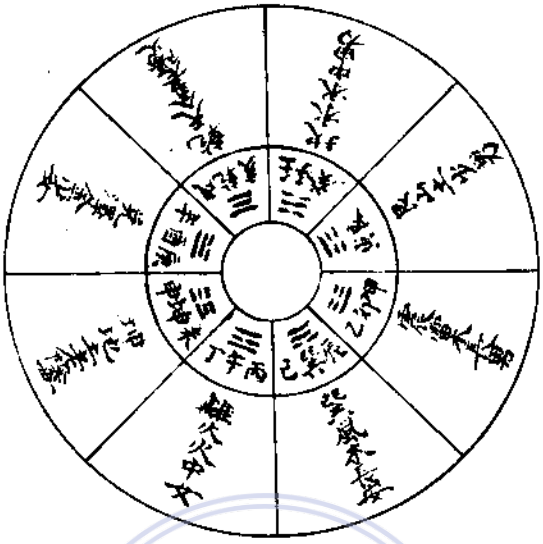
Hình 3-8 :
Đoài Sinh, Họa, Diên, Tuyệt, Lục, Ngũ, Thiên



Hình 3-9 :
Bát quái phối hợp nạp giáp tiết khí

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 3-10
Bát quái phối hợp Ngũ Hành lão thiếu trung trưởng

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TAM NGUYÊN CA

Dương trạch, thuộc Dịch tượng. Trong Bát quái, mỗi quẻ đều sinh thành bảy quẻ con, nên có 64 quẻ. Mỗi quẻ lại phân ra 6 hào, nên có 384 hào. Đó là căn bản để xây dựng nhà cửa, ví dụ Âm Dương sinh Nhân, Âm 6 Dương 9, nam 3 nữ 3, tổng cộng 21 số. Thí dụ Giáp Tý có 60 thượng nguyên, 60 trung nguyên, 60 hạ nguyên, tổng cộng 180 số. Lại như Cửu cung, Khảm là 1, Khôn là 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9, tổng cộng 45. Thí dụ Thiên Can Địa Chi, Giáp Kỷ Tý Ngọ là 9, Ất Canh Sửu Mùi là 8, Bính Tân Dần Thân là 7, Đinh Nhâm Mão Dậu là 6, Mậu Quý Thìn Tuất là 5, Tỵ Hợi là 4, tổng cộng 148 số. Đem cộng với các số bên trên thì vừa đúng 384, tạo nên gốc để tạo khởi trạch.

24 TIẾT KHÍ

Hai mươi tư tiết khí là những ngày vượng của Bát trạch. Thí dụ, dựng nhà ở Kiền vị thì chọn ba tiết khí Lập Đông, Sương Giáng, Tiểu Tuyết. Ở Khảm vị, chọn ba tiết khí Đại Tuyết, Đông Chí, Tiểu Hàn. Ở Cấn vị, chọn ba tiết khí Đại Hàn, Lập Xuân, Vũ Thủy. Ở Chấn vị, chọn ba tiết khí Kinh Trập, Thanh Minh, Xuân Phân. Ở Tốn vị, chọn ba tiết khí Cốc Vũ, Lập Hạ, Tiểu Mãn. Ở Ly vị, chọn ba tiết khí Mang Chủng, Hạ Chí, Tiểu Thử. Ở Khôn vị, chọn ba tiết khí Đại Thử, Lập Thu, Xử Thử. Ở Đoài vị, chọn ba tiết khí Bạch Lộ, Thu Phân, Hàn Lộ.

Mỗi tiết khí bao gồm 45 ngày, đều là tháng sinh khí của bổn trạch. Nếu xây dựng nhà ở theo phép trên, có thể hưởng khí Vượng mà tránh khí Suy Bại.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN PHÂN PHÒNG LÂM THẤT CHÍNH

Số phân phòng phải tương hợp với số tinh cực, tức là 1 hợp với 9 thành 10, 2 hợp với 8 thành 10, 3 hợp với 7 thành 10, 4 hợp với 6 thành 10, 5 hợp với 10 thành 15, tổng cộng có 55, chính là số "Hà Đồ". Trừ đi 10 còn 45, Cửu cung ngang dọc, Bát quái hóa 384 hào, nguyên khí của Dương trạch ở cả đó. Người thời nay chỉ biết Khảm Ly tại vị trí Bắc Nam, Chấn Đoài tại Đông Tây, không biết rằng có phương hướng Đông Tây cũng có vị trí Khảm Ly, phương hướng Nam Bắc cũng có Chấn Đoài, gọi là Thìn Tý, Thân Khảm; Tỵ Sửu, Dậu Đoài; Hợi Mão, Mùi Canh, Chấn; Ất, Quý Khôn; Tân Tốn; Dần Tuất, Ngọ Ly; Bính Cấn; Nhâm Giáp, Càn v.v...

NGHỊ HÀO THẦN HOÁN TƯỢNG TRỪU

Trong Bát trạch, hào Sơ đều là Hỏa Am, hào nhị là thủ xả, nếu biến đổi sắp đặt quẻ không hợp bổn trạch cát lộ, thì đành bỏ thủ xả (hào nhị). Lấy Nam là Âm, lấy Bắc là Dương, hoặc Âm cải Dương, hoặc Dương cải Âm, đều tự nhiên hợp phép, hào ngoại hào nội cũng như vậy.

Thí dụ, Kiền trạch sắp (đặt) thành quẻ Chấn, biến quái thành Đoài, Khảm trạch sắp thành quẻ Cấn, biến thành quẻ Tốn, thì gọi là Ngũ Quỷ tu Sinh Khí. Cấn trạch sắp thành quẻ Khôn, biến quái thành quẻ Khảm, thì gọi là sao Họa Hại bổ sung sao Thiên Y. Tốn trạch sắp thành quẻ Cấn, biến quái thành quẻ Tốn, Ly trạch sắp thành quẻ Kiền, biến quá thành quẻ Ly, thì gọi là sao Tuyệt Mệnh thêm sao Phục Vị. Khôn trạch sắp thành quẻ Ly, biến quái thành quẻ Kiền, Đoài trạch sắp thành quẻ Tốn, biến quái thành quẻ Cấn, thì gọi là sao Lục Sát tu tạo sao Diên Niên.

HỎA AM VÀ DỊCH QUÁI

Dịch có Tứ Tượng. Tứ Tượng là Lão Dương, Lão Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm. Dương chủ thuận, từ ít đến nhiều, lấy 7 làm Thiếu Dương, 9 làm Lão Dương. Âm chủ nghịch, từ nhiều đến ít, lấy 8 làm Thiếu Âm, 6 làm Lão Âm. Đều căn cứ vào Tứ Tượng mà tính toán. Lão Dương đắc 36, Lão Âm đắc 24, cộng lại vừa chẵn 60. Thiếu Dương đắc 32, Thiếu Âm đắc 32, cộng lại là 64.Âm Dương phối hợp là số tự nhiên của thiên địa, hoàn toàn không phải ý muốn con người. Số 120 là số cực của tự nhiên thiên địa. Dương từ 7 giảm đến 1 thì tận cùng, Âm từ 8 giảm đến 4 thì tận cùng.

MINH TRẠCH THỂ SỐ NGUYÊN LƯU

Thể số của Bát cung trạch có căn nguyên Âm Dương định cho muôn đời, nếu muốn tu tạo, di chuyển vị trí, không bao giờ được xung phạm trùng Dương, trùng Âm. Ví như, từ phương hướng Tây Bắc xê dịch đến phương hướng chính diện là Ly trạch, qua vài ngày lại từ Ly trạch chuyển đến Đoài vị hoặc đổi thành Khôn trạch, Ly trạch là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tam Âm, Đoài vị là nhị Âm, Khôn vị là ngũ Âm, tổng cộng là 10 khí Âm. Tại nơi này cư trú bất lợi. Nếu từ phương Chính Nam di chuyển đến phương Chính Bắc, gọi là Khảm trạch, qua vài ngày lại từ Khảm trạch di chuyển đến Chấn vị hoặc đổi thành Cấn vị, Khảm vị là tam Dương, Chấn vị là nhị Dương, Cấn vị là ngũ Dương, tổng cộng là 10 khí Dương, cư trú tại nơi này cũng không cát lợi. Âm Dương phải phối hợp hài hòa mới là nơi ở cát lợi.

ĐIỆP TIẾT HÀO THÀNH QUÁI TƯỢNG

Lặp (điệp) hào tượng sẽ là quẻ hôn nguyên phối.

Thí dụ, Kiền trạch tọa Bính hướng Nhâm, lập hào thành quẻ Thái; Khảm trạch sinh Giáp hướng Canh, lặp hào thành quẻ Vị Tế; Cấn trạch tọa Ất hướng Tân, lập hào thành quẻ Hàm; Chấn trạch tọa Canh hướng Giáp, lặp hào thành quẻ Phệ Hạp.

Tốn quái tọa Nhâm hướng Bính, tu thành quẻ Địa phong thăng; Ly trạch tọa Tân hướng Ất, lập thành quẻ Trạch Hỏa cách; Khôn trạch tọa Cấn hướng Khôn, lập thành quẻ Thuần Khôn; Đoài trạch tọa tân hướng Ất, lập thành quẻ Thuần Đoài. Còn có quẻ Bính, Nhâm cộng thành số 13, giảm 8 còn 5, là quẻ địa Thiên Thái.

ĐỘN GIÁP, CỬU TINH

downloadsachmienphi.com

Phép Bát trạch tất phải trước hết nắm vững Độn giáp, Dịch tượng, rồi mới biết chỗ ảo diệu của Trạch nguyên. Thiên 1 sinh Thủy, phối hợp với Địa 6; Thiên 3 sinh Thổ, phối hợp với Địa 10. Cho nên nói đội 9 giẫm 1, trái 3 phải 7; 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân, 5 ở giữa, ngang dọc Cửu cung thành 15, Cửu tinh chuyển vận theo Cửu cung.

THÔI NIÊN NGUYỆT XUYÊN CUNG TÚ

Theo Địa chi của năm, chọn vị trí đối ứng, trong Bát quái lấy tinh nhập cung trung, năm Dương đi thuận, năm Âm đi nghịch, đi đến bản trạch (phương vị làm nhà), để chọn cát tránh hung. Thí dụ, năm Tý sao Nguy ở quẻ Kiền, năm Sửu sao Nguy ở quẻ Khảm, năm Dần sao Ngưu khắc quẻ Cấn, năm Mão sao Hư ở quẻ Chấn, năm Thìn sao Hư ở quẻ Tốn, năm Tỵ sao Đê ở quẻ Ly, năm Ngọ sao Đê ở quẻ Khôn, năm Mùi sao Tinh ở quẻ Đoài, năm Thân sao Sâm tại quẻ Kiền, năm Dậu sao Quỷ tại quẻ Khảm, năm Tuất sao Tất tại quẻ Cấn, năm Hợi sao Chủy tại quẻ Chấn.

Nguyệt Tú : Tháng Giêng sao Vĩ, tháng Hai sao Phòng, tháng Ba sao Cang, tháng Tư sao Dực, tháng Năm sao Tinh, tháng Sáu sao Quỷ, tháng Bảy sao Chủy, tháng Tám sao Ngang, tháng Chín sao Lâu, tháng Mười sao Thất, tháng Mười Một sao Hư, tháng Chạp sao Ngưu. 12 phân phòng này đều không có sao đối ứng thẳng, chỉ dùng lậu tú (sao rơi rớt) cũng được.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

DÙNG QUẺ LIÊM TRINH

Sao Liêm Trinh mình nó quản trung ương, hai đầu, tùy cung giữa mà chuyển đuôi, tùy sao Tham Lang mà quay đầu. Thập ngũ phân phòng, ngũ phân, tứ chính giao hoán, cung Tý là Ly 9. Sao Hữu Bật cư ở phương Chính Bắc, cung Ngọ là Khảm 1, sao Tham Lang cư ở phương Chính Nam, ắt đầu sao Liêm Trinh phải tùy sao Hữu Bật mà quay sang hướng Chính Bắc, thành hình tượng treo ngược. Người mới học quẻ biết được thiên cơ đó, biết vào lúc đó tiểu tu bát trạch thì bất kể năm tháng ngày giờ, chỉ chọn lúc sao Liêm Trinh treo ngược là được. Không cần câu nệ hướng Đông Tây Nam Bắc, cũng bất kể bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, đều có thể tu tạo bát trạch.

BÁT QUÁI TỔNG ĐỒ

Hậu Thiên lập quái là theo Tiên Thiên Bát quái đồ. Trong một quẻ có Phục vị, Tham vị (thành viên). Thí dụ, các quẻ Kiền, Cấu, Độn, Phủ, Quan, Bác, Tấn, Đại Hữu... thuận theo thứ tự. Tiếp đó từ quẻ Đại Hữu biến thành quẻ Kiền, thì sinh khí của Thiên hoàn kết.



1. Càn; 2. Đoài; 3. Ly; 4. Chấn; 5. Tốn; 6. Khảm; 7. Cấn; 8. Khôn
a. Kim; b. Thổ; c. Thủy; d. Mộc; e. Hỏa

Lại như, các quẻ Khảm, Tiết, Truân, Ký Tế, Cách, Phong, Minh Di, Sư thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Sư đến quẻ Khảm, thì sinh khí của Thủy hoàn kết.

Lại như các quẻ Cấn, Bôn, Đại Súc, Tổn, Khuê, Lý, Trung Phù..., thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Trung Phù lại biến thành quẻ Cấn, thì sinh khí của Sơn hoàn kết.

Lại như các quẻ Chấn, Dự, Giải, Hằng, Thăng, Tỉnh, Đại Quá..., thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Đại Quá trở lại quẻ Chấn, thì sinh khí của Sấm hoàn kết.

Các quẻ Tốn, Tiểu Súc, Gia Nhân, Ích, Vô Vọng, Phệ Hạp, Di, Cổ... thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Cổ trở lại quẻ Tốn, thì sinh khí của Phong hoàn kết.

Các quẻ Ly, Lữ, Đỉnh, Vị, Tế, Mông, Hoán, Tụng, Đồng Nhân... thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Đồng Nhân trở lại quẻ Ly, thì sinh khí của Hỏa hoàn kết.

Các quẻ Khôn, Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Nhu, Tỉ... thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Tỉ trở lại quẻ Khôn, thì sinh khí của Địa hoàn kết.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Các quẻ Đoài, Khôn, Tụy, Hàm, Kiển, Khiêm, Tiểu Quá, Quy Muội thuận theo thứ tự, tiếp đó quẻ Quy Muội trở lại quẻ Đoài, thì sinh khí của Đầm trạch hoàn kết.

BÁT QUÁI PHỤ MẪU, TỬ NỮ, HUYNH ĐỆ, PHU PHỤ

Bát quái tám lần biến, ắt Sinh khí của trời, đất, sấm, gió, nước, lửa, núi, đầm đều hoàn kết.

Sự thành công hay thất bại khi xây dựng nhà ở cũng nằm trong Sinh khí biến đổi theo Ngũ Hành. Thí dụ, làm nhà ở Kiền vị thuộc Kim, sinh khí của Kim chỉ có 40 năm; làm nhà ở Khảm thuộc Thủy, sinh khí của Thủy chỉ có 29 năm; làm nhà ở Cấn thuộc Thổ, sinh khí của Thổ chỉ có 33 năm; làm nhà ở Chấn thuộc Mộc, sinh khí của Mộc chỉ có 31 năm; làm nhà ở Tốn thuộc Mộc, sinh khí của Mộc chỉ có 35 năm; làm nhà ở Ly thuộc Hỏa, sinh khí của Hỏa chỉ có 34 năm; làm nhà ở Khôn thuộc Thổ, sinh khí của Thổ chỉ có 29 năm; làm nhà ở Đoài thuộc Kim, sinh khí của Kim chỉ có 36 năm. Khí dư, Khí thiện với Khí tận, Khí ác đều là đặc tính cố hữu của bản thân Ngũ Hành, không phải là gán ép cho chúng, đó là số tự nhiên của Ngũ Hành, cho nên nói trong cái vô hình lại có thực hình, quan sát cái ảo diệu vô hình mà cầu cái cát lợi, né tránh hung hiểm. Thông qua điều thuật bên trên, chúng ta có thể tìm ra cách tốt nhất.

Bát quái biến đổi là do Kiền Khôn 1, 2, 3 lần lượt trao đổi vị trí lẫn nhau mà hình thành. Kiền là Lão Dương thuộc Kim, Khảm là trung nam thuộc Thủy, Cấn là thiếu nam thuộc Thổ, Chấn là trưởng nam thuộc Mộc, Tốn là trưởng nữ thuộc Mộc, Ly là trung nữ thuộc Hỏa, Khôn là Lão Âm thuộc Thổ, Đoài là Thiếu nữ thuộc Kim, đều là sự biến cải vị trí Âm Dương. Lấy Cửu tinh mà vận dụng vào phương vị Âm Dương, thì là biến hóa Ngũ Hành tự nhiên, không phải do ý muốn an bài của con người. Trên cơ sở đó lại phối hợp với Thiên can, Địa chi, thì có thể định được sự cát hung.

Ví như Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông Tứ trạch, Kiền, Khôn, Cấn, Đoài là Tây Tứ trạch; Đông Tứ trạch không thể xung phạm Tây Tứ trạch và ngược lại, như vậy Âm Dương Lão Thiếu mới có sự phối hợp hài hòa với nhau. Sự vận dụng ảo diệu phép Bát trạch hoàn toàn là dựa vào lý lẽ này, người lãnh hội được sự ảo diệu của vũ trụ mới vận dụng được nó.

Kiền, Lão Dương là tổ phụ, ba hào nội là Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, ba hào ngoại là Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất, cho nên nạp Giáp Nhâm. Giáp Nhâm lấy Kiền vị làm cha (phụ), Kiền vị lấy Giáp Nhâm làm con (tử), Giáp với Nhâm là anh em (huynh đệ), sau tiết Hạ chí, Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất là 6 ngày Đại Không Vong.

Khôn, Lão Âm là tổ mẫu, ba hào nội là Ất Mùi, Ất Tỵ, Ất Mão, ba hào ngoại là Quý Sửu, Quý Hợi, Quý Dậu, cho nên nạp Ất Quý. Ất Quý lấy Khôn làm mẹ, Khôn lấy Ất Quý làm con gái, Ất với Quý là chị em, sau tiết Đông chí sáu ngày Ất Mùi, Ất Tỵ, Ất Mão, Quý Sửu, Quý Hợi, Quý Dậu là ngày Đại Không Vong.

Kiền Giáp Nhâm sơn khai môn tại Khôn Ất Quý, Khôn Ất Quý sơn khai môn tại Kiền Giáp Nhâm, như vậy là trời đất định vị. Kiền sơn khai môn tại Ất Quý; Khôn sơn khai môn Giáp Nhâm, lấy Lão phối hợp với Thiếu, là sự giao phối thiên địa. Kiền Giáp Nhâm sơn dùng ngày Khôn Ất Quý tu tạo, Khôn Ất Quý sơn dùng ngày Kiền Giáp Nhâm tu tạo, cũng là trời đất định vị, Diên Niên cát nhật, còn Tam Giáp, Tam Nhâm, Tam Quý không nằm trong số đó.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cấn là Thiếu nam, Bính là con của Thiếu nam. Cấn với Đoài phối hợp thành phu phụ (vợ chồng). Bính với Đinh phối thành phu phụ, Tỵ Sử là chị, Cấn phối với Đinh Tỵ, Đoài Tỵ phối với Bính thì Lão, Thiếu bất đồng.

Đoài là Thiếu nữ, Đinh Tỵ là con gái của Thiếu nữ, với Cấn là chính phối, với Bính là tá phối. Đinh với Bính là chính phối, với Cấn là tá phối, Tỵ Sửu với Cấn Bính là thông khí.

Lão Âm phối với Lão Dương, thiên địa định vị, Thiếu Âm phối với Thiếu Dương, núi đầm thông sinh khí. Dương trạch là Tây Tứ, không được xung phạm Đông Tứ, chọn Lục Bính làm ngày Cấn, Lục Đinh làm ngày Đoài, Cấn dùng ngày Khôn là tiêu trưởng, Đoài dùng ngày Kiền làm tức diệt. Cấn Bính sơn khai môn tại Đoài Đinh Tỵ Sửu, Đoài Đinh Tỵ Sửu khai môn tại Cấn Bính, thì cuối cùng là núi đầm thông sinh khí.

Chấn là trưởng nam, Canh Hợi Mùi là con Chấn với Tốn phối thành vợ chồng, Canh với Hợi phối thành vợ chồng, Canh Hợi Mùi là anh em, với Tân là chính phối, với Tốn là tá phối.

Tốn là trưởng nữ, Tân là con gái của trưởng nữ. Tốn với Chấn là chính phối, với Canh Hợi Mùi là tá phối. Tân với Canh Hợi Mùi là chính phối, với Chấn là tá phối.

Chấn Canh Hợi Mùi sơn khai môn tại Tốn Tân. Tốn Tân sơn khai môn tại Chấn Canh Hợi Mùi. Chấn Canh Hợi Mùi là sấm, với gió là sát phạt nhau. Lục Canh là ngày Chấn, Lục Tân là ngày Tốn, chọn lựa như nói trên.

Khảm là trung nam, Thân Thìn là con trai của Khảm. Khảm với Ly là chính phối, với Dần, Tuất là tá phối. Thân Thìn là anh em, với Dần Tuất là chính phối, với Ly là tá phối. Ngày nạp Lục Mậu.

Ly là trung nữ, Dần Tuất là con gái của Ly. Ly với Khảm là chính phối, với Thân, Thìn là tá phối. Dần Tuất là chị em, với Thân Thìn là chính phối, với Khảm là tá phối. Ngày nạp Lục Kỷ.

Khảm Thân Thìn tam sơn khai môn tại Dần Ngọ Tuất Nhâm, Dần Ngọ Tuất Nhâm tứ sơn khai môn tại Khảm, Thân, Thìn, là Dương trạch Thủy Hỏa không tương xạ. Khảm Ly Chấn Tốn là Đông Tứ trạch, không được xung phạm Tây Tứ trạch, cần chọn bốn chữ khả dĩ phối hợp với nhau không gây xung đột, Thái Âm bị diệt và Khảm Ly vẫn còn.

Tu tạo Chấn Canh Hợi Mùi sơn thì ngày Lục Tân là Diên Niên, Lục Kỷ là Sinh Khí, Lục Mậu là Thiên Y, Lục Canh là Phúc Đức, mồng 3 đến mồng 7 là tức nhật (ngày nghỉ).

Tu tạo Tốn Tân sơn, lấy ngày Lục Canh làm Diên Niên, Lục Mậu làm Sinh Khí, Lục Kỷ làm Thiên Y, Lục Tân làm Phúc Đức, ngày 18 đến ngày 22 làm ngày nghỉ.

Tu tạo Khảm Thân Thìn sơn, lấy ngày Lục Kỷ làm Diên Niên, Lục Tân làm Sinh Khí, Lục Canh làm Thiên Y, Lục Mậu làm Phúc Đức, không phạm tiêu diệt cấm kỵ.

Tu tạo Dần, Ngọ, Tuất sơn, dùng ngày Lục Mậu làm Diên Niên, Lục Canh làm Sinh Khí, Lục Tân làm Thiên Y, Lục Kỷ làm Phúc Đức, không phạm tiêu diệt cấm kỵ.

THÁI ÂM TIÊU DIỆT

Mồng 3 đến mồng 7 thuộc quyền quản lý của quẻ Chấn. Ngày trong sáng có tượng Chấn, lúc hoàng hôn có thể thấy Canh vị. Canh tức diệt mà Khôn tiêu trưởng. Khôn Ất Quý sơn kỵ ngày Lục Canh. Quẻ Chấn quản lý 5 ngày này (từ mồng 3 đến mồng 7).

Mồng 8 đến 12 thuộc quyền quản lý của quẻ Đoài. Trời có Đoài tượng, lúc hoàng hôn thấy Đinh vị. Đinh vị tức diệt mà Canh vị tiêu trưởng. Chấn Canh Hợi Mùi sơn kỵ ngày Lục Đinh. Quẻ Đoài quản lý 5 ngày này (từ mồng 8 đến 12).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngày 13 đến 17 thuộc quyền quản lý của quẻ Kiền. Ngày 15 trời có Kiền tượng. Lúc hoàng hôn thấy Giáp vị. Kiền tức diệt mà Đinh tiêu trưởng. Đoài Đinh Tỵ Sửu sơn ky ngày Tam Giáp, ngày Tam Nhâm. Quẻ Kiền quản lý 5 ngày này (từ ngày 13 đến 17).

Quái tượng tiêu diệt nói trên là Dương tiêu diệt Âm.

Ngày 18 đến 22 thuộc quyền quản lý của quẻ Tốn. Trăng đã tròn, buổi sớm có Tốn tượng xuất hiện ở Tân vị. Tốn tức diệt mà Kiền tiêu trưởng. Kiền Giáp Nhâm sơn ky ngày Lục Tân. Quẻ Tốn quản lý 5 ngày này (từ ngày 18 đến 22).

Ngày 23 đến 27 do quẻ Cấn quản lý. Trăng đã lùi về hạ huyền, buổi sớm có Cấn tượng ở hướng Bính. Cấn tức diệt mà Tốn tiêu trưởng. Tốn Tân sơn ky ngày Lục Bính. Quẻ Cấn quản lý 5 ngày này (từ ngày 23 đến 27).

Ngày 28 đến mồng 2 thuộc quyền quản lý của quẻ Khôn. Ngày 30 không trăng, buổi sớm có Khôn tượng tại hướng Ất, Khôn tức diệt mà Cấn tiêu trưởng. Hai sơn Cấn Bính ky ngày Tam Ất, ngày Tam Quỷ.

Quái tượng tiêu diệt nói trên là Âm tiêu diệt Dương.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TƯỚNG HÌNH

TƯỚNG HÌNH CHƯƠNG

"SƯU THẦN KINH"

Trước hết phải xem địa hình cho kỹ càng. Nếu nhầm lẫn Ngũ Hành Sinh Khắc, thì sẽ lẫn lộn cát hung họa phúc. Cung trạch nếu khắc địa hình hoặc hình thế khắc cung trạch, thì nhà cửa, gia tài sút kém. Ai xem hình thế giỏi có thể coi như bậc thánh.

Hình Kim

Sao Văn Khúc hình Kim, gia đạo phú quý, hình Kim cuộn cánh, tiền tài đầy nhà.

Hỏa trạch hình Kim không nên cư trú, vợ chồng trong nhà sẽ bị tàn tật, chết sớm. Thủy trạch hình Kim, con em thông minh tuấn tú, gia nghiệp hưng vượng, đi làm ăn quê người giàu có. Mộc trạch hình Kim, chủ nhà mù cả hai mắt, gia tài bị kẻ khác cướp đoạt. Kim trạch hình Kim, phụ nữ trong nhà có nhiều phúc phận. Thổ trạch hình Kim, Kim Thổ tương sinh, nhân đinh đông đúc, tiền tài vô số, con em giỏi văn chương.

Nhà ở hình Kim, bên cạnh có hai gian sương phòng (chái nhà) gọi là Kim Khố, bất kể mái hiên cao hay thấp. Nếu bố trí bức tường dựa kiểu hai gian sương phòng mà bên trong thực tế không có phòng, thì không thể gọi là hình Kim. Gọi là cuốn cánh (quyển sí) là chỉ hai gian sương phòng đằng sau phải cao hơn chính đường, hai gian sương phòng đằng trước phải thấp hơn chính đường. Vậy thì cát lợi. nếu hai bên, đằng trước, đằng sau đều có sương phòng, gọi là Tứ Kim tương chiếu, người và tiền của đều vượng cát. Còn phải xem mức độ nông sâu của Minh Đường, cửa mở về hướng nào, để xem sự hưu cữu (hung hiểm) của hình Kim, chứ không thể võ đoán, tưởng có 4 sương phòng là tốt.

Hoặc đằng trước một bên có sương phòng, một bên không có, gọi là Kim tinh khúc xích, rất hung hiểm : Phía nào không có sương phòng, họa sẽ đến từ phía ấy. Hai sương phòng đằng trước thẳng dài, thẳng qua chính đường, gọi là Thôi xa (đẩy xe), chủ về lưu lạc nơi xa, chết vì đói rét. Nếu hai sương phòng cao hơn chính đường, gọi là Giang kiều (khênh kiệu), chủ nhà bị trộm cướp, đói rét cơ hàn. Cho nên cả đằng trước đằng sau đều có sương phòng mới cát lợi.

Hình Mộc

Sao Tham Lang hình Mộc, gia đạo phú quý, nhân đinh hưng vượng, văn chương chữ nghĩa. Mộc tinh cúi đầu, nhà có người bị điên. Kim trạch hình Mộc không tốt, nam nhân đa phần chết ở tuổi trung niên. Hỏa trạch hình Mộc, Mộc Hỏa tương sinh, nhân đinh hưng vượng, tuy phát tài song ruộng vườn không nhiều lắm. Thổ trạch hình Mộc, đề phòng anh em giết hại lẫn nhau, ruộng vườn bỏ phế. Thủy trạch hình Mộc, nhân đinh hưng vượng, chỉ đề phòng nhà có kẻ gian dối. Mộc trạch hình Mộc, hai Mộc tỉ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hòa, ruộng vườn sum suê, nữ nhân đẹp như hoa, nhưng dễ tự vẫn.

Nhà ở hình Mộc cao, đằng trước không có sương phòng, như hình chữ Nhất, hoặc chính đường hẹp, dài, sâu, hoặc ngang thẳng, đều là hình chúi đầu. nếu phần đầu không có nóc nhà, hơn nữa một bên mở toang ra đằng trước, gọi là "Thủy đăng ốc", rất hung hiểm, chủ con trẻ chết yểu, hoạnh bệnh ở ngoài. Nếu nhà ba gian hướng Chấn, cũng gọi là hình Mộc.

Hình Thủy

Hình Thủy nếu hợp cách, thì tiền của kéo đến.

Kim trạch hình Thủy là tốt nhất, sẽ là nhà phú quý số một trong thiên hạ. Hỏa trạch hình Thủy, Thủy nhập Hỏa cung, nhân đinh hưng vượng, nhưng các nàng dâu chết sớm. Thổ trạch hình Thủy, Thủy nhập Thổ cung, hại cho con trẻ, có tiền nhưng không quý hiển. Mộc trạch hình Thủy, Thủy Mộc tương sinh, tiền của dồi dào, phát đạt lúc trung niên. Thủy trạch hình Thủy, hai Thủy tỉ hòa, Dương suy Âm thịnh, phải xem cho kỹ.

Nhà ở hình Thủy là chỉ địa thế thấp, bằng phẳng, không có lầu cao. Hoặc thấp hẹp, hoặc chính đường nông, rộng, hoặc chỉ có 1 gian chính đường, không có gian nào khác, tường xung quanh thấp, giống như gió gợn sóng trên mặt nước, đều là nhà hình Thủy. Hoặc địa thế rộng rãi thoáng đãng, cũng gọi là hình Thủy.

Hình Hỏa

Kim trạch hình Hỏa, nhà này không cát lợi, chẳng những tốn tiền, mà còn hại cho con trẻ. Thổ trạch hình Hỏa, gia đình no đủ, nam nữ trong nhà đều trường thọ. Mộc trạch hình Hỏa, Hỏa nhập Mộc cung, nhân đinh không hưng vượng, thời trẻ không thể phát tài, gia đình bần hàn. Thủy trạch hình Hỏa, Hỏa Thủy vị tế, không tụ tiền tài, nhà có người mù. Hỏa trạch hình Hỏa, hai Hỏa tỉ hòa, Dương thịnh Âm suy.

Nhà hình Hỏa tựa chữ Sơn, chữ Hỏa. Chính đường ở giữa phải cao, hai bên phải thấp. Nếu phòng ốc đằng trước rộng rãi mà phòng ốc đằng sau nhỏ hẹp, nhọn, hoặc phòng ốc bên cạnh dài ra như cái đuôi thì hung hiểm.

Hình Thổ

Sao Cự Môn hình Thổ, chủ giàu có lâu dài. nếu hình Thổ mà cửa cao thấp không đều, trong nhà sẽ có cô nhi quả phụ.

Kim trạch hình Thổ là tốt nhất, đầy đủ phú quý vinh hoa. Thủy trạch hình Thổ, nhân đinh không vượng, ruộng vườn ít ỏi. Hỏa trạch hình Thổ, sinh con gái nết na, lấy chồng giàu có. Mộc trạch hình Thổ, đau khổ, bán hết ruộng vườn, hại cho nữ nhân. Thổ trạch hình Thổ, nam nữ đều ít, dù phú quý cũng không lâu dài.

Nhà hình Thổ, chính đường rất hoàn chỉnh, tường vây tứ phía ngay ngắn.

Ngũ Hình biến thể

□ *Sao Văn Khúc hình Thủy, vốn là Âm Dương, bên trong nhà mờ tối, thì nữ nhân trong nhà dâm loạn.*

Nhà không có lầu, mái hiên thấp, hai bên không có sương phòng (chái nhà), là sao Văn Khúc hình Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Sao Lộc Tồn hình Thổ, cũng thuộc Âm dương. Chủ nhà không thọ, nếu trước nhà có Sa sơn hung hiểm, sẽ có cảnh cô nhi quả phụ.*

Sao Lộc Tồn hình Thổ là loại nhà nền cao thấp không đều, lầu phòng cao thấp nhấp nhô, hai sương phòng cao hơn chính đường. Nếu trên nóc nhà bên cạnh có đầu thú hoặc có đường hẻm chạy thẳng tới, càng hung hiểm.

☐ *Sao Phá Quân hình Kim, chủ nhà khó toàn mạng. Nếu trước nhà có Sa sơn hung hiểm, nhà sẽ có kẻ phạm pháp bị xử lý hoặc còn bệnh lao.*

Nóc nhà cao, nền nhỏ hẹp, tường vây lở loét, nham nhở, mái hiên như tà áo rách là tượng sao Phá Quân hình Kim.

☐ *Sao Liêm Trinh hình Hỏa, khiến người kinh hãi bất yên, chủ nhà bị ra cửa quan, bị họa hình ngục. Trước nhà nếu có Sa sơn hung hiểm, thì nhà sẽ bị hỏa thiêu, bị bệnh lao. Trong năm sẽ xảy hỏa tai.*

Nóc nhà nhọn cao, tường dài nhọn, mái hiên lởm chởm như răng chó, là dạng nhà Liêm Trinh hình Hỏa.

☐ *Sao Cự Môn hình Thổ cũng là dạng nhà cát lợi. Ruộng vườn ngày một nhiều. Trước mặt nếu có Sa sơn hung hiểm chặn đường, nam giới trong nhà đa phần trung niên tang mệnh.*

Phòng ốc vuông vức tề chỉnh, mái hiên tứ phía ngang bằng, tường xây không bị khuyết hãm, là dạng nhà Cự Môn hình Thổ.

☐ *Sao Tham Lang hình Mộc là rất cát lợi. Văn chương khó ai sánh kịp, được phò tá vua chúa trong triều đình. Nếu trước nhà có Sa sơn hung hiểm, thì nhân đinh ít ỏi, hay bị tật bệnh.*

Nóc nhà cao, tường vây chỗ cao chỗ thấp, mái hiên tứ phía củng chiếu, là dạng nhà Tham Lang hình Mộc.

☐ *Vũ Khúc hình Kim là dạng nhà phú quý vinh hiển. Trước mặt nếu có Sa sơn hung hiểm, con trai vợ bé đa phần không tốt đẹp.*

Nhà rộng rãi, sáng sủa, tường vây nghiêm chỉnh, mái hiên tứ phía củng chiếu là dạng nhà Vũ Khúc hình Kim.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hình thế Phương vị Ngũ tinh

☐ *Mộc tinh thủy kỳ đầu (Mộc tinh cúi đầu)*

Ở mặt trên của Mộc vị có hai đầu cúi xuống tiểu nhĩ phòng, không có Thanh Long bên tả. Chủ nam nữ, vợ chồng ly tán, nô bộc bỏ đi, gia đình đầy những việc buồn khổ, tiếng khóc ai oán, gia súc cũng bị thiệt hại.

☐ *Kim tinh bán biên cô (một nửa Kim tinh khô héo)*

Hai đầu mặt trên Kim vị có hai cái Tiểu hạ. Mễ Tước thuộc Hỏa, mặt trước có một gian phòng. Chủ gia đình lục đục bất hòa, nô bộc bỏ đi, cha con cãi lộn, có họa kiện tụng, đổ máu.

☐ *Thủy tinh duyệt kỳ vĩ (Thủy tinh kéo đuôi)*

Hai đầu mặt trên Thủy vị có một cái Tiểu hạ. Chủ con em bất hiếu, gia đạo bất an, con trẻ đau ốm, gia súc chết dịch.

☐ *Hỏa tinh cử kỳ đầu (Hỏa tinh nâng đầu)*

Trên Hỏa vị có phòng nhỏ, chủ ruộng vườn, gia súc ít ỏi, nhân khẩu ly tán, bệnh tật, làm quan bị huyền chức.

☐ *Đơn nhĩ phòng*

Mé Đông phòng chính lại có một phòng nhỏ. Chủ người lớn trẻ con bất an, gia súc tổn thất, tài sản tiêu tan, bệnh tật, tai họa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Cô quả phòng*

Mé Đông phòng chính bị che bởi một phòng nhỏ. Chủ gia đình bất an.

☐ *Linh đinh phòng*

Đây là nói phòng ốc đã lâu năm không được tu sửa gạch ngói. Chủ gia đình bất an, gặp tai họa đổ máu. Phải lập tức xem lại mái ngói.

☐ *Đơn trắc phòng*

Đây là nói góc Đông Nam của nhà ở có một gian phòng nhỏ. Cả hai đầu đều có gian phòng nhỏ thì gọi là "Song trắc phòng". Chủ gia đình bị thị phi, bất lợi.

☐ *Ám tiễn phòng*

Đây là chỉ hai gian sương phòng Nam Bắc mái hiên lởm chởm, chủ bị trộm cắp, thị phi. Nên mau chóng dỡ bỏ hai chái nhà đó.

☐ *Tiêu vĩ phòng*

Đây là chỉ thanh rui nhà mới ở tả hữu trước sau phòng ốc. Chủ con cháu không thể phát đạt.

☐ *Lộ cốt phòng*

Đây là chỉ xà nhà bị lộ ra hai đầu. Chủ gặp tai họa hình ngục.

☐ *Thường ốc phòng (phòng nhà không mái)*

Đây là nói phòng ốc đã xây xong, bên trên chưa có mái che. Chủ nhân sẽ gặp tai họa. Nên che chắn phòng cho tốt.

☐ *Lộ trần phòng*

Đây là chỉ bốn (4) góc của phòng ốc bị hở hang, không che chắn chỉnh tề. Chủ nữ nhân bị bệnh tật, con trưởng chết non, con nhỏ gặp họa, dễ bị hỏa hoạn, trộm cướp.

☐ *Cô dương phòng*

Đây là chỉ trước sau và hai bên nhà đều không có phòng nào khác. Chủ cô nhi quả phụ. Nếu có hai gian phòng vây kín thì cát lợi.

☐ *Công tự phòng (phòng hình chữ Công)*

Đây là chỉ trước sau đều có phòng, ở giữa là một đường đi thẳng nối liền hai phòng thành hình chữ Công ( ). Chủ gia nghiệp trước giàu sau nghèo, bị họa ngục hình, bại hoại gia phong.

☐ *Tự dì phòng (phòng thất cổ tự vẫn)*

Chỉ loại nhà nhìn từ xa tới thấy trong nhà như có sự tử cười nhạo. Chủ có người thắt cổ tự vẫn. Tường nhà hai bên và phía sau nghiêng lệch cũng vậy.

☐ *Đầu hà phòng*

Chỉ loại nhà nhìn từ xa tới thấy cửa nẻo thấp hẳn, lệch lạc. Chủ trong nhà có người nhảy xuống sông tự vẫn.

CĂN CỨ SỐ GIAN NHÀ ĐOÁN CÁT HUNG

Nhà có một gian thuộc Thủy tinh, hai gian thuộc Hỏa, ba gian thuộc Mộc. Căn cứ Ngũ Hành mà đoán. Nếu là Tý sơn hướng Thủy, Tý thuộc Thủy ốc, xây hai gian, một gian thuộc Thủy, hai gian thuộc Hỏa, gọi là Thủy Hỏa Ký tế, năm thứ nhất còn cát lợi. Nếu có hai Hỏa, ba Hỏa, thì thế Hỏa quá vượng, gặp Tý môn xung hướng Ngọ, trong nhà ắt có họa phát sinh. Lại như hai Thủy, ba Thủy, Thủy khắc Hỏa, gọi là Thủy Hỏa tương tranh, cũng không cát lợi.

Ví dụ Ngọ sơn thuộc Hỏa tinh. Tường vây tứ phía, thuộc hình Kim, làm bốn (4) gian, thuộc Kim môn. Quan sát Đoài vị cũng thuộc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Kim phòng. Như thế gọi là Kim nhiều Hỏa tán, Hỏa không khắc nổi Kim. Chủ nhà không có gì đáng ngại.

Lại như nhà Mảo sơn hướng Tây, làm ba gian Mộc tinh phòng. Nhà có 8 gian, cửa mở tại Chấn Tốn, cũng thuộc Mộc. Như vậy Mộc quá vượng, sẽ chuyển dần sang thế yếu. Chủ nam nhân không thọ, phải mở cửa Kim để khắc chế Mộc, làm thêm Thủy phòng thì mới cát lợi, bớt hung hiểm.

Lại như nhà hướng Cấn, làm từ 5 đến 10 gian; như thế là Thổ trọng, bất động, Âm Dương giao chiến, nhà cửa dễ bị thay chủ. Nên mở cửa tại vị trí Mộc.

Vậy khi làm nhà phải xét Ngũ Hành Âm Dương Sinh Khắc cho kỹ.

Lại như nhà Quý sơn, xây ba tầng, là Thủy Mộc tương sinh. Làm 14 gian hoặc 7 gian, là Kim Thủy tương sinh, cửa phải mở ở phương Nam, Ly vị, Thủy Hỏa không đối chọi. Như vậy sẽ đại phú đại quý, nhân đinh hưng vượng.

Nhà Cấn sơn có thể làm 4 gian, nhưng 4 là số chẵn, làm 9 gian thì hay hơn.

Tóm lại, làm nhà theo hình dàn ngang không bằng làm thành ba lớp, cho nên cổ nhân làm sảnh đường, hậu đường, cửa sau, thực tế là muốn trong ngoài có sự khác nhau, theo quy tắc cung thất.

downloadsachmienphi.com

Thủy Thổ giao chiến

Nếu đằng trước dựng một tòa sảnh đường, đằng sau xây một dãy phòng nằm ngang, gồm 5 gian, thì người trú tại gian phòng mé Đông có thể phát tài, người trú tại gian phòng mé Tây sẽ bị kiện tụng, lang thang quê người, nhân đinh ít ỏi. Nếu cải 5 gian thành 3 gian thì sẽ cát lợi.

Kim Mộc giao chiến

Nếu đằng trước làm nhà 3 gian, đằng sau làm nhà 4 gian thì đằng sau khắc đằng trước. Dù có thể sinh con trai, cũng khó thoát chết yểu và bệnh tật. Người sống ở gian mé Bắc có thể sinh con trai, người sống ở gian mé Tây bất lợi.

Thủy Hỏa giao chiến

Nếu đằng trước dựng một sảnh đường, mà đằng sau làm 2 gian phòng, thì gọi là một Thủy hai Hỏa, chủ khắc thê, gia đình nghèo khó. Nếu nửa trước làm phòng khách, nửa sau làm 4 gian phòng, thì người nhà bị án kiện tụng, sau nghèo khó mà chết, vợ tái giá.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mộc Thổ tương khắc

Nếu nhà ở làm 5 gian, 3 tầng, thì Mộc khắc Thổ, chủ bệnh tật điên khùng, có người tự sát. Nếu phía trước làm 3 gian, phía sau làm 5 gian, thì thời gian đầu phát đạt, cuối cùng suy bại.

Hỏa Kim xung khắc

Nếu nhà làm 2 tầng, có 4 gian, hoặc giả 4 tầng, làm 2 gian (mỗi tầng 2 gian), thì Hỏa khắc Kim, chủ bệnh tật, nghèo khó.

Sở thuộc Cửu tinh :

Thủy tinh :	sao Văn Khúc	sao Du Hồn
	sao Lục Sát	sao Huyền Vũ
Hỏa tinh :	sao Ngũ Quỷ	sao Liêm Trinh
	sao Độc Hỏa	sao Chu Tước
Mộc tinh :	sao Tham Lang	sao Sinh Khí
	sao Phụ Bật	sao Thanh Long
Kim tinh :	sao Tuyệt Mệnh	sao Vũ Khúc
	sao Phúc Đức	sao Diên Niên
Thổ tinh :	sao Tuyệt Thể (Họa Hại)	sao Thiên Ất (Thiên Y)
	sao Cự Môn	sao Lộc Tồn

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Ứng nghiệm :

- Sao Văn Khúc hung - Dương[1] thịnh, có 2 người con. Chủ lưu lạc tha hương, dâm đãng, trộm cướp, bệnh tật, họa hình ngục, tử vong, điền sản suy bại, mất lòa, thủy tai. Ứng vào các năm, tháng Thân Tý Thìn.
- Sao Liêm Trinh hung - Âm thịnh, có 2 con. Chủ quyền thế, trộm cướp, gian nghịch bất hiếu, lưu lạc tha hương, bệnh hoại huyết, mục tật, họa cờ bạc, dâm đãng và hỏa tai. Ứng vào các năm, tháng Dần Ngọ Tuất.
- Sao Tả Phụ, Hữu Bật nửa cát - Âm thịnh, có 1 con trai. Chủ nô tì dâm loạn, tà thuật, đào tẩu, cô quả, yểu vong và họa hình ngục. Ứng vào năm, tháng Thân Tý Thìn với sao Tả Phụ và Dần Ngọ Tuất với sao Hữu Bật.
- Sao Tham Lang cát lợi - Dương thịnh, có 5, 6 con. Chủ phú quý, thông minh, vinh hoa, văn chương, đỗ cao, dày phúc thọ. Ứng với năm, tháng Hợi Mão Mùi.
- Sao Vũ Khúc cát lợi - Dương[1] thịnh, có 3, 4 con. Chủ làm quan võ quý hiển, trường thọ, con em trung hiếu, cương trực, có nghệ thuật, tín ngưỡng tôn nghiêm. Ứng vào năm, tháng Tỵ Dậu Sửu.
- Sao Tuyệt Mệnh hung - Âm thịnh. Không có con nối dõi, gia nghiệp suy bại, kiện tụng, bệnh tật, hình ngục, tự vẫn, chết mất xác... Ứng vào các năm, tháng Tỵ Dậu Sửu.
- Sao Cự Môn cát lợi - Dương thịnh, thuộc về thiếu nam, có 3 con trai. Chủ phú quý, hiền lương, tăng đạo, nhân từ, thần đồng. Ứng với năm, tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

(1) Nguyên bản sai so với các sách (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Sao Họa Hại, Thổ tinh, hung ác - Âm thịnh. Có 1 con trai, nhưng lại tàn phế. Chủ tật bệnh, gia nghịch bất hiếu, cờ bạc, nội loạn, thủy tai, tự vẫn, chết non. Ứng với năm, tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

THẦN CƠ CÁT TINH

Cầu tài phú, dùng Tinh kỳ tu luyện phương Thiên Tiền, phương Diên Niên. Cầu tự, dùng Nguyệt kỳ tu luyện phương Tử Tôn, phương Thiên Y. Cầu quan chức, dùng Nhật kỳ tu luyện phương Văn Xương, phương Sinh Khí.

- Sao Lộc Tồn chủ các vật quý hiếm, bổng lộc, văn võ đều hưng vượng, có tiếng phú quý, dốc lòng vì quốc gia, đại diện cho gia tộc mà tranh vinh dự.
- Sao Ty Lộc còn gọi là sao Phú Quý, nổi danh văn võ, khoa bảng, con cháu làm quan, hưởng lộc vạn hộc, nữ nhân trong nhà đẹp như hoa.
- Sao Khoa Giáp chủ xuất hiện hiền sĩ, phú quý. Con cháu làm quan, lưng thắt đai ngọc, ruộng vườn thẳng cánh cò bay, âm đức lớn.
- Sao Diên Niên chủ xuất hiện bậc cự phú, anh hùng hào kiệt, làm đại quan, con cháu hưởng phúc dày.
- Phương Thiên Tiền vốn là sao Phát Tài, nhà đại phú, quan lộc hưng vượng, con gái đẹp như hoa.
- Sao Văn Xương chủ thông minh tuấn tú, có thần đồng xuất hiện. Vinh hoa phú quý lâu dài, quan văn quan võ giúp bậc đế vương. Nam trung hiếu, nữ trinh tiết.
- Sao Toàn là phương Thiên Y, quan văn quan võ, nghệ thuật siêu uẩn, con cháu đỗ đạt cao. Phú quý lâu dài.
- Sao Tử Tôn xuất hiện, nhân đinh hưng vượng, tài lộc tự đến.
- Sao Thiên Tiết xuất hiện, trong nhà có con trung hiếu, con cháu nghĩa hiệp, lưu tiếng thơm muôn đời.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

THẦN CƠ HUNG TINH

- Dao Quang, Tuyệt Mệnh là hai sao tối hung ác, khiến người cô độc, cùng khổ, nữ nhân dâm dục, người nhà chết non, trẻ con yểu tử.
- Sao Thiên Phong làm tổn thương sinh khí, gây họa hình ngục, khắc vợ con, gia tài lụn bại, kẻ gian phi, đạo tặc, bức hại dân lành, lục súc không hưng thịnh.
- Sao Thi Khí chủ bệnh tật, nữ nhân cô quả, nam nhân mất vợ, khuynh gia bại sản, mà trong họ còn bị bệnh tật, lưu lạc tha hương, chết đường.
- Sao Cơ chủ trong nhà có họa hình ngục, tài sản khánh tận, người già cùng khốn không nơi nương tựa.
- Sao Quyền Thiệt xuất hiện chủ hình ngục. Anh em do phi pháp mà bị hình ngục, nhà tan người chết, thị phi.
- Các sao Thiên Tặc, Kiếp Sát cũng vô cùng hung ác, chủ chết chóc. Các sao Bại Cựu, Hàm Trì, Ngọc Hoành, Ngũ Quỷ, Quán Tử... tài sản hóa không, trong nhà đa phần bị khẩu thiệt, thị phi, cô bần.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

CỬU TINH HỌA PHÚC

☐ *Tham Lang, Sinh Khí, Thanh Long*

Nhất Mộc, thanh cao, phú quý, vợ hiền con hiếu, con cháu giỏi văn, lục súc hưng vượng, điền sản gia tăng. Thiếu niên đỗ cao đến Giải nguyên, làm quan đến bậc Tam công.

☐ *Thiên Ất, Cự Môn*

Nhất Thổ, trong ngoài đoan chính, điền trang rộng rãi, lương thực dư dả. Có người làm thầy bói, thầy thuốc giỏi, làm quan trong triều. Nam hiền minh, nữ trinh tiết, con cháu hưng vượng.

☐ *Vũ Khúc, Diên Niên, Phúc Đức*

Nhất Kim, dị văn tựu võ, trong nhà con em đa tài đa nghệ, vinh hiển phú quý ít ai bì kịp. Tay trắng ra ngoài lập công danh, sau này còn nắm quyền ấn.

☐ *Thủy tinh : Văn Khúc, Văn Sát*

Thái Âm chủ bệnh tật, nam nữ dâm loạn, bỏ nhà tha hương, gia bần lụn bại.

☐ *Hỏa tinh : Liêm Trinh, Ngũ Quỷ*

Thái Dương cường liệt thô bạo, chủ trong nhà có kẻ gian nghịch, hung hãn, vợ con ly tán, bệnh tật.

☐ *Phụ Bật*

Nhị Mộc tương hợp, gia phong bất chính, nam nữ dâm loạn, gia sản do tổ phụ để lại tiêu tan.

☐ *Tuyệt Thể, Lộc Tồn*

Nhị Thổ tương sinh, chủ bệnh tật, câm điếc, mù lòa, nhân đinh ly tán, nghèo khốn. Có người phù thũng, chết non.

☐ *Tuyệt Kim*

Nhị Kim tương hợp, chủ chết yểu, gia sản tiêu tan, đói nghèo, con em phạm pháp, có người tự vẫn hoặc sa chân xuống giếng mà chết.

downloadsachmienphi.com
Tải Sách Miễn Phí Hay | Đọc Sách Online

TƯỚNG TRẠCH DIỆU QUYẾT

Muốn biết tai họa có tới với một nhà nào đó hay không, hãy xem cửa cổng của phòng ốc nhà có đối diện với cửa bếp hay không và Thiên Tỉnh thế nào. Phải quan sát ao hồ, khe lạch và dòng nước chảy thế nào. Nếu thấy có hòn đá nằm chắn ngay dòng nước, thì chủ nhà có đau khổ trong nội tâm. Trước nhà có cầu nhỏ và nhà nhỏ hình dạng hung ác thì xấu. nếu dòng chảy hai mé tả hữu bao bọc như hình chữ Nhân, thì nhà ấy chắc giàu tiền của. Nếu thấy cây cối tre trúc bao quanh nơi ở, thì gia nghiệp hưng vượng. Dòng chảy nhỏ chảy bên mé tả, sẽ không bao giờ có tai họa. Nếu chảy từ bên mé hữu, thì dễ có chuyện tranh giành. Trong nhà hoa đào kết nở, nữ nhân dâm đãng, nam nhân làm bại hoại gia phong. Chuồng gà không được mở ra phía cổng, tiếng gà kêu như tiếng khóc, dễ bị thị phi và con trẻ gặp tai ương.

Trước cửa có cây liễu, cành uốn cong hướng vào nhà thì tiền tài dồn đến. Nếu trên cây ứa chảy chất lỏng màu vàng, nhà bị thị phị, bệnh tật. Trước cửa có hầm hố, tiền tài đội nón ra đi.

Có đường đâm thẳng vào cổng thì lắm tai họa, phiền não.

Tuyệt đối không để nhà xí trước cổng, kẻo có họa hình ngục.

Trước cửa có năm, ba đống đất, thì nam nữ tham dục, bại hoại gia phong. Gò đất

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trước nhà như ngôi mộ, thì gia đình ly tán. Có giếng nước trước cửa, thì dâu con tư thông với người bạn. Trước nhà có cầu, con đầu lòng sẽ chết. Nếu trước cửa có đường đi uốn lượn như rắn bò, thì tiền của đổ vào nhà. Dòng chảy trước cửa thong thả uốn lượn, nhà sẽ phú quý.

HOÀNG THẠCH CÔNG TƯỚNG TRẠCH CA QUYẾT

- Nếu Thanh Long cư ở đầu nhà, gia đình sẽ có nhiều ưu sầu, vợ chồng ly tán, tôi tớ bỏ đi. Khốc tinh xung phạm Sát tinh, chủ tai họa liên miên, sản nghiệp lụn bại.
- Nửa bên Bạch Hổ khô héo, nhà có quả phụ. Thái Tuế Thổ không hòa thuận, tiền tài mất hết, nam nữ không thọ.
- Chu Tước cúi đầu, gia cư nhiều bất lợi. Khẩu thiệt thị phi. Tôi tớ bỏ đi, cha con bất hòa, có tai nạn đổ máu.
- Huyền Vũ co đuôi, nam nữ đều ngỗ ngược bất hiếu, gia đạo suy bại, tai họa liên miên. Chuyện ra cửa quan không biết bao giờ hết, lục súc chết sạch.
- Ở đây, trong ca quyết có nói Thanh Long, là ước chỉ tại góc Đông Nam của nhà có phòng nhỏ, chủ người nhà đa tai vì không rõ điểm.

BÁT CUNG HÒA GIẢI

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cung Kiền - Kiền Lục Thiên Ngũ Họa Tuyệt Diên Sinh

Cung Kiền, sao Phục vị là Lão Dương, con cháu có nhiều người làm quan. Con trưởng tài hoa, nhưng kiêu ngạo, con gái nhỏ khả ái, nhưng ngỗ nghịch. Đến Canh, Tân ruộng vườn tươi tốt, Chấn Tốn vị phòng quá cao, tai họa liên tiếp kéo đến. Chân Long quá nhiều sẽ làm cho gia đình nội loạn cả ngày ồn ào khiến người phiền não.

Cung Kiền, Khảm vị là Cuồng Long, sao Lục Sát chủ hung ác. Lão Long không kham nổi việc bị tiết lậu chân khí, mắt sẽ lòa. Con gái dâm loạn, nhà không có con trai nối dõi, còn bị họa hình ngục, tự vẫn, tài sản như núi cũng hóa thành không.

Cung Kiền, Cấn vị là sao Thiên Y, sao Đế Vượng. Nhà có người giỏi nghệ thuật và bậc thầy nắm vững thiên cơ. Con thứ thông minh, phát tài hơn người, con trưởng dốt nát.

Cung Kiền sao Ngũ Quỷ ở vị trí Chấn, khó tránh họa ôn dịch, bệnh mụn nhọt. Anh em, cha con tuyệt giao. Nếu không tìm đất tốt dọn đi, chẳng mấy chốc gia đình tan nát.

Cung Kiền sao Họa Hại ở vị trí Tốn, tối hung hiểm. Dâu con dâm loạn, ngu si, gian nghịch, tài sản tiêu tan. Năm đầu mẹ chết, đi làm thuê cho người.

Cung Kiền sao Tuyệt Mệnh ở vị trí Ly, Hỏa khắc Kim không thể tương phối. Kẻ bị sung quân, kẻ bị bắt giữ. Tiền tài trong nhà tiêu tán, như bị hỏa tai, đầy sự bi thương, bệnh nan y hết bề chữa chạy.

Cung Kiền sao Diên Niên, Vũ Khúc ở vị trí Khôn. Vợ chồng bách niên giai lão, tiền tài dư dả, con cái hiếu thuận, thông minh.

Cung Kiền sao Sinh Khí, Tham Lang ở vị trí Đoài rất cát lợi, gia nghiệp hưng vượng, con cái tuấn tú, tiền của vô số.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cung Khảm - Khảm Ngũ Thiên Sinh Diên Tuyệt Họa Lục

Cung Khảm, Phục vị là sao Trung Dương, nam nữ thông minh tuấn tú, nam hiếu sắc, nữ dâm đãng, làm bại hoại gia phong. Bệnh di tinh, lòa mắt, dễ tự sát.

Cung Khảm, ở Cấn là sao Ngũ Quỷ, Thủy Thổ khắc nhau, tai nạn khó tránh. Người, gia súc bị tổn hại. Kiện cáo, thị phi, bệnh tật, tài sản tiêu ma.

Ở Chấn là sao Thiên Ất, cát tinh. Con cái vinh hoa phú quý, nhất là con trưởng.

Ở Tốn vị là sao Sinh Khí, cát lợi. Tín nghĩa, hiếu thuận, văn chương nổi danh. Con trưởng, con thứ đều phát đạt.

Ở Ly vị là sao Diên Niên, chỉ lợi cho hôn nhân. Nếu làm lẩu cao, gia đạo sẽ suy bại, nữ nhân đoạt quyền nam nhân.

Ở Khôn vị là sao Tuyệt Mệnh, xung phạm sự tôn nghiêm, có người câm, mù, có kẻ tự vẫn, gia nghiệp suy bại, cuối cùng phải di cư đi nơi khác.

Ở Đoài vị là sao Họa Hại, Kim Thủy tương sinh, nhân đinh hưng vượng, nhưng có nhiều kẻ bất lương, nữ nhân còn nhỏ đã thích ong bướm lả lơi, bại hoại gia phong.

Ở Kiền vị là sao Lục Sát, bệnh tật liên miên, tiền tài tiêu tán, già còn dâm đãng, cuối cùng đi xin ăn.

Cung Cấn - Cấn Lục Tuyệt Họa Sinh Diên Thiên Ngũ

Cung Cấn, Phục vị là sao Thiếu Dương, cát lợi. Gia đình thành nhân, hoà thuận. Con gái đẹp như hoa, con trai hiếu nghĩa.

Ở Chấn vị là sao Lục Sát, họa hại liên miên, thiếu khí Nguyên Dương, nữ nhân thiếu máu, động thai, tài sản tiêu tán.

Ở Tốn vị là sao Tuyệt, thiếu khí Thổ, bệnh tật khắp thân, gặp năm Mậu, Kỷ vận khí càng tệ, gặp năm Đinh, Nhâm tai họa càng tăng.

Ở Ly vị là Âm thịnh Dương suy, con gái thứ lấn quyền, con trai chơi bời nghiện ngập.

Ở Khôn vị là Sinh địa, rất tốt vì song Thổ tương sinh. Gia nghiệp hưng vượng.

Ở Đoài vị là sao Diên Niên, cát lợi.

Ở Kiền vị là sao Thiên Y, điền sản hưng vượng, nhưng nhiều bệnh tật, trẻ khó nuôi. Gặp năm Đinh, Bính mới tốt đẹp.

Ở Khảm vị là sao Ngũ Quỷ, gia đình bất hòa, dễ bị thị phi, chết chóc.

Cung Chấn - Chấn Diên Sinh Họa Tuyệt Ngũ Thiên Lục

Cung Chấn, Phục vị ở hướng Chính Đông, tính Mộc nhu hòa. Gia đình tăng tiến tài sản, địa vị quý hiển. Có người bị câm. Phúc đức tổ tông tuy khá, nhưng không bảo đảm vinh hoa cho các đời sau. Nếu phòng ở phía Tây Nam, Tây Bắc quá lớn, thì con trưởng sẽ làm ô danh tổ tông.

Cung Chấn, vị trí Tốn là sao Diên Niên, tuy vợ chồng hòa thuận, nhưng vợ có tính nết quá cương cường. Tiền tài sung túc. Nếu cả gia đình sống chung, dễ xảy ra cãi cọ.

Vị trí Ly là sao Sinh Khí, con gái thứ đoạt quyền.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ở vị trí Khôn là sao Họa Hại, bệnh tật triền miên, khó an lành. Tài sản lụn bại, nhân đinh ít dần, dễ lâm đói nghèo.

Ở vị trí Đoài là sao Tuyệt Mệnh. Kim Mộc giao chiến, anh em bất hòa, bệnh tật nan y. Nữ nhân thành quả phụ, yêu ma hoành hành, gia súc chết toi, tiền tài suy bại.

Ở vị trí Kiền là sao Ngũ Quỷ, tai họa liên tiếp, cha con bất hòa, kiện tụng, hỏa hoạn. Có người bị oan khuất thắt cổ tự vẫn.

Ở vị trí Khảm là sao Thiên Y, Mộc đến Trung Dương là vận tốt. Nhưng nên đề phòng Thủy đến khắc Thổ, sẽ có người bị câm, điếc. Hướng Đông cát lợi, hướng Tây Bắc có phòng cao thì xấu.

Ở vị trí Cấn là sao Lục Sát, con cái tranh giành lẫn nhau, tài sản suy bại.

Cung Tốn - Tốn Thiên Ngũ Lục Họa Sinh Diên Tuyệt

Cung Tốn, Phục vị tinh khí thông minh, Mộc Hỏa tương sinh, hướng Đông Nam sinh khí rất vượng. Gia tài giàu có, con trai lớn lên thành bậc anh hùng hào kiệt. Nhiều người làm quan.

Cung Tốn ở vị trí Ly là sao Thiên Y, Mộc Hỏa tương sinh, người già trường thọ. Chỉ e con trai không lấy được vợ hiền. Tiền tài súc tích. Chỉ e Dương khí quá nhỏ, Âm khí quá mạnh, ở lâu nơi này bất lợi.

Ở vị trí Khôn là sao Ngũ Quỷ, mẹ ốm liệt giường. Dâu con không chịu nhường nhịn. Nhiều tai họa như hỏa hoạn, kiện tụng.

Ở vị trí Đoài là sao Lục Sát, bất lợi cho sự sinh đẻ của nữ nhân. Con gái xinh đẹp, nhưng làm điếm, cuối cùng tự vẫn.

Ở vị trí Kiền là sao Họa Hại, gia đình khó hề phát đạt, thê thiếp bất lợi.

Ở vị trí Khảm là sao Sinh Khí, mọi sự cát lợi, vợ chồng hòa thuận. Con thi đỗ cao, nổi danh gia tộc.

Ở vị trí Cấn là sao Tuyệt Mệnh, rất bất lợi. Bệnh tật, đau khổ, nghèo đói triền miên, tiếng khóc than ai oán.

Ở vị trí Chấn là sao Diên Niên, cát lợi. Gia đình giàu sang quý hiển.

Cung Ly - Ly Lục Ngũ Tuyệt Diên Họa Sinh Thiên

Cung Ly, Phục vị chính là Trung Âm. Trong gia đình, nữ nhân vụng về, nam cầm quyền nhưng mềm yếu, bệnh tật. Cuối cùng nữ nhân thành quả phụ.

Ở vị trí Khôn là sao Lục Sát, nhiều tai họa. Tài sản, nhân đinh đều suy bại.

Ở vị trí Đoài là sao Ngũ Quỷ, con trẻ và nữ nhân bất lợi, bệnh tật, hồng nhan bạc mệnh, gia đình suy bại.

Ở vị trí Kiền là sao Tuyệt Mệnh, Kim Hỏa khắc nhau, bất lợi. Ruột thịt phân ly, cha chết trước, lại có họa kiện tụng.

Ở vị trí Khảm là sao Diên Niên, phải phối hợp khéo mới biến xung khắc thành tương hợp. Vợ chồng khó chung sống đến bách niên giai lão. Con trưởng giàu trước, con thứ bị bệnh tật.

Ở vị trí Cấn là sao Họa Hại. Nữ nhân bệnh tật, nam nhân say sưa rượu chè, người ruột thịt ly tán, nghèo khổ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ở vị trí Chấn là sao Sinh Khí. Nhà có nhân tài, mọi việc tốt đẹp.

Ở vị trí Tốn là sao Thiên Y, phú quý lâu dài, con trưởng phát đạt, nhà có nhiều hiền sĩ.

Cung Khôn - Khôn Thiên Diên Tuyệt Sinh Họa Ngũ Lục

Cung Khôn, Phục vị là Lão Âm, nữ nhi thành tài. Ruộng vườn rộng rãi. Tối kỵ là có nhiều phòng ở hướng Đông Nam.

Ở vị trí Đoài là sao Thiên Ất, Kim Thổ tương sinh. Con thứ sẽ đại phú quý. Ruộng vườn vô số, gia súc đông đảo. Chỉ e con gái xinh đẹp mà khó sinh con.

Ở vị trí Kiền là sao Diên Niên. Cha mẹ bách niên giai lão, để lại tiền của rất nhiều cho con cháu, tuy con cháu không đông.

Ở vị trí Khảm là sao Tuyệt Mệnh, bất lợi. Tiền tài tiêu tán. Có người câm điếc, bệnh tật.

Ở vị trí Cấn là sao Sinh Khí, hai Thổ tương hợp, bình hòa. Ruộng vườn nhiều, tiền tài sung túc, huynh đệ thân thiết.

Ở vị trí Chấn là sao Họa Hại, hại cho mẹ. Do cờ bạc mà nợ nần, do dâm loạn mà mang bệnh. Con bất hiếu nghĩa.

Ở vị trí Tốn là sao Ngũ Quỷ, chủ bệnh tật, tai họa triền miên, nữ nhân bị quỷ ám, tiền bạc tiêu tán.

Ở vị trí Ly là sao Lục Sát, Hỏa Thổ gặp nhau thật đáng buồn. Nước cạn, cây khô, điền sản hết cách cứu, bệnh tật giáng xuống nữ nhân hết cách trị.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cung Đoài - Đoài Sinh Họa Diên Tuyệt Lục Ngũ Thiên

Cung Đoài, Phục vị cư ở hướng Tây, nữ nhân đảm đang, trăm sự thuận hòa. Tiền tài sung túc, nhưng hiếm muộn con cái.

Ở vị trí Kiền là sao Sinh Khí, nam nhân nắm toàn quyền. Tiền tài tích góp ngày một nhiều. Có người già câm điếc, bị bệnh phù chân. Dễ có sự tranh giành lẫn nhau trong gi đình.

Ở vị trí Khảm là sao Họa Hại, Kim Thủy tương sinh, tính người hết sức nôn nóng. Nhà có con em ăn chơi đàng điếm, gia đình hỗn loạn, bệnh về tai mất (điếc, mù), gia tài sạch trơn.

Ở vị trí Cấn là sao Diên Niên, vợ chồng hòa thuận. Con em đỗ cao. Con út mê mải ăn chơi, vung tiền qua cửa sổ.

Ở vị trí Chấn là sao Tuyệt Mệnh, Mộc bị Kim chặt chém. Chỉ e nhà sẽ tuyệt tự.

Ở vị trí Tốn là sao Lục Sát. Con trưởng chẳng thể kế thừa gia nghiệp. Bệnh tật, nghèo khó, dễ phải tha phương cầu thực.

Ở cung Ly là sao Ngũ Quỷ. Bệnh nan y, bệnh thần kinh, nhà hay gặp họa đối với cả nam lẫn nữ. Khẩu thiệt thị phi khó tránh.

Ở vị trí Khôn là sao Thiên Ất, phúc lợi gồm hai. Nhà do nữ nhân cai quản, tiền của súc tích. Sinh con gái trước con trai.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hung trạch Trừu hào Hoán tượng quyết

Nếu một tòa nhà ở cung nào đó bất lợi, phải xem kỹ sự cao thấp ở vị trí hung tinh nào, sau đó tạo một tòa cát tinh cao hơn để áp chế hung tinh kia. Ví dụ, Hỏa tinh áp chế Mộc tinh, sao Tham Lang áp chế sao Ngũ Quỷ. Thủy tinh áp chế Kim tinh, sao Vũ Khúc hóa giải sao Lục Sát. Kim tinh áp chế Thổ tinh, sao Cự Môn khắc chế sao Phá Quân. Lại ví dụ như giảm một hào, tăng một hào, hoặc cát tinh không hiển lộ, hoặc cửa (môn) khắc phòng, hoặc cung khắc sao, hoặc sao khắc cung, hoặc đường đi ở hai bên, sau trước ngôi nhà, hố nước, gò đống v.v... đều phải lượng định, tu tạo cho thích hợp, mới có thể chuyển hung thành cát.

Ngũ Hành nhập cách cung đoán cát hung

KIM TINH

☐ *Kim nhập cung Mộc*

Chấn, Tốn là cung Mộc. Sao Vũ Khúc, Phá Quân là Kim tinh. Vũ Khúc, Phá Quân nhập cung Chấn, Tốn, Kim tinh ở trên, Mộc cung ở dưới, là sao khắc cung. Dù là Vũ Khúc hay Phá Quân nhập cung Chấn thì đều có hại cho con trưởng, nhập cung Tốn thì hại cho trưởng nữ. Kim khắc Mộc, chủ chết thảm, điên cuồng, hại đến gân cốt, lưng, đùi. Kim khắc Chấn; chủ bệnh tật cho nam nhân. Kim khắc Tốn, chủ bệnh hoạn cho nữ nhân.

☐ *Kim nhập cung Thủy*

Khảm là cung Thủy. Sao Vũ Khúc, Phá Quân là Kim tinh. Vũ Khúc, Phá Quân nhập cung Khảm, Kim tinh ở trên, Thủy tinh ở dưới, là sao sinh cung.

"Kinh Thư" nói :

> "Kim Long sinh Thủy, chủ hưng vượng, nhân khẩu bình an, gia đạo hanh thông, tiền tài sung túc".

Đấy là nói sao Vũ Khúc. Còn sao Phá Quân như thế thì hung nhiều hơn cát.

☐ *Kim nhập cung Hỏa*

Ly là cung Hỏa. Vũ Khúc, Phá Quân nhập cung Ly, Kim tinh ở trên, Hỏa tinh ở dưới, là cung khắc sao, nhiều hung họa. Tiền bạc mất mát, con cháu suy bại. Kiền Kim với sao Vũ Khúc cùng khắc Dương, Đoài Kim với sao Phá Quân cùng khắc Âm, chủ bệnh phổi, ho, sầu muộn, gia đạo không an khang.

☐ *Kim nhập cung Thổ*

Khôn, Cấn là cung Thổ. Vũ Khúc, Phá Quân nhập cung Khôn, Cấn, Kim tinh ở trên, Thổ tinh ở dưới, là cung sinh sao.

"Kinh Thư" viết :

> "Thổ sinh Kim, gia nghiệp hưng vượng, nhân đinh đông đúc, cát nhiều hung ít, ngàn năm hưng thịnh".

Đó là nói về sao Vũ Khúc. Nếu là sao Phá Quân, Âm Kim nhập Âm Thổ thì nhất định sẽ bị mai một trong Thổ, chẳng có sinh khí gì.

☐ *Kim nhập cung Kim*

Kiền, Đoài là cung Kim. Vũ Khúc, Phá Quân nhập cung Kiền, Đoài, là Kim tinh nhập cung Thổ. Sao Vũ Khúc nhập Kiền, Đoài, chủ gia sản, gia súc hưng vượng, mọi người bình an. Dương khí nhập Âm cung, sinh nhiều con trai. Sao Phá Quân nhập cung Kiền, Đoài, chủ tài sản sa sút, gia súc thiệt hại, nhân khẩu giảm thiểu, chết chóc cho nam nhân. Âm khí nhập Âm cung, sinh nhiều con gái.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

MỘC TINH

☐ *Mộc nhập cung Kim*

Kiền, Đoài là cung Kim. Sao Tham Lang là Mộc tinh. Tham Lang nhập cung Kiền, Đoài, Mộc tinh ở trên, Kim tinh ở dưới, là cung khắc sao. Trong Cửu cung, Chấn vị nhập Kiền, Đoài khắc Dương; Tốn vị nhập Kiền, Đoài khắc Âm. Sao Tham Lang tuy cát lợi, nhưng không thích hợp nếu nhập cung Kiền, Đoài, sẽ tiền cát hậu hung, sau 30 năm người và của đều hết sạch, chỉ còn quả phụ. Sao Mộc bị cung Kim khắc, chủ bệnh tật, sầu muộn, tự sát, thổ huyết mà chết.

☐ *Mộc nhập cung Mộc*

Chấn, Tốn là cung Mộc. Tham Lang nhập cung Chấn, Tốn, là sao Mộc nhập cung Mộc, nhân khẩu nhất định hưng vượng, con cháu đông đúc, ruộng vườn tươi tốt, lương thực dồi dào, mọi sự thuận lợi.

☐ *Mộc nhập cung Thủy*

Khảm là cung Thủy. Tham Lang nhập cung Khảm, Mộc tinh ở trên, Khảm cung ở dưới, là cung sinh sao, chủ sinh 5 con trai, gia sản hưng vượng, phúc lộc dồi dào. Sao Tham Lang, Mộc tinh, là phúc tinh, nếu gặp Thủy, vạn sự hanh thông, lục súc hưng vượng, con cháu vinh hoa phú quý.

☐ *Mộc nhập cung Hỏa*

Ly là cung Hỏa. Sao Tham Lang nhập cung Ly, Hỏa ở trên, Mộc ở dưới, là sao sinh cung, chủ nhân khẩu bình an, gia tài hưng vượng. Mộc tinh sinh Hỏa, nhưng e thế Hỏa quá vượng. Nếu Mộc ở trên, Hỏa ở dưới, thì Mộc bị thiêu cháy hết, nghĩa là tuyệt tự.

☐ *Mộc nhập cung Thổ*

Khôn, Cấn là cung Thổ. Tham Lang nhập cung Khôn, Cấn, Mộc ở trên, Thổ ở dưới, là sao khắc cung, chủ tài sản, gia súc, ruộng vườn đều mất dần. Thổ bị Mộc khắc, chủ bệnh tì vị, thân thể yếu kém, còi cọc.

THỦY TINH

☐ *Thủy nhập cung Kim*

Kiền, Đoài là cung Kim. Sao Văn Khúc là Thủy tinh. Văn Khúc nhập cung Kiền, Đoài, Thủy ở trên, Kim ở dưới, là cung sinh sao, sao Lục Sát chủ sự. Nhưng vì cungvà sao tương sinh, nên gia tài hưng vượng, phát đạt, ban đầu thuận lợi, song cuối cùng bị suy bại. Nếu nữ nhân nắm quyền, sẽ sinh dâm loạn, kiện cáo, bệnh phụ khoa.

☐ *Thủy nhập cung Mộc*

Chấn, Tốn là cung Mộc. Sao Văn Khúc nhập cung Chấn, Tốn, Thủy ở trên, Mộc ở dưới, là sao trú tại cung. Sao Lục Sát tuy hung hiểm, nhưng sao và cung tương sinh, nhân khẩu bình an, gia tài phát đạt, nhưng cuối cùng nhà do quả phụ cai quản.

☐ *Thủy nhập cung Thủy*

Khảm là cung Thủy. Sao Văn Khúc nhập cung Khảm, là Thủy tinh nhập Thủy cung, nhân khẩu, gia sản dần dần sạch trơn, bệnh tật triền miên.

☐ *Thủy nhập cung Hỏa*

Ly là cung Hỏa. Sao Văn Khúc nhập cung Ly, Thủy ở trên, Hỏa ở dưới, là sao khắc cung. Thủy Hỏa xung khắc, gia đình sẽ bị liên lụy về kiện tụng, bị thị phi, trộm cướp, hỏa hoạn, vợ con theo nhau chết, bệnh tật triền miên.

☐ *Thủy nhập cung Thổ*

Khôn, Cấn là cung Thổ. Sao Văn Khúc nhập cung Khôn, Cấn, Thủy ở trên, Thổ ở dưới, là cung khắc sao, gia sản, gia súc, ruộng vườn suy bại dần, gia đình ly tán, tai họa liên tiếp. Thổ khắc Thủy, chủ bệnh điên cuồng, phù thũng...

"Kinh Thư" viết :

> "Thủy nhập cung Khôn, Dương nhập Âm, chủ hại cho nữ nhân, trong nhà luôn có tiếng khóc than. Thủy nhập cung Cấn, chủ hại cho nam nhân, vạn sự suy bại".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

HỎA TINH

☐ *Hỏa nhập cung Kim*

Kiền, Đoài là cung Kim. Liêm Trinh là Hỏa tinh. Liêm Trinh nhập cung Kiền, Đoài, Hỏa tinh ở trên, cung Kim ở dưới, là sao khắc cung. Sao Ngũ Quỷ là hung, nhập cung Đoài, hại cho thiếu nữ; nhập cung Kiền, hại cho người chủ chốt trong gia đình. Hỏa đến khắc Kim, chủ gia đình lục đục, bị kiện tụng, thị phi, trộm cướp. Kim bị Hỏa khắc, chủ bệnh đau tim, ho lao, thổ huyết...

☐ *Hỏa nhập cung Mộc*

Chấn, Tốn là cung Mộc. Sao Liêm Trinh nhập cung Chấn, Tốn, Hỏa ở trên, Mộc ở dưới, là cung sinh sao. Liêm Trinh thế ác, tuy Mộc sinh Hỏa, nhưng xem ra không phải khí tốt lành. Gia sản sa sút, con bất hiếu, già trẻ bất an.

"Kinh Thư" viết :

> "Sao Hỏa Liêm Trinh đến chỗ Mộc, Mộc sinh nó chẳng phải điềm lành. Kiện tụng, thị phi, hung ác giết người".

☐ *Hỏa nhập cung Thủy*

Khảm là cung Thủy. Liêm Trinh nhập cung Khảm, Hỏa ở trên, Thủy ở dưới, là cung khắc sao. Hỏa nhập Thủy, lập tức bị dập tắt, chủ gia tài suy bại, hỏa hoạn, kiện tụng, con thứ chết trước, sau đó con trưởng. Hỏa bị Thủy khắc, chủ bệnh tim, khó sinh. Nước lạnh dập Hỏa, chủ thổ huyết, bệnh tật khó trị.

☐ *Hỏa nhập cung Hỏa*

Ly là cung Hỏa. Sao Liêm Trinh nhập cung Ly, là sao Hỏa nhập cung Hỏa, Hỏa khí đại vượng, lập tức phát sinh hung họa. Gia súc, điền sản không thể hưng thịnh, quả phụ gánh vác việc nhà. Bệnh tật tai họa dồn đến, đáng ngại nhất là bệnh của con gái và con trai thứ. Gặp năm Dần Ngọ Tuất sẽ có họa tuyệt tự do sao Ngũ Quỷ tác oai tác quái.

☐ *Hỏa nhập cung Thổ*

Khôn, Cấn là cung Thổ. Liêm Trinh nhập cung Khôn, Cấn, Hỏa ở trên, Thổ ở dưới, là sao sinh cung, nhưng Hỏa là sao Ngũ Quỷ, hung nhiều cát ít. Hỏa tinh nhập cung Khôn, mẹ chết trước; nhập cung Cấn, con thứ chết trước. Bệnh tật khó trị, tôi tớ bỏ đi, gia nghiệp kém sút dần.

THỔ TINH

☐ *Thổ nhập cung Kim*

Kiền, Đoài là cung Kim. Cự Môn, Lộc Tồn (gọi tắt Cự Lộc) là sao Thổ. Cự Môn nhập cung Kiền, Đoài, Thổ ở trên, Kim ở dưới, là sao sinh cung. Nhưng hai Thổ này khác nhau. Sao Lộc Tồn là Âm Thổ, Thổ tuy sinh Kim, nhưng Âm Thổ quá nhiều, cuối cùng lại làm cho Kim bị mai một. Chủ gia sản không hưng vượng, nhân khẩu ít. Lộc Tồn nhập cung Đoài thì tốt mọi sự : gia súc, gia sản tăng tiến, mọi người bình an, con cháu phát đạt, phú quý.

☐ *Thổ nhập cung Mộc*

Chấn, Tốn là cung Mộc. Cự Lộc nhập cung Chấn, Tốn, Thổ ở trên, Mộc ở dưới, là cung khắc sao, hung họa trầm trọng. Sao Lộc Tồn bị khắc, chủ thiệt hại cho nữ nhân. Sao Cự Môn bị khắc, chủ thiệt hại cho nam nhân. Gia nghiệp suy bại, gia súc chết sạch, người gặp tai nạn. Sao Cự Môn bị khắc, chủ các bệnh tì vị. Sao Lộc Tồn bị khắc, chủ các bệnh về mắt, tai, dẫn đến tàn tật.

☐ *Thổ nhập cung Thủy*

Khảm là cung Thủy. Cự Lộc nhập Khảm, Thổ ở trên, Thủy ở dưới, là sao khắc cung, gia nghiệp suy bại, con cháu ly tán, tài sản khánh kiệt. Thổ đến cung Thủy còn chủ các thứ bệnh tật.

☐ *Thổ nhập cung Hỏa*

Ly là cung Hỏa. Cự Lộc nhập cung Ly, Thổ ở trên, Hỏa ở dưới, là cung sinh sao. Chủ về nhân đinh hưng vượng, phú quý.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Kinh Thư" viết :

> "Hỏa có thể sinh Thổ, là đại cát. Gia đình chắc chắn vinh hoa phú quý, con cháu đông đúc, phát đạt".

Đây là nói sao Cự Môn. nếu Lộc Tồn thì dữ nhiều hơn lành.

- *Thổ nhập cung Thổ*

Khôn, Cấn là cung Thổ. Cự Lộc nhập cung Khôn Cấn, là Thổ nhập cung Thổ. Sao Cự Môn đến cung Cấn, chủ hại cho con nhỏ (thứ nam) nhưng vì thuộc Dương Thổ, nên cuối cùng lại phát phúc, lành nhiều hơn dữ. Sao Cự Môn đến cung Khôn, chủ hại cho người mẹ. Tương tự, sao Lộc Tồn đến hai cung Khôn Cấn, đều hại cho nữ nhân trong gia đình.

"Kinh Thư" viết :

> "Thổ sinh vạn vật, còn gọi là Tài Thổ. Thổ nhập Thổ, tiền tài sa sút, người nhiều tật bệnh, con nhỏ, mẹ già gặp nạn".

Đoán Cửu tinh Sinh Khắc

- Sao Tham Lang, Sinh Khí là sao Mộc. Gặp Kim bị khắc, chủ thiệt hại, bần cùng. Gặp Thổ cũng xung khắc, chủ bệnh tật. Gặp Hỏa tương sinh, chủ gia tài phú quý.
- Sao Cự Môn, Thiên Y là sao Thổ. Gặp Hỏa vượng thì phát tài phát phúc. Gặp Mộc xung khắc, bị bệnh mất, bệnh tim. Gặp Kim tương sinh, gia nghiệp hưng vượng, hiển hách.
- Sao Vũ Khúc, Diên Niên là sao Kim. Gặp Hỏa xung khắc, sinh bệnh phổi, ho lao. Gặp Mộc xung khắc, chủ nghèo khổ. Gặp Thổ tương sinh, phát tài phát phúc. Gặp Thủy tương sinh, tiền tài sung túc, một đời phú quý.
- Sao Văn Khúc, Lục Sát là sao Thủy. Gặp Kim tương sinh, phát tài, hưng vượng đến đời con cháu. Gặp Mộc tương sinh, tiền tài tăng tiến. Gặp Thổ xung khắc, gia đạo sa sút. Gặp Hỏa xung khắc, nhất định bị hỏa tai.
- Sao Liêm Trinh, Ngũ Quỷ là sao Hỏa. Gặp Thủy xung khắc, chủ bệnh tật, lao thương. Gặp Kim xung khắc, con cháu dần dần suy bại. Gặp Mộc tương sinh, tài lộc dồi dào. Gặp Thổ tương sinh, nhân đinh hưng vượng.
- Sao Lộc Tồn, Họa Hại là hai sao Thổ. Gặp Kim tương sinh, tiền tài dư dả. Gặp Mộc xung khắc, nhà không có con trai thừa kế. Gặp Thủy xung khắc, nhà có người chết đuối, nhân khẩu ít ỏi.
- Sao Phá Quân, Tuyệt Mệnh là hai sao Kim. Gặp Thổ tương sinh, gia sản dồi dào. Gặp Thủy tương sinh, không sợ nghèo khó. Gặp Hỏa xung khắc, gia nghiệp suy bại. Gặp Mộc xung khắc, gia đạo bất an.

Tam cát tinh đắc vị, thất vị

Sao Tham Lang nhập ba cung Khảm, Chấn, Tốn; sao Cự Môn nhập Ly, Cấn, Khôn; sao Vũ Khúc nhập Kiền, Cấn, Khôn, Đoài, đều là cát lợi, là cát tinh đắc vị. Chủ con cháu hưng thịnh, phú quý lâu dài.

Sao Tham Lang nhập cung Ly; sao Cự Môn nhập Kiền, Đoài; sao Vũ Khúc nhập Khảm, là cát tinh thất vị (mất cung vị). Chủ con cháu không phát đạt, phú quý không lâu dài.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sao Tham Lang nhập hai cung Khôn, Cấn; sao Cự Môn nhập Khảm; sao Vũ Khúc nhập Chấn, Tốn, là cát tinh thất vị. Chủ nhân định suy bại, tài lộc sa sút.

"Kinh Thư" viết :

"Cát tinh bị khắc, cũng sẽ phát sinh hung hiểm. Quân tử bị nạn, tiểu nhân đắc chí".

Bát trạch nguyên thủy quyết

Khảm, Ly, Chấn, Tốn, Kiền, Khôn, Cấn, Đoài là tám phương, trước định vị trí nền nhà, rồi sau từ Hậu Thiên Bát quái, Tiên Thiên Bát quái mà suy ra. Cửu tinh là chỉ sao của Tiên Thiên Bát quái. "Hà Đồ" là Tiên Thiên Bát quái, "Lạc Thư" là Hậu Thiên Bát quái. Vị trí nhà ở lấy hậu Thiên Bát quái làm căn bản, bố trí theo Cửu tinh của Tiên Thiên Bát quái. "Hà Đồ" với "Lạc Thư", Kinh vĩ với Bát quái, Cửu tinh là biểu lý. Hiểu được ý nghĩa Kinh vĩ, biểu lý, thì sẽ nắm chắc cách định vị trí nhà ở.

Cửu tinh Ngũ Hành liệt quái quyết

Sao Sinh Khí, Tham Lang là sao Mộc, đắc vị tại Khảm, Ly, Chấn, Tốn, chủ quý hiển lâu dài. Tại Kiền, Đoài là bị khắc nhập, tại Cấn, Khôn là khắc xuất, nghĩa là cát tinh bị thất hãm, rất khó phát đạt.

Sao Thiên Y, Cự Môn là sao Thổ, tại Kiền, Đoài, Cấn, Khôn là đắc vị, hồng phúc lâu dài. Tại Chấn, Tốn là bị khắc nhập, tại Khảm là khắc xuất. Cát tinh thất hãm không có chủ quyền, chẳng thể phát đạt.

Sao Diên Niên, Vũ Khúc là sao Kim, tại Kiền, Đoài là đắc vị, tại Cấn, Không được sinh nhập, chủ phúc lộc lâu dài. Tại Ly bị khắc nhập, tại Chấn, Tốn là khắc xuất. Cát tinh thất hãm, khó bề phát đạt.

Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân là sao Kim. Tại cung Ly bị vây khốn. Tại Chấn, Tốn như kẻ xấu đắc chí, hãm hại người tốt. Tại Cấn, Khôn như kẻ nối giáo cho giặc, nuôi ong tay áo. Tại Khảm như dã thú bị sa bẫy. Tại Kiền, Đoài không khác gì con chó cắn lại chủ của mình.

Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh là sao Hỏa. Tại Chấn, Tốn ngùn ngụt như đống lửa. Tại Kiền, Đoài như hỏa diệm sơn nung chảy mọi thứ. Tại Cấn, Khôn cũng vậy. Tại Khảm như ác thú cứng đầu cứng cổ không chịu khuất phục. Tại Ly, lửa bốc ngút trời.

Sao Họa Hại, Lộc Tồn là sao Thổ. Tại Chấn, Tốn như đầy tớ nhà giàu, ngoài mặt tỏ vẻ vâng chịu, bên trong rắp tâm hãm hại. Tại Kiền, Đoài như là kẻ phản phúc. Tại Ly, như người nuôi cáo trong nhà. Tại Khảm, như kẻ đắc chí phát cuồng. Tại Cấn, Khôn như băng đảng phản nghịch, hại nhà hại nước.

Sao Lục Sát, Văn Khúc là sao Thủy. Tại Kiền, Đoài như kỹ nữ mua vui cho người. Tại Cấn, Khôn như gái nạ dòng lấy trai tơ, hoàn toàn không tương xứng. Tại Chấn, Tốn, như con gái mất trinh, ô uế thanh danh. Tại Khảm, như trai gái dan díu với nhau ngoài bãi dâu. Tại Ly, như hai gái lấy chung một chồng, luôn mồm cãi vã.

Phía trên là nói tính chất các sao, tự nhiên có cát hung. Nhưng kẻ ác có thể cải ác hướng thiện. Điều quan trọng là ta lợi dụng nó như thế nào để biến hung thành cát.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Phúc Thiêm hào tương quyết

Trạch pháp (phép làm nhà ở) không phải nhất thành bất biến, quẻ, sao cũng biến hóa thay đổi. Ví dụ, nhà ở vốn là hung tướng, cửa nẻo lối đi không cát lợi. Nhưng có khi chỉ thay đổi một cánh cửa, chuyển một phương hướng, đã hóa hung thành cát, làm cho toàn gia trở nên an toàn. Đó là phép "Trừu hào hoán, xu cát tị hung" (thay đổi quẻ hào, tránh hung tìm cát). Còn như việc thay đổi thì, đa mà hung thì giảm đa (nhiều) thành thiểu (ít), nếu như thiểu mà cát, thì tăng thiểu thành đa. Điều chủ yếu là phải phối hợp hào quẻ, biến đổi cát và hung, có vậy Âm Dương mới có thể hài hòa mà sinh khí lành.

Cát tinh nghi vượng quyết

Nhà ở không thể để hung tinh cao chiếu. Chỉ phải để cho ba sao Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc cao lớn, thì sẽ là cát tinh đắc vị, cát khí luôn tồn tại mà không bị hung tinh áp chế, bốn hung tinh Lộc Tồn, Phá Quân, Văn Khúc, Liêm Trinh cũng chẳng thể tác oai tác quái. Vì thế người ta có câu :

"Một sao dương quyền, cả bầy hung tinh quỳ gối".

LUẬN CHIẾU TINH QUYẾT

Luận cát hung họa phúc của nhà ở tuy cần có chủ khí (chủ tinh, sao chủ), cũng cần có sao tầng cao lớn làm chủ. Cát tinh gặp cát tinh sẽ thêm phần cát lợi, hung tinh gặp hung tinh thì sẽ thêm phần hung ác. Nếu hai bên nhà có lầu cao, phải xem xét sao chiếu, mà không chỉ xem xét chủ tinh. Sao chiếu (chiếu tinh) phải hỗ trợ cho sao chủ (chủ tinh). Sao chiếu là cát tinh thì chủ tinh càng thêm phần cát lợi. Sao chiếu là hung tinh, thì dù sao chủ cát tường, cũng bị hung tinh áp chế. Bên ngoài nhà có lầu cao, phải xét đến sao chiếu.

TAM NGUYÊN SINH KHẮC KIẾN ỨNG

Cửu cung Cửu tinh, tương sinh tương khắc, chia ra Tam Nguyên là Thiên, Địa, Nhân.

Cung sinh khắc cung là Thiên nguyên, cung sinh khắc sao là Địa nguyên, sao sinh khắc cung là Nhân nguyên.

Thiên nguyên chủ về nhân đinh. Địa nguyên chủ về địa sản. Nhân nguyên chủ về gia súc. Cung sinh cung thì nhân khẩu hưng vượng; cung khắc cung thì nhân khẩu điêu linh. Cung sinh sao, ruộng vườn tài sản gia tăng; cung khắc sao, gia sản suy bại. Sao sinh cung, gia súc đông đúc; sao khắc cung, gia súc chết sạch. Dương khắc cung Âm, nữ nhân bất lợi; Âm khắc cung Dương, nam nhân bất an.

Như trên đã nói, tuy mỗi loại có một mối quan hệ, nhưng có thể tổng hợp lại dựa vào sự kết hợp của Âm Dương tinh khí. Đây chỉ nói một sự kiện làm chủ một sự vật, nghĩa là chỉ nói về bản khí.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

CỬU TINH CÁT HUNG CA

Phục Vị, Thiên Y, phúc khí dồi dào. Diên Niên, Sinh Khí, vô cùng cát lợi. Ngũ Quỷ, Liêm Trinh, hung khí đến liền. Thủy tinh, Văn Khúc, khó bề hưng vượng. Tuyệt Mệnh là sao gây nhiều tai họa. Tả Phụ, Hữu Bật, thì cát hung biến hóa khác thường, tùy đi với sao hung sao cát mà tốt hay xấu. Đó là thước đo cát hung của Cửu tinh, trân trọng truyền lại, nên suy xét tinh tường.

CUNG TINH SINH KHẮC CA

Trên trời có Cửu tinh, dưới đất có Cửu cung, tinh (sao) cung tương phối hòa hợp, sinh khí dồi dào. Âm Dương khác nhau, người và tiền của đều không. Âm Dương tương sinh, phú quý lâu dài. Các sao chủ các nhà, nói lên tông tộc của các nhà. Nếu sao cổng lớn (đại môn) cát lợi, còn lại đều không cát lợi, thì lập tức đoán là hung. Cổng lớn, cổng sau đều cát lợi, mà Thủy lộ hoàng tuyền thì là hung. Nếu cổng nhà với Thủy lộ tương hợp, thì con cháu thiện lương, gia nghiệp hưng vượng.

TAM CÁT ĐẮC VỊ CA

Sao Tham Lang, Mộc, cư ở phương Bắc Thủy, Mộc Thủy đắc vị, chủ có 5 con trai, 10 cháu trai, đều tuấn tú, vinh hiển lâu dài. Nếu đến phương Đông Chấn, Tốn, hai Mộc thành rừng, con em đi thi đều chiếm bảng vàng.

Sao Cự Môn, Thổ, cư ở phương Nam Hỏa, Hỏa Thổ đắc vị, chủ con cháu phát đạt hưng vượng, phú quý lâu dài. Nếu cổng lớn là sao Cự Môn, Thổ vị, sinh khí tại phương hướng sao Vũ Khúc, Kim tinh, nếu cổng lớn là sao Lộc Tồn, Thổ vị, sinh khí tại phương hướng sao Phá Quân, Kim tinh.

Sao Vũ Khúc, Kim, cư ở phương Nam Hỏa, Kim tinh thuộc Dương, Kim gặp Hỏa, được luyện thành khí cụ tốt đẹp, gia nghiệp hưng vượng, hanh thông. Nếu còn được Thổ tương sinh, đắc vị, thì con em trong nhà sẽ thi đỗ Trạng nguyên.

Sao Văn Khúc, Thủy, cư ở Trung ương Thổ, bị khắc, trở thành hung tinh. Phải sớm áp chế hung tinh, mới có thể thi cử đỗ đạt.

NỘI NGOẠI TƯƠNG KHẮC CA

Nội khắc Ngoại (Trong khắc Ngoài) còn có khả năng ngăn chặn hung hiểm. Nếu Ngoài khắc Trong thì khó tránh tai nạn. Ngoài sinh Trong, phúc lộc lập tức đến nhà. Trong sinh Ngoài, gia đạo cũng có thể hưng vượng. Trước hết căn cứ Ngũ Hành xuyên trạch ca quyết. Cửu tinh Sinh Khắc, phải phối hợp Âm Dương, rồi thống nhất với Tam Nguyên, để luận đoán về nhân đinh, tiền tài, gia súc... thì mới hiểu rõ được hưng suy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGŨ HÀNH SINH KHẮC CA

Ngũ Hành tương Sinh, gia đình phú quý, quan vận hanh thông, đinh, tài lưỡng vượng. Ngũ Hành tương Khắc, tai họa liên miên, gia đình suy bại. Kim nhập cung Mộc, nhiều việc hung. Hỏa nhập cung Kim, có hỏa hoạn. Mộc đến khắc Thổ, có lụy tù ngục. Thủy gặp Thổ, ai oán khóc than. Kim Thủy tương sinh, không sợ tai họa. Thủy Hỏa xung khắc, lao đao khốn khổ. Mộc Thổ tương khắc, liên tiếp sầu bi. Hỏa Kim xung khắc, bệnh tật triền miên. Nếu có thể hóa Khắc thành Sinh, Sinh khí mạnh thì chỗ Khắc giảm yếu.

CỬU TINH XUYÊN PHÒNG PHẢN CHIẾU CA

Sao Tham Lang gặp sao Liêm Trinh, trong nhà sẽ sinh đạo tặc. Sao Cự Môn gặp sao Liêm Trinh, nhà sẽ có con cái bất hiếu, phản nghịch. Lộc Tồn gặp Liêm Trinh, nhà bất hòa. Văn Khúc gặp Liêm Trinh, nếu không làm loạn thì cũng phải đi lính nơi biên địa.

Sao Tham Lang gặp sao Tham Lang, nam nữ ôn hòa, hiền thục, giỏi văn thơ, gia đình no đủ, con cháu hưng vượng. Cự Môn gặp Cự Môn, gia đình no đủ, bình an. Lộc Tồn gặp Lộc Tồn, người và của tiêu tán. Văn Khúc gặp Văn Khúc, nam nhân tham lợi, nữ nhân dâm đãng, gia sản suy bại, lưu lạc tha hương. Vũ Khúc gặp Vũ Khúc, phúc lộc cùng đến. Phá Quân gặp Phá Quân, trộm cướp gian tà. Tả Phụ gặp Hữu Bật, con cháu hiếm hoi, nữ nhân làm bại hoại gia phong.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGŨ HÀNH HƯNG PHẾ HẠN SỐ

Ngũ Hành hưng phế có quy tắc nhất định, trong sinh, khắc phải hiểu rõ nhanh, chậm (hạn đến nhanh hay chậm). Có thể từ quẻ Ngũ Hành Thủy 1, Hỏa 2, Mộc 3, Kim 4, Thổ 5 mà suy đoán.

TINH KHÍ NGUYỆT HẠN

Tháng Giêng là sao Liêm Trinh, tháng Hai là sao Vũ Khúc, tháng Ba là sao Phá Quân, tháng Tư là sao Tả Phụ, tháng Năm sao Hữu Bật, tháng Sáu sao Tham Lang, tháng Bảy sao Cự Môn, tháng Tám sao Lộc Tồn, tháng Chín sao Văn Khúc, tháng Mười sao Liêm Trinh, tháng Mười Một sao Vũ Khúc, tháng Chạp sao Phá Quân. Đó là căn cứ nguyệt phân xem tinh khí (khí sao). Phải xem kỹ nơi phù hợp giữa cung và sao.

Ngũ Hành tương khắc kiến Bệnh

Kim khắc Mộc, chủ hung tử (chết hung). Dễ bị bệnh gan, viêm phổi hoặc ho lao, tâm hàn, khí bế, đau yết hầu, sầu muộn, nên có người không chịu nổi, tự vẫn mà chết. Phần

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lớn là người già và con trẻ trong gia đình mắc bệnh.

Mộc khắc Thổ, chủ chết bệnh. Dễ bị bệnh tì vị, ăn uống không tiêu, ợ chua, mặt vàng cơ gầy, ho có đờm, đau mắt, đau chân. Đa phần bà già, trẻ con trai bị các bệnh này.

Thổ khắc Thủy, chủ câm điếc. Trẻ nhỏ bất lợi, đau mắt, tì vị xấu, tâm tính thất thường. Sinh nhiều con nhưng chết nhiều, nam nữ đều bất lợi.

Thủy khắc Hỏa, chủ bệnh tim, động thai, băng huyết, thổ huyết, trong nhà nữ nhân hay bệnh tật. Phần lớn nam nữ trong nhà hay mắc các bệnh này.

Hỏa khắc Kim, bệnh lao phổi, ho, thổ huyết, mặt bủng da chì, hoặc tửu sắc quá độ. Xung khắc nặng thì đến mức tự vẫn. Bệnh tật dễ đến với người già và con trẻ. Lại còn tai họa cháy nhà, kiện tụng thị phi.

Luận Bát trạch khí khẩu

Mỗi nhà một quẻ, chủ khí đã định. Đã là 8 quẻ thì đều có khí Tiên Thiên và khí Hậu Thiên, không có gì là không cát lợi cả. Môn cung phối hợp với nhau, có sự khác nhau về tương sinh, tương khắc, tì hòa, dẫn đến biến hóa cát hung. Nhưng mỗi cung có tượng sao của nó ẩn hiện giữa cung trạch. Cát hung của khí sao hoặc là tương hợp với vượng suy của chủ khí, hoặc là sự cát hung của chủ khí vì có sự vi phản của khí sao mà cát hung khác nhau ít nhiều. Do đó, cát hay hung tùy theo tình huống của khí sao mà định, cát hung có thể chuyển hóa, cần hóa hung thành cát. Song dù có bố trí, phân cung thế nào đi nữa, nếu dùng Ngũ Hành, Bát quái mà điều chế môn cung, tinh vị, phương hướng, thông qua tượng sao mà phán đoán thì cát hung tự nhiên rất sáng tỏ.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TRẠCH PHÁP

PHƯƠNG NGUNG TRUNG CUNG ĐỊNH PHÁP

Nếu cư trú ở thành thị, chỉ có một căn nhà thì lấy giữa cây đòn dông làm trung cung. Căn nhà này còn có hành lang phía trước, thì nên là hậu thiển tiền thâm (trước sâu sau nông), lấy phần dưới mái hiên làm trung cung. Nếu phía trước có hành lang, phía sau có sương phòng (chái nhà), mà kích thước trước sau như nhau, thì lấy phần giữa cây đòn dông làm trung cung. Nếu có hai phòng ở, thì lấy Thiên tỉnh ở giữa, sau nhà trước và trước nhà sau, làm trung cung. Nếu có 3, 4, 5 phòng ở, thì dựa vào sự biến hóa sâu nông của từng phòng. 24 chữ trên "La Kinh" không có sự co giãn biến hóa, việc đo đạc trên thực địa phải chuẩn xác, rồi mới từ chính giữa đặt La Kinh, như vậy mới xác định rõ đâu là cửa hung, đâu là cửa sát của bát trạch, mà trong 24 chữ, không được nhầm lẫn chỗ có sát khí với chỗ không có sát khí. Dùng cách này để chọn thời gian, phương vị khai môn, đặt bếp thì mới chuẩn xác.

Nếu cần xây dựng trụ sở của châu, phủ, huyện nha giữa các nhà ở hương thôn, thì cách làm không giống như ở thành thị. Chỉ cần dựa vào nơi Long huyệt linh khí, lấy đó làm trung cung, theo 8 cửa (bát môn) mà thực thi, không phải câu nệ phương pháp lấy trước hay sau làm trung cung.

KHỞI KIẾN TÂN TRẠCH

Nếu tọa Khảm, hướng phương Ly, khai cửa Tốn, tại phương hướng Chính Nam lập một hỏa am, thì tại phương hướng Chính Bắc xây một phòng cao, hoặc lấy lầu làm phòng chính, thế thì Thủy được Kim sinh, Mộc được Thủy sinh, là một ngôi nhà có căn cơ. Vạch một hào cơ (hào lẻ), hoặc giả tiếp đó xây một phòng phía Đông, vạch một hào lẻ nữa, hoặc giả xây một phòng phía Tây, thì vạch một hào ngẫu (hào chẵn). Từ đó trở đi, bất kể là phòng phía Đông Tây Nam Bắc, bất kể là 1, 2, 3, 10 hay 14, 15 tòa, mỗi tòa cứ chiếu Âm Dương mà vạch hào chẵn lẻ. Âm vạch hào chẵn, Dương vạch hào lẻ, chỉ dùng sáu hào, xem nó thành quẻ gì. Quẻ Đông bố trí phòng phía Đông, quẻ Tây bố trí phòng phía Tây mới cát lợi. Kiền, Khôn, Cấn, Đoài là thuộc quẻ Tây Tứ trạch; Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông Tứ trạch, nhất định phải phối hợp Âm Dương. Nếu không, cô Âm sẽ khó có con nối dõi, cô Dương sẽ thiệt hại cho nữ nhân.

Cho nên, khi xây nhà mới, nhất thiết phải tính trước thành quẻ gì. Nếu làm 1 phòng, thì chỉ có 1 hào Dương, bên trên vạch thêm 5 hào lẻ, thành quẻ Bát Thuần Càn. Hoặc giả làm 2 phòng, 1 Dương 1 Âm, bên trên vạch 4 hào chẵn, thành quẻ Ký Tế. Ít bù thành nhiều, nhiều giảm thành ít, đó là câu quyết về lập quẻ tân trạch.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THIÊN TRẠCH KHÍ KHẨU

Vị trí nhà cũ ở hướng Đông Bắc, không thích hợp di chuyển sang hướng Chính Nam, hướng Chính Đông, hướng Đông Nam, hướng Chính Bắc, nên di chuyển sang hướng Tây Nam, hướng Tây Bắc và hướng Chính Tây. Nếu từ hướng Đông Bắc di chuyển sang hướng Tây Nam nhà mới là quẻ Khôn, đã có 3 hào hình thành. Quẻ trên từ hướng Dương tới, biến thành Âm, vạch một hào chẵn; đến hào 2 là từ hướng Dương đi, vạch một hào lẻ, sau đó lấy chỗ Yên Hỏa làm hào sơ. Nếu tại phòng phía Bắc, thì biến Dương thành Âm, vạch một hào chẵn, sắp thành quẻ Địa Thủy Sư là sao Tuyệt Mệnh chủ hung hiểm. Nếu tại phòng phía Tây, ất Âm biến thành Dương, vạch một hào lẻ, bố trí thành quẻ Địa Trạch Lâm là sao Thiên Y, thì tiền cát hậu hung. Nếu tại phòng phía Đông Bắc, Tây Bắc, ất dương biến thành Âm, vạch một hào chẵn, tuy thành quẻ Địa Thủy Sư, nhưng vì Càn Khôn phối hợp thành quẻ Địa Thiên Thái, là sao Diên Niên. Lấy Khôn phối hợp với Cấn thành quẻ Địa Sơn Khiêm là sao Sinh Khí thì vô cùng cát lợi.

Các quẻ khác theo cách đó mà suy.

DƯƠNG CÔNG LAI LỘ HUYỀN KHÔNG YÊN HỎA HOẠT PHÁP

Dịch có Thái Cực, từ đó sinh ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái. Dùng Bát quái trấn thủ bát phương.

Càn (Kiền) là trời, là cha, là vị trí Tiên Thiên ở phương Chính Nam. Khôn là đất, là mẹ, trong Tiên Thiên ở phương Chính Bắc. Cho nên nói thiên địa định phương vị.

Cấn là núi, trong Tiên Thiên cư ở hướng Tây Bắc. Đoài là đầm, trong Tiên Thiên cư ở hướng Đông Nam. Cho nên nói núi đầm thông khí (sơn trạch thông khí).

Chấn là sấm, trong Tiên Thiên cư ở hướng Đông Bắc. Tốn là gió, trong Tiên Thiên cư ở hướng Tây Nam. Cho nên nói sấm gió đều nhỏ yếu (lôi phong tương bạc).

Khảm là nước (Thủy), trong Tiên Thiên cư ở hướng Chính Tây. Ly là lửa (Hỏa), trong Tiên Thiên cư ở hướng Chính Đông. Cho nên nói nước lửa không dung nhau (Thủy Hỏa bất tương dung).

Tám quẻ (bát quái) phối hợp với nhau, từ đó hóa sinh vạn vật. Phương vị Hậu Thiên Bát quái, Yên Hỏa vãng lai để hướng, hoàn toàn dựa vào Huyền Không mà thành tượng quẻ.

Nếu biến mà được các quẻ Sinh Khí, Diên Niên, Phúc Đức, Thiên Y thì rất cát lợi, có thể sử dụng. Nếu gặp các quẻ Ngũ Quỷ, Tuyệt Mệnh, Họa Hại, Lục Sát thì rất hung hiểm, không thể sử dụng.

Nói yên Hỏa, nghĩa là chỉ tượng quẻ do Huyền Không tạo thành, hoặc là Đông Tây vãng lai, hoặc Nam Bắc thiên di, đều dùng khẩu quyết Huyền Không tạo quẻ.

XÍCH TÙNG TỬ YÊN HỎA KINH

Trước tiên căn cứ vào Trạch khí, phân biệt Âm Dương, định rõ trường địa Huyền Không tạo vật, đường đi lối lại. Đổi cửa, tu bổ cần rõ phương hướng, vạch thêm mỗi lần một hào. Căn cứ môn lộ mà nhận rõ đúng chỗ cát tường. Phòng ốc hướng Đông Bắc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

dùng làm hào Dương, phòng ốc hướng Tây Nam dùng làm hào Âm. Tam tam môn số phải nên định rõ, tình huống trong ngoài mỗi phòng ốc phải xem xét kỹ. Các hào quẻ trên, dưới hợp thành Thể, có hợp mới được phú quý bình an. Đường đi lối lại trong ngoài là chủ - khách, cửa phòng hướng nào cần biết rõ. Khí khẩu gian bếp là hào bốn. Nhập Âm xuất Dương phối hợp theo kiểu tương sinh. Đó là diệu quyết chân chính về di chuyển nơi ở, cát hung họa phúc đều ở trong đó, chẳng thể xem thường.

LẠI CÓ KHẨU QUYẾT VỀ
YÊN HỎA TRANG QUÁI TĂNG GIẢM NHÂN KHẨU

Quẻ Ngũ Quỷ gây tổn hại bảy người, quẻ Tuyệt Mệnh gây tổn hại năm người, quẻ Sinh Khí chủ tăng thêm năm nhân khẩu, quẻ Họa Hại gây tổn hại bảy người, sao Lục Sát, Văn Khúc xâm nhập thì người không sống quá 10 năm.

Âm được khí Dương, nhà thêm con trai. Dương được khí Âm, nhà thêm con gái. Trùng Dương thêm con trai, trùng Âm thêm con gái.

Nếu từ hướng Đông Nam di chuyển đến hướng Đông Bắc là Kiền trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, là quẻ Ly. Đuôi quẻ là Kiền Kim, thân quẻ là Ly Hỏa, gốc quẻ là Tốn Mộc, hợp thành ba sao Họa Hại, Tuyệt Mệnh, Thiên Ất. Năm, tháng Dần Ngọ Tuất, chủ tổn hại cho cha già. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, chủ tổn hại đến trưởng nữ, dâu trưởng, còn thêm thị phi kiện tụng, bệnh tật, tự vẫn. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Âm, sẽ là quẻ Cấn, đuôi quẻ thuộc Kiền Kim, thân quẻ thuộc Cấn Thổ, gốc quẻ thuộc Tốn Mộc, hợp thành hai sao Họa Hại, Thiên Ất. Năm Hợi Mão Mùi, hại đến con nhỏ. Năm Tỵ Dậu Sửu, hại đến trưởng nữ, dâu trưởng trước, sau đó tiền tài dư dả, con cháu hiếu thuận.

Nếu từ hướng Đông Bắc di chuyển đến hướng Đông Nam, gọi là Tốn trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, thành quẻ Đoài. Đuôi quẻ thuộc Tốn Mộc, thân quẻ thuộc Đoài Kim, gốc quẻ thuộc Kiền Kim, hợp lại thành ba sao Lục Sát, Họa Hại, Sinh Khí. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, tổn hại cho trưởng nữ, dâu trưởng, gia đình bị liên lụy về kiện tụng, trộm cướp, bệnh tật (điếc, mù), gia sản rơi vào tay kẻ khác. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng về phía Âm, thành quẻ Khảm. Đuôi quẻ thuộc Tốn Mộc, thân quẻ thuộc Khảm Thủy, gốc quẻ thuộc Kiền Kim, hợp lại thành ba thần Sinh Khí, Họa Hại, Lục Sát. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, tổn hại đến trưởng nữ, dâu trưởng. Năm, tháng Thân Tý Thìn, Hợi Mão Mùi, trước sinh con trai, sau đó gặp tai họa bệnh tật.

Nếu từ hướng Chính Đông di chuyển đến hướng Chính Tây, gọi là Đoài trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng về phía Dương, thành quẻ Đoài. Đuôi quẻ thuộc Đoài Kim, gốc quẻ thuộc Chấn Mộc, hợp lại thành hai sao Lục Sát, Phục Vị. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, tổn hại cho trưởng nữ, dâu trưởng, bệnh tật triền miên. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Âm, sẽ thành quẻ Khảm. Đuôi quẻ thuộc Đoài Kim, thân quẻ thuộc Khảm Thủy, gốc quẻ thuộc Chấn Mộc, hợp lại thành ba thần Lục Sát, Họa Hại, Sinh Khí. Năm, tháng Thân Tý Thìn, chủ sinh quý tử. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, hại cho trưởng nữ, dâu trưởng, sau đó bệnh tật (về gân cốt, ẩm thực).

Nếu từ hướng Chính Tây di chuyển đến hướng Chính Đông, gọi là Chấn trạch. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, thành quẻ Ly. Đuôi quẻ thuộc Chấn Mộc, thân quẻ thuộc Ly Hỏa, gốc quẻ thuộc Kiền Kim, hợp nên ba thần Sinh Khí, Ngũ Quỷ, Tuyệt Mệnh. Năm, tháng Dần Ngọ Tuất, hại đến thứ nữ, dâu thứ. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, hại cho con trưởng. Năm, tháng Hợi Mão Mùi, sinh quý tử sau hiển đạt, tiền tài dư dả, nhân khẩu hưng vượng. Nếu Hỏa lộ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

và Khí khẩu đều hướng Âm, thành quẻ Cấn. Đuôi quẻ thuộc Chấn Mộc, thân quẻ thuộc Cấn Thổ, gốc quẻ thuộc Đoài Kim, hợp lại thành ba thần Lục Sát, Tuyệt Mệnh, Diên Niên. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, hại cho con trưởng, Hợi Mão Mùi hại cho nữ nhân, con nhỏ, kiện tụng, khẩu thiệt thị phi, trụy thai, bệnh ôn dịch.

Nếu từ hướng Chính Bắc di chuyển đến hướng Chính Nam, gọi là Ly trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, hợp thành quẻ Đoài. Đuôi quẻ thuộc Ly Hỏa, thân quẻ - Đoài Kim, gốc quẻ - Khảm Thủy, hợp lại thành Ngũ Quỷ, Họa Hại, Diên Niên. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu cũng không thuận lợi, tổn hại gan, máu, có hỏa hoạn, cướp bóc. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Âm, phối thành quẻ Khảm. Đuôi quẻ thuộc Ly Hỏa, thân quẻ - Khảm Thủy, gốc quẻ cũng thuộc Khảm Thủy, hợp lại thành Diên Niên, Phục Vị. Năm, tháng Thân Tý Thìn, hại đến trung nữ, con dâu giữa. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, con cháu thành trước, sau đó có bệnh tì vị và mục tật.

Nếu từ hướng Chính Nam di chuyển đến hướng Chính Bắc, gọi là Khảm trạch. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, phối thành quẻ Ly. Đuôi quẻ thuộc Khảm Thủy, thân quẻ thuộc Ly Hỏa, gốc quẻ cũng thuộc Ly Hỏa, hợp lại thành hai thần Diên Niên, Phục Vị. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, sinh con quý hiển, tiền tài tăng tiến, gia nghiệp hưng vượng, sau đó có bệnh gân cốt. Nếu Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Âm, phối thành quẻ Cấn. Đuôi quẻ thuộc Khảm Thủy, thân quẻ thuộc Cấn Thổ, gốc quẻ thuộc Ly Hỏa, hợp lại thành ba thần Diên Niên, Họa Hại, Ngũ Quỷ. Năm, tháng Thìn Tuất Sửu, tổn hại cho con gái giữa. Năm, tháng Thân Tý Thìn, hại cho nữ nhân và con nhỏ, còn thêm kiện tụng, thị phi, bệnh về ẩm thực (ăn uống).

Nếu từ hướng Đông Bắc di chuyển đến hướng Tây Nam, gọi là Khôn trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, phối thành quẻ Đoài. Đuôi quẻ thuộc Khôn Thổ, thân quẻ thuộc Đoài Kim, gốc quẻ thuộc Cấn Thổ, hợp lại thành ba thần Sinh Khí, Thiên Ất, Diên Niên. Năm, tháng Tỵ Dậu Sửu, con trưởng quý hiển. Năm, tháng Hợi Mão Mùi, hại cho mẹ và con nhỏ, nhà bị bệnh tật, nhưng tiền tài tăng tiến. Nếu Hỏa lộ và Khí khẩu đều hướng Âm, phối thành quẻ Khảm. Đuôi quẻ thuộc Khôn Thổ, thân quẻ thuộc Khảm Thủy, gốc quẻ thuộc Cấn Thổ, hợp lại thành ba sao Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ, Sinh Khí. Năm, tháng Thìn Tuất Sửu, tổn hại đến trung nam. Năm, tháng Dần Ngọ Tuất, hại cho nữ nhân và con nhỏ. Bệnh trùng phong, câm điếc...

Nếu từ hướng Tây Nam di chuyển đến hướng Đông Bắc, gọi là Cấn trạch. Hỏa lộ với Khí khẩu đều hướng Dương, phối thành quẻ Ly. Đuôi quẻ thuộc Cấn Thổ, thân quẻ - Ly Hỏa, gốc quẻ - Khôn Thổ, hợp lại thành ba sao Họa Hại, Lục Sát, Sinh Khí. Năm, tháng Dần Ngọ Tuất, chủ tổn hại cho nữ nhân. Năm tháng Hợi Mão Mùi, hại cho con nhỏ, bệnh tật về câm điếc, răng, mắt, tai... Nếu Hỏa lộ và Khí khẩu cùng hướng về phía Âm, phối thành quẻ Cấn. Đuôi quẻ thuộc Cấn Thổ, thân quẻ thuộc Cấn Thổ, gốc quẻ - Khôn Thổ, hợp lại thành hai thần Phục Vị, Sinh Khí. Năm, tháng Hợi Mão Mùi, thoạt đầu hại cho con nhỏ, mẹ già, gia phong bại hoại, sau đó tiền tài tăng tiến, có con dâu.

TAI PHÚC CA

Thánh nhân thời cổ Hoàng Thạch Công có nói Thiên Địa Nhân là Tam tài, hợp với Lưỡng Nghi tạo lập Càn Khôn. Càn là Thiên (trời), Khôn là Địa (đất), Thiên là cha, Địa là mẹ. Chấn là sấm, Tốn là gió, sấm gió yếu đi, vợ chồng thành thân. Ly là Hỏa, Khảm là Thủy, Ly là trung nam, Khảm là trung nữ. Cấn là núi, Đoài là đầm, núi đầm thông khí. Bát quái phân minh : Kiền phối với Khôn, Cấn phối Đoài, gọi là Tây Tứ trạch,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là thần Sinh Khí với Diên Niên, không xung phạm hung thần. Chấn nhập Tốn, Khảm nhập Ly, thành hai thần Thiên Ất và Phục Vị, gọi là Đông Tứ trạch. Di yên cải hỏa dĩ nhiên là cầu được an ninh. Từ Ung Châu di chuyển đến Thanh Châu, gọi là quẻ Ngũ Quỷ Thiên Bổng di Thiên Nhuế, Tuyệt Mệnh vong thần. Thổ mùa Xuân sợ Mộc vượng đến khắc hại thân thể. Ngày Hè nóng nực, Thủy ít ỏi sao dám đến xâm phạm ? Tượng Kim ngày Thu rất vượng. Hỏa ngày Đông e sợ nước tuyệt diệt. Lập Xuân là Cấn, Xuân Phân là Chấn, Lập Hạ là Tốn, ba thời này vượng, ắt nhân đinh trong nhà hưng vượng. hạ Chí là Ly, Lập Thu là Khôn, phải nói cho rõ. Thu Phân là Đoài, Lập Đông là Kiền, Đông Chí là Khảm, gặp ba thời này, nhân đinh trong nhà hưng vượng, nhưng gia súc ít ỏi, có chuyện khẩu thiệt thị phi, có họa hình ngục, bệnh tật (phế đàm).

Bát trạch phân minh, phải được vị trí Sinh Khí. Vị trí Hợi Mão Mùi, chủ tăng thêm 5 nhân khẩu. Sao Diên Niên, vị trí Tỵ Dậu Sửu, nhà thêm con cháu. sao Thiên Ất, Thân Tý Thìn, vị trí Sinh Khí tăng thêm 3 nhân khẩu. Sao Phục Vị, đến năm Hợi Mão, xảy ra ba việc, Lục Sát hung ác, vị trí Thân Tý Thìn giảm 5 nhân khẩu. Sao Tuyệt Mệnh, vị trí Tỵ Ngọ Dậu, hại cho 4 nhân khẩu. Sao Ngũ Quỷ, vị trí Dần Ngọ Tuất, thiệt hại 5 nhân khẩu. sao Họa Hại, Tý Thân Thìn, rất hại cho nhân đinh.

Dương được Âm khí hòa hợp, thuần Dương sinh con trai. Âm được Dương khí, thuần Âm sinh con gái.

Nếu gốc quẻ bị khắc, gia nghiệp sẽ suy bại, con cháu nguy vong. Đuôi quẻ bị khắc, sẽ sinh tật bệnh, kiện tụng. Thân quẻ bị khắc, tiền của tiêu tán, tai họa dồn dập.

Kim nhập Hỏa, Hỏa luyện Kim, là hai quẻ Kiền Kim, chủ bệnh phổi, ho lao... Ly nhập Đoài, chủ bệnh máu huyết.

downloadsachmienphi.com

DI YÊN HẠ HỎA NẠP QUÁI



Đồ hình Định cục Di Yên Hạ Hỏa nạp quái

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Kim nhập Mộc, Kiền nhập Chấn, hai bên sườn đau, bệnh ho lao xâm nhập.

Mộc nhập Kim, Tốn nhập Đoài, xung phạm sao Lục Sát, chủ bệnh tê liệt, yết hầu, phù thũng, hữu khí vô lực, sầu muộn, bế tắc, treo cổ tự vẫn.

Thủy nhập Thổ, chủ bệnh điên, mặt bủng da vàng, phù thũng, tê liệt.

Thổ nhập Mộc, Cấn nhập Tốn, chủ bệnh tì vị.

Kiền khắc Tốn, sinh ho lao, nữ nhân bị mục tật.

Thủy khắc Hỏa, bệnh do ăn uống, lao lực. Thổ khắc Thủy, có người bị tê liệt. Khảm nhập Cấn, chủ về bệnh do ăn uống, phù thũng. Ly nhập Khảm, mắt lòa, mỹ nhân mắc bệnh tim. Thủy khắc Hỏa, khó thoát chết đuối, trúng phong. Tốn nhập Khảm, cũng nhiều bệnh tật mà chết. Thổ sinh Kim, Tuất Tỵ gặp nhau mòn mỏi. Thủy sinh Mộc, Nhâm Quý quá ẩm thấp, dễ bị bệnh tả mà chết. Mộc gặp Mộc thành rừng, làm nhà ở sẽ hưng vượng phát đạt. Mộc sinh Hỏa, Mộc bị thiêu rụi, sẽ bị tuyệt tự. Mộc khắc Thổ, Thổ dưỡng Mộc, còn được coi là cát lợi.

Kim sinh Thủy, Kiền phối hợp với Khảm trái lại không cát lợi. Thủy khắc Hỏa, Hỏa bốc cao, không cách ngăn chặn, khó phân biệt cát hung họa phúc.

Từ cung Thìn nhập cung Tuất, từ cung Tỵ nhập cung Hợi, từ cung Tốn nhập cung Kiền, là Sinh khí bốn Âm đắc bốn Dương.

Từ cung Bính nhập cung Nhâm, từ cung Ngọ nhập cung Tý, từ cung Đinh nhập cung Quý, là Sinh khí ba Âm đắc ba Dương.

Từ cung Mùi nhập cung Sửu, từ cung Khôn nhập cung Cấn, từ cung Thân nhập cung Dần, là Sinh khí năm Âm đắc năm Dương.

Từ cung Canh nhập cung Giáp, từ cung Dậu nhập cung Mão, từ cung Tân nhập cung Ất, là Sinh khí hai Âm đắc hai Dương.

Từ cung Tuất nhập cung Thìn, từ cung Kiền nhập cung Tốn, từ cung Hợi nhập cung Tỵ, là Sinh khí bốn Dương đắc bốn Âm.

Từ cung Sửu nhập cung Mùi, từ cung Dần nhập cung Thân, từ cung Cấn nhập cung Khôn, là Sinh khí năm Dương đắc năm Âm.

Từ cung Giáp nhập cung Canh, từ cung Mão nhập cung Dậu, từ cung Ất nhập cung Tân, là Sinh khí hai Dương đắc hai Âm.

Nếu từ Dương nhập Âm, chủ tài lộc, gia tài ưu dả, nam nhân trong nhà trung tín, nữ nhân tiết hạnh. Nếu từ Âm nhập Dương, chủ nhà sẽ phát tài, gia súc đông đảo, con cháu đông vui. Nếu từ Dương nhập Dương, tai nạn liên miên, gia tài suy bại, con cháu bi thương.

Nếu từ cung Kiền nhập cung Ly, từ cung Khảm nhập cung Khôn, từ cung Tốn nhập cung Đoài, từ cung Cấn nhập cung Tốn, tuy là Dương phối hợp với Âm, nhưng cuối cùng không thể tỉ hoà, chủ nam nhân góa vợ, nữ nhân góa chồng, con cháu ly tán.

Nếu từ cung Ly nhập cung Kiền, từ cung Khôn nhập cung Khảm, từ cung Đoài nhập cung Chấn, từ cung Tốn nhập cung Cấn, tuy là Âm phối với Dương, nhưng bản thân không phải là tứ cát, nên nhà bị tán tài, con cháu lưu lạc tha phương.

Nếu bố trí bếp (cựu táo) ở phòng Đông Bắc, chỗ chữ Giáp, thuộc cung Chấn, chuyển bếp đến phòng phía Bắc, chữ Dần, thuộc cung Ly, gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Tốn. Như vậy là phối thành trên Chấn, giữa Tốn, dưới Ly, hợp nên ba sao Thiên Ất, Sinh Khí, Diên Niên, năm tháng Hợi Mão Mùi sẽ sinh quý tử, tài sản hưng vượng, phú quý lâu dài.

Nếu bố trí bếp ở gian phòng Bắc chỗ chữ Quý, thuộc cung Khôn, di chuyển bếp đến phòng Tây, chữ Dậu, thuộc cung Cấn, gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Chấn. Phối hợp như vậy thành trên Khôn, giữa Chấn, dưới Cấn, hợp nên ba sao Họa Hại, Lục Sát, Sinh Khí. Năm tháng Hợi Mão Mùi sẽ tổn hại cho nữ nhân, con trẻ, chủ bệnh gan.

Nếu bố trí bếp tại phòng Nam, chữ Ất, thuộc cung Đoài, di chuyển bếp đến gian giữa, chỗ chữ Mão, thuộc cung Tốn, hợp nên sao Lục Sát, Ngũ Quỷ, Thiên Ất. Năm tháng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tỵ Dậu Sửu, sẽ tổn hại cho trưởng nữ, dâu trưởng, có hỏa hoạn, trộm cướp.

Nếu bố trí bếp ở gian phòng Bắc, chỗ chữ Nhâm, thuộc cung Khảm, di chuyển bếp đến gian giữa, chữ Tý, thuộc cung Khảm, gia trưởng mệnh trạch, thuộc cung Kiền, phối hợp như vậy thành trên Khảm, giữa Kiền, dưới Ly, hợp nên ba sao Lục Sát, Diên Niên, Tuyệt Mệnh. Năm tháng Dần Ngọ Tuất, Tỵ Dậu Sửu sẽ tổn hại gia tài, liên lụy tù ngục.

Nếu bố trí bếp tại phòng Bắc, chữ Tý, thuộc cung Ly, di chuyển bếp đến phòng Nam, chỗ chữ Đinh, thuộc cung Khảm, gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Kiền, phối hợp như vậy thành trên Ly, giữa Kiền, dưới Khảm, hợp nên ba sao Lục Sát, Tuyệt Mệnh, Diên Niên. Năm tháng Dần Ngọ Tuất sẽ tổn hại đến nam chủ nhân. Năm tháng Tỵ Dậu Sửu sẽ sinh quý tử, tổn hại nữ nhân.

Nếu bố trí bếp tại phòng Nam, chỗ chữ Ngọ, thuộc cung Khảm, di chuyển bếp đến phòng Đông Bắc, chỗ chữ Sửu, thuộc cung Đoài; gia chủ mệnh trạch thuộc cung Ly, phối hợp như vậy thành trên Khảm, giữa Ly, dưới Đoài, hợp nên ba sao Ngũ Quỷ, Hoa Hại, Diên Niên. Năm tháng Dần Ngọ Tuất, Thân Tý Thìn sẽ tổn hại đến nữ nhân và con nhỏ, bệnh về tim, mắt.

Nếu bố trí bếp tại phòng Đông Bắc, chỗ chữ Cấn, thuộc cung Cấn, di chuyển bếp đến phòng Đông Nam, chỗ chữ Tốn, thuộc cung Tốn; gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Kiền, phối hợp như vậy thành trên Cấn, giữa Kiền, dưới Tốn, hợp nên ba sao Họa Hại, Tuyện Mệnh, Thiên Ất. Năm tháng Tỵ Dậu Sửu sẽ tổn hại cho nữ nhân, con nhỏ, bệnh do ăn uống.

Nếu bố trí bếp tại phòng Tây Nam, chỗ chữ Khôn, thuộc cung Khôn, di chuyển bếp đến phòng Bắc, chỗ chữ Thân, thuộc cung Khảm. Gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Tốn; phối hợp như vậy thành trên Khôn, giữa Tốn, dưới Khảm, hợp nên ba sao Tuyệt Mệnh, Ngũ Quỷ, Sinh Khí. Năm tháng Tỵ Dậu Sửu sẽ tổn hại cho nữ nhân, con nhỏ, tai nạn hỏa hoạn, trộm cướp.

Nếu bố trí bếp tại phòng Đông Nam, chỗ chữ Tuất, thuộc cung Ly; di chuyển đến phòng Bắc, chỗ chữ Hợi, thuộc cung Chấn; gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Đoài, phối hợp như vậy thành trên Ly, giữa Đoài, dưới Chấn, hợp nên ba sao Ngũ Quỷ, Sinh Khí, Tuyệt Mệnh. Năm tháng Dần Ngọ Tuất, Tỵ Dậu Sửu sẽ tổn hại cho nữ nhân, con trẻ, có họa đổ máu, trộm cướp, kiện tụng, tán tài.

Nếu bố trí bếp tại phòng Tây Bắc, chỗ chữ Kiền, thuộc cung Kiền, di chuyển bếp đến phòng Đông, chỗ chữ Hợi, thuộc cung Chấn; gia trưởng mệnh trạch thuộc cung Kiền, phối hợp như vậy thành trên Kiền, giữa Kiền, dưới Chấn, hợp nên sao Ngũ Quỷ, Phục Vị. Năm tháng Dần Ngọ Tuất hại cho con trưởng và con nhỏ, hỏa hoạn, trộm cướp, bệnh tật.

Tóm lại, trong Bát trạch có 24 phương hướng, phân thành 24 gian (phần), đặt bếp sẽ phối thành hào quẻ nào đó, hợp nên các sao (các thần sát), từ đó đoán ra họa phúc cát hung. Phục Hi, Thần Nông, Hiên Viên và Hoàng Đế đã hoạch phân Thái Cực, vạch thành Bát quái, khởi lập Càn Khôn. Kiền phối với Đoài trạch thành quẻ Thiên Quải, chủ nữ nhân dâm loạn, con cháu suy bại, phần mộ không người trông coi cúng tế. Đoài với Kiền thiên phối thành quẻ Trạch Lữ, chủ tổn hại đến gia súc, tai họa và tuyệt tự. Khảm phối với Tốn phong (gió) thành quẻ Thủy Hoán, chủ nữ nhân than khóc, nhưng gia tài hưng vượng, lục súc hưng thịnh, toàn gia người và tài sản an ninh. Tốn phong phối với Khảm Thủy, thành quẻ Thủy Phong Tỉnh, chủ bệnh tật nan y. Cấn phối với Khôn thành Địa Sơn Khiên, tiền tài dồn đến, tám năm sau thì suy bại, hai người trong nhà bị hại. Khôn phối với Cấn, thành quẻ Sơn Địa Bác, sáu năm đại vượng, nữ nhân dâm loạn, nhị phòng suy bại, tuyệt tự. Chấn phối với Ly, quẻ Hỏa Lôi Phệ Hạp, gia đạo hanh thông, con cháu thông minh tuấn tú. Ly phối với Chấn, quẻ Lôi Hỏa Phong, nữ nhân, nô tì sẽ bị bệnh tim.

24 Tiết khí cũng có tác động mạnh mẽ đến việc di chuyển phương vị, nếu di chuyển

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

đến cung vị khắc hãm, tai họa sẽ phát sinh. Ví dụ, tiết Đại Tuyết, nếu cung Đinh nhập cung Quý, gia sản sẽ khánh kiệt, con cháu ly tán tha phương mà chết.

QUÁN TỈNH
ĐOÁN PHÒNG ĐOÁN MÔN QUYẾT

Cung Khảm, cung Ly, cung Chấn, cung Đoài là Tứ Chính môn, còn cung Kiền, cung Khôn, cung Cấn, cung Tốn có thể đổi lẫn nhau để lập môn trạch, cũng có thể coi là Tứ Chính môn. Phép Quán tỉnh, nghĩa là khởi tính từ bổn cung, dùng Du niên đếm thuận đến chủ môn, xem là sao gì. Thí dụ, tầng thứ nhất là Kim tinh, tầng thứ hai là Thủy tinh. Người ta thường quen nói, môn ở vị trí Tứ Chính, thì cần xem sao ở cung xa, với 18 Ngung môn cũng vậy. Hướng cung Đoài, cung Khảm mở Kiền môn; hướng cung Khảm, cung Chấn mở Cấn môn; hướng cung Chấn, cung Ly mở Tốn môn; hướng cung Ly, cung Đoài mở Khôn môn, thì đây là Tứ Ngung môn. Cho đến hướng cung Kiền mở Đoài môn, Khảm môn; hướng cung Cấn mở Khảm môn, Chấn môn; hướng cung Tốn mở Chấn môn, Ly môn; hướng cung Khôn mở Ly môn, Đoài môn, cũng coi là Tứ Ngung môn. Hướng cung Ly mở Chấn môn, Đoài môn, là 18 Ngung môn.

Khẩu quyết Quán tỉnh là : Tính thuận Du niên từ Đại môn đến cung hướng xem sao gì. Thí dụ như tầng thứ nhất là Thủy tinh, tầng thứ hai là Mộc tinh như thế là sai lầm. Người ta quen nói, môn tại Tứ Ngung thì dùng sao của cung hướng, cũng đều là phép tắc sai lầm của Quán tỉnh. Nói chung là có người nói, trước hết dùng Du niên bố trí tám phương của trạch thì có thể biết rõ được cát hung họ phúc của tám phương ngoài. Song số tầng của nhà trung gian không biết được thuộc sao gì, nên do đó không thể lấy gì mà đoán định cát hung. Cho nên phải đính chính phương pháp Quán tỉnh sai lầm đó.

Chính môn, Ngung môn đều dùng phép Quán tỉnh Ngũ Hành thuận sinh bát quái. Như Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa. Nhưng Ngũ Hành Du niên không phải là thuận sinh, thí dụ quẻ Lục Sát thuộc Thủy tinh, quẻ Thiên Y thuộc Thổ tinh, quẻ Ngũ Quỷ thuộc Hỏa tinh, quẻ Họa Hại thuộc Thổ tinh, quẻ Diên Niên thuộc Kim tinh, quẻ Sinh Khí thuộc Mộc tinh, như thế thì Thủy sinh Mộc, Mộc có thể sinh Hỏa, Hỏa tuy sinh Thổ, Thổ tuy sinh Kim, nhưng làm sao Kim có thể sinh Thổ ! Ngũ tinh vốn không dùng vào phương diện này, Quán tỉnh dùng Du niên, thế thì Khảm cung, Ly cung, Chấn cung và Đoài cung tại sao không dùng Quán tỉnh Du niên mà lại dùng Kim Thủy Mộc Hỏa Thổ để Quán tỉnh ?

Đoán Ngũ phòng chuyên căn cứ sự cao lớn của nhà ở, xem hào tương ứng, dùng Du niên thuận theo thứ tự mà lập quẻ, từ đó luận Ngũ Hành Sinh Khắc theo cung vị của cửa và nhà. Ví dụ : môn thuộc Thổ tinh, phòng cũng thuộc Thổ, đây là lưỡng Thổ tỉ hòa, nếu nhập cung Thủy, thì sao khắc cung. Môn Thổ khắc cung Thủy, sao không biết rằng nếu Thủy gặp Kim thì Kim được Thổ sinh để sinh Thủy ! "Kinh Thư" viết :

> "Mộc có thể khắc Thổ nhưng thích sinh Hỏa để Hỏa giúp cho Thổ hoặc Thủy gặp Thổ mà không có Kim, nhất định là Thủy bị khắc, Thổ cũng bị tiết khí, năm năm sau Thổ khí mệt mỏi mà chảy đi theo Thủy. Thổ gặp Mộc mà không có Hỏa, Thổ nhất định bị khắc, ba năm sau Mộc cũng theo Thổ mà chết. Các hành khác theo đó mà suy".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐOÁN MÔN QUYẾT

Bát quái bắt đầu Du niên các cung từ cửa, mỗi cung có một sao, nếu chỉ có duy nhất một cửa thì không có sao. Đoán định tình hình của cửa phải xem tọa cung ở cung nào. Ở cung nào thì cung đó là bản cung. Bắt đầu từ bản cung thuận tính du niên cho đến cửa xem là sao gì thì sao đó là sao cửa. Nghĩa là từ cung tọa tính thuận đến cửa thì sẽ được sao cửa. Tứ Chính môn dùng tọa cung để xét sao, chỉ có điều là cửa không có sao thì không được căn cứ vào tọa cung để xét sao. Đối với Ngung môn cũng dùng phương pháp này, vậy tại sao từ sao cửa bắt đầu du tinh mà không Quán tỉnh theo sao hướng ?

HỰU QUYẾT

Giả như tọa cung Khảm xét sao ở môn Tốn. Bắt đầu từ cung Khảm thuận đến môn Tốn là Sinh Khí, đó là do ở cung Khảm có lầu cao. Không nghi ngờ gì nữa đó là ngôi nhà (trạch) đại cát, đại lợi. Nếu ở cung Cấn có lầu cao thì môn Tốn sẽ biến thành sao Tuyệt Mệnh, đó là tinh (sao) khắc cung, đâu phải nằm trên cung Thổ ! Ở cung Càn (Kiền) có lầu cao hoặc phòng cao, Tốn môn không phải biến thành sao Họa Hại sao ! Đó là cung khắc môn, huống hồ lại mang Thổ tinh.

Nếu Khảm môn vốn nằm ở cung Ly, trạch Ly thì sao Diên Niên là Kim tinh sẽ bị Hỏa khắc.

"Kinh Thư" viết :

"Dù là hai vợ chồng cũng sẽ tổn hại vợ con. Nếu ở cung Khôn có phòng cao thì Khảm môn sẽ là sao Tuyệt Mệnh, con em trong nhà sẽ bị hung hiểm dị thường".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đúng như vậy, môn tinh đều xuất phát từ cung tọa mà đoán xét cát hung. Dưới đây xin trình bày về sự biến hóa của 64 quẻ.

Kiển trạch biến hóa ca

Cung Kiển biến thành cung Khảm, là quẻ Thiên Thủy Tụng tương phản với quẻ Nhu, chủ khẩu thiệt thị phi, kiện tụng liên lụy, hai con gái bị tàn tật, gia súc bị tổn hại, nhà bị hỏa hoạn, trộm cướp. Năm, tháng, ngày Thân Tý Thìn bất lợi.

Cung Kiển biến thành cung Cấn, là quẻ Thiên Sơn Độn tương phản với quẻ Đại Súc, chủ tiền tài dư dả, sinh ba con trai, nhưng năm, tháng Thân Tý Thìn nữ nhân trong nhà bị chết.

Cung Kiển biến thành cung Chấn, là quẻ Thiên Lôi Vô Vọng khắc cung, rất bất lợi. Rắn độc bò vào nhà, bệnh dịch xảy ra, cha con ly tán, con nhỏ bị tổn hại, hao tài tốn của, con trưởng khó toàn mạng. Năm tháng Dần Ngọ Tuất gặp họa.

Cung Kiển biến thành cung Tốn, là quẻ Thiên Phong Cấu tương phản với quẻ Tiểu Súc, là cung khắc cung, chủ trụy thai, khó sinh nở, nam khắc nữ, có hỏa hoạn, kiện tụng, anh em bất hòa, có người tự vẫn, con nhỏ chết, tai họa liên miên. Năm tháng Thân Tý Thìn chết ba người.

Cung Kiển biến thành cung Ly, là quẻ Đồng Nhân tương phản với quẻ Đại Hữu, là cung khắc cung. Cha già ho lao, con nhỏ chết, nữ nhân, gia súc bị tổn hại, năm tháng Tỵ Dậu Sửu có 8, 9 người chết, tuyệt tự.

Cung Kiển biến thành cung Đoài, là quẻ Thiên Trạch Lý tương phản với quẻ Thiên. Nhà năm con trai, ba con phú quý, hai người

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

con khó toàn mạng. Cha gian dâm với con dâu, nhà tuy dư dả tiền tài, nhưng dâm loạn. Ứng vào năm tháng Hợi Mão Mùi.

Cung Kiền biến thành cung Khôn là quẻ Thiên Địa Bĩ tương phản với quẻ Thái, gia tài tăng tiến, gia đạo thuận hòa, phú quý, Âm Dương hòa hợp, sinh bốn con trai. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Kiền biến thành cung Kiền cùng là Kim trong Ngũ Hành, không khắc. Dương vượng Âm suy, nữ nhân chết, con cháu bất hiếu, ngỗ ngược.

hỏa hoạn, bị trộm cướp, kiện tụng, nữ trụy thai, bệnh câm điếc, con giữa bất hiếu, tuyệt tự. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Khảm biến thành cung Khôn, quẻ Nhu tương phản với quẻ Tụng, tổn hại cho cha già, con gái thứ bị bệnh chết, tai họa liên miên, nhà bị kiện cáo, tuyệt tự. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Khảm biến thành cung Khảm, cùng hành Thủy. Chủ Dương vượng Âm suy, nữ nhân chết, họa vô đơn chí.

Khảm trạch biến hóa ca

Cung Khảm biến thành cung Cấn, là quẻ Thủy Sơn Kiển tương phản với quẻ Mông, là cung khắc sao. Chủ hỏa hoạn, trộm cướp xâm nhập, hao tài, người tự vẫn, cô nhi quả phụ. Con giữa chết non, con trưởng bất hiếu. Ứng vào các năm Thân Tý Thìn.

Cung Khảm biến thành cung Chấn, là quẻ Thủy Lôi Truân tương phản với quẻ Giải, là cung sinh cung, chủ tăng nhân khẩu, sinh quý tử, nhưng bất lợi cho con nhỏ, ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Khảm biến thành cung Tốn, Thủy Phong Tỉnh tương phản với quẻ Hoán, cung sinh sao, nhân đinh hưng vượng, sinh quý tử, có 5 trai 2 gái, vạn sự thuận lợi, nữ nhân quý hiển, gia nghiệp tăng tiến. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Dửu.

Cung Khảm biến thành cung Ly, quẻ Ký Tế tương phản với quẻ Vị Tế, là cung sinh sao, gia tài hưng vượng, sinh quý tử. Nhưng tiền cát hậu hung, trước giàu sau nghèo, ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Khảm biến thành cung Khôn, quẻ Thủy Địa Tỷ tương phản với quẻ Địa Thủy Sư, là cung khắc cung, bất lợi cho nam nhân, con nhỏ sinh bệnh, kiện tụng, thị phi, trụy thai, tự sát, bệnh tì vị. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Khảm biến thành cung Đoài, quẻ Thủy Trạch tương phản với quẻ Tiết, nhà có

Cấn trạch biến hóa ca

Cung Cấn biến thành cung Chấn, quẻ Sơn Lôi Di tương phản với quẻ Tiểu Quá, chủ hỏa hoạn, trộm cướp, con nhỏ chết, nữ trụy thai, khó sinh, nam bị kiện tụng, bệnh tì vị, gia sản suy bại, khẩu thiệt thị phi. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Cấn biến thành cung Tốn, quẻ Phong Sơn Tiệm tương phản với quẻ Cổ, là sao khắc cung. Tốn hại cho mẹ, nữ nhân trụy thai, gia súc chết, cha con bất hòa, ứng vào năm Tỵ Dậu Sửu, tháng Ba, Sáu.

Cung Cấn biến thành cung Ly, quẻ Sơn Hỏa Bôn tương phản với quẻ Lữ, cha con bất hòa, nữ nhân bệnh tật, tôi tớ bỏ đi, tai ương ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Cấn biến thành cung Khôn, quẻ Bác tương phản với quẻ Khiêm, tiền của dư dả, gia tài hưng vượng, nhưng cuối cùng tay trắng. Ứng vào năm tháng Hợi Mão Mùi.

Cung Cấn biến thành cung Đoài, quẻ Trạch tương phản với quẻ Hàm, nếu Âm Dương tỉ hòa sẽ phú quý vô cùng, ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Cấn biến thành cung Kiền, quẻ Đại Súc tương phản với quẻ Độn, nếu có rắn vàng vào nhà, nhân đinh hưng vượng, con cháu hiếu thuận, Dương vượng bất lợi cho nữ nhân. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Cấn biến thành cung Khảm, quẻ Sơn Thủy Mông tương phản với quẻ Kiển,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là sao khắc cung, có người tự sát (nhảy xuống sông, xuống giếng tự vẫn), bị hỏa hoạn, trộm cướp, con trưởng bất hiếu, trung nam chết non, ứng vào năm Dần Ngọ Tuất.

Cung Cấn biến thành cung Cấn, lưỡng Thổ như sơn, Âm suy Dương thịnh, thứ nữ chết non, họa hại liên miên.

Chấn trạch biến hóa ca

Cung Chấn biến thành cung Tốn, quẻ Lôi Phong Hằng tương phản với quẻ Ích, nhị Mộc thành rừng, nếu có rắn trắng vào nhà, tiền tài hưng vượng, con trưởng tôn quý. Nhưng thứ nữ bị mù, tôi tớ bỏ đi. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Chấn biến thành cung Ly, Chấn Lôi với Ly Hỏa, quẻ Lôi Hỏa Phong với quẻ Phệ Hạp không tương đồng. Gia tài hưng vượng, nhất là phát tài cho trưởng nam và trung nữ. Năm con đa phần phú quý, thông minh. Ứng vào các năm tháng Hợi Mão Mùi.

Cung Chấn biến thành cung Khôn, Chấn Lôi Khôn Địa, với quẻ Lôi Địa Dự không tương đồng với quẻ Phục, đây là sao khắc cung. Trong nhà mẹ chết trước, nữ trụy thai khó sinh, nam bệnh tật, hao tài, mất nhân mạng. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Chấn biến thành cung Đoài, quẻ Quy Muội tương phản với quẻ Tùy. Nếu có rắn trắng vào nhà, bị ra cửa quan kiện tụng, trộm cướp, trong nhà trưởng nam trưởng nữ khó toàn mạng, có người tự vẫn, gia sản suy bại. Ứng vào kỳ đầu năm tháng ngày Tỵ Dậu Sửu.

Cung Chấn biến thành cung Kiền, quẻ Đại Tráng tương phản với quẻ Vô Vọng, là cung khắc sao. Cha con bất hòa, cha chết trước, bị kiện cáo, thị phi, gia súc chết, bị hỏa hoạn, trộm cướp. Ứng vào năm tháng Dần Ngọ Tuất.

Cung Chấn biến thành cung Khảm, Chấn Lôi với Khảm Thủy, quẻ Giải tương phản với quẻ Truân, là sao khắc cung. Nếu có rắn vàng vào nhà, gia súc hưng vượng, chỉ hiềm bệnh tật, sinh ba con trai. Phúc họa ứng vào năm tháng ngày Thân Tý Thìn.

Cung Chấn biến thành cung Cấn, quẻ Tiểu Quá tương phản với quẻ Di, tổn hại đến điền sản, gia súc. Nếu có rắn đen vào nhà, nam nhất định bị kiện tụng, trộm cướp, bệnh dịch, nữ trụy thai, khó sinh con, con trưởng khổ sở, thứ nam chết non. Họa phần lớn ứng vào năm tháng ngày Thân Tý Thìn.

Cung Chấn biến thành cung Chấn, phát như lôi, Ngũ Hành không khắc quẻ Vô Vọng. Dương vượng Âm suy, nữ chết. Gia đình vinh hoa phú quý, nhưng cuối cùng suy bại, ứng vào năm tháng Hợi Mão Mùi.

Tốn trạch biến hóa ca

Cung Tốn biến thành cung Ly, quẻ Gia Nhân với quẻ Đỉnh không tương phản, đây là cung sinh sao. Chủ nữ cô quả. Có 3 con trai 2 con gái, tiền tài dư dả, nhưng trước giàu sau nghèo. Có thể trường thọ. Ứng vào năm Thân Tý Thìn.

Cung Tốn biến thành cung Khôn, Tốn Phong với Khôn Địa, quẻ Phong Địa Quan với quẻ Địa Phong Thăng tương phản, trong nhà mẹ chết trước, chủ nữ nhân cô quả, con cái bệnh tật, có hỏa tai, kẻ cướp đột nhập. Ứng vào năm tháng Dần Ngọ Tuất.

Cung Tốn biến thành cung Đoài, quẻ Trung Phù không kế tục quẻ Đại Quá. Mẹ chết trước, tiếp đến trưởng nữ, con cháu bệnh tật, tha hương, y tán. Bị hỏa hoạn, trộm cướp, nữ trụy thai, nam câm điếc. Ứng vào năm Thân Tý Thìn.

Cung Tốn biến thành cung Kiền, quẻ Tiểu Súc tương phản với quẻ Cấu, là cung khắc sao. Nữ trụy thai, nhà có yêu phụ. Trưởng nam trưởng nữ gặp tai nạn, tuy tiền tài dư dả, nhưng bệnh tật bất an. Ứng vào năm Thân Tý Thìn.

Cung Tốn biến thành cung Khảm, quẻ Hoán tương phản với quẻ Tỉnh, là cung sinh cung, chủ gia sản tăng tiến, lục súc hưng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

vượng. Sớm sinh quý tử, quan vận hanh thông, con cháu hiền lương. Ứng vào năm Hợi Mão Mùi.

Cung Tốn biến thành cung Cấn, quẻ Tiệm tương phản với quẻ Cổ, là sao khắc cung. Nếu có rắn trắng vào nhà, nhà sẽ bị hỏa hoạn, trộm cướp, thứ nam bất lợi, nữ trụy thai. Ứng vào năm Tỵ Dậu Sửu.

Cung Tốn biến thành cung Chấn, quẻ Ích tương phản với quẻ Tùy. Mộc thành rừng, tăng tuổi thọ, gia súc hưng vượng. Nhà có 4 con trai, tiền tài dư dả. Ứng nghiệm vào năm Tỵ Dậu Sửu.

Cung Tốn biến thành cung Tốn. Tốn phong phiêu diêu trong Ngũ Hành Sinh Khắc. Âm thịnh Dương suy, ít con cháu, gia sản hưng vượng, nhưng chỉ có phú không có quý.

Ly trạch biến hóa ca

Cung Ly biến thành cung Khôn, Ly Hỏa Khôn Địa, quẻ Tấn tương phản với quẻ Minh Di, chủ trụy thai, tổn hại cho nữ và gia súc, gia phong bại hoại. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Ly biến thành cung Đoài, Ly Hỏa Đoài trạch, quẻ Khuê tương phản với quẻ Cách, là sao khắc cung. Nếu rắn đỏ vào nhà, sẽ tổn hại cho nữ, bị hỏa hoạn, trộm cướp, cha mẹ ly tán, điền sản lục súc suy bại. Ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Ly biến thành cung Kiền, quẻ Đại Hữu tương phản quẻ Đồng Nhân, là cung khắc sao. Con cháu chết non, dâu thứ mắc bệnh, nhà bị hỏa hoạn, trộm cướp, tai họa liên miên, tuyệt tự. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Ly biến thành cung Khảm, quẻ Vị Tế tương phản quẻ Ký Tế, là sao khắc cung. Tăng tuổi thọ, gia sản, nhưng có bệnh tật. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Ly biến thành cung Cấn, quẻ Lữ tương phản quẻ Bồn, nhà bị trộm cướp, tổn hại cho gia súc, con nhỏ, bệnh tật nhiều. Ứng vào năm tháng Dần Ngọ Tuất.

Cung Ly biến thành cung Chấn, quẻ Phệ Hạp tương phản quẻ Phong, nam hiếu thuận, nữ trinh tiết, phú quý hanh thông. Ứng vào năm Hợi Mão Mùi.

Cung Ly biến thành cung Tốn, quẻ Đỉnh tương phản với quẻ Gia Nhân, là cung sinh sao. Sinh ba con trai đều là nhân tài, ba con gái đều đức hạnh. Hết khí Âm Dương, con cháu suy bại. Họa phúc ứng vào năm tháng ngày Thân Tý Thìn.

Cung Ly biến thành cung Ly, Thái Dương Ngũ Hành không tương khắc. Nếu Âm thịnh Dương suy, thì nhà tuyệt tự, tiền phú hậu bần.

Khôn trạch biến hóa ca

Cung Khôn biến thành cung Đoài, quẻ Lâm không cùng quẻ Tụy, gia tài hưng vượng, có quả phụ. Âm thịnh Dương suy, tuyệt tự. Họa ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Khôn biến thành cung Kiền, quẻ Thái không đối đầu với quẻ Phủ. Âm Dương hài hòa, gia sản tăng tiến, phú quý. Phúc ứng vào năm tháng ngày Tỵ Dậu Sửu.

Cung Khôn biến thành cung Khảm, quẻ Sư tương phản với quẻ Tỉ, là cung khắc cung. Trung nam bất lợi, gặp kiện tụng, bị trộm cướp. Trung nữ trụy thai, tự vẫn. Gia sản khánh tận, bệnh tật liên miên. Ứng vào năm tháng Tỵ Dậu Sửu.

Cung Khôn biến thành cung Cấn, quẻ Khiêm không cùng quẻ Bác, con cháu phú quý. Sinh năm con trai, thứ nam thứ nữ khó toàn mạng. Mẹ già chết bệnh. Họa phúc ứng vào năm Hợi Mão Mùi.

Cung Khôn biến thành cung Chấn, quẻ Phục tương phản quẻ Dự, là cung khắc sao. Mẹ chết trước, con nhỏ chết sau, nhà bị trộm cướp, nhà sinh dâm loạn, nữ trụy thai, tổn hại tiền tài, nhân đinh. Họa ứng vào năm Thân Tý Thìn.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cung Khôn biến thành cung Tốn, quẻ Thăng tương phản quẻ Quan, mẹ chết trước, kiện tụng liên miên, quả phụ khóc con, tôn gia bất an. Họa ứng vào năm Dần Ngọ Tuất.

Cung Khôn biến thành cung Ly, quẻ Minh Di tương phản quẻ Tấn. Nữ trụy thai, gia sản hưng vượng, nhưng gia phong bại hoại, nhà bị hỏa hoạn, con cháu ít ỏi. Họa ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Khôn biến thành cung Khôn, Thổ quá nhiều, Âm thịnh Dương suy, tuyệt tự, nhà chỉ còn quả phụ.

Đoài trạch biến hóa ca

Cung Đoài biến thành cung Kiền, quẻ Quải không tương đồng với quẻ Lý. Năm con trai phải chết hai. Con cháu tàn bại, con dâu thứ dâm đãng tàn ác, gia sản suy sụp. Họa ứng vào năm tháng Hợi Mão Mùi.

Cung Đoài biến thành cung Khảm, quẻ Dụng với quẻ Tiết không kế tục. Có hỏa hoạn, trộm cướp, kiện tụng, gia sản suy bại, bệnh tật. Nữ nhân, con nhỏ bất lợi. Họa ứng vào năm tháng Dần Ngọ Tuất.

Cung Đoài biến thành cung Cấn, quẻ Hám không cùng quẻ Tổn. Gia sản hưng vượng, tiền tài dư dả, nhân khẩu đông đảo. Tiểu phòng càng hưng thịnh, con cháu quý hiển. Phúc ứng vào năm Tỵ Dậu Sửu.

Cung Đoài biến thành cung Chấn, quẻ Tùy không cùng quẻ Quy Muội. Nhà có người tự vẫn, gia sản suy bại. Trưởng nam trưởng nữ khó toàn mạng, có hỏa hoạn, trộm cướp đến nhà. Họa ứng vào năm Tỵ Dậu Sửu.

Cung Đoài biến thành cung Tốn, quẻ Đại Quá tương phản với quẻ Trung Phù. Nhà bị trộm cướp, trưởng nữ chết, nữ nhân trụy thai, bệnh hoạn. Gia phong bại hoại, gia nhân ly tán. Họa ứng vào năm tháng ngày Thân Tý Thìn.

Cung Đoài biến thành cung Ly, quẻ Cách tương phản quẻ Khuê, đây là sao khắc cung. Dâu thứ khó sinh mà chết, có hỏa hoạn, trộm cướp, tài sản suy bại, cha mẹ ly tán. Họa ứng vào năm tháng Dần Ngọ Tuất.

Cung Đoài biến thành cung Khôn, quẻ Tụy với quẻ Lâm tương phản, chủ trong nhà gia tài hưng vượng. Phúc ứng vào năm tháng Thân Tý Thìn.

Cung Đoài biến thành cung Đoài, Âm thịnh Dương suy, nữ nhân cô quả, tuy nhiều tiền của, nhưng hiếm muộn con cái.

ĐỊNH TRẠCH KINH

Thanh Long sơn chúi đầu vái, chủ phúc đức lâu dài. Bạch Hổ sơn nghiễn cổ nhập trạch, chủ phúc mỏng mệnh bạc. Chu Tước sơn chĩa thẳng vào nhà, sẽ bị kiện tụng liên miên. Huyền Vũ sơn kéo dài, gây tổn hại cho con cái trong nhà.

Ở trong núi, kỵ chỗ chứa gió. Ở thành thị kỵ nóc nhà quá cao, đường phố đâm thẳng vào cửa, ở trong hẻm mái hiên các nhà ngang nhau là cát. Gió từ tứ phía thổi tới, khó ở lâu tại vị trí Thanh Long, Bạch Hổ. Sa sơn tụ tập một phía, cùng chầu tới, đúng là nơi ở tốt. Trong nhà gạch ngói ngổn ngang, cốt nhục phân ly. Ngoài cổng dây bụi gai, thân nhân sinh hiềm khích. Phương Chấn cây đẹp nước trong, con trưởng sớm phát tài. Phương Khảm nước chảy đến uốn lượn, con thứ thi đỗ cao. Phương Kiền chếch xéo, họa đến với người cha. Phương Chấn, Đoài vượng, con trưởng đỗ đạt, thứ nữ xinh đẹp. Phương Khôn, Cấn vượng, mẹ trường thọ, thứ nam vinh hoa phú quý. Vị trí Dần, Sửu vuông vức, rộng rãi, lương thực trong nhà dồi dào. Vị trí Dần, Thân khuyết hãm, con cháu nghèo khổ. Vị trí Mão lõm hõm, cha giết con. Vị trí Thìn có hầm hố, sẽ có kẻ bị chết đuối. Vị trí Cấn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thấp lõm, nhân đinh bại tuyệt. Vị trí Tuất nhàm nhở, tiền tài tiêu tán. Vị trí Dậu có ngọn cao, tổn hại cho người chồng.

Hai sương phòng (chái nhà) Đông Tây đều đặn, vợ chồng trường thọ. Mé Tây Bắc trống trải, chủ bị thổ huyết. Góc Đông Nam khuyết hãm, con nhỏ trong nhà bị trúng phong. Phía Nam thấp, phía Bắc cao vọt, có Thủy chảy quanh, là đất cát mỹ. Thủy lưu trước lớn, sau nhỏ hoặc ngược lại, chỉ còn con cái nghèo khổ cô đơn cư trú. Mé hữu cao, con cháu gian nghịch bất hiếu; mé tả cao, gia đạo bình an. Minh Đường không nên có đống đá lổn nhổn, trung đình không trồng cây cảnh. Hai ao hồ trước nhà, tiếng nước chảy ai oán, sẽ bị hình ngục. Sương phòng phía sau có hình dạng thôi xa (đẩy xe), nhà sẽ đói kém. Nước chảy ngược, dù tiền tài dư dả cũng sinh con bất hiếu ngỗ nghịch. Cây chĩa cành ra phía ngoài, con cháu có kẻ thành gian thần. Nếu dầm cầu xung phạm môn đình, người nhà chết thảm. Giếng nước chắn cổng là bất lợi. Thủy lộ xối vào cổng, nhà có nghịch tử. Nhà quá khô ráo, con cháu khó phát. Nhà quá ẩm thấp, con cháu như ý. Cổng lệch lạc, dịch bệnh tràn vào. Đường đâm thẳng vào nhà, tối kỵ cho gia chủ. nằm sát giao lộ, tính mạng khó toàn. Nước chảy thẳng vào cửa, tiền tài suy tán, người bị câm. Nước chảy ra cổng, tiền tài khó hưng vượng.

Người ở nhà hướng Nam tối kỵ Long từ phía Bắc thẳng đến, là Thủy khắc Hỏa, sẽ tuyệt tự. Người ở nhà hướng Đông tối kỵ Long từ phương Chính Tây tới, là Kim khắc Mộc, sẽ sinh tật bệnh.

TẠP PHẠM KỴ CA

Rất ít người có thể hiểu hết sự huyền diệu của phép Âm Dương. Cha dạy con còn khó tường tận, huống hồ là người ngoài. Phải rất thận trọng, không được tùy tiện tiết lộ thiên cơ.

Thanh Long, Bạch Hổ không thể bên thấp bên cao, huyệt vị nhô cao lên hứng gió thì tai họa liên miên, mười năm sau sẽ chết cả nhà. Phía trước có cây cầu cao, hai bên tả hữu ngay ngắn, thì nhà sẽ dư tiền của, phú quý, nhưng nếu chĩa thẳng vào đầu nhà, thì gia sản suy bại. Bên cạnh nhà có tiếng nước chảy róc rách suốt ngày đêm, thì gia đình lụn bại, thân nhân chết chóc. Kích thước cổng và cửa rộng hay hẹp tùy ta lựa chọn, nhưng phải theo đúng thước tấc của cổ nhân, thì mới mong gia tài hưng thịnh. Tường vây ở hai bên cổng lớn không được thiên lệch, chếch xéo. Rất kỵ ba cửa thông liền một trục, sẽ bị tà ma, trộm cướp.

Buổi tối thắp đèn, không thể để xa gần thấy rõ mồn một trong nhà, mọi chuyện hay dở người ngoài sẽ thông tỏ hết.

Trước nhà trồng cây hòe, sau nhà trồng cây tử, từ cổ đến nay vẫn thế, bóng râm trùm hai phía Nam Bắc, tuyệt đối không trồng cây hòe, cây tử ở phương ác, xung phạm hung tinh mà chuốc họa vào thân. Vườn phía Đông không được trồng cây dào. Hoa lạ trồng bên giếng nước thì còn khả dĩ, nếu đem hoa lạ thờ cúng tổ tiên thì nhất định chuốc láy tai họa. Giếng và bếp không được liền nhau.

Trước nhà có hồ nước, sau nhà có sông, nếu nước chảy quá xiết, thì bất lợi. Gần nhà có mộ phần cũ còn khả dĩ, nếu lại thêm mộ phần mới, thì sẽ tổn hại đến nhân đinh. Nói chung mộ phần không đặt ngay đằng trước nhà, vì trong vòng 30 năm, số nhân khẩu sẽ chết quá nửa.

Nếu Thủy uốn lượn quanh Thanh Long, Bạch Hổ, con em chắc chắn đỗ cao.

Thanh Long sơn thấp nhỏ, Bạch Hổ sơn cao lớn, hơn nữa đất đá lổn nhổn, thì gia tài lụn bại, gia nhân ly tán.

Mi cửa cao to mà tường vách thấp nhỏ là không thích hợp. Nếu cổng lớn làm vượt quá mi cửa, họa hại sẽ liên tiếp xảy ra, có tai họa kiện tụng, hình ngục, anh em bất hòa. Cổng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lớn, bên trái hẹp nhỏ, nam nhân trong nhà gặp họa; bên phải nhỏ hẹp, nữ nhân gặp nạn; nếu hai bên đều đặn, tiền tài mới tăng tiến.

Giường ngủ có 6 cái gióng là con số hung, sẽ làm cho nam nhân kém thọ, có 7 cái gióng cũng xấu, nam nhân sẽ lưu lạc, cô khổ dị thường. Giường ngủ có 6 cái chân, cao 8 tấc, thì nam nữ đều phát tài, làm quan, ngủ yên giấc không lo mộng mị. Cao 6 tấc, 7 tấc thì tai họa, chẳng thể sinh con.

Phụ tuyển
TRẠCH QUYẾT

Thông thường, yếu quyết tuyển chọn dùng Âm Dương làm biểu lý, dùng Ngũ Hành làm kinh vĩ, như vậy sự vận động huyền diệu của tạo hóa tự quy về phép Luân chuyển Càn Khôn.

Trước hết chọn hướng sơn cho có sinh khí, vượng hợp với tạo hóa tự nhiên, sau đó chọn ngày tháng năm cát lợi.

Nơi Thần khí giáng lâm cũng có sát tinh len lỏi, nhưng một hung tinh làm sao lấn lướt được đại thần khí của trời đất! Cho nên, tấu hòa Âm Dương, chuyển hóa Ngũ Hành là thần công xảo diệu của tạo hóa tự nhiên. Diệu pháp của Quách Phác, Dương Quân Tùng đều xuất phát từ đó, căn cứ vào đó mà lý giải rõ ràng. Đàm luận thiên thời phải rất linh hoạt.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN THỪA KHÍ TU TẠO QUYẾT

Tu tạo nhà cửa có tốt hay không, tùy vào yếu tố sao (tinh) với quẻ có tương phối tương sinh hay không, mà Vượng khí của sao, của quẻ do thiên thời quyết định. Vượng khí của thiên thời lại do các Tiết khí khác nhau trong năm quyết định.

Một năm có 24 tiết khí, mỗi tiết khí chủ quản chừng 15 ngày. 24 tiết khí là vượng thế khởi kiến bát trạch. Vào ngày sinh khí bát trạch mà tu tạo nhà ở, thì hấp thụ được khí vượng của thiên thời.

Ví dụ:

- Tu tạo Cấn trạch, chọn ba tiết khí Đại Hàn, Lập Xuân, Vũ Thủy, tức là đã chọn đúng Vượng Sinh khí cho Cấn trạch. Chi tiết hơn nữa, khí Vượng của Sửu trạch là ngày Đại Hàn, khí Vượng của Cấn trạch là ngày Lập Xuân, khí Vượng của Dần trạch là ngày Vũ Thủy. Nói tóm lại, Vượng khí tu tạo cung Cấn có 45 ngày cả thảy.
- Tu tạo Chấn trạch, chọn ba tiết Xuân Phân, Kinh Trập, Thanh Minh. Cụ thể hơn, cung Giáp vượng khí vào ngày Kinh Trập, Chấn trạch vượng khí vào ngày Xuân Phân, cung Ất vượng khí vào ngày Thanh Minh. Nói tóm lại, Vượng khí tu tạo cung Chấn có 45 ngày.
- Tu tạo Tốn trạch, chọn ba tiết Lập Hạ, Cốc Vũ, Tiểu Mãn. Cụ thể hơn, cung Thìn vượng khí vào ngày Cốc Vũ, Tốn trạch vượng khí ngày Lập Hạ, cung Tỵ vượng khí vào ngày Tiểu Mãn. Tổng cộng, Vượng khí tu tạo cung Tốn có 45 ngày.
- Tu tạo Ly trạch chọn ba tiết Mang Chủng, Hạ Chí, Tiểu Thử. Cụ thể hơn, cung Bính vượng khí vào ngày Mang Chủng, cung Ngọ vượng khí vào ngày Hạ Chí, cung Đinh vượng khí vào ngày Tiểu Thử. Tổng cộng, Vượng khí tu tạo Ly trạch có 45 ngày.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Tu tạo Khôn trạch chọn ba tiết Đại Thử, Lập Thu, Xử Thử. Cụ thể hơn, cung Mùi vượng khí vào ngày Đại Thử, cung Khôn vượng khí vào ngày Lập Thu, cung Thân vượng khí vào ngày Xử Thử. Tổng cộng, Vượng khí tu tạo Khôn trạch có 45 ngày.
- Tu tạo Đoài trạch chọn ba tiết Bạch Lộ, Thu Phân, Hàn Lộ. Ngày vượng khí của cung Canh là Bạch Lộ, ngày vượng khí của cung Dậu là Thu Phân, ngày vượng khí của cung Tân là Hàn Lộ. Tổng cộng, Vượng khí tu tạo Đoài trạch có 45 ngày.
- Tu tạo Kiền trạch chọn ba tiết Sương Giáng, Lập Đông, Tiểu Tuyết. Ngày vượng khí của cung Tuất là Sương Giáng, ngày vượng khí của cung Kiền là Lập Đông, ngày vượng khí của cung Hợi là Tiểu Tuyết. Tổng cộng lại, Vượng khí tu tạo Kiền trạch có 45 ngày.
- Tu tạo Khảm trạch chọn ba tiết Đại Tuyết, Đông Chí, Tiểu Hàn. Cụ thể hơn, ngày vượng khí của cung Nhâm là Đại Tuyết, ngày vượng khí của cung Tý là Đông Chí, ngày vượng khí của cung Quý là Tiểu Hàn. Tổng cộng lại Vượng khí tu tạo Khảm trạch có 45 ngày.

Trên đây là nói chung về sinh khí của một cung trạch, trên thực tế mỗi cung trạch có một cái chính của mình. Tu tạo trạch ốc phải thu nhận được khí Sinh Vượng, lại kiêm thêm phân vị để suy luận tình hình cụ thể thì mới thấy được sự ứng nghiệm rất thần kỳ và nhanh chóng.

LUẬN TIẾT KHÍ THIÊN DI QUYẾT

Di chuyển nhà ở phải xem tiết khí, sao cho phù hợp với Bát quái. Thí dụ, tháng Giêng kiến tạo Dần trạch, trong Bát quái thuộc quẻ Cấn, di chuyển tại phương Đông Bắc thì kỵ xung phạm cung Thân. Tháng Hai kiến tạo Mão trạch, trong Bát quái thuộc quẻ Chấn, kỵ xung phạm cung Dậu. Nếu nói tỉ mỉ hơn, tiết Vũ Thủy tháng Giêng vượng khí tại cung Thân, tiết Xuân Phân tháng Hai vượng khí tại cung Ất. Lấy đó làm tiêu chuẩn lựa chọn việc tu tạo, di chuyển nhà ở mới cát lợi. Các tiết khí khác cứ thế mà suy. Các phong thủy sư bất tài, không hiểu lý lẽ ấy, lại bảo "hướng Chính Đông di chuyển đến hướng Chính Tây, là Mộc nhập Kim, bị khắc, mất vượng khí, trở thành hung tướng", là cách luận giải sai lầm.

THIÊN DI TỴ KỴ NIÊN NGUYỆT

Bốn cung Khảm Ly Chấn Đoài là bốn vị trí Tý Ngọ Mão Dậu, kỵ từng cặp đối xứng xung phạm nhau. Ví dụ, di chuyển đến phương Chính Bắc là Khảm trạch, thì kỵ chọn ngày Hạ Chí năm Ngọ. Di chuyển đến phương Chính Nam là Ly trạch, thì kỵ chọn ngày Đông Chí năm Tý. Di chuyển đến phương Chính Đông là Chấn trạch, thì kỵ chọn ngày Thu Phân năm Dậu. Di chuyển đến phương Nhâm, kỵ chọn ngày Mang Chủng. Di chuyển đến phương Quý, kỵ chọn ngày Đại Thử. Di chuyển đến phương Cấn, kỵ chọn ngày Lập Thu. Di chuyển đến phương Dần, kỵ chọn ngày Xử Thử. Di chuyển đến phương Thân, kỵ chọn ngày Bạch Lộ. Di chuyển đến phương Ất, kỵ chọn ngày Hàn Lộ. Di chuyển đến phương Thìn, kỵ chọn ngày Sương Giáng. Di chuyển đến phương Tốn, kỵ chọn ngày Lập Đông. Di chuyển đến phương Tỵ, kỵ chọn ngày Tiểu Tuyết. Di chuyển đến phương Bính, kỵ chọn ngày Đại Tuyết. Di chuyển đến phương

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Đinh, kỵ chọn ngày Tiểu Hàn. Di chuyển đến phương Khôn, kỵ chọn ngày Lập Xuân. Di chuyển đến phương Thân, kỵ chọn ngày Vũ Thủy. Di chuyển đến phương Canh, kỵ chọn ngày Kinh Trập. Di chuyển đến phương Tân, kỵ chọn ngày Thanh Minh. Di chuyển đến phương Tuất, kỵ chọn ngày Cốc Vũ. Di chuyển đến phương Kiền, kỵ chọn ngày Lập Hạ. Di chuyển đến phương Hợi, kỵ chọn ngày Tiểu Mãn.

Vậy là 24 hướng sơn đều có cặp đối ứng. Nói về quẻ, là tám quẻ Kiền, Tốn, Khôn, Cấn, Khảm, Chấn, Ly, Đoài. Nói về Địa Chi, có 8 Địa Chi Dần, Thân, Tỵ, Hợi, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Nói về Thiên Can, là Giáp, Canh, Nhâm, Bính, Quý, Đinh, tân, Ất. Tất cả đều đối ứng hoặc xung phạm với 24 hướng sơn. Nếu di chuyển nơi ở, phải dùng tiết khí mà phân đoạn, để xác định xung phạm hay tương hợp.

TU TẠO NIÊN, NGUYỆT, NHẬT, THỜI ĐỊNH QUYẾT

☐ Nếu tu tạo Đoài trạch Cấn môn, nhất định phải chọn năm tháng ngày giờ Canh, Tân, Dậu, Sửu, Dần, Mùi, Thân, Tuất, Hợi thì mới cát lợi.

Kiền trạch, Khôn trạch Cấn môn cũng vậy.

Nếu không được năm, chỉ được tháng, ngày, giờ cũng cát lợi.

☐ Nếu tu tạo Ly trạch Khảm môn, nhất định phải chọn năm tháng ngày giờ Nhâm, Quý, Tý, Giáp, Ất, Mão, Thìn, Tỵ, Bính, Đinh, Ngọ thì mới cát lợi.

Khảm, Chấn, Tốn trạch môn cũng vậy. Đều có thể đắc vị, khí thịnh bổ sơn hướng.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LUẬN NIÊN, NGUYỆT, NHẬT, THỜI

Niên (năm) là tổng xưng, thống lĩnh của tháng, ngày, giờ. Chỉ cần sơn có khí Sinh Vượng, lại tấu hợp một nơi, thêm Thái Dương, Lộc, Quý chiếu rọi, thì vô cùng cát lợi.

Nguyệt (tháng) là đề cương của năm, là Gia thần sát phò tá, hỗ trợ cho năm. Thần sát của hướng sơn hoàn toàn tùy thuộc ở sự hưng vượng suy bại của tháng, cho nên so với năm, thì tháng rất hệ trọng.

Nhật (ngày) cát lợi tùy thuộc vào bổn sơn, bổn mạng của con người, có liên quan đến chủ mệnh sơn vận và sinh mệnh mọi người, dùng tương sinh, hữu khí mà hình thành tự nhiên tạo hóa.

Thời thần (giờ) là mấu chốt thu thành kết quả, rất hệ trọng. Do đó có câu :

"Nhất thời năng thành vạn sự".

Giờ phò tá cho năm, tháng, ngày, là nguyên sơ, phôi thai của sinh mệnh, sơn mệnh, do đó, so với tháng, ngày rất trọng yếu.

Phàm lựa chọn sơn, mệnh chủ đã hợp, thì phải khảo sát độ số Chu Thiên, phán đoán nhật nguyệt Ngũ tinh để lấy vị trí thích hợp. Như vậy thì trên không phạm thiên mệnh, dưới không mất thời cơ. Đó chính là hai chữ "Niên thời" mà Dương Tào Hi và Hoa Sơn đã nói.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LUẬN TRẠCH VẬN CẢI PHÓNG ĐỈNH TÂN QUYẾT

Nhà ở thoạt đầu cát lợi, về sau không còn cát lợi, là vì ta không biết duy trì Sinh khí. Nếu nhà ở được Mộc cục, ba tháng nhận Sinh khí, ba năm khí dồi dào, ba mươi năm sau thì khí suy. Nếu được Thủy tương sinh, thì cát lợi có thể tồn tại lâu tới 130 năm. Trong thời gian đó, cứ cách hai mươi sáu, hai mươi bảy năm phải tu tạo một lần, thì Sinh khí mới không suy bại. Vì thế có câu :

> "Trừ khử cựu khí, bổ sung tân khí, di chuyển thời vận huyền cơ của tự nhiên tạo hóa".

Hỏa, Kim, Thổ, Mộc v.v... mỗi thứ cứ chiếu niên hạn định kỳ tu tạo, thay cũ đổi mới, để bảo đảm cát lợi lâu dài.

LUẬN PHƯƠNG VỊ HOẠT PHÁP QUYẾT

Phàm tám phương vị của nhà ở đều căn cứ vào Bát quái, lấy Du tinh mà luận, cũng là nói đại thể của bốn trạch còn trọng yếu hơn Khí Khẩu. Hiện tại lấy phương cát lợi của Du tinh làm phúc phận, lấy phương hung hiểm của Du tinh làm họa hại, là không đúng. Không hiểu rằng phương Nam Bắc cũng có hướng Đông Tây, phương Đông Tây cũng có hướng Nam Bắc, ngoài việc phối hợp Chính phòng với Bát quái ra còn phải đem các phương hướng phối hợp lấy làm biến quái, thì sẽ tự nhiên phù hợp với sự tìm tốt tránh xấu, tạo thành Nhất khí. Làm sao có thể chỉ căn cứ vào Du tinh của Khí Khẩu đã kết luận ngay về cát hung họa phúc !

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TĨNH BIẾN QUÁN TỈNH QUYẾT

Quẻ có số Tiên Thiên Bát quái và Hậu Thiên Bát quái, số có nguyên nhân biến hóa động tĩnh. Tỉ như đối cung khai môn thì dựa vào Du tinh Ngũ Hành của bản tọa. Luận cát hung họa phúc của Quán tỉnh thì không dùng khí số Tiên Thiên Bát quái. Tả hữu khai môn thì vẫn căn cứ vào Du tinh Ngũ Hành của bản tọa. Luận Khí Khẩu nhưng không căn cứ vào Khí Khẩu Du tinh. Luận về phép Quán tỉnh, khí số Hậu Thiên Bát quái vốn không thoát ly khỏi khí số Tiên Thiên Bát quái, chủ yếu cũng vì cát hung họa phúc là do sự biến hóa động tĩnh mà ra. Không hiểu đạo lý này mà nhầm lẫn lấy căn cứ là sao thì chẳng tìm ra được cái gốc thật sự.

CỬU TINH PHẢN CHIẾU QUYẾT

- Sao Tham Lang chủ giàu sang phú quý, con cháu trong nhà hưng vượng phát đạt. Sao Tham Lang phản chiếu, nhà sẽ có người phò tá vua chúa thành đại nghiệp. Sao Cự Môn phản chiếu, ruộng vườn, gia sản tăng tiến không ai bì kịp. Sao Tham Lang phản chiếu, nam nữ trong gia đình tính tình lương thiện, ôn hòa, con cháu thông minh tuấn tú, giỏi văn chương. Sao Cự Môn phản chiếu, tài sản hội tụ, con cháu phát đạt.
- Sao Cự Môn phản chiếu, gia đình hòa thuận, bình an. Sao Lộc Tồn phản chiếu,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

con cháu ngu muội, bất tài, tiền của sa sút, nhân đinh ít ỏi.

- Sao Văn Khúc phản chiếu, gia đình thiếu thốn lương thực, gia nhân ly tán, lưu lạc tha hương.
- Sao Vũ Khúc phản chiếu, gia tộc vinh hoa phú quý, tiền của súc tích, dư dả, quan vận hanh thông.
- Sao Phá Quân phản chiếu, nhà có võ tướng cầm quân giết giặc, lập công hiển hách. Nhưng có nguy cơ tuyệt tự, không người nối dõi tông đường, dù nhà rất giàu có.
- Sao Tham Lang gặp sao Liêm Trinh, nhà sẽ có nghịch tặc, chuốc lấy thị phi. Sao Cự Môn gặp sao Liêm Trinh, nữ nhân trong gia đình gặp nạn. Sao Vũ Khúc gặp sao Liêm Trinh, nhà có con ngỗ nghịch bất hiếu. Sao Lộc Tồn gặp sao Liêm Trinh, gia đình bị hỏa hoạn, con trai phải sung quân đi biên ải xa xôi. Sao Văn Khúc gặp sao Liêm Trinh, con trai đi làm giặc, bị hình phạt sung quân. Sao Phá Quân gặp sao Liêm Trinh, con trưởng trong nhà không bảo đảm tính mệnh, nhân đinh không thịnh. Sao Tả Phụ với sao Hữu Bật gặp sao Liêm Trinh, nhà có người làm quan võ, nhưng tính khí hung bạo. Sao Vũ Khúc gặp sao Vũ Khúc, trong nhà con cháu đời sau được vào triều làm quan trong triều.

Một, năm sao phản chiếu, mệnh chủ trong nhà khó mà trụ được. Ba, bảy sao phản chiếu, con của mệnh chủ không phát đạt. Bốn, sáu sao phản chiếu, mệnh chủ gặp chuyện hung ác. Cứu tinh ở Lục Sát, chủ thương mệnh chủ. Một, hai sao thì mệnh chủ không thọ.

GIAN GIÁ MÔN LÂU KHÁN TƯỜNG

Nếu là 5 gian sảnh phòng, 3 gian đường ốc, thì nội trong ba năm trong nhà sẽ có năm người phải chết, nội trong bảy năm, số nhân khẩu giảm hẳn, tiền tài lụn bại, gia nhân ly tán, nhà chẳng còn ai ở lại.

Nếu là 7 gian sảnh phòng, 7 gian đường ốc, thì có thể đoán là gia đình vô cùng hưng vượng, cát lợi.

Nếu không có sảnh phòng, chỉ có đường ốc, thì xem có mấy gian đường ốc mà đoán cát hung họa phúc. Nếu là 1 gian đường ốc, thì nhà sẽ tuyệt tự. Nếu là 2 gian, thì nhà sẽ gặp hung tai. Nếu là 3 gian, thì vô cùng cát lợi. Nếu là 4 gian, thì vô cùng hung hiểm. Nếu là 5 gian, cát lợi. Nếu là 6 gian, thì về sau sẽ nghèo khổ.

Nếu chỉ có một gian phòng đơn độc, cũng chẳng có tường chắn, thì rõ ràng là hình dạng cổ quan tài, chủ liên lụy kiện tụng, tiền tài rỗng không, độ nhật qua ngày.

Nếu một ngôi nhà đơn phòng, sửa lại thành hai gian, cũng không tốt, chủ nhà không có con cháu nối dõi, bản thân sống cô đơn.

Một ngôi nhà đơn độc, lại có ba gian phòng thì rất cát lợi, tiền của dư dả, gia súc đông đúc, mọi người bình an.

DU NIÊN ĐỊNH TRẠCH THỦY PHÁP

Cổ nhân coi Thủy là Chu Tước, dùng hình cục của Thủy để đoán định sự hưng vượng suy bại của gia trạch. Kỵ Thủy chảy xiết. Khi Thủy không vượng thì nên phân lưu, khi Thủy vượng nhất thì làm dây sóng, khi Thủy sắp suy thì ngăn giữ, đưa Thủy vào đầm ao,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

rồi mới cho chảy vào huyệt đường, như thế mới là Thủy có tình. Một nhà khó bề đắc Thủy toàn bộ, nên mới cần đến kỹ xảo tiêu Sa phóng Thủy.

Bốc Công viết :

"Cát hung họa phúc của sơn, ứng nghiệm rất chậm, mà cát hung họa phúc của Thủy thì ứng nghiệm rất nhanh".

Nếu được cát trạch, mà Thủy hình không hợp pháp độ, thì cũng giống như một trang nam nhi tuấn tú, tuy vinh hoa phú quý mà không chú ý điều hòa khí huyết, lâu dần sẽ sinh bệnh tật. Khí huyết lưu chuyển khắp cơ thể con người, cũng như Thủy pháp quan hệ với trạch huyệt vậy. Vì vậy phải rất chú trọng đến Thủy pháp.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

PHÂN PHÒNG

DƯƠNG TRẠCH ĐỊNH LUẬN

Lựa chọn Dương trạch (nhà ở), trước hết dùng La Kinh xác định tọa, hướng nhà, không thể hỗn tạp hai phương hướng của Đông, Tây trạch. Dương trạch tuy chỉ căn cứ vào Bát quái nhưng mỗi sơn của 24 sơn cũng có quái của mình, phải cân nhắc kỹ lưỡng tốt xấu rồi mới được quyết định.

Trạch triệu[1] là thành công của địa lý; lựa chọn là xảo diệu của thiên văn. Trạch triệu không bổ ích gì cho trạch triệu nhưng lựa chọn lại có thể bổ ích cho trạch triệu. Trạch triệu như con thuyền đi nhanh, còn lựa chọn là hai mái chèo lợi hại, cho nên phải tương hợp cả hai. Song, lựa chọn còn phải lấy tạo mệnh làm chủ, kiêm thêm Thiên tinh, Lộc, Quỷ thì mới coi là có kết quả.

Kiến tạo và di chuyển nhà ở, phải xem xét tiết khí. Ví dụ, tháng Giêng khởi kiến Dần trạch, theo Bát quái thuộc quẻ Cấn, ở phương hướng Đông Bắc. Nếu di chuyển, thì kỵ nguyệt xung từ Thân vị lại, phạm vào nguyên tắc đó ắt gặp hung hiểm. Tháng Hai khởi kiến Mão trạch, theo Bát quái thuộc quẻ Chấn, ở phương hướng Chính Đông, kỵ nguyệt xung từ Dậu vị lại. Cụ thể hơn, ngày Vũ Thủy của tháng Giêng ở Thân vị, ngày Xuân Phân của tháng Hai ở Dậu vị. Các trạch còn lại theo đó mà suy ra.

Phàm việc gieo quẻ, mỗi quẻ đều có tượng quẻ, có hào. Nói hào, là chỉ sự mô phỏng biến động của trời đất. Sau khi đoán là hung trạch, tu tạo hung trạch để biến thành cát trạch. Nếu tu tạo cát trạch mà gặp tai họa, thì đó là ta đã đối tượng, chọn hào quẻ sai lầm.

Ngũ Hành không thể luận giải đơn giản, rằng Sinh là cát, Khắc là hung. Ví dụ, Hỏa khắc Kim, đĩ nhiên là không cát lợi. Nhưng Kim không có Hỏa trui rèn, thì Kim đó ngoan cường, nhân đinh và tài sản trong nhà đều không hưng vượng. Thổ sinh Kim đĩ nhiên là cát lợi, nhưng trùng Thổ sẽ chôn vùi Kim, thì nhân đinh và tài sản trong nhà cũng chẳng thể hưng vượng. Thủy khắc Hỏa đĩ nhiên là không cát lợi, nhưng Hỏa quá mạnh mà không có Thủy dập bớt thì cứ thiêu đốt hoài, chỉ e gia đình gặp kiện tụng thị phi, nữ nhân cô quả. Mộc sinh Hỏa, cố nhiên là cát lợi, nhưng Mộc vượng quá, Hỏa sẽ quá vượng, gây nên hỏa tai và vạn sự rắc rối. Kim khắc Mộc, tuy không cát lợi, nhưng nhiều Mộc mà không có Kim, thì Mộc sẽ quá cứng. Thủy sinh Mộc, là cát lợi. Nếu Thủy nhiều Mộc ít, thì Mộc sẽ nổi trôi trên mặt nước, chủ mọi người trong nhà sức khỏe kém sút, gia sản sơ sài. Mộc khắc Thổ là không cát lợi, song nếu đất ít cây, thì đất không thể thông khí. Hỏa sinh Thổ là cát lợi, nhưng Hỏa nhiều quá thì đất bị khô nóng, vạn vật chẳng thể sinh trưởng. Thổ khắc Thủy là không cát lợi, nhưng nếu không có Thổ, thì Thủy sẽ tràn ngập mênh mang thành lụt lội. Kim sinh Thủy là cát lợi, nhưng Kim quá nhiều, Thủy vượng quá, thì nam nữ sinh dâm loạn, phóng đãng.

Ngũ Hành Sinh Khắc phải lấy trung hòa làm quý, thái quá hoặc bất cập sẽ hại đến

(1) Theo nghĩa thường dùng của phong thủy thì Trạch là huyệt mộ, Triệu là phần đất chung quanh mộ, có thể áp dụng vào Dương trạch - nhà và phần đất chung quanh nhà (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nhân đinh và gia sản. Có Sinh mà không có Khắc, thì gia đình chẳng thể hưng vượng. Có Khắc mà không có Sinh, thì gia đình nghèo khổ. Sinh Khắc trung hòa, thì người và của đều hưng vượng, đại phú đại quý.

Phàm luận về nhà ở, thì lấy con số Âm Dương của "Lạc Thư" làm chuẩn, luận về phương vị, thì phải dùng Âm Dương Bát quái, nếu dùng "Lạc Thư" để luận phương vị là sai.

Chọn nhà ở phải xem hình thế. Thí dụ, sơn thủy hữu tình, bốn phía đoan chính, Sa Thủy bao quanh, thì cư trú ở đó cát lợi. Nếu sơn hình xung phạm, lồi lõm, nham nhở, nghiêng lệch, Thủy hình như bắn thẳng tới, Thủy lưu chảy xiết, thì dù là cát trạch, cũng không nên cư trú.



Hình 4-2

Trên hình 4-2, bốn quẻ Kiền, Đoài, Ly, Chấn, số đi thuận cát; bốn quẻ Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, số đến nghịch hung, là số tự nhiên tạo hóa. Hoàng Đế thường xuất hiện tại vị trí Chấn, vốn có sẵn Sinh khí.



Hình 4-3 : Thiên Y

Trên hình 4-3, Ngũ Hành tuy có thể tương sinh, nhưng Thiên khí thường ẩn tàng, không lộ tông tích mà ít khi lộ ra.



Hình 4-4 : Diên Niên

Trên hình 4-4, Kiền trời Khôn đất định phương vị, Cấn núi Đoài đầm thông sinh khí. Chấn sấm Tốn gió cùng yếu đi. Khảm nước Ly lửa không va chạm. Đây là đạo lý Âm Dương phối hợp với nhau.



Hình 4-5 : Tuyệt Mệnh

Trên hình 4-5, cửu dịch gặp nhau, không thể phối thành, sẽ thành Tuyệt Mệnh.



Hình 4-6 : Ngũ Quỷ

Trên hình 4-6, đường đời suy bại, lòng người tráo trở, binh khí gặp nhau, đây là đạo Quỷ Sát tinh lộng hành.



Hình 4-7 : Họa Hại

Trên hình 4-7, sự tương khắc hiển lộ dễ thấy, sự tương sinh ẩn giấu khó tìm. Cho nên Hỏa sinh Thổ mà phát sinh tai họa khắc hại ân đức, sinh mà hại, nhưng hại lại sinh ân đức.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 4-8 : Lục Sát

Trên hình 4-8, nhị Sát sinh thành, sự việc không thuận,nên thấy Sinh mà chẳng sinh mà ngược lại thành suy hại, họa hại, tạo nên việc ác. Lục Sát chủ sinh ra dâm loạn, tà ác.

Đồ hình Tiên Thiên Bát quái nói trên gồm ba cát bốn hung. Sao Sinh Khí thuận hành, Kiền Đoài gặp nhau, Cấn Khôn ở liền, Khảm Tốn tương sinh, Chấn Ly nuôi nhau, cho nên bốn vị trí Khảm, Tốn, Ly, Chấn là Đông Tứ trạch, Kiền, Đoài, Cấn, Khôn là Tây Tứ trạch. Sao Thiên Y tương sinh, Khảm, Chấn, Tốn, Ly tương sinh; Cấn, Kiền, Khôn, Đoài nuôi nhau, phân chia nhau làm Đông, Tây Tứ trạch. Sao Diên Niên đắc phối, Kiền làm cha, Khônlàm mẹ, Chấn, Khảm, Cấn làm ba con trai, Tốn, Ly, Đoài làm ba con gái, Âm Dương phối hợp phân làm Đông, Tây Tứ trạch. Cho nên Tây Tứ trạch an tại phía Tây, Đông Tứ trạch an tại phía Đông. Tây Tứ trạch an tại phía Đông, Đông Tứ trạch an tại phía Tây thì là hung hiểm, tà ác.

LẠI BỐ Y TÁC PHÁP

Lại Bố Y đưa ra một phương pháp hóa giải hung họa, căn cứ vào việc quan sát Sơn hình Thủy cục. Nếu sa sơn chầu chực hữu tình, lưu Thủy uốn lượn vây bọc, núi cao ở phương Sinh Vượng, Thủy ở phương Bại Tuyệt chảy đi, thì là cách tận thiện tận mỹ, khỏi dùng đến phương pháp này. Nếu xuất hiện những điều bất cát như có sát tinh cao chiếu, Thủy Hoàng tuyền xối tới v.v... khó tránh được thì phải dùng phương pháp này để hóa giải, hoặc bằng cách dùng Can Chi để khắc chế, hóa giải hoặc cách nạp giáp quẻ để khắc chế.

Dãy núi chạy đến ở phương Quý Mão, Quý Mão thuộc cung Chấn, tại Nhâm sơn làm nhà hướng Bính, hướng quay về phía núi. Sơn thủy nghiêng chếch, chảy ra vị trí Tốn là hướng Bính Hoàng Tuyền (suối vàng). Nếu núi cao ở vị trí Khôn, cung Đoài thấp hãm, thì phải dùng phép dịch quẻ để luận giải. Chấn vị với Ly sơn tương giao tại Ly là sao Tham Lang, tại Cấn, Bính là sao Văn Khúc, thuộc Thủy. Thủy Nhâm mênh mông, chủ gia nhân ly tán, tha phương.

Luận khai môn nạp giáp : Giáp vị khai môn, thu nạp giáp Thủy, lấy Càn, Giáp Cự Môn Thổ để áp chế Thổ là số 5, cho nên :

"Thổ sơn, Bính hướng, Giáp vị khai môn, thì trong vòng năm trăm năm gia đình sẽ xuất hiện nhân tài lừng lẫy. Nếu chuyển đến Tử Dương sơn hạ Thủy, thì trong ba năm, nhà sẽ có trẻ con phải chết".

Tử Dương sơn hạ Thủy là Tốn Thủy, nên phải đào cái ao hình chữ Đinh ( ) ở hướng Nam để khắc chế nó. Đó là vì quẻ Tốn nạp Tân, quẻ Đoài nạp Đinh, dùng Đinh để khắc chế Tân, cũng tức là dùng quẻ Đoài khắc quẻ Tốn.

Quẻ Khôn là sao Liêm Trinh. Trong quẻ nói :

"Sao Ngũ Quỷ thuộc Hỏa, là phương hung, không nên làm nhà cao. Bên ngoài phải dựng một tòa lầu cao, mở Tướng quân các, dùng hình dạng cung nỏ của tướng quân mà bắn nó. Đem sơn màu đen lên nhà cửa, tượng Thủy khắc Hỏa".

Ngoài ra, Quý Mão Long nạp Âm thuộc Kim, Kim vượng thế ở cung Dậu, cung Dậu không nên thấp lõm, cho nên làm Triều Thủy môn lâu, cột cao 4 trượng, mặt trước đón Dậu Thủy, trữ nước thành ao hồ, rồi lại đắp đá thành cầu cho mọi người qua lại. Làm

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

như vậy, một là để trấn giữ khí của phương Vượng, hai là có thể nghênh tiếp vượng Thủy chảy đến. Phương pháp của Lại Bố Y đại để là như thế.

KINH VĨ ĐOÁN PHÁP

Tỉ như Sửu sơn Mùi môn, Sửu sơn là quẻ Đoài, Mùi môn là quẻ Chấn, là sao Tuyệt Mệnh. Sao Phá Quân, Kim tinh, chủ không thể phát tài. Lại lấy tọa là Đoài sơn, tính thuận đến tầng thứ hai, đây là sao Sinh Khí, sao Tham Lang, Mộc tinh, tại vị trí Kiền thuộc Kim tinh, là cung khắc sao, tuy có thể phát tài, nhưng dòng con trưởng lại nghèo khổ. Tầng thứ ba là sao Họa Hại, sao Lộc Tồn, Thổ tinh, tại vị trí Khảm thuộc Thủy tinh, là sao khắc cung, chủ chi thứ ba suy bại. Tầng thứ tư là sao Diên Niên, sao Vũ Khúc, Kim tinh, tại vị trí Cấn thuộc Thổ, là cung sinh sao, chủ phát tài cho chi thứ ba. Tầng thứ năm là sao Tuyệt Mệnh, sao Phá Quân, Kim tinh, tại vị trí Chấn thuộc Mộc, là sao khắc cung, tổn hại cho chi trưởng. Tầng thứ sáu là sao Lục Sát, sao Văn Khúc, Thủy tinh, tại vị trí Tốn thuộc Mộc, là sao sinh cung, chủ tổn hại cho chi thứ hai. Tầng thứ bảy là sao Ngũ Quỷ, sao Liêm Trinh, Hỏa tinh, tại vị trí Ly thuộc Hỏa, cung và sao tỉ hòa, chủ tổn hại cho chi trưởng. Thổ tinh, tại vị trí Khôn thuộc Thổ, cung và sao tỉ hòa, chủ phát tài cho chi thứ hai. Sao và cung tương sinh tương hợp là tốt nhất, nếu xung khắc, thì dù là cát tinh, cũng thành hung họa.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

DI TINH BIẾN KHÍ

Khí của bổn cung là khí Tiên Thiên Chủ nhất, không thể cải biến. Khí của môn tinh (sao) là khí Hậu Thiên Thai nguyên, có thể cải biến. Khí là Âm ắt bắt đầu từ Âm, khí là Dương ắt bắt đầu từ Dương, khí Âm Dương biến đổi, ắt khí của cung và sao thay đổi. Cho nên Di tinh biến khí trước hết phải luận khí Thai nguyên (khí Hậu Thiên).

HOÁN TƯỢNG QUYẾT

Thoạt đầu căn cứ Trạch khí phân biệt Âm Dương, lập định đường ốc Huyền Không tạo hóa, khứ lộ tọa trạch là hào lân cận, theo đó mà di môn tu bổ, mỗi tiết mỗi điều vạch một nét, tùy sao, cung biến hóa mà xuất hiện tượng cát tường. Phòng hướng Đông Bắc lấy làm hào Dương, phòng hướng Tây Nam lấy làm hào Âm. Nội lai lộ là chủ, ngoại lai lộ là khách, khai môn lập ốc về hướng nào, sắp xếp hào trên hào dưới thành quẻ, thay đổi hào tượng thì ắt sẽ an khang. Nhập Âm nhập Dương, thế nào sáu hào trên dưới hỗ tương phối hợp. Đó là khẩu quyết Huyền Không đích thực, hàm chứa đầy đủ cát hung họa phúc trong đó.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

QUÁI HÀO TINH LỆ

- Sao Sinh Khí, sao Tham Lang Mộc tinh Nhất Dương tinh - Kiền tại Đoài, Đoài tại Kiền; Khôn tại Cấn, Cấn tại Khôn; Chấn tại Ly, Ly tại Chấn; Tốn tại Khảm, Khảm tại Tốn.
- Sao Thiên Y, sao Cự Môn Thổ tinh Nhị Dương tinh - Kiền tại Cấn, Cấn tại Kiền; Khôn tại Đoài, Đoài tại Khôn; Chấn tại Khảm, Khảm tại Chấn; Tốn tại Ly, Ly tại Tốn.
- Sao Diên Niên, sao Vũ Khúc Kim tinh Tam Dương tinh - Kiền tại Khôn, Khôn tại Kiền; Khảm tại Ly, Ly tại Khảm; Cấn tại Đoài, Đoài tại Cấn; Chấn tại Tốn, Tốn tại Chấn.
- Sao Họa Hại, sao Lộc Tồn Thổ tinh Tam Âm tinh - Kiền tại Tốn, Tốn tại Kiền; Khảm tại Đoài, Đoài tại Khảm; Cấn tại Ly, Ly tại Cấn; Chấn tại Khôn, Khôn tại Chấn.
- Sao Lục Sát, sao Văn Khúc Thủy tinh Nhị Âm tinh - Kiền tại Khảm, Khảm tại Kiền; Cấn tại Chấn, Chấn tại Cấn; Tốn tại Đoài, Đoài tại Tốn; Ly tại Khôn, Khôn tại Ly.
- Sao Ngũ Quỷ, sao Liêm Trinh Hỏa tinh Nhất Âm tinh - Kiền tại Chấn, Chấn tại Kiền; Khảm tại Cấn, Cấn tại Khảm; Tốn tại Khôn, Khôn tại Tốn; Ly tại Đoài, Đoài tại Ly.
- Sao Tuyệt Mệnh, sao Phá Quân Kim tinh Nhất Âm tinh - Kiền tại Ly, Ly tại Kiền; Khảm tại Khôn, Khôn tại Khảm; Cấn tại Tốn, Tốn tại Cấn; Chấn tại Đoài, Đoài tại Chấn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CÁC SƠN QUÁI TINH

KIỀN - Kiền Giáp Nhâm sơn

■ **Thân Tý Thìn Thủy**	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thủy tinh nhị	tỉ hòa	
	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	tỉ hòa	Cấn Bính Thổ
■ **Hợi Mão Mùi Canh Mộc**	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	cung sinh sao	
	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	cung khắc sao	Tốn Tân Mộc
■ **Dần Ngọ Tuất Hỏa**	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	cung khắc sao	
	Sao Diên Niên, Tham Lang Mộc tinh nhất	cung khắc sao	Khôn Ất Quý Thổ
■ **Tỵ Dậu Sửu Đinh Kim**	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	cung khắc sao	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

KHẢM - Thân Tý Thìn sơn

■ **Cấn Bính sơn**	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	sao sinh cung	
	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	cung khắc sao	Hợi Mão Mùi Canh Mộc
■ **Tốn Tân Mộc**	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	tỉ hòa	
	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh tam	cung khắc sao	Dần Ngọ Tuất Hỏa
■ **Khôn Ất Quý Thổ**	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	cung sinh sao	
	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	sao sinh cung	Tỵ Dậu Sửu Kim
■ **Kiền Giáp Nhâm Kim**	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thổ tinh tam	sao sinh cung	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CẤN - Cấn Bính sơn

■ **Hợi Mão Mùi Canh Mộc**	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thủy tinh nhị	sao sinh cung	
	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	sao khắc cung	Tốn Tân Mộc
■ **Dần Ngọ Tuất Hỏa**	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	cung sinh sao	
	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	sao khắc cung	Khôn Ất Quý Thổ
■ **Tỵ Dậu Sửu Đinh Kim**	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh tam	tỉ hòa	
	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhất	sao sinh cung	Kiền Giáp Nhâm Kim
■ **Thân Tý Thìn Thủy**	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	cung khắc sao	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

CHẤN - Hợi Mão Mùi Canh sơn

■ Tốn Tân Mộc	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh tam	sao khắc cung	
	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	sao sinh cung	Dần Ngọ Tuất Hỏa
■ Khôn Ất Quý Thổ	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	tỉ hòa	
	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	tỉ hòa	Tỵ Dậu Sửu Kim
■ Kiển Giáp Nhâm Kim	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	sao khắc cung	
	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	sao khắc cung	Thân Tý Thìn Thủy
■ Cấn Bính Thổ	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thủy tinh nhất	cung khắc sao	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TỐN - Tốn Tân sơn

■ Dần Ngọ Tuất Hỏa	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	cung sinh sao	
	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	sao sinh cung	Khôn Ất Quý Thổ
■ Tỵ Dậu Sửu Kim	Sao Lục Sát, Vũ Khúc Thủy tinh nhị	cung sinh sao	
	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	sao sinh cung	Kiển Giáp Nhâm Kim
■ Thân Tý Thìn Thủy	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	cung sinh sao	
	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	cung sinh sao	Cấn Bính Thổ
■ Hợi Mão Mùi Mộc	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh tam	sao khắc cung	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LY - Dần Ngọ Tuất sơn

■ **Khôn Ất Quý Thổ**	Sao Lục Sát, Vũ Khúc Thủy tinh tam	cung khắc sao	
	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	sao khắc cung	Tỵ Dậu Sửu Kim
■ **Kiển Giáp Nhâm Kim**	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	tỉ hòa	
	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh tam	sao sinh cung	Thân Tý Thìn Thủy
■ **Cấn Bính Thổ**	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh tam	tỉ hòa	
	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh nhất	tỉ hòa	Hợi Mão Mùi Mộc
■ **Tốn Tân Mộc**	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhất	cung khắc sao	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KHÔN - Khôn Ất Quý sơn

■ **Tỵ Dậu Sửu Đinh Kim**	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	sao sinh cung	
	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh nhất	tỉ hòa	Kiển Giáp Nhâm Kim
■ **Thân Tý Thìn Thủy**	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh	sao sinh cung	
	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh	sao khắc cung	Cấn Bính Thổ
■ **Hợi Mão Mùi Mộc**	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh	cung khắc sao	
	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh	cung sinh sao	Tốn Tân Mộc
■ **Dần Ngọ Tuất Hỏa**	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thủy tinh	sao khắc cung	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

ĐOÀI - Tỵ Dậu Sửu Đinh sơn

■ **Kiến Giáp Nhâm Kim**	Sao Sinh Khí, Tham Lang Mộc tinh	cung khắc sao	
	Sao Họa Hại, Lộc Tồn Thổ tinh	sao khắc cung	Thân Tý Thìn Thủy
■ **Cấn Bính Thổ**	Sao Diên Niên, Vũ Khúc Kim tinh	cung sinh sao	
	Sao Tuyệt Mệnh, Phá Quân Kim tinh nhất	sao khắc cung	Hợi Mão Mùi Mộc
■ **Tốn Tân Mộc**	Sao Lục Sát, Văn Khúc Thủy tinh nhị	sao sinh cung	
	Sao Ngũ Quỷ, Liêm Trinh Hỏa tinh nhất	tỉ hòa	Dần Ngọ Tuất Hỏa
■ **Khôn Ất Quý Thổ**	Sao Thiên Y, Cự Môn Thổ tinh nhị	tỉ hòa	

downloadsachmienphi.com

PHIÊN QUÁI PHÂN PHÒNG QUYẾT

Phép phân phòng là đảo quẻ từ dưới lên cho đến nguyên quẻ, biến lần lượt. Theo Quyết ngữ :

> "Biến dưới, biến giữa rồi biến trên, tiếp tục biến cả giữa lẫn dưới rồi biến giữa, biến trên"[1].

Mỗi quẻ đều có tám loại biến hóa, tám quẻ thành 64 quẻ, đều sử dụng được. Có nhà lầu thì dùng Thiên Can, không có lầu thì chỉ dùng Địa Chi, chia Đông, Tây Tứ trạch, phối nên cát hung họa phúc, ứng nghiệm vào năm tháng ngày.

Kiền cung tinh quái tương biến họa phúc

Kiền thuộc Lão Dương, lấy Kim vị làm bổn trạch, thích hợp với Thổ tinh, không thích hợp với Hỏa tinh, khắc Mộc tinh, sinh Thủy tinh. Thêm đi bớt lại phải hợp với Kiền Khôn Cấn Đoài. Chớ xung phạm Khảm Ly Chấn Tốn, đây là nói Cửu tinh đan chéo với tám phương của Kiền. Nhất biến thành quẻ Tốn là sao Họa Hại, nhị biến thành quẻ Cấn là sao Thiên Y, tam biến thành quẻ Khôn là sao Diên Niên, tứ biến thành quẻ Khảm là sao Lục Sát, ngũ biến thành quẻ Đoài là sao Sinh Khí, lục biến thành quẻ Chấn là sao Ngũ Quỷ, thất biến thành quẻ Ly là sao Tuyệt Mệnh, bát biến thành Kiền là sao Phục Vị.

(1) Thứ tự biến trên gắn liền với thứ tự Du niên : Họa Hại, Thiên Y, Diên Niên, Lục Sát, Sinh Khí, Ngũ Quỷ, Tuyệt Mệnh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Kiền biến thành Tốn, Kiền trời Tốn gió, là quẻ Cấu, vừa vặn tương phản với quẻ Tiểu Súc, Kim Mộc tương hình, Kiền Tốn không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ nhà có người treo cổ hoặc nhảy xuống sông tự vẫn, nữ nhân bị bệnh tật.
- Kiền biến thành Cấn, Kiền trời Cấn núi, là quẻ Độn, vừa vặn tương phản với quẻ Đại Súc, Kim Thổ tương sinh, Cấn Kiền tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, mệnh chủ gia trung tăng tiến, vinh hoa phú quý, nữ nhân bị tử vong.
- Kiền biến thành Khôn, Kiền trời Khôn đất, là quẻ Bĩ, vừa vặn tương phản với quẻ Thái, Kim Thổ tương sinh, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ vợ chồng trong nhà hòa hợp, mọi việc thuận lợi, người người bình an.
- Kiền biến thành Khảm, Kiền trời Khảm nước, là quẻ Tụng, vừa vặn tương phản với quẻ Nhu, tuy Kim Thủy tương sinh, nhưng Khảm Kiền không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ vợ chồng trong nhà bị tàn tật, bị khẩu thiệt thị phi, liên lụy kiện tụng.
- Kiền biến thành Đoài, Kiền trời Đoài đầm, là quẻ Lý, vừa vặn tương phản với quẻ Quải, hai Kim tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ tiền tài dư dả, nhưng nữ nhân dâm loạn.
- Kiền biến thành Chấn, Kiền trời Chấn sấm, là quẻ Vô Vọng, vừa vặn tương phản với quẻ Đại Tráng. Chấn Kiền không tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ con trưởng và trẻ thơ bị tai họa, bệnh tật.
- Kiền biến thành Ly, Kiền trời Ly lửa, là quẻ Đồng Nhân, vừa vặn tương phản với quẻ Đại Hữu, Ly Kiền không tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, Phá Quân Kim tinh, chủ sự cô quả.
- Kiền biến thành Kiền, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc; khí Dương Phục Vị hưng vượng, lại chuyển thành Âm suy, chủ nữ nhân bị tử vong, con cháu gian nghịch bất hiếu.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Khảm cung tinh quái tương biến họa phúc

Khảm thuộc Trung nam, lấy Thủy làm bổn trạch, thích hợp với Kim tinh, ghét Thổ tinh, kỵ Hỏa tinh, sinh Mộc tinh. Thêm đi bớt lại phải hợp với Khảm Ly Chấn Tốn, nhất thiết không được xung phạm Kiền Khôn Cấn Đoài. Khảm, nhất biến Đoài là sao Họa Hại, nhị biến Chấn là sao Thiên Y, tam biến Ly là sao Diên Niên, tứ biến Kiền là sao Lục Sát, ngũ biến Tốn là sao Sinh Khí, lục biến Cấn là sao Ngũ Quỷ, thất biến Khôn là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Khảm là sao Phục Vị.

- Khảm biến thành Đoài, Khảm nước Đoài đầm, là quẻ Tiết, vừa vặn tương phản với quẻ Khốn, tuy Kim Thủy tương sinh, nhưng Đoài Khảm không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ con cháu tuyệt diệt, bị trộm cướp.
- Khảm biến thành Chấn, Khảm nước Chấn sấm, là quẻ Truân, vừa vặn tương phản với quẻ Giải, Thủy Mộc tương sinh, Khảm Chấn tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ con cháu vinh hoa phú quý, chỉ bất lợi cho con nhỏ.
- Khảm biến thành Ly, Khảm nước Ly lửa, thành quẻ Ký tế, vừa vặn tương phản với quẻ Vị Tế, tuy Thủy Hỏa xung khắc, nhưng Ly Khảm tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ mục tật, tán tài, trước giàu sau nghèo.
- Khảm biến thành Kiền, Khảm nước Kiền trời, là quẻ Nhu, vừa vặn tương phản với quẻ Tụng, tuy Kim Thủy tương sinh, nhưng Kiền Khảm không tỉ hòa, lại có sao Thủy, chủ gia đình bị họa hình ngục, trôi dạt quê người, tuyệt tự.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Khảm biến thành Tốn, Khảm nước Tốn gió, là quẻ Tỉnh, vừa vận tương phản với quẻ Hoán, Thủy Mộc tương sinh, Tốn Khảm tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ gia tài hưng vượng, nữ nhân quý hiển.
- Khảm biến thành Cấn, Khảm nước Cấn núi, là quẻ Kiển, vừa vận tương phản với quẻ Mông, Thủy Thổ tương khắc, Cấn Khảm không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ con cháu bần cùng, bệnh tật.
- Khảm biến thành Khôn, Khảm nước Khôn đất, là quẻ Tỷ, vừa vận tương phản với quẻ Sư, Thủy Thổ tương khắc, Khôn Khảm không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ trung nam chết, người và của ly tán.
- Khảm biến thành Khảm, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc, Phục Vị Dương vượng Âm suy, chủ phụ nữ trong nhà tử vong, hao tài, tai họa.

Cấn cung tinh quái tương biến họa phúc

Cấn là Thiếu nam, lấy Thổ làm bổn trạch, thích hợp với Hỏa tinh, không hợp với Mộc tinh, sinh Kim tinh, hợp với Kiển Khôn Cấn Đoài, nhất thiết không được xung phạm Khảm Ly Chấn Tốn. Nhất biến thành Ly là sao Họa Hại, nhị biến thành Kiển là sao Thiên Y, tam biến Đoài là sao Diên Niên, tứ biến Chấn là sao Lục Sát, ngũ biến Khôn là sao Sinh Khí, lục biến Khảm là sao Ngũ Quỷ, thất biến Tốn là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Cấn là sao Phục Vị.

- Cấn biến thành Ly, Cấn núi Ly lửa, là quẻ Sơn Hỏa Bí, vừa vận tương phản với quẻ Lữ. Thổ Hỏa tương sinh, nhưng Ly Cấn không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ con cháu tha phương, nữ nhân bệnh tật mà chết.
- Cấn biến thành Kiển, Cấn núi Kiển trời, là quẻ Đại Súc, vừa vận tương phản với quẻ Độn. Kim Thổ tương sinh, Kiển Cấn tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ con cháu hiền lương, nhưng nữ nhân bất lợi.
- Cấn biến thành Đoài, Cấn núi Đoài đầm, là quẻ Tổn, vừa vận tương phản với quẻ Hàm. Kim Thổ tương sinh, Đoài Cấn tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ nhân đinh hưng vượng, ruộng vườn tăng tiến.
- Cấn biến thành Chấn, Cấn núi Chấn sấm, thành quẻ Di, vừa vận tương phản với quẻ Tiểu Quá. Thổ Mộc tương khắc, Chấn Cấn không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ con cháu bị tai họa, hao tài, gia súc bị tổn hại.
- Cấn biến thành Khôn, Cấn núi Khôn đất, là quẻ Bác, vừa vận tương phản với quẻ Khiêm, hai Thổ tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ con cháu vinh hoa phú quý, nhưng yêu ma xâm nhập, hại cho bậc tôn trưởng.
- Cấn biến thành Khảm, Cấn núi Khảm nước, là quẻ Mông, vừa vận tương phản với quẻ Kiển, Thủy Thổ tương khắc, Khảm Cấn không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ gia nhân ly tán, tài sản khánh tận, con nhỏ tử vong.
- Cấn biến thành Tốn, Cấn núi Tốn gió, là quẻ Sơn Phong Cổ, vừa vận tương phản với quẻ Phong Sơn Tiệm. Thổ Mộc tương khắc, Tốn Cấn không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ gia đình bị kiện cáo, họa hình ngục, bệnh tật, hại cho con nhỏ.
- Cấn biến thành Cấn, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc. Dương thịnh Âm suy, thứ nữ tử vong, có tai họa kiện tụng, cháy nhà.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chấn cung tinh quái tương biến họa phúc

Chấn là Trưởng nam, lấy Mộc làm bổn trạch, ưa Thủy tinh, ghét Kim tinh, sinh Hỏa tinh. Hợp với Khảm Ly Chấn Tốn, nhất quyết không được xung phạm Kiền Khôn Cấn Đoài. Nhất biến thành Khôn là sao Họa Hại, nhị biến Khảm là sao Thiên Y, tam biến Tốn là sao Diên Niên, tứ biến Cấn là sao Lục Sát, ngũ biến thành Ly là sao Sinh Khí, lục biến thành Kiền là sao Ngũ Quỷ, thất biến Đoài là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Chấn là sao Phục Vị.

- Chấn biến thành Khôn, Chấn sấm Khôn đất, là quẻ Dự, vừa vặn tương phản với quẻ Phục, Thổ Mộc tương hình, Khôn Chấn không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ mẹ chết trước, nam nữ nhiều bệnh tật.
- Chấn biến thành Khảm, Chấn sấm Khảm nước, là quẻ Giải, vừa vặn tương phản với quẻ Truân, Thủy Mộc tương sinh, Khảm Chấn tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ tiền tài hưng vượng, khắc thê, con cháu phát đạt.
- Chấn biến thành Tốn, là quẻ Hằng, vừa vặn tương phản với quẻ Ích. Hai Mộc thành rừng, Tốn Chấn tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ tiền tài dư dả, con cháu phát đạt.
- Chấn biến thành Cấn, là quẻ Tiểu Quá, vừa vặn tương phản với quẻ Dị. Thổ Mộc tương khắc, Cấn Chấn không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ bị hỏa hoạn, trộm cướp, gia sản khánh kiệt.
- Chấn biến thành Ly, là quẻ Lôi Hỏa Phong, vừa vặn tương phản với quẻ Phệ Hạp. Mộc Hỏa tương sinh, Ly Chấn tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ con cháu quý hiển, tiền tài dư dả.
- Chấn biến thành Kiền, là quẻ Đại Tráng, vừa vặn tương phản với quẻ Vô Vọng. Kim Mộc tương khắc, Kiền Chấn không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ cha và con trưởng bị tai họa mà chết.
- Chấn biến thành Đoài, là quẻ Quy Muội, vừa vặn tương phản với quẻ Tùy. Kim Mộc tương khắc, Đoài Chấn không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ con cháu bại tuyệt, có người treo cổ, nhảy sông tự vẫn.
- Chấn biến thành Chấn, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc, Dương vượng Âm suy, chủ gia đình phồn vinh, nhưng có nữ nhân phải chết.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tốn cung tinh quái tương biến họa phúc

Tốn thuộc trưởng nữ, lấy Mộc làm bổn trạch, hợp ưa Thủy tinh, ghét Kim tinh và Thổ tinh, sinh Hỏa tinh. Hợp với Khảm Ly Chấn Tốn, nhất quyết không được xung phạm Kiền Khôn Cấn Đoài. Nhất biến Kiền là sao Họa Hại, nhị biến Ly là sao ThiênY, tam biến Chấn là sao Diên Niên, tứ biến Đoài là sao Lục Sát, ngũ biến Khảm là sao Sinh Khí, lục biến Khôn là sao Ngũ Quỷ, thất biến Cấn là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Tốn là sao Phục Vị.

- Tốn biến thành Kiền, Tốn gió Kiền trời, là quẻ Tiểu Súc, vừa vặn tương phản với quẻ Cấu. Kim Mộc tương khắc, Kiền Tốn không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ bậc tôn trưởng trong nhà bị tai họa, tà ma xâm nhập.
- Tốn biến thành Ly, là quẻ Gia Nhân, vừa vặn tương phản với quẻ Đỉnh. Mộc Hỏa tương sinh, Ly Tốn tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ nữ nhân góa chồng, nhà tiền phú hậu bần.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Tốn biến thành Chấn, là quẻ Ích, vừa vặn tương phản với quẻ Hằng. Hai Mộc thành rừng, Chấn Tốn tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ gia đình đông đúc, phú quý song toàn.
- Tốn biến thành Đoài, là quẻ Trung Phu, vừa vặn tương phản với quẻ Đại Quá. Kim Mộc tương khắc, Đoài Tốn không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ trong nhà có người câm điếc, con cái ly tán tha hương.
- Tốn biến thành Khảm, là quẻ Hoán, vừa vặn tương phản với quẻ Tỉnh. Thủy Mộc tương sinh, Khảm Tốn tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ con cháu phồn vinh, gia sản hưng vượng.
- Tốn biến thành Khôn, là quẻ Quan, vừa vặn tương phản với quẻ Thăng. Thổ Mộc tương khắc, Khôn Tốn không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ con cháu ít ỏi, bệnh tật.
- Tốn biến thành Cấn, là quẻ Gia Tiệm, vừa vặn tương phản với quẻ Cổ. Mộc Thổ tương khắc, Cấn Tốn không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ về bệnh tật, con cái chết non.
- Tốn biến thành Tốn, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc, Âm vượng Dương suy, tiền tài dư dả, gia súc đông đúc, nhưng con cháu ít ỏi.

Ly cung tinh quái tương biến họa phúc

Ly vị thuộc trung nữ, lấy Hỏa làm bổn trạch. Thích Mộc tinh, ghét Thủy tinh, không ưa Kim tinh, sinh Thổ tinh. Hợp với Khảm Ly Chấn Tốn, nhất quyết không được xung phạm Kiền Khôn Cấn Đoài. Nhất biến Cấn là sao Họa Hại, nhị biến Tốn là sao Thiên Y, tam biến Khảm là sao Diên Niên, tứ biến Khôn là sao Lục Sát, ngũ biến Chấn là sao Sinh Khí, lục biến Đoài là sao Ngũ Quỷ, thất biến Kiền là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Ly là sao Phục Vị.

- Ly biến thành Cấn, Ly lửa Cấn núi, là quẻ Lữ, vừa vặn tương phản với quẻ Minh Di. Tuy Hỏa Thổ tương sinh, nhưng Cấn Ly không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ hao tài tốn của, gia súc ít ỏi, trộm cướp, nhà có tang.
- Ly biến thành Tốn, là quẻ Hỏa Phong Đỉnh, vừa vặn tương phản với quẻ Gia Nhân. Mộc Hỏa tương sinh, Tốn Ly tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ tiền của dư dả, nhưng đời con cháu bị tuyệt tự.
- Ly biến thành Khảm, là quẻ Vị Tế, vừa vặn tương phản với quẻ Ký Tế. Tuy là Thủy Hỏa tương khắc, nhưng Khảm Ly tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ người trong nhà bị mù, nhưng gia sản hưng vượng.
- Ly biến thành Khôn, là quẻ Tấn, vừa vặn tương phản với quẻ Minh Di. Tuy Hỏa Thổ tương sinh, nhưng Khôn Ly không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ hai họ ở chung một nhà, con cái nghèo hèn.
- Ly biến thành Chấn, là quẻ Phệ Hạp, vừa vặn tương phản với quẻ Phong. Mộc Hỏa tương sinh, Chấn Ly tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ nam hiếu thuận, nữ trinh tiết, gia đình phú quý.
- Ly biến thành Đoài, là quẻ Khuê, vừa vặn tương phản với quẻ Cách. Kim Hỏa tương khắc, Đoài Ly không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ tai họa hình ngục, gia đạo suy bại, nữ nhân dâm đãng.
- Ly biến thành Kiền, là quẻ Đại Hữu, vừa vặn tương phản với quẻ Đồng Nhân. Kim Hỏa tương khắc, Kiền Ly không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ con cháu chết non, cha nhiều bệnh tật.
- Ly biến thành Ly, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ hành không khắc, Âm thịnh Dương suy, chủ tiền tài dư dả, nhưng không có con trai nối dõi.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khôn cung tinh quái tương biến họa phúc

Khôn là mẹ, lấy Thổ làm bổn trạch, thích Hỏa, ghét Mộc và Thủy, sinh Kim. Hợp với Kiền Khôn Cấn Đoài, kỵ xung phạm Khảm Ly Chấn Tốn. Nhất biến Chấn là sao Họa Hại, nhị biến Đoài là sao Thiên Y, tam biến Kiền là sao Diên Niên, tứ biến Ly là sao Lục Sát, ngũ biến Cấn là sao Sinh Khí, lục biến Tốn là sao Ngũ Quỷ, thất biến Khảm là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Khôn là sao Phục Vị.

- Khôn biến thành Chấn, Khôn đất Chấn sấm, là quẻ Phục, vừa vặn tương phản với quẻ Dự. Mộc Thổ tương khắc, Chấn Khôn không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ về người và của ly tán, tai họa ập đến.
- Khôn biến thành Đoài, là quẻ Địa Trạch Lâm, vừa vặn tương phản với quẻ Tụy. Kim Thổ tương sinh, Đoài Khôn tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ gia sản hưng vượng, nhưng cuối cùng tuyệt tự.
- Khôn biến thành Kiền, là quẻ Thái, vừa vặn tương phản với quẻ Bĩ. Kim Thổ tương sinh, Kiền Khôn tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ con cháu đông đảo, sản nghiệp tăng tiến.
- Khôn biến thành Ly, là quẻ Minh Di, vừa vặn tương phản với quẻ Tấn. Tuy Hỏa Thổ tương sinh, nhưng Ly Khôn không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ khẩu thiệt thị phi, con cháu đời sau nhân đinh ít ỏi.
- Khôn biến thành Cấn, là quẻ Khiêm, vừa vặn tương phản với quẻ Bác. Hai Thổ không tương khắc, Cấn Khôn tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ con cháu phú quý, nhưng bất lợi cho trung nam trung nữ.
- Khôn biến thành Tốn, là quẻ Thăng, vừa vặn tương phản với quẻ Quan. Thổ Mộc tương khắc, Tốn Khôn không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ nữ nhân trong nhà nhiều bệnh tật, con cháu hiếm muộn.
- Khôn biến thành Khảm, là quẻ Sư, vừa vặn tương phản với quẻ Tỷ. Thủy Thổ tương khắc, Khảm Khôn không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ nhà tan cửa nát, có người chết đuối.
- Khôn biến thành Khôn, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ hành không khắc, Âm thịnh Dương suy, chủ nữ nhân trong nhà góa chồng, con cháu chết non.

Đoài cung tinh quái tương biến họa phúc

Cung Đoài là Thiếu Âm, lấy Kim làm bổn trạch, ưa Thổ tinh, ghét Hỏa và Mộc tinh, sinh Thủy tinh. Hợp với Kiền Khôn Cấn Đoài, nhất quyết không được xung phạm Khảm Ly Chấn Tốn. Nhất biến Khảm là sao Họa Hại, nhị biến Khôn là sao Thiên Y, tam biến Cấn là sao Diên Niên, tứ biến Tốn là sao Lục Sát, ngũ biến Kiền là sao Sinh Khí, lục biến Ly là sao Ngũ Quỷ, thất biến Chấn là sao Tuyệt Mệnh, bát biến Đoài là sao Phục Vị.

- Đoài biến thành Khảm, là quẻ Khốn, vừa vặn tương phản với quẻ Tiết, tuy Kim Thủy tương sinh, nhưng Khảm Đoài không tỉ hòa, lại có sao Lộc Tồn Thổ tinh, chủ đời con cháu bần cùng, có họa kiện tụng, thị phi.
- Đoài biến thành Khôn, là quẻ Tụy, vừa vặn tương phản với quẻ Lâm, Kim Thổ tương sinh, Khôn Đoài tỉ hòa, lại có sao Cự Môn Thổ tinh, chủ tiền tài hưng vượng, nhưng tuyệt tự, gia trạch rơi vào tay người khác họ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

- Đoài biến thành Cấn, là quẻ Hàm, vừa vặn tương phản với quẻ Tổn. Thổ Kim tương sinh, Cấn Đoài tỉ hòa, lại có sao Vũ Khúc Kim tinh, chủ con cháu đông đúc, vinh hoa phú quý.
- Đoài biến thành Tốn, là quẻ Đại Quá, vừa vặn tương phản với quẻ Trung Phu. Kim Mộc tương khắc, Tốn Đoài không tỉ hòa, lại có sao Văn Khúc Thủy tinh, chủ phát sinh hỏa hoạn, bị trộm cướp, bệnh tật.
- Đoài biến thành Kiền, là quẻ Quải, vừa vặn tương phản với quẻ Lý. Hai Kim tỉ hòa, lại có sao Tham Lang Mộc tinh, chủ nữ nhân dâm đãng, con cháu nhiều bệnh tật.
- Đoài biến thành Ly, là quẻ Cách, vừa vặn tương phản với quẻ Khuê. Kim Hỏa tương khắc, Đoài Ly không tỉ hòa, lại có sao Liêm Trinh Hỏa tinh, chủ gia nhân ly tán, hao tài, nhiều bệnh tật.
- Đoài biến thành Chấn, là quẻ Tùy, vừa vặn tương phản với quẻ Quy Muội. Kim Mộc tương khắc, Chấn Đoài không tỉ hòa, lại có sao Phá Quân Kim tinh, chủ gia súc bị tổn hại, gia nhân ly tán.
- Đoài biến thành Đoài, là quẻ Phục Ngâm, Ngũ Hành không khắc, Âm thịnh Dương suy, chủ con cháu đông đúc, nhưng ít tiền, có một chi cô quả.

HỎA AM ĐỒ THUYẾT



Hình 4-9 : Hỏa Am đồ thuyết

Phàm xây dựng nhà ở, nếu không lập Hỏa Am, thì nhà cửa sẽ lạnh lẽo, thiếu căn cơ, cư trú ở đó sẽ lành ít dữ nhiều. Hỏa Am ở gần hay xa do con số phối hợp giữa bốn tượng (tứ tượng) của quẻ Dịch là Lão Âm, Lão Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương mà định. Đó là quyết định của trời đất tự nhiên, không phải tùy theo sức người. Ví dụ, Kiền trạch cách trung cung (cung giữa) phải là 53 bước hoặc 31 bước, tọa Bính hướng Nhâm, là Kiền nhận khí Sơ cửu nhất Dương. Khảm trạch cách trung cung phải là 52 bước hoặc 18 bước, tọa Bính hướng Nhâm, là Khảm nhận khí Sơ lục nhất Âm. Cấn trạch cách trung cung nên là 53 bước hoặc 32 bước, tọa Ất hướng Tân, là Cấn nhận khí Sơ lục nhất Âm. Chấn trạch cách trung cung nên là 53 bước hoặc 32 bước, tọa Canh hướng Giáp, là Chấn nhận khí Sơ cửu nhất Dương. Tốn trạch cách trung cung phải là 52 bước hoặc 28 bước, tọa Nhâm hướng Bính, là Tốn nhận khí Sơ lục nhất Âm. Ly trạch cách trung cung phải là 53 bước hoặc 32 bước, tọa Tân hướng Ất, là Ly nhận khí Sơ cửu nhất Dương. Khôn trạch cách trung cung phải là 53 bước hoặc 28 bước, tọa Cấn hướng Khôn, là Khôn nhận khí Sơ lục nhất Âm. Đoài trạch cách trung cung phải là 53 bước hoặc 32 bước, tọa tân hướng Ất, là Đoài nhận khí Sơ cửu nhất Dương.

Hai khí Âm Dương lúc đầu mầu nhiệm ở chỗ hư vô rồi dần dần hình thành theo Hỏa Am, khi có Khí thì bắt đầu có Hình gọi là Hình lộ thì Khí ẩn, do đó mà tồn tại Lý.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khảo sát các kinh sách, thì Am là Thái Cực, Âm Dương đều từ đây mà sinh ra. Nói đại thể thì có thể hiểu được sự khác nhau, nói chi tiết thì có thể hiểu được sự giống nhau, nói thật tỉ mỉ thì có thể thấy rõ bao điều tinh vi huyền diệu.

PHÂN CƯ DI DỜI ĐỒ THUYẾT

Phân cư di dời là chỉ sự cải biến bốn quái (quẻ) tùy phương vị mà định trạch ốc. Tỉ như, Thìn nhập Tuất, Tỵ nhập Hợi, Tốn nhập Kiền là tứ Âm đắc khí tứ Dương. Bính nhập Nhâm, Ngọ nhập Tý, Đinh nhập Quý là tam Âm đắc khí tam Dương. Mùi nhập Sửu, Thân nhập Dần, Khôn nhập Cấn là ngũ Âm đắc khí ngũ Dương. Giáp nhập Canh, Mão nhập Dậu, Ất nhập Tân là nhị Dương đắc khí nhị Âm. Tuất nhập Thìn, Kiền nhập Tốn, Hợi nhập Tỵ là tứ Dương đắc khí tứ Âm. Nhâm nhập Bính, Tý nhập Ngọ, Quý nhập Đinh là tam Dương đắc khí tam Âm. Sửu nhập Mùi, Dần nhập Thân, Cấn nhập Khôn là ngũ Dương đắc khí ngũ Âm. Canh nhập Giáp, Dậu nhập Mão, Tân nhập Ất là nhị Âm đắc khí nhị Dương, gọi là đắc đạo, chủ vạn sự hanh thông. nếu từ Dương nhập Dương, từ Âm nhập Âm là Âm Dương sai lạc, vạn sự bất lợi.



Hình 4-10 : Phân cư di dời đồ thuyết

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỊ THẬP BÁT TÚ LÂM CUNG ĐỒ THUYẾT



Hình 4-11 : Nhị thập bát tú lâm cung đồ thuyết

Phương pháp phân phòng đã nói rõ ở phần trước, ở đây chỉ nói đến cách tính sao.

Đông Tây có Khảm Ly, Nam Bắc cũng có Chấn Đoài, bốn phương tám hướng đều có thể xây dựng nhà cửa. Chỉ e kinh sách chứa đựng những điều huyền diệu khó hiểu, người bình thường chẳng thể tỏ tường, cho nên phải đơn cử một yếu quyết cho dễ hiểu.

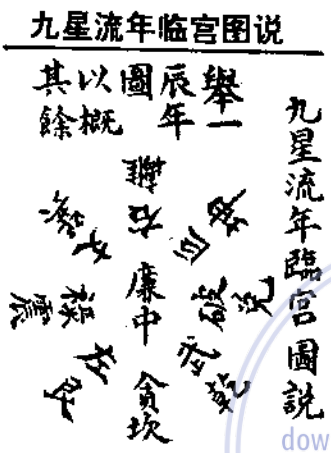
Từ cung Tốn khởi sao Giác đi nghịch hai mươi bốn vị trí, trong đó mỗi Duy trong Tứ Duy quản hai tinh tú, mỗi Thiên can, Địa Chi quản một tinh tú, dùng tứ diện tức là thất chính. Nếu xây dựng, di chuyển nhà cửa, từ đầu đến cuối lấy tinh tú nhập thẳng trung cung, Dương đếm thuận, Âm đếm nghịch, đến bốn trạch, xem kỹ Sinh, Khắc,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sẽ biết tình huống cát hung của ngôi nhà. Giả dụ, Ly trạch đến chữ Tân, sao Vị sẽ gặp sao Nguy, thuộc Thủy tinh, mà Kiền thuộc Kim tinh, là Kim Thủy tương sinh, thì vô cùng cát lợi. năm Sửu làm nhà ắt dùng sao Ngưu, đếm ngược đến Kiền vị, gặp sao Vị. Còn lại cứ theo cách đó mà suy.

CỬU TINH LƯU NIÊN LÂM CUNG ĐỒ THUYẾT



Hình 4-12 :
Cửu tinh lưu niên lâm cung đồ thuyết
(Lấy một năm Thìn làm thí dụ)

Cửu tinh tức là chín sao : Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phụ, Hữu Bật. Lưu niên nghĩa là vận hành, di chuyển. Năm Tý, sao Tham Lang tại Trung cung; năm Sửu, năm Hợi, sao Tham Lang tại cung Tốn; năm Tuất, năm Dần, sao Tham Lang tại cung Chấn; năm Mão, năm Dậu, sao Tham Lang tại cung Khôn; năm Thìn, năm Thân, sao Tham Lang tại cung Khảm; năm Ngọ, sao Tham Lang tại cung Cấn; năm Mùi, năm Ngọ, sao Tham Lang tại cung Ly. Thuận theo chín cung thì sẽ biết năm nào sao nào đến cung nào.

Tháng làm nhà ở đối ứng với Cửu tinh. Tháng Giêng, tháng Mười, sao Tham Lang tại Trung cung; tháng Hai, tháng Mười Một, sao Tham Lang tại cung Tốn; tháng ba, tháng Chạp, sao Tham Lang tại cung Chấn; tháng Tư, sao Tham Lang tại cung Khôn; tháng Năm, sao Tham Lang tại cung Khảm; tháng Sáu, sao Tham Lang tại cung Ly; tháng Bảy, sao Tham Lang tại cung Cấn; tháng Tám, sao Tham Lang tại cung Đoài; tháng Chín, sao Tham Lang tại cung Kiền. Thuận theo chín cung, sẽ biết tháng nào sao nào đến cung nào.

THIÊN TỈNH CHƯƠNG

Thiên tỉnh, không nên làm thành hình chữ Nhất ( ). Hình chữ Nhất chủ nhân đinh ít ỏi, tiền của suy giảm. nếu tại Thiên tỉnh hình chữ Nhất lại còn dựng thêm lầu, che lấp Thiên môn, thì chủ về việc nam giới trong nhà bị sung quân, đến nơi biên ải.

Thiên tỉnh cũng không được quá sâu, quá sâu thì nhà sẽ có quả phụ, tài vận không vượng. Thiên tỉnh cũng không được quá dài, quá dài thì nhân đinh không hưng vượng. Thiên tỉnh vừa quá dài vừa quá sâu, thì tổn hại vừa cho người, vừa cho tiền của. Cho nên Thiên tỉnh nên làm thành hình bàn cờ, lại phải tựa như mặt bàn, đại thể vuông mà nông, phẳng, được như vậy thì tốt nhất, phú quý không tách rời Kim, Thổ.

Thông thường, không nên quá nhiều Minh Đường. Nếu hai bên nhà chính có Tiểu Minh Đường, nằm hướng vào nhà chính thì trong nhà mọi việc không thuận lợi, rất không tốt cho những người giúp việc trong

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

nhà. Nếu nằm trên phương vị Hoàng Tuyền thì trẻ nhỏ trong nhà yểu tử, nhân đinh ít ỏi.

Minh Đường, về hình dạng, nếu hẹp mà sâu, thì là Thủy tinh; trong Minh Đường có chỗ lồi cao lên mà rộng rãi, là Kim tinh; vuông vắn và bằng phẳng là Thổ tinh; ở giữa có cầu thẳng như mất hổ là Hỏa tinh; ở giữa có chỗ nhô cao hoặc thẳng, dưới thềm từ phía bằng phẳng là Mộc tinh.

Minh Đường sâu thuộc Âm, chủ phụ nữ trong nhà cô quả, dâm đãng. Minh Đường dài, lại sâu thì gia nghiệp lụn bại. Nếu nền nhà, chỗ đất ở cao thấp không phân biệt mà Thiên tỉnh lại quá sâu thì gia nghiệp suy bại. Cho nên phép lập Minh Đường là bốn phương rộng rãi, nông, bằng phẳng thì tốt nhất, cao sâu 1 thước 5 tấc, bốn chung quanh rãnh nước lộ thiên là 1, 2 tấc.

Phàm trước nhà có lầu cao, sau nhà không có lầu cao mà Thiên tỉnh lại có hình "chữ Nhất" thì trong nhà có người chết. Trong Minh Đường có đá lổn nhổn hoặc các hòn giả sơn xếp đặt lộn xộn, thì người nhà mắc bệnh tim và ho lao.

Trong Thiên tỉnh trồng hoa, có cỏ mọc um tùm, chủ nữ nhân trụy thai, gây tiếng xấu làm bại hoại gia phong, nam nhân bị mục tật. Nếu Minh Đường hình trăng tròn, trong nhà thiếu thốn, người già cô quả. nếu bên tả bị khuyết hãm, nam chết trước; bên hữu khuyết hãm, nữ nhân bị tổn hại. Cho nên Minh Đường lấy vuông vức, bằng phẳng, sạch sẽ làm tốt nhất.

Nếu Minh Đường bị chính ốc khắc, sẽ phát tài. Nếu trong Minh Đường có tiểu ốc, gọi là Mai nhi sát, thì con thơ trong nhà khó nuôi.

Nhà một gian thì đơn độc, hài gian bình thường, ba gian cát lợi, bốn gian hung hiểm, ba gian Đông chủ tuyệt con cháu sau này, năm gian cát tường, sáu gian bần khốn phá bại, bảy gian tốt hơn cả. Phàm khởi tạo nhà năm gian mà không có các nhà khác, người trong nhà có kẻ bị hình thương. Phàm xây nhà năm gian có ba gian trệt mà không có phòng nào khác, gọi là Tam Âm, gia đạo chủ nhà bại tuyệt. Nếu kiến tạo sảnh đường, cửa nhà mà không xây tạo phòng khác lại tiến thẳng vào làm nội thất, nhất định sẽ có người trong nhà bị chết. Nếu kiến tạo ba gian trệt mà không có sảnh đường cư ngụ, gọi là tầng Tam Tuyệt, nếu có hai họ cùng ở, trước bình thường, sau tất có họa hung đến.

Phía Đông nhà có Thủy lưu, cát lợi. Phía Đông nhà có đường lớn, hung hiểm; mặt Bắc có đường lớn, hung hiểm; phía Nam nhà có đường lớn, cát lợi. Phía Đông nhà có cây dừa, phía Tây có cây táo, thì lợi cho gia súc. Trước cửa có cây hòe, phú quý cát lợi. Sau nhà có cây du, ma quỷ không dám lai vãng. Phía Tây có cây liễu, nhà có người bị hình ngục. Quanh nhà có cây đào, cây mận, nhà ắt có kẻ dâm loạn phóng túng. Trước nhà không nên trồng bụi chuối tây, vì loại cây này dẫn dụ ma quái vào nhà, phụ nữ bị bệnh huyết.

KHAI MÔN PHÓNG THỦY
KỴ PHẠM TIÊN, HẬU THIÊN

Tiên Thiên là Kiền, Hậu Thiên là Ly. Kiền Giáp Nhâm sơn xuất Dần Ngọ Tuất vị, xung phạm Hậu Thiên; Dần Ngọ Tuất sơn xuất Kiền Giáp Nhâm vị, xung phạm Tiên Thiên. Cả hai loại đó đều hung hiểm.

Tiên Thiên là Khôn, Hậu Thiên là Khảm. Khôn Ất Quý sơn xuất Thân Thìn Tý vị, xung phạm Hậu Thiên; Thân Tý Thìn sơn xuất Khôn Ất Quý vị, xung phạm Tiên Thiên.

Tiên Thiên là Ly, Hậu Thiên là Chấn. Ly Dần Tuất sơn xuất Chấn Canh Hợi Mùi vị, xung phạm Hậu Thiên; Chấn Canh Hợi Mùi sơn xuất Lý Dần Tuất vị, xung phạm Tiên Thiên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tiên Thiên là Khảm, Hậu Thiên là Đoài. Thân Tý Thìn sơn xuất Đoài Đinh Tỵ Sửu vị, xung phạm Hậu Thiên; Đoài Đinh Tỵ Sửu sơn xuất Thân Tý Thìn vị, xung phạm Tiên Thiên.

Tiên Thiên là Cấn, Hậu Thiên là Kiền. Cấn Bính sơn xuất Giáp Nhâm vị, xung phạm Hậu Thiên; Giáp Nhâm sơn xuất Cấn Bính vị, xung phạm Tiên Thiên.

Tiên Thiên là Tốn, Hậu Thiên là Khôn. Tốn Tân sơn xuất Khôn Ất Quý vị, xung phạm Hậu Thiên; Khôn Ất Quý sơn xuất Tốn tân vị, xung phạm Tiên Thiên.

Tiên Thiên là Đoài, Hậu Thiên là Tốn. Đoài Đinh Tỵ Sửu sơn xuất Tốn Tân vị, xung phạm Hậu Thiên; Tốn Tân sơn xuất Đoài Đinh Tỵ Sửu vị, xung phạm Tiên Thiên.

Tiên Thiên là Chấn, Hậu Thiên là Cấn. Chấn Canh Hợi Mùi sơn xuất cấn Bính vị, xung phạm Hậu Thiên; Cấn Bính sơn xuất Chấn Canh Hợi Mùi vị, xung phạm Tiên Thiên.

THIÊN TỈNH PHÓNG THỦY

Dương trạch phóng Thủy thích hợp với 8 Thiên Can Giáp, Canh, Ất, Tân, Bính, Nhâm, Đinh, Quý. Phóng Thủy với các Thiên Can này, người và của sẽ hưng vượng. Kỵ phóng Thủy tại 12 Địa Chi. Dần, Thân, Tỵ, Hợi gọi là Tứ Vấn, tối kỵ phóng Thủy; còn gọi là Tứ Duy, nếu xung phạm, sẽ rất hung hiểm.

Bí quyết nói :

"Dương sơn Dương hướng, Thủy lưu Dương vị, chủ nhà giàu có trăm năm, nhân đinh hưng vượng. Dương sơn Âm hướng, Thủy lưu Âm vị, chủ phú quý, đại phát tài".

Bí quyết còn nói :

"Lai Long thuộc Âm, hoặc hai tiết Âm sau, ba tiết Dương nhập trước, thì phóng Dương Can, sau đó phóng Âm Can, lại phóng tiếp Âm Can mà ra thì vô cùng cát lợi. Hoặc một, hai tiết đầu đều thuộc Dương, chỉ nên phóng Thủy Dương Can, đừng phóng Thủy Âm Can".

Từ đó suy ra các cái khác.

Âm Can Dương hướng nên phóng Thủy sáu hướng Giáp Nhâm Ất Quý Kiền Khôn.

Âm Can Âm hướng nên phóng Thủy sáu hướng Bính Đinh Canh Tân Tốn Cấn.

Dương trạch phóng Thủy Dương cát.

Âm trạch[1] phóng Thủy Âm cũng là cát.

Bí quyết còn nói :

"Nếu trong Âm trạch Dương trạch có Long mạch thoát lạc, thì lấy triều cục phía trước, phóng 8 Thiên Can cát Thủy, chứ không luận Âm Dương nữa".

Nếu luận về hướng Âm Dương của Long mạch, thì khi phóng Thủy phải quan sát kỹ, rất kỵ Bát sát, Hoàng Tuyền. Nếu để mất Long Thủy, tai họa sẽ đến tức thời.

Hoàng Tuyền ở mé tả, nên phóng Thủy sang mé hữu. Hoàng Tuyền ở bên hữu, nên phóng Thủy sang mé tả.

BÁT PHƯƠNG KHANH KHẢM CA

Ở tám phương vị có hầm hố (khanh khảm) thì họa phúc sẽ như sau, phải nhớ kỹ

(1) Âm trạch ở đây không phải ngụ ý phần mộ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sửu vị thấp, phải sung quân ra trận. Cấn vị thấp, bị thầy mo tàn hại. Dần vị thấp, sẽ bị thú dữ cắn, bỏ xác quê người. Ở Giáp vị có hầm, Mão vị có nước chảy vòng, có mục tật. Ất, Thìn vị thấp, bị tai nạn đường thủy. Ở Tốn vị có hố, ao, bị kiện tụng, nam bại, nữ tử. Ở Ngọ, Bính vị có hầm hố, hỏa hoạn. Ở Mùi, Đinh vị, bị bệnh lao. Ở Dậu vị, nghèo khổ. Ở Tuất, Hợi vị, bị trộm cướp, tà ma xâm nhập. Ở Nhâm, Tý vị có nước chảy vòng, gia tộc bị tuyệt tự.

BÁT SƠN TÁC TÁO[1] PHƯƠNG VỊ

☐ *Tý Ngọ Mão Dậu Giáp Canh Bính Nhâm*

Nhâm Tý nhất Long	cát
Quý Sửu nhị Vũ	hung
Cấn Dần tam Âm	hung
Giáp Mão tứ Hổ	cát
Ất Thìn ngũ Xà	hung
Tốn Tỵ lục trận	hung
Bính Ngọ nhất Long	cát
Đinh Mùi nhị Vũ	hung
Khôn Thân tam Âm	hung
Canh Dậu tứ Hổ	cát
Tân Tuất ngũ Xà	hung
Kiền Hợi lục trận	hung

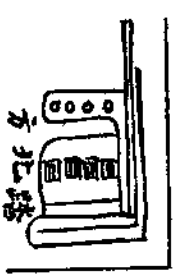
☐ *Dần Thân Tỵ Hợi Kiền Khôn Cấn Tốn*

Quý Sửu nhất Long	cát
Cấn Dần nhị Vũ	hung
Giáp Mão tam Âm	hung
Ất Thìn tứ Hổ	cát
Tốn Tỵ ngũ Xà	hung
Bính Ngọ lục trận	hung
Đinh Mùi nhất Long	cát
Khôn Thân nhị Vũ	hung
Canh Dậu tam Âm	hung
Tân Tuất tứ Hổ	cát
Kiền Hợi ngũ Xà	hung
Nhâm Tý lục trận	hung

☐ *Thìn Tuất Sửu Mùi Ất Canh Đinh Quý*

Kiền Hợi nhất Long	cát
Nhâm Tý nhị Vũ	hung
Quý Sửu tam Âm	hung
Cấn Dần tứ Hổ	cát
Giáp Mão ngũ Xà	hung
Ất Thìn lục trận	hung
Tốn Tỵ nhất Long	cát
Bính Ngọ nhị Vũ	hung
Đinh Mùi tam Âm	hung
Khôn Thân tứ Hổ	cát
Canh Dậu ngũ Xà	hung
Tân Tuất lục trận	hung

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hình 4-13 : Táo đồ

Cách đặt bếp, nếu tọa Đông triều Tây (ngồi phía Đông, cửa bếp hướng sang phía Tây) hoặc tọa Tây triều Đông, cũng là cát lợi. Tọa lạc phía Nam là hung hiểm

Nồi 3, 5, 7 cái là tốt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Bếp dài 7 thước[1] 9 tấc hoặc như 9 thước, 7 tượng Bắc Đẩu, 9 tượng cửu châu, rộng 4 thước, tượng 4 mùa, 3 thước, 3 tấc tượng cao 1 trượng, 2, 3 thước tam tài, thì gia nghiệp giàu có.

BÁT TRẠCH XUYÊN TỈNH[2] PHƯƠNG VỊ

LÝ THUẦN PHONG
("Phong Tỉnh Kinh")

☐ *Kiền Giáp Nhâm sơn, Kim*

Tỵ vị là Sinh, Dậu vị là Vượng. Lai Long phương Đông, giếng đào ở vị trí Tỵ, Dậu thì nước giếng sẽ trong sạch. Lai Long phương Tây, giếng đào tại vị trí Thân, Tý thì rất cát lợi, ở Tỵ cũng rất tốt, nếu tại Dậu sẽ bất lợi, bất lợi cho thiếu niên trong nhà. Lai Long phương Bắc, giếng đào tại Ất là cát, tại Dậu là hung.

☐ *Khôn Ất Quý sơn, Thổ*

Thân vị là Sinh, Tý vị là Vượng. Lai Long phương Đông, đào giếng tại Thân, Tý là cát lợi. Lai Long phương Tây, đào giếng tại Thân, Tý là tối cát lợi. Lai Long phương Nam, giếng nước tại Thân cát lợi, tại Tý thì hung. Lai Long phương Bắc, giếng tại Thân thì cát, tại Tý là hung.

☐ *Cấn Bính sơn, Thổ*

Thân vị là Sinh, Tý vị là Vượng. Lai Long phương Đông, đào giếng tại Thân, Tý nhà sẽ phát tài. Lai Long phương Tây, giếng tại Thân là cát, tại Tý là hung. Lai Long phương Nam, giếng tại Tý là cát, tại Thân là hung. Lai Long phương Bắc, giếng tại Tý là cát, tại Thân là hung.

☐ *Tốn Tân sơn, Mộc*

Hợi vị là Sinh, Mão vị là Vượng. Lai Long phương Đông, giếng ở Mão là cát, ở Hợi bất lợi. Lai Long phương Tây, giếng ở Hợi, Mão đều lợi. Lai Long phương Nam, giếng tại Hợi là tốt nhất, tại Mão thì hung (hao tài, con nhỏ tử vong). Lai Long phương Bắc, giếng tại Mão cát lợi, tại Hợi thì hung (con cái bất hiếu).

☐ *Chấn Canh Hợi Mùi sơn, Mộc*

Hợi vị là Sinh, Mão vị là Vượng. Lai Long phương Đông, đào giếng tại Mão là cát (đời con còn hưng vượng), tại Hợi bất lợi. Lai Long phương Tây, đào giếng tại Mão thì nước trong lành. Lai Long phương Nam, giếng tại Mão thì cát, tại Hợi bất lợi. Lai Long phương Bắc, giếng tại Hợi thì cát, tại Mão là hung.

☐ *Ly Dần Tuất sơn, Hỏa*

Dần vị là Sinh, Ngọ vị là Vượng. Lai Long phương Đông, giếng tại Dần là tốt nhất, tại Ngọ thì rất bình thường. Lai Long phương Tây, giếng tại Ngọ là tốt nhất, tại Dần bất lợi. Lai Long phương Nam, giếng tại Ngọ là cát, tại Dần là hung. Lai Long phương Bắc, đào giếng tại Dần thì cát.

☐ *Khảm Thân Thìn sơn, Thủy*

Thân vị là Sinh, Tý vị là Vượng. Lai Long phương Đông, đào giếng tại Thân, Tý tốt nhất, tại Thìn cũng cát lợi. Lai Long phương Tây, tại Thân tốt nhất, tại Tý thì hung. Lai Long phương Nam, giếng tại Tý là tốt nhất. Lai Long phương Bắc, giếng tại Thìn là tốt, nhà sẽ phát tài.

(1) Thước ta, bằng 1/3 mét, mười tấc bằng một thước.

(2) Xuyên tỉnh - đào giếng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

□ *Đoài Đinh Tỵ Sửu sơn, Kim*

Sinh ở Tỵ vị, Vượng ở Dậu vị. Lai Long phương Đông, nên đào giếng ở Tỵ. Lai Long phương Tây, giếng tại Dậu là tốt nhất, còn giếng tại Tỵ thì rất bình thường. Lai Long phương Nam, giếng tại Tỵ, Dậu đều không cát lợi. Lai Long phương Bắc, giếng tại Thìn sẽ phát tài.

Nếu đào giếng nông, 8 thước, 9 thước sẽ có nước mạch; nếu đào giếng sâu, 1 trượng 6 thước, 1 trượng 8 thước mới thấy nước mạch.

BÁT CUNG AN THẦN PHƯƠNG VỊ

Cung Kiền	an	Phục Vị Kiền
Cung Khảm	an	Phục Vị Khảm
Cung Cấn	an	Phục Vị Cấn
Cung Chấn	an	Diên Niên Tốn
Cung Tốn	an	Diên Niên Chấn
Cung Ly	an	Thiên Y Tốn
Cung Khôn	an	Diên Niên Kiền
Cung Đoài	an	Diên Niên Cấn

Làm gian kho phải hợp với phương Sinh Khí của tám cung.

Bố trí gian xay bột phải thích hợp với phương Ngũ Quỷ và phương Can Lộc của bản cung, ví dụ Giáp sơn thì đặt ở phương Dần, Nhâm sơn phương Hợi v.v...

Làm gian vệ sinh thì kỵ tại phương Tý, Ngọ, Mão, Dậu, Dần, Thân, Tỵ, Hợi, Kiền, Khôn, Cấn, Tốn, không được đối diện với cửa trước cửa sau, không được đối diện với đòn giông, không được nằm trên thân của Lai Long, phải tránh xa bếp và giếng nước. Ở phương Kiền chủ giảm thọ; ở phương Hợi chủ bệnh tật; ở phương Nhâm thì rất tốt; ở phương Tý chủ tổn hại nhân khẩu; ở phương Sửu, Cấn thì cát lợi; ở phương Dần, Thân chủ tăng nhân khẩu, đại cát lợi; ở phương Mão chủ tổn hại nhân khẩu; ở phương Thìn con cháu không hiếu thuận; ở phương Tốn trong nhà có người ngỗ ngược, tranh giành lẫn nhau; ở phương Đinh, Mùi chủ tổn thất nhân khẩu, tiền tài; ở phương Khôn chủ tổn thất điền sản, hại cho con gái; ở phương Thân, Canh thì cát khánh; ở phương Dậu trong nhà có người bị hại; ở phương Tân gia nghiệp hư hao; ở phương Tuất chủ tăng nhân khẩu.

LỤC SÚC PHƯƠNG VỊ

QUÁCH CẢNH THUẦN

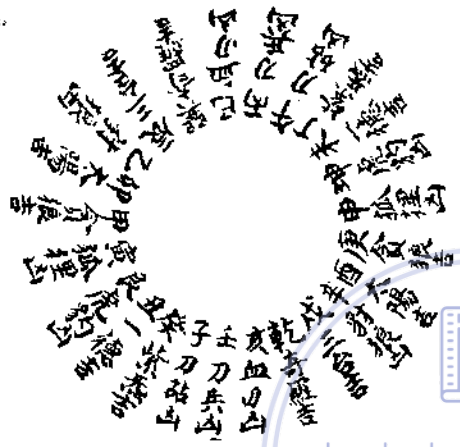
Ở cung Nhất Đức, thích hợp cho việc nuôi ngựa; cung Tam Thai - nuôi heo; cung Kỳ La - nuôi trâu bò; cung Tử Khí - nuôi dê béo khỏe; cung Tham Lang - nuôi gà vịt; cung Thái Dương - rất tốt cho gia súc. Cung Hổ Báo, Hồ Ly rất xấu, cả cung Huyết Nhẫn, Đao Binh và Đao Châm sát khí cũng xấu, lục súc dần dần suy vong.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

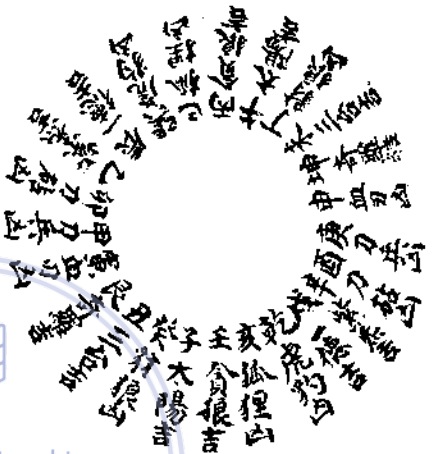
MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thập nhị Sơn cục

Tý Ngọ Thái Dương thích hợp cho việc sinh trưởng của lục súc. Sửu, Mùi là vị trí Tam Thai nên nuôi heo. Khôn, Cấn là vị trí Kỳ La tốt nhất để nuôi trâu bò. Nhâm, Bính là vị trí Tham Lang, nuôi gà vịt. Ất, Tân là vị trí Tử Khí, nuôi dê.



Hình 4-14 :
Kiển Giáp Quý Thân Tý Thìn Tốn Tân Nhâm Dần Ngọ Tuất, 12 sơn cục



Hình 4-15 :
Khôn Ất Đoài Đinh Tỵ Sửu Cấn Bính Chấn Canh Hợi Mùi, 12 sơn cục

downloadsachmienphi.com

Kiển Giáp Quý Thân Tý Thìn Tốn Tân Nhâm Dần Ngọ Tuất, 12 sơn cục : Nhất Đức ở Thìn, Tuất; Tam Thai ở Sửu, Mùi; Kỳ La ở Khôn, Cấn; Tử Khí ở Tân, Ất; Tham Lang ở Nhâm, Bính; Thái Dương ở Tý, Ngọ; Hổ Báo ở Càn, Tốn; Hồ Ly ở Tỵ, Hợi; Sài Lang ở Đinh, Quý; Đao Binh ở Canh, Thân; Đao Châm ở Mão, Dậu; Huyết Nhẫn ở Dần, Thân.

Khôn Ất Đoài Đinh Tỵ Sửu Cấn Bính Chấn Canh Hợi Mùi, 12 sơn cục : Nhất Đức ở Sửu, Mùi; Tam Thai ở Thìn, Tuất; Kỳ La ở Càn, Tốn; Tử Khí ở Quý, Đinh; Tham Lang ở Canh, Giáp; Thái Dương ở Mão, Dậu; Hổ Báo ở Khôn, Cấn; Hồ Ly ở Dần, Thân; Sài Lang ở Tân, Ất; Đao Binh ở Bính, Nhâm; Đao Châm ở Tý, Ngọ; Huyết Nhẫn ở Tỵ, Hợi.

Hai đồ hình trên đều lấy từ tọa sơn mà luận. Phàm người ta đều lấy phòng trà là Trung cung, từ Trung cung mà xác định phương đạo, tìm vị trí cát tường để chăn nuôi lục súc sao cho cát lợi. Nếu không có phòng trà, thì nhà một dãy lấy đòn giông làm Trung cung, nhà hai dãy lấy Thiên tỉnh làm Trung cung, nhà ba dãy lấy cột giữa làm Trung cung.

TRÙNG GIA THÁI TUẾ LỢI HẠI

Năm Giáp Tuất	Tuất	Năm Nhâm Tý	Tý
Năm Mậu Ngọ	Ngọ	Năm Quý Hợi	Hợi
Năm Tân Mão	Mão	Năm Ất Dậu	Dậu
Năm Bính Thân	Thân	Năm Nhâm Dần	Dần
Năm Đinh Mùi	Mùi		

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TÁC VIỆN, TY, PHỦ, CHÂU, HUYỆN NHA NGHI MÔN PHÁP CHẾ

Từ mái hiên (chỗ giọt ranh) của tiền thất chính sảnh bắt đầu đo cho đến Nghi môn (cửa chính lần thứ hai trong dinh thự). Lấy 4 thước 5 tấc làm một bộ, lấy số bộ lẻ. Số đơn (lẻ) thuộc Dương, tức là lấy nghĩa dương đức quang hanh sinh hóa vạn vật. Số chẵn thuộc Âm, là u ám, vận nguy, cho nên không lấy. Đường thông từ Nghi môn đến chính sảnh gọi là "Hung Độ", bộ (ngực) nên làm rộng lớn; chớ nên nhỏ hẹp và dài, sẽ thành hình cổ hạc thân rắn (hạc cảnh xà thân) là hung.

Trường hiệp hung cục ca

Nếu cục diện như cổ hạc thân rắn (hạc cảnh xà thân), thì nha môn công đường sẽ bị mọi người oán giận : quan lại hủ bại, kho lẫm rỗng không, dân khốn khổ.

Phương khoát cát cục ca

Nếu nha môn công đường rộng rãi, vuông vức, trước mặt bao la, thì việc quan thông đạt, dân chúng cũng được sung sướng.

Phép làm nha môn là lấy cửa (hoặc cổng) Trực Mộc tinh làm đệ nhất. Hoặc giả tùy địa thế; nếu phía trước có dĩnh núi bức bách, hoặc có dòng sông, hoặc các nha môn khác hạn chế, không tiện làm kiểu Trực Mộc tinh, thì nên chọn phương vị hai bên tả hữu mở cửa Hoành Mộc tinh. Hà Thủy từ mé hữu phía trước chảy tới, thì mở cửa Hoành Mộc tinh mé bên hữu; Hà Thủy từ mé tả phía trước tới, thì mở cửa Hoành Mộc tinh ở mé tả.

Nếu ở giữa đô thị, hai bên tả hữu không có Hà Thủy đến triều bái, thì nên mở cửa Hoành Mộc tinh tại phương vị Thanh Long bên tả. Nếu địa thế có chướng ngại vật, thì cả hai loại cửa Trực Mộc tinh và Hoành Mộc tinh đều không tiện làm, thì nên khai môn tại khoảng trung gian giữa Thiên Tài và Thái Âm. Ngày mở cửa cũng chọn thời gian mà phương vị có Thiên Đạo, Thiên Nguyệt Ân, Thiên Nguyệt Đức.

Thư viện Nho học cũng lấy Trực Mộc tinh làm dạng cửa thích hợp nhất. Dạng cửa Hoành Mộc tinh thì kém hơn một chút. Nên chọn thời gian mà phương vị có Khoa Giáp, Văn Khôi, Ngọc Đường, Tướng Lộc đều đóng cho cát lợi.

Cửa tướng phủ lấy Trực Mộc tinh là thích hợp nhất, Hoành Mộc tinh kém hơn một chút. Thời gian thì nên chọn khi phương vị có Tướng tinh, Uy Đảm, Thiên Mã, Tướng Quân, Thắng Quang, Binh Phúc, Vũ Khúc, Tấu Khúc đều đóng cho cát lợi.

Độ dài của cửa (cổng) phải theo Ngọc Xích. Ngọc Xích phân ra tám đoạn là Tài, Bệnh, Ly, Nghĩa, Quan, Kiếp, Hại, Bổn. Tài và Bổn là cát lợi nhất, công tư, nội ngoại đều thông dụng, cổng cửa quan nha cũng có thể dùng. Người nhà quan, người nhà đọc sách, người nhà trung lưu có thể sản sinh quý nhân; thứ dân dùng Tài, Bổn có thể sản sinh quan nhân, nghĩa sĩ, sinh người hiếu thuận. Nếu dùng cho cổng ngoài thì chủ về việc có hai họ đồng cư hoặc không tụ tài. Nhà to nhà nhỏ, cửa trong cửa ngoài đều dùng được ba chữ Tài, Bổn, Nghĩa, chủ con cháu đời đời thịnh vượng, phát đạt. Chỉ có điều là cửa ngoài (cổng) không nên dùng chữ "Nghĩa".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mọi nhà thường dùng thước Lỗ Ban, lấy Quan xích 1 thước 2 tấc làm chuẩn, phân đều tám đoạn (tấc), chữ gọi là Tài, Bệnh, Ly, Nghĩa, Quan, Kiếp, Hại, Bổn là bảy sao trong chòm Bắc Đẩu và sao Tả Phụ, phân làm các sao Tham Lang, Phá Quân, Vũ Khúc, Cự Môn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Lộc Tồn và Tả Phụ. Cách dùng thước này là bắt đầu tính từ đoạn có chữ Tài, bất kể là 1, 2 trượng, chỉ tính tấc, hễ đến cát tinh là tốt nhất. Cửa, cổng nha môn công đường nên lấy chiều rộng 1 trượng 1 thước 5 tấc hợp với chữ Quan là tốt.

CỬU TINH THỦY PHÁP CÁT HUNG ĐOÁN LỆ

☐ *Sao Tham Lang*

Trực Ngũ Hành là sao Tràng Sinh, vô cùng cát lợi. Thủy chảy đến trước cửa, chủ phú quý hưng vượng. Thủy chảy đi, chủ vạn sự suy bại. Đại thể cách luận như sau : Người có miệng, thức ăn qua miệng đi vào, chứ không thể từ miệng nhả ra. Thức ăn vào trong bụng thì lục phủ ngũ tạng mới sung sức, dồi dào. Thức ăn ra khỏi miệng, thì cơ thể ốm yếu bất lực.

☐ *Sao Cự Môn (thêm Phụ Bật)*

Hà Thủy bất kể chảy đến chảy đi đều cát lợi. Như người có hai lỗ mũi để thở ra hít vào. Tả Phụ, Hữu Bật phò trợ lẫn nhau như hai lỗ mũi. Thở ra hít vào là thông đạt, thì cơ thể được điều hòa khí. Mũi bị tắc, ắt người sinh bệnh. Nên Thủy đến hay đi đều hợp là vì thế.

☐ *Sao Lộc Tồn*

Trực Ngũ Hành là sao Tuyệt, Thai. Thủy nên chảy đi, mới cát lợi. Thủy chảy đến triều bái thì hung.

☐ *Sao Văn Khúc*

Trực Ngũ Hành là sao Mộc Dục, Quan Đới. Thủy chảy đi là cát lợi. Thủy chảy đến, thì bất lợi (chủ sự dâm đãng). Ví như tai bên trái của người.

☐ *Sao Liêm Trinh*

Trực Ngũ Hành là sao Bệnh, Tử. Thủy phải chảy đi. Nếu Thủy chảy qua Minh Đường thì có hỏa tai, kiện tụng, bệnh tật, hao tài. Ví như tai bên phải của người.

☐ *Sao Vũ Khúc*

Trực Ngũ Hành là sao Lâm Quan, Đế Vượng. Thủy chảy đến, tên gọi là Học Đường Thủy, chủ sinh ra người thông minh anh tuấn. Hoặc còn gọi là Hoa Cái Thủy, chủ đại phú đại quý. Không nên chảy đi. Ví như con mắt của người, là thần của toàn thân. nếu Thủy chảy đến, thì thị lực càng sáng rõ.

☐ *Sao Phá Quân*

Trực Ngũ Hành là sao Mộ. Thủy chảy đến, không cát lợi, chủ sinh con bất hiếu, phạm tội, bệnh tật. Ví như sống lưng của người. Thủy chảy đến, thì như khí huyết ngưng tụ, bế tắc. Thủy chảy đi mới cát lợi.

TRẠCH ĐỆ PHONG THỦY

Phàm nhà ở của người ta, bên trái có lưu Thủy gọi là Thanh Long, bên phải có đường lớn gọi là Bạch Hổ, đằng trước có ao hồ gọi là Chu Tước, đằng sau có gò đống gọi là Huyền Vũ. Đó là địa thế tôn quý nhất.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Địa thế mé Đông cao, mé Tây thấp thì Sinh khí sẽ giáng lạc tại nền nhà. Mé Tây cao, mé Đông thấp, thì không giàu không quý. Mé trước cao, mé sau thấp, chủ có cô nhi, quả phụ, lụn bại. Mé trước thấp, mé sau cao, chủ có nhiều bò ngựa.

Địa thế nhà ở bằng phẳng, gọi là Lương thổ (đất nước Lương); trước thấp, sau cao, gọi là Tấn thổ (đất Tấn), hai địa thế này đều cát lợi. Mé Đông cao, mé Tây thấp, gọi là Lỗ thổ (đất Lỗ), cư trú tại đây đại phú đại quý, thường sinh người hiền. Trước cao, sau thấp, là Sở thổ (đất Sở), ở đây hung hiểm. Bốn phía cao, ở giữa thấp, gọi là Vệ thổ (đất Vệ), ở đây trước giàu, sau nghèo.

Phía Đông nhà có Thủy chảy ra sông biển là cát lợi, có đường lớn thì bần cùng, phía Bắc có đường lớn là hung hiểm, phía nam có đường lớn thì đại phú đại quý.

Nhà ở gần cung điện, thì tăng tuổi thọ, bình an, sung túc. Không nên ở gần nơi thờ cúng (nhà thờ, chùa chiền, đền miếu), phần mộ, quân doanh, bãi chiến trường xưa. Không ở nơi cây cỏ khô cằn. Không ở cửa thành, không ở nơi đối diện với nhà lao...

Về địa thế xung quanh nhà, nếu Mão Dậu khuyết hãm thì khỏi lo, nếu Tý Ngọ khuyết hãm thì hung hiểm; Nam Bắc dài, Đông Tây hẹp thì cát lợi; Đông Tây rộng, Nam Bắc dài thì tiền hung hậu cát.

Nhà ở địa thế hồng nhuận quang đãng thì tốt, ở nơi khô cạn, không màu mỡ thì xấu.

Làm nhà, kỵ làm cổng và xây tường vây trước, sợ khó hoàn tất. Phàm cánh cổng và tường vây nên lớn nhỏ như nhau, nếu cánh trái lớn chủ nhà thay đổi vợ, cánh phải lớn chủ nhà có cô nhi quả phụ.

Cửa lớn có mười trụ, cửa nhỏ có sáu trụ, đều phải chắc chắn thì cát lợi. Cánh cổng cao hơn tường vây thì trong nhà có nhiều chuyện buồn.

Đường lớn đâm thẳng vào cổng nhà, sẽ rất tổn thọ. Giao lộ kẹp cổng lớn, nhà có nhiều người tử vong. Gần cổng có giếng nước, hung hiểm. Cửa kho đối diện với cổng, gia nghiệp lụn bại. Trước cổng có liễu rũ, bất lợi. Trước cổng kỵ có hai cái ao, là chữ khốc (khóc). Mé Tây có ao gọi là Bạch Hổ, cửa cổng không nên có.

PHỤ THẤU ĐỊA LONG QUYẾT

Hành Long ngàn chi vạn mạch là do Càn Khôn tạo hóa mà thành, có cát hung khác biệt. Phàm Thủy xối thẳng từ phương Chính Nam, chủ gia đình gặp tai họa. Thủy xối thẳng vào phía sau gian nhà, sẽ có ôn dịch, người cũng dâm đãng thông gian, nam cô độc, nữ quả phụ, người phạm hình sự, gia tài suy thoái. Phía Tây có Thủy xối thẳng vào hông nhà, gia nghiệp lụn bại. Phía Đông có Thủy xối thẳng vào sườn nhà, cũng chủ về tai họa (hình ngục, thụ thương, nghèo khổ). Thủy chảy thẳng vào Quỷ môn, mang theo nhiều tật bệnh.

Một thôn làng, hai phía Đông Tây có dòng sông, thì dân làng tứ tán. Chỉ tốt cho nhà thứ nhất và thứ năm. Nếu hai phía Nam Bắc có dòng sông, thì dân làng nghèo khổ, phải đi làm thợ quê người, chỉ có nhà thứ hai, thứ chín, thứ mười ba khá giả. Làng ở giữa thành vòng tròn trịch, xung quanh có Thủy bao bọc quanh co mà không xung xạ, Tham Lang, Vũ Khúc Thủy lại uốn khúc đến thì gia nghiệp sẽ phát đạt mau lẹ, vinh hoa phú quý, có người làm quan. Tham Lang Thủy uốn khúc như lưỡi câu, thì phú quý vinh hoa lâu dài hàng trăm năm.

Một ngôi mộ chĩa thẳng vào cổng, trong nhà sinh bệnh tật, lo buồn triền miên. Hai bên nhà có mộ phần, cũng hung hiểm, nhưng nếu có Thủy phân cách thì không đáng ngại. Thiên môn có mộ cũng không cát lợi, Quỷ môn có mộ phụ nữ trong nhà độc thủ phòng không. Nói chung khi ở phụ cận có mộ thì không nên gần sát nhà, nếu gần sát nhà sẽ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

bị bệnh tật. Bạch Hổ có Thủy lưu vòng qua Tây thất, con cháu sinh bệnh rụng tóc, què chân. Phương Khôn có hà lưu chảy thẳng sang phương Tốn, người ở nơi này thuộc loại bất lương, rắp tâm giết người, bị chết trong ngục, gia nghiệp lụn bại.

Quan sát một thôn làng, thấy cây cỏ khô héo là làng sắp mạt; cây cỏ tươi tốt là làng sắp phát.

Cửu tinh biến hóa huyền diệu vô cùng. Nếu có sao Tham Lang, thì vinh hoa quý hiển. Cát tinh thứ hai là sao Cự Môn, chủ thu hoạch mùa màng cao. Sao Lộc Tồn chủ tai họa (cô quả, kiện tụng, dâm loạn, cường tặc, bệnh tật). Sao Văn Khúc chủ về bại hoại gia phong, tai họa hình ngục. Sao Liêm Trinh hung hiểm, nhà có kẻ bất lương, phạm tội. Sao Vũ Khúc là Học Đường Thủy, chủ gia đình có người hiền đức, đỗ cao. Sao Phá Quân hung hiểm, gia sản lụn bại, ô danh. Tả Phụ, Hữu Bật là cát tinh, nhà sẽ đại phú quý.

Phá Quân, Cự Môn và Tả Phụ chủ về trưởng nam; Văn Khúc, Vũ Khúc chủ về trung nam; Lộc Tồn và Tham Lang, Hữu Bật chủ về thứ nam.

LUẬN AN TRẠCH SẢNH ĐƯỜNG

Dưới đây là một nội dung cơ bản của cuốn sách cổ có nhan đề "An Trạch Kinh" và "Lữ Tài Chân Kinh".

Thiên tỉnh (sân) trước sảnh phải sâu và ẩn, thì ruộng vườn và lục súc mỗi năm thêm tăng tiến. Hai thước bảy tấc chính hợp cho sự phát đạt của lương gia. Điền trang có 15 bậc thềm, thì tiền tài sẽ tích lũy ngày một nhiều. Không nên đem các loại hoa trồng trong đình viện (sân nhà), sợ rằng nuôi con gái bất lương, ngấm ngầm phá thai.

Buồng vệ sinh không được đối diện với sảnh đường, kẻo nữ nhân dâm loạn đa tình. Cửa đại sảnh đối diện với tiểu sảnh, cũng vậy. Hậu thất không đối diện với Quỷ sơn, kẻo phạm tội hình. Quỷ Thủy bỗng nhiên xối vào cổng chính, bệnh ôn dịch sẽ tới hằng năm.

Cửu tinh chiếu rọi họa phúc khác biệt. Sao Lộc Tồn chủ nhiều tai họa. Sao Liêm Trinh chủ lắm ưu phiền. Sao Phá Quân thì nhà bị trộm cướp. Sao Tả Phụ nửa cát nửa hung phần lớn chủ sự suy bại. Sao Tham Lang thì cát lợi...

Phóng Thủy (đặt nước) nếu chảy về hướng Huyền Vũ, thì gia sản tăng tiến. Làm nhà kho đúng hướng Bạch Hổ thì thu hoạch cao, hướng Thanh Long cũng vậy. Thái Âm Thủy chảy về hướng Huyền Vũ, thì quỷ thần hỗ trợ, khỏi cần lo lắng.

TỌA CUNG THÁI DƯƠNG LUẬN HƯỚNG

Luận Hướng chỉ dùng thập nhị Chi

☐ *Bảy hướng*

Dần Ngọ Tuất Thìn Cấn Thân Hợi

Thái Dương tại Hợi

Thái Âm tại Thìn

☐ *Sáu hướng*

Kiền Thân Ất Mùi Đinh Sửu

Thái Dương tại Dậu

Thái Âm tại Dần

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

☐ *Ba hướng*

Khôn Dậu Hợi

Thái Dương tại Tý

Thái Âm tại Tỵ

☐ *Ba hướng*

Quý Mão Tỵ

Thái Dương tại Ngọ

Thái Âm tại Hợi

Trên đây là tọa cung Tả Dương.

☐ *Bốn hướng*

Tấn Nhâm Tý Bính

Thái Dương tại Tỵ

Thái Âm tại Tuất

☐ *Một hướng*

Tốn

Thái Dương tại Thân

Thái Âm tại Thìn

LỤC GIÁP

☐ *Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần*

Phúc Đức :	Tý Tuất Thân Ngọ Thìn Dần
Hoạt Diệu :	Quý Kiền Canh Đinh Tốn Giáp
Tràng Sinh :	Sửu Hợi Dậu Mùi Tỵ Mão
Tử Thụ :	Cấn Nhâm Tân Khôn Bính Ất (chủ quý)
Khẩu Thiệt :	Dần Tý Tuất Thân Ngọ Thìn (thị phi)
Kiện Tụng :	Giáp Quý Kiền Canh Đinh Tốn (quan phủ)
Tại Trang :	Mão Sửu Hợi Dậu Mùi Tỵ (tiến điền)
Văn Xương :	Ất Cấn Nhâm Tân Khôn Bính (lợi khảo)
Kim Chương :	Thìn Dần Tý Tuất Thân Ngọ (chủ quý)
Thái Dương :	Tốn Giáp Quý Kiền Canh Đính (sinh con trai)
Huyết Khí :	Tỵ Mão Sửu Hợi Dậu Mùi (huyết tai)
Điếu Thương :	Bính Ất Cấn Nhâm Tân Khôn (tự ải)

☐ *Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần*

Thái Âm :	Ngọ Thìn Dần Tý Tuất Thân (sinh con gái)
Dâm Xương :	Đinh Tốn Giáp Quý Kiền Canh (chủ loạn)
Táo Hỏa :	Mùi Tỵ Mão Sửu Hợi Dậu (hỏa tai)
Trường Bệnh :	Khôn Bính Ất Cấn Nhâm Tân
Si Ưu :	Thân Ngọ Thìn Dần Tý Tuất (quỷ quái)
Điên Cuồng :	Canh Đinh Tốn Giáp Quý Kiền (bệnh cuồng)
Độc Hỏa :	Dậu Mùi Tỵ Mão Sửu Hợi (sinh hỏa)
Suy Bệnh :	Tân Khôn Bính Ất Cấn Nhâm

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Vinh Quý :	Tuất Thân Ngọ Thìn Dần Tý (cát)
Hoạn Lạc :	Kiền Canh Đinh Tốn Giáp Quý (cát)
Quan Phủ :	Hợi Dậu Mùi Tỵ Mão Sửu
Phá Bại :	Nhâm Tân Khôn Bính Ất Cấn

Đem Lục Giáp khởi vòng Phúc Đức, mỗi sao chủ quản mười năm, ví dụ năm Giáp Tý, khởi Phúc Đức ở Tý; năm Giáp Ngọ, khởi Phúc Đức tại Ngọ. Bốn Giáp còn lại cũng như vậy. Khi có cát tinh tại vị, dù có hung cũng sẽ không tạo nên tai họa, có thể chủ quản cát tường mười năm.

NGUYÊN TÁNG PHÁP CHI THỦY

"Kinh Dịch" có câu :

"Thời cổ đại mai táng người chết, thi thể được mặc quần áo dầy đủ, rồi người ta dùng cây cỏ phủ lên trên, mai táng giữa đồng ruộng, chứ không dùng quan tài. Thánh nhân hậu thế mới dùng quan tài để cải biến phong khí nói trên".



Hình 5-1 : Quẻ Đại Quá

Đấy là lấy từ ý tứ của quẻ Đại Quá.

Trương Cửu Nghi viết :

"Mai táng người chết là việc Âm. Cho nên Đoài và Tốn của quẻ Đại Quá đều là quẻ Âm, mà lại có nhị quái trùng. Bốn hào ở giữa đều thuộc Dương. Cho nên ở bên trên và bên dưới người được mai táng đều là đất, người được giấu trong bùn đất, ngụ ý Âm bao bọc Dương. Song mai táng còn phải đắc thủy mới tốt, nên cần có đầm nước (Đoài) trong quẻ Khảm hướng xuống dưới; hơn nữa, nếu có Gió, khí sẽ bị thổi tiêu tán, chỉ có Thủy (nước) mới khả dĩ cản gió. Cho nên Thủy trạch (Đoài) ở trên, gió (Tốn) ở dưới, điều đó là cách nói về Thủy lai Phong khứ. Người quân tử nhìn tượng quẻ Trạch Phong Đại Quá, coi đắc Thủy là hay nhất, tránh gió thì kém hơn đôi chút. Ý tứ của quẻ vô cùng thâm thúy mà lại hiển lộ".

Lại công bảo :

"Sa và Thủy phải cùng đến triều bái thì mới là cách tốt nhất của phong thủy".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGUYÊN NGHĨA HÀ ĐỒ

"Kinh Dịch" viết :

Hoàng Hà hiện đồ, sông Lạc Thủy hiện thư, thánh nhân dùng các thứ đó làm chuẩn mực".

Lại nói :

"Trời một đất hai, trời ba đất bốn, trời năm đất sáu, trời bảy đất tám, trời chín đất mười. Số của trời là năm, số của đất cũng là năm. Ngôi "năm" tương đắng với nhau, mà mỗi ngôi lại có sự tương hợp của số ấy, thì số của trời là hai mươi lăm, số của đất là ba mươi. Tổng cộng số của trời đất là năm mươi lăm. Như thế mới tạo thành sự biến hóa mà thông hành với quỷ thần".

Trương Cửu Nghi nói :

"Thiên Đạo hướng lên trên, cho nên nhất Dương sinh tại phương Bắc, cũng là Địa, Lôi, Phục. Địa Đạo đi xuống dưới, nên nhị Âm sinh tại phương Nam, cũng là Thiên, Phong, Cấu. Đây là Hà Đồ, cũng tức là Thái Cực. Nếu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phương Đông Bắc là Dương vị, thì Dương là chủ, Âm là khách, nên một, ba ở bên trong, sáu, tám ở bên ngoài, mà biết Càn thống lĩnh Tam Nam trú tại Đông Bắc. Nếu phương Tây Nam là Âm vị, thì Âm là chủ, Dương là khách, nên hai, bốn ở bên trong, bảy, chín ở bên ngoài, mà biết Khôn thống lĩnh Tam Nữ trú tại Tây Nam. Dương đã sinh thành, thì Âm cũng sẽ sinh thành; mà Âm đã sinh thành, thì Dương cũng sinh thành. Số năm sinh ở bên trong, số năm thành ở bên ngoài. Chiếu theo số mà sắp đặt, sẽ thành cục thế. Một có được năm thành sáu, hai đi với năm thành bảy, ba có năm thành tám, bốn được năm thành chín, là Thổ đóng tại Trung ương, thành các thể mẹ (mẫu thể) của Thủy, Hỏa, Mộc, Kim. Năm được năm thành mười, Mậu Thổ và là mẹ của Kỷ Thổ. Những điều nói trên là cần thiết cho Ngũ Hành, cho nên 24 Long mà các nhà phong thủy nói tới đều có thể là Thổ. Nhưng người đời chỉ biết giải thuyết Hà Lạc Đồ, mà khi dùng lại không biết vận dụng Hà Lạc Đồ như thế nào, nên không biết "10 Thiên Can" là do Hà Đồ biến hóa ra. Ta từng nghe thầy ta nói : "Nhà phong thủy địa lý có được số sinh của Hà Đồ, con cháu đời sau sẽ con đàn cháu đống. Nếu có được số thành, thì sẽ đại phú đại quý. Nếu tọa tại Quý, quay về hướng Đinh, Đinh là đất hai, thì đó là số sinh. Nếu sơn phong nhô cao ở Bính, thì đó là số thành. Đại thể, nếu Bính là số thành, thì người sẽ đại phú quý. Nếu Sa thấp bé mà có Thủy đến nghênh đón, thì sẽ phát tài nhanh chóng, đó là dùng số thành của Hà Đồ. Số sinh thì tọa tại Nhâm mà hướng về Bính, sơn phong ở Dinh nhô cao, có Thủy lưu đến nghênh đón, nhân khẩu sẽ đông đúc và trường thọ". Khảo sát đạo lý trong đó, thấy đều căn cứ vào sự tiêu trưởng của việc lập hướng. Ví dụ đề ra một Hỏa cục Bính Đinh, thì sẽ đoán ra được Mộc cục Giáp Ất, Thủy cục Nhâm Quý, Kim cục Canh Tân. Tựa hồ như có thần minh ở trong đó".

Lại công nói :

"Cung Kim vốn là con trai của người ở mé Đông, đem gửi người nuôi ở mé Tây, từ đây có thể đoán ra Quý là Thủy, Nhâm là Hỏa, Giáp Đinh là Kim, Ất Bính là Thổ, Canh Tân là Mộc. Cho nên Kiền Đoài quy nguyên tại Giáp Đinh, Khôn Cấn quy nguyên tại Ất Bính, Chấn Tốn quy nguyên tại Canh Tân, Khảm quy nguyên tại Quý, Ly quy nguyên tại Nhâm".

"Ngọc Xích Kinh" nói :

"Quý tiếp nhận khí Khảm mới thành diệu dụng".

Lại nói :

"Tốn kiến Tân, Tân kiến Tốn, đó là hỗ tương tiếp thu nhau mà có diệu dụng".

Nhưng đây là "đơn kiến", chúng đều thuộc nạp giáp (đại loại như gặp Giáp không gặp Ất, gặp Ất không gặp Giáp vậy). Nếu là "song kiến", thì sẽ hợp với số sinh thành trong Hà Đồ mà thành cục (như hai Thủy Giáp Ất cùng đến phía trước, hoặc Thủy Ất chảy đến hướng Giáp, Thủy Giáp chảy đến hướng Ất...). Khi ấy, nếu biết lợi dụng nó, sẽ có thể quy hóa, xuất hiện người làm quan, nhưng nếu không biết lợi dụng nó thì không biến thành quan mà biến quan thành quỷ, đó là Canh Tân cục. (Ca quyết của nó là : Canh Thủy triều hướng Canh, sơn phong nhô cao là huyệt, Canh hướng ở tại Chấn, thì chính là quy nguyên; Canh hướng tại Tốn, thì là tương bạc; Canh hướng tại Đoài, cũng là hợp mười. Canh hướng tại mười và tại Ly thì sẽ thành đất. Bốn loại này không làm Kim cục. Nếu như hai dòng nước Canh, Tân cùng nhau chảy từ trước lại, hoặc giả Canh vị sơn phong tại Canh hướng, Tân Thủy triều đối, hoặc Tân vị sơn phong tại Tân hướng, Canh Thủy triều đối, như vậy, sẽ tạo thành hội cục).

Nếu Long từ cung Khảm tới, là cách Tử Tôn hội Long đới Phụ Mẫu; từ cung Ly tới, là cách Phụ Mẫu đới tài phát tài; Long từ phương Kiền Đoài tới, là cách Huynh Đệ đới tài phát tài, thì rất cát lợi. Nếu Long từ Khảm Cấn tới, là cách Quan Quỷ đới Tử Tôn, kém đôi chút. Long từ Chấn Tốn tới, là cách Huynh Đệ đới Thất Sát. Người thông minh đến chỗ này, thấy bốn chủ sơn nhô cao, Sa cùng chầu, Thủy triều bái, thì biết rằng sẽ xuất hiện nhân tài văn võ song toàn gọi là cách "Hóa nhiên sinh quyền" (nơi này vô cùng tôn quý). Còn nếu chủ sơn nhô cao, nhưng Sa quay mình đi, thì sẽ không thành hội cục, võ tướng sẽ bị họa sát thân. Nếu

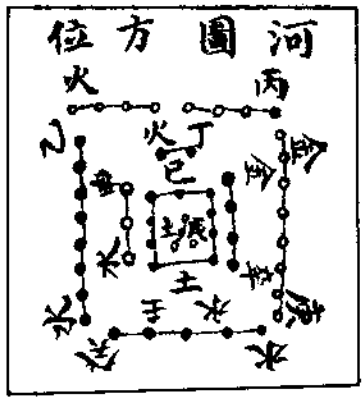
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

chủ sơn thấp bằng, có bình Sa và mỹ Thủy đến triều đối, thì trước phát phú, rồi phát quý nhưng cuối cùng bị tuyệt diệt, gọi là cách "Biến quan thành quỷ".

Lại như Bính Đinh cục, Long từ Kiền Đoài (kiến Đinh là quy nguyên, gặp Bính là thông khí) đến, thì Phụ Mẫu (tức Bính Thổ), Huynh Đệ (tức Đinh Kim) sẽ đới Quan Quỷ; Long từ cung Khảm tới thì Phụ Mẫu (tức Đinh Kim), Quan Quỷ (tức Bính Thổ) sẽ đới tài; Long từ Cấn (gặp Bính là quy nguyên, gặp Đinh là thông khí); từ Khôn (gặp Bính là Hợp Thập) đến, thì Huynh Đệ (tức Bính Thổ)và Tử Tôn (tức Đinh Kim) sẽ đới Phụ Mẫu; Long từ Chấn (gặp Đinh là Hợp Thập, gặp Bính thành Địa huyệt), từ Tốn (gặp Bính là Âm Dương tương phối, gặp Thủy là Quan Quỷ, nên dùng Đinh hướng, không thể dùng Bính hướng, dùng Đinh sát Bính) ở trước đến thì sẽ phát tài (là Bính Thổ), làm quan (Đinh Kim)... Trong cục trên, Kiền Khôn là tốt nhất, Ly Tốn kém đôi chút, thứ mới đến Đoài Khảm Chấn.

Lại như Nhâm Quý cục, Long từ Ly (gặp Nhâm là quy nguyên, gặp Quý là tương tế) đến, sẽ thành cách Quan Quỷ. Long từ Chấn Tốn đến, là cách Tử Tôn đới Phụ Mẫu. Long từ Cấn Khôn đến (gặp Quý là Tiên Thiên,



Hình 5-2 : Phương vị Hà Đồ

gặp Nhâm là Sinh Khí) thì Phụ Mẫu đới tài. Long từ Kiền tới (gặp Sinh là Tiên Thiên, gặp Sát Quý làm Sinh Khí), từ Đoài đến (gặp Quý làm Hậu Thiên), thì Quan Quỷ đới Tử Tôn. Long từ cung Khảm đến (gặp Quý là quy nguyên, gặp Nhâm là tương tế), thì Huynh Đệ đới tài. Trong cách cục này, Khảm Ly Kiền Khôn là hay nhất, Chấn Tốn kém đôi chút, thứ đến Đoài Cấn.

Sau khi thành bốn loại cục nói trên, lại từ các dạng Lai Long mà phân biệt cho rõ. Nếu thấy sơn phong tinh mỹ, Viên cục hùng vĩ, thì là được cách đại cát lợi.

HÀ ĐỒ TỨ ĐẠI CỤC

☐ *Mộc cục Thủy pháp :*

tọa hướng Giáp, kiến Ất Thủy

tọa hướng Ất, kiến Giáp Thủy

Hai loại Thủy pháp này lại hợp với cách trời đất (thiên địa) định vị.

☐ *Hỏa cục Thủy pháp :*

tọa hướng Đinh, kiến Bính Thủy

tọa hướng Bính, kiến Đinh Thủy

Hai loại Thủy pháp này lại hợp với cách núi đầm (sơn trạch) thông khí.

☐ *Kim cục Thủy pháp :*

tọa hướng Tân, kiến Canh Thủy

tọa hướng Canh, kiến Tân Thủy

Hai loại Thủy pháp này lại hợp với cách sấm gió (lôi phong) cùng yếu đi.

☐ *Thủy cục Thủy pháp :*

tọa hướng Nhâm, kiến Quý Thủy

tọa hướng Quý, kiến Nhâm Thủy

Hai loại Thủy pháp này lại hợp với cách nước lửa (Thủy Hỏa) không bắn nhau.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trần Tử Kỳ nói :

"Bốn đại cục của Hà Đồ đã hợp với đại số Thiên sinh Địa thành, Địa sinh Thiên thành, lại hòa hợp với Tiên Thiên, Phu Phụ. Phàm gặp địa thế này, thì không có gì cát lợi hơn nó".

NGUYÊN NGHĨA LẠC THƯ



Hình 5-3

Trong Lạc Thư có nói :

"Trời ban cho Vũ "Hồng Phạm", "Cửu Trù", luân lý cương thường của con người đều được nói rõ ràng trong Thư".

Họ Khổng nói :

"Trời ban cho Đại Vũ một con rùa thần, nổi lên trên sông, lưng có đường hoa văn, xếp đặt từ 1 đến 9. Thế là Đại Vũ căn cứ vào đó mà phán đoán, diễn biến thành 9 loại. Người đời vẫn nói : chín trước; một sau; ba ở tả; bảy ở hữu; hai, bốn làm vai; sáu, tám làm chân, đều là số của Lạc Thư".

Trương Cửu Nghi nói :

"Dương cư ở Tứ Chính là Càn, Khôn, Khảm, Ly của Tiên Thiên; Âm cư ở Tứ Giác là Tốn, Chấn, Cấn, Đoài của Tiên Thiên. Đó là định số của Lạc Thư, mọi lý luận tịnh Âm tịnh Dương vốn đều phát sinh từ đấy. Nhưng chín vạch của Hà Đồ nằm ở phương Tây, thì trong Lạc Thư lại nằm ở phương Nam; bảy vạch của Hà Đồ nằm ở phương Nam, thì trong Lạc Thư lại nằm ở phương Tây. Kim và Hỏa hoán vị cho nhau là vì lẽ gì ? Hà Đồ chủ quản thuận Sinh, từ Bắc sang Đông, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim lại sinh Thủy, cứ như thế tuần hoàn mãi không thôi. Lạc Thư lại chủ quản về Khắc, từ Bắc sang Tây, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, cứ thế tuần hoàn mãi mãi. Đấy là lý do bảy chuyển sang tây mà chín đổi sang Nam. Nếu lấy đạo lý hợp làm mười để khảo sát thì lại đều là số tự nhiên Vì một đã ở Bắc thì chín phải ở Nam, ba ở Đông thì bảy phải ở Tây. Khi Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Kiền tại Ngọ, Khôn ở Tý, Ly ở Mão, Khảm ở Dậu, điều này đã thành định số. Cho nên trời một sinh Khảm Thủy, đất lấy số sáu mà làm cho thành, trời ba sinh hành Mộc (Chấn), đất lấy số tám mà làm cho thành. hai cục trên, Thủy là Thủy Viên, Mộc là Mộc Viên, đều là tịnh Âm tịnh Dương mà không đến mức tạp loạn. Đất hai sinh Khôn Hỏa, nên hướng Khôn ắt là cát lợi. Hỏa sinh Thổ, hướng Đoài ắt hung hiểm. Kim sợ Hỏa, đất hai sinh Đinh Hỏa, trời lấy số bảy Bính mà làm cho thành, vị trí của nó ở phương Nam, thì hỏa khí tịnh Âm tương phản. Đất bốn sinh Tốn Kim, trời lấy số chín Ly làm cho thành, nên hướng Ly sẽ cát lợi. Hỏa khắc Kim, nên hướng Tốn là hung hiểm. Đất bốn sinh Tân Kim, trời lấy số chín Canh mà làm cho thành, vị trí của nó ở phương Tây. Hai cục trên, Long khí đều vượng, địa huyệt có chân khí, nếu giới tiêu nạp, sẽ đại phát phúc khí lâu dài, vì chúng đạt được đại số sinh thành. Tóm lại, trước khi thành cục, Càn xuất từ Kim, Cấn xuất từ Thổ, Tốn xuất từ Mộc, Ly xuất từ Hỏa, Khôn xuất từ Thổ, Đoài xuất từ Kim. Đến khi đã thành cục, thì Khảm là Thủy, mà Càn cũng là Thủy; Chấn vốn thuộc Mộc, mà Cấn cũng thuộc Mộc; Khôn Thổ là Hỏa, mà Đoài Kim cũng là Hỏa; Ly Hỏa là Kim, mà Tốn Mộc cũng là

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Kim. Vì sao ? Vì Bát quái đã hoán vị cho nhau nên mới sinh ra thế. Nhất sinh nhất thành vốn là tinh khí Tiên Thiên nguyên thủy (câu này của chúng tôi có thể nói là danh ngôn chí lý, là bí quyết ngàn vàng khó mua cho các thuật gia)".

"Ngọc Xích Kinh" nói :

"Đứa bé mới ra đời đã thông minh thì mới trở thành người có trí tuệ. Bỏ Vượng đón Sinh, thì sẽ đến thời đại phú đại quý".

Lại nói :

"Bần hàn cầu phú quý thì sẽ bỏ Sinh đón Vượng, muốn cầu đông con đông cháu thì sẽ bỏ Vượng đón Sinh".

Đạo lý này thánh hiền đời trước đã nói rồi, có điều chưa chỉ rõ mà thôi. Phàm Âm Dương tạp loạn, tất phải nhờ đến phương hướngmà tiêu nạp nó, nếu không sẽ phải lấy vợ năm lần bảy lượt (như Cấn Long, hoặc Cấn hướng Khôn Ất Thủy triều nghênh; hoặc Hành Long kiêm Khôn Ất, tất phải lập hướng Dương; nếu lập hướng Âm, là sai).

LẠC THƯ TỨ ĐẠI CỤC

- *Thủy cục Thủy pháp :*

  tọa hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kiến Kiền Thủy (Giáp đồng);
  tọa hướng Kiền (Giáp đồng), kiến Khảm Thủy (Quý Thân Thìn đồng).

- *Hỏa cục Thủy pháp :*

  tọa hướng Khôn (Ất đồng), kiến Đoài Thủy (Đinh Tỵ Sửu đồng);
  tọa hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kiến Khôn Thủy (Ất đồng).

- *Kim cục Thủy pháp :*

  tọa hướng Tốn (Tân đồng), kiến Ly Thủy (Nhâm Dần Tuất đồng);
  tọa hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kiến Tốn Thủy (Tân đồng).

- *Mộc cục Thủy pháp :*

  tọa hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kiến Cấn Thủy (Bính đồng);
  tọa hướng Cấn (Bính đồng), kiến Chấn Thủy (Canh Hợi Mùi đồng).

Trần Tử Kỳ nói :

"Hà Đồ lấy thuận sinh, Thủy Mộc Hỏa Kim, các xứ đều ở Mộc vị. Lạc Thư lấy nghịch khắc, Hỏa xứ tại Kim vị tiến vào Hỏa. Cho nên hai cục Thủy, Mộc của Lạc Thư thuần chất với Hà Đồ. Hai cục còn lại thì tạp loạn. Song nếu gặp sơn cương tú mỹ, Sa cũng chầu, Thủy triều nghênh, thì sẽ phát phúc vài chục năm.

NGUYÊN NGHĨA TIÊN THIÊN QUÁI VỊ

"Kinh Dịch" nói :

"Trời và đất định ngôi vị, núi và đầm thông khí, sấm và gió nương nhau, nước và lửa không dung nhau, tám quái đan vào nhau, số đi là thuận, số đến là nghịch. Cho nên Dịch là số nghịch".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trương Tử Nghi nói :

"Trời chủ quản hướng xuống, khí thanh nhẹ nổi lên. Đất chủ quản tích tụ, khí nặng trọc ngưng kết xuống dưới. Càn tại Nam mà Khôn tại Bắc, nên gọi là "Định ngôi vị". Phương Tây Bắc sơn mạch nhiều nhất, núi Côn Luân là tổ tông của chúng. Phương Tây Nam hà lưu nhiều nhất, biển lớn là nơi hội tụ các thủy lưu. Mà hà lưu từ sơn mạch phát nguyên, mà sơn (núi) gặp Thủy thì dừng, nên gọi là "thông khí". Sấm từ đất khởi sinh, nên Nhất Dương sinh ở khai sơ của Khôn. Gió từ trên trời thổi xuống, nên Nhất Âm sinh ở khai sơ của Kiền. Gió hỗ trợ cho uy lực của sấm, sấm cổ vũ cho gió, nên nói là sấm gió "nương nhau". Nhật (mặt trời) là tinh của Hỏa, từ phương Đông mọc lên. Nguyệt (mặt trăng) là mẹ của Thủy, mọc lên từ phương Tây. Nhật Nguyệt thay nhau chiếu rọi thế giới, nên gọi là "không bắn nhau". Song le từ Kiền một đến Khôn tám, thứ tự thuận sinh ra lại đều là nghịch. Quân tử quan sát Tiên Thiên, mà thể hệ địa lý thì được xác lập rồi. Địa lý lấy "nghịch" làm quý là vì thế. Bản thể của Bát quái là Tiên Thiên, thứ tự Hậu Thiên tuy hoán vị, nhưng bổn tính vốn quy về Tiên Thiên, nên Kiền thuộc Dương, số chín của Tiên Thiên vốn là Dương; Khôn thuộc Âm, số một của Tiên Thiên thuộc Âm, cũng là Dương. Khảm thuộc Dương, số bảy bên hữu của Tiên Thiên vốn thuộc Dương. Ly thuộc Âm, số ba bên tả của Tiên Thiên, thành thử Âm cũng thuộc Dương. Tốn thuộc Âm, vị trí Tiên Thiên tại hai đen; Chấn thuộc Dương, vị trí Tiên Thiên tại tám trắng. Âm cố nhiên Âm. Đoài thuộc Âm, vị trí Tiên Thiên tại bốn xanh; Cấn thuộc Dương, vị trí Tiên Thiên tại sáu trắng; Âm cố nhiên là Âm, mà Dương cũng là Âm. Cho nên nói vận dụng Hậu Thiên sẽ không vượt quá được bản thể của Tiên Thiên. Quân tử vận dụng phương vị Hậu Thiên mà quán triệt Lý Khí của Tiên Thiên thì coi như đã học được một nửa".

"Kinh Dịch" nói :

"Nói đến Bát quái, sấm khiến nó kinh động, gió khiến nó phiêu tán, mưa đến tưới nhuần nó, nhật khiến nó ấm áp, Cấn khiến nó đình chỉ, Đoài khiến nó hoan hỉ, Càn khiến nó quân lập, Khôn đến ẩn tàng nó".

Trương Cửu Nghi nói :

"Đấy là Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái. Quân tử thấy một động một tản, thì biết cục sấm gió nương nhau; thấy một lưỡng nghi một nhuần (ướt) một huyên (khô ấm), thì biết sự mỹ diệu của nước lửa bên nhau; thấy một động một vui, thì biết cái hay của núi đầm thông khí; thấy quân và tàng, thì biết sự lớn rộng của trời đất định ngôi vị. Sở dĩ có thể biết, vì chúng tồn tại trong trật tự động, tản, quân, tàng, một Âm và một Dương sinh ra trong đó, tiến ra bên ngoài, cho nên trong hình tròn Càn Khôn trước hết nói đến định ngôi vị, đây là một tiêu chuẩn. Tốn Chấn



Hình 5-4



Hình 5-4

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cư bên trong đồ hình, nói đến sấm gió trước, đây là sự giao tiếp giữa trời và đất, từ đó sinh ra vạn sự vạn vật; nam nữ giao hợp, từ đó cũng sinh ra vạn vật. Động sớm hơn tản, nhuần (ướt) sớm hơn ấm, dừng sớm hơn vui, quần sớm hơn tàng là vì Dương ắt sớm hơn Âm, ngụ ý phu xướng phụ tùy. Xem đồ hình thì thấy Cấn thuộc thuần Dương, làm thủ lĩnh của Bát quái; Khôn thuộc thuần Âm, chủ quản số thành của Bát quái mà thành tàng hưng. Trong hình tròn, Cấn ở trên, Khôn ở dưới, sáu quẻ còn lại sắp đặt hai bên, tương hỗ quán thông. Cho nên nhà địa lý phong thủy nếu hiểu rõ bốn đại cục, sự nương nhau, sự thông khí, sự định vị và sự không bắn nhau, thì là quý vô cùng vậy".

Bốn đại cục Tiên Thiên đối nhau như sau :

- *Trời đất định vị :*

  tọa hướng Kiền (Giáp đồng[1]), kiến Khôn Thủy (Ất đồng);
  tọa hướng Khôn (Ất đồng), kiến Kiền Thủy (Giáp đồng).

- *Núi đầm thông khí :*

  tọa hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kiến Cấn Thủy (Bính đồng);
  tọa hướng Cấn (Bính đồng), kiến Đoài Thủy (Đinh Tỵ Sửu đồng).

- *Sấm gió nương nhau :*

  tọa hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kiến Tốn Thủy (Tân đồng);
  tọa hướng Tốn (Tân đồng), kiến Chấn Thủy (Canh Hợi Mùi đồng).

- *Nước lửa không bắn nhau :*

  tọa hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kiến Khảm Thủy (Quý Thân Thìn đồng);
  tọa hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kiến Ly Thủy (Nhâm Dần Tuất đồng).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trần Tử Kỳ nói :

"Từ thời hồng hoang tối cổ xưa, từ Thái Cực mênh mông vốn xuất hiện bốn cục, mới có thể làm cảm động thiên địa, sinh hóa vạn vật. Đây vốn là căn nguyên mọi sự biến hóa, căn nguyên của khí cơ. Cho nên đại địa đạt được bốn cục này là hay hơn cả".

NGUYÊN NGHĨA HẬU THIÊN QUÁI VỊ

"Dịch" nói :

"Đế xuất vu Chấn, tề vu Tốn tương kiến tại Ly, chế dịch vu Khôn, thuyết tề vu Đoài, chiến tại Kiền, lao vu Khảm, thành công vu Cấn".

Trương Cửu Nghi nói :

"Thứ tự chuyển dịch Hậu Thiên đã nói qua, nhưng chưa rõ nguyên nhân dịch chuyển. Nay xin nói một cách đơn giản. Phương Đông là Mộc, tiết khí là ngày Xuân, ở người là Nhân, mà quẻ Chấn, Tốn thuộc Mộc, nên hoán vị sang phương Đông. Phương Nam là Hỏa, tiết khí là ngày Hạ, ở người là Lễ, mà quẻ Ly thuộc Hỏa, nên hoán vị sang phương Nam. Phương Tây là Kim, tiết khí là ngày Thu, ở người là Nghĩa, mà quẻ Kiền, Đoài thuộc Kim, nên hoán vị sang phương Tây. Phương Bắc là Thủy, tiết khí là ngày Đông, ở người là Trí, mà quẻ Khảm thuộc Thủy, nên hoán vị sang phương Bắc. Nguyên nhân Khôn được hoán

(1) Đồng là cùng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com



Hình 5-8 :
Phương vị Bát quái
Văn Vương

vị sang phương Tây Nam, vì Hỏa có thể sinh Thổ, Thổ sinh Kim. Cấn hoán vị sang phương Đông Bắc, vì vạn vật đều chung quy nhờ Thổ. Đông qua Xuân đến, chẳng phải Thổ cũng không thể dưỡng Mộc, như đạo đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí mà không có Tín thì chẳng thành. Cho nên thánh nhân mới đem Cấn hoán vị đến phương Đông Bắc, là để dùng Tính làm cho thành. Đã rõ đạo lý bổn nguyên của Hậu Thiên dịch quái, thì sẽ tìm ra số thành của 15 ngang dọc. Cũng như Đoài ở đầm thông khí nhau, như phu phụ (vợ chồng) của Tiên Thiên vậy. Lại như Đoài thì có Chấn đến tương ứng, Cấn thì có Khôn đến tương ứng, là phu phụ hợp thập Hậu Thiên, do ba xanh hợp với bảy đỏ, hai đen hợp với tám trắng. Cũng như Kiền ở phương Tây Bắc tương ứng với Khôn ở phương Tây Nam, thành trời đất định vị, là phu phụ của Tiên Thiên. Như Kiền có Tốn đến tương ứng, Khôn có Cấn đến tương ứng, là phu phụ hợp thập Hậu Thiên, do bốn xanh hợp với sáu trắng, tám trắng hợp với hai đen. Lại như Chấn ở phương Chính Đông tương ứng với Tốn ở phương Đông Nam, thành sấm gió nương nhau, là phu phụ của Tiên Thiên. Như Chấn có Đoài đến tương ứng, Tốn có Kiền đến tương ứng, thành phu phụ hợp thập Hậu Thiên, do bảy đỏ hợp với ba xanh, sáu trắng hợp với bốn xanh. Đến như Nam Ly và Bắc Khảm, Tiên Thiên đối xứng, là nước lửa không bắn nhau. Hậu Thiên hợp thập, thì chín tím hợp với một trắng. Hai quẻ sau là suy đoán trước sau mà các quẻ kia không thể sánh được. Cái gọi là 15 ngang dọc là thế. (Nói đến Kiền, Giáp thì ở giữa, nói đến Chấn Canh, Hợi Mùi thì ở giữa. Các phép tắc trong đó đều xuất phát từ nạp giáp, Sa Thủy, Long độ). Phàm địa thế gặp cách cục trên, nhất định chủ về cát lợi cho thứ phòng (lấy vợ lẽ)".

Bốn cục lớn Hậu Thiên hợp thập như sau :

☐ *Nhị bát hợp thập :*

Tọa hướng Khôn (Ất đồng), kiến Bính Thủy (Cấn đồng) (Khôn hướng Bính Thủy, ất Bính ba Ngọ bảy; Ất hướng Cấn Thủy, ất Cấn ba Dần bảy kiêm hợp quẻ Phụ Tinh);

Tọa hướng Cấn (Bính đồng), kiến Ất Thủy (Khôn đồng) (Cấn hướng Ất Thủy, ất Ất ba Mão bảy; Bính hướng Khôn Thủy, ất Khôn ba Mùi bảy kiêm hợp Lạc Thư trời ba sinh Mộc).

☐ *Tam thất hợp thập :*

Tọa hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kiến Đinh Tỵ Sửu Thủy (Đoài đồng).

☐ *Tứ lục hợp thập :*

Tọa hướng Kiền (Giáp đồng), kiến Tân Thủy (Tốn đồng) (Kiền hướng Tân Thủy, ất đới Tuất kiêm hợp Tiên Thiên Thủy; Giáp hướng Tốn Thủy, ất đới Thìn kiêm hợp quẻ Phụ Tinh);

Tọa hướng Tốn (Tân đồng), kiến Giáp Thủy (Kiền đồng) (Tốn hướng Giáp Thủy, ất đới Mão; Tân hướng Kiền Thủy, ất đới Hợi kiêm hợp sấm gió nương nhau).

☐ *Nhất cửu hợp thập :*

Tọa hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kiến Nhâm Dần Tuất Thủy (Ly đồng);

Tọa hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kiến Quý Thân Thìn Thủy (Khảm đồng).

Trần Tử Kỳ nói :

"Phàm gặp cách lấy vợ lẽ, vận dụng phép Hợp Thập sẽ kiến hiệu tức thời. Nếu vợ cả, vợ lẽ đều có con, lại muốn con cái đều phát phú quý, thì cục Hợp Thập lại càng hữu dụng. Vì cục nhất cửu (một với chín) tương hợp của Tiên Thiên cũng có trong Hậu Thiên. Hai can Nhâm Quý tương đồng với Thủy cục Hà Đồ. Hai quẻ Khảm Ly lại không tiêu trừ Nhâm Quý, hơn nữa Tiên Thiên một cái tại Đông,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

một cái tại Tây, vốn là góc lệch; Hậu Thiên một cái tại Nam, một cái tại Bắc, là cư ở Tứ Chính. Đó là hai quẻ Khảm, Ly. Long huyệt, Sa Thủy, đại địa tối đa. Các phong thủy gia kém cỏi không hiểu đạo lý này, cho là Dương Long, thật đáng tiếc".

NGUYÊN NGHĨA TIÊN THIÊN, HẬU THIÊN TƯƠNG KIẾN

Trương Cửu Nghi nói :

"Tiên Thiên quái vị là bản thể của địa lý phong thủy; Hậu Thiên quái vị là vận dụng của địa lý phong thủy".

Có bản thể, không thể không có vận dụng, phải vận dụng mới có thể thể hiện bản thể. Từ cổ đến nay, các vị thánh nhân truyền từ đời này sang đời khác, mọi sự biến cải về Long thần, Thủy pháp, Sa vị đều không thể vượt ra ngoài phạm vi đại thể về sự hiển hiện tương hỗ giữa bản thể và vận dụng. Cho nên, một là Kiền, Tiên Thiên cư ở Ly, Chính Nam, Hậu Thiên cư ở Cấn, Đông Bắc. Ly chính là Kiền của Tiên Thiên; Cấn chính là Kiền của Hậu Thiên. Hoàn toàn chẳng phải chỉ có Kiền Giáp mới là Kiền, mà Ly, Nhâm, Dần, Tuất và Cấn, Bính đều là Kiền, Ất là hai, Khôn Tiên Thiên cư ở Khảm, Chính Bắc, Hậu Thiên cư ở Tốn. Thế thì Khảm là Khôn của Tiên Thiên, Tốn là Khôn của Hậu Thiên. Cho nên không chỉ Khôn Ất là Khôn, mà Khảm, Quý, Thân, Thìn và Tốn, Tân đều là Khôn. Tỵ là một Khảm, Tiên Thiên cư ở Đoài, Chính Tây, Hậu Thiên cư ở Khôn. Thế thì Đoài là Khảm của Tiên Thiên, Khôn là Khảm của Hậu Thiên. Không chỉ Khảm, Quý, Thân, Thìn là Khảm, mà Đoài, Đinh, Tỵ và Khôn, Tỵ cũng đều là Khảm.

Đến Ly, Tiên Thiên cư ở vị trí Chấn, Chính Đông, Hậu Thiên cư ở vị trí Kiền, Chính nam, thế thì Chấn là Ly của Tiên Thiên, Kiền là Ly của Hậu Thiên, không chỉ Ly, Nhâm, Dần, Tuất là Ly, mà Chấn, Canh, Hợi, Mùi và Kiền, Giáp cũng đều là Ly. Chấn, Tiên Thiên cư ở vị trí Cấn, phương Đông Bắc; Hậu Thiên cư ở Ly, phương Chính Nam, thế thì Cấn là Chấn của Tiên Thiên, Ly là Chấn của Hậu Thiên; Chấn, Canh, Dần, Tuất cũng đều là Chấn. Ất đến vị trí Tốn, Tiên Thiên cư ở Khôn, phương Tây Nam; Hậu Thiên cư ở Đoài, Đông Nam, thế thì Khôn là Tốn của Tiên Thiên, Đoài là Tốn của Hậu Thiên. Không chỉ Tốn, Tân là Tốn, mà Khôn, Ất, Đinh, Tỵ, Sửu cũng là Tốn. Đến Cấn, Tiên Thiên cư ở Kiền, phương Tây Bắc, Hậu Thiên cư ở Chấn, Đông Bắc, thế thì Kiền là Cấn của Tiên Thiên, Chấn là Cấn của Hậu Thiên, mà Kiền, Giáp và Chấn, Canh, Hợi, Mùi cũng là Cấn. Đến Đoài, Tiên Thiên cư ở Tốn, phương Đông Nam, Hậu Thiên cư ở Khảm, phương Chính Tây, thế thì Tốn là Đoài của Tiên Thiên, Khảm là Đoài của Hậu Thiên; không chỉ Đoài Đinh, Ất, Sửu là Đoài, mà Tốn, Tân và Khảm, Quý, Thân, Thìn cũng là Đoài. Sự tương kiến Tiên Thiên, Hậu Thiên là như vậy, nên trong "Thôi Thiên Quan" viết :

"Thôi Quan đệ nhất là Thiên Hoàng Long Bắc Long hoán nhập Thiên Thị đông. Thiên Hoàng, là Hợi; Thiên Thị là trưởng; Hợi là Chấn. Chấn hoán vị Cấn, là Hậu Thiên tiến vào Tiên Thiên".

"Ngọc Xích Kinh" viết :

"Khảm có được Khôn thì sẽ đại quý. Khảm gặp Đinh là Tiên Thiên, gặp Khôn là Hậu Thiên".

"Thiên Ngọc Kinh - Nội truyện" viết :

"Kiền sơn tại vị trí Kiền, Thủy chảy về hướng Kiền, đỉnh núi cao ở Kiền chủ xuất hiện Trạng nguyên"

là ý nói Kiền Long hướng Ngọ, do Giáp Thủy chảy đến, Tuất Thủy chảy đi. Sơn phong của phương vị Cấn Nhâm Bính nhô cao, là Tiên Thiên và Hậu Thiên tương kiến, vốn thuộc cùng một nhà.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ngô Cảnh Loan trong "Giáp Trúc Mai Hoa" càng nói rõ hơn đạo lý này. Nhưng người đời đọc các thư tịch Nho gia lại không hiểu đạo lý đó, nên trong đầu thiếu căn cơ, đành câu nệ một trong bốn Thủy pháp, đó là vì chưa thấu đạt tinh hoa và cũng không được minh sư truyền thụ. Ta lấy làm tiếc rằng thuật lý của hai vị danh sư Dương, Tăng thời trước bao lâu nay bị mai một, nên viết lại ra đây, cũng là để truyền bá những giáo huấn của hai vị danh sư.

☐ *Cung Kiền :*

tọa hướng Kiền (Giáp đồng), kiến Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kiến Cấn (Bính đồng).

☐ *Cung Khảm :*

tọa hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kiến Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kiến Khôn (Ất đồng).

☐ *Cung Cấn :*

tọa hướng Cấn (Bính đồng), kiến Kiền (Giáp đồng), kiến Chấn (Canh Hợi Mùi đồng).

☐ *Cung Chấn :*

tọa hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kiến Cấn (Bính đồng), kiến Ly (Nhâm Dần Tuất đồng).

☐ *Cung Tốn :*

tọa hướng Tốn (Tân đồng), kiến Khôn (Ất đồng), kiến Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng).

☐ *Cung Ly :*

tọa hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kiến Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kiến Tốn (Tân đồng).

☐ *Cung Khôn :*

tọa hướng Khôn (Ất đồng), kiến Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kiến Tốn (Tân đồng).

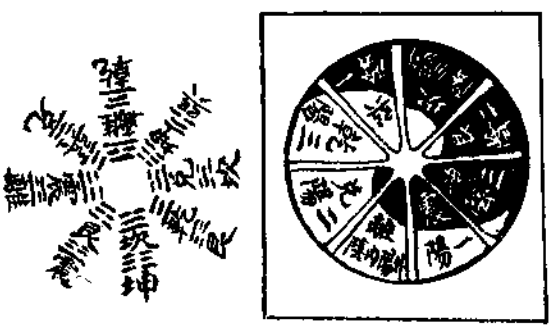
☐ *Cung Đoài :*

tọa hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kiến Tốn (Tân đồng), kiến Khảm (Quý Thân Thìn đồng).

Trần Tử Kỳ nói :

"Tiên Thiên và Hậu Thiên vốn chung một nhà, là ngụ ý nói đến hợp Long hướng Sa Thủy. Phàm huyệt địa gặp cách này, nhất định sẽ xuất hiện đại thần đài các, đời nào cũng có con em đỗ đạt rất cao, con cháu đông đúc đề huề, hưng vượng lâu dài. Thủy phải hợp với hướng, không thể tạp loạn. Ta đem đạo lý này viết trong sách, cho người đời sử dụng, nhưng Sa pháp thì phải truyền miệng trực tiếp mới là chân truyền. Nếu không, sẽ có rất nhiều trường hợp lẫn Tốn thành Thìn, lẫn Mùi thành Đinh. Cho nên phải rất thận trọng mới được".

☐ *Bốn đại cục Tiên Thiên Hậu Thiên kiến Nhật Nguyệt :*



Hình 5-7 và 5-8 : Tiên Thiên Hậu Thiên tương kiến

Mão Long, kiến Khảm sa (Nhật của Tiên Thiên thích gặp Nguyệt của Hậu Thiên);

Khảm Long, kiến Mão sa (Nguyệt của Hậu Thiên thích gặp Nhật của Tiên Thiên);

Ly Long, kiến Dậu sa (Nhật của Tiên Thiên thích gặp Nguyệt của Hậu Thiên);

Dậu Long, kiến Ly sa (Nguyệt của Hậu Thiên thích gặp Nhật của Tiên Thiên).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trần Tử Kỳ nói :

"Bốn đại cục này cũng là câu đã viết trong "Thôi Quan Thiên" : *"Nhật Nguyệt bất khởi Thái Dương cao, Thái Dương dắc Thủy thì vừa phú quý vừa anh hào"*".

NGUYÊN NGŨ HÀNH NẠP GIÁP CHI NGHĨA

Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái cùng sự tiêu diệt của 24 sơn và sự phát sáng của Bát quái, tất cả đều được nói rõ trong cuốn sách này.

Trương Cửu Nghi nói :

"Ý chí của nạp giáp bắt nguồn từ Thái Âm; mà Thái Âm tròn đầy lại bắt nguồn từ Thái Cực; nguồn gốc của Thái Cực là Vô Cực".

Không có lời nói nào, hình tượng nào có thể diễn tả được Vô Cực. Vô Cực bao hàm hết thảy, nên mới nói Thái Cực bắt nguồn từ Vô Cực. Trong Vô Cực, khí vận động cọ sát, khí nhẹ và trong là Dương, biểu thị bằng phần trắng trong Thái Cực đồ; khí nặng và đục là Âm, biểu thị bằng phần đen trong Thái Cực đồ, đây là Lưỡng Nghi. Khí vận động cọ sát trong Dương Nghi mà có được khí Thuần Dương, đó chính là Thái Dương ở góc Càn, Đoài phương Đông Nam của Thái Cực đồ; có được khí Âm bảy Dương ba chính là Thiếu Âm ở góc Chấn, Ly phương Đông Bắc của Thái Cực đồ. Khí vận động cọ sát trong Âm Nghi sinh ra khí Thuần Âm, đây là Thái Âm ở góc Khôn, Cấn phương Tây Bắc trong Thái Cực đồ; có được khí Dương bảy Âm ba chính là Thiếu Dương ở góc Tốn, Khảm phương Tây Nam của Thái Cực đồ. Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm được gọi là Tứ Tượng. Mà đạo lý của Âm Dương là Âm Dương cùng phối hợp, trong Thuần Dương có Âm, trong Thuần Âm có Dương. Khí vận động cọ sát trong Thái Dương, mà toàn thể đều là Dương, đó chính là Càn; khí có được hai Dương một Âm là Đoài. Khí vận động trong Thiếu Dương mà có được khí trong Âm ngoài Dương chính là Ly; khí có được một Dương hai Âm là Chấn. Khí vận động trong Thiếu Âm có được khí một Âm hai Dương là Tốn; có được khí trong Dương ngoài Âm là Khảm. Khí vận động trong Thái Âm mà có được hai Âm một Dương là Cấn; có được toàn thể là Âm là Khôn. Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn được gọi là bát quái. Người ta đều cho rằng ngoài Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, ngoài Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, ngoài Tứ Tượng sinh Bát Quái, mà không biết rằng Lưỡng Nghi ở trong Thái Cực, Tứ Tượng ở trong Lưỡng Nghi, Bát Quái ở trong Tứ Tượng, hiểu rõ điều này thì có thể biết được ý nghĩa của nạp giáp.

Ly là nhật thể, Khảm là nguyệt thể, sáu quái còn lại chiếu theo thứ tự nhất định mà xuất hiện trong Bát quái, đều lấy Càn làm cha, lấy Khôn làm mẹ, Chấn là trưởng nam, kế thừa bản thể của Càn cha, nhờ vào Khôn mẹ xuất hiện ở phương Bắc, cho nên Thái Âm từ ngày 28 mỗi tháng đến ngày mùng 2 tháng sau toàn thể đen tuyền mà thành quẻ Khôn; mặt trăng ban đầu sáng có ba phần, đó là một Dương vừa sinh, hào Sơ lục (hào Ất Mùi) của tiêu Khôn là hình tượng của Chấn Tam là Sơ cửu (hào Canh Tý, nên Khôn Ất sơn kỵ dùng ngày Canh Tý và ngày Mão). Ngày mùng 8 mặt trăng ở phương Canh nên Chấn nạp Canh mà Hợi Mùi Chấn cũng nạp Tam Hợp, quái (quẻ) này có 6 hào, đó là : Sơ cửu Canh Ngọ (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài), Cửu tứ Canh Ngọ (Tử tôn), Lục ngũ Canh Thân (Quan quỷ), Thượng lục Canh Tuất (Thê tài). Lấy hào Quan trong quái làm sát diệu nên quẻ Chấn kỵ Thân Thủy ngày Thân, dùng nó để xem Tử, Phụ, Tài, Quan thì cũng dễ dàng luận đoán. Quẻ này tựa Mão Long nhập thủ (Canh Hợi Mùi đồng), hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng) là Tam Tam Trạch Lôi Tùy. Cung Chấn thuộc Mộc, hào Sơ cửu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là Canh Tý (Phụ mẫu), hào Lục nhị là Canh Dần (Huynh đệ), hào Lục tam Canh Thìn (Thê tài), Cửu tứ là Đinh Hợi (Phụ mẫu), Cửu ngũ là Đinh Dậu (Quan quỷ), Thượng lục Đinh Mùi (Thê tài). Long là nội quái, cần có Sa, đóng tại phương vị Dần Thìn; sơn phong cần Triều sơn cao vút lại là ngoại quái, cần có Thủy đóng ở phương Hợi Dậu Mùi; Thủy cần lưu động, vì Long quản Sa nên Hướng quản Thủy, đây là Tựu Chấn Cát Chấn.

Mùng 8 là thượng huyền, mặt trăng sáng sáu phần, thế là hai Dương sinh, Lục nhị (hào Canh Dần) tiêu Chấn là Cửu nhị (hào Đinh Mão, nên Chấn Canh sơn và Hợi Mùi sơn kỵ dùng ngày Mão tháng Dậu, là tượng của Đoài Tam). Ngày mùng 8, trăng ở phương Đinh nên Đoài nạp Đinh mà Tỵ Sửu cũng nạp Tam Hợp với Đoài. Quẻ này có 6 hào : Sơ cửu là Đinh Tỵ (Quan quỷ), Cửu nhị là Đinh Mão (Thê tài), Lục tam là Đinh Sửu (Phụ mẫu), Cửu tứ là Đinh Hợi (Tử tôn), Cửu ngũ là Đinh Dậu (Huynh đệ), Thượng lục là Đinh Mùi (Phụ mẫu), hào Quan trong quẻ là sát diệu nên Đoài kỵ Tỵ Thủy, ngày Tỵ. Đến ngày 15, mặt trăng tròn đầy, đây là biểu hiện của Thuần Âm, Lục tam (hào Đinh Sửu) của tiêu Đoài, là Cửu tam (hào Giáp Thìn, vì thế Đoài, Đinh, Tỵ, Sửu sơn kỵ ngày Giáp) đây là tượng của Càn Tam. Khi Nhật sơ bát thì Nguyệt sinh ở phương Giáp, nên Càn nạp giáp Nhâm là Thiên Can thứ chín. Bát quái nạp Bát Can, còn lại Cửu và Thập, phân làm Càn và Khôn, nên Càn nạp Giáp và Nhâm; Khôn nạp Ất và Quý. La Kinh không có Tuất Tỵ, sở dĩ Ly nạp Tỵ là vì Hậu Thiên đóng ở Càn, phân ra Nhâm của Càn, nạp trong Ly; Khảm nạp Tuất là vì Hậu Thiên đóng ở Khôn, là phân ra Quý của Khôn, nạp trong Khảm. Quẻ Càn có 6 hào : Sơ cửu Giáp Tý (Tử tôn), Cửu nhị Giáp Dần (Thê tài), Cửu tam Giáp Thìn (Phụ mẫu), Cửu tứ Nhâm Ngọ (Quan quỷ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Huynh đệ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Phụ mẫu). Hào Quan lấy chúng làm sát diệu trong quẻ, nên Càn (cùng Giáp) kỵ Ngọ Thủy, ngày Ngọ.

Ba quẻ trên lấy ở mặt trời mọc làm chuẩn, nhật nguyệt tròn đầy mà dưới thiếu ba phần, đây là một Âm vừa sinh ra. Sơ cửu (hào Giáp Tý) của tiêu Càn là Sơ lục (hào Tân Sửu, nên Càn Giáp sơn kỵ dùng ngày Tân và Tân Sửu), nó là tượng của Tốn Tam (đây là ý của câu : *"Càn gặp Tốn thời nguyệt khuất"*). Khi mặt trời (nhật) mọc thì mặt trăng (nguyệt) đóng ở phương Tân, nên Tốn nạp Tân, quẻ này có 6 hào : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ), Lục tứ Tân Mùi (Thê tài), Cửu ngũ Tân Tỵ (Tử tôn), Thượng cửu Tân Mão (Huynh đệ), hào Quan trong quẻ lấy đó làm sát diệu, nên Tốn (cùng Tân) kỵ Dậu Thủy, kỵ ngày Dậu.

Đến ngày 23 là hạ huyền, trăng khuyết sáu phần là hai Âm sinh, Cửu nhị (hào Tân Hợi) của diệt Tốn là Lục nhị (hào Bính Ngọ, nên Tốn, Tân sơn kỵ ngày Bính và Bính Ngọ), nó là tượng của Cấn Tam. Khi mặt trời mọc thì mặt trăng ở phương Bính, vì vậy Cấn nạp Bính, quẻ này có 6 hào : Sơ lục Bính Thìn (Huynh đệ), Lục nhị Bính Ngọ (Phụ mẫu), Cửu tam Bính Thân (Tử tôn), Lục tứ Bính Tuất (Huynh đệ), Lục ngũ Bính Tý (Thê tài), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ), hào Quan trong quẻ lấy đó làm sát diệu, nên Cấn (cùng Bính) kỵ Dần Thủy và ngày Dần.

Đến ngày 28 thì mặt trăng hoàn toàn biến mất, Cửu tam (hào Bính Thân) của tiêu Cấn là Lục tam (hào Ất Mão, nên Cấn, Bính sơn kỵ ngày Ất và Ất Mão), đây là tượng của Thuần Âm Khôn Tam. Khi mặt trời mọc thì mặt trăng ở phương Ất nên Khôn nạp Ất và Quý, quẻ này có 6 hào : Sơ lục Ất mùi (Huynh đệ), Lục nhị Ất Tỵ (Phụ mẫu), Lục tam Ất Mão (Quan quỷ), Lục tứ Quý Sửu (Huynh đệ), Lục ngũ Quý Hợi (Thê tài), Thượng lục Quý Dậu (Tử tôn), hào Quan trong quẻ lấy đó làm sát diệu nên Khôn, Ất kỵ Mão Thủy, ngày Mão.

Sáu quẻ vừa nêu trên đều có cách sinh diệt, chỉ có Khảm Ly có được nhật nguyệt chính thể là không bị tiêu diệt. Trong Tiên Thiên chúng là một Đông một Tây, trong Hậu Thiên chúng là một Nam một Bắc. Lấy Tuất Tỵ của Trung tâm Lạc Thư hình thành kinh vĩ, vì vậy hào trong Khảm Tam nạp Tuất Thổ, hào trong Ly Tam nạp Tỵ Hỏa. Mà địa lý phong thủy lấy Tuất nhận Cấn, Ất nhận Khôn, do đó Ly phân ra Nhâm của Càn,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tam Hợp với Dần Tuất mà nạp Nhâm Dần Tuất, Khảm phân ra làm Quý của Khôn, Tam Hợp với Thân Thìn mà nạp Quý Thân Thìn. Quẻ Ly có 6 hào : Sơ cửu Kỷ Mão (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Sửu (Tử tôn), Cửu tam Kỷ Hợi (Quan quỷ), Cửu tứ Kỷ Dậu (Thê tài), Lục ngũ Ất Mùi (Tử tôn), Thượng cửu Ất Tỵ (Huynh đệ), hào Quan lấy đó làm sát diệu nên Ly (Nhâm Dần Tuất) kỵ Hợi Thủy, ngày Hợi. Quẻ Khảm có 6 hào : Sơ lục Mậu Dần (Tử tôn), Cửu nhị Mậu Thìn (Quan quỷ), Lục tam Mậu Ngọ (Thê tài), Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Quan quỷ), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ), hào Quan trong quẻ lấy đó làm sát diệu, nên Khảm (Quý Thân Thìn) kỵ Thìn, Mậu (Mậu Thìn, Mậu Ất).

Nay lại lấy các loại Long mạch, nạp vào các quẻ để xem vận khí của Tử, Phụ, Tài, Quan; Long là nội quái, cai quản Sa nên cần Sa sơn cao vút; Hướng là ngoại quái, cai quản Thủy nên cần Thủy chào đón.

Càn Long (Giáp đồng)

- Hướng Càn (đồng Giáp) quẻ Càn Vi Thiên, là quẻ thứ nhất cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Tử tôn), Cửu nhị Giáp Dần (Thê tài), Cửu tam Giáp Thìn (Phụ mẫu); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Quan quỷ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Huynh đệ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Đoài (cùng Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Thiên Quải, là quẻ thứ sáu cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Thê tài), Cửu nhị Giáp Dần (Quan quỷ), Cửu tam Giáp Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Thê tài), Cửu ngũ Đinh Dậu (Tử tôn), Thượng lục Đinh Mùi (Huynh đệ).
- Hướng Ly (cùng Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Thiên Đại Hữu, là quẻ thứ tám cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Tử tôn), Cửu nhị Giáp Dần (Thê tài), Cửu tam Giáp Thìn (Phụ mẫu); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Huynh đệ), Lục ngũ Kỷ Mùi (Phụ mẫu), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Quan quỷ).
- Hướng Chấn (cùng Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Thiên Đại Tráng, là quẻ thứ năm cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Thê tài), Cửu nhị Giáp Dần (Quan quỷ), Cửu tam Giáp Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Phụ mẫu), Lục ngũ Canh Thân (Tử tôn), Thượng lục Canh Tuất (Huynh đệ).
- Hướng Tốn (đồng Tân), quẻ Phong Thiên Tiểu Súc, là quẻ thứ năm cung Khôn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Phụ mẫu), Cửu nhị Giáp Dần (Huynh đệ), Cửu tam Giáp Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Thê tài), Cửu ngũ Tân Tỵ (Tử tôn), Thượng cửu Tân Mùi (Huynh đệ).
- Hướng Khảm (cùng Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Thiên Nhu, là quẻ thứ bảy trong cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Thê tài), Cửu nhị Giáp Dần (Quan quỷ), Cửu tam Giáp Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Tử tôn), Cửu ngũ Mậu Tuất (Huynh đệ), Thượng lục Mậu Tý (Thê tài).
- Hướng Cấn (đồng Bính), quẻ Sơn Thiên Đại Súc, là quẻ thứ ba cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Thê tài), Cửu nhị Giáp Dần (Quan quỷ), Cửu tam Giáp Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Huynh đệ), Lục ngũ Bính Tý (Thê tài), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ).
- Hướng Khôn (cùng Ất), quẻ Địa Thiên Thái, là quẻ thứ tư cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Giáp Tý (Thê tài), Cửu nhị Giáp Dần (Quan quỷ), Cửu tam Giáp Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Huynh đệ), Lục ngũ Quý Hợi (Thê tài), Thượng lục Quý Dậu (Tử tôn).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Khảm Long (Quý Thân Thìn đồng)

- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), quẻ Khảm Vi Thủy, là quẻ đầu tiên cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Tử tôn), Cửu nhị Mậu Thìn (Quan quỷ), Lục tam Mậu Ngọ (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Quan quỷ), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ).
- Hướng Càn (Giáp đồng), quẻ Thiên Thủy Tụng, là quẻ thứ bảy cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Phụ mẫu), Cửu nhị Mậu Thìn (Quan quỷ), Lục tam Mậu Ngọ (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Huynh đệ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Thê tài), Thượng cửu Nhâm Tuất (Tử tôn).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), quẻ Trạch Thủy Khốn, là quẻ thứ hai cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Thê tài), Cửu nhị Mậu Thìn (Phụ mẫu), Lục tam Mậu Ngọ (Quan quỷ); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Tử tôn), Cửu ngũ Đinh Dậu (Huynh đệ), Thượng lục Đinh Mùi (Phụ Mẫu).
- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), quẻ Hỏa Thủy Vị Tế, là quẻ thứ tư cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Phụ mẫu), Cửu nhị Mậu Thìn (Tử tôn), Lục tam Mậu Ngọ (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Thê tài), Lục ngũ Kỷ Mùi (Tử tôn), Thượng cửu Đinh Tỵ (Huynh đệ).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), quẻ Lôi Thủy Giải, là quẻ thứ ba cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Huynh đệ), Cửu nhị Mậu Thìn (Thê tài), Lục tam Mậu Ngọ (Tử tôn); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Tử tôn), Lục ngũ Canh Thân (Quan quỷ), Thượng lục Canh Tuất (Thê tài).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Thủy Hoán, là quẻ thứ sáu cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Phụ mẫu), Cửu nhị Mậu Thìn (Tử tôn), Lục tam Mậu Ngọ (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Tử tôn), Cửu ngũ Tân Tỵ (Huynh đệ), Thượng cửu Tân Mão (Phụ mẫu).
- Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Thủy Mông, là quẻ thứ năm cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Phụ mẫu), Cửu nhị Mậu Thìn (Tử tôn), Lục tam Mậu Ngọ (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Tử tôn), Lục ngũ Bính Tý (Quan quỷ), Thượng cửu Bính Dần (Phụ mẫu).
- Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Thủy Sư, là quẻ thứ tám cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ lục Mậu Dần (Tử tôn), Cửu nhị Mậu Thìn (Quan quỷ), Lục tam Mậu Ngọ (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Quan quỷ), Lục ngũ Quý Hợi (Huynh đệ), Thượng lục Quý Dậu (Phụ mẫu).

Cấn Long (Bính đồng)

- Hướng Cấn (Bính), quẻ Cấn Vi Sơn, là quẻ thứ nhất cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Huynh đệ), Lục nhị Bính Ngọ (Phụ mẫu), Cửu tam Bính Thân (Tử tôn); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Huynh đệ), Lục ngũ Bính Tý (Thê tài), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Sơn Độn, là quẻ thứ ba cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Phụ mẫu), Lục nhị Bính Ngọ (Quan quỷ), Cửu tam Bính Thân (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Quan quỷ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Huynh đệ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Sơn Hàm, là quẻ thứ tư cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Phụ mẫu), Lục nhị Bính Ngọ (Quan quỷ), Cửu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cửu tứ Đinh Hợi (Quan quỷ), Cửu ngũ Đinh Dậu (Huynh đệ), Thượng lục Đinh Mùi (Phụ mẫu).

- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Sơn Lữ, là quẻ thứ hai cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Tử tôn), Lục nhị Bính Ngọ (Huynh đệ), Cửu tam Bính Thân (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Ất Dậu (Thê tài), Lục ngũ Ất Mùi (Tử tôn), Thượng cửu Ất Tỵ (Huynh đệ).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Sơn Tiểu Quá, là quẻ thứ bảy cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Phụ mẫu), Lục nhị Bính Ngọ (Quan quỷ), Cửu tam Bính Thân (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Quan quỷ), Lục ngũ Canh Thân (Huynh đệ), Thượng lục Canh Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Sơn Tiệm, là quẻ thứ tám cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Huynh đệ), Lục nhị Bính Ngọ (Phụ mẫu), Cửu tam Bính Thân (Tử tôn); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Huynh đệ), Cửu ngũ Tân Tỵ (Phụ mẫu), Thượng cửu Tân Mão (Quan quỷ).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Sơn Kiển, là quẻ thứ năm cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Phụ mẫu), Lục nhị Bính Ngọ (Quan quỷ), Cửu tam Bính Thân (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Huynh đệ), Cửu ngũ Mậu Tuất (Phụ mẫu), Thượng lục Mậu Tý (Tử tôn).
- Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Sơn Khiêm, là quẻ thứ sáu cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Bính Thìn (Phụ mẫu), Lục nhị Bính Ngọ (Quan quỷ), Cửu tam Bính Thân (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Phụ mẫu), Lục ngũ Quý Hợi (Tử tôn), Thượng lục Quý Dậu (Huynh đệ).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chấn Long (Canh Hợi Mùi đồng)

- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Chấn Vi Lôi, là quẻ thứ nhất cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Tử tôn), Lục ngũ Canh Thân (Quan quỷ), Thượng lục Canh Tuất (Thê tài).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Lôi Vô Vọng, là quẻ thứ năm cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Tử tôn), Cửu ngũ Nhâm Thân (Quan quỷ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Thê tài).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Lôi Tùy, là quẻ thứ tám cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Phụ mẫu), Cửu ngũ Đinh Dậu (Quan quỷ), Thượng lục Đinh Mùi (Thê tài).
- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Lôi Phệ Hạp, là quẻ thứ sáu cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Quan quỷ), Lục ngũ Kỷ Mùi (Thê tài), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Tử tôn).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Lôi Ích, là quẻ thứ tư cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái: Sơ cửu Canh Tý (Phụ mẫu), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Thê tài), Cửu ngũ Tân Tỵ (Tử tôn), Thượng cửu Tân Mão (Huynh đệ).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Lôi Truân, là quẻ thứ ba cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Huynh đệ), Lục nhị Canh Dần (Tử tôn),

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lục tam Canh Thìn (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Quan quỷ), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ).

- Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Lôi Di, là quẻ thứ bảy cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Thê tài), Lục nhị Canh Dần (Huynh đệ), Lục tam Canh Thìn (Phụ mẫu); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Thê tài), Lục ngũ Bính Tý (Phụ mẫu), Thượng cửu Bính Dần (Huynh đệ).
- Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Lôi Phục, là quẻ thứ hai cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Canh Tý (Thê tài), Lục nhị Canh Dần (Quan quỷ), Lục tam Canh Thìn (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Huynh đệ), Lục ngũ Quý Hợi (Thê tài), Thượng lục Quý Dậu (Tử tôn).

Tốn Long (Tân đồng)

- Hướng Tốn (Tân), quẻ Tốn Vi Phong, là quẻ thứ nhất cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Thê tài), Cửu ngũ Tân Tỵ (Tử tôn), Thượng cửu Tân Mão (Huynh đệ).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Phong Cấu, là quẻ thứ hai cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Phụ mẫu), Cửu nhị Tân Hợi (Tử tôn), Cửu tam Tân Dậu (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Quan quỷ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Huynh đệ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Phong Đại Quá, là quẻ thứ bảy cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Phụ mẫu), Cửu ngũ Đinh Dậu (Quan quỷ), Thượng lục Đinh Mùi (Thê tài).
- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Phong Đỉnh, là quẻ thứ ba cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Tử tôn), Cửu nhị Tân Hợi (Quan quỷ), Cửu tam Tân Dậu (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Thê tài), Lục ngũ Kỷ Mùi (Tử tôn), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Huynh đệ).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Phong Hằng, là quẻ thứ tư cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Tử tôn), Lục ngũ Canh Thân (Quan quỷ), Thượng lục Canh Tuất (Thê tài).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Phong Tỉnh, là quẻ thứ sáu cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Huynh Đệ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Quan quỷ), Cửu ngũ Mậu Tuất (Thê tài), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ).
- Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Phong Cổ, là quẻ thứ tám cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Thê tài), Lục ngũ Bính Tý (Phụ mẫu), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ).
- Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Phong Thăng, là quẻ thứ năm cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Tân Sửu (Thê tài), Cửu nhị Tân Hợi (Phụ mẫu), Cửu tam Tân Dậu (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Thê tài), Lục ngũ Quý Hợi (Phụ mẫu), Thượng lục Quý Dậu (Quan quỷ).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ly Long (Nhâm Dần Tuất đồng)

- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Ly Vi Hỏa, là quẻ thứ nhất cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Phụ mẫu), Lục nhị Kỷ Sửu (Tử tôn), Cửu tam Kỷ Hợi (Quan quỷ); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Thê tài), Cửu ngũ Kỷ Mùi (Tử tôn), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Huynh đệ).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân, là quẻ thứ tám cung Ly, thuộc Hỏa. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Phụ mẫu), Lục nhị Kỷ Sửu (Tử tôn), Cửu tam Kỷ Hợi (Quan quỷ); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Huynh đệ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Thê tài), Thượng cửu Nhâm Tuất (Tử tôn).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Hỏa Cách, là quẻ thứ năm cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Tử tôn), Lục nhị Kỷ Sửu (Quan quỷ), Cửu tam Kỷ Hợi (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Huynh đệ), Cửu ngũ Đinh Dậu (Phụ mẫu), Thượng lục Đinh Mùi (Quan quỷ).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Hỏa Phong, là quẻ thứ sáu cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Tử tôn), Lục nhị Kỷ Sửu (Quan quỷ), Cửu tam Kỷ Hợi (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Thê tài), Lục ngũ Canh Thân (Phụ mẫu), Thượng lục Canh Tuất (Quan quỷ).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Hỏa Gia Nhân, là quẻ thứ ba cung Tốn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Huynh đệ), Lục nhị Kỷ Sửu (Thê tài), Cửu tam Kỷ Hợi (Phụ mẫu); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Thê tài), Cửu ngũ Tân Tỵ (Tử tôn), Thượng cửu Tân Mão (Huynh đệ).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Hỏa Ký Tế, là quẻ thứ tư cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Tử tôn), Lục nhị Kỷ Sửu (Quan quỷ), Cửu tam Kỷ Hợi (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Quan quỷ), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ).
- Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Hỏa Bôn, là quẻ thứ hai cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Quan quỷ), Lục nhị Kỷ Sửu (Thê tài), Cửu tam Kỷ Hợi (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Huynh đệ), Lục ngũ Bính Tý (Thê tài), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ).
- Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Hỏa Minh Di, là quẻ thứ bảy cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Kỷ Mão (Tử tôn), Lục nhị Kỷ Sửu (Quan quỷ), Cửu tam Kỷ Hợi (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Quan quỷ), Lục ngũ Quý Hợi (Huynh đệ), Thượng lục Quý Dậu (Huynh đệ).

Khôn Long (Ất đồng)

- Hướng Khôn (Ất), quẻ Khôn Vi Địa, là quẻ thứ nhất cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Huynh đệ), Lục nhị Ất Tỵ (Phụ mẫu), Lục tam Ất Mão (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Huynh đệ), Lục ngũ Quý Hợi (Thê tài), Thượng lục Quý Dậu (Tử tôn).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Địa Phủ, là quẻ thứ tư cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Tỵ (Quan quỷ), Lục tam Ất Mão (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Quan quỷ), Cửu ngũ Nhâm Thân (Huynh đệ), Thượng cửu Nhâm Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Trạch Địa Tuỵ, là quẻ thứ ba cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Tỵ (Quan quỷ), Lục tam Ất

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Mão (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Tử tôn), Cửu ngũ Đinh Dậu (Huynh đệ), Thượng lục Đinh Mùi (Phụ mẫu).

- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Địa Tấn, là quẻ thứ bảy cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Tỵ (Quan quỷ), Lục tam Ất Mão (Thê tài); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Huynh đệ), Lục ngũ Kỷ Mùi (Phụ mẫu), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Quan quỷ).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Địa Dự, là quẻ thứ hai cung Chấn, thuộc Mộc. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Thê tài), Lục nhị Ất Tỵ (Tử tôn), Lục tam Ất Mão (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Tử tôn), Lục ngũ Canh Thân (Quan quỷ), Thượng lục Canh Tuất (Thê tài).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Địa Quan, là quẻ thứ năm cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Tỵ (Quan quỷ), Lục tam Ất Mão (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Phụ mẫu), Cửu ngũ Tân Tỵ (Quan quỷ), Thượng cửu Tân Mão (Thê tài).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Địa Tỉ, là quẻ thứ tám cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Huynh đệ), Lục nhị Ất Tỵ (Phụ mẫu), Lục tam Ất Mão (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Tử tôn), Thượng lục Mậu Tý (Thê tài).
- Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Địa Bác, là quẻ thứ sáu cung Càn, thuộc Kim. Nội quái : Sơ lục Ất Mùi (Phụ mẫu), Lục nhị Ất Tỵ (Quan quỷ), Lục tam Ất Mão (Thê tài); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Phụ mẫu), Lục ngũ Bính Tý (Tử tôn), Thượng cửu Bính Dần (Thê tài).

Đoài Long (Đinh Tỵ Sửu đồng)

- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu), quẻ Đoài Vi Trạch, là quẻ thứ nhất cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Quan quỷ), Cửu nhị Đinh Mão (Thê tài), Lục tam Đinh Sửu (Phụ mẫu); Ngoại quái : Cửu tứ Đinh Hợi (Tử tôn), Cửu ngũ Đinh Dậu (Huynh đệ), Thượng lục Đinh Mùi (Phụ mẫu).
- Hướng Càn (Giáp), quẻ Thiên Trạch Lý, là quẻ thứ sáu cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Phụ mẫu), Cửu nhị Đinh Mão (Quan quỷ), Lục tam Đinh Sửu (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Nhâm Ngọ (Phụ mẫu), Cửu ngũ Nhâm Thân (Tử tôn), Thượng cửu Nhâm Tuất (Huynh đệ).
- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất), quẻ Hỏa Trạch Khuê, là quẻ thứ năm cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Phụ mẫu), Cửu nhị Đinh Mão (Quan quỷ), Lục tam Đinh Sửu (Huynh đệ); Ngoại quái : Cửu tứ Kỷ Dậu (Tử tôn), Lục ngũ Kỷ Mùi (Huynh đệ), Thượng cửu Kỷ Tỵ (Phụ mẫu).
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi), quẻ Lôi Trạch Quy Muội, là quẻ thứ tám cung Đoài, thuộc Kim. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Quan quỷ), Cửu nhị Đinh Mão (Thê tài), Lục tam Đinh Sửu (Phụ mẫu); Ngoại quái : Cửu tứ Canh Ngọ (Quan quỷ), Lục ngũ Canh Thân (Huynh đệ), Thượng lục Canh Tuất (Phụ mẫu).
- Hướng Tốn (Tân), quẻ Phong Trạch Trung Phù, là quẻ thứ bảy cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Phụ mẫu), Cửu nhị Đinh Mão (Quan quỷ), Lục tam Đinh Sửu (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Tân Mùi (Huynh đệ), Cửu ngũ Tân Tỵ (Phụ mẫu), Thượng cửu Tân Mão (Quan quỷ).
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn), quẻ Thủy Trạch Tiết, là quẻ thứ hai cung Khảm, thuộc Thủy. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Thê tài), Cửu nhị Đinh Mão (Tử tôn), Lục tam Đinh Sửu (Quan quỷ); Ngoại quái : Lục tứ Mậu Thân (Phụ mẫu), Cửu ngũ Mậu Tuất (Quan quỷ), Thượng lục Mậu Tý (Huynh đệ).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

□ Hướng Cấn (Bính), quẻ Sơn Trạch Tổn, là quẻ thứ tư cung Cấn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Phụ mẫu), Cửu nhị Đinh Mão (Quan quỷ), Lục tam Đinh Sửu (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Bính Tuất (Huynh đệ), Lục ngũ Bính Tý (Thê tài), Thượng cửu Bính Dần (Quan quỷ).

□ Hướng Khôn (Ất), quẻ Địa Trạch Lâm, là quẻ thứ ba cung Khôn, thuộc Thổ. Nội quái : Sơ cửu Đinh Tỵ (Phụ mẫu), Cửu nhị Đinh Mão (Quan quỷ), Lục tam Đinh Sửu (Huynh đệ); Ngoại quái : Lục tứ Quý Sửu (Huynh đệ), Lục ngũ Quý Hợi (Thê tài), Thượng lục Quý Dậu (Tử tôn).

Phần trên chúng tôi đã trình bày đầy đủ, rõ ràng 64 quẻ, mỗi quẻ đều chú thích cung, hào, rất dễ nhớ. Khi lên núi, vừa nhìn thì biết, không phí nhiều thời gian công sức tìm hiểu.

■ Càn Vi Thiên (Càn Long Càn hướng), Thiên Phong Cấu (Tốn Long Càn hướng), Thiên Sơn Độn (Cấn Long Càn hướng), Thiên Địa Phủ (Khôn Long Càn hướng), Phong Địa Quan (Khôn Long Tốn hướng), Sơn Địa Bắc (Khôn Long Cấn hướng), Hỏa Địa Tấn (Khôn Long Ly hướng), Hỏa Thiên Đại Hữu (Càn Long Ly hướng), Đoài Vi Trạch (Đoài Long Đoài hướng), Trạch Thủy Khốn (Khảm Long Đoài hướng), Trạch Sơn Hàm (Cấn Long Đoài hướng), Thủy Sơn Kiển (Cấn Long Khảm hướng), Địa Sơn Khiêm (Cấn Long Khôn hướng), Lôi Sơn Tiểu Quá (Cấn Long Chấn hướng), Lôi Trạch Quy Muội (Đoài Long Chấn hướng).

Hai cung Càn, Đoài đều thuộc Kim, nên Dần Mão là Thê tài, Tỵ Ngọ - Quan quỷ, Thân Dậu - Huynh đệ, Hợi Tý - Tử tôn, Thìn Tuất Sửu Mùi - Phụ mẫu.

■ Chấn Vi Lôi (Chấn Long Chấn hướng), Lôi Địa Dự (Khôn Long Chấn hướng), Lôi Thủy Giải (Khảm Long Chấn hướng), Lôi Phong Hằng (Tốn Long Chấn hướng), Địa Phong Thăng (Tốn Long Khôn hướng), Thủy Phong Tỉnh (Tốn Long Khảm hướng), Trạch Phong Đại Quá (Tốn Long Đoài hướng), Trạch Lôi Tùy (Chấn Long Đoài hướng), Tốn Vi Phong (Tốn Long Tốn hướng), Phong Thiên Tiểu Súc (Càn Long Tốn hướng), Phong Hỏa Gia Nhân (Ly Long Tốn hướng), Phong Lôi Ích (Chấn Long Tốn hướng), Thiên Lôi Vô Vọng (Chấn Long Càn hướng), Hỏa Lôi Phệ Hạp (Chấn Long Ly hướng), Sơn Lôi Di (Chấn Long Cấn hướng), Sơn Phong Cổ (Tốn Long Cấn hướng).

Hai cung Chấn, Tốn cùng thuộc Mộc, nên Dần Mão - Huynh đệ, Tỵ Ngọ - Tử tôn, Thân Dậu - Quan quỷ, Hợi Tý - Phụ Mẫu, Thìn Tuất Sửu Mùi - Thê tài.

■ Ly Vi Hỏa (Ly Long Ly hướng), Hỏa Sơn Lữ (Cấn Long Ly hướng), Hỏa Phong Đỉnh (Tốn Long Ly hướng), Hỏa Thủy Vị Tế (Khảm Long Ly hướng), Sơn Thủy Mông (Khảm Long Cấn hướng), Phong Thủy Hoán (Khảm Long Tốn hướng), Thiên Thủy Tụng (Khảm Long Càn hướng), Thiên Hỏa Đồng Nhân (Ly Long Càn hướng).

Cung Ly thuộc Hỏa, nên Dần Mão - Phụ mẫu, Tỵ Ngọ - Thê tài, Thân Dậu - Huynh đệ, Hợi Tý - Quan quỷ, Thìn Tuất Sửu Mùi - Tử tôn.

■ Khảm Vi Thủy (Khảm Long Khảm hướng), Thủy Trạch Tiết (Đoài Long Khảm hướng), Thủy Lôi Truân (Chấn Long Khảm hướng), Thủy Hỏa Ký Tế (Ly Long Khảm hướng), Trạch Hỏa Cách (Ly Long Đoài hướng), Lôi Hỏa Phong (Ly Long Chấn hướng), Địa Hỏa Minh Di (Ly Long Khôn hướng), Địa Thủy Sư (Khảm Long Khôn hướng).

Cung Khảm thuộc Thủy, nên Dần Mão - Tử tôn, Tỵ Ngọ - Thê tài, Thân Dậu - Phụ mẫu, Hợi Tý - Huynh đệ, Thìn Tuất Sửu Mùi - Quan quỷ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

■ Cấn Vi Sơn (Cấn Long Cấn hướng), Sơn Hỏa Bôn (Ly Long Cấn hướng), Sơn Thiên Đại Súc (Càn Long Cấn hướng), Sơn Trạch Tổn (Đoài Long Cấn hướng), Hỏa Trạc Khuê (Đoài Long Ly hướng), Thiên Trạch Lý (Đoài Long Càn hướng), Phong Trạch Trung Phù (Đoài Long Tốn hướng), Phong Sơn Tiệm (Cấn Long Tốn hướng), Khôn Vi Địa (Khôn Long Khôn hướng), Địa Lôi Phục (Khôn Long Chấn hướng), Địa Thiên Thái (Càn Long Khôn hướng), Lôi Thiên Đại Tráng (Càn Long Chấn hướng), Trạch Thiên Quải (Càn Long Đoài hướng), Thủy Thiên Nhu (Càn Long Khảm hướng), Thủy Địa Tỷ (Khôn Long Khảm hướng).

Hai cung Cấn, Khôn đều thuộc Thổ, nên Dần Mão - Quan quỷ, Tỵ Ngọ - Phụ mẫu, Thân Dậu - Tử tôn, Hợi Tý - Thê tài, Thìn Tuất Sửu Mùi - Huynh đệ.

NẠP GIÁP BÁT ĐẠI CỤC THỦY

Cung Ly	Tọa hướng Ly, kiến Nhâm Dần Tuất Thủy Tọa hướng Nhâm Dần Tuất, kiến Ly Thủy
Cung Khảm	Tọa hướng Khảm, kiến Quý Thân Thìn Thủy Tọa hướng Quý Thân Thìn, kiến Khảm Thủy
Cung Chấn	Tọa hướng Chấn, kiến Canh Hợi Mùi Thủy Tọa hướng Canh Hợi Mùi, kiến Chấn Thủy
Cung Đoài	Tọa hướng Đoài, kiến Thủy Đinh Tỵ Sửu Tọa hướng Đinh Tỵ Sửu, kiến Đoài Thủy
Cung Càn	Tọa hướng Càn, kiến Giáp Thủy Tọa hướng Giáp, kiến Càn Thủy
Cung Tốn	Tọa hướng Tốn, kiến Tân Thủy Tọa hướng Tân, kiến Tốn Thủy
Cung Cấn	Tọa hướng Cấn, kiến Bính Thủy Tọa hướng Bính, kiến Cấn Thủy
Cung Khôn	Tọa hướng Khôn, kiến Ất Thủy Tọa hướng Ất, kiến Khôn Thủy

Phàm Thủy đã nạp của hướng đã thấy trong bản quái đều có ý con đến thăm mẹ; mà Thủy của bản quái của hướng đã nạp giáp thì có ý mẹ tới thăm con.

NẠP GIÁP BÁT ĐẠI CỤC QUY NGUYÊN THỦY

Chấn Long kiến Canh Thủy;

Tốn Long kiến Tân Thủy;

Ly Long kiến Nhâm Thủy;

Khôn Long kiến Ất Thủy;

Đoài Long kiến Đinh Thủy;

Càn Long kiến Giáp Thủy;

Khảm Long kiến Quý Thủy;

Cấn Long kiến Bính Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trần Tử Kỳ nói :

"Tám đại cục Thủy Quy Nguyên này chính là Thôi Quan Thủy. Trong Nội quái, trừ Khảm Long Quý Thủy đi nghịch, còn trong các quái khác nếu gặp Quy Nguyên Thủy thì nó sẽ đón Thủy lập hướng, chủ về việc sản sinh đại phú đại quý".

NẠP GIÁP THẬP NHỊ CỤC TIÊU DIỆT HỶ KỴ

"Hỷ" tức là "thôi, nghỉ", ta từ nơi khác sinh tới; "Kỵ" chính là "tiêu", nó từ nơi ta sinh đi.

- Tọa hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng) hỷ Khôn (Ất đồng mà hướng khắc Thủy cũng bất lợi), kỵ Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng, hợp thập không kỵ).
- Tọa hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), hỷ Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kỵ Càn (Giáp đồng).
- Tọa hướng Càn (Giáp đồng), hỷ Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng), kỵ Tốn (Tân đồng, hợp thập không kỵ).
- Tọa hướng Tốn (Tân đồng), hỷ Càn (Giáp đồng), kỵ Cấn (Bính đồng).
- Tọa hướng Cấn (Bính đồng), hỷ Tốn (Tân đồng, thiển lượng ngộ Tốn, thì sẽ mỹ trung bất túc), kỵ Khôn (Ất đồng, hợp thập không kỵ).
- Tọa hướng Khôn (Ất đồng), hỷ Cấn (Bính đồng, hợp thập càng tốt), kỵ Chấn (Canh Hợi Mùi đồng, kiêm Bát Sát càng kỵ).
- Hai quẻ Khảm Ly không có tiêu diệt.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NẠP GIÁP QUAN QUỶ HÀO BÁT ĐẠI CỤC SÁT THỦY

- Tọa hướng Tốn (Tân đồng), kỵ Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng).
- Tọa hướng Đoài (Đinh đồng), kỵ Tỵ (Sửu đồng).
- Tọa hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng), kỵ Thân (Quý Thân Thìn đồng).
- Tọa hướng Khôn (Ất đồng), kỵ Mão (Canh Hợi Mùi đồng).
- Tọa hướng Cấn (Bính đồng), kỵ Dần (Nhâm Tuất Ly đồng).
- Tọa hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng), kỵ Hợi (Canh Mão Mùi đồng).
- Tọa hướng Càn (Giáp đồng), kỵ Ly (Nhâm Dần Tuất đồng).
- Tọa hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng), kỵ Thìn Tuất.

Trần Tử Kỳ nói :

"Bát sát Thủy không chỉ e ngại Chính Sát mà còn rất sợ Bàng Sát. Chỉ có Càn là không sợ Ly Khảm, Dần Tuất và chỉ ở hướng Âm mới là Sát".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGUYÊN NGHĨA CÁCH BÁT TƯƠNG SINH

(Phụ chú đồ hình)

Trương Tử Vi nói :

"Đồ hình này chính là cái học Hậu Thiên, Dịch Văn Vương mà họ Trâu đã nói. Nó dùng tương phản để làm thứ tự sắp xếp, suy đoán sự thay đổi và tiêu trưởng của khí hậu, các mùa, tùy theo sự bất đồng về thời lệnh mà xuất hiện các quái tượng khác nhau.

Đông Chí là Tuế Sóc, trời khởi đầu từ Tý, Nhất Dương tiềm phục ở dưới. Do vậy tháng 11 ở Tý, Âm luật của nó là Hoàng Chung, quẻ là Phục. Phục là gốc rễ của Dương, là khởi đầu của Càn là Nhất Dương; Nhất Dương sinh Độn của Nhị Âm. Tháng 12 ở Sửu, Âm luật là Đại Lữ, quẻ là Lâm, là Nhị Dương; Nhị Dương sinh Phủ của Tam Âm. Tháng Giêng ở Dần, Âm luật là Thái Thốc, quẻ là Thái, là Tam Dương; Tam Dương sinh Quan của Tứ Âm. Tháng 2 ở Mão, Âm luật : Giáp Chung, quẻ : Đại Tráng, Tứ Dương; Tứ Dương sinh Bác của Ngũ Âm. Tháng 3 tại Thìn, Âm luật : Điếm Tẩy, quẻ : Phù, Ngũ Dương; Ngũ Dương sinh Khôn của Lục Âm. Tháng 4 tại Tỵ, Âm luật : Trọng Lữ, quẻ : Càn, Lục Dương; Lục Dương sinh Phục của Nhất Âm. Tháng 5 tại Ngọ, Âm luật : Nhuy Tân, quẻ : Cấn, là gốc rễ của Âm, khởi đầu của Khôn, là Nhất Âm; Nhất Âm sinh Lâm của Nhị Dương. Tháng 6 tại Mùi, Âm luật : Lâm Chung, quẻ : Độn, Nhị Âm; Nhị Âm sinh Bang của Tam Dương. Tháng 7 tại Thân, Âm luật : Di Tắc, quẻ : Phủ, Tam Âm; Tam Âm sinh Tráng của Tứ Dương. Tháng 8 tại Dậu, Âm luật : Nam Lữ, quẻ : Quan, Tứ Âm; Tứ Âm sinh Phù của Ngũ Dương. Tháng 9 tại Tuất, Âm luật : Vô Xạ, quẻ : Bác, Ngũ Âm; Ngũ Âm sinh Càn của Lục Dương. Tháng 10 tại Hợi, Âm luật : Ứng Chuy, quẻ : Khôn, Lục Âm; Lục Âm sinh Cấn của Nhất Dương.

Phần này trình bày về sự tiêu trưởng của Âm Dương, thứ tự tuần tự của một năm. Khí tăng giảm tương sinh của chúng, bắt đầu từ Hoàng Chung, Dương giáng Âm thăng; bắt đầu từ Nhuy Tân, Âm giáng Dương thăng. Tất cả đều là thời của Thiên, khí của Địa, khi chúng là Sinh khí sẽ ứng với các vị trí thì hưng. Thánh nhân dùng Thiên thời để phán đoán, làm rõ Địa lợi, tạo ra Luật Lữ và dùng đó để đo lường trời đất; chế ra Ngọc Khuê để xác định vị trí của đất, từ đó mà suy đoán sự tương trợ".

Trương Cửu Nghi nói :

"Trương Tử Vi bản đồ hình này là cái học của Hậu Thiên, có thể là chiếu theo tiết khí mà suy luận, tính toán nó, Tiên Thiên nói Khôn tận tại Tý, Âm cực Dương sinh. Nên sau Lục Âm thì sinh Nhất Dương, quẻ Địa Lôi Phục, Âm luật Hoàng Chung, là khởi đầu của Luật lịch. Từ Đông Chí tới Đại Hàn, Nhị Dương sinh, nên Địa Trạch Lâm, đóng ở phương vị tương ứng. Từ Đại Hàn tới Vũ Thủy chính là Tam Dương sinh ra, nên Địa Thiên Thái đóng tại phương vị tương ứng. Từ Vũ Thủy đến Xuân Phân là Tứ Dương sinh thành, nên Lôi Thiên Đại Tráng cư tại phương vị tương ứng. Từ Xuân Phân tới Cốc Vũ là Ngũ Dương sinh ra nên Trạch Thiên Phù đóng tại phương vị



Hình 5-9

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

tương ứng. Từ Cốc Vũ tới Tiểu Mãn là Lục Dương sinh thành, chính là Thuần Càn, nên nói *"Càn tận tại Ngọ"*. Mà Dương cực thì Âm sinh. Từ Tiểu Mãn đến Hạ Chí là Nhất Âm sinh, nên Thiên Phong Cấu đóng ở vị trí tương ứng. Từ Hạ Chí đến Đại Thử, Nhị Âm sinh, Thiên Phong Độn đóng tại đó. Từ Đại Thử đến Xử Thử, Tam Âm sinh, Thiên Địa Phủ cư tại đó. Từ Xử Thử đến Thu Phân, Tứ Âm sinh, Phong Địa Quan cư tại đó. Từ Thu Phân đến Sương Giáng, Ngũ Âm sinh, Sơn Địa Bác cư tại đó. Từ Sương Giáng tới Tiểu Tuyết, Lục Âm thành, đây là Thuần Khôn.

Tóm lại đồ hình này trên thực tế là cái học của Hậu Thiên. Phép tắc chúng tương sinh tuần hoàn không ngừng. Nên Nhuy Tân sinh Đại Lữ, Đại Lữ sinh Di Tắc, Di Tắc sinh Giáp Chung, Giáp Chung sinh Vô Xạ, Vô Xạ sinh Trọng Lữ, Trọng Lữ sinh Hoàng Chung. Ý nghĩa của "Cách Bát Tương Sinh" chính là sinh từ Nhuy Tân đến Hoàng Chung vậy. Người dùng cách này để xem Lai Khứ của Thủy sẽ thấy Thủy cần tiến tới đón ta, ta cần sinh cho nó, thì mãi không khô cạn. Cũng chí như tọa tại Nhâm, Âm luật Hoàng Chung, quẻ Địa Lôi Phục, cần Đinh Thủy tới, nên nói : *"Hoàng Chung sinh Lâm Chung"*. Nhất Dương quẻ Phục sinh thành Nhị Âm quẻ Độn, chẳng hề đón ta, thì làm sao ta sinh nó, thế ắt suy kiệt vậy. Tốn Thủy tiến tới nên nơi Trọng Lữ sinh Hoàng Chung. Lục Dương quẻ Càn sinh thành Nhất Âm quẻ Phục, chẳng hề rời ta mà đi, như thế có thể sinh cho ta mà không rời ta ư ? Còn về khí hậu, như Nhâm sơn (là Long), Âm luật Hoàng Chung, quẻ Phục, tiết thời Đông Chí, tháng 11. Tại Tý thì dùng tháng của Trọng Lữ (nếu là Năm thì càng hay). Vì Trọng Lữ sinh Hoàng Chung, mà tháng tại Tỵ là tiết Tiểu Mãn, quẻ Thuần Càn, đạt tới cực Dương, thể tính Kim cực thịnh. Nên khi Đông Chí, Nhất Dương phục sinh, căn cơ của Kim tại đây. Tới tháng này, Nhất Âm của Hoàng Chung có được Lục Dương sinh cho, làm thế nào mà không ngừng tiến tới ta ? Nếu tháng Lâm Chung táng tại đây, Nhị Dương sinh Tam Âm, phục sinh cho Độn, sinh khí trong đất đai hư nhược, làm sao không thoát khỏi sinh khí của ta mà khiến khô cạn ? Tử Vi nói : *"Dùng Thiên thời làm rõ Địa lợi"*, ý muốn nói về Thủy pháp (cũng là Sa pháp); nói *"tạo ra Luật Lữ"* là có ý nói về Thiên thời (cũng là nói về tiết thời của việc hạ táng)".

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỊ THẬP TỨ CỤC CÁCH BÁT TƯƠNG SINH LUẬT LỮ TRANG HẠP TÍCH

Thập nhị cục Bát Can Tứ Duy

Tọa Nhâm	Đinh lai,	Tốn khứ;	Tọa Bính	Quý lai,	Càn khứ;
Tọa Quý	Khôn lai,	Bính khứ;	Tọa Đinh	Cấn lai,	Nhâm khứ;
Tọa Cấn	Canh lai,	Đinh khứ;	Tọa Khôn	Giáp lai,	Quý khứ;
Tọa Giáp	Càn lai,	Khôn khứ;	Tọa Canh	Ất lai,	Cấn khứ;
Tọa Ất	Tân lai,	Canh khứ;	Tọa Tân	Tốn lai,	Giáp khứ;
Tọa Tốn	Nhâm lai,	Tân khứ;	Tọa Càn	Bính lai,	Ất khứ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thập nhị cục Địa Chi

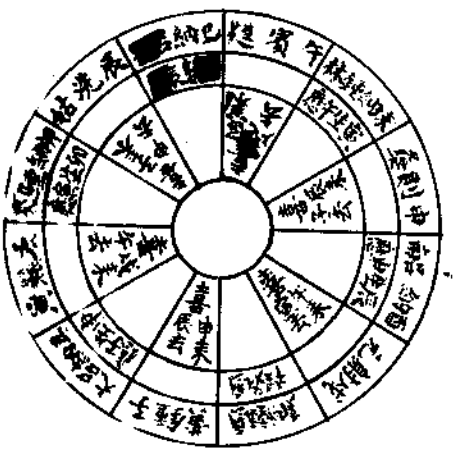
Tọa Tý	Mùi lai,	Tỵ khứ;	Tọa Ngọ	Sửu lai,	Hợi khứ;
Tọa Sửu	Thân lai,	Ngọ khứ;	Tọa Mùi	Dần lai,	Tý khứ;
Tọa Dần	Dậu lai,	Mùi khứ;	Tọa Thân	Mão lai,	Sửu khứ;
Tọa Mão	Tuất lai,	Thân khứ;	Tọa Dậu	Thìn lai,	Dần khứ;
Tọa Thìn	Hợi lai,	Dậu khứ;	Tọa Tuất	Tỵ lai,	Mão khứ;
Tọa Tỵ	Tý lai,	Tuất khứ;	Tọa Hợi	Ngọ lai,	Thìn khứ.

Trần Tử Kỳ nói :

"Phàm 24 cục, ngoài hai cục tọa Nhâm và Bính là không có tì vết, phát phúc mãi mãi ra, các cục còn lại đều như ngọc đẹp có vết. Mà, nếu Lai Khứ đều hợp với quy củ, lại không có Thủy nào khác tới phá cách thì cũng có thể phát phú quý. Song cần ghi nhớ rằng một Lai một Khứ phải hợp với cách mới có thể hạ thiên định huyệt. Nếu Thủy cần Lai mà lại là Khứ hoặc ngược lại, trong vận dụng Cửu cục, tuy không hợp cách nhưng vẫn phát phúc. Nếu Thủy từ nơi ta đến mà từ nơi khác đi (khứ) hoặc từ nơi ta đi mà lại từ nơi khác đến (lai) thì cần theo Thủy cục khác, chọn hướng tiêu nạp, không ở trong cách này. Lại có nơi Thủy đến từ Mùi, đi từ Dần; đến từ Dần, đi từ Dậu; đến từ Dậu, đi từ Thìn thì chỉ có Sinh xuất mà không có Sinh nhập, sinh khí rất yếu ớt, nên thận trọng hạ huyệt. Nếu hạ huyệt sơ suất, lập tức gia nghiệp suy vong tiêu bại".

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGUYÊN THẬP NHỊ LUẬT ĐỒNG LOẠI THÚ THÊ CHI NGHĨA



Hình 5-10

Hoàng Hồng Hiến nói :

"Trong địa lý đều có đồng loại thú thê (lấy vợ), cách bát sinh tử (sinh con), ví dụ : Hoàng Chung Tý lấy đồng loại là Nam Lữ dậu làm vợ, cách bát sinh Điếm Tẩy Thìn làm con; Điếm Tẩy Thìn lấy đồng loại là Trọng Lữ Tỵ làm vợ, cách bát sinh Hoàng Chung Dần làm con".

Trương Cửu Nghi nói :

"Đồ hình này là nhất Cách Bát Tương Sinh. Cách Bát Tương Sinh ở phía trước, đều nổi lên từ bản cung, khởi đầu từ cung thứ hai, nên dùng Cửu quyết lấy Tọa Hướng sinh Lai Thủy, Lai Thủy lại sinh Khứ Thủy, Khứ Thủy lại sinh Tọa Hướng, cứ vậy tuần hoàn tương sinh, qua lại không ngừng, chẳng sợ Mộ Khố. Tựa như Hạ Lộ Sơn, Mã Trạch trong đồ hình là nơi khởi nguồn phát phúc, Dần Long tọa

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Giáp hướng, Tuất Thủy bao bọc địa huyệt, chảy ra từ Ngọ, không lâu sau khi hạ táng sẽ phát đại phú. Nếu chỉ dựa vào thời để phán đoán, thành Hoàng Tuyền tại vị trí Dần, tuy Mã Trạch và Nhân Tài thịnh vượng, song Tam Hợp Hỏa cục lại khó tránh được họa phá tài. Tóm lại, phàm là Lai Thủy, thì ta cần sinh cho nó, không để nó cạn kiệt; phàm là Khứ Thủy thì nó phải sinh cho ta, có thể mới không làm thoát sinh khí của ta".

NHỊ THẬP TỨ CỤC CÁCH BÁT TƯƠNG SINH ĐỒNG CUNG THỦ THÊ

Thập nhị cục Bát Can Tứ Duy

Tọa Cấn	Tân lai,	Bính khứ;	Tọa Khôn	Ất lai,	Nhâm khứ;
Tọa Giáp	Càn lai,	Đinh khứ;	Tọa Canh	Tốn lai,	Quý khứ;
Tọa Ất	Nhâm lai,	Khôn khứ;	Tọa Tân	Bính lai,	Cấn khứ;
Tọa Tốn	Quý lai,	Canh khứ;	Tọa Càn	Đinh lai,	Giáp khứ.
Tọa Bính	Cấn lai,	Tân khứ;	Tọa Nhâm	Khôn lai,	Ất khứ;
Tọa Đinh	Giáp lai,	Càn khứ;	Tọa Quý	Canh lai,	Tốn khứ.

downloadsachmienphi.com

Thập nhị cục Địa Chi

Tọa Tý	Thân lai,	Thìn khứ;	Tọa Ngọ	Dần lai,	Tuất khứ;
Tọa Sửu	Dậu lai,	Tỵ khứ;	Tọa Mùi	Mão lai,	Hợi khứ;
Tọa Dần	Tuất lai,	Ngọ khứ;	Tọa Thân	Thìn lai,	Tý khứ;
Tọa Mão	Hợi lai,	Mùi khứ;	Tọa Dậu	Tỵ lai,	Sửu khứ;
Tọa Thìn	Tý lai,	Thân khứ;	Tọa Tuất	Ngọ lai,	Dần khứ;
Tọa Tỵ	Sửu lai,	Dậu khứ;	Tọa Hợi	Mùi lai,	Mão khứ.

Trần Tử Kỳ nói :

"Phàm 24 cục, phép tắc đều khởi nguồn từ Càn nhất, Đoài nhị, Ly tam, Chấn tứ, Tốn ngũ, Khảm lục, Cấn thất, Khôn bát. Quái vị của Tiên Thiên, Càn Khôn đối nhau mà có được nhất bát, Đoài Cấn cùng đối mà được nhị thất, Ly Khảm cùng đối mà có tam lục, Chấn Tốn cùng đối mà có tứ ngũ, đều phù hợp với Cửu số (cộng thành 9). Mà Tam Cửu tương sinh, như Tỵ sinh Sửu, Sửu sinh Dậu, Dậu sinh Tý, Cửu Cửu tuần hoàn, không rời chính lộ. Cách Tam Hợp Liên Châu này rất quý. Tổng quyết của nó là Tọa sinh Lai, Lai sinh Khứ, Khứ sinh Tọa.Ví dụ : Tọa Hợi cần thủy từ Mùi tới (Lai), từ Mão đi (Khứ), nó hoàn toàn không e ngại Mộ Lai Vượng Khứ hoặc Vượng Lai Sinh Khứ. Song, Thiên Can phù hợp với định số của Tam Cửu thì nên tọa Thiên Can; Địa Chi cũng vậy, có như thế mới được xem là hợp cách và có được đắt phúc".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

NGUYÊN NGHĨA THIÊN CAN HÓA HỢP

Giáp cùng Kỷ tương hợp (từ Giáp Tý đến Thìn, đắc Mậu Thìn, nên hóa Thổ). Ất cũng hợp với Canh (từ Bính Tý tới Thìn, đắc Canh Thìn, nên hóa Kim). Bính hợp với Tân (từ Mậu Tý đến Thìn, đắc Nhâm Thìn, nên hóa Thủy). Đinh hợp với Nhâm (từ Canh Tý tới Thìn, đắc Giáp Thìn, nên hóa Mộc). Mậu hợp với Quý (từ Nhâm Tý đến Thìn, đắc Bính Thìn, nên hóa Hỏa).

Trương Cửu Nghi nói :

"Thập Can hóa hợp từ đâu mà có ? Khi xưa Hoàng Đế tế lễ tại Khâu Viên. Trời giáng Thập Can. Hoàng Đế ban lệnh đặt ra Thập nhị Chi, cùng phối hợp với Thập Can, nên gọi là Thiên Can và Địa Chi. Thiên nhất Địa nhị, Thiên tam Địa tứ, Thiên ngũ Địa lục... cho tới Thiên cửu Địa thập, cứ theo đó mà tính thì Giáp nhất, Ất nhị, Bính tam, Đinh tứ... Quý thập. Như Lạc Thư lấy số 5 (ngũ) làm Chính Trung, nhất đắc ngũ là lục, do vậy Giáp hợp Kỷ... ngũ đắc ngũ thành thập nên Mậu hợp Quý. Cùng hợp thì sẽ cùng hóa, cùng hóa thì ắt phải có ngũ thập mới thành, nên Giáp Kỷ sinh từ Giáp Tý đến vị trí của ngũ, gặp Mậu Thìn thì hóa sinh thành Thổ. Đây chính là nguyên lý của cùng hợp cùng hóa vậy".

Ân sư của tôi có truyền rằng :

"Sự xảo diệu của Thập Can hóa hợp biến hóa là trong mười Can chỉ có Mậu đóng nhờ đất Khảm, Kỷ gửi thân nơi Ly. Tám Can còn lại đều tự có chính vị của mình, phép tắc là lấy Thủy và Long tương hợp. Ví dụ : Canh Long nhập thủ, Ất Thủy tới triều bái; Ất Long nhập thủ, cần có Canh Thủy tới chào đón. Đây là hóa Kim cục, cần có Kim sơn cao vút".

Sau đó tôi xem xét địa thế nhà một quân viên, thì thấy đó là Nhâm Long nhập thủ, lập tại phương vị Ngọ, khê Thủy chảy từ vị trí Thân đến Thìn, Triều sơn lại quanh co, Hà Thủy chảy từ Mùi đến Đinh, Đinh Thủy triều Bát can đường. Thầy tôi lại nói :

"Cục thế này bất lợi với Tam phòng, Lục phòng, vì Ngọ kiêm Bính gặp Dương Nhẫn, lại vì là hướng Ngọ, Đinh Thủy là Lộc Tồn, Mùi Thủy là Văn Khúc nên gia sản sẽ bị con thứ phá hết. Bởi Thủy đến triều bái thì phát tài phát phúc; song Lộc Tồn, Dương Nhẫn lại chủ về việc tuyệt tự. Đinh Thủy và Nhâm Long cùng hợp, sẽ cùng hóa, song khí đã suy hại nên sẽ ứng nghiệm về con thứ. Cục thế lại mang theo Văn Khúc, vì thế do con thứ phóng đãng mà gia sản tiêu tan. Nhưng nếu Cục ấy lập hướng tại Đinh, thì Tam phòng sẽ phát cả phú lẫn quý. Nhưng sau khi lập hướng Đinh, Thủy Thân Thìn sẽ chảy dài mãi khiến sinh khí khó giữ, gia nghiệp khó bền".

NGŨ CỤC HÓA HỢP THIÊN CAN

- *Hóa Thổ* (cần Khôn Sa cao vút, nếu có được Thiên Tài Thổ thì càng tốt) :

  Giáp Long gặp Khôn Sửu Mùi Thủy, Khôn Sửu Mùi Long gặp Giáp Thủy.

- *Hóa Kim* (cần Canh Dậu Sa cao vút, nếu có Thái Dương Kim thì càng tốt) :

  Ất Long gặp Canh Thủy, Canh Long gặp Ất Thủy.

- *Hóa Thủy* (cần Nhâm Tý Sa cao vút, nếu có được Văn Khúc Thủy thì tốt) :

  Bính Long gặp Tân Thủy, Tân Long gặp Bính Thủy.

- *Hóa Mộc* (cần Giáp Mùi Sa cao vút, nếu có Tham Lang sơn thì càng hay) :

  Đinh Long gặp Nhâm Thủy, Nhâm Long gặp Đinh Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

□ *Hỏa Hỏa* (cần Bính Ngọ Sa cao vút, nếu có Liêm Trinh Hỏa càng tốt) :

Cấn Thìn Tuất Long gặp Quý Thủy, Quý Long gặp Cấn Thìn Tuất Thủy.

Trần Tử Kỳ nói :

"Phàm Can Chi cùng hóa hợp, như hóa Thổ thì cần có phương vị của Thổ, cần gặp Thổ Sa; hóa Hỏa cần có phương vị của Hỏa, cần gặp Hỏa sơn".

La Kinh viết :

"Hỏa cục cần có Thủy từ Ngọ vị tới, Thủy cục cần Thủy từ Tý tới. Trong Thủy lộ, có Thủy cùng hóa hợp, mà nơi cùng hóa lại không có Sa cao vút thì không phải huyệt phú quý".

NGUYÊN NGHĨA LỤC HỢP ĐỊA CHI

"Tinh Lý" viết :

"Tốc độ vận hành của trời đất cực nhanh, một ngày trái đất đi một vòng, qua một độ, mặt trời mỗi ngày vận hành không quá một độ, mặt trăng mỗi ngày vận hành hơn một độ, mỗi tháng không quá 12 độ. Cho nên cứ 30 ngày thì mặt trăng gặp Địa, mặt trời cứ 360 ngày thì hội với Thiên".

Trương Cửu Nghi nói :

"Đây là Nhật Nguyệt hợp Sóc và cũng là Lục Hợp Ngũ Hành, người ta đã biết dùng nó để chọn ngày tốt, đoán ngày hung, song lại không biết địa lý cũng phù hợp với nó.

■ Dần Long nhập thủ là tháng Giêng, lúc này Thái Dương ở Tý, qua 30 ngày hợp Sóc với Thái Âm tại Hợi. Thái Dương ở Tý gặp Tý sơn thành Thái Dương cao, Thái Âm cùng hợp ở Hợi gặp Hợi Thủy là Thái Âm đắc Thủy.

Kỷ Hợi Long nhập thủ là tháng 10, lúc này Thái Dương ở Mão, qua 30 ngày hợp Sóc với Thái Âm tại Dần. Thái Dương ở Mão gặp Mão sơn là Thái Dương cao; Thái Âm tương hợp tại Dần gặp Dần Thủy là Thái Âm đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Dần Hợi.

■ Tháng 2 ở Mão, Thái Dương tại Hợi, gặp Hợi sơn là Thái Dương cao, hợp Sóc với Thái Âm tại Tuất, gặp Tuất Thủy, Thái Âm đắc Thủy.

Tháng 9 ở Tuất, Thái Dương tại Thìn, qua 30 ngày thì hợp Sóc với Thái Âm tại Mão, Thái Dương gặp Thìn sơn là Thái Dương cao. Thái Âm tương hợp tại Mão, gặp Mão Thủy là Thái Âm đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Mão Tuất.

■ Tháng 3 tại Thìn, Thái Dương ở Tuất, gặp Tuất sơn là Thái Dương cao, qua 30 ngày hợp Sóc với Thái Âm ở Dậu; Thái Âm tại Dậu, gặp Dậu Thủy là Thái Âm đắc Thủy.

Tháng 8 tại Dậu, Thái Dương ở Tỵ, qua 30 ngày hợp Sóc tại Thìn, Thái Dương gặp Tỵ sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Tỵ Thủy thì đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Thìn và Dậu.

■ Tháng 4 tại Tỵ, Thái Dương lúc này ở Dậu, qua 30 ngày hợp Sóc tại Thân, gặp Dậu sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Thân Thủy thì đắc Thủy.

Tháng 7 tại Thân, Thái Dương ở Ngọ, qua 30 ngày hợp Sóc tại Tỵ, gặp Ngọ sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Tỵ Thủy thì đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Tỵ và Thân.

■ Tháng 5 tại Ngọ, Thái Dương tại Thân, qua 30 ngày hợp Sóc tại Mùi, gặp Thân sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Mùi Thủy thì đắc Thủy.

Tháng 6 tại Mùi, Thái Dương tại Mùi, qua 30 ngày hợp Sóc tại Ngọ, gặp Mùi sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Ngọ Thủy thì đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Ngọ Mùi.

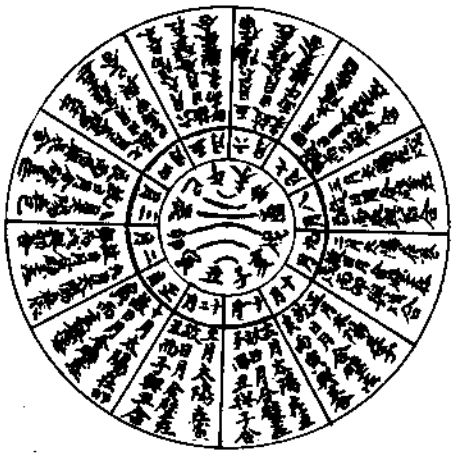
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

■ **Tháng 11 ở Tý, Thái Dương tại Dần, qua 30 ngày hợp Sóc tại Sửu, gặp Dần sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Sửu Thủy thì đắc Thủy.**

Tháng 12 tại Sửu, Thái Dương tại Sửu, qua 30 ngày hợp Sóc tại Tý, gặp Sửu sơn là Thái Dương cao. Thái Âm gặp Tý Thủy thì đắc Thủy.

Đây là nhị hợp của Tý Sửu.



Hình 5-11 : Nhật Nguyệt hợp Sóc

Tý và Sửu ở bên dưới nên Tý là Thổ, Sửu là Hỏa. Ngọ Mùi ở trên nên Ngọ là Nhật (Thái Dương) và Mùi là Nguyệt (Thái Âm). Xuân, Hạ, Thu, Đông cùng sắp xếp theo thứ tự mà tiến. Do vậy, phía Đông : Dần là Mộc, Mão là Hỏa, Thìn là Kim, Tỵ là Thủy; phía tây : Hợi là Khí, Tuất là La, Dậu là Kim, Thân là Độc, tất cả đều xác định căn cứ vào Tinh bàn. Đây là nguyên lý ứng hợp ứng hóa. Nói tới điểm kỳ diệu của Lục Hợp Địa Chi, vốn từ bên dưới Địa khí mà chuyển về bên trái, Thái Dương và Thái Âm từ bên trên chuyển sang phải. Trong Lục Hợp chỉ có Thìn Tuất có Âm Dương cùng đối nhau, Thái Dương tại Sửu Mùi đều ở bổn sơn, Thái Âm đóng ở đối diện.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

LỤC CỤC HÓA HỢP ĐỊA CHI

☐ *Thổ cục :*

Tý Long gặp Sửu Thủy (cần lập hướng Âm để tiêu nạp nó, nếu có Bính Thủy thì càng tốt); Sửu Long gặp Tý Thủy (cần lập hướng Dương, nếu có Khôn Thủy càng tốt).

☐ *Mộc cục :*

Dần Long gặp Hợi Thủy (cần lập hướng Âm, nếu có được hướng Canh thì càng tốt); Hợi Long gặp Dần Thủy (cần lập hướng Dương, có hướng Thìn càng tốt, lại thêm Thủy Sa phía Đông Thìn).

☐ *Hỏa cục :*

Mão Long gặp Tuất Thủy (cần lập hướng Dương, nếu có Càn hay Khôn Thủy thì tốt); Tuất Long gặp Mão Thủy (cần lập hướng Âm, có hướng Tốn và Hỏa Sa phía Nam càng tốt).

☐ *Kim cục :*

Dậu Long gặp Thìn Thủy (cần lập hướng Dương, nếu đắc hướng Ất, Khảm thì càng lợi); Thìn Long gặp Dậu Thủy (cần lập hướng Âm, nếu có hướng Hợi và Kim Sa phía Tây càng cát lợi).

☐ *Thủy cục :*

Thân Long gặp Tỵ Thủy (cần lập hướng Âm, nếu có hướng Bính, Mão, Cấn thì tối cát, song kỵ hướng Tốn); Tỵ Long gặp Thân Thủy (cần lập hướng Dương, nếu đắc hướng Khôn hoặc Tuất và Thủy Sa phía Bắc thì càng tốt).

☐ *Âm Dương hợp bích cục :*

Mùi Long gặp Ngọ Thủy (cần lập hướng Dương, cần Thái Dương Sa phương Mão, kỵ Càn Giáp); Ngọ Long gặp Mùi Thủy (cần lập hướng Âm, Thái Âm Sa phía Tây thì càng tốt).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trần Tử Kỳ nói :

"Long Thủy tương hợp trong các cục này, trừ trường hợp không thể nghịch thụ ra, nếu hình thế của Loan Đầu có thể nghịch thụ ra, nếu hình thế Loan Đầu có thể nghịch triều, như Mão Long, Tuất Thủy tiến tới, thì tọa ở Thìn, triều về Tuất mà gặp Hỏa Sa phương Đinh; Tuất Long, Mão Thủy tới, thì tọa ở Dậu, triều Mão gặp Hỏa Sa phương Bính Ngọ; Thìn Long, nếu Dậu Thủy tiến tới, thì tọa ở Mão, triều về Dậu, gặp Kim Sa phương Canh, Dậu; Thân Long, nếu Tỵ Thủy tiến tới thì tọa tại Hợi, triều về Tỵ, gặp Thủy Sa ở phương Sửu, Hợi; Tỵ Long, nếu có Thân Thủy tới thì tọa tại Dần, triều về phương vị Trung ương mà gặp Thủy Sa tại phương vị Sửu Hợi; Hợi Long, nếu Dần Thủy tới thì tọa tại Thân, triều về Dần, gặp Mộc Sa tại Dần, Thìn; Dần Long, nếu Hợi Thủy tới thì tọa tại Tỵ, triều về Hợi, gặp Mộc Sa phương Dần, Hợi. Mỗi Long nhập thủ đều có Sa của Thái Âm, Thái Dương như Dần Long, Thái Dương đóng ở Tỵ, Thái Âm đối chiếu tại Ngọ; từ đây có thể thấy Thìn Long, Thái Dương ở Tuất, Thái Âm ở Thìn; Tuất Long, Thái Dương tại Thìn, Thái Âm tại Tuất; Sửu Long, Thái Dương ở Sửu, Thái Âm ở Mùi; Mùi Long, Thái Dương tại bổn sơn, Thái Âm đối diện ở Sửu.

THẬP NHỊ ĐẠI CỤC
THÁI DƯƠNG THÁI ÂM SA THỦY

Dần Long (Thái Dương tại Tỵ, cần Thái Âm đối chiếu tại Ngọ)
Tỵ Sa, Ngọ Thủy.

Mão Long (Thái Dương tại Hợi, cần Thái Âm tại Tỵ)
Hợi Sa, Tỵ Thủy.

Thìn Long (Thái Dương tại Tuất, cần Thái Âm tại Thìn)
Tuất Sa, Thìn Thủy
(bổn sơn không có Thủy, chỉ cần Thái Dương Sa thì tốt).

Tỵ Long (Thái Dương tại Dậu, cần Thái Âm tại Mão)
Dậu Sa, Mão Thủy.

Ngọ Long (Thái Dương tại Thân, cần Thái Âm tại Dần)
Thân Sa, Dần Thủy.

Mùi Long (Thái Dương tại Mùi, cần Thái Âm tại Sửu)
Mùi Sa, Sửu Thủy
(Mùi Sa trên bổn sơn cần cao vút).

Thân Long (Thái Dương tại Ngọ, cần Thái Âm tại Tỵ)
Ngọ Sa, Tỵ Thủy.

Dậu Long (Thái Dương tại Tỵ, cần Thái Âm tại Hợi)
Tỵ Sa, Hợi Thủy.

Tuất Long (Thái Dương tại Thìn, cần Thái Âm tại Tuất)
Thìn Sa, Tuất Thủy
(bổn sơn không có Thủy, chỉ cần Thái Âm Sa là được).

Hợi Long (Thái Dương tại Mão, cần Thái Âm tại Dậu)
Mão Sa, Dậu Thủy.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tý Long (Thái Dương tại Dần, cần Thái Âm tại Thân)
Dần Sa, Thân Thủy.

Sửu Long (Thái Dương tại Sửu, cần Thái Âm tại Mùi)
Sửu Sa, Mùi Thủy
(Sửu Sa cần cao vút tại bổn sơn).

Trương Cửu Nghi nói :

"Nhật là tinh của Hỏa, rất cần Sa cao vút; Nguyệt là tinh của Thủy, cần có Thủy lưu cuộn trào. Mà Thìn Long có Tuất Thủy tới chào đón, Tuất Long có Thìn Thủy tới nghênh tiếp, hai cách Long Thủy này phát tài phát phúc nhanh chóng".

NGUYÊN NGHĨA HÌNH, XUNG, PHÁ, HẠI

Gồm Tam hình, Lục xung, Lục hại, Tứ phá.

☐ *Tam hình :*

+ Ngọ hình Mão, Mão hình Tý.
+ Sửu hình Tuất, Tuất hình Mùi, Mùi hình Sửu.
+ Dần hình Tỵ, Tỵ hình Thân, Thân hình Dần.

☐ *Lục xung :*

Tý Ngọ, Sửu Mùi, Dần Thân, Mão Dậu, Thìn Tuất, Tỵ Hợi xung.

☐ *Lục hại :*

Tý Mùi, Sửu Ngọ, Dần Tỵ, Mão Thìn, Thân Hợi, Dậu Tuất xuyên.

☐ *Tứ phá :*

Tý phá Mão,
Mão phá Ngọ,
Ngọ phá Dậu,
Dậu phá Tý.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trương Cửu Nghi nói :

"Ba cục Hình, Phá, Hại có Long cũng có Thủy, trong đó chúng cùng hình, phá, hại nhau như Mão Long gặp Tý Thủy (hình), Mão Long gặp Thìn Thủy (hại), Mão Long gặp Ngọ Thủy (phá). Cùng có Hướng và Thủy hình phá, hại như nhau : Ngọ hướng gặp Mão Thủy (hình), gặp Dậu thủy (phá), gặp Sửu Thủy (hại). Lại có Thủy cùng hình, phá, hại với thủy mà chẳng hề căn cứ vào Âm Dương hướng, như Giáp Thủy tới gặp Dần Thủy (xung), gặp Hợi Thủy (hại), gặp Tỵ Thủy (hình), hoặc lớn, nhỏ, lai khứ, ngưng tụ cũng vậy. Âm hướng gặp Âm Thủy hình xung phá hại, tai họa không lớn, song nếu gặp Dương Thủythì tai họa nhiều và trầm trọng. Dương hướng, cũng tương tự. Gặp phải cục phá, hại thì tài sản tiêu tán suy kiệt, gặp phải cục hình, xung thì bị đâm chém hoặc mắc tộimà bị đày nơi biên ải. Trong cục xung không hề có Long hướng. Chỉ có Thủy cục, dựa vào phương cách trên mà đoán, Ngọ hướng là Dậu lai Mão khứ, Hợi hướng thì dần lai Thân khứ".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

BA CỤC TAM HÌNH HUNG THỦY

- *Vô Ân hình :*

  Tọa hướng Dần, gặp Tỵ Thủy; tọa hướng Tỵ, gặp Thân Thủy, Dần Thủy; tọa hướng Thân, gặp Dần Thủy.

- *Thị Thế hình :*

  Tọa hướng Mùi, gặp Tuất Thủy; tọa hướng Tuất, gặp Sửu Thủy; tọa hướng Sửu, gặp Mùi Thủy.

- *Vô Lễ hình :*

  Tọa hướng Tý, gặp Mão Thủy; tọa hướng Mão, gặp Tý Thủy.

Trần Tử Kỳ nói :

"Tam hình Thủy pháp, tương hình giữa Hướng và Thủy, vốn tiềm ẩn tai họa lớn. Dù Hướng và Thủy không có quan hệ, mà trong Thủy tự có tương hình thì cũng không tốt, như Tý Thủy chảy tới triều bái, hoặc lập tại Quý, mặt quay về Nhâm, Tam Phòng tụ phát vốn rất cát lợi, bỗng có một dòng nước nhỏ tại Mão nhập, hòa vào giữa chừng; hoặc có đường nước từ trong chảy ra, loại địa thế này, Trưởng Phòng ắt sẽ tuyệt tự. Chỉ cần khi lập huyệt, quan sát kỹ hai bên tả hữu đem Mão Thủy dịch tới vị trí Giáp, Ất, như vậy Trưởng Phòng cùng Tam Phòng sẽ cùng phát tài, phúc.

THẬP NHỊ CỤC LỤC HẠI HUNG THỦY

- Tọa hướng Hợi gặp Thân Thủy (nếu hướng Nhâm cùng hợp hướng Tuất thì Thủy, Hỏa không tương khắc).
- Tọa hướng Thân gặp Hợi Thủy (nếu hướng Canh, Mùi tương hợp thì sẽ nạp giáp với Thủy của bản quái).
- Tọa hướng Tỵ gặp Dần Thủy (nếu hướng Thìn hợp Thủy thì Hỏa không khắc Thủy; hướng Ất hợp thì phụ trợ cho Tham Lang Thủy).
- Tọa hướng Dần gặp Tỵ Thủy (nếu hướng Cấn cùng hợp thì núi đầm thông khí Thủy).
- Tọa hướng Dậu gặp Tuất Thủy (nếu hướng Tuất cùng hợp thì phù trợ cho Phụ Bật Thủy; nếu hướng Thân cùng hợp thì Thủy Hỏa không tương khắc; nếu hướng Nhâm cùng hợp thì nạp giáp Thủy).
- Tọa hướng Tuất gặp Dậu Thủy (nếu hướng Dậu hợp cùng tinh quái thì phù trợ Phụ Bật Thủy; hướng Canh, Hợi cùng hợp đều là Hợp Thập; hướng Tân thì tuyệt tự).
- Tọa hướng Thìn gặp Mão Thủy (dù hướng nào cũng hợp với Phụ Bật Thủy, thì Phong sẽ tương khắc thủy; nếu hướng Trường hợp, Tam Lai hợp Bát tương thì sinh ra Thủy).
- Tọa hướng Mão gặp Thìn Thủy (hướng Thìn cùng hợp với tinh quái cùng Phụ Bật thủy; hướng Ất trước sau cùng gặp Thủy; nếu hướng Giáp hợp thì có Tham Lang Thủy).
- Tọa hướng Ngọ gặp Sửu Thủy (nếu hướng Bính hợp, núi đầm thông khí Thủy; hướng Ất hợp, nạp giáp Thủy của bản quái).
- Tọa hướng Sửu gặp Ngọ Thủy (nếu hướng là bản quái thì nạp giáp Thủy bổn quái).
- Tọa hướng Tý gặp Mùi Thủy (nếu hướng Hợi hợp, nạp giáp Thủy).
- Tọa hướng Mùi gặp Tý Thủy (nếu hướng Khôn hợp, trước sau cùng gặp Thủy; hướng Thân hợp, nạp giáp Thủy).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Trần Tử Kỳ nói :

"Sáu loại hại Thủy vừa trình bày ở trên đều có thể chuyển hướng biến hung thành cát, như Thân Thủy chào đón, tiến xa thì có thể đón Thủy lập hướng. Tam Phòng phát phú quý. Mà Thủy từ Hợi tới Trường Phòng ắt tán gia bại sản. Về Hợi Thủy đi từ Thân, Tý Thủy đi từ Mùi, Tuất, Dậu cùng tới thì rất hung hiểm, không nên hạ huyệt".

TỨ CỤC TỨ PHÁ HUNG THỦY

Tọa hướng Dậu, gặp Tý Thủy Ngọ Thủy;
Tọa hướng Tý, gặp Mão Thủy Dậu Thủy;
Tọa hướng Mão, gặp Ngọ Tý Thủy;
Tọa hướng Ngọ, gặp Dậu, Mão Thủy.

Trần Tử Kỳ nói :

"Tý Ngọ Mão Dậu rất cần có Sa tương ứng, không nên có Thủy tương phá. Vì hướng Thủy phá nhau, có thể chuyển hướng để hóa giải, biến họa thành phúc. Mà khi gặp một loại địa huyệt có Ngọ Thủy tới, lại đi từ Dậu, có Mão Thủy tới, rồi từ Ngọ đi... nếu hạ huyệt tại địa thế này ắt tán gia bại sản".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NGUYÊN NGHĨA CỦA TRUNG TINH

Trương Cửu Nghi nói :

"Tìm ngược về Trung tinh là cách nói khởi đầu từ "Nghiêu Điển", dùng 47 tinh tú để đo lường sự xoay vòng của thiên thể, nên mới định ra Lịch pháp, minh xác quý tiết làm pháp quy cho đời sau".

Mà khảo định Trung tinh của mùa Xuân thì "Nghiêu Điển" viết :

"Bình Trật Tinh tại phương Đông, nhật là trung, tinh tú là Chu Điểu tinh".

Vì vào ngày Xuân Phân, tinh tú đóng tại phương Chính Nam, Trung tinh mùa Xuân là Tỉnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn. Mà thượng tuần tháng Giêng hiện nay chỉ có sao Vị đóng tại phương Nam, như vậy mùa Xuân thuộc Vị, Ngang, Tất, Chủy, Sâm, Tỉnh, Quỷ là Trung tinh.

"Nghiêu Điển" khảo định Trung tinh mùa Hạ thì viết :

"Bình Trật tinh tại phương Nam, ngày dài, tinh tú là Hỏa".

Vì vào ngày Hạ Chí, sao Tâm đóng tại phương Chính Nam. lúc này Trung tinh mùa Hạ là : Giốc, Kháng, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Ki. Mà thượng tuần tháng Tư hiện nay, chỉ có sao Liễu đóng tại phương Nam, như vậy mùa Hạ thuộc Tinh, Trương, Dực, Giốc, Kháng làm Trung tinh.

"Nghiêu Điển" lại viết :

"Bình Trật tinh tại phương Tây, Tiêu là trung, tinh tú là Hư tinh".

Hư tinh là : Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Kim, Bích. Đây là Trung tinh mùa Thu. Mà hiện tại thượng tuần tháng 7, sao Đê ở phương Nam nên Trung tinh của mùa Thu là : Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Ki, Đẩu, Niên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Nghiêu Điển" lại viết :

"Bình Trật tinh tại phương Bắc, ngày ngắn, tinh tú là Ngang tinh".

Ở đây, Khuê, Lâu, Vị, Ngang, Tất, Chủy, Sâm là Trung tinh mùa Đông, song thượng tuần tháng 10 hiện nay, Chức Nữ ở phương Nam nên Trung tinh mùa Đông là Nữ, Hư, Nguy, Thất, Tất, Khuê, Lâu.

Vì sao lại có sự khác biệt giữa "Nghiêu Điển" và thực tế ? Là vì Thiên thể vận hành khá nhanh, di động về hướng Tây; còn nhật nguyệt tinh tú vận hành chậm, di chuyển về hướng Đông. Dùng phương pháp Tuế sai để khảo sát tinh tú sau mấy ngàn năm thì sự khác biệt cũng hợp lý. Vào thời vua Nghiêu, ngày Đông Chí đóng tại Hư tinh mà nay đóng tại Ki tinh, điều này thực dễ thấy lắm vậy. Thầy tôi có nói rằng :



Hình 5-12 : Hình Trung tinh

"Mỗi một vì tinh tú đều có quan hệ trọng yếu tới phúc họa. Ấn tinh đóng tại Đế Tòa thì tốt đẹp, cát lợi; Nạn tinh đóng tại Đế Tòa thì hung hiểm. Muốn sáng tỏ điều này trước phải biết rõ Nguyệt lệnh, sau đó xác định từng Long mạch trong 24 Long xem nó là Tư Lệnh của tháng nào tuần nào, đến tháng đó tuần đó xem tinh tú nào trực thủ Đoan môn, lại xem trong 24 chữ tinh tú đóng tại chữ nào, chữ này cần sơn thế cao vọi, Thủy tới chào hỏi. Như Cấn Long nhập thủ, chuyển về bên trái, là Tư Lệnh sau trung tuần tháng Chạp, Lâu, Kim trực thủ Đoan môn, là chữ Mậu, cần có sơn thế cao vút, Hà Thủy chuyển sang phải, Tư Lệnh thượng tuần tháng Giêng, Vị, Thổ, Thỉ trực thủ Đoan môn, chữ Tân, cần sơn thế cao vút, Thủy đến triều bái. Nếu Vị, Thổ, Cấn Đầu có được nó thì phát tài, phúc; Lâu, Kim, Cấn Đầu có nó thì hung họa, tuy chủ về quý song không bền lâu. Nếu muốn hóa giải sát khí để có kết cục toàn mỹ thì nên dùng tọa hướng, như Cấn Long Mậu phong cao vút, lập tại hướng Dần Thân, dùng làm Thực Thần, thì sẽ tiêu trừ sát khí, chuyển hung thành cát".

NGUYÊN NGHĨA HỎA TINH

Trương Cửu Nghi nói :

"Sách "Thôi Quan Thiên" có viết : *"Hỏa tinh cần khởi ứng với Thiên tú"*, lại viết : *"Tháng Trọng Xuân Hỏa tinh ở phương vị Mão"*. Tôi theo đó mà biết rằng vào tháng Trọng Xuân (giữa Xuân), sao Hỏa và sao Tâm đóng ở phương vị Đông thuộc vị trí của Mão. Từ đây có thể thấy, phương vị của Hỏa tinh suy đoán dựa theo Trung Tinh. Vì như Dần Long nhập thủ, trung tuần tháng Giêng sẽ làm Tư Lệnh, lúc hoàng hôn trong tuần, sao Ngang đóng tại Đoan Môn, như vậy sao Hỏa và sao Tâm sẽ đóng tại vị trí sao Nguy. Cho nên Dần Long gặp Dậu Sa cao vút làm Đế Tòa có tinh tú gặp Nhâm Sa làm Hỏa tinh, ứng với Thiên Tú. "Thôi Quan Thiên" lại viết : *"Hỏa tinh không sinh thì quan chức thấp, không cao vút nhưng có Nhật, Nguyệt sáng thì chủ sinh quý nhân"*.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Sự sắp xếp của 2 Sa Trung tinh và Hỏa tinh :

☐ *Tháng 1 :*

Thượng tuần : Cấn Long làm Tư Lệnh, hoàng hôn sao Vị tại Đoan Môn Tân, Hỏa tinh lúc này ở Nhâm.

Trung tuần : Dần Long Tư Lệnh, hoàng hôn sao Ngang tại Dậu, Hỏa tinh tại Nguy Nhâm.

Hạ tuần : Giáp Long Tư Lệnh, hoàng hôn sao Nguy Chủy tại Canh, Hỏa tinh tại vị trí của Hư, Tý.

☐ *Tháng 2 :*

Sau ngày Sóc : Mão Long Tư Lệnh, hoàng hôn sao Chủy tại Canh, Hỏa tinh tại Chức Nữ Quý.

Sau ngày Vọng : Ất Long Tư Lệnh, hoàng hôn Sâm tại Thân, Hỏa tinh tại Ngưu Nữ.

☐ *Tháng 3 :*

Sau ngày Sóc : Thìn Long Tư Lệnh, hoàng hôn Tỉnh tại Khôn, Hỏa tinh tại Đẩu Cấn.

Sau ngày Vọng : Tốn Long Tư Lệnh, hoàng hôn sao Quỷ tại Mùi, Hỏa tinh tại Kỉ Dần.

☐ *Tháng 4 :*

Thượng tuần : Tốn Long làm Tư Lệnh, hoàng hôn Liễu tại Đinh, Hỏa tinh tại Vĩ, Thân.

Trung tuần : Kỷ Long Tư Lệnh, hoàng hôn Tỉnh tại Ngọ, Hỏa tinh tại Tâm.

Hạ tuần : Bính Long Tư Lệnh, hoàng hôn Trương tại Bính, Hỏa tinh tại Phòng, Mão.

☐ *Tháng 5 :*

Sau ngày Sóc : Ngọ Long Tư Lệnh, hoàng hôn Dực tại Bính, Hỏa tinh tại Đê Ất.

Sau ngày Vọng : Đinh Long Tư Lệnh, hoàng hôn Chẩn tại Kỷ, Hỏa tinh tại Kháng, Thìn.

☐ *Tháng 6 :*

Sau ngày Sóc : Mùi Long Tư Lệnh, hoàng hôn Giốc tại Tốn, (Hỏa tinh tại Giốc, Tốn).

Sau ngày Vọng : Khôn Long Tư Lệnh, hoàng hôn Kháng tại Thìn, Hỏa tinh tại Chẩn Kỷ.

☐ *Tháng 7 :*

Thượng tuần : Khôn Long làm Tư Lệnh, hoàng hôn Đê tại Kỷ, Hỏa tinh tại Dực Bính.

Trung tuần : Thân Long Tư Lệnh, hoàng hôn Phòng tại Mão, Hỏa tinh tại Trương Bính.

Hạ tuần : Canh Long Tư Lệnh, hoàng hôn Tâm tại Giáp, Hỏa tinh tại Tỉnh Ngọ.

☐ *Tháng 8 :*

Sau ngày Sóc : Dậu Long Tư Lệnh, hoàng hôn Vĩ tại Thân, Hỏa tinh tại Liễu Đinh.

Sau ngày Vọng : Tân Long Tư Lệnh, hoàng hôn Kỉ tại Dần, Hỏa tinh tại Quỷ Mùi.

☐ *Tháng 9 :*

Sau ngày Sóc : Tuất Long Tư Lệnh, hoàng hôn Đẩu tại Cấn, Hỏa tinh tại Tỉnh Khôn.

Sau ngày Vọng : Càn Long Tư Lệnh, hoàng hôn Ngưu tại Sửu, Hỏa tinh tại Sâm Thân.

☐ *Tháng 10 :*

Thượng tuần : Càn Long Tư Lệnh, hoàng hôn Nữ tại Quý, Hỏa tinh tại Chủy Canh.

Trung tuần : Hợi Long Tư Lệnh, hoàng hôn Hư tại Tý, Hỏa tinh tại Tất Dần.

Hạ tuần : Nhâm Long Tư Lệnh, hoàng hôn Nguy tại Nhâm, Hỏa tinh tại Ngang Dậu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Tháng 11 :

Sau ngày Sóc : Tý Long Tư Lệnh, hoàng hôn Thất tại Nhâm, Hỏa tinh tại Vị Tân.

Sau ngày Vọng : Quý Long Tư Lệnh, hoàng hôn Bích tại Hợi, Hỏa tinh tại Lâu Tuất.

Tháng 12 :

Sau ngày Sóc : Sửu Long Tư Lệnh, hoàng hôn Khuê tại Càn, Hỏa tinh tại Khuê Càn.

Sau ngày Vọng : Cấn Long Tư Lệnh, hoàng hôn Lâu tại Tuất, Hỏa tinh tại Bích Hợi.

NGUYÊN NGHĨA THỦY PHÁP QUẺ PHỤ BẬT

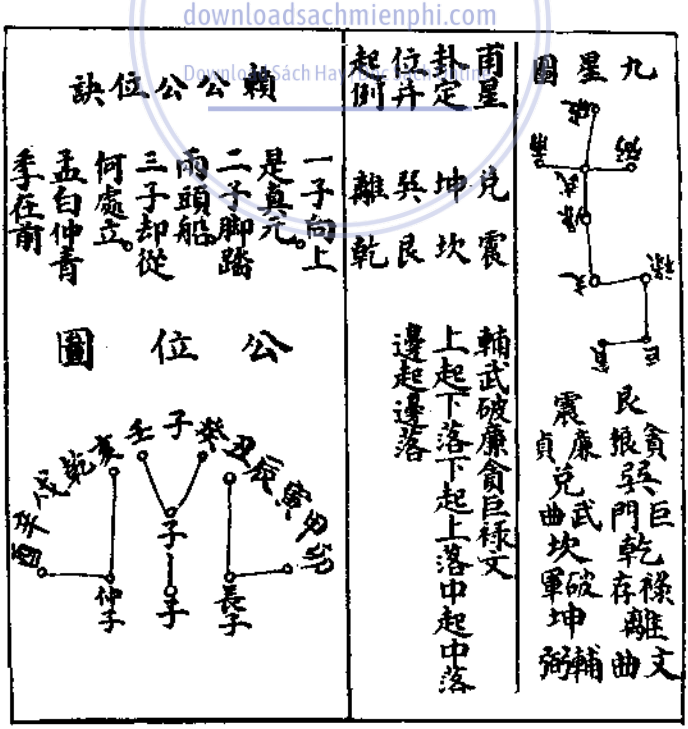
Trần Tử Kỳ nói :

"Dùng độ xoay chuyển của Thái Dương để đối chiếu với Trung Tinh của Hôn, Dạ, Đán thì mỗi một vì tinh tú của Dạ và Đán đều không thể dễ dàng bỏ qua, nhưng vì sao người xưa chỉ xem trọng tinh tú của Hôn ?"

Trương Cửu Nghi nói :

"Quý vị có biết vì sao Trung Tinh của hoàng hôn (Hôn) lại tôn quý không ? Nguyên khí sở hóa của trời đất chuyển động từ cán của chòm sao Bắc Đẩu đến hiển hiện. Cho nên khi cán chỉ hướng Dần thì tiết thời mùa Xuân, chỉ hướng Tỵ là mùa Hạ, chỉ hướng Thân là mùa Thu, chỉ hướng Hợi là mùa Đông, mà thời gian để quan sát cán sao trong chòm sao Bắc Đẩu là vào lúc hoàng hôn. Do thế mà nó tôn quý vậy".

Bảy tinh tú trong chòm sao Bắc Đẩu gồm : Tham Lang, đóng ở vị trí thứ nhất, Cự Môn thứ hai, Lộc Tồn thứ ba, Văn Khúc thứ tư, Liêm Trinh thứ năm, Vũ Khúc thứ



Hình 5-13

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sáu, Phá Quân thứ bảy. Hai bên cạnh Vũ Khúc còn có hai sao Tả Phụ và Hữu Bật, tổng cộng là 9 vì sao (Cửu tinh). Người xưa dùng đó mà phán đoán Loan Đầu, định Thủy pháp. Mà Loan Đầu Cửu tinh thì thiên biến vạn hóa, Thủy pháp lấy Phụ Bật làm một vì tinh tú hợp với Tham, Cự, Lộc, Văn, Liêm, Vũ, Phá mà thành 8 vì sao và phối hợp với 8 Thủy thành 64 cách biến hóa. Vì ngoài hai quẻ Thiên Địa, Phụ Mẫu ra, còn có các quẻ Hồ Trung, Phúc Đức, Ngũ Quỷ, nên mỗi quẻ đều có 8 cách biến hóa. Ví dụ như quẻ Phụ Bật có tứ cát, tứ hung. Phụ, Vũ, Tham, Cự là tứ cát; Phá, Liêm, Lộc, Văn là tứ hung. Nếu có được Thủy cát thì phú quý song toàn; gặp hung Thủy thì tai họa.(Hình 5-13).

Phụ, Vũ, Phá, Liêm, Tham, Cự, Lộc, Văn (theo thứ tự) :

- Hướng Càn (Giáp đồng) : Càn, Ly, Cấn, Tốn, Khảm, Khôn, Chấn, Đoài.
- Hướng Ly (Nhâm Dần Tuất đồng) : Ly, Càn, Tốn, Cấn, Khôn, Khảm, Đoài, Chấn.
- Hướng Cấn (Bính đồng) : Cấn, Tốn, Càn, Ly, Chấn, Đoài, Khảm, Khôn.
- Hướng Tốn (Tân đồng) : Tốn, Cấn, Ly, Càn, Đoài, Chấn, Khôn, Khảm.
- Hướng Khảm (Quý Thân Thìn đồng) : Khảm, Khôn, Chấn, Đoài, Càn, Ly, Cấn, Tốn.
- Hướng Khôn (Ất đồng) : Khôn, Khảm, Đoài, Chấn, Ly, Càn, Tốn, Cấn.
- Hướng Chấn (Canh Hợi Mùi đồng) : Chấn, Đoài, Khảm, Khôn, Cấn, Tốn, Càn, Ly.
- Hướng Đoài (Đinh Tỵ Sửu đồng) ; Đoài, Chấn, Khôn, Khảm, Tốn, Cấn, Ly, Càn.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CÁT HUNG QUẺ PHỤ BẬT

Trương Cửu Nghi nói :

"Cửu tinh định thứ tự, Tham, Cự, Lộc, Văn, Liêm, Vũ, Phá, Phụ, Bật, theo đó mà phân vị, bắt đầu từ Cấn".

Nên trong "La Kinh", Tham Lang đóng tại Cấn, Cự Môn tại Tốn, Lộc Tồn tại Càn, Văn Khúc tại Ly, Liêm Trinh tại Chấn, Vũ Khúc tại Đoài, Phá Quân tại Khảm, Phụ Bật tại Khôn.

Loại Thủy pháp này bắt đầu từ Tả Phụ, thuận theo thứ tự mà sắp xếp : Phụ, Vũ, Phá, Liêm, Tham, Cự, Lộc, Văn mà phân vị thì còn có 14 hướng nữa. Do vậy mỗi một đường Thủy lộ đều có đủ Phụ, Vũ, Phá, Liêm, Tham, Cự, Lộc, Văn.

- Tả Phụ tại Bát quái là bản cung, trong Ngũ Hành là Nhị Mộc, trong Thiên Cơ là Thái Dương, chủ sinh người nhân từ, hiếu thuận, đời đời phú quý vinh hoa, nam làm Phò mã, nữ làm cung phi, mệnh phụ.
- Hữu Bật là quẻ Thiên Địa Phụ Mẫu, trong Ngũ Hành là Hỏa, tại Thiên Cơ là Thái Âm, chủ sinh người thông kim bác cổ.
- Vũ Khúc trong các quẻ là Phúc Vị, trong Ngũ Hành là Nhất Kim, trong Thiên Cơ là Kim Thủy, chủ sinh người tướng mạo thanh tú, đỗ đạt cao, phú quý song toàn.
- Phá Quân trong các quẻ là Tuyệt Mệnh, trong Ngũ Hành là Nhị Kim, tại Thiên Cơ là Thiên Tinh, chủ sinh người tính tình hung bạo, khát máu, hoặc sinh người câm điếc, thể chất hư nhược, thiếu niên chết yểu.
- Liêm Trinh trong các quẻ là Ngũ Quỷ, tại Ngũ Hành là Độc Hỏa, trong Thiên Cơ là Bạo Hỏa, chủ sinh người tính tình

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cuồng bạo, bất hiếu, khinh mạn, sẽ gặp phải các tai họa như hổ vồ, sét đánh, cháy nhà. Nếu Liêm Trinh, Cự Môn hai đường Thủy cùng nhập dòng thì chủ về người của bản phòng phát đạt, mang theo Cự Môn tinh thì phát phú, mang theo Vũ Khúc thì phát quý. Nếu chỉ có Liêm Trinh Thủy thì người bản phòng sẽ tuyệt tự. Nếu cùng nhập dòng với Văn Khúc Thủy thì chủ gặp tai họa mãnh thú vồ.

- Tham Lang trong các quẻ là Sinh Khí, tại Ngũ Hành là Nhất Mộc, ở Thiên Cơ là Tử Khí, chủ về sinh người thông minh dĩnh ngộ, hiếu thuận, ruộng đất nhiều, tài sản sung túc, đông con cháu.
- Cự Môn trong các quẻ là Thiên Y, tại Ngũ Hành là Nhất Thổ, ở Thiên Cơ là Thiên Tài, chủ sinh người tính tình trung hậu, sống lâu, trong nhà có thần đồng, phát tài phúc.
- Lộc Tồn trong các quẻ là Tuyệt Thể, tại Ngũ Hành là Nhị Thổ, ở Thiên Cơ là Cô Diệu, chủ sinh hòa thượng, đạo sĩ, tính tình ngoan cố, hành sự cuồng vọng, ly tổ tha hương, nam thì dâng điếm, nữ thì dâm loạn hoặc khó sinh, tự vẫn mà chết, lại chủ sinh người tàn phế, khiếm khuyết.
- Văn Khúc tại các quẻ là Du Hồn, ở Ngũ Hành là Nhất Thủy, trong Thiên Cơ là Tảo Đãng, chủ sinh người tính dâm loạn, xảo trá, tham rượu chè cờ bạc, háo sắc, sinh người mắc chứng điên cuồng, mù lòa, phải tha hương cầu thực.

TIÊU SƠN THỦY PHÁP

Cung Khôn

Khôn Thủy hợp cục chủ phú quý, Long Ất, Quý, Càn, Ly gặp Khôn Thủy tới chào đón lại có sơn mạch trông tựa lá cờ thì chủ nam làm tướng, nữ là mệnh phụ. Nếu có một sơn phong thẳng, cao, thì chủ đỗ đạt cao, không thẳng thì chỉ làm tới chức quan nhỏ, sơn phong hỗn loạn, phá cục, Thủy tới triều nhập dòng thì chủ nữ góa bụa, nếu là Mão Long thì nữ khó lấy chồng.

Ất Thủy hợp cục cũng chủ phú quý, song sinh gái nhiều hơn trai. Khôn Long gặp Ất Thủy thì quan chức cao, Nhâm Long cũng vậy. Phá cục chủ tai nạn về chân tay, đời sau nữ nhiều nam ít.

Cung Đoài

Đoài Thủy hợp cục, sinh người văn nhã, thanh cao. Đinh Long gặp sơn thủy này chào đón thì sinh quý nhân. Cấn Long cũng vậy. Nếu ở phương vị này có sơn chào thủy đón, lại có Tốn phong cao vút đẹp đẽ, thì chủ sinh quý nhân phò giúp vua chúa. Đoài Thủy phá cục chủ người dâm loạn. Tốn Long gặp Đoài Thủy chào đón, thì chủ nhân phạm tội mà bị phạt. Tý, Ngọ, Thìn, Tuất Long gặp Đoài Thủy Lai Khứ thì chủ con gái tư tình. Mão, Tuất Long gặp sơn mạch này chủ chết nơi chiến trường. Đinh Thủy hợp cục là Nam Cực tinh, chủ về trường thọ. Dậu Long gặp Sa Thủy phương Bắc chào đón thì cực quý. Nó và Tốn, Bính cùng là Tam Dương. Chỉ cần Âm Long gặp Đoài Thủy thì có thể phát quý. Cấn Long gặp phong loan phương Bắc cao vút, lại có Thủy chào đón thì chủ nam làm vương hầu, nếu phá cục thì người bị đau bụng mà chết.

Tỵ Thủy hợp cục, tôi tớ đông đúc. Mão Long gặp Tỵ Thủy tới, chủ đại phú. Cấn, Hợi Long gặp sơn phong hình tròn lại có Thủy bao bọc, chủ làm quan chức vị cao. Phá cục

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

khiến người thổ huyết, mắc bệnh lao, thiếu niên yểu chiết. Dậu Long gặp Tỵ Thủy chào đón, phong thủy cùng tới, chủ họa sát thân, hoặc phạm tội, hoặc bị rắn cắn. Sửu Long gặp Tỵ Thủy cũng gặp họa chết người. Tỵ và Hợi địa là đất Trường Sinh, Âm Long gặp nơi này có Sa cản trở, chủ đàn bà không sinh đẻ được, nếu gặp sơn hình tròn thì trụy thai. Sửu Thủy hợp cục, giàu có ức triệu, nhà cửa đất đai nhiều. Sửu Thủy phá cục, chủ sinh người làm hòa thượng, đạo sĩ hoặc chết sớm. Thìn, Tuất Long gặp Phá cục, chủ về bệnh tật hoặc chết bất đắc kỳ tử. Càn, Khôn Long gặp Sa cao vút nhọn hoắt chủ sinh người làm đồ tể.

Cung Khảm

Khảm Quý Thủy hợp cục, chủ phát phú, sinh đôi. Ngọ Long gặp nơi này có Sa đẹp đẽ, có Thủy chào đón, thì có thể sinh quan quý. Khôn, Ngọ, Tốn, Dậu Long gặp Khảm, Tốn Thủy ắt sinh song thai. Khôn Long phần nhiều sinh đôi con gái, về sau gia nghiệp hưng thịnh. Tốn, Dậu Long sinh đôi con gái, về sau gia nghiệp suy tàn. Khảm, Tốn Thủy phá cục là Đào hoa, chủ con gái trong nhà dâm loạn. Nếu tại nơi này có Viên trường thì chủ trụy thai, nếu Thủy lưu thịnh vượng thì chủ sự chết đuối, tự tử. Chấn, Cấn, Hợi Long gặp Sửu Thủy, Quý Thủy chảy vào mộ phần hoặc có hai Thủy giao kết ngưng đọng thì chủ về anh em gặp nạn chết người, thiếu niên chết sớm hoặc nữ nhân dùng độc hại người, về bệnh tật thì chủ về bệnh trướng bụng. Thân Thủy hợp cục, chủ tôi tớ đông đúc, gia nghiệp hưng thịnh, thuở niên thiếu tiếng tăm vang lừng. Nếu là Phá cục thì gia chủ mắc bệnh lao. Mão Long gặp Thân Thủy phá cục, chủ phạm trọng tội bị hành quyết, hoặc vì phạm tội mà bỏ trốn.

Thìn Thủy hợp cục chủ phát đại phú. Càn Long gặp Thìn Thủy Lai Khứ thì phát phú. Phá cục thì chủ về các tai họa : chết đuối, không con thừa tự. Dậu Long gặp Thìn Thủy chủ sinh người câm hoặc sứt môi. Sửu, Mùi Long gặp Thìn Thủy chủ bệnh tật, đói rét.

Cung Chấn

Chấn Thủy hợp cục văn võ song toàn, sinh người có tài đảm lược. Canh Long gặp Chấn Thủy tụ tài phát phúc. Nếu có sơn phong cao vút thì sinh đại tướng nắm quyền sinh sát. Phá cục là Mộc Dục, chủ dâm loạn, trộm cướp. Khôn Long gặp Thìn Thủy Lai Khứ chủ tai họa đâm chém, gia sản tứ tán hoặc bị cướp bóc.

Canh Thủy hợp cục dù là Lai hay Khứ đều phát phú, thiên về võ nghiệp, làm đến đại tướng. Mão Long gặp Canh Thủy sinh đại quan, có Canh sa cao vút thì nắm giữ binh quyền, nếu có Tứ thần Nhân tướng củng chiếu hộ vệ thì sinh đại tướng uy danh hiển hách. Cấn, Hợi Long gặp nơi này có sơn phong đẹp đẽ giống hình phán quan thì quan viên chỉ vì vài lời nói là bị tống vào ngục. Tốn Long gặp nơi đây có sơn phong cao vút thì chủ làm quan văn liêm chính. Phá cục chủ trong nhà sinh trộm cướp. Nếu Nhâm Long có Tý sơn Ngọ hướng gặp nơi này lại có Tiêm phong cao vút, chủ sinh tướng cướp. Canh, Thân Thủy nhập dòng, tiến thẳng tới, chủ người bị sát hại. Nếu ở phương vị Bính Đinh có sao Thủy cao chiếu thì chủ kết bè kéo đảng cưỡng chiếm tài sản của người khác.

Hợi Thủy hợp cục cả Lai, Khứ cũng đại phú, tôi tớ, tài lộc hưng thịnh. Mão, Tốn Long gặp Hợi Thủy chủ phát đại phú. Nếu Phá cục thì thiếu niên mắc bệnh lao. Ngọ Long gặp Phá cục, gia nghiệp suy tàn. Mùi

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thủy hợp cục phát tài, điền sản nhiều, song sinh người cố chấp, bảo thủ, tin theo tà giáo. Mão Long gặp Mùi Thủy tới thì phát phú, nhưng nếu là Thủy Khứ thì thiếu niên yểu chiết, bất hiếu bất trung.

Cung Cấn

Cấn Thủy hợp cục có Khố sơn, Thủy chào đón thì phát đại phú. Bính Long gặp nơi này có Thủy chào đón, sơn cao đẹp thì đỗ đạt cao, nếu sơn phong nhỏ cũng chủ vàng bạc lúa gạo đầy nhà. Nếu có Tam thai và Triều Thủy tới thì có thân thích với hoàng tộc. Phá cục thì chủ đói nghèo, không có sơn phong thì tuy tài giỏi mà không được tin dùng.

Bính Thủy hợp cục chủ trường thọ, vô tai, người phạm tội gặp Sa Thủy nơi này ắt được cứu. Cấn Long gặp Sa Thủy nơi đây chủ thăng quan tiến chức, nếu lại có Ấn sơn hoặc Triều Thủy thì làm công hầu khanh tướng; nếu có Khố sa, Triều Thủy thì phú gia địch quốc. Phá cục chủ suy bại, gặp nạn cháy nhà, nếu nhập dòng với Ngọ Thủy thì các năm Dần Ngọ Tuất thường sinh hỏa tai.

Cung Tốn

Tốn Thủy hợp cục, Tân, Hợi Long gặp nơi này có Thủy đến chào, sơn phong cao vút thì thiếu niên thi cử đỗ đạt cao, văn chương lừng danh thiên hạ. Nếu có hai sơn phong thì anh em cùng nắm tay dắt nhau vào Viện Hàn lâm. Tốn, Canh, Mão Long gặp Tốn Thủy thì nhân sĩ đảm lược. Tốn phương là Trường An, nếu có Thủy đến chào đón thì có thể nhờ người con gái mà phát tài, nhờ vợ mà có quyền cao chức trọng. Nếu có Nga Mi sơn thì con gái là cung phi, con trai làm Phò mã. Nếu dòng Thủy lưu này từ phương vị Cấn, Mão thì chủ trường thọ, duy có Cấn Long gặp nơi này tuy phát quý nhưng không thọ. Phá cục thì gia nghiệp lụn bại, nơi này có Thủy đến chào đón thì đỗ đạt. Phá cục thì đói nghèo, gia nghiệp suy tàn, phải tha phương cầu thực.

Cung Càn

Càn Thủy hợp cục, phú quý song toàn. Khôn, Giáp Long gặp nơi này có sơn phong cao vút, Thủy đến chào đón thì đời đời giàu sang. Ngọ Long gặp Càn Thủy, làm đến chức Tể tướng. Thìn Long có Càn Thủy đến chào đón, phát đại phú đại quý. Phá cục thì sinh người tàn tật câm điếc, tuyệt tự, khắc thê. Bính, Tốn Long gặp Thủy đến thì tai họa nhiều. Bính, Đinh, Mão, Tốn Long gặp hai đường Thủy Càn Hợi cùng đến chào đón, chủ sự chết chóc, bệnh thổ huyết.

Giáp Thủy hợp cục, phát phú quý. Càn Long gặp Giáp Thủy, sơn thủy đẹp đẽ thì thiếu niên văn tài vang danh thiên hạ. Phá cục chủ sinh người cuồng điên. Các phương vị khác nếu có sơn phong hình thể bài thì làm đạo sĩ, họa công.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cung Ly

Ly Thủy hợp cục, phát phú quý. Nhân, Tý, Quý Long gặp Ly Thủy chào đón, Sa sơn đẹp đẽ, lại có phương Càn, Nhâm tiết chế, Long Hổ hộ vệ thì sinh Trạng nguyên, công khanh. Ly Thủy Lai lẫn Khứ đều chủ gia nghiệp hưng thịnh, song phải ly hương mới phát. Phá cục chủ hỏa tai, cướp bóc. Nếu các phương vị có ụ đất thì tránh được hỏa hoạn, song người này phải bị mù. Mão, Cấn Long gặp nơi này, ngoài sáng trong tối, Ly Thủy lại chảy ra từ cửa Thiên Tào thì nữ nhân dâm đãng. Càn Long gặp Ly Thủy gia nghiệp lụn bại, người mắc nạn hình ngục khó thoát.

Nhâm Thủy hợp cục, gia nghiệp phát đạt, tài lộc hưng vượng. Ngọ Long được Nhâm Thủy chào đón, Sa sơn tốt đẹp thì văn võ song toàn, làm công hầu. Khôn Long gặp Nhâm Thủy cũng phát quý. Nếu Nhâm Thủy Lai thì phú quý; Nhâm Thủy Khứ thì phải lập nghiệp nơi đất khách quê người mới tốt. Phá cục thì gia nghiệp tàn lụi, sinh người tính phóng đãng, lưu manh. Thủy vượng thì mắc bệnh phù thũng; Thủy Khứ chủ sự trốn chạy vì phạm tội.

Dần Thủy hợp cục là Tràng Sinh Thủy, gia nhân và tài lộc dồi dào. Ất Long gặp Dần Thủy Lai thì phải rời xa quê cha đất tổ mới phát đại phú. Nếu có ụ đất thì trong nhà sinh đồng cốt, tuy nổi tiếng song không bền. Phá cục sinh người điên dại, mù lòa, bị hổ vồ.

Tuất Thủy hợp cục phát phú, nhà cửa ruộng vườn nhiều, Thìn Long gặp Tuất Thủy phát đại phú. Phá cục sinh người mắt mù tai điếc hoặc khắc vợ hại con. Mão Long gặp Tuất Thủy đến chào đón thì sinh người câm (nếu lập tại hướng Tuất là Kim Mộc thì mới quý hiển). Cấn Long gặp Tuất Thủy, chủ sinh người tàn tật. Sửu Mùi Long gặp Thủy này thiếu niên chết sớm, hoặc bất trung bất hiếu. Canh Dậu Long gặp Tuất Thủy có Đao sa, chủ sự đâm chém chết người.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TAM ĐÀN TỬ



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nội dung

Trang

Tử đàn tử tự 614

THIẾT ĐÀN TỬ

LINH THÀNH TINH NGHĨA TRUYỀN TÂM

Chính quyết chương hình khí 615

KIM ĐÀN TỬ

THẦN BẢO CHÂN KINH TRUYỀN TÂM

Loan đầu tâm pháp (Địa lý chi thể) 638

KIM ĐÀN TỬ

TRỰC CHỈ THỐNG TÔNG TRUYỀN TÂM

Thiên tinh tâm pháp (Địa lý chi dụng) 647

Tuyển trạch tâm pháp 652

NGỌC ĐÀN TỬ

VÔ KHU CHÂN KINH TRUYỀN TÂM

Thẩm Long 656

1. Long thế 656
2. Tổ tông 656
3. Phân tự 656
4. Hiệp biến 656
5. Yên pháp 656
6. Kiếp tịch 657
7. Xuyên lạc 657
8. Chuyển biến 657
9. Hình thế 657
10. Loan đầu 657

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thẩm Huyệt 658
1. Huyệt nguyên 658
2. Huyệt tổng 658
3. Huyệt cương lĩnh 658
4. Ngũ tinh 658
5. Phép kết huyệt 659
6. Ky Long pháp 659
7. Sáp pháp 659
8. Thừa tiếp pháp 659
9. Huyệt nội chứng nghiệm 659
10. Huyệt nội tác pháp 660
Thẩm Thủy 660
1. Thủy nguyên 660
2. Minh Đường 660
3. Thủy Khẩu 660
4. Thủy cục 661
Thẩm Sa 661
1. Long Hổ 661
2. Triều lạc 661
3. Chiếu ứng 661
4. Quan Quỷ 662
5. Cầm Diệu 662
6. Phương vị 662

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TỨ ĐÀN TỬ TỰ

Phong thủy địa lý vốn hoàn toàn không khó, chỉ là do người ta tự cho nó quá khó mà thôi. Lý khí vốn hoàn toàn chẳng dễ, chỉ là do người ta cảm thấy nó dễ mà thôi. Khó là vì không được chân truyền về phong thủy, không nắm vững cát hung cùng sự biến hóa. Dễ là vì học lỏm được đôi ba điều không cơ bản về thuật phong thủy đã huênh hoang đàm luận lung tung về phú quý bần tiện, khiến ta thấy đau lòng.

Ta có được ba bản "Thiên thư" của Gia Luật Sở Tài. Gia Luật Sở Tài từng dày công sưu tầm, nghiên cứu Âm Dương Ngũ Hành, khảo sát bí ẩn của tạo hóa, đạo lý của Lý Khí trong nhiều năm, không màng đến danh vọng, chỉ lo kiến thức học vấn chưa tinh thâm. Ông nói các bản sách "Nguyên Châu Kinh - Thiết Đàn Tử", "Nguyên Châu Kinh - Kim Đàn Tử", "Nguyên Châu Kinh - Ngọc Đàn Tử" này là của Hoàng Thạch Công truyền lại. Kỳ thực các bản "Thiên thư" ấy là một phần tinh hoa của Lý Khí, của "Thiên Cơ" được tuyển lựa, soạn thành ba tập, sách không dày, lời lẽ cô đọng, nhưng ý tứ thâm thúy, trình bày mạch lạc, rõ ràng. Quả là tâm pháp chân chính xưa nay. Phàm người đời sau học và hành thuật phong thủy, muốn học Chân Kinh, đều phải tự tham khảo và lưu giữ bộ sách ấy như vật báu, vì nó chứa đựng tinh diệu của phong thủy địa lý.

Bốn thư này, Hoàng Thạch Công vốn gọi là "Địa lý nguyên châu", Dương Quân Tùng gọi là "Âm Dương thao lược", Tăng Cường gọi là "Lý Khí tâm kinh", Quách Phác gọi là "Đàn tử", Lại công gọi là "Lan Giang cương quỷ", Quỷ Cốc gọi là "Chỉ chưởng minh châu", Liêu công gọi là "Tâm tinh tâm pháp". Phàm những người học thuật phong thủy, dù chưa hiểu hết ý nghĩa trong đó, vẫn đều dựa vào nó là chính. Một vị hòa thượng đời nhà Đường đã biên soạn thành sách, đặt tên là "Kham dư bí chỉ thiên cơ đàn tử", dặn dò hậu thế phải bảo tồn nó, không được truyền cho người xấu, cũng không được tùy tiện sử dụng, mà phải thật thận trọng. Ta có được trọn bộ sách ấy, để tâm chăm chú tìm hiểu, quả nhiên thấy nó là tinh hoa của phong thủy, gần như toàn bộ học vấn phong thủy đều chứa đựng ở đây. Chỉ hiềm cả bộ sách hơi tản mạn, ý nghĩa ngôn từ tuy rất hay, nhưng không đơn giản chút nào. Thế nên vào một ngày mùa Đông, cảm khái có thừa, ta liền bắt tay soạn lại nó, để người đời sau khi đọc nó đỡ hao phí tinh thần. Ta cố gắng sao cho đạo lý minh bạch, quyết pháp chính xác, để sách này đáng được người đời trân trọng. Người muốn tìm huyệt mộ để hạ táng thì có chỗ dựa mà làm. Ta đặt cho bộ sách nhan đề "Tam dàn tử". Sau khi hoàn thành phần chú giải, trong lời nói đầu có nói rõ nguồn gốc của nó.

Minh Thái sư VĂN THÀNH thành ý
Bá Thanh Điền LƯU BÁ ÔN soạn

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LINH THÀNH TINH NGHĨA TRUYỀN TÂM

Biên soạn : tiên sinh Nam Đường Hà Lệnh Thông
Chú giải : tiên sinh Minh Lưu Thanh Điền
Đính chính : Hậu học Hứa Vinh Cửu Nhất Quả Am

CHÍNH QUYẾT CHƯƠNG HÌNH KHÍ

□ *Vũ trụ có sự liên hợp lớn, trong đó lấy Khí vận làm chủ, sơn thủy có tình tình chân thực, khí thế làm tiên đạo.*

Khẩu quyết này chính là bí quyết quan trọng nhất khi các nhà địa lý đàm luận về Phong khí.

Người xưa nói :

> "Có đất tốt mà không có người xứng đáng thì đừng hạ thiên, có người tốt mà không có giờ tốt thì đừng hạ táng".

Câu này là dùng "Khí vận" để nói vậy.

Lại nói :

> "Dùng tầm mắt quan sát, lấy tình tình chân thực, đạt tới trình độ này thì có thể tung hoành thiên hạ".

Câu này dùng "Khí thế" để nói vậy.

Thánh hiền đời trước vừa thấy thế đất liền biết ngay họa phúc lớn nhỏ, đó là, nhờ vào "Khí vận" mà biết. Dùng đó mà đoán sông núi có tính chân thực thì phải làm thế nào ?

Cổ nhân nói :

> "Núi (sơn) nhờ Tú khí, Thủy nhờ Tích khí, Thạch nhờ Sát khí, Bình địa nhờ Xuân khí".

Lại nói :

> "Sinh khí của Sơn và Cốc bất đồng, bình nguyên chỉ có một thứ khí, đây là đại thể của núi sông, tức Tình tình thực của núi sông".

Vì sao Sơn chỉ lấy, nhờ vào Tú khí ? Khí thế của Sơn đa phần là uy nghi mạnh mẽ mà thô cứng, nếu gặp được địa thế tú lệ đẹp đẽ thì đó là nơi đất có Chân khí tích tụ. Hơn nữa nơi đất tụ khí thì sinh khí của trời chiếm đa số nên mới nói "Thụ Sơn không thụ Thủy". Vì vậy, Tú khí của Sơn chính là Sinh khí. Vì sao Thủy chỉ nhờ vào Tích khí ? Khí thế của Thủy phần lớn là lưu động, tản mác, nếu Thủy gặp được nơi các dòng chảy ngưng tụ thì đó là nơi Sinh khí tích tụ, mà địa thế tụ bên dưới (hạ tụ), khí súc tích chiếm đa số, câu nói "Thụ Thủy không thụ Sơn" chính là dùng cho trường hợp này. Do vậy lấy sự tích tụ của Thủy làm Sinh khí. Vì sao Thạch chỉ thu Sát khí ? Sơn có Hỉ khí và Nộ khí. Nếu là Nộ khí thì uy linh của Sơn sở tại, uy linh của khí đa phần nổi lên thành các mỏm đá (Thạch đầu). Nếu Thạch sơn chỉ là cương mãnh, uy dũng, không thành thể thế, không tạo uy nghĩa, thì chỉ có Sát khí mà không có Sinh khí, hạ huyệt ở nơi này thì tai họa

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

lập tức giáng xuống. Nêu ý của câu "Thạch quý nhờ Sát khí" là chọn sự cương mãnh và thế thế có Sinh khí vậy. Vì sao Bình địa cần thu Tích khí ? Tích ở đây không phải là tích tụ mà là cột sống, tựa như đất ở Bình dương, thể Tính thuần Dương, Sinh khí không thể tụ lại. Nếu lúc này có một dải đất nổi lên (Tích) thì Sinh khí mới tích tụ.

"Sinh khí của Sơn và Cốc dị biệt", vì sao lại khác nhau ? Vì chúng tự có thế núi, tự khai cục, tự lập thành môn hộ, Sinh khí của chúng phải khác nhau, còn gọi là "Dị khí". Chỉ thấy một tinh tú nổi lên, một cục diện mở ra, có Tổng, Triều và Nghênh sơn, nếu có vài ba Quan khẩu trấn giữ tại các phương vị thì liền có tinh khí ngưng kết. Hãy nhìn các vùng Phúc Kiến, Quảng Đông, mỗi thôn trang đều tự có tộc, có ngôn ngữ, phong tục riêng, tất cả đều bắt nguồn từ chỗ chúng khác biệt về khí vậy (dị khí). Tại sao bình nguyên lại được gọi là "Nhất khí" ? Chỉ vì các thành trì, thị trấn, nhà cửa, mộ phần đều tập trung tại đây. Phàm ngôn ngữ, tập quán trong vòng vài trăm dặm phần nhiều giống nhau nên gọi là "Nhất khí". Nếu đứng ở nơi "Dị khí" nhìn ngắm bốn bể để cầu Địa khí, thì sẽ vì tầm nhìn quá rộng mà bỏ mất Chân huyệt sở tại. Nếu đứng ở nơi "Nhất khí" mà nhất quyết phải phân biệt thế ngưng tụ của Sơn và Cốc để cầu Địa khí, thì, sẽ vì tầm nhìn quá hạn hẹp mà bỏ mất Chân huyệt sở tại vậy.

□ *Địa vận có sự chuyển dịch, Thiên khí tùy theo nó; Thiên vận có biến đổi, Địa khí tương ứng với nó; Thiên khí vận động ở trên, Nhân tương ứng với nó; Nhân sự vận động ở dưới, Thiên khí sẽ ứng theo.*

Khẩu quyết này đề cập tới khí vận của vũ trụ. Thiên, Địa, Nhân đều tham dự và tương ứng, từ đó mà có chỗ thành tựu. Khí vận vừa chuyển dịch, thì khí sẽ tới tăng cường. Đây là yếu quyết về biết thời xem biến. Thế nào là "Địa vận chuyển dịch mà Thiên khí tùy theo đó" ? Chính như Hoàng Hà, là đại huyết mạch trong trời đất. Vào thời điểm Hoàng Đế, Thần Nông, Hoàng Hà dịch chuyển từ Long môn đến Lã Lương Sơn, từ Lã Lương Sơn chuyển hướng về Thái Hành Sơn, từ Thái Hành Sơn chảy về vịnh Kiệt Thạch, sau đó chảy về hướng biển lớn. Dòng sông lớn này từ phương Tây chuyển đến phương Nam, lại từ phương Nam chuyển đến phương Đông Bắc mà Dực Châu đóng ở giữa, Hoàng Hà chính là dải đai, Ngũ Nhạc đến triều bái, là thiên hạ đệ nhất đại phong thủy bảo địa. Ba đại thánh nhân Nghiêu, Thuấn, Vũ đều sinh ra tại đất Dực, trải qua phía Bắc Hoàng Hà, Trường Giang bao bọc phương Nam. Thái Sơn kẹp ở giữa, như vậy Thái Sơn là một Cán Long từ Hoa Sơn trở xuống, và cũng là một đại Cán Long của Trung Quốc. Khổng Tử sinh ra tại đây, theo đó có nhiều hiền sĩ xuất hiện. Từ đầu đời Hán, Hoàng Hà từ từ chuyển về phương Nam, thẳng đến khu vực Trâu Lỗ Sơn Đông, xuyên đến Hoài Thủy, Tứ Thủy, như thế, Thái Sơn trái lại đóng tại phía Bắc, mà Hoàng Hà thì đóng ở phương Nam. Cho nên Thủy thế của Dực Châu nghiêng chếch mà địa mạch của Trâu Lỗ cũng đứt đoạn, vì vậy khí của phương Bắc suy. Kinh đô triều Minh ở chính giữa Hoài thủy và Tứ Thủy, thế là do Hoàng Hà chuyển về Nam mà khí vận khiến nó như vậy. Khi người ta nói đến sự phồn thịnh của Giang Nam, thì đó cũng là lúc bắt đầu của triều Tống, nhưng thực ra họ lại không biết Hoàng Hà chuyển dịch về phía Nam thì Thiên vận cũng theo đó mà chuyển theo, điều này sức người không thể thực hiện được. Thế mới nói "Thiên khí tùy theo sự lưu chuyển của Địa vận".

Thế nào là "Thiên vận dịch chuyển mà Địa khí ứng theo nó" ? Chính như Tần Thái tử chiếm cứ thành Kim Lăng thì đã có khí thiên tử, cho nên khai thông Tần Hoài Thủy để tháo nước của nó, nhưng lại không hiểu rằng Tần Hoài Thủy vừa thông thì Địa vận đã di động tới đây. Lúc ấy nó còn rất nhỏ, song đến thời Lục triều kiến quốc thì đã to lớn vô cùng rồi. Lại tới khi triều Minh dựng nước, thì khí thiên tử ứng nghiệm. Lại ví như Lạc

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Dương, từ cổ xưa tới nay chưa từng có chim Đỗ quyên, đến khi có Đỗ quyên kêu hót thì Thiên khí đã dịch chuyển đến phương Nam rồi, người ở phương Nam liền b81t đầu nổi lên. Cùng với địa thế này, Địa vận chưa chuyển mà Thiên vận đã tới trước rồi.

Thế nào là "Thiên khí vận động ở trên mà Nhân ứng theo" ? Theo tích xư để lại, Trần Hi Di tiên sinh quan sát thiên văn thấy một ngôi sao nhỏ đóng ở bên trái Đế tòa. Đến sáng hôm sau, Trần Hi Di vội tới nơi tương ứng tìm kiếm thì thấy Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn và Triệu Phổ ngồi trong một quán rượu, mà Tống Thái Tổ ngồi bên trái Triệu Phổ, Trần Hi Di bèn nói : *"Vì sao tiểu tinh lại dám ngồi tại Đế tòa ?"*. Do vậy ông nói hai người đổi lại vị trí. Đây là sự việc khi Tống Thái Tổ còn là thứ dân. Điều này chứng tỏ Thiên khí vừa động, Nhân bèn ứng theo.

Thế nào là "Nhân sự động ở dưới mà Thiên khí ứng theo" ? Tích xưa truyền rằng tại Lạc Dương có một tảng đá hoa cương, vua Nghiêu sai người đem đi tạc tượng, có người cản lại thì nhà vua nói : "Đá hoa dưới đất thì có liên hệ gì tới đại sự trên trời ?". Sau khi sử quan gieo quẻ mới đoán rằng, nếu chuyển tảng đá đi, thì vượng khí triều đình sẽ suy kiệt. Nhà vua không nghe cứ cho chuyển đi, ít lâu sau sự việc ứng nghiệm lời đoán của sử quan. Hiện nay người ta đều cho rằng người xưa hành sự dựa vào các tinh quái là việc quái dị, mà họ không hiểu rằng phàm Nhân sự vừa động, Thiên liền ứng theo. Nếu luận về khí vận của người (Nhân) mà chỉ câu nệ về định cục, không lưu tâm về sự biến đổi thì làm sao có thể chế định sự thay đổi của nó được ! Cổ nhân thông qua việc quan sát khí mà dự đoán được thời thế, từ đó thông hiểu mục đích của sự đổi thay, đó chính là vì họ tinh thông bí quyết về khí vận.

□ *Có Tụ giảng, Hành giảng, Tọa giảng, như vậy khí sẽ tụ kết tại Long; có Quyền tinh, Tôn tinh, Hùng tinh, khí sẽ ngưng kết tại Thế; có Cái thai, Giáp thai, Thừa thai, khí kết tụ tại Huyệt; có Thụ cấm, Thụ dường, Thụ quan, khí ngưng tụ tại Cục.*

Đoạn văn này chính là mấu chốt quan yếu về nhận biết Khí. Vì Long kỵ sự cô độc, điều này mọi người đều biết, song họ chỉ biết xem, quan sát đốt tiết của Long mà thôi. Long mạch có dừng cũng có tiến, nơi Long nổi lên ắt phải có Tụ giảng, Long lớn phải dài vài trăm dặm, Long nhỏ dài vài chục dặm, trùng điệp trải dài hoặc có Ngũ tinh tụ hợp, nơi này được gọi là Tụ giảng. Sau khi tụ hợp lại phân nhánh rẽ mạch, kéo dài ra, Chính Can phân thành một dòng một nhánh, trong đó Dư Chi lại phân ra tả chi, hữu chi tiến tới có chi quá hiệp, có chi có hộ vệ ẩn hai bên mình, chúng tự có Phong Loan nổi cao tựa như mang theo Ấn, Kiếm, Bút, Kỳ, Cổ, Thương, Khố sơn. Tóm lại núi non tụ tập hộ vệ thì Long không cô độc, không lộ thân, thế gọi là Hành giảng. Long hành tiến đã trải qua sự lột xác, ắt có chỗ quy tụ, cũng như người đi xa trở về nhà, đoàn tụ cùng cha mẹ anh em. Lại giống như quý nhân khi đăng đường, nhất định sẽ có thuộc hạ kề bên mình bảo vệ mà không bị cô độc. Như thế gọi là Tọa giảng. Có đủ Tam giảng thì Long này mới thực là Chân Long. Bằng không nó sẽ không thể nhập huyệt.

Thế nào là "Quyền tinh" ? Trong "Kiếm Long Kinh" của Ngô công có gọi nó là "Đô Quyền chi Tinh". Vì khí thế của nó vô cùng thịnh vượng, mạnh mẽ, nếu chỉ dùng hai chữ "Tổ tông", thì e không hình dung hết nó được. Nó cao lớn tựa Linh Sơn, cao chọc trời đến nỗi không thấy đỉnh; trải dài trùng trùng điệp điệp, tựa phi ưng bay trong mây thoắt ẩn thoắt hiện, không trông rõ tông tích; sơn mạch quần tụ tựa núi Côn Luân chiếm cứ tám phương, không nhìn ra phân mạch. Ngàn vạn sơn mạch trong trời đất đều bắt nguồn từ đây. Trên đại thể, Quyền tinh phần lớn có tinh thể là Thổ và Kim, vì chỉ có Thổ và Kim là tĩnh, là trường tồn. Mà Thủy, Mộc, Hỏa đa số làm "Tổ tinh"

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

vì tích thể của chúng động. Hơn nữa trong trời đất chỉ có Thổ và Thạch là lớn, là thịnh, Thạch ở đây chính là Kim. "Kinh" viết :

> "Quyền tinh cần lớn và thịnh, không cần đẹp lắm".

Thế mới có câu :

> "Khi Tổ tinh đến, sơn phong cần cao vút".

Từ đây mà loại suy, quận có quyền tinh của quận, huyện có "quyền tinh" của huyện. Phàm khi luận tới địa thế sinh ra công hầu khanh tướng, nhất định phải bắt nguồn từ nơi này. Còn về "Tôn tinh", có chính là Tổ và Tông sơn, cao quá sơn mạch một phương là sơn mạch cao nhất vậy. Do đó mà biết Chính Can, chính kết của Long bắt nguồn từ đây.

Người tựa "Hùng tinh", tại nơi đô thành giao quan có Thần Tinh nổi lên ứng với Tôn tinh làm môn hộ thì gọi là "Hùng tinh", cũng chính là Bắc Thần, La Hầu hiện nay thường nói. Nếu sơn mạch tích kết giao nha thì không bằng sơn thế kết thành hình dáng cầm thú, nhưng cầm thú "thủ quan" (giữ cửa) thì không tốt bằng người (nhân) giữ cửa. Có Tam tinh rồi, mới có thể xem rằng có thế lớn. Thai tinh là nơi kết huyệt, vậy Cái Thai là gì ? Cũng chính là Cái Tòa, vì Cái (che chắn) mà không có thế thì Thai không thể kết. Hoa Cái thì tốt nhất, Quan Cái và Bảo Cái thì kém hơn một chút, chữ Cá ( ) cũng là Cái vậy. Nếu Cái có thế, Long mạch sẽ không cô độc, lộ thân mà huyệt ắt sẽ tàng phong, tụ khí. Giáp Thai là gì ? Đó là ám chỉ cách "Long Hổ giáp nhĩ", khiến phong bất động và dùng để hộ vệ Long huyệt. Thế nào là Thừa Thai ? Đó chính là Tiểu Minh Đường. Cái ở trên Cái thì Khí sẽ tuôn xuống; bên dưới là Thừa thì Khí sẽ ứng ở trên; hai bên cùng giáp thì Khí sẽ kết tụ ở giữa, thế mới là huyệt có khí. Thụ Cấm là gì ? Đó là nơi giới Thủy giao hội, nó tựa như chỗ giao nhau giữa cổ và thân áo, thế gọi là Cấm Hợp. Thụ Đường là gì ? Là nơi hội hợp có Thanh Long hướng về Bạch Hổ của giới Thủy đứt đoạn, tựa Minh Đường nơi nhà ở là nơi Tứ Thủy tụ hợp, có tên là Đường hợp. Thụ Quan là gì ? Là nơi Chi mạch của Long mạch phân thành, kết nên chỗ giao hội của hà lưu đô thành. Nhỏ thì như cửa nhà, lớn thì giống cổng thành, có tên là Quan Hợp. Cổ nhân có nói : *"Tiểu hợp thụ nang"* là dùng Đường Hợp để nói; "Đại hợp Thụ Cục" là lấy Quan Hợp để nói. Huyệt thấp nhỏ, Thụ Đường sẽ thu nạp Thủy; huyệt cao lớn, Thụ Quan sẽ nạp Thủy. Còn về Tiểu Minh Đường trước huyệt, bất luận Thủy Hợp Cấn cao hay thấp đều do Huyệt trên Đường thu nạp. Do đó phàm người luận cục, nhất định phải tập hợp đủ các "Hợp" này. Xưa kia có người nói :

> "Có Huyệt mới có thể luận Địa, không có Cục thì không thể luận Long".

Như vậy, Long dùng cục để xác định Bối, Diện.

□ *Âm thắng gặp Dương thì dừng; Dương thắng gặp Âm thì tiến; Hùng Long cần có Thư Long cai quản; Thư Long cần có Hùng Long vây quanh, che chở.*

Đoạn này bàn về Long thế, Long thế nhất định phải có được Âm Dương, nơi Thư Hùng hội hợp sẽ kết thành Thai, người nhận biết khí nên quan sát kỹ nó. Trong sơn cốc, Âm khí thường chiếm ưu thế nên khi vừa tới được đất Bình Dương nó sẽ thoát thai đổi cốt, hơn nữa cục diện cũng mở rộng, lúc ấy Thần tinh mới kết tụ, điều này làm rõ câu "Âm thắng gặp Dương thì dừng". Mở rộng thì sẽ kết lớn, mở hẹp thì sẽ kết nhỏ. Lại như đất của Bình Dương, Dương khí chiếm ưu thế, bỗng nổi lên một ngọn Cương Phong, một sống núi, thế là cát khí nổi lên, Âm sa bốn bể tiến tới hộ vệ dù chỉ là hiện thân nông cạn, song cũng đã thành Cục. Do vậy, địa thế của Bình Nguyên chỉ cần phân cục, cốt tiết rõ ràng, thế mới nói "Dương thắng gặp Âm thì tiến". Lại như Long thế tiến tới, Chính Can hùng vĩ mạnh mẽ, gọi là Hùng Long, từ trên trời

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hạ xuống, dựa vào khí thế của Phong mà đi. Sơn mạch hộ tống hai bên cần nhu hòa, uyển chuyển, Triền sơn phải tiến đến nơi xa xôi, Hộ sơn không tranh cường với chủ cán, như vậy, Chính Long có thể kết huyệt. Cổ nhân có câu :

> "Hùng Long chính tọa, chủ sinh đại tướng, nắm giữ binh quyền".

Tóm lại : Sa sơn cai quản nếu thực đẹp đẽ thì sẽ sinh hiền nhân, văn sĩ. Lại như Long thế tiến đến, chính can nhu nhuyễn, uyển chuyển thì nó là Thư Long, sơn hộ tống hai bên cần mạnh mẽ mới có thể gặp Thần tinh. Thư Long chủ về văn, mà Sa ở bốn phía, tựa Bút, Hốt, Kỳ, Cổ thì sinh ra người có văn tài xuất chúng. Thư Long giáp Hùng Long là tốt đẹp nhất.

☐ *Đại Địa không có Hình, cần xem Khí Thế; Tiểu Địa không có Thế, cần xem Thần tinh; Thủy thành hình, dừng ở trên Sơn; Sơn thành hình, dừng trong Thủy.*

Đoạn này nói, khi lập huyệt, trước hết cần quan sát rõ nơi Thần tinh của nó dừng lại, kết tụ. Hiện nay người ta đứng ngoài nơi Long mạch nhập thủ kết huyệt, họ vừa thấy có Oa, Kiềm, Nhũ, Đột thì bèn cho ngay là huyệt tốt, mà không biết rằng Hình chỉ là bề ngoài của huyệt. Đến nơi Long mạch sinh cơ, chân khí kết tụ, đều do đại thế mà ra, như hình dáng của Đại địa thường ẩn tàng rồi chợt lộ. Do đó chỉ nên quan sát Khí Thế của nó trên phương diện khái quát, tổng thể, nhận biết tính tình của nó, nếu sinh cơ thì sẽ kết thành huyệt, không nên câu nệ về Oa, Kiềm, Nhũ, Đột. Còn về Tiểu Địa, đã không có Khí Thế thì Hình của nó phải hợp cục, tụ kết chân khí mới có thể tránh được Phong thổi tới khiến chân khí tản mác. Khi quan sát bên ngoài cục, tựa như không hề có Khí Thế, nhưng khi nhập cục quan sát thì lại có Thần tinh. Như vậy thì nên hạ huyệt tại nơi Thần tinh kết tụ. Về Long hình quy tụ dừng lại, thì cần quan sát sự cao thấp của Chi Lũng, có thế mới không làm mất đi tính tình của nó. Chính như Bình Chi Long, hoàn toàn dùng Thủy làm giới hợp mà thành cục, Dương khí chiếm ưu thế, Khí Thế của nó hòa hoãn, nên tìm kiếm địa huyệt ở nơi Cương khí nổi lên thế gọi là "dừng trên Sơn", tương đồng với "Chi táng trên đỉnh" của "Táng Kinh". Lại như Sơn Lũng Long, Âm khí chiếm ưu thế, Khí Thế của nó hùng hậu, uy mãnh, địa huyệt cần đặt ở nơi bằng phẳng, thế mới gọi là "dừng trong Thủy". "Thủy" ở đây là nơi giới thủy hội hợp mà dừng lại, điều này giống như "Lũng táng tại chân núi" của "Táng Kinh".

☐ *Nhận biết khí của Đại Phụ Mẫu, nên xem Tôn tinh; nhận biết khí của Tử Tức, nên nhìn Chủ tinh; nhận biết khí thành Thai, nên xem Thai Tức tinh; nhận biết khí Hóa Sát, cần xem Giải tinh; biết gặp khí Tuyệt mà Sinh nên quan sát Ấn tinh.*

Đoạn văn ngắn này là khẩu quyết quan trọng nhất trong việc nhận biết khí của Long. Phàm đến một nơi nào đó, cần phải quan sát sơn nào là lớn, cao nhất thì lấy sơn đó làm Đại Phụ Mẫu. Lại xem Tôn tinh là tinh tú nào, như Thổ tinh cao vút, mở rộng thì đó là Thổ Long thế. Tử Tức do nó dưỡng dục, Thổ là Bản khí, Kim là Trú khí, Mộc là sát khí, nếu gặp Hỏa thì vượng, gặp Thủy thì suy. Do vậy phàm từ trên xuống gặp tương sinh thì tốt đẹp, gặp tương khắc thì xấu. Phép tắc này cần lấy theo thân sinh làm thứ tự. Vì Phụ mẫu không nên khắc Tử tức. "Long Kinh" viết :

> "Tử tức khắc Phụ mẫu, con cháu nên người; Phụ mẫu khắc tử tức, con cháu suy bại".

Phàm Long mạch đến từ nơi nhập thủ thì cần quan sát rõ Tôn tinh là tinh tú nào, ví như Kim tinh nhập thủ, Tổ tông của nó là Thổ thế xuất mạch thế mới là chân Tử tức. Tử là Kim mà Thai là Mộc, như vậy Tử tức xung phá Phụ mẫu mà ra. Chỉ cần tại nơi hội hợp giữa Kim và Mộc có chút Thủy thì tốt. "Giải nghĩa" của Ngô công viết :

> "Mộc tinh tiến vào Thổ tinh, trúng cử thủ khoa, phò tá triều đình".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Cách này rút ra từ Lạc Thư, lấy khắc nghịch làm thứ tự, khắc từ dưới lên.

Lại như Đại Phụ Mẫu xếp cục thế để Long mạch tiến tới, nếu bên trong không có Thư Hùng phối hợp thì sao thành Thai được ? Cho nên khi Long mạch tiến đến địa thế khí thịnh, Long mạch cần đứt đoạn, quá hiệp, nhấp nhô mà thành Thai. Trải qua việc phối hợp Thư Hùng, sau đó đi tiếp mới có thể sinh sản được; nếu không có Thai mà Long mạch vẫn đi tiếp thì ắt sẽ có thay đổi, như vậy Long chỉ thuần Dương hoặc thuần Âm, không có gì là tốt đẹp. Theo Dương công khi luận về Long, nhất định phải lấy Thai làm chuẩn vậy.

Sau khi Long trải qua thời gian đứt đoạn, quá hiệp, nếu nó lại vượt lên thì ắt có cát tinh hoặc thành Thai. Vì nơi bên dưới Cái phục Long mạch vươn lên là nơi sở tại của Thai, "Hạc tích phong yêu, Long đã thành chính" là chỉ nơi này vậy. Khi Long mạch hạ xuống, cần có Thủy, mới có thể thành Thai. Bên dưới Thai, sơn mạch lại vươn lên, đó là Thai Tức tinh, hoặc một tiết, hoặc vài tiết Long mạch kết thành huyệt, không hạn chế mấy tiết, song số tiết không nên quá nhiều, vì khí rời Thai không thể hòa hoãn. Từ Tức nhập thủ, cần xem bên dưới nơi nhập thủ kết thành huyệt gì. Phép tắc của nó là theo liền trên bản thể của Thai Tức tinh hoặc rời ra thành một tinh thể khác, thế gọi là Huyệt trường. Và đây cũng là nơi Phụ mẫu tương hợp. Phàm Chân Long tiến đi luôn có sự pha tạp. Ví như Thổ Long bước đi gặp Mộc tinh thì làm Sát khí, mà sơn phong quý nhân của Mộc tinh đóng dưới Thổ, tuy là Sát tinh nhưng lại có Quyền tinh. Nếu có Thủy phía dưới sơn phong quý nhân mà Kim tinh vươn lên thì Kim tinh có thể áp chế Sát khí của Mộc và Thủy lại khiến sơn quý nhân thêm tốt đẹp. Tinh này được gọi là Giải tinh.

Long hành tiến, cần phải qua giai đoạn lột xác tuy Long khí thịnh vượng, song không khỏi có phần thái quá mà biến thành cương sát. Ví như Thổ Long giáng xuống sơn thế, Kim tinh làm chủ, toàn thể đều thuộc Kim, không sinh chi cước, toàn thân cứng nhắc, đó chính là thuần Dương và biến thành Tuyệt Dương Long; trong trường hợp này nên mở rộng hai bên tả hữu để phân tán cương khí của Long mạch, thế gọi là Ân tinh. Long phải trải qua các bước này mới có thể kết huyệt, bằng không nó chỉ lợi cho việc xây dựng chùa miếu mà thôi. Phàm địa thế một nơi có Tồn tinh vươn cao, ắt sẽ có hai chỗ kết tụ. Chính cách thì thụ huyệt ở nơi tận cùng còn về thụ hình ở sát nơi tận cùng thì nên có các nơi như Giải tinh, Ân inh hóa giải và kết tụ Chân khí.

❑ *Dựa vào Thế để nhận biết Khí của Chân Long. Nhờ vào Tinh để nhận rõ Khí của Chân Huyệt.*

Cổ nhân có câu :

> "Xem Long ở khí thế, lập Huyệt cần xem tính tình".

Về tổng thể, xem Long cần lấy khí thế làm chủ, nó có 5 loại cục diện đó là Trực, Hoành, Hồi, Phi, Tiềm.

"Nhập Thức Ca" viết :

> "Trực Long vốn đến từ sau lưng, thoát ra từ sơn mạch, quý ở uay mình chuyển đầu".

Ý câu này muốn nói về Long thế đến trực diện phần nhiều là cương cường, nhưng để có Chân khí thì nó phải uyển chuyển.

Lại viết :

> "Hoành Long vốn hạ xuống từ mặt bên, nghịch chuyển ra sau, khí thế mơ hồ".

Câu này ám chỉ Chân Long đến ngang, khí thế bất chính, cần quay đầu chuyển nghịch mới giữ được Chân khí.

Lại viết :

> "Hồi Long uốn chuyển mình nghịch hướng, quay đầu về Tổ tông, kéo dài mãi".

Câu này có nghĩa là sơn thế của Hồi Long phần lớn là co rút, Chân khí co cụm, nên cần kéo dài cho Chân khí thông suốt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lại viết :

"Phi Long vốn kết tụ bên trên, vươn đầu uốn ngực rất kỳ lạ".

Câu này muốn nói Phi Long thuộc về thế vươn lên, cần có khí thế hiên ngang, thu được nhiều sơn thủy và có khắc chế sơn thủy thì mới được xem là kỳ diệu.

Lại viết :

"Tiềm Long vốn tản mác ở bình nguyên, Long mạch tự trải dài".

Câu này tức là nói đất của Bình dương quá bằng phẳng, chỉ e mạch không tới, nên mạch cần trải dài, có phân ra thì cũng có hợp vào, như vậy mới có Chân khí.

Theo Long luận Khí thì có 5 loại kể trên. Còn về Huyệt pháp thì phân làm 3 loại, đó là Thiên, Địa, Nhân, bất luận cao hay thấp, chỉ cần thu phục được sơn thủy là có được Chân Tình. Ví như Phi Long kết thành Yêu huyệt, Tình tụ ở trên, do vậy ở bên trên (còn gọi là Thượng Tụ) mới được. Còn như Hồi Long kết huyệt thì lấy nơi hà lưu nhập khẩu làm chủ, vì đất tại bình dương luôn lấy giới hợp của hà lưu làm Long, vì thế tụ Thủy quy Đường mới có Chân Tình, đó cũng là nguyên nhân vì sao Chân khí thu nạp và kết tụ ở dưới Hạ Tụ).

□ *Long gồm đủ Ngũ hành, do đó hình thể của sơn mạch tựa như Long: Long gồm đủ thần thông biến hóa, nên sự thay đổi của sơn cũng giống như Long; thể tính của Long thuần Dương hoặc Âm, nên sơn gặp Dương thì hóa, gặp Âm thì sinh; tính Long thích Thủy, nên sơn giáp Thủy là Giới, dắc Thủy là Trú. Long theo phong mà tiến, nên sơn nhờ phong mà vươn cao, tàng phong mà nghỉ ngơi. Long phải có tổ mới có thể nghỉ ngơi, nên sơn cần có Cục có Quan mới tụ hợp, bằng không thì phân tán. Long gặp vật thì cùng phối hợp, nên sơn có phối hợp thì có dừng lại, không có phối hợp thì đi mãi.*

Đoạn này luận về Long. Cần hiểu rõ tính tình của Long thì mới đạt được Thần tinh của nó, có được Chân huyệt mà huyệt mạch ẩn chứa. Đây là yếu quyết khá quan trọng khi nhận biết Long khí. Phàm trong vũ trụ, các loài vật tự có Ngũ Hành, nhưng duy chỉ có Long là gồm đủ Ngũ Hành trong một thể. Vảy của Long là Kim, sừng và móng vuốt là Hỏa, thân mình là Thủy, gân cốt là Mộc, bụng là Thổ: Hiện nay người ta cho rằng Thiên Cương tinh cũng có đủ Ngũ Hành, họ lại lấy sao Thần làm Thiên Cương chính, sao Kháng làm Kim Long chính và coi đó là có đủ Ngũ Hành.

Long có thể ẩn hiện, lớn nhỏ, thăng giáng; sơn tiến đến quý ở chỗ nhấp nhô, sự thay đổi của sơn cũng giống như Long.

Sao Thần giống như Long, bởi Thần đóng ở đất Ngũ Dương, mà Chân khí của Long lại là thuần Dương. Sơn mạch tiến đi, thế là Âm, là nơi Long biến hóa; sơn khí kết huyệt gặp nơi bằng phẳng đầy đặn, nơi này chính là Dương và cũng là nơi Long nghỉ ngơi. Vì tính của sơn thuộc Dương, hơn nữa, nếu dùng Thời mà luận, khi gặp Tam Dương chính là tiết Kinh Trập, Long bắt đầu chuyển động; đến Tứ Dương thì Long bay lên. Sau Hạ Chí thì tới Ngũ Dương, Long ẩn mình dưới đáy vực sâu. Tính Long vốn thích Thủy, nên sơn có giới Thủy, nếu giới Thủy to thì giới hợp lớn và ngược lại. Khi Long bay lên ắt sẽ có Phong chi đi theo; khi Long ẩn mình, Phong cũng lặng đi, bởi vậy nơi sơn dừng lại ắt sẽ tàng chứa Phong. Long có tổ, như thế trên sơn ắt có hang động, trên bình địa thì có sông hồ là nơi các dòng chảy tụ hội.

□ *Muốn phân biệt sinh tử của Long cần phân rõ Tam Âm Tam Dương; muốn nhận biết sinh tử của Huyệt, cần biết rõ Dương nhiều Âm ít.*

Đoạn văn này muốn nói đến việc nhận biết khí bằng Âm Dương của Mạch. Theo Ngô công thì lấy Kim Mộc Hỏa làm Dương, Thủy Thổ làm Âm, thế mới gọi là Tam Âm Tam Dương. Hành Long nhất định phải có Âm Dương, có vậy mới thay đổi, biến hóa được, sinh sôi được. Nếu Long không biến hóa thì không thành

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Chân Long, do vậy cần có Kim Mộc, Hỏa đắc Thủy Thổ hoặc Thủy Thổ đắc Kim Mộc, Hỏa để Long thành Thai; có vậy Long mới kết cát huyệt, bằng không Long thuần Âm không sinh, thuần Dương không thành, chỉ có thể dựng chùa xây miếu mà thôi. Ngày nay lập huyệt chỉ cần có Kim khai Khẩu, Mộc sinh Nha, Thổ sinh Giáp ở nơi nhập thủ kết huyệt, như vậy gọi là Âm lai Dương thụ; hoặc như Mạch nhập thủ, hiểm trở mà gấp rút, song khi nhập huyệt, địa thế lại bằng phẳng hoàn toàn thì cũng là cách Âm lai Dương thụ. Dương lai Âm thụ cũng tương tự.

"Tam Bảo Kinh" viết :

> "Âm ít Dương nhiều thì táng, Âm nhiều Dương ít thì không nên gượng ép".

Vì sao cần có Dương nhiều ? Đó là vì vạn vật sinh ra từ Dương, chết đi trong Âm, nên Huyệt Tinh lấy Dương làm chủ, dù Dương lai. Âm thụ nhưng trong Âm vẫn có Dương tồn tại, như vậy mới có thể mai táng. Ví dụ như Đột (gò) của bình địa thuộc cách Dương lai Âm thụ, ắt đỉnh Đột (gò) cần bằng phẳng, mới không bị sát khí xâm phạm; nếu đỉnh Đột (gò) nhọn hoắt thì đây là thuần Âm mang theo sát khí, không hạ táng được. Chỉ cần bên cạnh Loan có nơi bằng phẳng để Âm Dương có chỗ phối hợp thì mới kết huyệt.

□ *Long có biến thể, làm Đốn Trú hoặc Lặc Trú; Huyệt có biến cách, làm Trụy Cung hoặc Soạn Cung.*

Đoạn này dùng sự mau chậm, phù trầm của Long để đàm luận về biến luật của khí. Phàm Chân Long hành tiến, nếu Long tiến đi được vài mươi tiết thì được gọi là Trường Hành Kim Thủy. Tiến một quãng đường dài, phần lớn Long đều mệt mỏi, suy nhược, song nó vẫn tiến tới, vây cánh tứ chi không co rút, đầu ngực của Long không ưỡn cao, tựa hồ nó đang mỏi mệt lắm; đến khi tới nơi lập huyệt, sơn thế chợt dựng đứng, vươn cao thành Chủ tinh, tứ chi của Long không ngừng lật chuyển, mà Chi, Tiết hai bên lại rất có lực. Sơn ở hai bên tả hữu tiến tới tụ hội, Triều, Án và Cục diện cũng tới hộ vệ, Long thế đang tiến lại chuyển Quan có lực, kết thành Thủy Khẩu, đấy chính là Đại Địa hay còn gọi là cách Nội Vượng. Sơn thế bỗng nhiên vươn cao, thế gọi là Đốn Trú. Toàn thân Long phía trước thì hòa hoãn mà sao lại dựng cao, Chân khí tự sẽ kết tụ, điều này tương đồng với cách "lấy mau trong chậm" của Huyệt pháp.

Long thế hành tiến, suốt dọc đường khí thế cuồng bạo uy mãnh, thế không thể dừng, lại đột nhiên đứt đoạn, đến khi Long nổi lên lại thì tỏ vẻ muốn dừng bước, tiếp xuống vài ba Tiết nữa thì toàn bộ đều quay ngược lại. Trường hợp này Long là Lặc Trú và giống với cách "lấy chậm trong mau" của Huyệt pháp.

Phàm khi lập huyệt cần phải lấy Âm Dương xung hòa, Thần khí ngưng tụ làm chủ. Ở nơi lập huyệt, ranh giới rõ ràng mà Hà Tu mờ nhạt, sơn Triều, Đối ở rất xa, sơn hộ vệ lại thưa thớt mà nơi Chân khí đã kết tụ lại không dịch chuyển được. Lúc này dù huyệt trường cao cũng nên đào sâu thêm từ một trượng đến một trượng rưỡi. Nhưng phải xem Triều sơn trước mặt, Chiếu sơn bên ngoài và nơi Thư Hùng phối hợp nông hay sâu, như vậy nó được gọi là "Thừa trừ giả tá", hoàn toàn lấy Chiếu sơn làm chủ. Vì Chiếu sơn hạ xuống mà đặt viền Sa, viền Thủy, bởi thế gọi nó là Trụy Cung. "Kinh" viết :

> "Sơn thế ở dưới thấp ẩn tàng cao diểm, thu nạp Triều sơn phía trước, nhờ vào nông sâu, sinh khí sẽ tụ hợp".

Lại như các ngọn sơn phong đều tụ tập trên bình nguyên. Trên Bình nguyên có Hồ lớn ở nơi Ấn Chú, nên gọi cách này là "Chư Tiên tụ hợp cách". Các Long đều tụ hợp ở giữa. Nhưng địa thế này rất sâu, rộng, khó hạ táng, do đó ta cần nhận định khí thế, thần tinh, xác định rõ nơi nào Long có thể tụ hội, vì thu nạp khí bốn phương, sau cùng mới lập huyệt đắp đất thành mộ. Như thế cần lấy Đường cục, lập Bạch Tòa, lấy sự hộ vệ và chào đón của các sơn làm chuẩn. Vì Chân

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

huyệt là nơi mà các sơn hội tụ, do đó mà gọi là "Soạn Cung". "Kinh" viết :

> "Có Bão trong Cơ mà Âm hồi; có Du trong Bệnh mà Dương trú. Nghĩa là trong cái đói có cái no, trong bệnh tật có sự thuyên giảm, do vậy mà Dương trú ngụ".

Đấy cũng là nói về địa thế. Những địa thế như vậy đều được Liêu công đặc biệt chú ý, Đó cũng là biến thể của Huyệt pháp.

□ *Tinh thể chính là phụ, cần phân biệt Kiêm, Sấn, Thiếp. Huyệt tình có hiển lộ và mơ hồ, cần phân biệt Hình, Khí, Ảnh.*

Câu này nói về sự bất đồng về hình thể của tinh tú nhập lộ, Chân khí cũng có tụ hợp, có biến hóa, phải phân biệt cho kỹ. Hiện nay về phương diện tinh tú nhập thủ, người ta chỉ biết Ngũ tinh, Cửu tinh hợp thành thể gì, rồi cắm huyệt hạ táng, mà không hiểu rằng tinh tú đa phần không có chính hình, mỗi tinh tú có ba thể thế là Kiêm, Sấn (lót), Thiếp (viền). Ví dụ Kim tinh chuyển Thổ, chuyển Thủy thì gọi là Kiêm Thổ, Kiêm Thủy. Kim tinh kéo thêm Hỏa, Mộc tức là Kiêm Hỏa, Kiêm Mộc; nếu hai yếu tố tương sinh thì cát lợi, xung khắc thì hung hiểm. Sấn tức là thứ làm nền cho cái khác lộ rõ hơn, Thiếp (viền) cũng đại loại như vậy. Sấn, Thiếp có thể ở trên eo lưng, ở phía trước, hoặc ở hai bên Long mạch. Xét đến Sấn, Thiếp, cũng phải xem sự tương sinh, tương khắc mà luận cát hung, thì mới được Chân khí của Long.

Lại nói về huyệt trường, có thể thấy Hình thể oa, kiểm, nhũ, đột. Cổ nhân dựa vào bốn hình thể ấy mà hạ táng, gọi là "Hình táng" (táng theo hình thể). Nhưng khi hình thể oa, kiểm, nhũ, đột không rõ ràng, chỉ hơi nhô lên, hơi lõm xuống, tức là chỉ có Chân khí mà không có Hình thể, thì cổ nhân dùng phép "Khí táng". Bởi lẽ Chân Long đã hành tiến đến một nơi nào, hoặc tới bình địa, hoặc tới đồng ruộng, hoặc tới gò đống, ắt có Chân khí. Chân khí này hiển lộ, linh quang của nó sẽ có Ảnh, tựa như mặt trời mặt trăng in bóng dưới dòng sông. Loại Ảnh huyệt này quá ư ảo diệu, là sự thần tình của tạo hóa, hiếm ai hay biết.

□ *Cái trướng nếu không mở, Long sẽ không nhập sào; Luân vựng nếu không che, Huyệt sẽ không trụ lại; Yết hầu nếu không nhỏ, khí sẽ chẳng tụ kết; Viên bi không tròn khí sẽ chẳng sung mãn.*

Đây là nói những nơi Chân khí ngưng kết. Hiện nay người ta chỉ thấy sơn thế đã đến cho đó là Long, không biết rằng nơi Long cuộn mình là sào huyệt của Long. Tất phải có trướng, có nắp mới thành một thế màn trướng để Long dừng lại. Long có cái, có trướng, thì sau một hồi lao tới đầy khí thế mới vươn vai, ưỡn bụng, tản hết sát khí, để tạo sinh khí, xúc kết thành huyệt. Nếu không phải là Long cái trướng, sẽ không phải là thuần Âm, là cô đơn trực lộ, thì dù có xúc kết, cũng chẳng phải chân huyệt.

Luân vựng là gì ? Nơi có huyệt thì giống như cái bánh xe (luân), khí Âm không nặng, khí Dương tự sẽ thông thương. Xưa nay người ta vẫn bảo huyệt có tam luân là vô cùng tôn quý. Vựng nghĩa là quầng, tán của mặt trời, có ảnh mà vô hình trạng, tròn tròn không khuyết, cũng không nghiêng lệch. Người thời nay cũng bảo đó là đồ hình Thái Cực. Có vựng (quầng, tán) thì mới là huyệt thực thụ. Yết hầu là gì ? Là nơi Long nhập thủ, co hẹp lại như cái yết hầu của người. Co hẹp như thế thì mới giữ được khí, không để khí tán thoát. Đến lúc khí xúc kết, nơi huyệt lại phải tròn trịa như viên bi thì khí mới sung mãn, hình dạng mới đẹp đẽ. Nếu khuyết hãm, chẳng thể hạ huyệt.

□ *Ngũ tinh không rời Thủy Thổ, Cửu tinh thường có Phụ, Bật kèm bên. Thổ tinh không dựa vào Ngũ tinh, nhưng Thủy Thổ phải dính liền với nhau.*

Hai câu này nói về tổng thể và phân thể của tinh tú trong phép tắc dựa vào khí mà hạ táng. Vì trong vũ trụ không có Thủy thì chẳng có sinh, không có Thổ thì chẳng có thành, Long không có Thủy

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Thổ cũng sẽ chẳng là Long, huyệt không có Thủy Thổ ắt chẳng là huyệt. Cho nên phàm khi Long nhập thủ, Ngũ tinh tuy tự có thể, nhưng Thủy và Thổ tất chẳng thể thiếu. Cổ nhân nói :

> "Tinh tú hoặc kết thành nhũ, hoặc kết thành kiềm, trên đầu nhất định phải tròn trặn".

Vì phàm là nơi tròn trịa, tinh thể nhất định sẽ là thể ở trên, cũng gọi là "hóa sinh não".

Phàm ở chỗ Thủy lưu giới hợp, thì gọi là Thủy thể, cũng gọi là "giải nhãn, hà tu" (mắt cua, râu tôm). Hai sao Phụ, Bật cũng chính là ngụ ý Thủy Thổ. Vì Phụ là Kim, Bật là Thủy, trong Cửu tinh hai sao này ẩn tàng, thường phò trợ hai bên cho bảy sao khác, nên khi lập huyệt, bất kể là Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, cuối cùng vẫn lấy Tả Phụ làm cái, Hữu Bật làm Thừa. Câu "Thừa Kim tương Thủy" là ngụ ý đó. Đấy là chỗ hóa hợp của tổng thể tinh tú. Trong Táng pháp có nói đến "cái, chiêm, ỷ, chàng" (nắp, dính, dựa, va đập), song người ta chỉ xem xét khí thế cương nhu, hoãn cấp, mà không hiểu cách dùng tinh tú tạo huyệt của cổ nhân là phải từ thể trên (thượng thể) của tinh tú mà phân biệt, để tránh thoát khí. Đây là chỗ phân thể của tinh tú.

☐ *Tọa đăng, Tọa vượng, Tọa sát, đó là Tọa pháp; Kim thai, Bảo thai, Phá thai, đó là Tác pháp.*

Tọa đăng là gì ? Long hùng hổ, vội vã, khí khí thế của nó giận dữ, cuồng nộ thì không thể tiếp cận nó, cho nên ở chỗ thoáng đãng thì phải xem từ phía ứng với nó, thấy có thể hạ huyệt thì hạ huyệt. Điều này hợp với câu nói từ xưa "thoát sát tọa đăng".

Tọa vượng là gì ? Long bình thản, chậm chạp, khí thế rất yếu, yếu thì chẳng nên lợi dụng, mà phải nhậm khí ở chỗ vượng. Ví như một dải đất bằng phẳng, phàm thấy chỗ nổi gồ lên như gò đống, thì đó là thôn ấp, nơi có mộ phần. Đây gọi là Tọa vượng.

Tọa sát là gì ? Kim coi Hỏa là sát; ở chỗ Kim và Hỏa tương giao, huyệt sẽ phải chịu sự bắn phá của Kim và Hỏa.

Kim thai là gì ? Long mạch ở đất bình dương thì toàn bộ sát khí tán thoát. Đến chỗ nhập thủ, huyệt như ấn chưởng, Kim bàn sẽ là thuần Dương, thì dùng chỗ đất khác đắp lên thành mộ.

Bảo thai là gì ? Long mạch có dư sinh khí, nhưng chỉ lấy bốn phần mười.

Phá thai là gì ? Âm khí chiếm ưu thế, thì không dùng cách mở lớn, cũng như không đào sâu.

Kim thai thì như cây ngô đồng, huyệt kết trên lá cây, toàn bộ thai lộ ra ngoài. Bảo thai thì như lá sen, đài sen, huyệt chỉ lộ một chút. Phá thai thì như bị bao kín trong hạt dẻ, hạt hạnh đào, phải phá vỡ vỏ mới lộ ra huyệt.

☐ *Hoán sinh bằng khí, hoặc thoát xác mượn thai, hoặc con chui bụng mẹ, thoát sát phùng sinh, hoặc nhờ mẹ nuôi con, hoặc lấy con cứu mẹ.*

Đây là nói về sự diệu dụng kể sinh hóa sát trong việc nhận khí. "Thoát xác mượn thai" là gì ? Nếu nói về Cửu tinh, thì như sao Thiên Canh là Cô Canh (cô độc), làm sao có thể thành thai ? Nhất định phải khai cô thủ Thủy, Canh khí mới có thể thoát tán, Thủy mới có thể kết thành thai.

Thế nào là "con chui bụng mẹ" ? Ví dụ Mộc tinh đới Đăng, Thủy tinh đới Kim, cả hai vốn dĩ có thai, con có thể chui vào, nên Mộc không táng Mộc tinh, mà nơi có Thủy lại khả dĩ hạ táng. Thủy cũng không táng Thủy tinh, nhưng nơi đất rắn như Kim lại khả dĩ hạ táng.

"Nhờ mẹ nuôi con" là gì ? Nói về Ngũ tinh, ví như thể Mộc đới Kim, nhất định sẽ phá Kim lấy Thủy để che lấp Mộc, Mộc sẽ bị bệnh chẳng thể nuôi con, phải nhờ Thủy huyệt che chở nó, gọi là "nhờ mẹ nuôi con".

Thế nào là "lấy con cứu mẹ" ? Như thế Kim đới Hỏa, thì ở nơi Kim Hỏa bên nhau phải mở rộng Thủy huyệt để chế ngự

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Hỏa. Xưa nay vốn có phép dùng Thủy trấn Hỏa. Kim mỗi lần gặp Hỏa nạn, đều lấy việc đắc Thủy làm con để giải trừ tai họa. Nói chung là phải né tránh sát khí, đón lấy sinh khí, nên gọi là "thoát sát phùng sinh".

Hậu Long tựu cục, thu nạp Triều sơn phía trước, chỉ là nửa chân nửa giả; Liêu sơn phách ngạch thối xuất bình cơ, chỉ là trực thai trực thụ.

Đây là nói về phương pháp tiến thoái, quy nạp trong việc dùng thế trước sau để nhận khí khi hạ huyệt. Phàm khi hạ quan tài, đều không được thoát ly Long mạch. Song ở đây lại nói đến việc Thoát Long tựu cục, là vì Long mạch nhập thủ tạp loạn không thuần. Phải ở trên một, hai tiết Long mạch, mới là chân mạch, trước sau cùng triều bái mới là triều bái thật sự, mà Long mạch nhập thủ không phải là chân mạch. Phàm khi hạ quan tài, khí không được thoát ly Long mạch, vậy mà ở đây lại nói "Liêu sơn phá ngạch thối xuất bình cơ", nghĩa là đẩy đá phá cứng, lùi ra khỏi chỗ đất bằng, rồi mới có thể tạo huyệt. Đó là vì Long mạch nhập thủ là Âm lại, vừa thẳng vừa cứng, sát khí rất nặng. Ví dụ Tý Long lâm hướng Ngọ, gọi là "Tý Ngọ lâm đầu sát", nếu hạ táng ở đây sẽ rất hung hiểm. Cho nên phải phá thế cứng của Tý sơn, đem quan tài lùi ra khỏi chỗ đất bằng mà lập huyệt, để tránh sát khí (tức là tai họa) xâm nhập vào quan tài, gọi là hạ huyệt theo cách trực lai trực thụ. Cổ nhân có Hình táng, Pháp táng. Hình táng là hạ táng thuận theo địa thế sinh thành của hình huyệt. Pháp táng là san bớt đi hoặc đắp thêm thành gò mà hạ táng.

□ *Sinh khí ở bình dương thường tụ thường tán, nổi nổi chìm chìm. Sinh khí nơi sơn lũng thường gấp gáp, âm hiểm, phải chọn địa thế tròn trịa, bằng phẳng.*

Đây là nói cách căn cứ vào sự tụ tán, hoãn cấp (mau chậm) của sinh khí để xác định sự mờ tỏ của huyệt. "Táng Thư" nói :

"Táng là sự tiếp nhận sinh khí".

Vì ở địa khu bình dương, khí Dương thắng khí Âm, nên phải lấy chỗ đột khởi làm chỗ Chân khí tụ kết, huyệt ở chính chỗ đó. "Táng Thư" nói :

"Cát chỉ khi sắp bốc lên ở nơi nào thì nơi ấy mới nổi lên. Nếu không phải vậy, thì địa thế sẽ giống như tấm chăn, tấm đệm dàn trải, tản mạn, khí không hội tụ, làm sao có thể hạ huyệt ?"

Còn địa thế nơi sơn lũng thì khí Âm thắng khí Dương, không ngại mạch bất lợi, cho nên nơi kết huyệt phải tròn trịa, bằng phẳng, không hiểm, không gấp, tựa như hình con rắn nằm cuộn khoanh trên đất, linh hoạt chứ không cứng đờ, trầm tĩnh chứ không náo động, sinh khí sẽ tụ kết ở đó. Cổ nhân nói : "Sinh khí nơi sơn lũng thì táng ở trong khí chứ không táng trong mạch" là với nghĩa này.

□ *Trâu dầm mình trong nước, ngẩng mặt lên thở. Rồng lao ra khỏi động, phải chờ nhận dư khí của nó. Tinh khí lộ như hoa, nên táng lại biểu bì. Tinh khí tiềm ẩn như quả nên táng ở trong xương cốt.*

Bốn câu này là nói về Tác pháp, căn cứ vào sự hoãn cấp (mau chậm) của Khí mà quyết định việc táng nông hay sâu. Long mạch vận hành dưới lòng đất, chỉ hơi lộ chút sống lưng, mãi đến chỗ kết huyệt mới có chút khí đột khởi, đó là cát khí bốc lên. Long mạch thong thả đến như vậy thì không ngại đặt mộ ở chỗ cao nhất. Ví như con trâu dầm mình dưới nước, toàn bộ thân thể ẩn trong nước, toàn bộ hơi thở (sinh khí) tập trung ở lỗ mũi của nó.

Khi Long mạch xồng xộc lao tới, Chân khí cuồn cuộn, đến khi kết huyệt thì đã trải qua chặng đường dài, tụ kết, chứ không gấp gáp nữa. Loại Long mạch gấp gáp đến này thì không ngại táng ở trong đất bùn sâu. Như khi rồng mới lao ra khỏi động, khí quá vượng, ta chớ động đến nó; chỉ lúc linh khí đã bớt hẳn, ta hãy nhận lấy nó.

Khí nổi lên trên, linh quang đã phát lộ, nếu ta táng sâu, khí sẽ lướt qua ở bên

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trên, do vậy cần táng nông, tựa như hoa ở trên cây, tinh hoa phát lộ hết ra bên ngoài (biểu bì). Còn khi khí trầm xuống dưới, tinh hoa mỹ miều tiềm ẩn bên trong, nếu táng nông, khí sẽ đi qua bên dưới quan tài, cho nên phải táng sâu, tựa như trái cây, lớp vỏ ngoài (biểu bì) không thể có hương vị thơm ngon đậm đà như sâu ở bên trong. Hiện nay người ta không quan sát khí nổi hay chìm mà tùy tiện hạ táng hoặc nông hoặc sâu là sai. Cổ nhân nói :

> "Táng sâu, phú quý phát chậm. Táng nông, phú quý sẽ phát nhanh hơn".

Quả có như vậy. Nhưng nếu muốn phát đạt nhanh mà táng nông, thì đã bỏ mất bản ý của cổ nhân. Thủy Long, Mộc Long đa phần dễ phát đạt, chính vì khí của nó có thể táng nông, còn khí trầm sâu, thì phải táng sâu.

□ *Long huyệt có Âm có Dương, Sa Thủy cũng có Âm có Dương. Long huyệt có Sinh có Tử, Sa Thủy cũng vậy.*

Đây là nói việc dùng Âm Dương, Sinh Tử của Sa Thủy để luận về khí. Âm Dương, Sinh Tử của Long huyệt đã bàn ở phần trước. Vì sao Sa chia ra Âm và Dương ? Sa mở rộng, hướng tới là Dương; hiểm trở, quay lưng lại là Âm. Hướng tới nghĩa là có tình với ta, quay lưng lại tức là vô tình. Không riêng Long huyệt lấy Dương làm quý, mà cả Sa Thủy cũng vậy. Thủy phân Âm Dương là sao ? Thủy mênh mông, uốn lượn chảy tới hoặc chảy đi, êm đềm có lực là Dương, mà cuồn cuộn xối xả, lệch xéo là Âm. Ví dụ như con người, nếu huyết mạch lưu thông, thì hô hấp tự nhiên điều hòa, không nhanh không chậm, không nghịch mới không dẫn đến bệnh tật. Sa chia ra Sinh Tử thế nào ? Vô luận là Long sơn, Hổ sơn, Án sơn, cần phải triều bái, hướng tới ta cho có tình, có mắt, có chân tay, bao bọc xung quanh ta như đầy tớ quanh chủ nhân, như vợ theo chồng, có xướng có họa, có hô có ứng, thì là Sinh. Còn nếu nó cứng đờ, khô cằn, gọi nó nó không đến, đuổi nó nó chẳng đi, là vô tình vô khí, là Tử Sa. Tử Thủy cũng vậy, chảy thẳng và gấp, nghịch phản, vô tình với ta. Trong vũ trụ, vạn vật gặp Dương thì Sinh, gặp Âm thì Tử. Như sự kết thai của người. Tinh của nam là Dương, huyết của nữ là Âm. Dương coi dư thừa là quý, mà Âm thì khiếm khuyết là quý. Tinh vượng thì xúc kết, huyết hư khuyết thì tiếp thu, tóm lại lấy Dương làm chủ. Lại như khi người ta chết đi, huyết mẹ tiêu tan trước, cốt cha còn tồn tại lâu, thế chẳng phải lấy Dương làm chủ hay sao ? Lại như trời đất trong vũ trụ mênh mông, khí trời là Dương, mạch đất là Âm, nếu trời không liên tục vận hành, chiếu rọi ánh sáng (trời, trăng, sao), tưới nhuần (mưa, sương...), thì đất làm sao sinh ra vạn vật ? Cho nên vũ trụ cũng coi Dương làm chủ. Đây là bí quyết hệ trọng nhất của nhà địa lý khi luận về Sinh Tử.

□ *Khí có hư có thực, phải lấy thực nhập hư. Khí có trước có sau, đến trước lấy trước, đến sau lấy sau.*

Hai câu này nói về việc tiến thoái, tăng giảm của huyệt mà tùy cơ nhận khí.

Câu trước nói đến sự sinh thành của con cháu, khi vừa bắt đầu kết thai, lấy tinh Dương làm chủ, khí thắng mà hình chưa thành. Cho nên là Hư khí, thuộc Dương, Dương thì không thích nhận chậm. Sau khi đã thành thai, thì lấy huyết Âm làm chủ, hình thì đã thành, Sinh khí đã được thu nạp, nên khí là thực, thuộc Âm, Âm thì không thích gấp. Nên thoát ly Long mạch nhận khí hạ huyệt.

Câu sau nói về nơi kết huyệt. Ví dụ, nếu Long mạch bên tả đến trước, thì khí sẽ kết ở bên hữu, nên hạ huyệt ở bên hữu, thu nạp tả Sa; nếu Long mạch bên hữu đến trước, khí sẽ kết tụ bên tả, nên hạ huyệt ở bên tả, thu nạp hữu Sa. Cổ nhân nói :

> "Hai cung cùng đến, hạ huyệt nhận khí ở giữa, phát đạt vô cùng nhanh chóng. Đến trước thì thu trước, tả hữu hoán đổi".

Chính là ngụ ý như trên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

□ *Mượn thành làm chủ, phải xem rõ Lạc sơn; Tự hướng câu Long, cần xem kỹ Minh Đường.*

Hai câu này nói đến việc mượn ngoại khí để tiếp nhận nội khí hạ huyệt, tức là nói đến Tác pháp tọa hướng. Vì Long mạch đến trước không kết hợp với chính thụ, nên phải tránh khí thế vốn có của nó, mà dựa vào La thành hoặc Thủy thành, hoặc các tòa sơn phong. Chẳng hạn mượn Thác sơn, Lạc sơn làm chủ sơn, mượn ngoại khí làm tụ tán, nên nói là "mượn thành làm chủ". Còn có loại Long thế xông thẳng tới, tựa hồ phải từ phía trước chính thụ, nhưng nơi Long mạch nhập thủ không có diện mục, phương hướng cũng vô tình, không thành cục diện, nên phải xét kỹ Minh Đường của nó thế nào. Câu "Lấy Long định huyệt, lấy Thủy định hướng" chính là ngụ ý nơi hà lưu tụ hợp ắt có Minh Đường, trước tạo thành cục, sau đó lấy nó làm tiêu chuẩn định hướng. "Bạt Sa Kinh" nói :

> "Không có cục diện thì chẳng cần nói đến Long".

Từ đây có thể thấy rằng nơi có cục cũng chính là nơi Long dừng lại, nên mới bảo "tựu hướng câu Long".

□ *Điểm huyệt cầu tam tĩnh nhất động; nhận biết khí cầu bách tử nhất sinh.*

Câu này ý nói phải thông qua động tĩnh, sinh tử mà nhận biết Long mạch chân hay giả, một điều tối trọng yếu.

Tam tĩnh là gì ? Án sơn và Đối sơn phải tĩnh. Triều cũng không được có hình dạng áp bức. Triều hộ phải tĩnh, bao bọc hướng vào phía trong, không được có hình dạng ngơ ngác bay lên. Thủy thành cũng phải tĩnh. Hà Thủy bao quanh ngưng tụ, không được quay lưng, xung tán. Ở giữa chỉ thấy có huyệt trường, chỉ có một Long mạch linh động hoạt bát, có thần tinh. Như vậy gọi là "Tam tĩnh nhất động". Huyệt như thế mới là chân huyệt.

Nhận biết khí thì phải nhận biết ở trong huyệt trường, nhận biết tinh thần của nó. Tinh thần bộc lộ ở nơi nào ? Giống như trên bộ não đứa trẻ sơ sinh, xương đầu cứng rắn, chỉ có một chỗ duy nhất mềm nhũn, phập phồng lên xuống như đang thở là cái thóp. Đây chính là nơi sản sinh tinh thần. Cổ nhân lấy bộ não hóa sinh, chứ không lấy cái đầu của đứa trẻ làm tỉ dụ, là có ý nghĩa rất thâm thúy. Tựa hồ ở nơi dày chọn chỗ mỏng, ở nơi mỏng chọn chỗ dày, hoặc trong động chọn tĩnh, trong tĩnh chọn động, nghĩa là chọn một điểm duy nhất có sinh cơ giữa bốn bề tử khí.

□ *Long mạch có cong có nhọn, đây sẽ là chỗ chân hình; chỗ có lồi có lõm, đây là có Chân khí. Nhận biết về khí còn khó hơn nhận biết mạch. Táng mạch làm sao so được với táng khí.*

Đây là nói về nơi Long nhập thủ mơ hồ, cần nhận biết một chút khí linh quang. Điều này rất hệ trọng đối với nhà địa lý. Khi bước vào huyệt trường, trước hết phải nhận biết hình dạng để xem Chân khí. Ví dụ huyệt trường nhất định có cong, có nhọn, Thủy hình giải nhãn (mắt của), hà tu (râu tôm) xuất hiện thì mới có thể thành thai. Có giải nhãn ắt là chân huyệt. Bên ngoài có Sa hình cánh ve che chở, hà lưu thấp thoáng xuất hiện, gọi là Thủy giải nhãn; một khi có Sa cánh ve, ắt là hình dạng tròn như cánh cung. Hà tu là chân huyệt chỗ lõm. Bên ngoài có Sa ngưu giác (hình sừng trâu), mà hà lưu hiển lộ rõ ràng, thì gọi là Thủy hà tu. Đã có các hình dạng ấy, ắt khí sẽ tụ hợp lại, Thiên tâm sẽ nhô lên, mới kết thành thai. Nếu Thủy tâm trầm ẩn, thì là hư giả, không phải chân huyệt.

Làm thế nào phân biệt khí mạch ? Long mạch hành tiến, ắt thu lại mà có sống lưng, như hình dạng rắn lướt trong cỏ, tuy không lộ liễu, nhưng cũng không thành hình. Phàm có địa hình sống lưng, nếu nơi co cụm thuộc Âm, Âm tức là có sát khí, thì tuyệt đối không được phạm. Còn nếu là nơi bằng phẳng, tròn trịa, thì mới có Chân khí, khả dĩ kết huyệt. Cũng giống như thân thể con người, dễ bắt mạch mà khó thấy khí. Mạch thuộc Âm, khí thuộc Dương, nên nói táng mạch

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

không bằng táng khí. Địa hình và địa huyệt là chân (không phải giả), lại phân biệt rõ khí mạch, thì sẽ phát phúc phát tài, tránh được mọi tai họa.

□ *Chiếu theo pháp quy hạ táng, pháp quy tại hình lý (trong hình); Vận dụng hội ý hạ táng, hội ý tại hình biểu (ngoài hình).*

Đây là nói về sáu loại biến thái của địa hình. Có huyệt ẩn tàng ở địa hình xấu, tất phải dùng sức người tu chỉnh lại. Có huyệt quá kín đáo, phải dùng tâm ý mới hiểu được nó. Phàm luận về khí, không thể không dùng đến thần. Phàm luận về huyệt, ắt phải luận trước về hình. Hình bất túc (không đủ), làm sao kết huyệt ? Ở chỗ hơi lõm, là nơi sinh khí kết tụ, ắt phải dùng sức người đào cho trũng xuống, thành Thủy oa, rồi mới hạ táng. Dùng sức người như vậy, gọi là "Pháp táng". Lại ví như Thủy oa quá sâu, là Dương ở trong Dương thì không phải chân huyệt. Song Chân khí đã xúc kết, thì ta phải dùng đất đá kê lót bên trong Thủy oa, thậm chí dùng gỗ mà chêm bên dưới (nếu là Cường Long), sẽ thành Âm ở trong Dương, rồi đặt quan tài xuống. Đây vốn là hư oa, đó cũng là Pháp táng. Các huyệt hình khác cũng đều có cách tương ứng, cần đắp thêm đất thì đắp thêm, cần san bớt đất thì san bớt, cần hư thì có hư, cần thực thì có thực.

Lại như có Chân Long, chính mạch, mà tình thế, cục diện cũng phù hợp, nhưng khi xem xét huyệt tình, lại không thấy hình huyệt chân chính nhập trướng. Cổ nhân sẽ dùng tinh thần, hội ý để nhận thức mà hạ táng.

□ *Sự quý tiện của Long, nên dùng cách để phân biệt. Long là Chính Long hay Dư Long, nên dựa vào tổ tông để phân biệt. Long lớn hay nhỏ, nên căn cứ vào Can để phân biệt. Cho nên cùng Long thì luận cách, cùng cách thì luận tổ, cùng tổ thì luận Can. Long khứ, trụ, dùng cục để phân biệt. Long thiên, chính, dùng Đường để phân biệt. Long chân, giả, dùng tòa để phân biệt. Cho nên cùng Long thì luận cục, cùng cục thì luận Đường, cùng Đường thì luận tòa.*

Phần đầu nói về nơi đến của Long, phần sau nói về chỗ dừng của Long.

Thể thế của Long có hình dạng hoặc Ngũ não, hoặc Tam thai, hoặc Hoa cái, hoặc Ngọc bình..., bất kể Long có 2, 3, 5 tiết, cũng bất kể Long dài hay ngắn, chỉ cần có hình dạng ấy, thì là quý cách. Nhưng phải lấy một tiết Long mạch phía sau huyệt làm chủ. Liêu công nói :

> "Một tiết Long mạch sau huyệt là Long cách".

Tuy nhiên, Long có quý cách, mà chức quan không cao, phúc lộc không lâu dài, đa phần là do ở nơi Long mạch thừa tổ phân gia không có được chính mạch của tổ tông. Cho nên, ắt phải xem nơi Long phân tổ là chính hay dư, thì mới đoán rõ chức quan cao thấp, phúc phận lâu mau. Nơi Long phân tổ phải có được phẩm cách cao quý mới cát lợi. Có khi là chính mạch mà vẫn không làm quan to, không giàu lớn, vì nó chỉ là Can Long trong Chi Long, thành thử lực lượng của nó không đủ để gánh vác trọng trách. Phải có Can Long dài trăm dặm mới thu nạp được hình thế trong trăm dặm, phải có can Long dài trăm dặm mới thu nạp được địa hình trong ngàn dặm. Đấy là nói về nơi Long đến. Còn nơi Long dừng (khứ trú) thì sao? Long nhất định có sào huyệt thì mới dừng lại. Phàm đến một nơi, xem huyệt của nó tạo nên cục diện, thành lũy, quan tỏa thế nào, khắc biết Long quy tụ, cư trú ở đâu. Nếu Long ở chỗ này là chính, thì ở chỗ kia là thiên, vì Minh Đường ở chỗ này chứ không ở chỗ kia. Cổ nhân nói :

> "Sơn quy thành lũng, Thủy quy thành huyệt",

chính là lấy nơi tụ hợp Minh Đường làm chỗ quy tụ Thủy. Có địa thế Minh Đường rất chính mà huyệt không chân, hạ táng ở đây cũng không phát đạt, bởi vì Cái Tòa ở đây mà không ở kia. Cái Tòa thì như Mộc tú Hoa Cái, Thổ tú Quan Cái, Kim tú Bảo Cái. Phải là Hóa sinh não, Thiên luân cái, Thái cực vựng thì mới là chân tòa. Có chân tòa mới là chân huyệt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Như ở giữa đô thị, viên cục của Long là thành quách, Long có huyệt trường là Sảnh Đường, tọa hướng của Long là Thai Tọa. Phàm nơi Long dừng lại, phải lấy đó làm tiêu chuẩn.

Hung tinh không tác oai tác quái, chỉ cần có Thai có Hóa; Cát diệu dù cao chiếu, cũng phải có Tinh có Thần.

Đây là nói phải nhận biết sinh khí từ trong sự mơ hồ của tinh tú. Nếu Ngũ tinh có chính thể thì khỏi cần nghi vấn. Nhưng còn những trường hợp tinh tú không rõ ràng. Chẳng hạn Mộc tinh vừa thẳng vừa cứng, nhưng lại đới Thủy, Thủy tinh mềm mông, nhưng lại đới Kim. Cách này gọi là phùng thai, con ở bên cạnh cha mẹ, có chỗ nương tựa, khỏi lo suy bại.

Hỏa và Kim giao chiến với nhau, thành Thiên Canh tinh, thì phải xem chỗ trũng đọng nước (Thủy oa) mà đào cho sâu rộng thêm, để tăng thể Thủy. Bởi vì Kim vốn cương ngạnh, phải dùng Thủy để tiết chế Kim, hóa giải hung khí của Kim. Hỏa khắc hại Kim, ta phải dùng Thủy để hạn chế cả Hỏa, hóa giải hung khí của Hỏa. Đây đều là dùng sức người để "hóa" (hóa giải) hung khí.

Song lại có những trường hợp xuất hiện tinh tú mà không phùng thai, cũng chẳng phùng hóa, khó dùng sức người để điều chỉnh. Ví dụ Mộc tinh chĩa thẳng lên trời, vốn rất đẹp, nhưng nhìn kỹ lại thấy hiểm trở, không tú mỹ, cũng chẳng văn nhã, chỉ là thứ Mộc tinh không có hoa. Hoặc như Kim tinh cao vòi vọi, nhưng nhìn kỹ lại thấy thô lậu xấu xí, vô thể vô nghĩa, chỉ là thứ Kim tinh không thành sắc. Hoặc như Hỏa tinh tạo ráng hồng cả bầu trời, rất hiếm có, nhưng nhìn kỹ, lại thấy sơn thế hiểm yếu đột xuất, chẳng giống bút, cũng chẳng giống kiếm, không có ảnh, cũng chẳng có lửa, chỉ là thứ Hỏa tinh vô quang. Hoặc như trên bình nguyên, Thổ tinh và Thủy tinh đều có vẻ vô cùng tôn quý, nhưng nhìn kỹ, thấy chúng chẳng giống lâu đài hoặc Thủy văn, thì chỉ là thứ Thổ tinh phù thủy hoặc Thủy tinh phóng túng.

Cho nên, phàm có văn phải có nhã, phàm có tú lệ phải trang nghiêm, phải thanh tú, phải cao quý, có thần tinh, thì mới phát đạt phú quý. Nghĩa là tinh tú phải có thần tinh, sơn phải có vừa thể phách, vừa thần tinh. Thể phách dễ thấy, thần tinh khó thấy hơn.

□ *Sơn cốc biến thiên, sơn thủy đổi sắc, tạo vật vốn có thời tự. Cải biến Long thần phải theo phép tắc.*

Người thời nay thấy hiền nhân đời trước tạo huyệt có khi rất kỳ diệu, có khi rất vững chắc, lại có khi rất cổ hủ, tựa hồ chẳng có pháp độ gì, thì cho rằng đấy là thời xưa cố ý làm ra vẻ huyền bí, từ đó có thái độ bất kính đối với các bậc hiền nhân đời xưa. Những người này không biết rằng tạo hóa vốn không định thể, cũng không toàn công, mà di chuyển biến hóa tùy theo thời gian. Xưa nay vẫn có câu :

> "Người không muốn thế này, trời lại chẳng chiều theo ý người. Nhưng nếu trời không muốn, thì người cũng chẳng tuân theo ý trời".

Câu này chẳng phải không có nghĩa lý. Lớn thì như Hoàng Hà chuyển dịch về phía Nam, khí vận cũng theo đó chuyển xuống phía Nam. Nhỏ thì như bãi Kim Sa xuất hiện, Ngưu Tăng Nhũ quả nhiên được Hoàng đế triệu kiến. Hoặc lớn thì nếu nước sông Hoàng Hà trong xanh, thánh nhân sẽ xuất hiện. Nhỏ thì nếu núi Khổn Công biến sắc, nhân tài hai quận nơi đó sẽ tùy đó mà hưng vượng hoặc bại lạc. Như thế chẳng phải tạo hóa tự nhiên vốn có thời hay sao ! Liêu công nói :

> "Muốn diệt Hỏa, diệt ôn dịch, thì phải đào ao",

đến nay vẫn vô cùng linh nghiệm. Chẳng lẽ tạo huyệt lại không có phép tắc hay sao ?

Sơn thủy có thể đoán định trong tương lai gần, mà cũng có thể cho tương lai xa,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sự ứng nghiệm có thể mau chóng, mà cũng có thể rất lâu dài. Hoàn toàn không thể đoán định sơn thủy một cách triệt để ngay tức khắc, phúc lộc cũng chẳng thể đoán định tức thời. Hiền nhân đời xưa tạo huyệt, nay mới ứng nghiệm, nghĩa là đã trải qua hàng trăm, hàng ngàn năm. Liệu những kẻ tầm thường, những người trần mắt thịt có hiểu được chăng ? Ôi, phải là người có thần tâm, trí thức mới có bản lĩnh thế được !

□ *Đất có tinh khí, lấy tinh quang (ánh sao) làm tinh khí; đất có cát hung, lấy khí sao làm cát hung.*

Người thời nay dàm luận về địa lý đều lấy hình thể của Long làm bản thể, thiên tinh (sao trời) làm tác dụng, thậm chí coi hình thể là thực, mà thiên tinh là hư, vất bỏ tinh học sang một bên, không thèm bàn đến. Họ đâu biết rằng trong vũ trụ thì tinh quang ở trên trời mà thể phách ở dưới đất. Nếu chiêm bốc huyệt mà không đề cập đến thiên tinh, thì thể phách chỉ còn là tử phách. Bởi lẽ sơn thủy dưới đất kỳ thực là tinh tú ở trên trời, hai thứ này vốn không phải là hai loại. Như phương trời phía Đông có Thương Long tại Cửu Thiên, gọi là Thương Thiên, thì phía dưới có Đông nhạc Thái Sơn. Phương Bắc có Huyền Vũ, là Huyền Thiên, thì bên dưới nó có Bắc nhạc Hằng Sơn. Phương Nam có Chu Tước, gọi là Viêm Thiên, thì bên dưới có Nam nhạc Hoành Sơn. Phương Tây có Bạch Hổ, gọi là Ngô Thiên, thì bên dưới nó có Tây nhạc Hoa Sơn. Trung ương có Bắc Cực, gọi là Trung Thiên, thì bên dưới nó có Trung nhạc Tung Sơn. Lại như trên trời có Thiên Hà, Thiên Hán, bên dưới thì có Trường Giang, Hoàng Hà. Trên trời có Tam Viên Cửu Dã, dưới đất có Viên cục giới định Vương thiên, có Phân thổ giới định Cửu Châu. trên trời có 12 thứ Kim, 365 độ, dưới đất có 12 chi thần phân hạn. Lại như sự sinh thành của người, đầu thì đội trời, chân đạp đất, tay và chân như bốn đời (tứ duệ), bụng như trung thổ, hai mắt như nhật nguyệt, hô hấp vận động thì như bốn mùa. Lại như một vật thể, một khí cụ bất kỳ xuất hiện dưới đất đều là do trời tạo thành, chẳng phải là trời đất tương thông hay sao ? Cát lợi hoặc hung hiểm do địa khí gây nên, chẳng lẽ không tương thông với trời ? Vì vậy, cổ nhân mới nói :

> "Đất thần tiên đa phần xuất hiện từ Thiên Môn, lấy Càn làm trời, mà khí là thuần Dương. Huyệt địa chủ xuất hiện đế vương đa phần đột khởi Kim Long, lấy sao Giác, sao Cang dẫn đầu 28 tinh tú, Càn Dương lúc này ở đúng cung Cửu Ngũ. Huyệt địa vương phi đa phần tùy theo địa hộ, hình dáng tựa rồng bay phượng múa, ở nơi giao tiếp Càn và Tốn. Đất văn chương đa phần là Thái Ất, Thiên Ất, hai quý nhân này là Thiên Ty, phủ địa của văn nhân. Huyệt địa của Tể tướng đa phần là Ly Nhâm vì Tam Cát ở Ly là gần nhất, Thái Vi Tứ Phụ tại Nhâm là gần nhất. Tử Vi đều ở hai bên tả hữu của Đế tòa. Trung lương, tiên thánh đa phần lấy cung Cấn, vì sao ở đây sáng hơn cả, ánh sáng của nó dị thường, nên dị nhân dị khí đa phần xuất hiện tại đây. Lại như Thái Dương tại Ngọ mà các hung tinh không dám lai vãng. Thái Dương có khí tượng quân vương nên kiến lập đô thành, quận huyện đều hướng về Ly".

Như thế là đều lấy theo tượng của Thiên tinh. Các loại tinh tú còn lại đều tự có địa hình tương ứng.

Mọi người đều biết cần phân biệt Âm hữu hình thì phải quan sát Hậu Long để xem khí. Nếu Hậu Long nhiều Âm, thì đấy là Long mạch chân lạc. Nếu Hậu Long nhiều Dương, thì đấy là Long mạch giả lạc. Huyệt pháp của cổ nhân đa phần dựa theo đại thế Long mạch, lấy Hậu Long làm chủ, cho nên phần lớn đều bỏ Long mạch giả lạc, tuy mấy năm đầu sẽ bất lợi.

Sự nhập thủ của địa thế là nơi rất hệ trọng trong việc khai sơn, lập hướng. Nhập thủ là thế nào ? Giống như người muốn cầm lấy đồ vật, thì cần đến tay vậy. Ở đây ngụ ý khí mạch trong huyệt. Người xưa nói Long mạch "thảo xà khởi tuyến huyệt" chính là nói đến việc nhập

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thủ. Nếu có thảo xà khôi tuyến, thì mạch lạc sẽ rất phân minh, có Chân khí đến. Song khí và mạch lạc lại có phân biệt. Long mạch có thu nạp, có tụ kết, thì khí sẽ theo Long mạch hành tiến, song nếu Âm khí nhiều thì chẳng thể hạ táng. Vậy phải chỗ tròn trịa thì mới là Dương tính. Đây là nơi nhập thủ rất tinh diệu và quan trọng. Khi bắt đầu định huyệt, phải toàn lực gia công ở đây.

Phân Kim là gì ? Ví dụ Hợi có năm loại Hợi, trong đó Tân Hợi, Đinh Hợi là Vượng tướng, Kỷ Hợi, Quý Hợi là Cô hư, Cô hư thì không nhập thủ. Khí Vượng là từ Giáp Tý Ất Sửu tới, phải chọn cát hung của nó.

Phân Kinh là gì ? Hai mươi tám tinh tú là kinh tinh của trời. Hỗn thiên Ngũ Hành trong hai mươi tám tinh tú có phân thuộc riêng. Nó có quan hệ Sinh Khắc, Chế Hóa với Phân Kim, Nạp Âm và Ngũ Hành. Huyệt có Lai mạch, có Tọa độ. Lai mạch trọng Phân Kim, Tọa độ trọng Phân Kinh. Tọa độ là nhờ dựa, Lai mạch là chủ chốt, Tọa độ hỗ trợ cho Lai mạch. Đây là nơi cầu sinh tránh tử quan trọng trong việc tiếp nhận khí.

☐ *Mạch phải xem tả lạc hay hữu lạc, mới phân biệt chân mạch hay giả mạch. Khí phải xem tả gia hay hữu gia, mới phân biệt là đình khí (khí động) hay ly khí (khí tán).*

Đây là nói về việc quan sát chỗ lạc mạch để tiến hành phán đoán. "Địa lượng đáp đề" viết :

> "Sao Cơ nếu tả lạc thì không thể dùng, nhưng nếu hữu lạc thì được. Sao Nguyên nếu tả lạc, sẽ xuất hiện quý nhân, nếu hữu lạc thì hỏng".

Đây là nói Hợi Long đi một mình (đơn hành) là thuần nhất, cát lợi. Nếu Càn và Hợi đồng hành, thì phải xem cuối cùng lạc ở đâu. nếu tả lạc, Càn sẽ chiếm ưu thế, không thể tạo huyệt. Nếu hữu lạc, Hợi sẽ chiếm ưu thế, có thể hạ táng. Nếu Nhâm và Hợi đồng hành cũng vậy. Bởi vì Càn là tả, Hợi là hữu. Theo Lại công, dù Càn và Hợi không đồng hành, khi lập huyệt cũng phải đối chỗ, mới không bị tạp khí xâm nhập.

☐ *Long mạch có thuận có nghịch, thừa tiếp khí dĩ nhiên cần phân biệt. Ngũ Hành có đảo nghịch, tác dụng cũng có phép tắc.*

Đây là nói nếu khí Sinh Vượng của Lai Long khác nhau, thì phương pháp thừa tiếp khí cũng khác nhau. Chẳng hạn nói về Hợi Long, "Thôi Quan Thiên" viết :

> "Từ Tây Đoài xa xôi mà tiến nhập Thiên Hoàng, chủ sản sinh quý nhân thanh cao, văn tài xuất chúng".

Bởi vì Hợi thuộc Thủy, mà Đoài thuộc Kim, tây Đoài nhập Thiên Hoàng, là Kim sinh Thủy, thì Hợi khí là vượng. Đây là luận Sinh Vượng theo Chính Ngũ Hành. "Thanh Nang Kinh" viết :

> "Quý Khảm khí thế vượng, nhập Hợi Càn, hướng Bính, có thể hạ táng".

Vì sao ? Vì Quý Sửu thuộc Kim, Nhâm Tý thuộc Thủy, Càn Hợi thuộc Mộc, Bính thuộc Hỏa. Nay Quý Sửu Kim sinh nhập Nhâm Tý Thủy, Thủy lại sinh Càn Hợi Mộc, Mộc lại sinh Bính Hỏa. Đây là luận Sinh Vượng theo Song Sơn Ngũ Hành. Lại công vận dụng Chính Ngũ Hành, còn Dương công vận dụng Song Sơn Ngũ Hành, tuy phương pháp khác nhau, nhưng đều lấy việc thừa tiếp sinh khí làm chủ.

☐ *Khí có tiếp nhận Xa mạch mà không dung nạp Long mạch nào khác tạp nhận; Khí có dựa vào Bàng mạch mà khả dĩ cách sơn lấy huyệt; Khí có hòa hợp với sơ phân mạch mà bất kể xa gần; Khí có xuyên qua Hiệp mạch mà bất kể đứt nối.*

Đây là nói phân biệt Long mạch chân giả để thừa tiếp khí. Trong "Mai Hoa viện soán" có câu :

> "Hợi Long không có Lân giáp, ắt dụng tâm an huyệt".

Lại nói :

> "Có thể cách sơn lấy khí".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Bởi vì hai bên Hợi Long là Càn và Nhâm đều không thể xâm nhập, như thế gọi là không có Lân giáp. Đây là dùng bổn mạch để tiếp nhận khí. Còn cách sơn lấy khí, thì như Tốn, Ất, Bính nguyên thuộc Âm, Bính có thể nhờ Tỵ, Tỵ có thể nhờ Tốn, đều có thể cách sơn mạch nhận Chân khí. "Ngọc Xích Kinh" có câu :

> "Lai Long sẽ không thoát Chân khí của Lai Long".

nghĩa là thừa tiếp Chân khí của sơ phận mạch. Ví dụ Hợi mạch từ Tổ sơn phát nguyên, cho đến trước chỗ nhập huyệt, vẫn là Hợi mạch, Chân khí của nó hòa hợp với Tổ sơn. Lại nói :

> "Tam hiệp qua Tam quan, nguyên khí vẫn là nguyên khí vốn có".

Ngụ ý Chân khí của Quá hiệp. Như Hợi mạch quá hiệp, cho đến trước chỗ nhập huyệt, vẫn là Hợi mạch, cũng là Chân khí. Vì sao vậy ? Vì nơi quá hiệp thực tế là nơi thúc khí biến thai, nên là Chân khí. Phàm khí mạch là chân, thì sẽ có chỗ tương hợp cha con, ông cháu.

☐ *Long huyệt không di chuyển thước tấc, nhận khí ở tai, ở eo. Phân Kim có sự di chuyển xảo diệu, khí mạch không sai biệt mảy may.*

Đây là nói về việc lấy Sinh bỏ Tử, lấy chân bỏ giả, ngưng tụ tuyến Chân khí cho gân cốt. Câu trước nói đến sự xúc kết của Long huyệt, hoặc chính huyệt, có oa, kiểm, nhũ, đột, hoặc là quái huyệt với những hình dạng kỳ quái, hoặc là chính lạc, hoặc là giả lạc, nhưng đều không thể di chuyển huyệt trường. Còn việc tiếp nhận khí lại khác. Hoặc hành Long xuất mạch, có thuận có nghịch, có ngang có dọc, có cách một cung, có khi cách vài cung, tiếp nhận khí hoặc ở tai Long, hoặc ở eo Long, hướng vào trong tiếp nhận sinh khí, hướng ra ngoài tiếp nhận cung khí, chứ không hề cố chấp phép tắc. Cổ nhân ở đây vừa dùng sức người, vừa lợi dụng tạo hóa tự nhiên. Khi tuyến lấy nhập thủ thúc khí làm chủ, tỉ như Cấn Long nhập thủ, Mậu Dần là chính thụ, Mậu Dần là Thổ cũng là bổn khí, thì khỏi cần sự bổ trợ nào nữa. Nếu là Bính Dần, thì thuộc Hỏa, lấy Sinh cho Cấn để tiết chế bớt Hỏa, dẫn đến hư nhược phải dùng Phân Kim nuôi dưỡng huyệt, tỉ như Giáp sơn hướng Canh, phải dùng Canh Dần Phân Kim, lấy Mộc Canh Dần Sinh cho Bính. Bởi hai mươi bốn chữ là Phụ mẫu, sáu mươi Long là Thai Tiết. Phàm Thai Tiết lấy Sinh Phụ mẫu làm Tiết. Cho nên khí Bính Dần tọa ở Cấn thì là nhược (yếu). Nay dùng Phân Kim tọa tuyến có thể di chuyển, chứ không cố định.

Sau khi xác định khí tuyến, thì xác định tọa tuyến, rồi xác định tuyến tạp khí. Thí dụ Cấn Long nhập thủ, chỉ cần có ba phân khí Dần. Nếu lấy Giáp sơn hướng Canh, thì phải định tọa tuyến ở Giáp Canh. Đến khi định tuyến, nơi giao giới khí tuyến sẽ là ở tại bên hữu. Ở đây lại phải xem khí Dần như thế nào. Nếu có khí Dần xâm nhập, phải né tránh nó. Mạch đến gấp gáp, thì lùi một phân để tránh một chút khí Dần. Nếu mạch đến thư thả, thì tiến một phân để đón khí Dần. Như vậy Chân khí của Cấn sẽ đầy ắp trong quan tài mà không có tạp khí xâm nhập. Điều này hết sức tinh vi, không thể lầm lẫn. Mấu chốt của việc tiếp nhận khí là ở điểm này.

☐ *Phải tránh tiếp nhận Trung khí, nên lấy ba, bảy hạ quan; cần tiếp nhận Vượng khí. Phận Kim cũng phải lấy ba, bảy gia hướng.*

Hai câu này nói về khí tuyến và tọa tuyến, phải tránh sát khí, nghênh tiếp sinh khí, là điều rất quan trọng. Vạn vật trong vũ trụ nếu gặp Trung khí thì suy bại. Cho nên "La kinh" lấy Mậu Tý Kỷ Sửu là Đại Không Vong, chính là vì độ số của chúng nằm ở giữa năm phần Trung khí, không có chút sinh cơ. Như trong "Thôi Quan Thiên", Hợi Long tọa Nhâm hướng Bính, hơi thiên sang Càn; Kỷ Hợi tọa Càn hướng Tốn, hơi thiên sang Nhâm, nhận bảy Hợi ba Quý của Quý Hợi, chính là hợp với ý tứ trên. Lại như Phân Kim nhích (gia) sang tả và sang hữu, đa phần dùng ba phần, chính

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

là ba phân, thì tại Bính Đinh Canh Tân sẽ không phạm sát khí Mậu Tý. Phân Kim dùng Bính Đinh Canh Tân, nguyên là sự phối hợp trong "Âm Dương chính nguyên", thực tế là lấy quái khí tại vị trí Đoài Cấn Chấn Tốn làm Âm Dương tương giao, nên gọi là Vượng tướng. Tóm lại, thừa tiếp khí thì phải dùng Bính Đinh Canh Tân làm Phân Kim, cũng không phạm sát khí trung gian, thì mới tránh được Không Vong, Họa Hại.

☐ *Long lấy mạch làm chủ, huyệt lấy hướng làm quý. Thủy lấy hướng định vị, hướng lấy cục mà phân.*

Câu này ngụ ý Thủy và huyệt đều coi hướng là trọng. Cho nên, phàm luận khí thì không thể không luận hướng. Phàm thừa tiếp khí trong Táng pháp, thứ nhất lấy Long mạch làm chủ, thứ hai lấy Chính Ngũ Hành làm chủ, chẳng còn cách nào khác. Nếu tọa hướng lập huyệt, thì bên trong tuy là thừa tiếp Long, song thực ra bên ngoài lại là tiêu Thủy. Tỉ như Hợi Long nhập thủ, Thủy từ phương Cấn Dần chảy tới, từ Mậu Càn chảy đi. Nếu theo Song Sơn Ngũ Hành thuộc Mộc, sẽ xung phá Thai Dưỡng. Nếu theo Chính Ngũ Hành thuộc Thủy, sẽ xung phá Quan Đới. Đều không hợp pháp độ. Phải lập hướng Bính Đinh, thì mới khả dĩ tiêu Thủy. Bởi vì xét theo Huyền Không Ngũ Hành, Bính Đinh thuộc Hỏa, mộ phần phải đặt tại Tuất, mới có thể thu nạp Thủy Dần Cấn mà phát phú quý. Đây là Thủy theo Huyền Không Ngũ Hành thu nạp hướng. Thủy chia làm Tức đạo và Lậu đạo. Cục diện không phải do sức người tạo nên. Bởi vậy cổ nhân lập hướng, thu cục phải dùng Song Sơn Ngũ Hành xác định. Ví dụ Mão Long, thì là Tốn Canh Thủy triều đới Kim cục, ra khỏi phương Cấn thì khí Kim sinh thành, nên chủ hướng Canh. Mão Long gặp Cấn Dần Tốn Bính Thủy đến trước mặt thì là Hỏa cục, phải lập hướng Tân. Bởi Mộc Long gặp Hỏa cục sẽ không tránh khỏi gặp tiết khí, phải lập hướng Tân chính đối hà lưu chảy đi, đây là Thủy chảy ra từ Hưu Tù, cũng là cách thừa tiếp sinh khí, né tránh sát khí. Cổ nhân nói :

> "Không có Thủy tuyệt, chỉ có hướng tuyệt".

Xưa nay, lập hướng tiêu Thủy có nhiều pháp độ, cần áp dụng sao cho phù hợp với tính tình và hình thái của sơn thủy.

☐ *Đường tới của Long mạch phải xem Tứ Sinh, tọa ở đâu phải xem Tứ Tuyệt, trong cục phải xem Tam Hợp, hướng phải xem Song Kim.*

Bốn câu này là nói dùng thêm các loại Ngũ Hành luận khí để cầu Sinh, tránh Sát. Vì sao đường tới của Long mạch phải xem Tứ Sinh ? Đây là xuất phát từ câu "Đất có bốn hình thể". Ví dụ Thủy Long từ Khôn Thân Canh Đoài chảy tới, đến Nhâm Hợi kết thành chân huyệt, là xuất phát từ vị trí Sinh, đến vị trí Vượng, thì dừng lại, gọi là Long Sinh Vượng, phát phúc sẽ lớn lao và lâu dài. Còn Thủy từ phương Đông chảy tới, là nơi bị tiết khí, thì vừa phát phúc xong đã lập tức suy bại. Vì sao tọa ở đâu phải xem Tứ Tuyệt ? Ví dụ Cấn Long nhập thủ, Nhâm sơn Bính hướng, Thủy từ Càn Hợi chảy ra, thì thành đất Hỏa Tuyệt Thai. Tuyệt Thai là Lộc Tồn. Nói "Tứ cá Lộc Tồn lưu tận, nhất định đại phú đại quý" là chỉ tình huống này. Bởi vì tọa Nhâm sơn thuộc Hỏa, Cấn Dần vốn là địa hình Hỏa Tràng Sinh, vậy là Hỏa cư đất Hỏa, rất đúng chỗ. Hoặc Thủy từ Giáp, phương Sinh Dưỡng tới, là Tham Lang, con cháu trưởng phòng sẽ phát phú quý. Hoặc Thủy từ phương Bính Ngọ tới, chủ quan vận hanh thông nếu là sao Vũ Khúc, con cháu trung phòng sẽ phát phú quý. Hoặc Thủy từ phương Tây chảy tới, thì phương Suy, là Cự Môn, con cháu tiểu phòng sẽ phát đạt.

Nếu Thủy từ phương vị Càn Hợi chảy tới, mà đặt sai Quý sơn Đinh hướng, thành Thổ cục. Càn Hợi là đất Lâm Quan, nhất định sẽ suy bại. Cho nên tọa ở đâu là rất hệ trọng. Người thời nay chỉ chú trọng lập hướng, coi nhẹ tọa ở đâu, nên có chín phần mười gia đình suy bại. Tọa ở đâu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phải dùng Hồng Phạm Ngũ Hành, tham khảo thêm Hồng Phạm Ngũ Hành mới chính xác.

Trong cục vì sao phải xem Tam Hợp ? Ví dụ Hợi Long nhập thủ. Thủy từ phương vị Mão Giáp chảy ra, đến phương vị Khôn Mùi thì đã thành Tam Hợp Hợi Mão Mùi. Đây là Mộc cục đích thực. Xem cục thì phải vận dụng Song Sơn Ngũ Hành.

Hướng vì sao phải xem Song Kim ? Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là đất Tứ Kim. Ví dụ cung Sửu là Ngưu Kim, gọi là Ám Kim sát, hoặc làm hướng Khôn, thì theo Huyền Không Ngũ Hành, Khôn thuộc Kim, một phần cũng tại Sửu, Sửu là một Kim, Khôn cũng là một Kim, hai cái gặp lại là Song Kim. Song Kim sát thì nguy hại đến tính mạng, dù phát quý, cuối cùng cũng có người mất mạng.

Phàm các loại Ngũ Hành khác nhau, nhưng đều vốn là một nhà, phải vận dụng cho đúng chỗ, đúng nghĩa. Đấy là chưa kể còn có Bát quái Ngũ Hành, Hỗn Thiên quái nghĩa.

□ *Chế Sát chính là thừa tiếp Vượng, Thoát Sát là phù Sinh, Tòng Sát hóa thành Quyền, Lưu Sát chính là Quan.*

Bốn câu này nói về phép dùng Sinh khắc chế, tiêu nạp, biến hóa để thừa tiếp khí. Thí dụ Ly Long nhập thủ, Càn Hợi Thủy đến triều bái, chính là Sát diệu, phải tọa tại hướng Đinh, thu nạp Quý Giáp Thủy để hòa hợp với Càn Hợi, thành Mộc cục Càn Giáp Đinh, vì Mộc có thể sinh Hỏa. Khí nếu tương hợp, Ly Hỏa sẽ vượng, thì Càn Hợi không còn là sát diệu, mà thành Sinh Vượng. Đó là cách chế Sát thừa tiếp Vượng.

Lại thí dụ Mão Long nhập Cấn, Bính Thủy và Cấn Thủy từ hướng Tân chảy ra, là một phái khí Hỏa cục tiết Mộc, là Sát khí. Phải làm hướng Tân, để Sát Thủy chảy thẳng đi, không lưu lại bên trong cục, như vậy thì Hỏa khí vượng mà Mộc khí cũng không bị tổn hại. Đó là phép Thoát Sát phù Sinh.

Lại thí dụ Hợi Long nhập thủ, hậu Long đới Tý Quý đến dùng Song Sơn mà luận, Tý Quý thuộc Mộc, Thủy từ phương vị Tốn Tân nhập Đường là một phái Khí Kim, như vậy Sát khí đầy trong cục, phải lập hướng Tốn cho tương hợp. Tương hợp thì chuyển hóa, Sát hóa thành Quyền, không còn cừu địch với ta nữa. Đây là phép Tòng Sát hóa thành Quyền.

Lại thí dụ Tốn Long nhập thủ, Tân Thủy từ phía trước đến triều bái. Luận theo Chính Ngũ Hành, Tốn thuộc Mộc, Tân thuộc Kim, như vậy Tân Kim là Sát khí với Tốn Mộc. Luận theo quái khí, thì Tốn có thể phối hợp với Tân. Luận theo Thiên tinh, thì Thiên Ất và Thái Ất là hai quý nhân trong số hằng tinh. Nếu sơn thủy có thể làm hướng Tân, thì Tân sẽ không Sát nữa, mà là Quan. Đây là phép Lưu Sát thành Quan, nghênh Quan tựu Lộc.

□ *Âm dùng Dương đến triều bái, Dương cũng phải cần Âm đến ứng hòa, mới thành một nhà vui vẻ. Sơn vận thu sơn, Thủy vận thu Thủy, dù phân khai cũng sẽ hỗ tương sinh vượng.*

Hai câu này nói đến việc dùng triều nghênh, thu nạp để thừa tiếp khí. Ví dụ Hợi Long từ Tây Đoài chảy đến là Dương Hợi, thành Giáp Mộc, là Dương Sinh Hợi Mão Vượng, mà Mộ tại vị trí Mùi thì phải dùng Âm. Có thể phối hợp với Mộ ở Mùi chỉ có Quý Thủy là Âm, Sinh Mão Vượng Hợi, thì Mộ Mùi mới thành chính phối. Dương Mộc dùng Âm Thủy tương phối, là Dương cần Âm đến ứng hòa, cũng là Âm phải cần Dương đến triều bái. Bởi vì Dương dùng Âm đến ứng hòa, Dương tính thể tĩnh mà lấy Âm vận làm động. Âm cần Dương đến triều bái, Âm là tĩnh mà lấy Dương vận làm động. Âm Dương bao bọc lấy nhau, hòa hợp động tĩnh, làm căn cơ cho nhau. Khí từ bên hữu hành tiến, thì là từ Sinh đến Vượng. Khí từ bên tả hành tiến, thì là từ Vượng đến Sinh. Sinh và Vượng tương giao, thì mới thành công, cát lợi. Đây là bí quyết trọng yếu của nhà địa lý trong việc thừa tiếp khí.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Huyệt ở gần Long thì thừa tiếp Nội khí, hướng ở gần Thủy thì thừa tiếp Ngoại khí. Sơn Long lấy sơn vận thu nạp sơn mạch; Thủy Long lấy Thủy vận thu nạp Hà Thủy. Ví dụ Ất Mộc sinh Ngọ, nên tại Ngọ có đỉnh núi nhô cao, thì nhân đinh sẽ hưng vượng, tại Dần hưng vượng, nên nếu ở Dần có đỉnh núi nhô cao, thì chủ về thăng quan phát tài, nên mới nói là "sơn quản sơn". Bính Hỏa sinh ở Dần, nên nếu ở Dần có Thủy tới, thì nhân đinh hưng vượng, tại Ngọ hưng vượng, nên nếu Ngọ có Thủy đến, thì chủ về thăng quan phát tài, nên mới nói "Thủy quản Thủy". Ất Mộc lấy Bính Hỏa làm phối ngẫu, cho nên triều hướng và thu nạp đều phải theo Hỏa cục. Nếu Âm gặp Âm, thành thuần Âm, Dương gặp Dương, thành thuần Dương, sẽ không sinh hóa và lâu dài, không phát phú quý. Ví dụ trong "Bạch Long đàm" có ghi cách "Khảm Hợi tiếp nhận Kiền, Âm Long hành tiến ở bên hữu", Thủy của phương vị Dần Giáp chảy tới, là Thủy Tràng Sinh phối hợp với Thủy Đế Vượng. Thủy của phương vị Tân Tuất chảy đi, là sự phối hợp khéo léo; dùng Bính lấy hướng Đế Vượng, là thu hẹp Dần Tuất. Cho nên hạ táng ở đây thì cả năm con trai đều quý hiển. Nếu lại lấy Tân Tuất, nghịch xung phương vị Đinh Ly, thì là xung phá Quan Lộc, cả năm con trai sẽ bị suy bại. Nếu đồng thời cả Tràng Sinh cũng bị phá, thì cả gia tộc sẽ bị tuyệt diệt.

☐ *Trên trời thành tượng, dưới đất thành hình, đều cùng một loại khí, nên thiên tượng lấy Thái Dương làm chủ, mà địa hình coi Liêm Trinh là chủ, đều cùng coi Hỏa tinh là tổ tông của vạn tượng. Tượng chia ra cát hung, hình phân ra họa phúc, đều cùng một địa vực, cho nên tinh quang lấy Tuế tinh làm đức, mà địa pháp lấy Tham Lang làm quý, đều cùng coi Mộc tinh là tinh hoa của vạn tượng.*

Đây là đơn cử hai ví dụ Hỏa và Mộc để thể hiện sự phối hợp tương hỗ giữa thiên tượng và địa hình, không thể phân thành hai bộ phận tách rời. Trong Ngũ Hành, chỉ có Thổ sinh ra mọi vật, chỉ có Hỏa mới sinh Thổ, cho nên Hỏa là đại tổ tông trong vũ trụ. Còn "Chân Hỏa" là thế nào ? Chỉ có một điểm chân Dương là chân Hỏa, ấy là Thái Dương, ở trên trời là Nhật (mặt trời), ở trong quẻ là quẻ Ly, ở phương vị là Ngọ, ở tinh tú là Liêm Trinh, trong Ngũ thú là Hoàng Long. Chỉ có Hỏa là có thể ký ngụ (ở nhờ) bất cứ chỗ nào. Đem đá hoặc kim loại cọ xát vào nhau sẽ xuất hiện lửa, đây là Thổ Kim có Hỏa. Mộc có thể sinh Hỏa, đây là trong Mộc có Hỏa. Nước suối có độ nóng, đây là trong Thủy có Hỏa. Ngay cả sự kết thai của người, nếu không có một chút Dương tinh, Chân Hỏa, thì chẳng thể kết thành người. Cho nên khi xem đất, phải lấy Hỏa tinh làm tổ tông, mới có thể hóa sinh. Phàm các đại đô thành, quận huyện, thành thị nhất định đều quay mặt về hướng Chính Nam, vị trí Ly, lấy Ngọ làm vị trí cư trú của Thái Dương. Tiếp theo đó Thái Âm cùng với Thái Dương vận hành, đều là dựa vào Nhật (Thái Dương). Cho nên, phàm là kết huyệt, Thái Dương và Thái Âm đa phần lấy Kim Thủy làm chủ.

Các quan Thái sử thời xưa nói, phàm Tuế tinh đóng ở vùng nào, thì không thể chinh phạt quốc gia đó. Chẳng lẽ đấy không phải là coi Mộc tinh cát lợi nhất hay sao ? Trong Cửu tinh, Tham Lang là cát lợi nhất, cũng chính vì sao Tham Lang thuộc Mộc. Hơn nữa, trong vũ trụ, cái gì đẹp đẽ, hoa lệ nhất, nếu không phải là Mộc. Mùa Xuân, cây đâm chồi, nảy lộc, đến mùa Hạ thì cây cối sum suê tươi tốt, quả là có khí tượng văn minh, sinh động. Cho nên địa hình và Thiên tinh đều lấy tinh hoa tú lệ của Mộc làm tượng cát lợi.

☐ *Một Âm một Dương của Tiên Thiên lấy đối phối làm chủ, nên bốn Long thiên tinh chỉ chọn tương phối, Âm Dương tương hợp. Hậu Thiên phân Âm phân Dương, lấy Dụng làm chủ, nên tọa hướng tám phương có thể nhờ tương phối, tọa Dương thu Âm, tọa Âm thu Dương.*

Đây là nói quái khí (khí quẻ) của Tiên Thiên và Hậu Thiên, Thể chẳng thay đổi, mà Dụng thì khả dĩ xê dịch. Đây là luận

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Long và luận cục. Bản thể của Tiên Thiên là Càn Khôn, lấy Lão Âm phối hợp với Lão Dương, Khảm Ly thì trung nam phối hợp với trung nữ, Chấn Tốn là trưởng nam phối với trưởng nữ, Cấn Đoài là thiếu nam phối với thiếu nữ. Như vậy tám Long đều có Âm Dương tương phối, song vì sao lại chỉ chọn có bốn Long ? Đó là vì : Càn Khôn là thuần Âm và thuần Dương, là người già trong Âm Dương, Khảm Ly thông thể trên dưới đều là Âm Dương, cũng là cực hạn trong Âm Dương, xác lập sinh cơ rõ ràng. Chỉ có Chấn Đoài trên là Âm, dưới là Dương, Cấn Tốn trên Dương dưới Âm, mới đúng là Âm Dương giao hợp, sinh cơ của vũ trụ tập hợp toàn bộ ở nơi này. Người ta quen gọi đó là "Tiên Thiên giao Long pháp".

Hậu Thiên từ Càn đến Chấn là Dương, từ Tốn đến Đoài là Âm, nên gọi là phân Âm phân Dương, ngụ ý Càn Khôn là cha mẹ già, nên lui về ẩn cư ở phương vị Tây Bắc, đem con đến góc Đông Nam. Đông Nam là phương hướng sung mãn sinh cơ, nên mới bảo là "lấy Dụng", hơn nữa còn phối hợp với Lạc Thư. Âm Dương của Tiên Thiên đã lấy Kỳ, Ngẫu làm chuyển di, thì lấy Lạc Thư để bố cục; Âm Dương của Hậu Thiên cũng phải tùy phương vị mà vận hành và dừng chân, hoặc theo quái khí, hoặc theo Thiên Can, không hiềm giao phối. Ví dụ Cấn Long làm hướng Đoài là chính phối, dù làm hướng Đinh, cũng là sở nạp của Đoài, dù làm hướng Bính, cũng là phối hợp theo Thiên tinh (chứ không phải theo quái khí), hơn nữa, tọa Quý hướng Đinh, tọa Nhâm hướng Bính cũng không thể trái với nguyên tắc Dương phối Âm. Bản thể của Tiên Thiên không biến đổi, ngụ ý là trong địa pháp không có quái Long, song lại có quái huyệt. Cổ nhân nói "Phong thủy địa lý quý ở sự biến hóa" chính là ngụ ý này. Cho nên phương pháp biến quái Ngũ Hành là rất hệ trọng.

□ *Tiên Thiên là Thể, Hậu Thiên là Dụng, quý ở chỗ thông hiểu sự biến hóa của chúng; hai khí Âm Dương, Dương không ti tiện, mà Âm cũng không tôn quý hoàn toàn thì là hợp.*

Các nhà địa lý thời nay luận đến địa pháp liền dùng Âm Long tôn quý để xem địa hình. Âm Dương mỗi thứ có tiện nghi của chúng, sao lại lấy Âm làm quý, coi Dương là tiện ?

Số của Lạc Thư, thì 1, 9, 5, 7 là Tứ Chính, thích hợp với bốn phương vị Càn, Khôn, Ly, Khảm của Tiên Thiên; 2, 4, 6, 8 cư ở bốn góc, hợp với bốn phương vị Cấn, Đoài, Chấn, Tốn của Tiên Thiên. Số lẻ thuộc Dương, nên Càn, Khôn, Ly, Khảm phối hợp với số lẻ cũng là Dương; số chẵn là Âm, nên Cấn, Đoài, Chấn, Tốn phối hợp với chúng cũng là Âm. Thế thì tại sao các thuật gia ngày nay dùng chẵn lẻ đàm luận Âm Dương lại chê trách Âm Dương vốn có của Tiên Thiên ?! Cổ nhân xây dựng đô thành, quốc gia, ngoảnh mặt về phương Nam mà thống trị, tọa lạc tại Tứ Chính, chính là vì Càn ở phương Nam, Khôn tại phương Bắc, là vị trí của trời đất, Ly tại phương Đông, Khảm tại phương Tây, ứng hợp với Nhật Nguyệt, đối với thiên đạo là chính xác, đối với địa thế là hợp nghi, hoàn toàn không phải là cố ý bỏ Âm lấy Dương, mà chỉ vì quái thế của Tiên Thiên thích hợp như vậy. Đến việc an táng mộ phần, cổ nhân đa phần lấy bốn quẻ Cấn, Đoài, Chấn, Tốn cũng bởi vì Tiên Thiên quái thế, gió (Tốn) sấm (Chấn) che chở phù hộ cho nấm xương trong mộ, dễ phát sinh tinh khí, chứ đâu phải vị trí quẻ cư ở 2, 4, 6, 8 là Âm nên tôn quý ? Nếu luận đến vị trí đất, thì câu "Đất thần tiên phát sinh từ Thiên Môn; đất đế vương từ Kim Long đột khởi", chẳng lẽ không phải là Càn và Chấn ? Hơn nữa, Chấn, Đoài của Hậu Thiên là Khảm, Ly của Tiên Thiên; Càn, Khôn là Hậu Thiên của Tốn, Cấn của Tiên Thiên, tại sao có thể lấy quái vị Hậu Thiên mà biến đổi sinh khí Tiên Thiên ? Tóm lại, địa pháp phải lấy Long thế làm chủ, sự lớn nhỏ và quý tiện của nó đều tùy Long thế mà xác định, ví dụ quái khí gặp Dương thì là Dương, gặp Âm thì là Âm, hoặc cần là Dương thì phải theo

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Dương, cần là Âm thì phải theo Âm, tức là phải ứng biến theo Long thế, chứ không nên khăng khăng cố chấp, vô lý như kiểu "khắc thuyền tìm gươm".

- *Đất dùng chính vị tám phương để xác định địa đồ Khôn đạo, nên dùng chính Tý Ngọ làm địa bàn, cư ở bên trong (nội bộ) ứng với Thực của đất. Trời dùng mười hai phần dã để đính chính thứ xá triền độ, nên dùng Nhâm Tý Bính Ngọ làm thiên bàn, cư ở ngoại bộ (bên ngoài) ứng với Hư của trời.*

Người thời nay luận về Châm, có phân biệt Chính Châm và Phùng Châm, lại cho rằng có loại Châm đúng Châm sai, dùng loại Châm này mà không dùng loại Châm kia. Họ không biết rằng mỗi thứ Châm có tác dụng riêng, có thể phối hợp với nhau, chứ không loại trừ nhau. Vì sao địa bàn phải lấy Chính Tý Ngọ ? Bởi vì đất vốn không có phân thuộc. Hiện tại lấy Bát quái làm phân thuộc là rút ra từ Hà Đồ, Lạc Thư. Tượng quẻ (quái tượng) của Hà Đồ phân ra tám phương. Định số của Lạc Thư cũng phân ra Tứ Chính, Tứ Ngung. "Lý Khí Kinh" nói :

> "Khí từ bát phương hỗn nguyên lý",

Lại nói :

> "Bát phương định vị".

"Linh Hạt Kinh" nói :

> "Nội lập bát cực, để thống lĩnh bát phương vạn tượng",

chính là đạo lý này. Đã lấy tám phương phân vị, thì Nhâm Tý Quý là thứ nhất; là Ly. Nhất quái tam sơn, lấy Chính Tý Ngọ làm trung ương của đất, còn có gì nghi vấn ? Cổ nhân dùng chúng để trắc lượng đất, chính vì Khí từ tám phương đến, nên dùng Chính Tý Ngọ Châm để chỉ Long địa. Nói "Long từ dưới đất lên" là chỉ địa bàn. Địa khí vì sao lại phân ra quý và tiện ? Đây là nói theo Thiên tinh. Triền độ của trời phân ra mười hai thứ xá, Nhâm Tý là Nhất Tý. Vì sao lại phân biệt như thế ? Phàm mười hai thứ xá, phân thứ đều phân đến 36 độ. Ta hãy xem Huyền Hiêu Thứ Xá. Nó bắt đầu từ sao Nữ8 độ, đến sao Nguy 15 độ, mới thành 36 độ. Bốn sao Nữ thuộc Quý một chút, hiện tại Huyền Hiêu bắt đầu từ Nữ 8 độ, vỏn vẹn chỉ chiếm có 3 độ của Quý mà thôi. Hai sao Hư 9 độ thuộc Khảm một chút, ba sao Nguy 18 độ thuộc Nhâm, hiện tại Huyền Hiêu đến Nguy 15 độ đã dừng lại, cũng vỏn vẹn chỉ chiếm có 3 độ của Nhâm mà thôi. Như vậy Huyền Hiêu 10 phần, há chẳng phải ở giữa Nhâm Tý đó sao ? Cho nên giữa Nhâm Tý là Tý của Thiên bàn thì có gì là nghi vấn ? Từ đó suy ra, Bính Ngọ cũng là thứ nhất trong đó, Ngọ nằm tại giữa Nhâm Tý Bính Ngọ, chính là trung ương của trời. Cổ nhân từ trên trời lập chính, cho ứng hợp với cái Hư của trời, đây là dựa theo Thiên bàn. Vì địa khí trầm tĩnh, nên tầm Long, tầm mạch phải lấy Địa bàn tĩnh lặng làm chủ; khí trời linh động, nên lấy Thủy lập hướng, phải dùng Thiên bàn dao động làm chủ. Mà quý tiện đều tại Thiên tinh, nếu không xác định theo Thiên bàn, thì Thiên tinh không có chuẩn tắc, làm sao phát sinh tinh khí ? Cho nên thu nạp khí Sinh Vượng tại chỗ tọa hạ, lại chọn hướng nghênh tiếp khí cát diệu, thì như vậy trời với đất mới quán thông, động và tĩnh mới tương hợp, từ đó mới chiêu phúc đón lộc. Chính Châm, Phùng Châm đâu có bên trọng bên khinh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THẦN BẢO CHÂN KINH TRUYỀN TÂM

LOAN ĐẦU TÂM PHÁP
(Địa lý chi Thể)

Biên soạn : Bạch Nhiêm lão nhân
Giải thích : Đường Viên Thiên Canh
Hiệu đính : Minh Lưu Bá Ôn
Đính chính : Hậu học Hứa Quả Am

☐ *Tìm Tổ tông Long tất phải tra vấn Phong Loan*

Đây là nói một việc của phong thủy. Có người bảo Long không ly khai sơn, nhưng là sơn không có hóa khí, dù gọi nó là sơn, cũng không có cách gì đem nó gọi là Long. Huyệt tuy không ra khỏi đất, nhưng là đất không có hình của huyệt, dù gọi nó là Thổ, nhưng không có cách gì gọi nó là huyệt. Cho nên nói đến Long, ắt phải tìm được sơn có biến hóa, có dưỡng dục, có khởi thế, có hình tượng, có Loan (núi liền dải), thì mới có thể gọi là Long, nếu không có như thế, thì chỉ là sơn. Phàm nói đến huyệt, ắt phải tìm được nơi có mạch lạc, có tình hình, có tụ tập, có hội hợp, có sinh khí, có tiếp thụ, mới gọi là huyệt, nếu không có mấy thứ ấy, thì chỉ gọi là đất (Thổ).

Tông là tiểu phân thụ, Tổ là đại phân thụ; nhưng phải có Thần Kỳ (Thần Đất) trước rồi mới có Tông sơn. Vì sao ở đây nói đến Tông trước Tổ ? Phàm Tổ là đại phụ mẫu của đại tộc đại chúng, quan hệ tương đối xa và nhạt với các sơn. Tông là phụ mẫu hiện tại của một nhà, nên có quan hệ thân thiết, gần hơn với sơn. Cổ nhân nói :

"Lai Long xa ngàn dặm, chỉ cần xem một tiết cuối cùng của nó".

Lại nói :

"Lai Long không có tiếp thụ thì không thành đất tốt, có chỗ tiếp thụ mà không có Lai Long ắt sẽ có lai".

Có Tông sơn ắt có Tổ sơn. Có Tổ sơn mà không có Tông sơn, thì thành huyệt hư giả.

Tú lệ là sơn phong (núi cao), hậu trọng là sơn loan. Sơn phong chủ quý hiển, sơn loan chủ phú. Lai Long cần tìm được Phong và Loan.

Có tinh thể là biến, có Long thần là hóa. Thế đến cuồn cuộn là thế, nhọn hoắt nhưng hơi yếu là hình. Cho nên nói sơn thế và sơn hình tiêu chí là bảo toàn khí. Cổ nhân dùng Ngũ khí nói Cát là rất có lý. Giáng thế có Ngũ khí, hành độ có Vận khí, quá hiệp có Thúc khí, nhập thủ có Hóa khí, làm huyệt có Sinh khí, mới là tiêu chí đầu tiên của phong thủy. Còn về Tổ tông, phía trên đã nói, có địa huyệt có Tổ sơn không có Tông sơn, có Tông sơn lại không có Tổ sơn, người đời sau

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

khỏi cần để ý đến nó. Nói đến hình thế, hoặc có sơn thế mà không có sơn hình, hoặc có sơn hình mà không có sơn thế, đều khỏi cần để ý đến. Cắm huyệt sai thì đa phần suy bại. Nếu có chính thể Ngũ tinh, lại có nơi lập huyệt, thì không thể bỏ, vì đây là đất phú quý. Về trường hợp có sơn thế không có sơn hình, "Linh Nguyên Kinh" viết :

> "Tìm thấy Can Long tận cùng, trong hình thế không có khí hóa sinh, nếu đặt huyệt mộ tại đây, sẽ tử tuyệt đào vong".

Về trường hợp có sơn hình không có sơn thế, "Nghi Long Kinh" viết :

> "Nếu thấy nơi tận cùng của Can Long, Vũ (mưa) và Thủy giao hội, mộ huyệt bị gió mưa xâm thực thì không thể là mộ huyệt tốt".

Nơi Tổ sơn và Tông sơn phân thụ mở tinh thể gọi là Cái Tòa. Cái Tòa có chân có giả. Đoan chính tôn nghiêm là chân, xiêu vẹo nghiêng lệch là giả. Bên cao bên thấp gọi là Quỷ Cái Tòa, Sơn Loan nham nhở, sườn núi lồi lõm, lở loét gọi là Tung Vị. Chóp núi giáng lạc, loang lổ vết sẹo gọi là Không Trung Lầu Các, hành độ tuy tốt, nhưng cũng chẳng thể làm địa huyệt. Thủy tinh là Hoa Cái, Thổ tinh là Quan Cái, Kim tinh là Bảo Cái, Hỏa tinh là Liên Hòa Tòa. Nhiều chỗ đứt đoạn gọi là sơn thế Quỷ Kiếp. Thế không trung chính, dù ngắn, cuối cùng sẽ là Lậu thai.

Âm Dương của Chi Long và Can Long ở giữa nơi tụ tán.

Chi Long do Can Long phân thụ. Có Can Long trong Chi Long, cung có Chi Long trong Can Long. Hướng hồ trong Chi và Can tự có Âm Dương. Âm Dương ở đây hoàn toàn không phải là một Âm một Dương, cũng không phải sơn thế khởi phục (lên xuống) hoạt động thì gọi là Âm, nằm yên thì gọi là Dương. Đây là nói ví dụ. Dương là quân tử, khí vận hành phải ngay ngắn, Âm là tiểu nhân, phải hộ tòng ở hai bên. Khi tụ tán, chúng sơn chúng Thủy tụ lại là có sinh khí. Hậu thế phải chú ý điều này, đừng chấp nê đó là Chi Long hay Can Long. Có Chi Long làm địa huyệt, Can Long làm hộ tòng; có Can Long làm địa huyệt, Chi Long làm hộ tòng. "Nghi Long Kinh" viết :

> "Trên thân Chi Long cũng có thể tìm Long huyệt, một nửa là hư hoa, một nửa là khai huyệt. nếu hư hoa thì không có triều ứng".

Nếu Chi Long sinh Can Long, thì không thể dựa vào câu nói này. "Tầm Long Kinh" viết :

> "Có sơn thế không có sơn hình là không có tinh (sao), có sơn hình không có sơn thế cũng là hư, thế đến hình dừng là có thể bảo toàn khí, đây là huyệt rất quý, vinh hoa phú quý đều ở đây".

Quách Phác nói trong "Kim Cự Kinh" :

> "Sơn thế đến gấp gáp, phải cắm huyệt ở chỗ thư thả; sơn thế chậm rãi đến, phải cắm huyệt ở chỗ gấp gáp. Thầy phong thủy không hiểu điều này, cắm huyệt sai sẽ lập tức khiến gia đạo suy bại".

Lại nói :

> "Khí có thể dừng Thủy, Thủy có thể tương giao, mới là huyệt tốt".

Hình và thế của sơn không dừng, khí không tụ, Thủy không tương giao, thì đầy sát khí, sẽ là tử huyệt.

☐ *Quan, hiệp phân rõ chủ tớ.*

Can Long có hiệp, cũng có quan; Chi Long có hiệp, không có quan. Tăng công hỏi :

> "Quan là gì ? Hiệp là gì ?"

Dương công đáp :

> "Nhập trướng xuất trướng là quan, đứt đoạn ngã xuống rồi lại đứng dậy là hiệp".

Các phong thủy sư thời nay chỉ biết nhập trướng là quan, không biết nhập trướng xuất trướng là đại quan. Chỉ biết đứt đoạn là hiệp, không biết có chân hiệp giả hiệp. Phàm chỉ biết một không biết hai, thì sẽ mơ hồ. Quan có năm định danh, hiệp cũng

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

vậy. Đi ra từ bên dưới Cái Tòa Tổ sơn gọi là Thấu Khai Quan, đi từ bên dưới Phi Nga Tông sơn gọi là Dục Tú Quan, nhập thủ được cách Phong diệp trong Tam Nghĩa thì gọi là Hóa Sinh Quan. Nếu giữa chừng có sơn từ hai bên nhô ra, có sơn phong bảo hộ thì gọi là Giả Tá Quan. Nếu Long vận hành đến khoảng giữa, phía sau có nhập trướng, đằng trước có xuất trướng, thì gọi là Phú Quý Quan.

Về hiệp, có hiệp qua sông gọi là Xuyên Tân Hiệp. "Táng Kinh" viết :

> "Xuyên Tân Hiệp ít ai biết. Hai bên bờ hiệp như châu đầu vào nhau, có phục xuống cũng có nhô lên".

Quách Phác nói trong "Ngọc Cự Kinh" :

> "Chân Long khi qua sông giống như con rết, mạch lạc liên tiếp không hề đứt đoạn".

Nói là nhập Thủy không có hình, xuất Thủy không có thế, là sai.

Hiệp xuyên điền (ruộng) gọi là Tiềm Phục Hiệp. Quản Lộ nói :

> "Mạch lạc chui xuống, mất đi sơn hình của nó, dễ nhận biết".

Qua sông nhập thủ gọi là Lâm điền thất ảnh, hoặc gọi là Giang Ty Hiệp. Lưu Phúc Am nói :

> "Mạch Giang Ty nếu liên tiếp, thì ở chỗ tận cùng có thể thấy chân hình của nó".

Tinh phong nhô lên mà không có tinh phong, gọi là Huyền Ty Hiệp. Tăng công viết trong "Nhập Nguyên Kinh" :

> "Huyền Ty Hiệp có thiên có chính, cầu chính là Chân Long, cũng có nửa chính nửa thiên (lệch), phải xem tông tích của nó để thừa tiếp khí".

Có Thiểm Tích Huyệt, là mạch thấp thoáng trên mặt đất bằng, cuối cùng khi kết huyệt thì mất Tổ tông.

Tăng công nói :

> "Hiệp nếu quá dài, Chân khí sẽ bị tán thoát. Dài mà có thế thì khí mờ nhạt, uể oải".

Hoàn toàn không phải chính hình nhất định là Chân Long, phải đến cuối cùng mới phán đoán, phân tích. Nếu ở chỗ quá hiệp, giáng Long không có mạch, khởi Long không có hướng dọc, ngoại sơn không có hộ tòng, thì gọi là Đoạn Khiếm Long, quả là mạch đã đứt hẳn. Thầy địa lý nhận sai, thì thân chủ sẽ bị tuyệt vong. Tuyệt đối không thể hạ táng ở đây. Khi Long vận hành phải có hộ tòng. Quách Phác nói :

> "Chân Long trước hết phải xem lực lượng hộ tòng của nó, không có hộ tòng gọi là Quỷ Kiếp Long".

Vận hành cũng phải xa, dài, các ngoại sơn cần có ý chiêu ứng với Long mạch. Không nhất thiết phải kè kè từng bước theo Long mạch, Long tùy tòng cũng có thể làm huyệt, nhưng phú quý lớn nhỏ còn tùy vào độ dài của Lai Long. Tốt nhất là bốn Long làm chủ, có đầy tớ hộ tòng. Có trường hợp chủ quá hiền lành, đầy tớ lấn lướt, hóa thành chủ hiền lương hộ tòng cho tớ. Không nên quá chấp nê điều này.

Hành Long phân biệt chi, can, chủ, tớ. Hành độ của Long phải có giáp tòng, hộ vệ thực sự. Về cách phân biệt hành độ của Long, có lý lẽ riêng. Sinh Long là Long mạch có thế mà trọn vẹn, hoàn chỉnh, ngoảnh nhìn chủ Long có tình, không nhìn ngó đi nơi khác. Phúc Long là thế đến hậu trọng, sáng sủa, tả hữu bao bọc không có khuyết lậu. Ấp Long là khách với chủ nghênh tiếp như vái chào nhau, trong ngoài triều bái nhau, xa gần có chân tình với nhau. Ứng Long là bốn phía chiếu ứng nhau, che chắn kín đáo, tuy không có Thanh Long, Bạch Hổ, nhưng trong ngoài kín mít. Kiếp Long là có quá nhiều phân chi, tả hữu không nhìn ngó nhau, phân tán, không có chỗ dựa. Quỷ Long là không có Long, cũng chẳng có mặt mũi, không thành tinh phong và thể dụng, tự sống tự chết. Vượng Long là núi lớn ngang ngược, hung hăng, không phân Âm Dương. Sát Long là núi trọc không có mặt mũi, sa thạch tán loạn, hình thế như trốn chạy. Du Long là xoay

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sang tả rồi lại quay sang hữu, đang ở bên hữu lại quay sang bên tả, lên xuống bất thường, ngả ngả nghiêng nghiêng. Bệnh Long là không có lên xuống, sơn thế dừng dằng, không ra đi, cũng chẳng ra dừng. Thương Long là sơn hình sơn thế bị đào bới hoặc bị Thủy xung phá mất cả chân tung tích. Tuyệt Long là không có chân tay, đơn độc một mình hành tiến. Đấy là sơ lược về mười hai thức (cách) của Long, còn về hình thể, tính cách của Long, thì phải tai nghe mắt thấy, không thể miêu tả trên sách vở là xong.

☐ *Dựng dục trong thai khí phải nhận rõ cô hàn.*

Lại công nói :

> "Xem đất khó mà bảo nó tốt hay xấu, trong thai khí, dựng dục là thiên cơ. Mấy chữ này không rõ ràng, thì khoa địa lý chỉ phí công vô ích, vì không phân biệt tốt xấu thì làm sao quyết được".

Tổ tông xuất thân là thai, hình thế biến đổi nhiều là tức, cuối cùng hóa khí là dựng (có bầu, mang thai), chân tinh lập huyệt là dục (nuôi). Cô là không có thi tòng, hàn là không che gió. Thai là nơi tổ tông xuất mạch, nơi thụ thai, cũng gọi là nguyên bản. Thai không nhất thiết dùng Băng hồng làm chứng. Dương công nói trong "Hám Long Kinh" :

> "Quý Long đa phần là xuyên tâm mà ra, phú quý chỉ sinh từ hai bên".

Lại nói :

> "Núi cao thì như màn trướng từ phía sau đến che lấp, trong trướng có chút đới tả, dưới đới tả giống như cái đuôi chuột, đó là Tham Lang Thượng Lĩnh Xà. Đới xà như chữ Đinh, như cổ hạc vươn dài thì gọi là Tham Lang Hạ Lĩnh Xà. Lập huyệt ở chỗ Thượng Lĩnh Xà, sẽ làm đại quan, ở chỗ Hạ Lĩnh Xà, gia nghiệp sẽ suy bại".

Lại nói :

> "Núi lớn đột khởi lấy núi nhỏ làm quý, núi nhỏ đột khởi là sơn thế, cao thấp lớn nhỏ nhấp nhô hành tiến liên tục, là cốt khí đích thực của Tham Lang".

Đây là nói giáng thế thì nên lấy từ trong ra làm quý, từ bên ra làm phú. Thượng Lĩnh là quý, Hạ Lĩnh là phú. Băng hồng giáng thế là nói nơi Long thoát thai mà ly khai phụ mẫu.

Vạn Bá Thiều nói :

> "Thai Phục có 36 cách đẹp. Cao có thể đến mây, thấp có thể sát mặt nước".

Nghĩa là nói Thai tinh càng cao càng tốt, Phục tinh càng thấp lại càng đẹp. Thai là chỉ phụ mẫu, Phục là chỉ con cháu. Lại nói :

> "Kiếp sát có 12 cách, cư ở phía sau lại ứng với cung đằng trước, Quỷ sát ứng với Hậu Long...".

Tức là nói hành độ của Long, cao có thể thấy tinh thể của nó, thấp có thể thấy tính tình của nó. Hoặc đi thẳng, hoặc quá hiệp, đều phải phối hợp pháp độ. *Dựng* là chân mạch nhập thủ, ắt phải hóa khí, Âm biến Dương, Dương biến Âm. Quách Tử Nghi nói :

> "Huyền Vũ không cúi đầu gọi là Cự tuyệt tiếp thi (không nhận thi thể)".

Tận cùng là chỉ tiết thứ hai phía sau huyệt mộ. Hóa khí là nhập thủ hóa thành sinh khí, giống như cái thóp trên đầu đứa trẻ sơ sinh.

Thai là chỗ phân thụ, *Tức* là chỗ bác hoán, *Dựng* là nơi nhập thủ, *Dục* là chỗ xúc kết. Sinh khí là có khí mạch lại được che giữ. Tử khí là không hình thành mạch, không có chỗ dựa. Lãnh mạch là không có mạch, không có huyệt. Chính mạch là mạch chính lai chính biến. Khai mạch là khai Kim kiến Thủy. Tiệt Đăng là mượn sinh khí quét sạch sát khí. Đình Dịch là thế đi mà khí dừng. Kỵ Long là khí đi mà thế dừng. Tiệt Khí là sắp dừng mà lại tiến. Tạm Quan là hình và thế đều chuyển biến, triển hộ triều ứng, có huyệt để cấm. Tạm Can và Huyền Vũ cao dài, có thể điểm huyệt. Hồng Kỳ là tàng Kim tránh sát, còn gọi là Trắc não thụ huyệt. Hồi là chỉ khí mạch đều hiện diện, chọn huyệt phải chọn Hồi. Chung là chỉ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

trên núi cao có triền có hộ vây bọc. Phân Hợp là nói đến nhọn và tròn. Âm đến với Dương, nhọn ở phía trên, tròn ở phía dưới. Dương đến với Âm, tròn ở phía trên, nhọn ở phía dưới. Có nhọn không có tròn, gọi là mạch tán; có tròn không có nhọn, gọi là khí tán. Trong có nhũ (vú) mà Thủy tương giao, hai thứ chuyển hóa mà Chân khí tụ tập, gọi là Kim Thị. Có giới hợp mà ẩn, miệng tròn mà trong ngoài bao bọc là Ngân Tào, đều chủ về phú quý. Trên Long không có tinh phong, Chân khí tán thoát gọi là Trúc Thị. hai tay không khoanh lại, nguyên thần Thủy chảy thẳng đến gọi là Trà Tào, đều chủ sự thất bại, tuyệt diệt.

Còn về phương diện phân biệt các tình huống nhận biết huyệt, thì có pháp độ riêng, người học phải kiên trì nghiên cứu lâu dài, không thể nóng vội, vì làm sai sẽ gây hại cho người.

☐ *Phải tránh Không Vong và Sát khí.*

Long và huyệt đều có Không Vong. Không Vong của Long là Tổ tông sơn không có giáng thế. Hành độ của Long không tôn trọng cũng gọi Không Vong. Chúng Long đều lớn, không có đặc biệt nhỏ; chúng Long đều nhỏ, không có đặc biệt lớn, cũng gọi là Không Vong. Long một bên sống một bên chết, một bên cương một bên nhu, cũng gọi Không Vong. Long cứ đều đều vận hành, không có đứt nối, bác hoán, cũng gọi Không Vong. Long đứt đoạn quá nhiều, đại bộ phận thoát cốt, mất tung tích, cũng là Không Vong. Long hộ vệ không đến cùng, vận hành không có tinh thế, cũng là Không Vong. Bản thân Long không có Chi Long, hành động không có quy củ, pháp độ, cũng gọi là Không Vong. Có bốn mươi tám cách Không Vong của Long. Ở đây chỉ nêu ra một số. Long Không Vong thì không thành Long chẳng thể theo đó mà kết huyệt. Thấy địa lý cứ thế hạ huyệt, ắt thân chủ suy bại.

Lại có ba mươi sáu tuyệt huyệt. Sau huyệt như hình viên ngói đặt ngửa gọi là Không Oa Tuyệt. Mạch nghỉ lâu mà không có đột khởi gọi là Nga Đầu Tuyệt. Có chân như muốn theo nước chảy đi gọi là Áp Cảnh Tuyệt (Áp cảnh - cổ vịt). Để người khác khóa chặn, hướng ra ngoài, không ngoảnh đầu lại, gọi là Thành Môn Tuyệt (Thành Môn - cổng thành). Trên La tinh làm huyệt gọi là Thủy Khẩu Tuyệt. Tả hữu không có giới hợp, Thủy Minh Đường không dừng tụ gọi là Kiến Sào Tuyệt. Núi phía sau dựng đứng như bức tường, đằng trước không có phong giáng, gọi là Phúc Chung Tuyệt. Hình thế tả mà nhọn, không có mạch, cũng không có chỗ thu huyệt, gọi là Lê Tiêm Tuyệt (Lê tiêm - nhọn như lưỡi cày). Bị gió tám phía thổi tới, gọi là Bài Vĩ Tuyệt. Tụ tập nhưng không có hình và cục, gọi là Sơ Long Tuyệt. Bằng phẳng, không có tụ tập, cũng không có ai làm chứng, gọi là Thảo Bảng Tuyệt. Sống lưng núi thiên lệch, gọi là Mã Nhãn Tuyệt. Mạch như muốn đi mà hình thế không đi, gọi là Quá Đường Tuyệt. Bên cạnh huyệt có hố sâu, gọi là Lạc Tào Tuyệt. Trước huyệt có nước chảy vào máng gọi là Trà Tào Tuyệt. Trước huyệt có nước chảy xéo xuống gọi là Trúc Thị Tuyệt. Sau lưng Long không có chăn đệm gọi là Kim Đỗ Tuyệt. Hai bờ huyệt không có chắn gió, gọi là Tiễn Chúc Tuyệt. Cô phong độc Long không có hộ vệ gọi là Cô Thần Tuyệt. Ruộng nhô lên làm Long, Hổ, bên ruộng không có khí mạch, gọi là Lưu Sa Tuyệt. Hình dạng như dây lưng, bằng phẳng, không có mạch gọi là Vô Khí Tuyệt. Rồi còn các loại khác như Trảm Long Tuyệt, Thất Đô Tuyệt, Hỗn Thiên Tuyệt, Áp Tuyệt, Dị Hình Tuyệt, Tiễm Việt Tuyệt, Thất Củ Tuyệt, Toái Hình Tuyệt, Bại Hình Tuyệt...

Người học thuật phong thủy phải nắm cho vững 36 tuyệt huyệt, nếu sai, sẽ gây hại không nhỏ cho người khác.

☐ *Tam cát lục hung, khó bề tìm huyệt.*

Thiên quang chiếu xuống, địa đức dấy lên, tàng thần hợp sóc, là thần nghênh, quỷ tránh. Đó là một cát. Âm Dương hòa

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hợp, hoàn bị là hai cát. Nhật lực xảo diệu, công lực đầy đủ, hướng đến toàn mỹ, né tránh khuyết hãm, thêm cao bù thấp là ba cát. Âm Dương sai lạc là một hung. Tuổi tác không hợp là hai hung. Sức nhỏ mưu đồ lớn là ba hung. Ỷ phúc cậy thế, là bốn hung. Đắc tội với trên, trấn áp bên dưới, là năm hung. Ứng biến quái dị là sáu hung.

Phạm Việt Phụng nói :

> "Không thể nói lung tung về hình và cục. Hình và thế phải hợp với tinh tú. Tinh tú trên trời chiếu xuống đất, chứng minh huyệt tốt hay xấu".

Đỉnh núi, lưng núi và chân núi khác nhau. Trên tụ, dưới tán, Huyệt ở trên đỉnh núi, gọi là Thiên huyệt. Đỉnh thấp, chân núi rộng, trên tán, dưới tụ, huyệt đa phần kết ở chân núi, gọi là Địa huyệt. Trên dưới đều tán khí, khí tụ tập ở phần giữa, lưng chừng núi, huyệt kết tại đó, gọi là Nhân huyệt. Bên tả sinh, bên hữu tử, ất bên hữu dừng, bên tả tiến, đa phần kết huyệt ở sườn bên tả, gọi là Cung huyệt. Sơn đang hành tiến, bỗng nhiên phản bác, ất sơn đằng sau thúc vào lưng sơn đằng trước. Như bông hoa sen, đài lớn, cuống nhỏ, lập Nữu Tì huyệt (Nữu Tì - cài tơ). Sơn tương phản, huyệt chính kết, như ngọn cờ cắm trên nóc nhà, như cánh cung trên cây cung, là Đơn Đề huyệt. Sơn ngay ngắn, bằng phẳng, huyệt đột khởi, gồ lên như sống lưng, như đầu rùa rắn, là Thủy huyệt. Còn nhiều cách lập huyệt khác, người ta bảotìm Long đã khó, tìm huyệt còn khó hơn.

☐ *Thúc khí, Tàng khí, Phiêu bạt khí.*

Đây ngụ ý tiếp chương trước về phương pháp cắm huyệt, quyết không câu nệ chi can, thiên chính. "Linh Hạt Kinh" viết :

> "Tam Phân Tam Hợp tạo nên Trung Châu, Chi Long Can Long có tương tùy tương hộ. Chân khí gặp chủ tinh, gia đình đầm ấm. Tam Dương bao bọc, ngoại sơn làm môn hộ, xúc kết thúc khí là Tiên Cung huyệt, công hầu khanh tướng đều đến phò trợ".

Ngô Cảnh Loan nói :

> "Tam sơn cùng thúc khí là tôn quý, nói thúc khí không phải là chỉ sự thúc khí trong giao hiệp, mà là nói nguyên khí tàng giữ ở trong dãy núi dài. Nhưng nguyên khí tuy có tên mà không thể thấy, chỉ cảm thấy nó phảng phất mà thôi".

Nguyên khí thật sự dường như tàng ẩn ở trên mặt sơn thủy. Cũng như trong "Động Lâm bí quyết" nói :

> "Muốn linh cốt ngàn năm không bị hoại, phải quan sát kỹ có chân Dương ở đây hay không".

Như trong thực có hư, trong hư có thực, phải tròn trặn mà sắc sảo. Nhạn trong mây có ảnh không hình, mây trong nhạn có hình không ảnh. Trong gió tán loạn lấy chỗ tụ, trong gió tụ lấy chỗ tán loạn. Sóng trong thuyền là trong chìm lấy nổi, thuyền trong sóng là trong nổi lấy chìm. Ngọc trong đá là trong thô lấy tinh, đá trong ngọc là trong tinh lấy thô. Nhân trong hạt là trong tử cầu sinh, hạt trong nhân là trong sinh cầu tử. Rắn trong cỏ là trong tĩnh lấy động, v.v... đều là nói phương pháp tàng khí.

Còn về Phiêu bạt khí, phiêu là ngụ ý thấy mạch xem chừng tán loạn mà thực ra không hề tán loạn, hình tựa hồ không lạc mà thực ra có lạc, khí tưởng chừng muốn đi thực ra không hề đi. Khí tàng ở chỗ khô nóng thì nên nông, tàng ở nơi bằng phẳng thì nên sâu. Khí nông sâu có thể nhờ phong thủy mà tự thành, cho nên có thể thấy được sự vận hành huyền diệu liên tục, bất tận của khí.

☐ *Tương chuyển mạch lạc phải thanh viên.*

Tương chuyển là từ cao xuống dưới, từ dưới lên cao, từ lớn đến nhỏ, từ nhỏ đến lớn, từ ẩn đến phí, từ phí đến ẩn. Cao là cương của Long, dưới là nhu của Long; lớn là thô của mạch, nhỏ là tinh của mạch; ẩn là vi của thể, phí là quảng (rộng) của thể. Nhưng sáu thứ này cứ chuyển biến lại đứt đoạn, đứt đoạn lại chuyển biến. Mạch dùng hiển lộ để có tinh thể, lạc dùng ẩn danh để tạo thành biến hóa,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

thanh viên nghĩa là nhất định phải thành tinh thể (thể của tinh tú). Như Kim tinh ắt phải tròn đầu hoặc giống như cái chuông úp, cái nồi úp. Mộc tinh, đỉnh phải thẳng và cao, hoặc đứng một mình. Thổ tinh phải vuông vức như nhà kho, như rương hòm. Hỏa tinh phải nhọn đầu và đẹp, có lúc như ngọn thương, có lúc như Long lâu bảo điện. Thủy tinh hoạt động khó xác định, có lúc uốn lượn ngoằn ngoèo như rắn, có khi ôm vòng như cái dây lưng. Đó đều là chính thể. Người đời sai nghĩ Ngũ tinh không biểu hiện hết diệu dụng của tinh thể, bèn dùng Cửu tinh để biểu đạt cho đầy đủ sự biến hóa. Cùng Kim tinh, cao là Thái Dương, thấp là Thái Âm. Thái Dương no tròn mà thành Thiên Canh; Thái Âm đói khuyết mà thành Cô tinh. Mộc tinh còn gọi là Tử (tím) khí vì nó có hóa khí. Thủy tinh còn gọi là Tảo Đăng. Hỏa tinh còn gọi là Tảo Hỏa. Thổ tinh còn gọi là Thiên Tài...

☐ *Phân tích sơn nhập thủ phải linh hoạt.*

Tận cùng tiết thứ nhất là sơn nhập thủ. Phạm Việt Phụng nói :

> "Cứ nhìn sơn nhập thủ là biết có sinh khí đến thật hay không".

Liêu công nói :

> "Sau huyệt một tinh (sao) là Long cách, đến huyệt còn phải phân rõ chủ và khách".

Sơn phong không thanh, thì chủ về tai họa. Sơn phong tú lệ, nhất định phú quý. Linh hoạt nghĩa là tinh diệu phải chính thể, đoan chính, không nghiêng lệch, ỷ tà, như vậy thì lập huyệt mới hợp thức, có huyệt tính, có huyệt danh, nhờ đó con cháu mới thành chính nhân quân tử. Với huyệt mộ như vậy, kẻ gian tà cũng biến thành trung chính, vô phúc cũng hóa thành có phúc. Cho nên nói "Sơn thanh nhân tạp, sơn đoan nhân chính" là thế.

☐ *Phân biệt rõ Thần Sát Tính Tình.*

Cát là Thần, hung là Sát. Cương là Tính của Long, nhu là Tình của Long. Tổ tông có được hành độ tinh phong, tận cùng hợp pháp độ, Sa Thủy đều triều về tổ tông, là Thần Tổ tông không rõ ràng, hành độ nhiều Quỷ Kiếp, nhập thủ không thành tinh (tinh tú), Sa Thủy vô tình, là Sát. Sơn tùy Thủy mà đi, là bổn tính của sơn. Mặt hướng chầu vào nhau, là tình của sơn. Đây là nói Thần thì phải thân cận, Sát thì phải tránh né. "Hắc Nang Kinh" viết:

> "Long tốt nhất là bác hoán uốn khúc, Huyệt tốt nhất là Sa tàng thúc, Sa tốt nhất là triều ứng quan lộc, Thủy tốt nhất là trong trẻo tụ hợp, nghĩa là có Thần".

Lại viết :

> "Long sợ nhất là không rõ xuất thân, Huyệt sợ nhất hai bên khuyết lộ, Sa sợ nhất là quay mặt vô tình, Thủy sợ nhất là chảy thẳng đi thẳng, nghĩa là có Sát".

Bản tính của sơn vốn là cương mà ta chọn lấy cái nhu của nó. Huyệt vốn là nhu mà ta chọn lấy cái cương của nó. Trong cương lấy nhu gọi là có hóa khí. Trong nhu lấy cương gọi là có pháp độ.

☐ *Bốn chữ "Chân" (đích thực).*

Lại công nói :

> "Long hợp pháp độ mà đến gọi là Chân Long. Huyệt thành tinh tình (tình của tinh tú) xuất hiện là Chân huyệt. Sa mà tứ bề triều củng gọi là Chân Sa. Thủy đến trước huyệt mà tình lặng bất động là Chân Thủy".

Chân Long là chỉ *thai tức dưỡng dục* đều trọn vẹn, hiệp thế đầy đủ. Chân huyệt là chỉ hình cục nhập thủ, hóa khí tiếp khí đều hợp pháp độ. Chân Sa là chỉ minh ám triều củng nghiêm chỉnh, Quan Quỷ Cầm Diệu kiên cố. Chân Thủy là chỉ mênh mông bao la, bao bọc uốn lượn, đến không có nguồn, đi không thấy chảy. Bốn chữ "Chân" này phải hiện hữu, không thể thiếu khi xem huyệt.

☐ *Sơ Long, Trung Long, Lão Long cũng có thể tạo huyệt tốt.*

Phạm Việt Phụng nói :

> "Có nhiều triệu chứng cho thấy Sơ Long, Trung Long, Lão Long tạo thành địa

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

huyệt. Tận Long cũng vậy, dừng cố chấp. Nói tạo huyệt trên Chi Long thì phú quý không lâu dài chỉ là nói bậy".

☐ *Đảo trượng pháp cần thừa tiếp sinh khí.*

Về pháp độ cấm huyệt có chín phép. Một là Tinh phong, hai là Chủ đỉnh, ba là Kết tác, bốn là Thoát lạc, năm là Huyệt tình, sáu là Giao hợp, bảy là Huyệt pháp, tám là Thư hùng, chín là Tụ hội.

Tinh phong là nói Kim phải tròn, Mộc nhô cao, Thủy phải uốn lượn, Hỏa phải nhọn, Thổ phải bằng phẳng. *Chủ đỉnh* là mé dưới của Lai Long phải đề phòng dạng bỏ chạy, mé bên dưới của tà Lai Long phải đề phòng dạng vượt qua, mé bên dưới của hoàn lai Long phải đề phòng dạng gấp gáp. *Kết tác* là hình nhọn, tính viêm thuộc Hỏa; hình tròn, tính cương thuộc Kim; hình dài thẳng, tính kiến cố thuộc Mộc; hình nằm ngang, tính ôn hòa thuộc Thổ; hình động mà có tính nhu nhược thuộc Thủy, hình tĩnh mà tính cương có thể hạ huyệt. *Thoát lạc* là nói đến hình dạng và tính tình (cương nhu), cùng thế của mạch. *Huyệt tình* thì Thiên tâm là đỉnh chủ, đề phòng cao lộ, khí lúc trầm lúc nổi có như không. Mạch lạc thuận theo Thủy là hung, nghịch với Thủy là cát. Sinh mạch hoạt động là Sinh, thì khí tụ. Tử mạch cứng đờ là Tử, thì khí tán. *Giao hợp* là Âm nhiều Dương ít, hoặc Dương nhiều Âm ít, hoặc Âm Dương ngang nhau, sẽ có biện pháp làm cho hài hòa. Dương suy Âm thịnh thì tựu Dương, Âm suy Dương thịnh thì tựu Âm. Âm Dương bình hòa thì cấm huyệt ở giữa. Trên Dương dưới Âm thì tựu Âm; trên Âm dưới Dương thì tựu Dương.

Huyệt pháp là nói Lai Long khởi tổ giáng thế, tinh phong tương sinh là cát, tương khắc thì hung. Dọc đường vận hành, Long từ xa tới mà không bị Thủy xung phá, không bị gió thổi (phong xuy) là cát, ngược lại là hung.

Cương nhu là nói : Âm mạch gấp và cứng là *cương*, Dương mạch mềm và chậm là *nhu*. *Chứng tá* là nói : Có Long có Huyệt là *chứng*, có Sa có Thủy là *tá*. Có đủ cả Long, Huyệt, Sa, Thủy mới gọi là có *chứng tá*.

Tiểu tụ là hộ tống đâu ra đó, Long Hổ bảo vệ, chủ khách có nghênh đón. *Đại tụ* là hộ vệ trùng điệp, Long tận cùng thì khí ngưng tụ; Sa Thủy bao bọc; Dường cục chu toàn. *Chủ khách* là nói : Triều sơn, Án sơn là khách, mạch là chủ. *Quan tỏa* là nói : Lớn thì là quan (chấn), nhỏ thì là tỏa (khóa lại). *Hộ tống* là nói : Phò ở ngay gần phía trước là hộ huyệt, đi theo bên cạnh là tống Long.

Thư hùng là nói đắc độ Tam Nghĩa hợp Thủy. Độ không có phân không có hợp. Xê dịch sang hai bên, Thủy lưu thông với nhau, cục hợp Tam Dương, gọi là Thư Hùng giao độ, là cát. Ngược lại là hung.

Hội tụ là nói : Chữ Bát ( ) lớn là phân khâm (tách vạt áo), chữ Bát nhỏ là hợp giác (khép góc).

Sơn thể ngửa thuộc Dương, phải làm huyệt úp. Sơn thể úp thuộc Âm, phải làm huyệt ngửa. Tả hữu không được bị gió thổi, thì huyệt mới phú quý. Tam kỳ là chỉ thượng đỉnh, trung đỉnh, hạ đỉnh. Tứ bình là chỉ trước, sau, phải, trái. Thập tự là chỉ Thiên tâm thập đạo. Tứ bị là nói Long, Huyệt, Sa, Thủy đều hoàn bị, đầy đủ. Đằng lậu là nói hai bên bị trống khuyết, không che gió. Băng phá là nói từ phía bị gió thổi vào huyệt mộ.

Mạch có tám thứ bệnh, bảy thứ hung, cũng cần nhận biết để luận về quý tiện, họa phúc nặng nhẹ.

Phàm khi lập huyệt, có sử dụng Long, Huyệt, Sa, Thủy và ngày tháng năm để lựa chọn. Tứ thần cao thì dùng Thiên huyệt. Tứ thần thấp thì dùng Địa huyệt. Tứ thần trung bình thì dùng Nhân huyệt. Sơn phải chầu vái, Thủy phải uốn lượn có tình. Nếu khí mạch tán thoát, trong huyệt có rễ cây, tổ kiến, phần lớn chủ về suy bại. Gió thổi vào mộ thì sẽ làm lật quan tài, Thủy xung phá thì sẽ lật thi thể. Đảo trượng là nói trước hết phải lập một trượng, rồi mới có thể đảo. Phạm Việt Phụng nói :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

"Trượng can đảo không khó, can phóng mới là khó. Cục không hiềm sự bất chính của trượng, chỉ e nó không sinh vượng. Thủy không hiềm nó không chảy đến, chỉ e động tĩnh không đúng chỗ".

Bí quyết trượng pháp nói : Long mạch chính lai chính thụ phải dùng Thuận trượng, để khí không xung tán não. Sơn thế hùng tráng tiếp thụ thì dùng Nghịch trượng. Thư thả mà đến tiếp thụ gấp gáp thì dùng Thúc trượng, ngụ ý trấn áp Sát, tiếp đón Sinh. Thế gấp gáp thì nên dùng Xuyết trượng, gọi là Thoát Long tựu cục. Thế cương mà hoành thụ thì dùng Khai trượng, thành hình chiếc búa. Thế mạnh mà tà thụ thì dùng Xuyên trượng. Sơn thế đơn độc tới an phóng mộ huyệt thì dụng Một trượng. Kỵ Long trảm Quan dùng Tiệt trượng, không có huyệt khai mở thì dùng Đối trượng.

Rồi còn Báo trượng, Đốn trượng... tổng cộng mười hai Đảo trượng pháp, đều có ghi trong "Thiết Đàn Tử". Còn việc thừa tiếp sinh khí thì có ghi trong "Hoa Tư Tâm Kinh", ở đây không luận nữa.

□ *Núi cao đất bằng cũng vậy.*

Ý câu này là pháp độ mộ táng cũng không vượt qua những điều kể trên. Núi cao, đất bằng tuy là những sự vật khác nhau, nhưng đạo lý thì là một. Dương công nói :

"Núi cao lấy tàng phong (che gió) làm quý hiển, đất bằng lấy đắc Thủy làm quý. Nửa núi cao, nửa đất bằng, thì cả hai phương diện kia đều phải tận thiện tận mỹ. Như thế gọi là nơi Âm Dương giao hòa, phú quý vô cùng tận".

Hai chữ Âm Dương chỗ nào cũng có. Nói Long Huyệt Sa Thủy, thì Long và Huyệt là Âm, Sa và Thủy là Dương. Nói về Long, thì bàn tay úp là Âm, bàn tay ngửa là Dương. Úp là ngụ ý sơn thế nhấp nhô lên xuống có tinh phong. Ngửa là chỉ sơn thế rộng rãi, bằng phẳng. Nói về Nhập thủ, thì Âm lạc có lồi, Dương lạc có lõm (oa). Nói về Huyệt pháp, thì Hòa sinh não là Âm, lõm có khí là Dương. Hóa sinh là ngụ ý Hóa khí. Nói Long không có hóa khí chẳng thành huyệt, là thông luận cổ kim. Nói tinh tú chính thể thụ huyệt, tứ bề triều củng, che chắn chu toàn, đều có thể cấm huyệt, đó là mộ huyệt đại phú quý, không phải ai cũng tìm được. "Trừu huyệt chân cơ" viết :

"Long phải có chính hình, Huyệt phải có chính tinh, Sa phải có chính danh, Thủy phải có chính tình".

"Địa lý tứ bệnh" viết :

"Long sợ nhất cô đơn, Huyệt sợ nhất lạnh lẽo, Sa sợ nhất nghiêng xéo, Thủy sợ nhất quay lưng".

Câu trên là Tứ Cát, câu dưới là Tứ Hung, người học phải nắm vững, phú quý bần tiện sẽ trở nên rõ ràng.

Nói "núi cao bình địa cũng vậy" tức là ngụ ý núi cao không thể không dắc Thủy, đất bằng không thể không che gió. Những phong thủy sư thời nay bảo "Trên núi cao khỏi cần nói đến Thủy, dưới đất bằng không phải bàn đến gió", là nói bậy. Cấm huyệt trên núi cao khó hơn cấm huyệt dưới đất bằng. Tuy có hình, có thế, nhưng việc che chắn rất là hệ trọng. Nếu bốn bề chỉ cần khuyết trống một chút, sẽ lập tức bị tai họa ập đến. Trung dương, nội dương, ngoại dương của cục thế đều phải tụ hợp, nếu không sẽ lập tức suy bại. Còn cấm huyệt nơi đất bằng thì phải lấy giáng thế làm căn bản. "Địa lý minh nghĩa" nói :

Núi cao lạc xuống đất bằng thì phải xem đầu nơi lạc thế, hình và thế rõ ràng mới tụ khí, nơi hành tiến phía trước phải có Sa Thủy giao hội, tụ khí tàng phong mới được phú quý".

Lại nói :

"Rời khỏi Long mạch, tiếp cận Đường khí, phải xem hình và thế, hình và thế không rõ ràng thì chỉ hao tâm phí cơ, phải có Sa Thủy chân tình chân nghĩa",

ngụ ý Sa phải ngoảnh đầu, Thủy phải bao quanh, mới có sinh khí.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

TRỰC CHỈ THỐNG TÔNG TRUYỀN TÂM

Biên soạn : Hoàng Đế Hiên Viên
Giải thích : Đường Lý Thuần Phong
Hiệu đính : Minh Lưu Bá Ôn
Đính chính : Hậu học Hứa Quả Am

THIÊN TINH TÂM PHÁP
(Địa lý chỉ Dụng)

☐ *Hà Lạc tương gia kỳ ngẫu tịnh.*

Hoàng Thạch công nói :

"Một Âm một Dương là đạo, một động một tĩnh là khí, một vãng một lai là vận".

Hà là chỉ "Hà Đồ", Lạc là chỉ "Lạc Thư". Hà Đồ và Lạc Thư hợp thành số kỳ (số lẻ) gọi là tịnh Dương hoặc thuần Dương. Hà Đồ và Lạc Thư hợp thành số ngẫu (số chẵn) là tịnh Âm hoặc thuần Âm.

Còn thêm Thiên Can thì phải dùng phương số nạp giáp để xác định tịnh Âm tịnh Dương. Như theo Hà Đồ Càn Nam Khôn Bắc, Ly Đông Khảm Tây, Đoài ở Đông Nam, Tốn ở Tây Nam, Chấn ở Đông Bắc, Cấn ở Tây Bắc, người đời không rõ đạo lý ấy, thì dùng hai chữ Tiên Thiên đặt tên cho nó. Theo Lạc Thư, Ly Nam Khảm Bắc, Chấn Đông Đoài Tây, Tốn ở Đông Nam, Khôn ở Tây Nam, Cấn ở Đông Bắc, Càn ở Tây Bắc, người đời không biết hàm nghĩa của nó, thì dùng hai chữ Hậu Thiên đặt tên. Lạc Thư hợp với Hà Đồ tạo nên trời đất. Càn của Tiên Thiên, Ly của Hậu Thiên được số lẻ là Càn tịnh Dương, cung Càn nạp Giáp, nên Giáp thuộc Dương. Đoài của Tiên Thiên, Tốn của Hậu Thiên cùng được số 8 là chẵn, Đoài là tịnh Âm, cung Đoài nạp Đinh, nên Đinh cũng thuộc Âm. Tỵ Sửu hợp Đoài, do đó cũng là Âm. Ly của Tiên Thiên, Chấn của Hậu Thiên cùng được số 9 là số lẻ, Ly là tịnh Dương, cung Ly nạp Nhâm, nên Nhâm thuộc Dương, Dần Tuất hợp Ly, do đó cũng là Dương. Chấn của Tiên Thiên, Cấn của Hậu Thiên cùng được số 8 là số chẵn, nên Chấn là tịnh Âm, cung Chấn nạp Canh, do đó Canh cũng là Âm, Hợi hợp Chấn, nên cũng là Âm. Tốn của Tiên Thiên và Khôn của Hậu Thiên cùng được số 10 là số chẵn, Tốn thành tịnh Âm, cung Tốn nạp Tân, nên Tân cung thuộc Âm. Khảm của Tiên Thiên, Đoài của Hậu Thiên cùng được số 9 là số lẻ, Khảm thành tịnh Dương, cung Khảm nạp Quý, do đó Quý cũng thuộc Dương. Thân Thìn hợp Khảm, nên cũng thuộc Dương. Cấn của Tiên Thiên, Càn của Hậu Thiên cùng được số 8 là chẵn, Cấn thành tịnh Âm, cung Cấn nạp Bính, do đó Bính cũng thuộc Âm. Khôn của Tiên Thiên, Khảm của Hậu Thiên cùng được số 11, số lẻ, Khôn thành tịnh Dương, cung Khôn nạp

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ất, do đó Ất cũng thuộc Dương. Vì sao tịnh Âm tịnh Dương tuân theo Tiên Thiên mà bỏ Hậu Thiên ? Tiên Thiên là cha, Hậu Thiên là mẹ, con phải theo họ cha, chứ không theo họ mẹ. Nói tịnh Âm tịnh Dương là không giống như so sánh với thứ Âm Dương nào khác.

□ *Kim luân Ngũ triệu hai thứ tuần hoàn.*

Dương công nói :

> "Trước hết xem Kim Long động hay bất động, đi xem tứ mạch để nhận biết Lai Long".

Lại nói :

> "Dương từ mé tả chuyển, Âm từ mé hữu thông".

Tăng công chú giải :

> "Kim luân là giáng thế của tổ tông. Có tổ có tông, mà giáng thế hợp pháp độ, thì gọi là nơi Kim Long động, hiện Thiên cơ. Nếu không có tổ tông, không có giáng thế hợp pháp độ, thì gọi là Kim Long bất động, thành hư giả".

Tiếp đó xem huyết mạch, tức là hành độ của Long từ Tổ tông đến nhập thủ đều thuận, có sinh khí, đứt nối, khởi phục đâu ra đó, trong lớn có nhỏ, trong nhỏ có lớn, phàm có tung tích đều hợp pháp độ. Lai Long là chỉ nơi tận cùng. Tuy căn cứ vào Bát quái, nhưng còn phải vận dụng Ngũ triệu. Ngũ triệu tức là sự vận dụng Ngũ Hành. Tuần hoàn nghĩa là nói Càn một biến thành Tốn, hai biến thành Cấn, ba biến thành Khôn. Khôn một biến thành Chấn, hai biến thành Đoài, ba biến thành Càn. Khảm, Ly là trung nam trung nữ, nằm ở giữa ba thứ, thì thành Bát quái. Lặp lại tuần hoàn, sẽ thành sáu mươi tư quẻ. Trong mỗi quẻ đều có Ngũ Hành. Cho nên nói quẻ là bản thể, hành là vận dụng. Như Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, lại như Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, nhất loạt đều không có mở đầu, cứ tuần hoàn xoay vòng không ngừng. Quản công nói :

> "Kim luân là vô cực, cũng là Thái Cực. Ngũ triệu tuần hoàn là diệu dụng quan hệ tương hỗ giao hội. Quẻ hỏa hợp với Ngũ Hành, tụ tập trong một huyệt mộ, thì mới thành Đại Địa".

"Ngọc Xích Kinh" viết :

> "Nắm được chủ sơn tọa hướng và sơn thủy lai khứ, phương vị, thì sẽ biết tình huống tiêu trưởng của địa vận. Nắm được Vượng tướng, Hưu Tù Tử Phế của Cửu Long Bát quái, thì sẽ biết tiêu trưởng của thiên vận. Nắm được năm tháng ngày giờ sinh và chết của người và năm tháng ngày giờ làm nhà, tọa mộ, thì biết được sự tiêu trưởng của nhân sự. Đây là thông nghĩa của cổ kim, then chốt của tạo hóa. Người đời không hiểu đạo lý này cứ hồ đồ xem đất lập huyệt thì không đồng hành với ta".

Hai chữ "Kim luân" ngụ ý gì, tại sao dùng chữ Kim với nghĩa là "vàng" ở đây ? Đại thể là vì vàng là báu vật, không sợ lửa, không hề biến chất qua hàng ngàn năm, màu sắc lại đẹp đẽ. "Ngũ triệu", thì "Ngũ" là định danh của Thổ ở giữa, ngụ ý pháp độ này là tối trung chính. "Triệu" là nguyên lưu của vận khí Tiên Thiên tiên địa, Hậu Thiên hậu địa, là tiêu trưởng của người và vật, mọi cái đều bắt đầu ở đây. Nói "hai thứ tuần hoàn" là ngụ ý sự ứng nghiệm cát hung được biết trước từ đây.

□ *Tứ Long bác hoán là hay nhất.*

Tứ Long là Càn, Khôn, Cấn, Tốn, bao quát trong 24 vị trí sơn hướng. Các phong thủy sư tầm thường câu nệ "Thôi Quan Thiên", không được chân truyền, đem gọi Tốn, Cấn, Đoài, Hợi là Tứ Long, chứng tỏ không hiểu tâm pháp của tác giả, lại quý trọng Âm mà khinh Dương. Dương là quân tử, phải thân cận; Âm là tiểu nhân, phải né tránh, lẽ nào không biết ? "Thôi Quan Thiên" nói :

> "Nơi lậu khuyết suy tàn thì phúc khí rất ít, ở giữa tử mộ thì gia nhân sẽ lưu ly thất tán".

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Lại nói :

"Hướng tới Quan, Vượng, Sinh thì có thể sống khỏi cần luận Âm Dương nhiều ít".

Nghĩa là, Long từ nơi lậu khuyết suy tàn đến thì hung, từ Tử Mộ đến càng hung. Còn từ Trường Sinh, Lâm Quan, Mộc Dục, Đế Vượng, Thái Dương đến thì cát. Ở đây nói Âm Dương là chỉ tịnh Âm tịnh Dương. Long Huyệt, Sa, Thủy không nhất thiết phải câu nệ tịnh Âm tịnh Dương, mà chỉ cần xét đến Sinh Vượng và Hưu Tù. Sinh Vượng củ cát, phú quý lâu dài. Hưu Tù chủ hung, thua thiệt khốn khổ. Không dùng Ngũ Hành thì làm sao có thể xác định được Sinh Vượng hay Hưu Tù ? Lại nói :

"Tứ Long bác hoán là hay nhất, quẻ biến hai ba lần đều là hiếm có".

Lại nói :

"Một quẻ độc hành là hay nhất".

Thế là sao, đạo lý này rút ra từ đâu. "Ngọc Lộ Kinh" nói :

"Mỗi Long sinh thành, thiên hợp đẹp nhất, không có biến quẻ sinh khắc. Vì như Cần, Giáp, Đinh là Tam Hợp, Hợi, Mão, Mùi cũng Tam Hợp, đều thuộc Mộc, sinh tại Hợi; Cần, Hợi, Giáp, Mão, Đinh, Mùi là cùng một quẻ. Sở dĩ gọi Song Sơn, chỉ vì Cần quản năm Long, năm Long này đều có tông Cần, nên dùng Cần khởi danh. Vì như Khôn, Nhâm, Ất Tam Hợp, Thân, Tý, Thìn cũng Tam Hợp, đều thuộc Thủy, sinh tại Thân; Khôn, Thân, Nhâm, Tý, Ất, Thìn là cùng một quẻ. Sở dĩ gọi Song Sơn, chỉ vì Khôn quản năm Long, năm Long này đều có cùng tông Khôn, nên dùng Khôn khởi danh. Vì như Cấn, Bính, Tân là Tam Hợp, Dần, Ngọ, Tuất cũng là Tam Hợp, đều thuộc Hỏa, sinh tại Dần; Cấn, Dần, Bính, Tân, Ngọ, Tuất là cùng một quẻ. Sở dĩ gọi Song Sơn, là vì Cấn quản năm Long, năm Long này đều có tông Cấn, nên dùng Cấn khởi danh. Tốn, Canh, Đoài là Tam Hợp, Tỵ, Dậu, Sửu cũng là Tam Hợp, đều thuộc Kim, sinh tại Tỵ; nhưng Tốn quản năm Long, năm Long này đều có tông Tốn, nên dùng Tốn khởi danh. Tứ Long đều nói Thổ, đại thể là Thổ ở giữa chúng, phương nào cũng có Thổ. Tương sinh với nó thì tốt, tương khắc thì kỵ".

Liêu công nói :

"Một tiết tương sinh, một đời phú quý, Vượng tướng thì có quan lộc. Một tiết tương khắc, một đời bần cùng, suy bại, thậm chí tuyệt vong. Long biến hóa, thoát thai hoán cốt vẫn không rời bốn quái là hay nhất. Nếu bác hoán, nhập vào quẻ khác, tương sinh là cát, tương khắc là hung. Mỗi tiết quản một đời. Một tiết tương sinh thì một đời phú quý; một tiết tương khắc, thì một đời bần cùng, thậm chí bại tuyệt".

☐ *Tứ cục phải xem Thủy tinh hay chảy xiết.*

Lý Thuần Phong nói :

"Tứ cục là nói hướng. Bính, Đinh, Ất, Dậu là thuộc Hỏa; Cần, Khôn, Mão, Ngọ là Kim; Hợi, Quý, Cấn, Thân là Mộc; Tuất, Canh, Sửu, Mùi thuộc Thổ; Tỵ, Dần, Thìn và Tân, kiêm Tỵ và Nhâm là Thủy. Thủy phải chảy đến từ Sinh Vượng, chảy đi phương Hưu Tù, nếu ngược lại, sẽ là tai họa. Đây là pháp độ của Huyền Không Ngũ Hành. Tứ cục là chỉ Thủy Thổ Tràng Sinh tại Kim sinh tại Tỵ, Hỏa sinh tại Dần, Mộc sinh tại Hợi. Nơi phát nguyên của nó phải là nơi Sinh Vượng của nó. Nơi nó chảy đi phải là nơi Hưu Tù, đến và đi đều phải uốn lượn quanh. Minh Đường phải tĩnh định, nếu không tĩnh định, thì dù có từ phương Sinh Vượng tới và chảy đi phương Hưu Tù, cũng đều bất lợi".

☐ *Long thần trên núi không hạ sơn; Long thần dưới nước không lên núi.*

Song sơn phải dùng cho tại sơn, mà không dùng cho Thủy. Huyền Không nên dùng cho Thủy, mà không dùng cho sơn. Có người sẽ hỏi : Song Sơn là gì ? Huyền Không là gì ? Một người lấy phân tích sơn làm chủ, một người lấy Thủy hướng làm chủ, thế là vì sao ? Đáp : Hành độ của Long khó là một tuyến, nên dùng Song Sơn; Thủy chảy vòng vèo, chỗ nào

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cũng đến được, nên dùng Tam Hợp. Song là độ của Long, hợp là tiết của Long. Hành độ và số tiết liên quan đặc biệt đến hưng suy, lợi hại, phải rất thận trọng.

Huyền Không là gì ? Huyền là dùng Thủy định danh, Không là dùng lưu định danh. Đã đạt được cát của Long và hướng, thì Long huyệt đã trú ở trong Minh Đường, không ra nữa. Cho nên dùng nó để kiểm chứng tốt xấu của Thủy lai khứ. Song Sơn dùng Long và hướng để nói. Huyền Không dùng hướng và Thủy để nói. Hỏi : Dùng thần để nói về Long là vì Long có biến hóa, còn dùng thần để nói về Thủy, là vì lẽ gì ? Đáp : Hoạt động có tình thì là thần, ương ngạnh vô tình thì là quỷ. Thủy nếu ương ngạnh thì sẽ xung não, đâm sườn. Nay gọi nó là thần vì nó uốn lượn bao quanh, có tình. Đến phương Sinh Vượng là có thần, Hưu Tù là không có thần. Sơn Long không sinh vượng, thì người cũng không hưng thịnh. Thủy thần không sinh vượng, thì tiền của và lương thực chẳng thể đầy đủ, điều đó ứng nghiệm rất mau lẹ.

□ *Hợp Minh hợp Đức kiến Lộc cung.*

Liệt công nói :

> "Minh là nhật nguyệt; Đức là thiên địa".

Hợp minh là ứng nạp Giáp; Hợp đức là Thất Khuê địa la. Quỷ Cốc tiên sinh nói:

> "Đạo lý Âm Dương tương hợp với nhật nguyệt thì là Minh (sáng), tương hợp với thiên địa thì là Đức, tương hợp với tứ thời (bốn mùa) là Tự, tương hợp với quỷ thần là cát hung".

Đạo phong thủy ngày nay quả thực vốn là như vậy. Hợp minh là nói đến nạp giáp, Thái Dương là mặt trời, ban ngày, thường sáng rực rỡ ngày nọ qua ngày kia. Âm là mặt trăng, trong một tháng thường có tròn có khuyết, gọi là nạp Dụng. Ngày mồng 3, lúc hoàng hôn thấy trăng ở phương Canh, sinh một Dương ở phần dưới, tượng của nó là Chấn; cho nên cung Chấn nạp Canh. Ngày mồng 8, lúc hoàng hôn thấy nó ở phương Đinh, sinh hai Dương, tượng là Đoài, cho nên nói cung Đoài nạp Đinh. Ngày 15, lúc hoàng hôn thấy nó ở phương Giáp, đầy đủ ba Dương (Tam Dương - trăng tròn), tượng của nó là Càn, cho nên cung Càn nạp Giáp. Ngày 18, buổi sớm thấy nó ở phương Tân, sinh một Âm, tượng của nó là Tốn, nên nói cung Tốn nạp Tân. Ngày 23, buổi sớm thấy nó ở phương Bính, sinh hai Âm, tượng là Cấn, nên cung Cấn nạp Bính. Ngày 29, buổi sớm thấy trăng ở phương Ất, đầy đủ ba Âm, tượng là Khôn, nên cung Khôn nạp Ất.

Triệu chứng tiêu giảm đều từ đây mà thành cơ diệu, cho nên Chấn Canh dùng Khôn Ất làm tiêu giảm, Đoài Đinh dùng Chấn Canh làm tiêu giảm, Càn Giáp dùng Đoài Đinh làm tiêu giảm, Tốn Tân dùng Càn Giáp làm tiêu giảm, Cấn Bính dùng Tốn Tân làm tiêu giảm, Khôn Ất dùng Cấn Bính là tiêu giảm. Còn Khảm Ly thì tự bản thân tiêu giảm lẫn nhau. Sự tiêu giảm này là đạo lý tiêu trưởng của tượng hào Âm hào Dương. Cho nên sự tròn khuyết, mập ốm đều phát động ở đây. Do đó, Nhâm Tý thuộc quẻ Phục, Quý Sửu thuộc Lâm, Cấn Dần thuộc Thái, Giáp Mão thuộc Đại Tráng, Tốn Tỵ thuộc Cấn, Bính Ngọ thuộc Cấn, Đinh Mùi thuộc Độn, Khôn Thân thuộc Phủ, Canh Dậu thuộc Quan, Ngọ Tuất thuộc Bác, Càn Hợi thuộc quẻ Khôn.

Tháng Giêng, Nhật (mặt trời) tại vùng sao Thất, lúc hoàng hôn tại sao Sâm, buổi sớm mai tại sao Ngưu, mặt trăng mặt trời sẽ tương hội tại thứ luật của Tụ Tử, Kiến[1] Thái Thốc. Tháng Hai, Nhật tại sao Khuê, lúc hoàng hôn tại sao Trương, buổi sớm mai tại sao Tâm, Nhật Nguyệt sẽ tương hội tại thứ luật của Giáng Lâu, Kiến Giáp Chung. Tháng

(1) Kiến - chuôi sao Đẩu chỉ vào đâu gọi là Kiến, cách tính của Âm lịch, như tháng Giêng gọi là kiến Dần, tháng Hai là Kiến Mão...

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Ba, Nhật tại sao Lâu, lúc hoàng hôn tại Tạc, buổi sớm mai tại sao Ngưu, Nhật Nguyệt sẽ tương hội tại thứ luật của Đại Lương, Kiến Thủy Tiễn. Tháng Tư, Nhật tại sao Ngang, lúc hoàng hôn tại trung gian, buổi sớm mai tại sao Nữ, Nhật Nguyệt sẽ tương hội tại thứ luật của Kiển Trầm, Kiến Trọng Lữ. Tháng Năm, Nhật tại sao Sâm, lúc hoàng hôn tại sao Cang, buổi sớm mai tại sao Nguy, Nhật Nguyệt sẽ tương hội tại thứ luật của Thuấn Thủ, Kiến Nhuy Tân. Tháng Sáu, Nhật tại sao Tỉnh, lúc hoàng hôn tại sao ....[1], buổi sớm mai tại sao Khuê, Nhật Nguyệt sẽ tương hội tại thứ luật của Thuấn Hỏa, Kiến Lâm Chung. Tháng Bảy, Nhật tại sao Trương, lúc hoàng hôn tại sao Lâu, buổi sớm tại sao Tỉ, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Thuấn Vĩ, Kiến Di Tắc. Tháng Tám, Nhật tại sao Dực, lúc hoàng hôn tại sao Trương, buổi sớm mai tại sao Chủy, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Thọ Tinh, Kiến Nam Cang. Tháng Chín, Nhật tại sao Giác, lúc hoàng hôn tại sao Hư, sớm mai tại sao Liễu, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Đại Hỏa, Kiến Vô Xạ. Tháng Mười, Nhật tại sao Phòng, lúc hoàng hôn tại sao Nguy, sớm mai tại Tinh, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Tích Mộc, Kiến Ủng Chung. Tháng Mười Một, Nhật tại sao Ky, hoàng hôn tại sao Bích, sớm mai tại sao Chẩn, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Tinh Phối, Kiến Hoàng Chung. Tháng Chạp, Nhật tại sao Đẩu, hoàng hôn tại sao Lâu Báo, sớm mai tại sao Đê, Nhật Nguyệt tương hội tại thứ luật của Huyền Hiêu, Kiến Đại Lữ.

Thổ khuê là gì ? Tám phương đều có Thổ cho nên Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc phía dưới của Tứ Duy. Tám quẻ định vị, chỉ có Càn, Khôn, Cấn, Tốn khả dĩ tiếp nhận thế đến của nó, còn lại đều không thể. Càn, Khôn thuộc Tuất; Cấn, Tốn thuộc Tỵ. Đem Tuất, Tỵ thêm vào phía trên của Càn Khôn Cấn Tốn thì đủ 10 Can. Phụ thêm vào phía sau 8 Chi, 8 Can, 8 quẻ, thì địa đồ cũng đầy đủ. Người đương thời lại đem Tuất đặt trên Khảm, đem Tỵ đặt trên Ly, đây là nói về nạp giáp, chứ không phải nói về Thổ khuê. Khuê ở đây nghĩa là xác định, Đã định thì không thể di động, cải biến. Thì cứ xem, đất đã xác định, chẳng thể di động vị trí. Còn Địa la là chỉ hai thứ cùng tại một cung. Như Nhâm Tý thứ nhất là Tý, Quý Sửu thứ nhất là Sửu, Cấn Dần thứ nhất là Dần, Giáp Mão thứ nhất là Mão, Ất Thìn thứ nhất là Thìn; Tốn Tỵ cùng tại Tỵ, Bính Ngọ cùng tại Ngọ, Đinh Mùi cùng tại Mùi, Khôn Thân cùng tại Thân, Canh Dậu cùng tại Dậu, Tân Tuất cùng tại Tuất, Càn Hợi cùng tại Hợi. Đây cũng là nói Nhật khuê. Nhâm là sơ của Tý, Tý là chính của Tý, nên trời chỉ lấy có 12 cung giờ. Phía trên nói Thổ khuê dùng để đo lường đất; ở đây nói Địa la dùng để đo lường trời. Kim Thổ khuê chia Tý Ngọ làm chỗ giữa của trái đất; Kim Địa la chia Tý Ngọ làm chỗ giữa của bầu trời. Thổ khuê ở bên trong, Địa la ở bên ngoài. Mượn nó để chứng minh bầu trời bao bọc bên ngoài trái đất, trái đất nằm ở giữa bên trong bầu trời, trong ngoài đều chính, tại sao không như Chính Châm và Phùng Châm (châm - kim) ? Trên mặt Thổ khuê có 72 khí hậu đến chiếu ứng nhân gian. Bên dưới Địa la có 28 tinh tú phâm kim hoạch độ chiếu ứng thiên vận. Tuần hoàn không ngừng đều là từ sự vô cùng của thiên vận và sự nối tiếp các mùa khác nhau của trái đất. Cổ nhân mượn pháp độ của nó mà định tạo hóa một năm. Pháp thuật của chúng ta là dùng nội bàn để đo lường Long, cho nên nói Long từ dưới đất lên; dùng ngoại bàn để lập hướng nên nói hướng từ trên trời lập. Hai thứ ấy dựa theo nhau, biểu lý với nhau, vốn không tách rời. Người ngu không hiểu tâm pháp của cổ nhân, nói bừa rằng La Châm không có hai bàn. Thiên là dùng động để nói, Địa là dùng tĩnh để nói công dụng của tạo hóa, làm

(1) Nguyên bản thiếu (N.D.).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

sao chỉ dùng một bàn mà nói hết được ? Quách Phác nói :

"Nội bàn hỏi Long, ngoại bàn hỏi hướng. Thể và Dụng đồng hành, vận khí xoay vòng".

"Ngọc Hạp Kinh" viết :

"Hà Đồ giảng về hành độ của Long, sinh thì tiến tới, không sinh thì suy bại. Lạc Thư nói về cái kỵ của huyệt, hợp thì cát, không hợp thì hung. Song Sơn luận nhập thủ để chứng huyệt, sinh thì phúc, tiết thì họa. Huyền Không luận lai khứ của cục Minh Đường, Vượng thì tốt đẹp, Hưu thì hung. Bí quyết phong thủy là ở đây. Nhưng trong cát cũng có hung, trong hung cũng có cát. Cát thái quá thì hóa hung, hung bất cập thì hóa cát, pháp độ của nó đều do sinh khắc chế hóa mà thành".

□ *Tứ thần Sinh Vượng mới nói Phúc.*

Nói Tứ thần hoàn toàn không phải là bốn con thú, mà là bốn Long Càn, Khôn, Chấn, Tốn. Câu trên có nghĩa là Long từ phương Sinh Vượng đến mới là cát. Ví dụ tận cùng là Mộc sơn của Càn, Hợi, Giáp, Mão, Đinh, Mùi, từ phương Hợi đến là Tràng Sinh; từ phương Sửu Cấn đến là Quan Đới, Lâm Quan; từ phương Mão tới là Vượng. Cho nên Hợi Long thích nhất Liêm Trinh làm Tổ tông của nó. Từ phương Tý Ngọ đến là Hưu Tù; từ phương Khôn Giáp đến là Mộ, Tuyệt. Qua đây có thể thấy rõ sự tương ứng giữa Long tốt xấu với họa phúc. Người học phải tận tâm nghiên cứu đạo lý này.

TUYỂN TRẠCH TÂM PHÁP

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

□ *Tuyển chọn Thiên thời và Vận khí.*

Đường Nhất Hành nói :

"Có địa mạch thế nào, thì dùng năm tháng ngày giờ như thế để phò tá. Người đời không biết điều này, nên sử dụng bừa bãi năm tháng ngày giờ thông thường. Họ không biết rằng năm tháng ngày giờ mà các phong thủy sư sử dụng có tên gọi và nội dung khác với thông thường. Sử dụng không đúng sẽ sai một ly đi một dặm. Vận khí sẽ khác hẳn".

Họ Bốc nói :

"Nếu sai năm tháng ngày giờ, thì địa mạch cát lợi sẽ hóa thành tai họa lớn. Nếu địa mạch cát lợi, mà mai táng hung sát, thì chẳng khác gì ném xác ra đồng. Năm tháng cũng là một thứ hung sát khi mai táng. Sơn mạch cát tường, Hà Thủy cát lợi, Huyệt vị cát tường, vì sao tác họa cứ dồn dập đến ? Đó là vì phạm vào ngày giờ tháng năm mà không biết".

Năm tháng ngày giờ giống như quy củ sinh thành và tạo mệnh của người và vật. Nếu tám chữ[1] cát lợi, thì tất nhiên phú quý hiển đạt; nếu hung sát, ắt nghèo khổ ti tiện. Quy củ tạo mệnh do đó bắt đầu từ đây. Vận mạng của người lấy Can của ngày làm chủ, lựa chọn địa mạch của thuật phong thủy thì lấy huyệt vị làm chủ. Sơn mệnh, mộ mệnh, vong mệnh, sinh mệnh... phải tương sinh với ngày, thì mới hưng vượng. Nhưng ít khi có được sự tương sinh tương thành, mà có khi khắc phạm nhau, cho nên mới phải lựa chọn ngày giờ tháng năm để làm nhà và hạ huyệt.

Ngũ Hành có nhiều loại. Căn cứ Hà Đồ có Chính Ngũ Hành, dùng để xác định vị trí năm phương. Mộc bị khắc phạm ở phương Tây, được sinh dưỡng ở phương Bắc. Thủy bị khắc phạm ở phương Đông Bắc, được sinh thành ở phương Tây. Hỏa bị khắc phạm ở phương Bắc, được sinh ở

(1) Can Chi của năm, tháng, ngày, giờ hợp thành tám chữ, ví dụ năm Nhâm Ngọ, tháng Canh Dần, ngày Kỷ Hợi, giờ Bính Tý. (N.D.)

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

phương Đông. Kim bị khắc phạm ở phương Nam, được sinh ở phương Tây Nam. Thổ bị khắc phạm tại phương Đông Nam mà được sinh tại phương Nam.

Căn cứ Lạc Thư có Đại Ngũ Hành hoặc Tông miếu Ngũ Hành.

Nếu muốn phân tích sơn mạch nhập thủ, thì phải dùng Song Sơn Ngũ Hành. Nói Song Sơn, tức là dùng Tam Hợp để giải thích hai mươi bốn sơn.

Nói Vận khí, là chỉ Thiên thời. Có năm vận, sáu khí. Năm vận là : Giáp Kỷ hóa Thổ, Ất Canh hóa Kim, Bính Tân hóa Thủy, Đinh Nhâm hóa Mộc, Mậu Quý hóa Hỏa. Sáu khí là chỉ : Tý Ngọ Thiếu Dương quân Hỏa tỵ, Thiên Dương Minh táo Kim tại tuyền; Sửu Mùi Thái Âm ôn Thổ tỵ, Thiên Thái Dương hàn Thủy tại tuyền; Dần Thân Thiếu Dương tương Hỏa tỵ, Thiên Quyết Âm phong Mộc tại tuyền; Mão Dậu Minh táo Kim tỵ, Thiên Thiếu Âm quân Hỏa tại tuyền; Thìn Tuất Thái Dương hàn Thủy tỵ, Thiên Thái Âm ôn Thổ tại tuyền; Tỵ Hợi Quyết Âm phong Mộc tỵ, Thiên Thiếu Dương tương Hỏa tại tuyền. Sáu khí này gọi là Khách khí gia lâm. Nếu là Chủ khí, thì Xuân phong Mộc mà Hạ tương Đại, Thu táo Kim mà Đông hàn Thủy. Đây là đạo lý bất biến, vĩnh hằng. Vận và Khí hỗ tương giao hội, điều hòa thì mới cát lợi; nếu khắc phạm, xâm hại lẫn nhau thì hung hiểm.

☐ *Tương sinh, tương khắc, tương chế, tương hóa, nhất thiết phải tinh và chuyên.*

Tương sinh, tức là phát sinh cho nhau; tương khắc, tức là khắc phạm với nhau. Nói "chế", là vì có sự tương khắc, không thể hoàn toàn né tránh, nên phải có cách hạn chế. Ví dụ Mộc bị Kim khắc phạm thì phải dùng Hỏa hạn chế Kim, mẹ bị xâm phạm thì con phải tới cứu mẹ. Nói "hóa", nghĩa là bị tổn hại rất nặng, sức người không thể hạn chế, nên phải biến hóa để cùng đi một đường, lấy độc trị độc, hóa hung thành cát.

Nói "tinh, chuyên, vì pháp độ chọn lựa chẳng qua bao hàm trong bốn chữ Sinh, Khắc, Chế, Hóa. Ngoài ra không còn cách nào khác. Nếu tương sinh thái quá, thì sẽ hóa thành hung; nếu khắc phạm quá mức, thì sẽ trở thành cát. Nhất thiết phải trung hòa, chừng mực, như vậy gọi là lựa chọn.

Lựa chọn thì phải trước hết lấy Sơn mệnh làm chính, rồi mới đến hợp với Vong mệnh. "Kinh Thư" viết :

> "Sơn mệnh hợp với Vong mệnh, phú quý thiên nhiên xác định... Nếu ngày giờ khắc sơn, thì mọi sự đều suy bại".

Cho nên, đối với việc lựa chọn, thì Sơn mệnh và Vong mệnh là chủ yếu, hệ trọng, còn Mộ vận và Không Vong là thứ yếu, là tiểu tiết.

Nói "tinh", nghĩa là đến mức sử dụng thành thạo, cao minh, tinh vi ảo diệu. Nói "chuyên", nghĩa là chú trọng đi sâu vào một việc, không lẫn lộn, ví dụ sử dụng Thần Sát thích hợp với Tạo, tránh vi phạm Táng, hoặc thích hợp với Táng, tránh vi phạm Tạo.

Sinh, Khắc, Chế, Hóa là để biến hung thành cát. Nếu sử dụng không đúng pháp độ, không tinh thâm, chuyên nhất, thì sẽ phản tác dụng, biến cát thành hung.

Cát là Thần, hung là Sát. Xác lập Thần và Sát, chẳng thể khinh suất và nóng vội. Cát thần mất chỗ dựa, thì chẳng những không dẫn đến phúc lộc, mà còn sản sinh tai họa. Hung sát được thờ ơ, thì tai họa vô cùng lớn lao, khó bề ngăn cản.

"Kinh Thư" viết :

> "Cát thần có được địa mạch thì dẫn tới phúc lộc; hung sát mất thời cơ thì sẽ không gây họa. Nếu cát thần bị áp chế, thì vô phúc; nếu hung sát bị áp chế, thì mắc họa cũng được giải cứu".

☐ *Long vận, Biến vận không khắc hại nhau; Thiên mệnh, thần công hoàn toàn diệu dụng.*

Nói Long vận không phải là chỉ sinh vận của 45 Long, mà là chỉ Mộ vận luân niên theo Song Sơn Ngũ Hành.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

Nói Biến vận, là chỉ đạo vận luân niên theo Hồng Phạm Ngũ Hành.

Long vận và Biến vận nếu khắc phạm nhau, thì dù có ngày tháng cát tường cũng khó tránh được tai họa. Long vận và Biến vận nếu tương sinh cho nhau, dù không cần nỗ lực cũng sẽ cát tường.

Nói Thiên mệnh là chỉ khí mạch do tự nhiên sinh thành. Nói thần công, là chỉ tác dụng xảo diệu của sự chế ngự. Sơn thủy không thể toàn thiện toàn mỹ, nên phải dùng sức người bồi đắp, hoặc lợi dụng mà tạo huyệt cho khéo, hoặc tốn công chọn ngày giờ cho hợp. Bồi đắp, dụng công như thế nào, hãy xem kỹ phần "Địa lý tinh nghĩa - Thiết đàn tử" và "Địa lý Huyền khu - Ngọc đàn tử".

☐ *Cát thần bị áp chế không thành phúc, Hung sát gặp thời họa đến ngay.*

Câu này nối tiếp điều đã nói phía trên. Cát thần nếu bị áp chế sẽ không dẫn tới phúc lộc, còn hung sát gặp thời sẽ tác oai tác quái. Thí dụ Kim thần Canh, Tân mà gặp tiết Thu, gọi là gặp thời. Hợi là Thiên Nguyệt Đức, mà gặp giờ ngày tháng năm theo phép nạp âm là Thổ, thì gọi là bị áp chế. Đây cũng là một loại chế hóa.

☐ *Sơn mệnh, Vong mệnh, Mộ mệnh.*

Sơn mệnh là vận khí của sơn. Vong mệnh là vận khí của người chết. Mộ mệnh là vận khí trong mộ.

Sơn mệnh, ví dụ Càn sơn thuộc Mộc, Mộ tại phương Mùi, năm Giáp Tý đón được Tân Mùi, gọi là Kim Thổ tương sinh, là cát lợi. "Kinh" nói :

> "Nếu niên vận tương sinh, thì nhất định thăng quan tiến chức".

Nếu năm Ất Sửu độn được Quý Mùi Mộc, thì gọi là Khắc phạm (Ất Sửu nạp âm là Kim), hung sát. "Kinh" nói :

> "Nếu niên vận khắc phạm, thì nhân đinh bị chết, tài lộc bị phá.

Nếu năm Bính Dần độn được Ất Mùi Kim, thì gọi là Quỷ sát, cực kỳ hung hiểm. Năm Đinh Mão độn được Đinh Mùi Thủy, là Kiếp sát, hung hiểm. Nếu năm Mậu Thìn độn được Kỷ Mùi Hỏa, là Mộc Hỏa tương sinh, cát tường như ý, chủ văn chương hiển đạt, tài lộc dồi dào.

Nói Vong mệnh, ví dụ Giáp Tý vong nhân, là năm Giáp Tý, thuộc Ất Sửu Kim vận, gọi là tỷ hòa, cát lợi. "Kinh" viết :

> "Nếu mạng vận tỷ hòa, thì phú quý vô cùng, đời đời làm đại quan".

Nếu Giáp Tý vong nhân, là năm Ất Sửu, thuộc Đinh Sửu Thủy vận, thì gọi là tương sinh, cát lợi. Nếu Giáp Tý vong nhân là năm Bính Dần, thuộc Hỏa vận Đinh Sửu, gọi là tỷ hòa, cát tường v.v...

Nói Mộ vận, là chỉ Hồng Phạm Ngũ Hành, khởi độn theo năm. Nếu đạt được nguyên thần của vong mệnh mới thật sự cát lợi. Nói nguyên thần, cũng là chỉ hợp với vận khí của sơn thủy và ngũ thiên, cần Sinh Vượng, tối kỵ Hưu Tù Tử Tuyệt. Nếu ba Vượng một Hưu, thì một Vượng, thì xấu (vì chẳng thể thắng Hưu). Nếu hai Vượng hai Hưu, thì nửa cát nửa hung.

Hàm nghĩa của "Thiên La Kinh" là lấy lý khí của Tiên Thiên làm bản thể, lấy phương vị của Hậu Thiên làm tác dụng, cũng tức là phải dùng Tiên Thiên quan sát Long mạch, Trung Thiên bố trí cách cục, Hậu Thiên xác định phương hướng. Lại phải lấy Hà Đồ luận quẻ, lấy Thiên tinh luận vị, thông qua tính tình của cách cục Long mạch mà quan sát, xét đoán sự vận hành và dừng lại của Long mạch; thông qua sự chiếu của khí mạch mà xác định mức độ thiếu đủ sinh khí của huyệt vị, dùng quẻ mà luận Âm Dương, dùng tinh tú mà nói rõ quý tiện. Đây là chân lý bất biến.

Huyền cơ của trời đất, pháp độ quy tắc tuy có thể dùng lời để truyền đạt, nhưng diệu dụng thì phải là người có tâm linh hơn người mới lĩnh hội được. Song lĩnh hội được rồi, lại chẳng thể tùy tiện nói

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

cho kẻ khác biết, không phải là để độc chiếm đạo lý, mà chỉ vì không được phép tiết lộ thiên cơ, nhất là cho những kẻ tiểu nhân. Kẻ tiểu nhân sẽ vì tư lợi mà làm hại bao người, làm trái với đạo thuật của thánh nhân tiên hiền.

Trình công nói :

"Người người đều cầu mong trạch huyệt tốt đẹp".

Tiền Nguyên Bá nói :

"Một gia đình trung lương chính trực, dày công tích đức tích thiện, ắt sẽ được trời cảm động mà đáp ứng, ban cho phúc lộc cát tường. Những kẻ tà ác xảo trá, luôn luôn tích ác, trời sẽ giáng họa".

"Linh Nguyên Kinh" viết :

"Chớ nói là khó bề có được địa mạch cát lợi. Trước hết hãy rèn luyện đức hạnh thiện lương".

Đức là căn bản để tìm địa mạch, là điều kiện tất yếu. Không có đức hạnh, thì dù có tìm được địa mạch mỹ diệu, sự tốt đẹp cũng chẳng được lâu bền.

"Chân cơ" viết :

"Đừng lo khó tìm đất quý, huyệt tốt, chỉ sợ tâm và chí không trong sáng, chân thành".

Liêu công từng dạy học trò của mình :

"Người ta nên đáp ứng một cách chân thành. Người nào không hiểu ta, không chân thành hoặc không có lễ mạo với ta, thì ta biết là vận khí của họ sắp hết, ta không quan tâm đến họ, hoàn toàn chẳng phải là ta không muốn cứu họ. Thời xưa Dương công nổi tiếng cứu khốn phò nguy, giúp đỡ người nghèo khổ, Lại công giỏi phép xoay chuyển Càn Khôn, Quách công có thể dùng công phu thần kỳ hạn chế thiên mệnh, Tăng công có thể giết người hoặc cứu người chỉ bằng một lá bùa... tất cả đều do họ căn cứ vào sự tích thiện tích đức và lòng chân thành của gia chủ".

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

VÔ KHU CHÂN KINH TRUYỀN TÂM

Biên soạn : Nguyên Thái sư Gia Luật Sở
Đính chính : Minh Quốc sư Lưu Bá Ôn
Hiệu đính : Hậu học Hứa Cửu Nhất Quả Am

THẨM LONG

1. Long thế

Hai và bốn (là số ngẫu, số thành) là thế của sơn. Ba và một (là số kỳ, số sinh) là thế của Long. Ba, một là cơ quan biến hóa. Hai, bốn là tán thành. Tán thành rồi thì gọi là Di Long hoặc Bình Cương. Biến là chỉ thăng giáng, cáp, hạp, khúc, trực, thản, bối. Thản, khúc, thăng, hạp là Dương vị. Bối, trực, giáng, cáp là Âm vị. Dương không có Âm không sinh, Âm không có Dương bất thành. Một Âm một Dương thì gọi là Long. Độc Dương độc Âm thì chỉ gọi là sơn.

2. Tổ tông

Thái tổ gọi là Tổ, Thiếu tổ gọi là Tông. Cao vút thì quý ở chỗ cương trực, có trụ. Thâm hậu là chỉ sự đầy đủ, có thương có khố (kho đụn). Cô tiêu là chỉ sự bần cùng, bị Quỷ Kiếp. Tà tử là chỉ sự bần tiện, bị hao tổn.

3. Phân Tụ

Từ Thái tổ phân ra gọi là Đại phân, Đại phân có Đại tụ (hoặc Đại tích). Từ Thiếu tổ phân ra gọi là Tiểu phân, Tiểu phân có Tiểu tụ (hoặc Tiểu tích). Phân tán thì phải thu co lại, phải hoạt động. Thu lại thì khí tụ, hoạt động thì khí thịnh. Tích tụ thì cần mập mạp dày và ngoảnh nhìn bốn phía. Mập dày thì khí dày, ngoảnh nhìn bốn phía thì ý khí chuyên nhất. Phân tán không có tích tụ, thì giống như nước không đọng lại, dễ bị khô cạn. Tích tụ không có phân tán, thì giống như cây không cành. Sự quý tiện của Long được dự đoán từ điểm này.

4. Hiệp Biến

Hình thế đứt đứt nối nối là Hiệp, bác hoán (thay đổi) khí độ là Biến. Ác thiên thích chích, thích hộ tống, ghét Cô Long. Cô thiên khí mà tiêu tán thì lực nhẹ; hộ tống chính khí tích tụ thì lực nặng. Hoặc thấp thoáng tung tích, hoặc độ thủy xuyên điền (qua sông xuyên ruộng). Xuyên điền thì chỉ thấy hơi lộ hình. Độ thủy thì tìm dấu vết nơi đá sinh thành. Hình thế không phải là tung tích đích thực, chỉ là tung tích giả. Không hiểu xuyên điền lộ thủy thì đành chịu.

5. Yên pháp

Có 21 yên pháp. Đến thẳng (chính lai) tất định Long huyệt ở giữa, đến xéo (tà lai) tất

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

định Long huyệt lệch sang bên, đến ngoằn ngoèo (khúc chiết lai) tất định Long huyệt cư nghịch; tụ dài thì chọn huyệt trên đỉnh đầu, tụ ngắn chọn huyệt ở nơi phản hồi; đầu khúc xuống dưới thì lên chỗ cao chọn huyệt, thế đến gấp gáp thì chọn huyệt ở dưới đáy; núi đá đến thì cắm huyệt trên núi đá, đồi đất đến thì cắm huyệt trên đồi đất; Âm cực thì dùng Dương huyệt hợp, Dương cực thì dùng Âm huyệt hợp, Dương nhỏ thì dùng đại Âm huyệt, sát cường thì chọn nội huyệt v.v...

Sinh khí kết Tử khí thì bỏ, vì khí bị cướp (kiếp) biến thành nhỏ yếu, lúc nhập thủ khí sẽ bị tuyệt.

6. Kiếp Tịch

Long thế hung mãnh không có Kiếp (cướp), không đứt quãng, không có đứt quãng thì sẽ không có kết huyệt. Kiếp là sát khí, cướp nó đi. Sơn thế thô rối, không có Tịch (mở), không có Tiết (lộ), không có Tiết thì sẽ không rõ. Tịch là nộ khí mở nó ra. Không mạnh không yếu, sau Kiếp mới cắm huyệt; cực vượng cực cương, sau Kiếp Tịch mới kết huyệt. Đã phạm Kiếp thì không dùng Tịch, đã phạm Tịch thì không dùng Kiếp, phạm cả Kiếp lẫn Tịch, thì Du Long không thể kết huyệt.

7. Xuyên Lạc

Xuyên không phải là xuyên trướng, Lạc không phải là trung giác, hình thế quá đẹp thì khó nói đến pháp độ này. Diện Âm lạc tiến Dương, Dương lạc xuyên Âm; diện Dương lạc Âm, Âm lạc xuyên Dương. Một Âm một Dương, cùng nhau làm gốc, nam nữ giao cấu, vạn vật hóa sinh.

8. Chuyển Biến

Chuyển không phải là Ngũ diệu, Biến không phải là Cửu tinh. Chuyển có sự khác biệt Lão Thiếu. Tìm Long mạch, phải rõ hình thế. Dương lai (đến) Âm thụ (tiếp) thì Lão Dương biến thành Âm, Âm lai Dương thụ thì Lão Âm biến thành Dương. Dùng cái không có đưa vào trong cái có, trong cái thực tìm cái hư, đó là huyền diệu, phải quan sát kỹ càng.

Gặp chỗ thấp trũng thì cần tìm gò đồi, đây là dùng cái không đưa vào cái có. Thấy núi cao nhất định phải tìm nơi bằng phẳng, đấy là tìm cái hư trong cái thực.

9. Hình Thế

Hình thế có bốn cục diện : Thuận, Nghịch, Tà, Hoành. Hoành nên hạ cánh tay (hạ cánh tay, thu lại sẽ không bay đi). Tà nên khom lưng về phía Án sơn. Nghịch nên quay mặt vào nhau. Thuận nên nhìn nhau. Đấy là đại thể. Tinh vi hơn thì phải dùng thần mà quan sát hình.

Sơn thành hình mà tàng khí, thần mượn khí mà hiển lộ trong hình.

Hình có trạng mạo, thần chỉ có danh. Nhìn từ bên ngoài, quan sát thần tinh ở bên trong. Sinh xà độ thủy, Trác mộc đắng không. Sinh xà là gì ? Trong bình hòa có uốn lượn bao quanh thì gọi là Sinh xà. Trác mộc là gì ? Núi cao nhấp nhô không nhất thiết là Trác mộc. Một cái tách hẳn ra, thì Long cũng không còn là Long, sẽ không có hóa dục.

10. Loan đầu

Uốn cong là Loan, dốc nghiêng là Nhai, dựng đứng hiểm trở như bức tường là Nham. Sơn cang là tiện, Loan đầu là quý. Sơn thế Loan đầu có dạng đứng, dạng ngồi, dạng nằm. Loan cũng có Âm có Dương. Dương bao hàm Âm là triệu chứng sinh dục; Âm bao hàm Dương là diệu dụng hóa dục. Hình của Loan có Ngũ Hành. Thanh là quý, trọc là phú, ốm yếu là bần cùng, khô cằn là hạ tiện. Thế của Loan có ngẩng đầu, khom lưng, vươn lên, gục xuống. Hình thế gục xuống thì huyệt là *niêm*, hình thế vươn lên thì huyệt là *nghịch*, hình thế khom lưng thì huyệt là *ỷ*, hình thế ngẩng đầu thì huyệt là *hạ cái*.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

THẨM HUYỆT

1. Huyệt nguyên

Thủy từ Âm thịnh, Hỏa từ Dương đạt đến cực. Thịnh, cực là sát. bẩm tính của Mộc là Dương xung, bẩm tính của Kim là Âm hòa. Xung, hòa là Sinh. Cho nên phải làm Kim huyệt, Mộc huyệt, lại làm Hỏa huyệt, Thủy huyệt. Phải đủ cả tứ tượng, thì mới có thể hóa sinh. Kim và Mộc phải giao hợp, Thủy và Hỏa phải bổ trợ cho nhau, rồi mới có thể thành huyệt.

Phàm là Kim ắt phải có oa (lõm), có kiềm (kẹp). Kim tinh nhập thủ, không có oa sẽ không thành huyệt, không có kiềm sẽ không thành cục (oa là Thủy, kiềm là Mộc).

Mộc tinh ắt phải có nha (mầm), có tiết (đốt). Mộc tinh nhập thủ không có nha sẽ không kết huyệt, không có tiết sẽ không thể sinh nha (nảy mầm) (nha là Kim, tiết là Hỏa).

2. Huyệt tổng

Là Kê tâm (tim gà), thì kết huyệt tại kê tâm. Là Ngư bào (bào thai cá) thì kết huyệt tại bào. Là Phong yêu (lưng ong) thì kết huyệt trên lưng. Là Hạc tích (gối hạc) thì kết huyệt ở khớp gối. Nếu thế núi khuyết dưới chân, thì kết huyệt trên đỉnh núi. Nếu thế núi như cua bò ngang, thì kết huyệt ở mắt cua. Thế núi như chó dữ đang nằm im, thì kết huyệt ở bụng chó. Thế núi như con tôm, thì kết huyệt ở não tôm. Như con trâu, thì kết huyệt ở mũi trâu. Như ngọn cỏ, thì kết huyệt ở nơi đọng sương. Như lưỡi bò, thì kết huyệt ở đầu lưỡi. Như rồng thì kết huyệt ở môi. Như hạc thì kết huyệt trên đầu. Như trúc thì kết huyệt ở đốt. Như lá hướng dương thì kết huyệt ở giữa chỗ lõm trên lá. Như lá sen thì kết huyệt ở chỗ đọng nước. Như lá liễu thì kết huyệt ở chính giữa. Như đầu đứa trẻ thì kết huyệt ở thóp. Như vòi voi thì kết huyệt ở chân răng.

3. Huyệt cương lĩnh

Thế đến của sơn nhu và hoãn, hình dừng, tất ngẩng đầu, thì huyệt nên là huyệt *cái*. Thế đến cương và gấp, hình dừng, tất cúi đầu, thì huyệt nên là huyệt *niêm*. Sơn thế đến không hoãn, không cấp (gấp gáp), hình dừng, tất không ngẩng đầu, cũng không cúi đầu, thì huyệt nên là huyệt *chương*. Nếu sơn thế như hình vòng cung, đến xéo, hình dừng, thì huyệt nên là huyệt *ỷ*. Sơn thế uốn lượn đến, thì huyệt nên là *nghịch*. Sơn thế đến nghịch, nhìn từ phía mà dừng, thì huyệt nên là huyệt *kỳ*. Sơn thế đến mé tả dừng mé tả, thì huyệt ở mé *tả*. Sơn thế hữu lai hữu dừng, thì huyệt ở bên *hữu*. Sơn thế đến thẳng và dừng ở giữa, thì huyệt là *chính*. Sơn thế Dương tán đến, Âm thụ dừng, thì huyệt là *tụ*. Sơn thế Âm tụ đến, Dương tán dừng, thì huyệt là *tán*. Căn cứ vào đó phân biệt Âm Dương, Dương ắt có biến Âm, Âm ắt có biến Dương. Dương Thiếu Âm Thiếu gọi là Sinh Dương Lão Âm. Nói Lão là Sát, phải vứt bỏ Lão mà dùng Thiếu, để thừa tiếp Sinh khí.

Huyệt tuy có rất nhiều tên gọi, nhưng khẩu quyết của nó là phải thừa tiếp Sinh khí. Cách thừa tiếp tốt nhất là ở chỉ hiểu rõ hình của sơn (sơn hình), không vượt ra ngoài phép biến hóa Âm Dương. Do đó, Dương biến thành Âm là chỉ Âm theo Dương mà đến, gọi là Thiếu Âm. Âm biến thành Dương mà đến, gọi là Thiếu Dương. Sinh cơ vô cùng vô tận, như một dãy núi chạy đến hoàn toàn không có một tiết nhấp nhô lên xuống là thuần Âm, cũng là Lão Âm. Một dãy núi hoàn toàn không có một chỗ phồng lồi là thuần Dương, cũng là Lão Dương. Lão Âm, Lão Dương đều là Sát khí. Bỏ Lão, dùng Thiếu mới là thừa tiếp Sinh khí.

4. Ngũ tinh

Ngũ tinh là Kim tinh, Mộc tinh, Thủy tinh, Hỏa tinh và Thổ tinh. Căn cứ vào hình thế của sơn mà cắm huyệt. Hình thế có sát

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

(hung), có thần (cát). Thần thì nghênh đón, sát thì phải né tránh.

5. Phép kết huyệt

Thái Tổ tụ tại Câu (mương, rãnh), khó vượng thần ngưng, thì huyệt là *sơ kết*. Hình thế dừng hẳn lại, là huyệt *thiếu kết*. Kết huyệt tại Long yêu (lưng Long) là *trung kết*. Kết huyệt tại Thủy vĩ (đuôi Thủy) là *vĩ kết*.

Long có huyệt sơ kết, huyệt thiếu kết, huyệt trung kết, huyệt vĩ kết, thiên biến vạn hóa, song cũng không nằm ngoài bốn loại huyệt là *thiểm, tà, đọa, ngưỡng*.

6. Ky Long pháp

Ky là cưỡi. Ky Long định thế, thế chính hình dựng. Tiếp nhận ở sát bên gọi là *ỷ*. Viền sau lưng gọi là *hoành*. Đến thẳng gọi là *thuận*, treo ngược gọi là *nghịch*. Hiệp khí dừng một chút là hình trảm quan. Huyệt không có hoàn kết, gọi là thế trảm quan, phải bao bọc, tối kỵ quay lưng lại.

Ky Long pháp có sáu cách, mỗi cách lại có sáu kiểu biến hóa, thành ba mươi sáu kiểu. Đều cần bao bọc tứ phía, triều hướng vào nhau, nếu quay lưng nhìn đi nơi khác, thì chỉ là huyệt hư giả.

7. Sáp pháp

Sáp là nhập vào. Khí phù (nổi) thì cấm huyệt ở dưới nền. Khí ẩn thì nhập táng. Thuần Âm thuần Dương, chỉ làm đàn, miếu, chùa. Phàm Âm cực thịnh, thì Dương chỉ thở ra (hô), khí ở bên ngoài, mượn khí ở bên ngoài. Phàm Dương cực thịnh, thì Âm chỉ hít vào (hấp), khí ở bên trong, tiếp nhận khí ở bên trong. Không hô hấp, cô Âm, cô Dương, thì chẳng thể vay mượn và tiếp nhận.

8. Thừa tiếp pháp

Kim thì phải kết huyệt tại đỉnh, Thổ phải kết huyệt ở trung gian, Thủy phải kết huyệt ở chỗ tĩnh, Mộc phải kết huyệt ở chỗ động. Phàm khí từ phía dưới nổi lên, Âm bao là Kim. Khí từ trên trầm xuống, Dương phẳng là Thổ. Khí từ phía sau đến thẳng là Thổ, khí tràn ra. Khí uốn lượn là Thủy, khí nuốt vào.

Phép lập huyệt Thừa tiếp không nằm ngoài bốn chữ Phù, Trầm, Thôn, Thổ (nổi, chìm, nuốt vào, nhả ra). Mà phù, trầm, thôn, thổ cũng là căn cứ vào Kim Thổ Mộc Thủy. Kim thì phải kết huyệt tại đỉnh để lấy ánh sáng của nó. Thổ thì phải kết huyệt ở giữa để lấy cái ẩn tàng của nó. Thủy bổn tính là động thì phải lấy cái tĩnh của nó. Mộc bổn tính là tĩnh, thì phải lấy cái động của nó.

9. Huyệt nội chứng nghiệm

Thổ có ranh giới rõ ràng, rắn độc, viên nhuận, tươi tốt mà không ẩm ướt thì là chân Thổ.

Thổ là hình thể của Khí, có Thổ thì có Khí, Khí không có hình dáng mà Thổ có vết tích, kiểm nghiệm vết tích của Thổ thì biết có Khí hay không. Chỉ cổ huyệt Ngoan Thạch, sau khi mở là không có Thổ. Nếu quý Thổ từ phương Vượng thì gọi là Tịnh Táng, mượn chân Thổ của nó mà kéo dài Chân Khí. Lại có huyệt Phù khi quan sát hình và sắc thì không có dấu tích của Thổ, nên gọi là Bồi Thổ Phong Táng, Huyệt Thủy, chỉ cần xem thế dùng của nó, thế gọi là Tiên Táng.

Phàm Thổ trong mộ huyệt, bên trên có Cái, bên dưới có Đê, hai bên cạnh có ranh giới thì Thái Dương sáng sủa. Thổ lại cứng rắn, nhuận mà không ẩm ướt, thì đây là nơi Long khí tụ kết. Khí ở trong Thổ, không có hình; Thổ có dấu tích. Kiểm tra dấu vết của Thổ thì hay rằng Khí Vượng, cách này thường gặp.

Có nhiều huyệt chứa nhiều đá (Ngoan Thạch), khi mở huyệt không có Thổ thì lấy Thổ ở gần đó, mà bỏ vào huyệt nhằm duy trì Chân Khí, cách này là Tịnh Táng. Lại có huyệt lõm xuống, màu sắc của Thổ không đẹp, cũng cứ việc lấy đất nơi khác đến mà đắp mộ. Ở chỗ trũng có nước, lớp đất mỏng,

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

dưới đáy không có đá, thì tát cạn nước đi, rồi đắp đất nơi khác lên thành mộ. Ba loại huyệt vừa nói, nhiều người gặp đều bỏ, nhưng cổ nhân lại dùng và đều có phúc lớn. Nơi có Cái (nắp), có Đê (đáy) phân minh, nhiều người hy vọng là mộ huyệt tốt, nhưng lại gặp hung. Địa điểm kết huyệt của Long không ngoài hai chữ "thế dừng". Thủy Sa triều củng, Viên cục chu toàn, thế dừng tại Thạch, thì không thể không khai mở Thạch. Thế dừng tại Thủy, ắt phải lấp Thủy.

10. Huyệt nội tác pháp

Hình thế phối hợp Ngũ Hành không nên thiếu hay thừa. Thiếu thì bồi đắp, thừa thì giảm bớt. Tạp loạn thì làm cho ổn định, quá khắc thì cần ngăn chặn. Phong táng phải hợp với chính thể Ngũ tinh. Cao, thấp, rộng, hẹp thì căn cứ theo "Hà Đồ", "Lạc Thư". Không nên câu nệ vào hình thế lớn nhỏ. Trời đất không hoàn mỹ, nên mượn sức người mà bổ sung.

THẨM THỦY

1. Thủy nguyên

Thủy do khí sinh ra. Có khí thì có Thủy. Thủy tụ khí tụ, Thủy tán khí tán. Ranh giới về thế của Thủy là Nhất Long Thủy, có dài có ngắn. Ranh giới về hình của Thủy là Nhị Long Thủy, có nông có sâu. Ranh giới về khí của Thủy là Tam Long Thủy, có sáng có tối. Sáng tối tương giao thì khí tụ. Nông sâu tương hội thì hình dừng. Dài ngắn tương hội thì thế cực. Hình thế của Thủy không đổi thì khí của Thủy không tụ.

Long thần là nội khí, Sa là ngoại khí. Kết huyệt trên mặt đất, tuy lấy nội khí làm chủ, nhưng nếu ngoại khí là thiện, thì nội khí cũng sẽ là thiện, ngoại khí là ác, nội khí ắt biến thành ác. Ngoại khí dùng tĩnh, nội khí dùng động. Có Thiếu tổ đưa tiễn Long thế là Nhất Long Thủy; có tinh nhập thủ phân hình Long Hổ sơn là Nhị Long Thủy; có hà tu, giải nhãn giới huyệt tụ khí là Tam Long Thủy. Huyệt có Thủy sáng tối, thì khí sẽ tụ. Sơn có giới Thủy nông sâu, thì hình dừng. Cục có Thủy dài ngắn thì thế tụ. Tóm lại hình thế phải thay đổi, Chân khí ắt tụ; ngược lại thì tán.

2. Minh Đường

Dương hư là Minh, đầy đặn là Đường. Thiềm dực sơ giao, khí tụ tại hư là Nhất Minh Đường. Long Hổ nhị giao, hình dừng tại hư, là Nhị Minh Đường. Ngoại dương tam giao, thế dừng tại hư, là Tam Minh Đường. Thuận thì ở trước mặt, nghịch thì ở hai bên. Hoành thì ở hai bên dịch lên phía trước. Thiếu một trong ba thứ thì là hư giả.

3. Thủy Khẩu

Quan là cửa ải, là đóng lại. Một quan triệt (làm hết) khí, hai quan triệt hình, ba quan triệt thế. Phải quan sát kỹ hình thế ngang (ngẩng lên), thùy (cúi xuống), tà (xiên chéo), phục (nép xuống) của Long, sự thuận nghịch và hướng bối của nó mà dự báo cách kết huyệt. Hình thế *ngang* thì kết huyệt Cái; hình thế *thùy* thì kết huyệt Chương; hình thế *phục* thì kết huyệt Niêm; hình thế *tà* thì kết huyệt Ỷ. Ở nơi hai hành giao nhau, Thổ Khuê sẽ xác định Tứ Mộ của nó, Thìn là Long kết huyệt tại chỗ Kim Thủy. Tuất là Long kết huyệt tại chỗ Mộc Hỏa. Sửu là Long kết huyệt tại Kim Hỏa. Mùi là Long kết huyệt tại Thủy Mộc.

Có ba Minh Đường thì có ba Thủy Khẩu. Có một Thủy Khẩu thì cũng có một quan triệt, đều là dùng thể thu lại Chân khí, nhưng ở chỗ quan triệt phải xem kỹ hình thế và Thủy khố. Như hình thế *ngang* thì kết huyệt Cái; hình thế *thùy* thì kết huyệt Chương; hình thế *phục* thì kết huyệt Niêm;

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

hình thế tả thì kết huyệt Ỷ. Thủy khí thì như Thủy Khẩu ở Thìn là Long Thủy cục nếu chảy sang tả, là Long Kim cục nếu chảy sang hữu, là những cách đắc Thủy, huyệt sẽ phát phúc. Hướng cũng vậy, ngược lại thì hung. Thủy Khẩu ở Tuất chảy sang tả là Long Hỏa cục, chảy sang hữu là Long Mộc cục, huyệt sẽ phát phúc. Thủy Khẩu ở Sửu chảy sang tả là Long Kim cục, chảy sang hữu là Long Hỏa cục, huyệt sẽ phát phúc. Thủy Khẩu ở Mùi chảy sang tả là Long Mộc cục, chảy sang hữu là Long Thủy cục, huyệt sẽ phát phúc. Ở đây có thể dùng các phép như Bình phân, Song sơn, Xuyên sơn, Phân kim để tiếp cận.

4. Thủy cục

Theo Long gọi là Thủy Nguyên Thần, từ ngoài đến gọi là Thủy Quá Khách, nạp (thu) Thủy Nguyên Thần thì dùng Chính Ngũ Hành và Tam Hợp, tiêu (thoát) Thủy Quá Khách thì dùng Chính Ngũ Hành và Huyền Không. Hai điều trên là chính, quẻ chỉ là phụ. Thủy chảy đến phải từ phương Sinh Vượng, Thủy chảy đi phải tới phương Hưu Tù. Chảy từ mé tả là Dương, từ mé hữu là Âm. Sinh nhập Khắc nhập là Tiến thần, Sinh xuất Khắc xuất là Thoái thần. Sinh Vượng Tiến là cát, Hưu Tù Tiến là hung. Gặp Đại, Tiểu, Trung thần là cát, cát gặp hung là hung.

Thủy Nguyên Thần là từ bụng Long chảy đến, là có Chân khí. Thủy Quá Khách là từ bên ngoài Long, Hổ, Án sơn chảy tới, là khách mời. Thu nạp Thủy Nguyên Thần thì dùng Chính Ngũ Hành lập hướng, theo tam Hợp, kiểu như Hợi Mão mùi. Thu nạp Thủy Quá Khách cũng dùng Chính Ngũ Hành lập hướng, theo Huyền Không, kiểu như Càn, Khôn, mão, Ngọ, Kim đồng tọa. Hai thứ ấy là chính, quẻ chỉ là phụ, cho nên dùng phép Tam Hợp. Như Dương Hỏa Sinh ở Dần, Vượng ở Ngọ, Âm Hỏa Tử ở dần, Mộ ở Sửu. Hưu Tù phải đi, Sinh Vượng phải đến. Theo Huyền Không, Sinh nhập Khắc nhập nên đến, Sinh xuất Khắc xuất nên đi. Càn, Khôn, Cấn, Tỵ, Hợi là Đại thần phối với Mạnh. Giáp, Canh, Bính, Nhâm, Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Giáp thần phối với Trọng. Ất, Tân, Đinh, Quý, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Bộc thần phối với Quý. Trong ba thần, cần đến thì đến, cần đi thì đi, khi đó phòng (chi) trực thuộc sẽ phát phúc. Cần đến lại đi, cần đi lại đến, thì sẽ gây họa.

THẨM SA

1. Long Hổ

Chân khí tụ tập, thiềm dực (cánh ve) bao bọc là Nhất Long Hổ. Hình thế vây bọc rộng lớn là Nhị Long Hổ. Đại thế ở trong ngoại dương bao bọc là Tam Long Hổ. Cần hướng vào nhau, không nên quay lưng với nhau. Cần chính, không nên tà.

2. Triều Lạc

Triều cần phải bay lượn, Dương cát Âm hung. Lạc phải đoan chính, đầy đặn, thân thiết. Quay mặt vào nhau là Dương, là cát. Không đoan chính, quay lưng với nhau là Âm, là hung. Bao bọc lấy nhau thì phát phúc; khuyết hãm, bị gió thổi là rước lấy tai họa.

3. Chiếu Ứng

Đối diện với huyệt từ rất xa là Chiếu, triều hướng huyệt ở gần là Ứng. Chiếu ứng mà hợp cách, thì huyệt là chân, chiếu ứng không hợp cách, thì huyệt là giả. Chiếu ứng không căn cứ vào chỗ cao hay thấp, lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, vuông hay tròn, mà là ở chỗ có tình ý hay không.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

4. Quan Quỷ

Trước là Quan, sau là Quỷ. Quỷ phải tử (chết), Quan phải sinh (sống). Quan mà tử thì khí suy, Quỷ mà sinh thì khí tán. Sa không kể cao thấp, dài ngắn, chỉ cần Quan Quỷ có hợp hay không.

5. Cầm Diệu

Thủy Khẩu ở bên cạnh là Cầm, Long Hổ phủ phục ở hai bên là Diệu. Khí của Diệu phải dâng lên, khí của Cầm phải trầm xuống. Cầm trầm xuống thì quý, Diệu dâng lên thì hiển đạt.

6. Phương vị

Sơn có 24, Vị chỉ có 8. Tám trùng Bát quái. Mỗi quái (quẻ) 6 hào. Hào khởi vị theo Hỗn Thiên là Tử Phụ Tài Quan Kiếp Quỷ. Cho nên Tử (con) sơn cao thì Tử Tôn vượng; Phụ sơn cao thì điền trạch mất hết; Tài sơn cao thì vàng bạc đầy nhà; Quan sơn đẹp thì nổi tiếng văn chương; Kiếp và Quỷ đều hung. Tăng Tử nói :

> "Khắc ta là Quan, ta khắc là Tài, sinh cho ta là Phụ, ta sinh ra là Tử, ngang nhau là Huynh Đệ. Xét từ cách lập huyệt, phương Quan Quỷ Thổ cao quá huyệt thì phú quý. Phương Thê Tài Thổ cao quá huyệt thì vợ đẹp, tiền nhiều, nếu thấp thì kém hơn. Phương Phụ Mẫu Thổ cao quá huyệt, thì cha con hòa thuận. Phương Huynh Đệ Thổ cao quá huyệt thì anh em hòa thuận. Ngoài năm cách trên, lại còn có phương Tràng Sinh Thổ cao quá huyệt thì trường thọ, thấp thì lắm bệnh tật".

Lại nói :

> "Nhân đinh Lục Thân phải xem Tử Tôn sơn có đẹp hay không, điền trạch thọ yểu phải xem Phụ Mẫu sơn có đầy đặn hay không. Nô bộc phải xem sơn Huynh Đệ có triều củng hay không. Quan chức phải xem Quan sơn cao hay thấp".

Hỗn Thiên ví dụ Thượng Nguyên Giáp Tý khởi từ Nhất Bạch, thì gọi là vận Thổ Tôn, dùng Thổ sinh Kim, lấy Kim sinh Thủy. Trung Nguyên Giáp Tý khởi từ Tứ Lục, thì gọi là vận Thổ Tổ, dùng Mộc sinh Hỏa, dùng Hỏa sinh Thổ. Hạ Nguyên Giáp Tý khởi từ Thất Xích, gọi là vận Thổ Tử, lấy Thổ sinh Kim. Dùng cái đó để đoán nghĩa thịnh suy của vận khí, định Hưu Vượng của Long Thần, như câu "Vũ trụ có đại quan hội, vận khí là quan trọng nhất" viết trong "Thiết Đàn Tử".

Khôn là Chính của Thổ, Cấn là Ký của Thổ, Dần Mão là Quan Quỷ, Tỵ Ngọ là Lệ (mực thước) của Phụ Mẫu, Chấn Tốn là thương tổ, Thân Dậu là Quan Quỷ, Hợi Tý là mực thước của Phụ Mẫu, Ly là Thổ Mẫu, Càn Đoài là Thổ Tử, Khảm là Thổ Tôn, chuyên dùng Chính Ngũ Hành để xem Tử Phụ Tài Phúc, vốn căn cứ vào "Hà Đồ", coi Thổ là chủ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

LƯU BÁ ÔN & CÁC TÁC GIẢ

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
AN CHƯƠNG

Biên tập : PHAN THÁI
Trình bày : ANH QUANG
Sửa bản in : PHAN HẠNH
Bìa : ĐÔNG SƠN

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng In CN NXB Giao Thông Vận Tải. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số: 1166/XB-QLXB do Cục Xuất Bản cấp ngày 24/08/2001. Giấy trích ngang KHXB do NXB Văn Hoá Thông Tin cấp ngày 22/10/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2001.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

MORE EBOOK: https://bookykhoa.com

地理全书

白话绘图点校



「明」刘伯温等著

0701 188

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com